F.M. DOSTOIEVSKI



LÀNG STEPANTSIKOVO VÀ CƯ DÂN

BÚT KÝ TỪ NHÀ CHẾT

VTB

Table of Contents

Bắt đầu

Làng Stepantsikovo Và Cư Dân

- PHẦN MỘT
  - I - MỞ ĐẦU
  - II - ÔNG LỚN BAKTSEEV
  - III - CHÚ TÔI
  - IV - BÊN BÀN TRÀ
  - V - LÃO EJEVIKIN
  - VI - CHUYỆN CON BÒ TRẮNG VÀ CHUYỆN GÃ MUGIC XỨ KOMARIN
  - VII - FOMA FOMITS
  - VIII - TỎ TÌNH
  - IX - BẨM ĐẠI NHÂN
  - X - MIZINTSIKOV
  - XI - QUÁ ĐỖI BĂN KHOĂN
  - XII - TAI HỌA
- PHẦN HAI
  - I - ĐUỔI BẮT
  - II - TIN TỨC
  - III - NGÀY LỄ THÁNH CỦA ILIUSA
  - IV - TỐNG KHỨ
  - V - FOMA FOMITS ĐEM LẠI HẠNH PHÚC CHUNG
  - VI - KẾT LUẬN

Bút Ký Từ Nhà Chết

- PHẦN MỘT
  - VÀO CHUYỆN
  - I - KHU NHÀ CHẾT
  - II - NHỮNG ẤN TƯỢNG ĐẦU TIÊN
  - III - NHỮNG ẤN TƯỢNG ĐẦU TIÊN

IV - NHỮNG ẤN TƯỢNG ĐẦU TIÊN
V - THÁNG ĐẦU TIÊN
VI - THÁNG ĐẦU TIÊN
VII - NHỮNG MỐI QUEN BIẾT ĐẦU TIÊN. PETROV
VIII - NHỮNG CON NGƯỜI QUYẾT LIỆT. LUCHKA
IX - ISAI FOMICH. NHÀ TẮM HƠI. CHUYỆN CỦA BAKLUSHIN
X - NGÀY HỘI MỪNG CHÚA KI-TÔ RA ĐỜI
XI - ĐÊM VĂN NGHỆ

PHẦN HAI

I - QUÂN Y VIỆN
II - TIẾP TỤC
III - TIẾP TỤC
IV - NGƯỜI CHỒNG CỦA AKULKA
V - MÙA HÈ
VI - NHỮNG VẬT NUÔI TRONG TRẠI
VII - YÊU SÁCH
VIII - ĐỒNG CHÍ
IX - ĐÀO THOÁT
X - THOÁT TÙ KHỔ SAI

Ф.М. ДОСТОЕВСКИЙ

СОБРАНИЕ СОЧИНЕНИЙ

В десяти томах

Том пятый

СЕЛО СТЕПАНЧИКОВО И ЕГО ОБИТАТЕЛИ

Из записок неизвестного

ЗАПИСКИ ИЗ МЁРТВОГО ДОМА



Генеральный спонсор издания



ЛОКИД ПРЕМИУМ
МОСКВА • 2013

F.M. DOSTOIEVSKI

TOÀN TẬP

Mười tập

Tập năm

LÀNG STEPANTSIKOVO VÀ CƯ DÂN

Theo những ghi chép chưa rõ xuất xứ

BÚT KÝ TỪ NHÀ CHẾT



Nhà tài trợ chính



NHÀ XUẤT BẢN LOKID PREMIUM
MOSKVA • 2013

Cuốn sách này được ấn hành nhờ sự hỗ trợ của Tổ chức Liên bang về Hoạt động của Cộng đồng các Quốc gia Độc lập, của đồng bào sống ở nước ngoài và về hợp tác nhân đạo quốc tế (Hợp tác Nga)

ISBN 978-5-904469-20-7 (v. 5)
ISBN 978-5-904469-05-4

Làng Stepantsikovo Và Cư Dân

LÀNG STEPANTSIKOVO VÀ CƯ DÂN

Theo những ghi chép chưa rõ xuất xứ

VÕ MINH PHÚ *dịch*





PHẦN MỘT

I

MỞ ĐẦU

Chú tôi, đại tá Egor Iliits Rostanev, được hồi hưu là chuyển ngay về làng Stepantsikovo, một thôn ấp nay đã thuộc quyền thừa kế của ông và mọc rễ luôn ở đó như một địa chủ gốc một đời sống chết với thôn trang, không đi đâu ra khỏi lãnh địa của mình. Có những người vốn dĩ hài lòng với mọi người, hòa hợp với mọi thứ, ngài đại tá hưu trí của chúng ta chính là một con người như vậy. Khó có ai hiền lành hơn, dễ tính hơn. Nếu ai đó nghĩ ra trò nhờ ông công kênh một ai thật cẩn thận đến hai dặm[1] đi chăng nữa, rất có thể là ông sẽ công kênh: ông tốt bụng đến mức đã mấy lần sẵn sàng dốc tuốt hầu bao cho người mới ngỏ lời cầu cứu, chia sẻ đến tấm áo cuối cùng với họ. Ông có dáng vẻ khỏe đẹp ngời ngời của một trang tráng sĩ: người cao, thân hình cân đối, má hồng, răng trắng bóng, ria mép màu hạt dẻ để dài, giọng nói âm vang như tiếng chuông đồng, tiếng cười sảng khoái, dòn tan; nói năng thì tùy lúc, lúc ngắt quãng, ngập ngừng, lúc lướt đến nhanh. Hồi này ông đã bốn mươi xuân và suốt đời là quân nhân khinh kỵ, đâu như từ năm 16 tuổi. Ông lấy vợ rất sớm, yêu vợ hết lòng, nhưng vợ ông mất sớm để lại cho ông niềm thương tiếc khôn khuây, trĩu nặng ân tình. Rút cuộc, sau khi nhận được quyền thừa kế làng Stepantsikovo, nâng tài sản lên mức sáu trăm nông nô thì ông hồi hưu và như trên đã nói, ông chuyển về làng cùng với hai con: thằng Iliusa lên tám (sự ra đời của nó được đánh đổi bằng sinh mệnh của mẹ nó) và bé Sasenka, chị nó, mười lăm tuổi, vốn được cho ăn học ở một trường nội trú Moskva từ ngày mẹ mất. Nhưng rồi chỉ ít lâu sau, ngôi nhà của chú tôi đã chẳng khác nào con tàu cứu nạn của Noe[2]. Chuyện là thế này.

Lúc chú tôi đã nhận được quyền thừa kế và được hồi hưu thì mẹ chú, tướng quân phu nhân Krahotkin đã thêm một lần góa bụa: người tái giá với vị tướng này mười sáu năm về trước, hồi chú tôi hãy còn là một thiếu úy nhưng cũng đã toan lấy vợ. Một thời gian dài, bà mẹ một mực không tác thành cho con, cứ khóc lóc nỉ non mà mắng nhiếc con là ích kỷ, vô ơn, bất kính; người chứng minh cho anh thấy rõ rằng bất luận thế nào, cái gia tư điền sản cỡ hai trăm rưỡi nông nô của anh may lắm mới chu cấp đủ cho gia đình anh (có nghĩa là phụng dưỡng mẹ với đầy đủ bộ sậu những người sống nương nhờ[3], đám chó cảnh tí hon, rồi

những là chó Đức, mèo Tàu, đủ thứ) và bất thình lình, ngay giữa những tiếng kêu than, những lời trách móc, người quyết định *đi bước nữa*, trước cả ngày con trai lấy vợ, mặc dù người đã bốn mươi hai tuổi. Thế mà người còn kiếm được cớ buộc tội ông chú tội nghiệp của tôi: người đoan chắc là người phải lấy chồng chẳng qua là để có nơi nương tựa lúc về già, vậy mà thằng con ích kỷ ngỗ ngược của người chỉ biết chúi mũi vào cái việc xây đắp cái tổ tò vò của riêng chúng nó, cho mẹ ra rìa, hỗn xược hết mức, không thể nào tha thứ được.

Tôi chẳng có cách nào lần ra được cái lý do đích thực khiến một con người đầy vẻ khôn ngoan tỉnh táo như mồ ma tướng quân Krahotkin có thể tiến tới hôn nhân với một bà góa bốn mươi hai tuổi như thế được. Phải chăng ngài đã đồ rằng đám ấy có tiền? Số khác lại cho rằng chẳng qua ngài đang cần một nàng hầu một khi đã dự cảm được hàng đống bệnh sẽ đổ ập lên đầu vào lúc mãn chiều xế bóng. Có một điều thấy rõ là tướng quân thực lòng không tôn trọng vợ trong suốt thời gian chung sống bên nhau và hễ có dịp là lại giễu cợt bà một cách chua cay. Một kẻ kỳ cục. Có thể tạm gọi là người có học, chẳng ngu si đần độn chút nào, vậy mà ngài ngang nhiên khinh miệt mọi người không thiếu một ai, hoàn toàn vô nguyên tắc, giễu cợt mọi thứ, mọi người và về già thì do bệnh nọ chứng kia, hậu quả của một lối sống kém phần mực thước, ngài trở nên hung dữ, nóng nẩy và tàn nhẫn tệ. Ngài đã từng thăng tiến khá hanh thông nhưng rồi vướng phải chuyện gì đó không hay nên đã bị buộc về vườn thay vì phải hầu tòa và thế là mất luôn hưu bổng. Từ đó tính nết ngài trở nên dữ dằn hung hãn làm sao. Chỉ còn lại trong tay một trăm nông nô khốn khó, ngài đành thúc thủ trong suốt quãng đời còn lại, mười hai năm trời, chẳng cần biết mình đang sống bằng gì, được ai cung phụng, tuy thế vẫn đòi hỏi đủ thứ tiện nghi sinh hoạt, vẫn tiêu pha thoải mái, xe ngựa đàng hoàng. Ít lâu sau thì ngài bị liệt chân và mười năm cuối phải ngồi một chỗ trong những chiếc ghế bành cố định với hai gã đầy tớ hai bên để lắc lư ghế theo lệnh và nghe mắng nghe chửi. Xe ngựa, đầy tớ, ghế bành thì đã có cậu con vợ bất kính kia cung đốn; cậu gửi đến cho mẹ đủ thứ trong khả năng còn lại của mình, cầm cố đi cầm cố lại cả điền trang, cắt giảm hết mọi nhu cầu bức thiết của bản thân, vay mượn đến lắm, hầu như còn vượt ra ngoài khả năng thanh toán trước mắt, ấy vậy mà cái tiếng con người ích kỷ, đứa con bội bạc vẫn cứ dính chặt lấy cậu. Nhưng tính chú tôi vốn vậy, rút cuộc thì chính chú cũng tin là mình ích kỷ và cứ tìm cách gửi tiền cho mẹ ngày một nhiều hơn để tự trừng phạt và sửa chữa lỗi lầm. Tướng quân phu nhân thì chỉ biết ngưỡng mộ

chồng. Thực tình mà nói, điều người khoái nhất chính là ở chỗ ngài là một vị tướng, nhờ đó người nghiễm nhiên là một tướng quân phu nhân.

Tư thất của người chiếm phân nửa ngôi nhà, nơi người luôn tỏa sáng vai trò một mệnh phụ phu nhân giữa những người phụ nữ được mình cưu mang bao bọc, cánh chị em hay chuyện, thạo tin trong thị trấn và những con chó cảnh. Trong thị trấn của mình, bà là một nhân vật có vai vế. Những chuyện đơm đặt, những lời mời làm mẹ đỡ đầu, làm mẹ danh dự các cô dâu chú rể, tham dự những chiếu bài giải trí, sự trọng vọng của cả xã hội đối với địa vị vợ con nhà tướng của người đã giải tỏa được hết mọi bức bối trong quan hệ gia đình. Giới ngồi lê mách lẻo của thị trấn thường xuyên đến ton hót với người đủ chuyện; lúc nào và ở đâu người cũng được mời lên ghế trên, tóm lại người đã khai thác được mọi lợi thế của cái ngôi vị cao sang nhường ấy: một tướng quân phu nhân. Tướng quân không can thiệp vào tất cả những hoạt động ấy của người; tuy nhiên ngài vẫn công khai nhạo báng vợ một cách trắng trợn, chẳng hạn ngài đã từng tỏ ý phân vân: tại sao mình lại đi rước lấy một “ả nướng bánh” như thế? - và không ai dám ho he. Tất cả những người quen biết dần xa lánh ngài, riêng ngài vẫn rất cần có họ: ngài thích tán gẫu, tranh cãi, lúc nào cũng có người ngồi chịu chuyện. Ngài là người thuộc phái tự do tư tưởng và vô thần kiểu cổ, nên cũng chúa thích huênh hoang, cao đàm khoát luận.

Nhưng thính giả ở thị trấn N này thì không mấy mặn mà với những chuyện cao siêu nên mỗi ngày một thêm thưa vắng. Trong chỗ người nhà, mọi người thử ngồi lại với nhau với những ván bài vui nhưng hầu như cứ đến hồi môn cuộc là tướng quân lại nổi trận lôi đình khiến tướng quân phu nhân cùng đám chị em sống nương nhờ cứ phải run rẩy thắp nến lên làm lễ, rồi bói hạt đậu, bói bài, chia bánh thánh và hồi hộp chờ cho đến cái thời điểm sau bữa trưa, để lại ngồi vào chỗ mà chia bài, gọi cái, sơ suất một tý là bị quát mắng chửi rủa ngay tức khắc, không khéo còn bị ăn đòn. Có điều gì không vừa ý tướng quân thì dù có mặt ai chăng nữa, ngài cũng ré lên như một mụ bà chằn, chửi vung tàn tán như một gã xà ích, có lúc còn xé vụn bài ra vứt tung lên, đuổi sạch bạn chơi, thậm chí còn phát khóc lên vì tức giận mà duyên do cũng chỉ từ cái chuyện bắt *con chín* lại đụng *con bồi*[4] gì đó. Cuối cùng, do mắt kém, ngài cần có người đọc hộ. Nhân dịp đó, Foma Fomits Opiskin xuất hiện.

Thú thật tôi đang có phần trịnh trọng khi giới thiệu về nhân vật mới này. Chắc chắn đây là một trong những nhân vật chính của thiên truyện. Vì sao y đáng

được độc giả lưu tâm điều này xin miễn giải thích: một câu hỏi như thế cứ để độc giả tự giải đáp lấy hẳn dễ dàng và tế nhị hơn.

Foma Fomits xuất hiện trong nhà tướng Krahotkin để kiếm miếng ăn, đúng là như vậy, không hơn không kém. Người này ở đâu ra - điều này tịnh chẳng ai hay. Song tôi đã cất công dò hỏi và nắm được đôi điều về hoàn cảnh trước đây của con người đáng chú ý này. Trước hết, người ta nói rằng ngày xưa y cũng đã từng giữ một chân nào đó trong bộ máy nhà nước, từng lâm nạn ở một nơi nào đó đâu như “vì sự thật”. Nghe đâu y cũng đã từng hoạt động văn học ở Moskva. Chẳng có gì là lạ, ngay cả những gì tồi tệ trong con người Foma Fomits cố nhiên cũng không thể trở thành vật cản đối với nghề cầm bút của y. Có điều chắc chắn là y đã chẳng làm nên trò trống gì nên đành phải đem thân đến làm gã đọc hầu cho vị tướng ở đây nhưng vả chăng cũng còn đến với ngài như một kẻ tuẫn nạn vì nghĩa lớn. Trong trường hợp này, miếng ăn dường như không đi kèm miếng nhục theo lẽ thông thường. Quả nhiên sau đó, khi tướng quân đã lâm bệnh nặng tới mức khó lòng qua khỏi, bản thân Foma đã bất đồ trở thành một nhân vật quan trọng và đặc biệt, y đã nhiều lần đoan chắc với tất cả chúng tôi rằng trong khi chịu sắm vai một chú hề[5], y đã rộng lòng hy sinh chính bản thân mình cho tình bạn; rằng tướng quân là ân nhân của y; rằng ngài là một con người vĩ đại, bí ẩn và đã thổ lộ với riêng y, Foma, những nỗi niềm thầm kín nhất; và rốt cuộc, nếu như y, Foma, có đem con người mình ra, theo yêu cầu của tướng quân, mà thể hiện những con vật khác nhau, những cảnh trí sống động trên đời là cũng chỉ để mua vui và làm khuây khỏa cơn đau của một con bệnh đáng thương, một người bạn đang khốn khổ vì bệnh tật. Tuy nhiên, những lời thuyết giảng của Foma Fomits đã vấp phải sự nghi ngờ tệ hại; nhưng cũng chính Foma Fomits, trong khi vẫn đang là một chú hề, đã đóng một vai trò khác hẳn trong bộ phận nữ giới trong nhà vị tướng. Y có pháp thuật gì mà hay vậy? Trong lĩnh vực này, người ngoại đạo khó hình dung đấy. Tướng quân phu nhân dốc lòng sùng kính y, một niềm sùng kính thiêng liêng, thần bí lạ lùng. Vì lẽ gì? Không rõ nữa. Dần dà ngày một ngày hai, đối với toàn thể bộ phận nữ giới trong nhà vị tướng, y đã có một ảnh hưởng đáng kinh ngạc, có phần giống với ảnh hưởng của các loại Ivan Iakovlevits[6] khác nhau cùng các nhà hiền triết và tiên tri tương tự thường được vài mệnh phụ phu nhân ái mộ viếng thăm ở các nhà thương điên. Y diễn tấu khá hay những trang sách có nội dung cứu rỗi linh hồn, không cầm được nước mắt cảm động khi giảng giải về đức hạnh những tín đồ Cơ đốc giáo; y còn thuật lại bước đường đời với ít nhiều công tích của bản thân; tham dự lễ mi-xa[7] và cả lễ

cầu kinh ban mai, có lúc còn đưa ra đôi lời dự báo, lại tỏ ra thành thạo trong việc giải mộng - cắt nghĩa về những giấc mơ, phê phán nhân vật này nhân vật nọ một cách hùng hồn. Tướng quân vẫn đoán già đoán non về những chuyện mờ ám xẩy ra trong các phòng riêng nên càng thẳng tay hành hạ tên nô bộc của mình. Nhưng Foma càng khốn khổ bao nhiêu thì càng được phu nhân tướng quân cùng toàn bộ phái nữ trong nhà trọng vọng bấy nhiêu.

Cuối cùng, mọi sự đã thay đổi hết. Tướng quân tạ thế. Cái chết của ngài khá độc đáo. Vốn là người của phái tự do tư tưởng, phái vô thần mà ngài lại tỏ ra quá đỗi đớn hèn. Ngài sụt sịt cất lời ăn năn hối hận, tay nâng ảnh thánh, mồm gọi linh mục. Mọi người cắm cúi làm lễ tạ ơn, lễ xức dầu[8]. Nạn nhân thì la hét, bảo là không muốn chết, thậm chí còn van vỉ Foma Fomits thứ lỗi cho mình. Điều đó giúp Foma Fomits có dịp phổng mũi. Tuy nhiên, trước khi hồn lìa khỏi xác, một sự kiện bất ngờ đã xẩy ra với tướng quân. Số là người con gái riêng của tướng quân phu nhân, cô Praskovia Iliitsna của tôi (cô ở vậy không lấy chồng và đã là người luôn có mặt trong nhà tướng quân, chính là một trong những vật hiến sinh yêu quý nhất của tướng quân, cánh tay phải của tướng quân trong suốt mười năm bại liệt, trực tiếp phục dịch tướng quân liên hồi kỳ trận, mà cũng chỉ có cô là vừa ý tướng quân bởi tính tình thuần phác, nhu mì), cô đến bên giường, nước mắt giàn giụa, đưa tay toan sửa lại cái gối dưới đầu ông lão đau khổ thì lão đã quờ tay túm được tóc cô mà giật lấy giật để, nhưng cũng chỉ được đúng ba cái, vẻ đầy tức tối. Mười phút sau lão mất. Mọi người đã báo tin cho ngài đại tá, tuy tướng quân phu nhân đã gióng sẵn rằng bà không muốn nhìn mặt ông con, thà chết còn hơn cho cái ngữ ấy vào nhà vào những lúc như thế. Tang lễ được cử hành trọng thể, tất nhiên bằng tiền của ông con bất hiếu đang bị mẹ không thèm nhìn mặt.

Trong ngôi làng Kniaziovka tiêu điều xơ xác của mấy vị địa chủ, nơi vị tướng của chúng ta vẫn còn đến một trăm nông nô, nghiễm nhiên tồn tại một lăng mộ bằng đá hoa cương trắng muốt mang đầy những dòng chữ tán dương trí tuệ, tài năng, đức độ, ghi rõ tước vị, liệt kê đầy đủ huân chương của người quá cố. Foma Fomits đã hăng hái tham gia soạn thảo văn bản đó. Tướng quân phu nhân còn làm mình làm mẩy khá lâu, nhất định không khoan thứ lỗi lầm cho đứa con ngỗ ngược. Ngay giữa một đám đông gồm những người phụ nữ được cưu mang và lũ chó cảnh, người nức nở sụt sùi cho biết là người sắp phải nhá bánh mì khô, “chiêu bằng nước mắt”, rằng người thà chống gậy đi ăn xin dưới cửa sổ nhà thiên hạ còn hơn là chuyển về Stepantsikovo theo lời cầu xin của đứa con “ngỗ

ngược”, rằng người nguyện không bao giờ còn *đặt chân* đến nhà nó nữa! Nói chung hai chữ *đặt chân* với ý như thế vẫn được vài ba phu nhân phát âm rất quái, đem lại hiệu quả khác thường. Tướng quân phu nhân cũng diễn xướng tài tình, điêu luyện lắm... Có thể thấy khẩu ngữ dân gian ý vị của chúng ta bị mai một nhiều vô kể. Xin lưu ý rằng ngay giữa những tiếng than vãn kêu ca như vậy, việc “dời đô” về Stepantsikovo vẫn được thu xếp dần dần. Ngài đại tá đã quần đến bở hơi tai tất cả mấy chú ngựa của mình, hầu như hôm nào chúng cũng phải lăn đủ bốn mươi dặm từ làng ra phố và mãi đến hai tuần sau ngày kết thúc lễ tang ông mới được phép vào trình diện đấng sinh thành khổ nhục vì con. Foma Fomits được sử dụng làm trung gian cho những cuộc hòa đàm. Suốt hai tuần lễ ấy, y đã cao giọng quở trách và lên án cách xử sự “bất nhân” của người con ngỗ ngược kia, khiến hắn phải hổ thẹn đến trào nước mắt, thực lòng đau khổ xót xa. Từ thời điểm đó, Foma Fomits bắt đầu có một ảnh hưởng lạ lùng mang tính chuyên quyền bí hiểm đối với ông chú tội nghiệp của tôi. Foma đã bắt được vía đối tượng của mình và lập tức cảm nhận được rằng vai trò chú hề của y đã kết thúc và Foma cũng có thể thành nhà quý tộc như chơi. Đây chính là dịp giúp y lấy lại những gì đã mất.

- Đến lúc đó thì ngài sẽ ra sao, - Foma nói, - nếu như thân mẫu của ngài, người đã trót sinh ra ngài, phải chống gậy lần đi, ngửa hai bàn tay run rẩy, quắt queo vì đói để xin ăn? Đó có phải là điều quái đản hay không, thứ nhất, xét về địa vị một tướng quân phu nhân, hai nữa, xét về phẩm hạnh của người? Đến lúc đó thì ngài sẽ ra sao, nếu như người, cố nhiên là chỉ do nhầm lẫn, nhưng đây vẫn là điều có thể xẩy ra, nếu như người bỗng đến đứng dưới cửa sổ nhà ngài để ngửa tay xin bố thí, trong lúc chính ngài, con đẻ của người, đang ngồi lọt thỏm trong chiếc đệm lông đâu đó trong nhà... vâng, nói chung là trong cảnh xa hoa tráng lệ! Khủng khiếp, thật là khủng khiếp! Nhưng khủng khiếp hơn tất cả, thưa ngài đại tá, - điều khủng khiếp nhất ấy là lúc này ngài đang đứng trước mặt tôi như một vật vô tri vô giác, mồm há hốc, mắt trố ra đến khó coi là... trong lúc tôi tưởng là những lúc thế này thì ngài phải ngất lên ngất xuống, nước mắt tuôn ra như suối, như sông, như hồ, như biển!..

Tóm lại, do quá hăng say, Foma đã nổi loạn lên như pháo cối. Nhưng lối thoát thường xuyên cho khẩu khiếu của y vốn là như vậy. Dĩ nhiên là câu chuyện đã kết thúc có hậu: rút cuộc thì tướng quân phu nhân, cùng cả đám phụ nữ được cưu mang và bầy chó cảnh, Foma Fomits và ả gái già Perepelisina, người tâm phúc của người đã đem lại niềm vinh hạnh và diễm phúc lớn lao cho làng

Stepantsikovo bằng sự hiện diện của mình. Người cho biết đây cũng chỉ là về *ở thử* với ông con xem có đúng là tôn kính thật không. Tình cảnh của ngài đại tá trong thời gian thử thách này mới thảm hại làm sao! Trước hết, với tư cách một góa phụ mới, tướng quân phu nhân thấy mình có bổn phận mỗi tuần đôi ba lần ngồi tĩnh tại trong nhà mà tưởng nhớ về người đã vĩnh viễn ra đi với niềm tiếc thương vô hạn và không rõ vì sao, mỗi lần như vậy nhất thiết phải vời cho được ông con đến ngồi với mẹ. Thỉnh thoảng, đặc biệt vào những hôm có khách, người còn cho gọi cả hai đứa cháu lên: cháu trai Iliusa bé bỏng và cháu gái Sasenka mười lăm tuổi, bắt ngồi cạnh bà nội. Bà nội đưa mắt đau buồn nhìn hai đứa đến lâu như nhìn những đứa trẻ đã tàn đời bên *một kẻ làm cha như thế* rồi thở dài thườn thượt và cuối cùng thì lặng lẽ tuôn ra hai hàng nước mắt bí hiểm. Cảnh bi thương kéo mãi ra đến một tiếng đồng hồ là ít. Tội nghiệp cho ngài đại tá: ông không sao hiểu nổi những dòng lệ ấy! Mà đã không hiểu lại không biết đường mà lẩn tránh đi; vì quá ngây thơ, con người đáng thương ấy lại cứ như cố ý chường mặt ra vào đúng những lúc mẹ đau buồn nên dù muốn hay không ông cũng rơi vào vị thế một thí sinh trong kỳ sát hạch. Nhưng ông vẫn một mực tôn kính mẹ già, không thể khác. Còn tướng quân phu nhân và Foma Fomits, cả hai đều cảm thấy lưỡi tầm sét của tướng Krahotkin vẫn treo lơ lửng trên đầu họ bấy nhiêu năm đã mất hút rồi, không còn khả năng tái hiện. Nhưng tướng quân phu nhân cũng có những lúc tự dưng lăn đùng ra đi-văng mà ngất xỉu khiến cả nhà nháo nhác cả lên. Ngài đại tá cũng hoảng hồn, run lẩy bẩy.

- Một đứa con tàn nhẫn! - Tướng quân phu nhân bừng tỉnh, bỗng hét toáng lên, - trái tim ta tan nát vì mi... mes entrailles, mes entrailles[9].

- Kìa mẹ, con có làm gì mẹ đâu nào? - ngài đại tá phản đối với vẻ rụt rè.

- Tan nát vì mi! Vì mi! Nó còn dám cãi lại nữa! Nó phỉ báng ta! Một đứa con tàn nhẫn! Ta chết mất!

Ngài đại tá sợ xanh mắt mèo.

Nhưng lần nào cũng thế thôi, tướng quân phu nhân lại dần dần trở lại bình thường. Nửa tiếng sau, ngài đại tá đã lại rủ rỉ với người nào đó:

- Này chú em ạ, người chả là một *grande dame*[10] mà, một tướng quân phu nhân mà lại! một bà lão cực kỳ tốt bụng; có điều người đã quen với cái môi trường kiểu cách ấy rồi... dúng là không hợp với cái hạng quê mùa cục mịch như ta! Lúc này người đang giận ta đấy. Dĩ nhiên ta có lỗi trong chuyện này rồi. Ta cũng chưa biết đích xác là mình có lỗi gì, chú em ạ, nhưng tất nhiên ta có lỗi rồi...

Thường thì Perepelisina, một ả quá lứa nhỡ thì, bẩn tính ghê gớm, lông mày trụi hoáy, tóc thưa phải dùng độn tóc, mắt ti hí nom dâm đãng thế nào, môi mỏng dính, tay luôn được kỳ cọ bằng nước dưa chuột muối, ả thấy mình có bổn phận phải khuyên răn ngài đại tá:

- Sở dĩ như vậy là vì ngài là đứa con bất hiếu đấy ạ. Sở dĩ như vậy là vì ngài là kẻ ích kỷ đấy ạ, cũng vì thế mà ngài cứ làm nhục mẹ ngài đấy ạ, người thì chẳng chịu nổi cái nước ấy đâu đấy ạ. Người là một tướng quân phu nhân đấy ạ, còn ngài thì chỉ mới là một đại tá thôi đấy ạ.

- Này người anh em ạ, cô ả Perepelisina ấy mà, - ngài đại tá lại to nhỏ với một người khác, - một cô ả tuyệt vời đấy, chỗ dựa vững chắc của mẹ ta đấy! Một phụ nữ hiếm có! Ông chớ cho cô ấy là một kẻ mạt vận sống nương nhờ nhé; cô ấy là một ái nữ nhà trung tá đấy, người anh em ạ. Nói cho mà biết!

Nhưng đó mới chỉ là những chuyện râu ria. Là người chuyên bày đặt đủ trò tai quái làm tình làm tội mọi người, đến lượt mình, chính tướng quân phu nhân lại phải rúm tứ túc trước quyền uy của một kẻ vốn được mình cưu mang bao bọc; Foma Fomits đã làm cho người chết mê chết mệt. Người ngưỡng mộ y đến mức chỉ còn biết nghe bằng tai của y, nhìn bằng mắt của y. Tôi có một ông anh họ xa, cũng là sĩ quan khinh kỵ về hưu, một người còn trẻ nhưng rất từng trải sự đời và từng chung sống với chú tôi một thời gian, đã nói toạc ra với tôi rằng anh ấy tin chắc là tướng quân phu nhân đang có quan hệ bất chính với Foma Fomits. Dĩ nhiên, tôi đã gạt đi ngay, cho là chuyện nhảm. Nhưng không, thực ra không phải thế, song để có thể giải trình cặn kẽ tôi buộc phải giúp độc giả nắm được tính cách của Foma Fomits theo hiểu biết sau này của tôi.

Quý vị hãy hình dung giúp tôi một kẻ hèn mọn, kém cỏi, nhỏ nhen, cặn bã của xã hội, vô dụng, vô tích sự, loại người nhơ nhuốc nhưng vẫn dương dương tự đắc, tuy không có khả năng lý giải được chút nào cái biểu hiện cay cú bệnh hoạn của mình. Xin được báo trước rằng Foma Fomits chẳng những là hiện thân của lòng tự ái tự tôn ghê gớm của mình mà còn là của một kiểu tự ái tự tôn kỳ quặc, cụ thể là tâm lý đó đã phát sinh trong một cảnh huống tuyệt vọng và như ta thường thấy ở đây, đó chính là sự cay cú của kẻ bị hạ nhục, bị đè nén bởi những đổ vỡ triền miên trong quá khứ, sự cay cú đã mưng mủ từ lâu và cũng đã từ lâu chỉ sản sinh ra thói đố kỵ và hằn học trước mỗi thành tựu của người khác. Khỏi phải nói là tất cả những biểu hiện đó đều đi kèm với sự bực bõ vô lối, thói đa nghi rồ dại. Mọi người có thể thắc mắc là cái thói tự ái tự tôn như thế là từ đâu ra vậy? Nó nẩy nở như thế nào trong cảnh huống vô vọng như thế, ở những con người kém

cỏi như thế, những con người mà chỉ nhìn vào địa vị xã hội của mình thôi cũng phải thấy ngay được chỗ đứng của mình? Biết nói sao đây? Mà biết đâu cũng có những trường hợp ngoại lệ, trong đó có nhân vật của tôi. Thì y đúng là một trường hợp ngoại lệ rồi; điều này dưới đây sẽ được làm sáng tỏ. Tuy nhiên, xin được phép hỏi rằng quý vị có chắc là những người đã cam phận thấp hèn, lấy làm hãnh diện và vui sướng được làm một chú hề, được bao bọc, được nuôi ăn, - những người như thế không còn chút tự tôn sĩ diện nào không? Thế còn lòng đố kỵ, thói đơm đặt, thì thào, ném đá giấu tay, những hành vi tệ bạc, phản trắc ngay với quý vị nữa thì sao? Biết đâu ở vài ba số phận hẩm hiu trong số những kẻ lang bạt, những chú hề và những kẻ ngây ngô khờ khạo, lòng tự ái tự tôn chẳng những không tiêu biến vì nhục nhã mà còn bùng phát mạnh hơn do chính nỗi nhục ấy, do sự ngây ngô khờ khạo và tình cảnh một chú hề, tình cảnh ăn nhờ ở đậu, mãi mãi bị lệ thuộc, bị coi thường ấy. Lòng tự ái phình lên một cách quái dị như thế biết đâu chỉ là phản ứng lệch lạc của kẻ bị nhục mạ ngay từ lần đầu, có thể ngay từ thuở ấu thơ bởi sự áp bức, bần cùng, bẩn thỉu, hắt hủi, có thể do chính cha mẹ của đứa phát vãng tương lai ngay trước mắt nó. Nhưng tôi đã nói rằng Foma Fomits cũng chỉ là một trường hợp ngoại lệ như thế mà thôi. Đúng thế. Y đã từng dấn thân vào con đường hoạt động văn học nhưng rồi vỡ mộng, không được công nhận; mà văn chương thì vẫn có khả năng tha hóa con người, đâu chỉ có Foma Fomits, tất nhiên đó là loại văn chương vớ vẩn. Cũng có thể Foma Fomits đã nếm mùi thất bại cả trước khi cầm bút; có thể ngay trong những nghề nghiệp khác, y cũng đã làm chẳng nên ăn với nhiều trắc trở rủi ro. Những điều đó tôi không rõ; nhưng dần dà tôi đã nắm được là năm xưa ở Moskva Foma quả có viết được một tiểu thuyết ngắn cùng một giuộc với loại sách được bôi ra vào những năm ba mươi, mỗi năm đến hàng chục cuốn kiểu như “Giải phóng Moskva”, “Cơn bão Ataman”, “Những đứa con của tình yêu” hay “Người Nga năm 1104” vân vân và vân vân, những tiểu thuyết một thời được coi là những món ăn tinh thần dễ nuốt của nam tước Brambeus[11]. Tất nhiên đó đã là chuyện xa xưa, nhưng con rắn độc của thói tự thị văn chương thỉnh thoảng vẫn đem lại những vết thương nguy hiểm, không sao chữa khỏi, nhất là đối với những kẻ kém cỏi và ngu muội. Foma đã phải ăn quả đắng ngay từ lúc mới đặt chân lên con đường văn học, vậy là gia nhập luôn vào cái đạo quân yếm thế sầu đời từ đó lần lượt nẩy nòi ra những kẻ xuẩn ngốc, giang hồ, lang bạt. Từ bấy, theo tôi, cũng nẩy ra trong hắn cái thói huênh hoang một tấc đến giời, cái khát vọng được khen, được thấy mình nổi trội, được trầm trồ thán phục. Với những vai hề, y

cũng tạo được một dúm người hâm mộ gồm những kẻ ngớ ngẩn. Làm thế nào để chứng tỏ được mình là nhất, trên tài thiên hạ, biết trước được sự đời, lòe bịp, huênh hoang - nhu cầu chính của y là như vậy! Không thấy ai khen thì tự mình khen lấy. Tôi đã chính tai nghe thấy những lời Foma nói ở nhà chú tôi trong làng Stepantsikovo, nơi y đã lên ngôi thống soái và chiếm giữ địa vị nhà tiên tri ngoại hạng. “Ta không ở đây lâu được đâu, - thỉnh thoảng y lại lên giọng với vẻ quan trọng bí hiểm, - ta chẳng sống lâu dài ở đây đâu. Ta sẽ sắp xếp đầy đủ cho ai vào việc nấy, chỉ bảo, hướng dẫn xong xuôi là tạm biệt luôn: ta còn phải lên Moskva ấn hành tạp chí! Hàng tháng sẽ có ba mươi ngàn người đến nghe ta thuyết giảng. Tiếng tăm ta sẽ nổi như cồn và cánh thù địch với ta mới biết thế nào là nhục!” Nhưng bậc thiên tài, tuy vẫn còn trong giai đoạn chuẩn bị nổi danh, đã đòi phải có ngay tiền thưởng. Có tiền tạm ứng cho công việc bao giờ chả tốt, nhưng trường hợp này cũng khôi hài thật. Tôi biết rằng y đã đoan chắc với chú tôi là y sắp sửa lập nên kỳ tích, một công trạng cực kỳ vĩ đại và y sẽ lừng danh, hiện nay đêm đêm vẫn có một người có cánh đến hối thúc y hoàn thành công việc. Đại loại như thế. Việc bây giờ là phải hoàn thiện cho được một trước tác uyên thâm có nội dung cứu chuộc linh hồn làm chấn động địa cầu và rúng động nước Nga. Và đến khi cả nước Nga đã rúng động rồi thì y, Foma, vốn là người coi nhẹ vinh quang, sẽ hiến mình cho tu viện và ngày đêm cầu nguyện cho hạnh phúc của Tổ quốc trong những hang động ở Kiev. Tất cả những bài vở đó đã khiến ông chú tôi phải xiêu lòng.

Bây giờ xin quý vị hãy xét xem liệu có thể mong đợi gì ở Foma, một kẻ suốt đời long đong lận đận, thậm chí có thể đã xơ xác dạc dài rồi nhưng vẫn âm thầm háo ngọt và tự đắc tự tôn, có thể mong đợi gì ở Foma - một nhà văn vỡ mộng, ở Foma - một chú hề đang phải lần hồi kiếm sống, ở Foma một kẻ kém cỏi, đớn hèn ôm mộng bá vương, ở Foma - một anh nói khoác gặp thời, ở Foma - kẻ bất đồ chòi lên bục vinh quang, được o bế, tụng ca nhờ một bà bầu ngu ngốc và một ông bầu ưa phỉnh nịnh nghe gì cũng thấy bùi tai, có thể y mới lọt được vào nhà ông sau bao ngày lang thang vất vưởng? Về tính cách của chú tôi thì tất nhiên tôi còn phải giải thích cặn kẽ hơn, không thế thì khó lòng hiểu được những thành công của Foma Fomits. Nhưng xin được nói ngay rằng trường hợp của Foma rất khớp với câu tục ngữ: yêu chó chó liếm mặt[12]. Thôi thế cũng coi như y đã có dịp lấy lại những gì đã mất! Khi đã gỡ được cái ách trên cổ, kẻ tiểu nhân sẽ lại là người đi áp bức. Foma đã từng bị áp bức nên y lập tức thấy mình phải đi áp bức người khác mới xong. Y đã từng phải đem thân làm một chú hề thì bây giờ dưới

trướng của y cũng phải có ngay những chú hề mới được. Huênh hoang một tấc đến giời, ỏe họe học đủ điều, hạch đến cả sữa chim, ngang ngược quá xá, vâng, chưa nói đến chuyện tận mắt chứng kiến, chỉ cần nghe kể lại thôi, người tử tế hẳn phải hốt hoảng đưa tay làm dấu, nhổ bọt tứ tung, cho là chuyện điên rồ, ma xui quỷ khiến.

Tôi đã nói về ông chú của tôi. Xin nhắc lại rằng nếu không nói rõ về tính nết lạ đời của chú tôi thì cũng không sao hiểu nổi cái ngạo ngược của Foma Fomits trong nhà người khác, không hiểu được tại sao một chú hề lại hóa thành một vĩ nhân như thế được. Chú tôi không những là một người hết sức hiền lành tử tế mà còn là một con người nhạy cảm (tuy vẻ ngoài hơi mộc mạc), một con người cao thượng, can trường. Tôi dám nói “can trường” vì ông không hề dừng bước trước trách nhiệm và bổn phận, không sợ bất cứ chướng ngại nào. Ông có tâm hồn trong trắng như trẻ thơ. Người ấy đúng là một cậu bé bốn mươi tuổi, đáng yêu như những thiên thần, thường nhận lỗi về mình và phóng đại hết cỡ những phẩm chất tốt đẹp của người khác, thậm chí còn có ảo tưởng về chúng ở những nơi chúng không hề có. Đó là một trong những con người có trái tim hào hiệp và trong sáng nhất, những con người thậm chí còn tự lấy làm hổ thẹn khi nghĩ xấu về người khác, dễ dàng tìm thấy ở người thân mọi đức tính quý báu, vui mừng trước mỗi thành tựu của người khác, luôn sống trong một thế giới lý tưởng; trước mỗi thất bại đều thấy mình có lỗi trước tiên. Hy sinh lợi ích của mình vì lợi ích người khác - đó chính là thiên hướng của họ. Cũng có người kêu ông là lành, là đụt, là hèn. Tất nhiên, ông là người mềm yếu, thậm chí còn quá lành, nhưng không phải vì thiếu cương quyết mà vì sợ làm tổn thương người khác, sợ tỏ ra thô bạo do quá tôn trọng người khác, tôn trọng con người nói chung. Ông chỉ hèn và đụt khi sự việc liên quan đến lợi ích bản thân mình, thứ mà ông thực bụng coi khinh khiến ông suốt đời bị chê cười, mà lắm lúc kẻ chê cười lại chính là người được ông nhường nhịn. Ông không bao giờ tin là mình có kẻ thù; tuy nhiên; ông vẫn có kẻ thù, có điều ông không để ý gì đến họ. Tiếng la hét ầm ĩ trong nhà thì ông vốn sợ như sợ lửa, chỉ còn biết nhường nhịn, chiều theo ý mọi người. Ông nhường nhịn vì vốn tính hay ngại, hay xấu hổ, “thôi thế cũng được”, ông lắp bắp, và rồi, mặc ai muốn nói gì thì nói, ông chấp nhận luôn - “miễn sao mọi người... cùng vui vẻ cả!” Khỏi phải nói ông là người nhẹ dạ cả tin. Chả thế mà có kẻ láu tôm láu cá đã dễ dàng bịp được ông, thậm chí còn lôi kéo được ông vào chuyện bất chính mà vẫn tưởng là tốt đẹp hay ho. Ai nói gì cũng nghe, bảo sao không phạm sai lầm. Sau bao chuyện đau lòng ông mới vỡ ra rằng kẻ lừa

đảo ông kia là hạng người xảo trá nhưng trước hết ông vẫn tự trách mình, lắm lúc cứ như chỉ tại ông mà ra cả. Bây giờ xin quý vị hãy lưu ý tới cái bà già ngu ngốc, trái tính trái nết, đầu óc lú lẫn, lúc nào cũng cặp kè với một nhân vật ngu ngốc khác, thần tượng của bà, cái bà từ trước tới nay chỉ biết sợ có mỗi vị tướng của mình, nay không biết sợ hãi là gì nữa, thậm chí còn cảm thấy phải lấy lại tất cả những gì đã mất, cái bà ngu ngốc mà chú tôi vẫn thấy mình có bổn phận phải tôn thờ chỉ vì đó là mẹ mình, cái bà đã bất đồ lên ngôi thống soái trong ngôi nhà yên tĩnh của chú tôi. Người bắt đầu từ việc lập tức vạch tội chú tôi là cục cằn, nôn nóng, hỗn láo và cái chính là quá ư ích kỷ. Điều đáng nói là, bà già ngu ngốc lại rất tin vào luận điểm của chính mình. Theo tôi thì Foma Fomits cũng vậy, chí ít cũng có phần như vậy. Người còn cố nhồi vào óc chú tôi rằng Foma là người được Chúa Trời phái xuống để cứu vớt linh hồn ông, hóa giải cái sân si mê muội của ông, rằng ông là kẻ hợm hĩnh vênh vang cậy tiền cậy của, ngang nhiên rẻ rúng Foma Fomits vì mẩu bánh thừa. Ông chú tội nghiệp của tôi đã vội tin là mình đã quá hư hỏng, chỉ còn biết một mực van vỉ, cầu xin tha thứ...

- Này, ông em ạ, ta đúng là người có lỗi chứ không ai khác, - ông lại rủ rỉ với người nào đó, - ta là người có lỗi trong mọi chuyện! Phải thật tế nhị với người mình mang ơn... ừ đấy... ta phải xử sự như thế đấy! Nhưng ơn huệ cái cóc gì! Vớ vẩn! Chẳng có chuyện ấy đâu; hắn mang ơn ta thì có ấy, hắn nhờ vả ta, chứ có phải ta nhờ vả hắn đâu! Hừm, ta đã rẻ rúng hắn vì mẩu bánh thừa. Khổ, nào có phải là rẻ rúng gì đâu nhưng cũng có khi buột miệng - ta cũng cứ hay buột miệng... Không, xét cho cùng, đó cũng là người từng chịu khó chịu khổ, có công lớn đấy; mười năm, bất chấp mọi đắng cay nhục nhã, chăm sóc một người bạn ốm đau: phải có thưởng chứ! Ừ, mà lại còn nghiên cứu học hành... nhà văn đấy chứ! Người học thức hẳn hoi! Một gương mặt cao quý - tóm lại là như thế...

Hình ảnh chàng Foma có học và bất hạnh phải đem thân làm một chú hề cho một ông lớn oái ăm hà khắc đã khiến trái tim nhân hậu của chú tôi không ngừng thổn thức vì thương cảm. Mọi trò kỳ cục, nhố nhăng của Foma đều được chú tôi tìm thấy nguyên nhân ở những đau buồn, tủi hận của y trong quá khứ... Vốn là một tâm hồn đa cảm và cao thượng, ông vội cho rằng không thể đòi hỏi ở con người đau khổ ấy như ở người bình thường; không những phải tha thứ cho hắn mà còn phải chăm chút chữa chạy vết thương lòng cho hắn, giúp hắn bình phục, hòa giải hắn với đồng loại. Tự đề ra cho mình mục tiêu như vậy, ông trở nên hăm hở, náo nức lạ thường, thành thử cũng đâm ra mù quáng, không thể thấy được người bạn mới của ông thực ra chỉ là giống súc sinh dâm đãng, oái oăm, đứa ích

kỷ, đại lãn. Ông đã nhắm mắt tin vào học vấn và thiên tài của Foma. Tôi cũng còn quên chưa nói rõ rằng cứ nghe nói đến “khoa học”, “văn chương” là ông chỉ biết sùng kính một cách ngây thơ chứ ông cũng chưa học cái gì bao giờ.

Đó cũng là một trong những nét kỳ cục chủ yếu và hồn nhiên nhất ở ông.

- Ông ấy viết sách đấy! - ông vừa nói vừa rón rén đi lại ở phòng bên này, tuy còn cách phòng làm việc của Foma Fomits đến hai phòng nữa. - Ta không biết cụ thể, - ông nói thêm với vẻ tự hào và bí ẩn, - đâu như là một bộ tạp văn... một bộ tạp văn theo nghĩa tốt. Nói thế là có người người ta khắc hiểu, chứ cứ như ta với ông thì đúng là chuyện đánh đố rồi, người anh em ạ... Đâu như về lực lượng sản xuất cái gì gì đấy, chính ông ấy bảo thế mà. Đúng rồi, chuyện chính trị đấy. Đấy rồi xem, ông ấy sẽ lừng danh! Lúc bấy giờ nhờ ông ấy, anh em mình cũng nổi tiếng theo. Chính ông ấy đã nói với ta như thế đấy, người anh em ạ...

Tôi biết rõ ràng theo lệnh của Foma, ông chú tôi buộc phải cạo bỏ bộ râu quai nón màu hạt dẻ tuyệt đẹp của mình đi. Foma có cảm tưởng rằng nếu để râu như thế, chú tôi nom giống người Pháp, như vậy thì lòng yêu nước ở ông sẽ giảm sút ngay[13]. Foma đã dần dà can thiệp vào việc quản lý điền trang và đưa ra những lời khuyên ra vành ra vẻ. Hóa ra rặt những lời khuyên chết người. Nông dân đã nhanh chóng hiểu rõ nguồn cơn, thấy được chân tướng ông con giời và ngã ngửa người ra. Về sau tôi cũng đã chính tai nghe được cuộc trò chuyện giữa Foma Fomits với cánh nông dân: chuyện này thú thật tôi đã nghe trộm được. Foma đã từng tuyên bố là y rất thích trò chuyện với một gã mugic Nga thông minh. Lần này y đề cập đến cái kho lúa gặt; trao đổi với cánh mugic về nông nghiệp, bản thân y lại không phân biệt được kiều mạch với tiểu mạch; lấy giọng ngọt nhạt giải thích về nghĩa vụ của người nông dân với ông lớn của mình xong lại đá sang vấn đề điện đóm và phân công lao động, những chuyện mà rõ ràng y đang mù tịt, cuối cùng, sau khi giảng giải về đường đi của trái đất bên cạnh mặt trời, y đã trổ tài hùng biện, say sưa hót về các vị bộ trưởng. Tôi hiểu chuyện này. Pushkin có kể về một anh bố trẻ cứ lải nhải với thằng con lên bốn của mình rằng “bố con quả là người thâm thúy, đến đức vua cũng hết lòng yêu quý”... Chả là anh bố nọ đang cần đến vị thính giả lên bốn là gì? Cánh nông dân thì bao giờ mà chả rụt rè khúm núm, cứ việc dỏng tai lên mà chịu chuyện Foma Fomits.

- Này, ông bạn, ông hưởng lương vua như vậy có được nhiều không nhỉ? - từ trong đám mugic, một lão già bé nhỏ tóc bạc có biệt danh là Arhip Ngắn cũn, rõ ràng đang có ý định lấy lòng lấy bề, bỗng cất tiếng hỏi Foma Fomits, nhưng y

cảm thấy câu hỏi có vẻ suồng sã, mà bây giờ thì y không chịu được sự suồng sã nữa.

- Việc gì đến lão, hở cái lão cù lần? - y đưa mắt khinh bỉ nhìn lão mugic bé nhỏ tội nghiệp. - Lão há cái mõm thối ra với ta làm gì vậy: muốn nhổ vào mặt à?

Foma Fomits luôn nói chuyện với “gã mugic Nga thông minh” với giọng như thế đấy.

- Ngài chẳng khác gì một người cha của chúng tôi... - một gã mugic khác nói ngay, - chúng tôi chả là bọn người ngu tối mà. Có thể ngài là thiếu tá hay đại tá, hay đại thần gì, quả tình chúng tôi chưa biết thưa bẩm thế nào cho phải.

- Đồ cù lần! - Foma Fomits nhắc lại nhưng giọng đã dịu đi. - Lương bổng cũng có năm bảy loại, chứ đâu phải cứ lương là lương, đúng là cái loại đầu đất! Có người cũng quân hàm cấp tướng đấy nhưng có lương hướng gì đâu, - làm gì đâu mà ăn lương: chẳng đem lại lợi ích gì cho Nga hoàng cả. Cái ngày ta giúp việc bộ trưởng thì lương ta phải đến hai chục ngàn nhưng ta có lấy đâu, ta tình nguyện cống hiến vì danh dự, ta có tiền của ta rồi. Còn tiền lương phục vụ trong ngành giáo dục quốc gia thì ta đã xin chuyển hết cho nạn nhân hỏa hoạn ở Kazan rồi đấy.

- Ồ đấy, thế là ngài đã làm cho mọi người càng phải quan tâm hơn tới Kazan, đúng không ạ? - gã mugic nói tiếp, càng không hết ngạc nhiên.

Cánh mugic nói chung đều bái phục Foma Fomits.

- Chứ sao nữa, ta cũng có bổn phận phải góp phần, - Foma đáp với vẻ miễn cưỡng như đang tự trách mình sao lại cứ tiếp chuyện bằng nhằng một kẻ *như thế*.

Với chú tôi thì những cuộc chuyện trò lại thuộc dạng khác.

- Trước đây ngài là người như thế nào nhỉ? - chẳng hạn, Foma vừa nói vừa duỗi người ra trong chiếc ghế bành êm ái sau bữa chén no nê, có đầy tớ đứng sau lưng tay cầm cành gia tươi để xua ruồi. - Trước ngày có tôi bên cạnh thì ngài đã giống ai? Còn giờ đây tôi đã gieo vào lòng ngài tia lửa thiêng liêng làm bùng lên ngọn lửa thượng giới đang soi sáng tâm hồn ngài. Có phải tôi đã gieo vào lòng ngài tia lửa thần cao cả ấy không? Ngài trả lời đi: có phải tôi đã gieo vào lòng ngài tia lửa ấy không?

Thực ra thì chính Foma cũng không biết y hỏi thế để làm gì. Nhưng sự im lặng và bối rối của chú tôi đã lập tức khiến y nổi đóa. Vốn là kẻ nhẫn nhục và nhu nhược, vậy mà bây giờ y cứ nổ loạn lên như thuốc nổ trước bất cứ mâu thuẫn

nhỏ nào. Chú tôi cứ ngẩn ra như vậy làm y bực lắm, phải căn vặn cho bằng được.

- Ngài trả lời đi: trong lòng ngài có lóe lên tia lửa nào không?

Chú tôi vẫn thừ ra không biết nói sao.

- Xin ngài biết cho: tôi đang chờ, - Foma cất giọng bực bõ.

- *Mais répondez donc*[14], Egoruska! - Tướng quân phu nhân phụ họa, nhún vai.

- Tôi hỏi: trong lòng ngài có lóe lên tia lửa ấy không? - Foma nhắc lại với giọng trịch thượng sau khi đưa tay nhón một chiếc kẹo ở cái hộp kẹo mỹ miều lúc nào cũng đặt trên bàn ngay trước mặt y. Đó là lệnh chỉ của tướng quân phu nhân.

- Lạy Chúa, ta không biết, Foma ạ, - rút cuộc chú tôi đã trả lời với vẻ thất vọng hiện lên trong ánh mắt, - hẳn cũng có một cái gì đại loại... Tốt nhất ông đừng hỏi nữa, khéo ta lại phịa ra...

- Thôi được! Như vậy theo ngài tôi là một kẻ hèn kém không đáng được trả lời, - ngài định nói thế chứ? Thôi thế cũng được; tôi là kẻ hèn mọn.

- Không phải thế, Foma, lạy Chúa! Ta định nói thế bao giờ?

- Không, đúng là ngài đã định nói như thế đấy.

- Ta thề là không!

- Thôi được! Thế thì tôi là một kẻ xảo trá! Thôi được, theo ý ngài, tôi là kẻ cố ý gây sự; đó cũng lại là điều đáng phỉ nhổ - tôi xin chịu hết...

- *Mais, mon fils*[15]... - tướng quân phu nhân hốt hoảng kêu lên.

- Foma Fomits! mẹ! - chú tôi kêu lên với vẻ chán chường, - Lạy Chúa, con không có lỗi! Đúng là con không cố ý, con lỡ mồm thôi!.. Ông đừng để ý, Foma ạ: chẳng qua ta là một kẻ ngu đần - tự ta ta biết chứ; ta cảm thấy được, nghe thấy được... con người mình nó thật chẳng ra sao... Ta biết rồi, Foma ạ, ta biết hết! Ông cũng đừng nói nữa! - Chú tôi phẩy tay và nói tiếp. - Ta đã có mặt trên đời được bốn mươi năm và mãi cho đến ngày được biết ông, ta vẫn nghĩ mình là người... ừ thì cũng gọi là đứng đắn đi... Nhưng cũng mãi cho đến lúc bấy giờ ta vẫn chưa thấy được mình là kẻ tội lỗi đầy mình, ích kỷ ghê gớm và đã gây ra hàng núi những điều ác hại!

- Vâng, ngài là kẻ quá ích kỷ! - Foma nhận xét, vẻ hể hả.

- Ừ đấy, bây giờ tự ta cũng thấy là mình ích kỷ rồi thôi! Mà không, như thế cũng đủ lắm rồi! ta sẽ sửa chữa và nhất định sẽ khá hơn!

- Lạy Chúa lòng lành! - Foma Fomits kết luận, thở dài với dáng vẻ một con chiên ngoan đạo, rời ghế bành đứng lên, vỗ cái bụng no căng mà đi đánh một giấc trưa như thường lệ.

Để khép lại chương này, xin độc giả cho phép được nói rõ về những mối quan hệ thân tình giữa hai chú cháu tôi và giải thích về việc bằng cách nào mà bỗng nhiên tôi lại rơi vào vị thế trực tiếp đối đầu với Foma Fomits và bất ngờ rơi vào vòng xoáy của những sự kiện trọng đại nhất từng xẩy ra trong ngôi làng Stepantsikovo tôn quý. Tôi có ý định kết thúc phần mở đầu như vậy để chuyển sang phần chính của thiên truyện.

Từ khi tôi là một đứa trẻ bơ vơ côi cút, chú tôi đã thay thế cha tôi, đứng ra nuôi dạy tôi nên người, tóm lại, ông đã làm cho tôi tất cả những gì mà ngay đến một người cha đẻ không phải lúc nào cũng làm được. Ngay từ ngày đầu tiên được chú đón về, tôi đã gắn bó với chú bằng tất cả tâm hồn. Năm đó tôi lên mười và đến nay tôi vẫn nhớ là chú cháu tôi đã nhanh chóng trở nên hòa hợp và hoàn toàn hiểu nhau. Chúng tôi đã cùng nhau chơi trò đánh quay và đã đánh thó cái mũ trùm đầu của một bà già quyền quý khoảnh ác, có họ với cả hai chú cháu tôi. Cái mũ được tôi buộc ngay vào đuôi chiếc diều giấy để thả lên trời. Nhiều năm sau tôi mới được gặp lại chú tôi một thời gian ngắn ở mãi tận Peterburg trong giai đoạn kết thúc chương trình học tập do chú tôi chu cấp. Lần đó tôi đã gắn bó ngay với chú tôi bằng tất cả nhiệt huyết của tuổi thanh xuân: có cái gì đó hào hiệp, dịu hiền, chân thật, vui vẻ và cực kỳ trong sáng trong tính cách của chú đã khiến tôi kinh ngạc và hấp dẫn bất cứ ai. Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi lưu lại ở Peterburg một thời gian không lâu, tạm thời không làm gì và như thường thấy ở lớp trẻ mới lớn, cứ chắc mẩm là chỉ ít lâu sau tôi sẽ làm được vô khối việc cực kỳ xuất sắc, thậm chí còn vĩ đại nữa. Tôi không muốn rời bỏ Peterburg. Tôi trao đổi thư từ với chú khá thưa thớt, chỉ đến lúc cần tiền mới viết thư, mà chẳng lần nào chú không cho. Hồi đó, từ một gia nhân của chú có việc phải lên Peterburg, tôi được tin là ở Stepantsikovo đang xẩy ra những chuyện lạ lùng. Mới nghe qua tôi đã rất ngạc nhiên, nóng lòng muốn biết rõ thực hư. Tôi bắt đầu chăm viết thư hơn. Ông luôn trả lời tôi một cách mù mờ, là lạ thế nào, thư nào cũng chỉ nói đến việc học hành, mong tôi đạt được thật nhiều thành tựu trong học tập, tự hào về những thành quả sau này của tôi. Đột nhiên, sau một thời gian im lặng khá lâu, tôi đã nhận được một bức thư kỳ lạ của ông, khác hẳn những bức thư trước. Bức thư đầy những câu bóng gió mơ hồ nghe rất lạ tai, lủng củng những điều trái ngược lẫn nhau, lúc đầu tôi hầu như chẳng hiểu gì cả.

Rõ ràng người viết đang trong tâm trạng lo lắng khác thường. Điều duy nhất tôi nắm được trong bức thư là: trên tinh thần nghiêm túc, chú tôi khẩn khoản, gần như là van vỉ, đề nghị tôi hãy mau mau kết hôn với cô con nuôi cũ của ông, con gái một vị có họ là Ejevikin, một công chức hàng tỉnh nhưng gia cảnh đã quá sa sút; cô gái đã tốt nghiệp xuất sắc một học viện ở Moskva, vốn được chú tôi lo cho ăn học thành tài và đã từng là gia sư của hai con ông. Ông viết rằng cô gái thật bất hạnh, rằng tôi chính là người có thể đem lại hạnh phúc cho cô ấy, rằng tôi chắc chắn sẽ là người có nghĩa cử cao cả; ông kêu gọi lòng nghĩa hiệp của tôi và hứa sẽ có món hồi môn cho cô gái. Riêng khoản này ông đã đề cập một cách rụt rè và cuối thư ông van tôi hãy tuyệt đối giữ kín mọi chuyện này cho. Bức thư đã khiến tôi choáng váng, đầu óc quay cuồng. Liệu có chàng trai trẻ nào như tôi, một kẻ mới chập chững vào đời, lại có thể dửng dưng trước một lời đề nghị như thế, dù chỉ bởi cái âm hưởng tình tứ du dương của nó? Mà tôi lại còn nghe nói cô gia sư trẻ măng này rất xinh nữa chứ. Tuy nhiên, dù chưa biết phải làm sao, tôi vẫn viết ngay cho chú tôi rằng tôi sẽ sớm thu xếp để về Stepantsikovo. Chú tôi đã gửi tiền đi đường cho tôi ngay trong bức thư sau. Tuy thế, do nghi hoặc, thậm chí còn e ngại nữa, tôi cứ nay lần mai lữa ở Peterburg đến ba tuần. Bỗng nhiên tôi tình cờ bắt gặp một người đồng sự cũ của chú tôi, bác này vừa ghé thăm chú tôi ở Stepantsikovo trên đường từ Kavkaz về Peterburg. Bác đã luống tuổi và là người chín chắn, sống độc thân đã lâu. Với thái độ bất bình, bác kể cho tôi nghe về Foma Fomits và cho biết ngay một chuyện quá bất ngờ, đúng là ngoài sức tưởng tượng của tôi: Foma Fomits cùng tướng quân phu nhân đã rắp tâm buộc chú tôi phải kết hôn với một cô gái quá lứa, tính khí ẩm ương gàn dở, lai lịch khác thường nhưng lại có món hồi môn gần nửa triệu *rup*; tướng quân phu nhân đã kịp làm cho ả tin rằng hai nhà là họ hàng với nhau để lôi kéo ả; chú tôi tất nhiên là đã chán ngấy rồi nhưng hẳn trước sau gì cũng phải chấp nhận cái đám có hồi môn nửa triệu ấy thôi; cuối cùng, hai đầu óc tinh khôn là tướng quân phu nhân và Foma Fomits đã bắt đầu phùng mang trợn mắt ra sức xua đuổi cô gia sư tội nghiệp, thân cô thế cô, quyết tống khứ cô ra khỏi nhà bằng được, chắc là vì sợ ngài đại tá lại đi yêu cô ấy, mà có khi đã phải lòng rồi cũng có. Câu cuối cùng này đã khiến tôi sửng sốt. Tôi cứ gặng mãi là liệu chú ấy đã say chưa thì người kể chuyện lại cứ như không thể hay không muốn nói rõ, nói chung bác ấy có phần dè dặt, miễn cưỡng, tránh đi vào chi tiết. Tôi bỗng thấy tin tức hôm nay mâu thuẫn lạ lùng với bức thư và lời đề nghị của chú tôi!.. Không chần chừ được nữa. Tôi quyết định về Stepantsikovo với mong muốn lớn lao: không những chỉ

khuyên giải và an ủi chú, mà còn ra sức cứu chú qua cơn hoạn nạn, có nghĩa là tống cổ Foma, hủy bỏ cái đám cưới nẫu ruột với ả gái già và cuối cùng, sau khi tự xác định dứt khoát rằng cái gọi là tình yêu của chú tôi chẳng qua chỉ là câu đặt điều kiếm chuyện của Foma Fomits, tôi đã nguyện đem lại hạnh phúc cho cô nàng bất hạnh nhưng tất nhiên là lý thú, bằng lời cầu hôn của tôi, vân vân và vân vân. Tôi dần dà lấy lại được tinh thần, phấn chấn hẳn lên; cũng do tuổi trẻ, lại đang lúc thư nhàn, tôi đã nhẩy từ thái cực này sang thái cực khác: từ phân vân nghi ngại bỗng trở thành hừng hực khát khao, phải mau mau đến với những chiến công hiển hách thần kỳ. Tôi thậm chí còn có cảm tưởng là mình đang thể hiện một tinh thần hào hiệp phi thường, khảng khái hy sinh bản thân mình để đem lại hạnh phúc cho một sinh linh trong trắng đáng yêu, - tóm lại, tôi vẫn nhớ tôi đã cảm thấy rất hài lòng với chính mình trong suốt chuyến đi. Đang giữa những ngày tháng bảy; nắng vàng rực rỡ; tôi đang trôi giữa những cánh đồng lúa chín mênh mông... Vậy mà tôi đã ru rú bao ngày ở Peterburg, điều đó khiến tôi có cảm giác rằng mãi đến lúc này đây tôi mới thực sự được đưa mắt ngắm nhìn cõi thế gian từng hiển hiện dưới bàn tay Chúa!



ÔNG LỚN BAKTSEEV

Tôi đang cán đích, sắp kết thúc chuyến đi dài. Đang đi qua thị trấn B, chỉ chừng mươi dặm nữa là về đến Stepantsikovo thì tôi buộc phải dừng lại ở một xưởng lò rèn ở ngay đầu ô vì cỗ xe bị nứt một bên vành bánh trước. Chữa tạm xe để kéo nốt mười dặm chắc cũng không lâu nên tôi quyết định chờ để đi luôn, không loanh quanh đâu nữa. Vừa xuống xe tôi đã thấy ngay một ông lớn béo tốt cũng đang phải chữa xe như tôi. Đã phải đứng chờ đến một tiếng đồng hồ trong tiết trời oi ả ngột ngạt, ông quát mắng ngậu xị, cáu kỉnh xua đuổi bọn thợ đang xúm vào cỗ xe sang trọng của ông. Thoạt tiên tôi có cảm tưởng ông lớn đang nóng giận này là một kẻ quá cục cằn. Ông trạc bốn nhăm tuổi, tầm vóc trung bình, béo ục à ục ịch, mặt rỗ hoa. Dáng vẻ phì nộn, cục hầu ở cổ, cặp má núng nính chảy xệ đã nói lên đời sống sung túc của giới địa chủ. Toàn bộ vẻ ngoài của ông ta toát lên một dáng dấp đàn bà đập ngay vào mắt người khác. Ăn mặc nói chung là tươm tất, thoải mái, kích cỡ rộng rãi nhưng chẳng ra kiểu mốt gì cả.

Không hiểu sao ông ta lại cứ như hằm hè cả với tôi, nhất là mới thấy tôi lần đầu, chưa nói năng gì với tôi. Vừa đặt chân xuống đất tôi đã nhận ra ngay điều đó qua ánh mắt dữ dằn của ông ta. Tuy nhiên tôi đang rất muốn làm quen với ông ta. Qua lời mấy người hầu của ông ta kháo chuyện với nhau, tôi được biết là ông ta vừa ở chỗ chú tôi đằng Stepantsikovo ra, thế thì đây đúng là dịp để hỏi thăm tin tức. Tôi bỏ cái mũ lưỡi trai ra, thử lấy giọng thật dễ nghe để ca thán về nỗi đôi lúc cứ bị hãm lại giữa đường; song ông béo lại đưa mắt gườm gườm nhìn tôi từ đầu đến chân, miệng lầu bà lầu bầu và ậm ạch quay đi. Nhìn từ phía sau cũng có thể thấy đó là một đối tượng khảo cứu quá hấp dẫn nhưng cũng đừng hy vọng có thể moi chuyện một cách vui vẻ được.

- Griska! lẩm bẩm cái gì, ngậm mồm vào! Ta quật cho đấy!... - ông ta bỗng lên tiếng quát lão hầu cận, hầu như không nghe tôi nói gì về chuyện bị hãm lại giữa đường.

“Griska” là một gia nhân già tóc bạc, mặc áo dài lễ phục, đeo bộ râu cằm giả màu gio to tướng. Nhìn qua cũng đủ biết là lão cũng đang rất bực mình, cứ lầu

bầu trong miệng với vẻ khó chịu ra mặt. Giữa chủ và tớ lập tức xẩy chuyện bất đồng lời qua tiếng lại.

- Đánh thì đánh! Rống nữa lên đi! - Griska cứ như chỉ lẩm bẩm một mình nhưng cũng đủ để mọi người nghe thấy hết rồi hậm hực quay ra hý hoáy với cỗ xe.

- Cái gì? Lão bảo gì? “Rống nữa lên” hả?... giở giọng cục súc ra rồi đấy! - ông béo quát inh lên, mặt đỏ bừng.

- Ngài làm gì mà cứ phải ầm ầm lên như thế ạ? Không nói năng bình thường được nữa đấy!

- Làm gì mà phải ầm ĩ lên à? Các người nghe thấy cả đấy chứ? Lão ấy thì cứ việc nhấm nhẳn với ta, còn ta thì không được làm ầm!

- Việc gì mà tôi phải nhấm nhẳn?

- Việc gì... Không có lý do gì thật chứ? Ta biết lão nhấm nhẳn vì chuyện gì rồi: vì ta đã bỏ đi, không ở lại dự tiệc chứ còn gì nữa.

- Chả ảnh hưởng gì đến tôi! Ngài có bỏ hẳn chuyện ăn uống tiệc tùng đi cũng thế thôi. Tôi có dám động đến ngài đâu mà bảo là nhấm nhẳn, tôi chỉ cằn nhằn bọn thợ rèn mấy câu thôi.

- Thợ rèn... Thế lão cáu với thợ về chuyện gì nào?

- Mà cũng không phải thợ rèn, tôi cáu với cỗ xe cơ.

- Cỗ xe thì làm sao mà cảu rảu với nó?

- Nó chả hỏng là gì! Này, từ nay không được hỏng hóc, phải lành lặn nghe chưa!

- Cỗ xe... Không đúng, lão cảu rảu với ta, chứ xe xiếc gì. Khéo đổ vấy lắm!

- Ngài cứ truy bức mãi như thế để làm gì, thưa ông chủ? Xin ngài thôi đi cho!

- Thế tại sao suốt dọc đường lão cứ ngồi im như thóc chẳng nói năng gì với ta, hả? Lần sau phải mở miệng ra nghe chưa!

- Ruồi nó bay vào mồm rồi nên mới ngồi im đấy ạ. Hay tôi phải kể chuyện cổ tích cho ngài nghe mới được? Ngài về mà đón mụ Malania, cái kho cổ tích kia kìa.

Ông béo đã há mồm ra toan cãi nhưng rõ ràng là đuối lý đành thôi. Tự hào về miệng lưỡi và ảnh hưởng của mình đối với ông chủ vừa thể hiện công khai trước mắt mọi người, với vẻ quan trọng gấp đôi, lão đầy tớ quay ra với bọn thợ, lên giọng bảo ban chỉ vẽ.

Ý đồ làm quen của tôi vẫn đang trong thế bí, nhất là tôi quá vụng nhưng một cảnh huống bất ngờ đã gỡ cho tôi. Một khuôn mặt ngái ngủ, nhem nhuốc, tóc tai bù xù bỗng ló ra ngoài cửa sổ một chiếc xe hòm đóng kín, đã tháo hết bánh nằm bẹp một chỗ không biết từ bao giờ, mãi không có thợ đến chữa. Sự xuất hiện của khuôn mặt gớm ghiếc đã làm rộ lên tiếng cười trong đám thợ. Số là cái gã vừa ló mặt ra đó đã bị nhốt hẳn trong xe không ra ngoài được nữa. Gã nốc rượu rồi ngủ quên trong xe bây giờ tỉnh dậy cứ đòi ra mà chẳng được, cuối cùng mới nhờ được một người đi lấy hộ dụng cụ. Mọi người ai cũng thấy buồn cười, rõ vui như Tết.

Có những người có tính hay khoái chí trước những chuyện lạ lùng kỳ quặc. Một gã mugic say rượu mặt méo xệch, một người trượt chân ngã lăn quay ra đường, hai mụ bà chằn xỉa xói nhau, vân vân và vân vân, những chuyện như thế đôi lúc vẫn làm cho ai đó cảm thấy cực kỳ thích thú một cách vô tư, chẳng hiểu vì sao. Ngài địa chủ to béo ở đây cũng thuộc diện này. Bộ mắt khó đăm đăm của ông ta dịu dần đi và cuối cùng, tươi tỉnh hẳn.

- Vasiliev hay sao ấy nhỉ? - ông ta hỏi với vẻ thông cảm. - Làm sao lại đến nông nỗi này cơ chứ?

- Vasiliev đấy, Stepan Alekseits ạ! - mọi người nhao nhao hết cả lên khắp chung quanh.

- Rượu chè be bét đấy ạ, thưa ngài, - một người nói thêm, đó là một lão thợ già, người cao, gầy, vẻ mặt nghiêm nghị mang tính cố chấp, có ý cậy mình hơn tuổi trong đám anh em, - cu cậu bê tha quá đấy, thưa ngài, từ nhà chủ đi làm được hai ngày, đến ngày thứ ba thì vùi xác luôn ở chỗ chúng tôi đấy ạ! Đấy, đang hỏi mượn đục đấy ạ. Hừ, đào đâu ra đục cho cậu bây giờ, hở cái anh đầu đất? Đến cái dụng cụ cuối cùng cũng tính chuyện đi cầm đi đặt!

- Kìa, Arhipuska! Đồng tiền là đồng bạc ấy[16] mà: nó đến rồi nó lại đi thôi! Mở cửa cho cháu ra đi chú, lạy đấng sáng thế, - Vasiliev thò hẳn đầu ra ngoài để van xin, giọng yếu ớt và run rẩy.

- Cứ ngồi đấy đã, ngốc ạ, tốt cho mày đấy! - Arhip nghiêm giọng đáp. - Tử tế được hai hôm, ngày thứ ba là đã giở chứng rồi; hôm nay ngay từ tinh mơ chúng nó cũng đã tha từ ngoài phố vào cho rồi đấy; có Chúa chứng giám, chúng nó cứ thu thu giấu giấu, mồm thì cứ liến lên với Matvei Iliits, những là “anh ốm rồi đấy, những cái kim trong người nó lại chích loạn lên rồi đấy”.

Tiếng cười lại rộ lên lần thứ hai.

- Thế đục đâu rồi?

- Đang nằm ở nhà Zui trong khu này đấy ạ! Nó chỉ mới đục được một thứ thôi! bợm rượu đấy, Stepan Alekseits ạ.

- He-he-he! Chết thật, đồ xỏ lá! Mày ra thành phố làm ăn bằng cách đem đồ nghề đi đặt lấy tiền cơ đấy! - Ông béo cất giọng khàn khàn, vừa nói vừa cười sặc sụa, cực kỳ khoái chí và bỗng trở nên thoải mái lạ thường.

- Đúng là chàng thợ mộc trứ danh, cứ việc đi mà tìm khắp Moskva! Thế mà lúc nào cũng vỗ ngực ta đây là người tài giỏi, cái thằng khỉ gió này, - thật quá bất ngờ: ông đưa mắt nhìn tôi, nói thêm như thế. - Thôi thả nó ra, Arhip, nó đang cần giải quyết việc gì chăng.

Mọi người đã vâng lời ông lớn. Chiếc đinh được đóng để bịt cửa ra vào hòm xe chủ yếu nhằm trêu chọc Vasiliev khi ngủ dậy liền được rút ra và Vasiliev đã hiện ra trước mắt mọi người với vẻ nhếch nhác, mặt mũi lấm lem, quần áo lôi thôi lếch thếch. Gã nháy mắt vì chói, hắt hơi và lắc mạnh đầu mấy cái rồi đưa tay chắn nắng, đảo mắt nhìn quanh.

- Đông thế, đông người thế! - gã lại lắc đầu, - mà đâu như... toàn người tỉnh... táo cả, - gã kéo dài giọng với vẻ buồn rười rượi như có ý tự trách mình. Chào anh em, xin chúc một buổi sáng tốt lành, chúc mừng ngày mới!

Tiếng cười lại rộ lên.

- Chúc mừng ngày mới! Coi chừng đấy, mất đứt bao nhiêu ngày giời rồi đấy, ông mãnh ạ!

- Liên thiên, Emelia, - theo cậu thì mất đứt cả tuần rồi đấy!

- Cứ như bọn này thì dù chỉ một giờ cũng phải co cẳng lên mà chạy!

- He-he-he-he! Một nhà hùng biện! - ông béo hét lên, lại cười rũ ra và lại đưa mắt nhìn tôi với vẻ thân thiện. - Mà chú mày không thấy xấu hổ ư, Vasiliev?

- Từ đau khổ mà ra đấy, Stepan Alekseits ạ, - Vasiliev phẩy tay và trả lời với vẻ nghiêm túc, rõ ràng gã đang rất hài lòng vì đã lại có dịp đề cập đến nỗi đau của mình.

- Đau khổ gì cơ, hở đồ ngốc?

- Đau khổ chưa từng thấy: người ta đang chuyển chúng con vào tay Foma Fomits.

- Chuyển ai cơ? Bao giờ? - ông béo giật bắn người, quát hỏi.

Tôi cũng bước lên một bước: vấn đề đột nhiên động chạm đến cả tôi nữa.

- Toàn bộ nông nô ấp Kapitonovka đấy ạ. Ông lớn của chúng con, ngài đại tá ấy, - cầu Chúa phù hộ cho ngài - ngài đang muốn hiến cho Foma Fomits toàn bộ ấp Kapitonovka của chúng con, đất thừa kế của ngài; chia cho ông ấy đến bảy chục nông nô đấy ạ. Ngài nói: "Đấy, ông nhận lấy đi, Foma! có thế thôi đấy, không còn gì nữa đâu; ông là một địa chủ nhỏ; vỏn vẹn chỉ có mấy con cá trong hồ Ladoj và một dúm nông nô thừa hưởng của mồ ma cụ thân sinh ra ông. Vì cụ thân sinh ra ông, - Vasiliev nói tiếp với giọng hậm hực, tỏ ra hằn học với tất cả những gì liên quan tới Foma Fomits, - vì cụ thân sinh ra ông là người thuộc dòng dõi quý tộc, riêng về nhân thân thì chưa rõ cụ là ai, từ đâu đến; cụ cũng từng được các ông lớn cưu mang nuôi nấng như ông. Bây giờ tôi sẽ làm giấy chuyển nhượng ấp Kapitonovka cho ông, và ông sẽ là một vị địa chủ, dòng dõi quý tộc, có nông nô riêng, và ông cứ thế mà sống cuộc đời phong lưu nhàn hạ, trên một cương vị quý tộc lâu nay vẫn bị bỏ trống..."

Nhưng Stepan Alekseits không thèm nghe nữa. Câu chuyện nửa say nửa tỉnh của Vasiliev đã tác động đến ông quá mạnh. Ông tức điên lên, mặt đỏ lựng; cục hầu ở cổ rung lên, cặp mắt ti hí đỏ ngầu. Tôi có cảm tưởng là ông sắp đánh nhau.

- Chỉ còn thiếu cái nước ấy nữa thôi! - ông vừa nói vừa thở hổn hển - đồ vô lại, thằng Foma ấy, một kẻ sống nương nhờ lại nhảy tót lên hàng địa chủ! Quái gở! Cả lũ các người cứ chết hết đi cho rảnh! Bay đâu, nhanh lên chứ! Đi về!

- Xin ngài cho con được hỏi, - tôi vừa nói vừa ngập ngừng bước lên phía trước, - vừa rồi ngài có nhắc tới Foma Fomits; hình như họ ông ta là Opiskin, nếu con không nhầm. Ngài thấy không, con muốn... tóm lại con có những lý do đặc biệt để quan tâm tới nhân vật này, và từ phía mình, con rất muốn biết là liệu có thể tin hẳn vào lời anh bạn tốt bụng vừa nói đấy không là ông chủ của anh ta, Egor Iliits Rostanev, đang muốn hiến tặng cho Foma Fomits một trong những thôn ấp của mình. Con rất quan tâm tới chuyện này, và con...

- Cậu cũng cho tôi được hỏi, - ông béo ngắt lời tôi, - từ giác độ nào mà cậu quan tâm tới nhân vật này đến thế, như cậu nói đấy; chứ như tôi thì phải gọi đó là đồ vô lại bị rút phép thông công[17], nhân vật nhân viếc gì! Nhân vật gì cái thứ ấy, đồ ghẻ lở! Đồ thối thây thì có ấy, nhân vật gì mà nhân vật!

Tôi giải thích rằng tôi nói thế vì tạm thời tôi chưa biết rõ sự tình, có điều Egor Iliits Rostanev là chú tôi, còn tôi là Serjei Aleksandrovits.

- A, anh chàng trí thức đấy ư? Chán chửa, bọn ta chờ cậu mãi! - ông béo hét lên, mừng quýnh. - Ta vừa từ chỗ họ ra đây đấy, từ Stepantsikovo đấy; ta rời bàn

tiệc đi luôn, đang giữa món pudding[18] ta cũng đứng lên: không thể ngồi cùng gã Foma ấy được! Vì cái gã Foma chết tiệt ấy mà ta đã cãi nhau khắp lượt... Chúng mình gặp được nhau thế này thật quý hóa quá! Anh bạn trẻ thứ lỗi cho ta nhé. Ta là Stepan Alekseits Baktsev, còn tên cậu thì ta nhớ kỹ rồi... Nào, bây giờ ai phát hỏa trước nào? Thôi được, ta xin phép...

Và ông béo ôm hôn tôi thắm thiết.

Sau những bỡ ngỡ ban đầu, tôi tìm cách hỏi chuyện luôn: dịp may hiếm có mà.

- Nhưng cái ông Foma ấy là ai vậy? - tôi hỏi, - làm thế nào mà ông ta chinh phục được cả nhà như thế ạ? Mọi người không tống khứ nổi cái ngữ ấy ra khỏi nhà sao? Con xin thú thực...

- Đuổi hắn ư? Cậu mất trí rồi sao? Egor Iliits còn phải đi lại rón rén trước mặt hắn nữa là! Còn Foma thì hạ lệnh là ngày thứ năm cũng phải gọi là thứ tư thế là cả nhà cứ phải nghe theo răm rắp, thứ năm cũng kêu là thứ tư. “Tôi không muốn gọi là thứ năm, mà là thứ tư!” Thế là mỗi tuần có đến hai ngày thứ tư. Cậu tưởng ta bốc phét chứ? Không có chuyện ấy đâu! Chẳng qua chỉ là cái chuyện một anh thuyền trưởng bỗng hóa thành ông Cook[19] đấy thôi!

- Con cũng có nghe nói đến những chuyện này rồi nhưng con xin thú thật...

- Thú thật thú giả gì! Vấn đề chỉ là ở chỗ con người! Thú thật mà làm gì! Không, tốt nhất là cậu cứ lục vấn ta đi. Kể hết rồi mà cậu vẫn chưa tin thì cứ hỏi xem ta từ cái lỗ nẻ nào chui lên mà nói năng như vậy? Bà mẹ của Egor Iliits, ngài đại tá ấy, tuy là một bà lớn rất đàng hoàng, lại còn là một tướng quân phu nhân nữa, vậy mà theo ta, đã hoàn toàn mất trí: bà ấy đã ăn phải bả của cái gã Foma chết tiệt kia rồi. Bà ấy cũng chính là nguyên nhân của toàn bộ sự việc: thì chính bà ấy đã o bế hắn trong nhà. Hắn đã lung lạc được bà ấy, có nghĩa bà ấy đã trở thành người phụ nữ thấp kém tuy vẫn được thưa bẩm suốt ngày - bà ấy đã nhảy một bước lên làm vợ tướng Krahotkin hồi ngài năm mươi tuổi mà lại! Về cô em gái của Egor Iliits, cái ả Praskovia Iliitsna bốn mươi tuổi chưa chồng ấy thì ta cũng chẳng muốn nói đến nữa. Người đâu mà ngờ nghệch thế không biết, ta chán ả lắm rồi! Ả chỉ có mỗi cái được là dù sao vẫn là phụ nữ, thôi thì hãy tôn trọng ả chỉ vì ả là phụ nữ vậy! Thôi chết! ăn nói bậy bạ quá: ả ấy là cô của cậu đấy thôi. Chỉ có mỗi Aleksandra Egorovana, cô con gái ngài đại tá ấy tuy mới chỉ là một cô bé mười sáu tuổi đầu thôi, nhưng thông minh nhất nhà ấy đấy, theo ta thì nó không coi gã Foma ra gì đâu; thậm chí còn thấy đáng nực cười kia. Một tiểu thư đáng yêu, chứ còn gì nữa! Mà kính nể ai mới được chứ? Hắn chẳng vốn

là một chú hề của mồ ma tướng Krahotkin đấy là gì! Hắn chẳng từng phải sắm bao nhiêu vai thú vật để mua vui cho vị tướng là gì! Âu cũng là chuyện đổi đời như trong cổ tích. Thì đấy, bây giờ ngài đại tá, chú của cậu đấy, đang coi chú hề ngày trước như cha đẻ, tôn nó lên làm thần tượng, thằng khốn nạn ấy, quỵ lụy nó, kẻ được mình cưu mang ấy, - quái gở!

- Tuy vậy, nghèo cũng chưa phải là xấu... và... con xin thú thật với ngài... xin ngài cho phép con được hỏi là ông ấy trông người có đẹp không, có thông minh không?

- Foma ấy à? Đẹp như tranh! - Baktseev đáp, giọng run lên vì quá giận dữ. (Những câu hỏi của tôi cứ như chọc tức ông và ông đã bắt đầu có vẻ nghi ngờ tôi.) - Đẹp như tranh. Nghe rõ chưa nào: quá đẹp! Đẹp như tất cả các con thú ấy, anh bạn trẻ ạ, nếu như cái gì anh cũng muốn biết đích xác. Thực ra thì khôn khéo vẫn là hơn, cho dù đứa ranh ma thì dĩ nhiên là nó phải khôn rồi, - ừ giá kể lúc bấy giờ ta cứ bấm bụng mà hùa theo thì mới gọi là khôn, đằng này đúng là chẳng chút khôn ngoan! Đơn giản là bọn bọ đã bị phù phép hết rồi! Ôi! Mỏi mồm quá. Thà cứ nhổ toẹt vào rồi ngậm miệng cho xong. Cậu cứ gợi chuyện ra làm ta điên hết cả người! Nào, bay đâu, xong chưa?

- Còn phải đóng lại móng cho con ngựa ô nữa đấy ạ, - Grigori rầu rĩ đáp.

- Con ngựa ô đấy. Được rồi, cứ liệu đấy!... Này, cậu cả, ta có thể kể cậu nghe những chuyện kỳ quặc khiến cậu cứ há hốc mồm ra mãi không thôi đấy nhé. Bản thân ta vốn cũng rất coi trọng hắn. Cậu nghĩ sao? Ta ân hận lắm, quả thật ngày ấy ta mê muội lắm cơ. Hắn đã làm ta mê mẩn. Một nhà thông thái! Chuyện gì cũng thông tỏ ngọn ngành, môn gì cũng nắm được từ A đến Z! Hắn đã đưa nước băng tan cho ta uống, cậu biết chứ, ta đang ốm, đang lử khử mà. Cậu có tin không chứ, đúng là ta đang ốm, thế là cái món nước băng của hắn làm ta suýt lăn quay. Cậu cứ im lặng nghe ta nói đã rồi sẽ tự mình suy xét ngẫm nghĩ sau. Hắn muốn làm cho ông đại tá phải khóc ra máu, thế là ông ấy phải khóc ngay, không chậm trễ. Rõ ràng là do thằng Foma đáng nguyền rủa ấy mà khắp vùng lân cận chẳng còn ai đi lại với ông ấy nữa. Ai đến nhà cũng bị hắn nhục mạ cả. Phẩm hàm tước vị của ta hắn cũng chẳng kiêng dè! Gặp ai hắn cũng giở giọng khuyên răn, rao giảng đạo lý ầm ầm, cái thằng khốn kiếp ấy. Hắn vỗ ngực ta đây là nhà thông thái, thông minh nhất hạng, chỉ cần nghe theo lời hắn, không còn ai nữa. Lúc nào cũng lên giọng ta đây là người có học. Có học thì đã có gì ghê gớm! Phải chăng người có học là nhất thiết phải ăn đứt người vô học, lấn át hết người vô học? Vậy mà cái lưỡi có học của hắn cứ liến lên tới mức ta

muốn bảo cậu cứ xéo béng đi mà ném vào đống phân thối cho nó mặc sức ba hoa cho tới lúc vào mồm con quạ đói là xong. Lúc nào hắn cũng vênh vênh vác vác, ra vành ra vẻ! Mà cứ nghĩ là làm, nghĩ sao làm vậy. Bất kể thế nào! Hắn nẩy ra ý định phải dạy tiếng Pháp cho bọn gia nhân nhà ấy đấy! Tin hay không tùy cậu! Hắn bảo tiếng Pháp là phương tiện lợi hại cho tất cả mọi người, từ một đứa nông nô cho đến một tên nô bộc! Vớ vẩn! Đúng là đồ ba láp! Thử hỏi một thằng đầy tớ thì biết tiếng Pháp để làm gì? Ngay đến anh em mình cũng có việc gì mà phải biết tiếng Pháp? Để nhảy nhót với các tiểu thư, ong bướm với các phu nhân chắc? Chỉ là trò trác táng thôi chứ báu gì! Cứ như ta thì cứ nốc hẳn một bình vodka vào thì tha hồ mà ọe ra đủ các thứ tiếng. Ta nể hắn lắm chứ: rất nể tài tiếng Pháp của ông! Nhưng có khi tiếng Pháp của ông cũng chỉ đến “xì xà xì xồ, chuột chạy mèo vồ” là hết! - Baktseev nói thêm, đưa mắt nhìn tôi, vẻ đầy khinh miệt. - Này, anh bạn trẻ, cậu là con người học thức, đúng không? Học xong rồi chứ?

- Vâng... con cũng có theo đuổi...

- Chắc cậu cũng đã học hết tất cả các môn rồi chứ?

- Cũng không hẳn thế... Con xin thú thật là bây giờ con có chú tâm hơn vào việc quan sát. Con đã nằm bẹp ở Peterburg mãi và bây giờ con đang nóng lòng muốn gặp chú con.

- Ai lôi kéo cậu về với ông chú cậu thế này? Còn có chỗ mà nằm bẹp đâu đó chắc cũng còn hơn! Không, anh bạn trẻ ạ, ta đang muốn bảo cậu rằng cho dù học vấn có cao đến mấy cậu cũng không lay chuyển được chú cậu đâu; cậu đưa cổ vào thòng lọng mất thôi! Ta chỉ ở với họ có một ngày một đêm mà đã gầy sút đi rồi đấy. Cậu có tin là ta đã gầy sút đi không? Không, cậu không tin, ta thấy rõ rồi. Thôi, không tin thì thôi, cầu Chúa phù hộ cho cậu.

- Không, ngài biết cho, con rất tin mà; có điều con chưa hiểu rõ sự tình, - tôi đáp, càng lúc càng bối rối hơn.

- Tin gì thì tin, chứ cậu thì ta vẫn không tin! Bọn các cậu đều là quân lươn lẹo hết, mà cũng ở cái học thức của các cậu mà ra cả. Bọn các cậu chỉ quen làm xiếc! Ta không chuộng cái lối học thức ấy đâu, anh bạn trẻ ạ, không chút cảm tình! Ta đã buộc phải chạm trán với cánh Peterburg các cậu rồi - một bọn người vô tích sự! Toàn một loại hão huyền; chuyên gieo rắc hoang mang; một ly vodka cũng sợ, cứ như thuốc độc không bằng - quái gở! Cậu chọc tức ta rồi đấy, anh bạn trẻ ạ, ta không muốn kể chuyện gì với cậu nữa đâu! Mà thực ra ta có nhận lời đi kể chuyện thuê cho nhà cậu đâu! Mà cũng mỏi mồm rồi. Sức mấy mà vạch

mặt chỉ tên cho hết, và cũng chẳng hay ho gì... Có điều hắn - cái gã trí thức của cậu ấy! - hắn đã làm cho thằng đầy tớ của ông chú cậu suýt mất trí đấy. Vidopliasov đã thành thằng ngây dại vì Foma Fomits...

- Phải tay tôi ấy à, cái thằng Vidopliasov ấy cứ gọi là no đòn, - từ đầu đến giờ vẫn theo dõi câu chuyện với vẻ đạo mạo, nghiêm nghị, Grigori bỗng xen vào, - cứ gọi là tuốt xác với tôi. Nó thử lằng nhằng với tôi xem, tôi thì nện cho đến rũ xương.

- Im mồm! - ông lớn quát, - ngậm cái mồm vào, không ai nói chuyện với lão!

- Vidopliasov, - tôi cất tiếng, rối trí đến mức không biết nói gì, - Vidopliasov... cái họ nghe lạ tai quá phải không ạ?

- Lạ là lạ thế nào? Cậu cũng lẩn thẩn nốt rồi đấy! Ôi, nhà trí thức, nhà trí thức!

Tôi không chịu được nữa.

- Con xin lỗi, - tôi nói, - nhưng sao ngài lại cáu với con như vậy? Con có lỗi gì đây? Con xin thú thật với ngài rằng con đã nghe ngài nói đến nửa tiếng rồi mà vẫn chưa hiểu ra làm sao cả...

- Ơ kìa, anh bạn, làm gì mà nóng thế? - ông béo đáp. - Không có việc gì phải bực mình! Ta quý cậu mới nói chuyện này đấy chứ. Cậu đừng để ý, tính ta hay nói to, lại vừa phải thét lác cái lão người hầu. Cái lão ba bị nó cứ tự nhiên như ruồi ấy, cái lão Griska của ta ấy, nhưng cũng chính vì vậy mà ta quý lão. Ta nặng về tình cảm lắm, - nói thực lòng đấy; nhưng Foma đúng là kẻ duy nhất có lỗi trong mọi chuyện! Ta sẽ phải khốn khổ với hắn, xin cam đoan với cậu là như vậy! Dạo này ơn giời hôm nào ta cũng được tắm nắng hai tiếng. Số là ta vẫn muốn được ghé thăm cha cả, trong lúc cả bọn ngốc kia chỉ ru rú xó nhà. Cha cả ở đây là người tốt. Vậy mà hắn cứ làm mình lộn ruột, chẳng ngó ngàng gì đến cha cả hết. Mà cả nhà lại cứ nghe theo hắn! Thật chẳng còn ra thể thống gì nữa. Ta nói cho cậu biết chứ mọi người ở đây đều chẳng ra gì, không được một ai! Giá như hắn có chức tước cao sang gì thì đã đi một nhẽ, - Baktseev vẫn nói tiếp về Foma, đúng là không dứt ra được, - hẳn người ta còn né mặt mà bỏ quá cho, đằng này hắn có là cái đinh mục gì đâu cơ chứ, ta biết hết mà. Hắn cứ bô bô rằng năm nào năm nao hắn đã từng lâm nạn ở đâu đó vì đã dám nói lên sự thật, thế là mọi người phục sát đất luôn! Thật hết nước nói! Ai động đến hắn một tý là hắn nhảy dựng lên, lu loa: “Người ta phỉ báng tôi, khinh tôi nghèo khó cơ cầu, không coi tôi ra gì nữa!” Đến bữa mà chưa thấy Foma cấm có ai dám ngồi vào bàn ăn, còn Foma nhất định không ra. “Người ta rẻ rúng tôi; tôi là kẻ cầu bơ cầu bất, chỉ đáng gậm bánh mì đen thôi ạ”. Nhưng mọi người cứ thử ngồi vào bàn là

hắn xuất hiện ngay; lại vẫn cái bản nhạc rè quen thuộc: “Tại sao chưa có tôi mà các vị đã sà vào bàn? Các vị có còn coi tôi ra gì nữa đâu!” Đúng là đồ trơ tráo! Ta nín nhịn mãi đấy, anh bạn trẻ ạ. Hắn tưởng ta trước sau rồi cũng toáy lên như chú chó con nhảy dựng lên trước mặt hắn bằng hai chân sau, chờ hắn thí cho vài mẩu! Không có chuyện ấy đâu, người anh em ạ, anh còn khuya mới bì được với ta. Ta với Egor Iliits vốn là chiến hữu cùng trung đoàn. Ta nghỉ hưu về làm địa chủ, còn ông ấy năm ngoái cũng nghỉ hưu với hàm đại tá để về với đất đai thừa kế của mình. Ta vẫn bảo ông ấy: “Này, ông không khéo lại đi rước vạ vào thân đấy, đừng dung túng gã Foma như vậy! Ông sẽ phải khóc vì đau khổ cho coi!” Làm gì có chuyện, ông ấy là con người tuyệt vời mà (chú cậu nói về Foma đấy!), ông ấy là bạn tôi mà; ông ấy giúp tôi thông tỏ đạo làm người. Ta trộm nghĩ: phản bác đạo đức thì hẳn không xong! Nhưng một khi đã có thể lên giọng rao giảng về đạo đức thì có nghĩa là mọi việc đã xong. Cậu có biết là cơn cớ làm sao mà hôm nay hắn lại ngang nhiên gây sự không nào? Mai chính là ngày tưởng niệm nhà tiên tri Iliia (ngài Baktseev đưa tay làm dấu thánh): tức là ngày lễ thánh của thằng Iliusa, con trai chú cậu ấy. Ta cũng đã có ý định dự lễ, dự tiệc với gia đình, đã đặt mua một đồ chơi ở thủ đô: một anh chàng người Đức chạy bằng dây cót để làm động tác hôn tay cô vợ chưa cưới của mình, còn cô ta đưa khăn tay chấm nước mắt - một tặng phẩm tuyệt vời! (vậy mà bị ế đành phải mang về, *morgen-früh*![20] vứt lăn lóc trong xe kia kìa, anh chàng người Đức thế là đã bị sứt mũi). Egor Iliits hẳn cũng không phản đối việc tổ chức ăn mừng ngày lễ, nhưng Foma đã kịp phá đám: “Mọi người tính chuyện ăn mừng ngày lễ của bé Iliusa làm gì vậy? Thế ra bây giờ chả ai thèm quan tâm gì đến tôi nữa!” Thấy chưa? cái thằng cha có gớm không? ghen với cả thằng bé con lên tám khi thấy nó được tổ chức ăn mừng ngày lễ thánh! “Không được, hắn nói, mai cũng là ngày lễ thánh của tôi!” Nhưng mai là ngày tưởng niệm thánh Iliia chứ có phải thánh Foma đâu! “Không, hắn nói, ngày lễ thánh của tôi cũng vào ngày ấy đấy!” Ta cứ phải cố mà chịu đựng. Giá như cậu thì cậu tính sao? Cả nhà họ bây giờ đều đi lại rón rén, thì thầm hỏi nhau: làm sao bây giờ? Có lấy ngày lễ thánh Iliia làm ngày lễ thánh của hắn không, có chúc mừng không? Không chúc mừng thì có khi hắn tức, mà chúc mừng thì không khéo hắn lại cho là giễu hắn! Gay go thật! Bọn ta tề tựu đông đủ bên bàn tiệc... Kìa, anh bạn trẻ, cậu có nghe ta nói không đấy!

- Con vẫn nghe đấy chứ ạ; con thậm chí còn thấy vô cùng mãn nguyện vì nhờ có ngài giờ đây con đã được biết... và... con xin thú thật...

- Thế đấy, cực kỳ mãn nguyện! Ta biết cái mãn nguyện của cậu rồi... Cậu không có ý châm chọc ta đấy chứ?

- Châm chọc thế nào cơ ạ? Trái lại là đằng khác. Ngài thể hiện... đặc sắc đến mức con những muốn ghi lại những lời ngài nói.

- Làm sao mà phải ghi, hở anh bạn trẻ? - ông lớn Baktseev hỏi với vẻ chột dạ và đưa mắt ngờ vực nhìn tôi.

- Mà có lẽ con cũng chẳng ghi đâu... con nói thế thôi.

- Cậu định lấy lòng ta chứ gì?

- Lấy lòng thế nào mới được chứ ạ? - tôi ngạc nhiên hỏi.

- Dễ hiểu thôi. Bây giờ cậu cứ việc tâng bốc để ta rút hết ruột gan ra với cậu như một thằng ngu, rồi cậu sẽ thu thập lại để viết về ta, đưa ta vào tác phẩm nào đó chứ gì.

Tôi vội vàng thưa lại với ông lớn Baktseev rằng tôi không phải loại người như vậy, nhưng ông vẫn đưa mắt ngờ vực nhìn tôi.

- Ờ, không phải loại người như vậy! biết thế nào được với cậu! mà có khi còn quá thế. Đấy, Foma cũng dọa là sẽ viết về ta gửi đi in đấy.

- Ngài cho con được hỏi, - tôi ngắt lời ông, có phần muốn lái sang chuyện khác, - xin ngài cho biết có đúng là chú con đang muốn lấy vợ không?

- Muốn thì đã làm sao? Chưa có gì đáng nói. Một khi đã tròng trành chao đảo không yên thì lấy vợ là phải chứ; lấy vợ đâu phải chuyện gì xấu, cái xấu nằm ở chỗ khác cơ... - ông lớn Baktseev nói tiếp, vẻ trầm ngâm. - Hừm, về chuyện này, anh bạn trẻ ạ, ta chưa thể nói đích xác. Ông chú cậu là một đám cao giá, khối kẻ đang nhòm ngó đấy nhưng đúng là chưa thể nói chắc ai là người đang rắp tâm đây. Còn ta, chỗ thân tình, ta muốn bảo cậu rằng ta chúa không ưa bọn đàn bà! Đã là con người thì ai chẳng muốn được vẻ vang nhưng thực tế chỉ thấy toàn ô nhục, nó làm hoen ố cả giấc mơ cứu chuộc linh hồn. Còn ông chú của cậu thì hẳn đang yêu với cả tấm tình trong trắng hoang sơ như một chú mèo Siberi ấy, đó là điều ta đoan chắc với cậu. Về chuyện này, anh bạn trẻ ạ, bây giờ ta chẳng nói đâu: cậu sẽ tận mắt chứng kiến; có điều tình hình có chiều không mấy khả quan. Có lấy vợ thì cứ lấy chứ ông ấy chẳng dám nói với Foma đâu, với bà già của mình cũng không dám nói: thế nào mà bà ấy chẳng làm toáng lên cho. Bà ấy biết rằng một khi vợ ông con đã bước vào nhà thì Foma Fomits sẽ không còn lưu lại được đến hai tiếng đồng hồ. Cô ấy sẽ tự tay tống cổ Foma và nếu như không phải tay vừa, cô ấy sẽ có cách khiến hắn không còn có chỗ dung thân

trong cái huyện này! Vậy nên bây giờ hắn đang bày mưu tính kế để cùng với người mẹ đẩy ông ta vào chỗ oái oăm... Này, anh bạn trẻ, nhưng sao cậu lại ngắt lời ta như vậy nhỉ? Ta hơn tuổi cậu; ngắt lời người lớn tuổi như thế là không được...

Tôi cất lời xin lỗi.

- Khỏi cần xin lỗi! Ta đang muốn cậu, với tư cách một người có học, hãy đứng ra phân xử giúp ta cái vụ hắn xúc phạm ta hôm nay đấy. Cậu hãy phán xét đi, nếu như cậu là người đứng đắn. Bọn ta tề tựu đông đủ, bắt đầu vào tiệc, thế mà cậu biết không, hắn vồ ngay lấy ta mà ăn tươi nuốt sống luôn! Ngay từ đầu ta đã thấy hắn ngồi im, mặt đằng đằng sát khí, mắt long sòng sọc[21]. Hắn đắc chí với những ngón đòn lợi hại bổ xuống đầu ta, đúng là đồ rắn độc! Một kẻ quái dị, chỉ còn biết vỗ ngực ta đây một cách điên rồ! Hắn vừa giở giọng cà khịa, vừa lên giọng dạy đời với ta nữa chứ. Hắn đòi phải nói cho hắn biết là ta béo múp ra như thế để làm gì? Hắn còn cứ cố mà vặn vẹo: sao không gầy mà lại béo? Cậu thấy hỏi như thế có được không, hở anh bạn trẻ? Có chút tinh khôn gì ở đấy không? Ta trả lời đâu ra đấy: “Trời đất sinh ra bao giờ cũng phải có kẻ béo người gầy, Foma Fomits ạ; có chết cũng không cưỡng được mệnh trời”. Chí lý chứ, cậu nghĩ sao? “Không, hắn nói, ngài có đến năm trăm nông nô, chỉ biết ăn sẵn, không mang lại lợi ích gì cho tổ quốc; trong lúc cần phụng sự tổ quốc thì ngài cứ việc ngồi nhà mà kéo phong cầm”. Nói đúng ra thì những lúc buồn ta cũng thích kéo phong cầm lắm. Và ta lại trả lời đâu ra đấy: “Ta sẽ nhận nhiệm vụ gì trong quân đội, hở Foma Fomits? Liệu ta có thể ních cái thân hình to béo này vào bộ quân phục nào không? Cứ cố ních vào mà hắt hơi một tiếng là bao nhiêu cúc bay đi hết, mà biết đâu lúc bấy giờ lại đang ở ngay trước mặt thủ trưởng, lạy Chúa, người lại liệt mình vào diện chống phá thì sao?” Này, cậu nói xem, ta nói thế có nghiêm túc không nào? Thế mà quả không sai, những tràng ha ha hi hi cứ thế tuôn ra... rõ ràng suy nghĩ của hắn chẳng có gì là nghiêm túc cả, mà này, hắn lại còn xổ tiếng Pháp ra để mắng ta nữa chứ: “co-soong, co-soong”[22]. Ồ, ta hiểu co-soong là gì chứ. “Hừm, còn mi đấy, tên phù thủy khốn kiếp kia, ta nghĩ bụng; mi cho rằng ta đã hàng phục mi chăng?” Ta nín nhịn mãi rồi đấy chứ, nhưng rồi không nhịn nổi nữa, ta dịch ghế đứng lên và ngay trước mặt mọi người, ta bổ thẳng vào mặt hắn: “Ta xin lỗi ông nhé, Foma Fomits, ta cứ tưởng ông là người có giáo dục đàng hoàng, hóa ra ông cũng chỉ là lợn như tất cả bọn ta thôi”, - ta nói và rời bàn tiệc ngay giữa lúc gia chủ đang đãi món pudding. “Các vị dùng tiếp pudding đi nhé!”

- Con xin lỗi, - tôi nói sau khi nghe hết câu chuyện của ông lớn Baktseev, - tất nhiên con sẵn sàng đồng ý với ngài về mọi chuyện. Cái chính là con vẫn chưa được biết một điều gì tốt đẹp cả... Nhưng thưa ngài, về điều này con đã nảy ra những ý tưởng riêng.

- Những ý tưởng gì nào, hở anh bạn trẻ? - ông lớn Baktseev hỏi với vẻ nghi hoặc.

- Ngài thấy chăng, - tôi tỏ ra lúng túng, - có thể ý kiến con đưa ra lúc này vẫn chưa đúng lúc nhưng con cũng cứ đánh bạo nói ra. Vâng, con cho rằng có thể cả hai chúng ta đều nhận định sai về Foma Fomits; biết đâu bên dưới tất cả những điều kỳ quặc ấy là một tư chất đặc biệt, thậm chí còn tài hoa hơn nữa? Có thể đó là một bản tính quá ư phiền muộn, đau khổ, ê chệ đến mức hận đời chăng. Con nghe nói ông ta đã từng phải đi ở làm một chú hề: có thể cảnh ngộ đã khiến ông ta thấy mình bị rẻ rúng, bị sỉ nhục, bị chà đạp chăng?.. Ngài hiểu chứ ạ: một con người đức hạnh... hiểu biết... lại phải đi làm một chú hề!.. và thế là ông ta trở thành kẻ hoài nghi đối với đồng loại... và nếu hòa giải được ông ta với đồng loại... tức là với mọi người, thì biết đâu ông ta lại trở thành người đặc biệt, thậm chí còn kiệt xuất... và... và... hẳn là phải có cái gì trong con người đó chứ? Có thế nào mọi người mới ngưỡng mộ ông ta chứ?

Tóm lại tôi tự cảm thấy mình đã lắm lời kinh khủng. Trẻ người non dạ thì bao giờ chả thế - điều này cũng dễ bỏ qua. Nhưng ông lớn Baktseev thì không. Ông trừng mắt nhìn vào mắt tôi và cuối cùng, mặt bỗng đỏ gay như một chú gà sống Ấn Độ.

- Cái gã Foma ấy là một con người đặc biệt đến thế ư? - ông hỏi, giọng giật cục.

- Xin ngài nghe con nói đã: bản thân con hầu như cũng chẳng tin gì hết vào những điều con nói đó đâu. Gọi là tạm đoán thế thôi.

- Anh bạn trẻ vui lòng cho ta hỏi nhé: cậu đã học triết học chưa?

- Theo nghĩa nào cơ ạ? - tôi có vẻ băn khoăn.

- Không có ý gì đâu, anh bạn trẻ ạ, cậu cứ nói thẳng cho ta biết: cậu đã học triết học chưa?

- Thú thật là con cũng có ý định nghiên cứu, nhưng...

- Hừ, biết ngay mà! - ông lớn Baktseev quát lên, không kiêng dè gì nữa. - Này, anh bạn trẻ, ngay từ lúc cậu chưa mở mồm ra, ta đã đoán ra được là cậu đã học triết học rồi! Không phỉnh được ta đâu! Vô ích! Cách xa ba dặm tai ta cũng nhận

ra cái giọng triết học đấy! Đi mà hôn cái gã Foma Fomits của cậu! Cậu đã phát hiện ra một con người đặc biệt đấy! tởm! nặng mùi! Ta cứ ngỡ cậu cũng là người chính đính, ai ngờ... Xe đâu! - ông quát gọi gã xà ích lúc này đã chễm chệ trên chiếc ghế dành riêng ở cỗ xe vừa chữa xong. - Đi về!

Tôi tìm cách trấn tĩnh ông; cuối cùng ông cũng cố dịu đi; nhưng mãi vẫn không chuyển hẳn từ nóng giận sang hòa nhã được. Đỡ ông lên xe là Grigori và Arhip, người đã lên giọng khuyên răn Vasiliev.

- Ngài cho con được hỏi, - tôi đến bên cỗ xe, cất tiếng hỏi, - ngài sẽ không bao giờ đến với chú con nữa ạ?

- Chú cậu ư? Cứ nhổ toẹt vào mặt đứa nào nó bảo cậu như thế! Cậu tưởng ta là người tốt nhịn lắm hả? Ta khốn khổ vì ta là đồ giẻ rách, không phải giống người! Mấy hôm nữa ta lại mò đến cho mà xem. Để làm gì ư? Đấy cậu xem: chính ta cũng chẳng biết để làm gì nữa, nhưng ta sẽ đi; ta lại sẽ dàn mặt với Foma. Cái khổ của ta là ở chỗ này đây, anh bạn trẻ ạ! Ta có tội nên Chúa đã phái Foma xuống để trừng phạt ta mà. Tính nết ta là tính nết đàn bà, không biết âm thầm ngậm đắng nuốt cay! Ta là kẻ yếu đuối nhất hạng đấy, anh bạn trẻ ạ...

Tuy nhiên, chúng tôi đã bịn rịn chia tay; thậm chí ông còn mời tôi đến dự tiệc nữa.

- Cậu đến nhé, anh bạn trẻ nhé, phải đến đấy, anh em mình làm một bữa cho vui. Ta có một ả nấu vodka từ Kiev cuốc bộ lên đấy, còn đầu bếp là một gã từng hành nghề ở Paris. Hắn sẽ biện cho cái món thập cẩm thơm nức mũi mà ăn xong chỉ còn biết mút ngón tay mà bái phục thôi, cái thằng chết tiệt ấy. Một thằng có học hẳn hoi đấy nhé! Có điều đã lâu ta vẫn chưa sờ đến hắn, bỏ mặc hắn lông bông... đấy, bây giờ các thánh mới nhắc cho... Hôm nay ta mời cậu mà cũng là mời mình, ta suy sụp, rệu rã, kiệt sức quá rồi. Ta vốn là kẻ bệnh hoạn, ươn hèn mà cậu. Nói thế có khi cậu vẫn chưa tin... Thôi, tạm biệt nhé, anh bạn trẻ! Thuyền của ta cũng đã đến lúc nhổ neo. Xe của cậu cũng đã sẵn sàng chuyển bánh. Cậu nhớ bảo với Foma là phải kiềng cái mặt ta ra, ta đang muốn ghè cho hắn một trận nhớ đời đấy...

Nhưng những lời cuối cùng tôi chẳng còn nghe ra được nữa. Được bốn con ngựa khỏe nhịp nhàng tung vó cuốn đi, cỗ xe đã khuất dạng trong những đám bụi đường bốc lên mù mịt. Tôi đã lên xe và chúng tôi lập tức lướt qua cái thành phố nhỏ. “Tất nhiên là ông lớn cũng hơi quá đáng, - tôi nghĩ bụng, - ông ấy quá phẫn nộ và không thể có thái độ vô tư được. Có điều là thêm một lần nữa, tất cả những gì ông ấy nói về chú ta đều rất tuyệt vời. Như vậy là đã có hai người cùng

chung nhận định là chú ta đang yêu cô ấy... Hừm! Ta có cưới vợ hay không đây?” Lần này tôi suy nghĩ rất lung.



CHÚ TÔI

Thú thật là tôi đã có phần trở nên nhút nhát. Vừa về đến Stepantsikovo là những ước mơ bay bổng của tôi bỗng trở nên kỳ quái, thậm chí còn có vẻ u mê nữa. Lúc bấy giờ vào khoảng năm giờ chiều. Con đường chạy men theo khu vườn nhà ông lớn. Sau nhiều năm xa cách, tôi lại được nhìn thấy khu vườn rộng lớn từng làm lóe lên trong ký ức những tháng ngày hạnh phúc tuổi thơ và về sau đã nhiều lần hiển hiện giữa chiêm bao trong ký túc xá. Tôi xuống xe và đi thẳng qua vườn, đến trước ngôi nhà của ông lớn. Tôi rất muốn xuất hiện một cách lặng lẽ, rồi hỏi han, tìm hiểu tình hình và trước hết là tâm sự với chú tôi. Tôi đã đạt được ý đồ. Băng qua con đường lớn với những hàng cây gia trăm tuổi, tôi bước lên thềm, ở đây từ cửa kính mặt tiền có thể đi thẳng vào các phòng trong. Thềm được quây kín bằng những bồn hoa và chậu kiểng quý. Ở đây tôi bắt gặp một gia nhân, lão Gavrila, trước kia là người trông nom tôi, nay là hầu cận vinh dự của ông lớn. Lão đang ghé cặp kính vào quyển vở trên tay, đọc rất chăm chú. Chúng tôi mới gặp lại nhau cách đây hai năm, ở Peterburg, ngày lão theo hầu chú tôi, nên bây giờ lão nhận ngay ra tôi. Lão lao đến hôn tay tôi, mừng rơi nước mắt, tuột cả kính xuống sàn. Tôi rất cảm động trước tình nghĩa gắn bó của ông già. Tuy nhiên, chưa hết hồi hộp với cuộc trò chuyện vừa rồi với ông lớn Baktseev, tôi để ý ngay tới cuốn vở khả nghi trên tay Gavrila.

- Sao, Gavrila, chẳng lẽ người ta lại giở trò dạy tiếng Pháp cho cả lão ư?

- Người ta bắt học đấy, thưa cậu, trẻ không tha già không thương - Gavrila rầu rĩ đáp.

- Ông Foma đứng ra dạy à?

- Ông ấy đấy, thưa cậu. Hẳn ông ấy phải uyên bác lắm.

- Còn phải nói! Ông ấy có dạy hội thoại không?

- Chỉ học bài ở vở thôi, thưa cậu.

- Cuốn vở trong tay lão đấy ư? A! những từ tiếng Pháp phiên âm bằng chữ cái tiếng Nga - láu cá gớm! Nhắm mắt nghe theo một kẻ ngu dốt như thế mà không biết xấu hổ ư, Gavrila? - tôi hét lên, phút chốc quên hết mọi giả thiết độ lượng

của mình về Foma Fomits mà tôi vừa đạt được qua câu chuyện của ông lớn Baktseev.

- Ngu là ngu thế nào, thưa cậu, - lão đáp, - ông ấy chả đang cầm chịch các ông lớn của chúng ta là gì?

- Hừm! Cũng có thể lão nói đúng, Gavrila ạ, - tôi lầu bầu, tạm ngừng câu chuyện ở đấy. - Lão đưa ta đến gặp chú ta đi!

- Thưa cậu chủ, con đại bàng dũng mãnh của tôi! Tôi không thể dàn mặt ông lớn được đâu, không dám. Tôi sợ ngài rồi. Bây giờ tôi chỉ còn biết ngồi ru rú ở đây thôi, hễ thấy bóng ngài là phải lẩn thật nhanh ra sau những lùm hoa lá kia kìa.

- Lão sợ cái gì?

- Hôm nọ tôi không hiểu bài; Foma Fomits bắt tôi quỳ, tôi không quỳ. Tôi già rồi, Serjei Aleksandrovits ạ, đùa với tôi như thế không nên! Thế là ông lớn nổi giận đùng đùng, mắng tôi về việc dám trái lệnh Foma Fomits. “Lão khọm già kia, ông lớn nói, ông ấy chăm lo cho học vấn của lão, muốn luyện phát âm cho lão cơ mà”. Thì tôi đang vừa đi vừa nhẩm lại bài phát âm tiếng một đây. Foma Fomits giao hẹn chiều nay lại kiểm tra bài.

Tôi cảm thấy ở đây có điều gì hơi khó hiểu. Với cái môn tiếng Pháp này hẳn phải có cả một câu chuyện mà theo tôi, lão già không thể lý giải được.

- Gavrila, ta hỏi lão một câu: trông ông ấy thế nào? Đường bệ, cao lớn chứ?

- Foma Fomits ư? Không, thưa cậu, trông ông ấy hơi bẩn tướng.

- Hừm! Lão cứ yên trí, Gavrila ạ; mọi chuyện còn có khả năng thu xếp ổn thỏa; nhất định đấy, ta hứa với lão là sẽ đâu có đó! Nhưng... chú ta đang ở đâu?

- Đang tiếp bọn mugic ở phía sau khu chuồng ngựa. Cánh lão nông ấp Kapitonovka đến thỉnh cầu đấy mà. Họ được tin là họ đang được chuyển sang tay Foma Fomits. Họ đang muốn van xin gì đó.

- Sao lại phải ra sau khu chuồng ngựa?

- Ông lớn ngại, thưa cậu...

Quả vậy, tôi đã tìm thấy chú tôi ở phía sau khu chuồng ngựa. Trên khoảng đất trống, ông đang đứng trước một nhóm nông dân đang lạy lục van xin điều gì đó. Chú tôi đang giảng giải cho họ điều gì đó một cách nóng nảy. Tôi đến bên ông và cất tiếng gọi. Ông quay lại và cả hai chú cháu cùng lao tới ôm chầm lấy nhau.

Ông rất mừng được thấy tôi; sướng vui, hoan hỉ bội phần. Ông ghì chặt lấy tôi, nắn bóp hai tay tôi... Cứ như ông đang được nhận lại đứa con đẻ vừa thoát chết.

Cứ như việc tôi về đến đây thế này là đã giải thoát ông khỏi mối nguy hiểm chết người nào đó, đem đến giải pháp cho mọi điều vướng mắc của ông, đem lại hạnh phúc và niềm vui cho cả cuộc đời ông và tất cả những người ông yêu quý. Chú tôi hẳn không chịu hưởng hạnh phúc một mình. Sau những cơn phấn hứng ban đầu, ông bỗng trở nên tư lự đăm chiêu và cuối cùng cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ, loay hoay như gà mắc tóc. Ông căn vặn, lục vấn tôi đủ chuyện, muốn mau mau dẫn tôi về với cả nhà. Chúng tôi đã kéo nhau đi, nhưng chú tôi bỗng quay lại vì trước hết muốn giới thiệu tôi với cánh mugic ở Kapitonovka. Sau đó tôi nhớ là không rõ vì sao ông bỗng nhắc đến cái ông lớn Korovkin nào đó, một con người khác thường mà ông đã được gặp cách đây ba hôm trên đường cái quan và đang rất nóng lòng chờ ông ấy đến chơi nhà. Rồi ông lại bỏ lửng, nói sang chuyện khác. Tôi khoan khoái nhìn ông. Trả lời những câu hỏi nôn nóng của ông, tôi nói rằng tôi không muốn nhập ngũ mà chỉ muốn tiếp tục nghiên cứu các môn khoa học. Nghe nói đến khoa học, chú tôi bỗng nhíu mày và thể hiện một vẻ mặt tối ư quan trọng. Sau khi được biết là trong giai đoạn cuối, tôi đã nghiên cứu khoáng vật học, ông liền ngẩng cao đầu và ngạo nghễ đưa mắt nhìn quanh làm như chính ông, một mình ông, không có bất cứ sự hỗ trợ nào từ bên ngoài, đã phát hiện và trước thuật gọn gàng toàn bộ môn khoáng vật học. Tôi đã nói ở trên rằng đối với hai chữ “khoa học” thì chú tôi mang sẵn một tấc lòng sùng kính quá đỗi vô tư, nhất là khi bản thân ông chẳng biết gì về nó.

- Ồ, người anh em ạ, ở đời có những người uyên bác thế chứ lị, cái gì cũng biết tỏng tòng tong! - có lần ông nói với tôi, mắt ngời ngợi niềm vui. - Mình ngồi với bọn họ, nghe họ nói và tự biết rằng mình chẳng hiểu mô tê gì cả, mà sao vẫn thích ơi là thích. Vì sao? Vì đó chính là điều hữu ích, là trí tuệ, là hạnh phúc chung! Đó là điều chú hiểu. Rồi đây chú sẽ phóng xe trên con đường được đúc bằng gang, còn bé Iliuska nhà chú, có thể nó còn bay giữa không trung nữa... Ừ, rút cuộc thì cả thương mại, công nghiệp - như người ta thường nói là các dòng chảy ấy... chung quy lại chú muốn nói là đều hữu ích... Có lợi cả - đúng không?

Nhưng chúng ta hãy trở lại với cuộc hội ngộ giữa hai chú cháu.

- Con chờ cho một lát, anh bạn trẻ nhé, - chú tôi xoa hai bàn tay vào với nhau và nói liến thoắng, - con sẽ được thấy một con người kỳ lạ! Một con người hiếm có, chú nói thật đấy, một nhà trí thức, một con người của khoa học; một nhân vật đóng đinh vào thế kỷ. Câu “Đóng đinh vào thế kỷ” nghe có tuyệt vời không? Câu đó Foma đã giảng cho chú hiểu rồi... Con chờ cho một lát, chú sẽ giới thiệu con.

- Chú đang nói về Foma Fomits đấy ư?

- Không, không phải đâu, anh bạn trẻ ạ! Chú đang nói đến Korovkin cơ. Thực ra thì Foma cũng thế thôi... Nhưng đây là chú đang nói về Korovkin, - ông nói thêm, không hiểu sao bỗng đỏ mặt lên và dường như có vẻ bối rối khi nhắc tới Foma.

- Ông ấy đang nghiên cứu về những môn gì hở chú?

- Những môn khoa học, người anh em ạ, nói chung là khoa học! Chú không thể nói rõ là những môn gì, chỉ biết là những môn khoa học. Ông ấy nói về đường sắt mới tuyệt chứ! Mà con biết không, - chú tôi hạ giọng thì thầm, nheo con mắt bên phải lại ra điều có ẩn ý sâu xa, - ít nhiều cũng có tư tưởng tự do đấy! Chú biết ngay, nhất là khi ông ấy nói về hạnh phúc gia đình... Tiếc là chú không hiểu được nhiều (không có thời gian), chứ không thì chú đã kể cặn kẽ hết cho con. Đúng là một đấng nam nhi tài đức vẹn toàn! Chú đã mời ông ấy đến chơi nhà. Chú đang mong đứng mong ngồi đấy...

Trong lúc đó thì bọn mugic cứ đứng há mồm trố mắt nhìn tôi với vẻ lạ lẫm.

- Thưa chú, - tôi ngắt lời ông, - hình như con đang làm phiền bọn mugic kia thì phải. Chắc là họ đang có việc cần. Họ muốn gì vậy? Con xin thú thật là con đang nghi chắc có chuyện gì rồi và cũng rất muốn nghe họ nói...

Chú tôi bỗng trở nên vội vàng sấp ngửa.

- Thôi chết! Chú quên khuấy đi mất! con thấy đấy... biết làm gì với họ bây giờ? Họ phịa ra như thế chứ lị! - mà chú cũng đang muốn biết kẻ phao tin đồn nhảm là ai, - họ cứ bảo là chú đang tìm cách hiến tặng họ cho người khác, nghĩa là hiến tặng toàn bộ ấp Kapitonovka, - cháu còn nhớ Kapitonovka không? ngày xưa, chiều chiều chúng ta vẫn cùng mồ ma thím Katia ngồi xe sang đấy dạo chơi mà, đấy, hiến tặng toàn bộ Kapitonovka với tất cả sáu mươi tám nông nô cho Foma Fomits! Họ nói: “Dứt khoát chúng tôi không muốn xa ngài đâu đấy ạ!”

- Không có chuyện đó chứ, thưa chú? Chú sẽ không hiến tặng ấp Kapitonovka cho ông ấy chứ? - tôi mừng húm reo lên.

- Chú chưa từng có ý định như thế, chưa từng! Ai nói với con như thế? Đâu như cũng có lần chú buột miệng nói ra câu nọ câu kia, thế rồi mọi người cứ sang tai nhau chắc? Mà sao họ lại không ưa Foma đến thế nhỉ? Con cứ yên trí, Serjei ạ, chú sẽ giới thiệu con. - Ông nói thêm sau khi đưa mắt nhìn tôi với vẻ e ngại như đã linh cảm được rằng tôi cũng có thái độ thù địch với Foma Fomits. - Đó là một con người khác lắm, người anh em ạ...

- Chúng tôi không muốn theo ai hết, chỉ biết có ngài thôi! - bọn mugic bỗng đồng thanh gào lên. - Ngài là người cha của chúng tôi!

- Thưa chú, - tôi đáp, - Foma Fomits thì con vẫn chưa biết mặt nhưng... con cũng nghe nói đôi điều về ông ấy. Thú thật với chú là hôm nay con đã được gặp ông lớn Baktseev. Tuy nhiên con cũng có ý kiến của riêng mình. Dù sao con cũng xin chú hãy cho bọn mugic về đi để chúng ta còn nói chuyện riêng. Đó cũng chính là mục đích chuyến về quê của con...

- Chính thế, chính thế, - chú tôi tán đồng, - chính thế! Bây giờ chúng ta sẽ chia tay với họ để còn nói chuyện tâm tình đến nơi đến chốn! Nào, - vẫn giọng liến thoắng, ông quay sang với bọn mugic, - bây giờ hãy về đi, các bạn của ta! Mai kia lại đến, cứ thấy cần là đến; cứ trực tiếp với ta, bất cứ lúc nào.

- Xin tạm biệt ngài, người cha của chúng tôi! Xin ngài đừng nói gì với Foma Fomits! Xin ông lớn đoái thương cho cả bọn nghèo hèn! - bọn mugic lại hét lên lần nữa.

- Bọn ngu ngốc các người dỏng tai lên mà nghe nhé: ta sẽ không bao giờ đem các người đi cho ai cả!

- Chứ không thì ông ấy sẽ dạy chúng tôi đủ chuyện trên đời đấy ạ! Ông ấy đã dạy đủ thứ cho dân ở đây rồi đấy ạ.

- Chẳng lẽ ông ấy lại dạy tiếng Pháp cho cả bọn các người? - tôi giật mình nói to như quát.

- Không, thưa cậu, Chúa vẫn còn thương đấy ạ! - một gã trong đám mugic cất tiếng trả lời, gã có vẻ lém, tóc hung, sau gáy có một mảng hói lớn, râu cằm hình cái nêm, dài nhưng thưa, gã nói đến đâu râu đảo đến đấy, cứ như có con gì đang ngọ nguậy. - Chưa đâu, thưa cậu, Chúa vẫn còn thương đấy ạ.

- Thế ông ấy dạy dỗ cái gì?

- Ông ấy khuyên chúng tôi đi sắm hòm vàng mà đựng tiền đồng đấy ạ.

- Đồng xèng ấy à?

- Kìa Serioja! con nhầm rồi; đó là chuyện vu khống! - chú tôi quát, mặt đỏ gay vì ngượng. - Đó là do cái bọn ngu này không hiểu được lời ông ấy nói! Ông ấy chỉ muốn nói... tiền đồng tiền xèng cái của nợ gì!.. Mà con cũng không việc gì phải nhai lại cho nó mỏi mồm, - và chú tôi nói tiếp với gã mugic bằng giọng quở trách, - còn mi, đồ ngu xuẩn, người ta muốn hay muốn tốt cho mi mà mi không hiểu, lại còn đi ngoạc mồm ra!

- Con xin lỗi chú, thế còn cái khoản tiếng Pháp thì sao ạ?

- Đó là ông ấy muốn luyện phát âm, Serioja ạ, chỉ là để luyện phát âm thôi, - chú tôi nói, giọng nghe van vỉ thế nào. - Chính ông ấy cũng nói là muốn luyện phát âm... Tuy nhiên cũng đã xẩy ra một chuyện đặc biệt liên quan đến sự việc này - con chưa biết nên chưa xét đoán được đâu. Hãy tìm hiểu kỹ càng đi đã rồi hãy phê phán, người anh em ạ... Kết tội bao giờ chả dễ!

- Bọn các người lạ lắm! - tôi quát lên, rõ ràng là lại lên cơn với cánh mugic. - Cứ nói tuột cả ra với ông ấy có hơn không? Cứ bảo là thưa ông không thể như thế được, mà phải thế này này! Các người có mồm cả đấy chứ?

- Chuột nào chuột dám vuốt râu mèo, thưa cậu? Ông ấy nói: “Đây, ta dạy cho thằng mugic thối thây cách ăn ở sạch sẽ, gọn gàng ngăn nắp đây này. Làm sao mà áo xống bẩn thỉu thế kia?” Chết chửa, suốt đời đổ mồ hôi sôi nước mắt lại còn không bẩn! Áo đâu mà hôm nào cũng thay? Sạch cũng không mài ra mà ăn được, bẩn cũng không lăn ra mà chết được![23]

- Có lần láo sư[24] đến sân đập lúa, - một gã mugic khác lên tiếng, gã này người cao, gầy, quần áo vá chằng vá đụp, chân dận đôi giày vỏ cây bé tí, nom cũng biết thuộc loại suốt đời bực bõ, sẵn sàng phun ra những lời độc địa, chua cay. Từ đầu đến giờ gã vẫn nấp sau lưng người khác, im lặng lắng nghe với vẻ rầu rĩ, nét mặt lúc nào cũng phảng phất nụ cười nham hiểm. - Láo sư đến sân đạp lúa và hỏi: “Các người có biết chúng ta cách mặt trời bao nhiêu dặm không?” Ai mà biết được? Khoa học không phải là chuyện của chúng tôi, nó là của các ông lớn. “Chẳng phải thế đâu, ngu ạ, lợi ích của chính mình mà không biết; còn ta đây này, một nhà thiên lăn! Mọi hành tinh trong trời đất ta đều biết hết”.

- Ờ, thế ông ấy có cho anh biết là bao nhiêu dặm không? - chú tôi xen vào, ông hoạt bát hẳn lên và vui vẻ nháy mắt với tôi, ý chừng muốn bảo: “Sắp có chuyện lý thú đấy!”

- Dạ có, ông ấy bảo những bao nhiêu ấy, nhiều lắm, - gã mugic miễn cưỡng trả lời câu hỏi khá bất ngờ đối với mình.

- Nhưng là bao nhiêu, cụ thể là bao nhiêu?

- Thưa ngài, chuyện đó ngài biết rõ hơn nhiều chứ ạ, chúng tôi là hạng tối tăm ngu dốt.

- Ờ, ta biết chứ, thế người anh em còn nhớ là bao nhiêu không?

- Ông ấy bảo những mấy trăm hay mấy ngàn gì đó đấy ạ. Ông ấy bảo đâu nhiều lắm ạ. Ba xe tải cũng không chở hết.

- Nào, nhớ lại đi, người anh em! Anh tưởng chỉ chừng một dặm, tay cũng với tới chứ gì? Không phải thế, người anh em ạ, trái đất nó như một quả cầu, anh hiểu chứ?.. - chú tôi đưa tay khua một vòng trong không trung và nói tiếp.

Gã mugic mỉm cười chua chát.

- Đúng, như một quả cầu! Nó lơ lửng trong không trung và quay quanh mặt trời. Còn mặt trời thì đứng yên một chỗ, mà mình lại cứ tưởng là mặt trời đi. Thế mới hay! Mà người phát hiện ra tất cả những điều đó chính là thuyền trưởng Cook, một nhà hàng hải... Mà có ma nào biết đến cái ông phát hiện này đâu, - chú tôi nói nhỏ vào tai tôi. - Chính chú cũng chẳng biết gì đâu, người anh em ạ... Thế con có biết chúng ta cách mặt trời bao xa không?

- Con biết, thưa chú, - tôi đáp trong lúc vẫn đưa mắt ngạc nhiên nhìn quang cảnh diễn ra trước mắt, - có điều con đang nghĩ: tất nhiên là sự vô học thì vẫn đi đôi với sự lúi xùi rồi, nhưng, mặt khác... dạy thiên văn học cho nông dân...

- Chính thế, chính thế, chính là sự lúi xùi! - chú tôi phụ họa, đắc ý với cách diễn đạt của tôi mà theo chú là quá đạt. - Cao kiến! Chính là sự lúi xùi! Chú luôn luôn nói như thế... nghĩa là chú chưa bao giờ nói thế, nhưng đã cảm thấy thế. Các người nghe thấy cả đấy nhé, - ông hét lên với đám mugic, - sự vô học nó đẻ ra sự lúi xùi, nhếch nhác! Cũng chính vì thế mà Foma muốn mở mang đầu óc cho các người đấy. Ông ấy muốn dạy cho các người toàn những điều hay - như vậy là quý lắm. Dù sao đó cũng là sự cống hiến đáng trân trọng lắm, người anh em ạ. Đó là việc làm cao cả, là khoa học đấy! Thôi được rồi, tốt lắm, các bạn thân mến! Thôi về đi, lạy Chúa, ta vui lắm, vui lắm... yên tâm đi, ta không bỏ các người đâu.

- Hãy che chở chúng con, thưa cha!

- Hãy cứu vớt chúng con!

Và bọn mugic quỳ thụp xuống.

- Thôi, thôi, vớ vẩn! Lạy Chúa lạy vua thì lạy, không phải lạy ta... Thôi cứ về đi, cố gắng giữ gìn, ăn ở cho phải đạo, cho xứng đáng... xin chúc mọi sự tốt lành... Này con, - ông quay ngay lại với tôi khi bọn mugic vừa đi khỏi, mặt mày rạng rỡ hẳn lên, - bọn mugic thì vẫn chuộng lời ngon ngọt, nhưng quà cáp cũng không hẳn là không tốt. Ta cho họ một chút quà nhé? Con thấy thế nào? Nhân dịp con về chơi... Có nên không?

- Kìa, con thấy chú cứ như là Frol Silin ấy con người tốt bụng thế chứ lị[25].

- Ồ, nhưng cũng không được, người anh em ạ, không được: không cần thiết. Chú thì vẫn có ý định này từ lâu rồi cơ, - ông nói thêm với vẻ biết lỗi. - Mà này, con có thấy buồn cười về việc chú dạy khoa học cho bọn mugic không? Không, người anh em ạ, chú làm thế vì chú đang quá vui vì được gặp lại con đấy, Serioja ạ. Chú chỉ muốn cho thằng mugic nó há hốc mồm ra khi được biết là mình đang ở cách mặt trời bao xa thôi. Thấy nó há hốc mồm ra là đã vui rồi... đã sướng thay cho nó rồi. Có điều lát nữa vào phòng khách thì con chớ có nói là chú vừa trò chuyện với cánh mugic ở đây đâu đấy nhé. Chú phải tiếp bọn họ ở mé sau khu chuồng ngựa là để không ai nhìn thấy đấy. Chuyện đó không thể để lộ ra ở phòng khách được đâu, người anh em ạ: một vấn đề nhạy cảm; chính bọn mugic cũng đã phải ngậm tăm mà đi đến chỗ tập trung đấy. Mà chú còn phải vì họ mà kín tiếng hơn...

- Nào thưa chú, dù sao con cũng đã về đến đây rồi! - tôi chủ động lái câu chuyện sang hướng khác, chỉ muốn mau mau tiếp cận được đề tài chính yếu. - Con thú thật với chú rằng bức thư của chú đã làm con ngạc nhiên đến nỗi...

- Thôi, đừng nói gì đến chuyện ấy nữa! - chú tôi ngắt lời tôi, vẻ hoảng hốt, thậm chí còn hạ thấp giọng, - để sau, mọi chuyện sẽ được làm sáng tỏ. Có lẽ chú cũng đã có lỗi với con, rất có lỗi là đằng khác, nhưng...

- Chú có lỗi với con ư, thưa chú?

- Để sau, để sau, anh bạn trẻ ạ, để sau! Mọi chuyện sẽ được làm sáng tỏ. Con chững chạc quá rồi đấy! Bé yêu của chú! Chú mong con mãi! Chú muốn giãi bày... ừ đấy, con đương nhiên là người có học, con là người duy nhất mà chú... con và Korovkin. Chú phải nói cho con biết là ở đây mọi người đang giận con đấy. Con phải cẩn thận, đừng để xảy ra sơ suất!

- Giận con ư? - tôi đưa mắt ngạc nhiên nhìn chú tôi, không hiểu nổi là tôi đã có thể làm gì khiến những người hầu như chưa hề quen biết phải giận mình. - Giận con ư?

- Giận con đấy, người anh em ạ. Làm thế nào được. Foma Fomits có phần... rồi cả bà nữa, bà cũng theo đuôi ông ấy. Nói chung là con phải cẩn thận, phải tỏ ra lễ phép, không được chống đối, chủ yếu là lễ phép...

-Đối với Foma Fomits ư, thưa chú?

- Chứ sao, anh bạn trẻ này! chú cũng chẳng bênh gì ông ấy. Có thể ông ấy đúng là người có những mặt khiếm khuyết, và thậm chí ngay bây giờ, ngay lúc này đây... Ôi, Serioja, điều này đang làm chú lo lắm đấy! Ước gì mọi chuyện rắc

rối có thể qua đi được, ước gì tất cả chúng ta có thể sống vui vẻ và hạnh phúc bên nhau! Nhưng thử hỏi ai là người không có chỗ khiếm khuyết? Chúng ta có phải là vàng ròng cả đâu cơ chứ?

- Xin lỗi chú đi! Chú hãy xét xem những hành động của ông ta...

- Kìa, người anh em! tất cả những cái đó chỉ là chuyện vặt! Chẳng hạn thế này, chú kể con nghe: bây giờ ông ấy đang giận chú, và vì lý do gì, con nghĩ thế nào?.. Nhưng cũng có thể chính chú là người có lỗi. Thôi tốt nhất là chú sẽ kể sau...

- Tuy nhiên, thưa chú, về vấn đề này, con đã phải nát óc để có được cách kiến giải đặc biệt cho chính bản thân mình, - tôi ngắt lời ông, vội vã đưa ra ý kiến của mình. Cả hai chú cháu lúc này đều tỏ ra vội vã. - Thứ nhất, ông ấy đã từng là một chú hề: cảnh ngộ đó đã dày vò, vùi dập, chà đạp cái lý tưởng cuộc đời ông ấy; từ đó ta mới có một kẻ dữ dằn, bệnh hoạn, hận đời... Nhưng nếu ta hòa giải được kẻ đó với mọi người, trả lại kẻ đó cho chính bản thân họ...

- Chính thế, chính thế! - chú tôi hoan hỉ reo lên, - chính thế! Cao kiến! Và đối với chúng ta, chê trách một con người như vậy còn là chuyện đáng xấu hổ, chuyện hèn kém nữa!... Chính thế!... Chà, con hiểu ta lắm, anh bạn trẻ ạ; con làm ta vui sướng biết bao! Chỉ mong mọi vướng mắc trong nhà được dàn xếp ổn thỏa mà thôi! Con biết không, bây giờ chú vẫn đang ngại tiếp xúc với mọi người đây. Nhưng cháu đã về đến đây rồi, nhất định chú phải đạt được điều mình mong muốn!

- Thưa chú, nếu vậy... - tôi ngắc ngứ, cảm thấy bối rối trước ý định của chú tôi.

- Bất kể thế nào! không thể khác! - ông hét toáng lên, túm lấy cả hai tay tôi. - Con là khách của chú, và chú muốn thế!

Mọi sự đã khiến tôi choáng váng.

- Thưa chú, chú hãy cho con biết ngay bây giờ, - tôi khẩn khoản, - chú gọi con về đây với mục đích gì? Chú đặt hy vọng gì vào con và cái chính là chú có lỗi gì với con nào?

- Thôi con đừng hỏi nữa! mọi chuyện sẽ nói sau! mọi chuyện sẽ được làm sáng tỏ! Có thể chú là người có lỗi về nhiều mặt, nhưng chú muốn xử sự như một con người trung thực, và... và... và con sẽ lấy cô ta làm vợ! Con sẽ lấy, chỉ cần ở con có một chút lòng nghĩa hiệp! - đỏ mặt tía tai do một cảm xúc bất ngờ nào đó, ông vừa nói thêm vừa vui mừng nắm chặt lấy tay tôi. - Thôi đủ rồi, không phải nói gì nữa! Rồi tự con sẽ biết ngay thôi, biết hết. Việc này sẽ phụ thuộc vào con

mà... Cái chính là giờ đây con phải gây được cảm tình, tạo được ấn tượng tốt. Cái chính là không được ngượng ngùng.

- Thưa chú, thế có những ai ở đấy ạ? Con xin thú thực là con chẳng mấy khi được tiếp xúc đông người, thành thử...

- Sao, chờn à? - chú tôi ngắt lời tôi, miệng tủm tỉm. - Chả có gì đáng ngại đâu! Toàn người nhà với nhau cả, tươi tỉnh hoạt bát lên! không việc gì phải hốt! Cơ mà chú vẫn lo cho con lắm. Con hỏi là có những ai ở đấy ư? Đấy, nhà này thì có... Một là bà, - ông đã có vẻ vội vã. - Con còn nhớ bà không? Một bà già rất hiền rất tốt, không hợm hĩnh kiêu kỳ, có thể nói như thế; kể cũng có hơi cổ, nhưng thế lại càng hay. Mà này, con biết không, thỉnh thoảng bà cũng có giở chứng nói linh tinh đấy; bây giờ bà đang giận chú đây này, cũng tại chú cả thôi... Nói gì thì nói, bà chẳng là một *grande dame* là gì, một tướng quân phu nhân mà lị... phu quân của cụ là một con người kiệt xuất: trước hết là một vị tướng, một người học vấn rất cao, tài sản thì chẳng có gì để lại nhưng đúng là một chiến binh thương tích đầy mình; tóm lại người đã dành được sự tôn kính trong xã hội! Tiếp đến là ả gái già Perepelisina. Ả ấy thì... chú không biết... hồi này ả có hơi... trái tính thế nào... Nhưng thôi, mỗi người mỗi tính, biết thế nào mà nói... Cầu Chúa phù hộ cho ả... Con đừng tưởng ả là kẻ thất cơ lỡ vận phải sống nương nhờ đâu nhé. Ả chính là con gái một vị trung tá đấy, người anh em ạ. Người tâm phúc của bà đấy, anh bạn trẻ ạ! Rồi đến cô Praskovia Iliitsna của con, em gái chú. Ồ, về cô ấy thì chẳng phải nói nhiều: một người phụ nữ giản dị, hiền hậu; hơi quá tham công tiếc việc nhưng tốt bụng lắm cơ! cái chính là phải nhằm vào trái tim người phụ nữ đơn thân ấy, nhưng, con biết không, cái bố Baktseev kỳ cục kia lại tuồng như muốn nhử mồi, cám dỗ thế này thế khác. Này, không được nói gì đấy nhé, tuyệt mật! Còn ai nữa nào? về trẻ con thì chú chả nói nữa: tự con con sẽ thấy. Mai là ngày lễ thánh của Iliusa... Thôi chết, suýt nữa thì quên: một vị khách đang ở chơi với gia đình đã một tháng nay, đó là Ivan Mizintsikov, hình như nó có họ với con, anh em họ ba đời; đúng, chính là anh em họ! một trung úy khinh kỵ binh mới xuất ngũ cách đây không lâu; một chàng trai trẻ. Một tâm hồn cao quý! nhưng sao nó đi nhiều đến thế không biết. Nó hầu như chẳng có gì nhưng lại khỏe đi, nợ nần chồng chất... Bây giờ đang ở chơi với chú đấy. Trước đây chú có biết nó đâu; nó tự đến, tự giới thiệu. Một chàng trai đáng yêu, hiền lành, lễ độ. Ở đây chưa ai nghe thấy nó nói gì bao giờ, im như thóc ấy. Foma giễu nó bằng biệt danh “khách lạ ù lì” - nó cũng chẳng bảo sao. Foma có vẻ ưng ý; cứ bảo Ivan là đứa dễ chơi. Thì nó có cãi lại ông ấy bao giờ đâu, bảo gì cũng gật

hết. Hừm! Nhu nhược quá... Thôi kệ, cầu Chúa phù hộ cho nó! rồi tự con con sẽ thấy. Còn có các vị khách thành phố nữa: hai mẹ con cậu Paven Semionits Obnoskin; cậu này còn trẻ nhưng cực kỳ thông tuệ; có cái gì đó thật chín chắn, vững vàng... Có điều chú không biết phải diễn đạt thế nào; cũng phải nói thêm rằng đó là người có đức độ cao cả; con người của cả một nền đạo lý khắt khe! Và cuối cùng, cũng là khách, nhưng cháu biết không, chỉ có Tatiana Ivanovna là hình như còn có họ xa với đằng nhà chú, con chưa biết chị ấy đâu, một phụ nữ quá lứa nhỡ thì, thú thật là như thế, nhưng... là người dễ chịu; chị ấy khá giả lắm, người anh em ạ, thừa sức mua đến hai cái làng Stepantsikovo này cơ; tài sản cũng mới về tay chị ấy thôi, chứ trước đó thì gian truân lắm. Con phải cẩn thận đấy, Serioja ạ: chị ấy có bệnh mà... bệnh hoang tưởng thế nào đó. Con là người tốt bụng con sẽ hiểu thôi, chị ấy đã từng nếm trải nhiều bất hạnh. Phải thận trọng gấp đôi đối với những người như vậy! Tuy nhiên, con cũng đừng nghĩ ngợi nhiều. Tất nhiên chị ấy cũng có những biểu hiện bất ổn: thỉnh thoảng lại hớt hơ hớt hải, ăn nói lung tung, câu nọ xọ câu kia, nhưng không phải chuyện điêu trác gì đâu, đừng nghi oan phải tội... tất cả những cái đó đều xuất phát từ một trái tim trong trắng, thanh cao, nên dù có nói dối đi chăng nữa thì điều đó cũng đã được sàng lọc qua một tâm hồn quá ư cao thượng mà thôi - con hiểu chưa nào?

Tôi có cảm tưởng là chú tôi đã ngượng chín cả mặt.

- Thưa chú, - tôi nói, - con yêu chú thế... chú cho con hỏi thẳng câu này: chú có định lấy người nào ở đây làm vợ hay không?

- Ai bảo con thế? - ông đáp, mặt ửng hồng như trẻ con. - Được rồi, chú sẽ kể con nghe, kể hết: trước hết, chú chưa tính đến chuyện vợ con. Bà cháu, một phần nữa là cô cháu và chủ yếu là Foma Fomits, người mà bà cháu vô cùng ái mộ, - vì công việc thôi, ông ấy đã làm cho bà cháu nhiều việc tốt mà, - cả mấy người đều muốn chú kết hôn với cái chị Tatiana Ivanovna ấy, cũng xuất phát từ thiện ý thôi, tức là vì cả gia đình. Tất nhiên mọi người đều muốn hay muốn tốt cho chú cả, con hiểu chứ; nhưng dẫu thế nào chú cũng không lấy vợ đâu, chú đã hạ quyết tâm rồi. Ấy vậy nhưng chú vẫn không biết cách trả lời cho dứt khoát. Chú hay bị thế lắm, người anh em ạ. Thế là họ tưởng chú đã xuôi rồi và một mực đòi chú phải ngỏ lời ngay trong ngày mai, nhân ngày hội của gia đình... mà ngày mai thì còn bao nhiêu việc, chú đang rối hết cả ruột lên rồi đây này! Đã thế Foma còn tự dưng nổi xung lên với chú; bà cũng vậy. Thú thật với con là chú chỉ mong con và Korovkin thôi... chú muốn chia sẻ mà con...

- Korovkin có thể giúp gì chú trong việc này, hở chú?

- Giúp chứ, cái anh bạn trẻ này! Giúp chứ, - một người quan trọng đấy, người anh em ạ; một con người của khoa học - nói cho nhanh! Chú đặt hy vọng vào ông ấy khi thấy đó là một ngọn núi đá vững vàng: một con người bất bại! Ông ấy nói về hạnh phúc gia đình mới tuyệt làm sao! Thú thật chú cũng còn đặt hy vọng vào cả con nữa; chú nghĩ rằng con sẽ can ngăn được họ. Con cứ nghĩ mà xem, ừ, thì cứ cho là chú có lỗi đi, đúng là có lỗi - chú hiểu hết rồi; chú đâu phải là cái loại vô cảm. Nhưng đến một ngày nào đó chú cũng có thể được tha thứ hết chứ sao! Gia đình ta lại sẽ lại sum vầy đầm ấm chứ sao! Này, bé Sasurka nhà chú nó đã lớn phổng lên rồi đấy! Thằng Iliusa nhà chú cũng lớn phết! mai là ngày lễ thánh rồi đấy. Riêng về bé Sasurka thì chú vẫn cứ lo ngay ngáy - đấy con xem!

- Chú! va li của con ở đâu ạ? Con thay quần áo một loáng con ra ngay, chứ không...

- Ở trên gác xép ấy. Chú đã dặn bọn nó là lúc nào con về đến nhà thì đưa luôn lên gác xép, không để ai nhìn thấy. Chính thế, chính thế: thay quần áo luôn! Tốt rồi, hay lắm, hay lắm! Bây giờ chú tranh thủ sắp xếp công việc cho cả bọn chúng nó một tý. Phải tinh khôn mới được, người anh em ạ. Buộc lòng anh phải sắm vai Talleyrand[26] thôi. Được, tạm ổn rồi. Bây giờ mọi người đang dùng trà ở đấy. Ở đây mọi người uống trà ngay từ sáng sớm. Foma Fomits cứ ngủ dậy là phải có trà ngay; tốt nhất đấy con ạ... Thôi chú đi đây, con cũng nhanh nhanh vào mà lên với chú, đừng bỏ mặc chú một mình: một mình, chú cứ chệnh choạng thế nào ấy, người anh em ạ... Khoan, chú bảo! chú dặn câu này nữa: đến đây con không được quát lên với chú như vừa rồi ở đây đâu đấy nhé, rõ chưa? Muốn bảo gì cứ để đấy chú cháu mình sẽ nói sau; trước mắt hãy tự kiềm chế đã, cứ từ từ! Nói cho con biết chứ chú cũng đã từng bốp chát với họ rồi. Họ đang giận đấy...

- Thưa chú, qua tất cả những gì tai nghe mắt thấy ở đây con thấy hình như chú...

- Quá ngô nghê hả? Nói nốt đi chứ! - ông bỗng dưng ngắt lời tôi. - Biết làm sao được! Chú cũng tự biết mà. Thế nào, con sẽ sang chứ? Thật nhanh lên đấy nhé!

Tôi leo lên gác xép, mở vội va li, không quên lời thúc giục của chú tôi. Vừa mặc quần áo, tôi vừa nhận ra rằng mình hầu như chưa biết được tý gì trong số những điều đang muốn biết, dù đã trò chuyện với chú suốt một tiếng đồng hồ. Tôi ngẩn cả người. Điều duy nhất tôi thấy rõ hơn một chút là chú tôi vẫn cứ mong tôi lấy vợ; do đó, tất cả những lời đồn đoán lạ tai, cụ thể là câu chuyện

cho rằng chú tôi đã phải lòng cô gái kia, đều có thể coi là chuyện tầm phào. Tôi nhớ là tôi đã rất lo lắng. Tuy nhiên tôi bỗng nhận ra rằng tôi đã về với chú và im lặng trước lời đề nghị của chú thế này thì chẳng khác nào tôi đã nhận lời, đã hứa hẹn, đã tự trói lấy mình mãi mãi. “Thật không khó, - tôi nghĩ bụng, - thật không khó để có thể buông ra một lời hứa hẹn nó trói chân trói tay mình lại cả đời. Trong lúc mình vẫn còn chưa biết mặt người ta!” Và lại vẫn câu hỏi ấy: do đâu mà cả đại gia đình có thể có thái độ thù địch với ta như vậy? Tại sao tất cả bọn họ lại phải căm ghét chuyến viếng thăm này như vậy, theo như chú nói? Và cái vai trò lạ lùng của chú ở đây, ngay tại nhà mình, phải hiểu thế nào đây? Tại sao chú lại phải giấu giấu diếm diếm? Rồi tất cả những khiếp hãi, ưu phiền ấy nữa - do đâu? Xin thú thật là không hiểu vì sao đối với tôi tất cả những điều đó bỗng trở nên hoàn toàn vô nghĩa; những mơ ước lãng mạn và anh hùng đã bay sạch khỏi đầu tôi ngay trong cú va đập đầu tiên với hiện thực phũ phàng. Mãi đến bây giờ, sau khi nói chuyện với chú tôi, tôi mới bất thần nhận ra được tất cả sự trái khoáy, tất cả sự kỳ quặc trong lời đề nghị của chú tôi và tôi chợt hiểu là một lời đề nghị như thế, trong bối cảnh như thế thì chỉ có chú tôi là người có thể đưa ra được. Tôi cũng hiểu được rằng bản thân tôi cũng quá ngu khi cắm đầu cắm cổ phóng một mạch về quê theo tiếng gọi đầu tiên của chú tôi, hí hửng trước lời đề nghị của ông. Tôi mặc vội quần áo trong tâm trạng bồn chồn nghi hoặc nên thoạt tiên chẳng để ý gì đến gã hầu phòng.

- Cậu thắt cái cà-vạt màu Adelaidin[27] hay cái kẻ ô nhỏ này ạ? - gã bỗng cất tiếng hỏi tôi với vẻ cung kính khác thường.

Tôi đưa mắt nhìn gã, thì ra gã cũng rất gợi trí tò mò. Đó là một chàng trai trong trang phục gia nhân nhưng cũng bảnh bao chẳng kém cậu công tử bột nào. Áo đuôi tôm màu da lươn, quần trắng, áo gi-lê màu vàng nhạt, giày ống bóng lộn, cà-vạt nhỏ màu hồng - mọi thứ rõ ràng được chọn lựa kỹ, có chủ ý, chắc hẳn sẽ thu hút ngay được sự chú ý của mọi người đến khiếu thẩm mĩ tinh tế của anh chàng ăn diện bảnh bao. Sợi xích đeo đồng hồ quả quýt được chưng ra hẳn cũng nhằm mục đích ấy. Mặt gã trắng bệch, thậm chí còn hơi xanh, mũi cao, khoằm, trắng lạ lùng như đúc bằng sứ. Nụ cười trên cặp môi mỏng của gã thoáng hiện vẻ u buồn, tuy nhiên vẫn là vẻ u buồn sang trọng. Cặp mắt to, lồi, trong trong như kính, vẻ thẫn thờ hoang hoải nhưng ngay trong đó vẫn ánh lên cái nhìn ý tứ sâu xa. Đôi tai mỏng, mềm, lỗ tai được nút gọn bằng bông một cách tao nhã. Mái tóc dài nhưng thưa, màu trắng bợt được uốn thành những lọn tóc xoăn chải sáp. Đôi tay nhỏ nhắn của gã thật trắng trẻo sạch sẽ, nom như

được cọ rửa bằng nước hoa hồng, ngón tay được nối dài bằng những móng tay ửng hồng đỏm dáng. Tất cả cho thấy đây là một kẻ chơi bời ăn trắng mặc trơn. Gã cố tình không uốn lưỡi ở những âm uốn lưỡi, bỏ phụ âm *p* theo mốt cực thịnh, dướn mày cụp mắt, thở dài và lả lướt đến ghê. Người gã thoang thoảng mùi nước hoa. Gã không có thân hình cao lớn, chỉ thuộc diện hom hem nhưng có dáng đi nhún nhẩy điệu đà, tuồng như đang tìm thấy vẻ kiêu sa trong đó, - tóm lại, toàn bộ con người gã toát lên sự làm dáng, sự ẻo lả và cảm giác tự tôn kỳ quặc. Không hiểu sao cảnh tượng vừa rồi đã khiến tôi phát bẳn.

- Đây là cái cà-vạt màu Adelaidin ư? - tôi đưa mắt nhìn gã hầu phòng với vẻ nghiêm khắc và cất tiếng hỏi.

- Vâng, màu Adelaidin đấy ạ, - gã đáp với giọng nhẹ nhàng lễ độ.

- Thế không có màu Agrafenin ư?

- Không ạ. Không thể có màu như thế đâu ạ.

- Tại sao?

- Cái tên Agrafena không được lịch sự ạ.

- Không lịch sự thế nào? tại sao?

- Mọi người đều biết: chí ít thì Adelaidin cũng là một cái tên nước ngoài, một cái tên quý phái; còn Agrafena thì có thể là tên con mẹ mạt hạng nào mà chả được.

- Anh điên rồi hay sao đấy?

- Không có đâu ạ, đầu óc tôi vẫn bình thường đấy ạ. Tất nhiên cậu muốn mắng nhiếc tôi thế nào cũng được; nhưng tôi nói chuyện thì nhiều vị tướng, thậm chí cả mấy ngài bá tước ở thủ đô đều thấy hài lòng đấy ạ.

- Anh tên gì?

- Vidopliasov ạ.

- A! Anh là Vidopliasov ư?

- Vâng đúng ạ.

- Ờ, biết thế, ta cũng sẽ làm quen với anh, người anh em ạ.

“Ở đây cứ như ở nhà thương điên hay sao ấy”, - tôi nghĩ bụng lúc đi xuống.

IV

BÊN BÀN TRÀ

Phòng trà chính là căn phòng có cửa mở ra dải thềm mà tôi vừa gặp Gavrila. Những dự báo bí ẩn của chú tôi về buổi tiếp đón đang chờ đợi tôi đã khiến tôi rất lo lắng. Giới trẻ đôi khi cũng rất giàu lòng tự ái, nhưng lòng tự ái của giới trẻ hầu như lúc nào cũng thể hiện một cách rụt rè. Do đó, khi vừa bước vào cửa và nhìn thấy mọi người đã tề tựu bên bàn trà, tôi đã mất hết bình tĩnh, cứ vấp dúi vấp dụi vào thảm, loạng choạng bước đi rồi bất thần phóng như bay vào giữa phòng. Ngượng nghịu như đã rũ bỏ hết danh phận, danh dự và tên tuổi của mình, tôi đứng sững như trời trồng, đỏ mặt tía tai và đưa mắt ngơ ngác nhìn mọi người. Tôi nhắc lại cái sự kiện quá nhỏ nhặt này chỉ vì nó đã ảnh hưởng đặc biệt tới tâm trạng của tôi hầu như suốt cả ngày hôm đó và do vậy, tới cả những mối quan hệ của tôi đối với vài ba nhân vật của thiên truyện này. Tôi cúi chào qua quýt, cũng vì thế càng đỏ mặt hơn, liền bổ nhoáng bổ nhoàng đến chỗ chú tôi, chộp lấy tay ông.

- Con chào chú ạ! - tôi vừa nói vừa thở hổn hển, những muốn nói một điều gì đó khác hẳn, sắc sảo hơn nhiều nhưng oái oăm thay, chỉ chào được mỗi một câu.

- Chào con, chào con! - người chú đang buồn cho tôi cất tiếng, - chú cháu mình chả chào nhau rồi là gì. Đừng quá hồi hộp, - ông hạ giọng thì thào, - ai cũng hồi hộp, ngượng nghịu hết, có lúc còn nghệt mặt ra nữa ấy! Còn muốn ngã lăn queo ra nữa ấy chứ!... Nào bây giờ con thưa mẹ, con xin phép giới thiệu với mẹ: đây là chàng trai của chúng ta; cậu chàng cũng còn hơi ngượng ngập, nhưng xin bà hãy thương lấy cháu. Đây là Serjei Aleksanđrovits, cháu tôi, - ông hướng lời giới thiệu tới tất cả mọi người.

Nhưng trước khi kể tiếp câu chuyện, tôi xin lần lượt giới thiệu với độc giả kính mến tất cả những người đã tình cờ họp mặt với tôi. Cũng cốt để câu chuyện thêm phần mạch lạc.

Phía chủ sự gồm có mấy người phụ nữ và mỗi hai người đàn ông, không kể hai chú cháu tôi. Foma Fomits, người mà tôi đang rất muốn biết mặt và là người mà lúc đó tôi đã cảm nhận được là phải đóng vai thống soái trong nhà, đã không có

mặt: ông ta trổ tài vắng mặt và dường như đã mang theo ánh sáng của căn phòng. Mọi người đều có vẻ rầu rĩ và lo lắng. Một điều không thể không nhận thấy ngay từ đầu: giữa lúc bản thân đang bối rối và phiền muộn, tôi vẫn thấy được chú tôi cũng gần như đang phiền muộn như tôi, dù ông đang ra sức che giấu nỗi lo lắng của mình dưới một vẻ tự nhiên giả tạo. Trái tim ông nặng trĩu như đeo đá. Một trong hai người đã ngồi sẵn trong phòng là một chàng trai hai mươi lăm tuổi, đó chính là Obnoskin mà chú tôi vừa nhắc tới với lời tán dương trí tuệ và đạo đức của anh ta. Tôi rất không ưa cậu công tử này: toàn bộ con người anh ta toát lên một vẻ ngông ngáo; quần áo thì chưng diện theo kiểu nhầu nhĩ bụi bặm; cả gương mặt anh ta cũng nom nhầu nhĩ thế nào. Bộ ria mép mảnh, màu trắng nhợt, xòe như râu gián, chòm râu cằm loi thoi xơ xác - đều là những biểu hiện của kẻ phớt đời, có thể là người của phái tự do. Anh ta luôn nheo mắt, mỉm cười với ý xỏ xiên ra mặt, làm bộ làm tịch ngay trên ghế và chốc chốc lại nhìn tôi qua cái kính cầm tay, nhưng mỗi khi tôi quay về phía anh ta thì anh ta lại bỏ ngay kính xuống, tỏ ra e sợ. Một công tử khác, cũng là một chàng trai, hai mươi tám tuổi, ông anh họ ba đời của tôi, Mizintsikov. Quả thật anh ta là một kẻ quá lầm lì. Suốt bữa trà anh ta không thèm nói lấy một câu, mọi người có cười nghiêng ngả với nhau anh ta cũng không nhếch mép; nhưng tôi không hề thấy ở anh ta một chút “nhu nhược” nào như chú tôi nói; trái lại, cái nhìn từ đôi mắt màu nâu nhạt của anh ta chỉ nói lên sự quả quyết và một cá tính rõ ràng. Mizintsikov có nước da màu bánh mật, tóc đen và khá điển trai; ăn mặc rất lịch sự từ tiền của chú tôi, như sau này tôi được biết. Trong số phụ nữ, trước hết tôi để ý đến ả gái già Perepelisina vì ả có bộ mặt dữ dằn, bợt ra như thiếu máu. Ả ngồi cạnh tướng quân phu nhân, - về người xin được nói sau, - nhưng không ngang hàng mà hơi dịch về phía sau ngụ ý tôn kính; chốc chốc ả lại cúi xuống thì thầm to nhỏ vào tai đấng bảo hộ của mình. Hai ba người phụ nữ được cưu mang, nom cũng đã luống tuổi - ngồi lặng thinh bên cửa sổ, trố mắt nhìn lão mẫu và kính cẩn chờ trà. Tôi còn để ý đến một bà lớn to béo, phát phì hết cỡ, tuổi trạc năm mươi, ăn mặc lố lăng sặc sỡ, răng chỉ còn đôi ba mẩu sứt đen đúa trồi lên; ấy vậy mà bà ta vẫn chuyện trò liến láu, nheo mắt, nhún vai, liếc ngang liếc dọc. Cổ bà ta đeo máy sợi dây chuyền và bà ta liên tục nhìn tôi qua kính cầm tay, y hệt me-xừ Obnoskin. Đó là mẹ anh ta. Cô Praskovia Ilinitsna thùy mị của tôi đang rót trà cho mọi người. Ô, rõ ràng cô đang muốn ôm chầm lấy tôi sau bao ngày xa cách và hẳn sẽ khóc òa lên, nhưng cô không dám. Mọi thứ ở đây dường như đều bị cấm đoán. Ngồi cạnh cô là một bé gái mắt đen mười lăm tuổi rất xinh

đang nhìn tôi chăm chú với vẻ tò mò của trẻ con, đó là Sasa, em họ tôi. Cuối cùng, người đập vào mắt tôi mạnh nhất có lẽ là một nương nương quái dị trong trang phục trẻ trung lộng lẫy cho dù vị ấy cũng không còn trẻ mỏ gì, phải băm nhăm là ít. Chị ta có khuôn mắt choắt, nhợt và khô nhưng lại đầy sinh khí. Đôi má bợt bạt chốc chốc lại ửng hồng hết cỡ, hầu như theo mỗi cử động, mỗi đợt xốn xang hồi hộp trong lòng. Mà chị ta thì luôn luôn xúc động, luôn luôn ngọ nguậy, dường như không thể ngồi yên được lấy một phút. Chị ta đưa mắt hau háu nhìn tôi với vẻ tò mò háo hức, liên tục cúi xuống thì thầm to nhỏ vào tai Sasenka hay với ai đó bên cạnh rồi cười phá lên bằng tiếng cười hồn nhiên nhất, vui vẻ nhất của trẻ thơ. Nhưng tôi lấy làm lạ là tất cả những điều kỳ cục của chị ta hầu như chẳng có ai để ý, cứ như mọi sự đã được an bài, sắp sẵn từ lâu. Tôi đoán đó chính là Tatiana Ivanovna mà theo lời chú tôi là người mắc chứng hoang tưởng, người mà mọi người đang ép chú phải cầu hôn, người mà hầu như cả nhà đang ngốt lên vì tài sản, quyết gạ gẫm cho bằng được. Tuy nhiên tôi vẫn thích đôi mắt chị ta, một đôi mắt xanh lơ hiền dịu; và tuy những nếp nhăn đã hiện hình quanh đôi mắt ấy, nhưng cái nhìn từ đó vẫn rất đỗi hồn nhiên, vui vẻ và đôn hậu, đến nỗi cứ bắt gặp nó lại thấy lòng dễ chịu biết bao. Về Tatiana Ivanovna, một trong số những nữ nhân vật chính của thiên truyện này thì tôi xin nói kỹ sau: tiểu sử của chị ta rất đáng chú ý. Tôi xuất hiện trong phòng trà được năm phút thì một cậu bé xinh xắn chạy từ ngoài vườn vào, đó là Iliusa, em họ tôi, mai là ngày lễ thánh của em, hai túi quần em lúc này nhét đầy chùy xương ngựa, hai tay giữ một con quay. Theo em bước vào phòng là một cô gái trẻ, thân hình cân đối, có phần xanh xao, mệt mỏi nhưng rất xinh. Cô lướt nhìn mọi người với ánh mắt hiếu kỳ, nghi ngại và thậm chí còn e sợ, đưa mắt chăm chú nhìn tôi và ngồi xuống cạnh Tatiana Ivanovna. Tôi nhớ là tim tôi đã bất giác nện thình thình: tôi đoán đấy chính là cô gia sư... Tôi cũng nhớ là khi cô ta vừa xuất hiện thì chú tôi bỗng liếc nhìn tôi và đỏ bừng mặt lên, rồi ông cúi xuống bế thằng Iliusa đến hôn tôi. Tôi còn nhận thấy bà Obnoskina lúc đầu thì nhìn chú tôi chằm chằm, sau lại chĩa cái kính cầm tay về phía cô gia sư, miệng mỉm cười giễu cợt. Chú tôi tỏ ra rất bối rối, loanh quanh mãi không biết làm gì, bèn gọi Sasenka đến để giới thiệu với tôi, nhưng em chỉ nhổm lên và lẳng lặng cúi chào tôi với vẻ trịnh trọng. Tuy nhiên tôi cảm thấy ưa thích cử chỉ này, vì đó là thái độ của chính em. Ngay lúc đó, Praskovia Iliitsna hiền hậu của tôi đã không chịu nổi, cô đặt ngay ấm trà xuống, toan nhào đến để hôn tôi; nhưng tôi còn chưa kịp nói gì với cô thì đã thấy vang lên cái giọng eo éo của ả gái già Perepelisina, ả rít lên "thì ra

Praskovia Ilinitsna đã bỏ quên lão mẫu rồi đấy ạ, lão mẫu đang mong trà đấy ạ, vậy mà nương nương vẫn chưa rót để cho người chờ đấy ạ”, và Praskovia Ilinitsna đành bỏ mặc tôi, hối hả quay lại với nhiệm vụ của mình.

Tướng quân phu nhân, nhân vật quan trọng nhất và là người cầm chịch trong nhà là một bà già gầy guộc và dữ tợn, vẫn đồ tang nghiêm túc, - tuy nhiên, người dữ tợn như thế chủ yếu là do tuổi già và do tình trạng suy kiệt trí lực vốn đã nghèo nàn, mà người lại là người bẳn tính từ trước. Ngôi vị một mệnh phụ phu nhân đã khiến người trở nên ngu xuẩn và kênh kiệu hơn. Khi người nổi cơn tam bành lục tặc thì cả khu nhà thành địa ngục luôn. Người có hai kiểu nổi giận. Kiểu thứ nhất là im lặng, suốt mấy ngày giời bà già không nói một câu, cứ mắm môi mắm lợi mà xô, gạt, đôi lúc còn ném thẳng xuống sàn tất cả những gì được bày ra trước mặt người. Kiểu thứ hai thì ngược lại, người nói thao thao bất tuyệt. Cơn điên thường bắt đầu từ chỗ bà - người chả là bà tôi mà - đắm mình vào một nỗi đau thương kỳ quặc, chỉ còn chờ đến phút hủy diệt của thế gian và cơ nghiệp của mình, cảm thấy cảnh bần hàn và muôn nỗi khổ đau đang ập tới, rồi nổi hứng lên với những tiên cảm ấy, bà bắt đầu bấm trên đầu ngón tay những nỗi cơ cực sau này và thậm chí vừa tính đếm vừa lấy làm thích thú, say sưa. Thì ra bà đã thấy trước tất cả từ lâu và sở dĩ bà im lặng chỉ vì bà buộc phải im lặng “trong cái nhà này”. “Nhưng giá như mọi người đều biết thân biết phận, chỉ cần tôn kính bà thôi, biết nghe lời căn dặn của bà thôi, thì” vân vân và vân vân; tất cả những lời vàng ngọc ấy đều lập tức được gật gù phụ họa bằng những cái đầu của cả đám phụ nữ được cưu mang, của ả gái già Perepelisina và cuối cùng, được Foma Fomits trịnh trọng xác nhận. Lúc tôi đến chào, bà đang nổi giận ghê gớm và có lẽ là theo kiểu thứ nhất, kiểu ù lì, kiểu đáng sợ nhất. Mọi người đều đưa mắt lấm lét nhìn bà. Riêng Tatiana Ivanovna, con người đã thoát khỏi mọi vòng cương tỏa, là đang trong tâm trạng tuyệt vời. Chú tôi đã cố tình, thậm chí còn có phận trịnh trọng, dẫn tôi đến chào hỏi bà; nhưng bà lại cau mày giận dữ, đưa tay đẩy mạnh tách trà ra phía trước.

- Cái thằng dâ-a-ấm dơ-ớ ấy đấy ư? - bà rít dài giọng qua kẽ răng, hỏi Perepelisina.

Câu hỏi dớ dẩn đã khiến tôi thực sự rối trí. Sao bà lại bảo tôi là cái thằng dấm dớ? Nhưng đối với bà, đó là những câu hỏi không có chủ đích, hỏi là để hỏi mà thôi. Perepelisina cúi xuống nói nhỏ vào tai bà, nhưng bà già bỗng giận dữ phẩy tay. Tôi đứng há hốc mồm, đưa mắt ngơ ngác nhìn ông chú. Mọi người đưa mắt nhìn nhau, riêng Obnoskin cứ nhe răng ra cười, rõ bực mình quá.

- Thỉnh thoảng bà cũng nói năng lẫn lộn như thế đấy, người anh em ạ - chú tôi nói nhỏ với tôi nhưng chính mình cũng không khỏi hoang mang, - nhưng thôi, - bà vẫn thế đấy; bà tốt chứ không có bụng dạ gì đâu. Cái chính là con phải nhìn vào con tim, vào tấm lòng bà.

- Đúng, đúng! Con tim! - giọng nói lanh lảnh của Tatiana Ivanovna bất ngờ vang lên, chị ta vẫn không rời mắt khỏi tôi và không hiểu sao cứ không thể ngồi yên trên ghế: hẳn là hai tiếng “con tim” được nói khẽ khàng kia đã đến tai chị ta.

Nhưng chị ta không nói hết những gì có vẻ như đang muốn nói. Chị ta ngượng hay sao không biết, chỉ thấy là chị ta bỗng im re, mặt đỏ bừng, vội vã cúi xuống thì thầm to nhỏ vào tai cô gia sư rồi bất thình lình, vừa giữ khăn tay che miệng vừa bật ngửa người ra lưng ghế bành, phá lên cười ầm ĩ như kẻ loạn thần kinh. Tôi hớt hải đưa mắt nhìn quanh, không hiểu ra làm sao nữa; nhưng, lạ lùng thay, mọi người vẫn nghiêm nghị như không, cứ như không có chuyện gì. Tất nhiên tôi đã hiểu, Tatiana Ivanovna vốn là như vậy. Cuối cùng, được mời trà, tôi ít nhiều đã tĩnh trí lại. Không hiểu tại sao nhưng tôi bỗng cảm thấy rằng mình có bổn phận phải chuyện trò thân mật với các bà các chị ở đây.

- Chú đã nói rất đúng, thưa chú, - tôi cất tiếng, - chú đã nhắc con phải bình tĩnh, đừng để xẩy ra ngượng nghịu. Con xin thú thực - mà giấu để làm gì cơ chứ? - Tôi vừa nói tiếp vừa mỉm cười lấy lòng bà lớn Obnoskin, - cho đến tận bây giờ con vẫn chưa biết gì về nữ giới và vừa rồi, khi bước vào phòng với vẻ hốt hoảng như thế con mới nhận ra rằng cái bộ dạng mình ở giữa căn phòng thật quá nực cười, đúng là ngố rừng - đúng không ạ? Các vị đã đọc “Ngố rừng”[28] chưa ạ? - tôi kết thúc, càng lúc càng bối rối hơn, đỏ mặt lên vì cách lấy lòng lộ liễu của mình và lừ mắt nhìn me-xừ Obnoskin lúc này cứ toét miệng nhe răng nhìn tôi từ đầu đến chân.

- Chính thế, chính thế, chính thế. - chú tôi bỗng hét lên với niềm phấn khích cao độ và hoan hỉ chân thành khi thấy câu chuyện đã được khơi mào và tôi đã lấy lại được tinh thần. - Ngượng nghịu là chuyện thường tình, người anh em ạ. Con có ngượng nghịu một chút cũng chả làm sao! Chứ chú đây này, trong lần ra mắt đầu tiên chú còn nói dối nữa cơ - con có tin không? Không, lạy Chúa, Anfisa Petrovna à, chuyện này tôi xin kể hầu bà, cũng hay hay đấy. Từ Học viện sĩ quan, nhập học xong là tôi đi Moskva, tìm gặp một mệnh phụ phu nhân, có thư giới thiệu đàng hoàng. Đó là một bà lớn cực kỳ kênh kiệu nhưng nói gì thì nói, thực chất là người quá tốt. Tôi vào nhà và được tiếp ngay. Phòng khách đã đầy

người, phần lớn là dân có thế lực cả. Tôi cúi chào, ngồi xuống ghế, chưa kịp đôi hồi đã được hỏi ngay: “Nhà mình có thôn ấp gì không, anh bạn?” Làm gì có cái gì, nhưng biết nói sao? Tôi ngượng chín người. Mọi người đều chú mục vào tôi (một thiếu sinh quân chứ đùa đâu!). Giá cứ nói thẳng ra là chẳng có gì thì mọi chuyện đều êm thấm cả vì như thế là nói thật. Đằng này không - không kìm hãm được cơ! “Dạ có, tôi nói, một trăm mười bảy nông nô ạ”. Sao tôi lại vẽ ra cái con số mười bảy ấy? Vì nếu nói tròn số thì dễ bị nghi là nói dối - đúng không nào? Một lát sau, qua thư giới thiệu, tôi đã hiện nguyên hình là một đứa khố rách, lại còn nói dối nữa chứ! Làm thế nào bây giờ? Thế là mắt trước mắt sau, lặn thẳng một hơi. Hồi ấy thì tôi nào đã có gì. Chứ như bây giờ thì có hết: ba trăm nông nô từ tay ông chú Afanasi Matveits với cả hai trăm nông nô ở ấp Kapitonovka, lại còn trước đó nữa ấy, từ tay bà tôi, cụ Akulina Panfilovna, cả thảy đến trên năm trăm. Tốt quá! Có điều từ bữa đó tôi cạch luôn cái trò bốc phét.

- Ô, ở vào địa vị của ngài thì tôi chẳng cạch đâu. Biết thế nào được với giời, - Obnoskin nhận xét, miệng mỉm cười giễu cợt.

- À vâng, đúng, đúng! Biết thế nào được với giời, - chú tôi tán đồng một cách hồn nhiên.

Obnoskin cười ầm lên, ngả người ra lưng ghế bành; mẹ gã cũng mỉm cười; ả gái già Perepelisina cất tiếng cười hi hi nghe đến chối tai; Tatiana Ivanovna cũng cười khanh khách, không hiểu sao còn vỗ tay nữa, - tóm lại, tôi thấy rõ rằng ngay trong nhà chú tôi, mọi người vẫn coi ông bằng nửa con mắt. Sasenka nhìn Obnoskin chằm chằm, mắt lóe lên những tia lửa giận dữ. Cô gia sư đỏ mặt lên và cúi gằm xuống. Chú tôi chỉ thấy ngạc nhiên.

- Sao? Thế là thế nào? - ông nhắc lại, đưa mắt nhìn chúng tôi khắp lượt với vẻ băn khoăn.

Suốt thời gian đó thì ông anh họ tôi, Mizintsikov, vẫn ngồi im thin thít ở đầu đằng kia, khi mọi người phá lên cười anh cũng không hề nhếch mép. Anh uống trà một cách ngon lành, lặng lẽ nhìn đời bằng con mắt triết gia và đã đôi lần, dường như vào những phút giây phiền muộn não nề, anh chúm môi huýt sáo, hẳn theo thói quen vốn có từ lâu, nhưng cũng biết dừng đúng lúc. Obnoskin, người đã từng chòng ghẹo chú tôi và có bụng rình rập tôi, vẻ như không dám nhìn Mizintsikov: tôi đã nhận ra điều đó. Tôi cũng nhận thấy ông anh lầm lì của tôi rất hay nhìn trộm tôi, thậm chí còn lộ vẻ xoi mói như muốn xác định rõ tôi là người như thế nào.

- Tôi tin, - bà lớn Obnoskina bỗng cất giọng líu lo, - tôi tin chắc đấy, *monsieur Serge*[29] ạ, có phải thế này không nhé! - ở cái đất Peterburg của cậu thì cậu không phải là người sốt sắng với phụ nữ. Tôi biết rằng ở trên ấy hiện đang có nhiều, rất nhiều thanh niên cứ tìm cách xa lánh nữ giới. Nhưng, theo tôi, đó toàn là những người thuộc phái tự do tư tưởng. Tôi hoàn toàn tán đồng quan điểm coi hiện tượng đó là con đẻ của trào lưu tự do tư tưởng quá tệ hại. Thú thật với cậu là điều đó làm tôi quá ngạc nhiên, anh bạn trẻ ạ, quá ngạc nhiên!...

- Tôi hoàn toàn không có điều kiện giao du rộng rãi, - tôi trả lời một cách hào hứng khác thường. - Nhưng tôi thấy điều đó... chí ít cũng là điều vô hại... Tôi sống bình thường, đại khái là ở nhà thuê... nhưng vẫn ổn, tôi đoan chắc với bà là như vậy. Tôi sẽ là người hiểu biết; nhưng mãi đến nay tôi chỉ biết ngồi nhà...

- Cháu nó phải nghiên cứu khoa học đấy, - chú tôi nói với vẻ cực kỳ hãnh diện.

- Kìa chú, lúc nào chú cũng giở mấy cái bài khoa học ấy ra được nhỉ... Các vị thử hình dung xem, - tôi giở giọng buông tuồng xấc xược, tiếp tục cười nói nhăn nhở với bà Obnoskina, - ông chú thân yêu của tôi tận tâm với khoa học tới mức đã khai quật được ngài Korovkin, một triết gia thực dụng kỳ quặc bị vùi lấp đâu đó trên đường cái quan, và hôm nay, điều đầu tiên ông nói với tôi sau bấy nhiêu năm xa cách là ông đang mong đứng mong ngồi bậc dị nhân ấy đấy... xuất phát từ lòng yêu khoa học, tất nhiên...

Và tôi phá lên cười ngặt nghẽo, chắc mẩm mọi người phải cười ồ, phải rộ lên tán thưởng cái hóm hỉnh của tôi.

- Ai vậy? nó đang nói về ai đấy? - tướng quân phu nhân gằn giọng hỏi Perepelisina.

- Một vị khách mời của Egor Iliits đấy ạ, một nhà thông thái đấy ạ, vị ấy đi theo đường cái quan đấy ạ, Egor Iliits mời vị ấy về cả đây với chúng ta đấy ạ, - ả gái già khoái chí nói liến thoắng, giọng eo éo.

Chú tôi tỏ ra cực kỳ bối rối.

- À, phải rồi! quên khuấy đi mất! - ông kêu lên, đưa mắt nhìn tôi có ý trách móc, - tôi đang mong Korovkin đây. Một đại biểu của khoa học, một nhân vật đóng đinh vào thế kỷ.

Ông bỗng nghẹn lời. Tướng quân phu nhân phẩy tay và lần này thật quá mỹ mãn: người phẩy đúng cái tách, nó đập xuống sàn vỡ tan. Mọi người cùng nín thở.

- Bao giờ cũng thế, cứ nổi giận là bà vớ được cái gì là ném thẳng xuống sàn cái ấy, - ông chú đang bị bẽ mặt cứ rủ rỉ với tôi. - Nhưng cũng chỉ khi nào bà nổi đóa thôi... Thôi, con đừng nhìn, đừng để ý nữa, nhìn ra chỗ khác đi... Mà con nhắc đến Korovkin làm gì?...

Nhưng tự tôi cũng đã nhìn ra chỗ khác: ngay lúc đó tôi đã bắt gặp cái nhìn của cô gia sư, và tôi đọc được trong ánh mắt ấy một vẻ gì như trách móc, thậm chí còn khinh miệt nữa; một màu hồng phẫn nộ cháy rực lên trên đôi má nhợt nhạt của cô. Tôi hiểu cái nhìn của cô và nhận ra rằng cái ý muốn đê hèn, bỉ ổi của tôi trong việc đưa chú tôi ra làm trò cười cho thiên hạ để chứng tỏ mình không đến nỗi ngu ngơ đã không gây được cảm tình ở cô gái đó. Không bút nào tả được cái cảm giác xấu hổ của tôi lúc bấy giờ.

- Tôi và cậu vẫn đang nói về Peterburg mà, - Anfisa Petrovna lại cất tiếng ríu ran khi cảm giác hồi hộp do cái tách bị đập vỡ đã lắng dịu. - Có thể nói tôi vẫn cực kỳ vu-u-i sư-ư-ướng được đắm mình vào những hồi ức về cuộc sống của chúng tôi ở cái kinh đô tuyệt diệu đó... Hồi ấy chúng tôi có quan hệ mật thiết với một gia đình - con nhớ chứ, Pol? Tướng Polovisin ấy... Ồ, tướng quân phu nhân là một con người quá tuyệt vời, tu-u-uyệt vơ-ơ-ời! Chao ôi, cái phong cách quý phái ấy, *beau monde*[30]... Cậu nói xem, chắc cậu cũng đã từng được gặp... Thú thật là tôi đã rất nóng lòng mong cậu về đây: tôi đã hy vọng được cậu cho biết thật nhiều, thật nhiều về những người bạn Peterburg của chúng tôi...

- Rất tiếc là tôi không thể... tôi xin lỗi... Tôi đã nói là tôi rất ít được giao du, và hoàn toàn không biết tướng Polovisin là ai cả; thậm chí không hề nghe nói đến ngài, - tôi đáp với vẻ sốt ruột, bất thần chuyển từ nhã nhặn sang cáu kỉnh.

- Cháu nó mải nghiên cứu khoáng vật học mà! - ông chú ương gàn của tôi phụ họa với vẻ tự hào. - Này, người anh em, nó là cái môn khảo cứu các loại đá nhỉ, khoáng vật học ấy mà?

- Vâng, thưa chú, các loại đá...

- Hừm... khoa học có nhiều môn, và luôn luôn hữu ích! Nhưng nói đúng ra, người anh em ạ, trước đây chú cũng chẳng biết khoáng vật học là cái quái gì đâu! Chú chỉ nghe nói là có nơi người ta vẫn thỉnh chuông ở một cái gác chuông khác lắm. Nhưng khác thế nào thì chịu, nói về khoa học thì chú anh dốt đặc cán mai, thú thực là như vậy!

- Ngài thú thật chứ - Obnoskin cười khẩy.

- Cha! - Sasa quát, đưa mắt nhìn ông bố với vẻ trách móc.

- Con bảo gì, con yêu quý? Ôi, lạy Chúa tôi, tôi cứ đi ngắt lời bà, Anfisa Petrovna ạ. - Chú tôi sực nhớ ra, lúc này vẫn chưa hiểu ý con gái. - Tôi xin lỗi, lạy Chúa!

- Ồ, không có gì đâu! - Anfisa Petrovna cười mát. - Tuy nhiên, tôi đã nói hết với cậu cháu của ngài và xin kết luận thế này nhé, *monsieur Serge*, - gọi thế được chứ? - Dứt khoát cậu phải sửa mình đi mới được. Tôi tin rằng các môn khoa học, nghệ thuật, điêu khắc, ví dụ thế... vâng, tóm lại, tất cả những thứ cao siêu ấy đều có, như người ta thường nói, mặt qu-u-uyến ru-u-ũ của mình, nhưng vẫn không thay thế được đàn bà!... Đàn bà, đàn bà, anh bạn trẻ ạ, chính đàn bà mới có khả năng nhào nặn nên con người bạn, và do đó thiếu họ là điều không thể, không thể, anh bạn trẻ ạ, khô-ô-ô-ông thê-ê-ể!

- Không thể, không thể! - Tatiana Ivanovna lặp lại, giọng the thé. - Bảo này, - chị ta cứ toáy lên như trẻ con, mặt đỏ gay, - tôi bảo này, tôi muốn hỏi cậu một chút...

- Chị dạy gì ạ? - tôi chăm chú nhìn chị ta.

- Tôi muốn hỏi cậu là cậu còn ở chơi được lâu không?

- Lạy Chúa, chưa biết được ạ; còn tùy công việc.

- Công việc! Cái anh chàng này thì công việc gì mới được chứ?... Rõ là đồ điên!...

Và thế là một tay cầm quạt che mặt vì mặt lúc này đã đỏ như gấc, Tatiana Ivanovna vội vàng cúi xuống thì thầm to nhỏ vào tai cô gia sư rồi bỗng phá lên cười và vỗ tay đen đét.

- Khoan! Hượm đã! - chị ta hét lên, tạm rời xa cô bạn tâm tình, cuống quýt quay lại với tôi như sợ tôi đi mất, - tôi bảo này, cậu có biết tôi định nói gì với cậu không? cậu giống một anh chàng lắm, giống kinh khủng, một chàng trai tu-u-uyệt vơ-ơ-ời!... Sasenka, Nastenka, hai bé còn nhớ chứ? Anh chàng này giống cái gã điên kia kinh khủng - bé còn nhớ chứ, Sasenka! Bọn mình đang trên xe ngựa thì bắt gặp..., gã đang cưỡi ngựa, áo gi-lê trắng... lại còn giơ kính nhòm lên ngắm tớ nữa, loại mặt trơ trán bóng! Các bé còn nhớ chứ, lúc bấy giờ tớ đang trùm chiếc khăn voan, nhưng không chịu nổi nữa, tớ thò đầu ra ngoài và quát lên với gã “đồ mặt trơ!” nhưng sau đó lại ném bó hoa của tớ xuống đường... Em còn nhớ chứ, Nastenka?

Ả gái già thất tình dở bàng hoàng xúc động đưa cả hai tay bưng mặt; rồi ả vụt đứng lên lượn đến bên cửa sổ, đưa tay rút một bông hồng ở lọ hoa, quay lại ném

xuống sàn cạnh chỗ tôi ngồi và chạy ra khỏi phòng. Đừng hòng nhìn thấy ả nữa! Lần này thì cả nhà cũng có hơi nháo nhác, riêng tướng quân phu nhân thì vẫn như bao giờ, bình thản như không. Anfisa Petrovna chẳng hạn thì không chút ngạc nhiên, nhưng dường như bỗng trở nên lo lắng điều gì, đưa mắt rầu rầu nhìn cậu con trai; các tiểu thư thì đỏ mặt lên, còn Pol Obnoskin thì với vẻ bực bội khó hiểu đã rời ghế đứng lên, bước đến bên cửa sổ. Chú tôi ra hiệu như đang muốn bảo gì tôi nhưng ngay lúc đó một gương mặt mới đã xuất hiện trong phòng và thu hút sự chú ý của mọi người.

- A! Evgraf Larionits đây rồi! Thiêng thế không biết! - chú tôi reo lên, mừng ra mặt. - Thế nào, từ thành phố xuống đấy à?

“Chết chửa, những con người kỳ cục! Cứ như các đấng bề trên đã cố ý gom hết họ về đây!” - tôi thầm nghĩ, vẫn chưa hiểu rõ mọi chuyện xảy ra ngay trước mắt mình, không ngờ được rằng việc tôi góp mặt với họ dường như cũng chỉ để mở rộng phạm vi bộ sưu tập những kẻ kỳ cục đó.

V

LÃO EJEVIKIN

Bước vào phòng, nói đúng hơn là lách vào phòng (mặc dù cửa mở rất rộng) là một người mà ngay ở cửa đã cúi chào lia lịa, miệng cười toe toét, đưa mắt nhìn mọi người với vẻ săm soi lộ liễu. Đó là một lão già bé nhỏ, mặt rỗ hoa, mắt sáng, vẻ tinh nhanh ma mãnh, hói đầu, có nụ cười tinh quái ẩn hiện trên đôi môi khá dày. Lão mặc một cái áo đuôi tôm cũ rích, đúng là áo của người khác. Một cái cúc còn vướng chỉ treo lủng lẳng, vài ba cái khác đã mất. Đôi ủng thủng, chiếc mũ lưỡi trai nhem nhuốc rất khớp với bộ quần áo tồi tàn của lão. Hai tay lão giữ một chiếc khăn giấy kẻ ô đầy mũi dãi vẫn được đưa lên lau mồ hôi trán và hai bên thái dương. Tôi nhận thấy cô gia sư hơi đỏ mặt lên và liếc nhìn tôi. Tôi cảm thấy cái nhìn còn ánh lên vẻ tự hào và bí hiểm khá hấp dẫn.

- Dông thẳng từ thành phố về đây đấy ạ, thưa ân nhân! từ thành phố đấy, thưa nhân phụ! Rồi lão sẽ kể hết, có điều trước hết hãy cho lão được chào hỏi đã, - lão nói và đi thẳng về phía tướng quân phu nhân nhưng bỗng khựng lại giữa đường và lại quay sang nói với chú tôi:

- Xin ngài biết cho cái đặc điểm chính của lão, thưa ân nhân: lão là một kẻ đốn mạt, đốn mạt thực sự! Vào đến nơi một cái là lão phải tìm ngay đến bậc chí tôn trong nhà để giành vội lấy ân sủng và sự che chở của người. Một kẻ đốn mạt đấy ạ, thưa ân nhân! Bẩm lão mẫu phu nhân, xin lão mẫu cho con được hôn lên tà áo của người, đừng để con vấy bẩn bàn tay vàng ngọc của một tướng quân phu nhân bằng đôi môi này ạ.

Tướng quân phu nhân chìa tay ra cho lão với vẻ khá thiện chí làm tôi rất ngạc nhiên.

- Và xin kính chào giai nhân của chúng tôi, - lão chuyển sang ả gái già Perepelisina. - Biết làm sao được, thưa quý nương: một kẻ đốn mạt mà! Ngay từ năm một ngàn tám trăm bốn mốt lão đã thành kẻ đốn mạt vì bị phế truất; Valentin Ignatiits được lên thay lão làm bồi thẩm, còn lão thành hạng đốn mạt. Lão vốn tính thật thà, có sao nói vậy. Biết làm sao được! Trước đây lão chỉ biết sống ngay thẳng thôi mà, nay thì hẳn phải khác rồi. Thưa Aleksandra Egorovna,

quả táo chín mọng của chúng tôi, - lão vừa nói vừa đi vòng quanh bàn đến bên Sasenka, - xin tiểu thư cho phép lão hôn lên tà áo của tiểu thư; con người tiểu thư phảng phất mùi táo chín và ngàn vạn hương thơm quyến rũ. Xin chúc mừng công tử nhân ngày lễ thánh; lão mang cung tên đến cho cậu đấy, làm mất cả buổi sáng đấy; mấy đứa nhà lão cũng giúp việc cả đấy; chúng ta sẽ bắn nhé. Chúc cậu chóng lớn mà vào trường sĩ quan, chuẩn bị lấy đầu quân cướp nước. Thưa Tatiana Ivanovna, thôi chết! nữ ân nhân vắng mặt rồi! chẳng được hôn lên tà áo của quý nương nữa. Thưa Praskovia Ilinitsna, người phụ nữ thân thiết của chúng tôi, tiếc là không thể len đến chỗ quý nương được để không những hôn tay mà còn hôn chân quý nương nữa - đúng như thế đấy! Thưa Anfisa Petrovna, xin trân trọng kính chào bà lớn! Hôm nay lão đã cầu Chúa phù hộ cho bà lớn, thưa nữ ân nhân, lão đã quỳ hẳn xuống, nước mắt đầm đìa, cầu Chúa phù hộ cho cả cậu con trai của bà lớn nữa, cầu Chúa ban cho cậu đủ mọi phẩm hàm, đủ mọi tài năng, đặc biệt là tài năng. Lão cũng xin trân trọng kính chào Ivan Ivanovits Mizintsikov nữa. Cầu Chúa ban cho cậu tất cả những gì cậu đang ao ước. Lão chỉ biết cầu chúc thế thôi vì lão không sao biết được cậu muốn gì: cậu kín tiếng quá... Xin chào Nastia; lũ nhóc nhà lão gửi lời trân trọng chào cô, chẳng hôm nào là không nhắc tới cô. Còn bây giờ lão xin trân trọng kính chào ông chủ. Đúng là lão vừa từ thành phố dông thẳng về đây đấy ạ, thưa ngài. Còn đây có phải là cậu cháu của ngài từng theo học ở học viện không ạ? Kính chào cậu cả; xin cậu chìa tay ra ạ.

Mọi người cười ồ. Mọi người đều hiểu là lão già đang đóng vai một chú hề tự nguyện. Lão đến làm cả nhà vui vẻ hẳn lên. Nhiều người cũng chưa hiểu được những ẩn ý sâu cay của lão, nhưng lão hầu như đã đến được với tất cả mọi người. Riêng có cô gia sư, người mà tôi cứ lấy làm lạ là được lão gọi bằng cái tên thân mật là Nastia, là đỏ mặt cau mày. Tôi toan rụt tay lại: và hình như lão chỉ chờ có thế.

- Lão chỉ xin bắt tay thôi, nếu cậu cho phép, chứ không phải hôn đâu, người anh em ạ. Cậu tưởng là lão đòi hôn sao? Không đâu, anh bạn trẻ ạ, tạm thời chỉ có bắt tay thôi. Chắc cậu tưởng lão là một chú hề nhà quyền quý chăng, thưa ân nhân? - lão vừa nói vừa nhìn tôi với vẻ giễu cợt.

- Không ạ... không, xin lỗi, tôi...

- Thế đấy, anh bạn ạ! Nếu lão là một chú hề thì đã khác! Mong cậu hãy tôn trọng lão: lão chưa đến nỗi hèn kém như cậu tưởng. Tuy nhiên, hề cũng có mặt khả thủ của nó đấy. Vợ chồng lão có là nô lệ đi chăng nữa cũng cứ phải cho đi

tàu bay giấy mới là hay! Nó là một trò chơi bất bại, chỉ có thắng thôi, dù chỉ là chút sữa cho con. Cứ phải là nước đường, cứ chịu khó cho thiên hạ uống nước đường thì chính mình cũng khỏe lên thôi. Điều này lão chỉ nói riêng với cậu đấy thôi, anh bạn trẻ ạ, biết đâu cũng sẽ cần cho cậu. Cái số lão là phải sắm vai hề đấy, ân nhân ạ.

- Hi-hi-hi! Lão già tếu thật! đi cù thiên hạ suốt! - Anfisa Petrovna cất tiếng ríu ran.

- Thưa quý bà, thưa nữ ân nhân, ngu si hưởng thái bình là cái chắc! Biết thế ngay từ bé lão cứ đi đàn đúm với bọn ngu dại thì đến nay may ra mới khôn lên được. Đằng này từ bé lại chỉ muốn thành người khôn ngoan tài trí nên bây giờ mới thành ra một lão già đần độn đấy thôi.

- Xin lão cho biết, - Obnoskin bắt chuyện (anh này hẳn đã lấy làm khó chịu với hai chữ *tài năng*), lúc này anh ta cứ ngả ngớn trong chiếc ghế bành, săm soi ông già qua chiếc kính cầm tay như ngắm nghía một con sâu, - xin lão cho biết... tôi quên mất họ của lão rồi... gọi thế nào nhỉ?...

- A, cậu cả! Họ của lão thì đúng là Ejevikin, nhưng ý nghĩa của nó thì phải hiểu thế nào đây? Đã mười năm nay lão long đong lận đận quá chừng, sống thì vẫn sống - trời sinh voi trời sinh cỏ. Còn bọn nhóc nhà lão thì đơn giản là con nhà Holmski[31] thôi! Tục ngữ nói đúng: nhà cao cửa rộng thì nào bê nào nghé, lều gianh xập xệ thì những cái cùng con...

- Thôi được, bê với nghé thì thôi, dẹp. Bây giờ lão nghe ta nói nhé, từ nãy ta đã muốn hỏi lão: vì sao vừa vào đến nhà lão đã vội ngoái nhìn về phía sau? Nom buồn cười tệ.

- Vì sao lão phải ngoái nhìn về phía sau ư? Vâng, thưa cậu, lúc nào lão cũng sợ có người ở phía sau giơ bàn tay đập chết lão như đập ruồi nên cứ phải ngoái lại đấy. Lão loạn óc rồi, thưa cậu cả.

Mọi người lại cười ồ. Cô gia sư đứng phắt lên toan bỏ đi nhưng lại gieo mình xuống ghế bành. Vẻ đau đớn, khổ sở hiện rõ trên gương mặt cho dù đôi má đã ửng hồng lên.

- Này, con có biết ai đấy không? - chú tôi thì thầm, - bố *cô ấy* đấy!

Tôi trố mắt nhìn chú tôi. Cái họ Ejevikin đã bay khỏi đầu tôi từ bao giờ. Trong khí thế hào hùng, suốt dọc đường tôi đã mơ tưởng đến vị hôn thê giả tưởng của mình, gắn kết nàng với những viễn cảnh huy hoàng đến nỗi quên mất cả họ của nàng hoặc rất có khả năng là ngay từ đầu đã không hề để ý đến họ của nàng.

- Sao lại là bố ạ? - tôi cũng nói khẽ. - Con tưởng cô ấy là một cô gái mồ côi chứ ạ?

- Bố đấy, người anh em ạ, bố cô ấy đấy. Mà con biết không, lão là con người hết sức trung thực, cực kỳ cao thượng, thậm chí còn không uống rượu, có điều toàn nói chuyện khôi hài như một chú hề. Nghèo lắm, người anh em ạ, nghèo rớt mùng tơi, những tám đứa con cơ đấy! Cả nhà chỉ sống bằng lương của Nastenka thôi. Lão mất chức vì vạ miệng ấy mà. Khái tính lắm, không nhận gì hết. Chú đã nhiều lần muốn biếu lão món này món khác, nhưng lão không cầm! Khó tính cực kỳ!

- Thế nào, bác Evgraf Larionits, ở bên nhà có gì mới không? - chú tôi hỏi và vỗ mạnh vào vai ông già, chú đã phát hiện ra là lão già đa nghi đã nghe lỏm được câu chuyện giữa hai chú cháu.

- Có gì mới không ư, thưa ân nhân? Ngài Valentin Ignatiits hôm qua vừa giải trình vụ Trisin xong. Kho của hắn bị phát hiện là bột bị cân điêu. Đấy, thưa ngài, chính là tên Trisin đại bịp hồi ấy đấy. Ngài còn nhớ chứ? Ngài Valentin Ignatiits cũng viết về Trisin như thế này: “Nếu như tên Trisin nhiều vết đen này đã không bảo toàn được danh tiết cho đứa cháu gái ruột của mình, - cô này đã bỏ trốn theo một viên sĩ quan từ năm ngoái rồi, - thì còn nói gì đến chuyện bảo quản tài sản quốc gia nữa?” Đấy, ngài ấy đã viết thành văn bản và cho công bố như thế đấy, lạy Chúa, tôi không nói dối.

- Ối giời! Toàn những chuyện đâu đâu! - Anfisa Petrovna hét lên.

- Chính thế, chính thế, chính thế! Lú lẫn hết rồi, bác Evgraf ạ, - chú tôi phụ họa. - Chết, thế này thì khốn khổ vì cái vạ miệng mất thôi! Bác là người ngay thẳng, hiền lành, tốt bụng - ta dám nói như thế, chỉ phải cái là ác khẩu! Ta cũng lấy làm lạ là không hiểu cơn cố làm sao mà bác không thể chung sống hòa thuận với bọn họ được! Hình như họ cũng là dân hiền lành, chất phác...

- Thưa ngài, người cha và là ân nhân của chúng tôi! Ngay cả một con người bình dị cũng khiến tôi sợ hãi! - ông già hét lên với vẻ sôi nổi đặc biệt.

Tôi thấy thích câu trả lời của lão. Tôi bước nhanh đến bên lão Ejevikin và bắt chặt tay lão. Thực tình tôi chỉ muốn tỏ thái độ phản kháng đối với nhận thức chung bằng cách công khai thể hiện sự đồng cảm đối với ông già. Mà biết đâu tôi cũng còn muốn tự nâng mình lên trong con mắt của Nastasiia Evgrafovna. Nhưng ngón đòn tâm lý của tôi đã không đem lại chút hiệu quả gì.

- Lão cho tôi hỏi một câu nhé, - tôi nói, và vẫn cái tật ấy: đỏ mặt lên và luống cuống, - lão có nghe nói đến cánh thầy tu dòng Tên[32] không?

- Không, thưa cậu, lão chưa nghe nói bao giờ; chẳng lẽ còn có chuyện... liên quan đến chúng tôi! Có gì không ạ?

- Nhân tiện tôi đang định kể... Lúc nào tiện lão nhớ nhắc tôi nhé. Còn bây giờ lão cứ tin là tôi hiểu lão và... biết đánh giá...

Và một lần nữa, tôi chộp lấy tay lão, vẻ sượng sùng bối rối.

- Nhất định rồi, thưa cậu, thế nào tôi cũng nhắc! Xin ghi lòng tạc dạ. Đây, tôi xin thắt một nút cho khỏi quên.

Và lão lựa ra cái góc còn khô ở cái khăn gói thuốc lá nhem nhuốc, thắt luôn một nút.

- Evgraf Larionits, lão lấy trà đi, - Praskovia Iliitsna mời.

- Để tôi xin, thưa tuyệt sắc công nương, à quên, quận chúa, không phải công nương! Nói thế để tạ ơn người đã cho trà. Tôi đã gặp Stepan Alekseits Baktseev trên đường về đây đấy, thưa nương nương. Ngài hớn hở lắm! Tôi nghĩ bụng: ông lớn đang sửa soạn lấy vợ hay sao ấy? Nào, tâng bốc lên đi! - Lão nhíu mày nháy mắt nói thầm với tôi khi cầm tách trà đi qua chỗ tôi. - Không thấy đại ân nhân Foma Fomits nhỉ? Chẳng lẽ ông ấy lại không lên uống trà?

Chú tôi giật mình như bị chạm nọc, đưa mắt lấm lét nhìn tướng quân phu nhân.

- Quả tình ta không được biết, - ông đáp, vẻ lưỡng lự, bối rối khác thường. - Cho người xuống gọi rồi đấy, không hiểu... Hay là đang có chuyện không vui. Ta đã sai Vidopliasov... chẳng lẽ còn phải đích thân xuống mời?

- Tôi vừa xuống chỗ ông ấy đấy, - Ejevikin nói với vẻ rụt rè.

- Thật thế sao? - chú tôi hoảng hốt kêu lên. - Thế rồi sao nữa?

- Tôi đã đến chào ông ấy trước tiên đấy ạ. Ông ấy bảo ông ấy sẽ uống trà một mình, còn ăn thì chỉ một miếng bánh mì khô cũng đủ no đấy ạ.

Dường như câu nói đó đã khiến chú tôi thực sự phát hoảng.

- Lão phải nói cho ông ấy rõ, kể cho ông ấy biết chứ, Evgraf Larionits! - Cuối cùng chú tôi vừa nhìn ông già vừa nói với vẻ buồn rầu, trách móc.

- Tôi nói chứ ạ, nói chứ.

- Thế rồi sao?

- Mãi ông ấy không thèm trả lời tôi đấy ạ. Ông ấy cứ ngồi giải toán mãi, chăm chú mãi, gặp phải bài hóc búa hay sao ấy. Ông ấy viết chữ số lên quần ngay trước mắt tôi, chính mắt tôi trông thấy đấy. Tôi nhắc đi nhắc lại ba lần, mãi đến lần thứ tư ông ấy mới ngẩng lên và cứ như mới thấy tôi lần đầu. “Tôi không đi đâu, ông ấy nói, bây giờ *nhà trí thức* đã về đến nơi rồi, chúng mình có góp mặt cũng chỉ đến chầu hẫu thôi chứ làm gì”. Mà ông ấy thì cũng đã thể hiện mình là kẻ chuyên hóng hớt chứ ai.

Và ông già láu lỉnh liếc nhìn tôi với nụ cười giễu cợt trên môi.

- Hừm, biết ngay mà! - chú tôi vỗ tay đánh đét và kêu lên, - biết ngay mà! Ông ấy dùng chữ “nhà trí thức” là để nói về con đấy, Serjei ạ. Đấy, làm thế nào bây giờ?

- Con xin thú thật, thưa chú, - tôi nhún vai với vẻ hiểu biết, - theo con, đó là một sự khước từ quá nực cười, chẳng đáng quan tâm và quả tình con rất ngạc nhiên trước sự bối rối của chú.

- Ôi, người anh em, con chẳng biết gì cả! - ông phẩy mạnh tay, quát lên.

- Bây giờ thì thật chẳng việc gì mà phải xót xa nữa ạ, - ả Perepelisina bỗng xen vào, - chả là mọi nguyên nhân tai ác đều ở tự ngài mà ra cả đấy thôi, Egor Iliits ạ. Tự chuốc lấy vạ vào thân thì còn kêu khóc nỗi gì nữa ạ. Ngài mà biết nghe lời mẹ thì đâu đến nỗi, đúng thế đấy ạ.

- Kìa, Anna Nilovna, ta có lỗi ở chỗ nào mới được chứ? phải biết sợ Chúa chứ! - chú tôi nói với giọng van vỉ như đang tìm cách phân trần.

- Tôi là người biết sợ Chúa, Egor Iiits ạ; nhưng mọi thứ đều bắt nguồn từ chỗ ngài là một con người ích kỷ và không yêu quý mẹ đấy chứ ạ, - ả Perepelisina trả lời dõng dạc, - thoạt tiên, nó bắt nguồn từ chỗ ngài không tôn trọng ý muốn của người, đúng không ạ? Mà người lại chính là mẹ của ngài đấy chứ. Tôi chẳng dám nói sai cho ngài đâu ạ. Tôi là con gái một vị trung tá chứ có phải loại thấp hèn đâu ạ.

Tôi có cảm tưởng là Perepelisina đã xen vào câu chuyện chỉ để thông báo với tất cả chúng tôi, nhất là tôi, một người mới đến, rằng ả là con gái một vị trung tá chứ không phải người thường.

- Chính vì nó cứ làm nhục mẹ nó đấy, - cuối cùng, chính tướng quân phu nhân đã cất lời ai oán rợn người.

- Mẹ, con xin mẹ! Con làm nhục mẹ bao giờ?

- Chính vì anh là một thằng ích kỷ xấu xa, Egoruska ạ, - tướng quân phu nhân càng nói càng hăng.

- Mẹ, mẹ! Con ích kỷ xấu xa ở chỗ nào nào? - chú tôi kêu lên thảm thiết, hầu như tuyệt vọng, - năm ngày, suốt năm ngày giời mẹ giận con, không thèm nói năng gì với con! Vì lý do gì? Lý do gì? Mọi người cứ lên án con đi, cả thế gian cứ lên án con đi! Rồi sẽ đến lúc mọi người sẽ nghe thấy lời biện bạch của con. Con im lặng mãi rồi, thưa mẹ; mẹ chưa hề muốn nghe con nói: rồi đây mọi người sẽ nghe được tiếng lòng con. Anfisa Petrovna! Paven Semionits, Paven Semionits cao quý! Serjei, anh bạn của ta! con là người ngoài, là khán giả, con có thể phán xét một cách công minh.

- Bình tĩnh đã nào, Egor Iliits, ngài bình tĩnh lại đi, - Anfisa Petrovna quát, - đừng giết chết mẹ ngài đấy!

- Tôi sẽ không giết mẹ, Anfisa Petrovna; nhưng ngực tôi đây - cứ hạ gục tôi đi! - chú tôi nói tiếp trong cơn điên loạn đôi lúc vẫn bùng lên ở những kẻ yếu đuối khi bị dồn đến chân tường, nhưng ghê gớm cỡ nào thì cũng chỉ là ngọn lửa rơm, - tôi muốn nói rằng tôi không hề xúc phạm một ai, Anfisa Petrovna ạ. Tôi cũng sẽ xuất phát từ chỗ khẳng định rằng Foma Fomits là một con người cao quý nhất, trung thực nhất, con người của những phẩm chất cao đẹp nhất, nhưng... nhưng ông ấy tỏ ra không công bằng với tôi trong trường hợp này.

- Hừm! - Obnoskin gầm gừ, ý chừng còn muốn chọc tức thêm.

- Paven Semionits, Paven Semionits cao quý! Chẳng lẽ đúng là cậu cho ta là loại người vô cảm hay sao? Quả thật là ta thấy, ta hiểu; với vô vàn cảm kích, ta hiểu rằng tất cả những điều ngộ nhận kia đều xuất phát từ chỗ *ông ấy* quá yêu ta. Cậu nghĩ thế nào tùy ý, nhưng lạy Chúa ta phải nói rằng ông ấy không được công bằng trong trường hợp này. Tôi xin kể rõ đầu đuôi. Bây giờ tôi đang muốn kể lại chuyện này một cách rõ ràng và tỉ mỉ nhất, Anfisa Petrovna ạ, để các vị thấy được là sự việc bắt nguồn từ đâu và việc mẹ tôi giận tôi là đã làm trái ý Foma Fomits như vậy có thỏa đáng không. Con cũng hãy nghe chú nói rõ tình đầu, Serioja ạ, - ông quay sang nói với tôi và tiếp tục nói với tôi cho đến hết cứ như sợ nói với ai khác chưa chắc đã được thông cảm, - rồi con sẽ biết là chú đúng hay sai. Số là thế này: cách đây một tuần, đúng thế, không hơn, tướng Rusapetov, thủ trưởng cũ của chú, có việc đi qua thành phố của chúng ta, cùng phu nhân và em gái phu nhân. Họ nghỉ tạm ở đây. Chú mừng quýnh. Dịp may hiếm có, chú phóng như bay đến chào hỏi các ngài và mời các ngài đến dự tiệc với gia đình. Tướng quân hứa nếu tiện thì ngài sẽ đến. Chú nói với con đó đúng

là một con người đạo cao đức trọng, lại là bậc tôn quý trong xã hội. Em vợ, một cô gái mồ côi, đã được ngài ưu ái gả cho một chàng trai kiệt xuất (hiện đang giữ chức thanh tra tư pháp ở một vùng xa; còn trẻ mà học vấn uyên thâm là thế!) - tóm lại, người nhà tướng chẳng trượng cũng chùy! Tất nhiên hôm đó không khí ở đây bỗng trở nên sôi động rộn ràng... rồi những là xào, rán, hấp, ninh... trống kèn, ca nhạc! Riêng chú thì cứ hí hửng như bắt được vàng! Foma Fomits thì lại không thích thế, không muốn thấy chú như thế! Ông ấy ngồi bên bàn, chú còn nhớ như in, người hầu mang món nước mận ưa thích của ông ấy đến, ông ấy cứ ngồi thừ ra một lúc lâu rồi bỗng đứng phắt dậy: “Người ta đang cố tình trêu tức tôi đây!” - “Trêu tức thế nào cơ, hở Foma Fomits?” - “Bây giờ, ông ấy nói, ngài rẻ rúng tôi rồi đấy; bây giờ ngài chỉ còn biết đến các vị tướng thôi; bây giờ ngài quý các vị ấy hơn tôi rồi đấy!” Đó, bây giờ chú chỉ kể tóm tắt cho con biết vậy thôi; chỉ đi vào bản chất sự việc thôi; nhưng giá như con biết được là ông ấy còn nói những gì... tóm lại, ông ấy đã làm chú lộng óc lên! Làm thế nào được bây giờ? Chú bải hoải bài hoài; đúng là được một phen choáng váng; cứ thất tha thất thểu như cò bợ phải trời mưa. Ngày vui đến. Tướng quân cho người đến xin lỗi không đến được. Chú đến gặp Foma: “Này, Foma, ông bình tĩnh lại đi! Hủy tiệc tùng rồi!” Con nghĩ thế nào? Ông ấy không chịu bỏ qua, cứ khăng khăng một mực! “Chỉ biết là ngài đã xúc phạm tôi!” - ông ấy nói. Chú phải van vỉ hết nhời. “Không, ông ấy nói, ngài lui về với các vị tướng của ngài đi; ngài quý các vị ấy hơn tôi mà; ngài đã hủy hoại mối tình bằng hữu của chúng ta mất rồi”. Này con, anh bạn trẻ của chú! Chú hiểu vì sao mà ông ấy giận chú chứ. Chú đâu phải là gỗ đá, là hạng ngu si, là đứa vong ân bội nghĩa! Ông ấy làm ra vậy vì quá yêu chú, vì ghen tức - chính ông ấy nói ra như vậy, - ông ấy ghen với vị tướng, ông ấy sợ mất chú, ông ấy thử thách chú, muốn biết chú có thể sống chết với ông ấy đến mức độ nào. “Không, ông ấy nói, đối với ngài thì tôi và vị tướng đó cũng như nhau thôi, trong mắt ngài tôi cũng là một bậc đại nhân! Tôi sẽ trở lại vui vẻ với ngài khi ngài chứng tỏ được lòng tôn kính của mình đối với tôi”. - “Tôi chứng tỏ lòng tôn kính của mình đối với ông bằng cách nào đây, hở Foma Fomits?” - “Suốt ngày ngài cứ thưa gửi với tôi là bẩm đại nhân, như vậy là chứng tỏ được lòng tôn kính đấy”. Nghe mà ù hết cả tai! Thật quá sửng sốt! “Đó sẽ là bài học đối với ngài để ngài không còn ngưỡng mộ các vị tướng nữa một khi có cả những con người còn thanh cao hơn tất cả các vị tướng của ngài!” Đến đây thì chú không chịu nổi nữa rồi, thú thật là như thế! “Foma Fomits ạ, chú nói, chẳng lẽ có thể làm như thế được sao? Sao ta có thể nhắm mắt làm liều như vậy được? Chẳng lẽ

ta có thể, chẳng lẽ ta có quyền đôn ông lên hàng tướng lĩnh? Ông thử nghĩ xem: ai là người đứng ra bổ nhiệm các tướng lĩnh? Chết chửa sao ta lại có thể thưa gửi với ông là bẩm đại nhân? Đó chính là tội báng bổ sự tôn nghiêm của pháp đình! Tướng lĩnh là người phụng sự tổ quốc, tô điểm giang sơn: chiến đấu với quân thù, đổ máu trên chiến trường vì nghĩa lớn! Sao ta lại có thể thưa gửi với ông là bẩm đại nhân?" Ông ấy vẫn không chịu, cố tình khăng khăng một mực! "Tất cả những gì ông muốn, chú nói, Foma ạ, ta đều chiều theo ý của ông. Ông bảo ta cạo râu đi cho khỏi ảnh hưởng đến lòng yêu nước, ta cũng cạo, cũng bấm bụng làm theo. Ta sẽ làm mọi việc theo ý ông, chỉ cự tuyệt việc đôn ông lên hàng tướng lĩnh!" - "Không, ông ta nói, tôi sẽ không giảng hòa với ngài khi ngài chưa thưa gửi với tôi là bẩm đại nhân! Điều đó có lợi cho đức hạnh của ngài: nó khiến tinh thần của ngài trở nên bằng lặng an nhiên!" - ông ta nói. Và thế là đã một tuần nay, suốt một tuần nay ông ta không thèm nói chuyện với chú; ai đến nhà ông ấy cũng làm mặt giận. Ông ấy nghe nói con là một trí thức, - đó là lỗi tại chú: chú cũng có vui miệng nói ra như thế! - vậy là ông ấy bảo: cháu mà đến nhà này là ông ấy sẽ không đặt chân đến nhà này nữa. "Có nghĩa là bây giờ, ông ấy nói, tôi không còn là người có học đối với ngài nữa". Đấy, bây giờ mà ông ấy biết chuyện Korovkin thì gay lắm chứ chẳng chơi! Nào, bây giờ con hãy xét xem chú có lỗi gì trong chuyện này nào? Chẳng lẽ chú cứ nhắm mắt vào mà "bẩm đại nhân"? Mà liệu có thể sống được trong một cảnh huống như thế? Mà cơn cớ làm sao mà hôm nay ông ấy dám đuổi ông bạn Baktseev tội nghiệp ngay trong bữa tiệc? Ừ, thì cứ cho là Baktseev không am hiểu thiên văn học đi, mà chú cũng có am hiểu thiên văn học đâu, mà đến cả cháu nữa, cũng có am hiểu thiên văn học đâu... Vậy thì vì lý do gì, lý do gì?

- Ấy là vì anh là một đứa hay ghen ghét đấy, Egoruska ạ, - tướng quân phu nhân lại cất tiếng lè nhè.

- Mẹ! - chú tôi kêu lên trong nỗi chán chường tuyệt vọng, - mẹ làm con phát điên lên mất!.. Mẹ không nói theo ý mẹ mà cứ đi lặp lại lời người khác đấy, mẹ ơi! Rút cuộc con đang trở thành những đồ vật vô tri vô giác trong nhà, chứ không còn là đứa con của mẹ nữa rồi!

- Thưa chú, con đã được nghe, - quá sửng sốt trước câu chuyện vừa rồi, tôi ngắt lời chú tôi, - con nghe ngài Baktseev thuật lại, không biết có thật không, rằng Foma Fomits còn ghen với Iliusa khi thấy nó được ăn mừng ngày lễ thánh và cứ nhất quyết bảo rằng mai cũng là ngày lễ thánh của ông ta. Con xin thú thật rằng cái kiểu xấu thói đó đã làm con rất ngạc nhiên, nên con...

- Ngày sinh nhật đấy, người anh em ạ, sinh nhật, không phải là ngày lễ thánh đâu, sinh nhật đấy! - chú cướp lời tôi với giọng liến thoắng. - Ông ấy chỉ diễn đạt sai thôi: mai là ngày sinh nhật của ông ấy đấy. Đúng ra là trước hết...

- Sinh nhật đâu mà sinh nhật! - Sasenka quát.

- Sao mà không phải? - chú tôi ngơ ngác và cũng quát lên.

- Dứt khoát không phải là ngày sinh nhật, thưa cha! Cha cứ phịa ra để lừa dối chính mình và chiều lòng Foma Fomits đấy thôi. Sinh nhật ông ấy đã tổ chức vào tháng ba rồi, - cha còn nhớ chứ, trước hôm đó chúng ta còn phải đến nhà thờ làm lễ cầu kinh, hôm ấy trên xe ngựa chẳng ai ngồi yên được với ông ấy: ông ấy cứ kêu ầm lên là bị cái gối dựa nó *chèn* vào mạng sườn, rồi lại còn cấu véo người khác nữa chứ; cô con bị ông ấy véo cho hai cái đau điếng! Đến hôm sinh nhật chúng con đến chúc mừng thì ông ấy lại phát bẳn khi không thấy hoa hải đường trong bó hoa. "Ta chuộng hải đường vì cái gu của ta là cái gu quý phái, vậy mà mấy đứa lại tiếc với ta một nhành hoa trong nhà kính". Thế là suốt ngày quàu quạu, chẳng nói năng gì với chúng con...

Tôi thiết nghĩ giá như có một quả bom đánh trúng giữa phòng, chắc cũng không làm cho mọi người sửng sốt và hoảng sợ bằng sự nổi loạn công khai của một người như vậy, nhưng đó là ai mới được chứ? - là một bé gái vào loại tép riu, thậm chí còn chưa được phép nói to khi có mặt bà nội. Sững sờ và ngây dại tới mức không thốt nên lời, tướng quân phu nhân nhóm lên trên ghế, vươn thẳng người và trố mắt nhìn đứa cháu gái táo tợn, không tin vào mắt mình nữa. Chú tôi lúc đó cũng hồn xiêu phách lạc.

- Tiểu thư liều thật đấy! Tiểu thư muốn giết bà tiểu thư rồi đấy! - Perepelisina hét lên.

- Sasa, Sasa, bình tĩnh lại đi nào! Con làm sao thế, Sasa? - chú tôi hét, hớt hải chạy đến bên mẹ, rồi lại chạy đến bên con để tìm cách can ngăn.

- Con không muốn im lặng nữa đâu, thưa cha! - Sasa bỗng rời ghế đứng phắt lên, dậm chân thình thịch, mắt long lên, - con không muốn im lặng nữa! Tất cả chúng ta chịu đựng Foma Fomits mãi rồi, chịu đựng gã Foma Fomits tồi tệ, xấu xa của cha mãi rồi. Con không muốn im lặng nữa vì Foma Fomits sẽ đưa tất cả chúng ta đến chỗ chết, vì lúc nào người ta cũng tâng bốc gã, ca ngợi gã nào là thông minh, độ lượng, cao thượng, học thức, đức hạnh miễn chê, đa tài hiếm thấy, còn Foma Fomits thì cứ như một thằng ngu, tin tuốt! Kẹo bánh người ta mang đến cho gã nhiều đến mức ở địa vị người khác hẳn phát ngượng lên rồi nhưng gã cứ tì tì đánh sạch, bao nhiêu cũng hết, cũng đòi thêm. Đấy rồi xem, gã

sẽ chén mất phần của cả nhà, còn cha chính là người có lỗi trong mọi chuyện. Foma Fomits là kẻ xấu xa, nhơ nhuốc, con cứ nói thẳng băng, không sợ ai hết! Gã là đứa ngu si, đỏng đảnh, đồ nhơ bẩn, vô ơn, tàn nhẫn, một tên bạo chúa, quân đơm đặt, đồ xảo trá... Ôi chao, con những muốn tống khứ gã ra khỏi cái nhà này ngay tức khắc, đúng là như vậy, nhưng cha vẫn đắm đuối thiết tha với gã, cha mụ hết cả đầu cả óc vì cái gã ấy rồi!

- Ôi!... - tướng quân phu nhân kêu ré lên và lả ra trên chiếc đi-văng.

- Cô thân yêu của con, Agafia Timofeevna, thiên thần của con ơi! - Anfisa Petrovna hét lên, - ai lấy giúp cái lọ của tôi ra đây! Nước, mau lên, nước!

- Nước, nước! - chú tôi hét, - mẹ ơi, mẹ, mẹ trấn tĩnh lại đi! Con xin quỳ lạy mẹ, van lạy mẹ, mẹ trấn tĩnh lại đi nào!...

- Phải giam tiểu thư vào phòng tối, chỉ cho gặm bánh mì nhấp nước trắng thôi! - run lên vì tức giận, Perepelisina rít lên.

- Bánh mì nước trắng tôi cũng sẵn sàng, tôi không sợ gì hết! - Sasenka cũng hét, đến lượt mình không còn tự chủ được nữa. - Tôi bênh vực cha tôi vì ông ấy không bảo vệ được mình. Gã ấy là ai, cái gã Foma Fomits của các vị ấy, gã ấy là cái thá gì đối với cha tôi? Gã ăn nhờ ở đậu cha tôi mà lại đi làm nhục cha tôi, đúng là một kẻ vô ơn! Tôi muốn xé xác gã ta, gã Foma Fomits của các vị ấy! Tôi muốn thách gã đấu súng với tôi và bắn chết gã bằng cả hai tay hai súng...

- Sasa! Sasa! - chú tôi quát lên với vẻ chán chường. - Con còn nói một lời nào nữa là cha chết đấy, cha chết hẳn đấy!

- Cha! - Sasa vừa gọi to vừa bất thần lao thẳng đến bên cha, nước mắt đầm đìa, đưa đôi tay bé nhỏ vít chặt lấy cổ cha, - một con người nhân hậu, tốt đẹp, vui vẻ, thông minh như cha có đáng hủy hoại mình như thế hay không? Có đáng phải đem thân luồn cúi một kẻ đốn mạt vô ơn, biến thành đồ chơi của hắn, thành trò cười cho thiên hạ hay không? Cha, người cha vàng ngọc của con!...

Cô bé nấc lên, đưa hai tay bưng mặt và chạy vụt ra khỏi phòng.

Mọi người nháo nhác cả lên. Tướng quân phu nhân vẫn mê mệt nằm yên. Chú tôi quỳ ngay bên cạnh và hôn tay người. Ả gái già Perepelisina vẫn túc trực bên người và ném lên chúng tôi những cái nhìn dữ dằn nhưng nghiêm nghị. Anfisa Petrovna dấp nước lên hai bên thái dương tướng quân phu nhân và tiếp tục loay hoay với cái lọ của mình. Praskovia không ngừng run rẩy, nước mắt đầm đìa; Ejevikin lánh riêng ra một góc, còn cô gia sư thì cứ ngây ra vì sợ, mặt tái dại.

Riêng Mizintsikov thì vẫn không chút thay đổi. Anh ta đứng dậy, bước đến bên cửa sổ và chăm chú nhìn ra bên ngoài, thây kệ sự đời.

Tướng quân phu nhân bỗng nhổm dậy khỏi đi-văng, vươn thẳng người lên và đưa mắt nhìn tôi từ đầu đến chân với cái nhìn đầy vẻ hăm dọa.

- Cút! - Người hét lên, dậm chân xua đuổi tôi.

Phải thú thật rằng đối với tôi, đây là điều quá đỗi bất ngờ.

- Cút! Cút ngay ra khỏi cái nhà này; cút! Ai mượn nó đến đây cơ chứ? Biến đi cho khuất mắt! Cút ngay!

- Mẹ! kìa mẹ! đây là Serioja mà - chú tôi nói không ra hơi, toàn thân run lên vì sợ. - Kìa mẹ, cháu nó về thăm cả nhà đấy chứ.

- Serioja nào? láo! Ta không muốn nghe gì nữa; cút đi! Đó là Kozovkin. Chắc chắn là Kozovkin rồi. Ta linh cảm không mấy khi sai. Hắn đến để xua đuổi Foma Fomits chứ gì; bay viết thư mời hắn đến hỗ trợ chứ gì. Ta linh cảm được mọi điều... Cút đi, đồ vô lại.

- Thưa chú, nếu vậy, - tôi nghẹn lời do một nỗi bất bình khảng khái, - nếu vậy thì con... chú thứ lỗi cho con... - Và tôi chộp lấy mũ.

- Serjei, Serjei, con làm gì vậy?.. Đấy, bây giờ cái thằng này... Mẹ! Đây là Serjei chứ!.. Serjei, chú xin lỗi! - chú vừa hét vừa đuổi theo tôi giằng lại cái mũ, - con là khách của chú, con ở lại chơi là theo ý muốn của chú! Bà nói linh tinh ấy mà, - ông thì thầm vào tai tôi, - chỉ những lúc cáu lên bà mới thế... Có điều là bây giờ, thời gian đầu, con hãy tạm lánh mặt đi đã,... đi đâu cũng được - rồi sẽ đâu vào đấy hết, chả có chuyện gì đâu. Rồi bà sẽ bỏ qua cho con - chú đoan chắc với con như thế! Bà hiền lắm, mỗi tội cứ hay nói linh tinh... Con nghe rồi đấy chứ, bà tưởng con là Korovkin, rồi bà sẽ bỏ qua thôi, chú đoan chắc với con... Lão này làm sao thế này? - ông quát lên với lão Gavrila đang sợ run cầm cập khi bước vào phòng.

Gavrila không đến một mình; đi cùng là một gia nhân trẻ măng, một thiếu niên mười sáu tuổi, rất xinh trai mà được lấy vào làm cũng chính nhờ ưu thế đó, như sau này tôi được biết. Nó là Falalei. Nó mặc một bộ quần áo khá đặc biệt, áo lụa đỏ, cổ áo viền kim tuyến, thắt lưng cũng có tua kim tuyến, quần rộng ống bằng nhung đen và ủng da dê có mép bẻ màu đỏ. Bộ đồ được cắt may theo ý đồ thiết kế của chính tướng quân phu nhân. Cậu bé đang khóc sướt mướt, nước mắt lăn dài từ đôi mắt to màu xanh lam.

- Lại còn chuyện gì thế này? - chú tôi quát, - làm sao? Nói đi chứ, ông mãnh!

- Foma Fomits bảo hai bác cháu cứ sang đây trước, ông ấy sẽ sang sau, - Gavrila đáp, vẻ đau buồn, - tôi thì đang ôn bài, thế mà nó...

- Nó làm gì?

- Nhảy múa ạ,- Gavrila mếu máo đáp.

- Nhảy múa! - chú tôi hốt hoảng kêu lên.

- Nha-ảy mu-úa! - Falalei khóc nức khóc nở.

- Điệu Komarin à?

- Ko-ma-rin!

- Foma Fomits bắt được à?

- Ba-ắt đư-ược!

- Thật hết nước nói! - chú tôi kêu lên, - điên hết cả đầu! - và đưa hai tay ôm đầu.

- Foma Fomits đến! - Vidopliasov vừa bước vào phòng vừa báo tin.

Cửa mở, và đích thân Foma Fomits đã đứng lù lù trước mặt đám người ngơ ngác.

VI

CHUYỆN CON BÒ TRẮNG VÀ CHUYỆN GÃ MUGIC XỨ KOMARIN

Nhưng trước khi có hân hạnh giới thiệu với độc giả về nhân vật Foma Fomits vừa đến, tôi thấy rất cần có đôi lời về Falalei và nói rõ đâu chính là điều đáng sợ trong việc nó nhảy điệu Komarin để cho Foma Fomits bắt được quả tang là nó đang đắm đuối với trò giải trí vui vẻ đó. Falalei là một thằng nhỏ - một gia nhân nhỏ tuổi, - mồ côi từ thuở trong nôi và là con đỡ đầu của thím tôi - vợ chú tôi. Chú tôi rất yêu nó. Riêng điều đó đã quá đủ để Foma Fomits một khi đã chuyển về Stepantsikovo và chế ngự được chú tôi, sinh bụng ghét bỏ nó. Nhưng thằng bé lại rất được lòng tướng quân phu nhân nên dù bị Foma Fomits tức tối hằm hè, vẫn được o bế trong giới chủ: chính tướng quân phu nhân đã nhất quyết giữ nguyên thái độ nên Foma Fomits đành nhượng bộ nhưng vẫn ôm hận trong lòng - chuyện gì cũng được gã coi là hận - và hễ có dịp là ra tay rửa hận bằng cách trả thù ông chú hiền lành trong trắng của tôi. Falalei xinh trai kỳ lạ. Nó có vẻ mặt con gái, vẻ mặt một thôn nữ xinh tươi hết ý. Tướng quân phu nhân chăm sóc và âu yếm nó, nâng niu nó như một món đồ chơi quý hiếm; có điều còn chưa rõ là người quý con chó nhỏ lông xoăn Ami của mình hơn hay quý nó hơn. Chúng ta đã nói về bộ quần áo nó đang mặc, một tác phẩm của người. Vào các dịp lễ hội, các bà các cô cho nó sáp chải tóc và gã thợ cắt tóc Kuzma có nhiệm vụ làm đầu cho nó. Nó là đứa bé hơi kỳ cục. Không thể bảo nó là khờ khạo hoặc ngây ngô nhưng nó ngây thơ, thật thà và chất phác đến nỗi quả thật đôi lúc có thể cho nó là ngốc nghếch. Cứ nằm mơ thấy chuyện gì là đến kể ngay với các ông lớn. Nó góp chuyện tự nhiên với các ngài, không chút lăn tăn về việc ngắt lời người lớn. Nó tông tốc kể đủ thứ chuyện đáng ra không được kể với các ông lớn. Nó khóc sướt mướt khi cụ lớn ngất xỉu hoặc khi bị các ông lớn mắng mỏ nặng lời. Nó động lòng thương cảm trước bất cứ nỗi bất hạnh nào. Thỉnh thoảng nó vẫn đến bên tướng quân phu nhân, hôn tay người và xin người bớt giận, - và tướng quân phu nhân rộng lòng miễn thứ cho nó về những cử chỉ táo bạo đó. Nó cực kỳ đa cảm, lại hiền lành, vô hại như một chú cừu non, vui vẻ như một đứa trẻ hạnh phúc. Các vị thường cho nó những món ăn được bày trên bàn uống nước.

Nó thường xuyên đứng hầu tướng quân phu nhân trong phòng khách và rất thích đường. Được viên nào là vứt luôn vào mồm nhai rau ráu bằng hai hàm răng cứng cáp, trắng như sữa, và lạc thú thăng hoa ánh lên trong đôi mắt vui vẻ màu xanh lam và trên toàn gương mặt xinh xẻo của nó.

Foma Fomits hờn giận khá lâu; rút cuộc, khi đã nhận ra rằng hờn giận mấy cũng bằng thừa bèn quay ra sắm vai người ưu ái chăm lo cho Falalei. Sau khi lớn tiếng quở trách chú tôi là chẳng chịu bảo ban kẻ ăn người làm gì ráo, y bắt tay ngay vào việc dạy dỗ thằng bé tội nghiệp về đạo đức, phép lịch sự và tiếng Pháp. "Thế đấy! - y nói, cố giữ rịt lấy cái ý tưởng mù quáng của mình (cái ý tưởng từng len vào đầu khối người chứ chẳng riêng gì Foma Fomits, như người viết những dòng này đã được chứng kiến) - thế đấy! Nó là đứa hầu cận, luôn luôn theo hầu bà lớn; bây giờ ngộ nhỡ bà quên là nó không hiểu tiếng Pháp, cứ quen mồm mà bảo nó đonnê moa mông musoa[33] - thì nó cũng phải biết ý mà hầu hạ chứ!" Nhưng hóa ra Falalei chẳng những không học nổi tiếng Pháp, mà đến cả đầu bếp Andron, cậu nó, sau bao nhiêu lâu ra công cố sức một cách vô tư để nhồi nhét ngữ pháp tiếng Nga cho nó cũng đành phẩy tay từ bỏ và xếp cuốn vỡ lòng lên giá sách từ lâu! Nói về chuyện học hành thì Falalei đúng là thằng dốt đặc cán mai, không tiếp thu nổi một tý gì. Đã thế lại còn lắm chuyện rầy rà nữa chứ. Bọn gia nhân bắt đầu trêu Falalei là chàng người Pháp, còn già Gavrila, người hầu tin cẩn của chú tôi thì dám công khai phủ nhận lợi ích của việc học ngữ pháp tiếng Pháp. Chuyện đến tai Foma Fomits, y nổi giận và ra tay trừng phạt kẻ chống đối bằng cách ép buộc chính lão, Gavrila, phải theo học tiếng Pháp. Đó là căn nguyên của toàn bộ câu chuyện về tiếng Pháp đã khiến ông lớn Baktseev nổi giận. Về phép lịch sự thì tình hình còn tệ hại hơn: Foma không tài nào uốn nắn được Falalei: dù đã có lệnh cấm, sáng sáng nó vẫn đem chuyện nằm mơ ra kể với y, điều mà theo y là quá ư bất nhã, sỗ sàng. Nhưng Falalei vẫn cứ là Falalei. Dĩ nhiên chú tôi đã là người trước tiên phải hứng chịu mọi lời trách cứ.

- Liệu ngài có biết hôm nay nó đã làm gì không nhỉ? - để đạt hiệu quả cao, Foma thường đợi đến lúc có đủ mặt mọi người mới quát ngậu lên. - Ngài có biết, sự nuông chiều trước sau như một của ngài đã dẫn đến hậu quả thế nào không, thưa đại tá? Ngài có biết hôm nay khi vừa nuốt xong miếng bánh ngọt ngài cho bên bàn uống nước, nó đã nói gì không? Lại đây, lại đây, đồ quái thai kia, lại đây, đồ ngu, cái thằng mặt mẹt má đỏ hây hây kia!...

Falalei vừa khóc vừa bước đến bên y, hai tay quệt nước mắt.

- Mày đã nói gì khi vừa ngốn xong miếng bánh? Nhắc lại trước mặt mọi người xem!

Falalei không đáp, cứ khóc như cha chết.

- Thế thì để ta nhắc hộ cho. Mày vừa vỗ bồm bộp vào cái bụng no căng, thây lẩy như cái trống cái của mày mà nói: “Ních đầy một bụng bánh như Martin ngốn xà phòng!” Xin lỗi ngài, thưa đại tá, lẽ nào có thể nói những câu như vậy trước mặt những người có học, mà lại là người trong giới thượng lưu? Mày có nói như thế hay không? Nói!

- Co-o-ó!... - Falalei sụt sịt xác nhận.

- Được, bây giờ mày hãy nói cho ta biết: Martin ăn xà phòng thật chứ? Mày thấy cái gã Martin ăn xà phòng như thế ở đâu? Nói ngay, nói cho ta biết qua về cái nhân vật Martin kỳ quái ấy!

- Không có câu trả lời.

- Nghe ta hỏi đây, - Foma gặng, - cái nhân vật Martin ấy là ai? Ta muốn nhìn thấy hắn, làm quen với hắn. Nào, hắn là ai? Một viên đăng bạ, một nhà thiên văn học, một nhà thơ, một sĩ quan hậu cần, một gã đầy tớ - phải là một người nào đó chứ. Trả lời đi!

- Đâ-â-ầy tơ-ơ-ớ, - cuối cùng Falalei cũng trả lời nhưng vẫn không nín khóc.

- Đầy tớ của ai? Đầy tớ nhà nào? - Nhưng Falalei không biết đằng nào mà trả lời. Rút cục Foma đành điên tiết bỏ chạy khỏi phòng và hô hoán là đã bị mọi người trêu tức; tướng quân phu nhân bắt đầu lả đi, còn chú tôi chỉ còn biết than thân trách phận, xin mọi người thứ lỗi và suốt từ đó cho đến tối phải đi lại rón rén trong các phòng riêng của mình.

Vậy mà ngay sáng hôm sau, lúc mang trà lên cho Foma Fomits, Falalei đã kịp quên tiệt cả Martin lẫn toàn bộ nỗi khốn khổ hôm qua, cứ bô bô kể với ông chủ rằng đêm qua nó đã nằm mơ thấy một con bò trắng. Thật là quá thể! Foma Fomits nổi trận lôi đình, gọi ngay chú tôi đến để quở trách ông về những giấc mơ khiếm nhã của thằng Falalei *của ông*. Lần này thì hình phạt nghiêm khắc đã được áp dụng: Falalei bị phạt quỳ ở góc nhà. Nó bị nghiêm cấm không được nằm mơ thấy những chuyện thô lậu như thế, những giấc mơ của dân mugic. “Tôi bực tức là vì vậy, - Foma nói, - ngoài ra, tôi muốn cấm ngặt nó không được cả gan làm rác tai tôi bằng những giấc mơ của nó, nhất là bằng con bò trắng; ngoài ra - điều này hẳn ngài cũng đồng ý với tôi, thưa đại tá, - con bò trắng là gì nếu không phải là điều minh chứng cho sự lỗ mãng, dốt nát, quê kệch của cái thằng

Falalei thô lậu của ngài? Đầu óc làm sao chiêm bao làm vậy. Tôi đã chẳng báo trước với ngài rằng nó là đứa không thể nên người và không nên để nó theo hầu những bậc cao sang quyền quý hay sao? Không bao giờ, không bao giờ ngài có thể biến một cái đầu rỗng tuếch của đám người hèn mọn thành một một tâm hồn tao nhã nên thơ được. Chẳng lẽ mày lại không thể, - y quay sang với Falalei, nói tiếp, - chẳng lẽ mày lại không thể mơ thấy một cảnh sang trọng, êm đềm, cao quý, một cảnh đời thường của giới thượng lưu, chẳng hạn như cảnh các ông lớn đánh bài hay cảnh các bà lớn dạo chơi trong một vườn hoa trăm hồng tràn tía? Falalei hứa đêm nay nhất định sẽ mơ thấy các ông lớn hoặc các bà lớn dạo chơi trong vườn hoa đẹp.

Trằn trọc trên giường, Falalei vừa khóc vừa cầu nguyện và tìm đủ cách để xua đuổi hình bóng con bò trắng khốn nạn kia. Nhưng hy vọng vẫn chỉ là hy vọng. Sáng ra tỉnh dậy, nó hoảng hồn khi nhớ lại là suốt đêm qua nó lại mơ thấy con bò trắng chết tiệt kia và tịnh không mơ thấy một bà nào dạo chơi trong vườn hoa đẹp cả. Lần này thì hậu quả đưa đến lại thật đặc biệt. Foma Fomits nói như đinh đóng cột rằng y không tin là có thể có chuyện như thế được, không ai lại có thể mơ đi mơ lại như thế được, đây hẳn là có kẻ nào trong nhà, mà cũng có thể là chính ngài đại tá đã xui nó cố tình chọc tức Foma Fomits. Tiếng quát hét, lời trách móc vang lên rầm rĩ, nước mắt chảy cũng nhiều. Đến tối thì tướng quân phu nhân phát ốm, nhà như có đám ma. Chỉ còn le lói một tia hy vọng là đêm nay, tức là đêm thứ ba, may ra Falalei sẽ mơ thấy một cảnh đời của giới thượng lưu. Rủi cho cả nhà là suốt một tuần liền, đêm nào Falalei cũng nằm mơ thấy con bò trắng, mỗi một con bò trắng! Chẳng thấy bóng dáng giới thượng lưu đâu cả.

Nhưng điều thú vị nhất ở đây là Faladei không nói dối được: chỉ cần bảo là mình không nằm mơ thấy con bò trắng mà chỉ thấy một cỗ xe ngựa chẳng hạn, xe lèn chặt các bà lớn cùng với Foma Fomits, thế thôi, nhất là nói dối thế này thì thật chẳng chết ai, nhưng Faladei vốn thực thà như đếm, có muốn cũng chẳng biết đường mà dối giả. Đó là điều mọi người cùng thấy rõ. Ai cũng biết là nó mà nói dối thì lộ tẩy ngay, bịp thế nào được Foma. Làm thế nào bây giờ? Chú tôi đã lâm vào thế bí: Falalei hỏng mất rồi, vô phương cứu chữa. Thằng bé tội nghiệp tọp hẳn đi vì sầu não. Ả thủ kho Malania quả quyết là nó bị ma làm, bèn lấy nước tôi than phun vào mặt nó. Vốn tính hay thương người, Praskovia cũng xúm vào với chị ta, nhưng cũng chẳng thấy gì chuyển biến. Đúng là hết sách!

- Quỷ tha ma bắt cái giống khốn nạn nhà nó chứ! - Falalei kể, - chả có đêm nào là không mơ thấy nó! Mà đêm nào con cũng khấn ngay từ tối: “Xin các đấng bề trên đừng bắt con mơ thấy con bò trắng, đừng bắt con mơ thấy con bò trắng!” Thế mà rồi nó cứ hiện lù lù ra ngay trước mắt con, cái giống khốn nạn ấy, to ơi là to, sừng nhọn hoắt, mõm nhành ra, ối giời đất ơi!

Chú tôi ủ rũ chán chường. May thay, Foma Fomits dường như đã quên béng câu chuyện con bò trắng. Tất nhiên chẳng có ai tin là Foma Fomits có thể quên cái chuyện quan trọng như thế được. Mọi người lo sợ đồ rằng có thể y đang để dành con bò trắng, có dịp sẽ tung ra ngay tức khắc. Về sau mới vỡ lẽ ra rằng thời gian này Foma Fomits không còn bụng dạ nào mà để tâm đến bò trắng nữa: y phải quay sang những việc khác, những mối quan tâm khác; những ý đồ khác đã chín muồi trong cái đầu lọc lõi, đa mưu túc kế của y. Đó là lý do khiến y cũng để cho Falalei được thở phào nhẹ nhõm. Cùng với Falalei, ai nấy đều được thảnh thơi thư giãn. Thằng bé vui vẻ hẳn lên, thậm chí còn quên dần chuyện cũ, càng ngày càng ít mơ thấy con bò trắng, tuy đôi lúc con vật vẫn còn gợi lại sự tồn tại huyền hoặc của mình. Tóm lại, mọi chuyện sẽ diễn ra tốt đẹp nếu trên đời không có điệu vũ Komarin.

Phải thấy rằng Falalei nhảy rất đẹp; đó là khả năng số một, năng khiếu thiên bẩm của nó; nó nhảy với nguồn năng lượng dồi dào, niềm phấn hứng không vơi cạn nhưng chủ yếu là nó đặc biệt yêu thích gã mugic xứ Komarin. Chẳng phải vì nó ưa chuộng những hành vi nông nổi và dù sao cũng kỳ quặc của cái gã mugic ất ơ ấy - không, nó thích nhảy điệu Komarin chỉ vì đối với nó, nghe điệu nhạc đó cất lên mà không nhảy theo nó dứt khoát là điều không thể. Thỉnh thoảng, vào các buổi chiều, vài ba gã đầy tớ, xà ích, gã làm vườn chuyên kéo vĩ cầm và thậm chí còn mấy nữ gia nhân nữa vẫn tụ tập ở một bãi đất trống tận cuối vườn, phía sau dinh cơ nhà địa chủ, cách xa nơi ở của Foma Fomits; nhạc cất lên, các điệu vũ sống dậy và sau rốt, vũ điệu Komarin cũng trang trọng cất cao tiếng nói của mình. Dàn nhạc gồm hai *balalaika*[34], một ghi-ta, một vĩ cầm, một trống lục lạc, do kỵ sĩ Mitiuska chỉ huy quá tốt. Phải thấy cho được hình ảnh của Falalei lúc bấy giờ: nó nhảy quên chết, nhảy đến kiệt sức, say sưa bởi tiếng reo hò, tiếng cười vang động; nó hét, nó thét, nó cười, nó vỗ tay; nó nhảy như bị cuốn theo một lực siêu hình nào đó mà nó không thể nào theo kịp, cứ việc cắm đầu cắm cổ đuổi theo cái nhịp độ mỗi lúc một nhanh của cả một điệu thức ngang tàng, khoái chí nện mạnh gót giày xuống đất. Đó là những phút thăng hoa của niềm hoan lạc

thực sự của con người nó; và mọi chuyện hẳn đều tốt đẹp nếu rốt cuộc việc thể hiện điệu Komorin không đến tai Foma Fomits.

Foma Fomits choáng váng, lập tức cho người đi mời ngài đại tá đến.

- Tôi chỉ muốn được ngài cho biết một điều thôi, thưa đại tá, - Foma cất tiếng, - ngài đã quyết chí trừ khử cái thằng ngu xuẩn đốn đời mạt kiếp ấy hay chưa? Nếu đã thì tôi xin rút lui ngay, bằng không thì tôi...

- Cái gì mà lạ thế? Có chuyện gì vậy? - chú tôi hốt hoảng hỏi to.

- Còn phải hỏi nữa ư? Thế ngài có biết là nó nhảy điệu Komarin không nhỉ?

- Ừ... thế thì sao?

- Còn giăng sao gì nữa? - Foma rít lên. - Mà người hỏi như thế lại là ngài, ông chủ của chúng nó và còn có thể nói: người cha của chúng nó! Liệu ngài có nhận thức rõ ràng về điệu vũ Komarin hay không? Ngài có biết là bài hát đó nó miêu tả một thằng mugic tởm lợm chỉ chực giở trò đồi bại dưới bộ dạng một thằng say không chứ? Ngài có biết là thằng đầy tớ trác táng kia đã gây nên những tổn thất gì? Nó đã chà đạp lên những mối thâm tình vô giá, đúng thế, chà đạp bằng những gót ủng mugic của nó, những gót ủng chỉ quen lê lết trên cái sàn tiệm rượu mà thôi! Và ngài có hiểu rằng ngài đã phỉ báng những tình cảm cao quý nhất của tôi bằng câu trả lời của ngài không? Ngài có hiểu không?

- Nhưng, Foma ạ... Nó cũng chỉ là một bài hát thôi mà, Foma ạ...

- Chỉ là một bài hát là thế nào? Và ngài cũng không biết xấu hổ khi thú nhận với tôi rằng ngài có biết bài hát đó, trong khi ngài là người của giới thượng lưu, là cha của những đứa con ngoan ngoãn và trong trắng, lại còn là một đại tá nữa! Chỉ là một bài hát! Nhưng tôi tin chắc rằng bài hát đó đã xuất phát từ một chuyện có thật! Chỉ là một bài hát! Nhưng liệu có người đứng đắn nào lại không hề xấu hổ khi thú nhận rằng mình có biết bài hát đó, có nghe thấy bài hát đó dù chỉ trong một dịp tình cờ? Có người nào như thế hay không? Người đó là ai?

- Ông hỏi thế có nghĩa là ông phải biết rồi, Foma ạ... - chú tôi trả lời một cách hồn nhiên, dù vẫn chưa hết ngượng.

- Thế đấy! Tôi biết ư? Tôi... tôi... có nghĩa là tôi đấy!... Ngài đã phỉ báng tôi! - Foma bỗng hét lên, rời ghế đứng phắt dậy và nghẹn thở vì tức giận. Y không ngờ được nghe một câu trả lời váng óc đến thế.

Tôi sẽ không mô tả cơn giận của Foma Fomits. Để trả giá cho câu trả lời khiếm nhã và *ngớ ngẩn* của mình, ngài đại tá buộc phải lủi thủi ra về, rút khỏi tầm mắt của đấng cầm cân nảy mực. Nhưng từ đó Foma Fomits đã hạ quyết tâm

phải bắt quả tang thằng Falalei đang nhảy điệu Komarin mới được. Tối tối, khi mọi người cho rằng y đang chúi mũi vào công việc, y đã lẻn ra vườn, đi quanh các vườn rau và nấp vào một bụi gai dầu, từ đó có thể nhìn sang bãi đất trống có bọn người đang khiêu vũ. Y rình thằng Falalei khốn khổ như mèo rình chuột, hí hửng tính đến chuyện loan tin giật gân cho cả nhà, đặc biệt là cho ông đại tá, một khi vớ được con mồi. Rút cuộc, những cố gắng không mệt mỏi của y đã được đền đáp: y đã chộp được kẻ tội đồ nhảy điệu Komarin! Vậy là chúng ta đã rõ vì sao sau đó chú tôi đã phải bàng hoàng khi nhìn thấy thằng Falalei khóc mếu và nghe thấy tiếng gã Vidopliasov thưa là Foma Fomist đã đến. Ngay trong giây phút hoang mang nhường ấy, chính y đã bất đồ hiện ra trước mắt chúng tôi.

VII

FOMA FOMITS

Tôi đã ngắm nghía ông lớn này với vẻ săm soi hết cỡ. Gavrila đã đúng khi gọi y là một kẻ bẩn tướng. Foma vóc người nhỏ bé, tóc màu trắng nhợt điểm sợi bạc, mũi khoằm, mặt đầy những nếp nhăn nhỏ. Ở cằm có một mụn cóc lớn. Tuổi trạc năm mươi. Y vào nhà một cách lặng lẽ, chân bước đều đặn, mắt nhìn xuống. Nhưng vẻ dương dương tự đắc lại hiện rõ trên gương mặt cùng toàn bộ dáng vẻ khệnh khạng của y. Tôi lấy làm lạ là y lại mặc một chiếc áo choàng mặc ở nhà, kiểu áo nước ngoài, nhưng dù sao vẫn là áo mặc ở nhà, chân còn dận giày ba-ta nữa. Chiếc cổ áo sơ mi không thắt cà-vạt thì đúng là cổ áo *à l'enfant*[35]; cách ăn mặc như thế đã đem lại cho Foma một vẻ ngu đần. Y đến bên một chiếc ghế bành bỏ không, đẩy nó đến bên bàn và ngồi xuống, không nói không rằng. Trong giây lát, toàn bộ cảnh nhốn nháo, toàn bộ bầu không khí hồi hộp âu lo vừa ngự trị nơi đây bỗng bay biến hết. Tĩnh lặng đến mức nghe được cả tiếng ruồi bay. Tướng quân phu nhân đã trở nên hiền dịu như một chú cừu non. Thái độ luồn cúi của bà già ngu ngốc đáng thương đối với Foma Fomits giờ đây được bộc lộ hết ra ngoài. Bà nhìn thẳng vào mắt ý trung nhân, vẻ nồng nàn đắm đuối. Ả Perepelisina cứ ngoác miệng ra cười, xoa xoa đôi bàn tay nhỏ nhắn, còn cô Praskovia tội nghiệp của tôi thì cứ run run vì sợ. Chú tôi lập tức lên tiếng, vẻ lăng xăng.

- Trà, trà, kìa em! Cho thêm đường vào, em ạ; Foma Fomits cứ ngủ dậy là thích uống trà đậm đường đấy. Ông uống đậm đường chứ, Foma?

- Bây giờ tôi còn bụng dạ nào mà nghĩ đến chuyện chè cháo nữa! - Foma nói chậm rãi và phẩy tay một cách cảnh vẻ, ra điều ta đang có quá nhiều suy nghĩ âu lo. - Chuyện ngọt nhạt mong ngài lo liệu hết cho!

Những lời lẽ ấy cùng với cách vào nhà lố bịch ở cái vẻ khệnh khạng cố hữu của Foma đã đặc biệt thu hút sự chú ý của tôi. Tôi đang rất muốn biết cái trâng tráo của cái ông-lớn-ất-ơ vênh váo như bố vợ phải đấm này rút cuộc sẽ đi đến chỗ nhố nhăng càn rỡ nào đây.

- Foma! - chú tôi gọi to, - ta xin giới thiệu: đây là cháu ta: Serjei Aleksandrits! Cu cậu vừa về đến đây thôi.

Foma Fomits đưa mắt nhìn ông từ chân lên đầu.

- Tôi lấy làm lạ là ngài chỉ khoái ngắt lời tôi thôi, ngài đại tá ạ, - y cất tiếng sau một quãng lặng khá dài, không mảy may để ý đến tôi. - Người ta đang trao đổi với ngài về công việc, vậy mà ngài cứ đi... *bàn* chuyện đâu đâu... Ngài đã nhìn thấy thằng Falalei chưa nào?

- Thấy rồi, Foma ạ...

- Hay lắm, ngài đã thấy rồi! Vậy tôi xin mời ngài xem lại, nếu như ngài đã thấy rồi. Ngài có thể ngắm nghía cái tác phẩm của ngài... trên bình diện đạo đức. Lại đây, thằng ngốc! Lại đây, thằng mặt mẹt! Đi đi, đi! Đừng sợ!

Falalei vừa bước ra vừa khóc thổn thức, mồm há hốc, cố nuốt nước mắt để khỏi òa lên. Foma Fomits đưa mắt nhìn nó với vẻ khoái trá.

- Tôi gọi nó là thằng mặt mẹt là có dụng ý, Paven Semionits ạ, - y vừa nói vừa ngả người ra trong ghế bành và khẽ quay sang phía người ngồi cạnh là Obnoskin, - và nói chung, cậu biết không, tôi thấy không cần phải ăn nói nhẹ nhàng làm cái quái gì nữa. Sự thật phải là sự thật. Có che đậy thế nào thì vết bẩn vẫn cứ là vết bẩn thôi. Hơi đâu mà còn phải lựa lời để dối mình lừa người nữa! Chỉ bên trong cái tháp ngà ngốc nghếch của giới thượng lưu thì nhu cầu về những phép lịch sự vô nghĩa như thế mới có thể nảy sinh. Cậu nói đi, tôi chọn cậu làm quan tòa, cậu có tìm thấy cái gì đẹp đẽ ở cái thằng mặt mẹt kia không? Tôi muốn nói đến cái cao quý, diễm lệ, thanh tao chứ không phải bất cứ cái gì ở cái ngữ mặt nạc đóm dày mà người ngợm cứ phây phây ra đâu?

Foma Fomits nói khẽ, giọng đều đều với một vẻ lạnh lùng ẩn chứa sự thâm nghiêm.

- Cái gì đẹp đẽ ở nó ư? - Obnoskin trả lời với vẻ sỗ sàng ngông ngáo, - Tôi cảm thấy nó cũng chỉ như một miếng bít-tết ngon mắt, thế thôi...

- Hôm nay mới đến trước gương để soi gương, - Foma nói tiếp, bỏ qua đại từ *tôi* một cách ngạo mạn. - Còn khuya mới dám cho mình là đẹp, nhưng bất giác phải đi đến kết luận là vẫn có một cái gì ánh lên trong đôi mắt màu gio này nó làm mình khác hẳn cái hạng người như Falalei. Đó là tư tưởng, là sự sống, là trí tuệ hiển hiện trong đôi mắt ấy! Chả phải là vỗ ngực, mèo khen mèo dài đuôi đâu. Đây là nhận định chung về đẳng cấp của chúng ta. Bây giờ cậu nghĩ sao: liệu có thể có được một mẩu, một dúm tâm hồn nào đó trong cái miếng bít-tết

sống kia không? Không, quả thật là như vậy, cậu để ý mà xem, Paven Semionits ạ, ở cái *hạng* đầu rỗng như đít bụt, không có qua một tý gì gọi là tư duy, lý tưởng và chỉ biết hốc thịt bò ấy, mặt mũi chúng lúc nào mà chả tươi roi rói, nhưng nhìn kỹ mới thấy ghê, vì đó là cái tươi thô lậu, ngu đần! Cậu có muốn biết tầm suy nghĩ của thằng nhóc này không? Ê, thằng kia! Dịch nữa vào đây cho quan khách ngắm! Sao lại há mồm ra thế? Muốn nuốt cá voi chăng? Mày có đẹp trai không? Trả lời đi: mày có đẹp trai không?

- Đe-e-ẹp tra-a-ai! - Falalei trả lời trong tiếng thổn thức.

Obnoskin cười rũ rượi. Tôi cảm thấy mình đã bắt đầu run lên vì tức giận.

- Cậu nghe rõ rồi đấy chứ? - Foma quay sang với Obnoskin, vẻ đắc thắng. - Cậu sẽ còn được nghe nữa đấy! Tôi sửa soạn kiểm tra nó đây. Cậu biết không, Paven Semionits, có những người đang muốn làm hư hỏng, bại hoại thằng bé ngu ngốc, đáng thương này. Cũng có thể là tôi quá khắt khe, cũng có thể tôi sai; nhưng tôi lên tiếng vì tình thương yêu đồng loại. Nó vừa nhảy một điệu vũ đồi bại nhất. Không một ai ở đây liên quan gì đến việc này. Nhưng các vị hãy lắng nghe cho rõ. Mày trả lời đi: mày vừa làm gì? Trả lời mau, mau lên! Nghe rõ chứ?

- Khi-i-iêu vu-u-ũ... - Falalei nói, càng nấc to hơn.

- Khiêu vũ điệu gì? Vũ điệu gì? Nói!

- Komarin...

- Điệu Komarin! Komarin là ai vậy? Komarin là cái gì? Trả lời như thế mà tao hiểu được à? Nào, hãy nói cho chúng ta biết qua: cái thằng Komarin của mày là ai nào?

- Gã mu-u-gic...

- Gã mugic! chỉ đơn giản là gã mugic thôi sao? Tao lấy làm lạ đấy! Phải là một gã mugic thế nào chứ! Phải là một gã mugic tiếng tăm lừng lẫy ra sao người ta mới phải làm thơ, chế ra vũ điệu để ca ngợi chứ? Nào, trả lời đi!

Làm tình là tội người khác vốn là một nhu cầu của Foma. Y quần thảo nạn nhân như mèo vờn chuột; nhưng Falalei vẫn câm như hến, chỉ thúc thít khóc vì không hiểu câu hỏi.

- Trả lời đi chứ! - Foma gặng, - người ta đang hỏi mày: gã mugic ấy là ai? Nói đi chứ... một tá điền ư, một nông dân nhà nước ư, một nông dân tự do, một nông nô đã chuộc được người nhưng vẫn nợ tiền đất, một nông dân làm khoán ruộng nhà thờ[36]? Thiếu gì loại mugic...

- Ru-u-uộng nha-a-à thơ-ơ-ờ...

- Ồ, làm khoán! Cậu nghe thấy đấy chứ, Paven Semionits? Một sự kiện lịch sử mới: gã mugic xứ Komarin là một nông dân làm khoán. Hừm!.. Được, vậy gã mugic làm khoán ấy đã làm được những gì? công tích ra sao mà người ta phải múa hát, ca ngợi gã.

Một vấn đề không đơn giản, và như vậy đối với Falalei lại càng hiểm hóc.

- Ồ, thưa ông... tuy thế... - Obnoskin định góp ý khi thấy mẹ bắt đầu ngọ nguậy trên đi-văng. Nhưng biết làm gì được bây giờ? Những ý muốn thất thường của Foma Fomits vẫn được coi là pháp lệnh.

- Thưa chú, con xin lỗi, nếu chú không đánh tháo cho thằng bé ngốc nghếch này thì con e rằng nó... Chú nghe nó ăn nói dấm dớ đến mức độ nào rồi đấy chứ? Falalei thế nào rồi cũng phụt ra câu ngớ ngẩn, con đoan chắc với chú... - tôi rỉ tai ông chú lúc này cũng đang trong thế bí!

- Mà này, tuy thế, Foma ạ... - ông cất tiếng, - xin giới thiệu với ông, Foma ạ, đây là cháu tôi, một chàng trai, cậu ấy đã nghiên cứu khoáng vật học đấy...

- Tôi xin ngài, thưa đại tá, xin ngài đừng ngắt lời tôi bằng cái môn khoáng vật học của ngài, mà theo chỗ tôi được biết, thì ngài cũng chẳng biết gì về nó, và có thể, cả *các môn khác* nữa. Tôi không phải là đứa trẻ con. Nó phải trả lời tôi rằng đáng lẽ phải chịu khó làm ăn để vun đắp cho cuộc sống gia đình thì gã mugic đó lại rượu chè be bét, uống mất cả áo lông trong quán rượu rồi chạy liêu xiêu ngật ngưỡng ngoài đường. Mọi người đều biết đó chính là nội dung của toàn bộ bản trường ca ca ngợi cái thú say mèm, say quắc cần câu. Ngài đừng lo, *giờ đây* nó đã biết phải trả lời thế nào rồi. Nào, mày trả lời đi: gã mugic ấy đã làm gì? Tao đã gà cho mày, đã mớm cho mày rồi đấy. Tao muốn nghe chính mồm mày nói là gã đã làm gì, đã nổi danh vì sự tích gì, có công tích gì xứng đáng với ánh vinh quang bất tử khiến cho bọn hát rong phải hát hò ca ngợi? Sao?

Thằng Falalei bất hạnh rầu rĩ đưa mắt nhìn quanh, thực tình không biết nói sao, cứ há mồm ra lại ngậm mồm vào, ngáp ngáp như con cá giếc bị hất lên bờ ruộng.

- Ngư-ư-ượng mô-ô-ồm! - cuối cùng nó lúng búng trong mồm như sắp chết.

- À ra thế! ngượng mồm! - Foma chộp ngay lấy câu nói, vẻ đắc chí. - Đấy, tôi đã có được câu trả lời như vậy đấy, thưa đại tá! Ngượng nói nhưng không ngượng làm ư? Đấy, hạt giống đạo đức ngài gieo đã nẩy mầm rồi, bây giờ ngài chỉ việc... tưới tắm nữa mà thôi. Nhưng không việc phải phí lời thêm nữa! Cút ngay xuống bếp, Falalei! Bây giờ ta sẽ không nói gì với mày nữa vì phải tôn

trọng mọi người; nhưng ngay hôm nay, ngay hôm nay mày sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc và đau đớn. Nếu không thế thì ngay lần này, ta và mày sẽ thế chỗ cho nhau, mày sẽ ở lại để làm đẹp lòng các ông lớn của mày bằng điệu vũ Komarin, còn ta sẽ ra khỏi cái nhà này ngay trong hôm nay! Đủ rồi đấy! Ta đã nói xong! Bước!

- Kìa ông, hình như... nghiêm khắc quá... - Obnoskin cất giọng lè nhè.

- Chính thế, chính thế, chính thế. - chú tôi hét lên, vẻ rất hăng hái nhưng lại bỏ lửng, chẳng nói gì thêm. Foma liếc nhìn ông với vẻ rầu rầu.

- Tôi lấy làm lạ đấy, Paven Semionits ạ, - y nói tiếp, - không hiểu rồi sau đó, tất cả những nhà hoạt động văn học, các nhà thơ, các học giả, các nhà tư tưởng thời nay làm những việc gì? Sao họ lại không hề để ý đến việc nhân dân Nga hát những bài hát gì; nhảy múa theo những lời ca tiếng hát nào? Tất cả những Pushkin, Lermontov, Borozdny, ấy cho đến tận bây giờ đã làm được những gì? Tôi lấy làm lạ đấy! Nhân dân cứ việc nhảy múa điệu Komarin, cái vũ khúc tán dương cái thú rượu chè, còn họ thì chỉ để hồn vào những đóa lưu li[37]. Tại sao họ chẳng bao giờ viết được những bài ca sáng giá hơn về đức hạnh cho nhân dân múa hát và vứt vào sọt rác cái mớ hoa lưu li của mình đi nhỉ? Cả một vấn đề xã hội! Mong họ hãy xây dựng cho tôi hình tượng một chàng mugic, nhưng là một chàng mugic cao quý, một thôn dân khác lạ, vượt lên trên mức thông thường. Mong họ hãy xây dựng cho tôi hình tượng bậc đại hiền nơi thôn dã, chân chỉ mang giày cỏ bện thôi nhưng sáng ngời đức hạnh khiến tôi dám nói rằng ngay đến Aleksandr Makedonski[38] quá lẫy lừng cũng không khỏi có chút ghen tị. Tôi hiểu nước Nga và nước Nga cũng hiểu tôi[39] nên tôi mới nói năng như vậy. Mong họ hãy xây dựng hình tượng một gã mugic có thể còn nặng gánh gia đình, bạc tóc vì lo nghĩ, còn phải chui rúc trong căn nhà ngột ngạt, còn đói cơm rách áo nhưng lòng dạ thảnh thơi, cam phận nghèo hèn, thờ ơ với lầu son gác tía đến nỗi chính người giàu sẽ động lòng trắc ẩn mà tự đem vàng đến đặt vào tay; vậy là đức hạnh của gã mugic sẽ gắn liền với đức hạnh của nhà điền chủ và có thể còn của bậc đại thần nữa ấy chứ. Gã nhà quê với bậc đại thần, những người có địa vị xã hội cách biệt nhau là thế, cuối cùng lại gắn kết với nhau về đạo đức - đúng là một ý tưởng cao đẹp! Vậy mà chúng ta đang chứng kiến những gì? Một đằng là những đóa lưu li mỏng mảnh, một đằng là một thằng say lem thuộm vọt ra khỏi quán rượu mà chạy lông nhông trên phố! Nào, xin cậu cho biết, có gì là thơ mộng ở đây không? Có gì đáng chiêm ngưỡng không đây? Trí tuệ ở đâu? Vẻ kiều diễm ở đâu? Phẩm giá đâu rồi? Tôi nghĩ không ra!

- Tôi nợ ông một trăm *rup* đấy, nói hay quá! - Ejevikin ngỏ lời thán phục.

- Có mà ăn cái dải rút của thằng này, - lão rỉ tai tôi. - Tâng bốc vào đi!

- Vâng, đúng... ông diễn đạt tài tình lắm, - Obnoskin lè nhè.

- Chính thế, chính thế, chính thế! - chú tôi reo lên sau khi lắng nghe cực kỳ chăm chú và đưa mắt hoan hỉ nhìn tôi.

- Một đề tài quan trọng đã được xới lên! - ông vừa nói vừa xoa tay, giọng khẽ khàng. - Một vấn đề nhiều mặt, ghê gớm thật! Foma Fomits này, đây là cháu tôi, - ông nói thêm lúc đang vui, đang dạt dào cảm xúc. - Cu cậu cũng đã nghiên cứu văn học đấy, tôi xin giới thiệu.

Vẫn như trước, Foma Fomits không thèm đếm xỉa đến lời giới thiệu của chú tôi.

- Lạy Chúa, chú đừng giới thiệu con nữa! con nói nghiêm túc đấy, - tôi nói thầm vào tai chú, giọng cương quyết.

- Ivan Ivanits! - Foma bỗng quay về phía Mizintsikov, chăm chú nhìn anh ta và cất tiếng gọi, - chúng tôi đã nói cả rồi, ý kiến cậu thế nào?

- Tôi ư? Ông hỏi tôi ư? - anh ta ngơ ngác hỏi lại như người đang ngủ bị đánh thức.

- Vâng, tôi hỏi cậu mà. Tôi hỏi cậu vì tôi tôn trọng ý kiến của những người thực sự thông minh chứ không phải của bọn thông thái rởm chỉ thông minh do được *liên tục giới thiệu* là thông minh, là *trí thức*, bọn này có khi còn chạy vạy để được lăng-xê bằng được ấy, đại khái thế.

Câu nói này rõ ràng muốn ám chỉ tôi. Và dù ra bộ không thèm để ý đến tôi, Foma Fomits vẫn dành toàn bộ câu chuyện về văn học cho một mình tôi với mục đích tung hỏa mù và đập tan thanh thế một trí thức Peterburg ngay từ đầu. Tôi tin chắc là như vậy.

- Nếu ông muốn biết ý kiến của tôi thì... tôi đồng ý với ý kiến của ông, - Mizintsikov trả lời uể oải và miễn cưỡng.

- Cậu hoàn toàn nhất trí với tôi! nghe phát ngấy lên được, - Foma nhận xét. - Nói thực lòng với cậu, Paven Semionits ạ, - sau một lúc im lặng, y lại quay sang với Obnoskin, - nói đến những trước tác tôi công nhận là bất hủ của Karamzin[40] thì đó không phải là lịch sử, không phải là “Marfa Posanisa”, không phải là “Nước Nga xưa và nay”, mà chính là “Frol Silin”: đúng là một sử thi siêu việt! Tác phẩm đó mang đậm tính nhân dân và sẽ sống mãi với thời gian! Một sử thi siêu việt miễn bàn!

- Chính thế, chính thế, chính thế! Một *tử thi* siêu việt! Frol Silin, một con người đức độ! Tôi vẫn nhớ, tôi đọc rồi mà; ông ấy *còn* phải chuộc hai cô gái nữa, nhưng về sau đã ngước nhìn trời mà khóc. Một tấm lòng cao thượng, - chú tôi phụ họa, mặt mày hớn hở.

Tội nghiệp chú tôi! Ông không tự kiềm chế được, cứ lanh chanh góp chuyện với cánh *trí thức*. Foma mỉm cười cay độc, nhưng vẫn làm thinh.

- Tuy nhiên, ngay cả bây giờ người ta vẫn viết hay đấy chứ, - Anfisa Petrovna thận trọng xen vào. - Đấy, "Những bí mật thành Brussel"[41] chẳng hạn.

- Tôi không nghĩ thế đâu ạ, - Foma nhận xét, có vẻ lấy làm tiếc. - Tôi mới được đọc một trường ca... Phải rồi! "Những đóa lưu li"! Và nếu các vị muốn thì trong số những tác phẩm gần đây nhất, tôi thích "Người trao đổi thư từ[42]" hơn cả, văn phong thanh thoát lắm!

- "Người trao đổi thư từ"! - Anfisa Petrovna reo lên, - đó là cái anh chuyên viết thư cho tạp chí chứ gì? Ô, tuyệt tác! chơi chữ rất hay!

- Chính thế, chơi chữ đấy. Rất uyển chuyển, văn phong thanh thoát lạ thường!

- Vâng, nhưng đúng là một anh thông thái rởm, - Obnoskin nhận xét với vẻ ngạo mạn.

- Thông thái rởm, thông thái rởm - tôi công nhận, - nhưng là một anh thông thái rởm đáng yêu, có duyên! Tất nhiên không một ý tưởng nào của anh ta có thể đứng vững trước lý lẽ phê bình xác đáng; nhưng độc giả vẫn bị cuốn hút bởi một giọng điệu thanh thoát! Bảo đó là một kẻ ba hoa trên trời dưới biển thì tôi cũng nhất trí thôi; nhưng ba hoa đấy mà vẫn đáng yêu, mà vẫn có duyên! Các vị còn nhớ chứ, trong một bài nghị luận văn học ông mãnh tuyên bố là mình có những mấy thái ấp cơ đấy?

- Thái ấp ư? - chú tôi có vẻ vui chuyện, - ghê quá! Ở tỉnh nào?

Foma ngừng lời, nhìn chú tôi chằm chằm rồi lại nói tiếp, không đổi giọng.

- Rõ chán, vì trí tuệ anh minh, các vị hãy cho biết: đối với một người đọc sách như tôi thì biết chuyện anh ta có thái ấp để làm gì mới được chứ? Nếu có thì cũng mừng cho anh bạn thôi! Nhưng viết như thế nó đáng yêu, nó dí dỏm lắm! Sắc sảo vào loại bậc thầy ấy chứ! Đấy, viết là phải viết như thế! Tôi có cảm tưởng là tôi cũng sẽ viết y như thế, nếu tôi nhận lời viết cho các tạp chí...

- Còn hay hơn nữa ấy chứ ạ, - Ejevikin nói với vẻ kính cẩn.

- Còn du dương thánh thót nữa kia! - chú tôi phụ họa.

Rút cuộc Foma Fomits đã không còn chịu đựng nổi.

- Thưa đại tá, - y nói, - rất mong ngài lượng thứ cho, nhưng tôi xin được van ngài đừng quấy rầy chúng tôi và để yên cho chúng tôi nói nốt câu chuyện của mình. Ngài không thể góp chuyện với chúng tôi được đâu, không thể! Xin ngài đừng phá bĩnh câu chuyện văn chương lý thú của chúng tôi. Ngài hãy lo việc gia tư điền sản, uống trà, nhưng... hãy để cho văn chương được yên. Văn chương sẽ không vì thế mà thua thiệt, tôi xin đoan chắc với ngài!

Xấc xược càn rở đến thế là cùng! Tôi chưa biết tính sao.

- Thì chính ông cũng vẫn nói về cái chuyện du dương trầm bổng đấy thôi, - chú tôi ngượng ngùng nói chữa, giọng ỉu xìu.

- Đúng thế đấy ạ. Nhưng tôi nói với sự am hiểu vấn đề, nói đúng lúc đúng chỗ; còn ngài thì sao chứ?

- Thưa vâng, thì chúng tôi cũng nói theo hiểu biết của chúng tôi đấy chứ ạ, - Ejevikin đỡ lời, vẫn là để lấy lòng Foma Fomits. - Hiểu biết của chúng tôi còn nông cạn lắm, phải tranh thủ chứ ạ, chẳng lẽ mới nắm được hai bộ trong chính phủ mà đã đủ sao, không, phải nắm tiếp bộ thứ ba nữa chứ, - đấy, cái kiểu của chúng tôi là như thế đấy ạ!

- Đấy, cái lão lại nói chuyện liên thiên rồi! - chú tôi kết luận và nở nụ cười hiền cố hữu của ông.

- Chí ít các vị cũng sẽ hiểu được ý tôi, - Foma phán.

- Không sao, không sao, Foma ạ, ta không cảm thấy bất bình trong chuyện này đâu. Ta biết ông can ngăn ta với tư cách một người bạn, một người anh ruột. Đây chính là việc ta cho phép ông làm, thậm chí còn yêu cầu ông làm. Việc thiết thực đấy, rất thiết thực! Bổ ích cho ta lắm chứ! Ta cảm ơn và xin tiếp thu ngay!

Tôi đã hết kiên nhẫn. Mọi điều tôi nghe được từ trước đến nay về Foma Fomits tôi đều có cảm tưởng là có phần phóng đại. Giờ đây khi đã tận mắt chứng kiến mọi điều tôi mới ngả ngửa ra vì quá lạ lùng. Tôi không tin vào chính mình nữa; tôi không sao hiểu được sự láo xược đến thế, cách hành xử độc tài ngang ngược đến thế - là một mặt, mặt khác là sự luồn cúi tự nguyện lạ lùng đến thế, sự nhẹ dạ cả tin kỳ cục đến thế. Tuy nhiên, ngay cả chú tôi cũng đã tỏ ra bối rối trước sự ngông nghênh quá quắt. Rõ ràng là như vậy... Lòng tôi đang bừng bừng khát vọng được cà khịa với Foma, tranh cãi với y, sỉ vả y cho hả giận, muốn ra sao thì ra! Ý định này cứ hối thúc tôi. Trong lúc loay hoay tìm cách mở màn trận chiến, tôi đã làm gẫy hết cái vành mũ. Nhưng chẳng có cớ gì để gây hấn cả. Foma tuyệt nhiên không để ý gì đến tôi.

- Ông nói thẳng thắn đấy, Foma ạ, - chú tôi nói tiếp, ra sức lấy lòng bằng được ông bạn quý và xuê xoa cho hết chỗ bực bõ vừa rồi. - Ông nói thế là nói thẳng đấy, Foma ạ, ta xin đa tạ. Phải nắm vững vấn đề đã rồi hãy nói chuyện bàn đến nó. Ta công nhận. Ta cũng đã mấy lần rơi vào tình thế nan giải đấy. Serioja này, con hãy tưởng tượng xem, chú cũng đã có bận đi chấm thi rồi đấy nhé... Các vị lại đùa rồi! Chả phải thế đâu, thủ trưởng cứ đi đi! Lạy Chúa, thế mà rồi chú cũng chấm xong chứ lị. Số là người ta mời mình đi khảo hạch thí sinh ở một học viện, xếp mình ngồi cùng với các thành viên ban giám khảo, chả là lúc bấy giờ ban này đang khuyết một chân, người ta mới rước mình sang. Thú thật với con chứ lúc bấy giờ chú mới hoảng chứ: chú có nắm được cái môn khỉ gió nào đâu! Tiến thoái lưỡng nan! Bụng thì cứ lo ngay ngáy, chúng nó mà gò lên bảng thì có mà ê cái mặt ra! Ồ, thế mà rồi trót lọt hết cả; thậm chí chú còn tự ý nêu câu hỏi nữa chứ, chú hỏi: Noe[43] là ai? Nói chung thí sinh đã trả lời đâu ra đấy; thế là bọn chú đi ăn sáng và uống sâm-banh mừng thắng lợi. Một học viện tuyệt vời!

Foma Fomits và Obnoskin cười rũ ra với nhau.

- Mà rồi chính ta sau đó cũng không nhịn được cười, - chú tôi vừa nói rất to vừa phá lên cười hiền hậu, lấy làm sung sướng khi thấy mọi người vui vẻ hẳn lên. - Thôi được, Foma này, chuyện ấy cho qua! Bây giờ để ta kể cho mọi người nghe chuyện này mới thấy thú: đó là cái lần ta bị hố... Serioja này, con hãy hình dung lúc bấy giờ bọn chú đang có mặt ở Krasnogorsk...

- Xin được hỏi ngài, thưa đại tá: ngài kể chuyện này có lâu không ạ? - Foma ngắt lời.

- Kìa, Foma! Đã bảo là chuyện tuyệt hay mà; có mà cười vỡ bụng. Ông cứ nghe xem: hay thật mà, lạy Chúa, rất hay. Ta sẽ kể câu chuyện ta đã bị hố như thế nào.

- Tôi lúc nào cũng khoái nghe loại chuyện này của ngài, - Obnoskin vừa nói vừa ngáp.

- Biết làm sao được, phải nghe thôi, - Foma quyết định.

- Thế là phải, lạy Chúa, sẽ tốt cả thôi, Foma ạ. Tôi đang muốn kể câu chuyện có lần tôi đã bị hố đấy, Anfisa Petrovna ạ. Con cũng phải nghe đấy, Serjei ạ: đây thậm chí còn là một bài học đường đời nữa. Bọn tôi đang có mặt ở Krasnogorsk (chú tôi bắt đầu, mặt mày hớn hở, giọng liến thoắng, vẻ vội vã, với vô số những câu mào đầu ông vẫn luôn luôn dùng đến khi mở đầu một câu chuyện nào đó mà ông đang muốn kể để góp vui với mọi người). Ngay tối hôm mới đến, tôi đã đi xem kịch. Nữ diễn viên sáng giá nhất là Kuropatkina; về sau nàng này còn bỏ

dở một vở kịch đang diễn để chạy theo một trung úy kỵ binh có họ là Zverkov, buộc sân khấu phải hạ màn. Thì ra Zverkov là một tay đại bịp, rượu chè cờ bạc đủ trò, và không chỉ là sâu rượu mà còn lê la đàn đúm suốt ngày. Hắn mà đã nốc đẫy vào là quên hết, không nhớ là mình đang sống ở đâu, ở quốc gia nào, tên là gì, - tóm lại là quên tiệt; nhưng thực chất là một anh chàng rất tốt... Vàng đấy, tôi đang ngồi trong nhà hát. Đến giờ giải lao tôi đứng lên thì bắt gặp một đồng đội cũ, anh bạn Kornoukov... Nói thật với các vị chứ đúng là một anh chàng có một không hai. Đã sáu năm chúng tôi chưa gặp lại nhau. Chúng tôi vốn là bạn trong nhóm chơi thân, quý lắm. Hồi này tôi cũng mới nghe đồn rằng anh ấy đã là một quan chức có cỡ; anh ấy đã chuyển sang ngạch dân sự, thăng tiến rất nhanh... Gặp nhau thế này, tất nhiên là mừng rỡ quá. Thôi thì mặc sức hàn huyên. Ngồi cạnh chúng tôi trên ghế lô có ba người phụ nữ, bên trái là một ả xấu điên xấu đảo... Về sau tôi mới biết đó là một người phụ nữ tuyệt vời, một người mẹ đông con, một người vợ hiền thục... Vậy mà lúc đó tôi lại cứ như một thằng ngu, hất hàm hỏi Kornoukov: “Này, người anh em, cậu có biết cái con bù nhìn dọa chim kia là ai không?” - “Người nào cơ?” - “Cái ả kia kìa.” - “Bà chị họ tôi đấy”. Ối giời đất ơi! Các vị cứ nghĩ mà xem cái tình cảnh của tôi lúc bấy giờ! Tôi nói chữa luôn: “Không, không phải bà ấy. Mắt quáng thế hở ông! Cái cô ngồi kia kìa, ai đấy?” - “Em gái tôi đấy”. Thế có chết không! Nhưng em gái anh bạn lại là một cô nàng xinh như mộng, diện ngất trời: những là đồ nữ trang cài áo, găng tay, xuyến, vòng các kiểu, - tóm lại cô ta ngồi đó như một đóa hoa tươi thắm; về sau cô ta đã lấy một chàng trai trên cả tuyệt vời, cậu Piktin đấy; cô ta theo không anh chàng, hai đứa tự ý đi làm phép cưới với nhau; vậy mà đến nay cũng đâu vào đấy cả: vợ chồng sống sung túc; hai ông bố vui mừng nở ruột nở gan!... Thế đấy các vị ạ. “Ồ không! - tôi rú lên, ngượng quá độn thổ, - không phải cô ấy!” - “Thế thì người ngồi giữa chứ gì?” “Phải, người ngồi giữa”. - “Vợ tôi đấy, người anh em ạ”... Giữa chúng tôi là tình bạn keo sơn chứ đâu phải một người phụ nữ! Giá mà tôi có thể nuốt chửng chị ta một cách ngon lành... “Trời đất ơi, tôi nói, cậu đã bao giờ được thấy một thằng ngu chưa hở cậu? Hắn đang đứng trước mặt cậu đây này, đầu hắn đây thôi: cậu hãy chém phăng đi, đừng thương tiếc!” Anh ấy chỉ cười. Xem xong kịch anh ấy giới thiệu tôi với mọi người, chắc là cũng kể hết chuyện vừa rồi, cái gã tinh nghịch ấy. Mọi người cười như nắc nẻ! Xin thú thật là tôi cũng chưa có dịp nào vui đến thế. Đấy, Foma, người anh em ạ, thỉnh thoảng cũng có thể bị hố như thế đấy! Ha-ha-ha-ha!

Nhưng ông chú tội nghiệp của tôi đã cười một cách vô duyên; ông hoài công đưa ánh mắt vui vẻ và hiền hậu nhìn khắp xung quanh; một sự im lặng chết chóc đã là câu trả lời cho câu chuyện vui nhộn của ông. Foma Fomits ngồi im, mặt ỉu xìu, mọi người thấy vậy cũng ngồi im; riêng Obnoskin cứ tủm tỉm cười một mình như đã biết trước là thế nào mọi người cũng tẩy chay ông. Chú tôi tỏ ra ngượng ngùng, mặt đỏ nhừ. Đó chính là điều Foma mong muốn.

- Ngài kể xong chưa? - cuối cùng, với vẻ quan trọng, y cất tiếng hỏi người kể chuyện lúc này vẫn chưa hết ngượng.

- Xong rồi, Foma ạ.

- Và ngài vui sướng chứ?

- Vui sướng thế nào cơ, hở Foma? - ông chú tội nghiệp của tôi trả lời với vẻ tiu nghỉu.

- Bây giờ ngài có thấy nhẹ nhõm hơn không? Ngài có thấy hài lòng vì đã làm hỏng được cuộc chuyện trò lý thú về văn chương của bạn bè bằng cách ngắt lời họ để thỏa mãn chút tự ái nhỏ nhen của mình không?

- Đủ rồi đấy, Foma ạ! Ta những muốn làm cho cả nhà vui vẻ lên một chút, vậy mà ông...

- Làm cho vui vẻ ư? - Foma quát, bất đồ nổi cơn lôi đình thịnh nộ, - nhưng ngài chỉ có thể làm người ta ngán đến mang tai, chứ có gì là vui vẻ. Làm cho vui vẻ! Nhưng ngài có biết là câu chuyện của ngài rất giống một câu chuyện đồi bại, trái với luân thường đạo lý hay không? Tôi không còn bảo là nó khiếm nhã nữa, điều đó quá rõ rồi... Với thái độ thô bỉ hiếm có, ngài vừa cho biết là ngài đã giễu cợt sự trong trắng, giễu cợt một quý bà thanh cao chỉ vì người ta không được vừa mắt ngài. Và ngài muốn ép chúng tôi cũng phải cười, có nghĩa là a dua, đồng lõa với ngài trong một hành vi lỗ mãng, và tất cả chỉ vì ngài là chủ cái nhà này! Thưa đại tá, ngài có thể tùy ý tuyển chọn cho mình những kẻ ăn bám, xu nịnh, hợp tình, hợp ý, thậm chí có thể đặt mua người từ những nước phương xa để tăng cường lực lượng tay chân nhằm hãm hại những tấm lòng ngay thẳng và khảng khái; nhưng Foma Opiskin sẽ không bao giờ có thể trở thành một đứa bợ đỡ, liếm gót, ăn bám của ngài! Chuyện gì khác thì không biết, riêng chuyện này tôi xin đoan chắc với ngài!...

- Kìa, Foma! ông chưa hiểu tôi, Foma ạ!

- Không, thưa đại tá, tôi đã hiểu thấu đáo từ lâu, tôi hiểu ngài tường tận! Lòng tự ái vô biên luôn cắn rứt ngài; lúc nào ngài cũng muốn tỏ ra sắc sảo nhưng đó

là điều ngài không thể có, ngài quên rằng sự sắc sảo đâu phải cứ muốn là xuất hiện được đâu. Ngài...

- Thôi đủ rồi, Foma, lạy Chúa! Phải biết ngượng với mọi người chứ!...

- Phải chứng kiến tất cả những điều đó thì thật đáng buồn, thưa đại tá, nhưng đã thấy thì không thể không nói được. Tôi là kẻ nghèo hèn, tôi phải *nương bóng* thân mẫu của ngài. Biết đâu người ta còn tưởng tôi là đứa nịnh thần, suốt ngày ngậm miệng ăn tiền: có điều tôi không muốn bất cứ một đứa *miệng còn hoi sữa* nào dám coi tôi là kẻ ăn bám của ngài. Có thể là vừa rồi, ngay lúc mới sang đây, tôi đã tỏ ra quá ngay thẳng, thậm chí còn thô lỗ nữa, chính vì ngài đã đẩy tôi đến cái nước ấy. Ngài quá ngạo mạn với tôi mà, thưa đại tá. Mọi người có thể coi tôi là đứa nô lệ của ngài, là kẻ được ngài cưu mang bao bọc. Nhưng một khi ngài muốn hạ thấp tôi trước mặt *người ngoài* thì tôi phải là người ngang hàng, người bằng vai với ngài về mọi mặt, ngài nghe rõ chứ? Có khả năng việc tôi sống với gia đình ngài là chuyện ngài mắc nợ *tôi*, chứ không phải tôi mắc nợ *ngài*. Người ta dìm tôi xuống thì tôi phải tự cất cao đầu - đó là lẽ đương nhiên! Tôi không thể không nói, tôi cần phải nói, phải phản kháng tức thì và do đó tôi xin tuyên bố thẳng tuột ra với ngài rằng ngài là một kẻ chúa hay ghen tị! Ngài thấy chứ, chẳng hạn như khi thấy ai đó, trong câu chuyện thân tình cởi mở, vô tình đưa ra những nhận thức, sở thích, nói lên sự uyên bác của mình là ngài cảm thấy bực bội, rồi ngài cũng lanh chanh: “Để yên, ta cũng sẽ nói lên nhận thức, sở thích của mình đây!” Nhưng sở thích của ngài ra sao, ngài cho phép nói thật chứ? Xin lỗi đại tá, tầm tư duy của ngài giỏi lắm cũng chỉ đạt tới mức thấy được con bò trong miếng thịt bò thôi! Nói như thế là gay gắt, là thô lỗ, tôi biết chứ, nhưng chí ít cũng là nói thẳng nói thật. Những lời như vậy ngài sẽ không bao giờ nghe thấy từ miệng đám nịnh thần của ngài đâu, thưa đại tá.

- Kìa, Foma!...

- Lại “kìa Foma” rồi! Rõ ràng sự thật không khi nào dễ lọt tai. Thôi được, chúng ta sẽ còn trở lại chuyện này, còn bây giờ cho tôi được góp vui một chút. Không phải chỉ có ngài là đặc biệt đâu. Paven Semionovits! Cậu đã nhìn thấy con thủy quái đội lốt người ấy chưa? Tôi đã quan sát nó từ lâu. Cậu nhìn kỹ nó xem: nó đang định xơi tái tôi đấy! Câu chuyện chuyển sang Gavrila.

Người lão bộc đang đứng cạnh cửa ra vào, đưa mắt chăm chú nhìn ông lớn với vẻ đau đớn khổ sở, chờ đợi những lời quở trách.

- Tôi có một vở hài kịch muốn đem ra cù cả cậu nữa đấy, Paven Semionits ạ. - Ê, cái lão ngơ ngơ kia, lại đây! Làm ơn đứng gần vào đây, Gavrila Ignatiits! -

Đấy, cậu thấy chưa, hở Paven Semionits, Gavrila đấy; lão can tội hỗn láo nên đang phải học thổ ngữ Pháp để đền tội đấy. Giống như Orfei, bây giờ tôi nói giọng rất nhẹ, không phải là hát, mà là tiếng địa phương của Pháp. - Ê, ông bạn người Pháp, mơ-si-ơ sô-mơ[44], ông ấy không chịu nổi khi bị gọi là mơ-si-ơ sô-mơ đấy, - lão có hiểu bài không?

- Tôi thuộc rồi, - Gavril đáp, mặt xị ra.

- Pac-lê-vu-frăng-xe[45]?

- Uy, mơ-si-ơ, giơ-lơ-pac-oong-pơ...[46]

Tôi không biết là tại bộ dạng rầu rĩ của Gavrila khi phát âm hay do mọi người đã đoán được ý định cù khán giả của Foma, nhưng Gavrila vừa chớm máy môi là tất cả đã phá lên cười ngặt nghẽo. Thậm chí tướng quân phu nhân cũng bật cười. Anfisa Petrovna ngả người lên lưng ghế đi-văng cười ré lên, đưa quạt che mồm. Buồn cười nhất là Gavrila khi thấy buổi kiểm tra đã biến thành trò nhí nhố thì cáu kỉnh nhổ bọt và buông sõng một câu: “Già đời mới biết thế nào là nhục!”

Foma Fomits giật mình.

- Cái gì cơ? Lão nói gì? Định nói láo hả?

- Chả phải thế đâu, Foma Fomits ạ, - Gavrila trả lời dõng dạc, - tôi không nói láo và lẽ nào một thằng đầy tớ như tôi lại dám tính chuyện hỗn láo với ông, một ông lớn bẩm sinh. Nhưng ở đời không ai là không mang hình bóng Chúa trên người, cả bên ngoài lẫn bên trong. Tôi năm nay đã sáu mươi ba tuổi. Bố tôi khắc sâu thù hận với tên ác ôn Pugatsiov[47] vì ông tôi cùng với ông lớn Matvei Nikitiits, - cầu Chúa cho họ được yên nghỉ trên thiên đường - bị hắn treo cổ trên cùng một cây dương, vì vậy bố tôi được mồ ma ông lớn Afanaxii Matveits ưu ái hơn người, cất nhắc lên làm sĩ quan chỉ huy và cuối đời là quản gia của ngài. Còn tôi, thưa ông, tuy chỉ là phận tôi đòi của quý vị, song từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ chưa từng được thấy nỗi nhục nào như nỗi nhục hôm nay!

Cùng với hai tiếng cuối, Gavrila dang hai tay và khẽ nghiêng đầu. Chú tôi dõi theo lão với vẻ lo lắng.

- Thôi, đủ rồi, đủ rồi, Gavrila! - ông quát, - không phải dài dòng vô ích, đủ rồi!

- Không sao, không sao, - Foma bỗng có phần thất sắc nhưng vẫn cười khẩy. - Cứ để cho lão nói; mọi thứ đều là thành quả của ngài mà...

- Tôi sẽ kể hết, - Gavrila nói tiếp, sôi nổi hẳn lên, - không giữ kín điều gì nữa! Trói tay chứ trói thế nào được lưỡi! Thế này, Foma Fomits ạ, đối với ông thì tôi là đứa mạt hạng, nói cho nhanh là một tên nô lệ, vậy mà ông còn sỉ nhục tôi! Việc

của tôi là phải luôn luôn hầu hạ và luồn cúi ông. Cái số sinh ra đã là nô lệ thì bất cứ việc gì được sai bảo cũng phải lo sốt vó mà làm. Ông ngồi viết sách thì tôi phải ngồi canh không cho người vào quấy quả, có thế mới gọi là tròn phận sự. Bất cứ việc gì cần tôi cũng sẵn lòng hầu hạ đến nơi đến chốn. Nhưng bây giờ bảo cái thằng già há mõm ra mà sủa cái thứ tiếng đâu đâu trước mặt mọi người thì than ôi nhục quá! Bây giờ tôi còn không dám đến chỗ đông người nữa cơ. “A, ông người Pháp! Ông người Pháp!” - Chúng nó ồ cả lên. Không, thưa ông, Foma Fomits ạ, không phải riêng mình tôi, một thằng ngu, mà đến cả những người tử tế cũng đã bắt đầu nói như nhau rằng ông đã trở thành một kẻ tàn bạo, rằng đối với ông thì ông lớn của chúng tôi cũng chỉ là một đứa trẻ con; họ bảo rằng ông tuy là con giòng cháu giống và là con trai một thầy tu dòng Tên và chính ông cũng suýt trở thành một giáo sĩ dòng Tên nhưng tàn bạo thì thật chẳng khác nào một con ác quỷ.

Gavrila kết thúc. Tôi thấy hởi lòng hởi dạ biết bao. Foma Fomits ngồi tái mặt vì tức giận giữa một cảnh huống rối ren nhiều mặt và dường như còn chưa thể định thần được trước sự tấn công bất ngờ của Gavrila: dường như ngay lúc đó y vẫn còn băn khoăn chưa biết nên phản ứng tới mức nào. Cuối cùng thì tiếng nổ tiếp theo đã vang lên.

- Thế đấy! lão dám đả kích tôi cơ đấy! chính tôi cơ đấy! làm loạn đấy! - Foma rít lên và rời ghế đứng phắt lên.

Tướng quân phu nhân cũng bật lên theo và vung tay ngạc nhiên. Cảnh náo loạn bắt đầu. Chú tôi lao ra đánh đuổi kẻ tội đồ Gavrila.

- Cùm lão ta lại, cùm lại! - tướng quân phu nhân quát. - Đưa lão ra thành phố và tống vào trại lính ngay tức khắc, Egoruska! Không thì đừng trách ta không cầu phúc cho anh đấy. Gông cổ lão lại và tống vào trại lính ngay tức khắc!

- Thế đấy, - Foma quát, - đồ hèn mạt! đồ khốn nạn! quân láo xược! lão dám đả kích tôi cơ đấy! Lão, lão, cái giẻ lau giày của tôi đấy! Lão dám gọi tôi là con ác quỷ cơ đấy!

Tôi bước lên phía trước với vẻ cực kỳ cương quyết.

- Tôi xin thú thật rằng trong trường hợp này tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến của Gavrila, - tôi vừa nói vừa nhìn thẳng vào mắt Foma Fomits và run lên vì tức giận.

Y tỏ ra sửng sốt trước thái độ của tôi đến nỗi thoạt tiên dường như không tin ở tai mình.

- Có chuyện gì nữa đây? - cuối cùng y cũng hét lên, điên cuồng lăn xả vào tôi, giương đôi mắt bé, đỏ ngầu nhìn tôi chằm chặp. - Mày là thằng nào?

- Foma Fomits... - chú tôi cất tiếng trong lúc đang rối ruột rối gan vì mọi nhẽ, - đấy là Serioja, cháu ta...

- Nhà trí thức! - Foma gào lên, - cu cậu là nhà trí thức đấy ư? Libectê-êgalitê - fratecnitê![48] Tạp chí đê đêba![49] Chả phải thế đâu, người anh em ạ, đừng có mà bịp bợm! Không dễ thế đâu! Đây không phải là Peterburg, không lòe nổi ai đâu! Tôi thì nhổ toẹt vào cái đê đêba của cậu! Của cậu là đê đêba thì dịch sang tiếng chúng tôi là “đồ quạ tha”! Nhà trí thức cơ đấy! Đồ ba láp, có mà học trước quên sau chứ trí thức gì!

Nếu mọi người không giữ lại thì có lẽ y đã xông thẳng vào tôi mà đấm đá như điên.

- Ông ấy say rồi, - tôi vừa nói vừa ngơ ngác đưa mắt nhìn quanh.

- Ai? Tôi ư? - Foma hét lên, lạc cả giọng.

- Đúng, ông đấy!

- Tôi say ư?

- Ông say rồi.

Foma không chịu nổi nữa. Y ré lên như đang bị ai đè ra cắt tiết và bỏ chạy ra khỏi phòng. Tướng quân phu nhân hình như đã định quay lơ ra ngất nhưng đã kịp nhận ra rằng thà chạy theo Foma Fomits còn hơn. Mọi người cùng ùa chạy theo người, còn chú tôi chạy theo mọi người. Khi tôi đã định thần được và quay nhìn về phía sau thì thấy trong phòng chỉ còn Ejevikin. Lão mỉm cười và xoa hai tay vào nhau.

- Người ta vừa hẹn nhau là sẽ giải quyết vấn đề về gã thầy tu dòng Tên đấy, - lão nói với giọng thân tình.

- Cái gì cơ? - tôi cứ ngớ ra.

- Người ta vừa hẹn nhau là sẽ thuật lại câu chuyện về gã thầy tu dòng Tên... chuyện khôi hài đấy ạ...

Tôi chạy ra ngoài thềm, rồi từ đó đi thẳng vào vườn. Mụ hết cả đầu...

VIII

TỎ TÌNH

Tôi tha thẩn trong vườn đến gần mười lăm phút, trong tâm trạng bực bội và bất mãn ghê gớm với chính bản thân mình, đầu óc cứ quanh quẩn với câu hỏi: làm thế nào bây giờ? Trời đã ngả bóng hoàng hôn. Bỗng nhiên trên lối rẽ vào một con đường lớn tối thẫm bóng cây, tôi chạm trán với Nastenka. Cô ta đang cầm khăn tay chấm nước mắt.

- Tôi tìm anh mãi, - cô ta nói.

- Tôi cũng đang tìm cô, - tôi đáp. - Cô thử nói xem: có phải tôi đang sống ở nhà thương điên không nhỉ?

- Làm gì có chuyện! - cô ta đưa mắt nhìn tôi chằm chằm và trả lời dấm dẳn.

- Thế sao lại toàn những chuyện như thế? Vì Chúa, xin cô cho tôi một lời khuyên! Chú tôi đi đâu mất rồi? Tôi đến đấy có được không? Tôi rất mừng được gặp cô thế này: có thể cô sẽ góp ý cho tôi về chuyện gì chăng.

- Thôi, anh không nên đi. Chính tôi đã rút lui, kệ họ với nhau.

- Họ đang ở đâu?

- Ai mà biết được? Có khi họ lại chạy vào vườn rau cũng nên, - cô ta nói, giọng bực bội.

- Vườn rau nào?

- Tuần trước Foma Fomits đã quát tháo ầm ĩ, kêu là hết muốn ru rú mãi trong nhà, rồi đùng đùng chạy ra vườn rau, lôi trong lều để đồ ra một cái xẻng, hùng hục đào đất đánh luống. Tất cả chúng tôi đều lấy làm lạ: ông ấy điên rồi chắc? “Đấy, ông ấy nói, để cho sau này thiên hạ hết đường móc máy là tôi độc ngồi không ăn bám, tôi sẽ đi đào đất và sẽ kiếm cho bằng đủ miếng ăn mà tôi đã được cung phụng ở đây, rồi tôi sẽ ra đi. Đấy, người ta đã đưa tôi đến nông nỗi này đây!” Thế là mọi người xúm vào khóc lóc van xin, chỉ thiếu có cái nước quỳ xuống mà tế sống ông ấy, người ta còn giằng lấy xẻng trên tay ông ấy, thế mà rồi ông ấy vẫn không nghe, cứ xới xáo cho bằng hết cái lô đất trồng củ cải. Cứ chịu thua ông ấy một lần là có khi bây giờ ông ấy lại lặp lại đấy. Quen lệ đi rồi.

- Thế mà cô... cô kể cứ như không, giọng lạnh tanh! - tôi tức khí kêu lên.

Cô ta nhìn tôi, mắt long lanh.

- Tôi xin lỗi; tôi cũng chẳng biết mình đang nói gì nữa! Này, thế cô có biết chuyến này tôi về đây là nhằm mục đích gì không?

- Chi-i-ịu, - cô đáp, mặt ửng hồng và một cảm giác khó chịu nào đó thoáng hiện trên gương mặt xinh xắn của cô.

- Cô bỏ quá cho, - tôi nói tiếp, - tôi đang hồi hộp, tôi cảm thấy có lẽ mình chưa nên nói chuyện này ra... nhất là với cô... Nhưng đằng nào cũng thế thôi! Theo tôi, với những việc như thế này, cứ thành thực với nhau là hơn cả. Tôi xin thú thật... tôi muốn nói là... cô có biết ý định của chú tôi không nhỉ? Chú tôi ra lệnh cho tôi phải cầu hôn với cô...

- Khiếp, rõ vớ vẩn! Thôi anh đừng nói nữa! - cô ta vội vã ngắt lời tôi, mặt đỏ rần.

Tôi bối rối quá.

- Vớ vẩn thế nào được? Ông ấy viết thư cho tôi hẳn hoi.

- Ông ấy vẫn cứ viết thư cho anh ư? - cô ta xăng xái hỏi. - Bố này lạ thật! Ông ấy đã hứa là sẽ không viết thư cơ mà! Rõ vớ vẩn! Lạy Chúa, rõ vớ vẩn quá!

- Tôi xin lỗi, - tôi lầu bầu, thấy rất khó nói, - có lẽ tôi đã tỏ ra thiếu thận trọng, tôi đã sỗ sàng... nhưng đây đúng là những phút giây hiếm có trên đời. Cô nghĩ xem: chúng ta đã lâm vào một cảnh huống kỳ quặc...

- Đừng, lạy Chúa, anh đừng xin lỗi nữa! Anh biết cho, không thế tôi cũng đã đủ ngấy khi phải nghe chuyện đó rồi, anh không biết chứ chính tôi cũng đang mong được hỏi chuyện anh cơ đấy... Chà, thật đáng tiếc! Ông ấy lại cứ viết thư cho anh như thế chứ lị! Tôi đã bảo sợ nhất là cái chuyện thư từ như thế! Người đâu mà kỳ cục! Thế mà anh cũng tin ông ấy và phóng một mạch về đây ư? Đến khổ!

Cô ta không che giấu nỗi bực dọc của mình. Cảnh ngộ tôi lúc này thật chẳng ra sao.

- Thú thật là tôi không ngờ mọi chuyện lại quay ngoắt một trăm tám mươi độ như thế... ngược lại, tôi cứ nghĩ... - tôi nói trong tâm trạng cực kỳ bối rối.

- Chết, anh lại nghĩ như thế cơ à? - cô ta nói và khẽ cắn vào môi, giọng nghe chừng có ý mỉa mai. - À, anh có thể cho tôi xem bức thư ông ấy viết cho anh chứ?

- Được thôi.

- Anh đừng giận tôi anh nhé, anh nhé; không thế cũng đủ khổ rồi anh ạ! - Cô nói với giọng van vỉ nhưng trên đôi môi xinh xắn của cô vẫn thấp thoáng một nụ cười giễu cợt.

- Ấy, xin đừng coi tôi là một thằng ngu! - tôi quát lên một cách nóng nẩy. - Hay là cô đã có định kiến với tôi từ trước? Hay đã có kẻ đặt điều nói xấu tôi với cô? Hay tại tôi vừa để xảy ra điều thất thố khiến cô bực bội? Cũng không sao hết - tôi đoan chắc với cô là như vậy. Tôi hiểu được rằng giờ đây tôi đang đứng trước mặt cô như một thằng ngu đấy chứ. Đừng cười tôi cô ạ! Tôi chẳng biết mình đang nói gì nữa... Nhưng tất cả cũng chỉ vì cái độ tuổi hai mươi hai đáng nguyền rủa của tôi đây!

- Lạy Chúa tôi! Thế là thế nào?

- Còn thế nào nữa? Bất cứ ai ở độ tuổi hai mươi hai thì đừng hòng khác được, chẳng hạn như mới đây tôi đã lao ra giữa phòng hay lúc này lao đến trước mặt cô... Cái độ tuổi khốn nạn!

- Ồ, không, không phải thế! - Nastenka đáp, cố nhịn cười. - Tôi tin rằng anh là người tốt, vừa tốt, vừa đáng yêu, vừa thông minh, vừa... tôi nói thật đấy! Có điều... anh quá giàu lòng tự ái. Nhưng cái đó thì vẫn còn sửa chữa được mà.

- Tôi cảm thấy mình có lòng tự ái đúng mức cần phải có.

- Không, có một chỗ đáng bàn. Ban nãy, khi anh phát ngượng lên ấy - vì lý do gì ấy nhỉ? Vì một chút va vấp khi mới đến ấy! Anh có quyền gì mà đem ông chú tốt bụng, hào hiệp của anh, người đã làm cho anh bao nhiêu điều tốt đẹp, ra làm trò cười cho thiên hạ nhỉ? Do đâu mà anh lại nảy ra ý định bêu riếu ông ấy, trong khi chính anh mới là kẻ đáng chê cười? Một hành vi ngu xuẩn, đáng xấu hổ quá! Việc đó không làm đẹp mặt anh đâu và tôi xin nói thẳng với anh rằng lúc đó tôi thấy anh cực kỳ đáng ghét!

- Đúng thế! Cực kỳ ngu dại là tôi! Thậm chí còn tệ hại hơn cơ: tôi đã làm một chuyện đê hèn! Việc cô nhận ra điều đó đã là một sự trừng phạt đối với tôi! Cô cứ việc quở trách tôi, chê cười tôi, nhưng hãy để ý nghe tôi nói: có thể rút cuộc cô sẽ thay đổi ý kiến, - tôi nói thêm khi đã bị cuốn hút vào một cảm giác kỳ lạ làm sao, - cô hiểu tôi còn quá ít, thành thử rồi đây khi hiểu tôi hơn... biết đâu...

- Lạy Chúa, thôi không nói chuyện này nữa! - Nastenka nói như quát, rõ ràng không chịu nổi nữa.

- Thôi được, thôi được, không nói nữa! Nhưng... tôi có thể gặp cô ở đâu?

- Gặp ở đâu là thế nào?

- Nhưng lẽ nào câu chuyện chúng ta cần nói với nhau chỉ đến đây là hết, hở Nastasiia Evgrafovna? Vì Chúa, cô hãy hẹn tôi đi, ngay hôm nay cũng được. Nhưng trời sắp tối rồi. Thôi thế này, nếu không vướng gì thì sáng mai luôn nhé, sáng sớm; tôi nhất định sẽ dậy sớm. Cô biết chứ, bên bờ hồ có cái nhà thủy tạ đấy. Tôi vẫn nhớ, tôi biết đường ở đây mà. Hồi bé tôi chả ở đây mãi là gì.

- Hẹn hò! Nhưng hẹn để làm gì? Có hẹn hò gì đâu mà chúng ta vẫn nói chuyện đây thôi.

- Nhưng hiện giờ tôi vẫn chưa biết gì hết, Nastasiia Evgrafovna ạ. Trước hết tôi sẽ hỏi chú tôi để biết rõ ngọn ngành. Trước sau rồi ông ấy cũng sẽ kể hết mọi chuyện với tôi và có thể lúc bấy giờ tôi sẽ nói với cô một điều gì rất quan trọng đấy...

- Không, không! Không cần, không cần! - Nastenka hét lên, - chúng ta sẽ chấm dứt mọi chuyện ở đây thôi, dứt điểm. Mà anh cũng đừng đến cái nhà thủy tạ ấy làm gì vô ích: tôi chẳng đến đâu, và xin anh loại ra khỏi đầu óc tất cả những điều nhảm nhí ấy đi, tôi nói nghiêm túc đấy...

- Như thế có nghĩa là chú tôi đã cư xử với tôi một cách điên rồ! - tôi hét lên như kẻ phát khùng. - Mà như thế thì ông ấy gọi tôi về để làm gì? Nhưng cô nghe thấy đấy chứ: có chuyện gì mà ầm ĩ thế không biết?

Chúng tôi đang đứng cách nhà một quãng ngắn. Từ trong các cửa sổ mở toang vang ra tiếng thét lác và quát tháo om sòm.

- Lạy Chúa tôi! - cô ta tái mặt đi, - lại thế rồi! Tôi đã dự cảm được là thế cũng có chuyện cho mà xem!

- Cô đã dự cảm được ư? Nastasiia Evgrafovna này, còn một câu hỏi nữa. Tất nhiên là tôi chẳng có quyền gì hết, nhưng tôi vẫn đánh bạo đề ra cho cô câu hỏi cuối cùng này vì lợi ích chung. Xin cô cho biết một điều mà tôi nguyện sống để dạ chết mang đi nhé - cô nói thật đi: có phải chú tôi yêu cô không?

- Chết chửa! Anh hãy loại ngay ra khỏi đầu óc cái chuyện nhảm nhí ấy đi! - cô ta giận dữ quát lên. - Anh cũng lại thế nữa! Yêu thì đã không đến nỗi phải gán tôi cho anh, - cô ta nói thêm với nụ cười chua chát trên môi. - Mà anh lấy đâu ra cái chuyện tầm phào ấy nhỉ? Chẳng lẽ anh không hiểu được thực chất vấn đề sao? Anh có nghe thấy những tiếng la hét ầm ĩ kia không?

- Nhưng... đó là Foma Fomits.

- Vâng, tất nhiên, chính là Foma Fomits; nhưng bây giờ vấn đề lại xuất phát từ tôi, vì họ cũng đang nói đến chính cái điều nhăng cuội mà anh đang nói đấy. Vả

chăng tôi là một đứa con gái nghèo hèn, chẳng đáng làm to chuyện, chẳng qua họ đang muốn cưới cho ông ấy một người đàn bà khác, nên mới phải ép ông ấy đuổi tôi về nhà với bố, cho công việc được suôn sẻ, xuôi chèo mát mái. Nhưng hễ có ai đề cập đến chuyện này là ông ấy phát điên phát rồ lên ngay tức khắc; thậm chí còn toan xé xác Foma Fomits ra cơ đấy. Đấy, bây giờ họ cũng đang thét lác về chuyện ấy thôi; điều tôi linh cảm được chính là như vậy.

- Hóa ra là đúng như vậy thật! Như vậy là ông ấy nhất định sẽ lấy cái ả Tatiana ấy chứ gì?

- Tatiana nào?

- À, là cái ả đần độn ấy.

- Còn lâu mới đần độn nhé! Chị ấy là người hiền hậu. Anh không được phép nói như thế! Chị ấy còn tốt bụng hơn khối người đấy. Chị ấy không có lỗi khi chị ấy là người bất hạnh.

- Tôi xin lỗi. Cứ cho là cô có nhận định hoàn toàn đúng về chuyện này đi, nhưng liệu cô có nhầm lẫn trong vấn đề chính yếu không? Tôi thấy mọi người ở đấy đón tiếp bố cô không đến nỗi nào, cô nói thế nào về chuyện đó? Nếu họ không bằng lòng với cô đến mức như cô nói, lại còn xua đuổi cô nữa thì họ cũng phải khó chịu và lạnh nhạt với bố cô chứ.

- Lẽ nào anh không thấy được những gì bố tôi đang làm cho tôi! Ông ấy cứ phải diễn trò để mua vui cho họ! Họ chấp nhận ông chính vì ông đã kịp lấy lòng Foma Fomits. Thì chính Foma Fomits cũng từng là một chú hề nên ông ta lại càng đắc chí thấy mình giờ đây cũng có hề hầu hạ. Anh nghĩ sao: bố tôi làm việc đó là vì ai vậy? Vì tôi đấy, chỉ vì tôi. Chứ cứ như ông ấy thì ông ấy chả cần, ông ấy chẳng thèm luồn cúi ai đâu. Có thể dưới con mắt ai đó ông có vẻ rất buồn cười nhưng ông chính là một con người cao thượng, cực kỳ cao thượng! Không hiểu sao ông cứ cho rằng tôi ở lại đây, trong cái nhà này là hay nhất, mà hoàn toàn không phải vì ở đây tôi có lương bổng hậu hĩnh, xin đoan chắc với anh là như vậy. Nhưng giờ đây tôi đã hóa giải được niềm tin ấy ở ông. Tôi đã viết thư nói dứt khoát rồi. Lần này ông đến là cũng để đón tôi và nếu quá lắm thì ngay ngày mai là ngược luôn thôi vì tình hình hầu như đã quá căng: người ta đang muốn xé xác tôi ra đấy và tôi biết chắc là lúc này trong đó người ta đang thét lác về tôi. Họ đang lấy tôi ra để làm tình làm tội *ông ấy*, ức hiếp *ông ấy*! Còn đối với tôi, *ông ấy* chẳng khác nào một người cha, anh nghe rõ chứ, thậm chí còn lớn hơn cha đẻ của tôi! Tôi không muốn chần chừ nữa. Tôi biết rõ hơn người khác chứ. Ngay ngày mai, ngay ngày mai tôi sẽ đi khỏi đây! Biết đâu vì thế mà người

ta có thể tạm hoãn đám cưới của *ông ấy* với Tatiana Ivanovna... Đấy, tôi đã kể hết với anh rồi. Anh hãy kể lại với *ông ấy* giúp vì bây giờ tôi không thể chuyện trò gì với *ông ấy* được nữa: bọn họ đang theo dõi chúng tôi, đặc biệt là ả Perepelisina. Anh nói hộ là xin *ông ấy* đừng lo lắng cho tôi, rằng tôi thích ăn bánh mì đen và ở trong căn nhà gỗ của bố tôi hơn là ở đây làm cái tội cái nợ cho *ông ấy*. Tôi là con nhà nghèo thì phải sống với phận nghèo. Nhưng làm sao thế, lạy Chúa, tiếng quát hét kêu la ầm ĩ thế kia kìa! Còn chuyện gì nữa thế không biết! Không, muốn ra sao thì ra, tôi phải vào đấy ngay bây giờ! Tôi sẽ nói hết, nói thẳng vào mặt tất cả bọn họ, muốn đến đâu thì đến! Chào anh!

Cô ta bỏ chạy. Tôi đứng ngẩn tò te, hoàn toàn không nhận thức được tất cả cái nực cười trong cái vai trò lúc này mình đang nắm giữ, hoàn toàn mụ mẫm, không biết mọi chuyện rồi ra sẽ hóa giải ra sao, bằng cách nào đây. Tôi bỗng thấy thương cô con gái nhà nghèo và lo cho ông chú. Đột nhiên Gavrila đã hiện ra ngay bên cạnh. Tay lão vẫn cầm cuốn vở mỏng.

- Mời cậu về gặp chú cậu ạ! - lão cất tiếng, giọng rầu rầu.

Tôi choàng tỉnh.

- Gặp chú tôi? Ông ấy ở đâu? Có chuyện gì không?

- Ở phòng trà đấy ạ. Nơi các vị vừa dùng trà đấy ạ.

- Có ai ở đấy nữa không?

- Chỉ một mình ông lớn thôi ạ. Ông lớn đang chờ đấy ạ.

- Chờ ai? Chờ tôi à?

- Ông lớn đã cho người đi gọi Foma Fomits rồi đấy ạ. Những ngày sáng sủa của chúng ta đã đến rồi đấy ạ! - lão nói thêm, thở phào nhẹ nhõm.

- Gọi Foma Fomits ư? Hừm! Thế mọi người đâu cả rồi? Tướng quân phu nhân đâu?

- Ở trong tư thất của người ạ. Người đã bị ngất, còn bây giờ thì nằm đấy như người mất hồn và khóc.

Vừa trao đổi được mấy câu thì chúng tôi đã đến bên thềm nhà. Bên ngoài trời đã tối mịt. Đúng là chú tôi chỉ có một mình trong chính gian phòng đã diễn ra trận lưu huyết giữa tôi và Foma Fomits. Ông đang xoạc cẳng đi đi lại lại trong phòng. Nến đang cháy sáng trên những chiếc bàn. Trông thấy tôi, ông nhào tới nắm chặt lấy hai tay tôi. Sắc mặt nhợt nhạt, hơi thở hổn hển, đôi tay run rẩy và luồng xung động thần kinh chốc chốc lại lướt khắp cơ thể ông.

IX

BẨM ĐẠI NHÂN

- **A**nh bạn trẻ của chú! Xong hết rồi, quyết hết rồi! - ông thì thào với vẻ đau buồn.

- Thưa chú, - tôi nói, - con vừa nghe thấy tiếng quát hét ở đây mà.

- Thế đấy, người anh em ạ, quát hét, kêu la, ầm ĩ đinh tai nhức óc! Bà ngất xỉu rồi, mọi chuyện giờ đây đang rối tung lên. Nhưng chú đã quyết rồi, quyết không nao núng. Bây giờ chú chẳng sợ ai nữa đâu, Serioja ạ. Chú đang muốn cho họ biết rằng chú cũng là người cứng cỏi, - và chú sẽ cho họ biết! Chú cố tình cho gọi con đến để con giúp chú một tay trong việc này đây... Trái tim chú đang tan nát, Serioja ạ... nhưng chú cần phải có trách nhiệm phải xử sự một cách cực kỳ nghiêm khắc. Chính nghĩa phải là chính nghĩa!

- Nhưng cơ sự thế nào, thưa chú?

- Chú sẽ chia tay với Foma, - chú tôi nói với giọng quả quyết.

- Chú! - tôi hoan hỉ hét lên, - chú chưa từng nghĩ ra được điều gì hay hơn thế! Và nếu con có thể giúp chú thực hiện ý định của chú, dù ít dù nhiều thì... chú cứ bảo con, con nguyện đời đời vâng mệnh.

- Cám ơn con, người anh em, cám ơn con! Nhưng giờ đây mọi việc đã quyết rồi. Chú đang chờ Foma đây; chú đã cho người đi gọi ông ấy. Ông ấy hay là chú, một mất một còn! Bọn chú phải chia tay. Hoặc là ngay ngày mai, Foma phải ra khỏi cái nhà này, hoặc là chú, chú xin thề, chú sẽ bỏ lại tất cả và trở lại với đơn vị! Chú sẽ được tiếp nhận, được giao phó một tiểu đoàn. Chú chống lại tất cả cái trật tự này! Bây giờ tất cả đều phải đổi mới! Lão còn giữ cuốn vở học tiếng Pháp để làm gì đấy hả? - ông giận dữ quát Gavrila. - Vứt ngay! Đốt nó đi, giẫm nát ra, xé vụn ra! *Ta* là ông chủ của lão, *ta* ra lệnh cho lão không học nữa. Lão không được phép trái lệnh ta vì *ta* là chủ của lão, chứ không phải Foma Fomits!...

- Sáng danh Chúa! - Gavrila lẩm bẩm. Rõ ràng không khí đã rất căng, không phải chuyện đùa.

- Anh bạn trẻ của chú này! - chú tôi nói tiếp với vẻ sâu lắng, - họ đang ép buộc chú làm điều quá quắt. Con sẽ phán xét chú; bây giờ chú cho con đứng giữa họ

và chú. Con chưa biết đâu, con chưa biết họ đã đòi chú và cuối cùng đã chính thức yêu cầu chú thực hiện việc gì đâu, họ nói hết rồi! Nhưng đó là chuyện bất lương, vô luân, vô liêm sỉ... Chú sẽ kể hết với con, nhưng trước hết...

- Con đã biết hết rồi chú ạ! - tôi hét lên ngắt lời ông, - con đoán... Con vừa trò chuyện với Nastasiia Evgrafovna mà.

- Anh bạn trẻ của chú, bây giờ con không được nói gì đấy nhé! - ông vội vã ngắt lời tôi, vẻ hốt hoảng. - Rồi chú sẽ kể hết với con, nhưng tạm thời... Cái gì? - Ông quát hỏi Vidopliasov vừa bước vào phòng - Foma Fomits đâu?

Vidopliasov đến để bẩm lại rằng Foma Fomits “không muốn đến và thấy việc triệu tập như vậy là quá thất lễ khiến ngài rất bất bình đấy ạ”.

- Đưa hắn đến đây! Lôi cổ hắn đến đây! Mau! - chú tôi quát, giận dữ dậm chân huỳnh huỵch.

Vốn chưa từng thấy ông chủ hùng hổ như thế bao giờ, Vidopliasov sợ quá co cẳng bỏ chạy. Tôi rất ngạc nhiên.

“Phải bức xúc ghê gớm thế nào thì một người tính nết như thế mới có thể nổi giận đến thế và đi đến những quyết định dứt khoát như vậy chứ”, - tôi thầm nghĩ.

Chú tôi lẳng lặng đi đi lại lại trong phòng một lúc lâu như đang phải đấu tranh tư tưởng về vấn đề gì đó.

- Lão già, thôi lão cũng đừng xé cuốn vở nữa, - cuối cùng ông đã nói với Gavrila. - Lão cứ chờ ở đây: có thể sẽ có việc cho lão đấy. Anh bạn trẻ của chú! - ông quay sang nói với tôi, - hình như chú vừa thét lác hơi nhiều thì phải. - Việc gì cũng phải làm đến nơi đến chốn, làm bằng được, nhưng chả cần quát hét, hùng hùng hổ hổ. Chính thế. Serioja này: nên chăng bây giờ con hãy lánh đi? Đối với con thì đằng nào cũng thế thôi. Sớm muộn chú cũng sẽ kể hết với con mà, đúng không? Con nghĩ sao? Con giúp chú đi!

- Chú sợ à, thưa chú? chú ân hận rồi chăng? - tôi nói và chăm chú nhìn ông.

- Không, không phải thế, anh bạn trẻ của chú ạ, chú không ân hận! - ông hét lên với vẻ hào hứng bội phần. - Bây giờ chú chẳng sợ cái quái gì nữa. - Chú đã có những biện pháp kiên quyết, cực kỳ kiên quyết! Con vẫn chưa biết, chưa thể hình dung được những gì mà họ đòi hỏi ở chú đâu! Lẽ nào chú lại phải làm theo ý họ? Không! Chú sẽ chứng minh bằng được! Chú đã phản bác và chú sẽ chứng minh! Lẽ ra chú đã phải chứng minh từ trước nữa kia! Nhưng con biết không, anh bạn trẻ của chú, chú đang bứt rứt về việc đã gọi con đến: có khả năng Foma

sẽ cảm thấy quá nặng nề khi con cũng tận mắt chứng kiến cái gọi là sự mất mặt của ông ta. Con thấy đấy, chú chỉ muốn mời ông ta ra khỏi nhà một cách êm thấm, không nặng nhẹ bấc chì. Nhưng chỉ là mới nói vậy thôi. Thực ra dù có dẻo mỏ đến mấy thì đây vẫn là chuyện đáng bực mình. Mà chú lại vốn dĩ cục cằn, thô thiển, đã thế có khi còn nóng nảy bộp chộp nữa thì chưa biết thế nào, tai vạ như chơi. Mà thực ra ông ấy cũng đã giúp chú được nhiều việc... Thôi con đi đi, anh bạn trẻ của chú... Kìa, chúng nó dẫn ông ấy sang rồi đấy! Thôi chú xin, Serioja, con ra ngoài đi! Chú sẽ kể hết với con sau. Con ra ngoài đi, lạy Chúa!

Chú dẫn tôi ra đến thềm thì Foma cũng vừa đến, đi thẳng vào trong. Nhưng thú thực là tôi không đi mà quyết định nán lại trên thềm, ngoài này rất tối, người ở trong phòng khó lòng nhìn thấy tôi. Tôi định bụng đứng nghe trộm!

Chẳng thanh nga thanh minh làm gì cho mệt, tôi xin mạnh dạn nói rằng tôi coi việc đứng chịu trận trên thềm đến nửa tiếng đồng hồ như vậy là một chiến công hiển hách của bậc tuẫn tiết vì đại nghĩa. Từ đây tôi chẳng những có thể nghe rõ mà thậm chí còn thấy rõ vì các cánh cửa đều lắp kính. Bây giờ xin độc giả hãy hình dung Foma Fomits, người vừa *có lệnh* triệu tập, nếu chống lệnh sẽ bị cưỡng bức bằng vũ lực.

- Lời hăm dọa đúng như thế hay tai tôi đã nghe nhầm, thưa đại tá? - vừa bước vào phòng, Foma đã hộc lên, - có đúng thế không?

- Đúng thế đấy, Foma ạ, cứ bình tĩnh đã, - chú tôi đáp với vẻ can đảm. - Ông ngồi xuống đi; chúng ta sẽ nói chuyện một cách nghiêm túc, trên tinh thần bè bạn, anh em. Ngồi xuống đi, Foma.

Foma Fomits trịnh trọng ngồi xuống ghế bành. Chú tôi vẫn đi đi lại lại trong phòng bằng những bước đi nhanh và không đều, rõ ràng ông đang lúng túng, chưa biết bắt đầu câu chuyện từ đâu.

- Chính thế, trên tinh thần anh em, - ông nhắc lại. - Ông sẽ hiểu tôi thôi, Foma ạ, ông không còn bé dại gì nữa, tôi cũng thế - hai ta đều luống tuổi cả rồi... Hừm! Ông thấy đấy, Foma ạ, chúng ta không gặp nhau ở một số điểm... đúng, chính là ở một số điểm và do đó, Foma ạ, chia tay nhau chẳng tốt hơn sao, hở người anh em? Tôi tin rằng ông là người cao thượng, lúc nào cũng muốn hay muốn tốt cho tôi, và vì vậy... Nhưng giải thích dài dòng làm quái gì! Foma ạ, tôi là người bạn đời đời kiếp kiếp của ông, tôi xin thề như vậy trước tất cả các thánh! Đây là mười lăm ngàn *rup* bạc - tất cả số tiền tôi đang có đấy, người anh em ạ, vét nhẵn túi đấy. Ông cứ cầm lấy cho! Tôi cần và có trách nhiệm phải chu cấp cho ông! Đây hầu hết là giấy cầm cố, tiền mặt chẳng có bao nhiêu. Ông cứ cầm lấy cho! Ông

chẳng nợ tôi đồng nào hết vì tôi sẽ không bao giờ đủ lực để thanh toán cho ông về tất cả những gì ông đã làm cho tôi. Vâng, vâng, chính thế, đó là điều tôi cảm thấy, cho dù bây giờ cái chính là chúng ta hãy chia tay. Mai hoặc ngày kia... hay bất cứ lúc nào tùy ông... chúng ta sẽ chia ly. Ông hãy đến một thị trấn, Foma nhé, cách đây có mười dặm thôi mà; ở đó có một ngôi nhà nhỏ nằm phía sau nhà thờ, ngay trong ngõ đầu tiên, ngôi nhà nhỏ xinh xắn với những cánh bịt cửa sổ màu xanh lá cây, nhà của bà vợ góa của một cố đạo; ngôi nhà dường như được mọi người xây dựng sẵn cho ông. Bà chủ sẽ nhượng lại. Tôi sẽ mua cho ông với giá còn cao hơn cả số tiền này. Ông hãy định cư ở đấy cho gần. Hãy nghiên cứu văn học, các môn khoa học: ông sẽ giành được tiếng tăm lừng lẫy. Quan chức ở đấy đều là những bậc thanh tao, mến khách liêm chính; cha cả là người có học thức. Các dịp lễ lạt ông lại về với chúng tôi, chúng ta cùng chung vui trong cảnh thiên đường! Ông có thuận tình không?

"Người ta đã tống tiền Foma với các điều kiện như thế đấy! - tôi nghĩ bụng. - chú chưa cho mình biết chuyện tiền nong".

Một sự im lặng sâu sắc đã ngự trị một lúc lâu. Vẫn yên vị trong ghế bành, Foma dường như không hết bàng hoàng cứ chú mục vào chú tôi khiến ông bối rối lạ thường.

- Tiền! - cuối cùng Foma cất tiếng bằng một giọng yếu ớt giả tạo, - tiền đâu, tiền đâu? Ngài đưa đây, mau lên!

- Đây, Foma: vét nhẵn túi đấy, chẵn mười lăm. Cả phiếu tín dụng, cả giấy cầm cố... đây!

- Gavrila! lão cầm lấy đi, - Foma nói với giọng dịu dàng, - có thể lão đang cần tiền. - Nhưng thôi! - y bỗng hét lên, tiếng hét xen lẫn tiếng rít lạ tai và y vụt đứng phắt lên, - thôi, đưa hết tiền đây đã, Gavrila! Đưa đây! Đưa đây! Đưa hết ngàn vạn triệu ấy đây để cho ta dày xéo, cấu xé, phỉ nhổ, vứt bỏ, sỉ vả, rủa sả đồng tiền cho hả giận! Ta, ta đang được người ta dúi tiền cho đấy! Người ta đang tống tiền ta để cho ta cút khỏi cái nhà này! Ta có nghe nhầm không? Ta có còn sống đến cái ngày ô nhục này không? Ngài nhìn đi: đây, đây, đây và đây! Ngài hãy mở mắt ra mà nhìn cho rõ cái cách sống của Foma Fomits, nếu như cho đến tận bây giờ ngài vẫn chưa thấy rõ, thưa đại tá!

Và Foma vứt tung cả một xấp giấy má tiền nong ra khắp nhà. Điều đáng nói là y không hề cấu xé hay khạc nhổ vào một tờ nào như y vừa hù dọa mà chỉ làm nhàu đôi chút, nhưng vẫn khá gượng dẹ. Gavrila lao ra nhặt hết tiền và giấy trên sàn, đợi đến lúc Foma đi khỏi mới cẩn thận trao lại cho ông chủ.

Phản ứng của Foma khiến chú tôi quá đỗi bàng hoàng. Đến lượt mình, ông lại đứng đực ra trước mặt y như kẻ mất hồn, mồm há hốc, Foma lại ngồi xuống ghế bành và thở không ra hơi, không kém phần xúc động.

- Ông là một con người siêu việt, Foma ạ! - cuối cùng chú tôi cũng đã hoàn hồn, ông bỗng reo lên, - ông đúng là người thanh tao tột bậc!

- Cái đó thì tôi biết, - Foma đáp với giọng yếu ớt nhưng vẫn toát lên vẻ điệu đàng khôn tả.

- Foma này, ông bỏ quá cho tôi nhé! Tôi là kẻ hèn mạt khi xử sự với ông như thế, Foma ạ!

- Phải, đúng là như vậy, - Foma phụ họa.

- Foma! Ta không ngạc nhiên trước tinh thần cao thượng của ông, - chú tôi hoan hỉ nói tiếp, - mà ngạc nhiên vì lẽ khác: sao mình lại có thể thô bỉ, mù quáng và hèn hạ tới mức dám giở chuyện tiền nong ra với ông một cách sỗ sàng. Có điều ông đã nhầm ta, Foma ạ: ta không hề có ý định mua chuộc ông, biếu tiền để cho ông vui lòng bước khỏi nhà ta, mà chỉ thực bụng muốn cho ông có chút tiền trong túi, đỡ gieo neo khốn khó khi xa rời ta. Ta thề với ông đúng là như vậy! Ta sẵn sàng quỳ xuống xin ông tha thứ, Foma ạ, và nếu ông muốn, ta xin phủ phục trước mặt ông ngay bây giờ...

- Tôi chẳng cần được thế đâu, thưa đại tá...

- Nhưng lạy Chúa! ông thử nghĩ xem: ta đang sôi sục, ta đang điên đảo, đang rồ dại... Ông thử nói xem, ta có thể có cách gì làm tiêu tan được mối uất hận này không? Ông thử dạy ta đi, biết đâu...

- Chẳng có cách nào đâu, thưa đại tá! Và ngài hãy tin rằng ngay ngày mai tôi xin bái biệt chốn này.

Và Foma bắt đầu gượng dẹ đứng lên. Chú tôi hốt hoảng lao ra ấn y ngồi xuống ghế bành như cũ.

- Không, Foma, ông không đi đâu hết, ta đoan chắc với ông như vậy! - chú tôi hét lên. - Đừng nói đến chuyện đi khỏi cái nhà này nhé, Foma! Ông không đi đâu hết, nếu ông đi thì ta sẽ theo ông đến cùng trời cuối đất, theo ông cho đến bao giờ ông chịu tha thứ cho ta mới thôi... Ta thề là ta sẽ làm đúng như thế đấy, Foma ạ!

- Tha thứ cho ngài ư? Ngài có lỗi ư? - Foma nói. - Nhưng ngài có hiểu ngài đã có lỗi với tôi như thế nào không đã? Ngài có hiểu rằng giờ đây ngài sẽ thành người có lỗi với tôi nếu còn thí cho tôi một mẩu bánh nào ở đây không nhỉ? Ngài

có hiểu rằng giờ đây, chỉ trong chốc lát, ngài đã đầu độc tất cả những mẩu bánh mì mà tôi đã đưa vào miệng ngay trong nhà ngài không nhỉ? Giờ đây ngài đã đem từng mẩu bánh ấy ra mà nhục mạ tôi; giờ đây ngài đã chứng tỏ cho tôi biết tôi chỉ là đứa nô lệ trong nhà ngài; là thằng đầy tớ, là cái giẻ lau dành cho đôi ủng bóng lộn của ngài! Vậy mà với trái tim trong trắng, mãi đến nay tôi vẫn tưởng là tôi ở với ngài với tư cách một người bạn, một người anh! Có phải chính ngài, chính ngài đã dùng miệng lưỡi rắn độc để khẳng định với tôi hàng ngàn lần về tình bạn ấy, tình anh em ấy hay không? Tại sao ngài lại phải lén lút ngồi đan tấm lưới để bẫy tôi khiến tôi sa lưới như một thằng ngu? Tại sao ngài lại đi đào hố bẫy sói rừng trong bóng tối để bẫy tôi và bây giờ đã tự tay đẩy tôi xuống hố? Tại sao trước đây ngài lại không phang thẳng vào đầu tôi một phát bằng chiếc côn này? Tại sao ngay từ đầu ngài không vặn cổ tôi đi như vặn cổ một con gà sống chỉ vì... nó không đẻ trứng? Vâng, chính thế! Tôi phải mượn lối ví von này, dù nó mang hơi hướng quê mùa và gợi nhớ tới giọng điệu tếu táo của văn chương hiện đại; tôi phải mượn nó vì nó nói hết được cái vô nghĩa trong những lời buộc tội của ngài; vì tôi có lỗi với ngài chẳng qua cũng chỉ như con gà sống nọ không được vừa ý ông chủ dớ dẩn của mình vì không đẻ trứng! Xin lỗi ngài đi, thưa đại tá! Ai lại đi trả tiền cho một người bạn hay một người anh. Mà thanh toán khoản gì mới được chứ? Cái chính là khoản gì? “Này, người anh em yêu quý của tôi, tôi mắc nợ anh: thậm chí anh đã cứu sống tôi: thôi đây anh cầm lấy mấy đồng bạc giả này mà biến đi cho rảnh mắt!” Ngớ ngẩn làm sao! ngài cư xử với tôi mới thô bỉ làm sao! Ngài tưởng tôi hám vàng hám bạc của ngài trong khi tôi ấp ủ thuần những tinh ý cao siêu nhằm vun đắp sự phong lưu an lạc của ngài. Ôi, ngài đã làm tan nát trái tim tôi! Ngài đã coi những tình ý tốt vời cao đẹp của tôi như những đồng xèng trong tay một thằng bé con đánh đáo! Lâu lắm rồi, thưa đại tá, tôi đã thấy trước tất cả những điều này, - đấy bảo sao mà đã từ lâu miếng bánh của ngài cứ làm tôi sặc nghẹn! Những chiếc đệm lông của ngài cứ lèn chặt lấy tôi chứ không ấp ủ tôi! Đường của ngài, kẹo của ngài cứ đắng ngắt trong mồm tôi đến thế! Không, thưa đại tá! xin ngài hãy vui sống một mình và để mặc Foma được đi theo con đường đau thương khổ ải của mình với chiếc bao tải trên lưng. Chỉ có vậy mà thôi, thưa đại tá!

- Không, Foma, không! Không thể như thế được! - chú tôi rên rỉ, ông đã hoàn toàn gục ngã.

- Đúng như vậy đấy, thưa đại tá! Chính là như vậy vì cần phải vậy. Ngày mai tôi xin bái biệt ngài. Ngài hãy đem những triệu bạc của ngài ra mà rải, đem

phiếu tín dụng ra mà phủ kín quãng đường tôi sẽ đi qua cho đến tận Moskva, và tôi sẽ bước qua tiền bạc của ngài một cách ngạo mạn; chính chân tôi sẽ giẫm đạp, giày xéo lên tiền bạc, và Foma Fomits sẽ ung dung bằng chính tâm hồn cao thượng của mình thôi! Tôi đã nói và đã chứng minh điều đó! Xin vĩnh biệt, thưa đại tá! Xin vi-i-ĩnh bi-i-ệt!

Và Foma lại rời ghế bành đứng lên.

- Xin lỗi, ta xin lỗi, Foma! Ông hãy quên đi cho!... - chú tôi cứ lặp đi lặp lại với giọng van vỉ.

- "Xin lỗi!" Nhưng lỗi gì vậy? Thôi được, cứ coi như tôi thứ lỗi cho ngài: tôi là tín đồ Cơ đốc giáo mà; tôi không thể không tha thứ được; mà giờ đây tôi hầu như đã tha thứ hết rồi. Nhưng xin ngài tự xét xem: liệu có phù hợp chút nào với lương tri, với vẻ đẹp tâm hồn nếu giờ đây tôi cứ cố nán lại trong nhà ngài dù chỉ một lát thôi? Ngài đã đuổi tôi rồi cơ mà!

- Phù hợp, vẫn phù hợp lắm, Foma ạ! Ta đoan chắc với ông là phù hợp!

- Phù hợp ư? Nhưng hiện giờ chúng ta có bình đẳng với nhau không? Lẽ nào ngài không hiểu được rằng tôi đã đè bẹp ngài bằng sự cao thượng của mình, còn ngài thì tự đày đọa bản thân bằng hành vi láo xược của mình. Ngài bị dìm xuống, còn tôi được tôn lên. Bình đẳng ở chỗ nào mới được chứ? Có thể trở thành bạn của nhau khi không có sự bình đẳng ấy hay sao? Tôi nói lên điều đó với cả tiếng gào thét của con tim nhưng không hề đắc thắng vì đâu có thể rẻ rúng ngài như ngài có thể nghĩ đâu.

- Nhưng chính trái tim ta cũng đang gào thét đấy, Foma ạ, ta đoan chắc...

- Mà đó lại chính là con người đã khiến tôi trằn trọc bao đêm! - Foma nói tiếp, chuyển từ giọng chán chường sang giọng hân hoan. - Đã bao lần, trong những đêm không ngủ, tôi đã vùng ra khỏi chăn êm nệm ấm, thắp nến lên và tự nhủ: "Lúc này bạn ấy đang ngon giấc vì biết có mi bên cạnh. Đừng ngủ nhé, Foma, hãy thức vì bạn ấy, xem có thể nghĩ thêm được điều gì lợi hại giúp cuộc đời của bạn ấy thêm phần tươi đẹp hay không". Suy nghĩ của Foma vào những đêm không ngủ là như vậy đấy, thưa đại tá! và đại tá đã đền đáp hắn như thế đấy. Thôi đủ rồi, đủ rồi!...

- Nhưng ta sẽ xứng đáng, sẽ lại xứng đáng với tình bạn của ông, Foma ạ, - ta thề với ông như vậy!

- Ngài sẽ xứng đáng ư? Nhưng lấy gì bảo đảm đây? Là một tín đồ Cơ đốc giáo, tôi buộc phải yêu và thậm chí sẽ yêu ngài; nhưng là một con người, lại là người

cao thượng, cố nhiên tôi sẽ khinh ngài. Tôi cần phải, tôi có bổn phận phải khinh ngài; tôi có bổn phận nhân danh đạo đức, vì ngài - tôi xin nhắc lại, - đã tự bôi nhọ, còn tôi, tôi đã thực hiện một hành vi cao quý nhất. Liệu có ai *trong đám các ngài* có thể có một hành vi tương tự? Liệu có ai trong số đó dám khước từ cái núi tiền như cái núi tiền mà gã Foma bần cùng cơ cực, bị mọi người khinh rẻ, đã khước từ vì tình yêu đối với cái cao cả không? Không, thưa đại tá, để sánh được với tôi, bây giờ ngài phải lập được một loạt công trạng. Nhưng công trạng cái nỗi gì một khi ngài không thể gọi tôi là *ngài* như với người ngang hàng mà cứ *ông ông tôi tôi* với tôi như với cả một tên nô bộc?

- Kìa Foma, ta gọi *ông* cho nó thân mật thôi mà! - chú tôi nói to như quát. - Ta đâu biết là ông lại lấy thế làm khó chịu... Lạy Chúa tôi! nhưng giá như ta biết được...

- Ngài, - Foma nói tiếp, - ngài, một người không thể, nói đúng hơn là không muốn thực hiện một yêu cầu vớ vẩn nhất, nhỏ nhặt nhất của tôi là thưa gửi với tôi là "bẩm đại nhân" như thưa gửi với một vị tướng...

- Nhưng có thể nói như thế đã là có tội, là can tội phạm thượng rồi, Foma ạ.

- Phạm thượng! Ngài đã nhai lại một câu trong sách thật chẳng khác gì con vẹt! Nhưng ngài có biết chăng khi đã khước từ, không chịu thưa gửi với tôi như thế là ngài đã sỉ nhục tôi, thóa mạ tôi vì chưa hiểu ý tôi mà đã coi tôi là hạng ngu si nhiễu sự, đáng phải tống vào nhà thương điên! Ồ, lẽ nào tôi lại không hiểu việc muốn tôn xưng như thế là lố bịch một khi tôi chính là kẻ coi khinh mọi thứ phẩm hàm chức tước vô nghĩa trên đời nếu chúng chẳng sáng ngời đức hạnh hay sao? Có các vàng tôi cũng không thèm rước lấy một cấp bậc tướng quân vô đạo! Vậy mà ngài lại dám coi tôi là kẻ điên rồ! Vì lợi ích của ngài mà tôi đã muối mặt với yêu sách này đây khiến cho ngài, *bọn các ngài* có thể coi tôi là kẻ điên rồ - ngài và *đám trí thức* của ngài! Chỉ vì muốn soi sáng trí tuệ, nâng cao đạo đức cho ngài, làm rạng rỡ con người ngài bằng những luồng tư tưởng mới tôi mới quyết chí đòi ngài cái chức tướng quân đấy chứ. Tôi thực lòng mong muốn là từ nay về sau ngài không còn coi các vị tướng là những vĩ nhân chói sáng trên đời; tôi muốn chứng minh để ngài thấy được rằng phẩm hàm chức tước cũng chưa là cái gì nếu thiếu vắng một tâm hồn cao cả và không việc gì phải hân hoan chào đón vị tướng của ngài khi ngay cạnh ngài đang sừng sững những nhân vật ngời ngời đức hạnh! Nhưng vì ngài lúc nào cũng ra vẻ ta đây là đại tá với tôi nên bây giờ mới ngượng mồm, không muốn thưa bẩm với tôi như vậy. Nguyên nhân là ở

đó! ở đó, chứ không phải vì phạm thượng gì đâu! Toàn bộ nguyên nhân ở chỗ ngài là đại tá, còn tôi chỉ đơn giản là Foma...

- Chả phải thế đâu, Foma ạ! Ta đoan chắc với ông là không thể như thế được. Ông là người có học thức, chứ không chỉ là gã Foma quá đỗi tầm thường... ta kính nể...

- Ngài kính nể đấy! Hân hạnh quá! Vậy xin ngài cho biết, nếu như ngài kính nể tôi: ngài thấy tôi có xứng đáng với cái quân hàm cấp tướng hay không? Ngài trả lời dứt khoát ngay đi: xứng đáng hay không? Tôi muốn được biết qua trí tuệ của ngài, trình độ của ngài.

- Bằng vào sự trung thực, vô tư, sáng suốt, cao thượng thì ông là người xứng đáng! - chú tôi thốt lên với vẻ tự hào.

- Nếu tôi xứng đáng thì cớ sao ngài không thể thưa gửi với tôi là “bẩm đại nhân”?

- Foma ạ, ta... có lẽ ta sẽ thưa gửi...

- Tôi yêu cầu ngài đấy! Giờ đây tôi yêu cầu, thưa đại tá, tôi khẩn thiết yêu cầu! Tôi thấy ngài không thoải mái, nên tôi mới phải yêu cầu! Sự hy sinh này từ phía ngài sẽ là bước đầu tiên trên con đường phấn đấu vì ngài hãy nhớ cho là ngài phải lập cho được một loạt công trạng mới sánh được với tôi; ngài phải vượt lên chính mình, mà chỉ có như vậy tôi mới dám tin vào sự chân thành của ngài.

- Ngay ngày mai ta sẽ thưa gửi với ông là “bẩm đại nhân”, Foma nhé.

- Không, không mai mốt gì sất, thưa đại tá. Tôi yêu cầu ngài ngay bây giờ, ngay lúc này, hãy thưa với tôi là “bẩm đại nhân”.

- Thôi được, Foma ạ, ta sẵn sàng... Có điều sao lại cứ phải ngay tắp lự như thế nhỉ, hở Foma?

- Sao lại không làm ngay? Hay là ngài xấu hổ không nói được? Ngài xấu hổ thì tôi bực lắm.

- Kìa, ta đã sẵn sàng rồi đấy chứ, Foma... thậm chí ta còn thấy tự hào... Có điều sao lại bỗng nhiên vô cớ đi “kính chào đại nhân ạ”? Ai lại thế...

- Không, không phải “kính chào đại nhân” như thế, như thế đã là cái giọng khó nghe rồi; nghe cứ như đùa ấy, như trò hề ấy. Đùa với tôi như thế không xong đâu. Xin ngài hãy hồi tâm tĩnh trí lại ngay cho, thưa đại tá! Ngài hãy đổi giọng đi!

- Ông cũng không đùa đấy chứ, Foma?

- Trước hết, tôi không phải là *ông*, Egor Iliits ạ, mà là *ngài* - ngài đừng quên đấy; và không phải là Foma, mà là Foma Fomits.[50]

- Ôi lạy Chúa, Foma Fomits, ta vui lắm! Ta hết sức vui... Nói gì mà chả được!

- Ngài lúng túng không biết thưa gửi với bề trên thế nào cho phải phép âu cũng là điều dễ hiểu thôi. Lẽ ra ngài đã phải thông thạo từ lâu! Đành vậy thôi, nhất là đối với *người chậm hiểu*, nói cho nhẹ nhàng một chút. Thôi được, tôi sẽ giúp ngài, nếu như ngài không được hoạt bát: Mời ngài nói theo tôi: "bẩm đại nhân!..."

- Ừ thì "bẩm đại nhân".

- Không, không phải "*ừ thì* bẩm đại nhân", mà chỉ là: "bẩm đại nhân". Tôi đã nói rồi, thưa đại tá, ngài hãy đổi giọng đi! Tôi cũng hy vọng là ngài sẽ không phật ý khi tôi đề nghị ngài khẽ cúi đầu và khom người lại. Khi nói chuyện với một vị tướng, người ta phải khom lưng thể hiện sự tôn kính và ý nguyện sẵn sàng tuân lệnh bay đi, như mọi người thường nói. Tôi đã từng tiếp xúc với các tướng lĩnh, tôi biết hết... Nào bây giờ: "bẩm đại nhân".

- Bẩm đại nhân...

- Tôi vui mừng khôn xiết khi cuối cùng đã có dịp hạch sách ngài về việc trong lần đầu tiên tôi chưa thấy được thái độ tôn kính của ngài. Tôi dám quả quyết rằng từ giờ trở đi tôi sẽ không tiếc chút tài hèn sức mọn trước lợi ích chung... Tốt quá rồi, ngài không phải bận tâm gì nữa!

Tội nghiệp chú tôi! Ông phải mở mồm nhắc đi nhắc lại cả một mớ những lời lẽ nhố nhăng, nhắc đúng từng câu từng chữ! Tôi đứng thừ người và đỏ mặt lên như người có lỗi. Tôi nghẹt thở vì tức giận.

- Thế nào, bây giờ ngài có thấy nhẹ nhõm trong lòng, - kẻ tra tấn cất tiếng, - như có một thiên thần vừa hạ cánh xuống tâm hồn ngài không?.. Ngài có cảm nhận được sự hiện diện của thiên thần đó không? Ngài trả lời tôi đi!

- Đúng, Foma ạ, đúng là nhẹ nhõm hẳn đi, - chú tôi đáp.

- Có phải là khi đã vượt được chính mình thì trái tim ngài, như mọi người thường nói, cứ như được lau dầu vậy?

- Đúng, Foma ạ, cứ như được phết bơ ấy.

- Phết bơ ư? Hừm... tôi chưa đả động gì đến bơ sữa cả... Nhưng đằng nào mà chả thế! Điều muốn nói ở đây là nghĩa vụ đã hoàn thành, thưa đại tá! Hãy vượt lên chính mình. Ngài là người quá giàu lòng tự ái, đúng là tự ái vô biên!

- Quả có như thế, Foma ạ, ta thấy được mà, - chú tôi thở dài và đáp.

- Ngài là một kẻ ích kỷ và thậm chí còn ích kỷ nặng nề...

- Ích kỷ thì đúng là ích kỷ rồi, Foma ạ, và ta cũng thấy được rồi; từ ngày hiểu được ông ta mới nhận ra điều đó đấy.

- Bây giờ tôi muốn được nói ra, như một người cha, một người mẹ hiền... ngài cứ làm cho mọi người xa lánh ngài và quên hẳn một điều rằng con bê ngoan vẫn bú cả hai con bò mẹ.

- Cũng có thế thật, Foma ạ!

- Ngài quá cục cằn. Ngài làm tổn thương người khác một cách thô bạo, đòi hỏi sự quan tâm của người khác một cách vị kỷ đến nỗi người chính đính phải vái dài, chỉ chực quay đầu cút thẳng!

Chú tôi lại thở dài đánh thượt.

- Ngài hãy tỏ ra dịu dàng hơn, ân cần hơn, trìu mến hơn với người khác, hãy quên mình vì người khác, lúc đó mọi người cũng sẽ nhớ tới ngài. Hãy sống và hãy để cho người khác sống - đó chính là nguyên tắc của tôi! Hãy nhẫn nhịn, hãy chuyên cần, hãy cầu nguyện và hy vọng - đó là những điều răn mà tôi muốn nhắn nhủ toàn nhân loại! Ngài hãy nghe theo những điều răn ấy và lúc đó tôi sẽ là người đầu tiên mở lòng ra với ngài, khóc trên ngực ngài... nếu cần... Bằng không thì tôi, tôi... khốn khổ cái thân tôi! Xin đa tạ ngài đã cho phép nói, chẳng dám làm rác tai ngài nữa.

- Thật là người khéo ăn khéo nói! - Gavrila thốt lên với vẻ khâm phục.

- Quả có thế, Foma ạ: ta cảm nhận được tất cả những điều đó mà, - chú tôi phụ họa với vẻ cảm động. - Nhưng trong toàn bộ sự việc, không chỉ mình ta có lỗi đâu, Foma ạ: người ta đã giáo dục ta như thế đấy; ta từng chung sống với lính tráng mà. Ta thề với ông, Foma ạ, ta thề là ta cũng đã biết cảm nhận đấy. Hôm chia tay với trung đoàn, tất cả các chiến hữu khinh kỵ binh, cả tiểu đoàn của ta đều khóc, họ nói là một người như ta thì không biết tìm đâu ra được!... Lúc bấy giờ ta cũng nghĩ rằng có lẽ mình cũng chưa phải là đồ bỏ.

- Lại một nét ích kỷ nữa rồi! Tôi lại chộp được ngài trong dạng vị kỷ. Ngài độc khoe khoang, nhân thể còn đem cái món nước mắt khinh kỵ binh ra để ghè tôi đấy. Tôi chẳng có nước mắt người này người nọ mà khoe mẽ hay sao? Thiếu gì thứ để khoe khoang.

- Tôi cũng buột miệng thế thôi, Foma ạ, không kiềm chế được trong khi hồi tưởng lại quãng đời êm đẹp xa xưa.

- Quãng đời êm đẹp không tự trên trời rơi xuống mà do ta làm ra cả; nó nằm ngay trong trái tim ta đấy, Egor Iliits ạ. Cũng vì thế mà tôi luôn thấy mình hạnh phúc, trong đau khổ vẫn yên lòng, tinh thần luôn thư thái và không để một ai phải chán ghét mình ngoại trừ bọn ngu xuẩn, bọn lòe bịp, *bọn trí thức*, những kẻ mà tôi không kiêng nể và không muốn kiêng nể. Tôi không yêu quý bọn ngu xuẩn! Và bọn trí thức kia là cái quái gì vậy? “Con người của khoa học!” - nhưng khoa học của hắn lại chỉ là trò lòe bịp, không hơn. À mà mới đây *cậu ta* đã nói những gì ấy nhỉ? Gọi cậu ta đến đây! Gọi hết bọn trí thức đến đây! Tôi có thể bác bỏ, lật nhào mọi luận điểm của bọn ấy cho coi! Ở đây tôi không đề cập đến sự cao thượng của tâm hồn...

- Tất nhiên, Foma, tất nhiên. Ai là kẻ đáng nghi ngờ nào?

- Chẳng hạn như mới đây, tôi đã thể hiện trí tuệ, tài năng, sự thông kim bác cổ, sự am hiểu trái tim con người, am hiểu những dòng văn chương hiện đại; tôi đã trình bày và triển khai ngoạn mục một chủ đề độc đáo, khiến cho một điệu vũ Komarin nào đó có thể đột nhiên trở thành một đề tài tầm cỡ của một diễn giả tài ba. Vậy mà sao? Liệu có ai trong bọn họ biết đánh giá tôi một cách đúng mức không? Không, họ quay lưng lại hết! Tôi tin chắc rằng cậu ấy đã nói với ngài là tôi không biết gì hết. Nhưng cho dù ngồi ngay trước mặt bọn họ chính là Makiavel hay một Mercadante[51] nào đó cũng vậy thôi, chẳng qua vì các vị này nghèo và không có tên tuổi... Không, đó vốn là điều họ chẳng nuốt trôi!... Tôi còn nghe nói đến Korovkin nữa đấy. Cái chú chích chòe ấy như thế nào?

- Đó là một người thông minh đấy, Foma ạ, một con người của khoa học... Ta đang mong ông ấy đấy. Chắc rằng ông ấy sẽ được quý mến, Foma ạ!

- Hừm! Tôi vẫn chưa tin. Chắc cũng chỉ là một con mọt sách thời nay. Bọn họ là những kẻ không có tâm hồn, không có trái tim, thưa đại tá! Có học mà không có đức thì còn gì đáng nói nữa không?

- Chả phải thế đâu, Foma ạ! Ông ấy nói về hạnh phúc gia đình mới tuyệt làm sao! đúng là tiếng nói của trái tim, Foma ạ!

- Hừm! Cứ để xem; chúng ta sẽ kiểm tra cả cái ông Korovkin này nữa. Thôi đủ rồi, - Foma kết luận, rời ghế bành đứng lên. - Tôi chưa thể tha thứ hoàn toàn cho ngài được, thưa đại tá: niềm uất hận đã làm con tim rớm máu; nhưng tôi sẽ cầu nguyện và có thể Chúa sẽ ban tặng nết nhu hòa cho một trái tim bầm dập. Ngày mai chúng ta sẽ nói chuyện tiếp, còn bây giờ tôi xin được cáo từ. Tôi bị mệt và yếu mất rồi...

- Khổ, Foma! - chú tôi vỗ vào người y, - ông mệt thật rồi! Này, ông có muốn làm một tý cho khỏe người không, ăn chút gì nhé? Ta gọi luôn cho.

- Ăn! Ha-ha-ha! Ăn! - Foma đáp với giọng cười khinh mạn. - Cho uống thuốc độc chán rồi lại hỏi có ăn không! Người ta đang muốn chữa những vết thương lòng cho anh bằng nấm luộc và táo muối! Ngài là nhà duy vật thảm hại biết chừng nào, thưa đại tá!

- Kìa, Foma, lạy Chúa, ta xuất phát từ thiện ý...

- Thôi được. Nói thế đủ rồi. Tôi đi đây, còn ngài hãy mau mau đến với thân mẫu của ngài: hãy quỳ xuống mà khóc lóc van xin người tha thứ cho bằng được mới thôi, - đó là bổn phận của ngài, trách nhiệm của ngài.

- Ồ, Foma, lúc nào ta cũng chỉ nghĩ có vậy thôi; ngay lúc này đang nói chuyện với ông mà đầu óc vẫn vấn vương về việc đó. Ta sẵn sàng quỳ xuống trước mặt người từ tối đến sáng. Nhưng ông có biết người đang đòi hỏi gì ở ta không hở Foma? Ngang ngược và tàn nhẫn lắm, Foma ạ! Ông hãy mở lượng hải hà cứu giúp ta đi, hãy tìm cách giải thoát cho ta khỏi cảnh éo le này - và lúc bấy giờ... lúc bấy giờ... ta xin thề sẽ nhớ tới ông!...

- Không được, Egor Iliits ạ, đó không phải là việc của tôi, - Foma đáp. - Thưa ngài, tôi có dám can thiệp chút nào vào chuyện gì đâu nhưng có khi ngài vẫn cho rằng tôi chính là trung tâm rắc rối, vậy tôi xin đoan chắc với ngài rằng ngay từ đầu tôi đã đặt hẳn mình ra ngoài công việc của quý quyến. Ở đây tất cả chỉ là ý nguyện của thân mẫu ngài mà có lẽ người cũng chỉ muốn hay muốn tốt cho ngài... Ngài hãy mau mau bay đến bên người và cứu vãn tình hình bằng sự tuân phục của mình. Lửa giận trong lòng các người sẽ vẫn còn âm ỉ cháy[52] nhưng tôi... tôi sẽ cầu nguyện cho ngài suốt đêm. Đã từ lâu tôi không còn biết ngủ ngáy là gì nữa, Egor Iliits ạ. Xin cáo biệt ngài! Chào lão nhé! - y chào Gavrila. - Ta biết là lão đã hành động theo ý người khác. Lão cũng hãy bỏ quá cho ta, nếu ta đã làm lão mếch lòng... Xin cáo biệt cả hai thầy trò, cầu Chúa phù hộ cho hai thầy trò!

Foma đi ra. Tôi xộc ngay vào phòng.

- Con nghe trộm đấy à? - chú tôi quát hỏi.

- Vâng, thưa chú, con đã nghe trộm ạ! Và chú, chú cũng đã có thể "bẩm đại nhân" với người ta đấy!

- Làm thế nào được hở người anh em? Chú thậm chí còn lấy thế làm tự hào... Đó mới chỉ là một thắng lợi nhỏ nhoi; nhưng con người ấy mới cao thượng biết

bao, hào hiệp biết bao, vĩ đại biết bao! Serjei này, con nghe thấy rồi đấy... Sở dĩ chú có thể giở cái trò tiền bạc ấy ra chỉ vì chú chẳng hiểu gì! Anh bạn trẻ của chú ơi! chú đã lú lẫn; chú đã phát khùng; chú không hiểu ông ấy; chú nghi ngờ, buộc tội ông ta... nhưng thật sai lầm! ông ấy không thể là kẻ thù của chú - bây giờ chú đã thấy được điều này... Con còn nhớ cái vẻ mặt cao thượng của ông ấy khi ông ấy quyết không nhận tiền không?

- Thôi được, thưa chú, chú cứ mặc sức tự hào đi, còn con sẽ ra đi, con không chịu nổi nữa rồi! Lần cuối cùng xin chú cho con biết: chú muốn gì ở con? Chú gọi con về đây để làm gì và chú đang mong đợi điều gì? Và nếu mọi chuyện đã kết thúc và con không còn có ích cho chú nữa thì con sẽ ra đi. Con không chịu nổi những cảnh tượng thế này đâu ạ! Con sẽ đi ngay hôm nay!

- Anh bạn trẻ của chú ơi... - chú tôi lại cuống quýt như thường lệ, - con chờ chú một lát nhé: bây giờ chú phải đến với bà đây, anh bạn trẻ của chú ạ... phải kết thúc ngay... một vấn đề quan trọng, lớn lao, vĩ đại!... Con tạm lui về chỗ nghỉ đi. Gavrila sẽ dẫn con sang nhà nghỉ mát. Con đã biết nhà nghỉ mùa hè chưa nhỉ? Ở ngay trong vườn ấy. Chú đã cho sửa soạn hết rồi, va li của con cũng ở đấy rồi. Còn chú sẽ có mặt ở bên kia, sẽ cầu xin tha thứ, sẽ tập trung cho công đoạn cuối cùng - giờ đây chú đã biết phải làm thế nào rồi, - xong việc là chú sẽ đến ngay với con và sẽ kể hết với con, kể hết, kể rõ từng chân tơ kẽ tóc, trải lòng ra với con. Và... và... một ngày kia... những ngày hạnh phúc của chúng ta cũng sẽ đến! Một lát thôi, chỉ một lát thôi, Serjei nhé!

Ông bắt tay tôi và tức tốc đi ngay. Làm thế nào được nữa. Tôi lại đành cất bước theo Gavrila.



MIZINTSIKOV

Ngôi nhà phụ mà Gavrila dẫn tôi đến có tên là "nhà mới" chỉ vì xưa nay vẫn được gọi như thế, chứ thực ra nó đã được tiền nhân xây cất từ lâu. Đó là một ngôi nhà gỗ xinh xắn nằm cách nhà cũ mấy bước, ở ngay trong vườn. Bao quanh ba mặt nhà là những cây gia lâu năm khá cao, cành lá chạm cả vào mái nhà. Cả bốn phòng ở đều được bày biện đàng hoàng để đón khách thập phương. Vừa bước vào căn phòng được dành riêng, nơi va li của tôi đã được chuyển đến, tôi nhìn thấy trên chiếc bàn nhỏ cạnh giường một tờ giấy viết thư được trình bày rất công phu, đầy những chữ in hoa, những tràng hoa và những dòng chữ viết bay bướm. Những chữ viết hoa và những tràng hoa đều kẻ vẽ nhiều màu. Một công trình thư họa cực xinh. Lướt qua mấy chữ, tôi hiểu ngay rằng đó là một bức thư thỉnh cầu gửi cho tôi, trong đó tôi được mệnh danh là "ân nhân học thức". Đầu đề bức thư là "Ai oán Vidopliasov"[53]. Tôi hết sức chăm chú, cố tìm hiểu chút nội dung nào đó của bức thư nhưng chỉ uổng công: toàn những câu uốn éo vẽ vời bằng giọng điệu luồn cúi ở những chốn cao sang, chẳng ra đâu vào đâu. Tôi chỉ hiểu láng máng là Vidopliasov đang lâm vào thế bí, cầu xin tôi giúp rập, trong việc này gã đặt rất nhiều hy vọng vào tôi "do trình độ của tôi", kết luận là cầu xin tôi tác động vào chú tôi giúp hắn "bằng khí phách của tôi", như nguyên văn câu cuối. Tôi đang xem thư thì cửa phòng bật mở và Mizintsikov bước vào.

- Hy vọng là quý anh sẽ cho phép tôi được làm quen, - anh ta nói với vẻ dạn dĩ nhưng rất lịch sự và chìa tay ra bắt tay tôi. - Đúng là chưa kịp nói gì với quý anh, nhưng thoạt nhìn thấy quý anh tôi đã thấy muốn biết rõ về quý anh một chút.

Tôi trả lời ngay là tôi cũng rất vui, vân vân, mặc dù tâm trạng thật quá chán ngán. Chúng tôi cùng ngồi xuống.

- Quý anh có cái gì đấy? - anh ta đưa mắt nhìn tờ giấy trên tay tôi và hỏi. - Không phải lời ai oán của Vidopliasov đấy chứ? Quả không sai! Tôi biết trước là Vidopliasov thế nào cũng tấn công cả quý anh nữa. Hắn cũng đã dâng cho tôi một bản, cũng ai oán thế này đây; còn anh thì hắn đã phục sẵn từ lâu, sắp sẵn hết rồi. Xin chớ ngạc nhiên: ở đây còn ối chuyện nực cười.

- Chỉ cười thôi sao?

- Sao nữa, không cười thì khóc à? Nếu quý anh muốn, tôi xin kể tiểu sử Vidopliasov cho quý anh nghe, có mà cười vỡ bụng.

- Xin thú thật lúc này tôi không còn bụng dạ nào mà nghe chuyện Vidopliasov nữa, - tôi bực bội đáp.

Tôi nhận ra rằng cả việc làm quen lẫn câu chuyện xã giao dễ chịu của cậu công tử Mizintsikov đều được cậu sắp sẵn từ trước cho một mục đích nào đó và đơn giản là cậu đang cần đến tôi. Mới đây cậu chỉ ngồi thừ ra đấy, mặt khó đăm đăm; bây giờ thì tươi cười hớn hở, còn định kể chuyện con cà con kê nữa chứ. Xem qua cũng đủ biết đây là người rất biết làm chủ bản thân, biết người biết ta lắm đấy.

- Foma là một tên khốn kiếp! - tôi giận dữ phang mạnh nắm đấm xuống bàn. - Tôi tin chắc rằng y là nguồn gốc của bất cứ tai họa nào ở đây và y đã nhúng tay vào tất cả mọi chuyện! Đồ súc sinh đáng nguyền rủa!

- Hình như quý anh đã quá bất bình với ông ấy rồi, - Mizintsikov nhận xét.

- Lộn ruột lên rồi! - tôi nổi giận quát lên. - Tất nhiên là vừa qua tôi đã đi đến chỗ lú lấp ruột gan khiến cho bất cứ ai cũng có quyền chê trách. Tôi quá hiểu là tôi đã đi đến chỗ quá đà đến nỗi đã ê mặt ra rồi, tôi cũng tự biết là hết cách biện bạch rồi. Tôi cũng hiểu đó là việc không nên làm trong giới thượng lưu; nhưng, quý anh thử nghĩ xem, liệu còn có cách nào giúp ta tỉnh táo hay không? Đây là một cái nhà thương điên, nói thẳng ra là như vậy! và... và... tôi chỉ còn có cách đi khỏi đây thôi!

- Quý anh có hút thuốc không? - Mizintsikov điềm nhiên hỏi.

- Có.

- Vậy quý anh cho phép nhé. Ở bên kia không được hút nên tôi cũng đã thấy thèm. - Anh ta châm thuốc hút và nói tiếp, - tôi đồng ý là cảnh tượng ở đây giống như một cái nhà thương điên nhưng điều quan trọng là quý anh hãy tin rằng tôi không thấy mình được phép chê trách quý anh vì nếu ở vào địa vị quý anh thì tôi còn phát khùng phát điên gấp mấy quý anh.

- Thế tại sao quý anh vẫn chẳng phát điên gì cả? Tôi những tưởng quý anh là người lạnh tanh máu cá và xin thú thật là tôi còn lấy làm lạ là vì sao quý anh lại không lên tiếng bênh vực ông chú tội nghiệp của tôi, con người tốt bụng, luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người, là ân nhân của mỗi chúng ta!

- Quý anh nói đúng: ông ấy là ân nhân của nhiều người: nhưng bênh vực ông ấy thì tôi cho là vô bổ: một là có làm thế ông ấy cũng chẳng được gì, không khéo còn bẽ mặt hơn, hai là ngay hôm sau tôi sẽ được mời ra khỏi đây ngay. Mà tôi xin nói riêng với quý anh: hoàn cảnh của tôi lúc này buộc tôi phải nâng niu lòng hiếu khách ở đây.

- Nhưng tôi có ý bắt quý anh phải nói thật về hoàn cảnh đâu nào... Tuy nhiên tôi cũng đang muốn hỏi quý anh vài việc vì quý anh đã ở đây đến tháng nay rồi...

- Xin vâng, quý anh cứ hỏi: tôi sẵn sàng phục vụ quý anh, - Mizintsikov vừa dịch ghế lại gần tôi vừa vội vã đáp.

- Đấy, giả dụ như... xin quý anh cắt nghĩa cho cái vụ Foma Fomits vừa khước từ mười lăm ngàn *rup* bạc đã được đặt vào tay mình, - chính mắt tôi trông thấy đấy.

- Thật thế sao? Có thể nào như vậy được? Xin quý anh kể cho nghe! - Mizintsikov kêu lên.

Tôi kể lại đầu đuôi nhưng ém lại cái mục “bẩm đại nhân”. Mizintsikov lắng nghe với vẻ tò mò ghê gớm, thậm chí mặt anh ta còn biến sắc khi nghe đến đoạn mười lăm ngàn *rup*.

- Tài thật! - nghe xong câu chuyện, anh ta nói. - Tôi không ngờ Foma lại có thể như thế đấy.

- Vậy mà y đã từ chối thẳng! Giải thích thế nào đây? Chỉ là cái chuyện tâm hồn cao thượng thôi sao?

- Từ chối mười lăm để được ba chục đấy thôi. Tuy nhiên, quý anh biết thế nào không? - anh ta ngẫm nghĩ rồi nói thêm, - tôi không chắc Foma là một kẻ lí tài. Y là người không có đầu óc thực tế đâu; cũng thuộc dạng thi sĩ đấy. Mười lăm ngàn... hừm! Quý anh thấy chứ: một khi đã cầm lấy tiền rồi thì còn cau mày nhăn mặt cái nỗi gì, làm bộ làm tịch cái nỗi gì. Tôi dám phát biểu với quý anh rằng cái ngữ ấy đúng là đồ giẻ rách chỉ quen âu sầu sướt mướt nhưng lại vô cùng tự đắc tự tôn!

Mizintsikov thậm chí còn nổi giận. Rõ ràng anh ta đang ấm ức, có vẻ còn ghen ghét thế nào ấy. - Tôi chăm chú nhìn anh ta với vẻ tò mò.

- Hừm! Hẳn còn có những thay đổi lớn, - anh ta ngẫm nghĩ một lúc rồi nói thêm. - Bây giờ Egor Iliits đã sẵn sàng van lạy Foma. Rồi cũng đến xiêu lòng mà lấy vợ thôi, - anh ta lầu bầu trong miệng, răng nghiến chặt.

- Quý anh cho rằng cái cuộc hôn nhân bỉ ổi, trái khoáy với cái ả điên rồ ấy nhất định sẽ thành hiện thực hay sao?

Mizintsikov đưa mắt nhìn tôi với vẻ tò mò.

- Quân đểu giả! - tôi nóng nảy hét lên.

- Tuy nhiên, ý tưởng của họ vẫn khá xác đáng: họ khẳng định rằng ông ấy phải làm những việc có ích cho gia đình.

- Ông ấy đã làm chán chuyện ra rồi! - tôi bực dọc nói to. - Còn quý anh nữa, quý anh cũng có thể nói rằng việc lấy cái ả khỉ gió ấy về làm vợ là một ý tưởng xác đáng đấy!

- Dĩ nhiên tôi cũng nhất trí với quý anh ở chỗ chị ta là người đần độn... Hừm! Quý anh yêu chú mình như vậy là rất quý; tôi thông cảm chứ... dù rằng có thể dùng tiền của chị ta vào việc chỉnh trang lại dinh cơ! Có điều họ vẫn còn những lý lẽ khác: họ sợ Egor Iliits lại đi lấy cái cô gia sư kia... quý anh còn nhớ chứ, cái cô nàng hay phết đấy?

- Nhưng chẳng lẽ... còn thế nữa hay sao? - tôi hồi hộp hỏi. - Tôi tưởng đó chỉ là chuyện bịa. Quý anh làm ơn nói rõ đi, lạy Chúa, tôi nóng lòng muốn biết...

- Ối giời, có mà say như điếu đổ! Có điều bố ấy vẫn đang giấu kín.

- Giấu kín cơ đấy! Quý anh cho rằng chú tôi đang giấu kín ư? Thế còn cô ta? Cô ta có yêu ông ấy không?

- Rất có khả năng là cô ấy cũng yêu. Thực ra lấy ông ấy thì cô ta chỉ có lợi thôi; cô ấy quá nghèo.

- Nhưng căn cứ vào đâu mà quý anh có thể đoán là họ yêu nhau?

- Xem thì biết chứ; mà đâu như hai người vẫn lén lút gặp nhau thì phải. Thậm chí mọi người còn bảo là hai người đang có quan hệ bất chính nữa cơ. Quý anh đừng nói gì cho ai biết đấy. Tôi nói riêng với quý anh thôi.

- Có thể tin là có chuyện đó sao? - tôi hét lên, - và cả quý anh nữa, quý anh cũng tin là có chuyện đó sao?

- Thực ra tôi cũng không tin hẳn, có ở đấy đâu mà biết. Nhưng cũng rất có thể là như thế.

- Có thể thế nào được! Quý anh hãy nhớ tới tâm hồn cao thượng cũng như lòng chính trực của chú tôi!

- Tôi đồng ý; nhưng người ta cũng có lúc mê say, mà đã mê say thì trước sau cũng tiến tới hôn nhân hợp pháp. Âu cũng là chuyện thường tình. Nhưng tôi xin nhắc lại là tôi vẫn không tin hẳn vào những lời đàm tiếu, nhất là ở đây cô ấy đã

bị bôi bác quá nhiều; người ta còn đồn là cô ta còn dan díu với Vidopliasov nữa đấy.

- Đấy, thấy chưa? với cả Vidopliasov! - tôi lại hét. - Hừ, có thể thế chăng? Nghe thế mà không thấy bẩn tai à? Chẳng lẽ quý anh lại vẫn tin là thật.

- Tôi đã nói với quý anh rằng tôi vẫn còn bán tín bán nghi, - Mizintsikov bình thản đáp, - tuy nhiên, đó vẫn là điều có thể xảy ra. Mọi chuyện trên đời đều có thể xảy ra. Có điều tôi cũng không nói chắc, có ở đấy đâu mà biết, vả chăng tôi vẫn cho rằng chuyện này không phải việc của tôi. Nhưng vì thấy rõ là quý anh đang coi mình là người có liên quan đến toàn bộ sự việc rắc rối này nên tôi thấy mình có trách nhiệm nói thêm rằng ít có khả năng có cái chuyện dan díu với Vidopliasov đó. Tất cả chỉ là mánh khóe của Anna Nilovna, cái ả Perepelisina ấy, ả ấy đã phao lên như thế ở đây, vì ghen tức, vì hơn ai hết, chính ả mới là người mơ mộng được lấy Egor Iliits làm chồng - lạy Chúa! Chả gì ả cũng là con gái một ông trung tá. Giờ đây ả đã thành kẻ thất tình, hóa điên hóa dại. Đấy, hình như tôi đã kể với quý anh đủ chuyện linh tinh rồi đấy. Thú thật tôi là thằng chúa ghét những chuyện ngồi lê đôi mách, chỉ tổ phí phạm thời gian quý báu. Quý anh ạ, hôm nay tôi đến gặp quý anh với một thỉnh cầu không lấy gì làm to tát.

- Thỉnh cầu ư? Quý anh cứ vui lòng cho biết tôi có thể giúp ích gì cho quý anh đây...

- Tôi hiểu và thậm chí còn hy vọng tranh thủ được ít nhiều sự giúp rập của quý anh, vì tôi thấy quý anh rất yêu quý chú mình và can dự nhiều vào số phận của ông về mặt hôn nhân. Nhưng trước khi đưa ra lời thỉnh cầu đó, tôi muốn được đưa ra một thỉnh cầu khác, thỉnh cầu sơ bộ.

- Như thế nào cơ?

- Nó là thế này: dù rồi đây quý anh có đồng ý thực hiện lời thỉnh cầu chính yếu của tôi hay không thì trước khi trình bày, tôi cũng khẩn khoản xin quý anh hãy hứa với tôi bằng một lời hứa danh dự và cao quý của một nhà quý tộc và một người đứng đắn rằng tất cả những gì quý anh nghe được từ tôi sẽ mãi mãi là những điều sâu kín nhất chỉ hai đứa mình biết với nhau thôi và quý anh sẽ không bao giờ tiết lộ cho bất cứ ai, trong bất cứ trường hợp nào và sẽ không bao giờ sử dụng vào mục đích của bản thân cái ý tưởng mà giờ đây tôi đang cần thổ lộ với quý anh.

Lời mở đầu mới trịnh trọng làm sao. Tôi đồng ý.

- Thế rồi sao nữa? - tôi hỏi.

- Vấn đề thực ra rất đơn giản, - Mizintsikov bắt đầu. - Quý anh ạ, tôi muốn đưa Tatiana Ivanovna đi khỏi đây và lấy chị ta làm vợ; tóm lại, nó cũng na ná như ở Gretna Green[54] ấy, quý anh hiểu chứ?

Tôi nhìn thẳng vào mắt cậu công tử Mizintsikov và không thốt nên lời, mãi mới nói được.

- Thú thật với quý anh là tôi chẳng hiểu ra làm sao cả, - vả lại, tôi cứ tưởng mình đang nói chuyện với một người tỉnh táo sáng suốt, hóa ra...

- Thật bất ngờ với quý anh, - Mizintsikov ngắt lời tôi, - có nghĩa là tôi lẫn ý định của tôi đều là ngớ ngẩn, đúng không?

- Chả phải thế đâu... nhưng...

- Ồ, quý anh đừng ngại, cứ huỵch toẹt ra thôi! Quý anh càng nói thẳng tôi càng mừng vì càng mau đến đích. Tôi cũng đồng ý là thoạt nhìn thì mọi chuyện đều có vẻ kỳ cục đấy. Nhưng tôi quả quyết với quý anh rằng ý định của tôi không những không ngớ ngẩn chút nào mà còn chí lý hẳn hoi; và nếu quý anh cho phép, tôi xin nói rõ tình đầu...

- Thì cứ nói luôn đi! - tôi háo hức lắng nghe.

- Có điều hầu như chẳng có gì mà kể. Quý anh thấy đấy: tôi hiện đang trong cảnh nợ nần, tiền không có một xu. Đã thế lại còn đứa em gái năm nay mười chín tuổi, bố mẹ mất cả, nó phải đi làm mướn, ăn nhờ ở đậu, chẳng có tý gì trong tay. Để cho em khổ sở như thế thì chính tôi cũng có lỗi một phần. Chúng tôi đã được thừa kế bốn chục nông nô. Trời xui đất khiến thế nào mà đúng vào thời điểm đó tôi lại được thăng cấp hạ sĩ quan kỵ binh. Thế rồi lúc đầu thì cầm cố lấy tiền tiêu, về sau thì ăn chơi xả láng. Tôi đã sống một cách ngu muội, ra dáng ra dàng, học đòi Bursov[55], bê tha cờ bạc rượu chè, nhớ lại mà xấu hổ. Bây giờ tôi đã nghĩ lại và đang muốn thay đổi hoàn toàn cách sống. Nhưng muốn thế tôi nhất thiết phải có một trăm ngàn *as*[56]. Nhưng vì tôi không thể tiến thân bằng con đường binh nghiệp, lại gần như không học vấn, không nghề nghiệp, nên chỉ còn lại hai cách: hoặc đi ăn cắp, hoặc lấy vợ giàu. Tôi đã lóc cóc cuốc bộ đến đây đấy chứ, đi chân đất đấy, ủng rách hết còn đâu. Hôm tôi lên đường ở Moskva, em gái tôi đã vét túi dúi cho tôi được ba đồng *rup* bạc. Ở đây tôi đã nhìn thấy chị Tatiana Ivanovna này và trong đầu lập tức nảy sinh ý tưởng. Tôi nhanh chóng quyết định hy sinh béng cái thân mình mà lấy vợ cho xong. Quý anh hẳn sẽ đồng ý với tôi rằng đó chính là sự lựa chọn khôn ngoan. Hơn nữa tôi làm việc này phần lớn là vì em gái... và tất nhiên cũng vì mình...

- Nhưng quý anh muốn chính thức ngỏ lời cầu hôn với Tatiana Ivanovna đấy chứ?

- Lạy Chúa phù hộ! Thế thì có mà bị tống ra đường sớm, mà chị ấy cũng chẳng dám đi đâu nữa; nhưng nếu rủ chị ấy bỏ trốn bằng cách chở chị ấy đi thì chị ấy nghe ngay. Vấn đề chỉ là ở chỗ tạo ra được một cuộc tình thơ mộng, sống chết chẳng chia lìa. Mà mọi chuyện phải kết thúc thật nhanh bằng thủ tục hôn nhân hợp pháp giữa hai người. Miễn là kéo được chị ấy ra khỏi đây thôi!

- Do đâu mà quý anh dám tin rằng chị ấy nhất định sẽ bỏ trốn theo quý anh?

- Ồ, quý anh khỏi phải lo! Tôi tin chắc đấy. Cái chính là Tatiana Ivanovna đang sẵn sàng dan díu với bất cứ ai nẩy ra ý định đáp lại tiếng lòng da diết của chị ấy thôi. Vì thế tôi mới phải xin quý anh đưa ra với tôi một lời hứa danh dự là không sử dụng ý tưởng của tôi. Tất nhiên quý anh cũng sẽ hiểu cho là đang trong hoàn cảnh của tôi mà không biết tận dụng cơ hội trời cho thì đúng là phải tội chứ không bỡn.

- Vậy thì chị ta đúng là một người điên... ấy chết! tôi xin lỗi, - tôi sực nhớ ra, bỗng nói thêm. - Vì bây giờ quý anh nhận thấy chị ta...

- Quý anh đừng ngại, tôi đã đề nghị quý anh cứ tự nhiên mà. Quý anh muốn hỏi là chị ấy có điên hẳn hay không chứ gì? Biết trả lời quý anh thế nào đây? Cũng chưa phải là điên vì vẫn chưa nhập viện tâm thần; vả chăng tôi cũng không thấy có gì là rồ dại trong cái bệnh mơ màng tình ái ấy cả. Có thế chăng nữa, chị ấy vẫn cứ là một thục nữ đoan trang. Quý anh thấy đấy: mãi đến năm ngoái chị ta vẫn còn chìm đắm trong cảnh khốn cùng, từ tấm bé đã phải sống dưới ách nô lệ đấy thôi. Trái tim chị ta vốn nhạy cảm khác thường; chị ta cũng chưa từng được ai dạm hỏi - vậy là, quý anh hiểu chứ: những ước mơ, nguyện vọng, hy vọng, bầu nhiệt huyết luôn luôn bị kìm nén, những đau khổ ê chề dưới gót giày các nữ chủ nhân - tất cả những cái đó có thể làm cho một tính cách nhạy cảm đi đến chỗ rối loạn. Thế rồi chị ta bỗng trở nên giàu có: hẳn quý anh sẽ dễ dàng đồng ý với tôi là như thế thì đến thánh cũng phải thay đổi. Bây giờ mọi người mới để ý đến chị ta, tán tỉnh chị ta, và mọi hy vọng của chị ta lại hồi sinh. Mới đây chị ta có kể về một anh chàng bảnh trai diện gi-lê trắng: đó là sự kiện có thật, đúng như lời chị ta nói đấy. Từ sự kiện này quý anh có thể suy ra mọi thứ. Với những tiếng thở dài, những bức thư ngắn, những vần thơ, quý anh có thể quyến rũ chị ấy ngay tức khắc; còn nếu tất cả những cái đó còn xa xôi úp mở về một chốn riêng tư đầm ấm, về những dạ khúc Tây Ban Nha hay bất cứ thứ vớ vẩn nào như thế nữa thì quý anh có muốn làm gì chị ta cũng được. Tôi đã

thử tìm cách gặp riêng và gặp được ngay. Nhưng tôi vẫn đang chờ đến thời điểm thuận lợi. Nhưng chỉ bốn hôm nữa là tôi phải chở chị ta đi khỏi đây rồi, nhất định là như thế. Trước hôm xuất phát, tôi sẽ tấu lên khúc huê tình rền rĩ nỉ non, thở vắn than dài; tôi chơi ghi ta và hát cũng nghe được đấy. Đêm ấy sẽ ngồi với nhau trong nhà thủy tạ, sáng ra xe ngựa đã sẵn sàng: tôi đón chị ta lên xe đi luôn. Quý anh hiểu chứ: chẳng có gì đáng gọi là liều lĩnh cả: chị ta là người lớn, đâu phải là gái vị thành niên, xưa nay vốn là người hẳn hoi tử tế. Còn nếu như bây giờ đi với tôi thì ắt là có việc phải đi cùng... Tôi sẽ đưa chị ta đến một ngôi nhà khang trang nhưng khá đơn sơ cách đây chừng bốn mươi dặm, giữ rịt chị ta ở đó cho đến ngày cưới, không cho ai gặp; còn tôi sẽ tranh thủ hoàn tất lễ kết hôn trong vòng ba ngày - việc này hẳn tôi làm được. Cái thủ tục đầu tiên - tiền đâu thì rõ ràng không tránh khỏi, nhưng tôi đã tính hết rồi: chi phí cho toàn bộ dự án chỉ vào khoảng năm trăm *rup* bạc đổ lại, khoản này tôi đang nhắm vào Egor Iliits: thế nào mà ông ấy chả cho, không vặn vẹo gì đâu. Bây giờ thì quý anh hiểu hết rồi chứ?

- Hiểu rồi, - tôi nói sau khi hiểu rõ ngọn ngành. - Nhưng tôi có thể đỡ đần quý anh trong việc gì đây?

- Ô, nhiều việc lắm! Không thì đã chẳng dám phiền. Tôi đã từng nói với quý anh là tôi vẫn đau đáu về một gia đình mẫu mực, tuy nghèo. Quý anh có thể chủ động giúp tôi việc này việc khác, chí ít cũng đứng ra làm chứng cho chúng tôi. Thú thật là không có quý anh thì tôi bí quá.

- Một câu hỏi nữa: tại sao quý anh lại chọn tôi mà ủy thác công việc trong khi vẫn chưa biết rõ về tôi vì tôi mới đến đây được có mấy tiếng?

- Câu hỏi của quý anh, - Mizintsikov trả lời với một nụ cười rất đáng yêu, - nói thực lòng là câu hỏi của quý anh đã khiến tôi hởi lòng hởi dạ: nó giúp tôi có dịp nói lên lòng quý trọng khác thường đối với quý anh.

- Ồ, rất hân hạnh!

- Không, tôi cũng đã có dịp xem xét, tìm hiểu quý anh đôi chút. Quý anh là một chàng trai vừa tràn trề nhiệt huyết... vừa... vừa rất trẻ trung; nhưng đây mới là điều tôi tin tưởng chắc chắn: một khi đã hứa với tôi sẽ giữ kín chuyện này thì thế nào quý anh cũng giữ đúng lời hứa. Quý anh không phải là Obnoskin - đó là điều thứ nhất. Thứ hai, quý anh là người trung thực và sẽ không sử dụng ý tưởng của tôi vào mục đích của mình, trừ trường hợp anh em mình cùng ăn cánh với nhau. Trong trường hợp đó, có thể tôi sẽ nhường ý tưởng cho quý anh, nhường Tatiana Ivanovna cho quý anh, sẵn sàng nén ghen tuông lại để hỗ trợ quý anh

bắt cóc chị ta, nhưng phải với điều kiện đúng một tháng sau ngày cưới, sẽ được nhận từ tay quý anh năm mươi ngàn *as* theo giấy vay tiền, lãi suất bằng không.

- Sao? - tôi hét lên, - quý anh cũng gạ cả tôi đi cuỗm chị ấy ư?

- Phải, tôi có thể nhượng lại cho quý anh nếu quý anh muốn, sau khi cân nhắc kỹ càng. Cố nhiên là tôi chịu mất người, nhưng... ý tưởng vốn là của tôi nên tôi phải lấy tiền ý tưởng. Ba là, đây là điều sau rốt, tôi mời quý anh vì còn có ai nữa đâu mà kén chọn bây giờ. Mà lần nữa thì không được, cứ để ý đến tình hình ở đây thì biết. Vả cũng sắp đến tuần trai Đức Mẹ rồi, nhà thờ sẽ không làm phép cưới nữa[57]. Bây giờ hẳn quý anh đã hiểu hết cho rồi chứ?

- Hiểu hết rồi, một lần nữa tôi cam kết giữ kín mọi chuyện cho quý anh; nhưng ăn cánh với quý anh trong vụ việc này thì tôi xin kiếu, đó cũng là điều tôi thấy mình có bổn phận phải thưa lại với quý anh ngay.

- Vì sao?

- Còn sao giăng gì nữa? - tôi quát lên, xả bớt những cảm xúc dồn nén mãi trong lòng. - Chẳng lẽ quý anh không hiểu được rằng một hành vi như vậy là hèn hạ hay sao? Cứ cho rằng nhận định của quý anh là đúng về tình trạng thiểu năng trí tuệ và bệnh điên tình khốn khổ của người phụ nữ ấy thì riêng chuyện ấy thôi cũng đủ để quý anh hành xử như một người nhân hậu chứ! Chính quý anh cũng nói rằng chị ấy là người đáng được tôn trọng cho dù chị ấy thật nực cười. Vậy mà bỗng nhiên quý anh lại đang tâm lợi dụng sự bất hạnh của chị ấy để kiếm một trăm ngàn! Đương nhiên quý anh không thể trở thành người chồng đúng nghĩa của chị ấy được: sớm muộn quý anh cũng sẽ ruồng bỏ chị ấy thôi... Xin lỗi quý anh chứ hành động đó hèn hạ đến mức khiến tôi không hiểu được cơn cớ làm sao mà quý anh lại có thể mời tôi hợp tác!

- Trời đất quỷ thần ơi, lãng mạn biết bao! - Mizintsikov kêu lên, đưa mắt nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên thực sự. - Mà cũng chả phải là lãng mạn, đơn giản là quý anh không hiểu rõ sự tình. Quý anh bảo làm thế là hèn hạ, nhưng ở đây người được lợi nhiều nhất không phải là tôi, mà là chị ấy cơ... Cứ ngẫm mà xem!

- Tất nhiên, nếu xét theo quan điểm của quý anh thì việc lấy Tatiana Ivanovna làm vợ là một hành vi nghĩa hiệp vô song của quý anh rồi, - tôi đáp với nụ cười giễu cợt trên môi.

- Chả thế thì sao? Đúng thế, đúng là một hành động vô cùng cao cả! - Mizintsikov hét toáng lên, đến lượt mình nổi cơn lôi đình thịnh nộ. - Cứ ngẫm mà xem: một là, tôi hy sinh bản thân mình, tự nguyện đứng ra làm chồng chị ấy, -

điều ấy phỏng không có chút giá trị gì chẳng? Hai là, cho dù chị ấy có đến một trăm ngàn *rup* bạc, tôi cũng chỉ xin đúng một trăm ngàn *as* và đã tự hứa với mình là suốt đời không tơ hào thêm lấy một xu, dù có thừa sức nã tiền, - điều này cũng phải được nhìn nhận chứ! Cuối cùng, quý anh hãy nghĩ kỹ xem: liệu chị ấy có thể sống yên ổn suốt đời không chứ? Muốn cho chị ấy sống yên thân thì hẳn phải lột hết tiền mà tống vào nhà thương điên để khỏi luôn luôn phải canh chừng bọn vô công rồi nghề, bọn lừa đảo, bọn đầu cơ với đầy đủ râu ria, ghi ta và dạ khúc, kiểu như Obnoskin ấy, không để một thằng như thế nó quyến rũ chị ta, lấy chị ta làm vợ, vét sạch tiền nong rồi bỏ chị ấy bơ vơ ở một nơi nào đó bên đường quốc lộ. Chẳng nói đâu xa, ngay đến cái nhà tử tế, quang minh chính đại này, người ta giữ chị ta lại cũng chỉ vì cái túi tiền của chị ta đấy chứ. Phải giải thoát chị ta khỏi những ẩn họa khôn lường, phải cứu chị ta. Đó, quý anh hiểu chứ, chị ấy chỉ cần lấy tôi là mọi ẩn họa triệt tiêu liền. Tôi cam kết bảo đảm an toàn tuyệt đối cho chị ta. Trước hết tôi lập tức thu xếp cho chị ta lên Moskva, chung sống với một gia đình nền nếp nhưng nghèo - không phải cái gia đình tôi vẫn nói đến đâu, một gia đình khác; em gái tôi sẽ luôn luôn có mặt bên chị ấy; chị ấy sẽ được trông nom chu đáo. Tiền của chị ấy vẫn còn hai trăm năm mươi ngàn *rup* và đâu như ba trăm *as* nữa: ngần ấy cũng phong lưu chán! Thú tiêu khiển thì chị ấy sẽ được cung ứng đủ các môn giải trí, vũ hội, vũ hội hóa trang, hòa nhạc. Thậm chí chị ấy vẫn có thể mơ mộng chuyện ái tình nước mây trăng gió, có điều về khoản ấy thì tôi phải bảo đảm cho mình: mơ mộng thì tha hồ, nhưng trên thực tế thì đừng nói chuyện lơ mơ! Bây giờ thì ai cũng có thể nói động đến chị ấy được chứ đến lúc ấy rồi thì xin miễn đi cho: chị ấy là vợ tôi, là bà Mizintsikov, đừng có mà dây vào với tôi! Riêng chuyện ấy đã đủ sướng chưa nào? Cố nhiên tôi sẽ không chung sống với chị ta. Chị ta cứ ở Moskva, còn tôi loanh quanh đâu đó trên Peterburg cũng được. Tôi nói điều này ra vì tôi đang đánh bài ngửa với quý anh đây. Nhưng cơn cớ làm sao mà vợ chồng lại phải một chốn đôi nơi như vậy? Quý anh cứ xem kỹ tính nết của chị ta thì biết: liệu chị ấy có khả năng làm vợ và chung sống với chồng không? Làm sao mà có thể thường xuyên ở cạnh chị ấy được? Con người nông nổi bộp chộp nhất trần đời đấy ạ! Cái gì cũng thay đổi luôn xoành xoạch; hôm qua vừa lấy chồng xong, vừa nhận giấy giá thú xong, hôm nay đã có thể quên ngay được. Sớm muộn tôi cũng sẽ làm khổ chị ta nếu cứ chung sống với chị ta và đòi hỏi chị ta phải thực hiện nghiêm túc bổn phận này kia kia nọ. Cố nhiên mỗi năm tôi cũng sẽ về với chị ta một đôi lần, và không phải vì tiền - tôi đoan chắc với quý anh như vậy. Tôi đã nói là tôi

sẽ không lấy của chị ta hơn một trăm ngàn *as* và sẽ không bao giờ lấy! Tôi luôn luôn rõ ràng sòng phẳng với chị ta trong chuyện tiền nong. Về nhà hai, ba ngày, tôi phải đem lại niềm vui, chứ không phải nỗi buồn: tôi sẽ cùng chị ấy cười vang nhà, sẽ kể chuyện tiếu lâm cho chị ấy nghe, đưa chị ấy đến vũ hội, thủ thỉ tự tình, tặng quà lưu niệm, hát tình ca, mua chó cảnh rồi bịn rịn chia tay và trao đổi thư từ chan chứa yêu thương. Và chị ta sẽ vui sướng biết chừng nào với anh chồng lãng mạn, đắm say và vui tươi đến thế! Theo tôi phải như vậy mới là hợp lý, mọi đức ông chồng hãy cố noi theo. Các ông chỉ cao giá với các bà khi cách biệt thôi và, với chủ trương riêng, tôi sẽ chiếm trọn trái tim Tatiana Ivanovna bằng tình cảm ngọt ngào đằm thắm trong suốt cuộc đời chị ấy! Liệu chị ấy còn mong muốn gì hơn? Như thế là thiên đường rồi, chứ không còn là cuộc sống trần gian nữa.

Tôi lẳng lặng lắng nghe mà không hết ngạc nhiên. Tôi hiểu rằng khó lòng mà bác bỏ được lý lẽ của cậu ấm Mizintsikov. Cậu chàng đã quá tin vào lẽ phải, thậm chí vào tầm cỡ của dự án đưa ra nên đã giải trình với tất cả cái say sưa của một nhà phát minh. Song le vẫn còn lại một điểm cực kỳ nhạy cảm, cực kỳ hóc búa.

- Quý anh có còn nhớ cho là chị ấy đã gần như là vợ chưa cưới của chú tôi không nhỉ? - tôi hỏi, - quý anh mà bắt cóc chị ấy thì khác nào đi gây sự với chú tôi; quý anh còn định chở chị ấy đi vào cái đêm ngay trước ngày cưới của chú tôi, lại còn muốn vay tiền của chú tôi để hại chú tôi nữa chứ[58]!

- Tôi biết ngay mà! - Mizintsikov nóng nảy quát lên. - Quý anh đừng lo, tôi đã nhìn thấy trước phản ứng của quý anh. Nhưng, điều trước tiên và cũng là điều chủ yếu: ông ấy đã ngỏ lời cầu hôn với chị ấy đâu! Vậy thì tôi cũng có thể không biết về những dự kiến đó; hơn nữa, xin quý anh lưu ý, tôi đã trù tính việc này từ những ba tuần trước, lại càng không thể biết tý gì về những dự kiến kia, do đó xét về mặt đạo đức, tôi chẳng có gì sai đối với ông ấy cả, thậm chí nếu làm cho ra nhẽ thì chả phải tôi chiếm đoạt, mà là ông ấy chiếm đoạt vợ chưa cưới của người khác vì tôi đã gặp riêng chị ta vào cái đêm ở nhà thủy tạ rồi - điều này cũng xin được quý anh lưu ý. Cuối cùng, xin được hỏi quý anh: có phải chính quý anh vừa nổi giận về nỗi mọi người đang ép chú mình phải lấy Tatiana Ivanovna làm vợ hay không, mà giờ đây lại bỗng quay ra bảo vệ cuộc hôn nhân ấy, nói lung tung những gì về lòng căm tức, về danh dự nữa thế không biết! Còn tôi đây, trái lại, tôi đang ra tay cứu ông chú của quý anh đấy chứ - quý anh phải hiểu được điều đó chứ! Ông chú của quý anh đang lấy làm ghê tởm đối với việc ép

uổng hôn nhân như thế và đã đem lòng yêu một người con gái khác đấy thôi! Liệu Tatiana Ivanovna có thể trở thành người vợ đúng nghĩa của ông ấy không? Ở bên ông ấy chị ta chắc chắn sẽ thành người bất hạnh vì đâu còn được ném hoa hồng thoải mái vào những chàng trai. Còn nếu rồi đây, vào một đêm nào đó, tôi có chở chị ta rời khỏi nơi này thì chắc chắn không một tướng quân phu nhân nào, một Foma Fomits nào có thể làm gì nổi. Vả cũng không ai đi bắt một vị hôn thê đã bỏ cuộc phải quay lại nhà thờ để chịu phép cưới đâu, việc này quá lố. Không thể nói những việc tôi làm đều là chuyện làm ơn làm phúc đối với Egor Iliits cả hay sao?

Xin thú thật rằng câu cuối cùng đã tác động mạnh đến tôi.

- Thế nếu ngày mai ông ấy tiến hành thủ tục cầu hôn thì sao? - tôi nói, - lúc bấy giờ thì việc của quý anh e cũng hơn muộn: chị ta đã là vợ chưa cưới của ông ấy rồi.

- Tất nhiên là muộn! Nhưng thế thì phải tìm cách ngăn chặn ngay thôi. Quý anh hỗ trợ tôi trong việc này chứ? Một mình tôi thì khó, hai anh em cùng chung sức thì chắc chắn việc sẽ thành, Egor Iliits sẽ hủy bỏ việc cầu hôn. Phải dốc sức mà cản phá, quá lắm thì tẩn cho Foma Fomits một trận no đòn khiến mọi người không còn bụng dạ nào nghĩ đến chuyện cưới xin gì nữa. Dĩ nhiên đó là điều vạn bất đắc dĩ, nói giả dụ thế thôi. Trong việc này tôi cũng đặt hy vọng vào quý anh nữa đấy.

- Còn một câu hỏi nữa, cuối cùng: ngoài tôi ra, quý anh chưa để lộ chuyện với ai đấy chứ?

Mizintsikov đưa tay gãi gáy và nhăn nhó một cách khổ sở.

- Xin thú thực với quý anh, - anh ta đáp, - câu hỏi này của quý anh đối với tôi còn đắng hơn cả bồ hòn. Số là tôi đã tiết lộ... tóm lại... đã làm điều dại dột chưa từng thấy! Mà theo quý anh thì tôi đã tiết lộ với ai nào? Với Obnoskin đấy! Có khổ không cơ chứ, tôi không còn tin được cái thằng tôi nữa. Thật không hiểu ra làm sao nữa! Tay ấy cứ quanh quẩn ở đây suốt; tôi thì vẫn chưa biết rõ về tay ấy, và đúng vào cái lúc hứng lên, hăng tiết lên hay sao ấy; lại đang lúc thấy cần người chung tay góp sức, thế là đi bắt chuyện với Obnoskin... không thể tha thứ được, không thể tha thứ được!

- Thế còn Obnoskin thì sao?

- Hào hứng nhận lời, nhưng sang hôm sau là lặn mất, ngay từ sáng sớm. Ba hôm sau lại xuất hiện, có cả mẹ đi cùng. Không nói gì với tôi hết, thậm chí còn

bỏ chạy, cứ như sợ. Tôi hiểu ý ngay chứ. Mẹ tay ấy là một mụ tinh quái, luồn lách như ranh. Tôi biết mụ từ trước mà. Tất nhiên là ông con đã kể hết với mẹ rồi. Tôi đành im lặng chờ xem; họ đang dò la đấy, và tình hình đang có phần căng thẳng... Thành ra tôi cũng cuống.

- Quý anh đang lo mẹ con họ có thể giở trò gì?

- Tất nhiên họ cũng không thể làm được gì nhiều, nhưng cũng dễ gây khó cho mình đấy. Họ sẽ tống tiền cho việc giữ bí mật và hỗ trợ này kia: tôi cũng đang chờ họ ngỏ lời... Có điều nhiều quá thì tôi chẳng có đâu, tôi đã quyết rồi: chỉ ba ngàn *as* đổ lại thôi. Quý anh tính hộ xem: ba ngàn vào đấy nhé, năm trăm *rup* bạc vào đám cưới, chả là còn phải hoàn lại khoản vay của ông chú quý anh mà; rồi mấy món nợ cũ nữa; mà cũng phải có chút gì cho em gái chứ, đúng rồi, dù chỉ một chút thôi. Đấy, liệu cái khoản một trăm ngàn ấy còn lại được bao nhiêu? Lại trắng tay nữa thì vừa! À, mẹ con nhà Obnoskin lại đi rồi.

- Đi rồi ư? - tôi tò mò hỏi.

- Uống trà xong đi rồi; quỷ tha ma bắt cái giống ấy đi! Nhưng mai là lại dẫn xác đến cho mà xem. Thôi được, thế nào, quý anh đồng ý chứ?

- Thú thật tôi chưa biết nên nói thế nào cho phải - tôi nhăn nhó đáp, - chuyện khó nghĩ quá... Tất nhiên tôi sẽ giữ kín mọi điều; tôi không phải là Obnoskin; nhưng... có lẽ quý anh cũng không việc gì phải hy vọng vào tôi.

- Tôi nhận thấy quý anh vẫn còn chưa chán Foma Fomits và người bà của quý anh, - Mizintsikov rời ghế đứng lên và nói, - và mặc dù rất yêu ông chú nhân từ, hào hiệp của mình, quý anh vẫn chưa đi sâu đúng mức vào sự việc để biết người ta làm khổ ông ấy như thế nào. Quý anh là con người kiểu mới... Nhưng chịu đựng thì quá giỏi! Ngày mai quý anh vui lòng xem xét giúp để đến chiều thì nhận lời cho. Không thế thì ông chú của quý anh sẽ rất nguy - quý anh hiểu chứ? Nhất định người ta sẽ bắt chú anh phải lấy vợ. Đừng quên rằng có thể ngay ngày mai ông ấy sẽ chính thức cầu hôn. Muộn mất thôi; phải quyết định ngay hôm nay đi!

- Nói thực là tôi cầu chúc cho quý anh thành công trong mọi việc, nhưng giúp đỡ thì... tôi không biết phải làm sao...

- Rồi chúng ta sẽ biết! Thôi được, cứ để đến mai đi, - Mizintsikov quyết định, miệng mỉm cười giễu cợt. - *La nuit porte conseil*[59]. Tạm biệt quý anh. Sáng mai tôi đến sớm, còn quý anh cứ suy nghĩ giúp...

Anh ta quay ra, vừa đi vừa huýt sáo.

Tôi cũng theo ra luôn để hưởng chút khí trời. Trăng vẫn chưa lên; trời tối đen như mực, không khí ấm nhưng ngột ngạt. Cây cối đứng im phăng phắc. Tuy đang mệt bã người, tôi vẫn muốn tản bộ một lúc cho khuây khỏa để tập trung tư tưởng dần dần, nhưng chưa được mười bước chân đã nghe thấy tiếng chú tôi đột ngột vẳng tới. Cùng với một người nào đó bước lên thềm, ông đang nói với giọng rất sôi nổi. Tôi giật mình quay lại và cất tiếng gọi. Chú tôi đang nói chuyện với Vidopliasov.

XI

QUÁ ĐỖI BĂN KHOĂN

- Chào chú ạ! - tôi mừng quýnh, - con mong chú mãi.

- Anh bạn trẻ của chú kìa, chú cũng đang cuống lên để về với con đây. Bây giờ để chú nói nốt chuyện này với Vidopliasov, rồi chú cháu mình sẽ dốc bầu tâm sự nhé. Có nhiều chuyện phải kể với con lắm đấy.

- Chán thế, lại còn Vidopliasov nữa! Mặc xác hắn, chú ạ.

- Chỉ năm, mười phút thôi mà, Serjei ạ, rồi chú sẽ chỉ là của con thôi. Con thấy đấy: việc phải làm mà.

- Việc gì cái ngữ ấy, chuyện vớ vẩn thì có, - tôi bực dọc nói.

- Nói thế nào với con bây giờ, hở anh bạn trẻ? Một khi chúng nó đã vướng vào mấy cái chuyện vớ vẩn rồi thì thế nào mà chúng nó chả chõm được mình! Này, người anh em Grigori, có đúng là mày không thể có lúc nào khác để gặp ta không? Nào, ta phải làm gì cho mày đây? Mày cũng phải biết thương ta với chứ. Ta kiệt sức với bọn mày rồi, chết mất ngáp với bọn mày rồi! Chú liểng xiểng với chúng nó đấy, Serjei ạ!

Và chú tôi phẩy cả hai tay với vẻ cực kỳ ngao ngán.

- Việc gì mà quan trọng đến mức không trì hoãn được như thế ạ? Giá mà việc của con cũng được coi là cần đến thế...

- Ấy, con không biết chứ người ta cứ gào lên là chú không quan tâm gì đến đức hạnh của đám gia nhân cả! Không khéo đến mai thằng này nó còn đi hớt là chú chẳng thèm nghe nó nói, là lại rầy rà...

Và chú tôi lại phẩy tay.

- Thôi được, chú kết thúc với thằng này nhanh lên cho con! Hay để con giúp cho. Chúng ta lên đi. Anh chàng kia thế nào đây? Có việc gì nào? - tôi nói khi cả ba đã bước vào phòng.

- Thế này nhé, anh bạn trẻ nghe nhé, thằng này nó không thích cái họ của nhà nó, nó xin đổi họ. Con thấy thế nào?

- Họ ư? Sao lại thế?... Ôi, thưa chú, trước khi nghe câu chuyện do chính mồm anh chàng này nói ra, con xin được nói với chú rằng chỉ có ở nhà chú mới có thể có những chuyện kỳ quặc thế này, - tôi nói và dang tay tỏ ý ngạc nhiên.

- Kìa, người anh em của chú ơi! Chú cũng biết dang tay, cũng ngạc nhiên lắm chứ, nhưng rồi cũng chẳng ăn thua! - chú tôi nói với vẻ bực bội. - Con thử nói chuyện với nó xem sao. Nó bám riết lấy chú đến hai tháng nay rồi...

- Một cái họ vô căn cứ, chẳng ra đâu vào đâu cả đấy ạ!

- Vô căn cứ thế nào cơ? - tôi ngạc nhiên hỏi.

- Đúng thế đấy ạ. Nghe chán lắm, chả ra cái quái gì cả.

- Chán là chán thế nào nào? Mà đổi thì đổi thế nào nào? Có ai làm cái chuyện đổi họ không nào?

- Xin lỗi cậu chứ không biết có ai lại phải mang những cái họ vớ vẩn như thế hay không.

- Tôi đồng ý là cái họ của anh nghe nó cũng hơi ngồ ngộ, - tôi nói tiếp, lúc này đã rất băn khoăn, - nhưng làm thế nào được bây giờ? Bố anh chả là người họ ấy là gì?

- Đúng là cái nợ truyền kiếp nó làm cho tôi khốn khổ đời đời đấy ạ, chắc hẳn cái số tôi là phải đeo cái mác ẩm ương mà hứng lấy vô số những lời giễu cợt, vô số những chuyện đau buồn đấy ạ, - Vidopliasov trả lời.

- Thưa chú, con xin đánh cuộc với chú rằng không thể thiếu bàn tay Foma Fomits nhúng vào đây được! - tôi tức tối hét lên.

- Ồ, không phải thế đâu, người anh em ạ; con nhầm rồi. Quả là Foma chỉ biết chăm lo cho nó. Ông ấy đã xin nó về làm thư ký riêng; làm mỗi việc ấy thôi. Rõ ràng là ông ấy đã vun vén, dạy dỗ nó nhiều, có thể nói là nó cũng chín chắn hơn lên ở mặt này mặt khác... Rồi chú sẽ kể hết cho con...

- Đúng đấy ạ, - Vidopliasov cướp lời, - Foma Fomits đúng là ân nhân của tôi đấy ạ. Là ân nhân thực sự của tôi, ngài ấy đã mở mắt cho tôi - phận con sâu cái kiến, nên cũng nhờ ngài ấy, lần đầu tiên tôi đã biết trước được số phận bản thân mình đấy ạ.

- Đấy, con thấy đấy, sự thể như thế đấy, Serioja ạ, - lại cuống quýt như thường lệ, chú tôi nói tiếp. - Thằng này thì lúc đầu ở Moskva, hầu như từ tấm bé, làm thằng nhỏ cho một ông giáo luyện chữ. Lúc nào con cứ xem qua thì biết: thằng này nó cũng đã thành nghề, viết vẽ rất hay: bột màu có, kim nhũ có, thần ái tình bay lượn vòng quanh... đủ hết, đúng là bàn tay nghệ sĩ! Bé Iliusa đang thụ giáo

cu cậu đấy: một *rup* rưỡi một buổi. Cu cậu còn có việc ở ba nhà địa chủ quanh đây nữa; tiền thu đều. Con thấy đấy, cu cậu ăn diện đến là bảnh bao! Lại còn làm thơ nữa chứ.

- Lại còn thơ nữa cơ đấy!

- Thơ chứ, thơ, đừng tưởng chú nói đùa, thơ tử tế, niêm luật đàng hoàng, mà thứ gì cũng lôi ra vịnh được ngay. Một tài năng thực sự! Nhân ngày lễ thánh, cu cậu làm ngay cho bà một bài giáo huấn ca, cả nhà chỉ còn biết há hốc mồm ra mà nghe: trong cảnh thần tiên là các nữ thần thi ca bay lượn... ngây ngất quá còn gì? thơ lưu loát, nghe vần lắm, Foma hiệu đính mà. Chú cũng khoái, tất nhiên, mà trong bụng cũng mừng cho nó nữa. Làm thơ thì cứ làm, có điều chớ để xẩy ra sơ suất. Ta nói với mày với tấm lòng một người cha nói với con đấy, người anh em Grigori ạ. Foma đã biết chuyện, đã xem thơ, có ý khen và đã xin nó về làm chân đọc sách, chép bài, tóm lại, ông ấy đã đứng ra dạy dỗ, kèm cặp nó. Nó bảo là ông ấy đã chăm lo cho nó là đúng đấy. Con biết không, như vậy là ở nó đã xuất hiện một đầu óc lãng mạn cao quý và một cảm hứng tự do, - tất cả những điều này thì Foma đã giảng cho chú hết rồi nhưng quả là chú đã quên tiệt; có điều thú thực là chú đã định phóng thích[60] nó, không thèm bàn với Foma. Vậy mà con biết không, rõ xấu hổ quá!.. Đấy, Foma đã phản đối việc này; ông ấy bảo là ông ấy đang cần nó, ông ấy yêu nó; hơn nữa, ông ấy còn nói: “Là một nhà quý tộc, tôi sẽ thêm phần vinh dự khi có các nhà thơ giúp việc cho mình; có những nhà quý tộc này nọ ở nơi này nơi nọ đã sống như thế và như thế mới là *en grand*[61] chứ”. *En grand* mà, *en grand*! Thế là chú bắt đầu trọng vọng thằng này - con hiểu chứ?... Có điều nó cư xử kỳ quặc lắm. Tệ nhất là từ khi có cái chuyện thơ phú ấy là mặt nó cứ vênh lên với cánh gia nhân ở đây, chẳng muốn chuyện trò gì với ai nữa. Đừng giận, Grigori nhé, ta đang nói với mày với tấm lòng một người cha nói với con đây. Ngay từ mùa đông năm ngoái, thằng này nó đã hứa là sẽ lấy vợ: ở đây có một nữ gia nhân trẻ tuổi, Mat’rena đấy, một con bé xinh đẹp, thật thà, cần mẫn, vui tính. Thế mà bây giờ cứ động đến chuyện vợ con là nó lại dẫy ra như phải bỏng. Không biết nó tự cho mình là ghê gớm hay cứ phải nổi đình đám đã rồi mới tính chuyện dạm hỏi ở đâu không biết...

- Chủ yếu là nghe theo lời khuyên của Foma Fomits đấy ạ, - Vidopliasov trình bày, - vì ngài ấy là ân nhân thực sự của con đấy ạ...

- Đấy, làm gì có cái chuyện Foma Fomits không hề dây dưa dính dáng!

- Ồ, không phải là cái chuyện dính hay không dính, người anh em ạ! - Chú tôi vội ngắt lời tôi, - con phải thấy là giờ đây chính thằng này cũng đang bị kẹt. Con

bé kia là đứa linh lợi, láu lỉnh, nó kéo cả bọn xúm vào trêu chọc, dậm dọa thằng này, thậm chí còn để bọn con trai coi thằng này như một chú hề...

- Chủ yếu là do Mat’rena đấy ạ, - Vidopliasov nói, - vì Mat’rena là một đứa cực ngu đấy ạ, nó vừa ngu si lại vừa rồ dại nên vì nó mà đời con chưa chi đã ra nông nỗi này đấy ạ.

- Kìa, người anh em Grigori, ta nói mãi với mày rồi, - chú tôi lừ mắt nhìn Vidopliasov và nói tiếp, - Serjei ạ, con biết không, bọn kia đã đặt vè giễu cợt cái họ của thằng này. Nó đến mách, kỳ kèo xin đổi họ, bảo rằng từ lâu nó đã rất khổ tâm vì cái họ đọc lên cứ như đấm vào tai...

- Nghe không được đàng hoàng chứ ạ, - Vidopliasov chỉnh sửa.

- Im mồm, Grigori! Foma cũng tán thành rồi... nhưng thực ra ở đây còn có một lý do: Foma tính rằng nếu rồi đây phải in thơ thì một cái họ như thế cũng có thể gây bất lợi, - đúng không nào?

- Ông ấy đang muốn in thơ hở chú?

- In đấy, người anh em ạ. Việc quyết định rồi, chú biết mà, ở trang tên sách sẽ có tên một tên nô lệ, trong lời nói đầu sẽ có lời tác giả cảm ơn Foma về công lao truyền đạt, mở mang kiến thức. Tập thơ sẽ có lời đề tặng Foma. Chính Foma sẽ viết lời mở đầu. Trang tên sách nổi bật lên dòng chữ “Thơ Vidopliasov”...

- “Ai oán Vidopliasov” chứ ạ, - Vidopliasov lại chữa.

- Đấy, con thấy chưa, lại còn ai oán nữa! Ờ, mà cái họ Vidopliasov thì có gì đáng phàn nàn nhỉ? Thậm chí nó còn khơi gợi những cảm xúc tinh tế nữa; Foma cũng đã nói như thế đấy. Còn chê bai thì chỉ rặt một lũ hay châm chọc thôi; xem Brambeus kia kìa... Ai muốn nói gì thì nói! Chế giễu mỗi cái họ người ta thì nghĩa lý gì, quanh đi quẩn lại cũng chỉ là mấy câu chọc ngoáy đúng không? Cứ như chú thì chú sẽ nói luôn: chúng mày cứ việc đem cái họ tao ra mà bẻ vè cho tao kiếm cái bí danh, có phải gọi thế không, chú chả nhớ là gì *danh* nữa. Đằng này không, nó một mực van xin: ông chủ hãy ra lệnh cho tất cả cánh gia nhân ở đây mãi mãi gọi con bằng một danh hiệu mới, tương xứng với tài năng, và cái dòng họ của con phải là một dòng họ đàng hoàng...

- Con xin đánh cuộc là chú đã nhận lời rồi đấy ạ.

- Đấy con xem, để khỏi phải tranh cãi lằng nhằng với thầy trò nhà nó, chú đành mặc kệ, muốn làm gì thì làm! Con biết không, hồi đó cũng đã có chuyện xích mích giữa chú với Foma rồi. Từ ngày ấy đấy, ngay tại đây, từ các ngày trong tuần cho đến họ tên người này người khác, Foma cứ việc chọn thuần những chữ

êm tai: Oleandrov, Tiulpanov... Mày còn nhớ chứ, Grigori, lúc đầu thì mày xin gọi mày là “Verny” - “Grigori Verny”, về sau chính mày lại không thích nữa vì không biết thằng khỉ gió nào nó lại đi bắt vần chữ đó với chữ “skverny”[62]. Mày lên mách, thằng kia bị lôi ra phạt. Mày lại phải mất hai tuần lễ ngồi vắt óc ra để tìm họ mới, sang sẩy hết họ nọ đến họ kia, mãi mới tìm ra, lên xin đổi thành “Ulanov”. Có cái chữ gì chán hơn cái chữ ấy nữa không hở con? - ông hỏi tôi. Ta cũng lại đồng ý, lần thứ hai ra lệnh đổi họ cho mày thành Ulanov. Cho nó xong đi, người anh em ạ, - ông lại quay sang nói với tôi. Mày đã mê mải với cái mác “Ulanov” suốt ba ngày. Tất cả các bức tường, các bậu cửa sổ nhà thủy tạ đều bị mày dùng bút chì viết đầy chữ “Ulanov” lên, làm hỏng hết cả. Về sau phải sơn lại hết. Cả một tệp 50 tờ giấy Hà Lan bị mày xài vào mấy chữ: “Ulanov, thử bút; Ulanov, thử bút”. Cuối cùng, khốn khổ cho mày: “Ulanov” lại bị bắt vần với “bolvanov”[63]. Con không thích đồ bolvanov đâu ạ! - lại đổi! Mày còn đổi ra họ gì nữa nhỉ?

- Tansev ạ, - Vidopliasov đáp. - Số giời đã định cho con là cái mác của con phải gợi nên hình ảnh một pliasun[64], nên con lấy luôn là Tansev[65], một từ đồng nghĩa, nhưng là tiếng nước ngoài, nghe rất lịch sự đấy ạ.

- Thôi được rồi, Tansev; chú cũng đồng ý nốt, Serjei ạ. Thế mà rồi chữ ấy đã bị bọn ở đây bắt vần với một chữ rất bậy, không dám nói ra đâu! Hôm nay nó lại đến, lại nghĩ ra chữ mới. Chú đánh cuộc với cháu là nó đã thủ sẵn trong người một cái họ mới toe rồi đấy. Đúng không nào, Grigori, nói!

- Quả thật từ lâu con đã muốn đặt dưới chân ngài một danh hiệu mới không kém phần cao sang đấy ạ.

- Như thế nào?

- Essbuketov.

- Mày không thấy xấu hổ ư, Grigori? Đi lấy tên cái lọ sáp chải tóc làm họ cho mình! Thế mà còn gọi là người thông minh cơ đấy! Nghĩ mãi mới ra được cái chữ ngớ ngẩn như thế đấy! Cái chữ phơi ra ở mấy cái lọ nước hoa.

- Thưa chú, con xin lỗi, - tôi thì thầm, - đúng cái loại đầu đất thật rồi!

- Biết làm sao được hở con? - chú tôi cũng thì thầm, - người ta đoan chắc với xung quanh là nó thông minh, có đủ mọi phẩm chất cao đẹp đấy...

- Chú dứt nó ra cho con nhờ, lạy Chúa!

- Nghe đây, Grigori! Lúc này ta đang bận, xin lỗi người anh em đã nhé! - chú tôi cất giọng van vỉ cứ như sợ cả cái ngữ Vidopliasov này. - Mày thử nghĩ xem,

làm sao ta có thể xem xét việc của mày ngay bây giờ được! Mày bảo là chúng nó lại trêu chọc gì mày ư? Thôi được, ta xin hứa, lời hứa danh dự nhé: mai ta sẽ xem xét mọi chuyện cho mày, còn bây giờ hãy tạm lui ra... Đứng lại đã! Foma Fomits thế nào?

- Ngài đi nằm rồi ạ... Ngài có dặn là nếu có ai hỏi thì cứ bảo là đêm nay ngài phải cầu kinh đến khuya.

- Hừm! Thôi đi đi, người anh em, đi đi! Con thấy đấy, Serioja, thằng này thì lúc nào chả ở cạnh Foma nên chú sợ cả nó nữa đấy. Cánh gia nhân nhà này cũng phải kiêng cái mặt nó ra, chuyện gì mà nó chẳng đem về ton hót với Foma. Bây giờ nó ra về đấy nhưng chưa biết chừng đến mai lại đơm đặt thế này thế khác! Còn chú thì vừa dàn xếp xong mọi chuyện ở bên kia rồi đấy, người anh em ạ, thanh thản lắm rồi... Chú vội vàng trở lại với con ngay. Cuối cùng chú lại được ngồi với con! - chú nắm chặt tay tôi, giọng đầy xúc động. - Chú cứ nghĩ là con tức giận quá thế này thì đến lỉnh mất thôi. Chú đã cho người về canh chừng con đấy chứ. Ôi, sáng danh Chúa, đây là thời điểm quá đặc biệt! Chuyện Gavrila vừa rồi cũng ghê đấy chứ? rồi lại đến Falalei, rồi lại đến con - hết người nọ đến người kia! Ôi, sáng danh Chúa, sáng danh Chúa! cuối cùng chú cũng được trò chuyện thỏa thuê với con đây. Chú sẽ trải lòng ra với con đây. Con đừng bỏ đi, Serjei nhé, con là người thân thiết duy nhất của chú, con và Korovkin...

- Nhưng chú cho con được hỏi là chú đã thu xếp được việc gì ở bên ấy và con còn phải chờ đợi điều gì sau sự việc vừa qua? Thú thật với chú là con đã quá đau đầu!

- Thế đầu chú không đau chắc? Nó nhức nhối suốt nửa năm nay rồi, cái đầu chú đây này! Nhưng ơn Chúa! bây giờ mọi việc đã thu xếp xong xuôi, ổn thỏa hết rồi. Trước hết, bà đã tha thứ cho chú, tha thứ hoàn toàn, với một số điều kiện nhất định, tất nhiên; nhưng giờ đây chú hầu như không phải lo ngại điều gì nữa. Bé Sasurka cũng đã được người tha thứ. Bé Sasa ấy mà, chuyện sáng nay đấy... một trái tim bé bỏng mới nồng nhiệt làm sao! Kể cũng hơi quá đà một chút, nhưng đúng là một trái tim vàng! Chú tự hào về nó đấy, Serioja ạ! Cầu Chúa lúc nào cũng đoái thương đến nó. Con cũng đã được người tha thứ, thậm chí còn được ưu đãi hơn người, con biết thế nào không? Con được phép làm bất cứ điều gì con muốn, được phép đến tất cả các phòng, dạo chơi trong vườn, kể cả khi đang có khách, tóm lại, muốn làm gì thì làm, chỉ yêu cầu con mỗi một việc là ngày mai con không được nói gì trước mặt bà và Foma Fomits - đó là điều kiện nhất thiết, tuyệt nhiên không được nói nửa lời, - chú đã thay mặt con hứa

với bà rồi, con chỉ việc ngồi nghe những gì người lớn... chú muốn nói là con chỉ ngồi nghe người khác nói thôi. Người bảo là con hãy còn quá trẻ. Con đừng giận, Serjei nhé; con đúng là còn trẻ đấy thôi... Anna Nilovna cũng nói thế mà...

Tất nhiên tôi vẫn còn rất trẻ và tôi lập tức chứng minh điều đó bằng cách phản đối mạnh mẽ những điều kiện ngang trái như thế.

- Thưa chú, chú hãy nghe con nói, - tôi quát lên, giọng uất nghẹn, - chú hãy cho con biết một điều thôi, cho con được yên lòng: có phải con đang có mặt trong một cái nhà thương điên thực sự không?

- Thế đấy, con lại đã chê trách được ngay rồi! Con cũng không chịu nổi nữa đấy, - chú tôi rầu rĩ đáp. - Không có chuyện điên rồ gì cả, chỉ có chuyện hai bên cùng nóng nảy với nhau thôi. Nhưng con có đồng ý là chính con cũng đã xử sự không đúng mức không? Con có nhớ là con đã ăn nói đốp chát với một người... trọng tuổi, như người ta thường nói, hay không?

- Những người như thế không có chuyện trọng tuổi đâu chú ạ.

- Như thế là hỗn đấy, người anh em ạ! Tự do quá trớn! Đối với tinh thần tự do sáng suốt thì chú không hề phản đối người anh em ạ, nhưng thái độ của con như thế là đã vượt ra ngoài khuôn khổ, con làm chú ngạc nhiên đấy, Serjei ạ.

- Xin chú đừng giận, con có lỗi, nhưng là có lỗi với chú. Riêng với Foma Fomits của chú...

- Đấy, lại *của chú* rồi! Hừm, đừng khắt khe với ông ấy quá, Serjei ạ: ông ấy chỉ là người yếm thế vậy thôi, dộc dở dở ương ương thế đấy! Không thể đặt ra yêu cầu nghiêm khắc với ông ấy được. Nhưng bù lại đó là một con người cao thượng biết bao, cực kỳ cao thượng! Thì chính cháu cũng vừa chứng kiến đấy thôi, rõ ràng ông ta đã ngời ngời tỏa sáng. Nhưng không hiểu có cái gì đó đôi lúc cứ làm lu mờ những điều kỳ diệu ấy đi, khiến ta chẳng còn thấy có gì đặc sắc nữa. Nhưng thôi, ai mà chả thế?

- Ngược lại chú ơi: ai mà lại thế?

- Ồ, con vẫn thiên về một mặt! Như vậy là thiếu thiện chí, Serioja ạ; con không biết tha thứ....

- Thôi được rồi, thưa chú! Chuyện này xin để nói sau. Nãy giờ chú có nhìn thấy Nastasiia Evgrafovna không ạ?

- Ô, người anh em, lâu nay chuyện gì cũng liên quan đến cô ấy cả. Bây giờ thế này, Serioja ạ, việc đầu tiên và là quan trọng nhất: cả nhà đã quyết định là ngày mai muốn gì cũng phải tổ chức mừng sinh nhật ông ấy, Foma ấy, vì ngày mai

đúng là ngày sinh nhật ông ấy. Sasa là con bé tốt bụng nhưng nó nhầm đấy, vậy là cả nhà sẽ kéo nhau đi, trước lễ mi-xa, đi sớm. Iliusa sẽ có thơ tặng ông ấy, làm cho ông ấy lịm tim luôn. Ừ, Serioja này, giá kể con cùng đi mừng sinh nhật với cả nhà thì hay quá! Có khả năng ông ấy sẽ tha thứ hết cho con. Hai người hòa giải được với nhau thì quá tuyệt vời! Quên hết giận hờn đi, người anh em ạ, chả là chính con cũng đã chọc tức người ta... Một con người thất kính đáng nể!

- Kìa chú! Chú! - tôi hét toáng lên, tưởng chừng mất hết kiên nhẫn, - con đang muốn nói chuyện cần kíp đây này, thế mà chú... Con xin nhắc lại là chú có biết Nastasiia Evgrafovna bây giờ như thế nào không?

- Chết chửa làm gì mà thét lác ầm ĩ lên thế hở người anh em? Cô ấy cũng mới vướng vào bao nhiêu chuyện lôi thôi đấy. Mà cũng chả phải là mới nữa, khá lâu rồi đấy. Có điều chú chưa muốn nói với con làm con phải hoang mang vì bà cứ lăm le đuổi cô ấy đi, đòi chú phải cho cô ấy thôi việc. Đấy con xem, tình cảnh của chú như thế đấy... Nhưng tạ ơn Chúa! bây giờ mọi việc đã được thu xếp xong xuôi, ổn thỏa hết rồi. Con biết không, - bây giờ chú sẽ nói hết với con, - bà cứ nghi là chú phải lòng cô ấy, muốn lấy cô ấy, có nghĩa là chú đang đâm đầu vào chỗ chết vì làm thế khác nào đâm đầu vào chỗ chết: điều này bà đã giảng giải rõ ràng cho chú... vậy là, để giải cứu chú qua cơn hoạn nạn, người quyết chí đuổi cô ta ra khỏi nhà. Ở đây mọi chuyện đều do ý của bà, nhưng quyết liệt hơn tất cả phải nói là Anna Nilovna. Foma vẫn chưa nói gì. Nhưng bây giờ chú đã nói toạc hết cả ra với mọi người rồi và thú thực với con là chú đã tuyên bố rằng con là chồng chưa cưới chính thức của Nastenka, chính vì thế con đã về đây. Đấy, tất cả những điều đó đã khiến người có phần yên tâm và bây giờ cô ấy vẫn ở lại đây, tuy chưa dứt khoát là ở hẳn mà chỉ là ở thử thôi, nhưng dù sao vẫn là ở lại. Cho dù con có chối là không phải về hỏi vợ thì tình hình vẫn vậy thôi. Chí ít thì bà đã có vẻ yên tâm. Riêng Anna Nilovna thì vẫn cứ lầu bầu! Chú cũng chả còn có cách gì làm vừa lòng ả ấy được nữa. Mà thực ra ả ấy muốn gì cơ chứ, cái ả Anna Nilovna ấy?

- Chú ơi, chú nhầm lẫn hết rồi! Chú có biết Nastasiia Evgrafovna ngày mai đã giã biệt nơi này cho dù lúc này vẫn còn có mặt ở đây không? Chú có biết là hôm nay bố cô ấy đến chính là để đón cô ấy không? chú có biết là điều đó đã được quyết định dứt khoát rồi không, chính cô ấy hôm nay đã tuyên bố rõ ràng với con như vậy và đã kết thúc câu chuyện bằng cách gửi lời chào chú đấy, - chú đã được biết chuyện này chưa, thưa chú?

Chú tôi bỗng đứng thừ ra trước mặt tôi, mồm há hốc. Tôi thoáng thấy ông giật mình và nghe thấy một tiếng rên phụt ra từ lồng ngực.

Không chút chần chừ, tôi vội vàng kể lại toàn bộ cuộc chuyện trò giữa tôi và Nastenka, những lời ướm hỏi của tôi, thái độ khước từ dứt khoát của cô ta, nỗi tức bực đối với chú tôi về việc ông đã cả gan viết thư gọi tôi về; tôi giải thích rằng cô đang hy vọng với việc bỏ đi như vậy sẽ cứu ông ấy thoát khỏi cuộc hôn nhân với Tatiana Ivanovna, tóm lại, tôi đã không che giấu điều gì, thậm chí còn cố tình phóng đại tất cả những gì là khó chịu trong mọi chuyện. Tôi muốn chú tôi phải một phen choáng váng đặng đi tới những giải pháp quyết liệt, - và tôi đã thực hiện được ý đồ. Ông đưa tay ôm đầu và hét toáng lên.

- Cô ấy đâu rồi, con có biết không? Cô ấy đâu rồi? - cuối cùng ông cất tiếng, mặt tái dại vì hoảng hốt. - Vậy mà chú chẳng biết gì, cứ như một thằng ngu, đi từ bên ấy sang đây vẫn còn ung dung lắm, trong bụng đã mừng thầm là mọi việc đã được dàn xếp xong xuôi, - chú tôi nói thêm với vẻ chán chường.

- Không biết bây giờ cô ấy ở đâu chứ ban nãy khi vừa nghe thấy tiếng quát hét là cô ta đã định xộc ngay vào chỗ chú để làm ầm lên đấy ạ. Chắc là người ta đã chặn lại rồi.

- Lại còn không chặn nữa! để mà làm loạn lên nữa! Chà, người đâu mà nóng nảy, ngang tàng! Mà cô ấy đi đâu mới được chứ? Đi đâu? Đi đâu? Thế còn con thì để làm gì? con là người tử tế đấy thôi! Vì sao cô ta lại khước từ con? Rõ chán mớ đời! Cô ấy phải có tình cảm với con mới đúng chứ. Vì sao cô ấy lại không thích con? Trả lời đi chứ, lạy Chúa, sao lại cứ đứng đực ra như thế?

- Chú tha cho con! Ai lại đi hỏi những câu như thế bao giờ?

- Nhưng thế này là vô lý! không thể như thế được! Con phải lấy cô ấy chứ. Không thì chú bắt tội con từ Peterburg về đây để làm gì? Con phải đem lại hạnh phúc cho cô ấy chứ! Bây giờ người ta còn đuổi cô ấy được, chứ một khi cô ấy đã là vợ của con, người nhà người cửa của chú, thì đừng nói chuyện. Mà cô ấy đi đâu rồi? chuyện gì sẽ xảy ra với cô ấy đây? Đi làm gia sư ư? Gia với sư gì, toàn những chuyện đâu đâu! Mà từ nay cho đến lúc kiếm được việc làm thì cả nhà cô ấy sống bằng gì vậy? Một mình bố già nuôi chín miệng ăn - có mà chết đói. Cô ấy lại còn bỏ đi làm cho chú mất mặt thế này thì hỏi còn mặt mũi nào mà nói chuyện tiền nong với chú nữa, một xu sứt cũng đừng hòng, kể cả con lẫn bố. Bỏ đi như thế thì thật là kinh khủng! Đấy rồi xem, còn chán chuyện lôi thôi - chú biết chứ. Còn tiền lương của cô ấy thì đã được ứng trước cho cả nhà rồi: cô ấy đi làm nuôi cả nhà đấy chứ. Giờ đây chú có muốn giới thiệu cô ta đi làm gia sư thì

kiếm cho được một gia đình tử tế cũng không phải dễ! lấy đâu ra những con người đạo cao đức trọng bây giờ? Mà ví thử có đi chăng nữa, có nhiều đi chăng nữa, cũng vẫn sợ như thường: biết tin ai được? Mà ở đời đã nghèo thì lại dễ bị hèn; người nghèo luôn thấy mình buộc phải luồn lụy để kiếm miếng ăn và đỡ bị đời hắt hủi! Biết đâu người ta sẽ sỉ nhục cô ấy; nhưng cô ấy vốn là người biết tự hào về phẩm giá của mình thì lúc bấy giờ... lúc bấy giờ sự thể sẽ ra sao? mà chẳng may lại gặp phải một tên vô lại nó cứ xán vào mà gạ gẫm thì sao? Cô ấy sẽ cự tuyệt, - chú biết là cô ấy sẽ cự tuyệt, - nhưng nếu hắn cứ cố tình làm nhục cô ấy cho bằng được, cái tên vô lại ấy! thì cô ấy vẫn có thể bị bêu riếu, bị dè bỉu, bị nghi oan, và lúc đó... Ôi cái đầu đến nổ tung ra mất! Khốn khổ thân tôi, lạy Chúa!

- Thưa chú! chú vui lòng cho con hỏi một câu, - tôi trịnh trọng cất lời, - chú đừng giận con, chú hiểu cho là lời giải đáp cho câu hỏi này sẽ giải quyết được nhiều điều, con thậm chí cũng có quyền, dù chỉ một phần thôi, yêu cầu chú giải đáp cho, thưa chú!

- Sao, cái gì? Câu hỏi thế nào?

- Mong chú hãy nói một cách chân thành và thẳng thắn như khi thú tội ở nhà thờ: có đúng là chú đã phải lòng Nastasiia Evgrafovna và muốn lấy cô ấy làm vợ không? Chú thử nghĩ xem: chả phải vì thế mà bà chỉ muốn đuổi cô ấy là gì.

Chú tôi giật bắn người trong lúc toàn thân đã run lên vì quá bực mình.

- Chú ấy à? chú đã phải lòng ư? phải lòng cô ấy ư? Bọn họ mất trí hết cả rồi hay đã hùa nhau vào trêu chọc chú như thế chứ? Thế chú viết thư gọi cháu về để làm gì nếu không phải để chứng minh với tất cả bọn họ rằng họ đã mất trí? Thế chú kéo con đến với cô ấy để làm gì? Chú ư? chú phải lòng ư? phải lòng cô ấy ư? Bọn họ mất trí hết cả rồi, chỉ có vậy thôi!

- Nếu vậy, thưa chú, con xin được nói hết suy nghĩ của con. Con xin trịnh trọng tuyên bố với chú rằng con tuyệt nhiên không thấy có gì đáng chê trách trong giả thuyết đã được nêu lên. Ngược lại, chú đã có thể đem lại hạnh phúc cho cô ấy nếu chú yêu cô ấy đến thế, và lạy Chúa lòng lành! cầu Chúa ban cho chú tình yêu và lời răn dạy cao minh!

- Mày nhảm nhí thật thôi! - chú tôi hét lên với vẻ lạ lùng, gần như hốt hoảng. - Lạ, mày nói cứ như không... mà nói chung... chú thấy mày lúc nào cũng bộp chà bộp chộp! Con nghĩ xem, nói như thế có đúng là nhảm nhí không? Sao chú lại có thể lấy nó về làm vợ một khi vẫn coi nó như con cơ chứ? Chú sẽ lấy làm hổ thẹn, thậm chí còn thấy mình có tội, nếu chú không coi nó như con, dám nhìn nó với

một con mắt khác! Chú là một người già còn nó vẫn đang là một bông hoa chớm nở! Foma đã nói đúng như thế khi giảng giải cho chú về chuyện này đây. Trái tim chú cháy lên ngọn lửa của tình yêu phụ tử, chứ đâu như con nói, của tình cảm lứa đôi! Cũng có thể do lòng biết ơn, cô ấy sẽ không cự tuyệt nhưng chắc chắn sau này cô ấy sẽ khinh bỉ chú vì đã lợi dụng lòng biết ơn kia. Chú sẽ làm tổn thương cô ấy, chú sẽ làm mất đi niềm gắn bó keo sơn vẫn ấp ủ trong lòng cô ấy. Ước gì chú có thể dâng hiến cả tâm hồn cho cô ấy, cô ấy là đứa con bé bỏng của chú mà! Chú yêu nó có khác gì yêu con bé Sasa nhà chú đâu, thậm chí còn yêu hơn là đằng khác, thú thực với con là như vậy. Sasa nó là con đẻ chẳng nói làm gì, còn nó thì được chú biến thành con bằng lòng yêu thương đấy chứ. Chú đã đón nhận nó từ chốn bần hàn cơ cực, đã nuôi dạy nó nên người. Mồ ma thím Katia của con, thiên thần khuất núi của chú, đã rất yêu nó, thím đã giao nó lại cho chú như giao một đứa con. Chú đã cho nó học hành tử tế: nào học nói tiếng Pháp, học chơi dương cầm, sách nọ sách kia, đủ hết... Nụ cười của nó mới lạ lùng sao! con có nhận thấy không, Serioja? Cứ ngỡ như nó muốn giễu cợt gì mình nhưng kỳ thực nó yêu mình... Đấy chú cứ nghĩ là con sẽ về, sẽ cầu hôn; mọi người ắt sẽ tin là chú chẳng còn vương vấn gì đến con bé nữa, họ sẽ ngừng tung tin bậy bạ. Vậy là con bé cũng sẽ ở lại một cách yên lành và chúng ta vẫn được quây quần, hạnh phúc bên nhau! Cả hai đứa chúng mày đều là con của chú, cả hai đều gần như là trẻ mồ côi, cả hai đều lớn lên trong sự đùm bọc của chú... chú nguyện hết lòng yêu thương hai đứa, dành trọn cuộc đời cho hai đứa, không xa rời hai đứa; gắn chặt với hai đứa! Ồ, ước gì chúng ta mãi mãi được sum vầy đầm ấm bên nhau! Mà làm sao mọi người lúc nào cũng cứ phải bực tức, giận hờn, oán ghét nhau như vậy? Ước gì chú có thể giải thích ngay cho họ về tất cả những điều chưa rõ! Ước gì chú có thể phơi bày hết ruột gan ra với họ! Lạy Chúa tôi!

- Vâng, thưa chú, vâng, tất cả đúng là như vậy, có điều cô ấy đã khước từ lời đề nghị của con...

- Thế đấy, khước từ! Hừm!... Con biết không, hình như chú cũng đã linh cảm được là cô ấy sẽ khước từ, không nhận lời con, - chú tôi nói với vẻ trầm ngâm. - Nhưng không! - chú tôi hét lên, - chú không tin! Không thể như thế được! Nếu thế thì hỏng hết! Hẳn là con không được ý tứ lúc mở lời, làm mếch lòng cô gái, hay là lại giở giọng tán tỉnh thế nào. Con hãy thuật lại đầu đuôi một lần nữa xem nào, Serjei!

Tôi thuật lại rõ ràng tường tận. Đến đoạn Nastenka đang nuôi hy vọng sẽ cứu được chú tôi khỏi nguy cơ phải ràng buộc với Tatiana Ivanovna bằng cách bỏ đi này, chú tôi bỗng dưng mỉm cười chua chát.

- Cứu với chả vớt! - có mà cứu vào mắt!

- Nhưng chú vẫn không muốn nói đến chuyện lấy Tatiana Ivanovna làm vợ kia mà?

- Nhưng chú còn biết làm gì để ngày mai Nastia không bị đuổi ra khỏi nhà này cơ chứ? Ngày mai chú phải tiến hành thủ tục cầu hôn rồi. Chú hứa trước mặt mọi người rồi.

- Và chú cũng quyết định dứt khoát rồi đấy ạ?

- Làm thế nào được bây giờ! Nẫu ruột nẫu gan lắm chứ, nhưng đành phải thế thôi. Mai phải đi cầu hôn, đám cưới sẽ được tổ chức lặng lẽ trong nội bộ gia đình, mà như thế là hay nhất đấy, người anh em ạ. Có lẽ con sẽ phải sắm vai phù rể đấy. Chú nhắm con để bà không đuổi được con khi còn bận việc ở đây. Làm thế nào được bây giờ? Bà thường nói: “của cải là dành cho con cái!” Tất nhiên, vì con cái thì việc gì mà chả phải làm? Phải lăn vào thôi, nhất là nếu xét về thực chất thì đây cũng là điều chính đáng. Chú cũng phải làm được chút gì đó cho cả đại gia đình chứ. Đừng tính chuyện ngồi không!

- Nhưng thưa chú, chị ấy là một người điên đấy chứ! - tôi hét lên như người mất trí và tim tôi thắt lại.

- Chết chửa, điên đâu mà điên! Chẳng điên dại gì đâu, chỉ thế thôi, con biết chứ, một cô gái bất hạnh... làm thế nào được bây giờ, mà chú cũng thấy vui với lý trí... Vả chẳng ở đời cũng có những người nặng về lý trí đấy chứ! Mà cô ấy thì hiền hậu lắm, con không biết chứ cô ấy là con người rất cao thượng đấy!

- Ôi thôi, lạy Chúa, chú tôi thỏa hiệp mất rồi! - tôi thốt lên trong nỗi chán chường.

- Nhưng làm gì được nữa nào? Mà mọi người cũng chỉ hết lòng vun vén cho chú đấy chứ, vả nói cho cùng chú cũng đã linh cảm được là sớm muộn gì bà cũng ép chú lấy vợ bằng được, có mà chạy đằng giời! Thế thì thà xong sớm đi còn hơn lại để xảy ra to tiếng. Còn với con, người anh em Serioja ạ, chú muốn nói rất thực lòng rằng: chú còn thấy có phần vui sướng nữa. Thế là xong dứt điểm được việc này chí ít cũng thấy lòng thanh thản hẳn đi - trút được một gánh nặng trên vai đấy chứ. Từ bên ấp về đây, chú đã rất yên tâm lòng dạ gần như hoàn toàn thanh thản. Đã thấy được ánh sáng cuối đường hầm. Cái được chủ

yếu là Nastia vẫn ở lại với chúng ta. Chính chú đã chấp thuận với điều kiện đó mà. Vậy mà chính cô ta lại định bỏ trốn! Không thể như thế được! - chú dậm chân thình thịch, hét lên, - Serjei, chú bảo, - ông nói thêm với vẻ dứt khoát, - con chờ chú ở đây nghe chửa, không được đi đâu đấy, chú sẽ quay lại ngay.

- Chú đi đâu ạ?

- Có thể chú sẽ tìm thấy cô ấy: mọi chuyện sẽ được làm sáng tỏ, con hãy tin là mọi chuyện sẽ được làm sáng tỏ, và... và... và con sẽ lấy cô ấy làm vợ, - chú hứa với con bằng lời hứa danh dự đấy!

Chú tôi bước nhanh ra ngoài và rẽ ngay vào vườn chứ không đi lên nhà trên. Tôi dõi theo chú qua cửa sổ.

XII

TAI HỌA

Tôi còn lại một mình. Tôi đã lâm vào cảnh trớ trêu kêu trời không thấu: người ta đã khước từ thiện ý của tôi nhưng chú tôi cứ một mực ép tôi phải đi lấy người ta làm vợ! Tôi rối trí quá. Mizintsikov và lời đề nghị của anh ta vẫn còn luẩn quẩn trong tâm trí tôi. Phải giải cứu chú tôi bằng bất cứ giá nào! Tôi thậm chí đã tính chuyện đi tìm Mizintsikov và kể hết với anh ta. Nhưng chú tôi đã đi đâu thế này? Mồm thì bảo là đi tìm Nastenka, nhưng thực tế lại rẽ vào vườn. Tôi thoáng có ý nghĩ về chuyện hẹn hò bí mật và thấy khó chịu quá. Tôi nhớ lại lời Mizintsikov về quan hệ lén lút... Ngẫm nghĩ một lát, tôi bực bội xua đuổi hết những ý nghi ngờ vừa xuất hiện. Chú tôi không thể lừa dối tôi được: đó là điều quá rõ. Tôi càng lúc càng thêm lo lắng, lòng dạ bất an. Tôi bước ra ngoài thềm lúc nào không hay rồi cứ thế đi thẳng vào vườn theo đúng con đường rợp bóng cây mà chú tôi vừa khuất dạng. Trăng đã lên. Khu vườn này thì tôi thuộc như lòng bàn tay, không sợ lạc. Đến bên ngôi nhà thủy tạ cũ kỹ đứng chơ vơ bên bờ cái hồ nước bị bỏ quên, phủ kín sình lầy rong rác, tôi bỗng đứng sững lại như trời trồng: có tiếng người trong ngôi nhà vẳng đến bên tai. Không bút nào tả được nỗi tức giận lạ lùng đã bùng lên trong lòng tôi lúc đó! Cứ nghĩ rằng đó chính là chú tôi và Nastenka, tôi tiếp tục áp sát ngôi nhà, tự trấn an rằng mình vẫn đi đứng đàng hoàng chứ không thèm so vai rụt cổ, mắt trước mắt sau như thằng ăn trộm. Tôi bỗng nghe thấy rõ ràng một tiếng hôn đánh chụt, rồi những tiếng nói bồi hồi xúc động và tiếp đến là một tiếng hét thất thanh, giọng nữ. Lập tức có bóng một người nữ mặc đồ trắng từ trong nhà vọt ra và lướt qua chỗ tôi như một cánh én. Tôi thậm chí còn cảm thấy người đó lấy hai tay che mặt để khỏi bị lộ: rõ ràng bọn họ đã thấy động khi tôi vừa đến đây. Nhưng tôi bỗng tá hỏa tam tinh khi nhận ra người nam lao ra theo người bạn gái hoảng sợ kia là Obnoskin, - theo lời Mizintsikov thì tay này đã đi đâu từ bao giờ rồi! Obnoskin cũng vô cùng bối rối khi nhận ra tôi: vẻ lấc cấc của anh ta biến đi đằng nào hết cả.

- Tôi xin lỗi... nhưng thật không ngờ lại gặp quý anh, - anh ta lắp bắp, vừa nói vừa cười cười.

- Tôi cũng thế, - tôi đáp với vẻ giễu cợt, - nhất là khi được tin là quý anh đã đi rồi.

- Không... đó là... tôi chỉ tiễn mẹ tôi một đoạn thôi. Nhưng liệu tôi có thể thưa chuyện với quý anh như với một con người cao thượng nhất đời không?

- Chuyện gì vậy?

- Có những trường hợp như vậy, mà hẳn là quý anh cũng nghĩ thế thôi, đó là lúc một con người thực sự cao quý cần đến với tất cả tấm tình cao quý của một con người khác, một con người thực sự cao quý... Tôi hy vọng rằng quý anh cũng hiểu tôi...

- Xin đừng hy vọng: tôi chẳng hiểu gì hết.

- Quý anh đã nhìn thấy người phụ nữ vừa ở trong nhà với tôi đấy chứ?

- Tôi có nhìn thấy nhưng không nhận ra đó là ai.

- Ồ, không nhận ra thì lạ đấy! Đó là người mà tôi sắp được gọi là bà xã.

- Xin chúc mừng quý anh. Nhưng tôi có thể có ích cho quý anh vào việc gì đây?

- Một việc này thôi: hoàn toàn giữ kín việc nhìn thấy tôi trò chuyện với người phụ nữ này.

“Quái, ai vậy nhỉ? - tôi nghĩ bụng, - chắc không phải...”

- Quả tình tôi không biết phải làm gì, - tôi trả lời Obnoskin. - Hy vọng là quý anh thứ lỗi cho tôi vì tôi không dám hứa...

- Không, nhân danh Chúa, xin hãy làm ơn, - Obnoskin van vỉ, - Quý anh hiểu cho tình cảnh tôi lúc này: chuyện này nhất thiết phải giữ kín. Quý anh cũng có thể trở thành một vị hôn phu, thì lúc bấy giờ tôi cũng xin góp sức...

- Suỵt, có người đấy!

- Đâu?

Quả vậy, cách chỗ chúng tôi chừng ba mươi bước, một bóng người lướt qua.

- Đó là... đó là, đúng, Foma Fomits! - Obnoskin thì thầm, toàn thân run lẩy bẩy. - Nhìn dáng đi tôi biết ngay. Lạy Chúa tôi! lại có tiếng chân người nữa kia kìa, từ phía kia cơ! Nghe thấy chứ... Tạm biệt nhé! Cảm ơn quý anh và... tôi van quý anh...

Obnoskin biến mất. Một lát sau chú tôi bỗng hiện ngay ra trước mắt tôi như mọc từ dưới đất lên.

- Con đấy ư? - ông hỏi tôi. - Hỏng hết rồi, Serioja ạ! Hỏng hết rồi.

- Hỏng cái gì hở chú?

- Đi! - ông vừa nói vừa thở hổn hển rồi túm chặt lấy tay tôi, kéo đi. Nhưng từ đó cho đến tận "nhà mới", ông chẳng nói chẳng rằng và cũng không cho tôi nói. Tôi đoán sắp có chuyện lạ lùng và quả không sai. Chúng tôi vừa bước vào phòng thì chú tôi bỗng đờ ra, mặt tái dại như người sắp chết. Tôi vội lấy nước phun vào mặt ông "Người như thế này mà chỉ chực ngất thì hẳn phải có chuyện gì ghê gớm lắm" - tôi nghĩ bụng.

- Chú ơi, chú làm sao, có chuyện gì hở chú? - cuối cùng tôi hỏi.

- Hỏng hết rồi, Serioja ạ! Foma đã bắt được quả tang chú đang hôn Nastenka ở ngoài vườn!

- Chú đang hôn! ở ngoài vườn! chú tôi. - tôi kêu lên, trố mắt sửng sốt nhìn chú tôi.

- Ở ngoài vườn, người anh em ạ. Chúa nhầm lẫn mất rồi! Chú đã quyết đi tìm bằng được cô ấy mà. Chú những muốn dốc lòng khuyên như bảo ban cô ấy, chuyện của con ấy mà. Cô ấy cũng đã chờ chú đến một tiếng đồng hồ ở đấy, ngay cạnh chiếc ghế gãy bên bờ hồ đấy... Cô ấy vẫn thường ra đấy mỗi khi có chuyện gì cần nói với chú.

- Cô ấy vẫn hay ra đấy hở chú?

- Thì vẫn hay ra đấy, người anh em ạ! Gần đây hầu như đêm nào chú và cô ấy cũng gặp nhau. Có điều bọn chú cũng bị mọi người theo dõi đấy, chú biết chứ, chú còn biết là chính Anna Nilovna chỉ đạo việc này. Bọn chú cũng đã bảo nhau tạm ngừng việc gặp nhau này lại, bốn ngày liền có động tĩnh gì đâu, nhưng hôm nay lại quá cần. Chính con cũng thấy là chú cần gặp cô ta đến thế nào rồi đấy: không gặp thì làm sao mà nói hết với cô ta được? Lúc bấy giờ chú cũng cứ đi hú họa thế thôi, không ngờ cô ấy cũng đã ngồi đấy đến một tiếng đồng hồ, đang mong đứng mong ngồi: cô ấy cũng cần phải báo tin cho chú...

- Lạy Chúa tôi, đúng là liều quá thật! hai người đều biết là mọi người đang theo dõi mình cơ mà?

- Quá cấp bách rồi, Serioja ạ, có nhiều chuyện phải trao đổi. Ban ngày thì chú ngại đến mức không dám nhìn cô ấy nữa cơ: tiếng là ở cùng nhà nhưng đúng là ngàn trùng cách trở, chú cứ phải làm ngơ như không có cô ấy trên đời này nữa. Ban đêm mới lại ngồi với nhau, nói hết...

- Thế rồi sao nữa, thưa chú?

- Con biết không, đúng là chưa kịp nói gì thì chú đã thấy lòng thắt lại, nước mắt trào ra, chú vừa lên tiếng dỗ dành cô ta hãy bằng lòng kết hôn với con thì cô ta đã ngắt lời ngay: “Đúng là ngài chẳng yêu em, chẳng thấy gì hết”, rồi bỗng dang tay ôm choàng lấy cổ chú, vít đầu chú xuống mà khóc nức lên! “Em chỉ yêu anh thôi, cô ấy nói, và sẽ không bao giờ đi lấy ai đâu. Em đã yêu anh từ lâu, nhưng em cũng sẽ không lấy anh đâu, ngay ngày mai em sẽ đi khỏi đây và quyết xin vào tu viện”.

- Lạy Chúa! cô ấy nói thế thật ư? Thế rồi sao nữa, sao nữa hở chú?

- Chú ngước lên thì đã thấy Foma đứng lù lù ngay trước mặt! ông ấy từ đâu ra thế không biết. Chẳng lẽ ông ấy đã nấp sau bụi cây để rình bắt quả tang chăng?

- Đồ đốn mạt!

- Chú lặng người đi. Nastenka ù té chạy, còn Foma Fomits thì lẳng lặng bỏ đi, đưa ngón tay ra hiệu đe nẹt chú, - con hiểu chứ, Serjei, đến mai thì thiên hạ tha hồ mà khua chiêng gõ mõ.

- Lại còn không hiểu nữa!

- Con hiểu chứ, - ông rời ghế đứng phắt lên và nói như quát, vẻ chán chường, - con hiểu chứ, bọn họ đang rắp tâm vùi dập, bêu riếu, bôi nhọ cô ta; bọn họ đang kiếm cớ làm mất mặt cô ta để dễ bề xua đuổi cô ta; vậy là có cớ rồi! Bọn họ chẳng đã rêu rao rằng cô ta vẫn tằng tịu với chú mà! Lăng nhăng với Vidopliasov mà! Mọi chuyện đều từ miệng lưỡi Anna Nilovna mà ra hết. Bây giờ thế này thì tình hình sẽ ra sao? ngày mai sẽ ra sao? Chẳng lẽ Foma lại đi thuật lại chuyện vừa rồi?

- Thế nào mà ông ấy chẳng đem ra kể.

- Nếu ông ấy kể lại, chỉ cần kể lại thôi... - chú tôi vừa nói vừa cắn chặt môi và nắm chặt hai tay thành hai nắm đấm, - nhưng không, chú không tin! ông ấy sẽ không kể lại, ông ấy sẽ hiểu... đó là con người quá ư cao thượng! Ông ấy sẽ lượng thứ cho cô ấy...

- Lượng thứ hay không lượng thứ cũng vậy thôi, - tôi nói quả quyết, - dù gì thì bổn phận của chú cũng phải chính thức cầu hôn Nastasiia Evgrafovna ngay trong ngày mai.

Chú tôi đưa mắt nhìn tôi không chớp.

- Thưa chú, chú có hiểu là chú sẽ làm mất danh dự của cô gái nếu cứ để chuyện này loang ra không ạ? Chú có hiểu là phải cấp báo ngay với chú về chuyện chẳng lành không, chú có hiểu là chú phải can đảm và kiêu hãnh nhìn

thẳng vào mắt mọi người, công khai ngỏ lời cầu hôn, nhổ toẹt vào những lý lẽ của bọn họ và nghiền nát Foma nếu như ông ta dám hé răng nói động đến cô ta không?

- Kìa, anh bạn trẻ của chú! - chú tôi hét, - từ đấy về đây chú đã tính đến chuyện đó rồi.

- Và chú đã quyết định thế nào rồi ạ?

- Trước sau như một! Chú đã quyết định dứt khoát rồi, bây giờ chú sẽ kể con nghe!

- Nhiệt liệt hoan hô chú!

Và tôi nhào tới ôm chặt chú tôi.

Chúng tôi trò chuyện khá lâu. Tôi đưa ra với chú đủ mọi lý lẽ, mọi yêu cầu bức thiết đối với việc kết hôn với Nastenka, những điều mà chính chú còn hiểu rõ hơn tôi. Nhưng tài hùng biện của tôi đã được đánh thức. Tôi mừng cho chú tôi. Nghĩa vụ vốn là động lực hành động của chú tôi, ngoài ra ông không thể hăng hái vì một động cơ nào. Ông luôn biết đề cao nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Tuy thế tôi vẫn rất mù mờ, chưa biết phải xoay xở ra sao trước bao nhiêu việc phải làm. Tôi biết và một mực tin rằng bằng bất cứ giá nào chú tôi cũng sẽ không lùi bước khi đã thấy được trách nhiệm của mình, nhưng dường như tôi vẫn chưa tin là ông có đủ sức đứng lên chống lại người nhà. Do đó tôi càng ra sức động viên, mách nước cho ông với tất cả nhiệt tình của tuổi trẻ.

- Phải nắm lấy thời cơ, nhất là lúc mọi vấn đề đã được quyết định và những nghi vấn cuối cùng của chú đã được xua tan! Điều bất ngờ đối với chú đã xảy ra, cho dù về thực chất mọi người đều thấy được và nhận ra trước cả chú nữa: Nastasiia Evgrafovna yêu chú! Lẽ nào - tôi hét lên - chú lại để cho mối tình trong trắng đó biến thành sự tủi hổ, bẽ bàng cho cô ấy chứ?

- Không bao giờ! Nhưng này, anh bạn trẻ của chú, chẳng lẽ rút cuộc chú lại là người hạnh phúc đến thế hay sao? - chú tôi vừa reo lên vừa nhào tới ôm choàng lấy tôi. - Và cô ấy yêu chú thế này là nghĩa làm sao, và vì lẽ gì vậy? Hình như ở con người chú chẳng có gì đáng được như vậy cả... Chú quá già so với cô ấy: thật không ngờ đấy! thiên thần của tôi ạ!... Serioja này, ban nãy con có hỏi là có phải chú đã phải lòng cô ấy hay không: con đã nghĩ thế nào mà hỏi thế?

- Con chỉ thấy là chú yêu cô ấy hết lòng: yêu mà không biết là mình yêu. Con xin lỗi chú chứ chú viết thư gọi con về, định tác thành cho con như thế chẳng qua là để cô ấy trở thành dâu con trong nhà và giữ được chân cô ấy lại...

- Thế con... con có tha thứ cho chú không hở Serioja?

- Kìa chú!...

Và ông lại ôm lấy tôi.

- Chú xem, mọi người đang chống lại chú đấy: chú phải đứng lên mà nghênh chiến vậy thôi, và ngay ngày mai chứ chẳng xa xôi gì nữa.

- Đúng... đúng, ngay ngày mai! - ông nhắc lại với vẻ bần thần đượm chút suy tư, - và, con biết chứ, chúng ta sẽ vào việc với lòng quả cảm, với tâm hồn cao thượng, với tính cách rõ ràng... thực sự rõ ràng!

- Đừng nhút nhát chú ạ!

- Chú sẽ không nhút nhát, Serioja ạ! Có điều chú chưa biết phải vào việc như thế nào đây!

- Đừng bận tâm về điều đó làm gì chú ạ. Ngày mai sẽ giải quyết bằng xong mọi việc trên đời. Hôm nay mong chú hãy bình tâm. Càng nghĩ lắm càng bất lợi. Foma mà mở mồm ra thì phải tống khứ ngay tức khắc, triệt hạ ngay tức khắc.

- Nhưng không đuổi người ta ra khỏi nhà có được không? Chú định thế này, người anh em ạ: chốc nữa chú sẽ đến gặp ông ta trước khi trời sáng, chú sẽ nói hết với ông ấy như vừa nói với con ấy: không đời nào ông ấy lại không hiểu được chú đâu; ông ấy là người cao thượng, cao thượng nhất đời đấy! Nhưng chú vẫn lo không khéo hôm nay bà lại đi báo trước với Tatiana Ivanovna về việc cầu hôn trong ngày mai thì làm thế nào? Cũng gay go đấy!

- Chú khỏi lo về Tatiana Ivanovna, thưa chú.

Và tôi kể với ông chuyện vừa xảy ra với Obnoskin trong nhà thủy tạ. Chú tôi vô cùng sửng sốt. Tôi không hề nhắc tới Mizintsikov.

- Một kẻ hão huyền! Đúng là một kẻ hão huyền! - chú tôi hét lên. - Tội nghiệp cô ấy quá! Chúng nó đeo bám lấy cô ta, hòng lợi dụng cái thật thà chất phác của cô ta! Chẳng lẽ lại là Obnoskin? Tưởng cậu ấy đã đi rồi chứ... Lạ thật, kỳ quái thật! Chú bàng hoàng quá, Serioja ạ... Ngày mai phải tìm cách theo dõi và phải có biện pháp... Nhưng con có dám chắc đó chính là Tatiana Ivanovna không?

Tôi trả lời là tuy không nhìn rõ mặt nhưng tôi cũng có đủ căn cứ để khẳng định rằng đó chính là Tatiana Ivanovna.

- Hừm! Không phải là trò mèo mả gà đồng của một đứa gia nhân nào mà con lại nghĩ đó là Tatiana Ivanovna đấy chứ? Không phải là con Dasa, con gái lão coi vườn chứ? một con bé bất trị! Nó có làm sao chú mới dám nghi cho nó. Anna

Nilovna vẫn theo dõi đấy... Nhưng mà không, cũng vô lý! Cái anh chàng kia thì vẫn nói là đang muốn lấy vợ đấy. Lạ! Lạ thật!

Cuối cùng chúng tôi chia tay nhau. Tôi ôm chú tôi và chúc ông may mắn. “Mai, ngay ngày mai, - ông nhắc lại, - mọi việc sẽ xong xuôi sớm, trước khi con ngủ dậy đấy. Chú sẽ đến gặp Foma Fomits và nói chuyện với ông ta trên tinh thần nghĩa hiệp, chú sẽ trải lòng ra với ông ta như với một người anh ruột, bộc bạch với ông ta mọi nỗi niềm uẩn khúc, mọi nỗi lòng sâu kín bấy nay. Tạm biệt nhé, Serioja. Con đi nằm đi, con mệt rồi đấy; còn chú thì đêm nay hẳn không chợp mắt được rồi”.

Tôi về phòng và lăn ngay ra giường, người mệt bã. Một ngày vất vả. Thần kinh căng thẳng, tôi giật thột đến mấy lần rồi mới thiếp đi. Nhưng những cảm giác khi đi vào giấc ngủ dẫu lạ lùng đến mấy cũng không còn có nghĩa gì trước sự tinh khôi khi tôi bừng tỉnh vào sáng hôm sau.

PHẦN HAI

I

ĐUỔI BẮT

Tôi ngủ say, không mộng mị. Đột nhiên, tôi cảm thấy có một vật gì đè nặng lên đôi chân, rất nặng. Tôi kêu lên và tỉnh giấc. Trời đã sáng bạch, nắng chói lòa trên cửa sổ. Ngồi ngay trên giường, nói đúng hơn là ngay trên hai chân tôi là ông lớn Baktseev.

Không nghi ngờ gì nữa: đúng ông ấy rồi. Tôi nhăn nhó rụt chân, chồm dậy trên giường, ngơ ngáo nhìn ông ta bằng cặp mắt ngái ngủ.

- Trông kìa, nhìn! - ông béo nói to như quát. - Cậu còn nhìn gì tôi? Dậy đi, nào, đứng lên! mất với cậu nửa tiếng đồng hồ rồi đấy, tỉnh hẳn chưa nào!

- Có chuyện gì ạ? Mấy giờ rồi?

- Hãy còn sớm, anh bạn ạ, nhưng Fevroniia của chúng ta thì đã không chờ đến sáng, bỏ chạy mất rồi. Dậy đi, chúng mình phóng xe theo, đuổi bắt!

- Fevroniia nào cơ ạ?

- Một cô nàng của chúng ta, đồ rửng mỡ ấy mà! bỏ trốn rồi! bỏ trốn khi trời chưa sáng ấy! Ta định vào đánh thức cậu dậy ngay, thế mà nhùng nhằng với cậu mất hai tiếng rồi đây này! Dậy đi, anh bạn, chú anh đang đợi đấy. Ngày hội đến rồi, thật thỏa lòng mong ước! - ông nói thêm với giọng mỉa mai bực dọc.

- Ngài đang nói về ai và về chuyện gì đấy ạ? - Tôi nôn nóng hỏi nhưng cũng đã bắt đầu đoán được chuyện gì rồi. - Có phải Tatiana Ivanovna không ạ?

- Chứ còn ai nữa? đúng cô ấy đấy! Ta đã nói rồi, báo trước rồi đấy chứ - các vị có thèm nghe cho đâu! Đấy, bây giờ cô ả mới chúc mừng các vị đấy - ngày hội đến rồi! Điên tình ấy mấy lại tình điên! Bố khỉ! Còn cái anh chàng kia, hắn là người thế nào? Cái anh chàng có mấy sợi râu cằm ấy?

- Chẳng lẽ lại là Mizintsikov?

- Của nợ chửa? Mở to mắt ra một tý chứ, anh bạn trẻ! Mê sảng vừa vừa thôi chứ! Mizintsikov nào? Obnoskin đấy, không phải Minzintsikov đâu. Ivan Ivanits Mizintsikov là người đức hạnh và đang cùng chúng ta sửa soạn đi đuổi bắt đây này.

- Ngài bảo sao cơ - tôi hét lên, thậm chí còn bật ngay dậy, - chẳng lẽ lại là Obnoskin?

- Rõ chán, nói chuyện với cậu cứ tức anh ách, - ông béo đứng phắt lên và nói, - nể mình là người có học, người ta đã đến bảo cho mà biết, lại còn ra điều bán tín bán nghi! Nào, anh bạn trẻ, có muốn theo bọn ta thì ra mặc quần vào, chứ ta chẳng hơi đâu mà đôi co với cậu: mất hết thời giờ vàng ngọc với cậu rồi!

Và ông giận dữ bước ra ngoài.

Sửng sốt trước nguồn tin quá giật gân, tôi nhảy ngay xuống đất, xỏ vội quần áo và chạy xuống sân. Đang định đi tìm chú tôi trong ngôi nhà mà tôi có cảm tưởng là mọi người vẫn ngủ say và chưa hề biết có chuyện gì, tôi gượng dẹ bước lên thềm và bắt gặp Nastenka ở ngay trong phòng ngoài. Cô ta vừa mặc vội quần áo, bên ngoài khoác tạm chiếc áo choàng mỏng mặc trong nhà. Đầu tóc vẫn rối nguyên chưa chải: rõ ràng cô ta vừa ra khỏi chỗ nằm và đang chờ ai đó ở đây.

- Thưa anh, có phải Tatiana Ivanovna đã bỏ đi cùng Obnoskin không? - cô ta vội vã hỏi, giọng ngắt quãng, mặt tái mét, dáng vẻ sợ hãi.

- Tôi cũng nghe nói thế mà. Tôi đang tìm chú tôi đây; chúng tôi đang định đuổi theo.

- Ồ! các vị đi đưa chị ấy về đi, nhanh lên! Các vị không đưa chị ấy về thì chị ấy chết mất.

- Chú tôi đang ở đâu?

- Chắc là đang ở mé tàu ngựa, mọi người đang sửa soạn xe ngựa. Tôi đang chờ ông ấy ở đây. Anh làm ơn nói hộ với ông ấy là tôi muốn đi ngay hôm nay; tôi đã quyết định dứt khoát rồi. Bố tôi sẽ đón tôi, nếu đi được là tôi đi ngay đấy. Hỏng hết rồi! mất hết rồi anh ạ!

Cô ta vừa nói vừa rầu rĩ nhìn tôi và bỗng giàn giụa nước mắt. Hình như cô gái đã bắt đầu đổ bệnh thần kinh.

- Cô bình tĩnh lại đi! - tôi van vỉ, - mọi việc đang tiến triển theo chiều hướng tốt, rồi cô sẽ thấy... Cô làm sao thế, Nastasiia Evgrafovna?

- Tôi... tôi không biết... tôi ra làm sao nữa, - cô ta vừa nói vừa thở hổn hển và bất giác túm lấy cả hai tay tôi. - Anh làm ơn nói với ông ấy...

Ngay lúc đó, phía sau cánh cửa bên phải có tiếng ồn ĩ vang lên. Chưa nói hết câu cô đã hốt hoảng buông tay tôi ra và theo cầu thang chạy vội lên gác.

Tôi tìm thấy cả bọn, tức là chú tôi, Baktseev và Mizintsikov ở sân sau, cạnh tàu ngựa. Cỗ xe bốn bánh của Baktseev đã được thay ngựa. Đội ngũ đã sẵn sàng xuất phát: chỉ chờ tôi nữa thôi.

- Cậu cả kia rồi! - chú tôi reo lên khi vừa nhìn thấy tôi. - Nghe thấy chuyện gì chưa hở người anh em? - ông hỏi với vẻ mặt là lạ.

Vẻ hốt hoảng, bối rối nhưng dường như vẫn chứa chan hy vọng cứ hiện lên trong ánh mắt, giọng nói và điệu bộ của ông. Ông thấy số phận mình vừa kinh qua một bước ngoặt cơ bản.

Mọi người lập tức giúp tôi hiểu rõ ngọn ngành. Sau một đêm thức trắng, một đêm tồi tệ nhất đời, mới sáng tinh mơ, ông lớn Baktseev đã lên xe ngựa phóng thẳng đến một tu viện cách làng mình năm dặm cho kịp lễ cầu kinh ban mai. Đến chỗ rẽ từ đường cái vào tu viện, ông bỗng trông thấy một chiếc xe ngựa bốn bánh đang phóng tít mù, trong xe là Tatiana Ivanovna và Obnoskin. Tatiana Ivanovna vừa khóc vừa hốt hoảng hét lên, vươn cả hai tay về phía Baktseev như muốn cầu cứu ông ta, - chí ít đó cũng là lời ông ta kể lại. “Còn cái thằng kia, cái thằng khốn nạn để râu cằm ấy, - ông nói thêm, - thì cứ ngồi im như kẻ vô can, cố tình lẩn tránh; đừng hòng qua được mắt ta, người anh em ạ!” Không nghĩ ngợi nhiều, Stepan Alekseevits cho xe quay trở lại đường cái, phóng một mạch về Stepantsikovo, đánh thức chú tôi, Mizintsikov và cuối cùng là tôi. Chúng tôi lập tức quyết định phóng xe đuổi theo.

- Mà Obnoskin, Obnoskin... - chú tôi vừa nói vừa nhìn tôi chằm chằm như còn muốn nói thêm điều gì nữa, - thật chẳng ai ngờ!

- Với con người hèn hạ ấy thì có hành động xấu xa nào mà chẳng dám ra tay! - Mizintsikov hét lên một cách đầy phẫn nộ và quay ngoắt đi ngay, tránh ánh mắt của tôi.

- Anh em mình có đi nữa không đây? Hay cứ đứng đến đêm mà nói chuyện trên trời dưới biển? - ông lớn Baktseev ngắt lời và lên xe.

- Đi thôi, đi thôi! - chú tôi hưởng ứng.

- Mọi chuyện đang tiến triển theo chiều hướng tốt đấy chú ạ, - tôi thì thầm vào tai ông. - Bây giờ thế này là hay quá chứ còn gì nữa?

- Đủ rồi đấy, người anh em ạ, khéo lại nhầm... Chà, anh bạn trẻ của chú này! bây giờ thì thế nào bà cũng đuổi cô ấy vì cái tội đã làm cho việc lớn bất thành, - con hiểu chứ? Kinh khủng quá, chú linh cảm thấy chuyện chẳng lành rồi!

- Thế nào, Egor Iliits, cứ đứng đấy mà thì thầm to nhỏ, không đi nữa nhé! - ông lớn Baktseev lại quát. - Hay cho tháo ngựa ra đi đánh chén nhé, gọi vodka nhé!

Những lời lẽ cay cú được diễn đạt với giọng hậm hực đến mức không thể không chiều ý ông lớn Baktseev ngay. Mọi người lập tức lên xe và tốp ngựa tung vó phóng đi.

Chúng tôi ngồi im một lúc lâu. Chú tôi cứ đưa mắt nhìn tôi với vẻ băn khoăn, nhưng vẫn không muốn trò chuyện với tôi trước mặt mọi người. Ông trở nên tư lự đăm chiêu rồi như đang mê ngủ giật mình thảng thốt đưa mắt nhìn quanh. Mizintsikov tỏ ra bình thản, thong thả rít xì-gà và điềm nhiên nhìn ông béo đang bực bõ đến là vô lối. Ông ta vẫn đang điên tiết với mọi người, cứ lầu bầu trong miệng, đưa mắt nhìn khắp lượt với vẻ giận dữ, mặt đỏ gay, vừa thở hổn hển vừa nhổ bọt tới tấp, không thể nào trấn tĩnh lại được.

- Stepan Alekseits này, ông có chắc bọn nó đang định đưa nhau về Misino không? - chú tôi bỗng cất tiếng hỏi: - Đó là một ngôi làng nhỏ, - ông quay sang nói với tôi, - có ba chục nông nô thôi, ở cách đây hai mươi dặm đấy, người anh em ạ; ngôi làng mới được một cựu công chức hàng tỉnh mua lại. Vị này là một chuyên gia tố tụng, giỏi kiện cáo chưa từng thấy! Cũng chỉ là nghe nói vậy thôi, chưa rõ thế nào. Stepan Alekseits quả quyết là Obnoskin đang đến đấy và vị kia đang giúp đỡ cậu ta.

- Chả thế thì sao? - Baktseev giật mình, nói như quát. - Tôi bảo là bọn nó đang đưa nhau về Misino đấy. Không gì thì cậu chàng cũng có khối người quen ở đấy rồi, anh chàng Obnoskin ấy! Cả bọn đang tán chuyện với nhau ở ngoài sân đến ba tiếng đồng hồ rồi đấy!

- Xin ngài đừng lo, - Mizintsikov nói, - chúng ta sẽ đuổi kịp mà.

- Vâng, kịp! Chắc là người ta sẽ ngồi chờ. Người ta có sẵn bảo bối trong tay rồi đấy ạ, thần thông biến hóa như chơi!

- Đừng lo, Stepan Alekseits, đừng lo, chúng ta sẽ đuổi kịp, - chú tôi nói: - Bọn nó còn chưa kịp làm gì hết, - đấy rồi ông xem.

- Chưa kịp làm gì hết! - ông lớn Baktseev nhắc lại với vẻ giận dữ. - Còn gì mà cô ả chả kịp làm, cái ả tính nết hiền lành ấy! “Hiền lành lắm, hiền lành lắm!” - ông nói thêm với giọng the thé như muốn nhại giọng ai đó. - “Cô ấy đã nếm trải nhiều bất hạnh”. Đấy, bây giờ thì cô nàng bất hạnh chạy mất tăm rồi đấy! Chỉ còn có việc cắm đầu cắm cổ theo đường cái quan mà đuổi theo thôi! Còn gì là ngày lễ thánh của ai nữa chứ. Bố khỉ!

- Nhưng chị ta không phải là trẻ con, - tôi nhận xét, - không cần ai giám hộ cả. Không thể bắt chị ta quay lại, nếu chị ta không muốn. Lúc đó chúng ta sẽ xử trí ra sao ạ?

- Chắc chắn cô ấy sẽ bằng lòng quay lại, - chú tôi đáp, - chú đoan chắc với con đấy. Bây giờ cô ấy chỉ vớ vẩn thế thôi... Cứ nhìn thấy chúng ta là cô ấy quay lại ngay thôi, - chú trả lời con như thế đấy. Không thể bỏ mặc cô ấy cho số phận thành vật tế sống được, đó chính là nghĩa vụ, như ta thường nói...

- Không cần người giám hộ! - Baktseev lập tức đưa mắt nhìn tôi và hét toáng lên. - Cô ta là một kẻ khù khờ, đại ngu đại ngốc, nhưng lại không cần người giám hộ cơ đấy. Hôm qua ta chưa muốn kể chuyện cô ấy với cậu chứ ta đã có lần bước nhầm vào phòng cô ấy đúng lúc cô ấy đang nhảy écossaise[66] trước gương, hai tay chống nạnh đàng hoàng! Ăn mặc thì khỏi nói: quá mẫu tạp chí! Ta không thèm để ý và quay ra luôn. Mấy thứ ấy thì ta còn lạ gì, sách báo có hết!

- Có gì đáng chê trách ở đây không ạ? - tôi rụt rè hỏi. - Ai cũng biết là Tatiana Ivanovna không được khỏe? Nói đúng hơn là có hơi điên điên... Thiết tưởng chỉ có Obnoskin là người có lỗi trong chuyện này thôi.

- Không được khỏe! nói thế mà nghe được! - ông béo đai lại, mặt đỏ gay vì tức giận. - Cậu này cố tình làm người ta phải phát điên. Từ hôm qua đến giờ rồi! Cô ta là loại ngu si đần độn đấy bố ạ, xin nhắc lại với bố rằng cô ta là một ả đại ngu chứ không phải là không được khỏe; cô ta bị điên tình từ bé đấy. Bây giờ thì thần ái tình làm cho mê muội hẳn rồi. Còn cái thằng kia, cái thằng có mấy sợi râu cằm ấy thì nói làm gì! Có vì tiền mà gây chuyện động trời chăng nữa thì đối với hắn cũng chỉ là một trò đùa.

- Chẳng lẽ ngài lại thực bụng nghĩ rằng anh ta sẽ ruồng bỏ chị ấy ngay tức khắc?

- Chứ còn gì nữa? Hắn cứ hứng mãi lấy cái của nợ như thế chắc? Liệu cô ả có được cái tích sự gì không cơ chứ? xong việc với ả rồi là hắn sẽ bỏ mặc ả bên một bụi cây ven đường thôi!

- Ồ, cả nghĩ quá đấy, Stepan ạ, làm gì đến nỗi! - chú tôi nói to. - Mà ông tức giận cái nỗi gì cơ chứ? Lạ cho ông đấy, Stepan ạ, ông làm sao thế?

- Thế tôi có còn là con người nữa không đây? Thì tôi căm giận đấy, căm giận cho người khác đấy. Có quý cô ta tôi mới phải nói chứ... Rõ chán mớ đời! Thử hỏi tôi đến đây để làm gì nào? chạy ngược chạy xuôi để làm gì nào? việc gì đến tôi cơ chứ?

Ông lớn Baktseev vặn vẹo đủ điều, nhưng tôi cũng chẳng buồn nghe nữa, đầu óc còn để cả vào cái đối tượng kỳ thú mà chúng tôi đang truy đuổi: Tatiana Ivanovna. Sau đây là tiểu sử vắn tắt của chị ta do tôi thâu tóm được theo những nguồn tin đáng tin cậy nhất và cần thiết cho việc làm sáng tỏ những sự việc lạ lùng xảy ra với chị ta. Nguyên là một bé gái mồ côi đáng thương lớn lên trong nhà người khác, những kẻ quen lạnh nhạt với người ngoài, sau đó là một cô gái nghèo hèn, tiếp đến là một cô gái lớn tuổi nghèo hèn, sau rốt là một ả gái già nghèo hèn, Tatiana Ivanovna, người phụ nữ mà trong suốt quãng đời khốn khó trước đây đã ê chề trong khổ đau, côi cút, hành vi và lời lẽ nhục mạ phủ phàng, đã nếm đủ vị đắng cay trong mẩu bánh mì bố thí. Vốn là người vui tính, tinh ý và xốc nổi, lúc đầu thì chị cũng gắng gỏi vượt qua được hết mọi nguồn cơn trong kiếp phận cay đắng của mình, thậm chí đôi lúc còn có thể cười vui vẻ, vô tư, nhưng năm tháng dần trôi, rút cuộc số phận đã không còn biết mỉm cười với chị. Tatiana Ivanovna dần dà trở nên vàng vọt, gầy gò, dễ bị kích động - lúc giận dỗi, lúc âu sầu, lại còn chìm đắm trong mơ mộng hão huyền, động một tý là run lên mà nức nở sụt sùi như kẻ động kinh. Thực tại với chị càng nghiệt ngã bao nhiêu thì chị càng tìm thấy sự mê đắm và an ủi trong tưởng tượng. Khi những hy vọng cuối cùng của chị đã tiêu tan thì những mơ ước hão huyền của chị càng trở nên hấp dẫn. Sự giầu sang tột đỉnh, vẻ đẹp vĩnh hằng, những vị hôn phu quyền quý, hào hoa phong nhã, tất cả đều thuộc hàng vương tôn công tử, những người vốn dành trái tim trong trắng của mình cho chị và nguyện chết dưới chân chị vì tình yêu đắm đuối, và cuối cùng là *chàng - chàng*, mẫu hình lý tưởng của cái đẹp, người kết hợp trong mình mọi đỉnh cao hoàn thiện, con người rực sáng ngọn lửa đam mê, tha thiết, đó là một họa sĩ, một nhà thơ, một công tử con nhà tướng - tất cả những nhân vật ấy, cùng một lúc hay lần lượt từng người, bắt đầu hiện lên trước mắt chị không chỉ trong mơ mà hầu như còn cả trong đời. Lý trí của chị đã bắt đầu suy yếu, không trụ nổi những cơn nghiền của mộng mơ thầm kín miên man... Và bỗng nhiên số phận đã giở quẻ chơi khăm chị. Đang trong cảnh lầm than, muôn phần tủi cực, giữa môi trường sống tẻ nhạt, đau buồn, với thân phận đứa hầu gái của một bà lớn già khụ móm xều mà bẳn tính nhất trần đời, đứa hầu gái mà làm gì cũng không vừa ý chủ, bị sỉ vả vì từng mẩu bánh mì, từng manh áo cũ, ai cũng hà hiếp được, không được ai bênh vực bao giờ, mỏi mòn trong cảnh đắng cay và tự huyễn hoặc bằng những mộng tưởng cháy bỏng và rồ dại, - chị ta bỗng được tin về cái chết của một người đàn ông có họ xa mà từ lâu đã là người tứ cố vô thân, thân thích ruột rà đã qua đời hết (cũng do chị vốn là người

vô tâm vô tính, có hỏi thăm hỏi nom bao giờ đâu mà biết được), đó là một người kỳ cục, đơn thân, trái tính, quen thui thủi một mình ở tận đâu đâu, chuyên nhận cầm cố tài sản và cho vay nặng lãi. Và như có phép màu, cả một kho báu khổng lồ bỗng đâu trên trời rơi xuống, vàng bạc tung tóe bên chân Tatiana Ivanovna: chị ta trở thành người thừa kế hợp pháp duy nhất của người bà con quá cố. Một trăm ngàn *rup* bạc bỗng chốc về tay chị. Trò giễu cợt của số phận đã giáng xuống đầu chị một đòn trí mạng. Đúng thế, lẽ nào lý trí đã suy yếu sẵn của chị còn có thể không tin vào những ước mơ một khi mơ ước đã bắt đầu thành hiện thực? Và thế là người đàn bà tội nghiệp đã đoạn tuyệt với chút minh mẫn cuối cùng. Sướng vui ngây ngất, chị ta đắm mình vào cái thế giới mê ly tràn ngập những mơ tưởng viển vông, những bóng hình quyến rũ. Bất chấp mọi lý lẽ, mọi nghi vấn, mọi rào cản của hiện thực, những rào cản không tránh khỏi và quá hiển nhiên - ấy chính là nguyên tắc của chị! Ba mươi nhăm cái xuân xanh và mộng tưởng về một thần tượng ngời ngời, cái lành lạnh u hoài của trời đất cữ sang thu và toàn bộ vẻ huy hoàng của lạc thú ái tình vô tận những điều trái ngược kia không hề phản bác nhau mà cùng chung sống thuận hòa trong con người chị. Những mơ ước đã có lần thành hiện thực thì sao mọi ước mơ lại không thể thành hiện thực? sao *chàng* lại có thể không xuất hiện. Tatiana Ivanovna không suy nghĩ dài dòng, chỉ biết tin thôi. Nhưng trong nỗi chờ mong sự xuất hiện của *chàng*, đối tượng lý tưởng của chị thì những vị hôn phu và những hiệp sĩ công huân và những hiệp sĩ thường, quân sự và dân sự, bộ binh và khinh kỵ binh, quan chức và đơn giản chỉ là những nhà thơ, những người từng đến Pari và những người mới đến Moskva, những người để râu và những người không để râu, cặp kè với những cô nàng Tây Ban Nha và không phải Tây Ban Nha, rồi cả những chàng trai Tây Ban Nha và không phải Tây Ban Nha (nhưng chủ yếu là Tây Ban Nha) đã lần lượt hiện ra trong óc chị suốt ngày đêm với một số lượng khổng lồ khiến xung quanh phải giật mình thon thót: nhà thương điên thật chẳng xa xôi gì nữa. Tất cả hình bóng đẹp đẽ đó vây quanh chị thành cả một đám đông rạng rỡ, ngây ngất vì tình. Trong đời thực, sự việc cũng diễn ra không kém hoang đường: chị mà đưa mắt lúng liếng nhìn ai thì người đó phải xiêu lòng; người nào đi qua bên cạnh cũng phải là người Tây Ban Nha; người nào chết hẳn cũng chết vì yêu chị. Tất cả những điều đó dường như còn được cố tình khẳng định trong con mắt của chị bằng sự thật hiển nhiên là đã có những người như Obnoskin, Mizintsikov và hàng chục người khác nữa đã rập rình theo đuổi chị vì những mục tiêu trên. Chị bỗng được mọi người chiều chuộng, mơn trớn, phỉnh phờ. Nàng Tatiana

Ivanovna tội nghiệp quả thật không dám nghi ngờ lòng tốt của ai, không dám coi những cử chỉ ưu ái của họ chẳng qua cũng chỉ vì tiền. Chị ta chỉ biết tin như đinh đóng cột rằng như có phép thần thông, mọi người đều thay tâm đổi tính, không ai là không trở nên vui vẻ, đáng yêu, dịu dàng, hiền hậu. *Chàng* vẫn chưa xuất hiện, nhưng không nghi ngờ gì nữa, sớm muộn *chàng* cũng phải xuất hiện, cuộc sống bây giờ dù chưa trọn vẹn cũng đã khá tươm rồi, khá hấp dẫn rồi, giải trí tiệc tùng đủ hết đấy thôi, có phải chờ đợi ít lâu cũng chẳng chết ai. Tatiana Ivanovna thấy lòng khấp khởi, có thể thảnh thơi nằm nhai kẹo mà đọc tiểu thuyết tình. Nhưng tiểu thuyết chỉ tổ khơi gợi trí tưởng tượng của chị, nên thường phải vứt ngay, ứ đọc nữa! Ngay những dòng đầu, ngay một câu bóng gió lấp lửng về tình yêu, có khi chỉ là mấy câu mô tả vùng miền, phòng ốc, bàn phấn cũng đã cuốn chị vào mơ mộng, không sao đọc tiếp được nữa. Thế là liên tiếp hiện ra nào áo mới váy mới, nào đăng ten nào mũ, nào nơ, giải, hình thêu, nào kẹo, hoa, chó cảnh. Trong phòng nữ gia nhân trẻ, ba nàng thợ may ngày ngày cắm cúi may đồ, còn bà chủ thì từ sáng đến tối, thậm chí đến đêm vẫn còn thử áo nịt, ướm giải viền, uốn éo trước gương. Từ ngày có tiền chị coi bộ còn trẻ đẹp ra. Đến lúc này tôi vẫn chưa được biết bằng cách nào chị lại thành người có quan hệ họ hàng với mồ ma tướng quân Krahotkin. Tôi luôn cho rằng đó là điều tướng quân phu nhân tự phịa ra nhằm chi phối Tatiana Ivanovna và ép chú tôi lấy chị ta bằng được để moi tiền. Ông lớn Baktseev đã tỏ ra có lý khi bảo là thần ái tình đã đưa chị ta đến chỗ cùng đường; còn khi biết chị ta đã theo Obnoskin bỏ trốn thì quyết định của chú tôi là rất đúng: phải đuổi theo lôi cổ về ngay. Người đàn bà tội nghiệp không thể sống tự lập, không có người giám hộ và sẽ khốn đốn ngay nếu lọt vào tay bọn xấu.

Chúng tôi đến Misino trước mười giờ sáng. Đó là một ngôi làng nhỏ và nghèo, nằm lọt thỏm trong một khu đất trũng, cách đường cái ba dặm. Sáu - bảy mái nhà gianh xiêu vẹo ám khói của nông dân hiện ra trước mắt người ngoài với vẻ ủ ê và lạnh nhạt. Suốt một phần tư dặm không có lấy một mảnh vườn, một bụi cây. Chỉ có một cây liễu trúc già gà gật bên một cái ao nhỏ tẹo, nước xanh nhờ nhờ. Một nơi chốn mới như thế hẳn không khiến Tatiana Ivanovna mừng rỡ được. Cơ ngơi của địa chủ được cắt bằng những súc gỗ còn mới, dài nhưng nhỏ, phía trước là một dãy sáu cửa sổ, bên trên là mái gianh lợp vội. Vị công chức - địa chủ chỉ mới bắt tay vào việc. Thậm chí sân còn chưa có hàng rào, bờ giậu mới bắt đầu giồng ở một mé, lá óc chó héo vẫn chưa kịp rụng. Cỗ xe ngựa của Obnoskin

đỗ ngay bên cạnh. Chúng tôi ập vào luôn. Có tiếng la hét kêu khóc vẳng ra qua khung cửa sổ mở toang.

Ở nhà ngoài một thằng bé đi chân đất vừa nhìn thấy chúng tôi đã ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Ngay trong phòng đầu, Tatiana Ivanovna đang ngồi khóc trên chiếc đi-văng “Thổ Nhĩ Kỳ” bọc vải hoa, không có thành ghế. Nhìn thấy chúng tôi, chị ta bỗng hét lên và đưa đôi tay nhỏ nhắn lên che mặt. Obnoskin đứng bên cạnh chị ta, vẻ sợ sệt và ngượng ngùng đến thảm hại. Anh ta cuống đến nỗi cứ nhào ra bắt tay lia lịa như đón khách quý. Ở phòng bên, sau cánh cửa khép hờ thấp thoáng màu áo váy phụ nữ: có người đang nghe trộm và nhìn trộm qua kẽ hở đâu đó mà chúng tôi không biết. Chủ nhà chẳng thấy ai ra tiếp, cứ như không có nhà, họ lánh mặt hết.

- Kia rồi, nữ du khách kia rồi! lại còn che mặt nữa cơ đấy! - ông lớn Baktseev theo chúng tôi xộc thẳng vào phòng và hét.

- Ngài bình tĩnh đã nào, Stepan Alekseits! Bất lịch sự quá. Bây giờ chỉ một mình Egor Iliits có quyền phát biểu thôi, còn chúng ta là người ngoài hết, - Mizintsikov nói với giọng gay gắt.

Đưa mắt nghiêm nghị nhìn ông lớn Baktseev và dường như không để ý gì đến Obnoskin vừa lao ra bắt tay mình, chú tôi bước đến bên Tatiana Ivanovna lúc này vẫn hai tay che mặt, ông nói với chị ta bằng giọng nói rất nhẹ nhàng, vẻ thông cảm chân thành.

- Tatiana Ivanovna! tất cả chúng tôi đều yêu mến quý trọng cô nên đã đến đây mong được biết ý nguyện của cô. Cô có muốn về Stepantsikovo cùng chúng tôi không? Hôm nay là ngày lễ thánh của Iliusa. Thân mẫu tôi đang nóng lòng chờ cô, còn Sasurka và Nastiia thì hẳn đã khóc hết nước mắt vì cô suốt buổi sáng rồi...

Tatiana Ivanovna rụt rè ngẩng đầu nhìn ông qua những ngón tay rồi đột nhiên ôm choàng lấy cổ ông, nước mắt đầm đìa.

- Vâng vâng, xin ngài đưa em đi khỏi đây ngay đi! - chị ta nức nở, -nhanh lên, nhanh lên nào!

- Lồng lên cho lắm rồi đến lúc bấy giờ mới ngã ngửa người ra! - Baktseev lẩm bẩm và đưa tay đẩy tôi đi.

- Thôi thế là xong, - chú tôi nói với Obnoskin với vẻ lạnh lùng, hầu như không nhìn anh ta. - Tatiana Ivanovna, cô đưa tay đây. - Đi nào!

Có tiếng sột soạt vẳng ra từ bên kia hai cánh cửa khép hờ, một cánh hé rộng ra, kêu ken két.

- Khoan, nếu xét từ một góc độ khác, - Obnoskin nói với vẻ lo lắng, mắt nhìn vào cánh cửa vừa được hé ra, - thì xin ngài, Egor Iliits ạ, xin ngài hãy tự mình xem lại cách xử sự của ngài ngay trong nhà tôi... và, điều cuối cùng tôi muốn nói là tôi vẫn chào ngài tử tế, vậy mà ngài không thèm chào lại đấy, Egor Iliits ạ...

- Cái hành vi của cậu trong nhà *tôi* ấy, thưa quý cậu, là một hành vi đốn mạt, - chú tôi đưa mắt nhìn Obnoskin với vẻ nghiêm khắc, dõng dạc trả lời, - còn đây thực ra không phải là nhà của cậu. Cậu đã nghe ra chưa: Tatiana Ivanovna không muốn ở lại đây một phút giây nào nữa. Cậu muốn gì nữa nào? Đừng rườm lời nữa nhé, cậu nghe rõ chứ, tôi van cậu đấy! Tôi hoàn toàn không muốn đôi co gì nữa, mà cứ thế cũng có lợi hơn cho cậu đấy.

Nhưng Obnoskin đã mất tinh thần đến nỗi cứ tông tốc xổ ra những lời nhảm nhí không thể tưởng.

- Ngài đừng coi thường tôi như thế, Egor Iliits ạ, - anh ta hạ giọng nói rất khẽ, suýt phát khóc lên vì xấu hổ, chốc chốc lại đưa mắt nhìn cái cánh cửa cứ như sợ người ở phòng trong nghe tiếng, - việc này không phải do tôi, mà do mẹ tôi hết. Tôi không vụ lợi trong việc này đâu, Egor Iliits ạ; tôi đã làm việc này một cách vô tư; tất nhiên là cũng muốn có lợi mà làm, Egor Iliits ạ... nhưng tôi đã làm vì mục đích cao quý đấy, Egor Iliits ạ: tôi muốn có tiền... để giúp đỡ người nghèo đấy chứ. Tôi cũng muốn thúc đẩy phong trào khai hóa hiện đại và thậm chí còn ao ước lập được cái quỹ học bổng trong trường đại học. Đấy, tôi muốn dùng việc quay vòng vốn vào những việc như thế, Egor Iliits; chứ có phải để làm gì đâu, thưa ngài...

Cả bọn chúng tôi nghe mà sượng hết cả mặt. Mizintsikov còn đỏ mặt lên và quay ngoắt đi, còn chú tôi thì ngượng ngùng không nói nên lời.

- Thôi, thôi, đủ rồi, đủ rồi! - cuối cùng ông cất tiếng. - Cậu bình tĩnh lại đi, Paven Semionits. Làm thế nào được! Mọi chuyện đều có thể xảy ra... Đến dự tiệc với chúng tôi thì đến, người anh em ạ... tôi mong đấy...

Nhưng ông lớn Baktseev thì khác, “nổ” ngay:

- Lập quỹ học bổng cơ đấy! - ông giận dữ gầm lên - cái loại như thế mà cũng đòi đứng ra lập quỹ! Cái loại gặp ai cũng chỉ mong kiếm chác... Cái hạng khố rách áo ôm mà cũng dám nói chuyện quỹ này quỹ khác! Cậu chỉ là đồ giẻ rách thôi! Thế mà cũng lung lạc được một trái tim mềm yếu đấy! Thế còn bà ấy đâu,

người đẻ ra cậu ấy? hay là bỏ trốn rồi? Nói không đúng cứ đem đầu ta ra mà chặt chứ bây giờ bà ấy không nấp vào đâu thì cũng rúc xuống gậm giường vì mất mật rồi...

- Kìa Stepan, Stepan!... - chú tôi quát.

Obnoskin lúc bấy giờ đã đỏ mặt tía tai, toan bật lại, nhưng chưa kịp mở mồm thì cánh cửa bỗng mở toang và đích thân Anfisa Petrovna với vẻ điên khùng, mắt long sòng sọc, mặt đỏ gay vì tức giận, từ phòng trong lao vút ra.

- Chuyện gì nào? - bà ta hét toáng lên, - có chuyện gì ở đây nào? Thì ra là ngài, Egor Iliits, ngài kéo cả một lũ lâu la xông vào nhà một gia đình tử tế, hăm dọa đàn bà, tác oai tác quái thế này đây!... Thế này là thế nào! Tôi còn chưa lú lẫn đâu, lạy Chúa, Egor Iliits ạ! Còn mày nữa, đồ ngu si đần độn! - bà ta tiếp tục gào lên với con trai, - mày rúm tứ túc lại, sợ người ăn thịt mất! Người ta chửi mẹ mày ngay trong nhà mẹ mày mà mày chỉ biết há hốc cái mồm ra như thế đấy! Còn đáng mặt nam nhi giỏi giang tài trí nữa không? Chỉ là loại giẻ rách thôi, nam với nhi gì!

Ở Anfisa Petrovna giờ đây không còn lại chút gì của dáng vẻ dịu dàng hôm qua nữa, không kiểu mốt, kính cầm tay, điệu bộ cao sang gì nữa, trần trụi một mụ bà chằn chính hiệu.

Thoáng thấy bóng bà ta chú tôi đã vội vàng khoác tay Tatiana Ivanovna để lao ra khỏi phòng; nhưng lập tức bị Anfisa Petrovna chặn lại.

- Ngài không lẩn nhanh như thế được đâu, Egor Iliits ạ! - bà ta lại xa xả. - Ngài lấy quyền gì mà đến bắt Tatiana Ivanovna về? Ngài tức tối đầy vơi vì cô ta đã vùng ra khỏi cái tấm lưới bỉ ổi mà mẹ con ngài cùng với gã Foma Fomits ngu xuẩn kia đang dùng để trói buộc cô ta đấy! Chính ngài cũng chỉ mong lấy vợ vì động cơ trục lợi đê hèn. Xin lỗi ngài đi, ở đây người ta suy nghĩ khác, tốt đẹp bằng vạn! Thấy được cái dạ dày thối của các ngài, chính Tatiana Ivanovna đã chủ động đứng ra cậy cục, nhờ vả thằng Pavlusa đấy chứ. Chính cô ta đã cầu cứu nó, xin nó giải thoát cô ta ra khỏi bàn tay cùm kẹp của các ngài, cô ta buộc lòng phải bỏ trốn vào ban đêm - cơ sự là như thế! các ngài đã đưa cô ta đến nông nỗi ấy! Có đúng thế không, Tatiana Ivanovna? Nếu đúng như thế thì hà cớ làm sao ngài dám kéo cả đàn cả lũ xông vào nhà một gia đình quý tộc đàng hoàng tử tế để lôi cổ một cô gái đàng hoàng tử tế đi cho dù cô ấy không nghe, cứ khóc thét lên như thế? Tôi không cho phép, không cho phép! Tôi chưa lú lẫn đâu, vẫn còn minh mẫn lắm!... Tatiana Ivanovna không đi đâu hết, cô ta ở lại, vì cô ta muốn thế! Chị em mình đi vào đi, Tatiana Ivanovna, không việc gì phải

nghe họ cả: bọn họ là kẻ thù của cô đấy, không phải bạn bè đâu! Đừng sợ, đi nào! Tôi tống khứ bọn này ngay bây giờ!..

- Không, không!... - Tatiana Ivanovna hốt hoảng hét lên, - tôi không vào đâu, tôi không bằng lòng đi với bà đâu! Chồng con gì cái anh chàng ấy? Tôi không bằng lòng lấy con bà đâu! Chồng con gì cái anh chàng ấy?

- Cô không bằng lòng ư? - Anfisa Petrovna kêu ré lên, thở hổn hển vì tức giận, - không bằng lòng ư? Theo về tận nhà rồi, mà lại không bằng lòng? Lừa đảo à? Cô hứa hẹn với nó, theo nó bỏ trốn vào ban đêm, bám chặt lấy nó, gây chuyện phiền hà, thiệt hại cho chúng tôi như thế này ư? Cô làm thế này thì con tôi đến mất cả người lẫn món hồi môn hàng chục ngàn rồi!.. Không làm thế được đâu cô ạ!.. Cô bồi thường thiệt hại đi, thế này thì cô phải bồi thường; chúng tôi có chứng cớ: cô đã bỏ trốn vào ban đêm...

Nhưng chúng tôi đã không nghe trọn bài độc tấu tràng giang đại hải này. Bám sát chú tôi, cả bọn chúng tôi đồng loạt cất bước đi thẳng đến trước mặt Anfisa Petrovna và ra hẳn ngoài thềm. Xe ngựa đón chúng tôi luôn.

- Chỉ có quân bất lương, chỉ có hạng đốn mạt mới phải làm như thế! - từ trên thềm, Anfisa Petrovna hét với theo một cách điên cuồng. - Tôi sẽ gửi giấy đấy! cô lo mà bồi thường... cô đang trở về sào huyệt của bọn bất lương đấy, Tatiana Ivanovna ạ! Cô không lấy Egor Iliits được đâu; ông ấy đang o bế cô gia sư của ông ấy ngay dưới mũi cô đấy!..

Chú tôi run lẩy bẩy, mặt tái dại, lầm lì cắn chặt lấy môi và lao tới đỡ Tatiana Ivanovna lên xe. Ở mé bên này, tôi đang chờ đến lượt lên xe thì Obnoskin bỗng hiện ra ngay bên cạnh và chộp lấy tay tôi.

- Chí ít quý anh cũng hãy cho tôi được đến với quý anh với mong muốn xây đắp tình bè bạn! - anh ta vừa nói vừa nắm chặt tay tôi, vẻ chán chường thoáng hiện trên gương mặt.

- Tình bạn thế nào cơ? - tôi hỏi lúc chân đã đặt lên bậc lên xuống.

- Đại khái là như thế! Ngay từ hôm qua tôi đã nhận ra quý anh là người có học vấn uyên thâm. Mong quý anh đừng nghĩ xấu về tôi... Thực ra thì tôi cũng đã từng bị mẹ dỗ dành, nhưng trong chuyện này thì quả là tôi hoàn toàn vô can. Tôi có thiên hướng về văn chương nhiều hơn - xin đoan chắc với quý anh là như vậy, còn chuyện này do mẹ tôi hết...

- Tôi tin, tôi tin, - tôi nói, - xin tạm biệt!

Chúng tôi đã ổn định chỗ ngồi và tốp ngựa tung vó phóng đi. Tiếng la hét rủa xả của Anfisa Petrovna còn vẳng theo một lúc lâu, còn từ tất cả các cửa sổ của ngôi nhà bỗng ló ra những gương mặt lạ hoắc, mọi người nhìn chúng tôi với một vẻ tò mò hoang dại.

Trong xe ngựa chúng tôi có năm người, nhưng Mizintsikov chuyển sang ngồi ở một chiếc ghế dành riêng cho xà ích, nhường chỗ cho ông lớn Baktseev, thành thử bây giờ ông ngồi ngay trước mặt Tatiana Ivanovna. Chị ta thực bụng rất mừng vì được đón về nhưng vẫn cứ ti tỉ khóc. Chú tôi ra sức dỗ dành an ủi. Chính ông cũng đang sầu kéo ruột gan, lòng dạ rối bời: rõ ràng những lời lẽ điên cuồng của Anfisa Petrovna về Nastenka đã khiến ông rất đau lòng. Tuy nhiên, chuyến “hồi loan” của chúng tôi hẳn đã được kết thúc một cách vui vẻ, nếu như không có ông lớn Baktseev đi cùng.

Khi đã ở vào vị trí đối diện với Tatiana Ivanovna, đúng là ông không còn tự chủ được nữa; không thể dửng dưng với đời được nữa, ông ngọ nguậy suốt trên ghế, mặt đỏ phừng phừng, mắt long sòng sọc; đặc biệt cứ thấy chú tôi cất lời an ủi Tatiana Ivanovna là ông béo lại phát cuồng lên, gầm gầm gừ gừ như một con chó bun[67] bị trêu chọc. Chú tôi đưa mắt nhìn ông ta với vẻ sợ sệt. Cuối cùng, khi đã nhận ra tâm trạng khác thường của người ngồi đối diện, chị ta cứ trố mắt ra mà nhìn rồi lại quay ra nhìn mọi người, miệng cười tủm tỉm và bỗng nhấc cái ô nhỏ của mình lên gõ nhẹ lên vai ông lớn Baktseev với vẻ nhí nhảnh.

- Chàng điên! - chị ta thốt lên với vẻ tinh nghịch đáng yêu và đưa quạt lên che mặt ngay.

Cử chỉ tếu táo đó đã hóa thành giọt nước tràn ly.

- Ca-a-ái gi-i-ì? - ông béo gào lên, - cái gì vậy, thưa cô? Thì ra cô cũng lẩn đến cả với tôi nữa đấy!

- Điên! Đồ điên! - Tatiana Ivanovna nhắc lại và bỗng phá lên cười và vỗ tay đen đét.

- Dừng lại! - Baktseev quát lên với gã xà ích, - dừng lại!

Xe ngựa dừng lại. Baktseev mở cửa và vội vã xuống xe, cũng loay hoay mất một lúc.

- Ông làm sao thế, hở Stepan Alekseits? ông đi đâu? - chú tôi sửng sốt quát to.

- Không sao hết, quá đủ với tôi rồi! - ông béo đáp, toàn thân run lên vì tức giận, - mẹ kiếp! thưa quý cô, tôi có còn trẻ mỏ gì nữa đâu mà còn lả lơi ong

bướm cái chết tiệt gì. Tôi ấy à, nhất là chết ngay trên đường cái quan! Vĩnh biệt cô nương, com-măng-vu-pooc-tê-vu![68]

Và ông cắm đầu cắm cổ cuốc bộ. Chiếc xe ngựa lóc cóc chạy theo ông lớn.

- Stepan Alekseits! - cuối cùng không chịu nổi nữa, chú tôi quát ầm lên, - đừng ẩm ương nữa, đủ rồi đấy, lên xe! Sắp về đến nhà rồi!

- Không việc gì đến các người! - Stepan Alekseits vừa nói vừa thở hồng hộc: ông không bước nổi nữa vì quá béo.

- Lao vút lên đi! - Mizintsikov quát lên với gã xà ích.

- Thôi, thôi, dừng lại! - chú tôi hét nhưng cỗ xe đã phóng như bay. Mizintsikov không nhầm: sáng kiến đã cho kết quả tức thì.

- Dừng lại! dừng lại! - tiếng kêu gào thảm thiết vang lên ở phía sau, - dừng lại đi, ông mãnh! dừng lại, đồ quỷ sứ!...

Rút cuộc ông béo đã hiện ra bên cỗ xe, dáng vẻ mệt nhọc, thở hổn hà hổn hển, trán lấm tấm mồ hôi, cà vạt đã tháo tung, cát-két đã cởi bỏ. Ông ta lẳng lặng leo lên xe, mặt mày ủ rũ và lần này thì tôi nhường chỗ cho ông, chí ít cũng giúp ông đỡ phải đối mặt với Tatiana Ivanovna, người mà suốt từ nãy đến giờ cứ cười rũ cười rượi, vỗ tay khoái trá và trên suốt quãng đường còn lại không thể có thái độ bình thản với Stepan Alekseits được nữa. Về phía mình, từ đó đến nhà, ông không hé răng nói lấy nửa lời, chỉ chăm chú nhìn cái bánh xe sau quay mãi trên đường.

Chúng tôi về đến Stepantsikovo vào lúc giữa trưa. Tôi đi thẳng về phòng nghỉ trong nhà phụ, Gavrila mang trà đến ngay. Tôi đang định hỏi chuyện lão thì chú tôi hầu như đã theo gót lão vào phòng và lập tức sai lão đi đâu không rõ.



TIN TỨC

- Chú ghé chỗ con một lát thôi, người anh em ạ, - ông cất tiếng với vẻ vội vã, - muốn báo ngay cho con biết... Chú đã nắm được tình hình. Hôm nay cả nhà chẳng có ai đến dự thánh lễ, chỉ có ba mống với nhau thôi: Iliusa, Sasa và Nastenka. Nghe nói bà lại vừa lên cơn kinh giật. Người ta đã giở trò lấn át, lấn át bằng được. Đã có lệnh là bây giờ cả nhà phải đến chỗ Foma, chú cũng đã được gọi. Có điều chú cũng chưa được biết là hôm nay có phải chúc mừng ngày lễ thánh của Foma không, - cả một vấn đề! Và cuối cùng, không biết mọi người sẽ nhìn nhận toàn bộ sự việc vừa rồi như thế nào đây? Kinh khủng, Serioja này, chú có linh cảm...

- Ngược lại, thưa chú, - đến lượt tôi vội vã, - tình hình đang tiến triển tốt, sẽ đâu vào đấy hết. Muốn gì thì bây giờ chú cũng không thể kết hôn với Tatiana Ivanovna được nữa - chỉ thế thôi là đủ! Ngay lúc còn ở trên xe con đã muốn giải thích cho chú về chuyện này rồi.

- Cái đó thì đã hẳn, anh bạn trẻ ạ. Nhưng chú đang muốn nói chuyện khác cơ; toàn bộ sự việc này thì tất nhiên vẫn là ý Chúa, như có người vẫn thường nói đấy; nhưng chú chưa nói đến... Tội nghiệp cho Tatiana Ivanovna! người đâu mà chỉ gặp toàn những chuyện oái oăm! Đồ đốn mạt! Obnoskin là một kẻ đốn mạt! Nhưng sao chú lại dám bảo nó là “đốn mạt”? chú mà lấy cô ấy thì lại chẳng thế sao? Nhưng chú đang nói chuyện khác cơ... Ban nãy cháu có nghe mụ Anfisa Petrovna cứ ầm ầm lên về Nastia không?

- Cháu nghe thấy rồi, thưa chú. Bây giờ chú đã thấy được là phải bắt tay ngay vào việc gì rồi chứ ạ?

- Nhất định rồi, bằng mọi giá! - chú tôi đáp. - Thời khắc nghiêm trọng đã điểm. Chỉ có một điều mà hôm qua chú cháu mình chưa nghĩ tới, nhưng rồi chú đã nghĩ suốt đêm qua: liệu cô ấy có chịu lấy chú không, - con rõ chưa nào?

- Xin lỗi chú đi, thưa chú! Một khi cô ấy đã tự mồm nói ra là cô ấy yêu...

- Anh bạn trẻ ơi, nhưng cô ấy còn nói thêm là “em nhất quyết không bao giờ lấy anh”.

- Ồ, chú! Bao giờ mà người ta chả nói thế, nhất là lại trong bối cảnh ngày hôm nay.

- Con nghĩ thế à? Không, người anh em ạ, đây là vấn đề tế nhị, tế nhị kinh khủng! Hừm! Con biết không, sầu não thì sầu não thật, nhưng suốt đêm lòng chú vẫn xốn xang hạnh phúc!... Thôi, tạm biệt, chú biến luôn đây. Mọi người đang mong; chú bị muộn rồi. Chú chỉ ghé qua trao đổi với con mấy câu thôi. Ồ, lạy Chúa tôi!- ông kêu lên và quay lại, - cái chính thì lại quên! Con biết không: chú đã viết thư cho ông ấy rồi, cho Foma ấy!

- Bao giờ ạ!

- Đêm qua; sáng sớm hôm nay chú đã gửi qua Vidopliasov rồi. Chú đã trần tình hết, đầy hai trang, thổ lộ hết, có sao nói vậy, thực lòng, - tóm lại là chú cần phải, có nghĩa là nhất định phải, - con hiểu chứ? ngỏ lời cầu hôn Nastenka. Chú van ông ấy đừng để lộ chuyện đêm qua ở ngoài vườn và tha thiết cầu xin ông ấy thể hiện tấm lòng cao thượng bằng cách nói hộ với bà. Chú viết lách thì đoảng lắm, tất nhiên, nhưng chú đã cất lên tiếng nói từ tận đáy lòng, thấm đẫm nước mắt...

- Thế rồi sao? Chẳng có hồi âm?

- Trước mắt thì chưa; chỉ biết là sáng nay lúc bọn ta đang sửa soạn lên đường thì chú bắt gặp ông ấy ở nhà ngoài, ông ấy vẫn đang mặc đồ ban đêm, giầy vải, mũ bon-nê, - ông ấy vẫn đội mũ mà ngủ đấy, - cứ thế đi thẳng ra ngoài, chả biết đi đâu. Không nói không rằng, thậm chí không nhìn chú nữa. Chú nhìn thẳng vào mặt ông ta, nhìn từ dưới lên thế này này, - mặt vẫn lạnh tanh.

- Chú ơi, chú đừng đặt hy vọng vào ông ấy mà khốn với ông ấy đấy.

- Thôi, thôi, con đừng nói nữa! - chú tôi phẩy tay, nói với như quát, - chú tin ông ấy. Mà đó còn là niềm hy vọng cuối cùng của chú nữa kia. Ông ấy sẽ hiểu, ông ấy sẽ tỏ ra là hạng biết người biết của. Đành rằng ông ấy là người hay bẳn gắt, trái tính trái nết; nhưng một khi cần đến một tinh thần nghĩa hiệp thì tự khắc ông ấy sẽ ngời lên như ngọc... chính thế, đúng là như ngọc. Con nói thế chỉ vì con chưa từng được thấy ông ấy có thể thể hiện một tấm lòng cao thượng ra sao... Nhưng, lạy Chúa tôi! nếu ông ấy cứ đem cái chuyện đêm qua ra mà rêu rao... thì chưa biết sẽ ra sao, Serjei ạ! Nhưng không, ông ấy không thể là đồ đốn mạt như thế được. Chú chẳng đáng xách dép cho ông ấy đâu! Đừng lắc đầu như thế, người anh em ạ: đúng là chẳng đáng xách dép!

- Egor Iliits! lão mẫu đang lo lắng về ngài đấy ạ, - giọng nói chối tai của ả Perepelisina từ phía dưới vẳng lên, hẳn ả đã nghe lỏm hết cuộc đàm thoại giữa chúng tôi qua khung cửa sổ mở toang. - Người đã cho tìm ngài khắp cái nhà này mà chẳng thấy đâu đấy ạ.

- Lạy Chúa tôi, muộn mất rồi! Chết thật! - chú tôi hốt hoảng, - Anh bạn trẻ này, con làm ơn mặc quần áo vào mà sang luôn đi! Chú chả tạt vào để kéo con đi cùng là gì... Ta guồng ngay đây, Anna Nilovna, guồng ngay đây!

Còn lại một mình, tôi nhớ lại cuộc gặp tối qua với Nastenka và lấy làm mừng vì đã không kể lại với chú tôi về cô ta, chứ không thì chú tôi còn rầu hơn nữa. Tôi đã thấy được thử thách lớn lao trước mắt và không sao hiểu nổi là chú tôi có thể làm thế nào để thu xếp công việc và hoàn tất thủ tục cầu hôn. Xin nhắc lại rằng dù đã hết lòng tin tưởng vào phẩm chất cao quý của ông, tôi vẫn không hết nghi ngờ vào khả năng thành đạt.

Tuy nhiên vẫn phải gấp lên. Tôi thấy mình có nghĩa vụ hỗ trợ ông trong mọi việc và lập tức đi thay quần áo, nhưng vội thì vội vẫn cứ bị lề mề chỉ vì muốn ăn mặc chỉn chu một chút. Mizintsikov bước vào.

- Tôi sang đón quý anh, - anh ta nói, - Egor Iliits giục quý anh đấy!

- Đi!

Tôi đã sẵn sàng. Chúng tôi cất bước.

- Ở đấy có gì mới không? - tôi vừa đi vừa hỏi.

- Mọi người đã tề tựu đông đủ trong tư thất của Foma, - Mizintsikov đáp, - Foma không ỏe họe gì, có vẻ trầm ngâm. Chỉ thỉnh thoảng mới lúng búng một câu trong miệng. Thậm chí còn hôn Iliusa làm cho Egor Iliits sướng tỉnh cả người. Trước đó, qua Perepelisina, ông ấy đã dặn mọi người đừng chúc mừng ông ấy nhân ngày lễ thánh, ông ấy chỉ muốn thử lòng thế thôi. Bà già thì tuy còn phải ngửi cồn, nhưng bình tĩnh lại rồi vì Foma đã trở lại bình tĩnh. Chuyện vừa rồi của chúng ta thì chẳng ai đả động gì đến nữa, cứ như không có; mọi người không nói, âu cũng vì Foma không nói. Suốt buổi sáng ông ta đóng cửa ở trong nhà không chịu tiếp ai, tuy bà già đã một mình thắp nến lên cầu nguyện tất cả các thánh run rủi cho ông ta đến để bàn bạc và còn đích thân đến nhõng nhẽo trước cửa phòng ông ta, nhưng ông ta vẫn không mở, bảo đang bận cầu nguyện cho chúng sinh hoặc cái gì đại loại như thế. Ông ấy đang trù tính việc gì đấy: nhìn mặt thì biết. Nhưng vì Egor Iliits không có khả năng nhận biết gì qua nét mặt, nên lúc này đang hí hửng trước thái độ dịu dàng của Foma Fomits thế chứ lỵ!

thật chẳng hơn gì một đứa trẻ con! Iliusa đang chuẩn bị thơ để đọc, còn tôi thì các vị sai đi đón quý anh.

- Thế còn Tatiana Ivanovna?

- Cái gì mà Tatiana Ivanovna?

- Chị ta cũng đến chứ? cũng góp mặt với mọi người chứ?

- Không, chị ta vẫn ở trong phòng riêng, - Mizintsikov trả lời một cách khô khan. - Chị ta đang nghỉ và khóc. Có thể chị ta cũng đang xấu hổ. Hình như... cô gia sư đang ở chỗ chị ấy. Cái gì thế không biết? cơn dông rồi đấy. Nhìn kìa, trời thế kia kìa!

- Phải rồi, dông, - tôi đưa mắt nhìn mây đen đang đùn lên ở phía xa.

Lúc này chúng tôi đã bước lên thềm.

- Quý anh có thể cho tôi biết nhận định của mình về Obnoskin không? - tôi tiếp tục câu chuyện vì cảm thấy không thể không căn vặn Mizintsikov về chủ đề này.

- Quý anh đừng giở chuyện anh ta ra với tôi nữa! Đừng nhắc tôi nhớ đến cái hạng người đốn mạt ấy nữa! - anh ta bỗng dừng bước, dậm chân mà hét toáng lên, mặt đỏ gay. - Đồ ngu xuẩn! đồ ngu xuẩn! Làm hỏng cả một kế hoạch tuyệt vời đến thế, một ý đồ đẹp đẽ đến thế. Xin thưa với quý anh là rõ ràng tôi có ngu như bò thì hắn mới qua mặt được, - tôi xin nghiêm túc thú nhận chỗ kém cỏi này và có lẽ quý anh cũng muốn như thế. Nhưng tôi thề với quý anh là giá như hắn biết cách chu toàn mọi việc thì tôi cũng đã bỏ qua cho hắn! Đồ ngu xuẩn, đồ ngu xuẩn! Chấp nhận làm sao được, chịu đựng làm sao được những con người như thế trong xã hội! Bảo làm sao mà phải đày chúng sang Siberi, đưa đi phát vãng, đi tù khổ sai! Nhưng chúng nó nhầm! còn khuya mới ranh ma hơn được cái thằng này! Bây giờ chí ít đây cũng đã có kinh nghiệm và chúng ta còn đọ sức. Tôi đang có trong đầu một ý tưởng mới... Chắc quý anh cũng sẽ đồng ý với tôi thôi: chẳng lẽ ta lại có thể dễ dàng bỏ cuộc chỉ vì bị một thằng ngốc nào đó chõm mất ý tưởng nhưng lại không biết cách triển khai? Tội gì mà phải thế! Mà nói cho cùng, cái ả Tatiana Ivanovna ấy sớm muộn cũng phải lấy chồng thôi - lẽ đời là như thế. Và nếu như cho đến tận bây giờ chưa có ai tống ả vào nhà thương điên cả cũng chính vì còn có thể lấy chị ta làm vợ. Xin trình bày với quý anh một ý tưởng mới...

- Thôi để nói sau, - tôi ngắt lời anh ta, - chúng ta đến nơi rồi đây này.

- Vâng, được, để sau! - Mizintsikov nở nụ cười gượng gạo run run và đáp. - Còn bây giờ... Kìa, đi đâu đấy? Mời ông đi thẳng đến chỗ Foma Fomits! Cứ theo tôi, ông đã đến đấy bao giờ đâu. Ông sẽ được thưởng thức một vở hài kịch khác. Tình hình đã có cơ chuyển biến thành hài kịch...



NGÀY LỄ THÁNH CỦA ILIUSA

Foma được dành riêng hai phòng rộng, đẹp, thậm chí còn khang trang hơn tất cả các phòng còn lại trong nhà. Tiện nghi đầy đủ bao quanh con người vĩ đại. Giấy bồi tường tươi sáng mĩ miều, màn cửa sổ bằng lụa nhiều màu, thảm dạ kéo từng dải một, gương đứng, lò sưởi, đồ gỗ sang trọng, kiểu dáng thanh thoát - tất cả sự nâng niu trìu mến của gia chủ đối với Foma Fomits. Những lọ hoa tươi được bày biện trên các bậu cửa sổ và những mặt bàn tròn xinh xinh bằng đá hoa bên cửa sổ. Giữa phòng là một chiếc bàn dài rộng phủ khăn dạ đỏ để đầy sách và bản thảo. Một lọ mực bằng đồng tuyệt mỹ và cả một lô bút lông chim do Vidopliasov phụ trách, - bao nhiêu thứ cộng lại đủ để nói lên hoạt động trí óc căng thẳng của Foma Fomits. Tiện thể nói thêm là có lần Foma đã ngồi lì ở đây đến gần tám tiếng mà cũng chẳng vẽ ra được cái gì ra hồn cả. Sau này, khi ông ta đã ra đi vào cõi vĩnh hằng, chúng tôi đã lục lại đống bản thảo do ông ta để lại thì hóa ra chỉ toàn đồ bỏ. Chẳng hạn chúng tôi đã tìm thấy đoạn mở đầu một tiểu thuyết lịch sử viết về những sự kiện xảy ra vào thế kỷ thứ bảy ở Novgorod; rồi đến bản trường ca quái dị bằng thơ không vần “Kẻ náu mình trong mộ địa”; sau nữa là một tiểu luận loằng ngoằng về ý nghĩ và tính chất của gã mugic Nga, cách đối xử với hắn và cuối cùng là tiểu thuyết ngắn “Bá tước tiểu thư Vlonskaia” viết về cuộc sống của giới thượng lưu mà cũng chưa viết xong. Tất cả chỉ có thế. Vậy mà Foma Fomits đã bắt chú tôi hàng năm phải bỏ ra khá nhiều tiền để đặt mua sách và tạp chí. Nhưng nhiều ấn phẩm trong số đó vẫn còn nguyên chưa rọc. Về sau chính tôi đã hơn một lần bắt gặp Foma lén lút tuồn sách của Paul de Kock[69] đi đâu không rõ. Ở bức tường sau của phòng làm việc có một cánh cửa lắp kính từ đó có thể đi tắt ra sân trước.

Mọi người đang mong chúng tôi. Foma Fomits ngồi lọt thỏm trong một chiếc ghế bành êm ái, mặc áo lễ phục dài lướt thướt nhưng lại không đeo cà-vạt. Ông ta cứ thế ngồi im, vẻ trầm ngâm. Khi chúng tôi vào phòng, ông ta khẽ nhướn mày, đưa mắt nhìn tôi với vẻ tò mò. Tôi cúi chào ông ta, ông ta khẽ gật đầu thôi nhưng cũng khá lịch sự rồi. Thấy Foma Fomits nhã nhặn với tôi như thế, bà tôi cũng mỉm cười gật đầu với tôi. Và sáng nay, bà già tội nghiệp cũng đã không

ngờ được là ý trung nhân của người lại có thể bình thản đến thế khi được tin về "sự cố" xẩy ra với Tatiana Ivanovna, do đó lúc này người tỏ ra hết sức vui vẻ tuy rằng mới đó người đã lên cơn kinh giật và ngất lịm đi. Như thường lệ, Perepelisina đứng ngay sau lưng người, cặp môi mỏng dính mím chặt trong một nụ cười chua chát và giận dữ, hai bàn tay xương xẩu cứ xoa mãi vào nhau. Ngồi cạnh tướng quân phu nhân là hai bà già được cưu mang, những con người tự trọng, lúc nào cũng lặng thinh. Ngoài ra còn có một nữ tu mới tạt vào chơi lúc sáng nay và một bà vợ địa chủ thân quen trong chỗ láng giềng, cũng đã già và ít nói, sau lễ ban mai đã ghé vào chúc mừng tướng quân phu nhân nhân ngày lễ của gia đình. Cô Praskovia Iliitsna của tôi thì ngồi chết lặng ở một góc nhà, đưa mắt lo lắng nhìn Foma Fomits và mẹ già. Chú tôi yên vị trong ghế bành, mắt ngời lên ánh hân hoan kỳ lạ. Đứng trước ông là Iliusa, áo cánh lễ phục màu đỏ, tóc uốn quăn, xinh tươi như một tiểu thiên thần. Sasa và Nastenka đang nhắc cậu nhẩm lại thơ để làm vui lòng bố nhân ngày lễ trọng: thành tựu học tập của con, làm quà cho bố thì quý quá còn gì. Chú tôi vui mừng suýt phát khóc lên: thái độ hòa nhã của Foma, tâm trạng vui vẻ của tướng quân phu nhân, ngày lễ thánh của Iliusa, thơ - tất cả những điều đó đã khiến ông hởi lòng hởi dạ, và ông đã khẩn khoản nhờ người đến đón tôi cho tôi kịp chia vui với cả nhà và được nghe thơ. Gần như đã theo chân chúng tôi vào nhà, Sasa và Nastenka lúc này đang đứng cạnh Iliusa. Sasa chốc chốc lại cười, những lúc đó trông em vui sướng hồn nhiên như đứa bé con. Thấy thế, Nastenka cũng bắt đầu tủm tỉm, tuy vừa rồi, cô đã bước vào phòng với dáng vẻ mệt nhọc, mặt mày phờ phạc. Cô là người duy nhất đã tìm gặp và an ủi Tatiana Ivanovna khi chị ta vừa được đón về và ngồi với chị ta ở trên gác cho đến tận bây giờ. Bé Iliusa dường như cũng không nhịn được cười khi nhìn hai cô giáo của mình. Có vẻ như ba người đã chuẩn bị được một tiết mục rất vui đang khoái được đem ra trình diễn... Tôi quên chưa nói đến Baktseev. Ông ngồi ở một chiếc ghế đầu đằng kia, không nói không rằng, vẻ cau có bực dọc, mặt đỏ gay, chốc chốc lại khịt mũi, nói chung ông đang đóng vai sầu muộn trong ngày lễ gia đình. Ejevikin cứ quanh quẩn bên ông, thực ra thì lão còn loanh quanh hết chỗ này đến chỗ khác, hôn tay tướng quân phu nhân và bà khách mới, thì thầm to nhỏ vào tai ả Perepelisina, tán tỉnh Foma Fomits, tóm lại là đi khắp. Lão cũng đang háo hức mong được nghe thơ của Iliusa và thấy tôi đến đã vội vã đến chào, thể hiện lòng quý trọng và trung thành hết mức. Không có qua một biểu hiện gì cho thấy lão đến để bảo vệ con gái và đón cô ấy về, đoạn tuyệt với Stepantsikovo.

- Kia rồi! - chú tôi sung sướng reo lên khi nhìn thấy tôi. - Iliusa đã sẵn sàng đọc thơ rồi đấy, người anh em ạ, - không ngờ đấy, đúng là quà tặng bất ngờ! Chú rất ngạc nhiên và đã nhờ người đi đón con bằng được và chờ con đến rồi mới cho đọc thơ đấy, người anh em ạ... Ngồi xuống đây với chú! Cùng nghe thơ với nhau nào. Foma Fomits này, ông nói thật đi, có phải ông đã mách nước cho bọn trẻ tìm cách làm cho anh bạn già này sướng cái bụng không? Nói cấm có sai đâu nhé!

Nếu chỉ căn cứ vào giọng điệu của chú tôi lúc đó thì có lẽ mọi chuyện đều ổn thỏa. Nhưng khốn nỗi chú tôi lại không có khả năng nhận biết chút gì qua nét mặt, như Mizintsikov đã nói; còn khi vừa trông thấy Foma, tôi đã bất giác đồng ý với Mizintsikov và cầm chắc là thế nào cũng có chuyện...

- Xin ngài đừng lo lắng cho tôi, thưa đại tá. - Foma Fomits đáp với giọng yếu ớt, giọng của một người đang tha thứ cho những kẻ không ưa mình. - Quà tặng bất ngờ thì cố nhiên là tôi rất hoan nghênh: nó thể hiện tình cảm và đức hạnh của các cháu. Thơ cũng rất có ích, thậm chí còn có lợi cho môn phát âm... Nhưng sáng nay tôi không còn bụng dạ nào mà nghĩ đến thơ nữa, Egor Iliits ạ: tôi phải cầu nguyện... ngài biết đấy... Tuy nhiên, tôi cũng sẵn sàng nghe cả thơ nữa.

Tôi tranh thủ chúc mừng Iliusa và hôn em.

- Chính thế, Foma ạ, ta xin lỗi nhé! Ta quên... dù rằng vẫn rất tin vào tình bạn của ông, Foma ạ! Con hôn em một cái nữa nào, Serioja! Con xem, một chú bé chững chạc chưa nào! Nào, bắt đầu đi, Iliusa! Bài gì bây giờ nào? Phải rồi, một khúc tri ân trang trọng nào đó, thơ Lomonosov nhỉ?

Và chú tôi cứ toáy lên. Ông háo hức và hoan hỉ tới mức không thể ngồi yên.

- Không, thưa cha, không phải thơ Lomonosov đâu ạ, - Sasenka cố nhịn cười, - vì cha là một cựu chiến binh từng chiến đấu với quân thù nên Iliusa đã có thơ về quân đội... Phong tỏa thành Pamba[70], thưa cha.

- Phong tỏa Pamba ư? Ồ, ta không nhớ... Thành Pamba ở đâu ấy nhỉ, con có biết không, Serioja? Một sự tích anh hùng đây.

Và chú tôi lại giục:

- Đọc đi nào, Iliusa! - Sasenka hạ lệnh.

Mười năm, Homes cầm quân... —

Iliusa cất lên một giọng non nớt, đều và rõ, đọc liền tù tì, không chấm không phẩy, kiểu trẻ con đọc bài học thuộc lòng, —

Mười năm, Homes cầm quân
Phong tỏa điện đài Pamba vững chắc,
Chỉ có sữa cầm hơi,
Vẫn vòng vây xiết chặt,
Cả quân đoàn một vạn tinh binh
Chung một lời thề, một đức kiên trinh:
Không mẩu bánh vẫn không rời chiến lũy!

- Thế cơ đấy! sao? Sữa gì mà lợi hại thế? - Chú tôi hét toáng lên, trố mắt nhìn tôi đầy vẻ ngạc nhiên.

- Đọc tiếp, Iliusa, - Sasenka quát.

Ngày nào Homes - don Pedro
Cũng áo dài che mặt
Khóc than chí lớn không thành...
Sang năm thứ mười, địch phản công nhanh,
Toàn cơ ngũ chỉ còn mười chín mống...

- Vô lý! - chú tôi hớt hải kêu lên. - không thể như thế được! Chỉ có mười chín người sống sót, mà trước đó là cả một đạo quân khổng lồ! Thế là sao, hở người anh em?

Nhưng Sasa đã không nhịn được cười, em phá lên cười rũ rượi với tiếng cười hồn nhiên của trẻ thơ, và tuy câu chuyện ở đây không đến nỗi quá buồn cười nhưng thấy em cười như vậy ai cũng phải cười theo.

- Thơ trào lộng đấy ạ, thưa cha, - em ré lên, thích thú kinh khủng với trò trẻ con của mình, - tác giả cố tình sáng tác ra như thế cho ai cũng phải buồn cười đấy ạ, thưa cha.

- À! thơ trào lộng! - chú tôi làm ầm ĩ, mặt tươi roi rói, - nghĩa là hài hước chứ gì! Để xem nào... Chính thế, chính thế, thơ trào lộng! Buồn cười thật, quá buồn cười: tướng nuôi quân bằng sữa, có tuyên thệ hẳn hoi! Cần tuyên thệ quá đi chứ! Rất sắc sảo - đúng không nào, Foma? Mẹ thấy chứ, thỉnh thoảng người ta cũng

sáng tác thơ khôi hài như thế đấy, - đúng không, Serjei? Buồn cười cực! Nào, nào, Iliusa thế rồi sao?

Thu thập tàn quân,
Don Pedro đàng hoàng cao giọng:
“Mười chín anh em!
Hãy phất cờ gióng trống
Lui về cố quận nghỉ ngơi!
Không chiếm được Pamba
Không phải ngậm ngùi:
Thanh thản với lương tâm,
Vẹn toàn cùng danh dự,
Trọn câu nguyền
Húp sữa suốt mười năm!”

- Thộn thế không biết! - chú tôi lại ngắt lời, - tự an ủi là đã uống sữa được đến mười năm! Đức độ gì như thế? Cứ cừu mà thịt chứ, còn hơn để cho người phải mốc mồm ra! - Hay, hay đấy! Ta rõ rồi: thơ trào phúng, hoặc... còn gọi là châm biếm, đúng không? Mà biết đâu người ta đang muốn chĩa mũi dùi vào một ông tướng nước ngoài nào đó chăng? - chú tôi nhướn mày nheo mắt với tôi, - con nghĩ thế nào? Có điều đây là bức tranh trào phúng vô tư tao nhã, không xỏ xiên chọc ngoáy gì ai! Hay, hay! Và cái chính là tao nhã! Nào, Iliusa, tiếp tục! Hừ, lũ quỷ sứ này! - ông vừa nói vừa âu yếm nhìn Sasa và liếc trộm Nastenka lúc này đang đỏ mặt lên và cười tủm tỉm.

Được lời như được của
Mười chín bậc anh hào
Khặc khừ trên lưng ngựa
Giọng yếu, cố sức gào:
“Vinh quang và danh dự
Thuộc tổng soái Pedro!
Cùng Kasti - tòng sự!”
Chỉ có viện tăng lữ[71]
Dám giở giọng lè nhè
“Nếu tôi là thủ lĩnh
Nguyện sau trước một bề:
Chỉ rượu, thịt - xin thề!”

- Đấy, đấy! Ta đã chẳng nói thế hay sao? - chú tôi đắc chí hét lên. - Cả một đạo quân mới có được một người có đầu óc khôn ngoan mà lại là tăng lữ! Tăng lữ là gì hở Serjei: đại úy à?

- Tu sĩ chứ ạ, nhà tu hành ấy mà.

- À, đúng! Tăng lữ, thầy tăng chứ gì? Biết rồi, ta nhớ ra rồi! Ta biết các vị này ngay từ hồi đọc tiểu thuyết của Radklif[72] cơ. Các vị này thuộc nhiều dòng tu đấy, không phải một đâu, đúng không? Hình như còn có dòng Benedikt[73] nữa... Có dòng Benedikt không hở con?

- Thưa chú có đấy ạ.

- Hừm! Chú cũng nghĩ là có. Nào Iliusa, thế rồi sao nữa? Hay lắm, tuyệt!

Bất đồ nghe nói thế
Chủ soái cười ha ha:
“Thương hẳn cừu một chú
Cho chàng lỡm được ta!..”

- Đến lượt thủ lĩnh cũng không nhịn được cười! Đúng là một kẻ ngô nghê! Rút cuộc thì chính ông ta mới là kẻ nực cười! Lại còn cừu nữa chứ! Như thế chứng tỏ là họ vẫn có cừu, không hiểu thế nào mà ông ấy lại không cho thịt? Nào, Iliusa, tiếp! Hay lắm, tuyệt! Sâu cay đáo để!

- Hết rồi ạ, thưa cha!

- A! Hết! Mà cũng có còn phải làm gì nữa đâu cơ chứ, đúng không hở Serjei? Tuyệt vời đấy, Iliusa ạ! Kỳ như diệu điệu như gì! Hôn cha một cái nào, con yêu quý! Con giỏi lắm, con yêu của cha! Đúng ra là ai đã gà cho con đấy: con à, hả Sasa?

- Không ạ, Nastenka đấy ạ. Chúng con mới đọc được cách đây mấy hôm. Chị ấy còn đọc trước và bảo con: “Bài thơ này nhộn lắm! Sắp đến ngày lễ thánh của Iliusa rồi: chúng ta sẽ bắt nó học bài này để đọc. Có mà cười vỡ bụng”.

- Nastenka ư? Hay quá, cám ơn, cám ơn, - mặt bỗng đỏ bừng lên như đứa bé con, chú tôi lẩm bẩm. - Hôn cha một cái nữa nào, Iliusa! Con cũng hôn cha một cái nào, con giặc cái này, - ông nói và ôm lấy Sasenka, âu yếm nhìn vào mắt em.

- Con chịu khó chờ ít lâu nữa nhé, cũng sắp đến ngày lễ thánh của con rồi, - ông nói thêm, tuồng như không biết nói gì hơn trong lúc quá vui này.

Tôi quay ra hỏi Nastenka xem đó là thơ của ai.

- Ừ, đúng đấy! thơ của ai ấy nhỉ? - chú tôi nhớn nhác? - Chắc phải là một nhà thơ cự phách mới viết được như thế chứ, đúng không, Foma?

- Hừm!.. - Foma ậm ừ.

Suốt thời gian Iliusa đọc thơ, nụ cười giễu cợt nhạo báng không rời khỏi cặp môi ông ta.

- Cháu quên mất rồi, - Nastenka vừa đáp vừa đưa mắt nhìn Foma Fomits với vẻ rụt rè.

- Đó là thơ do ngài Kozma Prutkov sáng tác, thưa cha, in trong “Người đương thời” đấy ạ, - Sasenka đứng phắt lên.

- Kozma Prutkov! chịu, không biết, - chú tôi thốt lên, - chú Pushkin thì ta biết. Nhưng đó cũng là nhà thơ có tài đấy chứ, đúng không, Serjei? Và quan trọng hơn đó là một con người mang trong mình những phẩm chất cao quý - rõ ràng là như vậy! Thậm chí còn có thể là một sĩ quan... Ta khâm phục đấy! Còn tạp chí “Người đương thời” hết ý kia thì khỏi nói rồi! Nhất định phải đặt mua nếu những nhà thơ như thế vẫn có bài... Ta yêu các nhà thơ biết bao! bọn người sáng giá! chuyện gì cũng ngâm vịnh được! Con còn nhớ chứ, Serjei, chú đã được thấy ở chỗ con, ở Peterburg ấy, một người theo nghiệp văn chương đấy. Anh ta có cái mũi lạ lắm... đúng thế! Có! Ông bảo gì cơ, Foma?

Foma Fomits cứ lưỡng lự mãi rồi bỗng phá lên cười khanh khách.

- Không, tôi... có nói gì đâu... - ông ta nói, cố nhịn cười. - Ngài nói tiếp đi, Egor Iliits ạ, ngài nói tiếp đi! Tôi sẽ nói sau... Stepan Alekseevits đang khoái nghe ngài nói về những mối quan hệ quen biết của ngài với cánh văn thơ Peterburg đấy...

Đang ngồi đăm chiêu suốt buổi ở đầu đằng kia, Stepan Alekseits bỗng ngẩng đầu lên, mặt đỏ bừng và quay phắt người lại trong ghế bành với vẻ giận dữ.

- Này, Foma, đừng có mà cà khịa với ta đấy nhé, hãy để cho ta yên! - ông trợn trạo nhìn Foma Fomits bằng cặp mắt ti hí, đỏ đòng đọc. - Văn chương cái khỉ mốc gì? Chỉ cần Chúa cho mạnh chân khỏe tay là đủ sướng rồi, - ông lầu bầu trong miệng, - còn cả cái đám... văn chương thơ phú ấy thì tôi lạy cả mũ lẫn áo... toàn là bọn ăn phải bả Voltaire[74] hết!

- Cánh cầm bút là bọn ăn phải bả Voltarie phải không ạ? - Ejevikin đã có mặt ngay bên cạnh ông lớn Baktseev. - Ngài nói vậy thật quá chính xác, Stepan Alekseits ạ. Thì cái ông Valentin Ignatiits cũng mới bị người ta chụp cho cái mũ ấy đấy. Lạy Chúa, chính già này cũng bị người ta gọi là loại ăn phải bả Voltaire

chứ lị, mà ai chả biết là lão thì đã viết lách được bao nhiêu... thôi thì cái mắm thối gì mà chả tại bác Voltaire! Ở ta toàn thế đấy ạ.

- Chả phải! - chú tôi nhận xét với vẻ quan trọng, - nói thế là nhầm! Voltaire chỉ có thể là một cây bút sắc sảo, ông chê cười những định kiến sai; ông chưa bao giờ có tư tưởng chống phá như thế cả! Tất cả những điều nhảm nhí về ông đều do những kẻ thù ghét ông loan truyền ra cả. Cơn cớ gì mà cái của nợ gì cũng đem đổ vấy cho ông, khốn khổ thân ông?

Tiếng cười cay độc của Foma Fomits lại rúc lên. Chú tôi đưa mắt nhìn ông ta với vẻ lo lắng và liền phát ngượng ra mặt.

- Quên mất! Ta suy nghĩ rất nhiều về các tạp chí đấy, Foma ạ, - ông nói với vẻ bối rối như để chữa ngượng. - Hôm nọ ông nhắc tôi phải đặt mua sách báo như vậy là chí phải, người anh em ạ. Chính tôi cũng nghĩ là phải đặt mua mà! Hừm! không thể khác, toàn là những thứ mở mang đầu óc cho mình! Anh có còn là đứa con của tổ quốc nữa hay không nếu anh không màng đến chuyện đặt mua sách báo? Chú nói thế có đúng không hở Serjei? Hừm... phải rồi!... trước mắt mình hãy “chơi” cái “anh” “Người đương thời” cái đã... Nhưng cháu biết không, theo chú thì những nội dung chính yếu đều được đăng trong cái tạp chí dày cộp, gọi là tạp chí gì ấy nhỉ? Nó có tờ bìa bọc màu vàng ấy...

- “Ký sự tổ quốc”, thưa cha.

- Đúng rồi, “Ký sự tổ quốc”, tên cũng đã đủ hay rồi, Serioja nhỉ? Ta có thể hình dung là cả tổ quốc đang ngồi ghi ghi chép chép... Một mục đích quá ư cao cả! một tạp chí cực kỳ bổ ích! Mà nó mới dày chứ! Đấy cứ phải chơi cái loại xe thổ mộ[75] như thế mới đáng mặt tạp chí chứ! Còn nội dung của nó thì cứ gọi là lác mắt... Mới đây chú có đến một nơi, thấy có cuốn sách trên bàn mới tò mò giở ra xem, thế là ngốn luôn một mạch ba trang liền. Đúng là lác mắt thật, người anh em ạ! Con biết chứ, cái gì cũng cắt nghĩa đến nơi đến chốn: nói giả dụ như đâu là ý nghĩa của các từ chổi, xẻng, gầu xúc, que thông lò? Cứ như chú thì chổi chỉ là cái chổi thôi; que thông lò cái que thông lò thôi! Chả phải thế đâu, người anh em ạ, còn lâu nhé! Theo nhà thông thái thì cái que thông lò không chỉ là cái que thông lò mà còn là một biểu tượng, một câu chuyện thần thoại hay một cái gì đó mà chú không nhớ... Thế chứ lị! Đúng là trình độ!

Tôi không biết đích xác là Foma Fomits toan phản ứng ra sao trước cảm nhận mới mẻ đó của chú tôi nhưng đúng lúc đó thì Gavrila xuất hiện, đứng cúi đầu bên ngưỡng cửa.

Foma Fomits đưa mắt nhìn lão một cách ý tứ.

- Xong rồi chứ, Gavrila? - ông ta hỏi bằng giọng nói không được khỏe như quả quyết.

- Xong rồi ạ, - Gavrila rầu rĩ đáp và thở dài.

- Cái tay nải của ta lão vứt hộ lên xe rồi chứ?

- Rồi ạ.

- Thôi được, ta cũng sẵn sàng rồi! - Foma Fomits nói và từ từ rời ghế đứng lên. Chú tôi ngạc nhiên nhìn ông ta. Tướng quân phu nhân đứng phắt lên và hớt hải nhìn quanh.

- Bây giờ cho tôi xin phép, thưa đại tá, - Foma cất tiếng với vẻ đĩnh đạc, - yêu cầu ngài tạm gác lại cái đề tài lý thú về hình tượng những cái xẻng đốt lò trong văn chương; đề tài này ngài có thể tiếp tục đi sâu khi không có tôi. *Trong giây phút vĩnh biệt ngài* tôi muốn được nói với ngài mấy lời cuối cùng...

Sợ hãi, ngạc nhiên, cử tọa ngồi ngây hết cả ra như phỗng.

- Foma! Foma! ông làm sao thế? Ông sửa soạn đi đâu đấy? - cuối cùng chú tôi hét toáng lên.

- Tôi sửa soạn rời khỏi nhà ngài, thưa đại tá, - Foma Fomits nói với giọng bình thản như không. - Tôi đã quyết chí ra đi, muốn đến đâu thì đến, thành thử tôi đã bỏ tiền túi ra mua một cỗ xe ngựa đơn sơ của cánh mugic. Bây giờ trong xe đang lăn lóc chiếc tay nải của tôi; chẳng nhiều nhặn gì: chỉ có mấy quyển sách gối đầu giường, hai bộ quần áo - thế thôi! Tôi nghèo, Egor Iliits ạ, nhưng bây giờ không có gì trên đời có thể bắt tôi cầm vàng cầm bạc của ngài, những thứ mà tôi đã khước từ ngay từ hôm qua!...

- Nhưng, lạy Chúa, thế là thế nào hở Foma? nghĩa lý làm sao? - chú tôi hét, mặt bợt ra.

Tướng quân phu nhân ré lên một tiếng thất thanh, đưa mắt nhìn Foma Fomits với vẻ chán chường, vươn hai tay về phía ông ta. Ả Perepelisina vội lao ra đỡ. Những người phụ nữ được cưu mang vẫn ngồi không nhúc nhích. Ông lớn Baktseev ì à ì ạch đứng lên.

- Đấy, vở kịch đã mở màn! - Mizintsikov thì thầm vào tai tôi.

Có tiếng sấm từ xa dội lại: cơn dông bắt đầu ập tới.

IV

TỐNG KHỨ

- Thưa ngài đại tá, có phải ngài đang muốn hỏi: “như thế nghĩa là sao?” - Foma cất tiếng với vẻ trịnh trọng, tuồng như đang có phần thích thú trước sự hoang mang ngơ ngác của tất cả mọi người. - Tôi lấy làm lạ trước câu hỏi của ngài! Xin ngài hãy giải thích cho tôi được rõ làm sao mà lúc này ngài còn có đủ can đảm để nhìn thẳng vào mắt tôi như thế được? xin ngài hãy giải cho tôi bài toán tâm lý cuối cùng này, bài toán xuất phát từ sự vô liêm sỉ của con người để tôi có thể thanh thản ra đi, chí ít cũng có thêm nhận thức về sự đồi bại của giống người.

Nhưng chú tôi đã không thể trả lời được nữa: ông chết lặng trân trân nhìn Foma với vẻ hãi hùng, mồm há hốc, mắt long lên.

- Giời đất ơi! khiếp quá! - ả Perepelisina rên lên.

- Thưa ngài đại tá, - Foma nói tiếp, - ngài có hiểu rằng giờ đây ngài có nhiệm vụ ngồi yên đấy để tôi đi, không được phép căn vặn hay không? Trong ngôi nhà của ngài thì ngay đến bản thân tôi, một người luống tuổi và biết nghĩ, đã bắt đầu lo lắng thực sự cho đức hạnh trong sáng của mình. Ngài hãy tin lời tôi là việc căn vặn nhau như thế là vô bổ, nó chỉ làm ê mặt ngài thôi.

- Foma! Foma!... - chú tôi hét lên, mồ hôi lạnh tứa ra trên trán.

- Và vì thế tôi chỉ xin có đôi lời từ biệt, dặn dò ngắn gọn ở đây, tại nhà ngài, Egor Iliits ạ. Việc đã xong, ví như ván đã đóng thuyền! Tôi hy vọng là ngài sẽ hiểu ý tôi. Tôi van ngài, tôi lạy ngài: nếu như trong trái tim ngài còn sót lại một chút mầm đức hạnh thì ngài hãy tìm cách chế ngự thói si mê cuồng dại của mình! Và nếu đám cháy còn chưa trùm lên cả tòa nhà thì ngài hãy cố mà dập lửa, vẫn còn cơ hội đấy!

- Foma! ta đoan chắc với ông là ông đã nhầm! - chú tôi hét lên khi đang dần dần tỉnh táo trở lại để có thể khiếp hãi nhận ra cái hồi kết đã đến gần, theo linh cảm.

- Hãy kiềm chế đam mê lại, - vẫn cái giọng trịnh trọng lúc đầu, Foma nói tiếp, cứ như không nghe thấy tiếng chú tôi vừa hét. - Hãy chiến thắng chính mình.

“Muốn chinh phục toàn thế giới - trước hết hãy chiến thắng chính bản thân mình!” Đó là nguyên tắc nhất thành bất biến của tôi. Ngài là một vị địa chủ; ngài phải ngời lên như ngọc trên lãnh địa của mình, vậy mà ngài lại nghiễm nhiên nêu gương xấu đến thế về sự phóng đãng cho bọn người cùng khổ mà ngài đang có trong tay! Tôi đã cầu nguyện cho ngài suốt những đêm ròng và đã phải hao tâm tổn trí tìm cách đem lại hạnh phúc cho ngài. Nhưng tôi thất bại vì hạnh phúc chỉ nằm trong đức hạnh mà thôi...

- Không thể thế được, Foma! - chú tôi lại ngắt lời ông ta, - ông đã hiểu sai và ăn nói lung tung...

- Có nghĩa là ngài phải nhớ rằng mình là một vị địa chủ, - Foma nói tiếp, cứ việc bỏ ngoài tai lời phản bác của chú tôi. - Chớ nghĩ là địa chủ thì cứ phải chơi bời. Nghĩ thế thì nguy hiểm quá! Làm gì có chuyện chơi bời, mà chỉ có siêng năng cần mẫn, tận tụy với Chúa Trời, với Nga hoàng và tổ quốc. Thiên chức của người địa chủ là lao động, lao động và lao động như bất cứ một gã nông dân nào đang cày cấy cho mình!

- Sao, ta lại phải đi cày thay cho gã mugic hay sao? - Baktseev lầu bầu, - ta là một anh địa chủ cơ mà...

- Bây giờ ta mới nói chuyện với các người, các gia nhân nhé, - Foma nói với Gavrila và Falalei vừa xuất hiện ngay ở cửa ra vào, - các người phải biết yêu quý các chủ nhân, hãy ngoan ngoãn lễ phép mà hầu hạ họ, có thế các vị mới yêu quý mình. Còn ngài, thưa đại tá, xin ngài hãy đối xử công bằng và cũng nên thông cảm với bọn họ. Con người ở đây - như người ta thường nói, là hình bóng Chúa, thật chẳng khác nào một đứa bé con được Nga hoàng và tổ quốc ủy thác cho ngài. Trách nhiệm lớn lao, nhưng công lao của ngài cũng thật lớn lao!

- Foma Fomits thân mến! ông đã toan tính chuyện gì thế nhỉ? - tướng quân phu nhân kêu lên với vẻ bàng hoàng tưởng như sắp ngất đi vì khiếp hãi.

- Thôi, hình như cũng tạm đủ rồi đấy nhỉ? - Foma hét lên, thậm thí không để ý gì đến tướng quân phu nhân nữa. - Bây giờ tôi nói đến mấy việc cụ thể; nó chỉ là việc nhỏ, nhưng cần thiết đấy, Egor Iliits ạ. Cỏ ở khu đất trống mé Harin đến giờ vẫn chưa cắt đấy. Ngài hãy cho cắt ngay đi kẻo muộn. Tôi xin nhắc thế...

- Nhưng, Foma...

- Tôi biết là ngài đang có ý định đốn hết cây ở khu Zirianov; tôi xin có thêm một lời khuyên: đừng làm thế. Hãy giữ lấy rừng vì rừng giữ được độ ẩm cho lớp

đất bên trên... Rất tiếc là ngài đã cho gieo lúa xuân quá muộn, lạ thật, muộn quá chứ lị!...

- Nhưng, Foma ạ...

- Thôi, nói thế thôi! Nói thế nào cho hết được, vả lại cũng không có thời gian! Tôi sẽ gửi cho ngài một bản khuyến cáo, tôi sẽ viết vào một quyển vở? Thôi, xin từ biệt, xin chào cả nhà. Cầu Chúa phù hộ cho cả nhà! Ta cũng cầu chúc cho con mọi sự tốt lành, con trai nhé, - ông ta nói với Iliusa, - cầu Chúa phù hộ cho con tránh được những đam mê độc hại sau này! Ta cũng cầu chúc cho con mọi điều tốt đẹp, Falalei nhé; hãy quên cái điệu Komarin chết tiệt ấy đi!... Tôi cũng xin cầu chúc cho ngài, cho cả nhà... Xin đừng quên Foma... Nào, đi thôi, Gavrila! Đỡ ta lên xe nào, lão già!

Và Foma bước thẳng ra cửa. Tướng quân phu nhân kêu lên the thé và lao theo ông ta.

- Không được, Foma! Ta không để ông đi như thế này được! - chú tôi đuổi theo túm lấy tay ông ta và hét toáng lên.

- Sao, ngài lại muốn dùng vũ lực ư? - Foma Fomits hỏi với vẻ ngạo mạn.

- Ừ đấy... cả vũ lực nữa! - chú tôi đáp, người run lên vì hồi hộp. - Ông đã nói quá nhiều, ông phải giải thích rõ ràng đi đã! Ông chưa đọc kỹ bức thư của tôi đâu, Foma ạ...

- Thư thiếc gì! - Foma hét lên lạc cả giọng, lập tức phát khùng lên như bộc phá hẹn giờ, - thư thiếc gì! Đây thư đây, thư của ngài đây! nó đây! Tôi xé nó đây này, tôi nhổ bọt vào nó đây này! Tôi dẫm nát nó để thực hiện cái nghĩa vụ thiêng liêng nhất đối với nhân loại đây này! Tôi làm thế đấy, một khi ngài giở vũ lực ra với tôi, bắt phải giải thích đấy! Ngài thấy rõ rồi đấy nhé! Thấy rõ rồi đấy nhé!

Và giấy vụn bay lả tả khắp phòng.

- Ta nhắc lại, Foma nhé, ông vẫn chưa hiểu! - chú tôi hét lên, mặt càng lúc càng tái mét, - ta đang cầu hôn đấy, Foma ạ, ta đang mưu cầu hạnh phúc của mình...

- Cầu hôn! Ngài đã quyến rũ được cô gái ấy, giờ lại còn đem chuyện cầu hôn ra để bịt mắt tôi chính vì đêm qua tôi thấy ngài ôm ấp cô ấy ở ngoài vườn, sau bụi rậm!

Tướng quân phu nhân hét lên một tiếng và lả ra trong ghế bành. Cảnh náo loạn khủng khiếp bỗng trào dâng. Tội nghiệp cho Nastenka, cô ngồi lặng đi, mặt

tái mét, đúng là một thây ma. Sasenka hốt hoảng ôm chầm lấy Iliusa, em đã phát sốt, run lẩy bẩy.

- Foma Fomits! - chú tôi quát tháo một cách điên cuồng. - Ông để lộ chuyện đó ra có nghĩa là ông đã có một hành vi hèn hạ nhất đời!

- Tôi bóc trần sự thật này ra, - Foma Fomits rít lên, - có nghĩa là tôi đã có một hành vi cao đẹp nhất đời! Tôi được chính Chúa Trời phái xuống trần gian để vạch trần bộ mặt xấu xa nhơ nhuốc của kẻ tội đồ ra trước mắt bàn dân thiên hạ! Tôi sẵn sàng trèo lên một mái lều tranh của nông dân mà gào lên về hành động đốn mạt của ngài cho tất cả các địa chủ quanh vùng và khách vãng lai được biết! Vâng, tất cả các vị, tất cả, phải biết rõ rằng đêm qua tôi đã bắt được ông ta đang quấn lấy cái cô gái có vẻ mặt vô cùng ngây thơ trong trắng kia ở ngoài vườn, bên bụi rậm!...

- Ái chà chà, nhơ nhuốc quá! - ả Perepelisina léo nhéo.

- Foma, liệu hồn đấy! - chú tôi quát, hai bàn tay nắm lại thành nắm đấm, mắt long lên.

- ...Còn ông ta, - Foma rít lên the thé, - ông ta hoảng sợ vì bị tôi nhìn thấy bèn đánh bạo viết thư cho tôi, dùng lời lẽ dối trá hòng lung lạc tôi, một con người trung thực và ngay thẳng để lấp liếm tội lỗi của mình - vâng, đúng là tội lỗi! ngài đã biến một cô bé còn quá đỗi ngây thơ thành...

- Nếu ông còn dám mở mồm ra một lời nhục mạ cô ấy nữa thì ta thì ta giết ông ngay, Foma ạ, ta thề với ông như vậy!..

- Tôi nói chứ, vì ngài đã kịp biến một thiếu nữ ngây thơ trong trắng thành một quái nữ cực kỳ đồi bại!

Foma vừa nói dứt câu thì đã bị chú tôi túm chặt lấy hai vai nhấc bổng lên như nhấc một con nhái và ném thẳng cánh vào cánh cửa kính cuối phòng. Cú ném mạnh đến nỗi hai cánh cửa đang khép bỗng bật toang và Foma lăn lông lốc qua bảy bậc đá, nằm thẳng cẳng ra sân. Kính vỡ bay lạo xạo, văng tung tóe xuống các bậc thềm.

- Gavrila, bốc lão lên xe! - chú tôi quát, mặt bợt ra như mặt người chết đuối, - cho lên xe ngựa, tống khứ ngay lập tức khỏi Stepantsikovo!

Nghĩ gì thì nghĩ, hẳn Foma Fomits cũng không lường được một kết cục lạ lùng đến thế.

Tôi không có ý định mô tả cảnh tượng diễn ra trong những phút đầu tiên sau một sự cố như thế. Tiếng gào thét xé ruột xé gan của tướng quân phu nhân lúc

này đã lả ra trong ghế bành, bộ dạng sửng sốt của ả Perepelisina trước hành động của chú tôi, con người xưa nay vẫn một bề nhu thuận, tiếng kêu la thảng thốt của đám phụ nữ được cưu mang, Nastenka hoảng hốt đến ngất đi, bên cạnh là ông bố loay hoay không biết làm gì, Sasenka cũng xỉu luôn vì sợ, chú tôi thì ruột gan như lửa đốt, cứ sải bước đi đi lại lại trong phòng, mong mẹ mau mau tỉnh lại; cuối cùng là tiếng khóc ầm ĩ của Falalei đang khóc thương các ông lớn của mình, - tất cả đã tạo nên một cảnh tượng lạ lùng khôn tả. Xin nói thêm là đúng lúc đó thì cơn dông mạnh ầm ầm ập tới, tiếng sấm đinh tai vang lên mỗi lúc một dày, mưa xối xả quất tơi bời vào cửa sổ.

- Đúng là lễ hội tưng bừng! - ông lớn Baktseev khẽ nghiêng đầu, dang rộng hai tay và cất giọng lầu bầu.

- Thế này thì gay quá! - tôi thì thầm vào tai ông, hồi hộp không kém, - nhưng chí ít cũng đã tống khứ được cái lão Fomits ấy rồi.

- Mẹ! mẹ đã tỉnh lại chưa? mẹ có đỡ không? cuối cùng mẹ có thể nghe con nói không? - chú tôi dừng lại bên chiếc ghế bành của mẹ mình và cất tiếng hỏi.

Bà tôi ngẩng đầu lên, chắp tay lại và đưa mắt nhìn con trai với vẻ van vỉ, đứa con mà cả đời bà chưa thấy nó hung hãn như thế bao giờ.

- Mẹ! - ông nói tiếp, - giọt nước tràn ly, chính mẹ đã thấy rồi. Con thì vẫn chưa muốn thưa chuyện đâu, nhưng thực ra đã đến lúc rồi, và cũng chẳng việc gì phải trì hoãn nữa! Mẹ đã nghe rõ lời vu cáo, mẹ cũng đã nghe hết lời biện bạch. Thưa mẹ, con yêu người thiếu nữ rất mực cao quý và vô cùng cao thượng ấy, con đã yêu cô ấy từ lâu và còn yêu mãi mãi. Cô ấy sẽ đem lại hạnh phúc cho các con con và sẽ là đứa con hiền thục của mẹ, nên lúc này đây, trước mặt mẹ, trước mặt những người ruột thịt và những người thân, con xin trịnh trọng đệ lời thỉnh cầu của con xuống dưới chân cô ấy và cầu xin cô ấy ban cho con niềm vinh hạnh vô biên là bằng lòng làm vợ con!

Nastenka giật bắn người, mặt đỏ lựng lên và rời ghế bành đứng phắt lên ngay. Tướng quân phu nhân cứ giương mắt nhìn con chằm chằm như không hiểu nó nói gì với mình và bỗng gào lên đến chói tai, cùng lúc lao ra quỳ thụp xuống trước mặt con.

- Egoruska, con yêu của mẹ, con hãy đưa Foma Fomits trở lại đi! - người quát, - đưa trở lại ngay bây giờ! không thì đến tối mẹ sẽ chết không có ông ấy bên cạnh!

Chú tôi lặng người đi khi nhìn thấy mẹ già, người phụ nữ vốn ngang tàng, khó tính xưa nay, lại phủ phục ngay trước mặt mình. Cảm giác đau đớn hiện lên trên nét mặt ông; cuối cùng ông sực tỉnh, lao ra đỡ người dậy và đưa người trở lại ghế bành.

- Đưa Foma Fomits trở lại đi, Egoruska! - bà già tiếp tục gào lên, - đưa ông ấy trở lại đi, con yêu quý! Mẹ không thể sống thiếu ông ấy được!

- Mẹ! - chú tôi rên rỉ,- con vừa nói với mẹ như thế mà mẹ không nghe thấy tý gì chăng? Con không đưa Foma trở lại được đâu hãy hiểu cho con! con không thể và không được phép làm như vậy một khi ông ấy đã buông ra lời vu cáo hèn hạ và đốn mạt nhất đời đối với đấng thiên thần danh dự và đức hạnh kia. Mẹ có hiểu cho con không, thưa mẹ, đây là lúc trách nhiệm và danh dự của con buộc con phải đứng ra khôi phục phẩm giá cho người khác! Mẹ đã nghe thấy rồi đấy: con đang chính thức cầu hôn cô gái ấy và cầu xin mẹ tác thành cho chúng con.

Tướng quân phu nhân lại bứt khỏi chỗ ngồi, lao ra quỳ thụp xuống trước mặt Nastenka.

- Con gái yêu của ta! - bà hét lên the thé, - xin con đừng lấy nó! con đừng lấy nó mà hãy đòi nó tìm cách đưa Foma Fomits trở lại đi! Con gái yêu của ta, Nastasiia Evgrafovna! Ta sẽ cho con hết, sẽ hy sinh hết cho con, nếu con không lấy nó. Ta chưa tiêu hết tiền đâu, già lão rồi mà, sau khi chồng khuất núi thì vốn liếng trong tay cũng vẫn còn chút đỉnh. Tất cả sẽ là của con, mà Egoruska cũng sẽ biếu con thêm, chỉ xin con đừng chôn sống ta thôi, con hãy đòi nó đưa Foma Fomits trở lại đi!..

Và chắc hẳn bà già con nài nỉ van xin nhiều nếu Perepelisina cùng cả đám phụ nữ được cưu mang không la hét ùa ra đỡ người đứng dậy, đời thuở nhà ai lại đi quỳ dưới chân một đứa đi dạy học thuê như thế bao giờ. Nastenka đứng không vững vì quá sợ, còn Perepelisina thì tức giận đến phát khóc lên.

- Ngài giết chết mẹ mất thôi, - ả quát chú tôi, - chính ngài là đứa con giết mẹ đấy ạ! Còn cô nữa, Nastasiia Evgrafovna, chia rẽ mẹ con nhà người ta như thế là không được đâu đấy ạ; đó cũng là điều Chúa cấm con chiên không được làm đấy ạ...

- Anna Nilovna, cô ngậm mồm vào! - chú tôi quát. - Ta không chịu nổi nữa đâu!..

- Em cũng hết chịu nổi ngài rồi đấy ạ. Chỉ vì em là đứa mồ côi mà ngài rẻ rúng em ư? Ngài còn định hắt hủi em đến bao giờ nữa? Em sẽ xin ra khỏi cái nhà này... đúng thế... ngay hôm nay đấy ạ!..

Nhưng chú tôi không thèm nghe ả nói: ông đến bên Nastenka và trân trọng nắm lấy tay cô ta.

- Nastasiia Evgrafovna! em đã nghe rõ lời cầu hôn của anh chưa? - ông nói và đưa mắt nhìn cô với vẻ âu sầu, gần như tuyệt vọng.

- Không được, Egor Iliits ạ, không được! Tốt nhất là chúng ta hãy gác lại chuyện này, - Nastenka đáp, đến lượt mình tỏ ra thực sự ngã lòng. - Chẳng đi đến đâu đâu, - cô nói tiếp, nắm chặt hai tay ông, nước mắt đầm đìa. - Sau câu chuyện hôm qua thì anh nghĩ thế thôi... nhưng có muốn cũng không thành, chính anh thấy đấy. Chúng ta đã sai lầm, Egor Iliits ạ... Còn em, em sẽ luôn luôn nhớ tới anh như nhớ tới một ân nhân và... em sẽ mãi mãi cầu nguyện cho anh!..

Cô nghẹn ngào không nói được nữa. Ông chú tội nghiệp của tôi hẳn đã linh cảm được câu trả lời như vậy, ông thậm chí không biết tính chuyện phản bác, nài nỉ gì nữa... Ông chỉ cúi xuống bên cô, lẳng lặng lắng nghe cô nói, tay vẫn giữ lấy tay cô, mặt mày ủ rũ, nước mắt vòng quanh.

- Em đã nói với anh ngay từ tối hôm qua, - Nastiia nói tiếp, - rằng em không thể lấy anh được. Anh thấy đấy: gia đình anh có đón nhận em đâu... mà tất cả những điều đó em cũng đã linh cảm được từ lâu, mẹ anh sẽ chẳng tác thành cho chúng ta đâu... *những người khác* cũng thế thôi. Dù cho sau này anh cũng sẽ không hối tiếc vì anh là người quảng đại, nhưng anh vẫn phải chịu nhiều bất hạnh vì em... do bản tính hiền hậu của anh...

- Chính do cái *bản tính hiền hậu* của ngài đấy ạ! chính thế đấy ạ! con nói đúng Nastenka ạ! - ông bố già đang đứng đằng sau chiếc ghế bành cất tiếng tán đồng, - phải nói như thế mới đúng.

- Em không muốn vì em mà gia đình anh đi đến chỗ lục đục, - Nastenka nói tiếp. - Còn về em thì anh khỏi lo, Egor Iliits ạ: không ai động được đến em đâu, không ai làm gì được em đâu... em sẽ ở với bố em... ngay hôm nay đấy... Tốt nhất là chúng ta hãy chia tay, Egor Iliits ạ...

Tội nghiệp cho Nastenka, cô lại không cầm được nước mắt.

- Nastasiia Evgrafovna! lẽ nào đó là lời cuối cùng của em? - chú tôi nói và nhìn cô với vẻ đau buồn không xiết. - Chỉ cần em nói với anh một lời thôi - anh sẽ hy sinh tất cả vì em!

- Lời cuối cùng rồi đấy ạ, Egor Iliits ạ, - Ejevikin lại tiếp tục giữ vai phò tá, - và em nó đã giải thích cho ngài rõ ràng đến mức lão cũng phải ngạc nhiên đấy ạ. Ngài là người cực kỳ nhân hậu. Egor Iliits ạ, đúng là cực kỳ nhân hậu, và ngài đã làm cho em nó cảm thấy vô cùng vinh dự, vô cùng vinh dự! Nhưng dù sao em nó cũng không xứng với ngài, Egor Iliits ạ. Ngài cần phải có một vị hôn thê vừa giàu có, vừa quyền quý cao sang, vừa xinh đẹp mĩ miều, vừa uy nghi đường bệ để ngày ngày đi lại trong các phòng ốc, kim cương lấp lánh và lông đà điểu mượt mà suốt từ đầu đến chân chứ ạ... Lúc bấy giờ thì có lẽ đến Foma Fomits cũng phải nhượng bộ... và chúc tụng đấy ạ! Còn Foma Fomits thì ngài hãy liệu mà đưa trở lại đi. Ngài đã xuống tay với vị ấy một cách quá phũ phàng đấy ạ! Mà thực ra vị ấy cũng chỉ xuất phát từ lòng tốt, mà cũng tại nóng tính quá nữa, nên không biết giữ mồm giữ miệng đấy thôi... Rồi chính ngài cũng sẽ khổ vì cái miệng cho xem, cho dù động cơ của mình là tốt! Vị ấy là người có nhân cách miễn chê đấy ạ. Bây giờ mưa gió thế này thì thế nào mà chả ướt như chuột lột ạ... Tốt nhất là tìm cách đưa vị ấy trở lại ngay bây giờ... sớm muộn rồi cũng phải đưa về đấy ạ...

- Mau mau đưa ông ấy trở lại đi! - tướng quân phu nhân quát, - ông bạn già yêu quý của mẹ bảo con như thế là chí phải!

- Đúng đấy ạ, - Ejevikin nói tiếp, - xin đừng để thân mẫu của ngài phải nhọc lòng vô ích như thế nữa... Ngài cho đưa vị ấy trở lại đi thôi! Trong lúc đó thì bố con tôi xin phép lên đường...

- Gượm hẵng, Evgraf Larionits! - chú tôi hét lên, - ta van ông! Cho ta nói với ông một lời này nữa, chỉ một lời thôi...

Nói xong câu gì đó với ông già, ông quay vào góc nhà, ngồi xuống ghế bành, đầu cúi thấp, hai tay bưng mặt như đang mải mê suy ngẫm điều gì.

Ngay lúc đó thì một tiếng sét khủng khiếp vang lên sát sạt mái nhà. Cả ngôi nhà rung lên. Tướng quân phu nhân hét lên, Perepelisina cũng hét, những người phụ nữ được cưu mang thì hốt hoảng đưa tay làm dấu, ông lớn Baktseev cũng chỉ biết làm theo.

- Lạy đấng tiên tri Iliia! - năm, sáu giọng thì thầm đồng loạt cất lên.

Tiếp sau tiếng sấm vang trời là mưa như trút nước, tưởng như cả một hồ nước bỗng úp chụp xuống làng Stepantsikovo.

- Còn Foma Fomits thì lúc này ở ngoài đồng ông ấy sẽ ra sao? - ả Perepelisina cất giọng eo éo.

- Egoruska, con cho đưa ông ấy trở lại đi! - tướng quân phu nhân quát lên với giọng rầu rĩ và lao nhanh ra cửa như người mất trí. Những người phụ nữ được cưu mang túm chặt lấy người; họ xúm đến bên người, an ủi, khóc than, la hét. Hỗn loạn kinh người!

- Ông ấy đánh mỗi cái áo ngoài đấy ạ: giá mang theo được cái áo ca-pôt thì còn đỡ! - Perepelisina nói tiếp. - Ô cũng chẳng mang. Sét đánh chết chứ chẳng chơi!...

- Thế nào cũng đánh chết! - Baktseev phụ họa, - rồi tha hồ mà ngấm nước mưa.

- Ngài im đi cho con nhờ! - tôi khẽ nhắc ông.

- Thế ông ấy có phải là người không? - Baktseev giận dữ đáp. - Chó thì chả phải rồi. Tự ông ấy thì vạ gì mà phải nhao ra đường như thế. Ma xui quỷ khiến đấy thôi: mau đi tắm đi, sướng đáo để đấy!

Cảm thấy cái kết cục đáng sợ đã đến gần, tôi đến bên chú tôi lúc này đang ngồi ngẩn ra trong ghế bành.

- Thưa chú, - tôi cúi xuống nhỏ vào tai ông, - chú lại đồng ý đưa Foma Fomits trở lại hay sao? Xin chú hiểu cho là làm thế thì khiếm nhã vô cùng, chí ít là trong lúc Nastasiia Evgrafovna còn đang ở đây.

- Anh bạn trẻ của chú này, - chú tôi ngẩng đầu lên nhìn thẳng vào mắt tôi với vẻ cương quyết và trả lời, - giờ đây chú đã thấy được chỗ hèn kém của mình và đã biết phải làm gì! Cháu khỏi lo, không thể có chuyện lếu láo với Nastiia được, chú sẽ có cách.

Ông đứng lên và đến bên mẹ già.

- Thưa mẹ! - ông nói, - mẹ cứ yên tâm: con sẽ đưa Foma Fomits trở lại, con sẽ đuổi kịp ông ấy: ông ấy chưa thể đi xa được. Nhưng con xin thề là ông ấy chỉ có thể trở lại với chúng ta với một điều kiện duy nhất: đó là ngay tại đây, một cách công khai trước mặt tất cả những người từng chứng kiến hành vi nhục mạ người khác của ông ta, ông ta phải chính thức nhận lỗi và trịnh trọng xin lỗi người thiếu nữ rất mực cao quý này. Con phải làm được điều này! Con sẽ bắt ông ấy phải thực hiện! Không thì đừng hòng đặt chân vào cái nhà này! Con cũng xin trịnh trọng thề với mẹ rằng: nếu ông ấy tự nguyện làm theo ý con thì con sẵn sàng phủ phục dưới chân ông ấy và hiến tặng ông ấy tất cả, tất cả những gì có thể, miễn là không làm ảnh hưởng đến các con con! Còn bản thân con thì kể từ hôm đó con sẽ xa lánh hết. Ngôi sao hạnh phúc của con đã lu mờ! Con sẽ rời bỏ

Stepantsikovo. Cả nhà hãy sống yên vui và hạnh phúc ở đây. Con sẽ trở lại trung đoàn - và trong bão táp chiến tranh, trên chiến trường ác liệt, con sẽ phó thác cuộc đời cho số phận hẩm hiu... Thôi đủ rồi! con đi đây.

- Đúng lúc đó thì cánh cửa bật ra và lão Gavrila ướt như chuột lột, bẩn như dưới lỗ móc lên bỗng hiện ra làm cho mọi người sợ hết vía.

- Lão làm sao thế? ở đâu về đấy? Foma đâu? - chú tôi vừa đâm bổ đến trước mặt Gavrila vừa quát hỏi om sòm.

Mọi người ùa theo ra quây lấy lão với vẻ tò mò háo hức trong lúc nước bẩn trên người lão vẫn đang chảy ròng ròng. Mỗi lời lão thốt ra đều làm bật lên những thán ngữ sôi động: ôi giời, ái dà, ái chà chà, có cả tiếng la hét nữa.

- Tôi bỏ ngài ấy lại bên bìa rừng bạch dương, cách đây một dặm rưỡi, - lão cất tiếng nghẹn ngào. - Con ngựa thấy sét đánh hoảng quá lao thẳng xuống mương mà.

- Thế đấy... - chú tôi hét lên.

- Cỗ xe lăn kềnh ra...

- Thế đấy... thế còn Foma?

- Ngài ấy tõm xuống mương ạ.

- Rồi sao nữa, kể nốt đi chứ, cái lão quỷ sứ này!

- Ngài ấy bị thúc vào mạng sườn và khóc tu tu đấy ạ. Tôi tháo con ngựa ra phóng vội về trình báo luôn đấy ạ.

- Thế Foma Fomits ở lại đấy à?

- Ngài ấy đứng dậy và chống gậy đi tiếp, - Gavrila kết thúc rồi thở dài và cúi đầu đứng im.

Nước mắt và tiếng nức nở của nữ giới lúc này thật không bút nào tả được.

- Bay đâu? Con Polkan! - chú tôi hét và lao thẳng ra sân. Con Polkan được dắt đến, chú tôi nhảy phốc lên lưng ngựa, không cần yên cương và chỉ một lát sau tiếng vó ngựa đã cho chúng tôi biết là cuộc truy đuổi Foma Fomits đã bắt đầu. Chú tôi thậm chí còn để đầu trần, không đội mũ lưỡi trai như mọi bữa.

Cánh phụ nữ ùa cả đến bên các cửa sổ. Giữa những tiếng kêu than nghe thấy cả những lời khuyên. Nào là phải xoa bóp Foma Fomits bằng rượu mạnh, nào là phải có nước trà búp, nào là Foma Fomits vẫn đang rỗng ruột: “từ sáng chưa có chút gì vào bụng đấy ạ”. Ả Perepelisina nhặt được cái kính ông ta bỏ quên, vẫn để trong bao, và việc tìm ra kho báu đã có ngay hiệu ứng phi thường: tướng quân phu nhân gào khóc xông tới chộp ngay lấy kính, giữ rịt lấy nó bằng cả hai

tay mà quay lại chỗ cửa sổ, dán mắt vào con đường ngoài kia. Nóng lòng sốt ruột đến thế là cùng... Ở góc đằng kia Sasenka đang an ủi Nastiia: hai thầy trò cứ ôm nhau khóc. Nastenka giữ Iliusa trong tay, chốc chốc lại hôn hít chia tay với cậu học trò. Iliusa cứ khóc rưng rức dù còn chưa biết tại làm sao. Ejevikin và Mizintsikov đang bàn luận tay đôi ở một góc nhà. Tôi có cảm tưởng là Baktseev dường như cũng muốn mếu máo mỗi khi đưa mắt nhìn cánh đàn bà. Tôi đến bên ông.

- Không, anh bạn ạ, - ông nói với tôi, - Foma Fomits lẽ ra cũng đã đi xa rồi đấy nhưng đúng là chưa đến lúc: người ta chưa kiếm được mấy con bò đực sừng bằng vàng thỏi để thắng vào xe cho ông ấy! Đừng lo, anh bạn ạ, bị chủ đuổi rồi đấy nhưng trước sau vẫn ở lại thôi!

Dông tố đã qua và rõ ràng ông lớn Baktseev đã thay đổi chính kiến.

Bỗng có tiếng reo: “Kia rồi! kia rồi!” - và cánh đàn bà la hét đổ xô ra cửa. Rất lạ là chưa đến mười phút mà chú tôi đã đưa được Foma Fomits về, nhưng câu đố đã được giải một cách cực kỳ đơn giản: đuổi Gavrila về, quả thật Foma Fomits đã “chống gậy lần đi”, nhưng khi đã thấy mình quá đỗi đơn độc giữa trời mưa gió, ông ta đã run như cầy sấy, quay ngay trở lại và cứ thế chạy gằn theo Gavrila. Chú tôi chộp được ông ta ngay trong làng. Họ ra hiệu cho một cỗ xe bắt gặp trên đường dừng lại: bọn mugic xúm đến bên Foma Fomits lúc này đã nguôi giận hẳn, bốc ông ta lên xe. Như vậy mọi người đã đưa ông ta đến tận vòng tay của tướng quân phu nhân, tuy rằng thoạt nhìn thấy ông ta gớm ghiếc thế kia, người đã sợ hết hồn hết vía. Ông ta còn bẩn và ướt hơn cả Gavrila. Nhà cửa loạn hết cả lên: tướng quân phu nhân bắt lôi ngay ông ấy lên gác để thay đồ, mọi người quát hét nhau đi tìm cây cơm cháy[76] và các loại thuốc bổ, chạy ngược chạy xuôi tám hướng mười phương, làm ầm lên như vỡ chợ... Nhưng Foma Fomits dường như không để ý đến ai, đến chuyện gì hết. Người ta dìu ông đi. Đến bên chiếc ghế bành của mình, ông ngồi phịch xuống và nhắm mắt lại. Có ai đó bỗng tru lên là ông đang “đi”: tiếng gào rú nổi lên đến rợn tóc gáy, nhưng gào to hơn cả là Falalei, nó đang cố len qua cả đám các bà các cô mà đến bên Foma Fomits để mau mau được hôn tay ông lớn...

V

FOMA FOMITS ĐEM LẠI HẠNH PHÚC CHUNG

- **N**gười ta đưa tôi đi đâu thế này? - cuối cùng Foma cất tiếng với giọng một nghĩa sĩ dám chết vì công lý.

- Đồ hèn nhát thối thây! - Mizintsikov thì thào bên tai tôi, - cứ như không trông thấy người ta đưa gã đi đâu ấy. Sắp sửa uốn éo đấy!

- Ông đang ngồi với bọn ta, Foma Fomits ạ, ông đang có mặt giữa những người thân thiết! - chú tôi hét lên. - Tươi tỉnh lên đi, yên tâm đi! Ừ, đúng đấy, đi thay quần áo luôn, không là ốm đấy, Foma ạ... À này, có muốn tẩm bổ tí chút không? này nhé... một ly nhỏ loại gì đó, cho nó ấm người...

- Có malaga[77] thì tôi xin, - Foma Fomits cất giọng thều thào, lại nhắm mắt vào.

- Malaga ư? Chưa chắc chúng ta đã có! - chú tôi nói, lo lắng đưa mắt nhìn Praskovia Ilinitsna.

- Làm gì có chuyện! - Praskovia Iliitsna đáp, - còn những bốn chai cơ, - và lập tức khua chìa khóa kêu rủng rẻng, cô chạy đi lấy malaga trong tiếng hò hét của tất cả các bà các chị đang bâu lấy Foma Fomits như ruồi bâu đĩa mứt. Ngược lại, ông lớn Baktseev lại trở nên quá đỗi bất bình.

- Vòi malaga cơ đấy! - ông lầu bầu rõ to, - rồi còn vòi rượu vang hảo hạng nữa cho mà xem! Đấy, thử hỏi bây giờ còn có ai được uống malaga như cái hạng đốn mạt ấy không? Hừ, ta chịu các người, cả một đám dấm dớ! Ờ, mà ta còn chường mặt ra ở đây làm gì nữa? còn mong ngóng gì ở đây nữa?

- Foma! - chú tôi mở đầu câu chuyện, ấp a ấp úng, - thôi đấy bây giờ... ông đã được nghỉ ngơi một chút và lại ngồi cùng với cả nhà... có nghĩa là... ta muốn nói... Foma ạ, rằng ta hiểu là... sau khi đã buộc tội, như người ta thường nói, một sinh linh bé bỏng, còn trong trắng ngây thơ...

- Đâu, đâu, tuổi thơ của tôi đâu? - Foma Fomits bắt chuyện một cách ngô nghê như đang cơn mê sảng, - những ngày vàng ngọc của tôi đâu? Đâu rồi, thời ấu thơ vàng ngọc của tôi, những ngày mà tôi mới chỉ là một chú bé hồn nhiên, xinh xắn, mê mải đuổi theo một cánh bướm mùa xuân trên những cánh đồng?

đâu rồi, cái thời thơ mộng ấy đâu rồi? Hãy trả lại thời bé dại cho tôi, hãy trả lại cho tôi!..

Và dang rộng hai tay, Foma lần lượt hỏi tất cả mọi người, cứ như thời bé dại của ông ta đang nằm trong túi áo túi quần ai đó giữa chúng tôi. Baktseev nghe hỏi mà lộn ruột.

- Ông ấy đòi hỏi cái của nợ gì thế không biết! - ông cảu rảu. - Các vị quẳng cho ông ấy cái thời bé dại ấy đi! Ông ấy đang muốn hôn hít nó hay sao ấy? Chắc là hồi bé ông ấy cũng đã là một đứa bất trị như bây giờ rồi! chắc chỉ thế thôi.

- Foma!... - chú tôi toan trở lại khúc dạo đầu.

- Đâu rồi, đâu rồi, những ngày đẹp đẽ ấy, khi tôi còn tin vào tình yêu và còn yêu quý con người? - Foma hét lên, - khi tôi còn ôm lấy con người và khóc trên ngực con người? còn bây giờ thì sao nhỉ? tôi đang ở đâu đây? tôi đang ở đâu?

- Ông đang ngồi với bọn ta, Foma ạ, ông hãy yên tâm! - chú tôi hét lên, - ta đang muốn nói với ông thế này, Foma ạ...

- Bây giờ ngài im đi cho thì quý quá đấy ạ, - Perepelisina lầm bầm, cặp mắt lươn lóe lên dữ tợn.

- Tôi đang ở đâu? - Foma Fomits nói tiếp, - chung quanh tôi là ai? Đó là những con trâu con bò đã chĩa sừng vào người tôi. Mi là cái chi chi vậy hở cuộc đời? Anh cứ sống đi, cứ sống đi, cứ tạm bằng lòng với cái thân phận bơ vơ, tủi nhục, hèn hạ, vất vưởng của mình đi, và chỉ đến ngày đắp mộ cho anh người ta mới chợt nhớ ra, và nắm xương tàn của anh mới được người đời lo cho một tấm bia chặn xuống!

- Chết chửa, ông ấy lại cà kê sang chuyện mộ chí rồi! - Ejevikin vỗ tay đánh đét và nói khẽ.

- Ồ, các vị đừng dựng mộ chí cho tôi đấy! - Foma hét lên, - đừng dựng mộ chí cho tôi làm gì cả! Tôi không cần mộ chí! Các vị hãy dựng nó cho tôi ngay giữa trái tim mình, ngoài ra không cần gì hơn nữa, không cần!

- Foma! - chú tôi ngắt lời ông ta, - đủ rồi! yên đã nào! nói chuyện mộ chí làm quái gì. Ông hãy nghe ta nói đã... Ông thấy đấy, Foma, ta hiểu rằng có thể là ông cũng vì ta mới phải sôi cơm nóng nước lên như thế; nhưng ông đã vì cái tốt cái hay mà đi đến chỗ quá đà, Foma ạ, - ta đoan chắc với ông là ông đã sai lầm, Foma ạ...

- Ngài có thôi đi không ạ? - Perepelisina lại can gián, - có phải ngài đang muốn bóp chết một con người bất hạnh vì người ta đang nằm trong tay ngài không ạ?...

Nghe Perepelisina nói thế, tướng quân phu nhân cũng giật mình, vậy là cả phe cánh của người lập tức hùa theo, cả bọn xua tay rối rít hòng chặn họng chú tôi.

- Anna Nilovna, cô im đi thì có ấy, còn tôi thì tôi biết tôi đang nói gì! - chú tôi đáp một cách cứng cỏi. - Đây là một việc thiêng liêng! việc bảo toàn danh dự và công lý. Foma! ông là người chín chắn, ông phải xin lỗi người thiếu nữ rất mực cao quý đã bị ông nhục mạ ấy ngay bây giờ!

- Cô nào cơ? cô nào mà bị tôi nhục mạ nào? - Foma vừa hỏi vừa đưa mắt băn khoăn nhìn hết người nọ đến người kia như đã quên hết mọi chuyện và không hiểu đang có chuyện gì.

- Thế đấy, Foma ạ, nếu bây giờ ông thành thật nhận lỗi thì tôi thề với ông là ta sẽ quỳ gối xuống dưới chân ông, và lúc đó...

- Tôi nhục mạ ai ấy nhỉ? - Foma gào lên, - thiếu nữ nào cơ? Cô ấy đâu? người thiếu nữ ấy đâu? Xin ngài hãy nhắc lại cho tôi một điều gì đó về người ấy?

Ngay lúc đó thì Nastenka, vẻ bối rối và sợ sệt, đã đến bên Egor Iliits và đưa tay giật tay áo ông.

- Thôi, Egor Iliits ạ, kệ ông ấy, chả cần xin lỗi nữa đâu! để làm gì nữa nào? - cô ta nói với giọng van vỉ. - Vứt bỏ hết đi.

- A! tôi nhớ ra rồi! - Foma Fomits bỗng hét lên. - Giời đất ơi! tôi nhớ ra rồi! Ồ, các vị giúp tôi với chứ, giúp tôi nhớ lại đi nào! - ông ta van vỉ với vẻ xúc động ghê gớm. - Các vị hãy nói cho tôi biết: có đúng là người ta đã tống cổ tôi ra khỏi đây như đánh đuổi một con chó ghẻ gớm ghiếc hay không? Có phải là sấm sét đã làm tôi bạt vía không? Có phải người ta đã liệng tôi từ trên thềm xuống dưới kia không? Có đúng không, có đúng thế không?

Tiếng kêu khóc rầm rĩ của các bà các chị đã là câu trả lời đanh thép đối với Foma Fomits.

- Thế! Thế! - ông ta xác nhận, - tôi nhớ ra rồi... giờ thì tôi đã nhớ ra là sau khi bị sấm chớp làm cho kinh hồn bạt vía và ngã ngồi xuống mương thì tôi đã ba chân bốn cẳng chạy về đây trong tiếng sấm đì đùng để làm nốt phận sự của mình rồi một đi không trở lại. Các vị đỡ tôi đứng lên đi! Lúc này dù có yếu sức đến mấy tôi vẫn phải làm tròn bổn phận của tôi.

Mọi người lập tức đỡ ông ta rời ghế bành đứng lên. Foma đã vào vai diễn giả, giơ một tay lên.

- Thưa ngài đại tá! - ông ta hét lên, - bây giờ tôi tỉnh hẳn rồi, sấm sét vẫn chưa hủy hoại trí lực của tôi, thực ra thì tai phải vẫn còn bị váng, có thể chỉ do sấm một phần, chủ yếu là do ngã trên thềm xuống... Nhưng nói làm gì! Cái tai phải của Foma Fomits thì có nghĩa lý gì đối với ai đâu.

Câu cuối cùng được Foma làm toát lên cái mỉa mai chua chát lúc này còn ẩn hiện cả trong nụ cười thiểu não trên môi - một nỗi niềm thê thảm đến mức lại làm bật lên tiếng rên rỉ ở những người phụ nữ vốn dễ chạnh lòng trước cảnh bi thương. Tất cả bọn họ đều đưa mắt nhìn chú tôi ra chiều trách móc, có người còn tỏ ra tức giận khiến ông đã có phần nhụt chí trước phản ứng chung. Mizintsikov thây kệ sự đời, bỏ đến bên cửa sổ. Baktseev thúc khuỷu tay vào người tôi mỗi lúc một mạnh hơn, ông chẳng đứng yên được nữa.

- Bây giờ cả nhà hãy lắng nghe lời xưng tội của tôi! - Foma cất cao giọng, lướt nhìn cử tọa với ánh mắt tự hào và quả quyết, - và qua đó hãy quyết định số phận tên Opiskin khốn khổ này. Egor Iliits! tôi đã để ý theo dõi ngài từ lâu đấy, tôi đã hồi hộp đến lặng im mà theo dõi, và nắm được hết, nhìn thấy hết, trong lúc ngài vẫn không ngờ được là mình đã bị tôi theo dõi. Thưa ngài đại tá! có thể là tôi đã sai lầm, nhưng tôi đã biết được thói ích kỷ của ngài, lòng tự ái không bờ bến của ngài, thói hiếu sắc quái dị của ngài, vậy thử hỏi ai là người dám buộc tội tôi trong việc tôi cứ nặng lòng lo ngại cho danh tiết một cô nàng còn quá đỗi ngây thơ?

- Foma, Foma! rông dài quá đấy, Foma ạ! - chú tôi hét lên, đưa mắt lo lắng nhìn Nastenka với vẻ đau đớn hiện rõ trên gương mặt.

- Đối với tôi, sự ngây thơ và nhẹ dạ của cô này đều là chuyện đáng lo, nhưng lo nhất là sự ngờ nghệch, thiếu từng trải của cô nàng, - Foma nói tiếp, cứ như điếc. - Tôi nhận thấy mối cảm tình dịu ngọt đang nẩy nở trong trái tim cô ấy như bông hồng lúc sang xuân và bất giác nhớ tới câu nói bất hủ của Petrark “sự ngây thơ thường đứng bên bờ vực thẳm”[78]. Tôi thở vắn than dài và tuy đã sẵn sàng đem cả mạng sống của mình ra để bảo lãnh cho cô bé còn trong trắng như hạt ngọc trai kia, nhưng liệu có ai có thể đứng ra bảo lãnh ngài cho chính tôi không hở Egor Iliits? Vì đã biết rõ thói ham hố cuồng dại của ngài, biết được rằng ngài sẵn sàng đánh đổi tất cả vì những thú vui chốc lát, tôi bỗng rơi vào trạng thái hoảng sợ và lo lắng khôn nguôi cho số phận của một trong những cô nương cao quý vô ngần...

- Foma! ông đã nghĩ như thế thật ư? - chú tôi hét lên.

- Tôi đã chăm chú theo dõi ngài trong một tâm trạng hồi hộp đến lặng tim. Muốn biết tôi đã từng khổ sở ra sao, xin hãy tìm đến với Shakespeare: ngài ấy sẽ cho ngài thấy hết nỗi lòng tôi qua “Hamlet”. Tôi đã biến thành một kẻ đa nghi và xấu tính. Trong trạng thái nơm nớp lo âu và bực bõ như vậy, tôi thấy mọi thứ trên đời toàn một màu đen (không phải cái “màu đen” được ngợi ca trong thiên tình sử nổi tiếng đâu[79], - xin ngài hãy tin tôi!) Chính vì lẽ đó mà hồi ấy ngài cũng đã thấy tôi muốn tống khứ *cô ấy* ra khỏi cái nhà này: tôi muốn cứu cô ấy đấy ạ; chính vì lẽ đó mà suốt những ngày gần đây ngài thấy tôi như một thằng khùng, tôi điên tiết lên với cả loài người đấy ạ. Ôi! ai là người có thể hòa giải tôi với loài người được bây giờ? Có thể tôi đã có phần nghiệt ngã và vô lối với khách khứa của ngài, với cậu cháu của ngài, với ông lớn Baktseev, cứ đi vặn vẹo ngài ấy về thiên văn học; nhưng thử hỏi ai là người dám báng bổ nỗi lòng tôi lúc bấy giờ? Lại dẫn Shakespeare, tôi xin nói rằng trước mắt tôi lúc đó, tương lai đã là một vực sâu thăm thẳm đục ngầu mà dưới đáy đã chực sẵn một con cá sấu[80]. Tôi cảm thấy rằng việc cảnh báo tai họa cho đời chính là nghĩa vụ của tôi, thiên chức của tôi, - vậy mà sao? ngài đã không hiểu được những ý nguyện cao quý vô ngần nung nấu mãi hồn tôi và trong suốt thời gian đó đã báo đáp tôi bằng sự giận hờn, vô ơn, phỉ báng, sỉ nhục...

- Foma! nếu thế thì... tất nhiên, ta thông cảm... - chú tôi hét lên với tất cả niềm xao xuyến.

- Nếu ngài thực sự thông cảm với tôi, thưa đại tá, xin ngài hãy vui lòng nghe tôi nói nốt, chớ ngắt lời tôi. Tôi xin nói tiếp: tôi chỉ phải cái tội là đã quá nhức nhối về số phận và hạnh phúc của cô bé đó; vì so với ngài, cô ấy chỉ mới là một đứa trẻ mà thôi. Trong thời gian đó, lòng nhân ái cao cả đã biến tôi thành con quỷ đa nghi và dữ tợn, lúc nào cũng chỉ chực lăn xả vào người khác để hành hung. Và ngài có biết là mọi hành vi của ngài dường như đã cố tình khiến tôi mỗi lúc một thấy mình lo lắng thật không thừa và cho tôi thấy tất cả những mối nghi ngờ của tôi đều cấm có sai? Ngài có biết là hôm qua khi ngài vung tiền ra để gạt bỏ tôi, tôi đã nghĩ: “Ngài ấy dẫy mình ra cũng có nghĩa là rũ bỏ lương tâm để dễ bề phạm tội đấy thôi...”

- Foma, Foma! đúng là hôm qua ông đã nghĩ vậy sao? - chú tôi hét lên với vẻ kinh hoàng. - Lạy Chúa, thật không ngờ đấy!

- Đấng tối thượng đã gieo vào lòng tôi những mối nghi ngờ đó, - Foma nói tiếp. - Và xin ngài hãy tự xét xem là tôi còn có thể nghĩ gì khi giời xui đất khiến thế

nào mà tối hôm qua tôi lại dẫn xác đến bên cái ghế định mệnh ấy ở ngoài vườn? Tôi đã cảm thấy gì trong những giây phút ấy - trời ơi! - khi rốt cuộc đã tận mắt thấy rõ rành rành là chỉ trong chốc lát, những mối nghi ngờ của mình đã được xác minh một cách đầy thuyết phục? Nhưng tôi vẫn còn hy vọng, cố nhiên là hy vọng mong manh, nhưng dù sao vẫn là hy vọng - vậy mà sao? Sáng nay chính ngài đã làm nó tan thành mây khói! Ngài gửi thư cho tôi, cho biết ý định lấy vợ; van tôi đừng để lộ chuyện... “Nhưng tại sao - tôi nghĩ bụng, - tại sao phải đến đúng lúc này, khi ta đã bắt được quả tang, ngài ấy mới viết thư, mà không viết từ trước? Tại sao ngài ấy lại không chạy đến với ta từ trước, hớn hở và tươi đẹp - tình yêu vẫn làm mặt mày ta rạng rỡ đấy thôi, - tại sao lúc đó ngài ấy lại không lao vào vòng tay ấm áp của ta, không khóc trên ngực ta bằng những giọt nước mắt trào dâng trước niềm hạnh phúc vô biên và chia sẻ với ta tất cả mọi điều? Hay tôi là một con cá sấu chỉ có thể xơi tái ngài mà không có thể góp cho ngài một lời khuyên bổ ích? Hay tôi là con bò cạp chỉ có thể đốt chết ngài mà không thể vun đắp hạnh phúc cho ngài? “Mình là bạn của ngài ấy hay chỉ là đồ sâu bọ?” - đó chính là điều mà sáng nay tôi đã tự hỏi! “Rút cuộc thì nhằm mục đích gì, - tôi nghĩ, - nhằm mục đích gì mà ngài ấy lại viết thư triệu cậu cháu từ kinh đô về và làm mối cô bé cho cậu ta, nếu không phải là để đánh lừa cả chúng ta lẫn cậu cháu nhẹ dạ, trong lúc vẫn ngấm ngầm thực hiện những ý đồ đen tối?” Không, thưa ngài đại tá, nếu có người nào đó khiến cho tôi cả quyết rằng mối tình nồng thắm giữa hai người là tội lỗi thì đó chính là ngài, và chỉ có ngài thôi! Hơn nữa, ngài còn có tội với cô gái ấy vì qua sự vụng về và thói đa nghi vị kỷ của ngài, ngài đã làm cho cô gái ấy, một thiếu nữ trong trắng và đức hạnh, phải mắc tiếng oan và bị nghi ngờ kéo dài!

Chú tôi cúi đầu im lặng: lời hùng biện của Foma rõ ràng đã đè bẹp mọi phản ứng của ông, và ông đã tự thấy mình có lỗi về mọi mặt. Tướng quân phu nhân và vây cánh của người lặng lẽ và kính cẩn lắng nghe Foma nói, còn Perepelisina thì đưa mắt hằm hằm nhìn cô nàng Nastenka tội nghiệp.

- Phiền muộn, chán chường, bực dọc, - Foma nói tiếp, - hôm nay tôi đã khóa trái cửa giam mình lại trong phòng để dốc lòng cầu nguyện và Chúa đã soi đường chỉ lối cho tôi! Vậy là tôi quyết định thử lại ngài lần cuối và thử một cách công khai. Có thể là tôi đã tỏ ra quá nóng nảy, quá thẳng thắn; nhưng đáp lại thiện chí cao đẹp của tôi, ngài đã ném tôi ra ngoài cửa sổ! Lúc rơi xuống đất, tôi thầm nghĩ: “Làm ơn nên oán xưa nay chuyện thường!” Người tôi đập xuống đất rồi sau đó ra sao thì tôi chỉ còn nhớ mang máng!

Tiếng kêu than đã ngắt lời Foma Fomits ngay giữa đoạn hồi tưởng bi thương này. Tướng quân phu nhân toan lao thẳng đến bên ông ta với chai malaga vừa giật được từ tay Praskovia Iliitsna, nhưng Foma đã nghiêm nghị xua tay khước từ cả rượu lẫn người.

- Khoan! - ông ta quát, - tôi còn phải kết thúc. Sau khi tôi ngã còn có chuyện gì nữa thì tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng lúc này, người vẫn ướt nguyên và đã bắt đầu ngây ngấy sốt, tôi đứng đây để tác hợp cho hai người thành đôi lứa. Thưa đại tá! theo nhiều dấu hiệu mà bây giờ tôi không muốn giải thích, rốt cuộc tôi đã khẳng định được rằng tình yêu của hai người là trong sáng, thậm chí còn cao cả nữa, tuy đã từng bị mắc tiếng oan. Là kẻ bị bạo hành, bị hạ nhục, bị nghi ngờ là đã có hành vi nhục mạ một cô nương mà giờ đây vì danh tiết của người, tôi nguyện hy sinh đến giọt máu cuối cùng trên tinh thần một hiệp sĩ thời trung cổ, tôi quyết định làm cho các vị thấy được ngay bây giờ cách rửa hận của Foma Opiskin. Hãy đưa tay cho tôi, thưa ngài đại tá!

- Xin vui lòng, Foma! - chú tôi hét lên, - và một khi ông đã hoàn toàn sáng tỏ về phẩm giá của con người rất mực cao quý ấy thì... hẳn là... đây, tay của ta đây, với cả niềm ân hận của ta đây...

Và chú tôi hồ hởi đưa tay cho ông ta, không hề nghĩ là việc đó có thể dẫn đến việc gì khác.

- Cô cũng đưa tay cho tôi, - giọng đã hụt hơi, nhưng Foma vẫn vừa nói vừa rẽ đám đông phụ nữ vây quanh để đến bên Nastenka.

Nastenka bối rối, ngượng nghịu và đưa mắt nhìn Foma với vẻ rụt rè.

- Ra đây, ra đây, em bé! Đây là việc cần thiết cho hạnh phúc của hai người, - Foma nói thêm với giọng âu yếm, hai tay vẫn giữ chặt tay chú tôi.

- Ông ấy đang bày trò gì vậy? - Mizintsikov thốt lên.

Vừa sợ vừa run, Nastiia chầm chậm đến bên Foma và rụt rè đưa bàn tay bé nhỏ ra cho ông ta.

Foma đỡ lấy tay cô ta và đặt lên tay chú tôi.

- Tôi tác hợp và cầu chúc vạn sự tốt lành cho đôi lứa, - ông ta cất tiếng với giọng cực kỳ trịnh trọng, - và nếu lời chúc phúc của kẻ đau khổ khốn cùng này thấu tới trời xanh thì xin cặp uyên ương hãy trọn đời hạnh phúc bên nhau! Đấy, Foma Opiskin phục thù như vậy đấy! Urra!

Ai ai cũng cảm thấy vô cùng sửng sốt. Cái kết cục đã hiện ra bất ngờ đến nỗi ai nấy đều ngây hết cả ra như phỗng. Tướng quân phu nhân bỗng đờ ra, mồm há

hốc, hai tay vẫn ôm chặt chai malaga. Perepelisina mặt tái dại đi và run bắn lên vì tức giận. Những người phụ nữ được cưu mang vỗ tay đen đét xong lại ngồi ngay như tượng. Chú tôi run lên và đã muốn nói câu gì đó nhưng không thể. Nastiia mắt tái mét, ngây ra như người mất hồn rồi rụt rè cất tiếng “không được đâu”... - nhưng đã muộn. Với Baktseev, công bằng mà nói thì ông ta là người đầu tiên hô “ura” theo Foma Fomits, tiếp đến là tôi, rồi đến cái giọng kim lảnh lói ré lên đến váng cả tai của Sasenka, em vừa hô vừa lao tới ôm chầm lấy cha; rồi Iliusa, rồi Ejevikin; sau nốt là Mizintsikov.

- Ura! - Foma lại hô vang lần nữa, - urra! Nào, các con yêu quý của ta, hãy quỳ xuống trước mặt nương nương, một trong những người mẹ dịu hiền nhất trên đời! Các con hãy xin người chúc phúc cho và, nếu cần, ta cũng sẽ quỳ ngay xuống trước mặt nương nương, cùng các con...

Chú tôi và Nastiia lúc này vẫn chưa dám nhìn nhau, cùng hớt hải như nhau, tuồng như vẫn chưa hiểu thế này là thế nào, liền quỳ thụp xuống trước mặt tướng quân phu nhân; mọi người xúm cả vào với họ; nhưng bà già vẫn đứng ngây ra với vẻ bàng hoàng, tuyệt nhiên không biết phải làm gì. Lần này Foma lại là người đứng ra chữa cháy: ông ta đích thân quỳ xuống trước mặt nữ ân nhân. Cử chỉ đó lập tức xua tan mọi băn khoăn nghi ngại của người. Cuối cùng, người đã nói trong nước mắt là người xin chấp thuận. Chú tôi đứng phắt lên ôm chặt lấy Foma.

- Foma, Foma!... - ông cất tiếng nhưng giọng tắc nghẹn không nói được nữa.

- Sâm-banh đi! - Stepan Alekseevits gào lên. - Urra!

- Không đâu ạ, sâm-banh đâu bây giờ, - Perepelisina phản đối, ả đã kịp định thần lại và hình dung ra đủ việc phải làm, việc gì trước việc gì sau, - bây giờ phải thắp nến lên cầu Chúa đã chứ ạ, phải cầu nguyện trước tượng thánh, rồi cầu phúc cho đôi trẻ nữa, con chiên ngoan đạo ai mà chả phải làm thế ạ...

Mọi người nhất nhất tuân theo lời chỉ giáo khôn ngoan; một cảnh tượng rộn ràng tíu tít lập tức bày ra. Phải thắp nến ngay. Stepan Alekseevits bắc ghế trèo lên thắp nến trước tượng thánh nhưng ghế bị gãy ngay làm ông loạng choạng suýt ngã. Ông lặng lẽ rút lui, lễ phép nhường chỗ cho Perepelisina. Ả Perepelisina gầy nhom làm loáng cái là xong: nến cháy phừng phừng. Bà nữ tu và những người phụ nữ được cưu mang bắt đầu làm dấu thánh và quỵ lạy trước khám thờ. Người ta gỡ tượng Đấng Cứu Thế xuống trao cho tướng quân phu nhân. Chú tôi và Nastiia lại quỳ xuống và nghi lễ được hoàn tất theo khẩu lệnh tôn nghiêm của Perepelisina: “Bai bái! Hôn tượng thánh! Hôn tay lão mẫu!” Tiếp

sau cô dâu chú rể, ông lớn Baktseev cũng thấy mình có bổn phận kính cẩn hôn lên tượng thánh, tiện thể hôn tay bà mẹ chồng luôn. Ông thực bụng hoan hỉ, vui mừng khôn xiết.

- Urra! - ông lại hô vang. - Nào bây giờ chúng ta sẽ cùng đến với sâm-banh!

Quả thật mọi người đều quá đỗi hân hoan. Tướng quân phu nhân khóc, nhưng đã là khóc vì vui sướng: trong mắt người, cặp uyên ương do Foma tác hợp bỗng chốc trở nên đoan chính, mang đầy ý nghĩa thiêng liêng, - nhưng cái chính là người cảm thấy Foma Fomits đã tỏ ra quá phi thường và như vậy ông ta sẽ ở lại với người mãi mãi. Tất cả những người phụ nữ được cưu mang, chí ít là bề ngoài, đều hòa nhập với cả nhà trong cái vui chung. Chú tôi lúc thì quỳ xuống hôn tay mẹ, lúc thì ôm chầm lấy tôi, lấy Baktseev, Mizintsikov và Ejevikin. Iliusa suýt chết ngạt trong vòng tay cha. Sasa ôm chầm lấy Nastenka để hôn, Praskovia Iliitsna nước mắt đầm đìa. Thấy thế, ông lớn Baktseev vội đến hôn tay cô. Lão Ejevikin mủi lòng đứng khóc ở một góc nhà, chấm mắt bằng chiếc khăn kẻ ô hôm qua. Ở một góc khác, Gavrila cũng đang sụt sịt và đưa mắt nhìn Foma Fomits với vẻ khâm phục, còn Falalei thì cứ khóc rống lên và lần lượt hôn tay tất cả mọi người. Tất cả lắng lại trong một không khí dạt dào xúc động. Chưa ai muốn nói gì, phân giải điều gì; dường như mọi chuyện đã được nói hết; chỉ còn những tiếng reo vui bật ra từ lồng ngực. Chưa ai hiểu được do đâu mà mọi thứ bỗng hình thành một cách chóng vánh và đơn giản nhường kia. Mọi người chỉ biết rằng mọi chuyện đều do một tay Foma Fomits tạo lập và đây là sự kiện sống còn và bất hủ.

Nhưng chưa đầy năm phút sau khi niềm hạnh phúc chung hiển hiện, Tatiana Ivanovna bỗng xuất hiện giữa chúng tôi. Bằng cách nào, bằng tài đánh hơi nào mà chị ta có thể nắm bắt được chuyện tình yêu và đám cưới một cách nhạy bén đến thế, trong lúc vẫn đang ngồi ở tầng trên? Chị lướt vào phòng với nét mặt rạng rỡ, mắt rớm lệ mừng vui, trang phục duyên dáng (chị đã kịp thay đồ trên gác) và vừa hét vừa lao tới ôm chầm lấy Nastenka.

- Nastenka, Nastenka! Em yêu ông ấy mà chị không biết đấy, - chị ta hét lên. - Trời ơi! họ đã yêu nhau, họ đã âm thầm đau khổ, âm thầm! Người ta đã theo dõi họ! Đúng là một thiên tình sử! Nastiia, em nói thật với chị đi: chả lẽ em lại đi yêu cái gã điên điên rồ rồ ấy thật hay sao?

Thay cho câu trả lời, Nastenka đã ôm hôn bà chị.

- Trời ơi, đúng là một thiên tình sử mê ly! - và Tatiana Ivanovna khoái chí vỗ tay đen đét. - Chị bảo nhé, Nastiia, thiên thần của chị: tất cả bọn đàn ông ấy, tất

tần tật, đều là loại vô ơn, thuần ác ôn thôi, không xứng đáng với tình yêu của chị em mình đâu. Nhưng cũng có thể ông ấy là người khá nhất trong bọn. Lại đây tôi bảo, ông rồ ơi! - chị ta gọi to rồi chộp lấy tay chú tôi, - ngài mà cũng biết phải lòng ư? cũng biết yêu ư? Ngài nhìn thẳng mặt tôi đi: tôi muốn nhìn vào mắt ngài cơ; tôi muốn biết cặp mắt ấy có gian hùng xảo trá không? Ồ, không, cặp mắt này không dối trá: cặp mắt này ngời ngợi tình yêu. Ôi, tôi hạnh phúc biết bao! Nastenka, cô bạn nhỏ của chị, chị bảo này, em không phải là người giàu có: chị biếu em ba mươi ngàn. Em cầm lấy, đội ơn Chúa! Chị có rồi, có rồi; chị vẫn còn nhiều mà. Không, không, không, không! - chị ta hét lên, hai tay xua lia lịa khi thấy Nastiia muốn khước từ. - Ngài cũng im đi cho, Egor Iliits, không phải việc của ngài. Không, Nastiia, chị đã có ý định từ trước; từ lâu chị đã muốn biếu em và chỉ chờ em có người yêu... Chị sẽ phải quan tâm đến hạnh phúc của hai người... Em không cầm là chị giận đấy; chị khóc cho mà xem, Nastiia... Không, không, không và không!

Tatiana Ivanovna nhiệt thành đến mức chí ít trong giây phút đó phản đối chị là điều không thể, thậm chí còn không nỡ. Việc chưa ngã ngũ, hai người đành bảo nhau tạm hoãn. Chị lao tới hôn tướng quân phu nhân, Perepelisina, tất cả chúng tôi. Baktseev len lỏi đến bên chị với vẻ cực kỳ lễ độ và cũng xin phép hôn tay chị.

- Cô em thân mến! Cô bỏ quá cho cái gã ngớ ngẩn này về những chuyện vừa qua: anh chưa được biết tấm lòng vàng của cô mà!

- Anh già điên! Em biết anh từ lâu rồi, - Tatiana Ivanovna thỏ thẻ với vẻ nhí nhảnh, đưa bàn tay đi găng dí vào mũi Stepan Alekseevits và lướt ra xa như một làn gió, chiếc váy sang trọng quệt qua người ông. Ông béo né ra với vẻ lễ độ.

- Một cô em đáng quý! - ông thốt lên một cách cảm kích. - Này, cái mũi của anh chàng người Đức đã gắn lại rồi đấy nhé! - ông nói nhỏ với tôi một cách kín đáo, nhìn vào mắt tôi với vẻ hân hoan.

- Mũi nào cơ? anh người Đức nào cơ? - tôi ngạc nhiên hỏi.

- Cái anh chàng ta đặt mua biết hôn tay cô em người Đức của mình, còn cô ấy thì đưa khăn tay chấm mắt ấy mà. Evdokim nó chữa cho ta từ hôm qua cơ; ban nãy khi đi bắt cô kia về ta đã sai một đứa phóng ngựa về lấy rồi... Nó mang đến bây giờ đấy. Một vật phẩm tuyệt vời!

- Foma! - chú tôi hét lên với vẻ hân hoan phấn chấn, - ông là người đem lại hạnh phúc cho đôi ta! Ta có thể hậu tạ ông như thế nào đây?

- Chả cần đâu, thưa đại tá, - Foma đáp với bộ mặt buồn thiu. - *Cứ việc đừng để ý đến tôi* và hãy vui sống bên nhau, hạnh phúc bên nhau, chả cần nói đến Foma.

Rõ ràng Foma đang muốn nói kháy: trong không khí rộn ràng xúc động, dường như mọi người đã quên đứt ông ta.

- Chỉ là do vui quá đấy thôi, Foma ạ! - chú tôi hét lên. - Ta cũng không còn nhớ nổi là mình đang đứng ở đâu cơ đấy, người anh em ạ. Bây giờ ta nói ông nghe: ta đã có hành vi xúc phạm đến ông. Có đem cả cuộc đời, cả xương cả máu ta ra hiến hết cho ông cũng không làm ông nguôi giận được đâu, nên ta đành im lặng, thậm chí không xin lỗi nữa. Nhưng nếu đến lúc nào đó ông cần đến cái đầu ta, mạng sống của ta, cần vì ông mà phải quăng mình xuống vực thẳm thì ông cứ truyền lệnh và ông sẽ thấy... Ta sẽ không nói gì thêm nữa, Foma ạ.

Và chú tôi phẩy tay, biết rõ là không thể nói gì thêm để diễn đạt ý mình mạnh mẽ hơn được nữa. Ông chỉ biết nhìn Foma bằng đôi mắt hàm ơn đẫm lệ.

- Hai người đúng là một cặp thiên thần! - ả Perepelisina cất giọng eo éo, đến lượt mình tỏ ý khen ngợi Foma.

- Vâng, đúng thế đấy ạ! - Sasenka lên tiếng tán đồng, - trước đây cháu không biết ông là người tốt như thế, Foma Fomits ạ, và cháu đã tỏ ra vô lễ với ông. Xin ông thứ lỗi cho cháu, Foma Fomits nhé, và xin ông hãy tin rằng cháu sẽ hết lòng yêu quý ông. Giá ông biết được bây giờ cháu kính yêu ông như thế nào!

- Đúng đấy, Foma! - Baktseev hưởng ứng, - ông cũng bỏ quá cho ta, cái gã đầu đất này! Những lúc đó ta chưa biết rõ về ông, chưa được biết ông là người như thế nào! Ông không chỉ là một nhà thông thái mà còn là một là một đấng anh hùng, Foma Fomits ạ! Cả nhà ta sẵn lòng nghênh đón ông. Ngày kia đi, mời ông đến chỗ ta, người anh em nhé, xin trân trọng mời ông cùng lão mẫu - tướng quân phu nhân và cô dâu chú rể, chứ sao nữa! mời cả nhà đến chơi với tôi! Chúng ta làm một bữa cho vui, - chẳng dám khoe trước, chỉ xin nói thế này thôi: chỉ có sữa chim tôi mới không kiếm được thôi! Xin trịnh trọng hứa với ông đấy!

Giữa những khúc tâm tình đó, Nastenka cũng đã đến bên Foma Fomits và, không nói lôi thôi, cô ôm chặt lấy ông mà hôn.

- Foma Fomits! - cô ta nói, - ông là ân nhân của chúng em; ông đã làm cho chúng em nhiều đến mức em không biết là có thể lấy gì đền đáp được, chỉ biết rằng em sẽ là đứa em hiền thục, mãi mãi kính yêu ông...

Cô không thể nói hết câu vì quá nghẹn ngào. Foma hôn lên đầu cô và cũng rưng rưng nước mắt.

- Em gái bé bỏng của ta, em gái thân yêu! Em hãy vui sống, hãy đơm hoa và thi thoảng trong những phút giây hạnh phúc hãy nhớ tới cái gã bị đánh đuổi đáng thương này nhé! Tôi sẽ tự nhủ rằng có khi bất hạnh lại chính là mẹ đẻ của đức hạnh. Hình như đó là lời của Gogol, một nhà văn nông nổi nhưng đôi lúc ở ông vẫn lóe lên những ý tưởng thâm trầm. Bị đánh đuổi chính là điều bất hạnh! Rồi đây tôi sẽ quăng thân vào gió bụi, lang thang trên cõi đời này, một thân một mình với cây gậy chống và biết đâu đấy, qua những nước đời khốn khổ tôi còn trở nên tốt đẹp hơn! Ý tưởng đó là niềm an ủi duy nhất còn lại của tôi!

- Nhưng... ông đi đâu mới được chứ, Foma? - chú tôi hốt hoảng hét lên.

Mọi người đều run rẩy, trố mắt nhìn Foma chằm chằm.

- Nhưng chẳng lẽ tôi còn có thể ở lại trong nhà ngài một khi ngài đã cư xử với tôi như thế, hở ngài đại tá? - Foma hỏi với vẻ nghiêm nghị khác thường.

Nhưng mọi người không còn để cho ông nói nữa: tiếng la hét ầm ĩ đã át giọng ông. Người ta ấn ông ngồi xuống ghế bành; người ta van nài ông, người ta khóc thương ông và tôi cũng chẳng biết mọi người còn làm gì với ông ấy nữa. Tất nhiên ông ấy vẫn chưa hề có ý định rời bỏ “cái nhà này”, sáng nay cũng chưa hề, hôm qua cũng chưa hề, cái ngày ra cuốc đất ngoài vườn rau cũng chưa hề. Ông ấy biết rằng bây giờ mọi người sẽ giữ rịt ông ấy lại bằng cả tấm lòng ái mộ, bây giờ chắc chắn mọi người sẽ túm lấy ông, nhất là khi ông đã đem lại hạnh phúc cho tất cả mọi người, khi mọi người lại tin ông, sẵn sàng tung ông lên và rước ông đi, lấy thế làm vinh dự, lấy thế làm hạnh phúc. Đành rằng giông gió đã làm ông mất mật, nhưng có lẽ sự quay lại hèn nhát của ông đã khiến ông có chút bẽ bàng và thôi thúc ông phải thể hiện cho được cái khí phách anh hùng nghĩa hiệp; nhưng cái chính là ông đang bị cuốn hút và nỗi đam mê uốn éo, làm mình làm mẩy không có cách nào cưỡng lại được nên cứ thế mà thao thao bất tuyệt, tô vẽ, đánh bóng, tán tụng bản thân mình. Ông cũng không có ý định chống lại sức cám dỗ này; ông vùng vằng giẫy giụa, cố bứt khỏi tay những người đang níu giữ ông; ông đòi cái gậy của ông, ông van lạy mọi người buông tha ông ra, mặc cho ông nhẹ bước tang bồng, đến đâu thì đến; ở trong “cái nhà này” ông là kẻ bị sỉ nhục, bị bạo hành; ông quay lại cũng chỉ vì muốn đem lại hạnh phúc chung; rút cuộc, liệu ông có thể ở lại trong “cái nhà vô ơn bạc nghĩa mà đối với ông, mỗi miếng ăn là miếng nhục, cho dù đó toàn là những miếng ngon”? Cuối cùng ông cũng thôi không giẫy nữa. Mọi người lại ấn được ông xuống chiếc ghế bành; nhưng dòng hùng biện của ông vẫn chưa vơi cạn.

- Chẳng lẽ ở đây người ta chưa từng xúc phạm đến tôi? - ông ta hét, - chẳng lẽ người ta chưa từng thè lưỡi ra để trêu tôi? chẳng lẽ ngài, chính ngài, thưa đại tá, giống như bọn nặc nô đầu đường xó chợ, chưa từng xỉa kukis[81] vào mặt tôi suốt ngày sao? Vâng, thưa ngài đại tá! tôi chọn cách ví von này vì dù rằng trên thực tế ngài chưa từng xỉa kukis vào mặt tôi nhưng về mặt tinh thần thì đúng là ngài đã có hành vi như vậy; mà những hành vi gián tiếp kiểu này có khi còn độc địa hơn. Tôi còn chưa nói đến chuyện bạo hành...

- Foma, Foma! - chú tôi quát, - đừng nhắc lại chuyện đau lòng đó với ta! Ta đã nói với ông là có dốc hết máu của ta ra cũng không rửa sạch được mối hận ấy cơ mà. Ông hãy rộng lòng quên chuyện đó đi mà thứ lỗi cho ta! Đừng làm tổn thương đến hạnh phúc của đôi ta nữa! Thành quả của ông đấy chứ, Foma!

- ...Tôi muốn yêu một người, - Foma hét lên, - nhưng người ta chẳng đem người đến với tôi, người ta cấm tôi yêu, người ta tước đoạt của tôi con người mà tôi muốn có! Hãy mau mau đem đến cho tôi một con người mà tôi có thể yêu! Người ấy ở đâu? người ấy trốn đâu rồi? Như Diogen với ngọn đèn lồng, tôi đi tìm người ấy suốt đời không được, mà không thể yêu ai hết[82][83]. Đáng buồn thay cho kẻ đã biến tôi thành một dị nhân chỉ biết ghét bỏ người khác! Tôi hét lên: hãy đem đến cho tôi một người mà tôi có thể yêu, vậy mà người ta lại dúi cho tôi thằng Falalei mới chết chứ! Tôi có thể yêu Falalei không nhỉ? Tôi có muốn yêu Falalei không nhỉ? Rốt cuộc, dù có muốn đi chăng nữa, tôi cũng có thể yêu Falalei được không? Không; tại sao không? Vì nó là Falalei đấy. Cớ sao tôi không yêu loài người? Vì bất cứ cái gì trên đời cũng đều là Falalei hoặc giống Falalei cả! Tôi thèm gì Falalei, tôi ghét Falalei, tôi nhổ toẹt vào Falalei, tôi giẫm bét Falalei ra và nếu như được phép lựa chọn, hẳn tôi sẽ thiên về Asmodei[84] thôi! Lại đây, lại đây, cái đứa luôn luôn làm khổ tôi đây, lại đây! - ông ta bỗng cất cao giọng gọi Falalei, thằng bé với dáng vẻ rất ngây thơ, lúc này cứ nhón chân nghển cổ giữa đám người đang quây lấy Foma Fomits, - lại đây nào! Tôi sẽ chứng minh để ngài thấy, thưa đại tá, - Foma vừa hét vừa kéo Falalei đến tận nơi làm nó sợ xanh mắt, - tôi sẽ chứng minh để ngài thấy là tôi nói không sai về thái độ giễu cợt và báng bổ thường xuyên của thằng này! Mày hãy nói xem, Falalei, và nói đúng sự thực: đêm qua mày đã nằm mơ thấy những gì? Đấy, thưa ngài đại tá, bây giờ ngài sẽ được thấy thành quả của ngài! Nào, Falalei, nói!

Thằng bé tội nghiệp cứ sợ run lẩy bẩy, đưa mắt khổ sở nhìn khắp xung quanh xem có ai cứu được mình không; nhưng mọi người chỉ biết dỏng tai chờ câu trả lời của nó với vẻ hồi hộp.

- Nào, Falalei, ta đang chờ đây!

Thay cho câu trả lời, Falalei bỗng cau mặt, nhành mồm xổ ra một tiếng gì như tiếng bê kêu.

- Thưa ngài đại tá! Ngài có thấy được cái lì lợm của nó không? Có thể coi đó là chuyện bình thường được hay sao? Ta hỏi mày lần cuối cùng, Falalei nhé, đêm qua mày đã nằm mơ thấy những gì?

- Thấy...

- Cứ bảo là thấy ta đi, - Baktseev mách nước.

- Thấy những đức tính quý báu của ngài đấy ạ! - Ejevikin nhắc vào tai kia.

Falalei chỉ ngơ ngác nhìn quanh.

- Thấy... những đức... thấy... con bò trắng! - cuối cùng nó nói lúng búng, nước mắt chảy ròng ròng.

Mọi người đồng thanh “ối giời!” Nhưng Foma Fomits đã lên cơn độ lượng đến ghê.

- Chí ít ta cũng thấy được cái thực thà của mày đấy, Falalei ạ, - ông ta nói, - cái thực thà hiếm có, không thấy ở những người khác. Chúa biết cho mày! Nếu mày nghe lời xúi bẩy mà cố tình đem cái chuyện nằm mơ ấy ra trêu chọc ta thì có Chúa trừng phạt chú mày. Nếu không phải thế thì ta trân trọng sự thực thà của mày, vì ngay trong những sinh linh thấp hèn như mày, ta cũng đã biết cách nhận ra hình bóng Chúa... Ta tha thứ cho mày, Falalei ạ! Các bạn yêu quý, ôm tôi đi nào, tôi xin ở lại!

“Ở lại rồi!” - mọi người mừng rỡ reo lên.

- Tôi xin ở lại và xin tha thứ. Thưa ngài đại tá, ngài hãy thưởng đường cho Falalei đi: không để nó khóc trong một ngày vui chung như thế này.

Sao mà tận tình *đến thế*, đúng vào thời điểm trọng đại *như thế*, nhưng với ai cơ? với Falalei! Chú tôi bắt tay ngay vào việc thực thi mệnh lệnh về đường. Không biết từ đâu ra, trên tay Praskovia Iliitsna đã lập tức hiện ra cái lọ đường mạ bạc. Chú tôi đưa tay run run lấy được hai rồi ba viên đường nhưng đánh rơi hết và cuối cùng thấy không thể làm được gì vì quá hồi hộp.

- Thôi đấy! - ông hét lên, - mừng ngày vui của chúng ta! Đỡ lấy, Falalei! - và dốc tuột cả lọ vào trong ngực áo nó.

- Thưởng cho cái tính thực thà của con đấy, - ông nói thêm có ý răn dạy.

- Ông lớn Korovkin đến đấy ạ, - Vidopliasov bỗng hiện ra ở cửa, lên tiếng báo tin.

Mọi người hơi có vẻ xôn xao. Rõ ràng Korovkin đã đến không đúng lúc. Ai nấy đưa mắt nhìn chú tôi với vẻ dò hỏi.

- Korovkin! - chú tôi hét lên với vẻ hơi thiếu tự nhiên. - Mừng quá, tất nhiên rồi... - ông vừa nói vừa đưa mắt lấm lét nhìn Foma, - nhưng quả thật ta không biết có nên mời ông ấy vào luôn đây không. Ông thấy thế nào, Foma?

- Không sao, không sao! - Foma nói với vẻ xởi lởi, - ngài cứ mời Korovkin vào cả đây đi; mời ngài ấy cùng chung vui với cả nhà.

Tóm lại, Foma Fomits đang trong một tâm trạng tuyệt vời.

- Bẩm các vị, con xin kính báo, - Vidopliasov thưa, - ngài Korovkin lúc này có hơi khó ở đấy ạ.

- Hơi khó ở ư? nghĩa là sao? Mày ba hoa nhăng cuội cái gì? - chú tôi quát hỏi.

- Đúng ạ: ngài ấy không được tỉnh táo ạ...

Nhưng chú tôi còn chưa kịp há hốc mồm, đỏ mặt, hoảng hốt và ngượng chín người thì câu đố đã được giải. Chính Korovkin đã hiện ra trước cửa, đưa tay gạt Vidopliasov ra và dừng lại trước ánh mắt sửng sốt của mọi người. Đó là một ông lớn trạc bốn mươi tuổi, người thấp đậm, đầu cắt cua, tóc sẫm màu đã điểm bạc, mặt tròn đỏ rực, mắt nhỏ, vằn tia máu, cà vạt bằng lông thú có móc cài ra sau, áo đuôi tôm nhàu nát, bục một bên nách, bám đầy lông tơ và cỏ, *pantalon impossible*[85] và mũ lưỡi trai nhem nhuốc cắp nách. Ông lớn đã say mèm. Ông bước tiếp rồi dừng lại giữa phòng, người lắc lư, đầu gật gật; rồi từ từ ngoác miệng ra hết cỡ để cười.

- Xin lỗi các quý ông, - ông ta cất tiếng, - tôi... vừa (ông ta búng nhẹ vào cổ áo) làm một tý!

Tướng quân phu nhân cứ như bị vả vào mặt. Vẫn yên vị trong ghế bành, Foma đưa mắt ngắm nghía vị khách kỳ khôi với vẻ mỉa mai. Baktseev thì cứ nhìn khách với vẻ băn khoăn, từ đó toát lên ít nhiều thông cảm. Chú tôi thì bối rối quá, ông quá đau lòng về bạn.

- Korovkin! - ông toan bắt chuyện, - ông nghe tôi nói đây này!

- At-tăng-đê![86] - Korovkin ngắt lời ông. - Tôi xin tự giới thiệu: một đứa con của tạo hóa đây... Nhưng tôi đang nhìn thấy những gì? Các nữ chủ nhân... Nhưng sao ông chả bảo trước là ở đây đang có phụ nữ, hở cái gã khỉ gió kia? - ông ta đưa mắt nhìn chú tôi, nói nói cười cười với vẻ chớt nhả, - sao chẳng nói gì cả thế? đừng ngại!... chúng ta cũng sẽ tự giới thiệu với phái đẹp... Thưa các nữ chủ nhân kiều diễm - ông ta líu lưỡi nói mãi không được một câu, - các vị đang nhìn thấy

một con người bất hạnh, một con người... vâng, đấy... Không nói xiết... Nhạc đâu! Polka![87]

- Ngài có muốn ngả lưng một lát không? - Mizintsikov bình tĩnh đến bên Korovkin và hỏi.

- Ngả lưng ư? Cậu mỉa tôi đấy à?

- Không hề. Thư giãn là rất có lợi cho người đi đường...

- Không bao giờ! - Korovkin tỏ ý bất bình. - Cậu tưởng tôi say à? Không hề... Cơ mà... ngủ ở đâu?

- Chúng mình đi thôi, tôi dẫn ngài đi.

- Đi đâu? ra nhà kho à? Đừng, bịp thế nào được ta, anh bạn! Mà ta cũng ngủ ở đấy rồi... Thôi được, dẫn đi... Đi với người tốt sao lại không đi? Chả cần gối đâu; quân nhân cần gì gối. Cậu ghép tạm cho mình chỗ ngả lưng thôi, người anh em ạ... Mà này, - ông ta dừng lại, nói thêm, - ta thấy cậu là một chàng trai tốt bụng đấy; cố kiếm cho mình một ngụm... hiểu chứ? Tí ti thôi... có nghĩa là một ly thôi.

- Được ạ, được! - Mizintsikov đáp.

- Tốt rồi... Mà đứng lại đã, phải có lời từ biệt chứ... *Adieu, mes dames et mes mademoiselles!*[88] Các vị như thế là đã thấu cho... Nhưng thôi, chả cần! để sau... có điều các vị nhớ đánh thức tôi đấy, khi bắt đầu vào cuộc ấy... trước năm phút cũng được... chưa có tôi thì chưa được bắt đầu! nghe rõ chưa? chưa được bắt đầu!...

Và vị khách vui tính khuất dạng theo Mizintsikov.

Mọi người đều lặng thinh. Không hết sững sờ. Cuối cùng Foma bỗng bật cười, tiếng cười se sẽ, rinh rích của ông ta cứ to dần to dần thành tiếng cười ha ha sảng khoái. Thấy thế, tướng quân phu nhân dường như cũng vui lây tuy vẻ bất bình trên mặt vẫn chưa tan. Tiếng cười cứ thế ran lên khắp xung quanh. Chú tôi cứ đứng ngây như phỗng, mặt đỏ lên đến mức nước mắt cứ trào ra và mãi mới nói được:

- Lạy Chúa! Liệu có ai lường được chuyện này không? Nhưng... cũng chẳng có ai như thế bao giờ. Foma ạ, tôi đoan chắc với ông rằng đây là một người hết sức trung thực, hết sức cao quý và thậm chí còn học rộng biết nhiều nữa đấy. Foma ạ... rồi ông sẽ thấy!...

- Tôi thấy chứ ạ, tôi thấy chứ, - Foma vừa đáp vừa cười sặc sụa, - đúng là người học rộng biết nhiều, thiên kinh vạn quyển!

- Ngài ấy nói chuyện đường sắt hay lắm đấy ạ! - Ejevikin đế thêm, giọng nhỏ nhẹ.

- Foma!.. - chú tôi hét lên như vẫn còn muốn nói nhưng tiếng cười rộ lên khắp chung quanh đã át giọng ông. Foma Fomits cười rũ rượi. Thấy thế, chú tôi cũng phá lên cười.

- Rõ chán chết đi được! - ông nói với giọng nhiệt thành. - Ông là người đại lượng, Foma ạ, ông là người có trái tim vĩ đại: ông đã đem lại hạnh phúc cho ta... ông cũng sẽ thứ lỗi cho Korovkin thôi.

Chỉ có Nastenka là không cười. Cô nhìn vị hôn phu của mình bằng đôi mắt chan chứa yêu thương và như đang muốn nói: “Ôi chao, anh mới tuyệt vời sao, anh hiền hậu, cao quý biết bao, em yêu anh biết chừng nào!”

VI

KẾT LUẬN

Thắng lợi của Foma là một thắng lợi trọn vẹn và bền vững. Quả vậy, không có ông ta thì cũng chẳng có gì nên cơm nên cháo, và cái sự đã rồi kia đã triệt phá mọi nghi ngờ và phản bác. Sự hàm ơn của đôi lứa được tác thành là vô hạn. Chú tôi và Nastenka đã vội vã xua tay khi tôi định đề cập đến cái quá trình dẫn dắt Foma đến chỗ phải đồng ý cho họ làm đám cưới. Sasenka hét lên: "Foma Fomits là người phúc hậu; em sẽ khâu cho ông ấy một cái gối bằng sợi len!" - và em thậm chí đã làm tôi hổ thẹn khi tự thấy mình tai ác. "Tín đồ cải đạo" Stepan Alekseits có lẽ sẽ bóp cổ tôi đến chết nếu tôi dám mở mồm nói xấu Foma Fomits trước mặt ông ta. Bây giờ ông ta cứ lẽo đẽo theo chân Foma, ông kia hở ra câu nào là ông này lại tiếp luôn: "Ông là con người rất mực cao quý, Foma ạ! Ông uyên bác lắm, Foma ạ!" Nói đến Ejevikin thì đúng là lão đang sung sướng vô ngần. Từ lâu lão đã thấy Nastenka đã khiến Egor Iliits say như điếu đổ rồi, vậy là lúc thức cũng như lúc ngủ lão chỉ còn mơ đến việc gả con gái cho ông ta. Lão đã theo đuổi mục đích mãi cho đến ngày vỡ mộng mới thôi và chỉ khước từ khi không thể làm khác được. Foma đã lật lại nước cờ. Cố nhiên là tuy rất vui mừng, lão cũng hiểu Foma rất rõ, nhìn thấu tim đen; tóm lại, Foma Fomits đã vĩnh viễn đăng quang trong cái nhà này và đã đi đến chỗ lộng hành vô độ. Mọi người đều biết là một khi đã được toại nguyện thì dù có trái tính trái nết đến đâu chăng nữa, người ta cũng trở nên hòa nhã, dù chỉ là tạm thời. Riêng Foma Fomits thì ngược lại, càng thành công ông ta càng tỏ ra ngu xuẩn và vênh váo. Trước khi vào bàn tiệc, ông ta đi thay quần áo, đến ngồi xuống ghế bành, gọi chú tôi lại và trước mặt cả nhà, cất cao giọng đọc cho chú tôi nghe một bài thuyết giáo mới viết.

- Thưa ngài đại tá! - ông ta lên tiếng, - ngài đang bước vào một cuộc hôn nhân hợp pháp. Ngài có hiểu cái nghĩa vụ của ngài...

Vân vân và vân vân; độc giả hãy hình dung lấy mười trang cỡ "Journal des Débats"[89], chữ in nhỏ tí, đầy những câu chữ loằng ngoằng, chẳng dính dáng gì đến nghĩa vụ quỷ quái nào hết mà chỉ xoay quanh mấy lời tán tụng trơ tráo về trí tuệ anh minh, tính tình tao nhã, đức tính khoan dung, tinh thần quả cảm, thái

độ vô tư của chính ông ta, Foma Fomits. Mọi người đều đã đói, vậy mà chẳng ai dám ho he, chỉ biết ngồi cung kính lắng nghe bằng hết bài thuyết giáo dấm dớ; ngay cả Baktseev, tuy bụng đã đói cào đói cấu, vẫn ngồi không nhúc nhích, bộ dạng cực kỳ kính cẩn. Hể hả về bút lực hùng biện của mình, Foma Fomits rút cuộc đã tỏ ra vui vẻ và thậm chí còn uống khá tốt trong bữa tiệc bằng cách đề nghị nâng cốc chúc mừng các kiểu. Ông ta còn quay ra trêu chọc, chòng ghẹo cô dâu chú rể. Mọi người cười như phá, vỗ tay như pháo ran. Nhưng cũng có đôi ba câu đùa đậm chất tiếu lâm làm Baktseev cũng phát ngượng lên. Rốt cuộc Nastenka đã giật thót lên và bỏ chạy. Foma Fomits lấy thế làm đắc chí, kể cũng hơi gay nhưng ông ta đã ứng phó được ngay: bằng đôi lời ngắn gọn nhưng sắc sảo, ông nêu bật được phẩm cách của Nastenka và đề nghị nâng cốc chúc sức khỏe người vắng mặt. Sau một phút ngượng ngùng và đau khổ, lúc này chú tôi đã sẵn sàng ôm lấy Foma Fomits. Nói chung thì cô dâu chú rể tuồng như vẫn còn e ấp với nhau và với hạnh phúc của mình, - và tôi còn nhận thấy suốt từ lúc chịu lễ chúc phúc đến giờ hai người vẫn chưa nói với nhau câu nào, mà có lẽ còn chưa dám nhìn nhau. Khi mọi người rời bàn tiệc, chú tôi bỗng biến đâu mất. Tôi ra cả ngoài thềm tìm ông. Ở đó Foma đang ngồi ở ghế bành, uống cà phê, tiếp tục diễn thuyết, vẻ rất bốc đồng. Ngồi cùng ông ta chỉ có Ejevikin, Baktseev và Mizintsikov. Tôi dừng lại lắng nghe.

- Vì sao? - Foma hét lên, - vì sao tôi lại sẵn sàng bước lên giàn hỏa ngay bây giờ vì những tín niệm của tôi? Mà vì sao không một ai trong số các vị có đủ dũng khí bước lên giàn hỏa! Vì sao vậy, vì sao?

- Vì có lên giàn hỏa cũng bằng thừa, - Foma Fomits ạ! - Ejevikin bỡn cợt. - Có được cái tích sự gì không cơ chứ? Trước mắt là hãy đau đớn đã, sau nữa là lúc đã thành gio thì còn gì đáng nói nữa không?

- Còn gì ư? Còn lại nắm tro tàn cao quý đấy thôi. Nhưng lão làm sao mà hiểu được ta, mà đánh giá được ta! Đối với các người thì chẳng có ai là vĩ đại ngoài mấy cái anh Ceasar[90] và Aleksandr Makedonski! Nhưng mấy cái anh Ceasar của lão thì đã làm được những gì nào? Đã đem lại hạnh phúc cho ai nào? Cái anh Aleksandr Makedonski được tán tụng của lão đã làm được những gì nào? Chinh phục được cả thế giới ư? Lão hãy giao cho ta một đạo quân như thế xem, ta cũng sẽ chinh phục được, lão cũng sẽ chinh phục được, người nào khác cũng sẽ chinh phục được... Mà hắn còn sát hại Klit[91], một con người trung nghĩa, mà ta có dám động đến con người trung nghĩa ấy đâu... Đồ nhỏ mọn! đểu giả! tặng

cho hắn một bông hồng thì được, chứ đừng vinh danh trong lịch sử toàn thế giới... cả Ceasar nữa!

- Ông phải nể Ceasar một tý chứ, Foma Fomits!

- Tôi không bao giờ nể một thằng ngu! - Foma hét lên.

- Không nể thì thôi! - Stepan Alekseevits sôi nổi phụ họa, ông này cũng đang chếnh choáng, - không việc gì phải nể nang bọn chúng; rặt một lũ thò lò sáu mặt! bọn làm hàng giả! Đấy mới đây có thằng đã định sáng lập quỹ học bổng đấy. Học bổng gì thế không biết? Có quỷ đói biết ý nghĩa nó ra làm sao! Xin đánh cuộc với các vị rằng đó chỉ là một trò bịp mới. Còn một tay khác nữa, dân thượng lưu cơ đấy, đã say tít cung thang vẫn còn đòi rượu tiếp! Mà theo tôi, sao lại không uống nhỉ? Uống đi chứ, uống đi, ngại thì đi mà làm vách ngăn ra, xong rồi lại uống... Không việc gì phải nể nang bọn nó! rặt một phường bịp bợm! Chỉ có ông là nhà thông thái, Foma ạ!

Baktseev một khi đã tòng phục ai là tòng phục hết mình, vô điều kiện, không bao giờ có chuyện lăn tăn.

Tôi tìm thấy chú tôi ở ngoài vườn, bên bờ ao, ở một nơi vắng vẻ. Ông đang ngồi với Nastenka. Nhìn thấy tôi, Nastenka lánh ra sau bụi cây như người có lỗi. Chú tôi bước ra đón tôi, mặt mày rạng rỡ, mừng ứa nước mắt. Ông chộp lấy hai tay tôi và ép chặt.

- Anh bạn trẻ của chú! - ông nói, - mãi đến lúc này chú dường như vẫn chưa tin vào hạnh phúc của mình... Nastiia cũng thế. Bọn chú cứ lấy làm lạ và chỉ còn biết tôn vinh Chúa. Cô ấy vừa khóc đấy. Con có tin không chứ: mãi đến lúc này chú vẫn chưa định thần được, cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ, nửa tin nửa ngờ chứ lị! Chú đã làm được gì mà được ban thưởng nhiều đến thế? Vì công trạng gì? Có xứng đáng không?

- Thưa chú, nếu có người xứng đáng với ân huệ của đấng chí tôn thì đó chính là chú vậy, - tôi nói một cách nhiệt thành. - Con chưa thấy ai trung thực, cao thượng, phúc hậu như chú...

- Cũng không hẳn thế đâu, Serioja ạ, - ông đáp với vẻ buồn rầu như có ý lấy làm tiếc cho bản thân mình. - Hiền lành thì dễ sống nhưng cũng dễ thành ngu (đây là chú chỉ nói về bản thân mình); mà đã ngu thì chẳng được cái tích sự gì đâu! Chú với Nastiia vừa mới bàn đến chuyện này đấy. Rõ ràng là trong con mắt chú, Foma đã ngời ngời tỏa sáng, vậy mà con có tin được không? Có lẽ cho đến tận ngày hôm nay chú vẫn chưa hoàn toàn tin ông ấy, tuy rằng chính chú đã

đoan chắc với con về sự hoàn thiện của con người ông ấy; thậm chí hôm qua, khi ông ta đã khước từ một món quà như thế, mà chú vẫn chưa tin! Nói ra thật xấu hổ! Nhớ lại chuyện vừa rồi thì thật quá đau lòng! Chú đã không làm chủ được mình... Khi ông ấy nói này nói khác về Nastiia, lòng chú đã quặn đau. Chú đã không hiểu ý và đã chồm lên như hổ...

- Phải thế chứ, thưa chú, đó chính là phản ứng tự nhiên.

Chú tôi xua tay.

- Chả phải thế đâu, mà con cũng đừng nói nữa! Tất cả những điều đó chẳng qua đều xuất phát từ sự hư hỏng của con người chú, từ chỗ chú là một kẻ ích kỷ u mê, hiếu sắc, trượt dài vào những ham hố tầm thường của bản thân. Foma cũng nói như thế đấy. (Hết nhẽ rồi còn gì?) Con không biết chứ, - ông nói tiếp với cảm xúc dạt dào sâu lắng, - không biết bao nhiêu lần chú đã tỏ ra nóng nẩy, tàn nhẫn, bất công, kiêu ngạo, và không phải chỉ riêng với Foma! Bây giờ tất cả những chuyện đó bỗng ùa về trong ký ức khiến chú hổ thẹn về nỗi mãi đến nay vẫn chưa làm được chút gì để có thể tạm gọi là xứng đáng với hạnh phúc lớn lao nhường ấy. Nastiia cũng vừa nói đúng như thế, nhưng quả thật chú không biết cô ấy có những tội lỗi gì vì cô ấy là thiên thần chứ có phải tầm thường đâu! Cô ấy bảo chú rằng đôi ta là những kẻ mang ơn trời biển của Chúa nên từ nay phải ra sức trau dồi đức hạnh, chỉ làm việc tốt mà thôi... Giá mà con được nghe cô ấy nói lên tất cả những điều đó một cách sôi nổi, tuyệt vời như thế nào! Lạy Chúa tôi, một cô nàng kỳ lạ!

Ông nghẹn lời vì xúc động. Lát sau ông nói tiếp:

- Bọn chú đã bảo nhau là phải hết lòng chăm sóc Foma, Tatiana Ivanovna và phụng dưỡng mẹ già. Mà Tatiana Ivanovna thì khỏi nói! Một con người cao quý biết bao! Ôi, chú có lỗi rất nhiều với tất cả mọi người! Chú cũng có lỗi với con đấy... Nhưng nếu có kẻ nào dám cả gan động đến Tatiana Ivanovna thì... Thôi, chả cần nói nữa! đối với Mizintsikov cũng phải làm chút gì cho nó mới được.

- Vâng, thưa chú, bây giờ con cũng đã nghĩ khác về Tatiana Ivanovna rồi đấy ạ. Không thể không tôn trọng và thông cảm với chị ấy được.

- Chính thế, chính thế! - chú tôi sôi nổi tán đồng, - không thể không tôn trọng được! Thì đấy, nói giả dụ như Korovkin, có lẽ cháu cũng đang chê cười ông ấy, - ông liếc nhìn tôi với vẻ e dè, - và tất cả chúng ta cũng đã cười ông ấy cả. Ừ thì như thế có thể là không tha thứ được rồi... cơ mà... có thể đó là một con người rất tuyệt, rất nhân từ, nhưng số phận... đã phải nếm trải những nỗi bất hạnh... Con không tin nhưng có thể là đúng như thế đấy.

- Không, thưa chú; sao lại không tin?

Và tôi bắt đầu nói một cách say sưa rằng ngay trong một con người sa đọa cũng vẫn có thể còn lưu giữ những tình cảm nhân từ cao cả; rằng trong tâm khảm, trong đáy tâm hồn, con người vốn dĩ luôn luôn trong sáng; rằng không được phép coi khinh những con người sa ngã, trái lại, phải tìm cách đến với họ, đưa họ trở lại con đường quang minh chính đại; rằng cái thước đo chung của xã hội về phẩm giá và đức hạnh là không đáng tin cậy chút nào, vân vân và vân vân... - tóm lại, tôi đã khá bốc đồng, thậm chí còn lan man đến trường phái tự nhiên nữa; để kết luận tôi đã cao hứng ngâm nga:

Khi từ cõi tối tăm lầm lạc...[92]

Chú tôi trở nên hoan hỉ khác thường.

- Anh bạn trẻ của chú cừ khôi lắm! - chú tôi cảm động nói, - con hoàn toàn hiểu chú và đã diễn đạt quá hay tất cả những gì chú muốn nói. Đúng thế, đúng như thế thật! Lạy Chúa, cớ sao con người lại cứ phải tỏ ra hung dữ? tại sao chú lại cứ hay tức giận, trong lúc cứ lành như bụt thì sao, có phải hay bao nhiêu không, quý bao nhiêu không? Nastiia cũng vừa nói như thế đấy... Nhưng thôi, con nhìn xem, nơi này mới tuyệt làm sao, - ông vừa nói vừa đưa mắt nhìn quanh, - thiên nhiên hùng vĩ! cảnh sắc nên thơ! Nhìn cái cây kìa! cái thân cây phải đến một người ôm ấy chứ! Nhựa sao mà thơm đến thế, lá sao mà xanh đến thế! nắng sao mà đẹp đến thế! sau cơn dông mọi thứ quanh ta sao mà tươi vui đến thế, sạch sẽ đến thế! Ta bất giác nghĩ rằng cây cối cũng đang hiểu được gì đó về bản thân mình, đang cảm nhận và tận hưởng cuộc sống... Chẳng lẽ lại không như thế? con nghĩ sao?

- Rất có thể là như thế, thưa chú. Theo con, lẽ đương nhiên...

- Thế đấy, lẽ đương nhiên, theo con... Người đâu mà kỳ quặc!.. Con phải nhớ rõ toàn bộ khu rừng này mới phải chứ, Serioja: hồi bé con đã chơi đã chạy ở đây như thế cơ mà! Chú vẫn còn nhớ cái hồi con còn bé đấy, - chú vừa nói vừa đưa mắt nhìn tôi với vẻ âu yếm và mừng vui khôn tả. - Có điều hồi đó người lớn không bao giờ để con ra ao một mình. Chú còn nhớ có lần vào buổi chiều mồ ma thím Katia của con đã gọi con đến để chơi đùa... Lúc bấy giờ con đang chạy loăng quăng trong vườn, tóc màu sáng, xoăn tít... Thím con cứ nghịch tóc con mãi rồi bảo chú: “Anh đón thằng bé mồ côi này về với vợ chồng mình là việc rất hay”. Con còn nhớ không?

- Con chỉ nhớ mang máng thôi, thưa chú.

- Lúc đó còn đang là buổi chiều, nắng chiếu rỡ ràng lên hai mẹ con, chú ngồi rít tẩu ở một góc ngắm hai mẹ con mày... Serioja này, tháng nào chú cũng đánh xe ra thành phố thăm mộ thím đấy, - chú tôi hạ giọng nói thêm, nhưng tôi vẫn nghe thấy những âm thanh run rẩy khi nước mắt bị nén lại trong lồng ngực. - Chú vừa nói chuyện này với Nastiia đấy: cô ấy bảo là vợ chồng mình sẽ đưa nhau đến chỗ chị ấy...

Chú tôi ngừng lời, cố nén xúc động.

Đúng lúc đó thì Vidopliasov đến.

- Vidopliasov! - chú tôi giật mình kêu lên, - Foma Fomits sai mày đến đấy à?

- Không ạ, con có chút việc của con đấy ạ.

- À, hay quá! có tin về Korovkin rồi. Ta đang mong... Serioja ạ, chú đã bảo nó trông nom ông ấy ở đằng ấy mà. - Có chuyện gì nào, Vidopliasov?

- Con xin đánh bạo thưa rằng hôm qua ngài có dặn là phải nhớ nhắc ngài về cái việc của con và có hứa là sẽ ra tay cứu con thoát khỏi cái nguồn cơn cay đắng bấy nay, đằng đẵng hết ngày nọ đến ngày kia đấy ạ.

- Lại vẫn cái chuyện thay tên đổi họ ấy hay sao? - chú tôi hoảng hốt quát lên.

- Làm thế nào được ạ? Con đang khốn khổ từng giờ từng phút đây thôi...

- Ái dà, Vidopliasov, Vidopliasov! làm gì với mày được bây giờ - chú tôi nói với vẻ quá ư phiền muộn. - Hừ, mày thì nào có thiếu gì những nỗi đắng cay. Mày mất trí thì có ấy, mày cũng đến kết liễu cuộc đời trong nhà thương điên mất thôi!

- Có lẽ con vẫn còn minh mẫn chán... - Vidopliasov cũng không vừa.

- Ấy khoan, khoan đã, - chú tôi ngắt lời, - ta nói thế đâu phải ta ghét bỏ gì mày, mà thực chỉ muốn hay muốn tốt cho mày. Đắng cay đau khổ thế nào mới được nào? Ta đánh cuộc với mày là chỉ có chuyện vớ vẩn thôi, đúng thế không nào?

- Con bị ức hiếp mà.

- Ai ức hiếp.

- Tất cả bọn nó và nhất là Mat’rena đấy ạ. Đời con bây giờ khốn khổ khốn nạn thế này là tại nó mà ra cả. Mọi người đều biết rằng tất cả những ai đã biết con từ bé đều nói rằng con giống hệt người nước ngoài, nhất là nét mặt đấy ạ. Ngài có biết thế là thế nào không ạ, thưa ông lớn? Vì người ta nói thế mà bây giờ con không còn yên thân được với đời nữa đấy ạ. Hễ thấy con đi qua là cả lũ chúng nó cứ gào lên đủ những lời bậy bạ, gào theo mãi không thôi; ngay đến cả bọn nhóc,

những đứa đáng phải vụt chết ngay từ đầu, cũng cứ thế gào lên... Đấy, vừa nãy con đi đến đây, chúng nó cũng hò hét inh ỏi đấy ạ... Không chịu được nữa rồi đấy ạ. Xin ngài hãy thương tình che chở cho con!

- Ồ, Vidopliasov! Chúng nó hò hét thì cũng đã làm sao? Mà mấy cái câu nhảm nhí thì hơi đâu mà để ý.

- Nhảm quá chứ ạ.

- Cụ thể như thế nào?

- Ghê mồm lắm ạ.

- Cứ nói đi xem nào!

- Thằng nước ngoài nhai tất thối ạ[93].

- Người đâu mà kỳ quặc! Chỉ có mày là một! Cứ nhổ toẹt vào mà đi chứ.

- Con nhổ mãi rồi đấy ạ: càng nhổ chúng nó càng rống to hơn đấy ạ.

- Thưa chú, - tôi nói, - tay này nó đang ta thán là không sống nổi ở cái nhà này. Chú hãy cho hắn về với cái ông làm nghề luyện chữ ở Moskva đi, gửi tạm thôi cũng được. Chú chả nói là hắn đã từng ở với cái ông luyện chữ nào đó là gì.

- Ồ, ông ấy cũng đã bỏ cuộc một cách bi thảm mất rồi, người anh em ạ!

- Làm sao cơ?

- Ngài ấy, - Vidopliasov đáp, - đã can tội chiếm đoạt tài sản nên tài giỏi là thế mà vẫn phải vào tù và chết ở trong tù rồi đấy ạ.

- Thôi được, thôi được, Vidopliasov ạ, bây giờ mày hãy cứ yên tâm, ta sẽ xem xét và lo liệu việc này, - chú tôi nói, - ta hứa với mày đấy! Thế Korovkin thì thế nào rồi? vẫn đang ngủ à?

- Không ạ, ngài ấy vừa đi xong ạ. Con đến cũng để trình báo việc này đấy ạ.

- Đi là đi thế nào? Mày làm ăn thế à? Sao mày lại dám để cho ngài ấy đi như thế? - chú tôi quát lên.

- Con không đành lòng ạ: thương tâm quá chứ lị. Ngài ấy tỉnh dậy và nhớ lại hết, thế là cứ vỗ bôm bốp vào đầu mà hét, hét vỡ giời ra chứ lị...

- Hét vỡ giời ra!..

- Nói một cách bóng bẩy hơn là ngài ấy đã cất lên những tiếng gào thét nhiều cung bậc đấy ạ. Ngài hét như đang nhìn thấy phái đẹp hiện ra trước mắt ngài chăng? rồi ngài cất tiếng: “Ta không còn đáng được coi là cái giống người!” - và nói một thôi một hồi nghe ai oán lắm, lời lẽ văn hoa lắm ạ.

- Một con người rất mực hào hoa! Chú vẫn nói với con đấy thôi, Serjei ạ... Còn mày, Vidopliasov, sao mày lại để cho ngài ấy đi, ta đã lệnh cho chính mày phải canh giữ cơ mà? Ối giời đất ơi!

- Con không đành lòng ạ. Ngài ấy van con đừng nói với ai đấy ạ. Gã xà ích của ngài ấy thì đã cho ngựa ăn no và thắng hết vào xe rồi. Ngài ấy còn sai con chuyển lời kính cẩn cảm tạ ngài là đã cho ngài ấy vay tiền cách đây ba hôm và hứa sẽ gửi trả ngay theo một trong những chuyến bưu phẩm đầu tiên đấy ạ.

- Bao nhiêu tiền hở chú?

- Ngài ấy bảo là hai nhăm *rup* bạc đấy ạ, - Vidopliasov nói.

- Hôm ấy chú cho ông ấy giật tạm ở trạm xe ngựa ấy mà, người anh em ạ: ông ấy bị thiếu tiền. Tất nhiên là ông ấy sẽ gửi trả theo chuyến bưu phẩm đầu tiên thôi... Ôi, lạy Chúa, chú áy náy quá! Có nên cho người đuổi theo không hở Serioja?

- Thôi, thưa chú, không nên.

- Chú cũng nghĩ thế. Con thấy đấy, Serioja, tất nhiên chú không phải là một triết gia, nhưng chú vẫn nghĩ rằng trong bất cứ con người nào cái tốt vẫn nhiều gấp bội so với cái biểu hiện bên ngoài. Korovkin cũng thế thôi: ông ta xấu hổ không chịu nổi... À mà chúng mình hãy đến chỗ Foma đi! Bọn mình lề mề quá; không khéo ông ấy lại bảo là vô ơn, lạnh nhạt... Đi thôi! Ôi chao, Korovkin, Korovkin.

Thiên tình sử đã khép lại. Cặp ý trung nhân đã kết thành đôi lứa mà Foma Fomits đã nghiễm nhiên lên ngôi Ông Thiện trong nhà. Ở đây có thể có rất nhiều cách lý giải xuôi tai; nhưng thực ra tất cả những lý giải đó giờ đây đều đã là thừa. Chí ít đó là ý kiến của tôi. Thay cho bất kỳ cách lý giải nào, tôi chỉ có mấy lời về số phận tiếp theo của tất cả các nhân vật trong truyện: thiếu phần này, như mọi người đều biết, không một thiên truyện nào có thể kết thúc được, và điều đó thậm chí đã được coi là nguyên tắc.

Đám cưới của “đôi bạn được xe duyên” đã diễn ra sau sáu tuần kể từ những biến cố tôi vừa mô tả. Đám cưới được tiến hành lặng lẽ, mang tính chất gia đình, không bày vẽ phô trương, không có khách khứa. Nhưng người có vai vế nổi trội nhất, chủ chốt nhất thì dĩ nhiên là Foma Fomits. Mọi người vồ vập săn đón ông ta. Nhưng đã có lần người ta uống sâm banh không mời ông, thế là xẩy chuyện om sòm. Rồi Foma lỉnh về phòng riêng khóa trái cửa lại, gào lên là người ta

khinh rẻ ông ta, kêu là bây giờ gia đình đã có “người mới”, nên ông phải ra rìa, coi như rơm rác. Chú tôi buồn chán lắm; Nastiia khóc; tướng quân phu nhân lại lên cơn kinh giật như mọi khi... Tiệc cưới cứ như là cỗ đám ma. Và cái số của ông chú đáng thương của tôi cùng nàng Nastenka tội nghiệp là phải chung sống với ân nhân Foma Fomits của mình đúng bảy năm trời. Cho đến phút lâm chung (Foma Fomits mất năm ngoái), ông ta chỉ biết có ủ rũ, âu sầu, bực dọc, giận hờn, mắng mỏ, nhưng lòng tôn kính của “đôi bạn được xe duyên” đã không hề vơi cạn mà thậm chí mỗi ngày một tăng thêm, tương ứng với thói thất thường nhiễu sự của ông ta. Egor Iliits và Nastenka sống hạnh phúc bên nhau đến nỗi đâm ra lo lắng cho hạnh phúc của mình, họ cho rằng Chúa Trời đã gia ân cho họ quá nhiều, họ chưa xứng đáng với ân huệ đó, có thể họ còn phải báo đáp công ơn bằng thử thách và đau khổ. Dĩ nhiên dưới mái nhà nhu thuận đó, Foma Fomits tha hồ làm vương làm tướng. Thôi thì không còn có trò gì ông ấy chẳng bày ra suốt bảy năm trời! Thậm chí khó có thể hình dung nổi là làm sao mà đầu óc một kẻ ăn no rửng mỡ có lúc lại có thể đi đến những ý tưởng ngông cuồng đến thế trong việc bày đặt ra những trò nhố nhăng quái ác. Ba năm sau ngày cưới của chú tôi thì bà tôi mất. Chàng Foma lẻ bóng đã vô cùng đau khổ. Ở nhà chú tôi, thậm chí đến nay người ta vẫn còn khiếp hãi mỗi khi nhắc tới bộ dạng của ông ta lúc đó. Khi hạ huyệt, ông ta lao theo chiếc quan tài và gào lên xin được chôn theo. Suốt một tháng, mọi người không dám đưa dao đưa dĩa cho ông ta; có lần bốn người phải xúm vào vành mồm ông ta ra móc lại chiếc kim găm mà ông ta đang muốn nuốt. Một trong những người chứng kiến cuộc vật lộn đã nhận xét rằng bao nhiêu lần trong lúc giằng co, Foma Fomits thừa sức nuốt chửng cái kim nhưng chẳng qua là không dám nuốt. Nhưng phỏng đoán này đã bị mọi người gạt phắt đi và mắng ngay cho người nói là đồ ác tâm ác khẩu. Riêng Nastenka vẫn giữ im lặng, trên môi thoáng hiện nụ cười; chú tôi liếc nhìn cô có ý lo ngại. Nói chung cần phải thấy rằng Foma tuy vẫn tự cao tự đại, trái tính trái nết trong nhà chú tôi như trước nhưng cái lối ăn nói xấc xược, độc đoán mà ông ta tự cho phép giở ra trước mặt chú tôi thì đã không còn. Foma vẫn than vãn, khóc lóc, trách móc, chê bai, mắng mỏ, nhưng không còn ngậu xị lên như trước, - không còn những pha như “bẩm đại nhân”, và điều này hình như đã do Nastenka đem lại. Bằng cách tác động nhẹ nhàng kín đáo, cô đã buộc Foma đi đến chỗ nhượng bộ và khuất phục thế nào đó. Cô không muốn thấy ai động đến chồng cô và cô dốc lòng thực hiện ý nguyện đó. Foma thấy rõ rằng cô hầu như rất hiểu ông ta. Tôi nói thế vì Nastenka cũng quý mến Foma và thậm chí lần nào cũng ngả theo

ý kiến của chồng khi thấy ông hào hứng ca ngợi nhà hiền triết của mình. Cô muốn lái mọi người đi đến chỗ phải tôn trọng tất cả những gì hiện hữu ở chồng mình, do đó cô cũng công khai lý giải sự gắn bó của ông với Foma Fomits. Nhưng tôi tin chắc rằng trái tim cao quý của Nastenka đã quên hết mọi oán giận trước đây: cô đã tha thứ hết cho Foma khi ông ta đã tác hợp hai người thành đôi lứa, ngoài ra hình như cô đã đồng tâm nhất trí với chú tôi là không nên đòi hỏi nhiều ở "con người đau khổ" và chú hề thuở trước mà ngược lại, phải gắng sức chữa trị vết thương lòng cho ông ta. Bản thân Nastenka tội nghiệp cũng từng thuộc lớp người khốn khổ, đã biết thế nào là đau khổ và thấm thía nỗi đau đời. Một tháng sau, Foma tỏ ra trầm lắng hẳn, thậm chí còn trở nên hiền dịu, nhu mì; bù lại, bỗng xuất hiện những triệu chứng khác, quá đỗi bất ngờ: ông ta rơi vào trạng thái mê man làm mọi người sợ hết vía. Ông già đau khổ mới quái đản làm sao: chẳng hạn như ông ta đang nói, thậm chí đang cười, bỗng trơ ra như đá; nếu đang cười thì nụ cười ngừng lại trên môi; nếu đang cầm cái dĩa trên tay chẳng hạn thì cái dĩa liền dừng lại giữa không trung, trên cánh tay cứng đờ như tượng. Sau đó, tất nhiên tay sẽ buông xuống nhưng Foma Fomits đã không còn cảm nhận và nhớ được là nó đã buông xuống như thế nào. Ông ta vẫn ngồi nhìn, thậm chí còn chớp mắt hẳn hoi nhưng chẳng nói gì, chẳng nghe thấy gì và chẳng hiểu gì hết. Một pha như vậy có khi kéo đến cả tiếng đồng hồ. Tất nhiên mọi người trong nhà cứ gọi là hồn vía lên mây, nín thở, đi lại rón rén, khóc. Cuối cùng Foma sực tỉnh, thấy người mệt bã và quả quyết rằng ông tịnh không nghe thấy gì, nhìn thấy gì trong quãng thời gian vừa rồi. Liệu có ai khoái làm điệu làm bộ tới mức dám tự đày ải đến hàng tiếng đồng hồ như vậy chỉ để được nói một câu: "Các vị nhìn thấy tôi chưa nào, tôi đã nếm trải những giây phút thăng hoa hơn các vị rồi!" Cuối cùng Foma đã mắng chú tôi là "quen thói rẻ rúng nhau từng giờ từng phút, không nể mặt người hơn tuổi" và chuyển đến ở với ông lớn Baktseev. Sau ngày cưới của chú tôi, Stepan Alekseevits còn nhiều lần tranh cãi với Foma Fomits, nhưng lần nào rút cuộc ông cũng phải cất lời xin lỗi, lần này ông đã bắt tay vào việc một cách hăng hái khác thường: ông đón tiếp Foma rất nhiệt tình, thết đãi rất hậu và lập tức tính chuyện ra mặt gây sự với chú tôi, thậm chí còn đưa chú tôi ra tòa. Số là hai người hiện có một lô đất thuộc diện tranh chấp nhưng trên thực tế chưa hề xẩy ra tranh chấp vì chú tôi đã lặng lẽ rút lui, nhường cả cho ông. Không nói nửa lời, ông lớn Baktseev dùng xe ngựa tốc thẳng lên thành phố, viết vội lá đơn đệ lên tòa xin tòa cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu lô đất cho ông và buộc đối phương phải bồi thường thiệt hại, bù

đắp chi phí cho ông do hành vi tiếm dụng gây nên. Tuy nhiên, sang hôm sau, đang buồn chán sẵn trong nhà Baktseev, nên khi thấy chú tôi đến xin lỗi, Foma liền thứ lỗi ngay và lên đường trở lại Stepantsikovo. Từ thành phố trở về không thấy Foma đâu nữa, ông lớn Baktseev tức điên lên; nhưng ba hôm sau ông đã có mặt ở Stepantsikovo để xin lỗi, nước mắt ngắn nước mắt dài van vỉ chú tôi tha thứ và xin rút lại đơn kiện. Ngay hôm đó chú tôi đã hòa giải với ông Foma Fomits, và Stepan Alekseevits lại lẽo đẽo theo gót Foma và lại đế theo từng câu nói của Foma như trước: "Ông thông minh lắm, Foma ạ! Ông đúng là nhà thông thái, Foma ạ!"

Foma Fomits giờ đây đã nằm dưới mộ, bên cạnh tướng quân phu nhân, bên trên sừng sững một tấm bia trang trọng bằng đá hoa cương trắng muốt mang đầy những dòng chữ khóc thương, những lời ca ngợi. Thỉnh thoảng trên đường đi dạo, Egor Iliits và Nastenka vẫn đến bên bức tường vây của nhà thờ, kính cẩn nghiêng mình trước mộ. Ngay đến tận bây giờ, hai người vẫn không thể nhắc tới ông một cách hờ hững được; họ nhắc lại từng lời ông nói, từng món ông ăn, từng điều ông thích. Đồ đạc của ông được giữ gìn như bảo vật. Cảm thấy mình như những kẻ bơ vơ côi cút, chú tôi và Nastiia càng trở nên gắn bó với nhau hơn. Trời không cho họ đứa con nào; họ rất buồn về nỗi không con nhưng không dám than thân trách phận bao giờ. Sasenka từ lâu đã kết hôn với một chàng trai ưu tú. Iliusa đang theo học ở Moskva. Vậy là chú tôi và Nastiia chỉ còn lại hai người với nhau, hết lòng nâng niu chiều chuộng lẫn nhau. Quá tận tình chăm sóc lẫn nhau. Nastiia cầu nguyện không ngừng. Tôi cứ nghĩ là nếu một người chết trước thì người kia sẽ không sống tiếp được đến một tuần. Nhưng trời đã cho họ sống lâu! Họ tiếp đón mọi người thật niềm nở ân cần và sẵn lòng chia sẻ với bất cứ người bất hạnh nào tất cả những gì mình có. Nastiia thích đọc sự tích các thánh và rầu rĩ nói rằng việc thiện thông thường họ làm được hãy còn quá ít, phải chia hết của cải cho người nghèo mà sống cảnh an bần lạc đạo mới hay. Nếu không phải lo cho Iliusa và Nastenka thì có lẽ chú tôi đã làm như vậy từ lâu vì ông hoàn toàn nhất trí với vợ. Praskovia Iliitsna ở với vợ chồng họ và hết lòng chiều chuộng họ trong từng thói quen, sở thích; cô tôi cũng quán xuyến việc cửa việc nhà cho họ. Chẳng bao lâu sau ngày cưới của chú tôi, ông lớn Baktseev đã ngỏ lời cầu hôn với cô nhưng cô đã từ chối dứt khoát. Mọi người cho rằng có lẽ vì cô muốn đi tu, nhưng cũng không phải. Praskovia Iliitsna chỉ là một con người mang bản tính tốt đẹp trời sinh: quên mình vì những người mà cô đem lòng yêu mến, không muốn họ để ý đến mình nhưng lại muốn nhìn vào mắt họ, tuân theo mọi ý thích

sáng nắng chiều mưa của họ, chăm sóc họ, phục dịch họ. Giờ đây, sau cái chết của tướng quân phu nhân, mẹ đẻ của cô, cô thấy mình có bổn phận gắn bó với anh mình và nâng niu chiều chuộng Nastenka. Lão Ejevikin vẫn còn sống và thời gian gần đây càng ngày càng hay đến thăm con gái. Lúc đầu, lão đã khiến chú tôi rất rầu lòng về nỗi lão cứ khư khư giữ khoảng cách giữa mình cùng bọn nhóc (lão vẫn gọi các con mình như vậy) với Stepantsikovo. Bao nhiêu lời mời mọc của chú tôi đối với lão đều vô hiệu: lão vốn là người tự trọng đã đành, nhưng chủ yếu lão là người nhạy cảm và cả nghĩ. Sự e ngại của lão đôi khi cũng có phần thái quá. Cứ nghĩ chuyện bản thân là một kẻ nghèo hèn, được người giàu thương tình mà hậu đãi nọ kia, nhưng biết đâu người ta lại chẳng cho mình là loại mặt dày mày dạn, ấy, cứ nghĩ thế là lão lại thấy lòng day dứt không yên; có lúc lão còn khước từ cả sự giúp đỡ của Nastenka nữa, chỉ nhận những thứ tối cần thiết. Lão không muốn nhận một tý gì của chú tôi cả. Nastenka đã rất sai lầm khi nói về cha mình với tôi hôm ở ngoài vườn là lão đi diễn trò hề vì cô ấy. Quả là hồi đó lão cũng rất muốn gả chồng cho Nastenka nhưng lão đi diễn trò hề lại chỉ do nhu cầu nội tâm, muốn tìm lối thoát cho cơn giận đã căng đầy lồng ngực. Nhu cầu giễu cợt và *bệnh ngứa mồm* đã ngấm vào máu lão. Chẳng hạn như khi đóng một vai nịnh hót cực kỳ hèn hạ, cực kỳ đốn mạt, lão cũng cho thấy rõ ràng rằng làm như vậy chỉ để nêu bật hình tượng lên thôi: sự nịnh hót càng hèn hạ bao nhiêu thì sự giễu cợt ẩn tàng trong đó càng hiện lên cay độc và thẳng thắn bấy nhiêu. Cách làm của lão là như vậy. Tất cả các con lão đều được nhận vào các học viện danh giá nhất ở Moskva và Peterburg. Nastenka đã giải trình tường tận với cha là tất cả những việc đó đều được thực hiện bằng tiền riêng của cô, có nghĩa là từ khoản ba mươi ngàn cô được Tatiana Ivanovna biếu. Thực ra thì vợ chồng cô cũng chưa bao giờ cầm tiền của Tatiana Ivanovna cả; nhưng để cho chị ấy đỡ tủi thân, họ hứa với chị là hễ gia đình có việc đột xuất cần đến tiền là thế nào họ cũng hỏi xin ngay. Sau đó họ còn giả vờ vay tạm số tiền làm hai lần. Nhưng Tatiana đã mất cách đây ba năm, và Nastiia dù sao cũng đã nhận được ba mươi ngàn của mình. Cái chết đến với Tatiana Ivanovna tội nghiệp sao mà chóng vánh. Cả nhà đang sửa soạn đi dự hội khiêu vũ bên nhà một vị địa chủ láng giềng, và chị chỉ vừa kịp mặc vào người bộ đầm vũ hội, đội lên đầu vòng hoa hồng bạch kiều diễm thì bỗng thấy choáng váng, ngồi phịch xuống ghế bành và lịm đi luôn. Người ta mai táng chị với cả vòng hoa đẹp trên đầu. Nastiia đau buồn khôn xiết. Cả nhà từng nâng niu chiều chuộng Tatiana Ivanovna, từng chăm sóc chị như chăm sóc một đứa trẻ. Mọi người đều rất ngạc nhiên trước sự

sáng suốt của chị qua di chúc: ngoài ba mươi ngàn của Nastenka, tất cả số tiền còn lại lên tới ba trăm ngàn *as* đều dành cho việc nuôi dạy các bé gái mồ côi nghèo và làm phần thưởng cho chúng khi tốt nghiệp các học viện. Ngay trong năm chị qua đời, ả gái già Perepelisina đã lấy chồng; từ ngày tướng quân phu nhân mất, ả đã ở lại với chú tôi, hy vọng sẽ lấy lòng được Tatiana Ivanovna. Trong lúc đó thì ông lớn Misina, một quân chức kiêm địa chủ, đã bị góa vợ; ông chính là chủ nhân của ngôi làng nhỏ chúng ta đã biết, nơi đã xẩy chuyện lằng nhằng với mẹ con nhà Obnoskin xung quanh cuộc rượt đuổi Tatiana Ivanovna. Vị quan chức này là một chuyên gia kiện cáo có sừng có mỏ và đã có sáu con với bà vợ đầu. Đồ rằng Perepelisina có tiền, ông này đã bí mật cho người đến cầu hôn và được ả bằng lòng ngay. Ai dè Perepelisina lại đang nghèo rớt mùng tơi: chỉ có vỏn vẹn ba trăm *rup* bạc - tiền mừng cưới của Nastenka. Bây giờ hai vợ chồng cứ hục hặc nhau từ sáng đến tối. Ả giật tóc bợp tai lũ trẻ, cào rách mặt chồng và luôn mồm lên giọng con nhà trung tá để mắng mỏ chồng. Mizintsikov đã có việc làm. Anh ta đã tỉnh táo dập tắt mọi hy vọng về Tatiana Ivanovna và quay sang tìm hiểu đôi chút về kinh tế nông nghiệp. Chú tôi đã giới thiệu anh ta với một bá tước giàu có, một địa chủ có trong tay đến ba ngàn nông nô, ở cách Stepantsikovo tám mươi dặm, thỉnh thoảng vẫn tạt vào chơi với chú tôi. Nhận thấy Mizintsikov là người có năng lực và cũng lưu ý tới lời giới thiệu, bá tước đón anh ta về làm chân quản lý các trang ấp của mình thay cho gã quản lý người Đức, gã này tuy không hổ thẹn với cái tiếng trung thực của người Đức, nhưng đã đưa ông chủ đến chỗ sạt nghiệp. Năm năm sau, điền trang đã thay da đổi thịt đến mức không còn nhận ra được nữa: nông dân giàu lên, các hoạt động kinh tế không ai ngờ tới đều nhất loạt bung ra; lợi nhuận chung tăng gần gấp đôi, - tóm lại, viên quản lý mới đã tỏ ra xuất sắc và lừng danh khắp tỉnh về tài làm kinh tế. Bá tước đã ngạc nhiên và rầu lòng biết mấy khi thấy Mizintsikov sau đúng năm năm giúp việc đã nhất quyết xin nghỉ việc, không đếm xỉa đến mọi lời năn nỉ, mọi khoản tăng phụ cấp! Bá tước nghi rằng các địa chủ láng giềng đã dụ dỗ anh ta, biết đâu còn gạ đi tỉnh khác. Và rồi ai nấy đều hoa cả mắt khi đột nhiên, sau ngày nghỉ việc hai tháng, trong tay Ivan Ivanovits Mizintsikov xuất hiện một điền trang tuyệt cú mèo với một trăm nông nô, nằm cách điền trang của bá tước đúng bốn mươi dặm, được anh ta mua lại từ tay một cựu binh khinh kỵ nào nó, bạn cũ của mình! Một trăm nông nô lập tức được sử dụng vào việc thế chấp vay tiền và một năm sau anh ta đã có thêm sáu chục nông nô trong các vùng lân cận. Bây giờ chính anh là một địa chủ, sản nghiệp thuộc hàng tầm cỡ. Mọi người

đều lấy làm lạ: anh ta làm thế nào mà có thể phất lên nhanh đến thế? Số khác chỉ còn biết lắc đầu. Nhưng Ivan Ivanovits Mizintsikov vẫn tỉnh queo, chẳng xốn xang gì ráo. Anh ta viết thư gọi em gái từ Moskva về, nó chính là đứa đã từng vét nhẵn túi được ba *rup* cho anh mua ủng ngày lên đường về Stepantsikovo, - một cô gái rất dễ thương, thực tế đã không còn quá trẻ, thùy mị, đa cảm, có học nhưng cũng hơi quá rụt rè. Ở Moskva, cô luôn luôn cùng bạn bè đưa nhau đi loanh quanh đâu đó, tụ tập ở nhà ai đó; bây giờ cô một mực tôn sùng ông anh, lo quán xuyến việc nhà cho anh, coi ý nguyện của anh là pháp lệnh cũng như hạnh phúc lớn lao của chính mình. Người anh không nuông chiều em, khống chế cái ăn cái mặc ở mức bình thường giản dị, nhưng cô không để ý đến chuyện đó. Ở Stepantsikovo mọi người quý cô kinh khủng và nghe đâu ông lớn Baktseev cũng không hề thờ ơ với cô. Không sợ bị từ chối thì có lẽ ông cũng đã ngỏ lời. Tuy nhiên, về ông lớn Baktseev thì chúng tôi đang hy vọng sẽ được thưa chuyện vào một dịp khác, ở một thiên truyện khác, cặn kẽ hơn.

Vâng đấy, tất cả các nhân vật của chúng ta hình như đều được điểm qua... Ấy chết! quên mất: Gavrila đã già sọm đi rồi, quên hết tiếng Pháp rồi. Falalei bây giờ đã là một tay xà ích giỏi giang, còn anh chàng Vidopliasov tội nghiệp thì đã phải tìm đến nhà thương điên từ lâu lắm rồi và nghe đâu đã qua đời ở đấy... Mấy hôm nữa tôi sẽ về Stepantsikovo và nhất định sẽ hỏi chuyện chú tôi về bạn ấy.

Bút Ký Từ Nhà Chết

BÚT KÝ TỪ NHÀ CHẾT

LÊ ĐỨC MẪN *dịch*





PHẦN MỘT

VÀO CHUYỆN

Ở những vùng Sibir xa xôi, giữa bạt ngàn thảo nguyên, rừng núi hoặc những cánh rừng không thể đi qua vẫn rải rác có những thị trấn nhỏ, mỗi thị trấn có một, nhiều thì có hai ngàn dân, nhà cửa làm bằng gỗ, xấu xí, những thị trấn có hai nhà thờ thì một ở trong thành, một ở ngoài nghĩa địa, thị trấn ở đây giống những ngôi làng ngoại ô Moskva xinh xắn hơn là giống như thị trấn. Những thị trấn này thường có nhiều quan chức cảnh sát, các vị bồi thẩm và đủ các loại phẩm trật dưới nữa. Nhìn chung ở Sibir mặc dầu trời lạnh, nhưng làm công chức thì lại rất ấm áp. Mọi người sống đơn giản, không nhiễm thói tự do; nếp sống thì cổ xưa, chắc chắn, từ bao đời nay được coi là thiêng liêng. Các quan chức thì thực sự đóng vai trò của giới quý tộc Sibir. Hoặc đó là những người bản xứ, những người Sibir thâm căn cố đế, hoặc là từ nước Nga đến, phần lớn từ các thủ đô. Họ bị mê hoặc bởi khoản tiền lương cấp trước, bởi tiền đi xe ngựa được tính gấp đôi và bởi những hy vọng đê mê mai hậu. Trong số họ những người biết giải quyết những bài toán cuộc đời thì hầu như bao giờ cũng ở lại Sibir, vui lòng bén rễ xanh cây với nó. Sau này họ sẽ gặt hái được quả ngọt xum xuê. Nhưng những người khác nhẹ dạ và không biết đi tìm đáp số cuộc đời thì chẳng mấy chốc đã chán ngắt miền đất Sibir và bắt đầu rầu rĩ tự hỏi: ta đến đây để mà làm gì? Họ nôn nóng sống cho qua niên hạn công vụ ba năm, vừa hết hạn là vội vã vỗ tay mừng ngày dịch chuyển rồi quay gót trở về, miệng thì nguyền rủa và cười nhạo Sibir. Họ đâu có đúng: không phải chỉ từ quan điểm công vụ, mà thậm chí từ nhiều cách nhìn khác nữa, ở Sibir vẫn có thể rất an lạc. Khí hậu thì tuyệt vời, có nhiều thương nhân giàu sang và hiếu khách, có nhiều người tứ xứ hết sức khá giả. Các công nương thì rạng rỡ như những bông hồng và đoan trang đến mức cùng cực. Chim rừng thì bay nhảy ngay giữa đường phố và tự mình lao vào thợ săn. Rượu sâm-banh được uống đến mức siêu nhiều. Trứng cá hảo hạng. Mùa màng nhiều nơi bội bội thu. Nhìn chung đây là miền đất phúc lộc. Chỉ có điều phải biết cách tận dụng. Ở Sibir người ta đã biết cách đó.

Trong nhiều thị trấn vui vẻ và tự thỏa mãn có một thị trấn với những người dân hết sức dễ mến, mà ký ức về họ trong trái tim tôi không bao giờ phai nhạt. Tại đó tôi đã gặp Aleksandr Petrovich Goryanchikov, người bị phát vãng tới đây. Ông sinh ở Nga, vốn là quý tộc và địa chủ, sau bị đi đày khổ sai hạng hai vì tội giết vợ. Sau khi hết hạn đày mười năm theo luật định, ông âm thầm lặng lẽ sống

nốt phần đời còn lại trong thị trấn K. với tư cách nhập cư. Chính ông đã đăng ký nhập tịch vào một huyện ngoại vi, nhưng vẫn sống ở thị trấn vì có thể kiếm thêm đôi chút bằng nghề dạy trẻ. Ở các thị trấn Sibir trong số dân phát vãng vẫn thường gặp các thày giáo. Không có ai khinh ghét các thày cả. Chủ yếu là họ dạy tiếng Pháp, thứ tiếng rất cần trong cuộc sống, mà ở những xứ u tì Sibir này không có họ thì không thể còn có ý niệm gì về tiếng Pháp nữa. Lần đầu tiên tôi gặp Aleksandr Petrovich trong nhà một vị quan chức già cả có nhiều công trạng và tính nết hào hiệp tên là Ivan Ivanych Gvozdikov. Ông này có năm cô con gái tuổi tác chênh lệch, khiến bao người hy vọng. Ông Aleksandr Petrovich dạy các cô mỗi tuần bốn buổi, mỗi buổi lấy ba mươi cô-pếch bạc. Diện mạo của ông làm tôi quan tâm. Đó là con người hết sức xanh xao, gày gò. Ông chưa già, tuổi mới độ ba lăm, còm nhom, thấp bé. Ăn mặc thì lúc nào cũng sạch sẽ theo lối châu Âu. Nếu bạn nói chuyện với ông thì ông sẽ nhìn bạn hết sức chăm chú, sẽ nói một cách lịch sự nghiêm túc, lắng nghe từng lời của bạn, tựa hồ như suy ngẫm từng chữ, tựa hồ như bạn dùng câu hỏi để đặt ra cho ông một bài toán, hoặc muốn khêu gợi nơi ông một điều gì bí ẩn, và cuối cùng ông trả lời rành mạch và ngắn gọn, nhưng trước đó ông đã cân nhắc từng lời trong câu trả lời, đến nỗi bạn bỗng cảm thấy có gì bất tiện, và cuối cùng bạn sẽ cảm thấy vui mừng khi kết thúc được cuộc đàm thoại. Tôi cũng đã có dịp hỏi han kỹ lưỡng ông Ivan Ivanych về ông ta, và được biết rằng ông Goryanchikov sống rất chỉn chu, đức độ, và rằng nếu không phải như thế thì ông Ivan Ivanych đã không mời về dạy cho các cháu gái, nhưng có điều là ông ta rất ít giao du, luôn trốn tránh mọi người, đầu óc rất uyên bác, đọc sách nhiều, nhưng nói ra thì rất ít và nói chuyện được với ông ta là điều khá khó. Những người khác thì khẳng định rằng ông ta là một người điên tốt tính, mặc dù họ cũng thấy rằng thực chất đó chưa phải là khiếm khuyết căn bản, rằng có nhiều thành viên danh dự của thị trấn sẵn sàng bằng mọi cách o bế Aleksandr Petrovich, rằng ông ta thậm chí cũng có thể có ích như biết cách làm đơn từ hoặc các việc khác nữa. Người ta cho rằng hẳn là ông ta phải có nhiều họ hàng ở nước Nga, có thể thậm chí không phải đó là những người mạt hạng, nhưng họ biết rằng kể từ ngày đi đày ông đã cự tuyệt mọi quan hệ với họ. Nói tóm lại, ông đang tự làm hại mình. Ngoài ra mọi người ở đây đều biết chuyện đời ông, họ biết rằng ông đã giết vợ mình ngay vào năm đầu tiên chung sống, ông giết vì ghen tuông và sau đó ra đầu thú ngay (điều đó giảm nhẹ mức trừng phạt đi nhiều). Loại tội ác này thường được xem là bất hạnh

và mọi người thương hại ông. Mặc dầu vậy con người kỳ quặc này vẫn kiên trì lẩn tránh mọi người và chỉ xuất hiện trong trường hợp dạy học.

Đầu tiên tôi không chú ý đặc biệt đến ông ta, nhưng bản thân tôi cũng không biết vì sao dần dần ông ta khiến tôi chú ý. Ở nơi ông có cái gì đó lạ lùng. Muốn nói chuyện với ông nhưng chẳng có một cơ hội nhỏ nhoi nào. Tất nhiên, mọi câu hỏi của tôi bao giờ cũng được ông trả lời, thậm chí còn trả lời với cái cách dường như ông coi đó là nghĩa vụ hàng đầu của mình, nhưng sau những câu trả lời đó tôi lại thấy rất nặng nề khi muốn hỏi thêm nữa. Vả lại sau những cuộc trò chuyện như vậy trên gương mặt ông bao giờ cũng hiện lên vẻ đau khổ và mệt mỏi. Tôi còn nhớ một lần vào một chiều hè đẹp trời tôi cùng ông rời khỏi nhà ông Ivan Ivanych. Bỗng nhiên tôi nảy ra ý tưởng mời ông đến nhà tôi một lát hút một điếu thuốc. Tôi không thể nào mô tả được nỗi khiếp hãi đến như thế nào hiện ra trên nét mặt ông; ông hoàn toàn bối rối, miệng lảm nhảm những câu rời rạc gì đó rồi bỗng nhiên nhìn tôi một cách dữ tợn, sau đó quay mình chạy biến đi theo hướng ngược lại. Tôi ngạc nhiên quá đỗi. Kể từ ngày đó hễ cứ gặp tôi là ông lại nhìn tôi như sợ hãi điều gì. Nhưng tôi không chịu lùi bước. Có một cái gì đó níu kéo tôi về phía ông ta. Một tháng sau chẳng cơn cớ gì tôi cũng ghé qua nhà Goryanchikov. Rõ ràng là tôi đã hành động ngu xuẩn và thô thiển. Ông ta thuê phòng ở tận cuối thị trấn của một bà già có cô con gái lao phổi, cô này lại có đứa con gái ngoài giá thú chừng độ mười tuổi, một cô bé kháu khỉnh và vui tính. Đúng lúc tôi bước vào thì Aleksandr Petrovich đang ngồi với cô bé, dạy cô bé đọc sách. Nhìn thấy tôi ông ta luống cuống đến nỗi cứ như là tôi bắt được quả tang ông đang phạm tội. Ông hoàn toàn rối trí, rời ghế đứng vụt dậy tròn mắt nhìn tôi. Cuối cùng thì chúng tôi cũng ngồi xuống. Ông chăm chú theo dõi từng ánh mắt tôi, dường như trong mỗi ánh mắt ấy ông đều thấy nghi ngờ rằng có một ý nghĩa nào đó huyền bí đặc biệt. Tôi đồ rằng ông mắc chứng đa nghi đến mức điên dại. Ông vẫn nhìn tôi bằng con mắt thù hận, ra ý hỏi dò “Thế bao giờ anh ra khỏi nhà tôi?”. Tôi gợi chuyện thị trấn, chuyện tin tức hàng ngày, còn ông thì im lặng và mỉm cười giận dữ. Hóa ra là ông không biết gì không những là tin tức hàng ngày tầm thường nhất trong thành phố mà ai cũng biết, thậm chí còn không thèm quan tâm đến nữa. Sau đó tôi gợi chuyện đến miền đất chung này, đến những nhu cầu của ông. Ông lặng yên ngồi nghe và nhìn vào mắt tôi một cách lạ lùng, đến nỗi cuối cùng tôi thấy xấu hổ vì cuộc trò chuyện. Hơn thế nữa, tôi suýt làm ông phấn chấn vì những cuốn sách và tạp chí mà tôi mới lấy ở bưu điện về đây và định đưa cho ông mượn xem lúc còn chưa xé giấy bọc. Ông chợt

nhìn sách bằng cặp mắt khát khao, nhưng ngay lập tức lại thay đổi ý định, từ chối không xem, lấy cớ là không có lúc nào rỗi rãi. Cuối cùng tôi chia tay, và khi bước ra tôi cảm thấy rằng từ trong tim tôi có một khối vật gì đó nặng nề không chịu đựng nổi đã rơi ra ngoài. Tôi xấu hổ và thấy mình thật ngốc nghếch khi tìm đến một con người đặt ra nhiệm vụ chủ yếu nhất là phải lẩn tránh thế giới này càng xa càng tốt. Nhưng việc đã trót rồi. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ rằng hầu như tôi không nhìn thấy trong nhà ông có quyển sách nào, và có lẽ mọi người đã sai khi nói về ông rằng ông đọc sách nhiều. Tuy thế, tôi đã có dịp qua lại trước cửa sổ nhà ông đôi ba lần vào những lúc khuya muộn thì lại thấy trong ấy sáng đèn. Ông ấy làm gì? Cứ ngồi đến sáng hay sao? Hay ông ấy viết? Mà viết thì viết cái gì?

Rồi tôi có việc phải xa thị trấn đến ba tháng. Tôi về nhà vào mùa đông và được tin ông đã chết vào mùa thu, chết trong cô đơn và thậm chí cũng không một lần cho gọi thầy thuốc. Trong thị trấn mọi người hầu như đã quên mất ông. Căn hộ của ông trống hoang. Ngay lập tức tôi đến hỏi thăm bà chủ nhà của người quá cố mong được biết thêm ông ấy vẫn thường làm gì và có viết ra cái gì không? Tôi đưa cho bà bốn mươi cô-pếch, bà mang ra cho tôi cả một xếp giấy mà ông để lại. Bà thú nhận rằng bà đã dùng mất hai tập vở rồi. Bà là người rầu rĩ và kiệm lời, khó có thể gạn hỏi được điều gì cần thiết. Về ông ấy bà cụ không cho biết điều gì mới mẻ. Theo lời bà, ông ấy hầu như không bao giờ làm gì, suốt nhiều tháng liền không mở sách ra và cũng không cầm lấy bút, thế nhưng nhiều khi suốt đêm đi đi lại lại trong phòng suy nghĩ, đôi lúc tự nói một mình. Ông ấy rất mực yêu thương chiều chuộng đứa cháu gái Katia, đặc biệt từ khi ông ấy biết rằng tên nó là Katia và cứ đến ngày lễ thánh của cháu thì ông ấy lại đi làm lễ cầu siêu cho một ai đó. Ông ấy không chịu nổi khách khứa, chỉ bước chân ra khỏi nhà khi đi dạy trẻ con, thậm chí chỉ ngó đến bà lão mỗi tuần một lần khi bà vào phòng ông dọn dẹp và hầu như chẳng nói với bà câu nào suốt cả ba năm. Tôi đã hỏi Katia: cháu có nhớ thày giáo của cháu không? Cô bé nhìn tôi yên lặng rồi quay mặt vào tường mà khóc. Hẳn là con người đó đã buộc được một người nào khác yêu mình.

Tôi ôm chồng giấy của ông về nhà và suốt ngày lật giở ra xem. Ba phần tư số giấy ấy là những giấy còn trắng, là những mẩu giấy vụn hoặc những bài tập của học trò viết bằng chữ thường. Thế nhưng trong đó có một quyển vở khá dày viết bằng thứ chữ nhỏ li ti chi chít và chưa kết thúc, có thể đã bị chính tác giả xếp xó và lãng quên. Đó là những phần mô tả, mặc dù rời rạc, cuộc sống mười năm khổ

sai mà Aleksandr Petrovich trải qua. Có một số chỗ trong tập ký này bị đứt quãng, nhường chỗ cho một truyện vừa nào đó, cho những hồi ký kỳ lạ, hãi hùng, được phác thảo một cách gồ ghề, giật cục, dường như có sự bó buộc nào đó. Tôi đã đọc đi đọc lại mấy lần những trang viết đó và gần như khẳng định được rằng chúng được viết ra trong lúc điên loạn. Nhưng đến đoạn bút ký “Những cảnh ngộ trong nhà chết” - tác giả đã đặt tên như thế ở một chỗ nào đó trong tập bài viết, thì tôi thấy không phải hoàn toàn tẻ nhạt. Một thế giới hoàn toàn mới, chưa ai biết đến, những sự kiện kỳ quặc, một số những ghi nhận đặc biệt về những người chết, tất cả đã thu hút tôi và tôi đã tò mò đọc được đôi điều. Có thể là tôi đã mắc sai lầm, nhưng đầu tiên tôi cứ thử lựa chọn vài chương, ngõ hầu để công chúng phán xét...

I

KHU NHÀ CHẾT

Nhà tù của chúng tôi nằm bên mép pháo đài, ngay sát chân tường thành. Thường khi bạn nhìn qua khe hàng rào ra thế giới bên ngoài, bạn có thấy cái gì không? Chỉ cần bạn nhìn thấy rằng có một mảnh trời bé xíu và một thành lũy đất cao mọc đầy cỏ dại, trên mặt lũy ngày cũng như đêm có bọn lính gác đi đi lại lại, thì ngay lập tức bạn nghĩ rằng còn biết bao nhiêu năm tháng nữa qua đi để rồi cứ như thế này bạn lại ghé mắt qua khe hàng rào để thấy vẫn là bức thành lũy đất này, vẫn là những tên lính ấy, vẫn là vuông trời bé nhỏ nọ, nhưng không phải bầu trời trên nóc nhà tù, mà là một bầu trời khác xa xôi, bầu trời tự do. Bạn hãy tưởng tượng một khu sân lớn, chiều dài đến hai trăm bước và chiều rộng đến một trăm rưởi bước, xung quanh được bao bọc bởi một hàng rào cao theo hình lục lăng không thật cân đối, tức là bằng những thân gỗ cao cắm sâu xuống đất, tựa vào nhau bằng những dóng gỗ cấu kết với nhau bằng những thanh dằng ngang, trên đầu vát nhọn: tuyến bảo vệ bên ngoài của nhà tù là như vậy đó. Ở một phía hàng rào có cổng chắc chắn luôn luôn đóng kín, ngày đêm có lính canh gác. Cánh cổng chỉ được mở theo lệnh để cho tù nhân đi làm. Bên ngoài cánh cổng là thế giới tự do, có ánh sáng và người ta được sống như mọi người khác. Nhưng bên này của hàng rào, thì người ta chỉ có thể hình dung về cái thế giới kia như về một truyện cổ tích không tưởng nào đó. Ở đây có một thế giới đặc biệt không giống một thế giới nào khác. Ở đây có những đạo luật riêng, có quần áo riêng, có phong tục tập quán riêng. Đây là Khu nhà chết mà vẫn đang sống, cuộc sống không giống nơi đâu, và con người ở đây cũng là đặc biệt. Chính vì thế mà tôi bắt tay vào mô tả cái góc khuất đặc biệt này.

Khi bạn đi vào hàng rào, bạn sẽ nhìn thấy bên trong có mấy tòa nhà, một cái sân rộng ở giữa, hai bên có hai dãy nhà một tầng dài. Đó là nhà trại. Sống trong đó là những người bị bắt giam và đã được phân loại. Sau đó vào sâu trong hàng rào bạn lại thấy một ngôi nhà gỗ: đó là nhà bếp, được chia thành hai bếp riêng, tiếp theo lại là một dẫy nhà nữa, trong đó có nhà hầm, nhà kho. Phần giữa sân để trống, chiếm một vị trí khá rộng và bằng phẳng. Đây là chỗ để tù nhân xếp hàng, để kiểm tra và điểm danh buổi sáng, buổi trưa, buổi tối, đôi khi ban ngày

cũng điểm danh mấy lần tùy vào mức độ nghi ngờ của lính đi tuần và vào khả năng đếm nhanh của chúng. Xung quanh, phần giữa các tòa nhà và hàng rào vẫn còn một không gian khá rộng nữa, ở đây, phía đằng sau các tòa nhà, có những tù nhân thích cô đơn hơn và tính tình rầu rĩ thường hay ra đó ngoài giờ đi làm. Họ thích tránh mọi con mắt và thích suy nghĩ chuyện đời riêng. Khi gặp gỡ họ trong lúc dạo chơi, tôi thích nhìn kỹ những khuôn mặt cau có bị đóng dấu của họ và cố đoán xem họ nghĩ ngợi gì. Có một người đi đày làm một việc yêu thích trong lúc rỗi rãi là đếm lá rụng. Anh ta đã có một ngàn rưởi chiếc. Đối với anh mỗi chiếc là một ngày. Mỗi ngày anh tính bằng một chiếc lá, như vậy tính theo số lá chưa được đếm thì anh có thể nhìn thấy anh còn phải ở lại trại này bao nhiêu ngày nữa. Anh thật sự vui mừng mỗi khi đi hết được một cạnh của cái sân lục giác. Anh còn phải chờ đợi nhiều năm nữa, nhưng nhà tù cũng là nơi học tính kiên trì. Một lần tôi đã thấy một tù nhân chia tay với bạn. Anh đã ở tù hai mươi năm, nay mới được tha. Nhiều người vẫn còn nhớ lần đầu tiên anh ta tới trại. Hồi ấy anh còn trẻ, vô tư, và chẳng nghĩ gì về tội lỗi của mình và cách trừng phạt cả. Khi về anh đã là một ông lão đầu bạc, mặt mũi nhăn nheo, buồn thảm. Ông ta lặng lẽ đi vòng quanh cả sáu khu trại. Bước vào mỗi trại ông lại đứng trước các tượng Chúa cầu nguyện, rồi ông cúi gập người đến thắt lưng chào các anh em, mong mọi người hãy nhớ đến ông. Tôi cũng còn nhớ có một lần có một tù nhân, trước đó là một người Sibir làm ăn khá giả, có hôm đến chiều bị gọi ra cổng. Trước đó nửa năm ông nhận được tin rằng vợ cũ đi lấy chồng khác. Ông đau khổ vô hạn. Bây giờ bà ấy tự nhiên đến trại, gọi ông ra, đưa cho ông đồ ăn thức uống, hai người nói chuyện mấy phút rồi khóc nức lên, sau đó chia tay vĩnh viễn. Tôi đã nhìn thấy mặt ông lúc ông quay vào... phải rồi, nơi đây người ta có thể học được chữ nhẫn.

Chiều tối người ta lại lùa chúng tôi vào trại, sau đó khóa chặt cổng suốt đêm. Cứ mỗi lần từ sân vào trại là tôi lại thấy lòng dạ nặng nề. Đó là một căn phòng dài, thấp và ngột, được thắp bằng những cây nến mỡ leo lét, có mùi nặng quánh nghẹt thở. Bây giờ tôi vẫn không hiểu làm sao tôi sống qua được trong đó suốt cả mười năm. Tấm phản của tôi có ba tấm gỗ: đó là toàn bộ chỗ ở. Trên tấm phản này trong một phòng có ba mươi người chung sống. Mùa đông cửa bị khóa sớm, phải chờ đến bốn tiếng đồng hồ thì mọi người mới thiếp ngủ. Trước đó là bao nhiêu tiếng ồn ào, cười nói, chửi thề, là tiếng xích kêu, tiếng người già trẻ nhỏ, là những cái đầu trọc, những bộ mặt bị đóng dấu, những bộ quần áo rẻ rách - tất cả đều bị chửi mắng, bị hạ nhục... thế nhưng con người vẫn sống!

Con người là một sinh vật thích nghi được với mọi thứ, và tôi nghĩ rằng đó là cái định nghĩa hay nhất.

Trong trại này chúng tôi chỉ vẻn vẹn có hai trăm năm mươi người. Con số này gần như không đổi. Số này đến thì số khác mãn hạn, số khác nữa qua đời. Ở đây không thiếu một loại người nào! Tôi cứ nghĩ rằng tỉnh nào, huyện nào của đất nước Nga cũng đều có đại diện ở đây cả. Cũng có cả những người dị tộc, thậm chí có cả những người bị đày từ vùng núi Kavkaz. Tất cả đều được phân loại theo mức độ tội phạm, sau đó là theo độ tuổi tính vào lúc phạm pháp. Cũng cần phải biết rằng không có loại tội ác nào không có đại diện ở đây. Nhóm cư dân chủ yếu trong trại là loại đi đày khổ sai dân sự (khổ sai *hạng nặng*, những tù nhân tự mình ngây thơ nói ra như vậy). Đó là những tù nhân bị mất hoàn toàn quyền hưởng tài sản, họ hoàn toàn bị cắt rời ra khỏi xã hội, mặt bị đóng dấu làm bằng chứng vĩnh viễn cho sự ruồng bỏ. Họ bị đưa đến đây làm việc thời hạn từ tám đến mười hai năm, sau đó lại chuyển đi đâu không rõ trong các tổng huyện vùng Sibir này thành dân nhập cư. Lại có tội phạm là quân nhân, chưa mất quyền tài sản, như hầu hết trong các đội quân nhân Nga bị giam. Họ đến đây với thời hạn ngắn hơn, hết hạn họ được quay về nơi cũ, được làm lính trong các tiểu đoàn Sibir. Nhiều người trong số này lại lập tức quay về trại vì lại một lần nữa gây ra trọng tội, nhưng lần này không phải ngắn hạn, mà là hai mươi năm. Loại này được mệnh danh là “vĩnh cửu”. Nhưng loại “vĩnh cửu” cũng chưa mất hẳn quyền tài sản. Cuối cùng vẫn còn một loại đặc biệt nữa, phạm vào những tội ác khủng khiếp, chủ yếu là quân nhân. Số này khá đông. Họ được gọi là “biệt nhóm”. Phạm nhân về đây từ khắp nước Nga. Họ tự coi mình là vĩnh viễn và không biết thời hạn lao động của mình là bao nhiêu. Theo luật định thì họ bị tăng gấp đôi, gấp ba số lượng thời hạn lao động. Họ bị giam giữ trong trại cho đến khi nào Sibir khai trương những công việc nặng nề nhất. “Các anh còn hạn nay mai. Chúng tôi thì cứ khổ sai suốt đời” - họ nói với các tù nhân khác như vậy. Sau này tôi còn nghe thấy nói rằng loại này đã bị xóa bỏ hết. Ngoài ra trong pháo đài chúng tôi cả cái chế độ dân sự cũng bị bãi bỏ, ở đây đã hình thành đến một đại đội quân nhân tội phạm, hẳn là vì thế mà cả ban lãnh đạo cũng phải thay đổi. Đấy là tôi kể lại những chuyện cũ, những việc đã qua lâu rồi...

Những chuyện ấy đã qua lâu rồi, nhưng đến bây giờ tất cả vẫn còn trong giấc mơ tôi như những cơn mộng mị. Tôi còn nhớ tôi bước chân vào trại như thế nào. Đó là một buổi chiều tháng Chạp. Trời đất nhập nhoạng. Mọi người đi làm về, chuẩn bị điểm danh. Một viên hạ sĩ đầy râu mở cửa cho tôi bước vào khu nhà kỳ

lạ này, nơi tôi phải sống đến từng ấy năm, phải trải nghiệm biết bao cảm giác, mà nếu không cảm nhận được qua thực tế thì tôi không thể nào có được một khái niệm dù chỉ gần đúng. Chẳng hạn, tôi không thể nào tưởng tượng được rằng: có cái gì là khủng khiếp, là dằn vặt ở chỗ suốt mười năm khổ sai của tôi tôi không có một dịp nào, một phút nào được yên một mình? Đi làm thì bao giờ cũng có lính áp giải, về nhà thì có hai trăm anh em bạn bè. Không có một dịp nào, một dịp nào được yên một mình! Nhưng đâu có phải tôi phải quen dần chỉ với cảnh đó!

Ở đây có những kẻ giết người ngộ sát, lại có những sát nhân chuyên nghiệp, có kẻ cướp và có cả trùm cướp. Có những người chỉ là ăn trộm, là phường du thủ du thực, là những tay công nghiệp làm tiền giả, lại có những người mà ta khó có thể khẳng định được, vì sao họ đến đây? Thế nhưng chuyện mỗi người là cả một thiên tiểu thuyết, một thiên tiểu thuyết mờ mịt, nặng nề, như cơn mê cuồng sau bữa rượu chiều qua. Nhìn chung về quá khứ của mình thì họ ít nói, không thích kể ra, rõ ràng là họ cố gắng không nghĩ gì đến quá khứ nữa. Trong số họ tôi đã gặp những kẻ giết người mà lại vui cười đến độ không bao giờ họ có thể nghĩ đến việc đánh cuộc rằng lương tâm họ chưa bao giờ có điều gì nhắc nhở. Thế nhưng lại có những khuôn mặt ảm đạm, hầu như lúc nào cũng câm lặng. Nói chung rất ít người nói chuyện đời mình, mà ta tò mò thì không phải lối, dường như không phải thói thường và không được chấp nhận. Cũng đôi khi có kẻ ngồi buồn không biết làm gì thì nói chuyện chơi, rồi có người khác lạnh lùng, trầm mặc lắng nghe. Ở đây không ai có thể làm ai ngạc nhiên. “Chúng tôi là những người có hiểu biết đấy!” - họ thường nói thế với sắc thái hài lòng kỳ lạ. Tôi còn nhớ một hôm có một tên cướp say khướt (ở chỗ khổ sai đôi lúc cũng vẫn say được) bắt đầu kể rằng hắn đã cắt cổ một cậu bé lên năm, đầu tiên hắn mê hoặc cậu bé bằng một thứ đồ chơi rồi dắt đến một nhà kho bỏ không và cắt cổ. Cả trại đến bây giờ vẫn còn cười nhạo chuyện đùa của hắn, nhưng lúc đó mọi người đều nhất tề quát lên, khiến tên cướp buộc phải câm họng. Mọi người hét lên không phải vì căm phẫn, mà bởi vì không được *nói đến chuyện ấy*, bởi vì *nói đến chuyện ấy* là không chấp nhận được.

Nhân đây tôi xin nhận xét rằng những người ở đây quả thật là có hiểu biết, thậm chí không phải là hiểu theo nghĩa bóng, mà là theo đúng nghĩa đen. Hẳn là già nửa trong số họ đều biết đọc biết viết. Liệu có nơi nào người Nga tụ tập thành một đám đông tới hai trăm năm mươi người mà lại có được đến một nửa biết đọc biết viết? Sau này tôi nghe có người rút ra kết luận từ những số liệu như

vậy rằng sự có học làm hại dân chúng. Đó là sai lầm: ở đây có những nguyên nhân khác; mặc dù ta không thể đồng ý được rằng sự có học làm phát triển trong dân chúng lòng tự tin thái quá. Nhưng nói chung cái đó tuyệt không phải là một khiếm khuyết. Các tù nhân ở đây được phân theo áo: áo của một số người thì một nửa màu nâu sẫm, một nửa xám, quần của họ cũng vậy, một ống màu xám thì ống kia nâu sẫm. Một lần ở nơi làm việc có một cô bé bán bánh đến gần đám tù nhân, đứng nhìn xoáy vào tôi hồi lâu rồi cười phá lên "Chà! Hay thế chứ lị! Vải xám cũng thiếu, mà vải đen cũng thiếu". Lại có những tù nhân áo toàn màu xám, nhưng hai tay áo thì lại nâu sẫm. Tóc họ cắt cũng khác nhau, một số thì nửa đầu nhẵn thín theo chiều dọc, số khác lại nhẵn thín theo chiều ngang.

Thoạt nhìn có thể thấy một số điểm chung rõ rệt trong cả cái đại gia đình kỳ quặc này; thậm chí cả những nhân vật quyết liệt nhất, độc đáo nhất, vô hình chung đè đầu cưỡi cổ người khác, cũng vẫn cố gắng tìm tiếng nói chung với toàn trại. Nhìn chung, tôi có thể nói rằng tất cả mọi người ở đây, loại trừ một số rất ngoại lệ lúc nào cũng hớn hở không cùng, và cũng luôn luôn bị mọi người khinh rẻ, còn tất thảy đều là những con người đăm chiêu, đố kỵ, háo danh, khoe khoang, giận dỗi và hình thức chủ nghĩa đến cao độ. Cái khả năng không cần biết ngạc nhiên là gì chính là cái phẩm hạnh cao quý nhất của họ. Tất cả những con người đó đều mất trí như nhau ở chỗ họ phải thể hiện vẻ bên ngoài như thế nào. Nhưng nhiều khi cái bề ngoài ngang ngược nhất bỗng chốc lại biến đổi thành nhút nhát nhất. Đã có một số người mạnh mẽ thực sự; họ rất đơn giản và không lươn lẹo. Nhưng có điều lạ lùng: trong số những người mạnh mẽ thật sự ấy lại có mấy người hám chuộng hư danh đến mức tận cùng, gần như bệnh hoạn. Nói chung xếp hàng đầu là bệnh háo danh và bệnh hình thức. Phần lớn những người đó đã bị tha hóa và trở nên đểu giả ghê gớm. Ngồi lê đôi mách là chuyện không bao giờ dứt: đó là địa ngục, là bóng đêm trọn vẹn. Nhưng không có ai dám đứng lên chống lại những lề luật nội bộ và những thói quen đã lâu đời trong trại; mọi người đều phục tùng cả. Cũng có những tính cách nổi bật hẳn lên, đó là những người phải ráng sức mà chịu chấp thuận một cách khó khăn, nhưng dù sao cũng đã chấp thuận. Nhập trại còn có những người hành xử quá mức, vượt quá xa chuẩn mực khi còn được sống tự do, đến nỗi rốt cuộc nhiều tội ác họ đã gây ra dường như là tự thân nó như thế, dường như chính họ cũng không biết là gây ra để làm gì, dường như là gây ra trong mơ, trong lúc nửa say nửa tỉnh, thường là xuất phát từ những hư danh bị kích động ở mức cao nhất. Nhưng ở đây những tội nhân ấy ngay lập tức bị hạ bệ, mặc dù một số người trong bọn họ

trước khi đến trại đã là nỗi kinh hoàng của khắp các vùng nông thôn, thành phố. Khi nhìn quanh, người mới nhập trại chẳng mấy chốc đã nhận ra rằng anh ta đã vào nhầm chỗ, rằng ở đây chẳng có ai để anh ta có thể dọa nạt và chắc chắn anh ta đã chịu hòa dịu và hòa nhập vào giọng điệu chung. Giọng điệu chung ấy được hình thành từ bên ngoài từ một thứ phẩm chất riêng biệt nào đó, nó thấm nhuần hầu như vào từng thành viên của nhà ngục. Cứ như là quả thật, danh hiệu tù khổ sai đã tạo thành một phẩm cấp nhất định, mà còn là phẩm cấp danh dự nữa. Ở đây không có dấu hiệu xấu hổ và ăn năn! Tuy thế, cũng có sự nhún nhường bề ngoài nhất định, có thể coi là lối lý sự chính thức và thản nhiên: "Chúng tôi, những người bỏ mình rồi, - họ nói thế. - Chúng tôi không biết sống cuộc đời tự do, vậy thì hãy bắt chúng tôi xếp hàng, điểm danh đi". - "Tôi không nghe cha, nghe mẹ, thì bây giờ hãy nghe theo tiếng trống". - "Đã không thích mặc áo chỉ vàng, thì bây giờ phải quai tay đập đá". Đó là những câu người ta thường nói, vừa là dưới dạng dạy khôn cho nhau, vừa là những câu ngạn ngữ thông thường, vừa là những câu đệm văn hoa, nhưng chẳng có bao giờ nghiêm túc. Tất cả chỉ là lời nói. Liệu trong bọn họ có bao giờ có một người nào trong thâm tâm tự nhận mình là sống phi pháp đâu. Giả sử có ai không phải tù khổ sai hãy thử châm chọc một tù nhân về tội ác của anh ta, hãy thử mắng mỏ anh ta (mặc dù quở trách tội nhân là không theo tinh thần Nga) - thì những lời mắng chửi ấy sẽ là vô tận. Mà dân này đều là những bậc thày mắng chửi đấy! Họ mắng chửi thật là tinh vi, thật là nghệ thuật. Những lời mắng chửi ấy đã thành khoa học. Họ ráng sử dụng những lời lẽ nghe ra đay nghiến thì ít mà có ý nghĩa đay nghiến thì nhiều, và như thế mới là tế nhị hơn và cay độc hơn. Những cuộc cãi cọ không ngừng giữa họ với nhau lại càng làm cho thứ khoa học này phát triển tợn. Tất cả bọn họ đều phải làm việc dưới roi vọt, thế nên họ là những kẻ nhàn hạ, thế nên họ bị tha hóa: nếu như trước kia họ chưa bị tha hóa, thì trong chốn lưu đày này họ bị tha hóa. Tất cả bọn họ đến đây đều không phải theo ý mình muốn. Tất cả bọn họ đều là người dưng với nhau.

"Quỉ mòn gót quăng quật chúng tôi khắp nơi rồi mới ném vào một đống thế này!" - họ tự nói về mình như thế; và cũng chính vì vậy mà trong cuộc đời địa ngục này công việc hàng đầu của họ là ngồi lê đôi mách, là ganh ghét nhau, là dở trò hung bạo, lừa lọc. Không có một người đàn bà nào có thể sánh ngang được với một trong những mụ đàn bà ở đây từng là những kẻ giết người. Tôi xin nhắc lại rằng trong số họ có những con người hùng mạnh, có những cá tính suốt đời chỉ thích đập phá và sai khiến kẻ khác, những tính cách dày dạn, không hề

biết khiếp nhược. Tự nhiên họ được những người khác kính nể. Về phần mình, mặc dù họ thường rất ham danh vọng, nhưng nhìn chung họ lại cố làm sao để không trở thành gánh nặng cho bất kỳ ai, không tham gia vào những cuộc chửi bới vô duyên, họ biết giữ cho mình có phẩm giá đặc biệt, biết tính toán và hầu như bao giờ cũng biết nghe lời cấp trên, không phải là họ xuất phát từ nguyên tắc vâng lời, không phải từ ý thức trách nhiệm, mà dường như là theo một thứ hợp đồng, ý thức được lợi ích của cả hai bên. Tuy nhiên, những người khác vẫn thận trọng với họ. Tôi còn nhớ trong số tù nhân có một con người hùng mạnh, quyết đoán, được giới cai tù biết đến nhờ tính hung bạo. Một hôm vì một tội ác nào đó anh ta bị trừng phạt. Hôm ấy là một ngày mùa hè, đang giờ nghỉ trưa. Viên sĩ quan cấp tá, trực tiếp phụ trách trại đích thân xuống bốt gác ở sát cạnh cổng ra vào để xem hành hình. Viên thiếu tá này là một nhân vật cực đoan, hắn đã khiến đám tù nhân phải run sợ. Hắn nghiêm khắc đến mức điên cuồng. Theo lời các tù nhân thì hắn là kẻ "vồ người". Mọi người rất sợ cái nhìn xuyên thấu như linh miêu của hắn khiến không ai dấu được điều gì. Hắn nhìn mà như không nhìn. Vừa vào trại hắn đã biết ngay ở cuối trại xảy ra chuyện gì. Tù nhân gọi hắn là thằng bát nhãn. Cách cai trị của hắn là sai lầm. Bằng những hành động điên cuồng, dữ tợn của mình hắn làm cho bọn người vốn đã hung hãn nay càng hung hãn hơn, và nếu như trên đầu hắn không có một người chỉ huy rộng lượng và chín chắn, biết dàn xếp những hành vi đôi khi là hoang dã của hắn, thì hắn đã gây ra không biết bao nhiêu tai họa. Tôi không hiểu hắn làm thế nào để kết thúc mọi việc một cách êm đẹp, để về hưu mà vẫn sống được và vẫn khỏe mạnh được, mặc dù hắn đã phải ra hầu tòa rồi.

Người tù ấy tái mặt khi bị gọi tên. Bình thường y vẫn nằm im chịu roi vọt một cách kiên quyết, yên lặng chấp nhận hình phạt, sau trận đòn mới run rẩy đứng lên, đưa cặp mắt lạnh băng và đầy chất triết lý nhìn thất bại vừa rồi. Mọi khi người ta đối xử với y một cách thận trọng, nhưng lần này không hiểu vì sao y thấy mình đúng. Mặt y nhợt nhạt, y lẳng lặng tránh con mắt tên áp giải, dấu được con dao thợ đóng giày kiểu Anh vào ống tay áo. Trong trại các loại dao và vật nhọn bị cấm gay gắt. Vẫn thường xảy ra các vụ lùng soát bất ngờ và khắc nghiệt, các hình phạt đều dã man; nhưng, cũng như khó bắt được đồ vật của thằng ăn cắp khi nó cố tình dấu diếm, các loại dao và vật nhọn vẫn là những vật cần thiết tùy thân trong trại, nên mặc dù bị lùng sục, chúng vẫn không bị di chuyển đi chỗ khác. Còn nếu như chúng bị tịch thu thì lập tức lại có cái mới. Toàn bộ tù khổ sai lao ra phía hàng rào thót tim nhìn qua khe gỗ, mọi người biết

rằng lần này Petrov không chịu nằm yên ăn đòn nữa và ngày tàn của tên thiếu tá đã đến. Nhưng đến đúng giờ phút quyết định nhất thì tên thiếu tá lại lên xe ra đi, giao nhiệm vụ hành quyết cho một tên sĩ quan khác. Sau này đám tù nhân kháo nhau “Trời cứu nó đấy!”. Còn về phần Petrov, y hết sức lỳ lợm chịu đựng hình phạt. Cơn giận của y đi qua cùng với tên thiếu tá. Tù nhân thường ngoan ngoãn và nhẫn nhịn đến mức nhất định; thế nhưng cũng có cái giới hạn không vượt qua được. Xin được nói thêm rằng, không có cái gì đáng để ta tò mò hơn là những cơn bùng phát kỳ quặc của những người hết khả năng chịu đựng và đã ngang bướng. Thường thì người đó chịu đựng được mấy năm, biết hòa dịu, chấp nhận được những án phạt dã man nhất, nhưng rồi đột nhiên bùng lên vì một chuyện gì đó rất nhỏ nhoi, một chuyện vớ vẩn chẳng đâu vào đâu. Theo cách nhìn khác thì thậm chí có thể gọi y là người điên, và người ta vẫn gọi như vậy.

Trên đây tôi đã nói rằng trong vòng mấy năm tôi không nhìn thấy những con người này có dấu hiệu ăn năn mảy may nào, cũng không hề có một chút suy tư nặng nề nào về tội lỗi của mình và rằng phần lớn những người đó trong thâm tâm đều coi mình là hoàn toàn đúng đắn. Sự thật thì là như vậy. Tất nhiên, thói hư danh, những tấm gương xấu, tuổi thanh xuân, sự xấu hổ giả tạo đã là những nguyên nhân dẫn tới chỗ đó. Mặt khác, ai có thể nói rằng mình đo lường được chiều sâu của những trái tim đã chết và đọc được trong đó những điều thiêng liêng nhất của cõi đời này? Thế nhưng lại cũng có thể trong ngần ấy năm ta cũng nhận ra được, tìm kiếm được, nắm bắt được một chút gì đó trong những trái tim kia, dù chỉ là một nét nhỏ thôi, nhưng nó có thể là bằng chứng cho nỗi buồn, nỗi đau tâm khảm. Nhưng điều đó không có, không hề có được. Thật vậy, có lẽ tội ác không thể được suy từ những quan điểm có sẵn, và cái triết lý của nó có phần khó khăn hơn so với người ta vẫn tưởng. Tất nhiên, các trại tù và hệ thống lao động cưỡng bức không cải tạo được tù nhân, những thứ đó chỉ trừng phạt họ và đảm bảo cho xã hội tránh được những cuộc xâm hại của ác thủ vào sự yên bình xã hội. Trại tù và bản thân chế độ lao dịch khốc liệt nhất đang biến nỗi thù hận, lòng khát khao những khoái lạc bị cấm đoán và thói nhẹ dạ cả tin ghê gớm thành ra tội ác. Nhưng tôi đoan chắc rằng hệ thống phòng tối sẽ chỉ đạt được mục tiêu giả tạo, lừa dối và bề ngoài mà thôi. Nó vắt kiệt sinh khí con người, làm tâm hồn sơ cứng, suy yếu, khiếp đảm, rồi sau đó lại trưng bày cái xác ướp đã khô cằn về đạo đức này, kẻ nửa điên nửa dại này như là mẫu mực của sự cải huấn và sự hối hận. Tất nhiên, người tù được trả về xã hội vẫn hận thù xã hội và hầu như bao giờ cũng coi mình là đúng đắn, coi xã hội là sai. Hơn thế nữa,

anh ta đã chịu cho xã hội trừng trị và qua đó đã coi mình là hoàn nguyên sạch sẽ, là kẻ tứ chiếng trở lại quê nhà. Cuối cùng, từ những cách nhìn trên, ta có thể nhận định rằng hầu như chẳng có gì phải bào chữa cho bản thân tội phạm, nhưng bất chấp mọi thứ quan điểm, ai cũng phải đồng ý rằng có những tội ác mà bất kỳ ở đâu và bất kỳ lúc nào, theo bất kỳ bộ luật nào thì từ thuở khai thiên lập địa chúng đã bị coi là những tội ác không phải bàn cãi và vẫn sẽ bị coi là như thế chừng nào con người vẫn là con người. Chỉ có ở trại này tôi mới được nghe chuyện về những hành vi khủng khiếp phi tự nhiên, về những tội giết người quái đản nhất, những câu chuyện được kể ra với tiếng cười tự nhiên nhất, vui vẻ nhất như của trẻ thơ. Ký ức của tôi đặc biệt ghi nhớ chuyện người giết bố. Anh ta thuộc dòng dõi quý tộc, đã đi làm và sống tại nhà ông bố già sáu mươi tuổi, nhưng không rõ vì sao vẫn như đứa con lạc loài. Anh ta có những hành vi phóng đãng, nợ nần chồng chất. Ông già ngăn cản anh, khuyên bảo anh; nhưng ông già có nhà cửa, có trang trại, có những khoản tiền đáng ngờ, và anh con đã giết bố với lòng khát khao được thừa kế gia sản. Tội ác ấy mãi một tháng sau mới được phát hiện, bản thân kẻ sát nhân đã nộp đơn báo cho cảnh sát rằng bố anh biến mất không biết đi đâu. Suốt tháng ấy anh ta sống hoang toàng vô độ bậc nhất. Cuối cùng, trước sự chứng kiến của chính anh, cảnh sát đã tìm thấy thi thể ông già. Chạy dài suốt cả sân nhà là một đường cống nhỏ thoát nước bẩn có ván che. Xác ông cụ nằm dưới khe ấy, được mặc quần áo tươm tất, cái đầu tóc bạc bị cắt rời ra rồi đặt sát vào với thân, dưới đó có kê gối. Anh ta đã nhận tội, sau đó bị tước hết các danh hiệu quý tộc và bị đi đày hai mươi năm. Suốt thời gian tôi ở với anh lúc nào anh cũng ở trong trạng thái vui tươi, sảng khoái hết sức. Đó là một con người nhẹ dạ và nông nổi vô cùng, dù hoàn toàn không phải ngu dại. Tôi chưa bao giờ thấy ở nơi anh có một dấu hiệu gì tàn ác. Tất cả tù nhân khinh bỉ anh không phải vì cái tội ác mà giờ đây người ta không nhớ đến nữa, mà vì sự ngốc nghếch, vì anh không biết xử thế. Trong mọi câu chuyện không bao giờ anh nhắc đến bố mình. Có một lần anh nói chuyện với tôi về vóc người tráng kiện mà anh được thừa kế trong gia đình, anh có nói thêm: "*Ông cụ thân sinh ra tôi* cho đến tận lúc chết cũng chưa bao giờ phải phàn nàn về bệnh tật cả". Thói vô cảm như dã thú ấy quả là không ở đâu có. Đó là một hiện tượng; ở đây có một thiếu sót gì đó về mặt tiền định, một khuyết tật gì đó về mặt thể chất và về đạo đức mà khoa học chưa khám phá ra, chứ không phải đơn thuần chỉ là tội ác. Hẳn là tôi đã không tin vào tội ác này. Nhưng những người cùng thành phố với

anh, những người phải biết hết mọi chi tiết câu chuyện của anh, đã kể cho tôi nghe toàn bộ sự việc. Mọi chuyện đều rõ ràng đến mức không thể không tin.

Anh em trại tù có đêm đã nghe thấy anh nằm mơ kêu to: “Bắt lấy nó! Bắt lấy! Chặt đầu nó đi! Chặt đầu! Chặt đầu đi!...”

Tù nhân ở đây thì thường đêm nào cũng nằm mê nói to. Ngôn ngữ của họ là những câu chửi thề, những lời tục tĩu trộm cắp và những từ đao búa. “Chúng tôi ấy à, - họ nói, - chúng tôi là một lũ chai sạn, trong lòng chúng tôi cũng chai sạn, thế nên đêm nào cũng phải gào thét”.

Những công việc khổ sai cơ cực không phải là công việc, mà là nghĩa vụ: tù nhân phải làm xong phần việc của mình hoặc phải làm đủ giờ lao động theo luật định rồi đi về trại. Họ căm thù công việc của họ. Nếu không có những công việc riêng đặc biệt mà họ đem hết tâm trí và sức lực để hoàn thành thì con người trong trại này không thể sống được, và cũng không hiểu bằng cách nào mà những con người ở đây, những người đã từng sống mạnh mẽ và cũng khao khát sống, những người bị cưỡng bức dồn vào đây thành một bầy người, bị cưỡng bức tách khỏi xã hội và khỏi cuộc sống bình thường, lại vẫn có thể sống được một cách bình thường và đúng mực, phù hợp với ý chí và sở thích của mình? Chỉ riêng một sự nhàn tản đã có thể làm phát triển trong lòng người nơi đây những thuộc tính của tội ác mà trước kia họ không có khái niệm. Không có lao động và không có của tư hữu bình thường và hợp pháp con người không thể sống, con người sẽ tha hóa và biến thành dã thú. Chính vì thế trong nhà tù này vì một nhu cầu tự nhiên và vì một ý thức tự vệ nào đó mà mỗi con người có một nghề riêng và một công việc bận rộn riêng. Hầu như suốt ngày hè đằng đẵng họ bận rộn với công việc của nhà nước. Ban đêm ngắn ngủi họ ít có thì giờ ngủ ngon. Nhưng đến mùa đông, vừa mới sẩm tối họ đã bị đóng cửa trại. Biết làm gì trong những buổi chiều buổi tối mùa đông dằng dặc. Chính vì thế, mặc dù bị cấm, hầu như trại giam nào cũng hóa thành một xưởng thợ. Bản thân công việc làm nghề thì không bị cấm đoán, nhưng trong trại người ta lại cấm không được mang theo mình các loại dụng cụ, mà như thế thì làm sao có thể làm nghề được. Ấy thế nhưng mọi người vẫn lặng lẽ làm việc, và có lẽ cấp trên cũng không sao sát việc này. Nhiều tù nhân ban đầu đến đây chưa có nghề gì, nhưng rồi được học hỏi anh em và đến khi được trả về tự do thì đã có tay nghề kha khá. Ở đây họ được học nghề đóng giày, đóng dép, nghề thợ may, thợ mộc, nghề khắc trạm, mạ vàng. Có một anh người Do thái tên là Isai Bumshtein, là thợ kim hoàn và cũng là người cho vay nặng lãi. Mọi người lao động vất vả mà chỉ kiếm được mấy hào

lẻ. Các đơn đặt hàng họ nhận được từ trong thị trấn. Mấy xu ấy là cái tự do được đúc bằng đồng, và chính vì thế mà đối với những con người đã hoàn toàn mất đi tự do thì chúng lại càng có giá trị gấp hàng chục lần. Chỉ cần chúng kêu lên lạch cạch trong túi là họ đã thấy được an ủi đến nửa phần rồi, dù họ chẳng tiêu được tiền vào đâu. Thế nhưng đồng tiền thì bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào cũng lại có thể tiêu được, hơn nữa quả cấm thì lại ngọt ngào gấp đôi. Trong trại tù thậm chí vẫn có rượu uống. Tẩu thuốc bị cấm ngặt nghèo, nhưng tù nhân vẫn hút được. Đồng tiền và thuốc lá cứu họ thoát khỏi bệnh hoại huyết và các chứng bệnh khác. Còn việc làm thì cứu họ khỏi tội ác. Nếu không có công việc thì các trại nhân ăn thịt lẫn nhau, giống như những con nhện bị nhốt chung trong lọ. Mặc dù thế, nhưng công việc và đồng tiền lại bị cấm ngặt. Nhiều khi đang đêm người ta lùng sục, tịch thu tất cả những thứ bị cấm, và dù họ dấu tiền kỹ lưỡng đến đâu đi nữa, bọn mật thám đôi khi vẫn lần ra được. Phần nào vì vậy mà họ không giữ tiền nữa, họ phải uống mau đi cho hết, và cũng chính vì thế mà trong trại có rượu. Sau mỗi cuộc lùng sục những người bị bắt chẳng những mất hết tài sản, mà thường là bị trừng trị nặng nề. Nhưng cũng ngay sau mỗi cuộc lùng sục những khiếm khuyết được sửa chữa, ngay lập tức họ lại có những dụng cụ mới, mọi việc lại trôi chảy như cũ. Bọn lãnh đạo biết như thế, và tù nhân không ca thán chuyện trừng phạt, mặc dù cuộc sống ở đây giống như cuộc đời của những người trên núi Vezuvi.

Những người không có nghề riêng thì sản xuất theo kiểu khác. Có những phương thức khá là độc đáo. Có những người chuyên mua đi bán lại, đôi khi họ bán những thứ mà ngay những người sống ngoài trại cũng không thể nghĩ đến, không những chỉ là chuyện mua bán, mà ngay cả việc coi chúng là đồ vật cũng không nổi. Trại nhân khổ sai nghèo lắm nên giàu sáng kiến làm ăn. Một cái khố rách cùn có giá và cũng dùng được. Do sự nghèo khổ mà đồng tiền trong trại cũng có giá cả khác hẳn bên ngoài. Lao động nhiều và vất vả cũng chỉ được trả tiền xu. Một số người có cơ làm ăn bằng nghề cho vay nặng lãi. Tù nhân nào vung tiền quá chớn hoặc bị phá sản thì đem mọi vật còn sót lại nộp cho người cho vay để nhận lấy mấy đồng với lãi suất khủng khiếp. Nếu đến hạn không trả đủ tiền thì những thứ đó bị bán đi mất tiêu và không thương tiếc; nghề cho vay phát triển đến độ họ nhận cầm đồ cả những đồ vật được cấp phát, chẳng hạn như quần áo tù, giày dép v.v... - là những thứ cần thiết cho bất cứ trại nhân nào vào bất kỳ lúc nào. Nhưng với những vật cầm đồ ấy thì tình hình lại xoay chuyển cách khác, nhưng không phải là quá bất ngờ: người nào gửi đồ và nhận tiền thì

ngay lập tức, không phải bắn tin bắn tức gì cả, chạy đến tìm viên hạ sĩ trưởng khai báo về việc đem cầm những thứ vật đó và ngay lập tức chúng được tịch thu trở lại từ tay kẻ cho vay, thậm chí cũng không cần phải báo cáo lên cấp trên nữa. Điều đáng tò mò là có chuyện như thế nhưng đôi khi không xảy ra cuộc cãi lộn nào. Kẻ cho vay lặng lẽ âu sầu trả lại những gì cần thiết, thậm chí dường như hắn ta chờ đợi chuyện đó xảy ra. Có thể, hắn ta không thể không tự nhận thức được nếu ở vào địa vị của người đặt hàng cầm đồ thì hắn cũng phải hành xử như vậy. Vì thế sau đó nếu có chuyện chửi bới nhau thì cũng chẳng có gì giận dữ nữa, mà chẳng qua chỉ là để lương tâm được phần thanh thoát.

Nói chung thì bọn họ ăn cắp của nhau một cách tàn bạo. Hầu như ai cũng có một cái rương có khóa để giữ những đồ được cấp phát. Đó là điều được phép làm, nhưng cái rương cũng không cứu được ông chủ. Tôi nghĩ rằng ta có thể hình dung được những tên ăn trộm tài năng đến đâu. Tôi có một anh tù nhân trung thành với tôi lắm lắm (tôi không hề nói gượng chút nào). Anh ta ăn cắp quyển Kinh thánh, quyển sách duy nhất được phép lưu hành trong trại. Hôm đó anh ta thú thật với tôi, không phải vì ăn năn hối hận, mà vì thương tôi, bởi lẽ tôi đi tìm quyển ấy rất lâu. Có những tên bán rượu giàu lên rất nhanh. Về việc bán rượu tôi sẽ kể riêng sau này khi có dịp, chuyện ấy khá là lý thú đấy. Trong trại có nhiều người buôn lậu, vì thế chẳng có gì đáng ngạc nhiên là trong điều kiện bị kiểm soát và áp giải như thế mà họ vẫn mang được rượu vào đây. Xin nói thêm rằng, cứ theo tính chất mà nói thì buôn lậu là một tội ác đặc biệt. Liệu các bạn có thể hình dung được không, đồng tiền và lợi nhuận của người buôn lậu chỉ xếp hàng thứ yếu, chỉ đứng thứ hai mà thôi? Mà đúng thế thật. Người buôn lậu làm việc vì lòng say mê, vì thiên chức của mình. Một phần con người họ là nhà thơ. Họ sẵn sàng hy sinh tất cả, dám chịu hiểm nguy, họ khôn ngoan, sáng suốt và biết thoát hiểm, đôi khi họ còn hoạt động theo cảm hứng. Niềm say mê này cũng ghê gớm y như cờ bạc. Ở đây tôi có quen một trại nhân. Về hình thức thì anh ta là người cao to, nhưng tính tình thì lại hiền dịu, âm thầm, nhẫn nhịn, đến nỗi không thể hình dung được vì sao anh phải nhập trại. Anh ấy không hề biết giận và rất dễ sống, suốt thời kỳ ở trại anh ấy không cãi nhau với ai lần nào. Nhưng anh ấy đến từ biên giới phía Tây, đến vì buôn lậu và hiển nhiên anh ấy không thể kiềm chế được, nên đã tìm mọi cách mang rượu vào trại. Đã biết bao lần anh bị trừng phạt và anh cũng rất biết sợ đòn roi. Hơn nữa cái việc mang rượu lậu vào cũng chỉ cho anh một chút lợi lộc bèo bọt. Làm giàu vì rượu chỉ có là tên cai thầu mà thôi. Chỉ có thằng gàn mới yêu nghệ thuật vị nghệ thuật. Anh ấy hay

khóc như thể đàn bà, và đã biết bao lần sau những roi vọt anh đã thề nguyền và đã cắt đứt với nghề bán rượu. Anh đã dũng cảm chế ngự mình đôi khi được đến hàng tháng, nhưng cuối cùng vẫn không chịu nổi... Nhờ có những cá nhân đó mà rượu không thiếu.

Cuối cùng, còn có một thứ lợi nhuận nữa, mặc dù không làm cho trại nhân giàu có, nhưng là thứ lợi nhuận thường xuyên và có phúc phận. Đó là bố thí. Tầng lớp thượng lưu của xã hội chúng ta không có khái niệm rằng những con buôn, những tiểu thị nhân và toàn bộ dân chúng của ta đã quan tâm đến “những người bất hạnh” như thế nào. Việc bố thí được tiến hành dường như không ngừng và hầu như bao giờ cũng chỉ là bánh mỳ hoặc bánh ca-lát, hiếm lắm mới là tiền bạc. Không có những của bố thí ấy thì các tù nhân, đặc biệt là những kẻ phải hầu tòa, những kẻ bị giam cầm khắc nghiệt hơn những người thụ án, sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Về mặt tôn giáo, của bố thí được các trại nhân chia đều. Nếu không đủ bánh để chia đều thì bánh ca-lát được cắt ra thậm chí đến sáu phần bằng nhau, mỗi tù nhân được nhận một miếng. Tôi vẫn nhớ lần đầu tiên tôi nhận của bố thí bằng tiền. Đó là hồi tôi mới nhập trại ít lâu. Hôm ấy tôi đi làm ca sáng về, có lính áp giải. Đi ngược chiều với tôi có bà mẹ và cô con gái, một cô bé chừng mười tuổi xinh đẹp như tiểu thiên thần. Trước đó tôi đã có lần thấy họ, bà mẹ là chị vợ lính góa bụa. Chồng chị là một anh lính phải ra hầu tòa và bị chết trong nhà quân y của một trại giam mà chính tôi vì ốm lúc ấy cũng nằm đó. Hai mẹ con đã đến đấy vĩnh biệt anh và khóc dữ dội. Nhìn thấy tôi cô bé đỏ mặt lên, nói một câu gì đó với mẹ. Bà mẹ lập tức dừng lại, lục tìm một đồng xu trong cái tay nải rồi đưa cho con gái. Cô bé chạy đuổi theo tôi... - “Này, *nhà bác bất hạnh* ơi, vì Chúa, xin bác cầm lấy đồng xu này đi!” Cô bé vừa chạy lên trước tôi vừa kêu rồi dúi đồng xu vào tay tôi. Tôi cầm đồng xu, còn cô bé thì chạy về chỗ mẹ, gương mặt hể hả. Đồng xu ấy tôi còn giữ khá lâu.



NHỮNG ẤN TƯỢNG ĐẦU TIÊN

Tháng đầu tiên nói riêng và toàn bộ thời kỳ đầu cuộc đời lao lý của tôi cho đến bây giờ vẫn còn rõ nét trong ký ức. Những năm sau này trong trại tù chỉ còn ẩn hiện mờ mịt. Những năm sau nữa thì mờ đi hẳn, chúng hòa lẫn vào nhau, chỉ để lại một ấn tượng tổng thể là nặng nề, đơn điệu và tồi tệ dần đi.

Nhưng tất cả những gì tôi đã sống qua trong những ngày đầu tù tội thì cho đến nay tôi vẫn còn hình dung được tựa hồ như mới diễn ra hôm qua. Như thế cũng là phải thôi.

Tôi còn nhớ rõ rằng ngay từ bước đầu tiên trong cuộc sống ở đây cái điều làm tôi kinh ngạc là dường như tôi không tìm thấy trong đó có gì làm tôi ngạc nhiên đặc biệt, có gì bất thường, hoặc nói cho đúng hơn, chẳng có gì đáng giật mình cả. Tất cả những cái đó trước kia dường như đã lờ mờ diễn ra trước mắt tôi và trong trí óc tôi, khi mà trên đường đi Sibir tôi đã cố gắng đoán trước số phận của mình. Nhưng chẳng bao lâu sau những ngõ ngách sâu thẳm của những điều bất ngờ kỳ lạ nhất, những sự kiện quái đản nhất đã bắt đầu khiến tôi phải dừng lại dường như sau mỗi bước chân đi. Và mãi cho đến sau này, khi tôi đã sống khá lâu trong trại, tôi mới hiểu toàn bộ những điều kỳ lạ và bất ngờ của cuộc tồn sinh như vậy và càng ngày tôi càng thấy ngạc nhiên. Tôi phải thú thật rằng điều kinh ngạc đó đã đi theo tôi trong suốt thời hạn khổ sai dài ngày và chẳng bao giờ tôi có thể quen được với nó.

Ấn tượng đầu tiên của tôi ngay sau khi bước chân vào trại nói chung là hết sức tởm lợm, nhưng mặc dù vậy, nó thật kỳ lạ! - tôi thấy rằng trong trại dễ sống hơn nhiều so với tôi tưởng tượng lúc trên đường đi. Các tù nhân dù có bị xiềng xích vẫn được đi lại tự do khắp trại, được chửi bới, ca hát, được làm việc riêng, được hút tẩu, thậm chí còn được uống rượu (tất nhiên là rất ít người thôi), và đêm đêm một số người vẫn chơi cờ bạc. Bản thân công việc thì tôi thấy cũng không thật nặng nề, *không thật khổ sai*, mãi đến một thời gian dài về sau tôi mới đoán ra được rằng sự nặng nhọc và *sự khổ sai* của công việc nằm trong sự khó khăn và sự liên tục của nó thì ít, mà trong sự *cưỡng bức*, sự bắt buộc dưới làn roi vọt

thì nhiều. Một anh nông phu ở ngoài tự do có thể lao động nhiều hơn gấp bội, thậm chí phải làm cả đêm, nhất là vụ hè, nhưng ấy là anh ta làm cho mình, làm việc với mục đích hợp lý, và anh ta cảm thấy nhẹ nhàng hơn nhiều so với người tù khổ sai phải làm việc cưỡng bức và đối với anh ta nó hoàn toàn chẳng có lợi ích gì cả. Có lần tôi chợt nghĩ rằng nếu người ta muốn hoàn toàn chà đạp, hủy diệt con người, trừng phạt con người một cách khốc liệt nhất, sao cho một tên giết người kinh khủng nhất cũng phải run sợ và hoảng loạn trước hình phạt đó, thì chỉ cần làm sao cho công việc phải có tính chất hoàn toàn vô nghĩa và vô ích. Nếu như công việc khổ sai hiện thời vừa nhạt nhẽo, vừa ngán ngẩm đối với tù khổ sai, thì bản thân nó, với tư cách là một công việc, nó lại là có lý đấy. Trại nhân phải làm gạch, gánh đất, phải nhào vữa, xây nhà, những công việc ấy đều có ý nghĩa và có mục đích. Tù khổ sai thậm chí đôi khi còn say sưa làm việc, muốn được khéo hơn, tốt hơn, nhanh hơn. Nhưng giả sử bắt họ phải đứng đổ nước từ bình này sang bình khác, rồi lại đổ ngược lại từ bình khác sang bình này, phải chuyên chở đất cát từ chỗ này sang chỗ nọ rồi lại từ chỗ nọ sang chỗ này, thì tôi nghĩ rằng tù nhân sẽ thắt cổ chết sau một vài hôm, hoặc sẽ gây ra hàng ngàn tội ác chỉ mong để được chết đi, để thoát ra khỏi sự nhục mạ, hổ thẹn và đau khổ. Cách hành hạ ấy sẽ biến thành đòn tra tấn, thành lối trả thù và sẽ là vô nghĩa, bởi vì nó chẳng đạt tới một mục tiêu khôn ngoan nào cả. Nhưng chính vì một phần những đòn tra tấn, những sự vô lý, nhục mạ và xấu hổ kia lại là tất yếu trong bất kỳ một công việc cưỡng bức nào, cho nên thứ lao động khổ sai là thứ lao động khổ ải hơn tất cả mọi thứ lao động tự do, lý do là ở chỗ nó bị cưỡng bức.

Tuy nhiên, tôi nhập trại lại là vào mùa đông, vào tháng Chạp, lúc tôi chưa có khái niệm gì về lao động mùa hè là thứ lao động nặng nề hơn gấp đến năm lần. Mùa đông trong thành lũy của chúng tôi nhìn chung công việc không nhiều. Tù nhân phải đi Irtysh để đập vỡ phá bỏ những chiếc xà lan công, làm việc trong các xưởng thợ, dọn tuyết cho các công sở sau mỗi trận giông bão, nung thạch cao và đổ khuôn thạch cao vân vân và vân vân. Ngày mùa đông thì ngắn, công việc xong sớm, đoàn tù chúng tôi cũng mau về trại. Về nhà hầu như chúng tôi không phải làm gì, nếu như không có công việc gì riêng. Nhưng việc riêng thì chỉ độ một phần ba tù nhân biết làm mà thôi, những người khác ôm gối ngồi không, đi lang thang khắp trại, chửi bới nhau, bày ra mưu nọ kế kia, bịa thành chuyện này chuyện nọ, rồi nếu có đồng tiền thì lại tìm đến rượu chè, đêm đêm đánh bạc đến chiếc áo cuối cùng, tất cả chỉ vì buồn chán, vì nhàn tản, vì chẳng có việc gì

mà làm. Sau này tôi mới hiểu rằng ngoài việc mất tự do, ngoài thứ lao động cưỡng bức trong cuộc đời khổ sai còn một nỗi khổ khác nữa có lẽ là ghê gớm nhất so với mọi nỗi khổ khác. Đó là *nỗi sống chung cưỡng bức*. Tất nhiên, ở những nơi khác cũng có sống chung, nhưng trại này có những con người mà không ai muốn sống chung với họ, và tôi đoan chắc rằng bất kỳ một tù khổ sai nào cũng cảm thấy cái nỗi khổ ấy, mặc dù, tất nhiên, đa phần cảm thấy một cách vô thức.

Việc ăn uống ở đây đối với tôi cũng khá đầy đủ. Các tù nhân đều tin rằng chế độ ăn uống này ở các nhà tù phía châu Âu của Nga không có được. Về việc này tôi không dám phê phán vì tôi không sống ở đó. Hơn nữa nhiều người còn có nguồn thức ăn riêng. Thịt bò ở đây giá rẻ mạt, mùa hè có ba cô-pếch một *funt*[94]. Nhưng thức ăn riêng thì chỉ có những người thường xuyên có tiền mới có được; phần lớn tù nhân ăn thức ăn chung. Tuy nhiên, những tù nhân hay khoe khoang về thức ăn của mình cũng chỉ nói đến bánh mỳ và cũng chỉ khoe rằng bánh mỳ của họ cũng là thứ bánh mỳ chung, chứ không phải cân cho từng người. Điều này khiến mọi người giật mình: nếu cân cho từng người thì có đến một phần ba tù nhân bị đói: ở những nơi sản xuất thì mọi người lại có đủ. Bánh mỳ của chúng tôi không hiểu sao mà rất ngon, nổi tiếng cả thành phố. Người ta gắn chất lượng đó cho thiết bị các lò trong trại. Canh bắp cải thì thật vô duyên. Canh được nấu bằng chảo chung, có rắc thêm bột, đặc biệt vào những ngày thường thì loãng thếch loãng thoác. Tôi thất kinh vì thấy trong chảo có nhiều con gián, nhưng tù nhân không mảy may quan tâm.

Ba ngày đầu tiên tôi không phải đi làm, những người mới nhập trại đều được như vậy vì đi đường mệt mỏi. Nhưng sau đó tôi được đưa ra ngoài trại để được xiềng lại. Cái xiềng của tôi không phải đồ chuẩn, nó có nhiều vòng tròn; tù nhân gọi là “bộ chuông”. Khi ra ngoài trại thì phải mang. Những xiềng chính hiệu dùng để đi làm, chúng không có những vòng tròn, mà chỉ có bốn thanh sắt dày bằng ngón tay, nối với nhau bằng ba cái khuyết. Những xiềng này đeo trong quần. Nối với cái khuyết giữa là một chiếc đai đeo vào giây thắt lưng thắt ở ngoài áo.

Tôi vẫn nhớ buổi sáng đầu tiên trong trại. Phòng cảnh vệ ở cổng trại có cái trống báo hiệu sớm mai và mười phút sau viên hạ sĩ tuần tra bắt đầu mở khóa các gian. Mọi người lục tục dậy. Trong lúc tranh tối tranh sáng dưới ánh đèn dầu leo lét tù nhân bước ra khỏi lán, run rẩy vì lạnh. Phần lớn còn ngái ngủ nên họ im lặng và cau có. Họ ngáp dài, vươn vai và nhăn những chiếc trán bị đóng dấu. Một số làm dấu thánh, một số khác bắt đầu nói bậy. Ngột ngạt dễ sợ. Không khí

buổi sáng mùa đông mát lạnh ùa vào các lán khi được mở ra và khắp gian trại như có khói cuộn. Tù nhân xúm xít quanh các xô nước. Họ xếp hàng dùng gáo múc nước ngậm vào trong miệng, sau đó dùng nước trong miệng mà rửa mặt mũi chân tay. Nước này đã được chuẩn bị từ hôm trước. Bất kỳ gian nào cũng có một tù nhân được lựa chọn để phục vụ. Người này được gọi là *parashnik*[95] và không phải đi làm. Công việc của anh ta là dọn dẹp trong gian trại, cạo rửa các giường lán và sàn nhà, thay thế cái thùng gỗ dùng ban đêm và xách về hai xô nước sạch - một để rửa mặt buổi sáng và một để uống ban trưa. Vì cái gáo chỉ có một nên lập tức tù nhân cãi nhau:

- Lại vứt đi đâu rồi? Cái thằng đầu cá chép này! - Một anh cao to, cau có, da khô, người đậm, có những cục bướu nhỏ kỳ lạ trên cái đầu trọc, vừa lầu bầu vừa lấy tay đẩy một anh khác béo lùn, có gương mặt ửng đỏ vui tươi, - khoan đã!

- Làm gì mà quát lên thế. Muốn khoan đã thì phải trả tiền, nếu không thì dẹp ra! Đứng lù lù ra thế này. Anh em thấy không, chả có tý văn héo văn hóa nào cả.

Cái từ "văn héo văn hóa" cũng gây được một chút hiệu quả: nhiều người cười rộ. Anh chàng béo lùn vui tính chỉ cần có thế. Ở trong trại này anh ta được coi như thể một anh hề tự nguyện. Anh chàng cao to nhìn anh hề với sự khinh bỉ ra mặt.

- Đồ bò cái vớ vẩn, - anh chàng cao to lẩm bẩm, - ăn bánh chay nhà tù mà cũng béo ị ra. Đến tuần chay không khéo đẻ ra một tá lợn con đấy!

Chàng béo lùn cuối cùng cũng nổi cáu:

- Mày là cái đồ quạ gì mà thối tha thế? - Anh ta đỏ mặt quát lên.

- Ừ, quạ thối đấy!

- Tao hỏi mày là quạ gì?

- Quạ ấy đấy.

- Quạ ấy đấy là quạ gì?

- Tao nói một lời thôi, quạ ấy đấy.

- Tao hỏi quạ gì cơ mà?

Hai tay trừng mắt nhìn nhau. Anh béo chờ câu trả lời, hai tay nắm chặt lại thành hai quả đấm, tựa như muốn lao ngay vào chiến đấu. Quả thật tôi đã nghĩ rằng sẽ có một cuộc ẩu đả. Đối với tôi những chuyện ấy là mới mẻ, nên tôi tò mò đứng xem. Nhưng cuối cùng tôi nhận ra rằng những hoạt cảnh tương tự là quá bình thường và nó cứ diễn ra như trong hài kịch, để cho mọi người cùng vui thế

thôi, chứ hầu như chẳng bao giờ dẫn đến ẩu đả. Những chuyện ấy khá là đặc trưng và chúng miêu tả được nếp sống trong trại.

Chàng cao to cứ đứng bình tĩnh và trang nghiêm. Anh cảm thấy rằng mọi người nhìn mình và chờ đợi xem anh ta có thất thố hay không, rằng anh cần phải giữ mình, phải chứng tỏ rằng quả thật anh là một loài quạ và phải cho thấy anh là loài quạ gì. Anh đưa xéo mắt qua bên đối thủ tỏ ý ngấm ngầm khinh bỉ, cố gắng gây nỗi bực bội cao hơn bằng cách nhìn nghiêng qua vai, nhìn từ trên xuống, tựa hồ nhìn anh béo lùn như một con bọ, rồi chậm rãi dằn từng âm một:

- Điểu vương!

Hóa ra anh ấy là điểu vương. Một tràng cười rộn rã chào mừng trí khôn của anh ta.

- Mày là thằng đểu lại đòi làm điểu vương! - Anh béo lùn lớn tiếng, khi cảm thấy mình bại trận ở mọi khía cạnh và anh phát khùng.

Nhưng đến khi cuộc cãi vã trở nên nghiêm trọng, mọi người lập tức làm họ hạ nhiệt. Cả gian trại làm ầm lên:

- Các anh làm gì mà ồn lên thế!

- Thà đánh nhau còn hơn gân cổ lên thế này! - Một người trong góc lớn tiếng.

- Nào, giữ chặt lấy kẻo lại đánh nhau bây giờ! - Có người đáp lời. - Ở đây ai cũng hăng máu, bảy người không sợ một người đâu...

- Cả hai đều đẹp mặt! Một anh vì miếng bánh mỳ mà phải vào trại. Một thì như gái hoang ngoài chợ, uống vụng sữa chua của một mụ nên phải chịu đòn ở đây.

- Chà, chà! Thôi đủ rồi, - một anh bị dị tật, giữ trật tự trong trại, vì thế được nằm trên một chiếc giường sắt đặc biệt, lên tiếng.

- Cho xin tý nước, các bạn ơi! Nevalid[96] Petrovich dậy rồi đây! Nào, cho Nevalid Petrovich, người anh em của các bạn một ít nước nào!

- Anh em... Tao anh em gì với mày. Không uống với nhau lấy được một rúp mà cũng đòi anh em. - Anh chàng dị tật gầm lên, đang xỏ tay vào chiếc áo lính.

Chuẩn bị kiểm tra. Trời bắt đầu sáng. Nhà bếp đầy người, không có chỗ chui vào. Tù nhân chen chúc nhau, mặc trên mình những chiếc áo bông bán thân, đội mũ nửa đầu, đứng xếp hàng chờ bánh mỳ do một đầu bếp cắt chia cho họ. Đầu bếp do tập đoàn tuyển chọn, mỗi bếp hai người. Họ được giữ một con dao nhà bếp để cắt bánh mỳ và thái thịt, cả bếp chỉ có một con.

Đám tù nhân ngồi khắp các góc và ngồi quanh bàn, đội nguyên cả mũ, mặc nguyên cả áo, chuẩn bị ăn xong là đi làm ngay. Trước mặt mấy người lại có những chiếc bát gỗ đựng nước *kvas*[97]. Người ta bẻ nhỏ bánh mỳ cho vào bát rồi uống. Chỗ nào cũng ồn ào như chợ, không thể chịu được, nhưng một số vẫn khôn ngoan trầm tĩnh nói chuyện trong góc.

- Xin kính chào bác Antonych! - một anh tù trẻ tuổi ngồi cạnh một ông tù móm mém nhăn nhó, lên tiếng.

- Chào cậu, cậu không đùa đấy chứ? - ông già không ngước mắt lên và đang cố gắng nhai miếng bánh mỳ bằng hai hàm lợi không răng của mình.

- Bác Antonych ơi, thế mà cháu cứ tưởng bác đã ra đi rồi kia đấy.

- Không đâu, cậu ra đi trước rồi tôi mới theo cậu...

Tôi ngồi xuống bên cạnh họ. Bên tay phải tôi có hai tù nhân ôn tồn nói chuyện, rõ ràng là họ cố gắng giữ vẻ trang trọng trước mặt người đối thoại. Một người nói:

- Hẳn là bọn chúng sẽ không lấy cắp được gì của tôi, nhưng người anh em ạ, tôi vẫn cứ sợ, có gì mà chúng không lấy được kia chứ.

- Còn tôi ấy à, tay không thì không bắt được tôi đâu: tôi sẽ đốt cho chết.

- Đốt thế nào được! Mụ ta cũng là tù trốn trại; chẳng biết tên mụ ta là gì nữa... thế nào mụ ta cũng cướp hết anh, mà lại không vái chào anh mà thôi. Chính tôi cũng đã mất tiền với mụ ấy rồi. Vừa mới đây mụ ta lại tự thân đến. Trốn đi đâu với mụ ấy được? Tôi mới cầu xin thằng cha Fedka - đao phủ, hắn có một cái nhà ở ngoại thành, mua của tên Solomon ghẻ lở, tên Do Thái ấy, cái tên sau này lại thắt cổ chết.

- Tôi biết rồi. Năm kia hắn vẫn còn ngồi bán rượu ở đây, biệt danh của hắn là Grishka - Quán - Tối. Tôi biết.

- Anh không biết đâu; đấy là thằng Quán - Tối khác.

- Khác thế nào được! Về mặt hiểu biết thì anh cũng là người biết nhiều đấy! Nhưng tôi có khối người làm chứng...

- Cứ dẫn họ đến đây đi! Anh ở đâu đến đây, còn tôi là ai anh biết không?

- Là ai! Tôi không nói khoác đâu, nhưng tôi đánh gục anh mấy lần rồi đấy. Đã thua lại còn vỗ ngực!

- Anh đánh gục tôi ấy à! Người sẽ đánh gục tôi thì chưa ra đời, người đã đánh gục tôi thì nằm dưới đất rồi.

- Đồ dịch hạch!

- Đồ miệng hùm nọc rắn!

- Muốn ăn một nhát kiếm Thổ Nhĩ Kỳ?

Và cuộc đấu khẩu bắt đầu.

- Thôi, thôi, thôi! Làm gì mà ầm cả lên thế! - Mọi người xung quanh lên tiếng. - Lúc còn tự do thì không biết sống; ở đây thì cứ lột trần nhau ra...

Mọi người ngay lập tức bắt họ im lặng. Ở đây việc cãi nhau "đánh nhau" bằng lưỡi vẫn có thể được. Phần nào đó nó cũng giải sầu cho mọi người. Nhưng đánh nhau thì không phải bao giờ cũng được phép. Chỉ trong những trường hợp rất đặc biệt những kẻ cừu thù thì mới đánh nhau. Chuyện đánh nhau phải được báo cáo lên thiếu tá; quản giáo bắt đầu đi tìm, thiếu tá thân chinh đến tận nơi. Tóm lại, mọi người mất ăn mất ngủ. Chính vì thế đánh nhau là không được phép. Ngay cả những kẻ thù hận nhau mà chửi bới nhau cũng chỉ là để mua vui, để trau chuốt ngôn ngữ. Nhiều khi bản thân họ tự lừa dối mình, khi bắt đầu bằng sự nóng giận, hung hăng dữ dội... khiến mọi người nghĩ rằng họ sắp lao vào cấu xé nhau; nhưng thực ra chẳng có gì xảy ra đâu. Khi đạt đến một cực điểm nào đó thì họ lảng ra ngay. Ban đầu những điều đó khiến tôi sửng sốt. Tôi đã cố ý dẫn chứng ra đây những cuộc nói chuyện thường nhất của tù khổ sai. Đầu tiên tôi không thể hình dung được vì sao họ chửi bới được nhau vì sự thỏa mãn, làm sao lại tìm thấy ở đấy một trò tiêu khiển, một trò luyện võ miệng, một sự thích thú? Tuy nhiên, cũng không được quên còn thói hiếu danh nữa. Một người chửi bới biện chứng thì được kính trọng. Người đó được vỗ tay như đối với nghệ sĩ vậy.

Vừa mới hôm qua đây và cũng từ hôm qua tôi nhận thấy rằng người ta nhìn xéo tôi.

Tôi đã bắt gặp nhiều ánh mắt u ám, ngược lại, có nhiều tù nhân đi bên tôi, nghi ngờ rằng tôi có tiền. Họ bắt đầu nghe ngóng: họ dạy tôi cách đeo cùm mới, họ mang đến cho tôi một cái hòm có khóa, tất nhiên là để lấy tiền, để tôi cất vào đó những vật dụng được phát và mấy cái quần áo của riêng tôi mà tôi mang vào trại. Ngày hôm sau họ ăn cắp hết của tôi và đem uống rượu. Trong số họ có một người về sau trở thành người thân tín của tôi, mặc dù anh ta vẫn không ngừng có dịp là ăn cắp của tôi. Anh ta làm việc ấy không mảy may ngượng ngùng, hầu như là một cách vô thức, tựa hồ như là theo bổn phận, và vì thế mà tôi không thể nào nổi cáu được. Thế nhưng họ lại dạy tôi rằng tôi phải pha trà riêng, rằng sẽ không tồi nếu tôi có một cái ấm, tạm thời họ mang đến cho tôi mượn một cái, rồi lại giới thiệu cho tôi một anh đầu bếp và bảo tôi rằng chỉ cần ba mươi cô-pếch một tháng là anh này sẽ nấu nướng cho tôi món gì cũng được, miễn là tôi

thích ăn riêng và còn đi mua thực phẩm cho tôi nữa... Hiển nhiên là họ vay tiền của tôi và chỉ riêng ngày đầu tiên ấy mỗi người trong số họ đã đến vay dễ đến ba lần.

Trong trại tù khổ sai người ta nhìn những người vốn là quý tộc một cách u ám và thiếu thiện cảm.

Mặc dù những người này đã mất hết quyền có tài sản và hoàn toàn bằng vai phải lứa với các tù nhân khác, nhưng các tù nhân thì lại không bao giờ thừa nhận họ là bè bạn của mình. Điều ấy xảy ra thậm chí không phải từ một định kiến có ý thức, mà chỉ là hoàn toàn chân thành và tự nhiên thế thôi. Các tù nhân chân thành thừa nhận chúng tôi là quý tộc, mặc dù chính họ lại cứ thích đem chuyện khánh bại của chúng tôi ra mà đùa rỡn.

- Thôi, thế là đủ rồi đấy!

- Khoan đã! Xưa kia ông Piotr giàu sang lẫy lừng, bây giờ ông Piotr tay không bện thừng - v.v... và v.v,... toàn những lời châm chọc kiểu ấy.

Họ say sưa nhìn vào nỗi đau khổ của chúng tôi, mà chúng tôi thì không muốn phô ra. Đặc biệt là đầu tiên khi đi làm chúng tôi khốn khổ vì thể lực không bằng họ và hoàn toàn không thể giúp đỡ gì họ. Không có gì khó hơn là chiếm được lòng tin của dân chúng (đặc biệt là lớp dân chúng ở đây) và làm sao để được họ yêu mến.

Trong trại khổ sai có một số nhà quý tộc. Thứ nhất, có năm người Ba Lan. Về họ tôi sẽ nói kỹ ở phần khác. Dân tù khổ sai thì lại vô cùng ghét bỏ người Ba Lan, thậm chí ghét hơn cả những người quý tộc Nga lưu đày. Những người Ba Lan (tôi nói về một số tù chính trị) đối xử với họ hết sức tế nhị, lễ độ một cách đáng phật ý, bằng mọi cách tránh giao tiếp và không thể dấu diếm thái độ khinh bỉ đối với họ. Các tù nhân rất hiểu điều đó và cũng ăn miếng trả miếng.

Tôi phải mất hai năm ở trại để chiếm được thiện cảm của các tù nhân. Cuối cùng phần lớn anh em yêu mến tôi và công nhận tôi là “tử tế”.

Những người quý tộc Nga, trừ tôi ra, thì còn bốn người. Một người thì thuộc loại đê tiện mạt hạng, sống rất trụy lạc, chuyên nghề làm mật thám và hóng hót. Trước khi vào trại tôi đã được nghe chuyện hắn ta và ngay từ những ngày đầu tiên tôi đã cắt đứt mọi quan hệ với hắn. Người nữa chính là tên giết cha mà tôi đã nói đến trong bút ký của mình. Người thứ ba là Akim Akimych. Tôi ít thấy người nào kỳ quái như ông này, người để lại trong ký ức tôi một ấn tượng mãnh liệt. Ông ta người cao, gày, đầu óc chậm chạp, dốt nát cực kỳ, nhưng lại rất

thích lý sự và sống ngăn nắp như một người Đức. Trại nhân diễu cợt ông ta, nhưng một số người lại sợ quan hệ với ông vì tính cách tỉ mỉ, cầu kỳ và hay cáu bẳn của ông. Ngay từ đầu ông ta đã sinh sự với họ, chửi bới họ và thậm chí đánh nhau với họ. Về mặt ngay thẳng thì ông ta là một hiện tượng. Thấy điều gì bất công là ông ta xông vào, dù không phải việc của mình. Ông ta ngây thơ đến cùng cực. Chẳng hạn, khi chửi nhau với đám tù nhân, đôi khi ông át giọng chúng, bảo chúng là đồ trộm cắp và ra sức thuyết phục chúng đừng như thế nữa. Chúng tôi đứng về phía ông ngay từ ngày đầu, và thế là ông kể hết cho tôi nghe chuyện ông. Ông khởi nghiệp ở vùng Kavkaz, từ trường võ bị, từ trung đoàn lục quân, phấn đấu bằng mồ hôi nước mắt, cuối cùng cũng được thăng hàm sĩ quan và được đề bạt làm trưởng một tuyến phòng thủ. Một tù trưởng hòa hảo láng giềng ban đêm đem quân sang tấn công và đốt pháo đài của ông, nhưng trận đánh không thành. Akim Akimych đã khôn ngoan hơn, ông làm ra vẻ không biết ai là chủ mưu. Mọi việc đổ cho bọn không có thiện chí hòa bình. Một tháng sau Akim Akimych mời tên tù trưởng sang chơi xã giao. Tên này sang chơi, không nghi ngờ gì hết. Akim Akimych tập hợp quân đội, vạch trần âm mưu của y, công khai quở trách y và chứng minh rằng đốt pháo đài là điều đáng xấu hổ. Đồng thời ông cũng lên giọng giáo huấn rất tỉ mỉ, rằng tù trưởng thì phải biết làm gương và để kết luận ông đem y ra xử bắn. Việc này ngay lập tức được báo cáo lên cấp trên một cách chi tiết. Vì việc này ông bị đưa ra tòa, bị tuyên xử tử, nhưng sau được khoan hồng và bị đày đi Sibir, xếp vào loại tù khổ sai hạng hai, làm việc trong các pháo đài, thời hạn mười hai năm. Ông hoàn toàn nhận thức được rằng ông đã sai. Ông nói với tôi ông đã biết như thế từ trước khi xử bắn tên tù trưởng kia. Ông biết rằng ông sẽ bị xử theo luật pháp, nhưng dù biết thế, dường như ông vẫn không thể hiểu được tội trạng của mình lại đến như vậy.

- Xin ông tha lỗi! Nhưng cái thằng ấy đốt pháo đài của tôi, đúng không? Làm sao tôi có thể cúi đầu sùng bái nó được chứ! - ông nói, khi thấy tôi phản đối.

Nhưng mặc dù các trại nhân diễu cợt thói ngốc nghếch của Akim Akimych, họ vẫn kính trọng ông vì ông ngăn nắp và khéo léo.

Không có nghề gì Akim Akimych không biết. Ông là thợ mộc, thợ giày, thợ hồ, thợ thếp vàng... và mọi nghề đó ông đều học được trong tù. Ông cứ tự học mà làm được mọi việc: liếc nhìn ai làm một lần là làm được ngay. Ông làm các hộp gỗ, các giỏ đan, làm đèn lồng, đồ chơi trẻ con rồi đem bán trong thị trấn. Và thế là ông có tiền tiêu, ngay lập tức ông có thêm quần áo, có gối êm hơn, có đệm

gấp. Ông ở cùng một lán trại với tôi và đã giúp đỡ tôi nhiều trong những ngày đầu tôi mới nhập trại.

Khi tù nhân ra ngoài trại để đi làm, họ phải xếp hàng đôi trước bốt gác, đầu hàng và cuối hàng đều có lính áp giải đeo súng đã nạp đạn sẵn. Cùng đi với họ có sĩ quan kỹ sư, hướng dẫn viên và một vài kỹ sư cấp dưới trông nom công việc. Hướng dẫn viên điểm danh tù nhân rồi phân chia thành từng nhóm đến nơi làm việc.

Tôi đi cùng những người khác đến xưởng kỹ thuật. Đó là một tòa nhà gạch thấp bé có cái sân to bầy la liệt các loại dụng cụ. Ở đây có xưởng rèn, xưởng nguội, xưởng mộc, xưởng sơn v.v... Akim Akimych đến đây và làm việc trong xưởng sơn. Ông nấu dầu sơn, pha sơn, đóng bàn và các đồ gỗ bằng gỗ hồ đào.

Trong khi chờ xiềng mới tôi đã trò chuyện với Akim Akimych về những ấn tượng đầu tiên của tôi trong trại.

- Phải rồi, họ không ưa quý tộc đâu, - ông nhận xét, - nhất là các vị tù chính trị. Họ sẵn sàng phanh thây uống máu các ông, chẳng có gì khó hiểu đâu. Thứ nhất, ông thuộc loại người khác, không giống họ. Thứ hai, trước kia tất cả họ hoặc là nông nô, hoặc là quân nhân. Ông thử nghĩ mà xem, làm sao họ có thể yêu mến ông được? Tôi xin nói với ông rằng ở đây sống khó lắm, còn ở các đại đội tù binh nước Nga còn khó khăn hơn. Ở trại này cũng có người từ bên đó sang, không phải mình khen trại mình, nhưng quả thực là họ được chuyển từ địa ngục lên đến thiên đàng. Làm việc đâu có phải là tai họa. Bên đó người ta bảo rằng đối với tù binh loại một thì chỉ huy không hoàn toàn là quân nhân, ít ra họ cũng có phong thái ứng xử khác, so với chúng ta. Người ta bảo rằng bên đó người đi đày có thể sống biệt lập. Tôi không sống ở đó, nhưng người ta nói thế. Người ta không cạo đầu, không mặc sắc phục quân đội, còn bên chúng ta vẫn mặc quân phục và được cạo râu, trật tự tốt hơn, trông ưa nhìn hơn. Chỉ có điều là họ không thích như thế. Mà ông xem đấy, một lũ lưu manh kinh khủng! Có tên thì là lính mới, con một tên binh nhì nào đó, có tên thì là người Chéc-két, có tên lại là ly giáo, có tên là người chính giáo đấy, nhưng bỏ lại vợ đẹp con khôn ở quê, có tên là người Do Thái, người Tsigan, có tên chẳng biết là người gì, thế nhưng chúng vẫn phải sống chung với nhau bất kể là thế nào, phải nhân nhượng nhau, phải ăn chung với nhau một mâm, ngủ chung với nhau một lán. Còn luật lệ phép tắc thì hà khắc: ăn thêm một miếng cũng phải giấu giếm, có xu nào phải bỏ vào trong giày ủng, và xung quanh chỉ có trại giam và trại giam. Dù không muốn, những chuyện bất chính cứ lọt vào đầu.

Những điều đó thì tôi đã biết rồi. Tôi chỉ muốn hỏi kỹ ông ta về tên thiếu tá. Ông Akim Akimych không dấu và tôi còn nhớ rằng ấn tượng của tôi không hoàn toàn tốt đẹp.

Thế nhưng tôi còn phải sống hai năm nữa dưới quyền hắn ta. Tất cả những điều ông Akim Akimych thuật lại là hoàn toàn đúng, chỉ có điều khác là ấn tượng từ thực tại bao giờ cũng mạnh hơn ấn tượng của một câu chuyện bình thường. Hắn ta khủng khiếp chính là bởi vì một người như thế mà lại cai quản, cai quản gần như không có giới hạn hai trăm sinh mạng. Bản thân hắn chỉ là một kẻ vô trật tự và độc ác, ngoài ra không có gì. Đối với tù nhân hắn ta nhìn như nhìn kẻ thù tất nhiên, và đó chính là sai lầm đầu tiên và chủ yếu của hắn. Hắn ta quả thực cũng có một số năng lực, nhưng tất cả, thậm chí là những năng lực tốt, cũng thảy đều ở dạng méo mó. Là người bột phát, hung bạo, hắn ta sục vào trại thậm chí đôi khi cả vào ban đêm, và nếu hắn thấy tù nhân ngủ mà nằm nghiêng bên trái hoặc nằm ngửa, thì đến sáng hắn trừng phạt “Ngủ là phải nằm nghiêng bên phải. Ta đã lệnh như thế rồi đấy”. Trong trại mọi người ghét hắn và sợ hắn như sợ dịch hạch. Mặt hắn thì đỏ gay, hung ác. Mọi người biết rằng hắn lại hoàn toàn nằm trong tay tên lính hầu Fedka. Hắn yêu nhất là con chó xù Trezorka, và hắn đau khổ suýt chết khi con này lâm bệnh. Mọi người kể rằng hắn rên rỉ như khóc con trai, hắn đuổi cổ một bác sĩ thú y, và theo thói quen, suýt nữa thì hắn đánh nhau với ông ta. Rồi sau nghe Fedka nói rằng có một tù nhân là bác sĩ thú y tự học chữa bệnh cực kỳ giỏi, hắn liền gọi ngay đến:

- Hãy cứu chữa cho con Trezorka, tao sẽ đắp vàng lên người mày!

Ông này là nông dân Sibir, khôn ngoan, nhanh nhẹn, đúng là một nhà thú ý mát tay, nhưng tính cách đặc là nông dân.

Mãi về sau, sau cái lần tôi đến thăm tên thiếu tá, khi mọi chuyện đã lùi vào quên lãng, ông ta mới kể lại cho đám tù nhân nghe: “Tôi theo dõi con chó nằm trên divan, kê đầu vào gối trắng, tôi thấy nó bị sốt. Tôi nghĩ rằng phải trích mạch, rồi nó sẽ khỏi. Rồi tôi nghĩ thầm “Mà sao? Mình không chữa, nó chết thì đã sao?” Tôi mới bảo “Thôi chết rồi, lạy Chúa lòng lành. Bây giờ gọi bác sĩ là muộn rồi, lẽ ra phải gọi từ hôm qua, hôm kia. Hai ba ngày trước thì còn chữa được cho nó. Bây giờ thì tôi không thể, không chữa được rồi...”

Thế là con Trezorka chết thật.

Tôi được nghe kể rất chi tiết là người ta đã định giết chết tên thiếu tá. Trong trại có một tù nhân. Anh đã ở đây mấy năm, nổi tiếng hiền nhu. Ai cũng nói anh ấy hầu như không trò chuyện với ai, thường bị coi là ngố. Anh là người có học,

suốt năm ngoái thường ngồi đọc Kinh thánh, đọc ngày đọc đêm. Nửa đêm mọi người ngủ thì anh thức dậy, thắp cây nến sáp nhà thờ, trèo lên bệ lò sưởi, mở sách ra đọc đến sáng. Một bữa anh tìm tên hạ sĩ quan nói rằng anh không muốn đi làm. Tên thiếu tá được báo cáo. Hắn nổi khùng lên và lập tức đến trại. Anh tù cầm một hòn gạch lao đến nhưng ném trượt. Anh bị bắt, bị xử tội và bị trừng trị. Mọi việc xảy ra rất nhanh. Ba hôm sau anh chết trong nhà thương. Lúc hấp hối anh bảo rằng anh không độc ác với ai, chỉ muốn nhận phần đau khổ mà thôi. Tuy thế, anh không thuộc về một giáo phái ly khai nào cả. Trong trại người ta nhớ đến anh với lòng kính trọng.

Cuối cùng thì tôi cũng được cải huấn xong. Trong lúc này có mấy cô bán bánh mỳ lần lượt vào trại. Có những cô gái còn rất nhỏ tuổi. Trước khi trưởng thành các cô ấy đi bán bánh mỳ; mẹ các cô ấy ở nhà nướng bánh cho các cô đem bán. Lớn lên, các cô vẫn đi, nhưng bây giờ không đem theo bánh mỳ nữa. Các cô không còn là trẻ con. Mỗi chiếc bánh giá có một xu. Tù nhân hầu như mua hết.

Tôi để ý đến một anh tù thợ mộc đầu đã hơi bạc, nhưng mặt mũi hồng hào vẫn hay cười vui bông đùa với các cô bán bánh. Trước lúc các cô đến anh ta quàng lên cổ một chiếc khăn màu đỏ mận. Một cô béo phây, má rỗ nhằng rỗ nhịt đặt lên bàn làm việc của anh một cái mẹt hàng. Hai người bắt đầu nói chuyện. Anh tù cười hềnh hệch:

- Sao hôm qua em không đến đó?

- Sao lại không? Em có đến, và nghe thấy người ta gọi anh là Mitka[98]. Cô gái liến thoắng.

- Người ta gọi bọn anh đi, nếu không thì anh đã ở đây... Ngày hôm kia bọn các em đều đến chỗ anh.

- Ai mà các em?

- Mariashka này, Khavroshka này, Chekunda này, cả cô Hai Xu này...

- Thế là thế nào nhỉ? - Tôi hỏi Akim Akimych. - Chẳng lẽ lại là thế?

- Vẫn có đấy, - ông trả lời, - đầu hơi cúi xuống, bởi vì ông là con người hết sức trinh bạch.

Tất nhiên, điều đó vẫn có xảy ra, nhưng cũng rất ít và hết sức khó khăn. Nói chung thì có nhiều tên đi săn lùng rượu nhiều hơn đi săn chuyện kia, bất chấp sức đè nén tự nhiên của cuộc sống gò bó. Tìm được phụ nữ là rất khó khăn. Phải lựa chọn được thời gian, địa điểm, phải thỏa thuận được, phải hẹn hò được, phải tìm được chỗ cách ly. Đặc biệt khó là phải đánh lừa được bọn áp giải, và nói

chung là phải chi hàng đống tiền. Nhưng sau này tôi cũng có dịp được là chứng nhân của những hoạt cảnh tình yêu. Tôi còn nhớ một lần vào mùa hè chúng tôi ngồi ba người trong một nhà kho bên bờ sông Irtysh đốt một bếp lò nung cùng những người áp giải tốt bụng. Cuối cùng, đã xuất hiện hai ả "thổi kèn", theo cách gọi của đám tù nhân.

- Sao các em ngồi đâu mà mãi không đến thế? Ở nhà Zverkov à? - một anh tù nhân hỏi mấy ả. Các cô đến với anh, còn anh thì cũng đã đợi hoài các cô.

Một cô vui vẻ đáp:

- Em ngồi lâu ấy à? Con sáo ngồi trên cọc lâu hơn con ở chỗ hok, - cô gái vui vẻ đáp.

Đó là một cô nàng bẩn thỉu nhất thế giới. Đó chính là nàng Chekunda. Cùng đi với nàng có cô Hai Xu. Cô này thì cũng không thể nào tả được.

- Còn em thì lâu lắm anh cũng không gặp, - anh chàng tán gái quay sang cô Hai Xu, tiếp tục, - hình như em có vẻ gầy đi đấy.

- Cũng có thể. Trước đây em béo nhiều, còn bây giờ ăn uống cứ như là nuốt phải kim khâu ấy.

- Toàn đi với lính chứ gì?

- Không đâu, cái bọn độc mồm nói như thế về chúng em với các anh chứ gì. Nhưng thế thì đã sao? Mặc dù gầy đét vẫn yêu anh lính kiết!

- Bây giờ các em bỏ lính đi, yêu các anh đây này; các anh có tiền...

Để cho màn kịch được hoàn chỉnh các bạn hãy tưởng tượng ra anh chàng tán gái đầu trọc, chân xiềng, ngực lông lá và bị áp giải.

Tôi chia tay ông Akim Akimych và biết rằng tôi có thể được quay về trại, nhận người áp giải và về lán. Mọi người đã lục tục về. Trước hết là những người làm khoán. Phương tiện duy nhất buộc tù nhân làm việc cật lực, đó là khoán việc cho anh ta. Đôi khi việc giao khoán quá lớn, nhưng chúng lại kết thúc nhanh gấp đôi, hơn là nếu như bắt họ làm việc đến tận hồi trống báo ăn trưa. Làm xong, tù nhân được thoải mái về nhà và không có ai chặn đường.

Mọi người ăn trưa không cùng nhau, mạnh ai người nấy ăn, về trước ăn trước; mà nhà bếp cũng không đủ chỗ cho cùng một lượt. Tôi nếm thử món canh cải, nhưng vì không quen, không thể ăn được nên pha trà uống. Chúng tôi ngồi vào một góc bàn. Ngồi cùng tôi là một ông bạn cũng nòi quý tộc như tôi.

Tù nhân ra vào nườm nượp. Phòng vẫn còn rộng vì mọi người chưa đến hết. Một nhóm năm người đã ngồi riêng quanh một bàn lớn. Anh nhà bếp múc cho họ

hai bát canh và đặt lên bàn cả một đĩa to đựng cá rán. Họ chúc mừng gì đó và bắt đầu ăn. Họ nhìn xéo sang chúng tôi. Có một người Ba Lan đi vào và ngồi xuống cạnh chúng tôi.

- Đằng này không ở nhà, nhưng vẫn biết hết mọi việc! - một tù nhân dong dỏng cao bước vào nhà bếp, đưa mắt nhìn mọi người, nói to.

Y chừng năm mươi tuổi, có cơ bắp nhưng lại gầy gầy, gương mặt tinh quái và vui vẻ. Y có đặc điểm là môi dưới dày và trễ xuống, khiến mặt y thêm phần hài hước.

- Thế nào? Các bạn ngủ ngon chứ! Sao không chào anh em một câu? Chào các bạn người Kursk của chúng ta ấy! - y nói thêm, rồi ngồi xuống cạnh những người đang ăn, - Hãy tỏ lòng mến khách, tiếp đãi cho tử tế.

- Chào người anh em, nhưng chúng tôi không phải người Kursk đâu.

- Vậy là người Tambov?

- Cũng không phải Tambov. Anh bạn không xin được gì của chúng tôi đâu. Đi đến chỗ người giầu mà xin.

- Các bạn ơi, hôm nay trong bụng tôi chỉ có Ivan-Taskun và Maria-Ikotishna thôi[99]. Đâu, còn người giầu ở đâu nhỉ? Còn người giầu ở đâu nhỉ?

- Kia kìa, người giầu Gazin kia kìa; đến chỗ ông ta đi.

- Ông Gazin này ăn chơi lắm các bạn ạ. Ông ta đã uống rồi đấy. Ông này uống đến sạch túi thì thôi.

- Có hai mươi rúp đấy, - một người khác nhận xét. - Làm nghề bán rượu lợi thế, anh em ạ.

- Thế nào? Không đãi khách à, các bạn? Thế thì hớp tí canh của nhà nước vậy!

- Thôi, ông đi mà xin nước trà. Các ngài quý tộc đang uống kia kìa.

- Làm gì có quý tộc. Ở đây không có ai là quý tộc cả. Ai bây giờ cũng như chúng ta cả thôi, - một tù nhân ngồi trong góc âu sầu thốt lên. Từ nãy tới giờ anh ta chưa nói câu nào.

- Trà thì tôi uống đến no được, nhưng đi xin thì ngượng lắm; chúng ta đều biết tự trọng, - một anh chàng dày môi đưa mắt hiền hòa nhìn chúng tôi, nhận xét.

Tôi liền ngỏ lời mời anh chàng tù nhân:

- Nếu anh muốn thì tôi mời anh, được không?

- Ông hỏi được không ấy à? Được chứ sao không được! - Anh ta đi đến chỗ bàn tôi.

Anh chàng âu sầu trong góc bảo:

- Chà, ở nhà thì chỉ nước lọ cơm niêu, đến đây đã biết mùi trà rồi, đã biết đòi uống nước của ông chủ.

- Thế chẳng nhẽ ở đây không ai uống trà hay sao? - Tôi hỏi anh ta, nhưng anh không thèm đáp.

- Người ta mang bánh mỳ đến kia rồi. Hãy tặng cho anh ấy một chiếc!

Người ta mang bánh vào. Anh chàng trẻ tuổi xách cả một xâu bán lại cho anh em. Cô thợ nhân nhượng cho anh ta tấm bánh thứ mười mà anh ta vẫn trông đợi.

- Bánh nào, bánh nào! - Anh ta vừa đi vào bếp vừa kêu to, - bánh nóng Moskva đây! Ăn thêm cũng được, nhưng phải trả tiền. Nào, các bạn, còn chiếc cuối cùng đây: ai có mẹ già nào?

Lời kêu gọi đến tình mẫu tử khiến mọi người cười ầm, và có người lấy thêm mấy cái bánh nữa.

- Thế nào, các anh em, - anh ta nói, - Gazin hôm nay chơi đến đổ thì thôi. Chà chà! Đã chơi là chơi! Lão tám mắt sắp đến rồi đấy.

- Đến thì giấu đi. Nhưng mà sao, hắn say lắm rồi hả?

- Đâu có! Dữ như quỷ. Cà khịa với mọi người.

- Nếu vậy thì chơi với hắn bằng nắm đấm.

- Họ nói ai vậy? - Tôi hỏi người Ba Lan ngồi cạnh tôi.

- Đó là tay Gazin, tù nhân, hắn buôn bán rượu ở đây. Nhưng hễ kiếm được tiền là lại uống sạch. Hắn thật độc ác. Tuy nhiên, lúc tỉnh thì lại hiền. Khi say thì lộ hết bản tính, sẵn sàng cầm dao lao vào người khác. Người ta lại phải hạ nhiệt hắn.

- Hạ nhiệt bằng cách nào?

- Phải đến mươi người túm lấy hắn, đánh cho một trận nhừ tử, đến khi hắn không còn biết giời đất gì nữa, tức là phải đánh đến thừa sống thiếu chết, lúc đó mới đặt xuống phản, đắp cho một cái áo bông ngắn.

- Ngộ nhỡ hắn chết thật thì sao?

- Người khác thì có thể chết, còn hắn thì không. Hắn khỏe như voi, khỏe hơn tất cả mọi người trong trại và có thân hình rắn chắc lắm. Hôm sau hắn lại dậy khỏe khòe khoe như thường.

Tôi lại tiếp tục lục vấn người Ba Lan:

- Vậy xin ông cho tôi biết, bây giờ mọi người đang ăn, còn tôi chỉ uống trà. Thế mà họ nhìn tôi như ghen tị với cốc trà này. Thế nghĩa là gì?

Người Ba Lan đáp:

- Không phải ghen với cốc trà. Họ tức ông vì ông là quý tộc và không giống như họ. Nhiều người muốn cà khịa với ông. Họ rất muốn chọc tức ông, hạ nhục ông. Rồi ở đây ông sẽ còn thấy nhiều điều khó chịu nữa. Đối với chúng ta ở đây hết sức gian khổ. Chúng ta chịu gian khổ về đủ mọi phương diện. Cần phải biết lãnh đạm nhiều hơn thì mới quen được. Rồi ông sẽ còn được nhiều lần thấy cảnh chướng tai gai mắt, được nghe những câu chửi thề về ngụm nước trà và về những món ăn riêng, mặc dù ở đây cũng vẫn có nhiều người rất thường ăn thêm như thế, một số thường xuyên uống trà. Họ thì được, còn chúng ta thì không.

Nói xong ông đứng dậy, rời bàn ra đi. Mấy phút sau những lời ông nói biến thành hiện thực nhỡn tiền...



NHỮNG ẤN TƯỢNG ĐẦU TIÊN

Ông M. (người Ba Lan vừa nói chuyện với tôi) vừa mới bước ra, thì Gazin say khướt lảo đảo vào bếp.

Đó là một trại nhân say rượu, giữa ban ngày ban mặt, trong ngày làm việc, khi mọi người phải đi làm, khi có cấp trên nghiêm khắc, bất kỳ lúc nào cũng có thể vào trại, khi có hạ sĩ quan quản lý tù nhân không rời một bước, khi có các lính tuần tra, có các thương bệnh nhân, tóm lại, khi có mọi sự nghiêm ngặt. Điều đó đã làm rối loạn hoàn toàn trong tôi các quan niệm về cuộc sống, về sinh hoạt trong tù. Và rồi tôi đã phải sống một thời gian lâu trong trại, trước khi tôi giải thích được cho mình tất cả mọi hiện tượng như vậy, những hiện tượng rất bí ẩn đối với tôi trong những ngày đầu này.

Tôi đã nói rằng ở đây tù nhân vẫn có những công việc riêng, rằng công việc đó là nhu cầu tự nhiên trong cuộc đời lao lý, rằng ngoài nhu cầu ra, tù nhân còn tha thiết có được đồng tiền và coi đồng tiền là cao hơn hết, thậm chí ngang hàng với tự do, và rằng tù nhân sẽ thấy được an ủi khi có tiếng leng keng của đồng tiền trong túi. Ngược lại, anh ta sẽ phiền não, đau buồn, bất an và suy sụp nếu tiền không có, và khi đó anh ta sẵn sàng ăn cắp ăn trộm hoặc làm bất cứ trò gì miễn sao kiếm được đồng tiền. Mặc dù đồng tiền trong trại quý giá là thế, nhưng đồng tiền lại không nằm yên trong túi người hạnh phúc có tiền. Thứ nhất, tiền khó giữ được để không bị ăn cắp hoặc bị cướp giật. Nếu tên thiếu tá lần được tiền khi bất ngờ lục soát thì hắn tịch thu tức thì. Cũng có thể hắn dùng vào việc cải thiện bữa ăn cho các tù nhân, nhưng ít ra thì hắn là người trưng thu, song phần lớn tiền bị ăn cắp. Ở đây không thể tin vào ai được. Sau này chúng tôi tìm ra được cách giữ tiền hết sức an toàn. Tất cả tiền nong đều nhờ ông già tín đồ cựu giáo giữ hộ, ông đến đây từ vùng ngoại vi Starodubov, trước kia là Vetkovtsev. Nhưng tôi không thể không nói đôi điều về ông, dù biết mình đi lạc chủ đề.

Đó là một ông già trên dưới sáu mươi, người nhỏ, tóc bạc. Ông làm tôi rất kinh ngạc ngay từ cái nhìn đầu tiên. Ông rất không giống những tù nhân khác: có một

cái gì đó trầm tĩnh và thầm lặng trong đôi mắt ông, đến nỗi, tôi vẫn còn nhớ, tôi thấy hài lòng đặc biệt khi nhìn vào đôi mắt sáng ngời nằm giữa những nếp nhăn lăn tăn lấp lánh. Tôi thường nói chuyện với ông và trong cuộc đời tôi ít khi tôi gặp được một sinh linh nào tốt bụng và rộng lòng đến thế. Ông bị hạ ngục vì một tội lỗi cực kỳ quan trọng. Trong số những người cựu giáo ở Starodubov bắt đầu xuất hiện những người cải giáo. Chính phủ rất khuyến khích họ và rất nỗ lực để cải giáo cả những người chưa đồng tình. Cùng với những người cực đoan khác, ông già liều mình “bảo vệ đạo”, theo cách nói của ông. Người ta bắt đầu xây dựng một nhà thờ đồng đạo thì các ông ấy đốt đi. Với tư cách là một trong những người chủ mưu ông bị đày đi lao dịch. Gia đình ông vốn khá giả, ông là người trung lưu buôn bán; ông bỏ vợ con ở nhà, khăng khăng chấp nhận đi đày, bởi vì ông mù quáng cho rằng đi đày là “chịu đau vì đạo”. Nếu sống với ông một thời gian, chắc thế nào các bạn sẽ đặt cho mình một câu hỏi: làm sao một con người điềm đạm, ôn hòa như trẻ con kia lại có thể là người nổi loạn được? Tôi đã mấy lần gợi chuyện với ông về “tín tưởng”. Trong các niềm xác tín của mình ông chẳng nhượng bộ gì cả, nhưng cũng chẳng bao giờ nổi nóng, chẳng hề thù hận dù ông phản đối. Thế nhưng ông lại tàn phá cả một nhà thờ và khăng khăng không chịu nhận tội. Có vẻ như là theo những niềm xác tín của ông thì ông vẫn cứ coi hành động của mình và cái mà ông gọi là “đau vì đạo” là một việc làm hiển hách. Song dù tôi có quan sát ông, nghiên cứu ông đến đâu đi nữa, tôi cũng không bao giờ nhận thấy ở ông có một chút dấu hiệu gì là hư vinh và tự hào cả. Ở trại chúng tôi còn có mấy ông cựu giáo nữa, phần lớn là người Sibir. Đó là những con người rất mực khôn ngoan, láu lỉnh, những người ham đọc, sính chữ và có cách luận lý cứng cỏi theo kiểu của riêng mình, những con người cao ngạo, ranh ma và cố chấp hết mức. Ông già này lại khác hẳn. Có thể ông còn đọc nhiều hơn họ, nhưng ông lại tránh xa các cuộc tranh luận. Về tính cách thì ông thuộc loại hết sức quảng giao, lúc nào cũng vui tươi, cười cợt - không phải cái thứ cười thô thiển, bỉ ổi của tù khổ sai, mà là tiếng cười thanh thoát, nhỏ nhẹ, toát ra tấm lòng bình dị trẻ thơ và dường như nó rất phù hợp với mái đầu bạc. Có thể là tôi đã nhầm, nhưng tôi cho rằng bằng vào tiếng cười mà ta có thể nhận chân được con người, và nếu ngay từ cuộc gặp mặt đầu tiên bạn đã thấy cảm mến tiếng cười của một ai đó trong số những người hoàn toàn xa lạ, thì tôi đoan chắc rằng đó là một con người tốt. Trong toàn trại ông già được mọi người kính trọng, nhưng ông cũng không hề lấy thế làm hãnh diện. Tù nhân gọi ông là ông nội và không bao giờ làm ông mếch lòng. Bây giờ tôi đã hiểu được phần nào cái

ảnh hưởng mà ông có được đối với những người đồng giáo của mình. Mặc dù bề ngoài ông tỏ ra rắn rỏi chịu đựng cuộc tù của mình, nhưng bề trong ông vẫn âm thầm dấu kín mọi người một nỗi buồn không thuốc nào chữa được. Một hôm vào lúc ba giờ đêm tôi tỉnh dậy và nghe thấy có tiếng khóc ấm ức. Ông già ngồi trên lò sưởi (nơi mà trước đây hàng đêm anh tù nhân định giết tên thiếu tá vẫn ngồi tụng kinh, đọc sách). Ông già đang cầu nguyện theo một cuốn sách chép tay của mình. Ông cứ khóc như thế và tôi nghe thấy thỉnh thoảng ông lại cất tiếng nói: “Lạy Chúa, xin đừng bỏ con! Cầu Chúa che chở cho con! Các con của con còn bé, các con của con đáng thương, không bao giờ cha con còn gặp nhau được!” Tôi không thể kể được rằng tôi thấy đau lòng đến như thế nào. Hầu hết các tù nhân ở đây đều đưa tiền để ông giữ hộ. Hầu hết mọi người ở đây đều đi ăn trộm, thế nhưng không hiểu sao bỗng chốc mọi người tin rằng ông già không thể lấy cắp của ai. Người ta biết rằng ông già dấu đi đâu đó những khoản tiền mà mọi người đem gửi, nhưng không ai có thể tìm thấy chỗ ấy bao giờ. Sau này tôi và mấy anh người Ba Lan mới được nghe ông giải thích điều bí mật đó. Trong một cây cọc có một cành tưởng là liền với cây. Nhưng nó lại rút ra được và trong cây có một lỗ hổng lớn. Ông nội giấu tiền vào đó rồi lại lắp cành đó vào, cho nên không ai tìm thấy được cả.

Nhưng tôi đã đi quá xa câu chuyện. Tôi đang dừng lại ở chỗ vì sao trong túi anh tù nhân thường không đọng lại đồng nào. Nhưng ngoài nỗi vất vả phải giữ gìn tiền, trong trại còn bao nhiêu nỗi khổ khác nữa. Anh tù nhân này cũng thế. Xét về bản chất thì anh khao khát tự do, nhưng đồng thời do đẳng cấp xã hội của mình, anh cũng hết sức nhẹ dạ và bừa bãi và tất nhiên là anh bị lôi cuốn bất cứ lúc nào vào “những cuộc ăn chơi xả láng”, có đồng nào ăn nhậu hết đồng nấy trong cảnh ồn ào thác loạn, chỉ cốt sao cho quên hết, dù chỉ là một phút, mọi nỗi buồn phiền. Thật lạ lùng khi phải ngắm nhìn một người nào đó trong bọn họ cứ làm việc không hề ngẩng cổ đôi khi hàng mấy tháng liền, chỉ cốt để làm sao một ngày nào đó tiêu sạch sành sanh tiền công, sau đó lại quần quật mấy tháng liền kiếm tiền cho kỳ nhậu nhẹt sắp tới. Có nhiều người thích mua sắm đồ mới và tất nhiên là theo ý riêng: một chiếc quần đen, quần áo lót, áo khoác ngoài trông thật lạ mắt. Phổ biến là mua áo hoa và những thắt lưng có con bọ bằng đồng. Họ ăn diện vào những ngày hội và tất nhiên là người ăn diện sẽ đi diễu khắp các lán trại cho mọi người ngắm nghía. Sự thỏa mãn của người ăn diện đạt tới mức ấu trĩ; mà tù nhân thì về nhiều mặt đúng là trẻ con hoàn hảo thật. Có điều những đồ đẹp ấy không hiểu sao bỗng chốc biến mất, nhưng đôi khi ngay tối hôm ấy

chúng được đem bày bán với giá rẻ mạt. Tuy nhiên, nhậu nhẹt ngày càng phổ biến. Nhậu nhẹt diễn ra bình thường hoặc là vào những ngày lễ tết hoặc lễ đặt tên Thánh của người đến nhậu. Tù nhân có lễ đặt tên Thánh phải dậy sớm, thắp nến trước tượng thờ rồi cầu nguyện, sau đó ăn mặc đẹp và đặt bữa ăn. Anh ta mua thịt bò, cá, làm mằn thắn kiểu Sibir. Anh ta ăn như chó sói, hầu như bao giờ cũng ăn một mình, hiếm hoi lắm thì mới mời bạn bè chia sẻ niềm vui. Sau đó là đến rượu. Người chịu lễ uống đến say khướt và thế nào cũng lảo đảo, ngả nghiêng đi khắp các lán trại, cố gắng chứng tỏ cho mọi người thấy rằng anh ta say, rằng anh ta đang "rong chơi" và bằng cách đó sẽ được mọi người kính trọng. Khắp nơi đối với người say rượu dân Nga vẫn dành cho họ một chút thiện cảm. Ở trong trại đối với những kẻ chơi bời quá xá người ta thậm chí còn kính nể nữa. Chịu chơi trong trại khổ sai là có vẻ quí tộc đặc biệt. Vui vẻ chán rồi người tù thế nào cũng thuê âm nhạc. Trong tù có một anh Ba Lan là lính đào ngũ thuộc loại bất hảo, nhưng biết chơi đàn vĩ cầm, lúc nào cũng giữ đàn bên người như một bảo bối. Hắn chẳng biết nghề ngỗng gì khác, chỉ làm mỗi một việc là đi kéo đàn thuê những điệu nhảy vui nhộn cho bọn đi chơi. Trách nhiệm của hắn ta là bám sát ông chủ say rượu đi hết lán này sang lán khác và kéo cưa tận lực. Trên gương mặt hắn thường lộ vẻ buồn chán. Nhưng tiếng kêu: "Chơi đi! Mày cầm tiền rồi đấy!" lại buộc hắn cò cưa kéo xẻ lần nữa. Anh tù, khi bắt đầu rong chơi đã có thể rất yên tâm rằng dù có uống nhiều đến đâu thì chắc chắn người ta vẫn để mắt đến anh, sẽ cho anh đi ngủ đúng lúc và bao giờ cũng biết giấu anh đi đâu đó khi bọn cai xuất hiện và bao giờ cũng hoàn toàn vô tư. Về phần mình tên hạ sĩ và những tên thương bệnh binh sống ở đây để giữ trật tự trong trại cũng có thể hoàn toàn yên tâm: tên say rượu không thể gây rối. Theo dõi anh ta là toàn lán trại, và nếu anh ta có làm ồn, có quậy phá thì người ta cũng sẽ ngăn cản được ngay, thậm chí có thể trói lại. Vấn đề là bọn cai tù cấp dưới cũng không thèm để mắt đến chuyện rượu chè. Chúng thừa biết rằng không cho uống thì còn tệ hơn. Thế nhưng rượu ở đâu ra?

Rượu ở trong trại là rượu mua của những người được gọi là buôn rượu. Họ chỉ có mấy người thôi, nhưng họ hành nghề liên tục và hiệu quả, mặc dù những kẻ uống rượu và "rong chơi" nói chung là ít, bởi vì rong chơi đòi hỏi có tiền, mà tiền trong tù kiếm ra lại khó. Việc buôn bán được bắt đầu, được tiến hành và được kết thúc theo một cách khá độc đáo. Chẳng hạn, có một tù nhân nào đó không có nghề ngỗng gì và lại không muốn lao động (những người như thế vẫn có), nhưng lại muốn có tiền, hơn nữa lại nóng ruột, muốn có tiền ngay. Anh ta phải

có một ít tiền để khởi nghiệp, phải có gan buôn rượu; cái nghề này là nghề dũng cảm, đòi hỏi chịu rủi ro lớn. Có thể vì nó mà anh ta phải trả giá bằng cái lưng của mình và bị tước sạch hàng hóa và tiền vốn. Nhưng người buôn rượu vẫn chấp nhận. Tiền vốn ban đầu không nhiều, vì thế lần đầu tiên anh ta tự mình mang đến trại và bán giá hời. Anh ta làm như thế lần thứ hai, thứ ba, và nếu không rơi vào tay bọn cai tù thì anh ta khuếch trương công việc, và đến khi đó mới xây dựng nghề buôn của mình trên những nền tảng rộng lớn: anh ta chuyển dần thành cai thầu, thành tư bản, có các đầu mối và tay chân, chịu rủi ro ít hơn nhiều mà thu lợi ngày càng lớn hơn. Bọn tay chân mới chịu rủi ro thay anh ta.

Trong trại bao giờ cũng có nhiều người thua cờ bạc, rong chơi cho đến hết đồng xu cuối cùng, nhiều người không có nghề nghiệp, đáng thương và rách rưới, nhưng được cái là có dũng cảm và quyết tâm đáng kể. Những người này chỉ còn lại một thứ được coi là tài sản còn nguyên vẹn, đó là tấm lưng trần; nó có thể được dùng vào việc gì đó và khoản tiến vốn cuối cùng này anh chàng khánh kiệt kia cũng dám đem ra quay vòng. Anh ta tìm đến tên chủ thầu xin vác rượu vào trại. Một tên buôn rượu giầu tiền thì cũng có vài tên vác thuê như vậy. Ở đâu đó bên ngoài trại có một người thế này - không phải lính, không phải thị dân, đôi khi chỉ là một cô gái; người này dùng tiền của chủ thầu, được một phần thưởng nhất định, thường là rất không nhỏ, đi mua rượu trong các quán rượu, giấu kín đâu đó, nơi bọn tù đến làm việc. Thường thì bao giờ tên phu khuân vác cũng nếm rượu trước và chỗ hụt ấy được bổ sung một cách phi nhân tính bằng nước lã; nhận hay không nhận thì người tù ở nhà cũng không được quá kỹ lưỡng: may mà đồng tiền của anh ta không mất hết, rượu vẫn được mang về, dù thế nào đi nữa, rượu vẫn cứ là rượu. Tên buôn rượu thận trọng đã thuê trước những người chuyên chở mang những bộ ruột bò rỗng đến gặp tên phu khuân vác. Những bộ ruột này đầu tiên được rửa kỹ, sau đó được đổ đầy nước, như vậy chúng luôn được bảo quản trong nước và luôn được căng ra, thuận tiện cho lúc đổ rượu. Khi đầy rượu rồi người tù quấn quanh mình, cố quấn ở những chỗ kín đáo nhất trong người. Chắc chắn đây là nơi thể hiện tài nghệ khéo léo, mánh khóe trộm cắp của người buôn lậu. Lương tâm của người đó cũng có phần bị đụng chạm. Anh ta cũng phải lường gạt bọn lính áp giải và lính tuần tra. Anh ta đã lừa chúng nhiều lần rồi. Đối với một tên trộm bợm thì lính áp giải, đôi khi là lính mới, thế nào cũng hớ. Dĩ nhiên, anh ta đã nghiên cứu sơ bộ tên lính áp giải này rồi, đã hình dung được thời gian và địa điểm làm việc của hắn. Nếu anh tù nhân là thợ nướng bánh, anh ta sẽ trèo lên nóc lò: ai biết anh ta làm gì trên đó?

Lính áp giải cũng chẳng lên theo. Khi đến gần trại, anh ta cầm một đồng tiền bạc mười lăm hoặc hai mươi cô-pếch để đề phòng mọi trường hợp bất trắc, và đứng cửa chờ tên cai tù. Bất kỳ tù nhân nào đi làm về đều bị tên cai đi tuần khám xét, sờ nắn khắp người, rồi sau đó mới mở cửa cho vào. Người mang rượu thường hy vọng rằng bọn chúng thấy xấu hổ vì khám quá chi tiết, nên chỉ sờ nắn một vài chỗ thôi. Nhưng đôi khi tên cai tù đưa tay đến những chỗ đó và mò thấy rượu. Khi đó chỉ còn một biện pháp cuối cùng: kẻ buôn lậu lẳng lặng và bí mật dúi vào tay tên cai đồng xu đã nằm kín trong tay. Cũng có khi nhờ động thái này anh ta vào trại trót lọt và mang được rượu tới nơi. Nhưng đôi khi biện pháp không thành, lúc đó anh ta phải thanh toán bằng tài sản cuối cùng của mình: đó là tấm lưng. Việc này được báo cáo lên thiếu tá, tội nhân bị quất vào tài sản đó, quất rất đau, rượu bị sung vào công sản, kẻ buôn lậu nhận hết trách nhiệm về mình, không khai báo chủ thầu, nhưng cần chú ý rằng đó không phải là anh ta khinh bỉ việc khai báo, mà chỉ duy nhất vì việc đó không lợi cho anh chút nào: đằng nào thì anh cũng bị đánh, nếu được an ủi thì chỉ là hai người bị đánh. Nhưng anh ta sẽ còn cần đến chủ thầu, mặc dù theo thông lệ và theo thỏa thuận sơ bộ anh sẽ không nhận được của chủ thầu một đồng nào cho cái lưng bị băm vằm kia. Còn nói chung về chuyện khai báo thì hoạt động này ngày một nở rộ. Trong trại kẻ khai báo không hề bị khinh rẻ chút nào, thậm chí cũng không có ai oán giận anh ta. Anh ta không bị ghẻ lạnh, vẫn có người chơi với anh ta, cho nên nếu trong trại mà bạn muốn chứng minh rằng khai báo là việc bẩn thỉu thì người ta hoàn toàn không hiểu được bạn. Cái lão tù nhân quí tộc phóng đãng và đê tiện mà tôi đã cắt đứt mọi quan hệ đã kết bạn với tên lính hầu của thiếu tá là Fedka và trở thành mật thám của hắn, còn hắn thì báo lại cho thiếu tá tất cả những gì nghe được về các tù nhân. Ở đây ai cũng biết chuyện này, nhưng không bao giờ có ai nghĩ đến việc trừng trị hoặc đơn giản là quở trách tên vô lại đó.

Nhưng tôi lại lạc đề rồi. Rõ ràng là rượu được mang vào chót lọt, lúc đó tên chủ thầu nhận những bộ ruột, trả tiền công rồi bắt đầu tính toán. Theo cách tính này thì lô hàng này rất đắt, vì thế để được lãi nhiều hắn ta lại đổ ra một lần nữa, pha thêm nước lã một lần nữa, lần này gần đến một nửa, như vậy việc pha chế hoàn thành, chỉ đợi người mua nữa thôi. Đến ngày lễ hội đầu tiên, đôi khi là vào ngày thường cũng có người đến mua. Đó là một anh chàng tù nhân đã làm việc quần quật như con bò thiến được mấy tháng và đã tích cóp được mấy đồng tiền để uống rượu cho kỳ hết vào ngày đã định. Con người lao khổ đáng thương này

đã thấy kỳ hạn đó từ lâu cả trong giấc mơ, và trong những điều ước hạnh phúc giữa giờ lao động kỳ hạn đó bằng vẻ hào nhoáng của mình đã nâng đỡ tinh thần anh trong cuộc đời giam cầm buồn chán. Cuối cùng thì ánh bình minh của một ngày sáng lạn xuất hiện ở phương Đông: tiền đã tích lũy được, không bị tước đoạt, không bị đánh cắp, và thế là anh ta đem đến cho tay bán rượu. Tay này rót rượu cho anh, đầu tiên cố gắng là rượu nguyên chất nhất, tức là chỉ có hai lần thêm nước, nhưng dần dần những chỗ đã uống đi thì lại được đổ thêm nước vào. Một cốc rượu ở đây giá bằng gấp năm, gấp sáu lần ngoài quán. Các bạn có thể hình dung được rằng phải uống đến bao nhiêu cốc như thế và phải trả đến bao nhiêu tiền mới đến độ say! Nhưng vì mất thói quen uống rượu, vì phải thèm nhịn trước đó nên chả mấy chốc mà anh tù bị say và thường thường là anh ta cứ uống cho đến bao giờ hết tiền thì thôi. Đến lúc ấy lại xuất hiện những thay đổi mới: người bán rượu đồng thời cũng là kẻ cho vay nặng lãi. Đầu tiên là con nợ phải mang đến cho hắn những đồ tư dụng mới sắm, rồi dần dần đến những đồ rách, rồi cuối cùng là đến những đồ của trại. Uống sạch sành sanh đến mảnh vải cuối cùng rồi, người say ngủ vùi đến tận hôm sau, ngủ dậy thấy ong ong trong đầu không ngớt, lại lần đến tên bán rượu lạy van xin một hớp cho đỡ váng đầu. Anh ta đau buồn trải qua vận rủi. Ngày hôm đó anh lại được nhận tiền công, lại lao động mấy tháng không dám cúi cổ, chỉ mơ ước được đến ngày chè chén thỏa thuê, cái ngày chìm đi biệt tăm vào trong hư vô, để rồi lần lần lại lên dây cót cho mình để rồi lại chờ hoài cái ngày như thế sẽ tới, cái ngày hãy còn xa xôi lắm, nhưng thế nào nó cũng đến vào lúc nào đó theo đúng chu kỳ.

Còn về tên buôn rượu thì sau khi đã bán đi được một số lớn, thu được mấy chục rúp, hắn ta lại chuẩn bị một mẻ rượu mới, lần này không pha thêm nước lã nữa, bởi vì rượu đó là dành cho chính hắn; buôn bán như thế đủ rồi, bây giờ đến lúc ăn mừng! Thế là bắt đầu chè chén, nhậu nhẹt, nhạc nhủng. Tiền bỏ ra nhiều. Các quan chức trong trại, kể cả những bậc gần gũi nhất, thấp kém nhất cũng được chiều lòng. Tiệc tùng có khi kéo dài mấy hôm. Hiển nhiên, rượu chuẩn bị thế rồi chẳng mấy chốc cũng uống hết, khi đó kẻ ăn chơi lại tìm đến những tên bán rượu khác đang rình đợi và lại uống cho đến đồng xu cuối cùng dính túi. Dù anh em tù nhân có bảo vệ hắn ta thế nào đi nữa thì đôi khi hắn ta cũng lọt vào những cặp mắt soi mói của quan chức cấp cao, của tên thiếu tá hoặc của sĩ quan đi tuần. Anh ta bị bắt vào phòng bảo vệ, bị tịch thu hết tiền nong nếu bị khám thấy và kết cục là bị đòn. Anh chàng lảo đảo quay về trại và chỉ mấy hôm sau lại lao vào nghề bán rượu. Cũng có những tên rong chơi khác, dĩ nhiên giàu

có, lại mơ ước đến chuyện đàn bà. Với một số tiền lớn đôi khi các chàng bí mật bỏ việc ra ngoài pháo đài đi về phía ngoại ô có kèm theo một tên lính áp giải đã bị mua chuộc. Tại đó, trong một căn nhà nhỏ bé hẻo lánh sát ngoài rìa phố họ đánh chén tưng bừng và tiêu đi một số tiền lớn. Tù nhân mà có tiền thì người ta không khinh rẻ được; tên áp giải thường được chọn trước, hắn biết việc mình phải làm. Thường thì chính những tên áp giải này lại là những tù binh kế cận vào trại. Tuy nhiên, có tiền thì việc gì cũng làm được, và những chuyến rong chơi như thế này hầu như vẫn được giữ kín. Cũng cần nói thêm rằng việc này ít khi xảy ra vì cần rất nhiều tiền và bọn háu phái đẹp tìm đến những biện pháp khác tuyệt đối an toàn.

Ngay từ những ngày đầu tiên tôi sống ở đây có một anh tù trẻ tuổi hết sức khôi ngô đã gợi cho tôi tính tò mò đặc biệt. Tên anh ta là Sirotkin. Anh là người đáng nghi vấn về nhiều phương diện. Trước hết tôi ngạc nhiên vì gương mặt anh thật đẹp, anh chưa đến hai mươi ba tuổi. Anh ở trong khám đặc biệt, tức là khám tù vô thời hạn, nghĩa là anh bị coi là tội phạm quân nhân quan trọng nhất. Trầm tĩnh và hiền dịu, anh ít nói, ít cười, mắt anh màu xanh, nét mặt trang nghiêm, mặt mũi sạch sẽ, dịu dàng, tóc màu dẻ sáng. Thậm chí cái đầu cắt một nửa của anh cũng không làm anh dị dạng: anh chàng điển trai như vậy đấy. Anh không biết một nghề ngỗng gì, nhưng tiền thì hay kiếm được, tuy không nhiều lắm. Anh có đặc điểm là lười biếng, luộm thuộm. Hình như có người nào mặc đẹp cho anh, đôi khi là chiếc áo sơ mi đỏ và rõ ràng là Sirotkin mừng lắm: anh đi khắp các lán trại khoe mình. Anh không uống rượu, không cờ bạc, hầu như không cãi cọ với ai. Anh thường đi ra phía sau các lán trại, hai tay trong túi, thủng thẳng, trầm tư. Anh nghĩ gì, điều ấy khó hình dung được. Có người tò mò, đôi khi gọi anh ta lại, hỏi chuyện vài câu, lập tức anh trả lời ngay, thậm chí còn lịch sự chứ không theo giọng tù trại, nhưng bao giờ cũng nói ngắn gọn, không con cà con kê và nhìn người hỏi với con mắt của trẻ lên mười. Nếu anh ta có tiền, anh ta cũng không mua cho mình cái gì cần thiết, không đưa sửa áo, không mua giày mới, mà chỉ mua bánh mỳ, bánh bàng để chén, dường như mới lên bảy tuổi. Anh em tù nhân thường gọi đùa: “Này anh chàng mồ côi Sirotkin!”[100] Lúc không đi làm anh hay lang thang ở các lán trại; mọi người thường bận công việc của mình, riêng anh thì chả biết làm gì. Người ta nói với anh một câu gì đó, thường là để chế nhạo (người ta vẫn hay đùa anh và các bạn anh theo kiểu như thế), - anh ta không nói câu gì, quay người đi sang lán khác; đôi khi nếu bị cười nhiều quá thì anh đỏ mặt lên. Đôi khi tôi nghĩ; vì sao con người hiền hòa, thật thà như thế lại phải vào trại?

Có lần tôi ốm phải nằm viện tù. Sirotkin cũng ốm, nằm cạnh tôi. Có chiều tôi nói chuyện với anh, anh bỗng nổi hứng kể cho tôi nghe rằng người ta bắt anh nhập ngũ, lúc đưa tiễn, mẹ anh khóc nức nở thế nào và khi vào lính anh thấy khổ sở thế nào. Anh nói thêm rằng anh không chịu nổi cuộc sống ấy, vì trong đó ai cũng cáu kỉnh, nghiêm khắc, còn chỉ huy thì hầu như không ai ưa anh.

- Thế rồi kết cục ra sao? - tôi hỏi, - cơn cớ gì mà anh phải vào đây? Mà lại còn vào khu biệt giam nữa chứ! Thật là một Sirotkin!, Sirotkin!

- Phải rồi, ông Aleksandr Petrovich, tôi ở tiểu đoàn ấy có một năm rồi đến đây vì tôi giết chết ông đại đội trưởng Grigori Petrovich.

- Tôi có nghe chuyện ấy, nhưng không tin. Anh vừa nói là giết ai nhỉ?

- Chuyện thế này, ông Aleksandr Petrovich, lúc ấy tôi thấy khổ quá.

- Thế những tân binh khác họ sống thế nào? Tất nhiên ban đầu họ cũng thấy nặng nề, sau đó quen dần, và anh thấy đấy, họ cũng thành những chiến sĩ cừ khôi chứ sao. Chắc hẳn là mẹ anh chiều chuộng anh, cho anh bú mớm đến năm mười tám chứ gì.

- Tất nhiên là mẹ tôi rất yêu tôi rồi. Hôm tôi vào lính, tôi nghe nói mẹ tôi nằm bẹp không gượng dậy được... Rốt cuộc tôi thấy làm lính quá cơ cực. Sĩ quan có thương mình đâu, lúc nào cũng phạt, mà phạt vì chuyện gì cơ chứ? Tôi đã qui phục tất cả rồi, chịu sống quy củ, không uống rượu, không vay mượn của ai, thế mà, ông Aleksandr Petrovich này, không vay mượn lại là việc xấu xa, cứ vay còn hơn. Tất cả xung quanh đều là những con người táng tận lương tâm như vậy, muốn khóc cũng không có chỗ. Nhiều khi tôi phải vào một xó xỉnh nào đó mà khóc. Thế rồi một lần tôi đứng gác. Đêm ấy đến phiên tôi. Tôi đứng ngay cổng vào. Đêm thu. Gió lạnh. Tối đen nhìn căng cả mắt. Tôi thấy buồn nôn, buồn nôn quá lắm. Tôi đặt súng xuống dưới chân, tháo lưỡi lê đặt xuống bên cạnh, cởi chiếc ủng bên phải. Tôi cúi mình cho nòng súng chĩa vào tim, dùng ngón chân trỏ nhấn cò. Tôi mở mắt - súng bị hóc! Tôi xem lại súng, lau cái chốt hãm, nạp thuốc đạn mới, sửa đá lửa rồi lại chĩa vào ngực mình. Sao lại thế nhỉ? Thuốc nổ bùng lên mà không có đạn! Tôi nghĩ, sao lại thế được. Tôi lấy súng lên, đi giày vào, lắp lưỡi lê, lẳng lặng đi vòng. Công việc ấy tôi vẫn quyết định làm: đi đâu thì đi, cứ là phải trốn khỏi đời lính! Nửa tiếng sau ông chỉ huy đến quát tôi “Đứng gác mà thế này à?” Tôi nâng súng lên dí sát lưỡi lễ vào ngực ông ta. Tôi đã phải đi bốn ngàn cây số, bây giờ đến đây, vào khu biệt giam...

Anh ta không nói dối. Vả lại, phải vì một lẽ gì anh mới bị biệt giam chứ? Những tội thông thường này thì bị trừng phạt nhẹ hơn nhiều. Tuy nhiên, trong số các

bạn chỉ có mình Sirotkin là đẹp trai thế. Còn về những người khác như anh, ở chỗ chúng tôi có độ khoảng mười lăm người, thì trông lạ lắm: chỉ có vài ba gương mặt là chấp nhận được, còn những anh khác thì toàn là tai xệ, méo mó, dúm dó, có cả những anh đầu bạc nữa chứ. Nếu hoàn cảnh cho phép, một khi nào đó tôi sẽ kể về tất cả cái mớ người đó một cách chi tiết. Sirotkin chơi với Gazin, chính tôi mở đầu chương sách này bằng chuyện về y. Tôi đã kể rằng chính anh ta say rượu sục vào trong bếp và điều đó làm đảo lộn mọi khái niệm của tôi về cuộc sống trong trại khổ sai.

Gazin là con người khủng khiếp. Y gây ra cho mọi người một ấn tượng như bị tra tấn, hành hạ. Tôi luôn luôn cho rằng không gì hung hãn và quái đản hơn y. Ở Tobolsk tôi đã gặp tên ăn cướp nổi tiếng ác độc Kamenev, sau đó gặp tên Sokolov, một tên tù đã bị ra tòa, thuộc loại lính đào ngũ, giết người dã man. Nhưng không có ai gây cho tôi ấn tượng kinh tởm như Gazin. Đôi khi tôi cứ hình dung rằng tôi đang thấy trước mắt mình một con nhện khổng lồ, to bằng con người. Hắn ta người Tatar, khỏe kinh hồn, khỏe hơn tất cả mọi người trong trại, cao hơn người thường, vóc dáng như thần Hec-quyn, có cái đầu to lớn, dị hình, mất cân đối, khi đi thì lưng gù gù, nhìn ai thì mắt xéo xéo. Trong trại có nhiều tin đồn lạ lùng về hắn: người ta biết hắn vốn là quân nhân, nhưng các tù nhân bàn tán với nhau hắn đào ngũ ở Nerchinsk; hắn bị đày đi Sibir nhiều lần, trốn trại nhiều lần, thay tên nhiều lần và cuối cùng nhập trại chúng tôi, vào khu biệt giam. Người ta còn kể rằng xưa kia hắn thích cắt tiết trẻ con, chỉ để thỏa mãn ham muốn thế thôi. Hắn lôi đứa trẻ đến một nơi thuận tiện, đầu tiên là dọa nạt, hành hạ đứa bé, sau khi đã hoàn toàn thỏa mãn thấy con mồi bé nhỏ khốn khổ khiếp hãi và run rẩy, hắn mới nhẹ nhàng, chậm rãi cắt tiết. Có thể những chuyện đó đều là bịa đặt, nhưng về sau đó là ấn tượng nặng nề chung mà Gazin tạo ra cho tất cả mọi người, nhưng những chuyện như thế lại rất phù hợp với hắn, với bộ mặt hắn. Thế nhưng, ở trong trại hắn lại xử sự không phải như một thằng say, vào những ngày thường lại rất khôn ngoan. Hắn luôn luôn trầm lặng, không hề cãi lộn với ai và trốn tránh các vụ cãi cọ, nhưng dường như xuất phát từ chỗ khinh bỉ người khác, dường như coi mình cao hơn người khác: hắn rất ít nói và có vẻ như cố tình không muốn giao thiệp. Tất cả mọi động tác của hắn đều chậm rãi, khoan thai và tự tin. Nhìn đôi mắt hắn thì biết rằng hắn rất không phải là ngu đần, mà là đặc biệt láu lỉnh, nhưng nét mặt và nụ cười của hắn luôn luôn cho thấy một cái gì đó ngạo mạn và ác độc. Hắn buôn bán rượu và ở trong trại hắn là một trong những tên bán rượu dầm tiền nhất. Nhưng một năm hai lần hắn

cho phép mình uống đến say khướt, và những lúc đó hắn bộc lộ ra tất cả những gì là dã thú nhất trong con người hắn. Hắn say dần dần. Đầu tiên hắn gây sự với mọi người bằng những nụ cười mỉa mai hết sức độc ác có tính toán và dường như được chuẩn bị đã lâu rồi, cuối cùng, khi đã say mèm hắn nổi khùng một cách đáng sợ, vớ dao lao vào mọi người. Đám tù nhân vốn đã biết sức mạnh đáng ghê sợ của hắn, liền chạy dạt ra lẩn tránh, còn hắn thì lao vào bất cứ ai trước mặt. Nhưng rồi mọi người cũng tìm được cách xử lý hắn. Phải đến một chục người cùng lán trại với hắn đột ngột xông vào cùng một lúc để đánh hắn. Không thể tưởng tượng được còn có gì dã man hơn trận đòn ấy. Hắn bị đánh vào ngực, phía dưới trái tim, dưới ức, bị đấm vào bụng, bị đòn rất nhiều và rất lâu, và họ chỉ dừng tay khi hắn đã ngất xỉu và nằm gục như chết. Với người khác thì không ai dám đánh như thế: đánh thế có nghĩa là giết chết. Nhưng thế không phải là Gazin. Sau khi đánh cho hắn ngất xỉu hoàn toàn rồi người ta bọc hắn vào một cái áo bông ngắn rồi khiêng về đặt lên phản. Người ta bảo “Để yên cho nó nằm đấy!” Quả thật, đến sáng hôm sau hắn tỉnh dậy lại gần như khỏe hẳn, lại lặng thinh và lầm lũi đi làm. Cứ mỗi lần Gazin uống say, mọi người trong trại lại biết rằng với hắn ngày đó chắc chắn sẽ kết thúc bằng một trận đòn nhừ tử. Chính hắn cũng biết thế mà vẫn cứ uống. Đã mấy năm liền như vậy. Cuối cùng, người ta nhận ra rằng Gazin dần dần đuối sức. Hắn bắt đầu kêu ca về nhiều vết đau, bắt đầu gầy đi trông thấy và phải đi quân y viện nhiều hơn. Anh em tù kháo nhau “Thằng ấy chịu rồi!”.

Hắn bước vào bếp, đi kèm là cái tay Ba Lan đểu giả kéo đàn violon, mà bọn rong chơi thuê hắn để hoàn thiện cuộc vui chung. Gazin dừng lại giữa bếp, lặng lẽ và chăm chú nhìn những người có mặt. Mọi người nín lặng. Cuối cùng hắn nhìn thấy tôi và ông bạn tôi, hắn giận dữ và trêu chọc nhìn chúng tôi rồi nở một nụ cười ngạo nghễ, dường như hắn đang nghĩ thầm điều gì, rồi hắn bước lảo đảo, tiến về phía bàn chúng tôi.

- Xin hỏi các ngài, - hắn bắt đầu nói (hắn nói bằng tiếng Nga), - các ngài có nguồn thu nhập ở đâu mà hạ cố ngồi uống trà ở đây?

Tôi lẳng lặng nhìn sang bạn tôi và hiểu rằng tốt nhất là nên im lặng, không trả lời. Nếu trái ý hắn thì hắn nổi xung lập tức.

- Chắc hẳn các ngài có tiền chứ? - Hắn tiếp tục tra hỏi. - Chắc hẳn các ngài có hàng đống tiền đấy chứ? Chắc hẳn vì thế mà các ngài phải vào trại khổ sai để uống trà? Có phải thế không? Các ngài nói đi!

Nhưng thấy chúng tôi nhất định im lặng, không thèm để mắt đến hắn, hắn đỏ mặt lên, chân tay run rẩy, tức tối. Trong góc nhà gần chỗ hắn có một quầy hàng lớn bầy bán bánh mỳ cắt lát, chuẩn bị cho bữa ăn trưa và tối của tù nhân. Quầy này lớn lắm, đủ bánh mỳ cho cả nửa trại, nhưng bây giờ đang trống không. Hắn dạng hai tay ôm cả cái quầy vung lên dọa. Chỉ chút xíu nữa là hắn ném đại vào đầu chúng tôi. Mặc dầu đó là việc giết người hay có ý đồ giết người, thì cũng là chuyện phiền toái hết sức cho cả trại: bắt đầu các vụ lùng sục, khám xét, tăng cường kỷ luật. Vì thế anh em tù nhân tìm mọi cách cố gắng giữ mình không để xảy ra những chuyện quá quắt như vậy, - mặc dầu thế, mọi người lúc này đều nín thở, chờ đợi. Không ai lên tiếng bảo vệ chúng tôi! Không ai quát nạt để cản Gazin! - Họ căm thù chúng tôi đến như vậy! Họ thấy hả dạ trước tình cảnh nguy hiểm của chúng tôi... Thế nhưng sự thể lại kết thúc thuận lợi: đúng lúc hắn định giáng cái quầy bánh xuống thì có người nào đó từ phòng ngoài kêu to lên:

- Gazin! Có kẻ ăn cắp rượu kìa!

Hắn đặt uỵch cái quầy xuống sàn nhà rồi chạy thẳng khỏi bếp.

- Đúng là Chúa cứu mạng chúng con! - Các tù nhân nói với nhau, và mãi về sau họ vẫn nói lại chuyện đó.

Sau này tôi không thể biết được cái thông tin về vụ ăn cắp rượu kia là đúng sự thật hay chỉ là bịa ra để cứu chúng tôi mà thôi.

Buổi chiều, khi trời đã tối, trước lúc đóng cổng trại tôi cứ đi đi lại lại gần chỗ hàng rào, một nỗi buồn nặng nề phủ bóng xuống tâm hồn tôi, sau này trong suốt cuộc đời lao lý tôi cũng không bao giờ cảm thấy có nỗi buồn nào lớn lao như thế. Ngày đầu tiên bị giam cầm thật quả là nặng nề, dù là ở đâu đi nữa: trong trại, trong sà lim hay chốn khổ sai... Nhưng tôi nhớ rằng tâm hồn tôi phần lớn bị choán bởi một ý nghĩ mà về sau cứ theo riết tôi trong suốt thời gian ở trại - ý nghĩ mà phần nào đó không giải quyết được và đến bây giờ với tôi vẫn không giải quyết được, đó là vấn đề về sự bất công trong hình phạt đối với cùng một tội danh. Tất nhiên, tội ác thì không thể so sánh tội này với tội khác, dù chỉ là tạm so sánh. Thí dụ, có hai kẻ cùng giết người; mọi hoàn cảnh của cả hai sự kiện đều được cân nhắc, và đối với cả hai việc đều có một cách trừng trị gần như giống nhau. Tuy nhiên, các bạn có thấy không, hai tội ác ấy khác nhau xa lắm. Chẳng hạn, một người giết chết người khác vì một lý do nhỏ mọn, vì một củ hành: anh ta ra đường, đâm chết một bác nông dân đi qua, mà bác đó chỉ vẻn vẹn có một củ hành trong túi “Đấy! Cha nội ơi! Cha nội hướng tôi đến chỗ này kiếm ăn. Tôi giết một bác nông dân mà tìm được độc có một củ hành trong túi”. “Đồ ngốc. Củ

hành chỉ đáng đồng xu. Giết một trăm người mới được một trăm củ hành, như thế mới được một rúp!” (truyền thuyết trong trại). Còn kẻ kia giết người là để bảo vệ danh dự cho vị hôn thê, cho em gái và cho con gái của mình chống lại một tên độc tài dâm dục. Một kẻ bụi đời giết người vì bị cả một đơn vị mật thám bắt giữ, hắn muốn bảo vệ tự do của mình, mạng sống của mình vì đôi khi hắn đã sắp chết đói; còn kẻ khác thì giết trẻ con chỉ vì thích giết, hắn muốn cảm nhận trên tay mình có dòng máu ấm, muốn sướng khoái vì nỗi kinh hoảng của người khác, vì phút giãy đạp cuối cùng của con bồ câu bị cắt tiết. Và thế thì sao? Cả kẻ này lẫn kẻ kia đều đi lao ngục khổ sai. Quả thật là cũng có sự khác biệt về thời hạn bị trừng phạt, nhưng những khác biệt này tương đối ít, còn các hình thức trong cùng một thể loại tội ác thì nhiều vô kể. Cứ một tính cách thì là một hình thức. Nhưng cứ cho rằng việc hòa giải, đồng nhất những khác biệt đó là điều không thể, rằng đây là bài toán đặc biệt không thể giải được, giống như bài toán về phép cầu phương vậy. Nhưng cứ cho rằng thậm chí nếu như sự bình đẳng ấy không tồn tại đi nữa, thì các bạn hãy nhìn sang một sự khác biệt khác, sự khác biệt trong hệ quả của sự trừng phạt... Một con người vào trại rồi ho lao, rồi tàn lụi đi như một ngọn nến. Một người khác trước khi vào trại thậm chí còn chưa biết rằng trên đời lại có một cuộc sống vui vẻ đến thế, lại có một nhóm bạn bè dũng mãnh hợp ý đến thế. Đó, những người vào trại là như thế đó. Chẳng hạn, có người có học thức, có lòng tự trọng cao cả, có ý thức, có con tim. Chỉ cần nỗi đau riêng của trái tim mình, chưa nói đến các hình thức trừng phạt nào khác, cũng đã đủ giết chết anh ta bằng sự hành hạ riêng tư. Anh ta tự lên án mình về tội lỗi của mình còn tàn tệ hơn, ghê gớm hơn bất kỳ một bộ luật hung bạo nào. Thế nhưng bên cạnh anh ta lại có một người khác, người này thậm chí trong suốt cuộc đời tù đày còn không thèm mảy may suy nghĩ về việc giết người của mình. Thậm chí người ấy còn cho mình là đúng. Rồi lại có những con người cố tình gây ra tội ác chỉ cốt để được đi tù khổ sai để bằng cách đó mà thoát khỏi cuộc đời còn khổ sai hơn, cuộc đời bên ngoài cổng trại. Ở ngoài đó anh ta bị hắt hủi tàn tệ nhất, chưa bao giờ được một bữa no và phải làm cho chủ từ sáng đến tận đêm khuya, còn công việc khổ sai trong này nhẹ nhàng hơn so với ở nhà. Bánh mỳ thì được thỏa thích và ngon miệng như chưa được thấy bao giờ, ngày lễ tết còn có thịt bò, có tiền cho thêm, có khả năng kiếm đồng ra đồng vào. Còn cộng đồng thì sao? Toàn là những người láu cá, khôn ngoan, hiểu biết và anh ta nhìn các đồng đội của mình với sự kinh ngạc đầy thán phục. Chưa bao giờ anh được gặp những người như thế, anh coi họ là một xã hội thượng lưu nhất có được trên cõi

đời này. Chẳng lẽ đối với cả hai loại người đó lại cùng một mức độ cảm thấu như nhau hay sao? Nhưng thôi, bàn những vấn đề không giải quyết được thì bàn làm gì! Trống đã điểm rồi. Đã đến giờ về các lán trại.

IV

NHỮNG ẤN TƯỢNG ĐẦU TIÊN

Bắt đầu vòng khám xét cuối cùng. Sau vòng này là các trại đóng cửa, mỗi trại có một khóa riêng và tù nhân bị khóa cho đến sáng mai. Người khám là viên hạ sĩ và hai tên lính.

Các tù nhân phải xếp hàng, đôi khi ngoài sân, có khi cả sĩ quan đi tuần cũng đến. Thường thường thì thủ tục này được tiến hành theo lối gia đình, nghĩa là giao phó cho từng lán. Bây giờ cũng thế. Những người khám thường nhầm lẫn, đếm sai, đã ra ngoài rồi lại quay lại. Cuối cùng, những kẻ đi tuần đáng thương kia vẫn đếm đủ đến con số mong muốn và đóng cửa trại. Mỗi trại chứa đến khoảng ba mươi tù nhân, các lán khá chật. Đi ngủ thì lại vẫn sớm, vì thế mỗi người phải làm một việc gì đó.

Trong số ban chỉ huy trại chỉ còn lại một người thương binh mà tôi đã nhắc đến trước đây, mỗi trại lại có một anh trưởng nhóm tù nhân do chính tên thiếu tá cử ra, chắc hẳn là vì anh ta có tư cách tốt. Rất thường xảy ra tình hình là về phần mình các trưởng nhóm cũng phạm lỗi nghiêm trọng; khi đó họ bị đánh đòn, ngay lập tức bị hạ chức và bị thay bằng những người khác. Nhóm trưởng trại tôi là Akim Akimych, tôi rất ngạc nhiên là nhiều khi ông ta mắng mỏ tù nhân, còn tù nhân cứ chế diễu ông. Người thương binh khôn hơn ông ta, không bao giờ can thiệp chuyện gì, còn nếu phải động lưỡi thì cũng chỉ nói những câu lịch sự để cho lương tâm được thanh thản. Anh ta lặng yên ngồi trên giường khâu ủng. Tù nhân hầu như không để ý đến anh.

Ngày đầu tiên ở trại tôi đã có một nhận xét, mà về sau tôi khẳng định là đúng: đó là không phải tất cả mọi người đều là tù nhân, dù họ là ai đi nữa, bắt đầu từ những người có quan hệ trực tiếp với tù nhân, chẳng hạn như lính áp giải, lính tuần tra cho đến những người nói chung là có một chút dính líu nào đó với sinh hoạt khổ sai - thì đều nhìn tù nhân theo một cách phóng đại nào đó. Dường như từng giờ, từng phút họ bồn chồn lo lắng chờ đợi có một tù nhân cầm dao vọt tới lao vào một người của họ. Nhưng điều đáng chú ý hơn cả là bản thân tù nhân cũng nhận thức ra rằng người ta sợ mình và rõ ràng điều đó tiếp thêm tính

ngang tàng nơi y. Trong khi ấy thì người lãnh đạo tốt nhất đối với tù nhân là người nào không hề sợ họ. Mặc dù có vẻ ngang tàng đấy, nhưng bản thân các tù nhân lại thấy thoải mái hơn khi người khác biết tin vào họ. Những người này có thể lôi kéo tù nhân về phía mình. Trong thời kỳ tôi đi khổ sai đã từng có những trường hợp, mặc dầu là rất hiếm hoi thôi, khi có một người nào đó trong giới quan chức đến thăm trại mà không có người tùy tùng. Có thể thấy điều đó gây ngạc nhiên đến là thế nào cho đám tù nhân, mà là gây ngạc nhiên theo nghĩa tốt. Ông khách viếng thăm quả cảm như vậy bao giờ cũng được tù nhân kính trọng, và nếu như trong thực tế có xảy ra điều gì đó tồi tệ, thì trước mặt ông chuyện ấy cũng không xảy ra. Nỗi khiếp sợ tù nhân được thấy ở khắp nơi, chỗ nào mà tù nhân có mặt, và quả thật tôi cũng không biết vì sao lại có nỗi khiếp sợ ấy. Cũng có một số cơ sở, bắt đầu từ chính vẻ bên ngoài của tù nhân được gọi là kẻ cướp, ngoài ra bất kỳ người nào đến gần trại đều cảm thấy rằng cả cái đám người ấy tụ họp lại đây đều không phải theo ý nguyện của mình, và rằng dù ở mức độ nào đi nữa thì cũng không thể biến người đang sống thành cái xác chết: người sống vẫn có tình cảm, có khao khát trả thù, có khao khát sống, có say đắm và có nhu cầu thỏa mãn đắm say. Cho dù như thế tôi vẫn tin chắc rằng đối với tù nhân thì chẳng có gì đáng phải sợ hãi cả. Không phải là dễ dàng và nhanh chóng mà một người dám cầm dao lao vào người khác. Tóm lại, nếu như có nguy hiểm gì đó, nếu như hiếm hoi có xảy ra những trường hợp bất hạnh tương tự, thì có thể kết luận ngay rằng nó chẳng đáng kể gì cả. Thôi, bây giờ tôi chỉ nói đến những tù nhân đã thành án, trong đó có nhiều người vui mừng rằng cuối cùng đã vào được trại (đôi khi cuộc sống mới vui sướng biết là dường nào!), họ chấp thuận sống một cách yên ổn và không cho phép những người ngang ngạnh được quá hăng hái. Bất cứ người tù khổ sai nào, dù anh ta có bặm trợn đến đâu đi nữa, thì cũng đều sợ đủ mọi thứ trong trại. Tù chưa thành án là chuyện khác. Loại tù này có khả năng lao vào người ngoài chẳng vì chuyện gì cả, chỉ đơn thuần là vì, chẳng hạn, ngày mai lẽ ra anh ta phải bị trừng phạt, thì nếu gây ra một vụ gì đó, việc trừng phạt lại phải dãn cách xa hơn. Ở đây cũng có một nguyên nhân; mục đích tấn công người khác là nhằm “đổi đời” bằng mọi giá và càng nhanh càng tốt. Tôi cũng đã từng biết một trường hợp tâm lý kỳ lạ như vậy.

Trong trại, bên phía quân nhân có một anh là binh nhì, chưa bị mất quyền sở hữu tài sản, theo phán quyết của tòa án anh bị đưa đến đây hai năm. Anh là tay khoác lác khủng khiếp và cũng là kẻ nhát gan lẫy lừng. Nói chung thì tật khoác lác và thói nhát gan vốn rất hiếm thấy cùng tồn tại trong một người lính Nga.

Anh lính của chúng ta bao giờ cũng bận rộn, thành thử dù muốn khoác lác đến đâu cũng chẳng có thì giờ. Nhưng đã là kẻ khoác lác thì hầu như bao giờ anh cũng là thằng vô công rồi nghề và nhát sợ đủ thứ. Dutov (họ của anh) cuối cùng cũng đã qua hết được hạn tù ngắn ngủi và trở về với tiểu đoàn biên phòng. Nhưng vì tất cả những người như y, được đưa vào trại để cải huấn, lại trở thành những kẻ bợm nghịch hết sức, cho nên thường lại có tình trạng là sau khi trở về tự do được vài ba tuần lại bị đưa ra tòa và lại quay về trại, nhưng lần này không phải hai năm hoặc ba năm, và được xếp vào hạng "thường trực", tức là mười lăm năm hoặc hai mươi năm. Lần này cũng vậy. Hai ba tuần sau khi xuất trại Dutov đã đi bẻ khóa ăn trộm, hơn nữa, y còn văng tục và làm càn. Y ra tòa và bị kết án nghiêm khắc. Sợ hãi phải nhận mức án cao nhất, đúng là một kẻ hèn nhát đáng thương nhất, vào đêm trước ngày y bị đưa ra cho binh lính xếp hàng đánh, y đã cầm dao lao vào viên sĩ quan đi tuần vừa bước chân vào phòng giam. Rõ ràng là anh rất hiểu rằng bằng hành động đó anh sẽ đẩy lên rất cao bản án của mình và thời hạn khổ sai. Nhưng cách tính toán của anh chỉ là làm sao đẩy lùi được dù chỉ là vài hôm, vài tiếng đồng hồ cái giờ phút khủng khiếp của cuộc trừng phạt! Anh ta hèn nhát đến nỗi khi cầm dao xông vào, anh ta thậm chí không làm tên sĩ quan bị thương, mà chỉ cốt làm lấy hình thức, chỉ để làm sao có được một tội lỗi mới, để vì thế người ta lại phải xử án lần nữa.

Cái phút trước hình phạt, tất nhiên, là khủng khiếp đối với phạm nhân, và tôi mấy năm liền được chứng kiến khá nhiều phạm nhân trước ngày oan nghiệt này. Thường thì tôi gặp các tù nhân chưa thành án trong quân y viện, trong các phòng phạm nhân, khi tôi nằm ốm, mà những ngày nằm ốm của tôi vẫn thường xảy ra. Các phạm nhân từ khắp nước Nga đều biết rằng những người đồng cảm nhất đối với họ chính là bác sĩ. Các bác sĩ không hề có sự phân biệt giữa các phạm nhân, như những người khác vẫn làm, có thể chỉ ngoại trừ dân thường. Bác sĩ không bao giờ quở trách phạm nhân vì những tội lỗi của họ, dù tội đó khủng khiếp thế nào đi nữa, và thường tha thứ cho họ mọi chuyện vì sự trừng phạt mà họ phải chịu và nói chung là vì nỗi bất hạnh của họ. Không phải ngẫu nhiên mà mọi người trên đất Nga đều gọi tội lỗi là nỗi bất hạnh, còn phạm nhân là kẻ bất hạnh. Đó là một định nghĩa có ý vị sâu sắc. Định nghĩa này còn quan trọng hơn là bởi vì nó được đưa ra một cách vô thức, một cách trực cảm. Bác sĩ là nơi trú ẩn của phạm nhân trong nhiều trường hợp, đặc biệt là đối với những phạm nhân bị giam giữ nặng nề hơn cả những tù thành án. Phạm nhân nhẩm tính sắp đến ngày khủng khiếp thường thường xin vào bệnh viện, mong sao có

được một thời gian nào đó tránh xa giây phút nặng nề. Khi ra viện, hầu như biết chắc rằng ngày mai là ngày vận hạn của mình, thì bao giờ cũng xúc động ghê gớm. Cũng có những người cố gắng dấu đi những cảm xúc của mình xuất phát từ lòng tự trọng, nhưng sự can đảm gượng gạo, giả tạo không đánh lừa được các bạn bè. Tất cả mọi người đều hiểu được vấn đề, nhưng vì thương người mà giữ im lặng. Tôi biết một anh phạm nhân trẻ tuổi giết người, là quân nhân, bị kết án lãnh đủ roi vọt. Anh run sợ đến mức trước ngày lĩnh án đã dám uống hết một lô rượu ngâm thuốc lá hít. Xin nói thêm rằng đối với phạm nhân chưa thành án thì bao giờ cũng có rượu trước ngày lĩnh án. Rượu được mang đến từ lâu trước thời hạn và phải trả nhiều tiền, và phạm nhân thường suốt nửa năm phải ăn nhịn để dành, tích lũy một khoản tiền cần thiết mua nửa chai rượu để uống trong mười lăm phút trước giờ trừng phạt. Nói chung các phạm nhân đều có một niềm tin rằng người say thì cảm thấy roi gậy ít đau hơn. Nhưng tôi không muốn nói nhiều chuyện này. Anh chàng đáng thương kia uống cạn lô rượu thì lập tức lăn ra ốm. Anh ta bắt đầu nôn ra máu. Người ta chở anh vào quân y viện khi anh gần như ngất xỉu. Đợt nôn ấy tàn phá ngực anh đến nỗi chỉ mấy hôm sau đã xuất hiện những triệu chứng ho lao thật sự, mà vì thế nửa năm sau anh đã qua đời. Các bác sĩ chữa bệnh lao cho anh không thể biết được vì sao.

Nhưng khi kể về thói bạc nhược thường thấy của phạm nhân trước giờ trừng phạt, tôi thấy cần bổ sung thêm rằng ngược lại, trong số họ vẫn có một số người gây kinh ngạc cho người quan sát bằng tính can trường phi thường của mình. Tôi vẫn còn nhớ một vài tấm gương anh dũng đạt tới mức gần như vô cảm, mà những tấm gương ấy không phải là hiếm. Đặc biệt tôi nhớ lần gặp gỡ một tội nhân kinh khủng. Một ngày mùa hè trong các lán trại anh em kháo nhau rằng chiều hôm nay sẽ trừng phạt tên cướp khét tiếng Orlov, một tên lính đào ngũ, trừng phạt xong sẽ đưa vào bệnh viện. Anh em tù ốm trong lúc chờ Orlov khẳng định rằng Orlov sẽ bị trừng trị ác liệt. Mọi người có phần hồi hộp, và tôi cũng phải thú nhận rằng chính tôi cũng hết sức tò mò chờ đợi sự xuất hiện của tên cướp. Từ lâu tôi đã nghe về những thành tích kinh hoàng của hắn. Đó là một ác nhân hiếm hoi, lạnh lùng cắt cổ cụ già và trẻ nhỏ, một ác nhân có ý chí mạnh mẽ khủng khiếp và có ý thức cao ngạo về sức mạnh của mình. Hắn bị buộc tội giết chết nhiều người và phải chịu án đánh gậy trước mặt binh lính xếp hàng. Chiều ấy hắn được giải đến viện. Trời đã tối, nến được thắp sáng. Orlov hầu như ngất xỉu, mặt mũi xám ngoét, tóc rậm, bê bết đen như nhựa đường, lưng hắn sưng ụ lên có màu máu tím xanh lại. Suốt đêm anh em chăm sóc hắn, cho hắn

uống nước, giở mình cho hắn rồi cho uống thuốc, tựa hồ như chăm sóc người thân ruột thịt, người ân nhân của mình. Ngày hôm sau hắn đã tỉnh hoàn toàn và đã đi lại mấy vòng trong phòng bệnh. Tôi thấy kinh sợ, vì lúc vào viện trông hắn quá yếu và quá suy kiệt. Hắn đã chịu đựng được liền một lúc đến một nửa số gậy qui định, nhưng bác sĩ đã cho dừng cuộc hành phạt khi thấy rằng nếu tiếp tục thì tội nhân chết không cứu được. Vả lại, Orlov là người thấp bé, cấu tạo cơ thể yếu, hơn nữa còn hao gầy đi nhiều do bị giam lâu. Ai đã có khi nào có dịp được thấy những tội phạm chưa thành án, chắc hẳn người đó sẽ nhớ mãi những khuôn mặt bơ phờ, gầy guộc và xám xịt với những cái nhìn căng thẳng. Mặc dù thế, Orlov bình phục nhanh. Rõ ràng sức mạnh nội tâm và tinh thần đã giúp hắn rất nhiều. Quả thật đó là con người không hoàn toàn bình thường. Tôi tò mò làm quen với hắn nhiều hơn và nghiên cứu hắn suốt một tuần lễ. Tôi có thể nói một cách khẳng định rằng trong đời tôi tôi chưa bao giờ gặp được một con người hùng mạnh hơn, sắt đá hơn hắn. Hồi còn ở Tobolsk tôi cũng đã gặp một nhân cách ghê gớm như thế. Gã ấy là một con thú hoang thật sự, và chỉ cần bạn đứng cạnh gã, không cần biết tên là gì, thì bạn đã trực cảm thấy rằng bên cạnh bạn là một sinh linh kinh khủng. Nhưng điều làm tôi khiếp hãi nơi gã là sự đần độn tinh thần. Xác thịt là tối thượng vượt lên trên mọi thuộc tính tâm hồn của gã, đến nỗi ngay khi bạn nhìn mặt gã lần đầu, bạn đã thấy rằng trên đó chỉ còn lại niềm khát khao man rợ về thú vui xác thịt, thú vui dâm ô. Tôi tin rằng Korenev - tên gã - cũng phải mất hết tinh thần và cũng phải run rẩy vì khiếp sợ trước đòn trừng phạt, mặc dầu gã có thể giết người không biết nhăn mặt. Orlov thì hoàn toàn ngược lại. Đó là kẻ chiến thắng đầy đủ, rõ ràng đối với xác thịt. Nhìn hình thức cũng thấy được con người này có thể chế ngự được bản thân mình, coi khinh mọi đau khổ và trừng phạt và chẳng sợ gì trên đời. Nơi hắn người ta chỉ thấy một nghị lực vô tận, một khát khao hành động, khát khao ân oán, khát khao đạt tới mục tiêu định trước. Đồng thời tôi còn thấy kinh ngạc vì thói kiêu kỳ lạ lẫm của hắn. Hắn nhìn mọi vật dường như từ một tầm cao phi thực, nhưng hoàn toàn không phải là cố sức đi bằng cà kheo, cứ như là tự nhiên thế vậy. Tôi nghĩ rằng trên thế gian này không có một ai chỉ dùng uy danh mà tác động đến hắn được. Đối với mọi vật hắn nhìn một cách bình thản đến mức không thể ngờ được, dường như trên đời chẳng có cái gì làm hắn ngạc nhiên. Mặc dù hắn hiểu rất rõ rằng các tù nhân khác nhìn hắn kính trọng, nhưng hắn chẳng hề khoe mẽ với ai. Thế mà thói hư danh và thói kiêu ngạo lại là thuộc tính của hầu hết tù nhân. Hắn là người rất không ngu dại và chân thành kỳ lạ, mặc dù không chút

ba hoa. Tôi hỏi thì hắn trả lời thẳng thắn rằng hắn chờ khỏe để chịu nốt phần hình phạt còn lại, và rằng đầu tiên, trước khi chịu phạt hắn cũng có sợ rằng không vượt qua được. Rồi hắn nháy mắt nói thêm “Nhưng bây giờ thì hết rồi. Tôi chịu nốt số gậy phạt rồi người ta sẽ chở tôi cùng nhóm tội đồ đi Nerchinsk, giữa đường là tôi ù té chuồn! Thế nào tôi cũng chuồn! Chỉ mong sao cái lưng mau lành mà thôi!” Suốt năm ngày ấy hắn ngong ngóng chờ đợi ra viện. Trong lúc chờ đợi hắn hay cười và rất vui vẻ. Tôi đã thử nói chuyện về hành trình cuộc đời hắn. Hắn hơi cau mặt khi nghe những câu hỏi đó, nhưng bao giờ cũng trả lời chân thực. Khi hắn hiểu rằng tôi đụng đến lương tâm hắn và đụng đến một chút ăn năn trong đó thì hắn nhìn tôi một cách khinh bỉ và cao ngạo đến nỗi dường như trong con mắt hắn tôi bỗng trở thành một cậu bé nhỏ nhoi, ngu ngốc, mà hắn không thể bàn luận với được như với người lớn. Thậm chí trên gương mặt hắn còn lộ vẻ thương hại tôi nữa. Một phút sau hắn cười phá lên những tiếng cười hết sức sảng khoái nhạo tôi, nhưng không hề có ý châm biếm, và tôi tin rằng, khi hắn ngồi một mình, nhớ lại những lời của tôi, thế nào hắn cũng còn cười mấy lần nữa. Thế rồi hắn ra viện, cái lưng chưa lành hẳn; lần ấy tôi cũng ra viện; từ bệnh viện ra, chúng tôi lại có dịp đi cùng với nhau: tôi về trại, còn hắn về bốt gác gần chỗ trại tôi, nơi hắn bị giam trước đây. Lúc từ biệt, hắn nắm tay tôi, và về phía hắn thì đó là dấu hiệu tin cậy nhiều lắm. Tôi nghĩ rằng hắn làm như vậy vì hắn rất hài lòng về bản thân mình và hài lòng với phút giây này. Thực chất thì hắn không thể không khinh bỉ tôi và chắc chắn hắn phải nhìn tôi như nhìn một sinh vật đang bị chinh phục, yếu đuối, đáng thương và hèn mọn về mọi phương diện trước mặt hắn. Ngay hôm sau hắn đã bị đưa ra trừng phạt lần thứ hai...

Khi cổng trại đã khóa chặt thì toàn trại bỗng nhiên có một vẻ gì đặc biệt, giống như một ngôi nhà ở thật sự, như một mái ấm gia đình. Mãi đến bây giờ tôi mới có thể nhìn thấy anh em trại nhân, những người bạn tôi hệt như ở nhà mình vậy. Ban ngày, những tên cai đội, những bọn lính tuần và nói chung là bọn cai quản có thể bất cứ lúc nào lùng sục vào trại, và vì thế cư dân trại giữ mình theo một cách khác, dường như không hoàn toàn yên lòng, dường như bất cứ lúc nào cũng chờ đợi một cái gì đó, sốn sang một chuyện gì đó. Nhưng khi cổng trại vừa khóa là mọi người ai về lán nấy yên ổn, hầu như ai cũng làm nghề riêng của mình. Cả trại sáng bừng lên. Ai cũng thắp nến và có giá nến phần lớn bằng gỗ. Người khâu giày, người may áo. Bầu không khí trong trại cứ trở nên ngột ngạt từng giờ, từng giờ. Bọn rong chơi thì ngồi chồm hỗm đánh bạc trong góc trước

một tấm thảm. Hầu như trại nào cũng có một trại nhân có một tấm thảm nhỏ chừng một *árshin*[101], một cây nến và một bộ bài cáu bẩn dầu mỡ không thể tưởng tượng được. Tất cả những thành tố ấy gộp lại có cái tên chung là *maiđan*. Maiđan được các con bạc trả tiền, mỗi đêm mười lăm cô-pếch. Nghề của anh ta là thế. Các con bạc thường chơi kiểu ba lá, kiểu chồng núi v.v... các trò đều chơi ăn tiền. Mỗi người đặt trước mặt mình một đống tiền xu, đó là tất cả những gì họ có trong túi và chỉ đứng lên khi đã thua sạch hoặc vơ sạch của các bạn. Canh bạc kết thúc vào lúc khuya muộn, nhưng đôi khi kéo dài đến sáng, đến tận lúc mở cổng trại. Trong phòng tôi cũng như ở các lán khác bao giờ cũng có những tên cùng khốn, đánh bạc dốc túi, uống rượu hết tiền, hoặc nói một cách đơn giản, tự nhiên là cùng khốn. Tôi nói "tự nhiên" và xin nhấn mạnh đặc biệt vào lối nói đó. Quả thật khắp nơi trong dân chúng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, bất kỳ điều kiện nào, bao giờ cũng đang có và sẽ có một số những cá nhân kỳ lạ, rất hiền lành và rất không lười biếng, nhưng số phận đã an bài cho họ là suốt đời cùng khốn. Họ suốt đời độc thân, suốt đời luộm thuộm, suốt đời tù mù, ngu ngốc, suốt đời bị người khác làm khổ, suốt đời bị sai bảo, thường là làm đầu sai cho bọn rong chơi, bọn giầu nhanh và bọn mới nổi. Đối với họ, bất kỳ một đề xuất nào, một sáng kiến nào cũng là nỗi đau khổ và là gánh nặng. Dường như họ ra đời cùng với một điều kiện là họ không tự bắt đầu việc gì, mà chỉ đi phục vụ người khác, sống không theo ý mình, nhảy theo tiếng sáo của người khác và chức năng của họ chỉ là thực hiện ý đồ người ta. Để hoàn tất thân phận, không có hoàn cảnh nào, không có cuộc biến động nào có thể làm cho họ giàu lên. Bao giờ họ cũng chỉ là những kẻ cùng khốn. Tôi đã để ý thấy rằng những cá nhân như thế tồn tại không phải chỉ trong dân chúng, mà ở khắp các đẳng cấp xã hội, các tầng lớp, các đảng phái, được nói đến trên các tạp chí, trong các hội quyền. Điều đó cũng diễn ra trong từng trại lính, từng trại tù, và mới đây là maiđan, một trong những con người như thế đã xuất hiện để hầu người khác. Nói chung thì maiđan nào cũng có đầy tớ. Người thuê đầy tớ thường là các con bạc nói chung, thuê suốt đêm, tiền thuê là năm cô-pếch bạc, nhiệm vụ chính của đầy tớ là đứng suốt đêm canh chừng. Phần nhiều hắn bị cóng lạnh sáu bảy tiếng đồng hồ trong bóng tối, ở phòng trước, trong cái rét ba mươi độ âm, để nghe ngóng mỗi tiếng gõ cửa, mỗi tiếng rung động, mỗi bước đi trên sân. Tên thiếu tá hoặc các lính tuần đôi khi vào trại ban đêm khá muộn. Chúng đi nhẹ nhàng và bắt quả tang bọn chơi bạc, bọn làm nghề và những cây nến của họ có thể bị nhìn thấy từ ở ngoài sân. Khi họ bắt đầu khua cái khóa cửa buồng trước nhìn ra sân thì việc

chạy trốn, tắt nến và chui vào lán ngủ cũng đã là muộn. Nhưng vì sau đó tên đầy tớ canh đêm bị trừng phạt, nên những trường hợp sai sót như thế là cực kỳ hiếm hoi. Tất nhiên, năm cô-pếch là khoản tiền công bèo bọt buồn cười, thậm chí đối với tù trại, nhưng cái điều khiến tôi luôn luôn kinh ngạc là sự nghiệt ngã và nhẫn tâm của những người đi thuê, trong trường hợp này cũng như những trường hợp khác. “Tiền cầm rồi thì phải hầu!” Luận chứng đó không ai được phép cãi lại. Một đồng xu bỏ ra, người thuê nhận lại được tất cả những gì có thể nhận được, nếu được thì còn nhận thêm nhiều nữa mà vẫn còn cho rằng mình làm ơn cho kẻ được thuê. Kẻ rong chơi, người say rượu vung tiền ra khắp nơi không tính toán, thế mà thế nào cũng ăn quịt đày tớ, và tôi đã nhận ra điều đó không phải ở một trại, ở một maiđan.

Tôi đã nói rằng trong trại mỗi người có một nghề khác nhau. Ngoài bọn cờ bạc, trong trại có không hơn năm tên hoàn toàn nhàn rỗi; cứ tối là chúng đi ngủ. Chỗ nằm của tôi ngay sát cạnh cửa ra vào. Phía đối diện đụng đầu nhau với tôi là Akim Akimych. Ông làm việc đến khoảng mười giờ hoặc mười một giờ, ông dán một cái đèn lồng Trung Hoa sặc sỡ theo đơn đặt hàng trong thị trấn với giá tiền công khá tốt. Ông làm đèn lồng rất chuyên nghiệp, làm có phương pháp, không bị gián đoạn. Khi làm xong ông thu dọn gọn ghẽ, trải ra một cái đệm nhỏ, cầu nguyện, rồi thanh thản lên giường nằm ngủ. Sự ngoan đạo và ngăn nắp được ông thể hiện cả trong những việc nhỏ nhặt nhất, hiển nhiên là ông đã phải coi mình là người thông minh đặc biệt, nói chung cũng như là tất cả những người đần độn và hạn hẹp khác. Tôi không thích ông ngay từ ngày đầu, mặc dù tôi nhớ vào ngày đầu tiên ấy tôi đã nghĩ về ông khá nhiều và tôi càng ngạc nhiên hơn, vì một cá nhân như thế lẽ ra phải thành đạt trong cuộc sống thì lại rơi vào trại tù. Sau đây tôi sẽ còn đôi lần nói về Akim Akimych.

Bây giờ tôi sẽ mô tả đôi nét về thành phần trại tôi. Trại này tôi đã phải sống nhiều năm và tất cả đều là những người đồng trại và là bạn bè sau này của tôi. Một điều dễ hiểu là tôi đã nhìn họ bằng con mắt hết sức tò mò. Ở những phản bên trái chỗ tôi là một nhóm những người vùng núi Kavkaz phần lớn bị tống đến đây vì tội ăn cướp với các thời hạn khác nhau. Họ có hai người Lezgin, một người Chechen và ba người Dagestan. Người Chechen lúc nào cũng ủ ê sầu não, hầu như không nói với ai, thường xuyên nhìn quanh bằng con mắt cừu thù, nhìn xéo sang bên với nụ cười độc địa, giận dữ và mỉa mai. Một người Lezgin thì đã già, mũi dài, mỏng và khoằm, có vẻ tướng cướp ra mặt. Thế nhưng người kia, Nurra, ngay từ ngày đầu đã gây cho tôi ấn tượng đáng mừng nhất và hiền dịu nhất.

Anh này chưa già, người tầm thước, chắc nịch như thần Hec-quyn, tóc vàng và mắt xanh sáng, mũi khoằm, mặt như người Phần Lan, chân vòng kiềng vì hay đi ngựa. Toàn thân anh ta nát nhừ và thủng lỗ chỗ vì trải qua gươm đao và súng đạn. Ở Kavkaz anh là dân hòa hảo, nhưng vẫn thường xuyên lén lút sang chỗ anh em người vùng núi đang sống không yên, rồi cùng các anh em ấy tấn công người Nga. Trong trại anh được mọi người yêu mến. Lúc nào anh cũng vui vẻ, niềm nở với mọi người, làm việc hăng hái, bình tĩnh và minh bạch, mặc dù nhiều khi anh cũng bất bình với những thói đểu cáng và dơ dáy trong đời sống trại nhân, thậm chí còn giận dữ phát khùng trước các trò ăn cắp, bịp bợm, rượu chè và nói chung là tất cả những gì bất lương, nhưng anh không hề cãi cọ với ai, chỉ bực tức quay nhìn chỗ khác. Bản thân anh trong suốt thời gian tại trại anh không hề lấy của ai cái gì, cũng không có hành động xấu nào cả. Anh là người rất chăm cầu nguyện. Anh cầu kinh một cách thánh thiện. Vào tuần chay trước kỳ lễ thánh Mô-ha-mét anh ăn kiêng như một kẻ cuồng tín và cầu nguyện suốt nhiều đêm liền. Mọi người yêu mến anh và tin vào tấm lòng chính trực của anh. Trại nhân gọi anh là “Nurra - sư tử”. Sau này người ta vẫn còn gọi anh là sư tử. Anh hoàn toàn tin rằng hết hạn tù người ta sẽ cho anh về nhà ở Kavkaz và bây giờ anh chỉ sống bằng niềm hy vọng ấy. Tôi cảm thấy rằng nếu như mất đi niềm tin kia thì anh chết mất. Ngay ngày đầu tiên vào trại tôi đã để ý đến anh. Không thể nào lại không nhận thấy gương mặt phúc hậu, khả ái của anh giữa biết bao bộ mặt dữ dằn, u ám và tức cười của các tù nhân khác. Ngay nửa tiếng đồng hồ đầu tiên khi tôi nhập trại, anh đi qua ngang tôi, vỗ vai tôi, nhìn mắt tôi và cười đôn hậu với tôi. Đầu tiên tôi không hiểu thế là thế nào. Tiếng Nga anh nói rất kém. Chẳng bao lâu sau đó anh lại đến bên tôi, lại mỉm cười, lại thân mật vỗ vai. Sau đó lại như thế, lại như thế suốt ba ngày liền. Sau này tôi mới đoán ra và nhận ra rằng về phần anh, anh thương tôi, anh thấy rằng tôi khổ sở khi phải làm quen với trại, muốn tỏ ra thân thiện với tôi, động viên tôi và làm tôi tin rằng anh bao dung tôi. Anh Nurra thật là tốt bụng và ngây thơ!

Nhóm Tatar Dagestan có ba người, đều là anh em ruột. Hai người đã đứng tuổi, còn người kia, Alei, chưa đến hai mươi hai, trông mặt mũi còn trẻ hơn. Trong lán anh ta ở bên cạnh tôi. Ngay từ đầu tiên gương mặt khôi ngô, cởi mở, thông minh và đồng thời ngây thơ phúc hậu đã thu hút trái tim tôi, và tôi cũng mừng rằng số phận đã mang anh đến cho tôi làm bạn hàng xóm chứ không phải một người nào khác. Toàn bộ tâm hồn anh được biểu lộ trên gương mặt điển trai, thậm chí có thể nói là tuyệt vời của anh. Nụ cười của anh cũng thật là đáng

tin, cũng thật là hồn nhiên, tươi trẻ, đôi mắt đen to thật hiền hòa, dịu dàng đến nỗi tôi luôn luôn cảm thấy đặc biệt hài lòng, thậm chí khi nhìn anh còn thấy nỗi buồn nỗi nhớ của tôi vơi đi. Tôi nói không ngoa chút nào. Ở quê nhà một hôm người anh trai cả của anh ta (anh có năm anh trai, hai người đi làm ở một nhà máy) ra lệnh cho anh vác mã đao lên ngựa cùng anh ấy đi có công chuyện. Việc kính để đối với bề trên ở miền núi là rất to lớn, đến nỗi thằng em không dám, và thậm chí còn không có ý định hỏi xem đi đâu. Các anh thì không coi là cần thiết phải cho em biết. Họ đi cướp của. Họ rình một thương nhân giàu có người Armenia trên đường để cướp của. Sự việc diễn ra đúng như thế: họ cắt đứt đoàn hộ tống, giết chết thương nhân rồi cướp đồ. Nhưng việc bại lộ. Cả sáu người trong nhóm bị bắt và bị ra tòa, bị vạch mặt, bị trừng phạt và bị đày đi lao dịch khổ sai ở Sibir. Đối với Alei tòa án chỉ có thể khoan dung đến mức định án phạt ở mức thấp nhất là bốn năm tù. Các ông anh đều yêu anh ta bằng một thứ tình yêu có thể nói là phụ tử chứ không còn là huynh đệ nữa. Anh trở thành nguồn an ủi cho họ trong cảnh tù đày. Những người anh vốn rầu rĩ ủ ê bây giờ nhìn thấy em là cười, và mỗi lần nói chuyện với anh ta (mặc dù họ nói chuyện rất ít, có vẻ như vẫn coi anh ta là trẻ con, không thể nói điều gì nghiêm túc được) thì những gương mặt âu sầu lại dãn nở ra và tôi đoán rằng họ đang nói với nhau một chuyện gì đó vui lắm như chuyện trẻ con, ít nhất thì họ cũng luôn luôn nhìn nhau và cười sảng khoái khi nghe chú em trả lời. Bản thân anh ta thì hầu như không dám bắt chuyện với các anh vì kính yêu các ông anh hết sức. Khó có thể hình dung được làm sao cậu bé ấy trong suốt thời gian lao dịch lại vẫn giữ được cho trái tim mình hiền hòa đến vậy, có thể hình thành trong lòng mình một lương tâm chính trực, lòng nhân ái và thiện chí, không bao giờ trở nên thô bạo và bị tha hóa. Thực ra đó là một bản chất mạnh mẽ và cứng rắn, mặc dù bên ngoài trông có vẻ dịu dàng. Sau này tôi được biết anh rõ hơn. Anh sống tinh khiết như một cô gái đồng trinh, và bất kỳ một hành vi tồi tệ, nhơ nhuốc, bẩn thỉu, bất công và tàn bạo nào trong trại cũng đốt bùng lên ngọn lửa căm phẫn trong đôi mắt tuyệt vời của anh, mà vì căm phẫn đôi mắt ấy càng thêm lấp lánh. Nhưng anh đã tránh không cãi nhau và không chửi thề, mặc dù nói chung anh không thuộc loại người cho phép kẻ khác được nhục mạ mình cách vô lối và cũng biết cách tự vệ. Nhưng anh chưa hề cãi nhau với ai: mọi người đều yêu mến và chăm sóc anh. Đầu tiên đối với tôi anh đối xử chỉ là lễ phép. Dần dà tôi bắt đầu nói chuyện với anh. Trong mấy tháng anh học nói tiếng Nga tốt, điều mà các anh lớn không làm được trong suốt thời gian ở trại. Anh tỏ ra là một chàng trai thông

minh đặc biệt, hết sức khiêm tốn và tế nhị và thậm chí biết suy đoán mọi lẽ. Tôi phải nói ngay rằng tôi coi Alei không phải người tầm thường và tôi vẫn nhắc đến lần gặp gỡ với anh như một trong những lần gặp gỡ tốt đẹp nhất trong cuộc đời tôi. Có những cốt cách tuyệt vời nhờ có tự nhiên, nhờ có Chúa trời ban lộc, đến nỗi thậm chí một ý nghĩ cho rằng những cốt cách ấy một khi nào đó còn có thể thay đổi theo chiều hướng tốt hơn nữa các bạn cũng thấy rằng không thể nào thực hiện được nữa. Đối với những cốt cách này các bạn luôn thấy yên tâm. Bây giờ tôi cũng đang an tâm về Alei. Nhưng anh ấy ở đâu rồi nhỉ?

Một lần cũng khá lâu sau khi tôi nhập trại tôi nằm trong lán và nghĩ một điều gì đó lung lắm. Alei bao giờ cũng làm việc chăm chỉ, thế mà lúc ấy lại không làm gì, mặc dù đi ngủ thì lại còn sớm. Hôm ấy bên đạo Hồi có lễ hội nên họ nghỉ. Anh nằm khoanh tay làm gối và cũng suy tư chuyện gì. Bỗng anh hỏi tôi:

- Thế nào, ông đang buồn khổ lắm phải không?

Tôi tò mò nhìn anh và thấy câu hỏi của anh buồn cười, bởi vì anh bao giờ cũng là người tế nhị, rành mạch và thông minh từ phía con tim, nhưng khi nhìn kỹ tôi mới thấy gương mặt đượm bao nhiêu buồn đau, bao nhiêu hoài niệm day dứt và bỗng chốc tôi phát hiện ra rằng chính bản thân anh vào chính phút này đây đang suy nghĩ ghê lắm. Tôi nói cho anh nghe phán đoán của tôi. Anh thở dài và mỉm cười buồn bã. Tôi thích nụ cười của anh, bao giờ cũng dịu dàng và đằm thắm. Ngoài ra, khi cười anh để lộ hai hàm răng trắng muốt như ngọc, mà chỉ có mỹ nhân hàng đầu thế giới mới so được.

- Này anh Alei, chắc hẳn giờ này anh đang nghĩ rằng không biết ở Dagestan quê anh người ta mừng lễ hội thế nào, đúng không? Chắc ở nhà vui lắm nhỉ?

- Vâng, - anh hào hứng trả lời, đôi mắt sáng lên, - nhưng sao ông lại biết rằng tôi nghĩ chuyện đó?

- Làm sao mà không biết được! Ở nhà thích hơn ở đây, đúng không?

- Ôi! Sao ông lại nói chuyện đó...

- Chắc hẳn bây giờ quê anh hoa đang nở rộ, thật là cả một thiên đường...

- Thôi, tốt nhất xin ông đừng nói đến nữa. - Anh tỏ ra hết sức xúc động.

- Này, anh nghe đây, Alei, anh có một cô em gái phải không?

- Vâng, nhưng sao ạ?

- Chắc hẳn cô ấy xinh lắm, nếu giống anh.

- Giống tôi thì ăn thua gì! Em nó xinh lắm, cả Dagestan không ai hơn được. Chà, em tôi đúng là một kiều nữ! Ông chưa bao giờ gặp được một người con gái như thế đâu! Ngày xưa mẹ tôi cũng rất xinh đẹp.

- Mẹ anh yêu anh lắm nhỉ?

- Chà, ông nói gì mà lạ vậy! Chắc bây giờ mẹ tôi chết rồi vì khổ tâm với tôi. Tôi được bà cưng nhất... Đêm qua tôi nằm mơ thấy mẹ và bà ấy khóc thương tôi quá.

Anh im lặng và suốt tối không nói câu gì. Nhưng từ hôm ấy anh tìm cách nói chuyện với tôi, mặc dù với niềm kính trọng mà không biết vì sao anh dành cho tôi, đôi khi anh không dám nói trước. Tuy thế, anh lại rất vui khi tôi nói chuyện với anh. Tôi hỏi thăm anh về vùng Kavkaz, về cuộc sống trước đây. Các anh trai anh không ai cản trở chúng tôi nói chuyện, thậm chí họ còn thích nghe nữa. Khi thấy tôi ngày càng yêu mến Alei hơn thì họ cũng càng trìu mến tôi hơn.

Anh Alei giúp tôi làm việc, đỡ đần tôi những gì có thể và rõ ràng là anh vui khi làm tôi sống nhẹ nhàng hơn và chiều ý tôi, trong cách chiều đó anh không hề có mặc cảm thấp kém nào cả, cũng không tìm cách trục lợi, đó chỉ là một tình cảm ấm cúng, thân ái mà anh không hề giấu giếm. Hơn nữa anh còn có nhiều tài lẻ về cơ khí: anh biết may quần áo khá lành nghề, biết khâu giày và khá thạo nghề mộc. Các anh của anh đều khen ngợi và tự hào về anh.

Một hôm tôi bảo anh:

- Này anh Alei, tại sao anh không học đọc, học viết tiếng Nga nhỉ? Anh biết không, điều ấy có lợi cho anh cả bây giờ ở Sibir lẫn mai sau nữa.

- Tôi muốn lắm chứ. Nhưng học ai được?

- Ở đây khối người giỏi! Nếu anh muốn thì tôi giúp anh?

- Vậy thì xin ông dạy tôi đi! -Nói thế rồi anh ngồi nhỏm dậy, chắp tay nhìn tôi như tụng niệm.

Từ chiều hôm sau chúng tôi vào việc. Tôi có bản kinh Tân ước bằng tiếng Nga, đó là sách không bị cấm trong trại. Không có sách vỡ lòng, chỉ bằng một cuốn đó mà độ vài tuần anh đã đọc thạo. Ba tháng sau anh đã thông hiểu ngôn ngữ trong sách. Anh học thật say mê, nồng nhiệt.

Một hôm chúng tôi ngồi đọc hết Bài giảng Trên núi. Tôi thấy một số đoạn anh đọc lên với một xúc cảm đặc biệt.

Tôi hỏi anh rằng đoạn đọc vừa rồi anh có thích không.

Anh nhìn tôi rất nhanh rồi đỏ mặt lên:

- Hay quá, hay quá! - Anh nói. - Thánh Isa tiên tri đã nói, thánh, Isa đã nói. Tuyệt vời quá!

- Anh thích nhất là điều gì?

- Thích nhất chỗ Ngài nói: hãy tha thứ, hãy yêu thương, hãy đừng làm phật lòng ai, ngay cả kẻ thù cũng hãy yêu thương. Chà, sao Ngài nói hay đến thế nhỉ!

Anh quay đầu sang những người anh đang chăm chú nghe câu chuyện của chúng tôi và sôi nổi nói gì với họ. Họ nói với nhau rất lâu và rất nghiêm túc, thỉnh thoảng lại quay đầu khẳng định. Rồi sau đó, với một nụ cười trang nghiêm thân thiện, một nụ cười thuần túy Hồi giáo (nụ cười mà tôi rất yêu mến, bởi tôi yêu chính cái tính trang trọng của nụ cười ấy) họ hướng về phía tôi và khẳng định rằng Isa là thánh tiên tri và rằng Ngài đã làm những việc kỳ diệu vĩ đại, chẳng hạn Ngài đã nặn đất sét thành một con chim, thổi hồn vào nó và nó bay lên... và rằng trong sách đã viết đúng như thế. Nói ra điều ấy họ hoàn toàn tin rằng họ đã làm tôi rất mực hài lòng khi ca ngợi thánh Isa, còn Alei thì thật hạnh phúc bởi lẽ các anh em đã dám quyết và đều muốn cho tôi được mãn nguyện.

Việc học viết của chúng tôi cũng thành công mỹ mãn. Alei lấy giấy ra (anh không cho phép tôi mua giấy bằng tiền của tôi), lấy bút và mực. Anh đã tập viết suốt hai tháng liền và đã viết rất tốt. Điều đó khiến mấy ông anh hết sức kinh ngạc. Niềm tự hào và vui sướng của họ thật là vô hạn. Họ không còn biết cám ơn tôi bằng cách nào được. Lúc đi làm, nếu có dịp đứng bên nhau, khi dừng tay là họ giúp đỡ tôi và coi đó là niềm hạnh phúc. Tôi quên không nói đến Alei. Anh yêu tôi như yêu các ông anh ruột. Tôi sẽ không thể nào quên được lúc anh ra trại. Anh dẫn tôi ra đằng sau trại rồi bá cổ tôi mà khóc. Trước đây anh chưa hôn tôi và chưa bật khóc bao giờ. “Ông giúp tôi nhiều quá, nhiều quá: ông đã giúp tôi nên người. Rồi Trời sẽ đền công cho ông, tôi không bao giờ quên ông đâu”.

Bây giờ Alei tốt bụng thân yêu, thân quí của tôi ở đâu, ở đâu...

Ngoài những anh em Chérkes trong trại còn một số người Ba Lan, tạo thành hẳn một gia đình riêng, gần như không có liên hệ gì với các trại nhân khác. Tôi đã nói rằng vì họ tách rời mọi người, vì họ có lòng căm giận các trại nhân Nga, nên về phần mình họ cũng bị mọi người căm giận. Đó là những con người trầm uất, ốm đau. Tổng cộng họ có sáu người. Một vài người trong đó là có trình độ học vấn khá; số này tôi sẽ nói riêng và chi tiết sau. Đôi khi, trong những năm cuối cùng của tôi trong trại, tôi cũng mượn được của họ một vài cuốn sách. Cuốn đầu tiên tôi đọc đã để lại cho tôi một ấn tượng đặc biệt, mạnh mẽ, lạ kỳ. Về những ấn tượng này khi có dịp tôi lại sẽ nói riêng. Đối với tôi những ấn tượng đó

thật đáng tò mò và tôi tin rằng nhiều người không hiểu được chúng. Nếu ta không trải qua thì ta không thể phê phán nhiều điều. Tôi chỉ xin nói một chuyện: những thiếu thốn tinh thần còn khổ cực hơn mọi nỗi đau khổ thể chất. Một người bình dân vào trại là đến với xã hội của mình, thậm chí có thể là bước vào một xã hội phát triển hơn. Tất nhiên anh ta cũng có nhiều mất mát - tổ quốc, gia đình, tất cả, nhưng môi trường của anh ta thì vẫn thế. Còn một người có học, theo luật pháp bị trừng phạt như người bình dân, thì thường thấy mất mát to lớn hơn gấp bội. Anh ta phải kìm hãm mọi nhu cầu của bản thân, mọi thói quen, phải bước vào một môi trường rất thiếu thốn đối với anh ta và phải tập hít thở bầu không khí không phải của mình... Đó là con cá bị kéo lên nằm trên bờ cát. Và thường thường hình phạt theo luật định chung cho mọi người ấy lại khổ ải hơn gấp mười lần đối với anh ta. Đó là một sự thật, thậm chí nếu như nó chỉ đụng chạm đến những thói quen vật chất mà ta cần phải hy sinh.

Những người Ba Lan đã họp thành một nhóm riêng đặc biệt. Họ có sáu người luôn ở bên nhau. Trong tất cả các tù nhân ở đây họ chỉ yêu thương có một người Do Thái, và có thể chỉ vì một lẽ duy nhất là hắn luôn làm trò vui cho họ. Anh chàng Do Thái này thậm chí còn được các tù nhân khác yêu mến, mặc dù tất cả mọi người không trừ một ai đều cười diễu hắn. Ở chỗ chúng tôi hắn là người duy nhất và tôi cho đến bây giờ cũng không thể nghĩ đến hắn mà không tức cười. Mỗi lần tôi nhìn thấy hắn tôi đều nhớ đến nhân vật Do Thái của Gogol là Jankel trong tiểu thuyết “Taras Bulba”, anh chàng cởi hết quần áo chui vào một cái tủ qua đêm với mụ vợ Do Thái thì giống hệt như một con gà con. Còn Isai Fomich, chàng Do Thái của chúng tôi, thì giống chú gà con bị vặt sạch lông như hai giọt nước. Hắn ta không còn trẻ nữa, tuổi gần năm mươi, người nhỏ bé, yếu ớt, láu cá nhưng đồng thời lại đần độn hết chỗ nói. Hắn ta ngang ngạnh, ương bướng, nhưng lại hèn nhát kinh khủng. Toàn bộ con người hắn nhăn nhúm, trán và má bị đóng dấu lúc phải lên đài chịu tội. Tôi không thể hiểu được vì sao hắn lại chịu đựng được tới sáu mươi roi. Hắn đến đây vì bị buộc tội giết người. Hắn đã dấu đi một cái đơn thuốc mà mấy mụ Do Thái lấy được của bác sĩ mang đến cho hắn ngay sau khi hắn chịu tội. Theo đơn này hắn mua được một loại dầu cao, nhờ đó mà sau hai tuần các dấu đóng đã bong ra. Hắn không dám sử dụng thuốc này trong trại, nhưng quyết chờ hết hạn mười hai năm tù, về quê rồi thế nào cũng dùng đến đơn thuốc. Một hôm hắn nói với tôi giọng lơ lớ: “Không có cái thuốc này thì không lấy vợ được, mà tôi muốn lấy vợ ngay”. Tôi cũng chơi thân với hắn. Tinh thần hắn lúc nào cũng hết sức thư thái. Trong tù hắn sống nhẹ nhàng,

có nghề kim hoàn, nhận được rất nhiều đơn đặt từ thị trấn, nơi không có thợ kim hoàn, nhờ thế hắn khỏi phải làm những việc nặng nhọc. Hiển nhiên là hắn cũng cho vay nặng lãi, dùng tiền thu lãi suất và hàng cầm đồ khắp trại. Hắn vào trại trước tôi. Một người Ba Lan đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe chuyện ngày hắn nhập trại. Đó là câu chuyện cực kỳ khôi hài, sau này tôi sẽ kể lại, về Isai Fomich. Về người này tôi sẽ nói đến nhiều lần nữa.

Nhóm còn lại trong lán trại tôi gồm bốn ông già mọt sách cựu giáo, trong đó có ông già ở Starodubovsk, hai ba người Tiểu Nga, những con người u uất, một anh chàng có gương mặt thanh tú, chiếc mũi nhỏ nhắn, tuổi chừng hăm ba mà đã can tội giết chết tám nhân mạng, một số người làm bạc giả, trong đó có một người chuyên gây cười cho cả trại, và cuối cùng có một số nhân vật lúc nào cũng ủ ê sầu não, đầu cạo trọc hếu, mặt mũi méo mó, trầm lặng mà ganh tị, lúc nào cũng nghiêng ngó một cách thù hận nhìn ra xung quanh và cố tình nhìn người như thế, cau có, lặng thinh như thế và thù hận như thế suốt bao nhiêu năm, suốt cả thời kỳ ở trại. Tất cả những thứ đó chỉ thoáng qua trước mắt tôi trong buổi chiều tối đầu tiên buồn tẻ trong cuộc sống mới của tôi, thoáng qua giữa khói bụi và mồ hóng, giữa những tiếng chửi thề và thói thô tục không diễn tả được, trong bầu không khí ma muội, trong tiếng gông xiềng loảng xoảng và giữa những tiếng cười hô hố dơ dáy và trâng tráo. Tôi nằm xuống lớp sàn gỗ mộc, lót một cái áo xuống gáy (tôi chưa có gối), đắp lên người một chiếc áo khoác tu-lúp, nhưng mãi không sao ngủ được, mặc dù tôi đã rất mệt mỏi và tan nát tinh thần vì những ấn tượng ma mị và bất chợt của ngày đầu tiên đó. Nhưng cuộc sống mới của tôi mới chỉ bắt đầu. Biết bao điều còn đang đợi tôi phía trước, những điều tôi chưa bao giờ nghĩ tới và chưa dự đoán được...

V

THÁNG ĐẦU TIÊN

Ba ngày sau khi nhập trại, tôi phải đi làm. Ngày đầu tiên khổ sai có ấn tượng rất lớn đối với tôi, mặc dầu suốt ngày đầu ấy không xảy ra điều gì đặc biệt cả, nhưng ít ra thì tôi cũng đã lưu tâm đến tất cả những điều rất đặc biệt trong hoàn cảnh của tôi. Ba ngày đầu tôi đã trải qua với những cảm xúc thật là nặng nề. "Thế là hết những chuyến phiêu du. Tôi đã ở trong trại tù rồi", - tôi nghĩ như thế từng giây từng phút, - đây đã là bến đỗ của tôi trong những tháng năm dài, là góc đời mà tôi phải bước vào với cái cảm giác bất tín và bệnh hoạn... mà ai biết cho tôi chứ. Cũng có thể nhiều năm sau, khi tôi đã xa rời trại, tôi lại nhớ tiếc hay chăng? - Tôi nghĩ thêm như thế, có pha một chút hả hê, cái cảm giác đôi khi dẫn tới nhu cầu cố tình chạm vào vết thương của mình, tựa hồ muốn quan sát nỗi đau của mình, tựa hồ như trong khi thức nhận tầm vóc vĩ đại của sự bất hạnh ta lại thật sự tìm thấy khoái lạc. Cái ý nghĩ là được ngày ngày thương xót cái góc thân phận người lại làm cho chính tôi đây phải kinh ngạc: ngay từ đó tôi đã dự cảm rằng con người ta dễ thích nghi đến mức ghê gớm. Nhưng đó là chuyện mai sau, còn bây giờ xung quanh tôi tất cả đều là thù địch và khủng khiếp... mặc dù không phải là tất cả, nhưng tôi cho rằng chắc phải như thế. Đó là sự tò mò hoang dã mà với con mắt đó các bạn bè đồng trại nhìn ngắm tôi, đó là sự khô khan bội phần của họ đối với một trại nhân mới thuộc giới quý tộc xuất hiện trong cộng đồng của họ, sự khô khan đôi khi đạt gần tới mức căm thù - tất cả những điều ấy làm tôi kinh hoàng tới mức bản thân tôi chỉ muốn mau mau đi làm để được mau mau thức nhận và nếm trải ngay lập tức nỗi khốn cùng của tôi, để bắt đầu được sống như tất cả bọn họ, để mau chóng được bước đi chung một lối mòn với họ. Hiển nhiên là khi đó còn nhiều điều tôi chưa nhận ra và chưa ngờ tới, rằng ngay trước mũi tôi đây giữa không khí thù địch tôi vẫn chưa đoán ra được đâu là nguồn vui. Tuy nhiên, cũng có đôi ba gương mặt lịch thiệp, dịu hiền mà tôi gặp được thậm chí ngay trong ba ngày đầu tiên cũng ít nhiều khiến tôi sảng khoái. Người dịu dàng và ân cần với tôi nhất là Akim Akimych. Trong số những khuôn mặt đăm chiêu, thù oán của các trại nhân khác tôi không thể không nhận thấy cũng còn một vài người đôn hậu và vui vẻ. "Đâu đâu cũng có

những con người tồi tệ, nhưng trong đó vẫn có những con người tốt, - tôi vội nghĩ thế để tự an ủi, ai mà biết được? Có thể, những con người đó nói chung là không tồi tệ hơn những người khác, *những người còn lại*, những người *còn đang ở đây*, trong trại tù này". Tôi nghĩ thế và tôi lại tự lắc đầu trước ý nghĩ của mình, thế mà, lạy Chúa tôi! Giá mà khi đó tôi biết rằng cái ý nghĩ ấy đúng đắn biết bao!

Chẳng hạn như ở đây có một người mà mãi bao nhiêu năm sau này tôi mới nhận chân ra được, trong khi người đó vẫn thường xuyên bên tôi hầu như trong suốt cuộc sống tù đày, đó là anh Sushilov. Bây giờ cứ mỗi khi nói đến các trại nhân, những người *không tồi hơn* những người khác, thì bất giác tôi lại nhớ đến anh. Anh là người chịu giúp đỡ tôi. Tôi cũng còn một người chịu giúp đỡ khác. Akim Akimych ngay từ đầu, ngay từ những ngày đầu tiên đã giới thiệu cho tôi một trại nhân là Osip. Ông nói rằng chỉ cần ba mươi cô-pếch một tháng là hàng ngày anh ta sẽ nấu cho tôi những món ăn đặc biệt, nếu như tôi không ăn được những món trong trại và nếu như tôi có tiền rủng rỉnh. Osip là một trong bốn đầu bếp được các trại nhân bình chọn đưa vào hai nhà bếp của chúng tôi, mặc dù mọi người vẫn để cho anh có quyền tự do được chấp nhận hay không chấp nhận cuộc bình chọn ấy, và dù có chấp nhận thì anh vẫn có thể ngay ngày mai lại chối từ cũng vẫn được. Các đầu bếp thì không phải đi làm. Nhiệm vụ của họ là nướng bánh mỳ và nấu canh. Ở đây chúng tôi không gọi họ là đầu bếp, mà là *hỏa gia thị* (danh từ giống cái), thế nhưng đó không phải là khinh thị, ngược lại, được chọn vào nhà bếp là những người thông minh và trung thực hết sức, và vì thế đó là cách gọi đùa thân yêu và các đầu bếp không hề tự ái chút nào. Osip hầu như bao giờ cũng được bầu chọn và hầu như suốt mấy năm liền anh được là hỏa gia thị và cũng đôi khi anh từ chối một thời gian, khi anh có điều gì hết sức đau lòng, ngoài ra anh còn cái thú đi chở rượu nữa. Anh là người đứng đắn và hiền hậu hiếm thấy, mặc dù anh đến đây vì tội buôn lậu. Đó chính là cái anh chàng buôn lậu cao kều, khỏe mạnh mà tôi đã có nhắc đến. Anh ta nhát như thỏ đế, sợ mọi thứ, nhất là roi vọt, anh sống hiền lành, vô tư, ân cần với mọi người, *không bao giờ* cãi lộn với ai, nhưng lại không thể không đi chở rượu, dù hết sức nhút nhát, chỉ do niềm say mê buôn lậu. Anh cùng với những đầu bếp khác cũng họp nhau buôn rượu, mặc dù, tất nhiên, không tới quy mô chẳng hạn như Gazin, bởi lẽ anh không đủ can đảm chịu rủi ro nhiều. Tôi bao giờ cũng được sống yên ổn bên anh Osip. Còn về khoản tiền nong để có những món ăn ngon thì cũng hết sức ít ỏi. Tôi không nhầm nếu tôi nói rằng mỗi tháng tôi chỉ phải chi cho chuyện ăn uống một đồng rúp bạc, tất nhiên là không nói đến bánh mỳ là khẩu phần của trại, và

đôi khi không tính món canh, nếu như tôi rất đói, mặc dù tôi rất ghét món đó, sau này cảm giác đó gần như hoàn toàn hết hẳn. Thường thường tôi mua một miếng thịt bò, một *funt* cho một ngày. Mùa đông thịt bò tính bằng tiền xu. Đi chợ mua thịt bò ở chợ là một trong số thương binh, mỗi khu trại có một thương binh trông coi trật tự nội vụ, những người này tự nguyện nhận nhiệm vụ hàng ngày đi chợ mua thức ăn cho trại nhân và hầu như không nhận một đồng tiền công nào, cùng lắm cũng chỉ mấy đồng xu nhỏ thôi. Họ làm thế để tự yên tâm, nếu không thì họ cũng không yên trong trại được. Như vậy là họ thường mang về thuốc lá, trà, thịt bò, bánh mỳ và các thứ khác nữa, có chăng chỉ là thiếu rượu mà thôi. Suốt mấy năm liền Osip làm cho tôi món thịt bò rán. Thịt bò được rán như thế nào thì đó lại là chuyện khác, mà vấn đề của chúng ta không phải ở chỗ đó. Điều thú vị là suốt mấy năm tôi không phải nói với Osip một lời nào. Đã nhiều lần tôi định gợi chuyện, nhưng dường như anh ta không biết nói chuyện: anh ta chỉ cười cười hay đáp lại là *có* hoặc *không*, thế thôi. Anh ta trông giống cậu bé Héc-quyn 7 tuổi và thậm chí chỉ cần nhìn anh là đã thấy lạ mắt rồi.

Nhưng ngoài Osip ra, trong số những người hay giúp đỡ tôi còn có Sushilov. Tôi không hề nhờ vả anh ta và cũng không tìm kiếm anh ta. Dường như anh ta tự đến tìm tôi, bảo tôi giao việc, thậm chí tôi cũng không nhớ chuyện ấy xảy ra khi nào và như thế nào. Anh ấy nhận giặt giũ cho tôi. Đằng sau khu trại có một hố giặt lớn. Bên trên hố này là các máng giặt quần áo trại nhân. Ngoài việc đó Sushilov còn nghĩ ra hàng ngàn những việc lặt vặt để chiều ý tôi: đun cho tôi ấm trà, chạy đi chạy lại việc này việc kia, đi tìm một cái gì đó, mang cái áo của tôi đi sửa, một tháng bốn lần đánh bóng cho tôi đôi ủng; tất cả những việc đó anh làm cần mẫn, năng nổ, tựa như Thượng đế biết anh phải có những nghĩa vụ gì - tóm lại, anh đã gắn bó số mệnh mình với tôi và nhận gánh vác mọi việc của tôi. Anh chẳng bao giờ nói ra, thí dụ “Ông có từng này cái áo, cái áo khoác của ông rách rồi” v.v... mà chỉ nói “Bây giờ *chúng ta* có từng này cái áo, cái áo khoác của *chúng ta* rách rồi”. Rồi anh ta nhìn vào mắt tôi, dường như coi đó là mục đích chủ yếu của cả đời mình. Anh không có nghề riêng gì, anh em trại nhân gọi là *nghề tay*, và dường như anh ta chỉ kiếm được mấy đồng xu của tôi mà thôi. Tôi trả công cho anh theo khả năng của mình, tức là chỉ mấy xu thôi và bao giờ anh cũng lặng lẽ hài lòng. Anh không thể phục vụ cho bất kỳ ai khác và dường như anh ta chọn tôi chỉ vì tôi sởi lởi hơn những người khác và thẳng thắn hơn trong cách thanh toán. Anh ta thuộc vào những người không bao giờ có thể làm giầu và khấm khá hơn, những người thường nhận việc canh giữ cho mai-đan, phải

đứng suốt đêm trong phòng trước lạnh giá để nghe ngóng mỗi tiếng động ngoài sân, canh chừng tên thiếu tá và suốt đêm như thế cũng chỉ nhận được năm cô-pếch bạc, còn nếu canh hỏng thì mất hết đã đành, lại còn đem lưng chịu đòn nữa. Về những người này tôi đã nói rồi. Đặc điểm của những con người này là xóa sạch cá nhân mình vĩnh viễn ở khắp nơi và hầu như trước bất kỳ ai, còn trong những việc chung thì họ đóng vai trò không phải là thứ yếu, mà là đến tam yếu. Những chuyện ấy đối với họ dường như thuộc về bản chất. Sushilov là một anh chàng rất đáng thương, hoàn toàn nhịn nhục và hạ mình, thậm chí khiếp nhược, mặc dù không ai đánh anh, nhưng bản chất anh là vẫn khiếp nhược. Không hiểu sao tôi luôn có lòng thương cảm anh. Thậm chí tôi không thể nhìn anh mà không thấy thương cảm. Vì sao tôi thương cảm thì chính tôi cũng không trả lời được câu hỏi đó. Nói chuyện với anh tôi cũng không thể, vì anh ta cũng không biết nói chuyện, và rõ ràng là đối với anh đó là một công việc lao động to tát. Anh chỉ có thể trở nên sống động khi có người trao cho anh một việc gì đó để làm, yêu cầu anh chạy đi đâu đó làm một cái gì đó để kết thúc cuộc chuyện. Cuối cùng, thậm chí tôi đã tin rằng bằng cách đó tôi đã đem đến niềm thỏa mãn cho anh. Anh có khổ người không cao, không thấp, không tốt mà cũng không xấu, không khôn ngoan cũng không đần độn, không trẻ không già, mặt hơi sần sùi nhưng da khá trắng. Về anh thì không bao giờ có thể nói một điều gì dứt khoát được. Chỉ có thể một điều rằng: như tôi cảm thấy và theo những gì tôi nhận đoán được thì anh đã thuộc vào một nhóm bạn bè như kiểu Sirotkin, và anh chơi với họ chỉ vì một lẽ anh là người khiếp nhược và nhịn nhục. Anh em trại nhân đôi khi diễu cợt anh, chủ yếu chỉ vì anh đã *đổi phận* trên đường đi, khi cùng tốp tù nhân đến Sibir, và anh đã đổi phận như thế chỉ vì một chiếc áo màu đỏ và một đồng rúp bạc. Chỉ vì cái giá bèo bọt ấy anh đã bán rẻ bản thân mình và bị các trại nhân cười diễu. Đổi phận có nghĩa là đã đổi tên với ai đó và như thế là đổi cả số phận. Mặc dù sự kiện này có vẻ là rất kỳ lạ, nhưng nó có thật, và khi tôi còn ở đấy thì nó vẫn còn tồn tại giữa những trại nhân được dẫn độ đến Sibir, được trở thành truyền thuyết và được định chế bằng một số hình thức. Đầu tiên tôi không tin, mặc dù cuối cùng tôi cũng phải tin như một việc nhỡn tiền.

Sự việc là như thế này. Chẳng hạn, có một tốp tù nhân được dẫn độ về Sibir. Trong tốp có đủ loại người: đi khổ sai, đi nhà máy, đi làm dân, tất cả cùng đi với nhau. Đến một đoạn nào giữa đường, chẳng hạn, đến tỉnh Perm có một người đi đày muốn đổi phận với một người khác. Thí dụ, có một anh chàng là Mikhailov mắc tội giết người hay một trọng tội nào đó, cho rằng đi lao dịch nhiều năm là

không lợi cho mình. Cứ cho rằng đó là một anh chàng ma mãnh, lõi đời, biết việc; anh ta nhòm ngó trong tốp tù nhân có một người giản dị hơn, khiếp nhược hơn, nhịn nhục hơn và người đó chịu hình phạt tương đối thấp hơn: hoặc là đi nhà máy một thời gian ngắn, hoặc đi làm dân biệt xứ, hoặc thậm chí là đi lao dịch nhưng thời hạn ngắn. Cuối cùng hắn tìm được Sushilov. Sushilov là con nhà nông nô và chỉ phải đi làm dân biệt xứ mà thôi. Anh đã đi bộ một ngàn năm trăm véc-sta, chắc chắn là không có một xu nào dính túi, bởi vì Sushilov chẳng bao giờ có một xu nào cả, - anh đi bộ đến mệt mỏi rã rời, chỉ trông vào mấy miếng ăn được cấp phát, không có một tí đường ngọt vào miệng, chỉ mặc cái áo được cấp phát, nên phải hầu hạ mọi người lấy mấy đồng xu tàn tệ. Mikhailov đã mặc cả với Sushilov, hai bên gặp nhau, thậm chí chơi với nhau, cuối cùng đến một giai đoạn nhất định thì Mikhailov chuốc rượu cho anh ta. Cuối cùng hắn đề nghị với anh: anh có muốn đổi phận không? Hắn nói rằng tôi là Mikhailov, tôi thế này thế kia, tôi đi lao dịch mà cũng không phải lao dịch, mà là đến “một đơn vị đặc biệt” gì đó. Đơn vị ấy dù là khổ sai, nhưng là khổ sai đặc biệt, chắc chắn tốt hơn. Về cái đơn vị đặc biệt này trong suốt thời gian tồn tại của nó ngay cả giới chỉ huy cũng không phải ai cũng biết rõ, ngay cả ở Peterburg cũng vậy. Đó là một khu đặc biệt, riêng rẽ, một trong những khu của Sibir, và nó vắng vẻ đến nỗi (lúc tôi ở đó thì chỉ có đến bảy mươi người) khó lòng có thể lần ra dấu vết của nó. Sau này tôi gặp những người đã từng làm việc và hiểu biết Sibir, nhưng họ cũng mới lần đầu tiên được nghe tôi nói về sự tồn tại của “phân trại đặc biệt” này. Về phân trại này thì trong các Bộ luật cũng chỉ nói đến có sáu dòng thôi “Thành lập một phân trại đặc biệt trực thuộc một trại tù để giam giữ những phạm nhân đặc biệt quan trọng, cho đến khi ở Sibir mở ra những công trường lao dịch nặng nhọc nhất”. Ngay cả bản thân các phạm nhân của “phân trại” này cũng không biết rằng phân trại đó là vĩnh cửu hay là tạm thời? Thời hạn cũng không quy định, mà chỉ nói - cho đến khi ở Sibir mở ra những công trường lao dịch nặng nhọc nhất, có nghĩa là “nó đi song song” với nhà tù khổ sai. Do vậy, ngay cả Sushilov và bất kỳ ai trong tốp tù nhân đều không biết, không loại trừ cả Mikhailov bị đi đày và cũng chỉ mang máng biết về phân trại đặc biệt thông qua việc đánh giá trọng tội của mình, một tội ác hết sức nặng nề mà vì nó hắn đã trải qua ba hay bốn ngày tù rồi. Từ đó suy ra rằng người ta sẽ không giải hắn đến một nơi tốt lành. Sushilov chỉ phải đi làm dân biệt xứ, như thế còn gì tốt hơn nữa? “Cậu có muốn đổi phận không?” Sushilov đã ngà ngà say, tâm hồn giản dị, đầy lòng biết ơn chàng Mikhailov chăm nom cho mình và chính vì thế mà không

dám từ chối. Hơn thế nữa, khi đi trong tốp anh đã nghe nói rằng việc đổi phận là có thể được, những người khác cũng đã đổi rồi, như vậy cũng chẳng có gì là bất bình thường và bất tri kỳ thanh cả. Hai bên đã thỏa thuận. Cái thằng Mikhailov vô lương tâm lợi dụng được tính thuần phác đặc biệt của Sushilov đã mua tên anh ta bằng một cái áo sơ mi màu đỏ và một đồng rúp bạc, trao tay cho anh trước mắt những người làm chứng. Ngày hôm sau Sushilov không còn say nữa, nhưng anh lại được chuốc rượu, mà từ chối thì lại xấu mặt: đồng rúp bạc nhận được đã bị uống hết, cái áo đỏ chỉ ít hôm sau cũng thế. Nếu không muốn thì đưa tiền đây. Mà Sushilov thì lấy đâu ra cả một rúp bạc? Không trả thì hội ấy bắt phải trả: hội ấy theo dõi việc này rất sát sao. Đã hứa rồi là phải thực hiện - hội ấy bắt phải thế. Nếu không thì chúng ăn thịt. Có thể là đánh nhừ tử, hoặc đơn giản là giết chết, ít ra thì cũng dọa cho khiếp đảm.

Thật vậy, nếu hội này gia ân một lần, thì cái lệ đổi tên sẽ chấm dứt. Nếu có thể từ bỏ lời hứa và vi phạm những điều đã mặc cả, trong khi đã nhận tiền rồi, thì sau này còn ai thực hiện nữa? Tóm lại, đây là việc chung của hội và vì thế cả tốp cũng rất nghiêm khắc đối với việc đó. Cuối cùng Sushilov thấy rằng không thể van nài được nữa, anh đành liều đồng thuận hoàn toàn. Toàn tốp được nghe tuyên bố: ai cần thì sẽ được tặng quà và chuốc rượu. Còn Mikhailov hay Sushilov, ai phải đi đến nơi khỉ ho cò gáy thì cũng được; rượu thì đã uống rồi, thết đãi thì thết đãi rồi, còn bây giờ thì cả hai người đều im lặng. Ngay chặng đường đầu họ phải điểm danh. Đến lượt Mikhailov, người ta gọi “Mikhailov!” thì Sushilov kêu lên “*Tôi đây*!”, khi gọi “Sushilov!” thì Mikhailov kêu lên “*Tôi đây*!”, và cứ thế mà tập. Về chuyện này không ai nói gì thêm nữa. Đến Tobolsk những người bị đi đày được phân loại. “Mikhailov” được nhập vào nhóm biệt cư, còn “Sushilov” được tăng cường áp tải và được dẫn độ đến phân trại đặc biệt. Sau đó không thể có sự phản đối nào cả; mà thực tế thì lấy gì làm bằng? Sự việc như thế này sẽ còn kéo dài bao nhiêu năm nữa? Hậu quả sẽ ra sao? Cuối cùng thì những người làm chứng đâu rồi? Nếu như họ có thì họ cũng sẽ chối phắt. Kết quả là thế: Sushilov nhận một đồng rúp bạc và một chiếc áo đỏ thì phải đến “phân trại đặc biệt”.

Các trại nhân cười diễu Sushilov không phải vì anh ta đổi phận (mặc dù nói chung người ta vẫn khinh bỉ những kẻ đổi phận, đổi từ việc nhẹ nhàng sang việc nặng nhọc, như khinh bỉ những kẻ ngu đần rơi vào thế bí), mà cười vì anh chỉ lấy có một chiếc áo đỏ và một đồng rúp bạc, là cái giá quá ư bèo bọt. Thông thường người ta đổi phận để lấy một khoản tiến lớn, tất nhiên cũng là xét một cách

tương đối. Người ta nhận thậm chí là mấy chục rúp. Nhưng Sushilov là người nhẫn nhịn, khiếp nhược và là vô giá trị đối với mọi người, thế nên người ta cũng không diễu cợt anh nữa.

Tôi sống với Sushilov khá lâu, được đến mấy năm. Dần dà anh gắn bó với tôi quá. Tôi không để ý đến việc đó, nên cũng rất thân với anh. Nhưng một hôm - tôi không bao giờ có thể tha thứ cho mình chuyện này - anh không hoàn thành được một việc gì đó theo yêu cầu của tôi, thế nhưng anh vẫn nhận tiền, nên tôi đã nổi giận mà bảo “Này, anh Sushilov, anh đã lấy tiền mà lại không làm việc”. Sushilov lặng thinh, chạy đi làm nốt việc của tôi, nhưng rồi không hiểu sao mặt bỗng buồn thiu. Hai ngày trôi qua. Tôi nghĩ: không có lẽ anh buồn vì lời lẽ của tôi. Tôi biết rằng có một trại nhân tên là Anton Vasiliev cứ nằng nặc đòi anh một món nợ có mấy xu. Chắc hẳn anh không có tiền, nhưng sợ vay tôi. Ngày thứ ba tôi bảo anh “Này anh Sushilov, chắc anh muốn vay tiền tôi để trả cho Anton Vasiliev phải không? Tiền đây!”. Lúc đó tôi đang ngồi trong lán, Sushilov đứng trước mặt tôi. Chắc là anh rất sửng sốt vì chính tôi lại đưa tiền cho anh, lại nhắc đến tình thế khó xử của anh, hơn nữa thời gian gần đây, theo ý anh, anh đã nhận của tôi quá nhiều tiền rồi, cho nên anh cũng không dám hy vọng rằng tôi đưa thêm nữa. Anh nhìn những đồng xu rồi nhìn tôi, rồi bỗng nhiên anh quay người chạy đi. Toàn bộ sự kiện làm tôi rất kinh ngạc. Tôi đi theo anh và thấy anh ở phía sau trại. Anh đứng cạnh hàng rào, mặt quay về phía cọc rào, một tay ôm đầu, dựa vào cọc. Tôi hỏi: “Anh Sushilov, anh làm sao thế?” Anh không nhìn tôi, và tôi vô cùng ngạc nhiên nhận thấy rằng anh đã sắp khóc. Anh bắt đầu nói, giọng ngắt quãng và cố gắng nhìn đi chỗ khác: “Ông Aleksandr Petrovich... ông nghĩ rằng... tôi cầm tiền... của ông... còn tôi... thì... thì... chao ôi!” Anh quay mặt về phía hàng rào, đến nỗi đụng cả trán vào cọc - và anh cứ thế mà nức nở!... Lần đầu tiên trong trại tôi thấy có người khóc. Tôi cố an ủi anh, và mặc dù từ hôm ấy, nếu có thể được thì anh lại ân cần giúp đỡ tôi hơn và “trông nom tôi” hơn, nhưng qua một số biểu hiện dường như khó thấy tôi vẫn nhận ra rằng trái tim anh không bao giờ có thể tha thứ cho lời nói đụng chạm của tôi được. Trong khi đó những người khác vẫn cười nhạo anh, chọc ghẹo anh những khi có thể, mắng mỏ anh đôi khi nặng nề, - thế nhưng anh vẫn sống với họ êm đềm, thân ái, chẳng bao giờ bực bội cả. Ôi, hiểu được con người quả thật rất khó, thậm chí sau bao nhiêu năm dài quen biết!

Đó là lý do vì sao ngay từ cái nhìn đầu tiên tôi đã không thể hình dung được cảnh tù khổ sai một cách thực sự như mãi về sau. Cũng chính vì thế mà tôi nói

rằng nếu tôi nhìn mọi vật với sự chú ý thật cao độ thì tôi vẫn cứ không thể nhìn ra được nhiều những điều vẫn diễn ra ngay trước mũi tôi. Tất nhiên, ban đầu tôi kinh ngạc trước những hiện tượng lớn, nổi bật, nhưng ngay cả những hiện tượng ấy có thể cũng bị tôi cảm nhận sai lầm và chúng chỉ để lại trong lòng tôi một ấn tượng nặng nề, buồn đau vô vọng. Tăng cường thêm rất nhiều cho ấn tượng đó là cuộc gặp của tôi với A., là trại nhân đến sau tôi không lâu và khiến tôi kinh ngạc vì ấn tượng dằn vặt đặc biệt trong những ngày đầu tiên tôi đến trại. Thực ra, ngay từ trước khi nhập trại tôi đã được biết rằng đến trại tôi sẽ được gặp A. Chính anh đã đầu độc thời gian nặng nề đầu tiên này và làm cho nỗi đau lòng của tôi tăng lên. Tôi không thể không nói đến anh được.

Đây là một dẫn chứng ghê tởm nhất, về việc con người có thể sa đọa và trở thành đê tiện đến đâu, và đến mức nào con người có thể giết chết trong lòng mình mọi tình cảm đạo đức không khó khăn gì và không mảy may hối hận.

Tên A. là một thanh niên trẻ tuổi, gốc quý tộc mà tôi đã nhắc đến một phần nào đó bên trên, khi nói rằng hắn ta đã hóng hớt với tên thiếu tá tất cả những gì diễn ra trong trại và đã chơi thân với tên lính hầu của thiếu tá là Fedka. Tiểu sử tóm tắt của hắn như sau: hắn chưa học hết chương trình ở đâu và sau khi cãi nhau với gia đình ở Moskva vì gia đình e ngại những hành vi đồi trụy của hắn, hắn đã về Peterburg, và để kiếm tiền, hắn đã liều làm việc mật báo đê tiện, tức là liều bán máu của cả chục người hòng thỏa mãn ngay tức khắc khát vọng không kìm nén được đối với những thú vui thô bỉ và trụy lạc. Hắn bị Peterburg mê hoặc, bị những cửa hàng kẹo bánh, những phố phường buôn bán mê hoặc, nên cho dù không phải ngu đần, nhưng hắn đã suy đồi đến mức dấn thân làm một việc điên cuồng rồ dại. Chẳng mấy lúc hắn bị lật mặt: trong lời mật báo của mình hắn đã khai nhầm những người lương thiện, những người khác thì hắn lừa dối, và vì tội ấy hắn bị đày đi Sibir mười năm, vào trại chúng tôi. Hắn còn trẻ lắm, đối với hắn cuộc sống mới chỉ bắt đầu. Dường như lẽ ra sự biến động khủng khiếp này trong số phận phải làm cho hắn kinh hoảng, phải khiến bản thể của hắn bừng tỉnh mà chống trả, mà ngoặt sang lối khác. Thế nhưng hắn không hề có một chút bối rối nào khi chấp nhận số phận mới, thậm chí về mặt đạo lý hắn không cảm thấy ghê tởm chút nào trước số phận đó, không sợ hãi gì trong đó, có chăng là chỉ sợ cái yêu cầu bức thiết phải làm việc và phải xa rời những cửa hàng bánh kẹo và ba cái phố buôn bán kia. Thậm chí hắn còn cho rằng cái danh hiệu tù khổ sai chỉ càng nới tay cho hắn làm những việc đê tiện và bỉ ổi hơn nữa. “Tù khổ sai thì đã là tù khổ sai rồi; mà đã là tù khổ sai thì có thể là đê tiện, có gì

mà phải xấu hổ". Ý kiến của hắn đúng là như vậy. Tôi nhắc đến kẻ đê tiện này như một hiện tượng. Suốt mấy năm tôi sống giữa những kẻ giết người, những tên trụy lạc và những kẻ hung ác, nhưng tôi xin thành tâm nói rằng tôi chưa bao giờ trong đời gặp phải một hiện tượng tha hóa đạo đức hoàn bị đến như thế, đồi trụy đến tận cùng như thế và hèn hạ trắng trợn đến như thế. Ở chỗ chúng tôi có một người giết bố đẻ, cũng thuộc nòi quý tộc, tôi có nhắc đến ở trên, nhưng tôi xin đoan chắc rằng căn cứ vào nhiều nét cá tính và sự việc thì con người đó còn cao thượng hơn nhiều và có nhân tính hơn nhiều so với tên A. Theo con mắt của tôi thì trong suốt thời gian tôi ở trại tên A. đã trở thành và sẽ chỉ là một cục thịt có hai hàm răng và cái dạ dày cộng với cái thèm khát không bao giờ no đủ là được thỏa mãn xác thịt một cách thô bỉ nhất và thú vật nhất, và để có được một cơn thỏa mãn nhỏ bé nhất và kỳ cục nhất hắn sẵn sàng giết người, cắt cổ người một cách lạnh lùng, tóm lại, hắn sẵn sàng làm mọi việc, miễn sao bưng bít được sự việc. Tôi nói không ngoa rằng tôi đã hiểu kỹ tên A. Đó là ví dụ cho thấy mặt thể xác con người có thể tiến xa tới đâu và không có một thứ chuẩn mực và luật định nào kìm hãm được nó. Và tôi thấy thật ghê tởm khi cứ phải nhìn thấy cái nụ cười luôn luôn khinh bạc của hắn. Hắn là một thứ quái vật, một tên Quazimodo về mặt đạo đức. Xin bổ sung thêm rằng hắn còn rất tinh quái và thông minh, bảnh trai và phần nào đó lại có học, có nhiều năng khiếu. Không, thà phải chịu hỏa hoạn, dịch hạch và đói khát còn hơn phải có một người như thế ở trong xã hội! Tôi cũng đã nói rằng trong trại có một điều tệ hại là cái trò làm mật vụ và mật báo cứ nở rộ khắp nơi và anh em trại nhân cũng hoàn toàn không cáu giận nữa. Ngược lại, đối với tên A. mọi người đều rất thân thiện và còn tay bắt mặt mừng hơn hẳn đối với chúng tôi. Những ân huệ mà tên thiếu tá say rượu dành cho hắn đã làm cho hắn có giá trị và có trọng lượng trong con mắt của mọi người. Về phần mình hắn cũng đã làm tên thiếu tá tin rằng hắn có thể vẽ được chân dung (còn đối với các trại nhân thì hắn bảo rằng hắn vốn là đại úy cận vệ), và thế là tên thiếu tá yêu cầu cho hắn đến làm việc tại nhà tên đó, chắc hẳn là để vẽ chân dung cho chính thiếu tá. Tại đây hắn đã làm quen được với thằng lính hầu Fedka, thằng này lại có ảnh hưởng rất đặc biệt đến ông chủ, và như thế có nghĩa là có ảnh hưởng đến tất cả mọi người trong trại. Theo yêu cầu của thiếu tá hắn đã đi rình mò chúng tôi, thế mà tên này lúc say khướt vẫn cho hắn mấy cái tát và vẫn chửi rủa hắn là đồ mật vụ, là đồ hóng hớt. Thế nhưng sau những trận đòn roi tên thiếu tá vẫn ngồi vào ghế bắt hắn phải tiếp tục vẽ. Có lẽ tên thiếu tá thực sự tin rằng tên A. là một họa sĩ có tài gần được như cái ông

Bryullov mà hắn có nghe đến tên, nhưng dẫu thế hắn vẫn cho rằng mình có quyền được bạt tai tên A. Hắn vẫn nói rằng dù mày có là họa sĩ đi nữa thì vẫn cứ là một thằng tù khổ sai, dù mày có là một ông kiểu Bryullov đi nữa thì tao vẫn cứ là chỉ huy, có nghĩa là nếu tao muốn làm gì mày thì tao cứ làm. Có nhiều khi hắn bắt tên A. phải tháo ủng cho hắn, phải bưng bê từ trong phòng ngủ của hắn ra đủ các thứ bình lọ, nhưng một thời gian dài hắn vẫn cứ đinh ninh rằng A. là một họa sĩ vĩ đại. Bức chân dung của hắn kéo dài vô tận, gần hết năm rồi. Cuối cùng, tên thiếu tá đồ rằng người ta bịp hắn, và khi biết tỏng rằng bức chân dung không có hồi kết, và ngược lại, càng ngày lại càng không giống với hắn, thì hắn nổi giận bằng cách nện cho tên họa sĩ một trận nên thân rồi tống trở lại vào trại làm lao công nặng. Rõ ràng là tên A. thấy hối tiếc, hắn thấy đau khổ phải dứt bỏ những ngày nhàn hạ, những bữa ăn ân huệ của thiếu tá, dứt bỏ anh bạn Fedka, khỏi những thú vui mà hai đứa bày ra với nhau trong nhà bếp của thiếu tá. Tên A. ra đi thì thiếu tá cũng hết đường truy bức M., một trại nhân mà tên A. đã liên tục phải báo cáo, thế nhưng câu chuyện chỉ là thế này: trong thời gian tên A. vào trại thì M. rất đơn độc. Anh ta rất buồn; chẳng có chuyện gì để nói với các trại nhân khác, lúc nào cũng nhìn mọi người với con mắt sợ hãi, u tối, không nhận ra và cũng không để ý đến những gì có thể tác động đến mình một cách dung hòa, vì thế mà không chơi bời với họ. Những người kia cũng đáp lại bằng cách căm ghét anh. Nhìn chung, tình cảnh của những người như M. trong trại này là rất khủng khiếp. Cái nguyên nhân đưa A. vào trại thì M. lại không biết. Ngược lại khi A., biết được rằng mình đang cọ sát với ai, thì lập tức hắn làm cho M. tin rằng hắn bị lưu đày là vì hoàn toàn bị phản cung, cũng gần giống như cái nguyên nhân khiến M. vào trại. M. xiết bao mừng rỡ vì tìm được một người đồng cảnh, một người bạn. Anh đi theo hắn, an ủi hắn trong những ngày đầu nhập trại, vì cho rằng hắn ta ắt là phải đau khổ lắm, nên đã cho hắn cả đến những đồng tiền cuối cùng của mình, nuôi dưỡng hắn, chia sẻ với hắn mọi thứ đồ dùng cần thiết nhất. Thế nhưng tên A. ngay lập tức đã trở mặt căm ghét anh chỉ vì anh cao thượng quá, vì anh thấy kinh hoàng khi phải đối mặt với mọi sự đê tiện, và cũng vì anh hoàn toàn không giống với hắn, thành thử tất cả những gì M. đã kể với hắn trong những câu chuyện trước đây về nội tình trong trại, thì lập tức có dịp là hắn tâu hót với tên thiếu tá. Vì lẽ đó mà tên thiếu tá đem lòng căm ghét và đày đọa M., và nếu không có vai trò của quan trên thì M. đã gặp đại họa. Tên A. chẳng hề ngượng ngập chút nào khi M. biết chuyện đê tiện của hắn, thậm chí hắn còn thích tìm gặp M. hơn và lúc nào cũng mỉa mai nhìn anh. Có lẽ làm như

thế hắn lại thấy thỏa mãn. Chính M. đã mấy lần chỉ cho tôi thấy. Cái tên khốn nạn này về sau đã chạy trốn cùng với một tù nhân và một tên áp tải, nhưng chuyện trốn trại này tôi sẽ kể sau. Thời kỳ đầu hắn cũng xun xoe với tôi, khi nghĩ rằng tôi không hay biết gì chuyện của hắn. Tôi xin nhắc lại rằng chính hắn đã đầu độc những ngày đầu vào trại của tôi bằng một nỗi buồn đau ghê gớm. Tôi cũng rất kinh hãi cái thói đê mạt khốn kiếp mà tôi đã bị đẩy vào, bị buộc phải sống trong đó. Tôi cứ nghĩ rằng trong trại này mọi thứ đều là đê tiện và hèn hạ. Nhưng tôi đã nhầm: tôi đã xét đoán mọi người theo mẫu tên A.

Ba ngày buồn rầu tôi đi lang thang trong trại, rồi tôi nằm dài trong lán. Ông Akim Akimych có giới thiệu cho tôi một anh tù nhân tâm phúc. Tôi nhờ anh này lấy tấm vải mà trại cho để may cho tôi mấy chiếc áo sơ mi, dĩ nhiên là tôi sẽ trả tiền (mấy xu bèo bọt một chiếc), và theo lời khuyên kiên trì của Akim Akimych tôi đã mua được một tấm đệm gấp (bằng thứ phớt có bọc vải lanh thô), cái đệm cực kỳ mềm mại y như là cái bánh tráng và một cái gối nhồi len đặc cứng mà lúc chưa quen thì thấy quá rắn. Akim Akimych vất vả việc này việc kia mới giúp mua được cho tôi những thứ ấy, và tự ông cũng tham gia vào việc bằng cách tự tay mình khâu chăn cho tôi từ những mảnh vụn nỉ cũ của trại được thu gom ở những bộ quần áo bỏ đi mà tôi phải mua lại của những tù nhân khác. Những thứ đồ của trại hết hạn sử dụng thì được coi là của riêng của tù nhân; chúng được bán đi ngay trong trại, và dù chúng có bị dùng cũ đến đâu đi nữa thì chúng vẫn có hy vọng được đặt một cái giá nào đó. Chuyện này ban đầu khiến tôi hết sức kinh ngạc. Nói chung đây là thời gian va chạm đầu tiên của tôi với mọi người. Ngay lập tức tôi đã biến thành một người bình dân, thành một tên tù khổ sai như những tên khác. Những thói quen, cách hiểu, ý kiến của họ dường như cũng chính là của tôi, hay ít ra thì cũng là xét theo hình thức, theo luật lệ, mặc dù về thực chất thì tôi cũng không chia sẻ với họ. Tôi rất kinh ngạc và bối rối, chính xác là vì trước đây tôi không hề nghi ngờ điều đó và không hề nghe được điều gì, cho dù tôi vẫn để ý tìm hiểu và nghe ngóng mọi chuyện. Thế nhưng thực tế đã gây cho ta một ấn tượng hoàn toàn khác so với những gì ta được biết, được nghe. Chẳng hạn, làm sao trước kia có lúc nào đó tôi lại có thể nghi ngờ những thứ đồ như thế này, những thứ đồ dùng cũ kỹ kia lại còn có thể coi là vật dụng được? Thế mà từ những đồ bỏ đi ấy tôi lại có được một chiếc chăn ấm! Khó có thể hình dung được thứ nỉ đem làm áo cho tù nhân này là loại gì. Nhìn bề ngoài thì nó cũng thật giống với nỉ, cũng dày dặn như của lính, thế nhưng chỉ mới dùng ít lâu nó đã tướp như cái lưới cá rồi rách ra một cách đáng ghét. Mặc dù loại áo

này chỉ dùng trong thời hạn một năm, nhưng với thời hạn ấy cũng khó giữ được. Tù nhân phải làm việc, phải vác nặng; áo nào rồi chẳng mấy chốc mà sờn rách. Áo tu-lúp thì có thời hạn ba năm và trong thời hạn ấy nó còn được dùng vừa làm áo, vừa làm chăn lại vừa làm đệm. Được cái áo tu-lúp chắc chắn, mặc dù cũng hiếm thấy ai còn giữ được đến cuối năm thứ ba, tức là đến cuối hạn, một chiếc áo tu-lúp dù đã phải vá víu bằng vải thường. Mặc dù thế, cái áo có thể đã rất cũ nát đi nữa, nhưng đến chót hạn nó vẫn được bán với giá đến bốn mươi cô-pếch bạc. Những cái áo được giữ gìn cẩn thận hơn thì có giá đến sáu hoặc bảy mươi cô-pếch bạc mà ở trong trại thì đó là một khoản tiền lớn.

Như tôi đã nói ở trên, trong trại này đồng tiền có giá trị ghê gớm. Có thể nói một cách khẳng định rằng tù nhân mà có một ít lưng vốn thì những đau khổ mà anh ta phải chịu sẽ là mười lần ít hơn những kẻ tay trắng, mặc dù những kẻ này cũng được sở hữu mọi thứ đồ công sản, và như các quan chức vẫn lý sự, tù nhân thì dùng tiền làm gì? Thế nhưng, tôi xin nhắc lại rằng nếu như tù nhân không có khả năng có chút tiền bạc nào thì họ sẽ phát điên lên hoặc là sẽ chết rụi như ruồi bọ (mặc dù vẫn được trang bị đầy đủ) hoặc là họ phải lao đầu vào những tội ác chưa từng thấy - một số thì vì buồn sầu, một số khác thì nhằm mau mau nhờ vào mấy thứ đồ công sản và mấy thứ rẻ rách của mình mà tìm cách “đổi đời” (nói một cách nôm na là như thế). Nếu một trại nhân kiếm được đồng xu bằng mồ hôi và xương máu hoặc liều mạng dùng kế nọ mưu kia mà thường là có kèm theo thói trộm cắp và lừa lọc, nhưng đồng thời lại thiếu suy nghĩ và ngây thơ dại dột tiêu phí đi những đồng tiền ấy, thì nói chung điều ấy cũng không chứng tỏ rằng họ không biết quý trọng đồng tiền, mặc dầu thoạt nhìn thì có vẻ như vậy. Các tù nhân khao khát đồng tiền đến phát run phát rét, đến mờ ám cả lý trí, và nếu như họ thật sự ném tiền qua cửa sổ như rơm rác khi họ nhậu nhẹt, thì họ chỉ ném đi vì cái mà họ coi là đứng cao hơn đồng tiền một bực. Thế thì với tù nhân cái gì cao hơn đồng tiền? Tự do hoặc là một chút mơ ước về tự do. Mà tù nhân thì lại là những nhà đại mơ ước. Về điều này tôi sẽ nói sau, nhưng tiện đây thì phải nói rằng không biết người ta có tin hay không rằng tôi đã được gặp những người bị đi đày *hai mươi năm*. Chính những người đó nói với tôi một cách rất bình tĩnh những câu như sau: “Ông cứ chờ đấy, lạy Trời phù hộ, mãn hạn tù là tôi...” Toàn bộ ý nghĩa của cái từ “tù nhân” chỉ là con người không có tự do, còn khi tiêu tiền tức là họ được hành xử *theo cách tự do của mình*. Bất chấp mọi thứ dấu triện, mọi thứ xiềng gông đáng nguyền rủa trong trại che chắn hết cái thế giới thần tiên của họ và vây bủa họ như con thú bị nhốt trong chuồng, họ vẫn có

thể kiếm được rượu uống, tức là vẫn tìm được thứ khoái cảm bị cấm đoán khắc nghiệt, vẫn chơi gái được, thậm chí đôi khi (mặc dù không phải bao giờ cũng có) còn mua chuộc được bọn cai quản gần gũi, bọn thương binh và thậm chí cả bọn hạ sĩ để chúng làm ngơ cho cái việc họ vi phạm pháp luật và kỷ cương, thậm chí có thể vượt lên trên cả việc mua bán chúng để tỏ ra hiên ngang - mà đám tù nhân thì cực kỳ thích tỏ ra hiên ngang - tức là đứng trước cả đám bạn bè khẳng định với đám ấy và thậm chí với cả chính mình, *mặc dù chỉ trong một lúc*, rằng họ có tự do và có quyền lực hơn hẳn những gì mà những người khác cảm thấy, tóm lại là họ có thể chơi bời quậy phá, có thể nhục mạ một người nào đó tới số và chứng minh cho thằng cha đó thấy rằng họ *có thể* làm được mọi việc, rằng tất cả những chuyện đó đều “nằm trong tay” họ, tức là họ cũng khẳng định cho chính mình cái điều mà tên khốn khổ kia không thể nghĩ tới được. Xin nói thêm rằng có thể đó chính là cái lý do vì sao mà tất cả các tù nhân ngay cả lúc tỉnh táo nhất cũng đều có chung cái khuynh hướng ngang tàng, khoác lác, dương dương tự đắc một cách khôi hài ngớ ngẩn bậc nhất, dù chẳng có bụng dạ gì ác độc. Cuối cùng tất cả các cuộc nhậu nhẹt đều mạo hiểm, có nghĩa những cái trò đó đều có ẩn chứa hoặc một cái bóng nào đó của cuộc sống, hoặc một cái bóng của tự do. Vì tự do thì mất gì mà chẳng được? Có nhà triệu phú nào bị thắt thòng lọng vào cổ mà lại không cống hàng triệu đồng để đổi lấy một hớp khí trời?

Đôi khi ngay cả bọn cai ngục cũng phải ngạc nhiên vì có những trại nhân sống trầm lắng, nhẫn nhục suốt mấy năm liền, thậm chí còn được phong chức tổ trưởng vì hạnh kiểm đáng khen ngợi, thế mà đột nhiên, không hiểu vì cơn cớ gì, cứ như có ma quỉ ám vào, tự nhiên sinh ra quậy phá, nhậu nhẹt, thậm chí đôi khi còn lao vào cả tội ác hình sự: hoặc là có khinh xuất rõ rệt trước mặt thượng cấp, hoặc là giết người, hoặc là hiếp dâm, vân vân... Người ta nhìn những kẻ đó và lấy làm kinh ngạc. Thế nhưng, cũng có thể, toàn bộ nguyên nhân của sự đột phá ấy trong con người ít ai ngờ tới nhất này - đó là biểu hiện ai oán kinh giật của nhân cách, là nỗi buồn bản năng đối với bản thân, là khao khát được tự thể hiện mình, thể hiện cái nhân cách bị chà đạp, khao khát ấy bỗng nhiên bột phát đến mức hung bạo, điên cuồng, đến mờ tối cả lý trí, đến điên loạn và đến kinh giật. Con người tựa như bị chôn sống trong quan tài, tỉnh giấc trong đó, đưa tay đấm vào nắp quan và gắng sức đạp phăng nó ra, dù rằng lý trí đã cả quyết rằng mọi cố gắng đều là hoài công vô nghĩa. Nhưng vấn đề là ở chỗ người đó không cần đến lý trí: đây là chuyện kinh giật. Chúng ta cần phải tính tới một điều nữa: ấy là hầu như bất kỳ cách thể hiện cá tính tự do nào trong con người tù nhân đều

được coi là tội lỗi, và trong trường hợp như thế thì tất nhiên đối với người tù biểu hiện lớn hay nhỏ cũng đều như nhau mà thôi. Đã đi nhậu thì là đi nhậu, đã liều thân thì là liều thân, cho dù là đi giết người. Chỉ cần bắt đầu: sau đó con người sẽ say sưa, thậm chí không kìm hãm được nữa! Mà thực ra cách tốt nhất là đừng bước chân vào đó. Mọi người sẽ được bình yên.

Đúng, nhưng bằng cách nào?

VI

THÁNG ĐẦU TIÊN

Khi bước chân vào trại tôi cũng có một ít tiền, cũng chỉ là có mấy đồng rúp trong tay thôi, nhưng vì sợ bị cướp phăng đi mất nên để cho chắc ăn tôi phải dấu kín, nghĩa là tôi đem dán vào bìa trong cuốn kinh Phúc Âm là thứ được mang vào trại. Cuốn sách có dán tiền này là cuốn có những người tặng tôi ở Tobolsk. Những người này đã đau khổ trong cảnh đọa đầy và ngồi đếm thời gian bằng hàng thập kỷ và từ lâu đã có thói quen coi bất kỳ kẻ bất hạnh nào cũng là anh em. Ở Sibir có mấy người hầu như không dịch chuyển, có lẽ họ đã tự đặt ra mục tiêu cuộc đời là cùng nhau chăm sóc cho “những người bất hạnh”, là cùng đồng cam cộng khổ với họ, tựa như chăm sóc cho con cho cái một cách hoàn toàn vô tư, thánh thiện. Ở đây tôi không thể không nhắc qua đến một lần gặp gỡ. Trong thị trấn, nơi có trại tù của tôi, có một góa phụ tên là Nastasia Ivanovna. Trong số anh em tôi suốt thời gian ở trại không ai có thể đích thân làm quen được với bà. Có lẽ bà đã chọn mục tiêu suốt cả đời mình là giúp đỡ những kẻ đi đày, nhưng quan tâm đến chúng tôi nhiều hơn. Trong họ hàng nhà bà cũng có một trường hợp bất hạnh, hoặc có một người nào đó rất gần gũi, rất thân thương cũng đang chịu đau khổ vì mắc tội lỗi, và vì thế bà thấy mình đặc biệt hạnh phúc khi được làm cho chúng tôi tất cả những gì có thể làm được. Tất nhiên, có nhiều điều bà không kham nổi vì bà rất nghèo. Nhưng ngồi trong trại, chúng tôi cảm thấy được ngoài đó, tức là ngoài trại, có một người bạn hết sức thủy chung. Bà vẫn thường cung cấp cho chúng tôi những tin tức rất cần thiết. Khi rời trại đến thành phố khác, tôi đã kịp ghé qua nhà bà và đích thân làm quen với bà. Bà sống ở một vùng ngoại ô với một người họ hàng thân thích. Bà chưa già nhưng cũng không trẻ, không đẹp mà cũng không xấu, thậm chí cũng không thể biết được rằng bà ấy có thông minh hay không? có học vấn nhiều hay ít? Nhưng bất kỳ ở đâu bà cũng bộc lộ một thứ lòng tốt vô biên, một niềm khát khao vô hạn được chiều chuộng, được an ủi, được làm ngay một cái gì đó thật vui lòng cho chúng tôi. Tất cả những cái đó hiện rõ trong ánh mắt dịu hiền của bà. Tôi với một người bạn tù nữa đã trải qua suốt cả một buổi chiều tối trong nhà bà. Bà nhìn vào mắt chúng tôi, cười vui khi chúng tôi cười, vội vàng đồng ý với những gì chúng tôi nói ra, tất

bật lo lắng cho chúng tôi ăn uống một cái gì đó có thể được. Bà cho uống trà, đồ nhắm, đồ ngọt, và nếu như bà có đến một nghìn thứ thì bà sẽ rất vui vì sẽ phục vụ chúng tôi tốt hơn và làm các bạn còn ở trong trại thấy nhẹ nhàng hơn. Lúc chia tay bà tặng mỗi người chúng tôi một hộp đựng thuốc lá xì-gà. Những hộp này bà tự tay dán lấy bằng bìa cứng (có Trời biết chúng được dán như thế nào). Bà lại dán phủ ngoài bằng giấy màu, hệt như thứ giấy người ta bọc que tính cho học sinh tiểu học (mà cũng có thể là giấy ấy thật). Để làm đẹp, bà lại dán xung quanh hai cái hộp ấy một đường viền nhỏ bằng giấy màu vàng mà chắc hẳn bà đã phải mua riêng ở cửa hàng “các anh hút thuốc thì cái hộp này cũng dùng được đấy” - bà nói câu ấy tựa hồ như ngượng ngập trước mặt chúng tôi vì món quà bé nhỏ. Những người khác thì nói (tôi đã nghe và đọc được) rằng tình yêu quá lớn đối với đồng loại thì cũng đồng thời là lòng ích kỷ lớn nhất. Nhưng ở đây có gì ích kỷ không thì tôi chưa hiểu được.

Mặc dù khi nhập trại tôi không có nhiều tiền, nhưng khi đó tôi cũng không thể bực mình được với những anh em trong trại, những người mà ngay những giờ phút đầu tiên của tôi ở đây đã lừa tôi một lần rồi lại thản nhiên đến với tôi lần thứ hai, lần thứ ba và thậm chí đến lần thứ năm để vay tiền tôi. Nhưng tôi thành tâm thú nhận một điều là tôi rất bực mình vì con người rất mực khôn ngoan đến mức ngây thơ ấy, như tôi nghĩ, đã coi tôi là thằng mặt thộn, là thằng ngốc và đã cười khẩy với tôi chính bởi lẽ đến lần thứ năm ấy tôi vẫn đưa tiền cho mượn. Những người ấy hẳn đã nghĩ rằng tôi đã chịu thua những trò lừa bịp và khôn vặt kia, và nếu ngược lại, nghĩa là tôi từ chối và xua đuổi họ thì tôi tin rằng họ sẽ kính trọng tôi hơn hẳn. Nhưng dù tôi bực mình đến đâu đi nữa, tôi cũng không thể nào từ chối được. Tôi bực vì vào những ngày đầu tiên ấy tôi đã suy nghĩ một cách nghiêm túc và chí tình rằng tôi sẽ bước vào trại này như thế nào và với tư cách gì, hoặc là nói đúng hơn, tôi sẽ sống với họ theo kiểu gì. Tôi cảm thấy và hiểu rằng đối với tôi đây là môi trường sống hoàn toàn mới, rằng tôi hoàn toàn đang ở trong bóng tối và rằng tôi không thể sống trong bóng tối từng ấy năm được. Phải tự chuẩn bị. Và thế là tôi quyết định rằng trước hết tôi phải hành động thẳng thắn theo đúng như nội tâm và lương tâm của tôi chỉ dạy. Nhưng tôi cũng biết rằng đó chỉ là một câu châm ngôn, còn trước mắt tôi vẫn sẽ là một thực tại đầy bất ngờ nhất.

Và chính vì thế, mặc dầu vẫn có những quan tâm nho nhỏ đến việc ăn ở của tôi trong trại, những điều tôi đã nói bên trên và chủ yếu là ông Akim Akimych đã lôi kéo tôi vào đó, mặc dù những điều ấy cũng làm lòng tôi vui vui, nhưng có

một nỗi buồn ghê gớm và day dứt vẫn hành hạ tôi ngày càng nhiều hơn. “Nhà chết!” - tôi đã tự nói với mình như thế khi căng mắt trong ánh chạng vạng qua lán trại của mình để nhìn vào những trại nhân đứng túm tụm sau buổi đi làm về rồi lại lười nhác tản ra khắp sân, từ lán đi ra bếp rồi lại quay lại. Nhìn họ, nhìn những gương mặt và cử chỉ của họ tôi cố gắng nhận ra rằng họ là ai và tính cách của họ thế nào? Họ diễu qua trước mắt tôi với những vầng trán cau có hoặc với vẻ nhởn nhơ (hai dáng vẻ này được thấy nhiều nhất và cũng gần như là đặc trưng của trại), họ chửi mắng nhau hay đang trò chuyện, hoặc chỉ là dạo chơi đơn lẻ tựa hồ như đang trầm mặc suy tư, lặng lẽ, nhịp nhàng, một số người thì có vẻ mệt mỏi, u sầu, một số người khác (thậm chí đang ở đây!) thì lại vênh vênh vang vang, đội mũ lệch sang một phía, khoác áo tu-lúp trùm vai, mắt nhìn ngạo ngược, tinh quái với nụ cười xấc xược. “Tất cả đó là sinh quyển của tôi, là thế giới hôm nay của tôi, - tôi nghĩ thế, - mà dù muốn hay không tôi cũng phải sống trong đó...” Tôi đã thử căn vặn ông Akim Akimych về những con người kia, tôi rất thích ngồi uống trà với ông, để khỏi phải ngồi một mình. Trong những ngày đầu này trà là món ăn gần như duy nhất của tôi. Ông Akim Akimych không từ chối uống trà và còn tự mình đặt lên bếp lò cái ấm xa-mô-va của chúng tôi bằng thiếc be bé, trông thật buồn cười mà M. đã đưa tôi giữ hộ. Thường thường ông Akim Akimych uống một cốc (ông có mấy cái cốc như vậy), ông uống lặng lẽ và trang trọng rồi đưa cốc cho tôi, cảm ơn tôi và ngay lập tức bắt tay vào sửa cho tôi cái chăn. Nhưng còn cái điều tôi muốn tìm hiểu thì ông không nói được gì, thậm chí cũng không hiểu vì sao tôi lại cứ quan tâm đặc biệt đến các cá tính của những anh em xung quanh và những bạn tù khổ sai thân cận, thậm chí ông còn nghe tôi nói với một nụ cười tinh ranh làm tôi nhớ mãi. “Thôi, mình phải tự mình trải nghiệm thôi, hỏi cũng không được”, - tôi nghĩ.

Đến ngày thứ tư, cũng giống như cái lần tôi đi cải huấn, các anh em tù nhân đứng xếp thành hai hàng dọc từ sớm trên bãi đất trước trạm gác ngoài cổng, đằng trước đằng sau có lính gác, đạn lên nòng và lưỡi lê tuốt trần. Lính canh được quyền xả súng vào tù nhân, nếu tù nhân có ý định chạy trốn, nhưng đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm về phát súng của mình, nếu đó không phải là trường hợp đặc biệt thiết yếu, ngay cả vào lúc tù khổ sai công khai nổi loạn. Nhưng ai mà lại dám chạy trốn? Viên sĩ quan kỹ sư xuất hiện, rồi đến viên hướng dẫn, rồi đến các hạ sĩ quan kỹ thuật, lính tráng và cả bọn cảnh sát trông nom công việc. Bắt đầu điểm danh; một số tù nhân làm việc ở xưởng may thì đi trước, bọn chỉ huy kỹ thuật không động đến họ. Họ chỉ làm cho trại và may khâu

trong trại. Sau đó là những người đi các xưởng, sau đó đến bọn tạp phu. Trong số khoảng hai mươi người khác nữa thì có tôi. Đằng sau pháo đài trên dòng sông đóng băng có hai chiếc sà lan đã hỏng, bây giờ cần phải tháo rỡ, may ra thì đống gỗ thải cũng không phải bỏ phí. Thế nhưng cả cái đồng cũ rích ấy xem ra rất ít giá trị, chẳng được gì cả. Trong thành phố củi đun được bán với giá rẻ mạt, quanh đây cũng bao nhiêu là củi. Chúng tôi bị bắt đi chỉ là để cho tù nhân không ngồi khoanh tay bó gối, điều ấy chính anh em tù cũng hiểu cả. Công việc như thế bao giờ họ cũng làm uể oải, chán chường. Còn nếu làm việc khác đáng gọi là việc, có giá trị và đặc biệt là khi có thể học hỏi được thì lại là chuyện khác. Khi đó họ phấn khởi, và mặc dù họ chẳng được hưởng lợi lộc gì cả, nhưng chính tôi đã nhìn thấy, họ làm đến kiệt sức để có thể kết thúc càng sớm càng tốt, thậm chí lòng tự trọng của họ cũng là thành tố hữu quan trong đó. Còn cái thứ việc này, có làm cũng chỉ là để duy danh thế thôi, chứ không phải vì cần thiết, thì có gì mà xin khoán, chỉ cần làm đến lúc nghe trống thu quân vào lúc mười một giờ trưa thì nghỉ. Hôm ấy trời ấm và nhiều sương mù, tuyết vẫn chưa tan. Cả nhóm chúng tôi đi ra bờ sông sau trại với tiếng xiềng xích lách cách chói tai theo từng bước chân, mặc dù chúng đã được dấu kín trong mớ quần áo. Một vài người được cử vào kho lấy những dụng cụ cần thiết. Tôi đi cùng với anh em và cảm thấy mình có thêm sinh khí: tôi rất muốn được nhìn thấy và được tìm hiểu xem công việc này là thế nào? Thế nào là khổ sai? Và bản thân tôi lần đầu tiên trong đời sẽ làm khổ sai thế nào?

Tôi vẫn nhớ mọi việc đến từng chi tiết nhỏ nhất. Trên đường chúng tôi gặp một anh tiểu thương để râu. Anh ta đứng dừng lại đút tay vào túi. Từ trong nhóm tôi có một tù nhân chạy ra ngả mũ nhận tiền bố thí năm cô-pếch rồi thoăn thoắt quay về đội ngũ. Chàng tiểu thương làm dấu thánh rồi tiếp tục đi. Buổi sáng ấy năm đồng cô-pếch được đem ra mua bánh mỳ rồi chia đều cho anh em nhóm tôi.

Trong cả đám tù binh ấy một số vẫn có thói quen âu sầu lặng lẽ, một số khác thì thản nhiên và uể oải, một số khác nữa thì lười nhác chuyện trò với nhau. Có một người không biết làm sao mà vui như Tết, luôn mồm ca hát và một chút nữa thì nhảy múa ngay trên đường đi, cứ tung chân lên là xích kêu loảng xoảng. Đó chính là anh chàng tù nhân thấp bé, chắc nịch mà ngay buổi sáng đầu tiên của tôi trong trại đã cãi lộn với một anh bạn bên vòi nước lúc rửa mặt chỉ vì anh kia dám vô lối tự xưng mình là điểu vương. Anh chàng vui nhộn này tên là Skuratov.

Cuối cùng anh cất giọng ca một bài hào sảng, trong đó tôi vẫn nhớ được cái điệp khúc:

Cưới vợ cho tôi mà không có tôi -
Tôi vẫn còn ngồi bên cối xay gió.

Chỉ có điều không có cây đàn đệm balalaika.

Trạng thái tâm thần vui vẻ bất thường của anh khiến một số người bực bội, thậm chí còn suýt giận dữ nữa là khác.

- Làm gì mà rống lên thế! -một anh bạn lên tiếng, mặc dù sự việc chẳng liên quan gì đến anh.

- Đấy là bài hát của chó sói, hắn học mót được. Thật là con vẹt thành Tula! - đó là nhận xét của một người khác thuộc nhóm người âu sầu, nói tiếng miền Ukraina.

- Cứ cho rằng tôi là con vẹt thành Tula đi, - anh chàng Skuratov phản ứng ngay, - còn ở Poltava của các anh thì ăn cả cứt vẹt.

- Nói láo! Chúng ông ăn cơm đấy chứ! Húp canh nhai với giày cỏ!

- Còn bây giờ thì ma quỷ nuôi mi bằng sỏi đá, - một người nữa nói thêm.

- Các anh em ơi, bây giờ tôi hư thân mất nết rồi, - Skuratov thở một hơi nhẹ, dường như hối hận về sự hư hỏng của mình, anh nói với mọi người chung chung chứ không riêng gì với ai, - lúc còn bé tí thì tôi đã được chén no nào hắc mai tử, nào các thứ bánh. Được dưỡng dục tốt mà (tức là được giáo dục. Skuratov cố tình nói sai). Các anh em ruột thịt của tôi giờ đây vẫn có cửa hàng ở Moskva, buôn không khó nơi người qua lại, giàu lên nhanh lắm.

- Thế trước đây anh buôn bán gì?

- Chúng tôi vào đời mỗi người một tính. Các anh em ạ, đã có hồi tôi được nhận hai trăm đầu tiên...

- Chẳng lẽ được đến hai trăm rúp cơ à! - một anh tò mò chộp lấy câu ấy, thậm chí còn giật mình khi nghe đến hai trăm đồng.

- Không đâu, anh bạn ạ, không phải hai trăm đồng rúp, mà là hai trăm gậy. Luka, Luka này!

- Ai cho gọi trống không là Luka, anh phải gọi tôi là Luka Kuzmich, - một anh bạn tù thấp bé, nhỏ nhắn, mũi nhọn hoắt thờ ơ lên tiếng.

- Vâng, thì Luka Kuzmich, quỷ bắt anh đi, đằng nào chả thế.

- Ai cho gọi là Luka Kuzmich, anh phải gọi là bác Luka Kuzmich.

- Quỷ tha ma bắt anh với ông bác đi. Thôi không nói chuyện ấy nữa! Tôi đang muốn nói nghiêm túc. Chuyện là thế này, một thời gian tôi giàu lên ở Moskva thì các anh tôi cho tôi mười lăm roi rồi đuổi tôi đi. Thế là...

- Vì sao lại đuổi anh? - một người sốt sắng theo dõi câu chuyện, cắt lời.

- Không biết ăn chơi, không biết rượu chè, không biết cờ bạc, tức có nghĩa là tôi không thể làm giàu đích thực ở Moskva được. Tôi rất rất rất là muốn được giàu có. Tôi muốn đến mức không biết làm thế nào nói ra cho các vị hiểu được.

Nhiều người cười ầm lên. Rõ ràng Skuratov nằm trong số những người sẵn lòng vui vẻ, hay nói đúng hơn là trong số những anh hề tự đặt ra cho mình nghĩa vụ làm trò cười cho những người bạn mặt ủ mày chau, và rõ ràng là không nhận lại được cái gì ngoài những lời mắng mỏ. Anh thuộc về nhóm người đặc sắc và tài năng, mà có thể tôi sẽ còn phải nhắc đến sau này.

Luka Kuzmich nhận xét:

- Bây giờ thì có thể nọc anh ra mà đánh chứ không phải đập bụi cho cái áo khoác bằng da hắc điêu thử. Một cái áo ấy cũng giá một trăm rúp.

Skuratov đang mặc một chiếc áo tu-lúp hết sức nhàu nát, cũ kỹ, tứ phía đầy những miếng vá. Luka nhìn Skuratov từ trên xuống dưới một cách khá thản nhiên nhưng lại chăm chú.

- Tuy nhiên, cái đầu mới đáng giá, anh em ạ, cái đầu ấy! - anh trả lời. - Khi chia tay với Moskva tôi vẫn thấy yên lòng vì cái đầu vẫn còn đi theo tôi. Vĩnh biệt Moskva, xin cám ơn vì được tắm hơi, vì không khí tự do và vì bị đánh lằn roi trên mông! Có gì đâu mà anh cứ phải ngắm áo tu-lúp của tôi, anh bạn thân yêu ơi...

- Thế thì phải nhìn đầu anh hay sao?

- Nhưng cái đầu ấy không phải của anh ta. Đấy là cái đầu người ta bố thí cho đấy. - Luka lại tán thêm vào. - Lạy Chúa, người ta cho anh ấy hồi ở Tyumen, lúc anh ấy cùng đi trong đoàn.

- Này Skuratov, hồi ấy anh có nghề chứ?

- Nghề ngỗng gì đâu! Dắt người mù, mách lối cho trộm cướp, - một anh cau có nói - nghề của anh ta là thế đấy!

- Hồi bé tôi đã thử khâu giầy, - Skuratov hoàn toàn không để ý đến lời châm chọc vừa rồi, - nhưng chỉ khâu được đúng một đôi.

- Thế mà cũng có người mua à?

- Có chứ, có một anh chàng cứ lăn xả vào mua, cái anh chàng buồn cười lắm, trời đất không sợ, bố mẹ không kính, thế là bị Trời phạt bắt mua.

Mọi người bò lăn ra cười.

- Sau đó tôi còn làm nữa, ở ngay đây này, - Skuratov nói tiếp, mặt thản nhiên như không, - tôi làm cho ông trung úy Stepan Fedorych Pomortsev, dắt những cái đầu xinh xẻo đến cho ông ấy.

- Thế ông ta có hài lòng không?

- Anh em ơi, ông ấy chẳng hài lòng tí nào. Ông ấy chửi tôi một ngàn năm không hết lời, lại còn dùng đầu gối thúc đít tôi nữa chứ. Cái ông ấy bẩn tính lắm. Chao ôi, sao mà cuộc đời tôi nó khốn khổ thế không biết, cái cuộc đời khổ sai này!

Chỉ lát sau chồng của Akulina
Lẳng lặng bước ra ngoài sân...

Anh chàng bỗng dài giọng hát vang một câu rồi thoăn thoắt bước đi như chạy.

- Một kẻ vô dụng! - một người nhận xét với giọng kết luận nghiêm khắc.

Tôi hoàn toàn không hiểu vì sao người ta lại cáu bẳn với Skuratov, và nói chung cũng không hiểu vì sao mà tất cả những con người vui nhộn, như tôi đã kịp nhận xét trong những ngày đầu tiên ấy, dường như cứ bị khinh rẻ thế nào ấy? Cơn giận dữ của anh bạn tóc chỏm và những người khác tôi liệt vào hạng hiềm xích cá nhân. Nhưng cũng không phải là hiềm xích cá nhân, mà họ giận là vì Skuratov không biết chịu đựng, không có cái vẻ giả tạo khắc khổ của phẩm giá riêng mà cả trại này vẫn lây nhiễm nhau thành ra thói thông thái rởm. Nói tóm lại họ cáu giận là vì rằng, nói theo lối của họ, anh ta là một con người “vô dụng”. Tuy nhiên họ lại không cáu giận với tất cả những người vui nhộn, không xét nét tất cả những người vui nhộn như đối với Skuratov và những kẻ giống anh ta. Mỗi người lại cho phép người khác đối xử với mình một kiểu: người hảo tâm và không biết toan tính thì ngay lập tức bị miệt thị. Điều đó thậm chí khiến tôi kinh ngạc. Nhưng trong số những người vui tính có những anh biết ăn đũa trả đũa và không độ lượng với một ai: những người ấy thì lại được kính trọng. Trong đám người ấy có một tay ác khẩu, nhưng thực ra là người rất vui tính và rất hiền dịu, nhưng mãi về sau tôi mới biết anh ta về phương diện đó, một anh chàng đàng hoàng cao to, có một nốt ruồi lớn trên má và có nét mặt cực kỳ khôi hài, nhưng thực ra lại điển trai và sáng dạ. Mọi người gọi anh là nhà tiên phong vì có một thời anh tham gia vào đội tiền phong; còn bây giờ thì anh lại ở phân trại đặc biệt. Về anh này tôi sẽ còn có dịp phải nói tới.

Tuy nhiên, không phải tất cả những người "nghiêm túc" đều dễ tự bộc lộ giống như anh chàng tóc chỏm nổi giận với trò vui nhộn. Trong trại tù khổ sai có mấy người cứ muốn giành ghế độc tôn, muốn biết hết mọi điều, muốn cả lanh lợi, cả cá tính rồi cả thông minh nữa. Trong số đó nhiều người quả là thông minh, có cá tính và thực sự đã đạt tới cái đích mà họ nhắm tới, tức là giành ghế vô địch và có ảnh hưởng tinh thần đáng kể đến bạn bè. Giữa họ với nhau thì những kẻ thông minh lại thường là những kẻ thù lớn và mỗi người lại có nhiều kẻ ghen ghét mình. Đối với những trại nhân khác thì họ nhìn với con mắt đức độ và thậm chí là khoan dung, họ không gây ra những cuộc tranh cãi vô bổ, được bọn cai quản đánh giá tốt, khi đi làm thì được chỉ định giữ gìn trật tự chung và không ai trong số họ lại đi bẻ hành bẻ tỏi người khác, chẳng hạn như là vì mấy câu hát chơi: họ không tự hạ mình xuống đến mức tiểu tiết như vậy. Đối với tôi tất cả bọn họ đều rất lễ độ trong suốt thời gian ở trại, nhưng họ cũng không hay trò truyện nhiều lắm, dường như họ cũng muốn giữ phẩm giá cho mình. Về những người này tôi cũng phải nói chi tiết sau.

Bây giờ chúng tôi đã đến bờ sông. Dưới sông là chiếc sà lan cũ mèm bị đóng băng mà chúng tôi phải phá bỏ. Bên kia sông là thảo nguyên xanh xanh; quang cảnh hoang dã gợi buồn. Tôi chờ xem mọi người lao vào công việc thế nào, nhưng không ai màng đến công việc. Nhiều người tìm những hòn đá to rải rác ven bờ mà ngồi; phần lớn đều rút thuốc lá trong ủng ra hút. Thuốc lá này họ mua ở chợ đây lúc còn là lá chưa thái, có ba xu một bịch, lại mua cả những cái tẩu nhỏ có ống gỗ bé tự chế. Họ cứ thế ngồi rít thuốc, bọn lính áp tải quây quanh như đai xích, buồn rầu trông nom chúng tôi.

- Ai lại nghĩ ra cái trò phá sà lan thế này nhỉ? - một người nói vu vơ, chẳng nhằm vào ai, - muốn lấy ván vụn chắc?

- Ai không sợ chúng ta thì nghĩ ra thế, - một người khác nhận xét.

- Những thằng cha muzik kia đi đâu nhỉ? - người hỏi lúc đầu, đã ngồi yên lặng một lát, dường như không thấy ai trả lời câu hỏi ban nãy, liền hất hàm về phía một đám đàn ông đang theo gót nhau lội vào bãi tuyết chưa có dấu chân người. Mọi người lười nhác quay về phía ấy rồi cười với nhau chẳng biết làm gì hơn. Người đàn ông đi cuối cùng trông thật buồn cười, hai tay khua lên, đầu ngoẹo sang bên, trên đầu là một chiếc mũ dài như chiếc bánh kiều mạch. Trên nền tuyết trắng hình dáng anh nổi lên rất rõ toàn bộ.

- Này ông anh Petrovich, trông vẹo vọ quá nhỉ! - một người bắt chước giọng muzik nhà quê. Có một điều thú vị là nói chung thì các trại nhân nhìn những

người muzik có phần hơi dưới tầm mắt, mặc dầu phần nửa trong số họ lại xuất thân từ lớp người muzik.

- Các bạn ơi, cái anh chàng đi sau rốt kia cứ ngật ngưỡng như là đi trồng củ cải ấy.

- Thằng cha này đầu óc nặng nề lắm, nhưng tiền thì rất nhiều, - người thứ ba nhận xét.

Mọi người cười ồ lên, nhưng vẫn lười nhác, dường như rất uể oải.

Đúng lúc này thì có người đến. Đó là cô bán bánh mỳ nhanh nhảu và hoạt bát.

Mọi người đem năm xu bố thí ra mua rồi chia đều.

Có một chàng thanh niên vốn trước đây đã bán bánh mỳ trong trại, vơ lấy một lúc hai chục bánh. Anh chàng gân cổ tranh luận đòi lấy thêm ba chiếc, chứ không phải hai chiếc như thường lệ, nhưng cô bán hàng không đồng ý.

- Thế cô không bán à?

- Anh còn muốn thêm gì nữa?

- Thêm gì à? Mấy cái bánh này thì chuột cũng không ăn?

- Vả vào cái miệng anh!

Cô gái rít lên rồi cười khanh khách.

Cuối cùng thì tên quản việc và tên hạ sĩ quan cầm gậy cũng đến.

- Sao còn ngồi đây? Làm đi!

- Thưa ông Ivan Matveich! Xin ông khoán việc! - một trong số những người "đầu trò tù nhân" vừa nói vừa chậm chạp đứng dậy.

- Tại sao lúc nãy thì không xin? Rỡ sà lan ra. Đấy, công việc có thế thôi!

Cuối cùng thì mọi người cũng đứng dậy và lê bước ra sông. Trong đoàn lập tức xuất hiện những người "điều hành", ít nhất cũng là bằng lời nói. Hóa ra cái sà lan này rỡ ra không phải vô ích. Gỗ sà lan tùy mức độ mà cần giữ lại, nhất là những tấm dầm ngang được đóng đinh chi chít từ đầu đến cuối. Công việc thật mất thì giờ và buồn tẻ.

- Đầu tiên phải kéo tấm gỗ này ra đã! Chung tay vào, các bạn ơi! - một người lên tiếng. Anh ta không phải người điều hành, cũng chẳng phải chỉ huy, mà chỉ là phu đen lầm lũi, chẳng biết ăn nói. Anh ta cúi mình, hai tay túm vào một khúc gỗ to, chờ người chung tay. Nhưng chẳng ai giúp anh ta cả.

- Nâng sao được! Anh là con gấu mà còn không nâng được thì đến cụ kỵ nhà anh đến đây cũng chịu, - một người nào đó rít răng nói.

- Vậy thì sao, anh em ơi? Làm thế nào bắt đầu được? Tôi cũng không biết... - anh chàng rắp tâm lập công bần thần bỏ mặc khúc gỗ rồi đứng dậy.

- Anh không làm hết việc được đâu, cố mà làm gì?

- Cho ba con gà nhà ăn còn tính nhầm, thế mà đòi... Đồ vịt giời!

- Phải rồi, thưa các anh em, tôi là cái đinh gì đâu, - anh chàng bần thần đáp lại, - tôi chỉ...

- Tôi đeo đá lên lưng các người hay sao thế này? Hay là phải ướp muối các người để ăn thịt vào mùa đông đây? - tên quản đốc lại gầm lên, mắt ngơ ngác nhìn hai chục đầu người mà không biết phải bắt đầu công việc thế nào. - Bắt đầu đi! Mau lên!

- Không mau được đâu, thưa ông Ivan Matveich!

- Cái thằng này không làm gì cả, Saveliev! Nói thế đủ rồi, Petrovich! Tao bảo cái thằng này: mày trợn mắt đứng đấy làm gì!... bắt đầu đi!

- Một mình tôi thì làm gì được?...

- Thưa ông Ivan Matveich! Ông khoán việc đi!

- Đã nói rồi, còn chỉ bảo gì nữa? Rỡ sà lan ra rồi đi về. Nào, bắt đầu!

Cuối cùng mọi người cũng nhúc nhắc, nhưng uể oải, chán nản, vụng về. Ai nhìn cũng thấy đáng bực với đám người khỏe mạnh như thế mà không biết cách vào việc thế nào. Họ vừa mới lấy được một thanh gỗ nhỏ đầu tiên ra thì nó đã gãy, “tự nó gãy đấy nhé”, có người chống chế với tên quản đốc; có nghĩa là làm thế này không xong rồi, phải tìm cách làm khác mới được. Thế là họ lại thảo luận hồi lâu với nhau xem bắt đầu cách khác thế nào? Dần dà cuộc thảo luận biến ra chửi mắng và có chiều hướng đi xa hơn nữa... Tên lao quản lại quát tháo rồi vung gậy lên, nhưng rồi một thanh gỗ nữa lại gãy. Cuối cùng họ nhận ra rằng số rìu mang đi ít quá, và phải lấy thêm một công cụ gì nữa. Thế là hai chàng trai được cử đi, có áp giải, về trại lấy dụng cụ. Trong lúc chờ đợi mọi người lại ngồi nghỉ trên sà lan, lấy thuốc ra và lại hút.

Cuối cùng tên quản đốc nhổ nước bọt.

- Làm như các người thì ai mà chả làm được! Người với lại ngợm! - Hắn giận dữ nói một tràng dài rồi vung tay về trại, vừa đi vừa huơ huơ cây gậy.

Một giờ sau tên chỉ đạo tới nơi, bình tĩnh nghe anh em nói rồi tuyên bố rằng hắn sẽ khoán gỡ ra bốn cây gỗ ngang nữa, gỡ làm sao để gỗ nguyên vẹn, không gãy vỡ, ngoài ra, còn phải tháo dỡ được một phần lớn sà lan, như thế rồi mới về nhà được. Việc khoán thì lớn, nhưng, cha mẹ ơi, họ vào việc thế nào! Lười nhác

và vụng về đâu còn nữa! Mọi người vung rìu lên rồi bắt đầu nhổ các đinh gỗ. Những người khác thì luồn xuống dưới ván những chiếc sào to, dùng hai mươi cánh tay tì xuống rồi mạnh dạn và khéo léo bẩy những thanh gỗ ngang, nhưng thật đáng ngạc nhiên, chúng được bẩy mà vẫn hoàn toàn nguyên lành, không hề hấn gì cả. Công việc thật sôi động. Mọi người bỗng chốc khôn ngoan hẳn lên. Không ai nói thừa, không cãi lộn nhau, ai cũng biết phải nói gì, làm gì, đi đâu. Chỉ mất đúng nửa giờ trước lúc trống điểm thì việc khoán kết thúc, đám tù nhân ra về mệt mỏi, nhưng hoàn toàn hài lòng, mặc dù họ chỉ lãi được nửa tiếng so với thời gian qui định. Về phần tôi, tôi nhận thấy một điều đặc biệt: dù tôi có định giúp họ việc gì trong khi làm việc, thì ở đâu tôi cũng không có chỗ đứng, ở đâu tôi cũng làm phiền anh em và ở đâu tôi cũng bị anh em đuổi ra thậm chí còn suýt bị chửi mắng.

Một tay khố rách áo ôm mạt hạng, làm việc tồi tệ bậc nhất, không dám đằng hắng trước mặt anh em trại nhân hoạt bát hơn và nhanh trí hơn y cho mình có quyền quát mắng tôi và xua đuổi tôi nếu tôi cứ xán lăn vào chỗ anh ta, lấy lý do là tôi quấy rầy anh ta. Cuối cùng, một anh chàng bạo mồm nhất đã nói với tôi một cách thẳng thắn và thô bạo "Ông lăn xả vào đâu thế, đi ra ngoài kia đi! Không ai bảo mà cũng cứ vào".

- Hết đường rồi! - một người khác đế vào.

- Tốt nhất là ông cầm cái ca, - người thứ ba nói, - đi xin bố thí cho chúng tôi xây thành và hút thuốc, còn ở đây ông không có việc gì làm đâu.

Tôi đành phải đứng một mình, mà đứng một mình khi mọi người làm việc thì thấy xấu hổ. Nhưng quả thật, khi tôi bước ra xa và đã đi đến tận cuối chỗ sà lan thì lập tức họ lại lớn tiếng:

- Đấy, đi làm như thế đấy. Làm gì được với những vị như thế này? Chẳng làm gì được.

Chắc chắn đấy là chuyện họ cố ý, vì việc đó làm mọi người được tiêu khiển. Thì họ cũng phải ra oai một tí đối với một người vốn là quý tộc và tất nhiên là họ vui mừng có dịp được như vậy.

Như tôi đã nói ở trên, bây giờ thì đã rất rõ vì sao khi bước chân vào trại tôi đã vướng mắc với câu hỏi đầu tiên: phải cư xử thế nào, phải thể hiện mình thế nào trước những con người này? Tôi đã dự cảm thấy rằng rồi đây tôi sẽ phải thường xuyên va vấp với họ, cũng giống như trong công việc bây giờ. Nhưng dù có phải va chạm thế nào đi nữa, thì tôi cũng quyết không thay đổi kế hoạch hành động của mình, mà một phần tôi đã nghĩ kỹ trong thời gian đó; tôi biết rằng kế hoạch

ấy là đúng. Cụ thể là: tôi định là phải giữ mình càng đơn giản và càng độc lập càng tốt, tuyệt đối không bộc lộ mong muốn gần gũi với họ, nhưng cũng không chối bỏ họ, nếu bản thân họ muốn gần gũi với tôi. Hoàn toàn không sợ họ đe dọa và căm ghét, và cố hết sức tỏ ra không nhận thấy điều đó. Hoàn toàn không tiếp cận với họ ở một số điểm và cũng không dung túng cho họ một số tập quán và thói quen. Nói tóm lại là mình không cầu cạnh làm bạn bằng vai phải lứa hoàn toàn với họ. Ngay từ cái nhìn đầu tiên tôi đã đoán ra rằng họ sẽ là những người đầu tiên khinh bỉ tôi về điều đó. Tuy nhiên, theo các quan niệm của họ (mãi về sau tôi mới biết được chắc chắn) thì thế nào tôi cũng phải giữ gìn và tôn trọng trước mặt họ cả cái gốc gác quý tộc của tôi, nghĩa là tôi phải làm mình làm mẩy, phải điệu bộ, phải kỳ thị họ, phải càu nhàu khắp nơi khắp chốn, phải đòi ăn trắng mặc trơn. Họ hiểu phải như thế mới là quý tộc. Hiển nhiên là họ sẽ mắng chửi tôi vì chuyện đó, thế nhưng trong thâm tâm thì họ sẽ kính nể. Cái vai ấy lại không hợp với tôi. Tôi chưa bao giờ là quý tộc theo cách hiểu của họ, thế nhưng tôi đã thề với mình là không hề nhượng bộ để phải hạ thấp trình độ học vấn và lối suy nghĩ của mình trước mắt họ. Nếu như để chiều lòng họ mà tôi phải nịnh bợ họ, tán thành họ, xuê xoa với họ và chấp nhận những “đức tính” của họ để tranh thủ sự đồng cảm của họ, thì ngay lập tức họ sẽ cho rằng tôi làm như thế chỉ vì sợ hãi và hèn nhát và họ sẽ bắt đầu khinh bỉ tôi. Anh chàng A. không phải là một tấm gương - anh ta đi đêm với tên thiếu tá và họ tự thấy sợ. Mặt khác, tôi lại không muốn sống khép mình trước mắt họ trong phép xã giao lạnh lùng và xa lạ như những người Ba Lan. Bây giờ tôi đã thấy rõ rằng họ khinh bỉ tôi vì tôi muốn làm việc như họ, tôi đã không ẻo lả và ươn hèn trước mặt họ và mặc dù tôi biết trước rằng sau này họ sẽ phải thay đổi ý kiến về tôi, nhưng dù sao thì cái ý nghĩ cho rằng bây giờ dường như họ có quyền được khinh bỉ tôi vì ban nãy, trong lúc làm việc, tôi đã cầu cạnh họ, - cái ý nghĩ ấy làm tôi buồn bực kinh khủng.

Buổi chiều, sau khi kết thúc công việc tôi trở về trại mệt mỏi và rầu rĩ thì nỗi buồn ghê gớm kia lại hành hạ tôi. Tôi nghĩ “Còn bao nhiêu ngàn ngày như thế này nữa đây, những ngày cứ như thế này, giống hệt thế này!” Một mình trong ánh hoàng hôn tôi lặng lẽ đi quanh lán trại men theo hàng rào và bỗng chốc tôi nhìn thấy con chó Sharik chạy thẳng về phía tôi. Sharik là con chó chung của cả trại, bởi vì vẫn còn những con chó của các đơn vị như trung đội, tiểu đội, chi đội... Con chó này sống trong trại không biết tự thuở nào, nó không có chủ nên coi ai cũng là chủ và sống bằng cơm thừa canh cặn trong bếp. Đó là một con chó không nòi khá lớn, lông đen đốm trắng, không già lắm có đôi mắt thông

minh và cái đuôi xù. Chẳng bao giờ có ai âu yếm bên nó, không có ai thèm để ý đến nó. Ngay từ ngày đầu tiên tôi đã vuốt ve nó và tự tay cho nó bánh mỳ. Khi tôi vuốt ve nó thì nó đứng yên, âu yếm nhìn tôi và nhẹ nhàng vẫy đuôi ra dấu hài lòng. Bây giờ lâu không thấy tôi, tức là thấy cái con người đầu tiên trong vòng mấy năm đã nghĩ đến chuyện vuốt ve nó, nên nó thường chạy tìm tôi trong đám mọi người, và khi thấy tôi ra đằng sau trại thì nó rít lên chạy tới. Tôi không biết tâm trạng tôi ra làm sao, nhưng tôi cũng lao tới ôm nó mà hôn. Khi tôi ôm đầu nó, nó tung hai chân trước lên vai tôi và bắt đầu liếm mặt "Đây là người bạn mà số phận mang đến cho tôi!" - tôi nghĩ như thế và sau này trong thời kỳ nặng nề khắc khổ đầu tiên mỗi lần tôi đi làm về thì trước hết không vội đi đâu bao giờ tôi cũng vòng ra sau trại. Con Sharik vừa rít lên sung sướng vừa chạy đằng trước mặt tôi. Tôi ôm đầu nó mà hôn, tôi hôn nó và một thứ tình cảm vừa dịu ngọt vừa cay đắng xâm chiếm lấy trái tim tôi. Tôi nhớ rằng tôi thấy thoải mái khi nghĩ cứ như khoe khoang ngay trước mặt mình một niềm đau khổ bởi lẽ trong cả gầm trời này bây giờ còn lại với tôi chỉ có một thực thể mà thôi, một thực thể yêu thương tôi, quấn quít tôi, người bạn của tôi, người bạn duy nhất của tôi - con chó trung thành của tôi Sharik.

VII

NHỮNG MỐI QUEN BIẾT ĐẦU TIÊN. PETROV

Thời gian cứ qua đi và dần dà tôi cũng sống quen. Những sự kiện hàng ngày trong cuộc đời mới dần dần cũng bớt khiến tôi bức xúc. Những sự cố, những hoàn cảnh, những con người tựa hồ như cứ diễu qua trước mắt. Chấp nhận cuộc sống này là không thể được, nhưng từ lâu tôi đã phải công nhận đó là một sự đã rồi. Tất cả những ngộ nhận còn sót lại trong lòng tôi thì tôi giữ kín trong tâm khảm càng sâu càng tốt. Tôi đã không lang thang trong trại như người mất tích và cũng không để lộ nét buồn trên mặt. Những cái nhìn tò mò hoang dã của tù nhân cũng không thường dừng lại nơi tôi, không theo đuổi tôi một cách trắng trợn cố tình nữa. Còn tôi thì quả thật, tôi cũng đã quá quen với cái nhìn đó và như thế là tôi rất vui. Tôi đã đi dạo quanh khắp trại như ở nhà mình, thuộc hết vị trí của mình trong lán trại và thậm chí đã quen với các đồ vật mà trước đây tôi nghĩ rằng trong đời mình tôi sẽ không không bao giờ có thể quen được. Thường cứ mỗi tuần một lần tôi lại đi gọt một nửa râu tóc. Cứ thứ Bảy vào giờ nghỉ việc người ta lại gọi lần lượt chúng tôi ra cắt tóc tại trạm gác (những người không chịu đi cắt thì tự chịu trách nhiệm), tại đó thợ cắt tóc của tiểu đoàn cắt gội cho chúng tôi bằng nước lạnh và không thương tiếc khi dùng cái dao cạo râu cùn bậc nhất, đến nỗi bây giờ tôi vẫn thấy ớn lạnh toàn thân khi nghĩ về cực hình này. Tuy nhiên, ít lâu sau chúng tôi cũng tìm được cách chống đỡ: ông Akim Akimych chỉ cho tôi một tù nhân, vốn trước là lính. Anh ta nhận cạo râu cho bất kỳ ai bằng dao cạo riêng giá có một cô-pếch và kiếm ăn bằng cách đó. Nhiều tù khổ sai đã tìm đến anh ta để tránh các tay dao kéo của trại, hơn nữa họ là những người không phải yếu đuối. Mọi người gọi anh bạn dao kéo này là *thiếu tá*, không hiểu vì sao lại như thế, và anh ta có cái điểm gì giống với thiếu tá thì tôi cũng không biết. Giờ đây khi tôi viết những dòng này, tôi lại hình dung ra anh thiếu tá ấy - một chàng trai dong dỏng, gầy gầy, trầm tĩnh, khá là sâu sắc, suốt ngày đắm chìm vào công việc, trong tay lúc nào cũng có một đoạn thắt lưng da để suốt ngày đêm mài con dao cạo đến mức không thể nào mài sắc hơn nữa, dường như anh chấp nhận nghề này là mục đích trọn cuộc đời mình. Thực sự là anh hết sức hài lòng khi có con dao bén ngọt và khi có người đến cạo: anh gội nước

nóng, tay chân nhẹ nhàng, đường cạo êm ái như nhung. Rõ ràng là anh thấy thỏa mãn và tự hào với nghệ thuật của mình và thoải mái đón nhận đồng tiền kiếm được, tựa hồ đó là công việc hoàn toàn nghệ thuật chứ không phải vì tiền. Anh chàng A. đã một lần bị tên thiếu tá thật trừng trị nặng nề vì tội khi nhận làm chỉ điểm đã có lần nhắc đến tên anh thợ cắt tóc của chúng tôi và bất cẩn gọi anh ấy là *thiếu tá*. Tên thiếu tá thật nổi trận lôi đình hết cấp "Mày biết không, thằng mất dạy kia, mày biết thiếu tá là thế nào không! - hắn quát lên, miệng sùi bọt. - Mày có hiểu thiếu tá là thế nào không? Nó là thằng tù khổ sai mạt hạng mà mày dám gọi nó là thiếu tá, mà lại gọi trước mặt tao lúc tao đang ngồi đây!..." Chỉ có tên A. mới sống nổi với con người ấy.

Ngay từ ngày đầu tiên trong trại tôi đã mơ ước có ngày tự do. Việc tính đếm bao giờ thì kết thúc những năm tháng tù đầy được thực hiện bằng nhiều hình thức và kiểu cách khác nhau đã trở thành công việc đầy hứng thú của riêng tôi. Thậm chí tôi không còn nghĩ gì đến những việc khác nữa và tin chắc rằng bất kỳ ai bị mất tự do một thời gian nào đó thảy đều hành xử như vậy. Tôi không biết những tù nhân khổ sai khác có tính toán như tôi hay không, nhưng những niềm hy vọng nhẹ nhàng của họ ngay từ đầu đã khiến tôi kinh ngạc. Niềm hy vọng của tù nhân đã mất tự do là thứ tự do hoàn toàn khác so với một con người được sống thật sự. Tất nhiên, một người tự do có hy vọng (chẳng hạn, thay đổi số phận, thực hiện được một công chuyện gì đó), nhưng là anh ta vẫn được sống, được hoạt động; cuộc sống thật vẫn lôi cuốn anh ta trọn vẹn vào dòng trôi của nó. Còn người tù thì khác hẳn. Cứ cho rằng ở đây cũng có một cuộc sống - cuộc sống trong tù, cuộc sống lao dịch -, nhưng bất kỳ ai đã là tù nhân, đã bị đi đày có thời hạn, thì nhất quyết rằng bằng trực cảm anh ta cũng không thể coi số phận mình là một cái gì đó tốt đẹp, trọn vẹn, là một phần của cuộc sống thật. Mọi tù khổ sai đều cảm thấy rằng anh ta *không ở nhà mình*, mà cứ như đi làm khách vậy. Hai mươi năm anh ta nhìn như thể hai năm và hoàn toàn tin rằng đến năm năm mươi lăm tuổi, ra trại, anh ta vẫn hoàn toàn trẻ trung như bây giờ, lúc ba mươi lăm tuổi. "Chúng ta còn sống nhiều nữa!" - anh ta nghĩ thế và cố tình gạt bỏ mọi sự nghi ngờ và mọi nỗi buồn bực. Ngay cả những tù khổ sai vô thời hạn thuộc đơn vị đặc biệt cũng đôi khi toan tính rằng biết đâu đùng một cái lại có quyết định gửi từ Piter đến: "Chuyển về Nerchinsk làm thợ mỏ và cho được ấn định thời hạn". Thế là tuyệt vời rồi: về Nerchinsk độ chừng nửa năm, còn gì hơn là theo đoàn rời trại! Sau đó là kết thúc thời hạn ở Nerchinsk và thế là... Một người đầu đã bạc cũng tính toán như vậy!

Ở Tobolsk tôi đã nhìn thấy những người bị trói dựa tường. Ông ta ngồi trên một cái xích dài độ một *sazhen*[102], cạnh ông ta có cái giường sắt. Ông ta bị trói vì cái tội gì đó khủng khiếp đã phạm phải ở Sibir. Tội này phải tù đến năm năm, thậm chí mười năm. Phần lớn là bọn ăn cướp. Chỉ duy nhất có người này tôi thấy như thuộc loại quý phái đã từng là quan chức ở đâu đó một thời nào đó. Ông ta ăn nói ôn hòa, nụ cười hiền dịu. Ông ta chỉ cho chúng tôi xem cái xích, xem làm cách nào nằm được xuống giường cho thoải mái hơn. Thật là nhẹ nhàng như một con chim đặc biệt! Nói chung những người như thế này bao giờ cũng ứng xử ôn hòa và có vẻ hài lòng, thế nhưng ai cũng khắc khoải mong muốn sớm được mãn hạn. Ông ta mong muốn cái gì nhỉ? Ông ta mong thế này: mong thoát khỏi căn phòng ngột ngạt, ẩm ướt có những cái cửa vòm thấp tè để được bước ra sân trại... thế thôi. Ông ta không bao giờ được ra sau trại. Chính ông cũng biết rằng những kẻ được tháo xích thì khi ở trại cũng bị xiềng cho đến khi chết. Ông biết thế nhưng ông vẫn khát khao mong mỏi sớm được kết thúc thời gian bị xích, bởi vì nếu không có niềm hy vọng ấy thì làm sao ông có thể sống qua được năm năm hay sáu năm bị xích, làm sao ông có thể không chết hoặc không phát điên? Liệu có thể ngồi một hạn tù như thế nữa không?

Tôi cảm thấy rằng công việc là thứ có thể cứu sống tôi, củng cố cho tôi sức khỏe, vóc dáng, còn nếu tâm hồn thường xuyên bất an, tinh thần bị kích động, không khí lán trại ngột ngạt thì có thể tôi bị hủy hoại hoàn toàn. “Thường xuyên ra ngoài trời, hàng ngày làm việc đến mệt, chịu khó mang các vật nặng thì ít nhất như thế cũng là mình tự cứu mình, - tôi nghĩ vậy, - như thế là mình tự củng cố mình, mình sẽ được khỏe khoắn, mạnh mẽ, sảng khoái và không già đi”. Tôi đã không nhầm. Công việc và vận động thật là có ích. Tôi thấy khủng khiếp khi nhìn một ông bạn (cũng là gốc quý tộc) héo tàn đi trong trại như một cây nến. Ông cùng vào trại với tôi, lúc ấy ông còn trẻ tuổi, xinh trai, nhanh nhẹn, mà khi ra thì đã tàn đi một nửa, đầu thì bạc, chân thì lỏng, cứ đi là thở. Nhìn ông ta tôi nghĩ “Không, tôi muốn sống và tôi sẽ sống”. Thế nhưng ban đầu tôi lại bị chính anh em tù nhân hành hạ về tội tôi say mê công việc và suốt một thời gian dài họ đầu độc tôi bằng sự khinh bỉ và nụ cười diễu. Nhưng tôi không nhìn lại ai và nhẹ nhàng bước đi đâu đó, chẳng hạn đi nung thạch cao hoặc tán thạch cao - một trong những công việc đầu tiên mà tôi học được. Đó là việc nhẹ. Bọn quản lý kỹ thuật tùy khả năng mà sẵn sàng giảm nhẹ công việc cho anh em quý tộc, điều ấy suy cho cùng cũng chẳng phải móc ngoặc gì cả, mà chỉ là hợp lý thôi. Thật kỳ lạ là lại đi yêu cầu một người yếu ớt bằng nửa người khác, không bao giờ lao

động, lại phải làm công việc của một người lao động thực sự. Tuy nhiên sự "nuông chiều" đó không phải bao giờ cũng được thực hiện, thậm chí nó còn được thực hiện một cách dường như lén lút: những người ngoài cuộc theo dõi chuyện này gắt gao lắm. Rất nhiều khi chúng tôi phải làm những việc nặng nhọc, và khi đó thì hiển nhiên nhà quý tộc phải chịu một sức nặng gấp đôi. Làm thạch cao thường được cử đi ba bốn người, là những người già cả hoặc yếu đuối, trong đó có cả chúng tôi, hơn nữa họ còn điều đến một người công nhân biết việc thực sự. Người đó thường là một anh chàng cố định, làm việc luôn mấy năm. Bây giờ là ông Almazov, một người mập mạp, khắc khổ và khô khan, luống tuổi, ít giao tiếp và hay cáu bẳn. Ông ta khinh chúng tôi lắm. Thế nhưng ông ta lại ít nói, thậm chí còn lười không thèm gắt mắng chúng tôi nữa. Nhà kho, nơi chúng tôi làm thạch cao, nằm bên bờ sông hoang vắng và dốc đứng. Mùa đông, nhất là vào những ngày tối tăm mà đứng nhìn ra sông và nhìn tít sang bờ bên kia thì thấy thật là buồn. Có một cái gì đó đau thương đè nặng trái tim trong khung cảnh hoang dã mông lung. Nhưng còn nặng lòng hơn nữa là khi có ánh mặt trời sáng lên rực rỡ trên nền tuyết trắng vô biên; lúc ấy tôi chỉ muốn làm sao chắp cánh bay được tới miền thảo nguyên bắt đầu từ bờ bên kia rồi trải dài xuống phía Nam như một tấm thảm liền mạch đến chừng một ngàn năm trăm *vérsta*[103]. Ông Almazov thường bắt đầu công việc một cách lặng lẽ và nghiêm khắc, và dường như chúng tôi thấy xấu hổ khi không thể giúp ông đúng cách, khiến ông phải cố tình xoay xở một mình, cố tình không nhờ chúng tôi, dường như nhằm làm sao cho chúng tôi cảm thấy được lỗi lầm của mình đối với ông và phải hối hận vì chính mình là kẻ vô dụng. Toàn bộ công việc của chúng tôi chỉ còn là nhóm lò nung đống thạch cao đã xếp trong đó, đống này thường là chúng tôi khuân đến cho ông. Ngày hôm sau, khi thạch cao đã nung xong, là phải rỡ lò. Mỗi người chúng tôi mang một cái cối nặng, xếp đầy một hòm thạch cao và bắt đầu giã nhỏ. Đây là công việc rất dễ chịu. Thạch cao nhanh chóng biến thành đám hạt trắng lấp lánh, mịn màng, đẹp mắt. Chúng tôi dơ lên những chiếc búa nặng, tạo ra những âm thanh lịch bịch mà chính chúng tôi cũng thấy vui tai. Rồi cuối cùng chúng tôi cũng thấy mệt mỏi, nhưng lại thấy trong lòng nhẹ nhõm; má thì đỏ hồng lên và máu chạy nhanh hơn trong huyết quản. Lúc này ông Almazov nhìn chúng tôi với con mắt độ lượng, như người ta nhìn bọn trẻ nhỏ. Ông hút tẩu ra chiều khoan dung và không thể không thưa thốt đôi câu khi cần phải nói. Ông đối với mọi người vẫn thế, nhưng thực bụng là một người đôn hậu.

Một việc khác mà tôi được cử đi làm - đó là đi quay bánh xe mài trong xưởng thợ. Đó là chiếc bánh xe to và nặng. Quay nó phải tốn nhiều sức, nhất là khi thợ mài (người của xưởng) đang mài một cái gì đó, chẳng hạn như cột lan can, những chân bàn to làm đồ công vụ cho một quan chức nào đó, phải dùng gần như cả một thân gỗ. Trong trường hợp đó một người không thể làm nổi, thường phải hai người - tôi với một người nữa cũng dòng quý tộc, tên là B. Trong suốt mấy năm, nếu như cần phải mài một cái gì đó thì công việc ấy thuộc về chúng tôi. Anh B. là người yếu ớt, còi cọc, hãy còn trẻ mà đã đau ngực. Anh nhập trại ước độ một năm trước tôi cùng với hai người bạn nữa cùng nhóm - một ông già suốt ngày đêm trong trại lúc nào cũng lâm râm cầu nguyện (vì vậy mà các trại nhân đều kính nể ông) và ông đã qua đời lúc có tôi ở đó. Một người nữa hãy còn rất trẻ, tươi tắn, hồng hào, khỏe mạnh và dũng cảm, mà trên đường đi anh ta đã phải cõng một người bạn tù mệt mỏi theo chế độ bán áp giải đi suốt bảy trăm véc-sta. Chúng ta cũng cần thấy tình bạn giữa họ với nhau. Anh B. là người có trình độ học vấn tuyệt vời, cao thượng, có tính cách, rộng lượng, nhưng đã tha hóa và ốm đau quặt quẹo. Tôi với anh ấy quản lý bánh xe mài. Công việc ấy thậm chí cũng làm chúng tôi thích thú. Nó cho tôi những cảm xúc tuyệt vời.

Tôi cũng đặc biệt yêu thích công việc dọn tuyết, nhất là sau những trận bão tuyết rất thường xảy ra vào mùa đông. Sau một ngày đêm bão nổi thì có nhà ngập tuyết đến lưng cửa sổ, có nhà thì ngập gần hết. Những ngày đó, khi bão vừa dứt và mặt trời vừa lên là chúng tôi bị lùa ra thành những đám lớn, có khi toàn trại phải xuất kích để dọn tuyết cho những ngôi nhà công vụ. Mỗi người được phát một cái xẻng, mọi người chung một nhiệm vụ, có những việc rất đáng ngạc nhiên, khó lòng làm được và mọi người phải chung tay tiến hành. Loại tuyết xốp vừa mới rơi xuống, mặt trên mới hơi hơi đóng cứng thì dễ dàng bắt xẻng. Chúng tôi xúc từng tảng lớn hắt vung vãi ra xung quanh, lúc bay lên không trung chúng hóa thành lớp bụi trắng lấp lánh. Xẻng cứ thế cắm phầm phập vào lớp tuyết trắng loang loáng dưới ánh mặt trời. Anh em tù nhân làm việc đó lúc nào cũng vui. Khí trời mùa đông tươi mát cộng với hoạt động cơ bắp làm ai cũng thấy nóng ấm. Mọi người vui hẳn lên, bắt đầu cười nói, hò hét, khích bác lẫn nhau. Rồi bắt đầu chơi ném tuyết, họ chơi đến nỗi chỉ một phút sau là có những người nghiêm túc, những người không chịu nổi tiếng cười và thói nhộn nhạo, quát lên, và những trò vui tập thể thường kết thúc bằng những câu chửi đổng.

Dần dà tôi cũng mở rộng phạm vi quen thuộc. Tuy nhiên, chính tôi lại không nghĩ đến chuyện làm quen; tôi vẫn là người sống không tĩnh tâm, khắc khổ và dè dặt. Các mối giao tiếp của tôi tự nhiên bắt đầu thế thôi. Người đến thăm tôi đầu tiên là anh Petrov. Tôi nói là *đến thăm* và xin nhấn mạnh vào từ này. Petrov sống trong đơn vị đặc biệt ở cách tôi rất xa. Hiển nhiên là chúng tôi không có quan hệ gì với nhau; giữa chúng tôi cũng không có và không thể có cái gì là chung được. Thế nhưng thời kỳ này Petrov hình như coi là nghĩa vụ hàng ngày phải đến chỗ tôi hoặc giữ tôi bên mình những giờ giải lao, khi tôi đi dạo ra đằng sau trại để tránh xa con mắt mọi người. Ban đầu tôi không thích như thế. Nhưng anh ta đã biết cách làm thế nào để rồi chẳng bao lâu sau những cuộc viếng thăm của anh ta thậm chí còn hấp dẫn tôi, mặc dù nhìn chung anh ta không phải là người quảng giao và hoạt khẩu. Nhìn bên ngoài anh ta là người tầm thước, chắc nịch, khéo léo, năng động, gương mặt khá là dễ coi, da trắng xanh, lưỡng quyền rộng, ánh mắt bạo dạn, hàm răng trắng, mau và nhỏ và lúc nào cũng có mẩu thuốc lá vụn trên môi dưới. Dính thuốc lá trên môi là thói quen của nhiều tù nhân. Anh ta trông trẻ hơn tuổi. Thực tuổi anh là bốn mươi, nhưng trông chỉ độ ba mươi. Đối với tôi bao giờ anh cũng ăn nói thoải mái, coi như là rất ngang hàng với tôi, có nghĩa là cũng rất nghiêm chỉnh và tế nhị. Chẳng hạn, nếu anh thấy tôi muốn được ngồi một mình, thì anh chỉ nói chuyện vài phút rồi để tôi ngồi lại và bao giờ cũng cảm ơn tôi đã chú ý nghe, điều mà anh không thể hiện với ai trong trại bao giờ. Điều đáng chú ý là mối quan hệ như thế giữa chúng tôi được kéo dài không phải chỉ trong những ngày đầu tiên, mà là suốt mấy năm liền và hầu như không bao giờ thu hẹp đi, mặc dù thực sự anh đã là người trung thành với tôi. Ngay đến bây giờ tôi cũng không thể quả quyết được là anh muốn gì ở tôi, vì sao ngày nào anh cũng đến tôi như vậy? Sau này cũng có lúc anh lấy trộm của tôi cái này cái kia, nhưng anh lấy dường như là *vô tâm*; hầu như không bao giờ anh xin tiền tôi, nghĩa là anh đến không phải vì tiền hoặc vì một quyền lợi nào khác.

Tôi cũng không biết vì sao, nhưng bao giờ tôi cũng có cảm giác rằng nói chung là anh không sống cùng tôi trong trại, mà ở một nơi nào đó xa xôi trong một ngôi nhà khác, một thành phố khác, mà là chỉ ghé qua vào trại để nghe ngóng tin tức, để thăm nom tôi, để xem chúng tôi sống như thế nào. Lúc nào anh ta cũng vội vàng đi đâu, dường như bỏ ai ở đâu và ở đó người ta đang chờ anh, dường như anh chưa làm hết một việc gì đó ở đâu đó. Thế nhưng dường như anh lại không bận rộn gì mấy. Cái nhìn của anh cũng có vẻ lạ lùng, đó là cái

nhìn chăm chú, có nét mạnh dạn, lại có đôi chút châm biếm. Anh thường nhìn như về phương xa, nhìn thấu qua các đồ vật, dường như đằng sau cái vật thể trước mắt anh cố thấy một cái gì đó xa hơn. Điều đó làm anh có vẻ như người đãng trí. Đôi khi tôi đã cố gắng nhìn: từ chỗ tôi Petrov sẽ đi đâu? Có người chờ anh ở đâu? Nhưng từ nhà tôi anh chỉ vội vã đi đâu đó trong trại hoặc xuống nhà bếp, đến ngồi cạnh một người nào đó trong số những người ham chuyện, chăm chú lắng nghe, đôi khi cũng tham gia câu chuyện, có lúc rất say sưa, rồi sau đó không biết vì sao bỗng nhiên bỏ cuộc và im lặng. Nhưng dù anh có nói hay là ngồi im thì ai cũng thấy rõ rằng anh chỉ láng cháng thế thôi, rằng anh vẫn có công chuyện ở đâu đó và nơi ấy đang có người chờ anh. Điều lạ lùng hơn cả là anh chẳng hề có công chuyện ở đâu cả; anh sống hoàn toàn nhàn hạ (tất nhiên là trừ những công việc bắt buộc của trại). Anh chẳng có tài cán gì, tiền bạc thì hầu như không bao giờ có, nhưng anh cũng không ham hố đồng tiền. Vậy thì anh nói chuyện gì với tôi? Những câu chuyện của anh thật lạ lùng, giống như bản thân anh vậy. Chẳng hạn, hễ thấy tôi một mình lững thững ra đằng sau trại là lập lức anh quay ngoắt theo tôi. Anh đi bao giờ cũng nhanh, quay người đánh loáng là bước. Mình đi một bước là dường như anh đã chạy đến gần.

- Chào ông.

- Chào anh.

- Tôi không làm phiền ông đấy chứ?

- Không.

- Tôi muốn hỏi ông về Napoleon. Có phải ông ta là bà con với một người mà năm mười hai vẫn còn sống hay không? (Petrov là lính được quân đội nuôi từ bé và là người có học.)

- Bà con à?

- Người ta gọi ông ta là gì? Có phải là tổng thống không?

Câu hỏi của anh bao giờ cũng ngắn gọn, nhát gừng, dường như anh muốn biết rất nhanh một điều gì đó, giống như anh đang lục tìm trong sổ tra cứu một điều gì đó rất hệ trọng không thể nào trì hoãn được.

Tôi giải thích cho anh biết ông ta là tổng thống gì và nói thêm rằng có thể sắp tới ông ta sẽ là hoàng đế.

- Lại thế sao?

Tôi giải thích cho anh bằng mọi lý lẽ rằng sẽ như vậy. Petrov chăm chú nghe, hiểu cặn kẽ, hình dung được ngay, thậm chí anh ghé hẳn tai về phía tôi.

- Vậy thưa ông Aleksandr Petrovich, tôi xin hỏi ông một điều: người ta bảo có một loài khỉ tay dài xuống đến gót chân và cao bằng con người, có đúng vậy không?

- Đúng thế.

- Vậy chúng là khỉ gì?

Tôi biết đến đâu nói hết đến đó.

- Bây giờ chúng sống ở đâu?

- Ở những vùng đất ấm. Đảo Sumatra chẳng hạn.

- Đảo ấy ở Mỹ, đúng không? Có người nói rằng ở đó người ta đi bằng đầu xuống đất, phải vậy không?

- Không phải là bằng đầu xuống đất. Đó là anh hỏi về hiện tượng đối cực, vậy thôi.

Tôi giải thích cho anh châu Mỹ là thế nào và cố gắng cho anh biết đối cực là gì. Anh nghe rất chăm chú tựa hồ đến đây chỉ cốt để nghe chuyện đối cực.

- À ra thế. Năm ngoái tôi có được đọc về nữ bá tước Lavaliere. Sách do hạ sĩ Arefiev cho mượn. Chuyện ấy có thật hay chỉ là bịa, thưa ông? Truyện của ông Duma ấy.

- Chắc hẳn là chuyện hư cấu.

- Thế thôi, xin chào ông. Cám ơn ông nhé.

Và Petrov biến mất. Thực ra là hầu như chưa bao giờ chúng tôi nói những chuyện khác với những chuyện đã nói như thế này.

Tôi bắt đầu thăm dò về anh. Ông M. là người biết mối giao hảo của chúng tôi, ông cũng đã cảnh báo với tôi rồi. Ông nói rằng trong đám tù khổ sai có nhiều người làm cho ông khiếp hãi, đặc biệt là thời gian đầu vào trại, nhưng không có ai, thậm chí cả Gazin, cũng không gây cho ông ấn tượng khủng khiếp như anh Petrov này.

- Trong đám tù khổ sai anh ta là người quyết liệt nhất và can đảm nhất, - ông M. nói, - anh ta dám làm mọi việc, không từ việc gì, nếu như anh ta nổi cơn đồng bóng. Anh ta có thể cắt cổ ông, nếu anh ta chợt nghĩ đến chuyện đó. Anh ta sẽ cắt tiết ông mà không nhíu mày suy nghĩ và không hối hận gì cả. Tôi còn nghĩ đến chuyện là anh ta đầu óc không được bình thường.

Nhận xét ấy của ông khiến tôi chú ý đặc biệt. Nhưng ông M. lại không thể cho tôi biết rõ vì sao anh ta lại có vẻ như vậy. Và có một việc kỳ lạ: sau đó suốt mấy năm liền tôi biết Petrov, ngày nào tôi cũng nói chuyện với anh; lúc nào anh cũng

chân thành quấn quít bên tôi (mặc dù tôi không biết được ngọn nguồn vì sao) và trong suốt mấy năm trời ấy mặc dù anh vẫn sống trong trại một cách khôn ngoan và quả thật không làm điều gì khủng khiếp cả, nhưng cứ mỗi lần tôi nhìn anh ta và nói chuyện với anh thì tôi lại tự khẳng định rằng ông M. nói đúng, và rằng có thể Petrov là con người quyết liệt nhất, quả cảm nhất và không hề biết kiềm chế bản thân. Vì sao tôi lại cứ có cảm giác như thế thì tôi cũng không thể nào biết được.

Tuy nhiên tôi cũng xin nhận xét rằng anh chàng Petrov này chính là người muốn giết tên thiếu tá khi anh bị lôi đi chịu trừng phạt và khi tên thiếu tá “may mà thoát chết”, như anh em tù nhân vẫn nói thế, khi hắn rời khỏi chỗ đó một phút trước giờ trừng phạt. Một lần khác, trước khi vào trại, có xảy ra chuyện tên đại tá đã đánh anh trong lúc luyện tập. Chắc hẳn anh đã bị đòn nhiều lần trước mặt hắn, nhưng lần này anh không muốn chịu đựng nữa, nên đã giết tên đại tá của mình một cách công khai, giữa ban ngày ban mặt và trước cả một đoàn quân. Thế nhưng tôi không được biết chi tiết toàn bộ câu chuyện và anh cũng chưa bao giờ kể cho tôi nghe. Tất nhiên, đó chỉ là lúc bùng phát, khi bản chất của mình được bộc lộ ra ngoài trọn vẹn. Nhưng dẫu sao thì những phút bùng phát ấy cũng là rất hãn hữu trong con người anh. Thực sự anh vẫn là con người khôn ngoan và thậm chí là hiền dịu nữa. Anh dấu kín những niềm say mê, thậm chí cả những say mê mạnh mẽ, cháy bỏng. Nhưng than cháy mãi rồi cũng tàn lụi và teo tắt dần đi. Tôi không hề thấy nơi anh có chút gì là huênh hoang, là sĩ diện như ở những người khác. Anh rất ít khi cãi lộn, nhưng cũng không chơi thân với ai, hầu như chỉ thấy chơi với anh Sirotkin, mà cũng chỉ là những lúc cần đến anh ta mà thôi. Một lần tôi thấy anh nổi giận dữ dội. Người ta không đưa cho anh một cái gì đó, một đồ vật gì đó, chia thiếu cho anh một thứ gì đó. Một anh tù nhân lực lưỡng cãi nhau với anh. Đó là anh chàng cao lớn, hung dữ, hay nhạo báng và không hề biết sợ, tên là Vasili Antonov, là dân thường nhưng bị đi tù. Họ quát tháo nhau hồi lâu và tôi nghĩ rằng sự việc sẽ kết thúc bằng một trận đấm đá đơn giản, bởi vì Petrov, mặc dù rất hiếm hoi, nhưng đôi khi vẫn chửi bới như một tên tù mạt hạng. Thế nhưng lần này chuyện đó không xảy ra: Petrov bỗng tái mặt, môi anh run lên và thâm đen lại, hơi thở nặng nề. Anh rời chỗ đứng lên rồi chậm rãi, thật chậm rãi, với những bước chân trần nhẹ nhàng (mùa hè anh rất thích đi chân trần) anh đến gần Antonov. Bỗng nhiên cùng một lúc cả cái lán trại ồn ào ấy bỗng nhiên câm lặng: một con ruồi bay cũng nghe cánh vỗ. Mọi người chờ cái gì sẽ đến. Antonov nhảy bật lên đón đường, mặt cắt không được hột máu. Tôi

không chịu đựng nổi, phải bước ra ngoài lán. Tôi tưởng rằng mình chưa kịp bước khỏi bậc tam cấp thì đã nghe tiếng người bị cắt cổ rống lên. Nhưng lần này sự việc không có hồi kết như vậy. Petrov chưa kịp đến gần Antonov thì anh chàng này đã lặng lẽ và nhanh chóng vứt ra cái vật mà hai bên cãi nhau (Chuyện tranh chấp một vật mọn gì đó, một đôi xà cạp). Chắc hẳn là hai phút sau thế nào Antonov cũng chửi bới Petrov một chút để lương tâm yên ổn và để mọi người không chê, để chứng tỏ rằng anh hoàn toàn không phải hèn nhát như thế. Nhưng Petrov không thèm để ý đến chuyện chửi bới, thậm chí không thèm đáp lại: vấn đề không phải là ở chỗ chửi bới và câu chuyện đã có lợi cho anh. Vấn đề là anh rất hài lòng và đã lấy lại được cái vật mọn ấy. Mười lăm phút sau anh lại đã dạo gót trong trại với vẻ hoàn toàn nhàn nhã và dường như anh đang đi tìm xem người ta có nói ở đâu đó một chuyện gì đáng phải tò mò, để được thò mũi vào đó hóng chuyện. Có vẻ như chuyện gì cũng lôi cuốn anh, nhưng không hiểu sao vẫn có những trường hợp anh tỏ ra rất thờ ơ mọi chuyện và anh đi lang thang trong trại chỉ vì không có việc gì làm, cứ phải đi hết chỗ này chỗ nọ. Người ta cũng có thể so sánh anh với một người lao công, một người lao công lực lưỡng, bị mất việc mà chưa có việc mới, trong lúc chờ đợi anh ta phải ngồi không và chơi đùa với bọn trẻ con. Nhiều lúc tôi cũng không hiểu anh sống trong trại này làm gì, sao anh không chạy trốn đi? Anh đã không nghĩ đến chuyện chạy trốn, nếu như anh chỉ nóng lòng mong muốn điều đó. Đối với những con người như Petrov thì lý trí chỉ chiến thắng trước khi họ mong muốn điều gì. Khi đó thì trên cả trái đất này không có gì cản trở được mong muốn của họ. Còn tôi thì tôi tin tưởng rằng anh có thể chạy trốn được một cách khôn khéo, đánh lừa được mọi người, có thể ngồi một tuần không có bánh mỳ ở một nơi nào đó trong rừng hoặc trong đám lau sậy bên bờ sông mép suối. Nhưng rõ ràng là anh chưa có ý nghĩ ấy và *hoàn toàn* không mong muốn điều đó. Tôi chưa bao giờ thấy anh có nhiều khả năng suy xét, có lối sống đặc biệt khỏe khoắn. Những con người như thế từ khi được sinh ra đã chịu theo một tư tưởng suốt đời đẩy họ đi đây đi đó một cách vô thức; và thế là họ lang thang suốt đời cho đến khi nào tìm được cho mình một công việc hoàn toàn theo ý muốn, đối với họ đầu óc chả có ý nghĩa gì cả. Đôi khi tôi lấy làm ngạc nhiên làm sao một con người như thế, một người đã cắt cổ thượng cấp của mình chỉ vì bị đánh đập, một người như thế mà ở đây lại nằm im chịu đòn được. Anh ta đã mấy lần bị đánh vì tội mang rượu. Cũng giống như tất cả những tù nhân không có nghề riêng, đôi lúc anh cũng làm nghề chở rượu. Nhưng anh nằm yên chịu đòn cứ như là chính mình đồng ý, có nghĩa là ý

thức được công việc của mình, nếu không thế thì anh đã không chịu nằm xuống, dù có bị giết chết đi nữa. Tôi còn thấy ngạc nhiên khi anh đã quấn quít với tôi rồi mà vẫn ăn cắp đồ đạc của tôi. Anh ta giở chứng như thế cũng chỉ có từng thời kỳ mà thôi. Anh lấy của tôi tập Kinh Thánh, mà tôi chỉ cho phép mang đi qua lại chỗ này chỗ kia. Con đường chỉ có mấy bước mà anh ta đã kịp tìm được người mua để bán đi, rồi sau uống rượu hết sạch. Quả thật là anh ta rất thèm rượu, mà cái gì đã thèm thì *phải được* thực hiện. Có một kẻ như thế đã giết chết người để lấy hai mươi lăm xu đem uống rượu, mặc dù vào lúc khác có thể ném đi hàng trăm ngàn đồng. Chiều tối hôm đó chính anh thú nhận với tôi là đã ăn cắp, chỉ có điều không thấy anh bận tâm suy nghĩ và tỏ ra hối hận, anh hoàn toàn vô tư, coi như một sự quá ư bình thường. Tôi đã thử mắng anh ta một trận nên thân, mà quả thật tôi cũng rất tiếc cuốn Kinh Thánh. Anh ngồi lắng nghe không bị kích động, thậm chí rất ngoan ngoãn. Anh đồng ý rằng Kinh Thánh là cuốn sách rất hữu ích, chân thành hối tiếc rằng bây giờ không có sách nữa, nhưng hoàn toàn không hối hận là anh đã ăn cắp. Anh tỏ ra tự tin đến mức tôi thôi không mắng mỏ nữa. Anh đã chịu nghe tôi mắng, rõ ràng là đã hiểu được rằng với hành động như thế thì không thể không mắng chửi được, mà một khi đã mắng chửi rồi thì người chửi sẽ thấy được an ủi, thấy tâm hồn thư thái, nhưng thực chất thì tất cả những cái đó chỉ là chuyện vớ vẩn, một thứ vớ vẩn mà một người nghiêm túc sẽ thấy xấu hổ khi phải nói ra miệng. Tôi có cảm giác rằng anh ta coi tôi là một đứa trẻ con, gần như là hài nhi, không am hiểu cả những điều tầm thường nhất trên đời. Chẳng hạn, nếu như tự tôi nói với anh một chuyện gì đó ngoài khoa học và sách vở, thì tất nhiên anh ta cũng trả lời tôi, nhưng dường như chỉ vì tôn trọng tôi, nên chỉ trả lời mấy câu ngắn ngủi nhất. Tôi vẫn thường hay tự hỏi mình một câu: anh ta cần gì những kiến thức sách vở mà anh vẫn thường hỏi tôi? Thường là trong những câu chuyện như thế thỉnh thoảng tôi cũng đưa mắt liếc xéo sang anh xem anh ta có cười diễu tôi hay không? Nhưng không; thường là anh ngồi nghe nghiêm túc, chăm chú, mặc dù cũng không phải là chăm chú lắm, và đó là tình huống làm tôi bực mình. Những câu hỏi anh đưa ra là rất chính xác, là trúng vấn đề, nhưng dường như anh lại không mấy ngạc nhiên trước những tri thức nhận được ở nơi tôi và anh đón nhận chúng thậm chí là cũng lơ đễnh. Tôi còn cảm nhận thêm rằng đối với tôi anh chẳng phải suy nghĩ gì khi khẳng định rằng không thể nói như nói với những người khác, rằng ngoài chuyện sách vở tôi sẽ chẳng hiểu gì cả và thậm chí là không có năng lực để hiểu, thế cho nên chẳng có gì cần phải làm tôi bất an.

Tôi tin rằng thậm chí anh cũng yêu mến tôi và điều đó làm tôi rất ngạc nhiên. Liệu anh ta có coi tôi là người chưa trưởng thành, là kẻ chưa đủ trí khôn hay không, liệu anh có sự cảm thông đặc biệt với tôi hay không, thứ cảm thông bản năng của bất kỳ một thực thể mạnh mẽ nào cũng có đối với một thực thể khác rất yếu kém, không hiểu anh có ngộ nhận tôi như thế hay không... những điều đó tôi không biết được. Và mặc dù những điều đó không ngăn cản anh ta ăn cắp của tôi, nhưng tôi tin rằng khi ăn cắp như thế anh ta có thương xót tôi. Nhưng lại có người bảo: “Ôi dào! Khi nó thò tay ra lấy đồ của tôi, chắc là nó đã nghĩ tôi là cái con người quái gì mà đến của cải của mình cũng không biết đường giữ!” Nhưng có thể chính vì thế mà anh ấy yêu tôi. Một lần chính anh ta có vẻ như vô tình bảo tôi rằng “ông là con người có tấm lòng quá tốt”, rằng “ông là người sống thật đơn giản, thật đơn giản đến mức ai cũng phải thấy thương hại”, rồi một phút sau anh ta nói thêm “Chỉ có ông, ông Aleksandr Petrovich ạ, chỉ có ông là người không để bụng giận ai. Tôi thật lòng nói với ông đấy”.

Đối với những con người như thế trong cuộc đời thường có những trường hợp tự nhiên họ bộc lộ mình một cách thật rõ rệt và đậm nét và tự định hình trong những giờ phút có một hành động hoặc một bước ngoặt gì đó quyết liệt và tổng thể và nhờ đó họ lao vào hoạt động đầy đủ của mình. Họ không phải là những người lắm lời và không thể là những người khởi xướng công việc và chỉ đạo công việc, nhưng họ lại là những người thực thi chủ yếu và những người đầu tiên bắt tay vào việc. Họ bắt tay vào một cách đơn giản, không hô hoán gì đặc biệt, thế nhưng lại là những người đầu tiên vượt chướng ngại chính yếu mà không hề phải đắn đo suy nghĩ, không hề sợ hãi, xông thẳng vào chốn chông gai, rồi đó mọi người phải lao đi theo họ, đi theo một cách mù quáng, đi đến tận bức tường cuối cùng, nơi mọi người thường chết tại đó. Tôi không tin rằng Petrov đã kết thúc tốt đẹp, anh ta đến một phút nào đó sẽ kết thúc tất cả cùng một lúc, còn nếu như trước nay anh ta đã ngã gục thì có nghĩa là trường hợp của anh ta chưa tới. Thế nhưng ai mà biết được? Có thể anh ta sẽ sống đến lúc đầu bạc răng long và sẽ chết già một cách thật là êm thấm và được vô công rồi nghề đi đây đi đó. Nhưng tôi vẫn có cảm giác rằng ông M. nói đúng khi ông bảo rằng trong toàn trại này anh ta mới là người sống quyết liệt nhất.

VIII

NHỮNG CON NGƯỜI QUYẾT LIỆT. LUCHKA

Khó có thể nói gì về những con người quyết liệt; trong trại cũng như ngoài trại, những người này đâu đâu cũng khá là hiếm hoi. Nhìn bề ngoài có thể đó là một người khủng khiếp. Bạn cứ nghĩ mà xem, thường người ta kể chuyện về một người khác mà bạn thậm chí phải tránh né hắn. Có một tình cảm nào đó không rõ rệt buộc tôi đầu tiên phải bỏ qua những con người đó. Sau rồi tôi tự thay đổi rất nhiều trong cách nhìn của mình thậm chí đối với cả những kẻ giết người kinh khủng nhất. Có kẻ không giết người mà lại kinh khủng hơn cả kẻ đã giết tới sáu sinh linh trước khi vào trại. Về một số tội ác ta khó lòng có thể định ra được thậm chí là cái khái niệm sơ khai nhất: trong khi gây ra các tội ác ấy có không biết bao nhiêu những điều kỳ lạ. Tôi nói như thế bởi vì rằng trong dân ta có nhiều vụ giết người lại xuất phát từ những nguyên nhân đáng ngạc nhiên nhất. Chẳng hạn, rất thường thấy một kiểu giết người là: có một người sống lặng lẽ và yên ổn. Số phận cay đắng thì chịu vậy, cứ cho rằng anh ta là kẻ muzik, là một gia nhân, một kẻ tiện nhân, một chú lính trơn. Bỗng nhiên anh ta bị một cái gì đó hụt hẫng, anh ta không chịu đựng nổi và đã dùng dao đâm kẻ thù và kẻ ức hiếp mình. Chính đây là nơi bắt đầu cái sự kỳ lạ: con người trong chốc lát bỗng chốc vượt khỏi mực thước. Kẻ đầu tiên anh ta giết chết là kẻ thù, là kẻ ức hiếp anh ta. Mặc dù đó là tội ác, nhưng lại rõ ràng; tội ác có nguyên cớ của nó; nhưng sau đó anh ta giết không phải là kẻ thù, mà giết một người bất chợt trên đường, giết để tiêu khiển, giết vì một lời thô bạo, vì một cái nhìn, để chỉ cần nói lại một câu đơn giản “Cút xéo đi, đừng có xuất hiện nữa, tao đi đây!” Đúng hệt như một người say rượu, hệt như trong lúc nói mớ cuồng hận. Hệt như khi bước qua khỏi cái vạch ngăn thiêng liêng của mình, anh ta bắt đầu quan sát thấy rằng đối với anh ta chẳng có gì là thiêng liêng nữa; hệt như anh ta thèm muốn được một lần vượt qua bất kỳ quy luật nào và quyền lực nào và được hưởng thụ quyền tự do vô biên nhất và vô độ nhất, được hưởng thụ cảm giác thót tim vì khiếp sợ mà anh ta chưa bao giờ tự cảm thấy được như vậy đối với bản thân mình. Hơn nữa anh ta còn biết được đang có một án tử hình khủng khiếp chờ đợi anh ta. Tất cả những thứ đó có thể giống cái cảm giác khi con người từ đỉnh tháp cao ngất lao

xuống vực sâu hun hút ngay dưới chân mình mà bản thân anh ta lại thấy vui mừng vì đã lao đầu xuống trước để mọi sự kết thúc nhanh hơn! Và tất cả những chuyện đó lại xảy ra với những con người vốn dĩ là an phận nhất và vô danh nhất. Một số người trong trạng thái này thậm chí còn khoe mẽ nữa là khác. Trước kia họ càng khiếp nhược bao nhiêu, thì nay họ lại càng khao khát được phô trương, được reo rắc kinh hoàng bấy nhiêu. Anh ta hưởng thụ nỗi kinh hoàng ấy, yêu thích chính sự ghê tởm mà anh ta khơi dậy trong lòng người khác. Anh ta làm ra *vẻ táo tợn*, và chính con người "táo tợn" ấy đôi khi lại phải đón đợi trừng phạt, đón đợi để người ta *kết liễu* anh ta, bởi vì cuối cùng thì chính anh ta thấy khổ cực phải gánh vác cái tội *táo tợn* khoe mẽ ấy. Có một điều cũng hay là phần lớn tâm trạng đó, thói khoe mẽ đó lại cứ kéo dài cho đến lúc phải lên đoạn đầu đài, rồi sau đó là bị chặt đầu như thế này: thời điểm đó thực sự là thời điểm chính thống, dường như đã được ấn định trước bởi một số những quy tắc nhất định. Đến lúc đó con người tự nhiên mềm nhũn, bủn rủn, và tự biến thành một mớ rẻ rách. Trên đoạn đầu đài anh ta rền rĩ kêu xin nhân dân tha tội. Khi vào trại anh ta trông như một đứa trẻ còn đầy mũi dãi, một kẻ thậm chí là khiếp nhược, cho nên nhìn anh ấy chúng ta lại thấy kinh ngạc: "Chẳng lẽ một con người như thế này mà giết chết đến năm sáu người hay sao?"

Tất nhiên, bây giờ vào trại anh ta lại không an phận đâu. Anh ta vẫn giữ được một sức mạnh nào đó, một kiểu khoe khoang nào đó, chẳng hạn, tôi không phải cái thứ các người lầm tưởng đâu, tôi đã diệt "sáu sinh mạng" đấy nhé. Nhưng rồi cuối cùng anh ta cũng lại an phận. Đôi khi anh ta chỉ là an ủi mình khi nhớ lại cái khí thế hào hùng của mình, những cuộc truy hoan của mình, nhớ lại có một lần trong đời anh được là "người táo tợn" và rất thích nếu tìm được một người bình thường nào đó để được tỏ ra điệu bộ trước mặt người ấy, được khoe khoang, được kể cho người ấy nghe những chiến tích của mình, nhưng không lộ ra vẻ là muốn kể cho chính người ấy nghe những chuyện đó. Anh ta sẽ bảo: đấy, tôi là con người như thế đấy!

Thói thận trọng vị kỷ được quan sát thấy một cách thật là tinh tế, cũng như câu chuyện như trên đôi khi được kể một cách có vẻ như chểnh mảng và lười nhác! Sự ngu xuẩn được nghiền ngẫm thấu đáo đến như thế được bộc lộ trong giọng điệu, trong từ ngữ của người kể chuyện. Người ta học được những thứ đó thật là tuyệt vời!

Trong những ngày đầu tiên ấy có một lần vào một buổi chiều dài dằng dặc tôi ngao ngán nằm trong lán trại và được nghe một trong những câu chuyện như

thế và do còn thiếu kinh nghiệm mà tôi ngộ nhận rằng người kể chuyện là kẻ hung đồ khủng khiếp khét tiếng, là một tính cách sắt đá vô song, trong khi hắn chỉ rỡn đùa Petrov mà thôi. Chủ đề câu chuyện chỉ là hắn, tức là Luka Kuzmich, chẳng có mục đích gì khác ngoài mục đích thỏa mãn cá nhân, đã *hạ sát* một viên thiếu tá. Tên Luka Kuzmich chính là tên tù nhân trẻ tuổi bé nhỏ nhất, người gày gò, mũi khoằm, để tóc chỏm mà có lần tôi đã nói đến. Luka Kuzmich vốn là người Nga, nhưng sinh ra ở miền Nam, có lẽ trong nhà gia nô. Trong con người hắn quả là có một cái gì đó sắc sảo, gai góc "chim nhỏ mỏ sắc". Nhưng các tù nhân bằng trực cảm vẫn mổ xẻ được con người. Hắn ta rất ít được kính trọng, hoặc nói như anh em trong trại "người ta rất ít dành lòng kính trọng cho hắn". Hắn có lòng tự ái khủng khiếp. Chiều hôm ấy hắn ngồi trong lán khâu áo. Khâu vá là nghề riêng của hắn. Ngồi cạnh hắn là một anh chàng thiểu năng đần độn, nhưng tốt bụng và ân cần, người cao và đậm, có giường ngủ gần đấy tên là Kobylin. Luka hay cãi nhau với anh này và thường nhìn anh bằng nửa con mắt, diễu cợt anh và áp đặt anh, nhưng Kobylin phần nào đó vì tốt bụng nên không nhận ra. Anh này ngồi đan một chiếc tất len và thản nhiên nghe chuyện Luka. Luka kể chuyện khá to và khúc chiết. Hắn ta muốn mọi người đều phải nghe, mặc dù vẫn ráng làm ra vẻ chỉ kể riêng cho một mình Kobylin mà thôi. Hắn ta đưa đẩy mũi kim và bắt đầu:

- Người anh em ạ, người ta chuyển tôi từ một chỗ sang trại Ch., cứ như là đi chơi ấy.

- Họ chuyển hồi nào? - Kobylin hỏi.

- Chuyện xưa lắm rồi. Hồi bọn mình mới đến trại K. Người ta cho mình ở đấy có một thời gian ngắn thôi. Cùng ở với mình có mười hai người, toàn bọn tóc chỏm cao to lực lưỡng như bò mộng. Nhưng họ lại hiền lắm: ăn uống thì kham khổ, lại bị một tên thiếu tá hành hạ - *ưn huệ* của lão ta đấy (Luka cố tình nhại chữ *ân huệ*). Tôi ngồi một ngày, rồi một ngày nữa. Tôi thấy mọi người hèn quá. Tôi bảo "Mọi người làm sao thế? Cái thằng ngốc ấy thì việc gì mà phải tri ân?" - "Thì nhà anh đi mà nói với hắn!" Mọi người lại còn cười tôi nữa chứ. Tôi im lặng.

- Nhưng, các anh em ạ, buồn cười nhất là có một anh tóc chỏm, - hắn nói thêm, khi bỏ qua Kobylin mà nói với mọi người. - Anh ta kể chuyện bị kết tội trước tòa và đã nói chuyện với quan tòa như thế nào, còn bản thân anh ta thì khóc như cha chết. Anh ta bảo rằng phải bỏ lại vợ con ở nhà. Anh ta béo phục phịch, đầu bạc trắng, người rắn rỏi. Tôi dùng tiếng thổ ngữ của anh ta mà bảo

“Sao lúc nào nhà anh cũng khóc than rên siết như thế. Vasya, anh cho tôi một sợi chỉ. Những chỉ trong trại này mục hết rồi”.

Anh ta đưa tôi một sợi chỉ -“Chỉ mua ở chợ đấy!”

- Chỉ vứt đi của tôi còn tốt hơn. Bữa trước bảo Nevalid đi mua, không biết ông tướng mua của mụ nào đấy? - Luka vừa nói vừa xâu kim ở chỗ ánh sáng.

- Chắc là mua chỗ bà mẹ đỡ đầu.

- Chắc thế.

- Thế nào. Chuyện thằng thiếu tá thế nào? - Kobylin bị lãng quên hoàn toàn từ nãy, lên tiếng.

Luka chỉ cần có thế. Tuy nhiên hắn tiếp tục câu chuyện không phải lúc này, thậm chí có vẻ như không quan tâm đến sự chú ý của Kobylin. Hắn bình tĩnh so chỉ, bình tĩnh và lười nhác đổi bắt chéo hai chân rồi cuối cùng lên tiếng:

- Cuối cùng tôi đã làm mấy anh đầu chỏm phải náo loạn lên, họ đến yêu sách tên thiếu tá. Còn tôi thì từ buổi sáng đã đi mượn anh bạn hàng xóm con dao nhọn, dấu đi một chỗ, có nghĩa là đề phòng bất trắc. Tên thiếu tá lồng lộn lên. Hắn đi xe đến. Tôi bảo “Này anh em, đừng có run sợ”. Thế nhưng anh em run như cầy sấy. Tên thiếu tá chạy vào, lảo đảo vì rượu. “Thằng nào ở đây! Làm sao lại ở đây! Tao là Hoàng thượng. Tao là Thượng đế!”

- Làm sao nó lại dám nói “Tao là Hoàng thượng. Tao là Thượng đế!” - Luka nói tiếp. - Thế là tôi bước lên, con dao nhọn đã ở trong tay áo.

“Không, tôi nói, thưa ngài, - tôi cứ đến gần từng bước một, - không, làm sao lại có thể như thế được, tôi nói, thưa ngài, làm sao ngài lại là Hoàng thượng hay Thượng đế của chúng tôi được?”

“A, mày dám nói thế, mày dám nói thế hả? - tên thiếu tá quát lên. - Quân nổi loạn!”

“Không phải thế đâu, tôi nói (tôi vẫn đến gần từng bước một). Không phải thế đâu, tôi nói, thưa ngài, có thể chính ngài cũng đã biết rồi đấy, chúng tôi đã có một Thượng đế duy nhất toàn năng và toàn trị rồi, - tôi nói - Và Hoàng thượng của chúng tôi cũng chỉ có một vị duy nhất mà Thượng đế đã sai phái xuống đây trông nom tất cả chúng ta đấy. Thưa ngài, - tôi nói, - người ấy mới là quân vương. Còn ngài, tôi nói, đội ơn Hoàng thượng, ngài chỉ là thiếu tá thôi, là người trông nom chúng tôi, thưa ngài”.

“Thế-thế-thế-thế!” - hắn ta kêu cục cục trong cổ, nói không ra tiếng, như bị sặc nước. Hắn kinh ngạc quá.

“Vâng, thế này đấy!”, - tôi vừa nói xong, liền lao mình vào chỗ hắn, thọc cả con dao vào chính giữa bụng hắn. Lưỡi dao vào ngọt xớt. Hắn đổ vật xuống, hai chân vẫy vẫy. Tôi vứt luôn con dao đi.

“Nào, anh em, nhìn này, bây giờ anh em dựng hắn dậy!”

Đến đây tôi xin có đôi lời ngoại đề. Thật bất hạnh là những lối nói “Ta là Hoàng thượng, ta là Thượng đế” và nhiều cách nói tương tự khác nữa trước đây đã được sử dụng không hề ít chút nào trên môi nhiều tên quản ngục. Tuy nhiên, cần thừa nhận rằng những tên quản ngục như thế còn lại không nhiều, mà cũng có thể là đã bị chuyển đi chỗ khác hết rồi. Tôi cũng xin có nhận xét thêm rằng những kẻ sính dùng những lối nói ấy nhất là phần lớn là những tên quản ngục ngoi lên từ những hàng phẩm trật thấp kém. Chiếc lon sĩ quan dường như đã làm đảo lộn toàn bộ gan ruột chúng, và đồng thời là cả đầu óc chúng nữa. Sau một thời gian dài oằn vai chịu đựng mọi gánh nặng trong thân phận của cấp dưới, bây giờ thấy mình được làm sĩ quan, làm chỉ huy, được là cao quý, thế là do còn lạ lẫm, do được hoan hỷ ban đầu mà đem cường điệu cái khái niệm về sức mạnh và ý nghĩa của mình, chắc chắn chỉ là đối với những hạ cấp. Đối với thượng cấp thì họ vẫn xun xoe như trước, thứ xun xoe hoàn toàn không cần thiết, và thậm chí còn gây phản cảm đối với nhiều vị. Nhiều tên xu nịnh còn khúm núm hấp tấp tuyên bố với chỉ huy của mình rằng dù đã được là sĩ quan, nhưng vẫn cứ là cấp dưới và “bao giờ cũng nhớ vị trí của mình”. Nhưng đối với cấp dưới của họ thì họ lại là kẻ ra mệnh lệnh gần như không biết đến giới hạn. Tất nhiên, bây giờ thì chưa chắc đã có những con người như thế và chưa chắc đã tìm được kẻ nào kêu to “Ta là Hoàng thượng, ta là Thượng đế”. Nhưng dù có như vậy đi nữa tôi vẫn cứ nhận thấy rằng không có cái gì kích động tù nhân, và nói chung là kích động các loại cấp dưới bằng lối nói trên đây của bọn lãnh đạo cấp trên. Cái thói tự tung tự hô trâng tráo, thói cường điệu ý nghĩa về khả năng không bị trừng phạt của mình đã làm nảy sinh lòng căm thù trong trái tim của chính kẻ chịu đựng và dẫn người đó đến chỗ không chịu đựng được nữa. May thay, tất cả những điều này hầu như đã là quá khứ, thậm chí ngày xưa còn bị bọn quan trên theo dõi gắt gao. Về chuyện này tôi cũng đã được mấy lần chứng kiến.

Nói chung thì cấp dưới luôn bị kích động bởi bất kỳ một sự sơ suất nào từ bên trên, bất kỳ một sự khinh thường nào đối với cấp dưới. Đó cũng là một sự lầm lạc. Bất kỳ người nào, dù anh ta là ai đi nữa và bị tủi nhục đến đâu đi nữa, thì dù là trực cảm, là vô ý thức, nhưng thế nào anh ta cũng đòi hỏi phải được tôn trọng phẩm giá con người của anh ta. Bản thân người tù nào cũng biết rằng anh ta là

tù nhân, là người bị hắt hủi, anh ta biết vị trí của mình trước thượng cấp, nhưng không có dấu triện nào, không có gông cùm nào có thể bắt anh ta quên được rằng anh ta là con người. Và chính quả thực anh ta là con người, nên suy ra là phải đối xử với anh ta theo lối con người. Lạy Chúa! việc đối xử *theo lối con người* có thể phục sinh cả những kẻ mà nơi họ hình ảnh Chúa đã mờ đi từ lâu rồi. Với “những con người bất hạnh này” thì cần phải đối xử theo lối con người nhiều nhất. Đó là sự cứu rỗi và là niềm vui của họ. Tôi đã gặp gỡ những người chỉ huy tốt bụng và cao quý như thế. Tôi đã nhìn thấy những hành vi mà họ thể hiện đối với những kẻ bị nhục mạ. Chỉ cần một vài lời âu yếm là những tù nhân hầu như được phục sinh về mặt đạo đức. Họ vui mừng như những đứa trẻ và bắt đầu biết yêu như những đứa trẻ. Tôi còn nhận thấy một điều lạ lùng nữa: bản thân các tù nhân không thích lối đối xử quá ư suồng sã và *quá ư* rộng lượng của bọn chỉ huy đối với mình. Họ muốn được tôn trọng chỉ huy, nhưng đối xử như trên thì họ thôi ngay. Người tù mong muốn chỉ huy của mình cũng có huân huy chương này nọ để chỉ huy được mở mày mở mặt, được mang ơn huệ của chỉ huy cấp trên nữa, mong muốn người chỉ huy phải nghiêm khắc, phải trịnh trọng, phải công bằng và phải biết giữ gìn thể diện của chính mình. Tù nhân rất biết trọng những người như thế, có nghĩa là tù nhân cũng giữ gìn thể diện của mình, không chọc giận chỉ huy, và như vậy mọi việc đều tốt và đẹp.

- Thế là người ta đem anh ra rán lấy mỡ chứ gì? - Kobylin nhẹ nhàng nhận xét.

- E hèm! Đúng rồi đấy, người anh em ạ. Đúng là đem rán. Alei, đưa cho tôi cái kéo! Thế nào, anh em, hôm nay không có thằng mai-đan nào à?

- Chúng uống xong rồi, - Vasya nhận xét. - Giá như chưa hết thì chúng còn ngồi đấy.

- Giá như với chả giá như! Nếu được “giá như” thì mình đã ở Moskva và có người cho một trăm rúp, - Luka nói.

- Thế sau cái vụ ấy người ta cho anh tất cả bao nhiêu? - Kobylin lại nói.

- Bạn thân mến ơi, người ta cho một trăm linh năm. Mà tôi phải nói với các anh em rằng tôi bị thừa sống thiếu chết đấy. - Luka nhân câu hỏi mà kể tiếp, lại một lần nữa bỏ qua Kobylin. - Người ta cho tôi một trăm linh năm. Tôi phải ăn

mặc rất tề chỉnh. Từ xưa tới đó tôi chưa hề ăn roi bao giờ. Người kéo ra xem đông bạt ngàn, cả thành phố kéo ra. Người ta kháo nhau: sắp trừng phạt một tên cướp, tức là một tên giết người. Những người ấy ngu ngốc thế cơ chứ, mà tôi cũng không biết nói thế nào nữa. Tên đao phủ cởi quần áo tôi ra, bắt tôi nằm xuống, miệng quát “Chịu đau đấy, tao đốt thịt đấy!” - tôi chờ đợi: chuyện gì đây? Hắn cho tôi một roi. Tôi muốn thét lên, miệng há to mà không kêu được. Có nghĩa là tiếng nói đọng lại trong cổ. Roi thứ hai, các bạn có tin không thì tùy. Tôi không còn nghe người ta đếm đến *hai* nữa. Lúc tỉnh dậy nghe có người đếm mười bẩy. Người anh em ạ, thế là sau đó đã bốn lần tôi được khiêng xuống khỏi sàn gỗ, mỗi lần được nghỉ nửa tiếng: được dội nước khắp người. Mắt tôi lồi ra, tôi nhìn mọi người và nghĩ bụng: “Phen này chết thật...”

- Thế sao anh lại không chết? - Kobylin ngây thơ hỏi.

Luka nhìn sang bằng con mắt khinh thị cao ngạo rồi cười lớn.

- Anh đúng là một cây trụ!

- Nằm trên tầng hầm mái thì chẳng ra gì đâu, - Luka nhận xét dường như hối hận vì đã nói chuyện với một người như thế này.

- Có nghĩa là phải có lý trí mới được, - Vasya đế thêm.

Luka đã giết tới sáu nhân mạng, nhưng trong trại không ai sợ anh ta bao giờ, mặc dù có thể trong tâm tư anh ta cũng muốn được nổi tiếng là người khủng khiếp...

IX

ISAI FOMICH. NHÀ TẮM HƠI. CHUYỆN CỦA BAKLUSHIN

Sắp đến ngày lễ mừng Chúa Ki-tô ra đời. Các trại nhân trông đợi ngày này một cách hết sức trang trọng, và cứ nhìn họ là tôi lại thấy như mình cũng đang chờ đợi một điều gì khác thường. Bốn ngày trước lễ mừng chúng tôi được dẫn đến nhà tắm hơi. Hồi tôi ở đấy, nhất là những ngày đầu tiên, anh em tù nhân rất hiếm khi được dẫn đi tắm hơi. Mọi người mừng lắm và bắt đầu sửa soạn. Có lệnh qui định là sẽ đi sau giờ ăn trưa và vào những giờ đó là không bố trí công việc. Người vui mừng nhất và lăng xăng nhất trại là anh Isai Fomich Bumshtein, tù khổ sai người Do Thái mà tôi đã nói đến trong chương IV của truyện này. Anh thích được xông hơi đến mức mê muội đi thì thôi, và đến bây giờ, cứ mỗi lần có dịp ôn chuyện ngày xưa, nhớ lại nhà tắm hơi của tù nhân khổ sai (nó cũng xứng đáng để không bao giờ bị quên lãng) thì trước mắt tôi lại hiện ra thật đậm nét gương mặt rạng rỡ và thật khó quên của anh chàng Isai Fomich, người bạn tù khổ sai cùng lán trại với tôi. Lạy Chúa! Gương mặt anh sao mà ngộ nghĩnh và tức cười đến như thế chứ! Phần trước tôi đã nói đôi lời về dáng vẻ anh: anh chưa đến ngũ tuần xuân, người còm cõi, nhăn nhúm, có mấy dấu triện đóng trên má và trên trán trông thật dữ dội, lúc nào cũng gày gò, yếu ớt, như con gà con lông trắng. Ấy vậy mà trên gương mặt anh lúc nào cũng lộ ra vẻ thỏa mãn, thậm chí còn là niềm khoái lạc liên tục, không gì kìm hãm nổi. Có lẽ anh không bao giờ hối hận vì phải vào đây. Chính vì anh là thợ kim hoàn, mà thợ kim hoàn trong thành phố này không có, nên anh phải làm việc không ngừng để phục vụ cho các quý ngài và giới lãnh đạo thành phố. Mặc dù không đáng bao nhiêu, nhưng anh vẫn được trả tiền. Anh không có nhu cầu gì, sống khá là *giàu có*, nhưng anh vẫn để dành tiền đem gửi khắp trại lấy lãi. Anh có riêng một cái ấm *samovar*, một tấm nệm đẹp, mấy cái cốc và cả một bộ đồ ăn. Những người Do Thái trong thành phố không còn coi anh là chỗ quen biết và là người đỡ đầu của mình nữa. Vào các ngày thứ Bảy hàng tuần anh được lính áp giải đến nhà nguyện thành phố (điều này đã được luật pháp qui định) và đã được sống hoàn toàn thảnh thơi, tuy thế anh vẫn nóng lòng chờ đợi được sống trót lọt hạn tù mười hai năm

để “được lấy vợ”. Ở nơi anh có sự hòa trộn hài hước của các loại tính cách: ngây thơ, đần độn, láu cá, xấc xược, sởi lởi, rụt rè, khoác lác và dơ dáng. Tôi rất lấy làm lạ một điều là nói chung anh em trại nhân không ai cười diễu anh cả, hoặc giả chỉ là trêu chọc cho vui mà thôi. Rõ ràng là Isai Fomich đã luôn luôn làm cho mọi người được an ủi và được giải trí. “Ở đây chúng ta chỉ có một mình anh ấy thôi đấy. Không ai được đụng vào Isai Fomich”, - các anh em tù nhân đều nói như thế. Isai Fomich mặc dù cũng hiểu rõ vấn đề, nhưng hiển nhiên là anh thấy tự hào về ý nghĩa của mình, nên anh càng làm cho tù nhân vui vẻ hơn. Anh bước vào trại là đã rất buồn cười rồi (anh vào trại trước tôi, nhưng tôi được mọi người kể lại). Một hôm bất ngờ, trước lúc chiều tối, vào giờ nghỉ việc, trong trại bỗng xôn xao tin đồn rằng người ta sẽ mang đến đây một anh Do Thái, sẽ cạo đầu anh ta trong phòng bảo vệ và rằng anh ta sắp đến ngay bây giờ. Hồi bấy giờ trong trại chưa hề có một người Do Thái nào cả. Tù nhân nóng lòng chờ đợi và khi anh ta bước chân vào cổng thì cả trại bu ra xem. Viên hạ sĩ dẫn anh vào lán dân sự, chỉ cho anh một chỗ nằm. Isai Fomich mang vào một cái tay nải có mấy thứ đồ dùng của trại phát cho và của riêng anh. Anh đặt tay nải xuống, trèo lên giường khoanh chân ngồi đấy không dám ngước mắt nhìn ai. Xung quanh anh, mọi người cười rộ lên, nói những lời bông đùa về nguồn gốc Do Thái của anh. Bỗng chốc từ trong đám đông lách ra một anh chàng trẻ tuổi cầm trên tay mấy cái quần mùa hè cũ kỹ, bẩn thỉu và rách rưới nhất, kèm thêm một đôi xà cạp được cấp phát. Anh này ngồi xuống cạnh Isai Fomich rồi vỗ vai anh ta một cái.

- Anh bạn thân mến ơi, tôi ở đây chờ anh đã hơn năm năm rồi. Anh xem anh trả tôi được bao nhiêu?

Rồi anh này chiềng ra trước mắt Isai Fomich những đồ dơ dáy kia.

Anh chàng Isai Fomich từ lúc bước chân vào trại đã nhút nhát đến mức không dám ngước mắt nhìn lên những gương mặt nực cười, dị dạng và khủng khiếp vây bọc xung quanh, và vì sợ quá nên không dám nói câu nào, nay trông thấy đống đồ đạc bỗng run rẩy đưa mấy ngón tay lật lật đống rẻ rách, rồi thậm chí đưa ra chỗ sáng cho rõ. Mọi người chờ xem anh ấy nói sao.

- Thế nào? Anh không trả được một đồng rúp bạc à? - anh chủ hàng nháy mắt với Isai Fomich.

- Một rúp bạc thì không, chỉ có thể được bảy cô-pếch thôi.

Đó là câu nói đầu tiên của Isai Fomich trong trại, và thế là mọi người cười lăn quay ra.

- Bảy à? Thôi, bảy cũng được: vận may của anh đấy! Nào cầm lấy đi. Anh lấy đầu đảm bảo cho tôi nhé.

- Lãi ba cô-pếch, vị chi là mười cô-pếch, - anh chàng Do Thái cất lên, giọng nói nhát gừng run rẩy, đưa tay vào túi lấy tiền rồi sợ hãi nhìn đám trại nhân. Anh ta vừa rất sợ hãi, nhưng lại vừa muốn cho xong công việc.

- Lãi suất ba cô-pếch tính bằng năm phải không?

- Không, không phải năm, mà là tháng.

- Anh kẹt xỉ quá, anh Do Thái ạ. Mà quý danh của anh là gì vậy?

- Isai Fomich.

- Thôi được, anh Isai Fomich, anh ở với chúng tôi sẽ kiếm được khá đấy! Chào anh.

Isai Fomich một lần nữa nhìn mấy thứ cầm đồ, gấp lại rồi cẩn thận xếp vào trong tay nải giữa tiếng cười kéo dài của đám tù nhân.

Quả thật là dường như anh ta được mọi người yêu mến, không ai làm phật ý anh, mặc dầu hầu như ai cũng mắc nợ anh. Bản thân anh cũng hiền lành như một cô gà mái, và khi thấy mọi người có thiện cảm với mình, anh thấy can đảm hơn, thể hiện chất người khôi hài đôn hậu đến nỗi người ta bỏ qua cho anh mọi chuyện. Luka là người đã quen biết nhiều dân Do Thái, vẫn thường hay khích bác anh, nhưng không phải vì cáu giận, mà chỉ là để cho vui, giống như người ta đùa với một con chó con, một con vẹt, với những con vật thông minh v.v... Isai Fomich cũng biết điều đó, nên không bực mình, mà chỉ khéo léo đùa lại.

- Ê! Anh bạn Do Thái, tôi sẽ cho anh một đòn đấy![104]

- Anh đánh tôi một, tôi sẽ đánh anh mười, - Isai Fomich tươi cười đáp.

- Isai Fomich thật là tuyệt vời! Thôi, đừng trêu anh ấy nữa, anh ta là người duy nhất ở đây đấy! - anh em tù nhân vừa cười lớn vừa quát lên.

- Này, anh Do Thái, chịu đòn rồi vẫn phải đi Sibir phải không?

- Tôi ở Sibir cũng vậy thôi.

- Người ta còn cho anh đi xa nữa đấy.

- Ở những chỗ ấy có Chúa Trời không?

- Có chứ.

- Thế thì không sợ. Có Chúa và có đồng tiền thì ở đâu cũng tốt cả.

- Hay lắm, Isai Fomich, anh nói hay lắm. - Mọi người xung quanh reo ầm lên. Isai Fomich mặc dù thấy mọi người cười đùa mình, nhưng cũng thấy cao hứng;

những lời ngợi khen xung quanh khiến anh hài lòng ra mặt, và anh bắt đầu cất giọng mảnh mai hát vang “La-la-la-la-la...” - đó là một giai điệu vô nghĩa, nhưng vui nhộn, một bài ca duy nhất không lời, mà anh còn hát đi hát lại trong thời gian tiếp tục ở trại. Sau này, khi quen thân với tôi hơn, anh thề sống thề chết với tôi rằng đây là bài hát và giai điệu mà cả sáu trăm ngàn người Do Thái từ già chí trẻ đều hát khi vượt qua Biển Đen và rằng mỗi người Do Thái đều được dạy phải hát giai điệu này vào giờ phút trang trọng chiến thắng quân thù.

Trước mỗi ngày thứ Bảy, vào chiều thứ Sáu, có nhiều người từ các lán trại khác cố tình sang bên chúng tôi để xem Isai Fomich sử dụng ngày nghỉ thế nào. Isai Fomich thật ngây thơ cứ tự khoa trương và thích sĩ diện đến mức là việc mọi người đến xem cũng làm anh ta hả hê. Anh thường ra vẻ thông thái rởm và long trọng rởm bày vào trong góc một chiếc bàn bé xíu, trên đó đặt một cuốn sách đang mở, đốt hai cây nến, miệng lẩm bẩm những câu kỳ bí, rồi khoác lên mình chiếc áo tế (mà anh cứ nói nhịu là *áo thế*). Đó là một tấm khoác sặc sỡ bằng lụa mà anh cẩn trọng giữ gìn trong rương. Anh đeo hai vòng tròn vào hai tay, còn trên đầu, ngay trước trán anh gắn một tấm băng vải có đính một cái hộp gỗ nhỏ, trông tựa hồ như ở trán anh mọc ra một cái sừng ngộ nghĩnh. Sau đó anh đọc kinh. Anh đọc thật ngân nga, to giọng, miệng phì phì, người uốn éo quay quanh, tạo những động tác buồn cười, hoang dã. Tất nhiên, tất cả những điều đó đã được qui định cho nghi thức cầu kinh, chẳng có gì là buồn cười và lạ lùng cả, nhưng chuyện đáng cười là vì Isai Fomich cố tình khoe ra như thế trước mặt chúng tôi và cố tình khoa trương nghi thức của mình. Có lúc anh đột ngột đưa cả hai tay ôm đầu và đọc nức nở. Tiếng nức nở mạnh dần và anh phờ phạc gần như gào thét lên mà gục xuống trang sách mái đầu có cái hộp hình con thuyền Nô-ê, nhưng rồi đột nhiên đang lúc gào thét dữ dội nhất anh lại bắt đầu cười lên kha kha và lại đọc ngân nga bằng một thứ giọng dịu dàng, trang trọng, trầm tĩnh hẳn lại vì niềm hạnh phúc viên mãn. “Chà chà, anh ta mệt quá rồi đấy!” - có lúc anh em tù nhân đã thốt lên. Một lần tôi đã hỏi Isai Fomich rằng những lời nức nở ấy có ý nghĩa gì và vì sao sau đó anh lại chuyển đột ngột từ cảm hứng trang trọng sang cảm hứng hạnh phúc và thỏa mãn như vậy? Isai Fomich rất thích nghe những câu hỏi xoáy ngược hóc búa như vậy của tôi. Ngay lập tức anh giải thích cho tôi rằng tiếng khóc và lời nức nở là thể hiện ý nghĩ về việc mất Jerusalem và rằng luật lệ đã quy định là khi nghĩ đến điều đó thì phải khóc nức nở càng mạnh càng tốt đồng thời phải đấm vào ngực nữa. Nhưng anh cũng nói rằng trong lúc nức nở dữ dội nhất thì chính anh, Isai Fomich, *phải đột ngột*, tựa

hồ như vô tình nhớ lại (việc *đột ngột* cũng là được luật lệ qui định), rằng đã có lời tiên tri về việc người Do Thái trở lại Jerusalem. Lúc đó anh lại phải ngay lập tức bộc lộ ra niềm vui sướng, phải hát hò, phải cười ngất và phải nói ra những mô-típ sao cho chính giọng nói của mình phải thể hiện được niềm hạnh phúc càng nhiều càng hay, còn gương mặt thì phải biểu lộ được vẻ trang trọng và cao cả càng nhiều càng tốt. Cách chuyển biến *đột ngột* và trách nhiệm dứt khoát phải chuyển biến như thế là niềm vui của Isai Fomich: anh nhìn thấy đó là thứ trò ảo thuật đặc biệt, không lừa dối và rồi với vẻ khoe mẽ anh nói cho tôi biết cái luật lệ đầy ẩn ý đó. Có một lần trong lúc cầu kinh say sưa thì tên thiếu tá chạy sộc vào nhà cùng với tên sĩ quan tuần tra và mấy tên áp giải. Tất cả tù nhân đều đứng nghiêm cạnh cửa, chỉ riêng một mình Isai Fomich là bắt đầu kêu gào rống lên và quằn quại lăn lộn. Anh biết rằng trong trại cho phép được cầu nguyện, lúc cầu nguyện thì không ai được ngắt quãng và khi gào thét trước mặt tên thiếu tá chắc hẳn anh không thấy có gì rủi ro cả. Nhưng điều vô cùng thú vị đối với anh là anh được vung vẩy chân tay trước mặt tên thiếu tá và được khoe mẽ trước mặt chúng tôi. Tên thiếu tá bước lên một bước về phía anh: Isai Fomich lùi về phía chiếc bàn, nhìn thẳng vào mặt tên thiếu tá, hai tay vung lên, miệng ngân nga đọc những lời tiên tri trang trọng. Chính vì lúc đó anh được quyền thể hiện trên gương mặt mình niềm hạnh phúc và khoan dung lớn lao, cho nên anh cứ làm ngay như thế, cứ nheo mắt lại, cứ cười lên và gật đầu về phía tên thiếu tá. Hắn kinh ngạc quá, cuối cùng cũng phải phì cười, gọi thẳng thừng rằng anh ta một thằng ngốc rồi bỏ đi, còn Isai Fomich thì càng gào thét hơn nữa. Một tiếng sau, khi anh ăn tối, tôi bèn hỏi anh: thế ngộ cái tên thiếu tá ấy chẳng may lên cơn ngốc nghếch mà nổi trận lôi đình với anh thì sao?

- Tên thiếu tá nào?

- Còn tên nào nữa? Chẳng lẽ anh không thấy sao?

- Tôi có thấy đâu.

- Thì hắn đứng ngay trước mặt anh có chừng gang tấc đấy thôi.

Nhưng Isai Fomich tỏ ra hết sức nghiêm nghị khẳng định với tôi rằng thật sự là anh không hề nhìn thấy một tên thiếu tá nào cả, rằng vào lúc đó, khi anh đọc kinh, anh đã rơi vào một cơn mê sảng, cho nên không nhìn thấy và không nghe thấy tất cả những gì diễn ra xung quanh.

Bây giờ thì tôi thấy Isai Fomich khác hẳn, khi anh dạo chơi ngày thứ Bảy khắp các lán trại, chẳng có việc gì làm, đúng theo qui định ở đây. Biết bao nhiêu những câu chuyện giai thoại không biết anh kiếm đâu ra đem kể cho tôi mỗi khi

anh hoàn thành giờ nguyện, biết bao nhiêu những tin tức và những lời đồn đoán từ Peterburg không nghe thấy ở đâu như thế anh cũng mang đến cho tôi và đoan chắc với tôi rằng anh nghe được từ những người Do Thái, còn những người Do Thái này lại nghe được từ những nguồn thông tin gốc.

Nhưng thôi, về anh Isai Fomich tôi đã nói quá nhiều rồi.

Trong cả thành phố chỉ có hai nhà tắm hơi công cộng. Nhà thứ nhất có chủ nhân người Do Thái là nhà tắm có phòng riêng, mỗi phòng giá năm mươi cô-pếch và được thiết kế dành cho những người hạng sang. Nhà thứ hai chủ yếu dành cho người bình dân, một ngôi nhà cũ kỹ, bẩn thỉu, chật chội, chính vì thế người ta đã dẫn anh em trại tôi đến đây. Hôm ấy là một ngày giá buốt nhưng có mặt trời. Trại nhân vui mừng bởi lẽ được ra khỏi trại và được ngắm nhìn thành phố. Những lời đùa cợt, những tiếng cười vui cứ vang lên không ngớt suốt dọc đường đi. Cả một trung đội lính, súng đã lên nòng, áp giải chúng tôi khiến cả thành phố kinh ngạc. Vào đến nhà tắm chúng tôi được chia thành hai kíp: kíp hai phải ngồi đợi trong phòng tiền sảnh lạnh giá vì nhà tắm chật chội. Nhưng mặc dù nhà tắm chật đến vậy, nhưng vẫn khó có thể hình dung được rằng làm sao có thể chứa nổi đến một nửa anh em chúng tôi. Cái anh chàng Petrov vẫn không chịu rời tôi nửa bước. Tôi không cần nói gì anh ta cũng đã đến bên giúp tôi, thậm chí còn yêu cầu được kỳ cọ cho tôi nữa chứ. Cùng tự nguyện với Petrov giúp tôi còn có Isai Fomich, anh chàng tù nhân thuộc diện chuyên ban, người mà chúng tôi vẫn gọi là nhà tiên phong, còn tôi thì vẫn nhớ anh là người vui nhất và hiền nhất trong các tù nhân, và quả thực anh là người như vậy. Tôi và anh mới quen nhau sơ sơ. Petrov thậm chí giúp tôi cởi bỏ quần áo, bởi vì ở đây không quen, nên tôi cởi quần áo chậm lắm, mà ở tiền sảnh thì lạnh chẳng kém gì ngoài trời. Xin nói thêm rằng tù nhân cởi quần áo hết sức khó khăn, nếu không học được cách cởi khôn ngoan. Thứ nhất cần phải biết cởi nhanh những nút giây buộc tấm lót xiềng xích. Tấm lót này làm bằng da dài khoảng bốn *vershok*[105], buộc ở bên ngoài quần áo, lót cho cái vòng sắt ôm chân. Một cặp da lót ấy có giá không dưới sáu mươi cô-pếch bạc, khoản tiền này tù nhân phải tự bỏ ra, vì không có tấm lót thì không đi lại được. Vòng xiềng này không ôm khít chân, giữa vòng xiềng và chân có thể thò được ngón tay, thế nên vòng sắt cứ cọ vào chân, và nếu không có tấm lót thì chân sẽ lở loét. Nhưng tháo tấm lót chưa phải là khó. Cởi được quần áo dưới vòng xiềng thì phải học chán mới làm được. Đó là cả một trò ảo thuật. Cởi quần áo lót, cứ cho là từ phía chân trái thì đầu tiên cũng phải luồn được nó giữa chân mình với cái vòng xiềng, sau đó rút được một chân, rồi

mới nhét quần áo trở lại qua vòng xiềng, sau đó mới luồn tất cả những quần áo của bên chân trái qua vòng xiềng bên chân phải, sau đó tất cả những cái qua vòng bên phải lại đưa ngược trở lại. Việc mặc quần áo mới vào người cũng diễn ra hệt như vậy. Tù nhân mới đến thậm chí khó lòng đoán ra được cách làm thế nào. Người đầu tiên dạy chúng tôi cách làm này là anh Korenev hồi ở Tobolsk. Anh là trùm cướp và đã chịu xiềng năm năm. Nhưng tù nhân cũng quen ngay và thao tác không khó khăn gì. Tôi đã đưa cho Petrov mấy cô-pếch để anh mua dự trữ sà phòng và khăn tắm. Thực ra thì các tù nhân cũng được phát sà phòng của trại, mỗi người một miếng bằng đồng hai xu và dầy bằng một lát phó mát mà những người “bậc trung” vẫn được nhận để nhấm nháp. Sà phòng người ta bán ngay tại tiền sảnh cùng với loại nước uống pha mật ong, bánh mỳ và nước sôi. Theo qui định của chủ nhà tắm hơi mỗi tù nhân chỉ được dùng một gầu nước nóng, ai muốn tắm rửa sạch hơn thì phải mua mỗi gầu nước một xu, nước ấy được đưa qua một ô cửa sổ riêng từ tiền sảnh vào đến buồng tắm. Cởi xong quần áo cho tôi, anh Petrov phải dìu tôi đi vì anh thấy tôi mang xiềng đi lại rất khó. “Ông chịu khó kéo xiềng lên trên chỗ mắt cá chân ấy, - vừa nói anh vừa đỡ tôi như một ông cậu, - này, ông cẩn thận đấy, có cái bậu cửa”. Quả thật tôi thấy có đôi chút xấu hổ. Tôi muốn bảo anh Petrov rằng tự tôi tôi cũng có thể bước qua được, nhưng anh ấy không tin. Anh ấy cứ coi tôi như trẻ con, như cậu bé vị thành niên lóng ngóng cần được giúp đỡ. Petrov hoàn toàn không phải đầy tớ, trước hết không phải là đầy tớ, vì vậy nếu tôi làm mếch lòng anh thì rồi anh sẽ có cách đối xử lại với tôi. Anh giúp tôi thế tôi cũng hoàn toàn không hứa hẹn trả tiền, mà anh cũng không cầu xin. Vậy điều gì khiến anh cứ bám riết lấy tôi vậy?

Khi chúng tôi đẩy cửa vào trong buồng tắm, tôi nghĩ rằng tôi đã bước chân vào tới địa ngục. Xin các bạn hãy tưởng tượng một căn phòng dài chừng hai mươi bước chân, chiều rộng ước chừng cũng vậy mà trong đó đông nghẹt tới cả trăm người, ít nhất cũng phải là tám chục, bởi lẽ trại nhân được chia thành hai kíp, mà tổng số anh em chúng tôi đi tắm có khoảng hai trăm. Hơi nước bay lên lóa cả mắt, khói bụi và ghét bẩn nồng nặc. Căn phòng chật chội đến mức không còn chỗ đặt chân. Tôi sợ hãi quá chỉ muốn rút lui, nhưng ngay lập tức Petrov động viên tôi. Chúng tôi hết sức vất vả tìm mọi cách xin những người đang ngồi dưới đất cúi thấp đầu xuống để chúng tôi bước qua đầu họ mà đến chỗ cái quầy gỗ. Nhưng chỗ đứng ở đây cũng hết. Petrov bảo tôi rằng chỗ đứng bây giờ cũng phải mua, và thế là chúng tôi mặc cả với anh tù nhân đứng cạnh cửa sổ. Với giá một cô-pếch anh ta nhường ngay chỗ đứng và nhận tiền từ tay Petrov. Anh

chàng nắm chặt tiền trong tay, mắt trước mắt sau lẩn ngay xuống dưới quầy gỗ dưới chân chúng tôi. Chỗ đứng này thật tối tăm, nhầy nhụa, cộng với hơi nước bám dính có dễ dày đến nửa ngón tay. Nhưng chỗ dưới quầy gỗ mọi chỗ đứng đều đã kín đặc, nhung nhúc những người là người. Dưới sàn không còn chỗ nào bằng bàn tay để trại nhân xoay xở mà té gầu nước. Những người khác thì phải đứng thẳng tắp, tay cầm gầu dơ lên cao mà tắm, nước bẩn từ người họ dội thẳng vào đầu trọc của những người đang ngồi ở dưới. Trên các loại bậc bệ đều có những người tắm rúm ró chen chúc vào với nhau. Nhưng họ kỳ cọ thì ít. Những con người bình thường này ít chịu tắm nước nóng và sà phòng, họ chỉ khoái xông hơi rồi ra xối nước lạnh - toàn bộ nhà tắm hơi chỉ có thế. Có năm mươi cái chổi quất để trên kệ được nâng lên hạ xuống đồng loạt, mọi người quất vào thân mình đến mức lao đao chếnh choáng. Hơi xông được bơm lên mỗi phút một lần. Không còn là nóng nữa, mà là hỏa ngục. Tất cả gào thét lên, kêu hộc lên trong tiếng loảng xoảng của hàng trăm bộ xiềng xích dưới đất... Có những người muốn đi qua, lại bị vướng vào xiềng xích của người khác, nên va chạm vào đầu những người ngồi dưới rồi ngã kềnh ra. Họ chửi bới lung tung và kéo theo cả những người bị vướng víu. Bùn ghét lầy lội khắp nơi. Mọi người đều trong trạng thái nửa như lao đao, nửa như phấn khích, tất cả gầm rít lên, kêu gào lên. Ở chỗ cửa sổ tiền sảnh, nơi cấp nước nóng, có vụ chửi bới, cảnh chật chội và cảnh ẩu đả. Nước nóng vừa đưa vào đã bắn tung tóe vào những người ngồi dưới sàn trước khi đến được điểm hẹn. Thỉnh thoảng qua ô cửa sổ hoặc qua cánh cửa mở hé lại ló vào bộ mặt râu ria của một tên lính tay lăm lăm khẩu súng để quan sát xem có cảnh lộn xộn hay không. Những cái đầu trọc lốc và những thân hình xông hơi đỏ au của đám tù nhân trông càng dị hình. Trên tấm lưng xông hơi thường lại hằn lên rõ hơn những vết sẹo, dấu vết của những trận roi và gậy thuở nào. Bây giờ tất cả những tấm lưng này lại một lần nữa như bị thương tật. Những vết sẹo khủng khiếp! khi nhìn những vết sẹo ấy tôi thấy nổi da gà lên. Nếu mở thêm hơi nữa thì hơi nước sẽ thành cả một đám mây nóng đậm đặc bao phủ cả căn phòng. Tất cả đều gào lên, thét lên. Trong đám mây ấy chỉ còn thấp thoáng những tấm lưng roi vọt, những cái đầu không tóc và những đôi chân tay xoắn xuýt vào nhau; và hoàn tất cho quang cảnh này là hình ảnh Isai Fomich đang gào rống lên hết cỡ trên bệ cao nhất. Anh ta xông hơi đến mức mất trí, nhưng cũng có vẻ như không một mức nóng nào làm anh thỏa mãn. Anh bỏ ra một cô-pếch thuê một người xông hơi giúp sức, nhưng cuối cùng anh chàng kia cũng không chịu nổi, đành vứt bó chổi quất và chạy đi xối nước lạnh. Isai Fomich không hề than vãn, anh

thuê thêm một người nữa, rồi một người thứ ba: anh đã dám không nghĩ đến chuyện chi phí và đã thay đến năm người giúp đỡ. “Isai Fomich thật là tuyệt vời! Xông hơi giỏi thật đấy!” - đám trại nhân bên dưới hô vang. Isai Fomich cũng cảm thấy rằng trong phút giây đó anh là người cao hơn tất cả, coi mọi người chỉ đến thắt lưng mình. Anh đứng trang trọng, cất giọng chói tai cuồng nhiệt mà ca lên tấu khúc của mình: La-la-la-la-la... bao trùm lên mọi giọng nói khác. Tôi bỗng nẩy ra ý nghĩ rằng nếu một ngày nào đó chúng ta cùng sa xuống hỏa ngục thì hỏa ngục sẽ là rất giống như chỗ này đây. Tôi không thể kìm mình được nữa bèn thổ lộ ngay lời tiên đoán ấy với Petrov. Anh ta lập tức nhìn quanh và lặng yên.

Tôi đã định mua cho anh ta một chỗ cạnh tôi, nhưng anh đã ngồi thụp xuống dưới chân tôi và bảo rằng như thế là rất tốt rồi, trong khi đó thì Baklushin đã mua nước cho chúng tôi, chúng tôi cần đến đâu là anh chuyển vào đến đó. Petrov tuyên bố rằng anh sẽ kỳ cọ cho tôi từ đầu đến chân, rằng “ông sẽ sạch bóng cho mà xem”, và anh ra sức mời tôi xông hơi. Tôi không liều mạng xông hơi được. Petrov tắm cho tôi toàn thân bằng sà phòng. “Bây giờ tôi sẽ *cọ đôi ngọc cước* cho ông”, - anh kết luận như vậy. Tôi vừa định trả lời rằng tôi có thể tự mình kỳ cọ lấy được, nhưng cũng không chống lại ý của anh và đành để kệ như vậy. Mấy từ hoa mỹ “đôi ngọc cước” hoàn toàn không có âm hưởng nô lệ, mà chỉ đơn giản là Petrov không thể gọi chân tôi là chân, bởi vì những người khác có đôi chân to, còn chân tôi thì lại rất nhỏ.

Tắm cho tôi xong, lại với những thủ tục cũ, nghĩa là xốc nách tôi, cảnh báo cho tôi từng bước đi, tựa hồ như tôi là con người bằng gốm sứ. Anh đưa tôi ra đến tiền sảnh, mặc quần áo cho tôi, và sau khi đã kết thúc mọi việc với tôi rồi, anh mới lao vào xông hơi cho bản thân mình.

Khi về đến nhà, tôi mời anh uống trà. Anh không từ chối, uống cạn một tách rồi cám ơn. Lúc đó tôi bèn nghĩ phải chi tiền thết anh dăm ba chén rượu. Thứ này trong trại tôi vẫn có bán. Petrov hớn hở ra mặt. Anh uống xong, khà một tiếng rồi bảo với tôi rằng tôi đã tiếp cho anh một nguồn sinh khí. Xong đâu đấy anh đứng lên, vội vàng vào bếp, dường như không có anh người ta không thể quyết định được một việc gì đó. Anh vừa đi khỏi thì lại có một bạn tâm giao tìm đến với tôi, đó là Baklushin (người tiên phong). Lúc ở trong nhà tắm tôi cũng đã ngỏ lời mời anh đến chơi uống trà.

Tôi chưa từng thấy một người nào có cá tính dịu dàng hơn Baklushin. Thực ra là anh không khoan dung cho ai, thậm chí anh còn hay cãi nhau, không thích cho ai xía vào công chuyện của mình, tóm lại là rất biết cách tự bảo vệ mình.

Nhưng anh cãi nhau thì cũng không lâu, và dường như mọi người ở đây đều yêu mến anh. Anh đến đâu cũng được mọi người chào đón thoải mái. Trong thành phố thậm chí người ta còn biết đến anh như một người vui tính nhất thế giới và chưa bao giờ mất đi tính vui của mình. Đó là một chàng trai cao lớn, tuổi ước ba mươi với gương mặt tráng sĩ chân chất, khuôn mặt khá đẹp với một nốt ruồi lớn. Khuôn mặt ấy đôi khi anh cố uốn éo nhăn nhó khi bất ngờ gặp người qua lại, khiến họ vây quanh lấy anh và không thể nào không cười ồ lên ngây ngất. Anh cũng thuộc loại nhà hề, nhưng không tạo điều kiện cho những kẻ đáng căm giận, đáng khinh bỉ cười cợt, cho nên không ai trách cứ rằng anh là “con người trống rỗng và vô bổ”. Trong lòng anh đầy lửa và đầy sức sống. Anh quen với tôi từ những ngày đầu và thông báo cho tôi biết rằng anh vốn là quan chức hàng tổng, sau đó tham gia vào đoàn khai khẩn và đã được một số nhân vật cao cấp đánh giá cao và được yêu mến, vì thế, hễ cứ nhớ lại là anh lại thấy tự hào. Ngay hồi ấy anh đã hỏi tôi cặn kẽ về thành Peterburg. Anh cũng đã từng đọc nhiều sách. Trước khi đến tôi uống trà, anh đã đi chọc ghẹo khắp trại, đã kể cho mọi người nghe chuyện sáng nay tay đại úy S. mắng cho tên thiếu tá một trận, và khi đã ngồi cạnh tôi, anh mới hể hả kể rằng có lẽ trong trại sắp có diễn kịch. Trong trại này cứ đến lễ hội là có diễn kịch. Người ta công bố các diễn viên, chuẩn bị một ít phông màn. Một số người trong thành phố đã hứa hẹn tặng những quần áo dài cho các vai diễn, thậm chí cho cả các vai nữ, thậm chí thông qua môi giới là một người làm công nhật còn bày tỏ hy vọng là sẽ kiếm được cả một bộ quân phục có tua có ngù đàng hoàng. Chỉ cốt sao tên thiếu tá không có ý định cấm đoán như năm ngoái. Hồi năm ngoái vào dịp Giáng Sinh tên thiếu tá gặp chuyện không may: hắn đã thua bạc ở đâu đó, về trại lại bị giỡn mặt, vì thế hắn giận quá hóa cấm, còn bây giờ có thể hắn cũng không muốn làm khó mọi người. Tóm lại, Baklushin đang trong trạng thái hưng phấn. Ai cũng biết anh là người chủ trò đêm diễn, còn tôi thì đoan chắc rằng thế nào lúc diễn tôi cũng sẽ có mặt. Niềm vui chân thật của Baklushin về thành công của đêm diễn khiến tôi hài lòng. Chúng tôi nói với nhau hết chuyện này sang chuyện khác. Trong câu chuyện anh bảo tôi rằng anh làm việc ở Peterburg không được liên tục, rằng anh đã mắc một lỗi gì đó và bị chuyển đến R., tuy nhiên, vẫn được làm hạ sĩ quan của tiểu đoàn đồn trú.

- Chính là từ đó tôi bị đày về đây, - Baklushin nhấn mạnh.

- Anh bị đày là vì chuyện gì vậy? - tôi hỏi.

- Chuyện gì à? - ông Aleksandr Petrovich, ông có biết là chuyện gì không? Chuyện là vì tôi đã yêu say đắm.

- Chà! Vì chuyện ấy thì người ta chẳng bao giờ đày anh đến đây, - tôi cười phản đối.

- Tôi nói thật đấy, - Baklushin nói thêm, - quả thật là trong chuyện này tôi đã nổ súng giết chết một người Đức ở đó. Nhưng ông thử nghĩ xem, vì một tên Đức thì có nên đày một người không?

- Nhưng mà chuyện thế nào đã chứ? Anh kể tiếp đi, đang đến chỗ hay.

- Chuyện hết sức buồn cười, ông Aleksandr Petrovich ạ.

- Càng buồn cười càng hay. Anh cứ kể đi.

- Ông thích tôi kể à? Thế thì ông nghe đây...

Tôi đã được nghe hết câu chuyện giết người. Chuyện không hẳn buồn cười, nhưng khá kỳ lạ...

- Chuyện là thế này, -Baklushin bắt đầu. - Khi người ta đưa tôi đến R., tôi thấy đây là một thành phố to đẹp, chỉ có điều là nhiều người Đức quá. Lúc ấy tôi còn trẻ tuổi, được cấp trên đánh giá tốt, đi đâu cũng đội mũ lệch sang một bên, gặp mấy cô gái Đức là nháy mắt nghịch. Nhưng có một cô gái Đức tôi thích, tên là Luiza. Cô này và một người phụ nữ nữa là thợ giặt, người này là bà cô. Bà này đã già, tính hay càu nhàu. Hai người sống cũng khá đầy đủ. Đầu tiên tôi cứ đi vòng vo quanh bên cửa sổ, sau rồi chơi thân. Luiza nói tiếng Nga tốt, tuy phát âm hơi đớt. Cô ấy thật là dịu hiền, người như thế tôi chưa hề thấy ở đâu cả. Đầu tiên tôi cũng định gạ gẫm chuyện này chuyện kia, nhưng cô ấy bảo “Không được đâu, anh Sasha, em muốn giữ mình thật trinh bạch để làm người vợ xứng đáng với anh”, và cô ấy chỉ âu yếm tôi nhẹ nhàng, chỉ cất lên tiếng cười lanh lảnh... và vẫn cứ là cô gái trinh nguyên. Những người như thế, ngoài cô ấy ra, tôi không hề thấy ở đâu cả. Chính cô ấy bảo tôi phải lấy cô ấy làm vợ. Ông thử nghĩ xem, làm sao mà lại không lấy cô ấy được chứ! Thế là tôi chuẩn bị gặp tên thượng tá để xin cưới... Thế rồi bỗng nhiên tôi thấy một lần Luiza không đến chỗ hẹn, một lần nữa, rồi lại một lần nữa. Tôi gửi đi một bức thư. Không thấy trả lời. Tôi nghĩ, làm sao thế nhỉ? Nếu cô ấy muốn lừa dối tôi, muốn chơi khăm tôi thì cô ấy cứ đến gặp, cứ trả lời tôi mới phải chứ. Mà cô ấy thì lại không biết nói dối; như thế nghĩa là cô ấy bỏ tôi rồi. Tôi nghĩ, đúng là tại bà cô. Đến gặp bà cô thì tôi không dám; bà ấy thừa biết chuyện chúng tôi, nhưng chúng tôi vẫn cứ làm ra vẻ không có chuyện gì, vẫn lẳng lặng len lén thế thôi. Tôi nóng ruột quá bèn viết một lá thư

cuối cùng, bảo rằng “Nếu em không đến thì tôi sẽ gặp bà cô”. Cô ấy sợ thật, liền đến. Cô ấy khóc và nói rằng có một người Đức, họ xa với cô tên là Shults, một người thợ đồng hồ đứng tuổi, giàu có, ngỏ lời lấy cô. Ông ta bảo ông ấy muốn “cho em được hạnh phúc, còn bản thân ông ấy thì không muốn cô độc lúc về già. Ông ấy bảo ông ấy yêu em, từ lâu đã có ý định, nhưng vẫn để bụng, chỉ lẳng lặng chuẩn bị mà thôi. Anh Sasha ơi, ông ta giầu có, và đó chính là nguồn hạnh phúc của em. Chẳng lẽ anh lại muốn tước bỏ của em nguồn hạnh phúc ấy hay sao?” Tôi thấy cô ấy khóc lóc, ôm riết lấy tôi... Chao ôi, tôi nghĩ, cô ấy đã nói ra lý do rồi đấy! Cái thân binh nghiệp của tôi phỏng mà làm gì, cho dù tôi cũng đã là hạ sĩ quan rồi? Tôi bảo “Luiza, vĩnh biệt em, cầu Chúa phù hộ cho em. Anh chả có cớ gì tước đoạt hạnh phúc của em cả. Thế còn ông ấy thế nào, có đẹp người không?” Cô ấy bảo “Không đâu, một ông trung niên mũi dài...” Nói rồi chính cô ấy cũng phải bật cười. Tôi rời xa cô ấy, tôi nghĩ, thế chẳng phải là số phận hay sao! Sáng hôm sau tôi đến chỗ cửa hàng của ông ta, hôm qua cô ấy đã chỉ cho tôi con phố. Tôi nhìn qua cửa kính thấy một người Đức đang ngồi sửa đồng hồ, tuổi chừng bốn mươi lăm, mũi khoằm, mắt lồi, mặc áo đuôi tôm, cổ đứng cao, dáng vẻ long trọng. Tôi nhổ một bãi nước bọt, đã định bụng đập vỡ cửa kính... nhưng lại nghĩ chẳng để làm gì! Chẳng có gì để động chạm đến hắn, thế là hết! Sẩm tối tôi về trại, leo lên giường nằm, và ông Aleksandr Petrovich, ông có tin không, tôi đã khóc như mưa...

Một ngày trôi qua, một ngày nữa rồi một ngày nữa. Luiza tôi không gặp được. Trong khi đó tôi lại nghe thấy một bà mẹ đỡ đầu (cũng là thợ giặt, thỉnh thoảng Luiza có ghé đến) nói rằng tên người Đức kia đã biết chuyện chúng tôi, vì thế hắn quyết định phải ăn hỏi ngay, nếu không thì hắn phải chờ thêm đến hai năm nữa. Hình như hắn đã bắt Luiza thề với hắn rằng nàng sẽ không còn biết đến tôi nữa, rằng dường như hiện nay hắn vẫn đối xử rất tồi tệ với cả bà cô và cả Luiza, rằng cũng có thể hắn sẽ thay đổi ý kiến và rằng giờ đây hắn vẫn chưa hoàn toàn dấn bước chuyện này. Nàng cũng đã bảo với tôi rằng đến ngày kia, tức là chủ nhật hắn sẽ mời cả hai cô cháu đi uống cà phê, và sẽ có thêm một người họ hàng của hắn nữa, đó là một ông già trước kia là thương nhân, nhưng bây giờ thì nghèo lắm lắm, phải làm nghề trông đồ dưới một tầng hầm. Khi biết tin rằng chủ nhật này có thể họ sẽ quyết định mọi chuyện thì máu tôi sôi lên, đến nỗi tôi không thể kìm mình được nữa. Suốt ngày hôm ấy và suốt ngày hôm sau tôi chỉ làm được mỗi một việc là nghĩ về chuyện này. Tôi nghĩ phải làm cách nào thịt được tên Đức.

Sáng chủ nhật, chưa biết mô tê chuyện gì, khi đám lễ nhà thờ vừa tan ra, tôi đã bật dậy, mặc áo khoác, đi thẳng đến chỗ hắn. Vì sao tôi lại đến chỗ tên Đức ấy và tôi muốn nói gì với hắn thì chính tôi cũng không biết. Nhưng để đề phòng bất trắc tôi vẫn giắt vào thắt lưng khẩu súng lục. Đây là cái khẩu súng bé tí đã trục trặc với cái cò súng kiểu cũ mà hồi bé tí tôi đã nghịch ngợm. Từ lâu khẩu súng này đã không bắn được. Tuy nhiên tôi vẫn cứ nạp đầy đạn. Tôi nghĩ rằng một khi mình bị đuổi ra, bị thóa mạ thì tôi sẽ rút súng bắn dọa. Thế rồi tôi đến. Trong xưởng không có ai cả, mọi người ngồi trong phòng trong. Ngoài họ ra thì chẳng còn ai nữa, đầy tớ cũng không thấy. Tên này chỉ vẻn vẹn có một đứa đầy tớ là một cô gái Đức, cô này kiêm luôn cả đầu bếp. Tôi đi qua cửa hàng thì thấy cửa đóng. Cái cửa ấy đã cũ, có cái móc. Tim tôi đập mạnh, tôi dừng lại nghe ngóng: chúng nói gì với nhau bằng tiếng Đức. Tôi co chân đạp một cái mạnh hết sức. Cánh cửa lập tức bung ra. Tôi thấy trên bàn đầy các thứ - một ấm cà phê lớn đang sôi trên bếp cồn. Xung quanh có các thứ bánh khô. Trên một cái khay khác có một bình rượu vodka, một ít cá trích, giò nạc và một chai rượu gì không rõ. Luiza và bà cô mặc áo cánh ngồi trên đi-văng. Ngồi đối diện với họ trên chiếc ghế tựa là chính tên Đức, vị hôn phu, đầu tóc chải mượt, mặc áo đuôi tôm, cổ đứng nhô cao. Ngồi im lặng ở ghế tựa bên cạnh là một tên Đức khác, một người đã già, mập mạp, tóc bạc. Tôi vừa bước vào thì Luiza tái mặt lại. Bà cô nhóm người lên rồi lại ngồi xuống, còn tên Đức thì nhíu mày lại. Hắn cáu giận lắm, đứng bật dậy và đối diện với tôi. Hắn nói:

- Ông muốn gì vậy?

Tôi bỗng cảm thấy bối rối, nhưng cơn giận dữ lại ào đến. Tôi bảo:

- Muốn gì là tùy mày! Nhưng mà mày phải tiếp khách đi chứ! Rượu đâu rót ra! Tao đến đây làm khách kia mà.

Tên Đức nghĩ một giây rồi bảo:

- Ông ngồi xuống đi.

Tôi ngồi xuống ghế.

- Mày đem rượu ra đây, - tôi bảo.

- Rượu đây, - hắn nói, - mời ông.

- Đem rượu ngon ra đây, - tôi nói. Cơn giận dữ làm tôi mờ mắt.

- Rượu ngon đấy ông ạ.

Tôi bực mình vì hắn coi thường tôi quá. Thêm nữa là Luiza đang nhìn tôi. Tôi làm một tợp rồi bảo:

- Thằng Đức kia, sao mày tiếp khách thô bạo thế hả? Mày phải biết thân thiện với tao chứ. Tao đến đây với mày là vì tình bạn kia mà.

- Tôi không thể là bạn của ông được, - hắn nói, - ông chỉ là một tên lính tầm thường mà thôi.

Thế là tôi nổi đóa lên.

- Mày là một thằng mặt thịt. Mày phải biết rằng kể từ phút này đối với mày tao muốn làm gì thì làm, hiểu chưa? Mày có muốn tao rút súng lục hạ thủ mày ngay không?

Tôi rút súng ra, đứng lên sát mắt hắn, kê nòng súng vào đầu hắn, sẵn sàng nhả đạn. Tất cả mấy người ngồi đó nửa sống nửa chết, không dám hé răng. Ông già thì rũ như tàu lá úa, mặt nhợt nhạt, câm lặng.

Tên Đức kinh ngạc, nhưng đã tỉnh ra. Hắn nói:

- Tôi không sợ ông đâu. Tôi mong một người quân tử như ông bỏ ngay cái trò đùa này đi, còn tôi thì tôi không sợ ông một tí nào hết.

- Ồ, mày nói láo, mày sợ rồi đấy. Sợ gì thì mày biết rồi! Trước họng súng mày đã phải ngồi chết dí, cái đầu không dám ngọ nguậy.

- Không đâu, - hắn nói, - ông không bao giờ dám làm việc ấy đâu.

- Vì sao, - tôi nói, - vì sao lại không dám kia chứ?

- Vì rằng, - hắn nói, - đó là việc ông bị cấm đoán nghiêm khắc và rằng nếu làm thì ông sẽ bị trừng trị nặng nề.

Có quỉ mới hiểu được cái thằng Đức ngu xuẩn này! Giá hắn đừng chọc tức tôi thì hắn còn được sống đến tận bây giờ. Tất cả chỉ là vì cuộc cãi lộn ấy. Tôi nói:

- Mày bảo là tao không dám, hả?

- Đúng thế!

- Không dám hả?

- Ông hoàn toàn không dám làm điều ấy với tôi...

- Tao cho mày biết tay này, đồ mặt lợn! - Thế là tôi nã một phát, hắn lăn kềnh trên bàn. Tất cả mọi người kêu ầm lên. Tôi cứ thế trở về pháo đài. Đến cổng tôi vứt súng xuống hào nước.

Vào đến nhà tôi lên giường nằm và nghĩ: bây giờ sẽ có người đến bắt mình đây. Một giờ trôi qua, rồi một giờ nữa, chẳng thấy ai bắt. Chiều sẩm tối, nỗi buồn ập đến, tôi bước ra ngoài, trong lòng cháy bỏng nỗi nhớ Luiza. Tôi đi ngang qua nhà tên bán đồng hồ thì thấy trong nhà có nhiều người, có cả cảnh sát. Tôi đến

nhà bà mẹ nuôi bảo gọi Luiza. Chờ một lát thì Luiza chạy đến ôm chầm lấy tôi nức nở “Tất cả là tại em, tại em nghe lời bà cô”. Nàng bảo rằng ngay sau lúc đó bà cô về nhà và khiếp sợ đến nỗi phát ốm và câm như hến. Bà ấy không dám nói với ai và cũng cấm em không được hé răng. Bà ấy sợ; thôi thì tùy, muốn ra sao thì ra. Bà ấy bảo “Này cháu Luiza, cho đến bây giờ không ai nhìn thấy chúng ta cả. Cô hầu thì ông ấy sợ quá cũng cho nghỉ rồi. Cô ta nhìn chằm chằm vào mắt ông ấy, dường như cũng biết rằng ông muốn lấy vợ. Thợ thuyền trong nhà hôm ấy cũng không có ai; ông ấy cũng đã cho nghỉ hết. Chính ông ấy pha cà phê, chính ông ấy chuẩn bị đồ nhắm. Còn cái ông trong họ thì từ trước đến nay suốt đời không nói câu nào, hôm xảy ra sự việc ông ấy là người đầu tiên cầm mũ bước ra. Chắc chắn là ông ấy cũng sẽ im lặng”. - Luiza kể lại với tôi như thế. Mà cũng đúng là như thế thật. Suốt hai tuần không thấy ai đến bắt tôi và cũng chẳng có ai nghi ngờ gì tôi cả. Trong suốt hai tuần lễ ấy, thưa ông Aleksandr Petrovich, ông tin hay không thì tùy ông, tôi trải nghiệm được hết hạnh phúc của tôi. Ngày nào tôi cũng được gặp Luiza. Nàng gắn bó với tôi không thể tả được! Nàng khóc mà nói “Em sẽ đi theo anh mãi, dù người ta đày anh đi đâu chăng nữa, em cũng đi theo. Vì anh, em sẽ bỏ lại hết sau lưng, không tiếc gì cả!” Nàng làm tôi mủi lòng quá và tôi đã quyết sống suốt đời như vậy. Thế nhưng hai tuần sau người ta bắt tôi. Lão già và bà cô đã thỏa thuận tố tôi...

- Nhưng hãy khoan đã, - tôi ngắt lời Baklushin, - với tội danh ấy thì người ta chỉ có thể kết tù anh đến mười năm, cứ cho nhiều nhất là đến mười hai năm, mà chỉ vào tội dân sự thôi. Đằng này lại vào trại đặc biệt. Thế là thế nào nhỉ?

- Dạ thưa ông, đấy lại là chuyện khác, - Baklushin nói. - Khi người ta đưa tôi đến ban chuyên án thì trước tòa tên đại úy lại thóa mạ tôi thậm tệ. Tôi không nhịn được bèn bảo hắn “Mày chửi rủa như thế là thế nào? Thằng khốn nạn, mày không biết rằng mày đang ngồi trước một tấm gương à!” Và rồi phiên tòa diễn ra theo một hướng khác, hoàn toàn mới, gộp kết tất cả mọi tội vào mà phán: phạt tiền bốn ngàn đồng và bị đầy tới đây, vào khu biệt lập: tôi bị trừng phạt thế nào thì tay đại úy cũng bị trừng phạt như thế, có điều tôi bị dẫn qua con đường roi vọt, còn anh ta thì bị tước quân hàm và bị đày đi Kavkaz làm lính trơn. Thôi, xin tạm biệt ông. Lúc nào ông rẽ qua chỗ chúng tôi xem biểu diễn nhé.



NGÀY HỘI MỪNG CHÚA KI-TÔ RA ĐỜI

Cuối cùng thì ngày hội cũng đã đến. Ngay từ hôm trước lễ Giáng Sinh hầu như các tù nhân đã không phải đi làm. Họ đến các nhà kho, xưởng thợ, một số ra bãi lắp máy. Họ đi từng người hoặc từng đám, nhưng chẳng mấy chốc lại quay về trại, ăn trưa xong không ai ra khỏi trại nữa. Buổi sáng phần lớn anh em làm việc riêng chứ không phải việc trại: một số thì bận việc chở rượu, đặt rượu, một số khác thì đi thăm các ông bà bố mẹ nuôi hoặc đi thu đòi các khoản công nợ vì những công việc đã thực hiện từ trước. Baklushin và những anh em tham gia nhóm nhà hát thì đi gặp một số người quen, chủ yếu là đám phục vụ sĩ quan để mượn một số quần áo cần thiết. Một số khác thì tất bật đi lại mặt mũi tỏ ra bận rộn, chỉ vì một lý do duy nhất là những người khác đang bận rộn tất bật. Mặc dù những người này chẳng kiếm được tiền của ai cả, nhưng họ lại làm ra vẻ dường như cũng sẽ kiếm được tiền của ai đó. Tóm lại, tất cả mọi người đều làm ra vẻ dường như đến mai sẽ có những thay đổi gì đó, có những bất ngờ gì đó. Đến chiều các thương binh đi chợ theo yêu cầu của các trại nhân; họ đem về đủ mọi thứ đồ ăn: thịt bò, thịt lợn, thậm chí cả thịt ngỗng nữa. Nhiều trại nhân, ngay cả những người tằn tiện nhất, quanh năm chắt chiu từng đồng xu, cũng thấy mình có nghĩa vụ phải mở hầu bao cho ngày hôm đó và tổ chức ăn kiêng một cách nghiêm chỉnh. Ngày hôm sau là ngày hội thật sự, không thể thiếu được của trại nhân và đã được luật pháp chính thức thừa nhận về mặt hình thức. Vào ngày đó trại nhân không phải đi làm. Mỗi năm chỉ có ba ngày hội được như thế.

Cuối cùng, ai mà biết rằng khi ăn mừng ngày hội đó trong tâm hồn những kẻ bị hắt hủi này sẽ hiện lên bao nhiêu hoài niệm! Những ngày hội lớn bao giờ cũng được khắc họa sâu sắc trong ký ức những kẻ thường dân ngay từ thuở ấu thơ. Đó là những ngày được giải phóng khỏi những công việc nặng nhọc, là ngày của xum họp gia đình. Trong trại này những ngày đó được nhớ lại với những nỗi khổ đau dằn vặt. Đối với anh em tù nhân lòng kính yêu ngày hội huy hoàng đã dần dần chuyển thành một thứ hình thức lễ nghi. Một số ít anh em đi dạo chơi. Mọi người đều tỏ ra nghiêm trang và làm như bận rộn điều gì, mặc dù nhiều người hoàn toàn chẳng bận gì cả. Thế nhưng cả những kẻ nhàn tản và những người

dong chơi đều cố gắng giữ cho mình một vẻ long trọng nhất định... Tiếng cười hầu như bị cấm đoán. Nhìn chung trạng thái tinh thần ấy đạt tới mức cố chấp không thể chấp nhận được, và thế là, dù chẳng phải cố ý, cũng có người vi phạm nếp vui chung và lập tức bị mọi người bao vây la mắng và trút giận lên đầu, dường như người đó phạm tội khinh thường ngày hội. Khí thế đó của anh em trại nhân thật đáng nể, thậm chí là đáng cảm động. Ngoài tấm lòng vốn dĩ là tôn vinh đại lễ, người tù còn cảm nhận được một cách vô thức rằng bằng cách tuân thủ nghi lễ người tù dường như được tiếp cận với toàn thế giới, rằng có thể là anh ta hoàn toàn không phải là con người bị ruồng bỏ, là cái xác chưa chôn, miếng bánh mỳ được cắt ra trong trại này cũng giống như của những người khác.

Akim Akimych cũng náo nức chuẩn bị ngày hội. Ông không có kỷ niệm gì về gia đình, bởi lẽ khi lớn lên ông đã là đứa trẻ mồ côi, sống ăn nhờ ở đậu, và chưa đến mười lăm tuổi ông đã phải làm những công việc cực nhọc; trong cuộc đời ông không có những niềm vui đặc biệt, bởi vì ông đã sống suốt đời một cách đều đặn, đơn điệu, luôn nơm nớp lo sợ chỉ sơ hở chút ít là không hoàn thành những nghĩa vụ được giao. Ông cũng không phải là người sùng tín quá đáng, bởi vì có lẽ rằng lối sống đức độ trong ông đã lấn chiếm hết mọi năng lực con người, đặc biệt là lấn át hết mọi niềm say mê, mong muốn, cả theo hướng tốt lẫn theo hướng xấu. Vì tất cả những lẽ đó mà ông chuẩn bị đón mừng ngày hội lớn này một cách không ồn ã, không hồi hộp, không bận tâm với những kỷ niệm buồn rầu và hoàn toàn vô ích, mà chờ đón với một tâm thế đức độ chuẩn mực đến mức vừa đủ để thực thi nghĩa vụ và hoàn thành nghi lễ chỉn chu. Nói chung ông không phải là người thích đắn đo nhiều. Dường như ý nghĩa của sự kiện không liên quan gì đến đầu óc ông, nhưng những qui tắc mà ông được chỉ dẫn thì ông hoàn thành với tính cẩn trọng thiêng liêng. Giả thử như ngày mai người ta ra lệnh cho ông phải làm một điều hoàn toàn ngược lại, thì ông cũng sẽ làm điều đó một cách nhẫn nhịn và thận trọng, giống hệt như khi ông làm cái việc đối lập vào ngày hôm trước. Có lần, có một lần duy nhất trong đời ông đã thử sống bằng trí óc của mình thì lập tức ông rơi vào vòng khổ sai. Bài học đó đối với ông không hề mất đi vô ích. Mặc dù số phận không cho phép ông có một ngày nào đó được hiểu rằng lỗi lầm của ông nằm ở đâu, nhưng bù lại ông rút ra được từ cuộc phiêu lưu của mình một nguyên tắc cứu mạng là trong bất cứ tình huống nào cũng không bao giờ được phép lý sự, bởi vì rằng “lý sự không phải là sở trường trí tuệ của ông ấy” - đó là cách nói với nhau của anh em trại nhân. Là

người tuân thủ nghi lễ một cách mù quáng, thậm chí ông còn nhìn con lợn bột đem cúng tế với lòng kính trọng từ trước đó, khi ông làm thịt nấu cháo và đem rán (ông tự tay mình làm, vì ông biết rán rất khéo), dường như đó không phải là chú lợn bột thường ta có thể mua được và rán được, mà là một con lợn đặc biệt, lợn cúng. Có thể ngay từ lúc còn thơ ấu vào ngày này ông đã quen nhìn thấy trên bàn cỗ cúng một chú lợn bột và đã kết luận được rằng chú lợn bột là con vật cần thiết của ngày hội này, và tôi tin chắc rằng nếu như vào ngày này chỉ một lần ông không được ăn thịt lợn bột, thì suốt đời thỉnh thoảng ông sẽ bị lương tâm cắn rứt vì không hoàn thành nghĩa vụ. Trước lễ hội ông mặc quần áo cũ, dù đã được vá mạng hết sức nghiêm chỉnh, nhưng cũng đã rất sờn bợt. Bây giờ mọi người mới vỡ lẽ rằng bộ quần áo mới tinh ông được phát bốn tháng trước đây ông vẫn cất giữ cẩn thận trong rương không hề đụng đến với một ý nghĩ luôn mỉm cười với ông là đến ngày hội ông sẽ đổi mới quần áo một cách trọng thể. Nghĩ thế nào ông làm thế ấy. Ngay từ chiều tối ông đã lấy bộ quần áo mới ra, vuốt cho phẳng phiu, đứng nhìn ngắm nghía, phủi sạch các vết bụi, thổi một hơi cho sạch. Làm xong các việc ấy ông mới đem ướm thử vào người. Bộ quần áo hóa ra lại vừa như in, trông thật bắt mắt, ôm khít từ dưới lên trên. Cái cổ áo như của lính biên phòng làm cho cằm ông cao lên, chỗ thắt eo thì giống như áo khoác của lính. Ông Akim Akimych thậm chí còn nhe răng cười vì hài lòng và cũng ưỡn ẹo xoay mình một vòng trước chiếc gương nhỏ xíu mà từ lâu vào lúc rỗi rãi ông đã tự tay mình dán xung quanh nó một đường viền vàng đẹp. Chỉ có một cái móc nhỏ trên cổ áo là có vẻ như không đúng chỗ. Nghĩ vậy, ông Akim Akimych quyết định đổi chỗ cho nó. Ông liền đổi chỗ rồi lại thử lại và bây giờ thì mọi thứ hoàn toàn chu tất. Đến đây ông gấp quần áo lại như cũ, thanh thản cất dấu vào rương cho đến sáng mai. Đầu ông được cạo sạch tóc trông rất thỏa đáng, nhưng lúc nhìn kỹ bản thân mình trong gương, ông nhận thấy dường như trên đầu không phẳng phiu lắm, một ít chân tóc bắt đầu chồi lên, và thế là ông hối hả chạy đến "thiếu tá" để cắt gọt thật là nhẵn nhụi và đúng mốt. Ngày mai có thể chẳng có ai nhòm ngó đến ông Akim Akimych, nhưng ông cứ phải cạo nhẵn nhụi chỉ cốt để lương tâm mình được yên ổn, để làm sao đúng ngày ấy ông hoàn thành được mọi nghĩa vụ của mình. Ngay từ lúc còn nhỏ tuổi, thái độ sùng kính đối với từng cái cúc đơm, cái cầu vai, cái khuyết áo đã ghi dấu không hề mờ phai trong trí óc ông như một nghĩa vụ không phải bàn cãi, còn trong trái tim ông thì như hình tượng một vẻ đẹp tột cùng, mà chỉ có con người thật chỉn chu mới đạt tới được. Sửa soạn xong mọi thứ, với tư cách là trại nhân lớn tuổi nhất,

ông chỉ thị cho mọi người mang cỏ khô đến rồi thận trọng theo dõi xem họ xếp đống trên sàn. Ở các lán khác cũng làm như vậy. Tôi không hiểu vì sao, nhưng cứ đến ngày Giáng Sinh thì bao giờ ở chỗ chúng tôi người ta cũng ném cỏ khô trong trại. Sau khi làm xong hết mọi việc, ông Akim Akimych bắt đầu cầu nguyện rồi sau đó ông nằm lên giường và ngủ một giấc không vẫy tai như một chàng trai trẻ, để rồi sáng mai có thể dậy được càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, tất cả các trại nhân đều làm như vậy. Trong các lán trại anh em tù nhân đều đi nằm rất sớm hơn mọi ngày. Những công việc buổi tối bình thường đều được bỏ lại, bọn mai-đan cũng không được nhớ đến nữa. Tất cả ngóng đợi ngày mai.

Tất nhiên là ngày mai cũng đã đến. Buổi sớm, trước khi trời sáng rõ, vừa có lệnh báo sáng là các cửa lán đều được mở rộng. Viên hạ sĩ quan vào điểm danh tù nhân lên tiếng chúc mừng mọi người nhân dịp ngày hội. Mọi người cũng hồ hởi, ân cần chúc lại như vậy. Ông Akim Akimych và nhiều anh em khác, những người có ngỗng và lợn bột trong bếp, cầu nguyện một lát rồi vội vàng vào bếp xem tình hình thế nào, người ta rán chúng ra sao, bày biện món gì ở đâu và các việc khác nữa. Trong ánh trời mờ tối, qua các cửa sổ bé nhỏ đầy tuyết và băng của lán trại người ta nhìn thấy rõ rằng trong cả hai bếp có sáu cái bếp lò, cái nào cũng rừng rực lửa than được nhóm lên từ lúc chưa sáng. Ngoài sân, trong bóng nhập nhoạng đã thấy thấp thoáng các trại nhân mặc áo bông ngắn, bọc tay ấm và mặc áo choàng. Tất cả đổ dồn vào bếp. Tuy nhiên, có một số, một số rất ít, cũng đã kịp ghé vào chỗ bán rượu. Đó là những người nóng ruột nhất. Nhìn chung thì mọi người tỏ ra là rất nghiêm túc, bình tĩnh và có vẻ như là trang trọng khác thường. Không nghe thấy những câu chửi bới thô tục, những cuộc cãi vã như mọi ngày. Ai cũng hiểu rằng đây là một ngày trọng đại, một ngày lễ lớn. Cũng có những người đi sang các lán khác để chúc mừng một người quen nào đó. Chỗ nào cũng bộc lộ một thứ không khí như là hữu hảo. Tôi có một nhận xét thoáng qua trước đây giữa các tù nhân với nhau hầu như không có thứ tình cảm hữu hảo, tôi không nói đến tình cảm chung, - cái đó thì đã lâu rồi, - mà là thứ hữu hảo riêng, nghĩa là có một trại nhân nào đó làm bạn với một trại nhân khác. Điều đó ở chỗ chúng tôi hầu như hoàn toàn không có, và đó cũng là một nét tuyệt vời: ở chỗ tự do bên ngoài trại cũng không có như thế. Ở chỗ chúng tôi mọi người đối xử với nhau một cách thô thiển, khô khan, ngoại trừ những trường hợp ngoại lệ rất hiếm hoi, mà cái đó cũng chỉ là một lối thể hiện hình thức, được chấp nhận và được hình thành. Tôi cũng bước ra khỏi lán. Trời bắt đầu hơi sáng, các vì sao mờ dần, một làn hơi nước mỏng lạnh giá bốc dần lên cao. Các ống

khói nhà bếp nhả khói cuồn cuộn. Một số anh em tù nhân đi ngược chiều với tôi chủ động đon đả và dịu dàng chúc phúc tôi nhân dịp ngày hội. Tôi cám ơn và cũng chúc lại như thế. Trong số họ có những người mà trong suốt tháng vừa rồi cho đến bây giờ cũng chưa nói với tôi một câu nào cả.

Đến sát cửa nhà bếp có một anh tù nhân bên trại lính khoác chiếc áo tu-lúp đuổi theo kịp tôi. Ngay từ giữa sân anh ta đã nhìn thấy tôi và gọi to "Ông Aleksandr Petrovich! Ông Aleksandr Petrovich!" Anh ta hối hả chạy đến bếp. Tôi đứng lại chờ. Đó là một chàng trai trẻ trung, mặt tròn, ánh mắt dịu dàng, rất ít truyện trò với mọi người, còn với tôi, từ ngày tôi vào trại tới nay, anh ấy cũng chưa nói một lời nào và cũng chẳng chú ý gì đến tôi cả; thậm chí tôi còn chưa biết tên anh là gì. Anh đến gần tôi, thở hổn hển rồi đứng nghiêm trước mặt tôi, nhìn tôi với một nụ cười ngô nghê, nhưng đồng thời lại rất đằm thắm.

- Anh có việc gì thế? - tôi hỏi anh ta có phần ngạc nhiên, khi thấy anh ta cứ đứng trước mặt mình mỉm cười, tròn mắt nhìn mình mà chẳng nói chẳng rằng gì cả.

- Có chuyện gì đâu, ngày hội... - anh ta lắp bắp, và rồi chính anh ta cũng nhận ra rằng chẳng còn câu chuyện gì để nói hơn nữa, nên anh bỏ tôi đứng đấy mà chạy thẳng vào bếp.

Ở đây tôi xin có thêm một nhận xét rằng sau chuyện ấy quả thật là giữa tôi và anh ta cũng chẳng có dịp nào đi lại với nhau và hầu như chẳng nói với nhau câu nào cho đến tận ngày tôi rời trại.

Trong bếp quanh mấy cái lò nóng rực là cảnh nhộn nhịp, chen lấn, xô đẩy. Ai cũng phải theo dõi món ăn của mình. Mấy cô nhà bếp thì nấu các món của trại, vì bữa cơm hôm nay được ấn định sớm hơn. Tuy vậy, chẳng ai bắt đầu ăn, mặc dù cũng có người muốn, nhưng trước mặt người khác thì lại giữ phép lịch sự. Mọi người phải chờ cha đạo, và phải sau đó thì mới ăn được. Tuy nhiên, trời chưa sáng rõ mà ngoài cổng trại đã nheo nhéo tiếng gọi của một tên binh nhất "Các ông đầu bếp ơi!". Tiếng gọi vang lên từng phút và kéo dài đến hai tiếng đồng hồ. Người ta yêu cầu các anh đầu bếp ra tiếp nhận quà từ thiện từ khắp mọi nơi trong thành phố gửi đến. Khối lượng quà thật rất lớn gồm đủ loại bánh mỳ, bánh tráng, bánh nướng và bánh ngọt. Tôi nghĩ rằng không còn một bà nội trợ nào của các gia đình buôn lớn bán nhỏ trong khắp thành phố mà không gửi đến giúp một ít bánh mỳ nhà mình để chào mừng ngày lễ hội vĩ đại của "những người bất hạnh" và những người bị cầm tù. Có những món quà sang trọng, đó là một khối lượng lớn những ổ bánh mỳ bằng bột tinh. Cũng có những món quà rất nghèo

nàn - một chiếc bánh giá một xu và hai chiếc bánh lá nem mầu đen có phết chút váng sữa: đó hẳn là món quà vót vét của người nghèo gửi cho người nghèo. Tất cả những món quà ấy đều được tiếp nhận với lòng biết ơn như nhau, không có sự phân biệt loại quà và loại người cho. Anh em tù nhân khi nhận quà đều ngả mũ, cúi đầu chúc mừng ngày hội và mang quà vào bếp. Khi đã chất đầy cả một đống bánh mỳ, người ta bèn gọi các bậc lão nhân trong các lán trại đến chia đều cho các anh em. Không hề có sự cãi cọ, chửi mắng. Mọi việc được tiến hành một cách công minh, đều khắp. Những phần thuộc về lán chúng tôi thì chúng tôi chia nhau. Ông Akim Akimych cùng một ông nữa tự tay mình chia và tự tay mình phân phát cho từng người. Không hề có bất kỳ một sự phản kháng nào, không có sự tị hiềm người này người kia; ai cũng hài lòng, thậm chí không thể có một sự nghi kỵ nào cả rằng có món quà nào đó bị đem dấu đi hoặc bị đem chia thiên vị. Sau khi ổn định công việc trong bếp, ông Akim Akimych bắt tay vào việc ăn mặc của mình một cách sang trọng nhất và trang trọng nhất, không để một cái cúc áo nào bị tuột. Ăn mặc xong là ông bắt đầu tụng niệm ngay. Ông cầu nguyện khá lâu. Nhiều tù nhân cũng đứng cầu nguyện, chủ yếu là những người đứng tuổi. Thanh niên nhiều người không cầu nguyện: có người đứng lên làm dấu thánh qua loa, ngay cả trong ngày lễ hội. Tụng niệm xong, ông Akim Akimych đến chỗ tôi, chúc mừng tôi khá là trang trọng nhân dịp hội này. Tôi lập tức mời ông uống trà, còn ông lại mời tôi thưởng thức món thịt lợn bột. Ít phút sau có một người nữa đến chúc lễ tôi, đó là anh Petrov. Có vẻ như anh vừa uống rượu xong, anh thở hổn hển và không nói được gì nhiều, chỉ đứng một lúc trước mặt tôi như muốn chờ đợi gì đó, rồi lại chạy đi vào bếp. Trong lúc này thì bên trại lính lại chuẩn bị cho lễ thánh của đức cha. Trại này được tổ chức không giống các trại khác: bên này các giường lán được xếp dọc theo các bức tường, chứ không dồn vào giữa phòng như ở các nơi, cho nên đó là cả một chiếc giường lớn mà ở giữa không vướng víu gì cả. Cách tổ chức như thế hẳn là để làm sao trong những trường hợp cần thiết có thể triệu tập một cuộc họp tất cả trại nhân. Giữa phòng đặt một chiếc bàn nhỏ, phủ khăn sạch, trên đó đặt ảnh Chúa và có đốt nến. Cuối cùng đức cha đã đến, tay cầm cây thánh giá và bình nước thánh. Ngài cầu kinh trước ảnh thánh rồi đứng trước mặt mọi người. Các tù nhân cung kính đến bên chạm tay vào cây thánh giá. Sau đó đức cha đi quanh các giường lán và vẩy nước thánh. Lúc vào bếp ngài ngợi khen món bánh mỳ của trại có mùi vị nổi tiếng trong thành phố. Ngay lập tức anh em trại nhân muốn gửi vào thành phố hai chiếc bánh vừa mới nướng xong, họ chọn ngay một anh thương binh để

mang bánh đi. Cây thánh giá được mang đi cũng với thái độ cung kính như lúc đón nhận. Ngay sau đó thì có hai người đến trại. Đó là tên thiếu tá và viên quản trại. Viên quản trại được anh em yêu mến, thậm chí là kính nể. Ông ta đi một vòng qua các lán trại cùng với tên thiếu tá, chúc lễ mọi người rồi vào bếp nếm thử món súp của trại. Món súp thật tuyệt vì vào ngày này trại đã cho mỗi trại nhân gần đến một *funt* thịt bò. Ngoài ra lại có món cháo kê, còn bơ thì cho ăn thoải mái. Sau khi tiễn chân ông quản trại, tên thiếu tá lệnh cho anh em bắt đầu ăn trưa. Mọi người cố gắng không rơi vào tầm mắt của hắn. Ở chỗ chúng tôi không ai ưa đôi mắt dữ tợn của tên này ẩn sau cặp kính trắng, đôi mắt đến bây giờ vẫn thường ngó nghiêng bên phải bên trái xem có điều gì mất trật tự hay không, xem có vớ được người nào mắc lỗi hay không.

Mọi người bắt đầu ăn. Con lợn bột của ông Akim Akimych đã được rán lên ròn tan. Tuy nhiên, có điều xảy ra mà tôi không sao giải thích được: ngay khi tên thiếu tá ra đi, chỉ năm phút sau đã xuất hiện bao nhiêu là người say rượu, thế mà mới năm phút trước đó mọi người còn hoàn toàn tỉnh táo. Đã xuất hiện nhiều khuôn mặt đỏ ửng và rạng rỡ, xuất hiện cả những cây đàn *balalaika*. Anh chàng Ba Lan với cây đàn violon cũng đang đi sau một tên rong chơi nào đó, anh ta được thuê đi suốt ngày để kéo đàn cho hắn nhảy những điệu vui vẻ. Những câu chuyện của họ mỗi lúc một say sưa và rôm rả hơn. Thế nhưng khi ăn cơm thì lại chẳng hề lộn xộn gì. Mọi người đều no nê. Trong số các ông già nhiều ông khỏe mạnh lập tức lên giường đi ngủ. Ông Akim Akimych cũng làm thế vì cho rằng có thể sau khi ăn trong ngày hội lớn cần phải được đi ngủ ngay. Ông già tín đồ cựu giáo ở Starodub ngủ một lát rồi leo lên nóc lò sưởi mở sách ra ngồi cầu kinh luôn mồm cho đến đêm khuya. Ông thấy nặng lòng khi nhìn thấy cảnh “nhộn nhạo”, ông vẫn nói như thế về chuyện vui chơi toàn trại của anh em tù nhân. Nhóm người Chérkes thì ngồi cả trên ô-văng vừa tò mò vừa có chút ghê tởm nhìn vào đám người say sưa. Anh chàng Nurra bỗng gặp tôi: “Bảo trọng! Bảo trọng! - Anh ta bảo tôi, vừa nói vừa lắc đầu một cách không hài lòng thật sự, - xin hãy bảo trọng! Thánh Allah sắp giận rồi đấy!” Anh chàng Isai Fomich đã bướng bỉnh và ngạo mạn thắp nến trong góc giường mình làm việc, cố tình tỏ ra không coi ngày hội là gì. Một số xó xỉnh đã có bọn mai-đan kéo đến. Chúng nó không sợ anh em thương binh, còn trong trường hợp có tên hạ sĩ cố tình lờ đi thì chúng thuê người đứng gác. Ngày hôm nay tên sĩ quan đi tuần đã ba lần ngó vào trại mình. Nhưng bọn say rượu đã trốn đi được, bọn mai-đan cũng rút lui khi tên này xuất hiện, còn tên đó thì có thể cũng đã quyết ý không thèm để mắt đến những

vụ lộn xộn lặt vặt. Hôm nay người say rượu cũng được coi là chuyện nhỏ. Dần dà mọi người đã đi dạo chơi. Lại bắt đầu cãi nhau. Số người không say rượu vẫn còn rất nhiều, và cũng có người phải để mắt đến bọn say rượu. Để bù lại, những người đã dạo chơi rồi thì uống vô chừng vô độ. Anh Gazin cũng hứng khởi lắm. Anh dạo chơi với vẻ hài lòng gần chỗ lán trại của mình, nơi anh mạnh dạn mang rượu về, những chai rượu mà trước đó anh đã dấu được ở một nơi nào đó dưới lòng tuyết trắng sau khu nhà lính ở một chỗ bí hiểm, và rồi anh cất tiếng cười tinh quái nhìn những người cần rượu chạy đến chỗ anh. Bản thân anh là người tỉnh táo, không hề nhấp một giọt rượu. Anh có ý định dạo chơi vào cuối ngày hội, khi đã thu được từ trong túi của trại nhân một khoản tiền kha khá. Khắp nơi trong các lán trại là tiếng ca hát. Nhưng mức độ say sưa đã đến hồi mê muội, và những câu hát đâu đó quanh đây đã thấm dần nước mắt. Nhiều người đi lang thang với những cây đàn balalaika của riêng mình, vai khoác áo tu-lúp, vừa đi vừa gảy đàn với dáng vẻ thanh niên hùng tráng. Trong khu trại đặc biệt còn tổ chức được một dàn đồng ca tám người. Họ hát rất hay dưới tiếng balalaika và ghi-ta đệm theo. Những bài thuần túy dân ca thì ít được hát. Tôi chỉ còn nhớ được một bài mà thanh niên hay ca:

Hồi bé một buổi tối
Em được đi ăn hội

Nhưng ở đây tôi lại được nghe một dị bản khác của bài này, mà trước kia tôi chưa từng nghe. Cuối bài hát có thêm mấy câu thơ:

Hồi bé ở nhà em
Mọi thứ đều gọn ghẽ.
Em rửa thìa sạch sẽ,
Nấu nồi súp thật ngon.
Em kẹp tóc gọn gàng,
Nướng thật nhiều bánh ngọt.

Phần lớn mọi người hát những bài được gọi là tù ca, tất cả đều thuộc. Một trong những bài đó là bài “Có lần...” Đó là một bài châm biếm, kể chuyện rằng trước kia con người luôn được vui vẻ và sống như quý tộc tự do, còn bây giờ thì phải vào tù. Trước kia con người tự bổ dưỡng bằng “rượu vang Tây”, còn bây giờ:

Người ta cho bắp cải cùng nước lã.
Tôi phải ăn vì bị beo tai.

Có một bài cũng được truyền bá rất rộng rãi:

Hồi xưa trai tráng tôi sống vui tươi,
Và cũng có ít nhiều của nả.
Hồi trai tráng tôi kiếm tiền vất vả,

Để rồi lâm vào cuộc tù đầy...

Và còn nhiều bài như thế nữa. Chỉ có điều ở đây người ta không hát là "kiếm tiền", mà là "kiệm tiền", vì lấy gốc là chữ "tiết kiệm". Người ta hát cả những bài sầu não nữa. Một trong số đó là bài riêng của trại tù, mà có thể cũng đã nổi tiếng:

Trời đã sắp ửng hồng,
Trống thúc tù sấp ngửa.
Ông già ra mở cửa.
Điểm danh rồi, mau lên.

Ai biết ta sang hèn
Sống bên trong lồng sắt,
Chỉ Chúa Trời biết mặt,
Là ta không chết đâu...

vân vân...

Có một bài khác còn buồn hơn, nhưng giai điệu đẹp hơn, chắc chắn là tác phẩm của một tù nhân lưu đày, ca từ thì ngọt ngào, nhưng sai khá nhiều về ngữ pháp. Cả bài tôi chỉ còn nhớ được mấy câu:

Mắt tôi bây giờ không nhìn thấy quê cũ,
Nơi ngày xưa tôi được sinh thành.
Bây giờ chẳng có tội gì mà chịu ngục hình,
Thân cứ bị giam cầm thê thiết.
Trèo lên sân thượng tim tôi gào thét,
Tiếng gào vang cả rừng sâu,
Tim tôi tan nát, lòng quặn đau,
Sao tôi không được bước ra ngoài ấy.

Bài này chúng tôi cứ hát thường xuyên, nhưng không hát đồng ca, mà là hát lẻ. Một người nào đó trong lúc dạo chơi chợt bước chân ra cửa trại, ngồi xuống đó, trong lòng ngẫm ngượi, tay chống cằm hát lí nhí một mình thôi. Ai nghe thấy thì đứt lòng đứt ruột. Ở đây ai cũng có giọng hát kha khá.

Bây giờ bóng tối đã bắt đầu buông phủ. Nỗi buồn, nỗi nhớ cứ hiện ra một cách nặng nề trong khung cảnh người thì dạo chơi mà đầu còn lảo đảo. Có người mới say sưa ngất ngưởng, cười nói huyên thuyên một giờ trước đây, mà nay đã ngồi đâu đó nức nở. Có những kẻ gây sự đánh nhau dễ đến hai lần. Có những người mặt mày xanh tái, đi đứng liêu xiêu, khuệnh khoạng mò đi khắp trại, cãi cọ mọi người. Cũng có người say xỉn âm thầm, hoài công đi kiếm bạn để thổ lộ tâm tình và để khóc cho mình nỗi đau say xỉn. Cả cái đám cư dân cơ cực này muốn được

vui vầy, muốn có một ngày lễ hội vĩ đại vui nhộn, - nhưng mà, trời ơi! Cái ngày hôm nay sao mà nặng nề, sao mà sầu đau hầu như đối với từng người một. Ai cũng sống qua ngày hội như bị lừa dối trong một niềm hy vọng nào đó. Anh Petrov đã hai lần chạy đến tìm tôi. Cả một ngày anh uống rất ít nên hầu như hoàn toàn tỉnh táo. Thế nhưng, cho mãi đến giờ phút cuối ngày anh vẫn cứ chờ đợi một cái gì đó, một cái gì thế nào cũng phải xảy ra, một cái gì bất thường, mang tính vui tươi, lễ hội. Mặc dù anh không nói ra điều đó, nhưng cứ nhìn mắt anh là thấy. Anh đi từ lán này sang lán khác không hề mệt mỏi. Nhưng chẳng có gì đặc biệt xảy ra cả, ngoài không khí rượu chè, những câu chửi thề vô lối và những cái đầu nóng đỏ vì rượu. Anh chàng Sirotkin hôm nay mặc áo đỏ mới cũng đi khắp trại, mặt mày sáng sủa, người ngợm sạch sẽ, dáng đi cũng nhẹ nhàng, ngây thơ như chờ đợi điều chi. Dần dần không khí trong các lán trại trở nên u uất và thảm hại. Tất nhiên, cũng có lắm chuyện buồn cười, nhưng tôi cũng thấy buồn lòng ghê quá, cảm thấy thương cho mọi người, thấy nặng nề ngột ngạt bên các anh em. Và đây là hai anh trại nhân cãi nhau, tranh nhau xem ai được khoản đãi ai. Rõ ràng là họ cãi nhau đã lâu, và thậm chí trước đó cũng đã cãi nhau rồi. Một anh thì đã không hài lòng với anh kia từ lâu. Anh ta phàn nàn líu cả lưỡi, ra sức chứng minh rằng anh kia đối xử với mình không được công bằng: đã phải bán đi chiếc áo bông ngắn, khoản tiền dành dụm năm ngoái cũng đã hết vì chi tiêu cho ngày hội tiễn đưa mùa đông. Ngoài ra vẫn còn thứ này thứ nọ... Kẻ buộc tội là một chàng trai cao ráo, lực lưỡng, không phải ngu đần, sống nhẫn nhịn, nhưng khi đã say rượu thì rất muốn được kết bạn và được giãi bày đau khổ. Anh ta cứ mắng mỏ và đưa ra yêu cầu sau này sẽ nhẫn nhịn hơn nữa với ông bạn kia. Còn anh kia thân hình đậm đà, chắc chắn, người cao, mặt tròn, tỏ ra khôn ngoan, ranh mãnh. Anh này uống có lẽ nhiều hơn anh kia, nhưng cũng chỉ hơi say mà thôi. Anh là người có cá tính và nổi tiếng nhiều tiền, nhưng bây giờ không hiểu vì sao anh vẫn được lợi vì không chọc giận anh bạn hung hăng, và đang dẫn được anh này đến chỗ tay bán rượu; còn ông bạn thì khẳng định rằng anh ta nhất thiết và phải có trách nhiệm mời rượu ông bạn.

Tay bán rượu có phần kính nể người gọi rượu và có vẻ coi rẻ anh bạn hung hăng, bởi vì anh này uống rượu không phải bằng tiền của mình, mà là được thết đãi. Hắn lấy rượu ra và rót vào cốc.

- Không đâu, Stepka, anh nợ tôi đấy, - anh chàng hung hăng nói, khi thấy mình thua, - vì đây là món nợ của anh.

- Tôi không phí lời với anh! -Stepka đáp.

- Không được, Stepka, anh nói dối, - anh thứ nhất khẳng định khi đón cốc rượu từ tay người bán, - bởi vì anh nợ tiền tôi. Anh không có lương tâm và mắt anh không phải mắt anh, mà là mắt con nợ! Stepka, anh là thằng đểu, tôi nói thế đấy, một lời thôi, anh là thằng đểu!

- Làm gì mà nóng thế, rượu sắp đổ kìa! Lương tâm thì thế này thế kia, cứ uống đi đã, - người bán rượu lớn tiếng bảo anh hung hăng. - Không ai cãi nhau với anh đến mai được!

- Vậy thì uống, làm gì mà kêu lên thế! Xin chúc mừng anh Stepan Dorofeich nhân dịp ngày hội, - anh ta cầm cốc bằng cả hai tay, hơi nghiêng đầu lịch sự về phía Stepka, người mà nửa phút trước đây anh còn gọi là thằng đểu, - Chúc anh sống khỏe mạnh trăm tuổi, còn những gì đã qua không tính đến nữa! - Anh ta uống một hơi hết luôn, ho sặc một tiếng rồi chùi mép. - Các anh em ạ, ngày trước tôi uống dữ lắm, - anh ta nhận xét với giọng rất quan trọng, như muốn nói với mọi người, chứ chẳng với riêng ai. - Còn bây giờ, các anh biết đấy, tuổi tôi cũng đã lớn rồi. Xin cám ơn anh Stepan Dorofeich.

- Không dám.

- Về tất cả những chuyện ấy tôi sẽ nói với anh sau, anh Stepka. Ngoài cái chuyện anh là thằng rất đểu với tôi, tôi sẽ còn cho anh biết...

- Còn tôi thì tôi nói cho anh biết rằng anh là cái mặt say rượu, - Stepan Dorofeich không chịu được nữa, ngắt lời, - anh hãy nghe đây và ngẫm nghĩ từng chữ: cả thế gian này tôi chia đôi với anh, anh một nửa và tôi một nửa. Anh đi đi và đừng gặp lại tôi nữa. Tôi chán anh rồi!

- Thế anh không trả tiền tôi à?

- Tiền gì cho anh nữa, anh lại say à?

- Này, sang thế giới bên kia anh có tự cầm tiền trả tôi cũng không lấy! Tiền của chúng ta là tiền lao động, là mồ hôi nước mắt, là chân tay chai sạn. Sang thế giới bên kia anh cũng không yên với năm đồng xu của tôi đâu.

- Quỷ tha ma bắt anh đi.

- Nói vớ vẩn thế; đừng có thối mồm.

- Thôi, đi đi, đi đi!

- Đồ đểu!

- Đồ trốn trại!

Thế rồi hai người chửi bới nhau một trận nữa còn to hơn cả lúc chưa uống rượu.

Và đây là hai người bạn ngồi riêng rẽ trong lán: một người cao ráo, đầy đặn, chắc thịt, một anh hàng thịt thật sự, mặt đỏ au. Anh đã rưng rưng nước mắt vì rất cảm động. Người kia gầy ơi là gầy, người nhỏ thó, xiêu vẹo, mũi dài, từ đó hình như có nước chảy xuống, mắt như mắt lợn nhỏ bé cúi nhìn xuống đất. Đó là một người có đầu óc chính trị và có học vấn, trước kia đã làm thư lại và bây giờ đang phê phán bạn mình một cách có phần hợm hĩnh, khiến anh bạn trong thâm tâm rất không hài lòng. Suốt ngày họ cùng uống với nhau.

- Thằng ấy nó xấc xược lắm! -anh chàng đầy đặn kêu lên. Anh vòng tay trái ôm bạn và lắc đầu bạn khá mạnh. - "Xấc xược" có nghĩa là nó đánh anh.

Anh chàng đầy đặn trước kia là hạ sĩ quan đang ngấm ngầm ghen tị với một anh bạn béo tốt, chính vì thế cả hai người cứ hễ gặp nhau là lại chơi chữ bóng gió với nhau.

- Mà tôi phải nói với anh rằng anh cũng không đúng... - anh chàng thư lại bắt đầu nói một cách giáo điều, cố tình nhìn xuống đất ra dáng quan trọng chứ không ngước mắt nhìn bạn.

- Hắn xấc xược với tôi, anh có nghe thấy không! - Anh bạn ngắt lời và càng quấy rầy hơn. - Trên đời này anh là người bạn duy nhất còn lại với tôi, anh có nghe thấy tôi nói không? Vì thế tôi nói với anh một điều: nó xấc xược với tôi quá....

- Còn tôi thì tôi nói với anh thế này: bạn thân mến ạ, cách biện minh chua chát như thế chỉ làm cho cái đầu của anh tủi hổ mà thôi! - anh chàng thư lại phản đối bằng cái giọng thanh mảnh và lịch sự, - tốt hơn hết là anh hãy đồng ý với tôi rằng tất cả những điều đó là sự say sưa rượu chè vượt quá sự bất ổn của riêng anh...

Anh bạn người đậm đà hơi ngửa ra đằng sau một chút, đưa đôi mắt say rượu đờ đẫn nhìn anh bạn thư lại đang có vẻ thỏa mãn của mình và bỗng nhiên, hoàn toàn bất ngờ, vung tay dồn hết sức tát một cái như trời giáng vào cái mặt nhỏ thó của anh thư lại. Cái tát làm đứt tình bạn suốt một ngày liền. Còn anh bạn thân yêu thì ngã lộn xuống đất bất tỉnh nhân sự...

Lúc này có một anh bạn quen từ bên trại đặc biệt sang thăm chúng tôi, đó là anh bạn vô cùng tốt bụng, vui vẻ, khôn ngoan, hóm hỉnh, không biết giận ai và cứ trông bề ngoài đã thấy là giản dị hết chỗ nói. Đó chính là cái anh chàng mà ngày đầu tôi vào trại, lúc ăn trưa trong bếp anh ấy đã đi tìm xem ông muzik giầu có sống ở đâu, đã khẳng định rằng ông muzik này "có nhiều *than* vọng" và đã ngồi uống trà rất lâu với tôi. Anh này tuổi độ bốn mươi, có cặp môi dày bự, quả

mũi to tròn và những chấm mụn trứng cá rải rác khắp nơi. Anh mang theo cây đàn balalaika và gảy liu riu khắp nơi. Đi theo anh như một cái đuôi là một anh bạn trại nhân người bé tí bé tẹo có cái đầu to tướng, con người mà đến bây giờ tôi cũng ít biết đến. Hơn thế nữa, cũng chẳng có ai quan tâm đến anh ta cả. Đó là con người có phần kỳ lạ, không đáng tin cậy, lúc nào cũng lầm lì, trịnh trọng. Anh đi làm ở kho phế liệu và rõ ràng là anh muốn sống khép kín, không liên hệ gì với ai. Còn bây giờ anh đang say rượu thì bám chặt lấy Varlamov như hình với bóng. Anh chàng cứ đi theo mãi, có vẻ hết sức hồi hộp vì cứ thấy vung tay lên, đấm đấm vào tường, đi khắp các lán trại và sụt sùi muốn khóc. Varlamov thì dường như không để ý gì đến anh ta, coi như không có con người ấy bên mình. Có điều lạ là hai người này trước đây không hề qua lại với nhau, về công việc và tính cách cũng chẳng có gì chung với nhau cả. Họ thuộc các loại tù khác nhau và sống ở hai trại khác nhau. Anh bạn người nhỏ bé tên là Bulkin.

Varlamov trông thấy tôi thì nhe răng cười. Tôi đang ngồi trên giường cạnh lò sưởi. Anh đứng trước mặt tôi hơi xa, suy nghĩ gì đó, lắc đầu một cái rồi bước mấy bước xiêu vẹo về phía tôi, nghiêng người chống nạnh ra dáng oách lắm, sau đó khẽ đặt tay lên dây đàn, miệng kéo dài giọng cất tiếng hát, chân dậm mũi giày đệm theo:

Cô em mặt tròn, cô em da trắng,
Giọng hát trong như tiếng chim xanh,
Cô em thân yêu của anh.
Cô em mặc áo hoa lụa,
Uyển chuyển như nàng công chúa,
Cô em tuyệt xinh.

Có vẻ như bài hát làm Bulkin khó chịu. Anh chàng vung tay lên, hướng về phía mọi người kêu lớn:

- Nó nói dối đấy, các anh em ơi, nó nói dối đấy! Không có một lời nào thật đâu. Toàn là nói dối đấy.

- Bài này tôi hát tặng ông già Aleksandr Petrovich! - Anh chàng Varlamov nói với nụ cười ranh mãnh và nhìn vào mắt tôi, suýt nữa thì nhảy vào ôm hôn tôi. Anh ta chếnh choáng say rồi. Lối nói “Tặng ông già... tên là gì đó” tức là có ý kính nể, là lối nói dân gian được dùng rộng rãi khắp vùng Sibir, thậm chí dùng cho cả những thanh niên độ tuổi hai mươi. Từ “ông già” chỉ có nghĩa là tôn kính, thậm chí là ngọt ngào.

- Thế nào, anh Varlamov, dạo này thế nào?

- Cũng là ngày lại qua ngày, vậy thôi. Ai thích ngày hội thì dậy sớm say sưa lướt khướt; bác tha lỗi cho tôi nhé! - Varlamov mặt hơi đỏ lên.

- Nói dối hết, nó lại nói dối hết! - Bulkin gào lên, đấm tay ầm ầm xuống các giường lán, có phần thất vọng. Nhưng anh chàng kia dường như đã thề không quan tâm chút nào đến Bulkin, điều đó thật hết sức khôi hài, bởi vì Bulkin cứ bám riết lấy Varlamov như con đỉa đói suốt từ sáng sớm chỉ cốt để gào lên rằng "nó nói dối đấy!" mà không hiểu vì sao anh ta cứ thấy như vậy. Bulkin cứ bám theo như một cái bóng, theo dõi từng lời nói, hai tay vặn vào nhau, đấm thùm thụp vào tường đến suýt chảy máu và đau khổ, đau khổ ra mặt vì khẳng định rằng Varlamov "nói dối hết!". Giá như trên đầu anh ta còn có tóc mọc thì chắc anh ta sẽ nhổ đi cho đến trọc lốc. Đúng là anh ta tự thấy mình phải có trách nhiệm với các hành vi của Varlamov, đúng là lương tâm anh ta cắn rứt vì mọi khiếm khuyết của Varlamov. Nhưng cũng chính đó là lý do khiến Varlamov không thèm nhòm ngó đến anh.

- Nói dối hết! Nói dối hết! Nói dối hết! Không một lời nào của nó là đúng cả đâu - Bulkin lại gào lên.

- Làm gì mà gào lên thế! - Anh em trại nhân cười ầm lên, đáp lại.

- Tôi xin báo cáo với ông Aleksandr Petrovich rằng trước kia tôi cũng rất đẹp trai và cũng được các cô gái rất đỗi yêu thương... - anh chàng Varlamov chẳng cơn cớ gì bỗng nhiên lại bắt đầu lên tiếng như vậy.

- Nói dối! Lại nói dối! - Bulkin ngắt lời, rít lên.

Anh em trại nhân cười ha hả.

- Còn tôi thì tôi đã mạnh dạn hơn lên trước mặt chị em: tôi mặc áo sơ-mi đỏ, mặc quần ống rộng xếp nếp, tôi nằm bệ vệ như bá tước Butylkin, có nghĩa là tôi say bí tỉ, tóm lại, muốn ra sao thì ra!

- Nói dối! - Bulkin kiên quyết khẳng định.

- Hồi ấy bố tôi cho tôi một ngôi nhà gạch hai tầng. Trong vòng hai năm tôi đã tiêu hết cả hai tầng nhà, chỉ còn lại một cái cổng không có cột đỡ. Thế đấy, đồng tiền là cánh chim câu: nó bay đến rồi lại bay đi!

- Nói dối! - Bulkin khẳng định kiên quyết hơn.

- Thế rồi tôi bỗng nhớ ra. Tôi bèn gửi từ đây cho hai cụ thân sinh một bức thư lã chã nước mắt, hy vọng rằng may ra thì các cụ gửi cho ít tiền. Người ta bảo rằng tôi đã đi ngược đường bố mẹ. Thế là bất hiếu. Kể từ ngày tôi gửi thư đã bảy năm rồi đấy.

- Và không có hồi âm phải không? - Tôi cười hỏi.

- Tất nhiên là không, - anh ta bỗng nhiên cười và cứ dí mãi mũi mình vào sát mặt tôi. - Ông Aleksandr Petrovich này, thế mà ở đây tôi cũng có người yêu rồi đấy...

- Anh ấy à? Người yêu ấy à?

- Onufriev có nói: “Vợ tôi xấu xí, mặt rỗ tổ ong, nhưng được cái áo quần lành lặn. Còn vợ anh xinh đấy, nhưng lại bị gậy ăn xin”.

- Có thật thế không?

- Đi ăn xin thật mà! - Anh ta khe khẽ cười; trong trại người ta cũng cười. Quả thật, mọi người đều biết rằng anh có đi lại với một cô nàng hành khất nào đó và suốt nửa năm trời chỉ cho cô ta vẻn vẹn có mười cô-pếch.

- Chẳng lẽ thế sao? - tôi hỏi với lòng mong muốn là cuối cùng anh ta rời chỗ tôi mà đi chỗ khác.

Anh chàng lặng im, dịu dàng nhìn tôi và trìu mến nói:

- Vậy thì vì lý do đó xin ông thương tôi mà cho tôi lưng chai rượu được không? Thưa ông Aleksandr Petrovich, ngày hôm nay tôi toàn uống trà. - Anh nói thêm, giọng trìu mến, tay chìa ra nhận tiền, - tôi uống trà đến nỗi thở không ra hơi, đến nỗi bụng tôi sóng sánh như một chai nước.

Trong lúc anh ta cầm tiền thì có vẻ như Bulkin cũng đạt đến độ bực dọc cuối cùng. Anh chàng vung tay lên, tuyệt vọng gần như muốn khóc.

- Hỡi những đứa con của Chúa! - Anh ta quay mặt ra toàn trại, điên cuồng kêu lên, - hãy nhìn đây! Nói dối hết! Tất cả những gì nó nói là nói dối hết. Tất cả, tất cả, tất cả đều là dối trá!

- Anh làm cái gì thế! - anh em trong tù kêu lên, mọi người đều ngạc nhiên trước sự điên cuồng đó, - anh thật là vô lý!

- Tôi không cho nói dối! -Bulkin gào lên, mắt trợn ngược, tay đấm thật mạnh liên hồi xuống giường, - tôi không muốn cho hắn nói dối!

Mọi người cười ồ lên. Varlamov cầm tiền, cúi chào tôi rồi khom người chuồn mau khỏi trại, tìm cách đến chỗ bán rượu. Dường như bây giờ anh ta mới nhìn thấy Bulkin lần đầu tiên.

- Đi với tôi nào! - Varlamov nói khi dừng lại trước bậu cửa, tựa như thấy mình phải làm một cái gì đó cho Bulkin. - Đồ quỷ lùn! - Anh ta nói thêm giọng khinh bỉ và né người nhường đường cho anh chàng Bulkin đau khổ tiến lên trước, rồi mới cầm đàn balalaika gẩy lên tưng tưng...

Cái cảnh đời say tỉnh là như thế đấy! Cuối cùng cũng đã sắp qua một ngày ngột ngạt. Anh em tù nhân nặng nề chợp mắt trên giường. Trong giấc ngủ họ mê sảng nhiều hơn vào những đêm khác. Một đôi nơi anh em ngồi với bọn mai-đan. Ngày hội mà người ta mong đợi bao lâu đã trôi qua đi. Ngày mai lại đã là ngày thường, lại đi làm rồi...

XI

ĐÊM VĂN NGHỆ

Tối ngày hội thứ ba là buổi biểu diễn đầu tiên trong nhà hát của chúng tôi. Về mặt tổ chức có rất nhiều công việc bận rộn phải chuẩn bị trước, nhưng các diễn viên tự làm lấy hết, cho nên tất cả chúng tôi, những người ngoài cuộc, đều không biết được tình hình ra sao? Bây giờ họ đang làm gì? Thậm chí còn không biết rõ có những tiết mục gì nữa. Trong suốt ba ngày vừa rồi, khi đi làm, các diễn viên đều cố gắng làm sao kiếm được quần áo cho phù hợp nhất. Mỗi lần gặp tôi, Baklushin chỉ toàn búng ngón tay ra hiệu hài lòng. Có lẽ anh ta đã tìm được một vần thơ hay cho tên thiếu tá. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn hoàn toàn không hay biết rằng liệu anh chàng này có biết chút gì về đêm biểu diễn không. Nếu biết thì liệu có phải anh ta cho phép mình thể hiện bằng hình thức như vậy, hay là chỉ dám im lặng phủi tay trước cuộc vui của anh em trại nhân và hẳn là để khẳng định rằng về nguyên tắc thì làm gì mà chẳng được? Tôi nghĩ rằng anh ta có biết về đêm diễn, anh ta không thể không biết, nhưng không muốn can thiệp vào, khi hiểu rằng nếu bị cấm đoán thì có thể làm tình hình xấu đi: anh em trại viên có thể phá quấy, say rượu, vậy tốt hơn hết là cứ để họ làm một việc gì đó. Nhưng tôi đồ rằng tên thiếu tá suy nghĩ như vậy chẳng qua cũng chỉ là vì đó là công việc tự nhiên nhất, đúng đắn nhất và lành mạnh nhất. Thậm chí ta có thể nói như thế này: nếu như trong dịp lễ hội mà tù nhân không có một đêm văn nghệ hoặc một hoạt động nào đó theo hướng như vậy, thì bản thân những người cai quản cũng phải nghĩ ra một cách. Nhưng chính vì tên thiếu tá của chúng tôi lại có một nếp tư duy hoàn toàn ngược so với phần còn lại của thế giới, cho nên, thật là xuẩn ngốc, nếu tôi tự mang vạ vào thân, khi cho rằng hắn ta có biết chuyện đêm diễn và đã cho phép tổ chức. Con người như tên thiếu tá thì dù ở đâu cũng phải đàn áp một người nào đó, loại bỏ một cái gì đó, truất quyền một người nào đó, tóm lại, phải lập lại trật tự ở một chỗ nào đó. Về mặt này hắn nổi tiếng khắp cả thành phố. Sẽ là thế nào với hắn một khi vì những cấm đoán đó mà trong trại lại xảy ra các vụ quấy phá? Nếu quấy phá thì có trừng phạt (những người như tên thiếu tá của chúng tôi đều nghĩ như thế), còn với những trại nhân tiểu thị dân thì sự nghiêm khắc và việc thực thi liên tục và dứt khoát mọi điều

luật là tất cả những gì phải có! Những kẻ thực thi luật pháp bất tài này thực sự không hiểu được, và cũng không có thể hiểu được rằng cái lối thực thi cứng nhắc mà không hiểu biết ý nghĩa, tinh thần luật pháp sẽ chỉ dẫn đến những vụ quấy phá, mà thực sự là chưa dẫn đến một cái gì khác cả. “Luật pháp đã nói rồi, còn gì phải hơn nữa?” - họ nói như thế và trong thâm tâm lấy làm ngạc nhiên rằng để bổ sung vào pháp luật người ta còn đòi hỏi ở họ phải có cách suy lý lành mạnh và có cái đầu tỉnh táo. Đối với nhiều người trong số họ thì đó là sự xa xỉ thừa thãi đáng ghét, là sự chèn ép không thể chịu được.

Nhưng dù thế nào đi nữa thì tên hạ sĩ trưởng cũng không mâu thuẫn với các anh em trại nhân, mà anh em thì cũng chỉ cần có như vậy. Tôi xin khẳng định rằng đêm diễn và lòng biết ơn vì bọn chúng đồng ý cho diễn chính là nguyên nhân khiến cho suốt mấy ngày hội trong trại không xảy ra một vụ quấy phá nào nghiêm trọng, không có một vụ cãi cọ xô xát nào, không có một vụ trộm cắp nào. Chính tôi đã được chứng kiến cảnh các anh em chúng tôi xúm nhau khuyên giải những kẻ chơi bời quá độ hoặc hòa giải những người cãi lộn chỉ vì một nguyên cớ là bọn chúng có thể cấm đoán đêm diễn. Tên hạ sĩ bắt anh em trại nhân phải cam đoan rằng khắp nơi phải yên tĩnh và mọi người phải ôn hòa. Anh em đã vui vẻ đồng ý và thực hiện một cách thánh thiện lời cam đoan ấy. Một điều rất hay nữa là bọn chúng đã tin lời anh em. Tuy vậy, cũng cần nói rằng bọn quản trại cũng chẳng mất gì khi cho phép tổ chức đêm văn nghệ ấy. Dự kiến là địa điểm đêm diễn sẽ không cần rào chắn, thời gian dựng phông hạ phông mất mười lăm phút, đêm diễn kéo dài một tiếng rưỡi, còn nếu làm nhiều hơn thì lệnh cấm diễn chỉ thi hành một giây là xong. Quần áo diễn được anh em tù nhân cất kỹ trong rương. Nhưng trước khi nói về việc tổ chức đêm diễn và quần áo diễn, tôi sẽ nói về áp-phích, tức là những gì dự kiến biểu diễn.

Thực ra là không hề có áp-phích bằng chữ. Tuy nhiên, lần biểu diễn thứ hai và thứ ba thì có một tấm áp-phích do Baklushin viết tay dành cho các ngài sĩ quan và nói chung là cho các vị khách mời sang trọng, mà sự hiện diện của họ là niềm vinh dự cho đêm văn nghệ ngay từ buổi diễn đầu tiên. Cụ thể là: trong các quan ngài có tên sĩ quan chuyên nghiệp tuần tra, và một lần chính tên trực ban tuần tra cũng có đến dự. Một tên nữa cũng một lần đến dự là tên sĩ quan công binh. Chính là vì để đề phòng các vị này đến dự nên mới phải viết áp-phích. Anh em cho rằng danh thơm của đêm diễn trong trại sẽ vang vọng đi xa khắp cả khu trại và thậm chí trong cả thành phố, nhất là khi trong thành phố lại không có nhà hát. Tôi có nghe nói thành phố cũng đã tập hợp nhau xem một đêm diễn của

một đoàn nghiệp dư, nhưng cũng chỉ được một lần thế thôi. Đám tù nhân vui như con nít trước một thành công nhỏ nhoi, thậm chí chỉ là hư danh. Anh em chúng tôi nói và nghĩ về nhau và với nhau như thế này: "Biết đâu bọn quản trại cao nhất biết được việc này, họ đến xem, lúc đó họ sẽ biết trại nhân ở đây là như thế nào. Đây không phải là đêm diễn của lính, có thú nhồi, thuyền bơi, có gấu bò, dê chạy. Chúng ta có những diễn viên, diễn viên thật sự, họ đóng những vở hài kịch cao sang. Một gánh hát như thế thì thành phố lấy đâu ra. Người ta bảo tướng Abrasimov đã một lần tổ chức được một đêm diễn, và sẽ còn một đêm nữa, thế nhưng chỉ ăn nhau về quần áo thôi, chứ *phần thoại* thì trước mặt diễn viên của chúng ta ai dám nói mạnh nào! Chuyện này thì rồi sẽ đến tai tỉnh trưởng chứ chẳng chơi, ai dám nói là chuyện đùa nào? Có thể là tỉnh trưởng cũng muốn đến xem ấy chứ. Thành phố làm gì có nhà hát..." Tóm lại, trí tưởng tượng của tù nhân, nhất là sau thắng lợi đầu tiên trong những ngày hội đã đạt đến đỉnh điểm, suýt nữa thì còn đến mức được nhận phần thưởng, hoặc là được giảm án, mặc dù ngay lúc bấy giờ bản thân anh em cũng tự cười mình một cách hồ hởi. Nói tóm lại, đó là những đứa trẻ con, hoàn toàn là trẻ con, mặc dù một số đứa trẻ trong đó đã đến tuổi bốn mươi rồi. Nhưng mặc dù chưa có áp-phích, tôi cũng đã biết về đại thể nội dung của đêm diễn sắp tới. Vở kịch đầu tiên là "Filatka và Miroshka là đối thủ của nhau". Một tuần trước đêm diễn Baklushin đã đến khoe với tôi rằng nhân vật Filatka mà anh thủ vai, sẽ được trình diễn đến mức mà tại nhà hát Saint-Peterburg cũng không thể có mà xem được. Anh đi khoe khắp trại, khoe một cách ghê gớm và không biết ngượng, thế nhưng lại hết sức vô tư, đôi khi bất chợt lại còn bộc lộ ra cả những ngón chơi "theo lối sân khấu", tức là lấy trong vai diễn của mình ra, khiến mọi người cười rộ lên, mà chưa cần biết những ngón ấy có buồn cười hay không. Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận rằng anh em tù nhân rất biết giữ mình và biết coi trọng phẩm giá. Những người thấy hào hứng với những ngón chơi của Baklushin và những câu chuyện về nhà hát tương lai thì chỉ có thể hoặc là lớp người trẻ tuổi nhất và nông nổi nhất, không cần giữ mình, hoặc là những tù nhân đáng nể nhất mà uy tín của họ đã được hình thành vững chắc, cho nên họ chẳng có gì phải sợ hãi khi nói thẳng ra những cảm xúc của mình, dù đó là những cảm xúc gì đi nữa, thậm chí là ngây thơ nhất (có nghĩa là theo các quan niệm trong trại thì đó là những cảm xúc có nội dung thiếu lịch sự nhất). Những người khác thì thường lắng nghe dư luận, chỉ yên lặng không bàn luận gì, không hề chống đối, nhưng hết sức cố gắng giữ thái độ thờ ơ đối với những lời đồn đoán về đêm diễn, thậm chí một phần nào đó còn có thái độ cao

ngạo. Mãi đến những ngày cuối cùng, thậm chí đến sát ngày biểu diễn, mọi người mới bắt đầu dò hỏi: sẽ có những tiết mục gì đây? Thái độ của anh em mình ra sao? Của tên thiếu tá thế nào? Liệu có thành công như năm trước hay không? vân vân và vân vân... Baklushin cam đoan với tôi rằng các diễn viên đều được tuyển lựa cẩn thận, người nào cũng được "đặt đúng vị trí". Sân khấu thậm chí còn có cả màn kéo. Rồi ông sẽ thấy, Sirotkin mặc váy áo đàn bà mới thật là tuyệt! - anh ta nheo mắt, búng lưỡi và nói như thế. Một bà điền chủ tốt bụng thì phải có bộ váy có chân váy thêu hoa, có áo choàng ngắn, có dù cầm tay, còn ông điền chủ tốt bụng thì phải mặc áo đuôi tôm sĩ quan với tua ngù và phải có ba-toong đàng hoàng. Sau đó đến tiết mục thứ hai là một vở bi kịch "Kedril háu ăn". Tên vở kịch này rất đáng quan tâm. Nhưng dù tôi gặng hỏi về vở kịch này thế nào đi nữa thì tôi cũng không biết trước được điều gì. Tôi chỉ biết rằng vở kịch này không phải được lấy ra từ một quyển sách nào, mà là "được chép lại", tức là nó được lấy của một viên hạ sĩ đã về vườn, sống ở ngoại ô, mà anh này rõ ràng chưa bao giờ tham gia vào một buổi diễn nào trên sân khấu lính. Thật ra ở những tỉnh thành và quận huyện xa xôi hẻo lánh vẫn có những vở kịch có thể không ai biết đến, chưa được in ở đâu bao giờ, nhưng chúng vẫn cứ từ đâu đó xuất hiện và trở nên một thành tố của bất kỳ một gánh hát nhân dân nào suốt một dẻo đất nước Nga. Xin nhân tiện nói rằng tôi gọi là "gánh hát nhân dân". Điều rất rất hay là giá như có một nhà nghiên cứu nào đó có những công trình mới mẻ và cẩn trọng hơn những công trình từ trước tới nay về gánh hát nhân dân, cái thứ gánh hát đã có, đã tồn tại và thậm chí có thể là không tồi đâu. Tôi không muốn tin rằng tất cả những gì mà tôi được xem trong trại của chúng tôi đều là do anh em trại nhân nghĩ ra. Ở đây dứt khoát phải có sự kế thừa các truyền thuyết, các thủ pháp và các khái niệm đã hình thành rồi truyền lại từ đời này qua đời khác theo trí nhớ. Muốn tìm chúng phải tìm ở chỗ những người lính, ở nơi xưởng thợ, ở các thành phố công nghệ và thậm chí ở nơi những kẻ thị dân ở một số những thị trấn nghèo nàn xa lạ. Những vở kịch này còn được lưu giữ theo các làng mạc, các tỉnh lỵ trong đám gia nhân của các nhà điền chủ lớn. Thậm chí tôi còn nghĩ rằng nhiều vở kịch cổ được đơm hoa kết trái theo lối chép tay trên khắp nước Nga không thể có con đường nào khác ngoài con đường qua gia nhân của các điền chủ. Các nhà điền chủ trước đây và các nhà quý tộc Moskva đều có những gánh hát riêng gồm các nghệ sĩ tuyển từ đám nô lệ. Những gánh hát ấy là điểm xuất phát của nghệ thuật sân khấu dân gian của chúng ta, mà những đặc điểm của chúng là không thể phủ nhận được. Còn về vở

“Kedril háu ăn” thì dù tôi có mong muốn đến mấy cũng không thể biết được gì trước, ngoài một chi tiết là trên sân khấu sẽ xuất hiện một lũ quỷ dữ đến đưa Kedril xuống địa ngục. Nhưng Kedril có nghĩa là gì, vì sao lại là Kedril, chứ không phải là Kirill. Cái tên ấy là của Nga hay có gốc ngoại lai? - Điều này tôi không sao lần ra được. Để kết luận người ta tuyên bố rằng vở kịch sẽ được trình bày dưới dạng “kịch câm có nhạc đệm”. Tất nhiên, mọi chuyện đều rất đáng tò mò. Số diễn viên gồm có mười lăm người - toàn những người năng động, dũng cảm. Họ tập luyện cá nhân, tự diễn tập, đôi khi diễn tập ở đằng sau trại, phải dấu diếm mọi người. Tóm lại, họ muốn thấy chúng tôi phải kinh ngạc vì những gì mới mẻ và bất ngờ.

Vào những ngày thường trại chúng tôi đóng cửa sớm ngay lúc chập tối. Đến ngày Giáng Sinh thì có ngoại lệ: trại mở cửa đến tận đêm khuya. Ưu tiên này thực ra là để dành riêng cho tốp diễn viên. Để nối tiếp lễ hội thì hàng ngày trước lúc chiều tối anh em lại cử người từ trong trại ra yêu cầu tên sĩ quan tuần tra “cho phép tốp diễn viên làm việc và mở cổng trại lâu hơn” và cũng nói thêm rằng hôm qua tốp diễn viên vẫn được luyện tập và vẫn mở cổng trại mà không có vụ lộn xộn nào cả. Viên sĩ quan tuần tra lý giải thế này “Về lộn xộn thì hôm qua không xảy ra vụ nào, còn các người hứa hẹn là hôm nay sẽ không xảy ra thì có nghĩa là các người sẽ phải tự giữ mình, và như vậy là tốt hơn. Hơn nữa, nếu không cho biểu diễn thì có thể (ai biết đâu được họ thế nào? Dân tù khổ sai ấy mà!) họ sẽ nổi giận phá bĩnh và bắt vạ lính gác cũng nên”. Cuối cùng thế là xong chuyện: đứng gác cũng chán, trong khi ở đây có đêm diễn, mà không phải đêm diễn bình thường của lính, đây là của tù nhân, mà tù nhân là những người đáng được tò mò: xem họ vui quá đi chứ. Còn sĩ quan trực gác thì vẫn có quyền được xem kia mà.

Sĩ quan trực ban sẽ đến “Sĩ quan trực gác đâu rồi?”. “Anh ấy vào trại đếm tù và khóa các cửa” - câu trả lời thẳng thắn và cách bào chữa cũng thẳng thắn. Như vậy là để kéo dài ngày lễ hội, các sĩ quan trực gác đã cho phép tốp diễn viên được luyện tập và các cửa sẽ không đóng cho đến đêm khuya. Ngay từ trước đó anh em tù nhân đã biết rằng đám lính gác sẽ không cản trở và họ được yên trí.

Lúc bảy giờ anh Petrov đến tìm tôi và chúng tôi cùng đi đến nơi biểu diễn. Hầu hết anh em trại tôi đều đi xem, ngoại trừ đám Cựu giáo và những người Ba Lan. Những người Ba Lan mãi đến lần biểu diễn gần đây nhất, ngày mồng bốn tháng Giêng, mới dám đến xem diễn sau nhiều lần được khuyên nhủ rằng đi xem sẽ

rất hay, rất vui và rất an toàn. Thói ghê sợ của người Ba Lan không hề làm kích động anh em khổ sai. Ngày bốn tháng Giêng họ được chào đón một cách lịch sự, thậm chí còn được đưa vào ngồi những chỗ tốt nhất. Còn về phần những người Chéc-két, và đặc biệt là đối với Isai Fomich thì đêm diễn thực sự là niềm hoan lạc. Lần nào Isai Fomich cũng thưởng cho dàn diễn viên ba cô-pếch, nhưng lần gần đây nhất anh đã bỏ vào đĩa thưởng đến mười cô-pếch và trên gương mặt anh hiện rõ ra niềm hỉ hả. Các diễn viên chỉ việc đi thu gom tiền thưởng của những người hiện diện, ai cho bao nhiêu thì cho, số tiền ấy dùng để chi trả cho đêm diễn và cũng là *để bồi dưỡng* cho chính họ. Petrov bảo mọi người phải cho tôi vào ngồi ở hàng ghế đầu tiên, dù trong phòng đã chật như nêm cối, lấy lý do rằng tôi giầu tiền hơn những người khác và tôi sẽ thưởng nhiều hơn, thêm nữa, tôi cũng là người hiểu biết nhiều hơn. Việc ấy thế là xong. Nhưng bây giờ đầu tiên tôi sẽ mô tả khán phòng và công việc tổ chức đêm diễn.

Trại tù của chúng tôi, nơi tổ chức đêm diễn, chỉ dài có mười lăm bước chân. Từ sân mọi người đã bước ngay lên bậc tam cấp, từ bậc này vào nhà kho rồi từ nhà kho vào trại: giường lán trong đó chạy theo bờ tường, cho nên giữa phòng có một khoảng trống. Một nửa căn phòng về phía lối ra từ bậc tam cấp dùng làm chỗ cho các khán giả, nửa bên kia, nối với trại bên, dùng làm sân khấu. Điều khiến tôi kinh ngạc đầu tiên là màn kéo. Màn kéo được căng ra đến mười bước chân ngang trại. Đó là một bức màn sang trọng đến mức đáng phải kinh ngạc thật sự, ngoài ra nó lại còn được vẽ màu dầu nữa chứ: đó là cảnh cây cối, những lầu bát giác, những hồ nước và cảnh trăng sao. Màn được chắp bằng vải lanh thô, cả vải cũ lẫn vải mới, do mọi người quyên góp, hiến tặng, gồm cả những quần áo cũ, và cuối cùng, còn một phần thiếu hụt thì đơn giản là được làm bằng giấy do anh em đi xin từng tờ một ở các loại văn phòng và các giấy lệnh. Anh em thợ sơn, trong đó nổi bật lên là anh Bryullov A., rất lo lắng đến việc quét sơn và vẽ cảnh. Hiệu quả của tấm màn cửa thật đáng ngạc nhiên. Vẻ sang trọng của tấm màn khiến cả những trại nhân cau có và khó tính nhất cũng phải hài lòng; những người này, không trừ một ai, vừa bước chân vào khán phòng tất thảy đều tự biến mình thành đám trẻ con, giống như những cô cậu sôi nổi nhất và lau chau nhất. Mọi người đều rất hài lòng, thậm chí là hài lòng đến mức cần phải khen ngợi. Ánh sáng được tạo ra nhờ mấy cây nến mỡ lợn, được cắt ra thành nhiều cây thấp, phía trước tấm màn có kê hai chiếc ghế dài lấy trong nhà ăn, trước hàng ghế này có ba bốn chiếc ghế tựa lấy trong phòng hạ sĩ. Những ghế này là để đề phòng khi có các sĩ quan cao cấp nhất đến thăm. Hàng ghế băng là

dành cho các hạ sĩ quan và các viên thơ lại chuyên ngành, các viên quản lý và những người khác nữa, thậm chí cả viên tổng quản, nếu họ ghé thăm. Đã có hiện tượng thế này: những khách ngoài trại trong ngày hội thì không qua lại, nhưng đến đêm hội thì lúc đông lúc vắng, còn đến đêm diễn thì trên ghế băng không còn một chỗ trống nào cả. Cuối cùng, ngay đằng sau các ghế băng cũng toàn là trại nhân, họ đứng yên, và để tỏ lòng tôn trọng khán giả họ không đội mũ, mình mặc áo khoác hoặc áo bông ngắn, mặc dù không khí trong phòng nồng nặc hơi nước ngột ngạt. Tất nhiên, chỗ ngồi cho trại nhân được bố trí rất ít. Nhưng ngoài cái việc là gần như họ phải ngồi lên lòng nhau, nhất là ở những dãy cuối, thì họ còn phải sử dụng thêm các giường lán, các chỗ sau cánh gà, và cuối cùng vẫn có những kẻ hâm mộ thường đi ra phía sau sân khấu để sang trại bên rồi từ đó ngó sang sàn diễn từ sau cánh gà cuối cùng. Mức độ chật chội ở nửa phần đầu trại thật không bình thường và có thể sánh ngang hàng với mức độ chật chội và chen lấn mà mấy hôm trước tôi đã được thấy trong nhà tắm hơi. Cánh cửa vào nhà kho được mở rộng, trong nhà kho nhiệt độ là âm hai mươi độ, cũng chật ních người. Hai người, tôi và Petrov, ngay lập tức được đưa vào phía trước, gần như đến hàng ghế ngồi xem rõ hơn nhiều so với những hàng sau. Một phần, người ta coi tôi là người biết thẩm định, là người hiểu biết, đã kinh qua các loại nhà hát, mà không phải những nhà xoàng như thế này; người ta cũng thấy rằng suốt thời gian vừa rồi anh Baklushin vẫn thường trao đổi với tôi và tỏ lòng kính mến tôi, vì thế mà giờ đây người ta cũng kính trọng và dành chỗ cho tôi. Cứ cho rằng trại nhân là những người sống thật là vô cùng hư danh và nhẹ dạ, nhưng tất cả những cái đó đều chỉ là giả tạo. Các trại nhân có thể cười giễu tôi, khi thấy tôi là người trợ thủ tồi trong công việc của họ. Ông già Almazov có thể khinh bỉ nhìn chúng tôi, những người quý tộc, khi ông ấy ngộ nhận trước mặt chúng tôi rằng ông ấy có tài nung thạch cao hoa tuyết. Nhưng trong việc họ sánh ngang hàng và cười giễu chúng tôi còn có thêm một lý do khác: khi xưa có thời chúng tôi đã là quý tộc, chúng tôi đã thuộc vào một đẳng cấp được coi là những ông chủ cũ của họ, những người mà họ không thể giữ được những ký ức tốt đẹp. Thế mà giờ đây, trong phòng diễn này họ đã có thể làm ra mặt thờ ơ với tôi. Họ thừa nhận rằng về mặt này tôi có thể đánh giá tốt hơn họ, rằng tôi từng trải và hiểu biết nhiều hơn họ. Trong số họ ngay cả những người không ăn ý với tôi (tôi biết lắm chứ) cũng mong muốn được tôi khen ngợi tài diễn xuất của họ và họ không hề hạ mình chút nào khi đưa tôi vào ngồi chỗ tốt nhất. Bây giờ tôi mới đánh giá khi nhớ lại ấn tượng của mình lúc đó. Tôi vẫn còn nhớ như thế này:

lúc ấy tôi thấy rằng trong cách tự phê phán mình một cách công bằng của họ tôi hoàn toàn không thấy chút gì là hạ mình, mà là một tình cảm coi trọng phẩm giá của chính mình. Nét đặc trưng cao nhất và sắc sảo nhất của cư dân trại chúng tôi là tình cảm công bằng và khao khát công bằng. Cái thói ngông nghênh gà trống cứ muốn đứng đầu mọi nơi mọi chốn và *bằng bất cứ giá nào* thì những người ở đây không ai có đâu. Chúng ta chỉ cần tách bỏ lớp vỏ bọc bên ngoài để nhìn vào cái cốt lõi của vấn đề một cách tinh tường hơn, gần gặn hơn và không có định kiến thì sẽ nhìn thấy trong lòng họ có những thứ mà ta không đoán trước được. Các nhà hiền triết có thể dạy dân một vài điều gì đó. Nhưng thậm chí tôi có thể nói một cách khẳng định rằng chuyện đó là ngược lại: chính các nhà hiền triết còn phải học dân nhiều nữa.

Anh Petrov nói với tôi một cách ngây thơ từ lúc chúng tôi chưa bước chân vào đêm diễn rằng người ta sẽ cho tôi vào hàng ghế đầu còn vì lẽ tôi sẽ góp nhiều tiền hơn. Không có mức tiền nào quy định cả: ai có bao nhiêu thì cho bấy nhiêu tùy tâm, tùy lực. Hầu như ai cũng góp một chút nào đó, dẫu chỉ là một xu, khi có người mang đĩa đến. Nhưng nếu người ta cho tôi lên trên một phần nào đó vì để góp tiền do họ dự kiến rằng tôi sẽ góp nhiều hơn người khác thì lòng tự trọng của tôi lại tăng lên gấp bội! “Ông giầu có hơn tôi thì ông cứ lên trước đi, mặc dù chúng ta ở đây ai cũng như ai, nhưng ông sẽ đóng góp nhiều hơn thì một khán giả như ông sẽ được các diễn viên yêu thích hơn. Người ta đưa ông lên hàng đầu, bởi vì tất cả chúng tôi đến đây không vì đồng tiền, mà vì lòng kính trọng, mà vì thế việc phân loại mình chúng tôi sẽ tự làm lấy”. Trong cách nghĩ ấy có biết bao nhiêu là lòng tự hào cao thượng chân chính! Đó không phải là lòng kính trọng đồng tiền, mà là kính trọng bản thân mình. Nói chung trong trại này không có lòng kính trọng đặc biệt đối với tiền nong, của cải, đặc biệt nếu ta nhìn vào tất cả tù nhân một cách đồng đều, không có sự phân biệt gì cả, nhìn họ trong một khối người, trong một tổ hợp. Trong số họ thậm chí tôi không nhớ được một người nào chỉ vì đồng tiền mà chịu hạ mình một cách quá đáng, thậm chí khi ta phải xem xét họ từng người một. Cũng có những người ăn xin ngửa tay ra với tôi. Nhưng cách ăn xin ấy lại đậm chất đùa nghịch, ranh ma, hơn là xin thật, nó đậm chất trào phúng, ngây thơ. Tôi không hiểu rằng tôi diễn đạt như vậy có rành mạch không... Nhưng tôi đã quên kể chuyện đêm diễn. Tôi xin trở lại.

Trước khi kéo màn, cả khán phòng là một cảnh kỳ lạ và sôi động. Thứ nhất, đó là đám khán giả bị chèn ép, chen lấn từ mọi phía, đang ra sức chịu đựng và lộ vẻ thánh thiện trên gương mặt để chờ đợi đêm diễn bắt đầu. Ở những hàng cuối họ

đè lên lưng nhau. Nhiều người mang theo từ trong bếp ra những khúc củi, họ đặt củi xuống chân tường, trèo lên, bám hai tay vào vai người ngồi đằng trước rồi cứ đứng như vậy không đổi tư thế suốt hai giờ liền, hoàn toàn hài lòng với bản thân mình và vị trí của mình. Những người khác thì bám chân vào thành bếp lò ở chỗ bậc thấp, và cũng như những người nói trên, họ đứng suốt đêm diễn, tay bám vào người phía trước. Đó là nói về những người đứng cuối cùng, sát tường. Ở bên cạnh cũng là một đám đông chen chúc trên các giường lán, bên dưới là các nhạc công. Ở đây có những chỗ tốt. Có năm người leo lên được nóc lò sưởi, cứ việc nằm đó mà nhìn xuống dưới. Sướng thật là sướng! Tường bên kia, trên bệ cửa sổ cũng chen chúc những nhóm người đến muộn hoặc không tìm được chỗ tốt. Tất cả mọi người đều giữ thật yên lặng và nghiêm chỉnh. Trước mặt các quan khách và các khán giả ai cũng muốn thể hiện mình một cách tốt đẹp nhất. Trên gương mặt mọi người đều là những nét chờ đợi ngây thơ. Khuôn mặt nào cũng hồng hào và đẫm mồ hôi vì nóng và ngột. Trong những nét biểu hiện ấy, trên những vừng trán và gò má bị đóng dấu triện, trong những ánh mắt vốn là âm u, trầm uất, trong những đôi mắt đã từng có lúc quắc lên ngọn lửa kinh hoàng, giờ đây chỉ rực sáng lên ánh hào quang của niềm vui thơ bé, của niềm thỏa mãn dịu hiền, trong trắng. Tất cả mọi người đều không đội mũ, và nhìn từ phía bên phải thì tôi thấy đầu ai cũng đã cạo nhẵn. Bây giờ trên sân khấu đã thấy có tiếng xì xào, chuyển động. Màn sắp mở. Dàn nhạc đã lên tiếng. Dàn nhạc này thật đáng nhớ. Ở bên cạnh, xếp dài theo các giường lán là tám nhạc công gồm hai cây vĩ cầm (một là người của trại, người kia là người đi mượn trong pháo đài, còn nghệ sĩ thì là người nhà), ba đàn balalaika - tất cả đều là đàn tự tạo, hai cây ghi-ta và một trống bu-ben thay cho đàn đại vĩ cầm. Vĩ cầm được kéo lên rin rít, đàn ghi-ta thì lanh tanh, còn balalaika thì không nghe thấy đâu. Các nhạc công nhanh chóng dùng ngón tay vặn lại giây đàn thật nhanh chóng chẳng khác gì một trò ảo thuật khéo léo nhất. Các mô-típ vũ điệu đồng loạt cất lên. Đến những chỗ đặc tả múa thì các nhạc công balalaika dùng móng gẩy gõ vào hộp đàn; giọng điệu, kiểu cách, lối chơi đàn, cách thể hiện mô-típ tất cả đều là riêng biệt, là độc đáo, là của riêng trại. Một tay ghi-ta tỏ ra am hiểu tuyệt vời cây đàn của mình. Đó chính là nhà quý tộc đã giết chết cha mình. Còn chiếc trống bu-ben thì quả là huyền diệu: lúc thì nó được quay tít trên đầu ngón tay, lúc thì nhạc công chạy ngón cái trên mặt da trống, lúc thì rộn lên những tiếng mau mau vang vang đều nhịp, lúc thì tiếng trống khúc chiết mạnh mẽ bỗng như ngàn hạt đậu tan ra thành những tiếng nhỏ lào rào, lẻng xẻng. Cuối cùng lại còn xuất hiện thêm hai

bè nữa chứ. Thành thực mà nói, cho đến lúc bấy giờ tôi chưa hề có khái niệm rằng với những nhạc cụ bình dân thông thường ấy lại có thể tạo ra được những âm thanh hài hòa trọn vẹn đến như thế, mà cái chính, cái tinh thần, cái cốt cách và cách thể hiện bản chất của giai điệu thì thật là đáng kinh ngạc. Lúc bấy giờ, lần đầu tiên tôi mới hiểu được hoàn toàn rằng thế nào là cái phóng khoáng, cái dũng mãnh trong những bài múa phóng khoáng và dũng mãnh của người Nga. Cuối cùng, màn được kéo lên. Toàn bộ khán phòng chao đảo, mọi người đổi hết chân này sang chân kia, những người đằng sau phải đứng nhón trên đầu ngón chân, có người bị trượt từ trên cây củi xuống đất. Không trừ một ai, tất cả đều há mồm, tròn mắt, im lặng như tờ... Đêm diễn bắt đầu.

Đứng bên cạnh tôi là Alei, trong nhóm các anh em mình và những người Chéc-két khác. Tất cả bọn họ đều rất say mê sân khấu và sau đó tối nào cũng đến, và như tôi đã nhận xét không phải một lần, những người Hồi giáo, những người Tatar bao giờ cũng là những người say đắm săn lùng mọi kiểu sân khấu. Bên cạnh họ là Isai Fomich. Anh chàng này ngay từ lúc mở màn đã tự biến mình thành các kiểu âm thanh, ánh sáng, thành nỗi khắc khoải chờ đợi những điều kỳ diệu và niềm vui thưởng ngoạn một cách ngây thơ và khao khát nhất. Nếu như anh ta bị thất vọng với những phút chờ đợi của mình thì thật đáng thương biết bao. Gương mặt dịu hiền của Alei rực sáng lên một niềm vui tuyệt vời, niềm vui thơ bé đến nỗi tôi phải thú nhận rằng tôi thấy vui không sao tả xiết được khi nhìn vào gương mặt ấy, và tôi vẫn nhớ rằng cứ mỗi lần có một diễn viên bước ra sân khấu với bộ điệu buồn cười và khéo léo thì ngay lập tức tôi lại phải quay sang phía Alei để ngắm nhìn gương mặt anh! Đứng bên tay trái, rất gần với tôi là một trại nhân đứng tuổi lúc nào cũng nhăn mặt bất bình và luôn miệng làu bàu. Ông ta cũng nhìn thấy Alei và tôi thấy đã có đôi lần ông ta hé miệng cười khi quay sang phía Alei: lúc ấy ông ta trông thật hiền dịu! “Alei Semionych”, ông ta gọi tên Alei, tôi cũng không biết để làm gì. Đêm diễn được bắt đầu bằng kịch “Filatka và Miroshka”. Filatka (Baklushin đóng) thật là tuyệt. Anh chàng diễn vai này với mức độ chuẩn xác đáng kinh ngạc. Rõ ràng là anh đã đầu tư suy nghĩ vào từng câu nói và từng động tác. Mỗi lời nói, mỗi hành động anh đều biết cách thổi vào đó một nội dung, một ý nghĩa hoàn toàn phù hợp với tính chất vai diễn. Các bạn chỉ cần bổ sung thêm một niềm vui, một nét giản dị, thuần phác lạ lùng, không hề giả tạo vào những nỗ lực của anh, vào khả năng nghiên cứu vai diễn của anh, thì khi nhìn thấy Baklushin, ngay lập tức các bạn sẽ phải đồng ý rằng đó là một nghệ sĩ lớn có tài năng thiên bẩm thật sự. Vở Filatka này tôi đã

được xem nhiều lần trong các nhà hát ở Moskva và Peterburg và tôi phải nói một cách khẳng định rằng cả hai nhà hát ấy đóng vai Filatka đều thua Baklushin. So với Baklushin thì các diễn viên kia chỉ là những nông dân chung chung, chứ không phải là những muzik Nga thật sự. Họ rất muốn thể hiện được vai muzik. Nhưng Baklushin thì hơn thế, anh bị ám ảnh bởi lòng ganh đua: ai cũng biết rằng đến vở kịch thứ hai thì người sắm vai Kedril sẽ là trại nhân Potseikin. Đó là diễn viên mà không hiểu vì sao mọi người lại bảo rằng tài năng hơn Baklushin. Vì điều đó Baklushin buồn phiền như một đứa trẻ. Trong những ngày gần đây đã có biết bao lần anh tìm đến tôi để thổ lộ tâm tình. Trước lúc biểu diễn hai tiếng đồng hồ anh lên cơn sốt. Đến lúc mọi người reo ồ lên và cả đám đông hô vang “Hay lắm, Baklushin, thật là tuyệt!” thì cả gương mặt anh mới ngời lên ánh vàng hạnh phúc và đôi mắt anh long lanh xúc cảm thật tình. Cái cảnh ôm hôn Miroshka khi Filatka kêu to, bảo Miroshka “Lau nước mũi đi!” và chính anh cũng đưa tay vắt mũi là một màn cười sảng khoái. Cả đám khán giả cười rộ lên nghiêng ngả. Nhưng đối với tôi thì khán giả lại là những người đáng quan tâm hơn. Tất cả mọi người đều cởi lòng cởi dạ. Họ sống hết mình thật là thỏa mãn. Những tiếng reo hò sảng khoái ngày càng nhiều hơn. Có một người thúc tay vào bạn hàng xóm để truyền đạt mấy câu cảm tưởng, mà không quan tâm, và thậm chí cũng không nhìn ra ai đứng cạnh mình, một người khác, đến cảnh hài hước, bỗng cao hứng hướng tới mọi người, nhìn khắp nơi, tựa như kêu gọi hãy cười lên đi, anh ta vung vung tay rồi lại say sưa nhìn lên sân khấu. Một anh nữa thì tắc lưỡi, búng tay liên tục, không thể nào đứng yên một chỗ, nhưng vì không còn chỗ nào bước ra, nên anh ta cứ rút chân này lại đặt chân khác. Đến cuối vở kịch thì cao trào hân hoan lên đến đỉnh điểm. Tôi không cường điệu một chút nào cả. Các bạn hãy hình dung cả một chốn lưu đày, những xiềng xích, cảnh tù túng, những năm tháng dằng dặc buồn đau phía trước, một cuộc sống đơn điệu như nước mái nhà giọt giọt giữa ngày thu ảm đạm, thế mà bỗng chốc những con người bị đè nén, bị giam cầm ấy lại có được một giờ được cởi mở, được vui sướng, được quên đi cơn ác mộng trầm uất, được tạo dựng cả một đêm diễn, mà lại được tạo dựng theo một cách như thế này chứ: nó khiến cả thành phố phải tự hào và phải kinh ngạc - này, hãy nhìn anh em chúng tôi mà xem, tù nhân chúng tôi là như thế đấy! Tất nhiên, họ phải bận tâm mọi việc, như quần áo chẳng hạn. Thật là hấp dẫn khi được nhìn họ, chẳng hạn như anh chàng Vanka Otpetyi, hay Netsvetaev hoặc giả Baklushin, khi họ mặc những bộ quần áo khác, so với những bộ quần áo họ vẫn mặc hàng ngày suốt bao nhiêu năm. “Thì tù nhân vẫn là tù nhân thế thôi,

vẫn xích xiềng lẻng xẻng, thế mà bây giờ mặc áo đuôi tôm, đội mũ tròn, khoác áo rộng - cứ hệt như là quan chức nhà nước! Lại còn đính thêm cả ria cả tóc nữa chứ. Kìa, anh ta lại rút trong túi ra một chiếc khăn đỏ vẫy vẫy ra dáng quí phái, đúng là một đức ông quí tộc thật sự!" và thế là mọi người phấn chấn hẳn lên. Một nhà điền chủ hào phóng bước ra trong chiếc áo khoác nhà binh, cái áo quả là rất cũ, nhưng vẫn có ngù vai, có mũ và có quân hiệu. Ông điền chủ đã gây được hiệu quả dị thường. Đã có hai người tranh diễn vai ấy, và có ai tin không nhỉ? - cả hai đều giống như hai chú bé con, họ cãi vã đến khổ chỉ vì chuyện ai là người được diễn: cả hai đều ao ước được khoác áo sĩ quan có đủ dây ngù, quân hiệu! Các diễn viên khác phải can mãi mới được và phải biểu quyết lấy đa số phiếu để trao vai diễn cho Netsvetaev, không phải vì anh này đường bệ và đẹp mã hơn anh kia, vì thế mà có vẻ giống quý tộc hơn, mà vì lẽ Netsvetaev thuyết phục được mọi người rằng anh ta sẽ chống ba-toong ra sân khấu, sẽ khua ba-toong lên cao và vẽ ba-toong xuống đất như một nhà quý tộc thật sự và một bậc điển trai hạng nhất, cái điều mà Vanka Otpetyi không hình dung được, vì anh ta chưa nhìn thấy như thế bao giờ. Quả vậy, vừa mới bước ra sân khấu cùng với phu nhân trước mắt khán giả, Netsvetaev đã nhanh chóng khua trên mặt đất chiếc gậy làm bằng một cây sậy nhỏ không biết anh ta kiếm được ở đâu và rõ ràng là anh coi đó là dấu hiệu của đẳng cấp cai trị cao nhất, là thói ăn diện kiêu sa nhất. Hiển nhiên là từ khi còn là cậu bé chân trần, sống trong đám gia nhân, cậu đã có nhiều dịp được thấy nhà quý tộc ăn mặc sang trọng tay cầm ba-toong và cậu đã bị hút hồn vào nghệ thuật khua múa ba-toong, ấn tượng ấy muôn đời muôn kiếp không bao giờ mờ phai trong tâm hồn cậu, cho nên bây giờ đã ba mươi tuổi anh vẫn còn nhớ như in chuyện cũ để có thể làm mê hoặc và say đắm toàn thể trại nhân. Netsvetaev chìm đắm vào công việc của mình đến nỗi không thèm nhìn ai và nhìn chỗ khác, thậm chí lúc nói cũng không hề ngước mắt, chỉ bận tâm mỗi một việc là theo dõi đầu gậy của mình. Bà điền chủ hào hoa cũng thật là tuyệt diệu. Nàng xuất hiện trong chiếc áo dài bằng vải sa sờn cũ như mớ rẻ rách, tay và cổ để trần, mặt bự phấn trắng, phấn hồng, đầu đội mũ bo-nê bằng vải sơn kiểu phòng ngủ thắt quai nơ dưới cằm, một tay che dù, một tay luôn luôn phe phẩy chiếc quạt bằng giấy vẽ hoa. Cả khán phòng rộ lên chào đón bà chủ, đến nỗi bản thân nàng cũng không tự nén mình được nên đôi lúc bật cười. Người đóng vai bà quý tộc là trại nhân Ivanov. Sirotkin mặc giả gái trông thật dễ thương. Các đoạn đối thoại cũng rất phù hợp. Tóm lại, vở kịch kết thúc,

được mọi người hết sức tán thưởng. Không có ai phê phán, mà cũng chả có gì để phê phán cả.

Một lần nữa lại vang lên khúc dạo "Căn phòng, căn phòng của tôi" rồi tấm màn lại được kéo lên. Bây giờ là Kedril. Kedril có vẻ gì giống với Don Juan; đến cuối vở kịch cả nhà quý tộc và tên đầy tớ đều bị lũ quỉ bắt xuống địa ngục. Lẽ ra có cả một hồi dài, nhưng ở đây chỉ có một đoạn ngắn. Khúc đầu và khúc cuối đã mất. Chẳng có nội dung, ý nghĩa gì cả. Câu chuyện xảy ra ở nước Nga, trong một quán trọ nào đó. Chủ quán dẫn vào phòng một nhà quý tộc mặc áo khoác lính và đội mũ ống méo mó, đi sau là tên đầy tớ. Kedril một tay xách va li, một tay ôm con gà bọc trong tờ giấy xanh. Kedril mặc áo bông ngắn, đầu đội mũ gia nhân. Hắn cũng là một tên phàm ăn. Người đóng vai này là trại nhân Potseikin - đối thủ của Baklushin, vào vai quý tộc là Ivanov, cái anh ở vở kịch đầu vừa đóng vai điền chủ hào hoa. Chủ quán Netsvetaev báo trước rằng trong phòng có nhiều ma quỉ, nói xong cáo lui. Nhà quí tộc đăm chiêu lo lắng, lẩm bẩm gì đó, rằng anh ta đã biết trước điều này, nói rồi vẫn sai Kedril mở va li đồ đạc và chuẩn bị bữa tối. Kedril là tên nhát gan và lại háu ăn. Lúc nghe nói đến ma quỉ, hắn tái mặt và run như cầy sấy. Hắn định bỏ chạy, nhưng lại sợ ông chủ. Hơn thế nữa, hắn đang đói ngấu. Hắn là tay háo sắc, đần độn, khôn lỏi, nhút nhát, phỉnh nịnh ông chủ nhưng cũng sợ hãi ông chủ. Đó là một típ đầy tớ cũng hay, trong đó phảng phất những nét của Leporello, và típ này được truyền lại thật là xuất sắc. Potseikin có tài nghệ vững chắc, và theo tôi, về tư cách diễn viên thì anh còn nhỉnh hơn Baklushin. Ngày hôm sau tôi có gặp Baklushin, nhưng cũng không nói hết ý kiến của mình: tôi sợ làm phiền lòng anh quá. Một trại nhân mà đóng vai quý tộc như thế cũng là không tồi. Những điều tầm bậy anh nói ra thật là ghê hồn, không giống ở đâu cả, nhưng giọng nói của anh thì lại chính xác, hào sảng và cử chỉ rất ăn nhập. Trong lúc Kedril loay hoay với cái va li, nhà quý tộc đi đi lại lại trên sân khấu và lớn tiếng giải thích cho mọi người hiểu rằng buổi tối hôm nay là buổi kết thúc chuyến phiêu du của anh. Kedril tò mò lắng nghe, mặt nhăn nhó, rồi nói *a parte* (tiếng Italia - quay sang một bên), gây cười cho khán giả. Anh ta chẳng hề thương hại ông chủ, nhưng anh ta đã nghe thấy chuyện ma quỉ; anh ta muốn biết thế là thế nào và thế là anh ta tham gia vào các câu chuyện và các cuộc đối chất. Cuối cùng nhà quý tộc giải thích cho anh ta rằng đã có một lúc nào đó và trong một cơn bĩ cực nào đó anh ta đã nhờ đến sự giúp đỡ của địa ngục, và lũ ma quỉ đã giúp anh ta, nhưng anh cũng nói rằng hôm nay là ngày đáo hạn, và hôm nay có thể bọn chúng đến đây theo đúng thỏa thuận để đòi lấy linh hồn

anh. Kedril bắt đầu run sợ bủn rủn chân tay. Nhưng ông chủ không hề mất tinh thần mà vẫn sai đầy tớ sửa soạn bữa ăn tối. Nghe nói đến ăn tối Kedril mới bừng tỉnh, bèn mở gói lấy gà lấy rượu ra, rồi cứ nhắt nhắt anh chàng lại cắt một miếng thịt gà nhai chóp chép. Khán giả cười ồ cả lên. Bỗng cánh cửa kêu kẹt một tiếng, gió đập cánh cửa sầm sập. Kedril run bắn lên vội nháo nhào tống vào mồm một miếng thịt gà to tướng đến mức không thể nuốt được. Tiếng cười lại rộn lên. “Xong chưa đấy?” - cậu chủ vừa đi lại trong phòng vừa quát. “Thưa cậu, xong rồi đây... con dọn ra bây giờ...”, Kedril nói thế, nhưng lại ngồi vào bàn và hết sức thản nhiên bắt đầu ăn ngấu nghiến thức ăn của chủ. Khán giả tỏ ra rất thích thú với anh đầy tớ khôn ngoan, xảo vặt và ông chủ quý tộc ngốc nghếch. Phải thừa nhận rằng cả Potsetkin cũng thật xứng đáng được khen ngợi. Mấy chữ “Thưa cậu, xong rồi đây... con dọn ra bây giờ...” anh ta nói ra thật là dẻo mỏ. Ngồi vào bàn, anh ta bắt đầu ăn uống nhồm nhoàm, và cứ nghe mỗi bước chân cậu chủ, anh ta lại giật mình thon thót, cố tránh sao cho cậu chủ không thấy việc anh đang làm. Hễ thấy cậu chủ dừng lại, đánh mắt sang nhìn là anh ta chui ngay xuống gầm bàn, mang theo con gà. Cuối cùng anh ta đã thấy âm ấm bụng, bèn nghĩ đến chủ. “Kedril, sắp xong chưa đấy?” - ông chủ quát. “Thưa xong rồi ạ!” Kedril liều mạng đáp, khi chợt nhận ra rằng phần còn lại dành cho cậu chủ chẳng đáng bao nhiêu. Quả thật, trên mặt đĩa chỉ có một cái chân gà. Nhà quý tộc mặt mày ủ rũ và đờ đẫn, chẳng để ý gì cả, ngồi ngay vào bàn, còn Kedril cầm khăn ăn đứng ra sau ghế. Mỗi lời nói, mỗi cử chỉ, mỗi cái nhăn mặt của Kedril, khi anh quay về phía khán giả, mỗi cái gật đầu của anh về phía bộ mặt thộn của cậu chủ quý tộc, đều được khán giả cười sằng sặc đón nhận. Nhưng ngay lúc đó, khi cậu chủ bắt đầu ăn thì lũ quỉ hiện đến. Lúc này không thể hiểu được gì cả, lũ quỉ hiện hình rất không giống như con người: Từ cánh gà bên cánh cửa được mở ra, một cái gì đó bận đồ trắng xuất hiện, thay vào chỗ cái đầu thì lại là một cây đèn lồng thắp nến, một con ma khác cũng có đèn lồng thay đầu, hai tay lại cầm một bím tóc. Vì sao lại là đèn lồng, vì sao lại là bím tóc, vì sao ma quỉ lại bận đồ trắng? Những chuyện ấy không ai giải thích nổi. Tuy vậy, cũng không ai nghĩ đến làm gì. Người ta tin rằng tất yếu là phải như vậy. Nhà quý tộc khá táo bạo quay đầu nhìn vào lũ quỉ và quát to lên rằng anh đã sẵn sàng cho chúng bắt anh. Nhưng Kedril nhát như cáy, anh ta chui xuống gầm bàn; nhưng mặc dù rất sợ hãi anh ta vẫn không quên lấy trên mặt bàn xuống một cái chai. Bọn ma quỉ lại biến đi đâu mất một phút. Kedril từ dưới gầm bàn chui lên, nhưng khi nhà quí tộc vừa mới tiếp tục ăn thịt gà, thì ba con quỉ lại xộc vào phòng,

chúng từ đằng sau túm lấy anh ta và lôi xuống Âm cung. “Kedril, cứu ta với!” - nhà quí tộc kêu lên, nhưng Kedril không dây vào chuyện. Lần này anh ta lôi xuống gầm bàn cả chai rượu, cả đĩa thịt và cả đĩa bánh. Bây giờ anh ta chỉ còn một mình, ma quỉ đã đi hết, ông chủ cũng không còn nữa. Kedril chui ra, nhìn quanh, và nụ cười làm gương mặt anh ngời sáng. Anh ta nheo mắt láu cá, ngồi vào chỗ của ông chủ, gật đầu với khán giả rồi thì thào nói:

- Bây giờ tôi chỉ còn một mình, không có cậu chủ...

Mọi người lại cười ầm lên vì không có cậu chủ; thế nhưng bây giờ anh ta lại ra vẻ bí mật ngoảnh về phía khán giả thì thầm nói thêm một câu, mắt nháy nháy mỗi lúc một thêm buồn cười:

- Quỉ tha ma bắt cậu chủ đi rồi!...

Khán giả sướng khoái không sao tả xiết! Ngoài cái nội dung là cậu chủ bị ma quỉ bắt đi, thì điều hay hơn nữa là chuyện ấy được nói ra với cái giọng ma cuội, với cái lối nhăn mặt đầy khoái trá và diễu cợt, đến nỗi quả thực là không thể không vỗ tay được. Nhưng hạnh phúc đến với Kedril không được mấy nỗi. Anh ta vừa mới mở được chai rượu, rót ra cốc định uống thì đột nhiên bọn ma quỉ quay lại, chúng dò dẫm nhón chân đến sau lưng anh và vồ ngay được eo lưng anh. Kedril gào lên thất thanh, sợ hãi đến nỗi không quay đầu lại được. Anh ta không thể tự vệ được nữa, vì hai tay cầm chai rượu và cái cốc, là những thứ anh không thể rời bỏ. Anh hoảng hốt há hốc mồm ra, ngồi lặng trên ghế nửa phút, dương mắt nhìn khán giả, bộc lộ rõ vẻ sợ hãi nhát gan, đến mức có thể vẽ anh ta thành một bức tranh đẹp. Cuối cùng thì anh ta cũng bị túm lấy và bắt đi, cái chai vẫn còn trong tay; anh ta vẫn vung chân vẫy đạp, miệng không ngớt kêu la. Tiếng kêu vào đến trong cánh gà vẫn còn vọng ra đến ngoài. Màn từ từ hạ xuống, và mọi người cười ha hả đầy sảng khoái. Dàn nhạc tấu lên vũ điệu *kamarinskaya*.

Ban đầu điệu nhạc vang lên nhỏ nhẹ, chỉ vừa đủ nghe, nhưng mô-típ cứ phát triển dần dần, nhịp điệu nhanh dần, bắt đầu có những tiếng gõ sôi động vào thành đàn balalaika. Lúc này điệu *kamarinskaya* đã lên đỉnh điểm và giá thử như bây giờ mà có nhạc sĩ Glinka ngẫu nhiên hiện về trại chúng tôi để nghe bản nhạc này thì hay biết mấy. Bây giờ bắt đầu màn kịch câm có nhạc đệm. Điệu *kamarinskaya* vẫn còn đó, trong lúc màn kịch câm vẫn tiếp tục. Khung cảnh nội thất một ngôi nhà gỗ hiện ra. Trên sân khấu xuất hiện một người nông dân xay lúa và vợ anh ta. Anh ta ngồi trong góc nhà sửa bộ dây cương, góc bên kia vợ anh đang cuốn sợi lanh. Đóng vai người vợ là Sirotkin, còn vai nông dân xay lúa là Netsvetaev.

Tôi phải nhận xét ngay rằng phần phông màn của chúng tôi là rất nghèo nàn. Trong vở kịch này, vở kịch trước cũng như những vở khác các bạn phải dùng nhiều trí tưởng tượng để bổ sung thêm vào những gì nhìn thấy bằng mắt. Thay vào bức tường hậu người ta căng ra một tấm thảm hay một tấm chăn đắp ngựa, bên cạnh là những tấm rèm rách nát. Mặt bên trái không có gì che, nên đã lộ ra những giường lán. Nhưng khán giả vốn không khó tính nên đã đồng ý dùng tưởng tượng thêm vào hiện thực, hơn nữa các trại nhân lại rất có khả năng làm công việc đó “Bảo là vườn cây thì ta coi là vườn cây, bảo căn phòng là căn phòng, bảo nhà gỗ là nhà gỗ, thế thôi, chả cần phiền toái làm gì”. Sirotkin mặc quần áo thiếu phụ trông lại rất duyên. Đám khán giả xì xào những câu khen ngợi. Anh chủ cối xay ngừng công việc, cầm mũ, cầm roi đến chỗ cô vợ, ra hiệu cho cô hiểu rằng anh phải đi có việc, nhưng nếu lúc anh đi vắng mà cô tiếp ai thì cứ liệu hồn... và anh chỉ vào cái roi. Chị vợ nghe xong gật đầu. Chắc hẳn chị đã rất quen với cái roi này, vì vắng chồng chị cũng nhiều lúc chơi bời. Anh chồng ra đi, chị dơ nắm đấm dọa theo. Vừa lúc ấy có người gõ cửa. Cửa được mở ra. Lại là anh bạn hàng xóm, cũng làm nghề xay xát, mình mặc áo kaftan, cằm để râu rậm, hai tay nâng món quà tặng là chiếc khăn quàng màu đỏ. Chị cười, nhưng khi anh hàng xóm định ôm hôn thì lại có tiếng gõ cửa. Bây giờ chui đi đâu được? Chị vội vã tống anh xuống gầm bàn, còn chị lại ngồi vào chỗ guồng quay sợi. Một người hâm mộ khác xuất hiện. Đó là viên thư lại mặc quần áo lính. Cho đến lúc này màn kịch câm diễn ra hoàn hảo, các động tác chính xác không chê vào đâu được. Mọi người chỉ có thể kinh ngạc khi nhìn các diễn viên ứng tác và vô hình chung họ phải nghĩ rằng: ở nước Nga chúng ta có biết bao nhiêu sức lực và tài năng bị chết yểu, đôi khi gần như là vô ích trong cảnh tù túng và số phận nghiệt ngã! Nhưng anh bạn trại nhân đóng vai thư lại chắc hẳn xưa kia cũng đã sắm vai gì trong nhà hát của tỉnh hoặc trên sân khấu gia tộc, và anh đã nghĩ rằng các diễn viên của chúng ta, tất thảy không trừ một ai, đều không thạo nghề và đều không biết đi lại đúng kiểu ở trên sân khấu. Mọi người nói rằng bây giờ anh biểu diễn giống như các nhân vật cổ điển ngày xưa trong các nhà hát: anh bước một bước dài, và khi chưa nhấc chân thứ hai thì anh đã dừng ngay lại, quay cả người, cả đầu ra phía sau, cao ngạo nhìn ngó xung quanh, rồi mới bước bước thứ hai. Nếu như kiểu đi ấy đối với các nhân vật cổ điển đã là rất buồn cười rồi, thì đối với anh chàng thư lại quân nhân trên sân khấu hài kiểu ấy lại đẩy chất hài lên cao hơn nữa. Còn công chúng của chúng ta thì nghĩ rằng hẳn là phải bước đi như vậy, và những bước chân dài của chàng thư lại cao kều được công chúng coi

là sự kiện mặc nhiên, chẳng có gì phải bình luận đặc biệt. Kịp đến khi anh chàng vào đến giữa sân khấu thì lại có tiếng gõ cửa: cô chủ lại một lần nữa sởn tóc gáy. Dấu anh chàng thư lại này đi đâu? Thôi đành cho anh vào trong cái rương lớn đã may mắn được mở sẵn. Anh chàng chui vào trong rương và cô nàng đậy nắp lại. Lần này là một người khách đặc biệt, cũng là một người yêu cô say đắm, nhưng thuộc loại riêng. Đó là một anh người bà-la-môn, thậm chí còn mặc kiểu quần áo riêng. Khán giả không giữ được, cười ầm lên. Vai này do Koshkin đóng rất tuyệt. Anh ta có dáng người bà-la-môn. Bằng động tác anh diễn tả được các cung bậc tình yêu. Anh đưa tay lên trời, rồi lại đặt tay lên ngực, vào chỗ trái tim. Nhưng anh vừa mới tỏ rõ thương yêu thì có tiếng gõ cửa rất mạnh. Nghe tiếng gõ biết ngay là chủ nhà. Chị vợ sợ hãi quếnh quáng cả người, chàng bà-la-môn hớt hải chạy quanh, hai tay lạy chị tìm cho chỗ trốn. Cuối cùng chị đẩy anh ra đằng sau tủ, còn chị thì quên cả mở cửa, nhảy đại vào chỗ guồng sợi, ra sức quay đạp, không còn nghe thấy tiếng chồng gõ cửa nữa, tay vê con sợi mà làm gì có con sợi đâu, con sợi lăn lông lốc dưới đất mà chị cũng không nhặt lên nữa. Sirotkin rất khéo léo và thành công khi diễn tả tâm trạng hoảng loạn này. Nhưng anh chồng đã dùng chân đạp cửa và đang cầm roi đến gần chỗ vợ. Anh đã nhìn thấy hết, đã rình rập từ trước và đang dùng tay chỉ cho vợ biết rằng có ba người đi trốn. Sau đó anh chạy đi tìm. Người đầu tiên bị phát hiện là anh hàng xóm. Anh chồng đấm cho mấy quả, đuổi ra khỏi phòng. Chàng thư lại nhút nhát định bỏ chạy, lấy đầu đội cái nắp rương lên nhòm ra liền bị lộ. Anh chủ nhà lấy roi vụt, và lần này chàng thư lại đành nhảy ra, chẳng theo kiểu cách cổ điển gì nữa. Chỉ còn chàng bà-la-môn là anh chủ tìm mãi không thấy. Cuối cùng anh tìm đến góc tủ, lễ phép cúi đầu chào rồi túm râu lôi ra giữa sân khấu. Chàng bà-la-môn muốn tự vệ, bèn kêu lên “Tôi biết lỗi rồi, tôi biết lỗi rồi!” (đây là mấy chữ duy nhất trong vở kịch câm), nhưng anh chồng không nghe và cứ trừng trị theo cách riêng. Chị vợ thấy tình thế đang dính tới mình, liền ném nắm sợi và lõi sợi đi, rồi vùng chạy ra ngoài, guồng sợi lăn lông lốc trên sàn. Trại nhân được một mẻ cười lớn. Chàng Alei không thèm nhìn tôi, cứ nắm tay tôi kêu ầm lên “Xem kìa, bà-la-môn, bà-la-môn!”, rồi chính anh ta cũng cười đến nỗi không đứng vững được nữa. Màn hạ. Cảnh khác bắt đầu...

Nhưng thôi, tả hết các cảnh ra đây chẳng để làm gì. Cũng chỉ còn độ hai ba cảnh gì đó. Cảnh nào cũng buồn cười và vui nhộn thật sự. Nếu những vở này không phải do trại nhân viết ra, thì trong chừng mực nào đó cũng có một phần tâm sự của họ. Hầu như các diễn viên đều tự mình ứng tác, cho nên đến những

buổi liên hoan sau tuy cùng một diễn viên, cùng một vai diễn, nhưng chi tiết vẫn khác đi chút ít. Vở kịch câm cuối cùng có nội dung hoang tưởng, được kết thúc bằng một màn múa ba lê. Một người chết được đem chôn. Người bà-la-môn với nhiều gia nhân đang đọc thần chú trước mộ, nhưng chẳng có tác dụng gì cả. Cuối cùng là bài hát “Mặt trời hoàng hôn” vang lên, và thế là người chết cử động được, tất cả mọi người vui sướng nhảy múa. Người bà-la-môn nhảy với người chết, anh nhảy hoàn toàn theo điệu riêng, đúng kiểu bà-la-môn. Đến đây đêm diễn kết thúc, mọi người hẹn nhau đến đêm diễn sau. Lúc ra về ai cũng thấy vui vẻ, hài lòng, khen ngợi các diễn viên và cám ơn viên hạ sĩ. Không thấy có cãi lộn. Mọi người hài lòng như chưa từng có, tựa hồ như họ còn thấy hạnh phúc và rồi ngủ thiếp đi cũng không giống mọi ngày, mà gần như với tinh thần thanh thản - không hiểu lý do vì sao? Thế nhưng đó không phải là niềm mơ ước trong suy tưởng của tôi. Đó là một sự thật, một chân lý. Người ta chỉ cho phép chút ít để những con người cơ cực này được sống theo cách riêng mình, được vui nhộn theo lối con người, được sống dù chỉ là một giờ ngắn ngủi ngoài lối sống của trại tù khổ sai - và thế là về mặt đạo đức con người đã biến đổi, dẫu rằng điều đó diễn ra chỉ từng giờ phút... Bây giờ đêm đã về khuya. Tôi bỗng giật mình tỉnh giấc không phải ngẫu nhiên: ông già vẫn còn ngồi tụng niệm trên bệ lò sưởi và ông sẽ còn cầu nguyện cho đến sớm mai. Alei ngủ yên bình bên cạnh tôi đây. Tôi nhớ rằng lúc nằm ngủ anh vẫn còn cười nói, còn bàn luận với các anh em về đêm diễn và tôi đã vô tình nhìn ngắm gương mặt anh thơ bé yên hòa. Dần dà tôi nhớ lại mọi chuyện: nhớ ngày vừa qua, nhớ lễ hội, nhớ cả tháng vừa rồi... rồi tôi hoảng sợ cất đầu lên nhìn các bạn tôi đang ngủ say sưa trong ánh sáng mờ đục ảo huyền của cây nến sáu ngọn. Tôi nhìn những khuôn mặt khốn khổ, những tấm chăn rách nát, nhìn thấu cảnh trơ trụi, nghèo nàn - tôi cứ nhìn chăm chú mãi - và dường như tôi muốn tự khẳng định với mình rằng tất cả những cái đó không phải là phần tiếp nối của một giấc mơ quái đản, mà là một sự thật hiển nhiên. Nhưng quả thật như vậy: có tiếng ngáy của ai đó, có người nào đó nặng nề duỗi tay làm chiếc xích kêu lẻng xẻng. Một người khác giật mình trong mơ và bắt đầu nói, còn ông già trên lò sưởi vẫn ngồi cầu nguyện cho “tất cả những con chiên ngoan đạo” và tôi nghe thấy tiếng cầu nguyện đều đều, khẽ khàng và dài giọng “Lạy Chúa Giê su, xin Người thương lấy chúng con!...”

“Tôi sẽ không ở đây vĩnh viễn, mà chỉ ở đây mấy năm nữa thôi!” - tôi nghĩ thế và lại đặt đầu xuống gối.

Hết phần một

PHẦN HAI

I

QUÂN Y VIỆN

Chẳng bao lâu sau đợt lễ hội tôi bị ốm và được đưa vào quân y viện. Bệnh viện này nằm biệt lập, cách xa pháo đài của chúng tôi chừng nửa véc-sta. Đó là dãy nhà dài, một tầng quét sơn màu vàng. Mùa hè, khi tòa nhà được sửa chữa, thì có một đội lính lớn đến đây. Khu đất rộng của quân y viện là nơi xây cất các công trình làm việc và nhà ở cho ban lãnh đạo bệnh viện và các công trình khác nữa. Dãy nhà chính chỉ gồm toàn phòng bệnh. Phòng thì có nhiều, nhưng dành cho tù nhân thì chỉ có hai phòng thôi, lúc nào cũng đông nghẹt, đặc biệt là vào mùa hè, cho nên nhiều khi phải kê các giường sát lại với nhau. Các phòng bệnh chứa đủ loại "những con người bất hạnh". Được đưa vào đây là những người của chúng tôi, là những lính tráng các kiểu đang phải hầu tòa, bị bắt giữ từ khắp nơi, những người đã thành án, chưa thành án, những người bị chuyển trại, rồi cả những người được chuyển đến từ đại đội cải huấn - một đơn vị kỳ cục - nơi tiếp nhận những binh sĩ phạm tội và ít được tin tưởng cải hối, nhằm cải tạo hành vi của họ, để rồi sau hai năm hoặc lâu hơn thế họ thường được thả ra mà vẫn là những tên đểu cáng hiếm thấy trên đời. Thường thường những anh em trại nhân ốm đau của chúng tôi cứ sáng sáng là phải thông báo bệnh tình của mình cho viên hạ sĩ. Những người ốm lập tức được ghi sổ và được gửi đi kèm theo quyển sổ đó cùng lính áp giải vào trạm y tế tiểu đoàn. Ở đây bác sĩ khám sơ bộ cho các bệnh nhân của các đội trong pháo đài gửi đến, ai được coi là ốm thực thì được đưa vào quân y viện. Tôi đã được ghi sổ, và đến giờ thứ hai, khi tất cả anh em đã rời trại đi làm ca chiều, thì tôi đi quân y viện. Tù nhân ốm thường được mang theo bao nhiêu tiền và bao nhiêu bánh mỳ cũng được, bởi vì hôm đó không ai biết có suất ăn trong quân y viện hay không, họ mang theo cả một tẩu hút thuốc lá nhỏ, một túi sợi thuốc lá, đá lửa và bùi nhùi. Những đồ vật tối thiết đó thường được dấu kín trong ống giầy. Bước chân vào quân y viện tôi không khỏi có chút tò mò đối với môi trường sống chưa quen trong sinh hoạt tù nhân chúng tôi.

Hôm đó là một ngày ấm cúng, u ám và buồn bã, một ngày mà những nơi như quân y viện này vẫn mang dáng vẻ hết sức bận rộn, thê thiết và sầu thảm. Tôi và tên lính áp giải bước vào phòng đón tiếp, trong đó có đặt hai cái thùng tắm

bằng đồng, và đã có hai bệnh nhân ngồi đợi là hai bị can, có lính áp giải đi theo. Bước vào phòng là một viên y sĩ, hắn lười nhác và kênh kiệu nhìn chúng tôi và lại còn lười nhác hơn nữa khi đi tìm bác sĩ trực để báo cáo. Một lát sau bác sĩ xuất hiện, ông khám bệnh và tỏ ra rất dịu dàng, rồi đưa cho chúng tôi “mấy tờ giấy đưa đám”, trong đó có tờ ghi tên họ chúng tôi. Các giấy sau là bệnh án, đơn thuốc và suất ăn thì được trao cho người cấp lệnh, tức là người cai quản các phòng bệnh tù nhân. Trước khi vào đây tôi đã được nghe nói rằng các tù nhân ngợi khen các thầy thuốc không hết lời. “Các ông này còn hơn cả bố mình nữa!” - họ trả lời các câu hỏi của tôi như vậy, khi tôi sắp đi viện. Trong khi đó chúng tôi được thay quần áo. Những quần áo ngoài và đồ lót của chúng tôi mặc vào đây được mang đi, và được thay bằng đồ bệnh viện. Hơn thế nữa, chúng tôi được phát cả bít tất cao cổ, giày đi trong nhà, mũ vải và áo choàng bằng nỉ dày màu xám, lót trong bằng một thứ gì đó không ra vải gai cũng không ra một lớp keo dán. Tóm lại cái áo khoác thì bẩn hết chê, nhưng tôi lại rất khen vì nó rất hợp. Sau đó chúng tôi được đưa về các phòng bệnh nằm ở cuối dãy hành lang dài nhất có trần cao và sạch. Vẻ sạch sẽ bên ngoài khiến chúng tôi hài lòng; tất cả mọi thứ thoạt nhìn đều sáng bóng. Tuy nhiên, có thể tôi thấy như thế vì mới ở trại tù đến đây. Hai người bị cáo thì sang phòng bệnh bên trái, còn tôi sang phải. Chỗ cửa ra vào có vòng khóa sắt to tướng, có lính gác đứng cạnh bồng súng. Viên hạ sĩ (trong đội gác của bệnh viện) ra lệnh cho tôi vào và thế là tôi đã đứng trong căn phòng dài và hẹp, hai bên tường theo chiều dài kê một dãy giường, hình như hai mươi hai chiếc, trong đó còn ba bốn giường để trống. Tất cả giường đều bằng gỗ sơn xanh, rất quen thuộc đối với mỗi người dân nước Nga chúng tôi. Những giường đó chắc hẳn là không có bọ rệp. Tôi được vào trong góc, chỗ có cửa sổ.

Như tôi đã nói từ trước, ở đây có cả các trại nhân chúng tôi. Một số người đã quen biết tôi, ít ra thì cũng đã nhìn thấy tôi rồi. Phần đông là các bị cáo và những người từ đại đội cải huấn. Các bệnh nhân nặng, tức là những người đã liệt giường liệt chiếu, thì không nhiều lắm. Những người khác ốm nhẹ hoặc đang lành bệnh thì ngồi trên giường hoặc đi lại trong phòng, vì giữa hai dãy giường vẫn còn khoảng trống lớn, đủ để đi dạo. Trong phòng bệnh có thứ mùi bệnh viện hết sức ngột ngạt. Không khí nhiễm đầy các thứ hơi khó chịu và các mùi thuốc, mặc dù gần như suốt ngày trong góc phòng vẫn có lò sưởi. Giường của tôi được phủ bằng một tấm vải kẻ sọc. Tôi gỡ tấm vải ra. Dưới tấm vải là một tấm chăn bằng nỉ lót vải gai và bộ đồ lót dầy mà sự sạch sẽ của nó rất đáng nghi ngại.

Cạnh giường có một bàn nhỏ, trên có cốc vại và bát bằng thiếc. Để cho lịch sự những thứ đó được đậy bằng cái khăn mặt nhỏ mà người ta đã đưa cho tôi. Dưới bàn có ngăn để bộ ấm chén cho người uống trà, mấy cái hũ đựng nước kvat v.v... Nhưng trong đám bệnh nhân thì những người uống trà là rất ít. Những tẩu thuốc và túi thuốc hút thì hầu như ai cũng có, kể cả những người ho lao, và được dấu dưới gầm giường. Bác sĩ và những người lãnh đạo khác hầu như không bao giờ xem xét những cái đó, và nếu như có thấy ai đó cầm tẩu thì cũng làm ra vẻ như không nhìn thấy. Tuy vậy, bệnh nhân hầu như bao giờ cũng thận trọng và họ thường đi ra chỗ lò sưởi để hút. Ban đêm họ hút thuốc ngay trên giường, nhưng ban đêm làm gì có ai đi quanh phòng bệnh, trừ đôi khi có sĩ quan phụ trách tuần tra.

Từ trước tới đó tôi chưa bao giờ nằm viện, vì thế đối với tôi mọi thứ xung quanh đều là đặc biệt mới mẻ. Tôi nhận thấy rằng mình đã gây ra một sự tò mò nào đó. Người ta cũng đã nghe nói về tôi và họ cứ nhìn tôi chòng chọc, thậm chí còn có vẻ cao ngạo chút đỉnh, giống như trong trường người ta nhìn một chú học trò mới hoặc nhìn thấy một người ăn xin ở nơi công cộng. Ở bên phải cạnh tôi là một bị cáo, một viên thơ lại, con ngoài giá thú của một tên đại úy về hưu. Anh ta bị cáo buộc tội làm tiền giả và đã nằm đây khoảng một năm, có lẽ anh ta chẳng ốm đau gì, nhưng cứ khăng khăng với bác sĩ rằng anh bị xơ vữa động mạch. Anh đã đạt được ý đồ của mình: lao động khổ sai và đòn vọt đã buông tha anh và từ năm ngoái anh đã được gửi đến trại T. liền ngay bệnh viện. Đó là anh chàng đậm người, chắc nịch, hai mươi tám tuổi, một tên đại bịp, sành sỏi luật pháp, rất khôn ngoan, tháo vát, tự tin, một kẻ tự yêu mình đến mức bệnh hoạn, luôn luôn tin rằng anh ta là con người trung thực nhất và chân thành nhất trên cõi đời này, thậm chí là hoàn toàn không có lỗi lầm gì, và anh ta cứ tin hoài như thế mãi. Anh ta là người đầu tiên nói chuyện với tôi, tò mò hỏi han tôi và kể cho tôi nghe khá tỉ mỉ về nội quy bệnh viện. Trước hết anh thông báo rằng anh ta là con một ngài đại úy. Anh rất muốn tỏ ra mình là nhà quý tộc, hoặc chí ít cũng là “nòi giống quân tử”. Đến với tôi sau anh ta là một bệnh nhân thuộc đại đội cải huấn, ông này bắt đầu thuyết phục tôi rằng ông ta quen biết nhiều người trước kia là quý tộc bị đày đến đây, ông còn gọi được cả họ tên họ ra nữa. Đó là một người lính đầu đã bạc. Nhìn mặt ông ta là biết ông ta toàn nói dối hết. Tên ông ta là Chekunov. Rõ ràng Chekunov nịnh bợ tôi, nhưng hiển nhiên là ông ngửi thấy tôi có tiền. Thấy tôi có túi đựng trà và đường, ông đề nghị ngay là được giúp tôi. Ấm pha trà thì đã có anh M. ở trong trại hứa là ngày mai sẽ gửi một trại nhân đến

làm việc cho bệnh viện cầm sang cho tôi. Nhưng Chekunov đã làm hết mọi việc. Ông kiếm đâu được một chiếc ấm đồng, thậm chí có cả cốc, rồi ông đun nước, pha trà. Tóm lại, ông phục vụ tôi hết sức cần mẫn, đến nỗi đã có một bệnh nhân mỉm cười có phần cay độc với ông. Người bệnh này bị ho lao, nằm đối diện với tôi, họ là Ustiantsev, là lính can án, đó cũng chính là anh lính sợ đòn vọt, đã uống một cốc rượu ngâm thuốc lá, đến nỗi bị lao, mà trước đây tôi đã nhắc đến. Từ đầu đến giờ anh ta vẫn nằm im, hơi thở nặng nề, mắt nhìn tôi đăm đăm, tư lự và tỏ ra không hài lòng liếc sang Chekunov. Vẻ không hài lòng ấy thật nghiêm khắc một cách đặc biệt và trầm uất, có pha thêm nét hài hước đặc biệt. Cuối cùng anh ta không chịu được nữa, thốt lên:

- Này, thằng đầu sai! Tìm được ông chủ rồi đấy! - anh kéo dài giọng, nhấn mạnh từng chữ, giọng hổn hển vì kiệt sức. Anh đã đến những ngày cuối cùng tàn tạ.

Chekunov bất bình quay sang anh lính:

- Ai là đầu sai? - ông khinh bỉ nhìn sang Ustiantsev.

- Mày là đầu sai chứ ai! - anh lính trả lời, giọng vẫn đầy tự tin, dường như anh có toàn quyền để phê phán Chekunov, thậm chí là nói đốp vào mặt vì mục đích này.

- Tao là đầu sai?

- Mày chứ ai nữa. Các ông bà tốt bụng hãy nghe tôi nói đây, nó lại còn không tin! Lại còn ngạc nhiên nữa chứ!

- Thế còn mày là gì! Mày thấy không, ông này cô đơn, như người không tay. Không có ai giúp là không ổn, có gì là lạ đâu. Vì sao lại không giúp người ta, hả thằng hề mồm râu!

- Mày bảo ai là thằng mồm râu?

- Mày mồm râu chứ ai!

- Tao mồm râu?

- Mày chứ ai!

- Còn mày thì đẹp trai? Mặt thì như trứng con quạ... lại còn bảo người ta mồm râu.

- Mồm râu là cái chắc! Trời đã giết mày rồi, cứ nằm đấy mà chết. Không, trời đang lôi cổ mày về đấy! Đồ rẻ rách!

- Cái gì? Này, tao quý trọng giày ống chứ không phải dép cỏ đâu nhé! Bố tao cũng thế và ông ấy không bảo tao... Tao... tao...

Anh ta muốn nói tiếp, nhưng ho rũ rượi mấy phút và khạc ra máu. Lát sau trên vầng trán thấp ngắn của anh ta rịn ra một chút mồ hôi lạnh khiến anh mệt rũ. Cơn ho hành hạ anh, nếu không thì anh còn nói nhiều nữa, nhưng đôi mắt anh nói lên rằng anh vẫn muốn chửi bới thêm, nhưng do kiệt sức anh chỉ khoát khoát tay mà thôi. Thế nên cuối cùng Chekunov cũng quên đi anh ta.

Tôi cảm thấy rằng cơn giận của người lính ho lao đã nhằm vào tôi nhiều hơn là vào Chekunov. Chekunov mong muốn được phục vụ và muốn kiếm thêm mấy xu thì chẳng ai nỡ bực mình với ông, hoặc nhìn ông bằng con mắt khinh miệt quá đáng. Ai cũng hiểu rằng ông làm thế này chẳng qua vì tiền. Về mặt này thì những người bình thường hoàn toàn không hề so đo và rất nhạy cảm khi đánh giá công việc. Người Ustiantsev không ưa lại chính là tôi, anh không ưa ấm trà của tôi, không ưa vì tôi đang mang xiềng xích mà làm ra vẻ quí phái, làm như không có đày tớ thì không chịu được, mặc dù tôi không hề mời gọi ông lão và cũng không hề muốn có đày tớ. Quả thật là tôi chỉ muốn làm mọi việc một mình, thậm chí tôi còn rất mong muốn không để người khác thấy được mình là người ăn trắng mặc trơn, quen được hầu hạ, quen làm quí tộc. Cái đó, nếu phải nói ra, thì phần nào cũng do lòng tự trọng của tôi. Thế đấy, - và tôi cũng không hiểu tại sao nó lại cứ thế, - nhưng tôi cũng chưa bao giờ có thể từ chối được những người xin đến hầu hạ và giúp đỡ, những người tự gắn bó với tôi, và cuối cùng chính họ đã chinh phục được tôi hoàn toàn và chính họ mới là những ông chủ của tôi thật sự, còn tôi lại là đầy tớ, nhưng bề ngoài thì rõ ràng tôi vẫn cứ là ông chủ, tôi không thể không có đày tớ và tôi vẫn là quí tộc. Tất nhiên, điều này khiến tôi bẽ bàng. Nhưng Ustiantsev là anh chàng ho lao, đang dễ bị kích động. Những bệnh nhân khác ở đây đều giữ vẻ thản nhiên, thậm chí có đôi chút lên mặt ta đây. Tôi vẫn còn nhớ rằng tất cả mọi người đều có chung một tình huống đặc biệt: qua những câu chuyện của tù nhân tôi được biết rằng vào buổi chiều tối hôm ấy người ta sẽ đưa về chỗ chúng tôi một tên bị can bị trừng phạt bằng roi liễu. Anh em trong tù chờ đợi người bạn mới với đôi chút tò mò. Tuy nhiên, người ta cũng nói rằng mức trừng phạt nhẹ thôi - chỉ có năm trăm roi.

Tôi đứng nhìn xung quanh một chút. Theo như tôi nhận xét thì những người nằm đây quả thật chỉ là bệnh nhân nha cam hoặc đau mắt là những bệnh đặc trưng của địa phương này. Trong phòng tôi cũng có mấy người như thế. Trong số những bệnh nhân khác, ốm thật sự, thì có người bị sốt, bị các bệnh khác và bị đau ngực. Phòng tôi không như các phòng bệnh khác, ở đây tập hợp đủ các loại bệnh, thậm chí cả bệnh hoa liễu. Tôi nói là các bệnh nhân ốm thật sự, bởi vì

cũng có một số người chỉ là đến đây thế thôi, chứ chẳng có bệnh tật gì cả, họ đến để “nghỉ dưỡng”. Các bác sĩ cho họ vào thoải mái chỉ vì thương hại, nhất là khi còn nhiều giường trống. So với bệnh viện thì chế độ nuôi dưỡng ở các trại tù tồi tệ đến nỗi nhiều bệnh nhân thấy hài lòng khi được đến đây, mặc dù không khí ở đây ngột ngạt và phòng nằm thì đóng chặt. Có những người đặc biệt thích nằm và nói chung là thích nề nếp sinh hoạt bệnh viện, trong đó yêu thích hơn cả là những người từ đại đội cải huấn. Tôi tò mò nhìn ngắm những người bạn mới, nhưng tôi nhớ rằng kích động trí tò mò đặc biệt nơi tôi lúc bấy giờ là một người đã hấp hối đến từ trại chúng tôi, cũng bị ho lao vào giai đoạn cuối cùng. Anh ta nằm bên kia giường Ustiantsev và như thế cũng là đối diện với tôi. Anh ta tên là Mikhailov. Mới ba tuần trước tôi vẫn còn thấy anh trong trại. Anh bị ốm đã lâu và lẽ ra anh cũng đã phải đi viện từ lâu, nhưng nhờ sức chịu đựng kiên cường và hoàn toàn không cần thiết mà anh đã chế ngự được mình, đã trụ vững được và mãi đến dịp lễ hội vừa rồi anh mới nhập viện để được chết ba tuần sau một đợt ho kinh khủng khiếp, tựa hồ như toàn thân anh cháy rụi. Bây giờ tôi thấy kinh ngạc vì bộ mặt đã biến dạng ghê gớm của anh, một trong những khuôn mặt mà tôi đã nhìn thấy khi tôi mới nhập trại, khuôn mặt mà hồi ấy dường như đập ngay vào mắt tôi. Nằm cạnh anh là một người lính bị cải huấn, một người lính già, một người bẩn thỉu một cách ghê sợ và đáng kinh tởm. Nhưng, nói thế thôi, làm sao mà điểm hết các bệnh nhân ở đây được... Bây giờ tôi chỉ nhớ lại được ông già duy nhất ấy thôi, bởi vì rằng khi đó ông đã gây ra cho tôi một ấn tượng nhất định, và trong một phút ông đã kịp cho tôi một khái niệm khá đầy đủ về một số đặc điểm của phòng bệnh tù nhân. Tôi nhớ rằng lúc đó ông già này bị cảm rất nặng. Ông hắt hơi liên tục và suốt tuần lễ sau đó ông vẫn cứ hắt hơi, ngay cả khi ngủ, ông hắt hơi cứ như từng loạt đạn một, mỗi bận năm sáu cái liền, lần nào cũng nói rành rọt “Lạy Chúa, ngài trừng phạt con đến thế này đây!”. Ông ngồi trên giường đến một phút, say sưa lấy thuốc lá trong cái túi giấy nhồi vào mũi mình để hắt hơi được mạnh hơn và rõ hơn. Ông hắt hơi vào chiếc khăn kẻ ô vuông của riêng mình đã được giặt đến hàng trăm lần và đã nhàu nát hết mức, trong khi đó thì cái mũi nhỏ bé của ông cũng nhăn nhúm lại, cũng bị chun vào trong trăm ngàn nếp nhăn khác và làm lộ hẳn ra những mảnh răng đen xỉn cùng hàm lợi đỏ chảy đầy rớt rãi. Hắt hơi xong, ông lập tức mở rộng khăn ra, thận trọng ngắm nghía xem xét đống rớt rãi bầy nhầy trong đó, rồi vội vã chùi khăn vào tấm áo choàng được cấp phát màu hung, đống rớt rãi nằm lại trên áo, cái khăn vẫn còn ướt mèm. Suốt cả tuần ông toàn làm như vậy. Lối tiết kiệm khăn

kiểu cù lần, keo xỉn làm hại cái áo choàng được phát, nhưng lại hoàn toàn không bị đám bệnh nhân phản đối, mặc dù sau này trong anh em bệnh nhân sẽ có người phải mặc chính cái áo đó. Nhưng những người dân lành chúng ta thật đến lạ lùng, chẳng bao giờ khinh bỉ ai, kỳ thị ai. Ngay phút đó tôi thấy chạnh lòng, và ngay lập tức với thái độ ghê sợ kèm với tò mò tôi bắt đầu nhìn lại tấm áo choàng mà tôi vừa mặc. Tôi bắt đầu nhận thấy rằng từ lâu nó đã khiến tôi phải chú ý vì cái mùi nồng nặc của nó. Tấm áo trên người tôi đã kịp ấm lên và tỏa ra mỗi lúc một mạnh hơn mùi các loại thuốc, các loại cao dán và tôi cảm thấy dường như cái áo ấy không rời khỏi vai bệnh nhân từ đời thuở nào không rõ nữa như một cái ung nhọt. Có thể tấm lót áo phía sau lưng người ta cũng đã có giặt rồi, nhưng chắc rằng tôi không biết được. Thế nhưng vào lúc này đây tấm lót ấy đã thấm đượm đủ các thứ nước thuốc, nước mủ, nước vết thương, vết mổ v.v... Hơn thế nữa, những người nhập viện thường là những người vừa bị đòn roi với những tấm lưng rách nát. Họ thường được điều trị bằng thuốc đắp và vì thế áo khoác được mặc liền ngay ngoài áo sơ mi ẩm ướt và không thể nào lại không hư hại được: tất cả mọi thứ đều dính trên đó. Suốt cả thời gian tôi ở trại, suốt mấy năm đó, hễ cứ khi nào tôi phải nhập viện (mà chuyện này lại xảy ra luôn), thì lần nào tôi cũng mặc áo khoác với niềm bất tín kinh sợ. Tôi đặc biệt ghê hãi khi bắt gặp trong áo khoác những chú rận to tướng và béo mập căng tròn. Anh em tù nhân sướng khoái được hành hạ chúng, thế nên khi nào dưới móng tay của một bạn tù có chú thú dữ nhỏ được cấp phát đó nổ lên kêu bép thì ta có thể thấy trên gương mặt của kẻ săn mồi mức độ khoái cảm mà anh nhận được. Anh em chúng tôi cũng rất ghét loài rệp và đôi khi vào những buổi chiều đông dằng dặc, thê thiết cả phòng chúng tôi đồng loạt đứng lên tìm chúng tiêu diệt. Trong phòng bệnh, ngoài cái mùi nồng nặc ra thì nhìn vẻ bề ngoài mọi thứ trông cũng ra dáng sạch sẽ, nhưng cái thứ sạch bên trong, được gọi là sạch đằng lót thì còn lâu mới gọi là sạch. Bệnh nhân đã quen như thế và đã cho rằng cần phải như thế, và bản thân qui chế ở đây cũng không đòi hỏi phải sạch sẽ đặc biệt. Nhưng về qui chế tôi sẽ nói sau...

Ngay sau khi Chekunov pha cho tôi ấm trà (xin nói ngay rằng trà được pha bằng nước trong phòng, thứ nước được cấp một lần dùng cả ngày đêm và dường như trong bầu không khí của chúng tôi thứ nước ấy thiu đi rất nhanh), thì cánh cửa phòng được mở ra đánh kẹt một cái, và một người lính áp giải lôi sềnh sệch vào phòng một anh lính vừa bị đòn vọt. Đây là lần đầu tiên tôi được thấy một người bị hành hạ như vậy. Sau này những người như thế được đưa vào nhiều

hơn, có những người thậm chí phải khiêng vào phòng (họ bị trừng phạt quá nặng) và những lần ấy lại mang đến cho các bạn tù những bận rộn to lớn. Thường là anh em đón nhận họ với vẻ mặt nghiêm nghị hơn lên, thậm chí là có phần cẩn trọng kéo dài, tuy nhiên, phương thức đó còn tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của án phạt, suy ra là tùy thuộc vào số lượng roi phạt. Những người bị đòn roi rất đau đớn và, xét về mặt tư cách thì đó là những tội phạm lớn, lại được mọi người kính nể nhiều hơn, được quan tâm nhiều hơn những người lính mới trốn trại, như cái anh chàng mà bây giờ người ta dẫn đến. Nhưng trong bất kể tình huống nào thì cũng không hề có ai tỏ ra thương tiếc đặc biệt, không hề có những lời xì xào kích động đặc biệt. Họ lặng lẽ giúp đỡ và chăm sóc những kẻ bất hạnh, đặc biệt là những người không thể tự mình làm được các việc. Chính các y sĩ cũng tự biết rằng họ đang giao một kẻ trọng thương vào tay những người có nhiều kinh nghiệm và khéo léo. Anh em giúp đỡ bằng cách thường xuyên thay cho họ những thứ khăn áo tẩm nước lạnh để đắp lên những tấm lưng chầy chợt, đặc biệt nếu như người bị hành hạ ấy lại không còn đủ sức để kiểm soát nổi mình, ngoài ra lại còn phải khéo léo nhổ đi những cái dằm từ những chiếc roi gẫy còn găm lại trên lưng. Cái thao tác này là hết sức khó chịu đối với người đau. Nhưng nhìn chung bao giờ tôi cũng lấy làm ngạc nhiên về tính kiên cường phi thường của những người bị hành hạ phải chịu đựng đau đớn. Nhiều người trong số họ tôi vẫn còn gặp lại, đôi khi là những người bị đánh rất ác liệt, nhưng hầu như không một người nào kêu rên cả! Chỉ có gương mặt họ dường như là biến đổi hẳn, tái xám đi, đôi mắt rực cháy, cái nhìn vô định, bất an, đôi môi run rẩy, thế nên con người khốn khổ ấy phải ráng sức mà lấy răng cắn môi, nhiều khi suýt rớm máu. Anh lính mới vào này hai mươi ba tuổi, người rắn rỏi, cơ bắp cuồn cuộn, xinh trai, cao ráo, cân đối, mập mạp. Tuy nhiên, lưng anh ta đã bị đánh có đủ hình ngang dọc. Người anh để trần từ đầu xuống đến thắt lưng, vai vắt khăn ướt, chân tay run cầm cập như lên cơn sốt, suốt một tiếng rưỡi đồng hồ anh cứ đi đi lại lại trong phòng. Tôi nhìn vào mặt anh, dường như anh không suy nghĩ điều gì vào phút giây ấy, anh nhìn bằng con mắt thoáng qua, kỳ lạ và hoang dã và rõ ràng là anh thấy nặng lòng khi phải dừng lại chăm chú nhìn một cái gì đó. Bây giờ tôi thấy được rằng anh đang chăm chú nhìn ấm trà của tôi. Trà đang nóng, khói từ cốc bay lên, còn anh chàng khốn khổ thì lại đang rét mướt và run rẩy, răng đánh vào răng cầm cập. Tôi mời anh uống trà. Anh lặng lẽ quay ngoắt về phía tôi, đón cái cốc, đứng đấy mà uống không cần đường ngọt, hơn nữa anh lại uống rất vội vàng và dường như đặc biệt cố gắng

không nhìn đến tôi. Uống xong, anh lại lặng lẽ đặt cốc xuống, thậm chí cũng không gật đầu chào tôi, để rồi lại đi lên đi xuống trong phòng. Anh không cần phải gật đầu gì cả! Còn các tù nhân thì ban đầu không hiểu vì sao họ lại tránh không nói chuyện gì với anh lính bị trừng phạt, ngược lại, tuy ban đầu họ giúp đỡ anh, nhưng sau đó họ lại làm như cố gắng không để ý chút nào đến anh, có lẽ là muốn cho anh được yên tĩnh nhiều hơn và không làm anh phải rầu lòng vì những câu hỏi và "những số phận" tiếp theo, những thứ mà có lẽ anh hoàn toàn không ưa.

Trong khi đó thì trời đã tối, người ta thắp đèn đêm. Một số tù nhân mang theo chân nến riêng, tất nhiên cũng là rất ít người có thôi. Cuối cùng, sau khi bác sĩ khám bệnh ca chiều xong là đến tên hạ sĩ đi tuần bước vào. Hắn đếm đủ số bệnh nhân và người ta mang dự phòng vào đây một cái thùng rồi khóa cửa phòng lại. Tôi ngạc nhiên được biết rằng cái thùng ấy để đây suốt đêm, trong khi nhà vệ sinh ở ngay ngoài hành lang, cách cửa ra vào có vài bước chân. Nhưng đó chính là nội quy của bệnh viện. Ban ngày tù nhân được cho ra ngoài phòng, tất nhiên là không quá một phút, ban đêm thì dứt khoát là không được. Phòng bệnh của tù nhân không giống phòng bệnh nhân thường. Bệnh nhân tù ngay cả lúc mang bệnh cũng phải chịu hình phạt như thường. Không hiểu ban đầu ai đề ra cái nội quy này, tôi chỉ biết rằng nó chẳng mang đến một trật tự thực sự nào và cái bản chất vô tích sự của chủ nghĩa hình thức thì chưa bao giờ được thể hiện nhiều hơn là trong trường hợp này. Nội quy này được đưa ra hẳn không phải là từ các bác sĩ. Tôi xin nhắc lại rằng các tù nhân đã ca ngợi không hết lời các thày thuốc, coi họ như cha như chú và rất kính trọng. Ai cũng nhìn thấy nơi họ tấm lòng âu yếm, nghe thấy nơi họ những lời ân tình, tù nhân nào bị mọi người ruồng bỏ cũng đánh giá cao những điều đó, vì anh ta nhìn thấy trong sự âu yếm và lời ân tình có tính thuần khiết và tính chân thực. Sự âu yếm có thể không có, cũng không ai đòi hỏi thầy thuốc phải âu yếm, nếu thầy thuốc ứng xử theo cách khác, tức là thô bạo hơn và bất nhân hơn, như thế nghĩa là họ tốt bụng xuất phát từ lòng nhân ái chân thành. Chắc hẳn họ hiểu được rằng người bệnh, dù là ai đi nữa, là tù nhân hay người thường đều cần đến những thứ như là khí trời trong mát cũng y như một bệnh nhân khác, thậm chí là một bệnh nhân cao cấp nhất. Bệnh nhân các phòng khác lúc sắp bình phục có thể tự do đi lại ngoài hành lang, được vận động nhiều hơn, được thở hít bầu không khí không bị nhiễm độc như không khí trong phòng, thứ không khí bị khóa cửa chặt và luôn luôn bị bắt buộc phải nhồi nhét thêm những nguồn hơi ngột ngạt. Và bây giờ thật kinh

khủng và thật ghê sợ phải hình dung rằng cái bầu không khí vốn đã bị đầu độc lại bị đầu độc thêm đến mức nào nữa vào ban đêm trong phòng chúng tôi, khi người ta mang vào đây cái thùng ấy trong điều kiện nhiệt độ ấm áp của căn phòng với các căn bệnh nổi tiếng, mà không có lối ra là không thể chấp nhận được. Nếu như bây giờ tôi nói rằng tù nhân ngay cả lúc mang bệnh cũng vẫn phải chịu hình phạt, thì có thể là tôi đã và đang không hình dung được rằng nội quy này được thiết lập chính là nhằm làm một hình thức trừng phạt. Có thể đó là sự vu khống vô nghĩa lý từ phía riêng tôi. Con bệnh thì chẳng có gì phải trừng phạt cả. Còn nếu đúng như thế thì hiển nhiên là đã có một nhu cầu thiết yếu rất nghiêm khắc bắt buộc bọn quản lý phải tiến hành một biện pháp mà xét về mặt hậu quả thì rất độc hại. Biện pháp gì mà kỳ quái vậy? Nhưng ở đây có một cái gì đó đáng phải bực mình là chẳng có lý do gì khác để giải thích cái nhu cầu thiết yếu của biện pháp này, và hơn thế nữa, của nhiều biện pháp khác, những biện pháp không thể hiểu được, đến mức không những không thể giải thích, mà còn không thể dự đoán được cách giải thích chúng nữa. Sự tàn bạo vô bổ như thế thì giải thích bằng cách nào? Các bạn có thấy không, ta phải giải thích rằng tù nhân nhập viện là cố tình giả vờ ốm, lừa dối các bác sĩ, ban đêm ra ngoài đi vệ sinh rồi lợi dụng bóng đêm mà tẩu thoát ư? Chứng minh một cách nghiêm túc toàn bộ cái bất ổn của lý giải đó là điều hầu như không thể đạt được. Tẩu thoát đi đâu? Tẩu thoát thế nào? Tẩu thoát bằng gì? Ban ngày còn cho đi ra ngoài được từng người một, thì ban đêm làm thế cũng được chứ sao. Ngoài cửa bao giờ cũng có lính bồng súng đứng canh, đạn đã lên nòng. Chỗ đi vệ sinh chỉ cách lính canh có hai bước chân, hơn thế nữa, bệnh nhân lại còn được một tên lính áp giải đi cùng và không lúc nào rời mắt ra cả. Nơi đó chỉ có một ô cửa sổ thiết kế theo kiểu mùa đông có hai khung và có lưới sắt. Ở ngoài sân ngay dưới cửa sổ ấy, sát dẫy cửa sổ các phòng bệnh lại cũng có lính đi tuần suốt đêm. Để chui ra được cửa sổ phải phá được khung sắt và lưới sắt. Ai cho phép làm được như thế? Ta cứ giả dụ rằng đầu tiên anh ta giết được tên lính áp giải, tên đó không kêu lên được và không ai nghe thấy gì hết. Nhưng cho dù có cái điều kỳ cục ấy xảy ra thì thế nào cũng phải phá được cửa sổ và lưới sắt. Các bạn còn phải nhận thấy rằng bên cạnh tên lính gác lại có một đội quân bảo vệ trại đang ngủ, và cách đấy mười bước chân, trước cửa phòng tù nhân bên kia lại có một tên lính khác bồng súng đứng đó, bên cạnh tên này lại là tên áp giải khác và một đội bảo vệ khác. Và tù nhân chạy đi đâu vào mùa đông mà trên người chỉ có bí tất và chân đi giày dép trong nhà, mình mặc áo khoác bệnh viện và đội mũ vải. Mà nếu đã như thế, nếu

ít nguy hiểm đến như thế (mà thực sự không hề có sự nguy hiểm nào cả), thì việc gì phải làm căng thẳng nặng nề cho bệnh nhân, có thể là vào những ngày giờ cuối cùng của đời họ, những người mà một chút không khí tươi mát còn cần thiết hơn so với người khỏe? Để làm gì nhỉ? Điều này không bao giờ tôi có thể hiểu được...

Nhưng nếu như đã có câu hỏi là “Để làm gì?”, và chính vì bắt buộc phải lên tiếng trả lời, thì bây giờ tôi lại không thể không nhớ đến một sự vô lý khác mà suốt bao nhiêu năm cứ hiện ra trước mắt tôi như một sự kiện bí ẩn nhất và tôi cũng không có cách nào có thể tìm được lời đáp. Tôi không thể không nói về chuyện đó, dù chỉ là một đôi lời thôi, trước khi tôi tiếp tục phần mô tả của mình. Tôi xin nói về những chiếc xiềng mà không một thứ bệnh tật nào có thể giúp tù nhân khổ sai thành án trút bỏ được nó. Thậm chí những người ho lao đang hấp hối ngay trước mắt tôi cũng vẫn phải mang xiềng. Mọi người cũng đã quen với xiềng xích, coi đó là một cái gì định hình, không chối bỏ được. Chắc gì đã có một người nào đó trăn trở chuyện này, thậm chí trong các bác sĩ cũng chưa hề có ai nghĩ tới trong suốt mấy năm nay dù chỉ là một lần yêu cầu ban quản lý tháo xiềng cho tù nhân trọng bệnh, đặc biệt là bệnh lao phổi. Cứ cho rằng chiếc xiềng ấy tự thân nó không cần đến trời ta cũng biết nó nặng ra sao. Trọng lượng của nó thường là từ tám đến mười hai *funt*. Người khỏe mạnh vác mười *funt* cũng chẳng nhẹ nhàng gì. Tuy nhiên, người ta bảo với tôi rằng sau mấy năm mang xiềng hai chân tựa như bắt đầu khô héo đi. Tôi không biết rằng có đúng thế không, mặc dù ở đây cũng có đôi chút nghi hoặc. Một vật nặng, dù là nhỏ bé đi nữa, dù chỉ là mười *funt* thôi, mà cứ đeo mãi vào chân thì sẽ làm tăng trọng lượng chân lên một cách không bình thường và sau một thời gian dài sẽ gây ra tác động xấu nào đó... Nhưng cứ cho rằng đối với sức khỏe thì như thế cũng chưa hề hấn gì. Còn với người ốm thì cũng thế sao? Ta lại cho rằng đối với người ốm thường thì vẫn chưa sao. Nhưng tôi xin nhắc lại, chẳng lẽ vẫn là thế đối với người ốm nặng, chẳng lẽ vẫn là thế, tôi xin nhắc lại, đối với bệnh nhân ho lao, những người mà không đeo xiềng thì chân tay họ cũng đã khô héo, cho nên một cọng rơm cũng đã là nặng, phải không? Và quả thật là nếu như những người phụ trách y tế biết lo toan giảm nhẹ dù chỉ là riêng cho những người bị ho lao thôi, thì đó cũng đã là một nghĩa cử chân thành và vĩ đại rồi. Hãy cho rằng có người nào đó nói rằng tù nhân hung bạo thì không xứng đáng được hưởng nghĩa cử đó, nhưng chẳng lẽ ta lại phải làm trầm trọng thêm án phạt cho kẻ nào bị ngón tay của Chúa chạm đến hay sao? Và ta cũng không thể tin được rằng làm như thế

chỉ là nhằm mục đích trừng phạt. Xét về lý thì người ho lao được thoát khỏi sự trừng phạt thể xác. Suy ra, ở đây lại chứa đựng một biện pháp quan trọng, huyền bí dưới dạng là phòng bị cứu nạn. Nhưng phòng bị cứu nạn thế nào? - điều này lại không thể hiểu được. Vấn đề là người ta phải thực sự không được sợ rằng người ho lao chạy trốn. Làm gì có ai lại nghĩ như thế, đặc biệt khi biết được rằng mức độ bệnh tình ngày một gia tăng? Còn chuyện giả vờ ho lao để đánh lừa bác sĩ mà chạy trốn là điều không thể có được. Nếu không có bệnh đó thì thoạt kỳ thủy người ta nhìn thấy ngay. Mà cũng cần phải nói thêm rằng: chẳng lẽ con người bị xiềng chân chỉ cốt để anh ta không chạy trốn hoặc để cản trở không cho chạy trốn? Hoàn toàn không phải thế. Xiềng gông chỉ là sự nhục mạ, nỗi xấu hổ và sự đau đớn cả về thể chất lẫn đạo lý. Ít ra thì tôi cũng tạm suy nghĩ như vậy. Xiềng gông chưa bao giờ có thể cản bước ai chạy trốn. Tù nhân khờ khạo nhất, vụng dại nhất cũng biết cách chẳng mấy khó khăn gì và chẳng tốn nhiều thời gian cưa đứt xiềng xích hoặc dùng đá mà đập vỡ mối hàn. Xiềng chân quyết là không ngăn chặn cái gì cả, mà nếu như có ngăn chặn, nếu như chúng được dùng chỉ để trừng phạt người tù thành án, thì tôi xin hỏi lại: chẳng lẽ người ta trừng phạt một người sắp chết hay sao?

Giờ đây, khi tôi đang viết những dòng này, tôi bỗng nhớ đến một người hấp hối, bị ho lao, đó chính là anh Mikhailov, nằm khá đối diện với tôi, gần Ustiantsev. Tôi nhớ rằng anh ta đã chết vào ngày thứ tư sau khi tôi nhập viện. Có thể là bây giờ tôi bất giác nhắc đến những ấn tượng và những suy nghĩ của mình về chuyện cái chết, nên tôi đã nói đến những người ho lao. Về cái anh chàng Mikhailov ấy thực ra tôi biết rất ít. Đó là con người còn rất trẻ trung, tuổi đời mới độ hai lăm, không hơn, dáng cao đẹp, mảnh mai và diện mạo rất tuấn tú. Anh sống trong khu biệt giam và im lặng đến mức lạ kỳ, lúc nào cũng buồn bã một cách nhẹ nhàng, yên tĩnh. Đúng là anh đang “héo hon dần” trong trại. Ít ra thì sau này anh em tù nhân vẫn nói về anh như thế, anh đã để lại cho anh em một ký ức tốt đẹp. Tôi chỉ nhớ được rằng anh có đôi mắt tuyệt vời, và quả thật tôi không biết vì sao tôi cứ phải nhớ về anh một cách sắc nét đến vậy. Anh chết vào khoảng ba giờ chiều một ngày giá buốt và trong sáng. Tôi vẫn còn nhớ là mặt trời rọi những tia sáng mạnh mẽ và chéo góc lên những tấm kính đã se lạnh màu xanh trên cửa sổ phòng bệnh. Cả một chùm ánh sáng như thế đổ xuống con người bất hạnh. Anh chết đi lúc nào không biết, ra đi một cách thật là nặng nhọc và lâu dài, phải mất mấy tiếng liền. Ngay từ buổi sáng đôi mắt anh đã bắt đầu không còn nhận ra hình ảnh những người đến gần. Nhiều người muốn tìm

cách động viên an ủi anh, họ thấy rằng anh đã ốm yếu quá; anh thở nặng nhọc, hút hơi và đờm rãi khò khè; bộ ngực anh nhô cao lên, tựa hồ như rất thiếu không khí. Anh đạp tung chăn ra, cởi hết áo ngoài, và cuối cùng giật phăng cả áo sơ mi, cái áo ấy đối với anh thậm chí cũng là quá nặng. Mọi người đã giúp anh cởi áo. Thật khủng khiếp khi ta nhìn thấy cái cơ thể dài ngoẵng, những bộ chân tay khô khốc, chỉ còn da bọc xương, với cái bụng xẹp lép xuống, bộ xương ngực nhô cao lên, và những chiếc xương sườn nổi lên rõ rệt trông chẳng khác nào một bộ xương khô. Trên toàn bộ cái cơ thể này chỉ còn sót lại duy nhất là chiếc thập ác bằng gỗ, cái dây đeo cổ và cái xiềng sắt mà có lẽ giờ đây anh có thể rút ra lắp vào được nơi cái chân khô khốc kia. Từ nửa giờ trước khi anh ra đi, tất cả chúng tôi dường như nín im, chỉ nói với nhau thì thầm mà thôi. Những ai đi lại thì đều rón rén không để lộ tiếng. Mọi người nói chuyện không nhiều, toàn những chuyện đâu đâu bên ngoài, thỉnh thoảng lại liếc mắt về phía người hấp hối, còn anh thì mỗi lúc một khò khè mạnh hơn. Cuối cùng anh đưa một bàn tay ẽo ợt quào quíu lên ngực, vớ được chiếc dây đeo cổ rồi cố rứt ra, tựa hồ như cái dây ấy nặng lắm, phiền nhiễu lắm, nghẹt thở lắm. Mọi người tháo ra cho anh. Mười phút sau anh ra đi. Có người ra gõ cửa phòng trực ban để báo tin. Lính gác bước vào, lơ mơ nhìn vào người chết rồi đi tìm viên y sĩ. Y sĩ là một anh chàng trẻ tuổi và tốt bụng, hơi chú ý quá mức đến ngoại hình của mình, thứ ngoại hình tỏ ra khá hạnh phúc. Anh chàng đến ngay với những bước chân nhanh nhẹn và lộp cộp giữa căn phòng tĩnh lặng. Anh đến bên người quá cố và với vẻ bao dung đặc biệt, dường như cố tình tạo ra trong trường hợp này, anh cầm tay bắt mạch người chết, nắn bóp đôi chỗ rồi khoát tay bước ra. Ngay lập tức mọi người báo cho trực ban: người chết là một tội đồ hiểm trọng, đã bị giam ở biệt trại, muốn xác nhận là chết cũng phải có những thủ tục đặc biệt. Trong lúc chờ đợi trực ban, có người trong số trại nhân thì thào nêu ra ý kiến rằng bây giờ vuốt mắt cho người chết cũng là việc không có gì tệ hại cả. Một người khác lắng nghe, lặng lẽ đến bên người chết vuốt mắt cho anh. Nhìn thấy trên gối có cái thập ác, người này cầm lên nhìn ngắm rồi lặng lẽ đeo lại vào cổ Mikhailov, đeo xong lại làm dấu thánh cho anh. Lúc này mặt người chết chỉ còn toàn xương, ánh sáng nhảy nhót trên đó; miệng anh hơi hé mở, hai hàm răng trắng khỏe mạnh sáng bóng trong đôi môi mỏng mím vào đến lợi. Cuối cùng tên hạ sĩ trực ban bước vào, tay cầm đoản côn, đầu đội mũ vành, theo sau có hai tên lính gác. Hắn đi vào, mỗi bước một chậm hơn, ngơ ngơ nhìn anh em trại nhân đang đứng lặng bốn phía và đang căng mắt nhìn hắn. Bước thêm một bước về phía người chết,

hắn dừng lại đứng như trời trồng, như đang lo lắng sợ sệt. Cái xác người hoàn toàn lõa lồ, khô cứng, chỉ còn đeo xiềng gông, khiến hắn kinh hãi, và thế là đột nhiên hắn cởi áo khoác, lột mũ, đưa tay lên làm dấu thánh một cách khoáng đạt. Đó là bộ mặt quân nhân căng thẳng, bạc nhợt. Tôi vẫn còn nhớ, vào đúng giây phút đó chính chỗ này đây còn có ông già Chekunov, đầu bạc. Ông cứ đứng lặng lẽ như thế mà nhìn chăm chăm, không hề chớp mắt, vào bộ mặt tên hạ sĩ, và với một sự chú ý đặc biệt đến kỳ lạ ông theo dõi từng cử chỉ một của tên này. Nhưng rồi ánh mắt của hai người gặp nhau, cái môi dưới của ông già Chekunov không hiểu sao bỗng run lên. Ông đã làm nó biến dạng một cách lạ lùng, rồi ông nhanh chóng nhe răng ra, tựa hồ như bất giác gật đầu ra hiệu cho tên hạ sĩ quay về phía người chết, rồi nói liền một hơi:

- Anh ta cũng có mẹ đấy! - nói rồi bước đi luôn.

Tôi vẫn còn nhớ, những lời ấy xé buốt tim tôi... Ông nói câu ấy để làm gì, và câu ấy lọt vào trí óc tôi như thế nào nhỉ? Bây giờ người ta nâng cái xác lên, nâng luôn cả cái gường sắt, lớp đệm rơm kêu lào xào, cái xiềng sắt kêu loảng xoảng, và trong cảnh tĩnh lặng như tờ mọi người lạch bạch bước đi. Mọi thứ đồ đạc được thu dọn, cái xác được mang đi. Bỗng chốc mọi người lại nói to lên. Ngoài hiên đã nghe tiếng tên hạ sĩ sai người đi tìm thợ nguội đến tháo xiềng cho anh...

Nhưng tôi đã đi lạc đề mất rồi...



TIẾP TỤC

Sáng nào các bác sĩ cũng đi thăm các phòng bệnh, đến mười một giờ các bác sĩ gặp nhau ở đây, quây quần quanh bác sĩ trưởng, và độ một tiếng rưỡi đồng hồ trước đó thì có bác sĩ trực đến thăm phòng tôi. Đợt ấy người trực của chúng tôi là một bác sĩ trẻ, có trình độ, dịu dàng, ân cần, được anh em rất yêu mến và anh em cũng chỉ thấy anh ta có một nhược điểm là "nhẫn nhịn quá". Thực sự là anh ta rất ít chuyện trò, thậm chí như e ngại chúng tôi. Chỉ cần bệnh nhân có chút yêu cầu gì là anh hơi đỏ mặt lên, lập tức thay đổi thực đơn và sẵn sàng kê đơn theo yêu cầu người bệnh. Tuy nhiên, anh vẫn là một chàng trai tuyệt vời. Cần phải thừa nhận rằng ở nước Nga có nhiều thầy thuốc được những người dân thường yêu mến và kính trọng. Điều đó, theo như tôi nhận xét, là sự thật hoàn toàn. Tôi biết rằng những lời này của tôi sẽ là những nghịch lý, đặc biệt là khi người ta nghĩ đến sự bất tín tổng thể của người dân Nga bình thường đối với ngành y và đối với các loại thuốc nước ngoài. Thực sự là một người dân thường nhiều năm liền phải đau khổ vì một bệnh nan y lại phải tìm đến một bà lang băm, hoặc bằng những thứ thuốc vườn nhà vớ vẩn (nhưng chúng ta hoàn toàn không được khinh thường), còn hơn là tìm đến bác sĩ hoặc đi nằm viện. Nhưng ngoài cái điều là ở đây có một tình huống hết sức quan trọng, hoàn toàn không liên quan gì đến y học, đó là: có một sự bất tín tổng thể của dân thường đối với tất cả những gì mang dấu ấn hành chính, hình thức, ngoài ra, người dân còn kinh hãi và né tránh bệnh viện vì nhiều nỗi khiếp sợ, vì những chuyện ngồi lê đôi mách nhiều lúc là phi lý, nhưng đôi khi vẫn có cơ sở của chúng. Nhưng điều đáng sợ nhất là thứ nội quy kiểu Đức của bệnh viện, là xung quanh toàn những người lạ trong suốt thời gian ốm đau, là những chuyện nghiêm ngặt về mặt ăn uống, là những câu chuyện về thói nghiệt ngã cứng nhắc của đám y sĩ và thày thuốc, về việc mổ xẻ và moi gan ruột các xác chết vân vân... Hơn thế nữa, người dân còn lý luận rằng người chữa bệnh là các quan ngài, mà bác sĩ đều là các quan ngài cả. Nhưng một khi đã có quan hệ mật thiết hơn với các thày thuốc (mặc dù không phải là không có ngoại lệ, nhưng phần lớn là đúng), thì những nỗi sợ hãi kia sẽ mất đi rất nhanh, điều đó theo ý tôi có liên quan đến danh dự các

bác sĩ của chúng ta, nhất là các bác sĩ trẻ. Những người này biết cách gây được lòng kính trọng và thậm chí là tình yêu của đám dân thường. Ít ra thì tôi cũng viết về những điều mà tôi đã nhìn thấy và cảm nhận được ở nhiều nơi không chỉ một lần, và tôi không có cơ sở gì để nghĩ rằng ở những nơi khác người ta lại thường hành xử không phải như thế. Tất nhiên, ở một số nơi chốn khuất nẻo nào đó cũng có những thày thuốc ăn của đút lót, lạm dụng bệnh viện, hầu như khinh thường con bệnh, thậm chí gần như quên hẳn ngành y. Điều này vẫn còn, nhưng tôi đang nói về một đa số, hay nói đúng hơn là về cái tinh thần, về cái phương hướng mà ngày nay, những ngày của chúng ta đây, đang được thực thi trong ngành y tế. Những kẻ đang xa rời sự nghiệp của mình, những con sói lẫn trong đàn cừu, dù họ có nói cái gì để biện minh, có làm cách nào để biện minh đi nữa, chẳng hạn như đổ lỗi cho môi trường đã gậm nhấm họ, thì bao giờ họ cũng sẽ là sai lầm, đặc biệt nếu như trong những việc đó họ đánh mất đi tấm lòng nhân ái. Thế mà lòng nhân ái, tình âu yếm, sự đồng cảm anh em với người bệnh đôi khi còn quý giá hơn mọi thứ thuốc men. Đã đến lúc chúng ta phải từ bỏ cách than phiền ủy mị đổ cho môi trường, rằng chính môi trường gặm nhấm chúng ta. Cứ cho rằng như thế cũng đúng, rằng môi trường gặm nhấm chúng ta nhiều mặt, mà như thế vẫn còn là chưa đủ, nhiều khi có những tên tháu cáy ranh mãnh và khôn ngoan đã khéo léo dùng ảnh hưởng của môi trường để che đậy và biện minh không phải chỉ cho tham vọng của mình, mà nhiều khi là che đậy một thói đê tiện, đặc biệt là khi chúng cũng biết ăn nói và viết lách hùng biện. Tuy nhiên, tôi lại vừa mới đi lạc đề; tôi chỉ muốn nói rằng người dân thường không còn tin tưởng và đã có thái độ thù địch đối với chính quyền y tế nhiều hơn là đối với thuốc men. Khi biết được chính quyền là thế nào trong thực tế, người dân thường đã nhanh chóng vứt bỏ đi nhiều định kiến của mình. Những tình hình khác trong các khu chữa bệnh của chúng ta cho đến nay về nhiều mặt không còn phù hợp với tinh thần của nhân dân, cho đến nay với những quy chế của mình các khu đó đã đối đầu với thói quen của dân thường và không còn đủ sức lấy lại lòng tin tưởng và kính trọng hoàn toàn của dân nữa. Ít ra thì tôi cũng cảm thấy được như thế xuất phát từ những ấn tượng của riêng tôi.

Anh bác sĩ trực của chúng tôi thường dừng lại trước mỗi bệnh nhân, khám bệnh nghiêm túc và hết sức chăm chú, hỏi han kỹ lưỡng rồi mới chỉ định thuốc và khẩu phần. Đôi khi chính anh nhận định rằng con bệnh chẳng có bệnh gì cả, nhưng chính vì trại nhân đến đây để nghỉ dưỡng, được nghỉ việc và được nằm đệm chứ không phải nằm ván gỗ, và cuối cùng, thế nào cũng được nằm trong

căn phòng ấm áp, chứ không phải là nơi ẩm thấp, là chốn chật chội với hàng đống những người can án xanh xao, rượu chè (những người can án của chúng ta, ở nước Nga, hầu như bao giờ cũng thế, đều xanh xao và rượu chè dấu hiệu cho thấy rằng việc giam giữ họ và tình trạng tinh thần của họ nặng nề hơn nhiều so với tù nhân thành án, vì thế cho nên bác sĩ của chúng tôi đã bình tĩnh ghi vào bệnh án cho người bệnh là *febris catarhalis*[106] và cho phép nằm lại bệnh viện thậm chí là đến cả tuần lễ. Ở trại chúng tôi mọi người cười mãi cái bệnh *febris catarhalis* ấy. Mọi người biết rõ rằng đó là cái công thức được chấp nhận theo sự thỏa thuận song phương giữa bác sĩ và bệnh nhân để định danh cho căn bệnh giả vờ. "Viêm da thần kinh nguy hiểm" - đó là cách dịch của trại nhân tên gọi *febris catarhalis*. Đôi khi người bệnh lạm dụng lòng thương người của thày thuốc và cứ tiếp tục nằm viện cho đến khi người ta phải dùng biện pháp cứng rắn để đuổi ra. Lúc ấy cần phải nhìn lại bác sĩ trực: anh ta tựa hồ e thẹn, tựa hồ xấu hổ khi phải nói thẳng với người bệnh rằng ông ta đã khỏe lại rồi và tốt nhất là xin xuất viện, mặc dù anh có toàn quyền không cần bất kỳ cuộc nói chuyện nào cũng có thể buộc bệnh nhân xuất viện, khi chỉ cần viết vào tờ bệnh án bi đát hai chữ *sanat est*[107]. Đầu tiên anh nhắc nhở người bệnh, sau đó dường như anh hỏi lại "Cũng đã đến lúc rồi phải không, ông cũng đã khỏe lắm rồi, mà phòng bệnh thì chật?" vân vân và vân vân... cho đến lúc chính bệnh nhân cảm thấy xấu hổ, cuối cùng tự ông ta xin được xuất viện. Bác sĩ trưởng là một người cũng rất nhân ái và trung thực (ông cũng được anh em bệnh nhân rất yêu mến), nhưng lại nghiêm khắc hơn ai hết, chặt chẽ hơn và quyết liệt hơn bác sĩ trực, thậm chí khi cần thì ông vẫn nói ra những lời rất nghiêm khắc, và vì lẽ đó mà anh em chúng tôi kính trọng ông một cách đặc biệt. Ông thường đi cùng các bác sĩ điều trị, đi sau bác sĩ trực, cũng khám lần lượt cho từng người, đặc biệt đối với những người trọng bệnh, luôn luôn biết nói với họ những lời tốt đẹp, động viên, thậm chí có cả những lời tâm tình, và nói chung ông để lại những ấn tượng tốt. Những người đến đây với căn bệnh "viêm da thần kinh nguy hiểm" ông cũng không khi nào phủ nhận và không trả về, nhưng nếu như bệnh nhân bướng bỉnh thì lập tức ông cho xuất viện: "Này, người anh em, ông nằm đây đủ rồi, lại sức rồi, ông về đi, lương tâm cũng cần phải lộ diện chứ". Bướng bỉnh thông thường là những người lười lao động, đặc biệt là vào kỳ khổ sai mùa hè, hoặc đó là những tù nhân can án đang chờ bị xử phạt. Tôi vẫn còn nhớ trong số đó có một anh bị xử lý đặc biệt nghiêm khắc, thậm chí còn là dã man để buộc anh này xuất viện. Anh đến đây với bệnh đau mắt: hai mắt anh đỏ ngầu, anh kêu rằng anh bị nhức buốt trong

mắt. Anh được điều trị bằng ruồi thuốc, đỉa thuốc và các loại thuốc nhỏ mắt v.v... nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm, mắt vẫn đầy nhử. Dần dà các bác sĩ đoán ra được rằng đó là bệnh giả vờ thôi: chỗ viêm nhiễm không lớn, không xấu đi, nhưng không thể khỏi, lúc nào cũng thế, thật là đáng ngờ. Anh em tù nhân thì từ lâu đã biết rằng anh ta vờ vịt và lừa bịp thiên hạ, mặc dù anh ta không thừa nhận. Đó là một chàng trai, thậm chí là một chàng trai đẹp mã, nhưng lại gây một ấn tượng không đẹp thế nào đó cho mọi người chúng tôi: một thứ người kín miệng, đáng nghi, cau có, không trò chuyện với ai, mắt nhìn le lé, tránh né mọi người, tựa như nghi kỵ tất cả. Tôi nhớ, nhiều người còn nghĩ rằng thằng cha này đã gây ra một điều gì đây. Anh vốn là lính, đã ăn cắp kinh khủng, đã bị đuổi. Anh đã bị hàng ngàn roi, đã bị tù ở nhiều đội. Như tôi đã nói ở trên, để tránh xa phút hình xử, tù can án thường dám làm những việc kinh sợ; trước ngày lĩnh án dùng dao chơi nhau với một vị quản lý hoặc một bạn tù, vụ việc được xử lại từ đầu, việc trừng phạt được lùi xa đi vài ba tháng, mục đích của anh ta thế là đạt được. Anh ta không cần biết rằng anh ta sẽ bị trừng phạt nặng gấp đôi, gấp ba sau hai tháng nữa, chỉ cốt sao giờ đây tránh xa ra được phút giây kinh hoàng dù chỉ là dăm ba ngày thôi, rồi sau muốn ra sao thì ra - những con người bất hạnh đã thối chí đến như vậy đấy. Anh em chúng tôi cũng đã thì thào với nhau rằng phải theo dõi anh ta, đề phòng anh ấy cắt tiết một người nào đó ban đêm. Tuy nhiên, người ta cũng chỉ nói thế thôi, chứ còn ngay cả những người nằm giường kế bên cũng chẳng có hành động cảnh giác nào đặc biệt. Thế nhưng, người ta lại thấy rằng đêm đêm anh ta lấy một tí vôi trong hộp ra bôi lên mắt và một thứ gì đó nữa, để đến sáng mắt anh ta lại đỏ tấy. Cuối cùng bác sĩ trưởng dọa đắp thuốc kín hết mắt anh ta. Khi bệnh mắt trầm trọng kéo dài, mọi loại thuốc đều đã dùng hết, thì muốn cứu con mắt các bác sĩ phải dấn bước dùng biện pháp mạnh và đau đớn: cắt da bệnh nhân như đối với loài ngựa. Nhưng đến như thế con người khốn khổ kia vẫn không chịu chữa lành. Thật là quá bướng bỉnh, hay cũng là quá hèn nhát, bởi vì cắt da không thể sánh cùng roi vọt, tuy rằng cũng rất đau đớn: bệnh nhân bị kéo căng da cổ ra phía sau, bị dùng dao cứa vào chỗ da kéo căng ấy tạo ra một vết thương dài và rộng ngang gáy, sau đó người ta dán vào vết thương một miếng vải rộng chừng ngón tay, sau đó hàng ngày vào một giờ nhất định người ta giật giật miếng vải ấy, gần như cứa lại một lần nữa, để vết thương lúc nào cũng mưng mủ, không lên da non được. Kẻ khốn cùng này bị đau đớn khủng khiếp, nhưng ráng chịu đựng cuộc hành hạ đó mấy hôm, rồi

cuối cùng cũng phải đồng ý ra viện. Chỉ sau một hôm mắt anh ta khỏi hẳn, cổ anh ta cũng lên da non, anh ta đành đi về trại để hôm sau chịu một ngàn gậy.

Tất nhiên, cái phút trước cực hình thật là cực nhọc, nó nặng nề đến mức mà tôi phải tội khi gọi nó là hèn kém và nhút nhát. Nó nặng nề khi tội nhân chịu cực hình gấp đôi, gấp ba lần, chỉ mong sao nó diễn ra không phải bây giờ. Tuy nhiên, tôi cũng đã nhắc đến những người yêu cầu mau mau được xuất viện với cái lưng còn chưa lành những vết gậy đầu tiên để chịu tiếp những đòn còn lại và để cuối cùng thoát khỏi tòa án; còn việc bị cầm giữ trong thời gian xử án lúc tạm giam còn tồi tệ hơn tù khổ sai không để đâu hết. Nhưng, ngoài sự khác biệt về khí chất con người, thì vai trò lớn lao để có lòng quyết tâm và dũng khí của một số người là thuộc về thói quen chịu đòn roi, chịu cực hình đã ngấm vào xương thịt. Người bị đánh đập nhiều lần dường như được củng cố về tinh thần và cả cái lưng, và tất nhiên anh ta nhìn án phạt một cách hoài nghi, gần như chỉ coi đó là một sự phiền phức nho nhỏ và đã không còn kinh sợ nữa. Nói chung thì như thế là đúng. Một anh bạn tù của chúng tôi thuộc trại biệt giam là người Kalmyk theo đạo tên là Aleksandr hay Aleksandra gì đó, theo cách ở đây người ta gọi anh, là một con người kỳ lạ, gian ngoan, gan dạ, đồng thời lại rất tốt bụng. Anh kể cho tôi nghe rằng anh đã chịu được bốn ngàn gậy, vừa kể vừa cười đùa, nhưng đột nhiên anh lại nghiêm mặt thề rằng nếu như từ thuở bé, từ thời thơ ấu êm đềm nhất của mình anh không lớn lên dưới làn roi vọt, khiến suốt đời mình lưng anh không hết lằn sẹo, thì làm sao anh chịu nổi bốn ngàn cây gậy. Vừa kể chuyện anh vừa như đề cao lối giáo dục bằng đòn roi như vậy. “Ông Aleksandr Petrovich này! Bất kể vì lý do gì tôi cũng bị đánh, - một lần anh ta nói vậy khi ngồi trên giường tôi vào một buổi chiều bên ánh lửa, - vì tất cả mọi chuyện, những chuyện vu vơ nhất, tôi bị đánh suốt mười lăm năm liền, kể từ ngày tôi có trí nhớ, ngày nào cũng bị đánh mấy trận, ai muốn thì cứ đánh. Cuối cùng tôi đã quen hoàn toàn”. Vì sao anh đi lính thì tôi không biết. Cũng có thể là anh kể rồi. Anh là chân chạy, là kẻ lang thang vô định. Tôi chỉ còn nhớ câu chuyện anh kể rằng anh sợ chết khiếp khi người ta kết anh vào cực hình chịu bốn ngàn gậy vì tội giết quan trên. “Tôi biết người ta sẽ trừng trị tôi rất nặng, và rằng có thể tôi không được bớt gậy nào, mặc dù tôi đã quen với roi vọt, nhưng bốn ngàn gậy đâu phải chuyện đùa! Hơn thế nữa, cả giới quan chức nổi giận! Tôi biết, chắc chắn tôi biết rằng tôi không chịu đòn là không xong đâu, người ta không tha tôi được. Đầu tiên tôi định xin được làm lễ đặt tên thánh. Tôi nghĩ rằng biết đâu người ta lại cho, và dù cho lúc ấy bạn bè đã bảo tôi rằng xin thế chẳng được đâu, người ta

không cho, nhưng tôi lại nghĩ: mình cứ thử xem, dù thế nào người ta cũng thương người biết phép thánh. Thực sự là người ta đã làm lễ đặt tên thánh cho tôi, khi làm lễ tôi được đặt tên là Aleksandr; thế thôi, còn gậy thì dù sao cũng vẫn là gậy, dù người ta có tha cho tôi một gậy thì như thế cũng chỉ làm tôi bực mình. Tôi vẫn nghĩ về mình thế này: Này, quả thực là tôi đang lừa dối tất cả các bạn đấy. Ông nghĩ thế nào, ông Aleksandr Petrovich, tôi lừa được đấy chứ! Tôi có khả năng tuyệt vời giả làm người chết, có nghĩa là không phải chết hẳn, mà chỉ là linh hồn suýt rời thể xác. Người ta nọc tôi ra đánh một nghìn roi, bỏng rát cả người. Tôi kêu lên. Đánh một nghìn nữa. Tôi nghĩ: tôi chết thật rồi, đầu óc không còn gì, hai chân giập gãy. Tôi lăn xuống đất, hai mắt đã chết, mặt nhợt nhạt, hơi thở đã ngừng, miệng sùi bọt. Thày thuốc đến bảo: nó sắp chết rồi. Tôi được đưa vào viện và lập tức sống lại. Về sau người ta còn đánh tôi hai lần nữa. Họ giận tôi, rất giận tôi, thế mà tôi vẫn lừa được họ hai lần. Tôi qua được một nghìn thứ ba, lại chết. Đến nghìn thứ tư thì mỗi gậy như một nhát dao đâm vào tim, tôi cố chịu, bây giờ một gậy đau bằng ba gậy, sao mà đau đến thế! Họ điên lên với tôi. Một nghìn gậy cuối cùng bẩn thỉu này có giá bằng ba nghìn gậy trước, và giá như tôi không chết trước lúc kết thúc (chỉ còn lại có hai trăm gậy) thì họ đánh tôi đến chết thật. Thế nhưng tôi vẫn không bực mình: tôi lại lừa được họ và lại giả chết. Họ lại tin sái cổ. Làm sao mà không tin được kia chứ, thầy thuốc cũng tin, cho nên đến hai trăm gậy cuối cùng mặc dù họ đánh tôi với tất cả lòng căm giận, đánh đến mức mà hai nghìn gậy ở những lần khác cũng còn nhẹ hơn, thế mà không, chúng vẫn không thắng được tôi, mà vì sao chúng không thắng được chứ? Tất cả chỉ vì từ thuở bé tôi đã lớn khôn lên dưới làn roi vọt. Chính vì lẽ đó mà tôi sống được đến ngày hôm nay. Chao ôi, họ đánh tôi, họ đánh tôi suốt một cuộc đời!" - cuối câu chuyện anh than lên câu đó như một suy ngẫm bi thương, dường như anh cố gắng nhớ lại và tính lại xem người ta đánh anh đến bao nhiêu lần. Anh ngừng lại một phút rồi lại nói thêm "Không, không thể tính hết được họ đã đánh tôi bao nhiêu lần rồi, mà tính cũng chẳng để làm gì. Tính mãi mà cũng không đủ". Anh nhìn tôi cả cười, nhưng là cái cười thật khoan dung, đến độ chính tôi cũng không dám cười đáp lại. "Ông biết không, ông Aleksandr Petrovich, bây giờ nếu như ban đêm tôi có một giấc mộng thì chắc chắn là tôi mộng thấy người ta đánh tôi: tôi chẳng có một giấc mộng nào khác". Quả thật là ban đêm anh vẫn thường kêu to, gân cổ kêu toáng lên, khiến anh em phải lay gọi anh dậy "Nào, làm gì mà kêu ầm lên thế!" Anh là người khỏe mạnh, tầm thước, luôn luôn hiếu động, tính tình vui vẻ, tuổi độ bốn mươi lăm, sống chan hòa với mọi người,

và mặc dầu anh rất thích ăn cắp vặt và cũng thường nhiều lần ăn đòn, nhưng ở chỗ chúng tôi ai mà chả ăn cắp vặt và ai mà chả có lần ăn đòn?

Về chuyện này tôi xin nói thêm: bao giờ tôi cũng thấy ngạc nhiên về lòng khoan dung đặc biệt, về sự đôn hậu, mà những người từng bị đánh đòn thể hiện ra khi kể về cung cách mà người ta đánh mình và về những kẻ đánh mình. Thường thường ta không nghe thấy có mảy may oán ghét và giận dữ trong câu chuyện khiến trái tim tôi sốc lên và bắt đầu đập rộn. Còn người kể lại vừa kể vừa cười như những đứa trẻ. Chẳng hạn, anh M. đã kể cho tôi nghe về những trận đòn của mình: anh không phải là quý tộc, và đã chịu năm trăm gậy. Tôi biết điều đó qua những người khác rồi hỏi anh ta: chuyện ấy đúng không và xảy ra thế nào? Anh trả lời có phần ngắn gọn, dường như có gì đau đớn trong tâm. Anh cố tình không nhìn tôi, mặt đỏ vậng lên. Nửa phút sau anh mới nhìn tôi và đôi mắt anh rực lên ngọn lửa căm giận, đôi môi run lên vì bực tức. Tôi cảm thấy anh không bao giờ có thể quên được trang quá khứ này. Nhưng hầu hết anh em chúng tôi (tôi không đảm bảo là không có ngoại lệ!) đều nhìn nhận chuyện đó hoàn toàn khác hẳn. Đôi khi tôi nghĩ, không có lẽ họ cho họ là những người hoàn toàn vô tội và lại xứng đáng chịu tội cực hình, đặc biệt là khi họ phạm tội không phải chống lại anh em, mà chống cấp trên. Hầu hết bọn họ không tự buộc tội mình. Tôi đã nói rằng tôi không thấy có hiện tượng lương tâm cắn rứt, không thấy thậm chí khi những tội ác ấy là tội ác chống lại cộng đồng của mình. Về tội ác chống cấp trên thì chẳng có gì để nói nữa. Đôi khi tôi có cảm giác rằng trong trường hợp này đã có một cách nhìn đặc biệt, một cách nhìn thực tiễn, hay nói đúng hơn, một cách nhìn hiện thực. Điều được chú ý ở đây là số phận, là sự kiện bất khả kháng, chứ không phải là một cái gì được suy nghĩ kỹ lưỡng, mà chỉ là một cái gì vô thức, giống như một niềm tin nào đó. Chẳng hạn một tù nhân, dù bao giờ cũng có khuynh hướng cảm thấy mình là đúng đắn khi phạm tội chống lại cấp trên, cho nên chính vấn đề này đối với anh ta cũng là không thể hiểu được, nhưng trên thực tế anh ta cũng thừa nhận rằng cấp trên nhìn tội lỗi của anh ta bằng con mắt hoàn toàn khác, và thế là anh phải bị trừng trị, và thế là hòa nhau. Ở đây là cuộc đấu tranh hai bên. Tội nhân cũng biết và không nghi ngờ gì rằng anh sẽ được trắng án trước tòa án của những người đồng điệu với mình, những người bình dân với mình, những người mà anh cũng rất biết là họ sẽ không bao giờ kết án anh triệt để, đa số hoàn toàn tha bổng, bởi vì tội lỗi của anh không chống lại người mình, không chống lại anh em, không chống lại dân thường yêu quý. Lương tâm anh yên ổn. Chính nhờ lương tâm mà anh có sức

mạnh, và về mặt đạo đức anh chẳng thấy phải lăn tăn gì, mà đó là điều chủ yếu. Anh ta tựa hồ cảm thấy rằng mình đã có một điểm tựa, và chính vì thế mà anh không thấy thù hận, anh coi việc xảy ra với mình là một sự việc bất đắc dĩ, không phải do anh khởi xướng, không phải do anh kết thúc, mà nó sẽ còn tiếp diễn lâu lâu dài dài trong cuộc đấu tranh đã hình thành, thụ động và gay cấn. Cá nhân một anh lính nào đó thù hận với một người Thổ Nhĩ Kỳ khi đánh nhau. Chính người Thổ ấy đâm anh, chém anh, bắn anh. Tuy nhiên, không phải mọi câu chuyện đều lạnh lùng và vô tư. Chẳng hạn, chuyện tên trung úy Zherebyatnikov được mọi người kể lại với đôi chút bực mình, tuy không lớn lắm. Tôi đã làm quen được với tên trung úy Zherebyatnikov vào những ngày đầu tôi đi nằm viện, chính là vì những câu chuyện của anh em trại nhân. Sau đó tôi nhìn thấy hắn bằng xương bằng thịt, khi hắn đứng trong phòng gác. Đó là một anh chàng tuổi ngót ba mươi, người cao ráo, béo mập, má đỏ, bóng mỡ, răng trắng và có tiếng cười thành tràng dài khục khục ở mũi. Nhìn mặt hắn ta thấy rằng đó là con người nông nổi nhất thế giới. Hắn rất say mê cái trò đánh người bằng roi, bằng gậy, khi được chỉ định làm tên thi hành án phạt. Tôi xin tóm tắt rằng ngay từ khi đó tôi đã coi tên trung úy Zherebyatnikov là một tên quái thai, và bản thân anh em trại nhân cũng nhìn hắn như thế. Ngoài hắn ra cũng còn những tên cúc cung tận tụy, mà ngày trước, cái ngày trước mới đây thôi, cái ngày trước “được nhắc đến luôn, nhưng lại khó tin”, bọn chúng rất thích hoàn thành công việc của mình một cách cần cù, tận tụy. Nhưng phần lớn những việc ấy xảy ra một cách vô tư, chẳng có một niềm say mê nào cả. Trong việc thực thi công việc thì tên trung úy này giống như một tên phàm ăn khôn miệng. Hắn yêu, yêu say mê nghệ thuật thực thi công việc, và chỉ yêu theo lối vị nghệ thuật mà thôi. Hắn thưởng thức nghệ thuật đó như một kẻ rong chơi trong thưởng ngoạn, làm lu mờ các nhà quí tộc thời đế chế La Mã. Hắn bày vẽ ra đủ thứ tinh tế, đủ thứ phi thực nhằm kích hoạt và làm đê mê cái tâm hồn bóng mỡ của hắn. Và đây, người ta đưa ra hành tội một tù nhân, Zherebyatnikov thi hành án. Hắn thấy sảng khoái khi nhìn qua một dãy dài người xếp hàng với những cây gậy lớn trong tay. Hắn thỏa mãn đi duyệt các dãy và nhấn mạnh thêm rằng ai nấy đều phải thừa hành công việc của mình một cách nghiêm chỉnh, có lương tâm, nếu không thì... Những tên lính tốt đen hiểu rõ thế nào là *nếu không thì*...Và đây, người ta dẫn tội nhân ra. Nếu như trước đây anh ta chưa quen Zherebyatnikov, chưa được nghe hết mọi chuyện đầu đuôi về hắn, thì đây chỉ là thứ trò chơi hắn bày ra với anh (Chỉ là một trong hàng trăm thứ trò thôi; trung úy là người rất có đầu óc sáng

tạo). Vào lúc ấy, khi người ta lột trần anh ta ra, trói tay anh ta vào báng súng, để các hạ sĩ móc giây vào chỗ đó mà kéo lê anh ta đi suốt dãy người cầm gậy, vào lúc ấy, theo lệ thường, tất cả mọi trại nhân đều bắt đầu cất giọng than khóc mà lạy van tên trừng trị, cầu xin hắn ra tay nhẹ hơn và đừng có tăng phần nghiêm khắc. Kẻ bất hạnh thì kêu van: “Con lạy ngài, ngài thương lấy con, ngài là bố đẻ ra con, ngài cho con được suốt đời cầu Chúa cho ngài, xin thương lấy con, đừng hại đời con!” Zherebyatnikov chỉ chờ có thế. Hắn lập tức cho dừng cuộc chơi rồi ra vẻ thương cảm mà nói chuyện với tù nhân:

- Bạn thân mến của tôi, nhưng tôi biết làm gì với anh đây. Không phải là tôi trừng trị anh, mà là pháp luật!

- Lạy ngài, tất cả đều trong tay ngài, xin ngài thương lấy con!

- Thế anh nghĩ rằng tôi không thương anh sao? Anh nghĩ rằng tôi sướng lắm sao khi nhìn thấy người ta đánh anh? Tôi cũng là người đấy chứ! Theo anh, tôi có phải là người không?

- Lạy ngài, chúng con biết chứ. Các ngài là bố mẹ, chúng con là con cái. Xin ngài hãy làm bố ruột của con! - người tù kêu lên khi bắt đầu có hy vọng.

- Này, anh bạn của tôi, anh hãy tự lý giải xem, anh cũng có đủ trí khôn để lý giải mà, bởi vì chính tôi cũng hiểu rằng tôi phải đối xử với anh, một kẻ tội đồ, theo lối con người một cách khoan dung và thương cảm.

- Lạy ngài, ngài đã nói những điều hiển nhiên chân lý!

- Đúng rồi, phải đối xử với anh một cách thương cảm, dường như anh không hề có tội lỗi gì cả. Nhưng ở đây không phải là tôi, mà là pháp luật! Anh nghĩ mà xem! Tôi đang phục sự Chúa và phụng sự Tổ quốc. Tôi sẽ mang trọng tội, nếu tôi coi nhẹ pháp luật, anh hãy nghĩ đến điều ấy!

- Lạy ngài!

- Thế đấy! Đối với anh thế là phải thế! Tôi biết rằng tôi cũng mắc tội, nhưng thế là phải thế... Lần này tôi thương anh, tôi trừng trị nhẹ tay, còn anh hy vọng rằng lần sau cũng sẽ như thế, rồi anh lại gây tội, khi đó thì sao? Trong tâm hồn tôi...

- Lạy ngài! Con xin cúi đầu trước ngai vàng của đấng Sáng thế...

- Thôi, đủ rồi, đủ rồi! Bây giờ anh có thề với tôi là từ nay về sau giữ mình nghiêm chỉnh không?

- Xin trời chu đất diệt con đi, nếu trên đời này...

- Đừng thề nữa, phải tội. Tôi sẽ tin lời anh hứa, anh có hứa không?

- Lạy ngài!!!

- Bây giờ anh nghe đây, tôi chỉ tha cho anh vì những giọt nước mắt mồ côi của anh; có phải anh mồ côi không?

- Lạy ngài! Con là đứa mồ côi, chẳng còn một ai, bố cũng không, mà mẹ cũng không...

- Vậy thì tôi sẽ vì những giọt nước mắt mồ côi của anh; nhưng anh hãy xem, lần cuối cùng... dẫn nó đi, - hắn nói thêm vẫn bằng cái giọng thương cảm, đến nỗi anh tù nhân không biết mình phải đọc bài kinh cầu nào để chúc tụng con người rộng lòng ấy. Nhưng bỗng giông bão nổi lên, anh ta bị dẫn đi, trống gầm lên đùng đùng, những cây gậy đầu tiên vung lên... “Quật đi! - Zherebyatnikov gào lên đến vỡ cổ họng. - Đánh cháy lưng nó đi! Lột da nó ra! Lột da nó ra! Mạnh nữa vào! Mạnh nữa vào! Đánh thằng mồ côi này mạnh nữa lên đi! Đánh chết tên bợm trẻ này đi! Đánh nữa! Đánh nữa!” Và những tên lính đã đánh như lột da anh. Kẻ khốn cùng như nổ đom đóm mắt, anh ta bắt đầu kêu gào lên, còn Zherebyatnikov thì chạy theo anh mà cười lên ha hả, cười nghiêng ngả, cười đến nỗi phải chống tay mạng sườn, không đứng thẳng lên được, đến nỗi cuối cùng người ta thấy thương hại hắn, con người tội nghiệp. Hắn vui quá, mà cũng buồn cười quá, rồi chỉ thỉnh thoảng mới lại vang lên tiếng cười khanh khách ròn vang của hắn: “Lột da nó ra! Đánh cháy lưng nó đi, thằng bịp bợm. Đánh cháy lưng thằng mồ côi này đi!...”

Hắn còn bày ra bao nhiêu trò chơi khác nữa: tù nhân bị đưa ra hành xử, ai cũng van lạy, còn Zherebyatnikov không hề rung động, không hề nhăn mặt. Hắn nói kiểu chân thành:

- Anh thấy không, anh bạn. Tôi sẽ trừng phạt anh đến nơi đến chốn, vì anh xứng đáng như vậy. Nhưng đối với anh tôi sẽ làm thế này: tôi sẽ không trói anh vào báng súng. Anh sẽ đi một mình, nhưng là đi kiểu mới: anh phải chạy hết sức suốt dọc hàng lính. Dù anh có phải chịu hết mọi đầu gậy đi nữa, thì như thế cũng là nhanh hơn. Anh nghĩ thế nào? Có muốn thử không?

Anh tù nhân không hiểu gì, cứ băn khoăn và ngẫm nghĩ. Anh nhẩm tính “Có thể là có thật đấy. Mình ráng chạy hết sức thì có thể đau đớn giảm đi năm lần, và không phải gậy nào cũng trúng”.

- Lạy ngài! Con xin chấp nhận.

- Tôi cũng đồng ý. Nào chạy đi! Lính đâu, chú ý! - hắn quát bọn lính, và đã biết trước rằng không có gậy nào trượt khỏi cái lưng tội lỗi kia, còn tên lính nào đánh

trượt thì cũng rất biết chuyện gì sẽ đến. Anh tù nhân cắm đầu chạy “dọc theo hàng gậy”, nhưng anh chưa chạy qua được mười lăm hàng ngang thì những cây gậy trút xuống cùng một lúc như roi trống, như sấm sét, quật vào lưng anh. Con người khốn khổ thét lên, đổ vật xuống như cây bị đốn, như thú bị đạn. “Thôi, con lạy ngài, xin cứ đánh con theo luật” - anh nói thế, chệnh choạng đứng dậy, mặt mày xám ngoét, run sợ, còn Zherebyatnikov đã biết trước như thế, hắn lại cất tiếng cười xiêu vẹo. Thôi, tôi không thể nào mô tả hết được những trò tiêu khiển của hắn và những gì người khác kể lại về hắn!

Người ta còn kể về một tên trung úy tên là Smekalov với cung cách, giọng điệu và tinh thần khác hơn một chút. Hắn là chỉ huy trong trại từ trước khi người ta bổ nhiệm tên thiếu tá của chúng tôi vào chức vụ này. Về tên Zherebyatnikov người ta kể chuyện một cách khá là thờ ơ, không có mấy giận dữ, tuy nhiên cũng chẳng quan tâm đến chiến công của hắn, không khen ngợi, mà rõ ràng là ghê tởm. Thậm chí còn khinh bỉ hắn dưới tầm con mắt. Nhưng còn về Smekalov thì lại được anh em nhớ đến với niềm vui sướng và thỏa mãn. Vấn đề đây hoàn toàn không phải là một kẻ say máu đánh người. Anh ta hoàn toàn không có cái yếu tố thuần Zherebyatnikov, nhưng anh ta cũng không hoàn toàn từ bỏ cái máu đánh người. Vấn đề là ở chỗ đó, cho nên ngọn roi của anh ta lại được chúng tôi nhớ đến với lòng yêu mến ngọt ngào - con người này biết cách chiều lòng trại nhân bằng cách thế đó! Nhưng cách đó là cách gì? Làm sao anh ta lại được nổi tiếng? Quả thực, anh em chúng tôi cũng như toàn thể nhân dân nước Nga đều sẵn sàng quên đi bao nhiêu đau khổ chỉ vì nghe được một lời âu yếm; tôi nói điều này như nói về một sự kiện, chứ không mổ xẻ nó từ cách nhìn này hay cách nhìn khác. Chiều lòng đám dân này và được nổi tiếng có gì là khó đâu. Nhưng anh trung úy Smekalov lại được nổi tiếng một cách đặc biệt - cho nên dù có kể cái chuyện anh ấy đánh người, thì câu chuyện vẫn được nhớ đến với lòng trìu mến. “Có anh ấy thì không cần có cha đẻ nữa” - anh em trại nhân thường nói thế và còn thở dài khi so sánh anh cấp trên tạm quyền ngày trước Smekalov với tên thiếu tá bây giờ. “Tâm nhân!” Anh là một con người giản dị, thậm chí là tốt bụng theo một cách riêng. Nhưng có những trường hợp không những là tốt bụng, mà trong giới quan chức anh còn là người rộng lượng, và như thế thì sao? Đám quan chức không yêu mến anh, mà chỉ nhìn anh rồi cười. Vấn đề là ở chỗ Smekalov biết cách làm sao cho mọi người ở đây thừa nhận anh là người của mình. Đó là một kỹ năng lớn, hay nói đúng hơn, đó là năng lực bẩm sinh, mà ngay cả những người có năng lực đó cũng không nghĩ đến được. Có một điều kỳ

lạ: trong số những người như vậy có những người không phải là tốt bụng, thế mà đôi khi vẫn rất nổi tiếng. Họ không khinh người, không đểu cáng đối với những người bị cai quản, - theo tôi, đó chính là nguyên nhân! Trong số họ người ta không thấy có những nhà quý tộc ăn trắng mặc trơn, không nghe thấy cái tinh thần quý tộc, nhưng ở nơi họ lại có cái hương vị dân lành đặc biệt, cái hương vị bẩm sinh và, lạy Chúa tôi, người dân thính mũi với cái hương vị này lắm! Được hưởng cái hương vị đó thì người dân lành đâu có tiếc chi! Họ sẵn sàng đánh đổi một con người tốt bụng nhất hạng lấy một người thậm chí là rất nghiêm khắc, nếu người đó để lộ ra cái hương vị vải gai quen thuộc của riêng họ. Hơn thế nữa, nếu như con người tỏa hương kia lại là thực sự tốt bụng, dù chỉ là tốt bụng theo một kiểu riêng, thì hay biết mấy? Được như thế thì anh ta là người vô giá! Như tôi đã nói ở trên, trung úy Smekalov cũng đôi khi trừng trị tù nhân đau đớn, nhưng anh lại biết làm sao để cho không ai giận dữ với anh, thậm chí còn ngược lại. Bây giờ, khi tôi ở đây, lúc mọi chuyện đã qua đi từ lâu, người ta vẫn nhớ đến với tiếng cười và lòng thỏa mãn những việc làm của anh khi anh đánh người. Tuy nhiên, những việc làm của anh không nhiều: anh không có nhiều trí tưởng tượng nghệ thuật. Sự thật là anh chỉ có một kiểu, một kiểu duy nhất mà anh đem ra thử nghiệm gần như quanh năm, nhưng có thể chính kiểu đó lại hóa ra đáng mến ở chỗ nó là duy nhất. Trong kiểu này có nhiều nét ngây thơ. Chẳng hạn, bây giờ người ta dẫn một tội đồ ra. Bản thân Smekalov bước ra trừng trị, nhưng lại bước ra với một nụ cười, một câu đùa cợt, anh hỏi tội nhân những câu gì đó, về một chuyện bâng quơ, về những việc riêng tư, việc gia đình, việc trong trại, và nói chung là chẳng có mục đích gì cả, chẳng phải đóng kịch, mà chỉ là thế thôi - bởi lẽ quả thực anh muốn được biết những câu chuyện đó. Người ta mang roi ra, mang cho Smekalov một cái ghế tựa. Anh ngồi xuống, thậm chí còn rút tẩu hút thuốc. Cái tẩu của anh thật là dài. Tội nhân bắt đầu van lạy... “Không đâu, này người anh em, cứ nằm xuống đi, có gì đâu...” Smekalov nói, tội nhân thở dài và nằm xuống “Này, anh bạn, anh có thuộc câu thơ nào không?” - “Bẩm ngài, làm sao lại không thuộc kia chứ, chúng con đã mang tên thánh, từ bé đã được học rồi ạ”. - “Vậy thì anh đọc đi”. Và tội nhân đã biết là phải đọc cái gì, và cũng đã biết trước rằng sẽ xảy ra điều gì trong lúc đọc, bởi vì cái trò này đã diễn ra trước đây với những người khác đến ba chục lần rồi, và chính Smekalov cũng biết là tội nhân đã biết. Anh biết rằng thậm chí đến cả bọn lính đang giơ roi đứng cạnh tội nhân nằm đó cũng đã được nghe chán tai cái trò diễn này, nhưng anh vẫn cứ diễn lại một lần nữa. - Cái trò này anh không bao giờ chán, có thể là bởi

vì chính anh nghĩ ra nó, xuất phát từ lòng vị kỷ văn chương của mình. Tội nhân bắt đầu đọc, bọn lính giơ roi chờ, còn Smekalov thậm chí cúi đầu xuống, giơ tay lên, ngừng hút tẩu, chờ đợi một câu thơ hay nhất. Từ câu đầu tiên của một bài thơ hay tội nhân đọc dần đến câu cuối cùng kết bằng mấy chữ “thượng giới trên đầu”. Thế là đủ rồi. “Thôi! - trung úy hào hứng quát lên và ngay lập tức, với một động tác hồ hởi anh quay về phía tên lính giơ roi, ra lệnh: - Bắt đầu!”

Những tiếng cười ồ vang lên. Đám lính xung quanh cũng cười, tên lính ra đòn cũng cười, người bị đòn cũng suýt cười theo, mặc dù sau khẩu lệnh “Bắt đầu!” ngọn roi ấy được huơ lên trong không trung, để rồi một giây sau nó cắt xuống thân mình tội nhân như lưỡi dao cạo. Smekalov thấy vui, anh vui chính vì anh là người nghĩ ra cái điều thú vị đó - chính anh nghĩ ra: “Thượng giới trên đầu” và “Bắt đầu!” là cùng một vần đuôi với nhau. Rồi Smekalov rời khỏi chỗ hành xử, trong lòng thật thỏa mãn, người bị hành xử cũng gần như hài lòng về Smekalov, và nửa tiếng sau, ngồi trong trại, cũng hệt như bây giờ, anh đã kể lại câu chuyện lần thứ ba mươi mốt, câu chuyện đã được diễn đi diễn lại ba mươi lần trước đó. “Nói tóm lại, anh ta là Tâm nhân! Một người vui tính!”

Cho đến tận bây giờ người ta vẫn mơ tưởng kể lại những kỷ niệm về anh chàng trung úy vô cùng tốt bụng ấy.

- Này nhá, anh em ơi, - một trại nhân nào đó kể chuyện, gương mặt anh như mỉm cười theo ký ức, - bạn cứ đi qua chỗ anh ấy, anh ấy vẫn ngồi uống trà chỗ cửa sổ, mình mặc áo khoác, miệng hút tẩu. Anh ngả mũ chào. - Đi đâu vậy, bạn Aksenov?

- Chào anh Mikhail Vasilich, tôi đi làm đây, đầu tiên là đến xưởng cơ khí, - người kể chuyện cười vang... Tức là Tâm nhân! Nói một từ thôi, Tâm hồn!

Trong số người nghe có người đế thêm: Không kiếm được người thứ hai như thế nữa đâu!



TIẾP TỤC[108]

Lúc nãy tôi đã nói về các vụ trừng phạt, cũng như về những tên thừa hành các nghĩa vụ thú vị này, chính là bởi vì khi được chuyển vào nằm viện tôi mới có ý niệm sơ bộ về những việc này. Từ trước tôi chỉ được biết qua chuyện kể của người khác thôi. Tập trung về hai phòng bệnh của chúng tôi là tất cả những kẻ can án bị trừng trị bằng roi liễu của tất cả các tiểu đoàn, các trại giam và các đơn vị quân ngũ khác đóng trong thị trấn chúng tôi và ở ngoại ô. Thời kỳ đầu, khi tôi còn mải mê theo dõi cái trật tự kỳ lạ xảy ra quanh tôi, thì những kẻ bị hành tội và sắp sửa bị hành tội lẽ tự nhiên là gây ra cho tôi một ấn tượng mạnh. Tôi bị xúc động, giận dữ và kinh ngạc. Tôi vẫn còn nhớ, khi đó tôi đột nhiên hăm hở đi sâu tìm hiểu các chi tiết của các hiện tượng mới này, lắng nghe đối thoại và câu chuyện theo chủ đề đó của các trại nhân, tự mình đưa ra câu hỏi và đi tìm các giải pháp. Hơn thế nữa, tôi còn muốn biết ngay các mức án và mức thi hành án, các sắc thái thi hành, quan điểm của các tù nhân đối với những chuyện đó, tôi cố gắng hình dung ra trạng thái tâm lý của những người bước ra chịu án. Tôi đã nói rằng trước lúc bị hành xử ít ai có thể lạnh lùng, thậm chí không loại trừ cả những người trước đó đã nhiều lần bị ăn roi gậy. Nói chung người bị kết án bao giờ cũng có một nỗi sợ hãi căng thẳng, nhưng thuần túy là thể chất, nỗi sợ hãi ngoài ý muốn, không tả hết được và đè nặng lên toàn bộ con người đạo lý của anh ta. Sau này, trong suốt mấy năm khổ sai tôi đã vô tình để mắt đến những bị can, những người nằm viện sau khi đã chịu một nửa trận đòn và phải chữa trị cái lưng, rồi sau ra viện để mai mốt lại chịu nốt nửa phần roi gậy. Việc chia đôi khổ hình luôn được thực hiện theo quyết định của vị thày thuốc ngồi dự tra tấn. Nếu số đòn roi lớn quá, tù nhân một lần chịu không nổi, thì phải chia đôi, thậm chí chia ba, tùy theo phán quyết của bác sĩ ngay lúc hình xử, tức là có thể người chịu tội phải bước tiếp chặng đường roi gậy, hoặc là điều đó đi kèm với hiểm họa mạng sống. Thường thường một lần người đó bị đòn năm trăm, một nghìn, thậm chí một nghìn rưởi roi gậy, nhưng nếu lệnh án lên tới hai nghìn, ba nghìn thì phải chia ra hai lần hoặc ba lần. Những người đã được chữa lành cái lưng sau nửa trận đòn, thì ngày xuất viện và ngày trước đó thường là những

ngày u ám, buồn tủi, chẳng biết nói cùng ai. Người ta để ý thấy rằng trí óc của họ có phần đờ đẫn, có vẻ đãng trí khác thường. Một người như thế không tham gia vào các cuộc trò chuyện và giữ im lặng nhiều hơn; điều đáng hiếu kỳ hơn cả là bản thân anh em tù nhân không bao giờ nói chuyện với người như vậy và không bao giờ gợi chuyện về những gì sắp xảy ra với anh ta. Không nói thừa một lời nào, không an ủi một câu nào, thậm chí nói chung là ít quan tâm đến một người như thế. Tất nhiên, như vậy cũng là tốt hơn đối với bị can. Cũng có những ngoại lệ, chẳng hạn như anh Orlov mà có lần tôi đã nhắc đến. Sau nửa trận đòn trừng phạt anh ta chỉ bực bội một điều là cái lưng mãi không kín miệng và anh ta không được xuất viện sớm để chịu nốt số đòn còn lại, để được đi cùng đoàn tù của mình đến chỗ đi đày đã định và được đào thoát dọc đường. Nhưng anh ta lại bị phân tâm vì cái mục tiêu, có trời biết được, đã hình thành trong đầu óc anh. Đó là cái bản năng đầy say mê và đầy sức sống. Anh thấy rất thỏa mãn trong trạng thái hưng phấn mạnh mẽ, dù rằng anh đã kìm nén lại những cảm xúc của mình. Vấn đề là ở chỗ ngay trước nửa trận đòn đầu tiên anh nghĩ rằng người ta không ngừng đánh anh và anh tất phải chết. Anh đã nghe được nhiều lời đồn đại về các biện pháp của bọn chỉ huy ngay từ khi anh còn bị tạm giam. Lúc đó anh đã tự chuẩn bị cho cái chết đến. Nhưng, qua được nửa trận đòn anh lại tỉnh ra. Lúc vào viện anh đã rũ rượi, nửa sống nửa chết. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy những vết bầm loét như vậy, nhưng anh lại vào viện với niềm vui trong tâm, với niềm hy vọng rằng anh vẫn sẽ còn sống, rằng những lời đồn đoán kia là thất thiệt, rằng người ta đã ngừng đánh anh đấy thôi, cho nên bây giờ, sau nhiều ngày tháng tạm giam, anh lại bắt đầu mơ đến một con đường, một cuộc trốn chạy, mơ đến tự do, đến những cánh đồng và những rừng cây... Hai ngày sau khi xuất viện anh đã chết cũng trong bệnh viện ấy, cũng trên cái giường cũ ấy vì không chịu nổi nửa trận đòn thứ hai. Nhưng chuyện này tôi đã nhắc đến rồi.

Tuy nhiên, ngay cả những tù nhân đã trải qua những ngày đêm nặng nề trước khi bị trừng phạt, cũng đã vượt qua được cực hình một cách dũng cảm, kể cả những người yếu bóng vía nhất. Ít khi tôi nghe thấy những tiếng rên rỉ thậm chí trong suốt cái đêm đầu tiên vào viện, thậm chí nhiều khi của cả những người bị đánh đập hết sức nặng nề; nói chung người dân bao giờ cũng biết chịu đựng đau đớn. Tôi đã đi hỏi nhiều người về những nỗi đau. Đôi khi tôi muốn tìm hiểu chính xác rằng những nỗi đau ấy lớn đến chừng nào, và cuối cùng, có thể so sánh chúng với cái gì được? Quả thật, chính tôi cũng không biết rằng tôi tìm hiểu như thế để làm gì. Tôi chỉ nhớ một điều, đó không phải là thứ tò mò hão huyền. Tôi

nhắc lại là tôi đã rất xúc động và rất kinh ngạc. Nhưng dù tôi có hỏi ai đi nữa thì tôi cũng không thể nào tìm được câu trả lời thỏa đáng cho tôi. Đau cháy như bị lửa thiêu vậy, - đó là tất cả những gì tôi tìm hiểu được, và đấy là câu trả lời duy nhất của mọi người. Đau cháy, và chỉ thế thôi. Cũng trong những ngày đầu tiên này tôi có làm quen với anh M. và đã hỏi han anh ta. Anh trả lời rằng “Đau lắm, cảm giác như là lửa đốt, lưng mình như bị nung trên lửa đỏ”. Tóm lại, tất cả mọi người đều chỉ nói ra bằng có một từ. Tuy vậy, tôi nhớ rằng khi đó tôi đã có một nhận xét kỳ lạ, mà tôi cũng không dám chắc về tính đúng đắn của nó, nhưng cái chung nhất trong cách lên án của chính các tù nhân đã ủng hộ cho nhận xét đó: đó là những ngọn roi, nếu được ra đòn với số lượng lớn, thì đấy là sự trừng phạt nặng nề nhất trong tất cả mọi cách trừng phạt được sử dụng đối với chúng tôi. Thoạt nhìn thì điều đó tưởng chừng như vô lý và không phải như vậy. Tuy nhiên, từ năm trăm roi, thậm chí từ bốn trăm roi đã có thể cắt thịt con người đến chết; còn trên năm trăm thì gần như cầm chắc cái chết. Một nghìn roi một lần thì thậm chí một người có thân hình cường tráng nhất cũng không thể chịu nổi. Thế nhưng năm trăm gậy thì lại có thể chịu đựng được mà không nguy hiểm chút nào đối với mạng sống. Một ngàn gậy có thể chịu được không nguy hiểm đến tính mệnh ngay cả đối với một người có cơ thể không khỏe mạnh lắm. Tất cả tù nhân đều nói rằng đòn roi khủng khiếp hơn là đòn gậy. “Roi ăn vào thịt hơn, - họ nói, - đau đớn cũng dữ hơn”. Tất nhiên là roi đau hơn gậy. Roi kích động mạnh hơn, tác động lớn hơn đến thần kinh, khiến thần kinh căng thẳng quá mức, bị chấn động cao hơn sức chịu đựng. Tôi không biết bây giờ thế nào, chứ còn mới đây có những công tử mà khả năng đánh đến chết nạn nhân của mình đã đem đến cho họ một cái gì đó gợi nhớ đến các hầu tước de Sade[109] và Brenvilliers[110]. Tôi nghĩ rằng trong cảm xúc này cũng có một cái gì đó khiến trái tim của các công tử đó chết dần chết mòn, chết ngọt ngào xen lẫn đớn đau. Có những con người giống loài hổ đói thèm liếm máu tươi. Kẻ nào đã một lần được nếm trải quyền lực đó, đó là sự thống trị không giới hạn đối với thân thể, máu thịt và tinh thần của một người anh em cũng giống như mình, cũng được nặn ra theo luật định của Chúa, kẻ nào đã được nếm trải quyền lực và khả năng hoàn toàn có thể hạ nhục một cách tệ hại nhất một sinh linh khác cũng mang trên mình hình ảnh Chúa, thì kẻ đó vô tình cũng đã không còn quyền lực gì trong những cảm xúc của mình nữa. Bạo hành là một thói quen, nó có bản năng phát triển, cuối cùng nó phát triển thành bệnh. Tôi giữ nguyên ý kiến cho rằng vì thói quen mà một người tốt nhất có thể trở nên thô bạo và ngu độn đến mức thú dữ. Máu tươi và

quyền lực làm say lòng người, làm phát triển thói bạo ngược và thói trụy lạc. Những hiện tượng không bình thường nhất cũng trở nên dễ tiếp cận và cuối cùng trở nên ngọt ngào đối với lý trí và tình cảm. Con người nói chung và con người công dân sẽ chết vĩnh viễn trong thói bạo hành, còn con đường trở về với phẩm giá con người, với sự ăn năn, với cuộc tái sinh đối với kẻ đó hầu như là không thể có. Xin nêu một thí dụ: khả năng tự quyền như vậy có tác động lây lan đến toàn bộ xã hội: quyền lực như vậy có sức hấp dẫn lắm. Nếu xã hội nhìn hiện tượng đó một cách thờ ơ, thì tự thân xã hội cũng bị nhiễm bệnh trong căn cốt của mình. Tóm lại, cái quyền của người này được phép hành hạ thân xác người khác chính là một trong những ung nhọt của xã hội, là một trong những phương tiện hùng mạnh nhất để hủy diệt trong xã hội bất kỳ mầm mống nào, bất kỳ ý đồ nào mang tính công dân và là cơ sở đầy đủ khiến nó tàn rữa một cách chắc chắn và không gì cứu chữa được.

Trong xã hội, kẻ hành hình bị mọi người khinh bỉ, nhưng tên hành hình quý tộc thì gần như là không. Vừa mới đây thôi đã có người đưa ra ý kiến ngược lại, nhưng chỉ đưa ra trong sách vở một cách trừu tượng. Ngay cả những người nói ra như thế, nhưng không phải ai cũng dẹp bỏ được trong lòng mình cái nhu cầu được tự tung tự tác. Thậm chí bất kỳ ông chủ xưởng nào, nhà thầu khoán nào cũng nhất thiết phải cảm nhận được niềm thỏa mãn ngây ngất rằng kẻ làm công cho ông ta đang phụ thuộc hoàn toàn, với tất cả gia quyến, một cách duy nhất vào ông ta. Điều này chắc hẳn là như vậy. Không thể ngày một ngày hai mà một thế hệ cắt đứt được những gì là truyền thống kế thừa của nó; không thể ngày một ngày hai con người đoạn tuyệt được với những gì đã ăn vào máu thịt anh ta, đã truyền đời truyền kiếp đến anh ta theo nguồn sữa mẹ. Không thể có những bước ngoặt mau lẹ như thế. Ý thức được sai lầm và tội lỗi là chuyện còn hiếm, rất hiếm. Người ta cần phải học cách để đoạn tuyệt. Mà làm điều đó chẳng mau chóng đâu.

Tôi đã nói đến kẻ hành hình. Những thuộc tính của kẻ hành hình gần như đã có trong mỗi con người hiện tại từ trong trứng nước. Nhưng những thuộc tính thú vật của con người thì phát triển không đồng đều. Nếu trong con người chúng phát triển lấn lướt các thuộc tính khác, thì tất nhiên con người đó trở nên khủng khiếp và vô lại. Kẻ hành hình có hai loại: một loại là tình nguyện, loại khác là bất đắc dĩ. Tất nhiên, kẻ hành hình tình nguyện xét về mọi mặt thì thấp kém hơn loại bất đắc dĩ, chúng lại bị dân chúng khinh bỉ, khinh bỉ kinh khủng, khinh bỉ đến mức khốn nạn, không thèm nhìn mặt, gần như là một thứ sợ hãi huyền bí. Vì

sao mà lại có thứ sợ hãi gần như mê muội đối với tên kẻ hành hình này, nhưng lại thờ ơ, dường như là đồng tình với tên kẻ hành hình khác? Đã có những dẫn chứng kỳ lạ đến mức cực đoan: tôi đã quen biết nhiều con người thậm chí là tốt bụng, thậm chí là lương thiện, thậm chí là đáng kính ở trong xã hội, thế mà những kẻ đó lại không thể chịu đựng được một cách lạnh lùng, nếu như kẻ tội đồ không kêu la dưới làn roi gậy, không lạy van và không xin tha. Điều ấy đã thành lệ; điều ấy được coi là thói quen và là cần thiết, và nếu như có một ngày nạn nhân không kêu la, còn kẻ hành hình, tức là người tôi đã biết và là người trong những quan hệ khác có thể được coi là người tốt bụng, thì trong trường hợp này chính kẻ đó lại thấy bực bội. Đầu tiên người đó muốn trừng phạt nhẹ nhàng, nhưng khi không nghe thấy câu nói cửa miệng "Lạy ngài, cha đẻ của con, xin thương lấy con, xin để cho con cầu Chúa cho ngài" v.v... thì người đó nổi cơn tam bành và cho quất thêm năm mươi roi nữa, mong làm bật ra tiếng kêu gào và lời cầu tha, - và rồi điều ấy cũng đạt được. "Không được, thế là thô lỗ" - người đó trả lời tôi rất nghiêm túc. Còn nói về tên kẻ hành hình thực sự, bất đắc dĩ, bị bắt buộc, thì ai cũng biết rằng: đó là một tù nhân thành án và bị kết tội lưu đày, nhưng được giữ lại làm kẻ hành hình, đầu tiên người đó phải đi học kẻ hành hình khác, và khi học được rồi thì được giữ lại vĩnh viễn trong trại, nơi người đó bị giam đặc biệt, có phòng riêng, thậm chí có cả đồ đạc, nhưng gần như luôn luôn có lính canh giữ. Tất nhiên, con người không phải là máy móc; kẻ hành hình đánh người dù là vì nhiệm vụ, nhưng đôi khi cũng say máu, nhưng dù đánh người không phải là không có niềm vui cho mình, thì ngược lại, hầu như người đó chẳng bao giờ có thù oán riêng đối với nạn nhân. Sự ra đòn khéo léo, sự hiểu biết công việc, lòng mong muốn được thể hiện mình trước anh em đồng trại và trước công chúng đã thúc đẩy lòng tự yêu bản thân mình của người đó. Người đó vất vả là vì nghệ thuật. Ngoài ra người đó biết rất rõ rằng mình là kẻ bị tất thảy mọi người ruồng bỏ, rằng nỗi sợ hãi mê muội đang đón gặp và theo đuổi người đó khắp nơi, và ta không thể nào đoan chắc rằng điều ấy không ảnh hưởng gì đến người đó, không làm gia tăng cơn giận dữ trong lòng và không thúc đẩy những xu hướng thú vật. Ngay đến trẻ con cũng biết rằng người đó đã "từ bỏ cả cha lẫn mẹ". Có điều lạ lùng là dù tôi đã có rất nhiều dịp được gặp mặt những kẻ hành hình, thì tất cả bọn họ đều là những người có đầu óc phát triển, có hiểu biết, có trí khôn và có lòng tự ái phi thường, thậm chí là tự hào nữa. Phải chăng lòng tự hào này trong lòng họ được phát triển là để cân bằng lại sự khinh bỉ mà mọi người vẫn dành cho họ; phải chăng lòng tự hào được thúc đẩy là nhờ ý thức

về nỗi sợ hãi của họ đối với nạn nhân, và nhờ tình cảm thống trị đối với nạn nhân, - những điều ấy tôi không biết được. Thậm chí ngay cả tính trang trọng và tính sân khấu trong cách mà họ thể hiện khi bước ra trước công chúng trên đoạn đầu đài cũng thúc đẩy sự phát triển trong lòng họ một chút thói kênh kiệu. Tôi còn nhớ một lần trong suốt một thời gian tôi thường được gặp và quan sát gần gặn một kẻ hành hình. Đó là một anh chàng tầm thước, có cơ bắp, người hơi gầy gò, trạc bốn mươi tuổi, khuôn mặt khá dễ gần và thông minh với mái tóc xoăn. Anh ta lúc nào cũng ra bộ quan trọng và bình tĩnh; bề ngoài có vẻ quí phái, trả lời ai bao giờ cũng ngắn gọn, có lý có lẽ và thậm chí là dịu dàng, nhưng hình như là thứ dịu dàng kênh kiệu, hình như anh ta có gì kiêu căng với tôi. Các sĩ quan tuần tra thường nói chuyện với anh ta ngay trước mặt tôi, thậm chí còn tỏ ra có đôi phần kính nể anh ấy. Anh ta ý thức được điều này và khi gặp thượng cấp vẫn cố tình gia tăng mức độ lịch thiệp, nghiêm nghị và lòng tự trọng. Thượng cấp càng tỏ ra mềm dịu bao nhiêu, thì anh ta lại càng tỏ ra cố chấp bấy nhiêu. Mặc dù anh ta đối xử hoàn toàn không phải là xuất phát từ mức độ lịch thiệp tinh tế nhất, nhưng tôi tin chắc rằng trong giờ phút đó anh ta đã đặt mình cao hơn vị thượng cấp đang trò chuyện với anh ta. Gương mặt anh lộ rõ điều đó. Thường có những chuyện thế này; đôi khi vào một ngày nắng gắt anh ta được sai đi cùng với một tên áp giải cầm một chiếc sào nhỏ và dài để xua đánh những con chó trong thị trấn. Thị trấn này có rất nhiều chó hoàn toàn vô chủ và phóng chạy với tốc độ phi thường. Trong những ngày học sinh nghỉ hè chúng trở nên nguy hiểm, nên theo lệnh chỉ huy kẻ hành hình phải được cử đi tiêu diệt. Nhưng ngay cả cái chức năng hèn mọn ấy rõ ràng là cũng không hề làm anh ta thấy hèn mọn. Muốn hiểu rõ điều đó cần phải nhìn thấy anh ta đi lại khắp các phố phường thị trấn với tinh thần trách nhiệm cao cả bên cạnh tên lính áp giải đã mệt nhoài và chỉ với vẻ bên ngoài của mình đã khiến đàn bà trẻ con sợ hãi, cần phải nhìn thấy anh ta bình thản và thậm chí là cao ngạo nhìn mọi người trước mặt. Tuy nhiên, kẻ hành hình thì phải sống thoải mái. Họ có tiền, ăn rất sang trọng và uống rượu. Tiền họ thu được qua nguồn đút lót. Kẻ bị can dân sự bị trừng phạt theo phán quyết tòa án thế nào cũng phải có lễ vật cho kẻ hành hình, dù là một cái gì đó sơ bộ từ trước, hoặc là khi ra khỏi tòa án. Nhưng đối với bọn dính án giầu có thì chính kẻ hành hình tự thu, tự định ra một khoản tiền tương ứng với khả năng tiền bạc của tù nhân. Với những bị can rất giàu thì họ lại càng mặc cả. Tất nhiên, kẻ hành hình không thể hành hạ quá nhẹ; nếu để lộ ra thì chính kẻ hành hình phải chịu trách nhiệm bằng chính cái lưng của mình. Nhưng để bù lại, với số tiền

đút lót đầy đặn kẻ hành hình hứa với nạn nhân là sẽ đánh không đau lắm. Hầu như bao giờ người ta cũng đồng thuận với đề xuất của kẻ hành hình, nếu không thì anh ta sẽ trừng phạt dã man, vì việc đó hoàn toàn nằm trong tay anh ta. Cũng có khi anh ta đòi hỏi một khoản tiền lớn thậm chí đối với một bị can rất nghèo, người nhà bị can phải chạy đôn chạy đáo, mặc cả lên xuống, kêu nài van xin, và thật bất hạnh nếu không làm anh ta thỏa mãn. Trong những trường hợp như thế thì chỉ có nỗi sợ hãi mê muội mới giúp được anh ấy. Người ta đã kể ra biết bao nhiêu chuyện dị thường về những kẻ hành hình! Thế nhưng chính anh em trại nhân lại làm tôi tin rằng kẻ hành hình chỉ ra một đòn là có thể giết chết phạm nhân. Nhưng, thứ nhất, điều ấy đã được thử nghiệm khi nào? Cũng có thể là như thế. Về điều này mọi người nói đến một cách rất chắc chắn. Chính bản thân kẻ hành hình cũng đoan chắc với tôi rằng hắn có thể làm được như vậy. Người ta nói rằng hắn có thể vung hết sải tay mà quất vào lưng bị can, nhưng quất thế nào mà không để lại một vết sẹo và phạm nhân không hề cảm thấy đau đớn. Về những trò vờ vịt và tinh xảo đó thì đã có rất nhiều chuyện nói đến. Nhưng thậm chí nếu như kẻ hành hình có nhận đút lót để trừng phạt nhẹ tay thì ngọn roi hay cây gậy đầu tiên vẫn cứ phải là thẳng cánh và hết sức mạnh. Đối với cả bọn hành hình điều đó đã thành thông lệ. Những đòn sau hắn sẽ nhẹ tay hơn, đặc biệt nếu như đã có đồng tiền đi trước với hắn. Nhưng đòn đầu tiên - dù có trả tiền cho hắn hay không - thì vẫn là ngón đòn của riêng hắn. Quả thật tôi không biết chúng làm như thế để làm gì? Phải chăng là để ngay lập tức dạy cho phạm nhân quen với những ngọn đòn sau theo cách tính toán rằng sau một đòn rất mạnh thì những đòn sau đó nhẹ hơn sẽ là không quá đau đớn, hoặc giả đây chỉ đơn giản là cách lên gân lên cốt đối với nạn nhân, tạo ra hoảng sợ, làm nạn nhân kinh ngạc ngay từ đòn đầu, để nạn nhân hiểu rằng người ra đòn là ai, tóm lại là tự khoe mình. Trong mọi trường hợp, trước khi trừng phạt, bao giờ kẻ hành hình cũng cảm thấy mình trong trạng thái tinh thần hưng phấn, cảm thấy mình có quyền lực, ý thức được rằng mình là chúa tể; trong giờ phút đó hắn là diễn viên; cả đám khán giả đều ngạc nhiên và kinh hoảng, và tất nhiên, hắn không phải là không thỏa mãn khi quát lên với con mồi trước lúc ra đòn đầu tiên: “Nằm im, tao quật đây này!” - đó là những lời bình thường mà nghiệt ngã trong trường hợp này. Thật khó có thể hình dung được là bản tính con người có thể bị bóp méo đi đến là dường nào.

Thời kỳ đầu ở bệnh viện tôi rất chăm chú lắng nghe tất cả những câu chuyện của tù nhân. Tất cả chúng tôi nằm đây đều thấy buồn chán kinh khủng. Ngày

nào cũng giống hệt như ngày nào mà thôi! Buổi sáng còn thấy vui vui khi bác sĩ đến thăm bệnh và chẳng bao lâu sau là đến bữa ăn. Thức ăn thì tuy rất đơn điệu, nhưng cũng làm khuây khỏa nhiều. Suất ăn thì khác nhau, được phân theo bệnh án của những người nằm đó. Có những người chỉ được một đĩa súp với một thứ bột gì đó, những người khác thì được toàn cháo, những người khác nữa thì lại được toàn cháo trân châu, là thứ mà rất nhiều người ham muốn. Những bệnh nhân nằm lâu thì sinh ra mềm yếu và ưa thích của ngọt. Những người khá khỏe và khỏe hẳn thì được một miếng thịt bò luộc, mà anh em vẫn gọi là “bò đực”. Suất hảo hạng là của bệnh nhân hoại huyết - thịt bò sào hành, sào củ cải vân vân... đôi khi còn có một ly rượu vodka nữa. Bánh mỳ cũng được chia theo bệnh án, gồm bánh mỳ đen hoặc nửa đen, được nướng rất nghiêm chỉnh. Tính hợp thức và tế nhị trong cách định danh suất ăn chỉ làm bệnh nhân buồn cười. Tất nhiên, có những thứ bệnh mà bệnh nhân chẳng ăn uống gì. Ngược lại, có những người bệnh luôn thấy ngon miệng và ăn tất cả những gì họ thích. Một số người trao đổi suất ăn cho nhau, thành ra suất ăn cho bệnh này lại chuyển sang cho loại bệnh hoàn toàn khác. Những người phải ăn suất ăn ít ỏi thì mua thêm thịt bò hoặc suất ăn của người hoại huyết, mua nước kvas và bia của những người có tiêu chuẩn. Có những người thậm chí ăn đến hai suất. Những suất này cũng được bán hoặc bán lại. Suất nào có thịt bò thì được bán giá khá cao: tới năm cô-pếch tiền giấy. Nếu phòng chúng tôi không có ai bán thì người ta nhờ bảo vệ sang phòng bên mua giúp, nếu bên ấy cũng không có thì sang phòng bệnh của lính, mà chúng tôi gọi là phòng bệnh “tự do”. Những người muốn bán bao giờ cũng có. Những người này chỉ ăn bánh mỳ suông, nhưng ngược lại, họ kiếm ra tiền. Tất nhiên, nghèo đói là thứ bệnh chung, nhưng người nào rủng rỉnh mấy xu thì lại nhờ người ra chợ mua thêm bánh ca-lát[111], thậm chí mấy thứ đồ ngọt v.v... Lính bảo vệ của chúng tôi thực hiện những yêu cầu ủy nhiệm đó hết sức vô tư. Thời gian sau bữa ăn là buồn chán nhất, có người chẳng có việc gì làm thì đi ngủ, có người ngồi tán dóc, có người cãi nhau, có người kể oang oang một câu chuyện gì đó. Nếu không có bệnh nhân mới được dẫn đến thì lại buồn chán hơn nữa. Bệnh nhân mới đến hầu như bao giờ cũng gây ra một ấn tượng gì đó, đặc biệt nếu anh ta chẳng quen biết ai. Mọi người so đo nhìn anh ta, gắng tìm hiểu xem anh ta là ai, đến đây như thế nào, đến từ đâu và vì cơn cớ gì. Trong trường hợp này thì đáng quan tâm nhất là những người bị chuyển viện: những người này cũng có kể lại đôi điều, nhưng không phải là những chuyện riêng tư bí ẩn; về những chuyện này, nếu anh ta không tự nói ra thì cũng không bao giờ có ai xăm

xoi, mà chỉ hỏi đại khái như: anh từ đâu đến? ai đưa đi? đi đường nào? rồi sẽ đi đâu? v.v... Có những người thoáng nghe câu chuyện mới, lập tức tựa hồ nhớ ra một chuyện gì đó trong những chuyện của riêng mình: những lần chuyển viện, những đoàn phạm nhân, những tên thừa hành nhiệm vụ và những tên chỉ huy trong đoàn. Những phạm nhân bị quất roi liễu cũng thường đến vào giờ chiều này. Bao giờ họ cũng gây ra ấn tượng khá mạnh, tuy nhiên, điều này tôi cũng đã nhắc đến rồi; nhưng những phạm nhân này không phải ngày nào cũng có đến, và vào những ngày không có họ chúng tôi cảm thấy não nuột bâng khuâng, dường như các gương mặt nơi đây đều đã chán nhau đến tận mang tai, và thậm chí đã bắt đầu cãi lộn với nhau. Chúng tôi ở đây nhiều khi còn thấy vui vui vì có những người điên dại được gửi tới để thử nghiệm. Những kẻ can án vẫn thỉnh thoảng dùng thủ đoạn giả điên để khỏi bị trừng phạt. Một số người có ý đồ đó thì nhanh chóng bị phanh phui, hoặc nói đúng hơn, họ đã tự liều mạng để thay đổi chiến lược hành động của mình, và khi quả cảm liều thân hai ba ngày thì sau đó chẳng còn duyên cớ gì cả, họ bỗng dưng trở nên thông minh, dịu lại và bắt đầu với vẻ thiểu não cầu xin ra viện. Tất cả các bệnh nhân và bác sĩ đều không ai nhắc đến chuyện cũ và cũng không làm họ xấu mặt, khi nhắc đến những trò kia; mọi người lặng lẽ cho xuất viện, lặng lẽ tiễn chân họ, và chỉ hai ba ngày sau họ lại nhập viện sau một trận đòn. Nói chung, những trường hợp như thế là hiếm. Nhưng những người điên thật, được đưa đến để thử nghiệm thì đúng là đợt Chúa Trời trừng phạt phòng bệnh chúng tôi. Một số người điên thì vui vẻ, hoạt động, họ la hét, múa may, ca hát. Anh em đón tiếp họ ban đầu còn có vẻ hào hứng. “Vui quá đi!” - anh em nói với nhau khi nhìn cái anh chàng õng ẹo vừa mới bước vào. Còn tôi thì thấy thật nặng nề và đau lòng nhìn những người bất hạnh ấy. Tôi chưa bao giờ thấy nguội lạnh trong lòng khi thấy người điên.

Thế nhưng, chẳng bao lâu sau, những trò bất an và ưỡn ẹo của người điên vừa được đưa đến và được đón nhận bằng những tiếng cười trào lộng đã khiến tất cả chúng tôi chán ớn và chỉ vài ngày sau chúng tôi đã hoàn toàn không chịu đựng được nữa. Một anh chàng điên được lưu ở phòng chúng tôi đến khoảng ba tuần, chúng tôi chỉ muốn chạy khỏi phòng mà thôi. Thế mà, cứ như là cố tình, đúng lúc đó người ta lại mang đến một anh chàng điên nữa. Anh chàng này gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt. Chuyện này xảy ra vào năm khổ sai thứ ba của tôi. Vào năm đầu tiên, hay nói đúng hơn, vào tháng đầu tiên trong cuộc đời khổ sai, vào mùa xuân, tôi đi cùng nhóm tù đến làm việc tại một nhà máy gạch cách đấy hai véc-sta, cùng với mấy thợ lò và một anh bốc vác. Công việc là phải sửa chữa

lò để nung gạch vào mùa hè tới. Buổi sáng hôm đó tại nhà máy các anh M. và B. đã giới thiệu cho tôi làm quen với ông hạ sĩ quản giáo ở đó tên là Ostrozhski. Đó là một ông già Ba Lan tuổi chừng sáu mươi người cao ráo, mảnh khảnh, mặt mũi sáng sủa, thậm chí vẻ bề ngoài còn đĩnh đạc nữa. Ông ta làm việc ở Sibir này đã từ rất lâu. Mặc dù xuất thân là thường dân, đã đến đây làm lính trơn từ năm ba mươi, nhưng M. và B. rất yêu mến và kính trọng ông. Suốt ngày ông ngồi đọc kinh thánh. Tôi đã nói chuyện với ông, ông ăn nói thật nhẹ nhàng, thông minh, kể chuyện có duyên, nhìn nhận mọi việc thật rộng lượng và thẳng thắn. Từ đó đã hai năm tôi không gặp ông, tôi chỉ nghe nói, không hiểu vì chuyện gì mà ông bị theo dõi, rồi đột nhiên người ta đưa ông đến phòng tôi với tư cách là bệnh nhân điên. Lúc vào phòng ông gầm rít lên, cười hô hố, rồi với những động tác rất tục tĩu và lố lăng ông cứ nhảy múa trong phòng. Anh em tù sướng lắm, nhưng tôi thì buồn vô hạn... Ba ngày sau thì chúng tôi đều không biết trốn đi đâu cho thoát. Ông ta cãi nhau, đánh nhau, gào thét, ca hát thậm chí cả vào ban đêm, chốc chốc lại có những hành động ghê tởm, khiến mọi người buồn nôn. Ông ta chẳng sợ ai cả. Người ta mặc cho ông ấy chiếc áo dùng cho người sốt cao, nhưng vì chiếc áo ấy chúng tôi lại càng khổ hơn, mặc dù không có áo ông ấy cũng đã hay gây sự cãi nhau và xuống giường đánh nhau gần như không chừa một ai. Trong suốt ba tuần thỉnh thoảng cả phòng chúng tôi lại đồng thanh kêu ầm lên đòi bác sĩ trưởng chuyển ông ta sang phòng khác. Khoảng hai ngày sau bên ấy lại đòi chuyển ông ta về phòng chúng tôi. Có lần phòng chúng tôi cùng một lúc có hai người điên, rất ồn ào và hay gây gổ nên hai phòng cứ phải luân phiên nhau đổi người điên. Nhưng cả hai phòng đều thấy ngày một tệ hơn. Cuối cùng, mãi đến khi người ta chuyển họ đi đâu không biết thì chúng tôi mới thở phào thoải mái.

Tôi cũng còn nhớ một người điên kỳ lạ khác nữa. Một bữa mùa hè người ta dẫn đến một bị can, một người chừng bốn lăm tuổi, dáng còn trẻ trung, vạm vỡ, khỏe mạnh, mặt rỗ hoa xấu xí. Đôi mắt nhỏ đỏ ngầu lấp lánh, vẻ mặt hết sức cau có, thiểu não. Anh ta được bố trí nằm cạnh tôi. Thực ra anh là người rất hiền hậu, không nói chuyện với ai và thường ngồi yên như ngẫm ngợi chuyện gì. Trời sẩm tối, bỗng nhiên anh ta quay sang tôi rồi bắt đầu kể cho tôi nghe một cách thẳng thắn, không có vòng vo rào đón gì hết, nhưng với vẻ mặt như đang thông báo cho tôi một điều bí mật cực kỳ, rằng mấy hôm nữa anh sẽ bị hai nghìn roi, nhưng bây giờ thì chưa, vì con gái viên đại tá G. đang lo chạy chọt cho anh. Tôi nhìn anh ta, không hiểu được, và trả lời rằng tôi nghĩ trong trường hợp đó cô ấy cũng không thể làm gì được. Tôi cũng chưa đoán ra sự thể đầu đuôi; người ta

dẫn anh ta đến đây hoàn toàn không như người điên, mà chỉ là bệnh nhân bình thường thôi. Tôi hỏi rằng anh đau bệnh gì? Anh đáp rằng anh cũng không biết người ta đưa anh vào đây làm gì, nhưng nói rằng anh hoàn toàn khỏe mạnh, nhưng vì cô con gái tên đại tá yêu anh say đắm, rằng hai tuần trước đây đã có lần cô ấy đi ngang qua chỗ lính gác, đúng lúc ấy anh cũng từ trong lỗ chấn song nhìn ra. Vừa nhìn thấy anh, cô ấy lại dậy máu yêu đương. Từ bữa đó, dưới nhiều dạng khác nhau cô ấy đã ba lần xuất hiện ở chỗ trạm gác, lần thứ nhất đi cùng với bố đến chỗ anh trai cũng là sĩ quan lúc ấy đang đi tuần ở chỗ chúng tôi, lần thứ hai đi cùng với mẹ đến phát chẩn, và lúc bước ngang qua, cô ấy đã thì thầm rằng cô ấy yêu anh và sẽ cứu anh. Điều lạ lùng là anh đã kể cho tôi nghe toàn bộ câu chuyện viển vông ấy với những chi tiết thật tế nhị, mà rõ ràng toàn bộ câu chuyện được nảy sinh trong cái đầu hỗn loạn và nghèo nàn của anh. Anh đã tin một cách thánh thiện rằng anh sẽ thoát được cực hình. Về việc cô tiểu thư mê mẩn đắm say anh anh đã nói thật bình tĩnh và khẳng định, mặc dù câu chuyện là hết sức viển vông, nhưng ai cũng thấy thật lạ lùng khi được nghe một chuyện tình lãng mạn về cô gái đắm say con người ngót năm mươi tuổi có bộ mặt rầu rĩ, bi ai và dị dạng. Điều kỳ lạ là nỗi khiếp sợ cực hình đã làm nảy sinh câu chuyện hay đến như thế đối với một kẻ rụt rè. Có lẽ anh ta đã nhìn thấy thật sự một người nào đó qua ô cửa sổ, và cái chứng điên dại nhen nhóm trong anh cứ lớn lên từng ngày, nay bỗng tìm được đường ra, đã ăn nhập vào hình bóng ấy. Người lính bất hạnh này, con người mà dường như suốt đời chưa được một lần mơ đến các nàng tiểu thư quí tộc, nay bỗng nghĩ ra cả một thiên tiểu thuyết, khi trực giác của mình vớ được cọng rơm khô. Tôi đã im lặng ngồi nghe và đã thông báo cho các bạn tù khác về anh. Nhưng khi các bạn hỏi đến thì anh ta lại khôn ngoan im lặng. Ngày hôm sau bác sĩ hỏi anh hồi lâu, nhưng vì anh nói anh chẳng ốm đau gì hết, và theo kết quả khám nghiệm thì anh đúng là không bệnh, nên người ta cho anh xuất viện. Nhưng khi các bác sĩ bước ra khỏi phòng, chúng tôi thấy trong giấy xuất viện của anh có ghi chữ *sanat*[112], nên không thể nói được đó là chuyện gì. Bản thân chúng tôi khi đó cũng không đoán được sự việc chủ yếu là gì. Tuy nhiên toàn bộ vấn đề vẫn là ở chỗ bọn chỉ huy gửi anh ta đến đây đã mắc sai lầm khi không giải thích lý do vì sao gửi đến. Có thể đó là một sự cẩu thả. Cũng có thể những người gửi anh đến cũng chỉ mập mờ đoán ra và cũng không hoàn toàn tin rằng anh bị điên thật, họ cũng chỉ hành động theo những tin đồn lơ mơ và cũng chỉ gửi đi để thử nghiệm mà thôi. Dù thế nào đi nữa thì cũng chỉ hai ngày sau là kẻ bất hạnh bị đưa ra trừng phạt. Có lẽ điều ấy quá bất

ngờ khiến anh ta rất đỗi kinh ngạc; anh không tin rằng người ta trừng phạt được anh, cho đến tận phút cuối cùng, khi anh bị dẫn đi dọc theo hai hàng roi thì anh mới kêu lên “Cứu tôi với!”. Sau trận đòn, bệnh viện không xếp anh vào phòng chúng tôi nữa vì không còn giường, mà đưa anh sang phòng khác. Tôi có hỏi thăm về anh và được biết rằng suốt tám ngày ấy anh không nói câu nào với ai, lúc nào cũng cau có và hết sức ủ dột... Sau đó, khi cái lưng anh lên da non, người ta đưa anh đi đâu mất. Đến đây tôi không nghe thêm được chuyện gì về anh ta nữa.

Nói chung, về chuyện chữa trị và thuốc men thì, theo như tôi nhận thấy, những người bệnh nhẹ hầu hết là không thực hiện những chỉ định và không chịu uống thuốc, còn những người bệnh nặng và những người ốm thật sự thì lại rất thích được chữa trị, rất nghiêm túc khi uống các loại thuốc nước và thuốc bột, nhưng họ thích nhất là các loại thuốc dùng bên ngoài. Các loại bầu giác, đỉa hút, cao dán, thông máu vốn được dân gian ưa chuộng, thì ở đây cũng rất được yêu thích và vồ vập. Có một chuyện lạ lùng khiến tôi quan tâm. Chính những con người đã quen nhẫn nhịn và chịu đựng những đòn roi gậy đau đớn kinh hoàng, thì lại nhiều lúc kêu ca, quằn quại và thậm chí rên la vì bị giác hơi. Họ có làm mình làm mẩy quá không hay chỉ là những người thích tỏ ra ta đây, - tôi không biết giải thích thế nào. Quả thật, những bầu giác ở đây rất đặc biệt. Cái thứ thiết bị đưa thuốc vèo qua da đã bị viên y sĩ bỏ quên hoặc đánh hỏng từ đời tám hoánh nào không biết, hoặc là chính nó bị hỏng, vì thế viên y sĩ buộc phải dùng dao chích để cứa lên da. Cứ mỗi bầu giác phải cứa chừng mười hai nhát. Thiết bị giác thì không làm đau. Nếu mười hai con dao con cùng cứa một lúc trong một giây thôi thì cũng không thấy đau đớn. Nhưng cứa bằng dao chích là chuyện khác. Dao chích cứa tương đối chậm, nghe được vết cứa. Chẳng hạn, nếu dùng mười bầu giác thì phải cứa một trăm hai mươi nhát, nếu cộng lại sẽ thấy đau lắm. Tôi cũng qua cảnh đó rồi, nhưng dù bị đau đớn và bực dọc, cũng vẫn có thể cố nhịn và cố không rên. Đôi khi thật buồn cười khi nhìn một người khỏe như voi mà co dúm người lại, vãi cả nước mắt. Nói chung thì chuyện này có thể so được với chuyện là có một người cứng cỏi, thậm chí là bình tĩnh trong những chuyện hệ trọng, nhưng ở nhà thì lại rầu rĩ và đỏng đảnh, khi chẳng biết làm việc gì, không chịu ăn những thứ bày ra, luôn mồm chửi bới, mắng mỏ, cái gì cũng không bằng lòng, cái gì cũng khó chịu, làm như mọi người đều thô bạo, đều làm khổ anh ta - tóm lại đó là chứng dửng mỡ hóa rồ, đôi khi người ta vẫn nói thế đối với các ông bà quí phái, nhưng lại rơi vào cảnh bình dân; còn ở trong trại chúng

tôi, trong cảnh sống chung hỗn độn thì những người ấy nhiều lắm. Nhiều khi trong phòng bệnh, chúng tôi hay trêu chọc một người có thói làm bộ. Nói chung, anh ta không bỏ qua một trường hợp nào để không dính vào chuyện người khác. Đó chính là khoái cảm, là nhu cầu, chắc hẳn là do bệnh tật, phần nào đó cũng là do đầu óc thiển cận. Đầu tiên anh ta nhìn nhận vấn đề cũng nghiêm túc và chăm chú, nhưng sau đó lại dùng cái giọng bình thản và kiên định mà lên lớp người khác. Chuyện gì anh ta cũng động đến, tựa hồ anh ta được cắm vào chỗ chúng tôi để theo dõi trật tự và mọi hành vi đạo đức.

- Chuyện gì cũng biết, - anh em tù nhân vẫn thường cười vui. Tuy thế, mọi người vẫn tha thứ và vẫn tránh không cự nự với anh ta, đôi lúc chỉ cười đùa thế thôi.

- Khiếp, anh ta nói suốt từ nãy đến giờ! Thiên hô bát sát.

- Chuyện gì mà nhiều thế? Gặp người ngu không cần ngả mũ, ai chả biết thế. Việc gì mà anh ta phải kêu ca cái dao chích? Muốn khỏi bệnh thì phải chịu thuốc đắng, nghĩa là phải chấp nhận thôi.

- Nếu như là anh thì còn nói làm gì?

- Không phải đâu, các anh em ạ, - một trong số tù nhân ngắt lời, - mặt mũi chúng nó không nói làm gì, tôi đã phải chịu đựng rồi; còn ở đây không có cái gì đau hơn là khi anh bị chúng nó beo tai ra mãi.

Mọi người cười rũ.

- Anh bị beo thật à?

- Anh tưởng là không hả? Mọi người biết cả đấy, beo thật chứ lị.

- Chỉ tại đôi tai anh ngỏng cao quá thôi.

Quả thật là cái anh chàng tù nhân Shapkin có đôi tai quá dài, chĩa thẳng sang hai bên. Anh thuộc số người lang thang giang hồ, anh còn trẻ, năng nổ và trầm tĩnh, khi nói bao giờ cũng có giọng nghiêm túc pha với hài hước, khiến những câu chuyện của anh có nhiều nét hài kịch.

- Vì sao tôi lại phải nghĩ rằng anh bị beo tai? Mà làm sao tôi lại nghĩ ra được điều ấy, hả anh chàng bướng bỉnh này? - Ustiantsev lại tham gia vào câu chuyện, anh bực bội hướng về phía Shapkin, tuy nhiên, anh ta hoàn toàn không phải nói với Shapkin, mà là với cả mọi người, nhưng Shapkin thậm chí cũng chẳng nhìn Ustiantsev.

- Còn anh thì ai beo tai?

- Ai à? Các anh biết thừa là ai rồi còn gì, cái thằng cha quản huấn ấy. Các anh em ạ, nó beo tai vì tội mình lang thang. Hồi ấy chúng tôi đến K., chúng tôi có hai người, tôi và một anh nữa, cũng dân lang bạt kỳ hồ tên là Efim, chẳng có biệt danh gì. Trên đường đi chúng tôi nghỉ lại nhà một bác nông dân ở làng Tolmina. Có một cái làng như thế thật, làng Tolmina. Chúng tôi bước vào, nhìn quanh: được sống thoải mái ở đây cũng hay đấy, bao giờ chán thì trốn. Ở nơi đồng áng này thì bốn phương gió lộng, còn ở thành phố thì rùng rợn lắm - điều ấy ai chẳng biết. Thoạt đầu chúng tôi vào một quán rượu nhỏ, nhìn quanh. Bước ra chỗ chúng tôi là một người da sạm đen, khuỷu tay sầy trớt, mặc áo dài kiểu Đức. Đại loại là thế.

- Đằng ấy thế nào, - ông ta nói, - xin cho phép được hỏi, giấy tờ của các đằng ấy thế nào?[113]

- Không, - chúng tôi nói, - chúng tôi chẳng có giấy tờ gì cả.

- Vậy à. Đằng này cũng không có. Thế là đằng này có thêm hai quý ngài đồng cảnh rồi, - ông ta nói, - cũng là hầu hạ tướng Kukushkin (Cu Cu đây)[114]. Vậy đằng này xin có điều muốn nói, đằng này vừa nhậu một trận, tiền đã cạn. Các đằng ấy làm ơn cho anh em đằng này một chai cay cay, được chứ.

- Vô tư đi, - chúng tôi nói. Thế là chúng tôi uống một trận. Sau đó bọn họ chỉ cho chúng tôi việc thanh toán bàn ăn, tức là phần việc của chúng tôi. Ngôi nhà này nằm ở ngoại vi thị trấn, chủ nhân là tiểu thương giầu có, tiền bạc như nước, ban đêm vẫn có nhiều người thăm viếng. Lúc chúng tôi ở trong nhà ông chủ giàu có thì ngay đêm đó cả năm người chúng tôi bị bắt. Họ mang chúng tôi về một đơn vị, rồi sau đó đến chỗ tên quản huấn. Hắn bảo hắn sẽ hỏi cung bọn tôi. Hắn bước ra, miệng ngậm tẩu, có một tên mang tách trà đi theo sau, hắn người khỏe mạnh, để râu quai nón, ra đến nơi liền ngồi xuống ghế. Trong phòng, ngoài chúng tôi còn có ba người nữa được dẫn vào, cũng là dân giang hồ cả. Anh em ạ, cái dân giang hồ đến là lạ: này nhé, chẳng nhớ gì cả, dù có dùi vào đầu cũng cứ không nhớ, chẳng biết gì cả. Tên quản huấn nói vào mặt tôi: “Mày là thế nào?” Hắn gầm lên như đánh trống vào tai. Các bạn biết đấy, tôi cũng nói như mọi người: tôi chẳng nhớ gì cả đâu, thưa ngài, tôi quên hết rồi.

- Đợi đấy, - hắn nói, - tao sẽ còn nói chuyện với mày, cái mặt mày tao còn lạ gì, - rồi hắn giương mắt nhìn tôi. Thế mà từ xưa đến nay tôi có bao giờ thấy mặt hắn đâu. Rồi hắn lại hỏi người khác: - Mày là ai?

- Bẩm ngài, con là Makhni-*dralo*[115].

- Mày tên là Makhni-dralo thật à?

- Bẩm ngài, đúng ạ.

- Thôi được, mày là Makhni-dralo. Còn thằng này tên gì? - hắn quay sang người thứ ba.

- Bẩm ngài, con theo anh này.

- Tao hỏi mày tên là gì kia mà?

- Con cũng tên thế. Con theo anh ta, thưa ngài.

- Thằng đểu giả nào đặt tên cho mày như vậy?

- Những người tốt đặt đấy ạ. Bẩm ngài. Ngài cũng biết đấy, trên đời này không thiếu người tốt.

- Thế những người tốt ấy là những ai?

- Bẩm ngài, con nhớ kém lắm. Xin ngài rộng lòng tha cho con.

- Mày quên tất cả mọi người à?

- Bẩm ngài, con quên tất cả thật ạ.

- Thế mày cũng có bố có mẹ đấy chứ?... Mày có nhớ bố mẹ không?

- Bẩm ngài, cũng phải nói là có chứ ạ, nhưng mà con nhớ kém lắm, có thể là cũng có đấy ạ, bẩm ngài.

- Thế trước đây mày sống ở đâu?

- Con ở trong rừng, bẩm ngài.

- Lúc nào cũng ở trong rừng?

- Vâng ạ, lúc nào cũng thế.

- Thế mùa đông thì sao?

- Con chả thấy mùa đông bao giờ, bẩm ngài.

- Mày nói lạ nhỉ. Thế mày tên là gì?

- Con là Đầu Rìu, bẩm ngài.

- Thế thằng này, tên gì?

- Con là Mài Dao Không Ngáp, bẩm ngài.

- Còn thằng này nữa?

- Con là Chắc Là Mài Dao, bẩm ngài.

- Chúng mày không nhớ gì cả à?

- Chúng con không nhớ gì cả thật, bẩm ngài.

Hắn đứng đấy, cười thành tiếng, và cả bọn lang thang cũng nhìn hắn mà cười diễu cợt. Thế mà đến lần khác gặp hắn, lại không biết gì cả. Còn cái đám người này thì bao giờ cũng to cao, lực lưỡng, mỡ màng ra phết.

- Đưa bọn này về trại, - hắn nói, - tao sẽ nói chuyện với chúng sau. - Còn thằng này ở lại đây, - tức là hắn nói với tôi. - Lại đây, ngồi xuống! - Tôi nhìn sang: cái bàn, tờ giấy, cây bút. Tôi nghĩ: “Nó bắt mình làm gì đây?” Hắn nói: “Ngồi xuống ghế, cầm lấy bút, viết - còn chính hắn thì túm lấy tai tôi mà beo. Tôi nhìn hắn như con quỷ nhìn đức cha. Tôi bảo “Bẩm ngài, con không biết viết”.

- Phải viết!

- Xin ngài gia ân, lạy ngài!

- Phải viết, biết chữ nào, viết chữ nấy! - Còn hắn thì cứ kéo tai tôi mãi, kéo mãi không thôi, rồi lại còn kéo xoáy nữa chứ! Các anh em của tôi ơi! Tôi xin thưa rằng, thà hắn đánh tôi ba trăm roi còn hơn, đằng này mắt tôi nổ ra đom đóm. Còn hắn chỉ quát một câu “Viết đi!”.

- Cái thằng ấy hóa dại à?

- Không, hắn không hóa dại đâu. Ở trại T. có một tên thư lại mới đây bỏ việc: anh ta cuỗm tiền của trại rồi bỏ trốn, cũng có hai cái tai vểnh ra. Người ta thông báo đi khắp nơi. Mà tôi thì lại có dấu hiệu giống như thế, vậy là hắn tra tấn tôi, xem tôi có biết viết không và viết thế nào.

- À ra thế, khổ thân cậu! Mà bị beo có đau không?

- Tôi đã bảo là đau mà.

Mọi người được một mẻ cười.

- Thế cậu có viết không?

- Viết cái gì được? Tôi cầm bút ngoáy ngoáy trên giấy, hắn vứt đi liền. Rồi hắn tát tôi đến một chục cái chứ không ít, sau lại tống tôi về trại.

- Nhưng mà cậu có biết viết không?

- Trước kia thì có, nhưng cứ cầm bút lên viết thì lại quên hết...

Đôi khi những quãng thời gian buồn tẻ của chúng tôi trôi đi trong những câu chuyện như thế, nói cho đúng hơn, trong những chuyện tào lao như thế. Lạy Chúa! Làm sao lại có nỗi buồn chán đến vậy nhỉ! Ngày thì dài lê thê và ngột ngạt, ngày hôm nay giống hệt hôm qua. Giá có một quyển sách gì đó thì hay biết mấy! Thế nhưng, đặc biệt là vào những ngày đầu tôi lại thường phải đi nằm viện, đôi khi vì ốm thật, đôi lúc chỉ là đi nằm chơi, đi cho thoát khỏi nhà trại. Ở đó thật là nặng nề, còn nặng nề hơn ở đây, nặng nề hơn về mặt đạo đức. Những

sự giận dữ, thù địch, chành chọe, tị hiềm, những vụ cà khịa liên tục đối với chúng tôi, những người quý phái, những bộ mặt dữ tợn, hăm dọa! Còn ở trong bệnh viện này mọi người được sống với nhau bằng vai phải lứa hơn, có tình bằng hữu hơn. Lúc buồn chán nhất trong suốt một ngày là lúc chiều tối, lúc thắp nến và lúc đêm về. Mọi người đi ngủ sớm. Ngọn đèn đêm mờ mờ như một chấm sáng phía xa cạnh cửa ra vào, còn bên chúng tôi thì tối mù mịt. Bây giờ mới là lúc thê lương, ngột ngạt. Có người không ngủ được, đành ngồi dậy trên giường đến một tiếng rưỡi đồng hồ, kê mũ tựa đầu như nghĩ chuyện gì. Bạn hãy nhìn anh ta suốt hàng giờ liền và cố đoán xem anh ấy nghĩ gì, để chính mình cũng phải giết thời gian. Nếu không thì bạn cũng lại mơ ước, lại hồi cố chuyện xưa, lại vẽ ra những khung trời rộng lớn và rực rỡ trong trí tưởng, lại nhớ đến những chi tiết, mà những lúc khác thì không nhớ đến được và không cảm nhận được như phút này đây. Nếu không thì bạn lại ngồi phán đoán tương lai: làm cách nào đào thoát khỏi trại? Đi đâu? Bao giờ thì thoát? Liệu có khi nào về lại cố hương không? Bạn cứ nghĩ mãi, nghĩ mãi, và niềm hy vọng lại cục cựa trong nẻo tâm hồn... Nếu không thì lại có lúc bạn nằm đếm nhẩm: một, hai, ba v.v... để mong ngủ vùi trong lúc mải đếm. Có những lúc tôi đếm đến ba ngàn rồi mà chưa chợp mắt. Rồi thấy có người trở mình. Ustiantsev lại cất những tiếng ho mục rữa của bệnh lao phổi, rồi sau đó rên lên khe khẽ, mỗi lần như thế lại cất tiếng than “Lạy Chúa, con là kẻ có tội!” Thật lạ lùng khi nghe thấy cái giọng ốm yếu, khục khặc và rên rỉ ấy giữa đêm trường tịch mịch. Ở một đôi nơi trong góc cũng có những người không ngủ và cứ nói chuyện, giường nọ nói sang giường kia. Một người kể chuyện gì đó về quá khứ của mình, về thời lang thang đã qua đi xa xưa, kể về các con, về cô vợ, về những lề thói xưa cũ. Chỉ nhờ những tiếng thì thào văng vẳng ấy mà cảm nhận được rằng tất cả những gì anh ta đang kể chẳng bao giờ quay lại được với anh ta, còn chính anh ta, người kể chuyện, là một phần bị cắt rời ra; người khác vẫn đang nghe. Chỉ thấy những tiếng thì thào, đều đặn, giống như tiếng suối róc rách đâu đó xa lắm... Tôi còn nhớ một lần, vào một đêm đông dằng dặc tôi nghe được một câu chuyện. Thoạt đầu câu chuyện như một giấc mơ nóng hổi, tựa hồ tôi lên cơn sốt và tôi đã mơ thấy tất cả trong cái nóng sốt hầm hập và trong cơn mê sảng...

IV

NGƯỜI CHỒNG CỦA AKULKA

Chuyện kể

Đêm ấy đã khuya, quãng mười hai giờ. Tôi đã định ngủ, nhưng lại thức ngay. Ánh đèn đêm leo lét phía xa soi căn phòng mờ mờ... Hầu như mọi người đã ngủ cả. Thậm chí Ustiantsev cũng ngủ. Trong cảnh tĩnh mịch có thể nghe thấy tiếng anh ta thở nặng nhọc, tiếng đờm rãi khò khè trong cổ họng theo mỗi nhịp phổi. Phía xa, ở phòng ngoài bỗng có tiếng bước chân nặng nề của kíp đi tuần. Có tiếng báng súng đặt xuống nền đất. Cửa phòng mở ra, tên binh nhất bước vào nhẩm đếm bệnh nhân. Một phút sau phòng bệnh được khóa lại, lại có một tên gác mới, bọn tuần tra đi xa, mọi thứ lại im lìm như cũ. Đúng lúc ấy tôi để ý thấy rằng bên trái tôi có hai người không ngủ và đang thì thầm chuyện gì. Trong các phòng bệnh thường xảy ra một điều thế này: đôi khi suốt bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng có người này nằm cạnh người kia mà không bao giờ nói với nhau một câu, thế mà bỗng nhiên có dịp nào đó là trò chuyện với nhau vào lúc đêm khuya khắc khoải, và người này bắt đầu thổ lộ với người kia toàn bộ quá khứ của mình.

Hai người này rõ ràng là đã nói chuyện với nhau từ lâu. Tôi không biết họ bắt đầu từ lúc nào, vả lại bây giờ tôi cũng không nghe hết được mọi điều, nhưng dần dà tôi cũng quen và bắt đầu hiểu ra. Tôi không ngủ được, vì thế nếu không nghe thì biết làm gì? Một người nửa nằm nửa ngồi, nghển cả đầu, quay cả cổ sang phía bạn mà kể sôi nổi. Chắc hẳn anh này đang cơn hứng khởi và xúc động nên muốn kể lắm. Người nghe thì ngồi ủ rũ và hoàn toàn thờ ơ, chân duỗi dài theo giường, thỉnh thoảng mới e hèm đáp lại, ra dấu vẫn tham gia vào câu chuyện của người kể, nhưng dường như để tỏ ra lịch sự nhiều hơn là thực sự tham gia, thỉnh thoảng lại lấy một nhúm thuốc lá trong cái ve sừng đút vào lỗ mũi. Đó là anh lính bị cải huấn Cherevin, tuổi độ năm mươi, một người thông thái rởm cau có, một nhà lý sự cùn lạnh lùng và một kẻ ngu đần tự mãn. Người kể chuyện là Shishkov còn trẻ, tuổi chưa đến ba mươi, là tù dân sự, làm khổ sai bên phòng

chỉnh trang. Từ trước tới đó tôi ít chú ý đến anh, mà sau này trong suốt thời kỳ tôi ở trại không hiểu sao tôi cũng không để tâm đến anh lắm. Đó con người trống rỗng và đồng bóng. Đôi lúc anh ta im lặng, sống ủ dột, đối xử thô bạo, hàng tuần liền không nói năng gì. Đôi khi lại xía vào một chuyện gì đó, đưa đẩy chuyện trò, chuyện không đâu cũng sinh sự, đi hết lán này sang lán khác, kháo chuyện lung tung, nói năng không biết kiềm chế. Bị người khác đánh là anh lại im hơi lặng tiếng. Đúng là một anh chàng nhát gan và mau nước mắt. Mọi người dường như khinh bỉ anh. Anh ta người không cao, gầy yếu, đôi mắt có vẻ nhiều lo âu, có khi lại dường như trầm ngâm quẫn trí. Cũng đôi lúc anh đem chuyện ra kể: anh mở đầu thật nhiệt thành, sôi nổi, thậm chí vung cả hai tay, nhưng rồi đột nhiên anh dừng lại hoặc chuyển sang chuyện khác, mải chạy theo những tình tiết mới, mà quên lúc đầu nói gì. Anh thường hay chửi bậy, và chắc hẳn khi chửi anh có ám chỉ một người làm một việc gì đó, có lỗi lầm gì đó với anh, khi đó anh nói thật xúc động, có lúc suýt khóc... Anh chơi đàn *balalaika* không tồi, đến những ngày lễ hội anh còn nhảy múa, khi bị bắt ép phải nhảy thì anh nhảy đẹp lắm... Anh có thể rất dễ bị người khác bắt ép làm việc này việc nọ. Anh không phải loại người bảo sao nghe vậy, mà muốn chơi với nhau thành bạn và chiều nhau như bạn.

Từ nãy đến giờ tôi chưa có thể đi sâu vào câu chuyện mà anh đem kể. Ngay từ đầu tôi cứ tưởng rằng anh luôn luôn đi lạc chủ đề và sa đà vào những chuyện ngoài lề. Có lẽ anh không để ý thấy rằng Cherevin hầu như chẳng quan tâm gì đến câu chuyện của anh, nhưng lại muốn cố tình khẳng định rằng mình toàn tâm lắng nghe, và có thể anh bạn sẽ rất đau lòng nếu mình thể hiện ngược lại.

- ...cũng có lần ông ta ra chợ, - anh kể tiếp, - mọi người cúi đầu chào ông, tóm lại, ông là người giàu có.

- Thế anh bảo ông ta có buôn bán gì không?

- Có chứ. Nhưng buôn bán ở đây với chúng tôi thì cũng nghèo thôi. Ở đây toàn dân xác xơ cả. Mấy bà mụ ra bờ sông gánh nước lên vườn tưới rau, mà đến mùa thu cũng không đủ rau nấu súp. Nghèo lắm, nghèo lắm. Nhưng ông ta có một mảnh đất khai khẩn lớn, thuê người trồng trọt, nuôi được ba nhân công, hơn thế nữa, lại có vườn nuôi ong, buôn bán cả mật ong lẫn gia súc, vì thế ở đây ông được kính nể. Ông đã già lắm rồi, bảy mươi tuổi, xương khớp nặng nề, tóc bạc trắng. Ông mặc cái áo bông lông cáo ra chợ thì ai cũng kính cẩn chào hỏi. Có nghĩa là người ta thông cảm, yêu mến. “Xin chào ông Ankudim Trofimych!” - “Không dám, xin chào!” ông nói. Có nghĩa là ông không khinh thường ai. “Xin chào ông Ankudim Trofimych! Chúc ông sống thật lâu nhé!” - “Thế công việc

của anh chị dạo này thế nào?” - ông hỏi. “Dạ, công việc của chúng cháu thì chẳng ra gì đâu. Thế còn công việc của ông thì sao?” - “Chúng tôi cũng là sống nhì nhằng cho qua ngày thôi”. - “Thôi, xin chúc ông mạnh giỏi nhé, ông Ankudim Trofimych!” Tóm lại là ông không coi thường ai, mỗi lời ông nói ra đều đáng đồng tiền bát gạo cả. Ông ấy là vua đọc sách, học rộng biết nhiều, sách thánh hiền đọc không kể siết. Lúc nào cũng bắt bà già ngồi trước mặt “Này, bà nó ơi, nghe tôi đọc đây, cố mà hiểu nhé!” - Rồi ông bắt đầu giảng giải. Còn bà lão thì chưa phải là già, ông lấy bà là vợ thứ thất để mong có con, nghĩa là bà trước không sinh nở được. Còn bà hai này, tức là bà Maria Stepanovna, thì có với ông hai thằng con trai còn bé. Cái thằng nhỏ Vasia thì mãi đến năm sáu mươi tuổi ông mới sinh nó, còn cô Akulka, là con gái cả, năm ấy đã mười tám tuổi.

- Cô ấy tức là vợ anh chứ gì?

- Hượm cái đã, đầu tiên là thằng Filka Morozov lừa ông ta. Thằng Filka bảo ông Ankudim rằng ông phải chia sẻ với tôi; ông đưa tôi cả bốn trăm đồng, tôi là người làm công, tôi là cái gì với ông kia chứ? Tôi không muốn mặc cả với ông, còn cô Akulka tôi cũng không lấy làm vợ đâu. Nó bảo, bây giờ tôi nghiện ngập rồi. Bố mẹ tôi đã chết cả, tiền có bao nhiêu tôi cũng uống hết, rồi tôi đi làm thuê, tức có nghĩa là đi lính, mười năm nữa tôi lên thống tướng rồi về đây với ông. Ông Ankudim đưa tiền cho nó, tin tưởng nó hoàn toàn, vì trước đây bố nó với ông già đã chung vốn làm ăn với nhau. Ông bảo nó: “Anh hư hỏng quá rồi đấy!” Còn nó bảo ông: “Tôi hư hỏng hay không thì không biết, nhưng ông đầu đã bạc rồi, tôi phải học cách chia sẻ với ông miếng cơm bát sữa. Nó bảo, ông thì tiết kiệm một vài đồng xu con, cái rẻ rách cũng tích trữ, như thế liệu có đủ để ăn cháo không. Còn tôi thì tôi muốn nhổ toẹt vào những thứ đó. Để dành để dụm mà có mua được cái quỉ gì đâu. Về phần tôi, tôi có tính cách riêng. Còn cô nàng Akulka nhà ông thì nhất định tôi không lấy đâu: nó bảo, chẳng cần lấy làm vợ tôi cũng đã ngủ với cô ấy rồi...”

- Anh nói thế nào ấy chứ, -ông Ankudim bảo, - anh dám bôi tro vào mặt một ông bố lương thiện, vào mặt người con gái đoan trang thế à? Anh ngủ với nó hồi nào? Đồ nọc rắn, đồ hề quậy. - Ông già giận run lên. Chính thằng Filka kể lại như vậy. Nó còn bảo:

- Tôi sẽ làm sao để cô Akulka nhà ông không những là tôi không lấy, mà còn không ai lấy cô ấy nữa. Cả cái thằng Mikita Grigorich cũng không lấy, vì bây giờ cô ấy mất trinh rồi còn đâu. Từ hồi mùa thu vừa rồi tôi với cô ấy đã ăn nằm với

nhau. Bây giờ có trả tôi đến một trăm quan tiền nữa tôi cũng không lấy. Ông cứ thử trả tôi một trăm đồng xem - tôi không lấy đâu.

Cái anh chàng ấy nghiện thật! Nghiện đến nỗi khắp nơi ai cũng phải kêu, cả thị trấn ai cũng biết tiếng. Thằng này kéo bè kéo bạn, tiền nhiều chất ngất, suốt ba tháng ăn nhậu, không còn xu nào dính túi. Nó bảo “Bao giờ hết tiền là tôi bỏ nhà bỏ cửa, rồi hoặc là tôi đi làm thuê, hoặc là tôi đi lang thang!” Suốt ngày nó say từ sáng đến tối, vác mấy cái trống con chạy đi khắp nơi. Ấy thế mà các cô nàng cứ say nó đến mê tơi mới chết chứ! Nó chơi đàn hơi, chơi khá lắm đấy.

- Nghĩa là trước đó nó đã lăng nhăng với Akulka rồi chứ gì?

- Thôi đi. Gượm cái đã. Dạo ấy tôi phải chôn cất ông già nhà tôi, còn bà già thì làm nghề nướng bánh cho nhà ông Ankudim để kiếm ăn. Đời sống nhà tôi lúc đó khó khăn lắm. Cũng phải làm mảnh ruộng ven rừng gieo ít lúa mì, sau khi ông già mất, trong nhà có cái gì bán hết cái đó, vì tôi cũng bị nghiện, người anh em của tôi ạ, đến nỗi tôi phải dùng đến vũ lực để lấy tiền của mẹ...

- Phải đấm đá mẹ thì tệ quá đấy. Thật là tội lỗi.

- Người anh em ơi, tôi nghiện mà. Say từ sáng đến tối. Nhà tôi thì vẫn thế thôi, dẫu là mục nát nhưng vẫn là nhà mình, trong nhà trống hơ trống hoác. Hai mẹ con ngồi đói nhìn nhau, có khi hàng tuần liền nhai mấy thứ đồ ăn rẻ rách. Bà cụ thì luôn mồm mắng chửi tôi; còn tôi có xá gì đâu! Hồi đó tôi không rời khỏi thằng Filka Morozov nửa bước. Tôi bám lấy nó từ sáng đến đêm. Nó bảo tôi “Mày chơi đàn và nhảy múa đi, tao sẽ nằm và ném tiền cho mày, mày hãy coi tao là người giàu nhất hạng ấy”. Còn có điều gì mà nó không làm nữa chứ! Chỉ có tiền ăn cắp là nó không chấp nhận. Nó bảo “Tao không phải thằng ăn cắp, tao là người lương thiện”. Rồi nó bảo “Bây giờ chúng ta đến nhà Akulka bôi hắc ín vào cửa cổng nhà cô ấy. Tao không muốn Akulka lấy thằng Mikita Grigorich. Bây giờ điều ấy đối với tao là đáng giá nhất”, - nó bảo thế. Còn ông già thì từ trước đó đã muốn gả cô nàng cho thằng Mikita Grigorich rồi. Mikita cũng đã luống tuổi, đã góa vợ, nó đeo kính và cũng buôn bán. Nó vừa nghe thấy những lời đồn đại về Akulka, đã vội nuốt lời ngay. Nó nói “Cái lão Ankudim Trofimych làm tao mất mặt, hơn nữa, tao không muốn lấy vì tao cứng tuổi rồi”. Lúc đó chúng tôi đến trát hắc ín vào cổng nhà Akulka. Vì việc ấy mà cô nàng bị đòn, bị đòn trong nhà... Bà Maria Stepanovna gào lên “Tôi chết mất thôi!” Còn ông già thì bảo “Những năm xưa, thời còn gia trưởng, thì tôi cắt cổ bỏ lò nó đi cho rồi, còn bây giờ, ông ấy nói, trong ánh sáng đã có bóng tối và sự mục rữa”. Nhiều khi hàng xóm láng giềng nghe vang khắp phố tiếng Akulka kêu gào: cô bị đánh suốt từ

sáng đến tối. Còn Filka thì rêu rao khắp chợ “Cô Akulka tuyệt vời, bạn nhậu của tôi đấy. Con người lúc nào cũng sạch sẽ, tươm tất, thế mà đi yêu cái thằng ấy! Tôi ấy à, - nó nói, - tôi đấm vỡ mũi thằng ấy cho nó nhớ suốt đời”. Hồi đó cũng đã có lần tôi gặp Akulka xách đôi thùng đi lấy nước. Tôi gọi to “Xin kính cẩn chào cô Akulina Kudimovna, lúc nào cô cũng thật trang nhã, cô đi lấy nước ở đâu, cô làm ơn xác nhận cho tôi là cô đang sống với ai!” - tôi chỉ nói với cô ấy thế thôi; còn cô ấy thì ngây người ra nhìn tôi, đôi mắt cô mới to làm sao, còn người cô ấy thì gầy như cái tăm vậy. Bà mẹ cô ấy nhìn tôi, lại nghĩ rằng cô ấy cười với tôi, thế là từ trong khe cửa bà ấy quát ra: “Mày há mồm ra đánh răng đấy à, cái con mặt dày kia!” - ngày hôm ấy cô lại bị ăn đòn, có khi cô bị đòn suốt một giờ liền. “Tôi sẽ chặt đầu nó, - bà ấy nói, - bây giờ nó không còn là con gái tôi nữa rồi”.

- Thế là cô ấy hư hỏng mất rồi.

- Ông chú ơi, ông cứ nghe đây. Hồi ấy tôi với thằng Filka cứ say lươn khươn suốt ngày. Bà mẹ có đến chỗ tôi, còn tôi thì vẫn nằm dài. Bà ấy bảo “Thằng khốn, vẫn nằm ườn ra đấy à? Mày là thằng ăn cướp”. Bà ấy cứ thế mà chửi rủa tôi. Bà ấy bảo “Mày lấy con Akulka đi, lấy nó làm vợ đi. Người ta sẵn sàng cho mày lấy nó đấy, còn cho mày thêm ba trăm rúp nữa”. Tôi bảo bà ấy thế này “Bây giờ cả bàn dân thiên hạ biết cô ấy là người hết trong trắng rồi”. Bà ấy bảo “Mày là thằng ngốc, những gì xấu xa người ta đậy bằng hoa rồi. Con bé suốt đời chịu lỗi trước mặt mày, như thế mày chẳng sướng hơn hay sao. Còn tiền của họ thì chúng ta sẽ biết cách dùng. Tao đã nói chuyện với bà Maria Stepanovna. Bà ấy biết nghe lắm”. Còn tôi thì bảo “Vậy thì cứ đặt hai mươi rúp lên bàn là tôi lấy cô ấy ngay”. Vậy đấy, anh có tin hay không thì tùy, nhưng tôi cứ say bét nhè cho đến tận ngày cưới. Thế rồi lại thêm thằng Filka Morozov đe dọa nữa chứ, nó bảo “Mày là chồng con Akulka chứ gì, tao sẽ bẻ gãy hết mọi cái xương sườn của mày, còn cái con vợ mày, nếu tao muốn thì đêm nào tao cũng ngủ với nó được”. Tôi mới bảo nó: “Nói láo, đồ cẩu trệ!” Thế là nó đi rêu rao miệt thị tôi khắp các đường làng ngõ xóm. Tôi chạy về nhà bảo: “Tôi không lấy vợ nữa đâu. Bây giờ có đặt ra đây năm mươi đồng tiền tôi cũng chịu thôi!”

- Nhưng người ta đã chẳng đặt tiền cho mày rồi còn gì?

- Đặt tiền cho tôi? Thế à? Hồi ấy chúng tôi là những người không ra gì. Ông bố tôi cuối cùng cũng hóa trắng tay sau một vụ hỏa hoạn, chứ nếu không thì nhà tôi sống sướng hơn nhà họ nhiều. Ông Ankudim vẫn bảo: “Nhà các anh nghèo rớt mùng tơi”. Tôi mới đáp rằng: “Còn cổng nhà ông thì ít hắc ín quá đấy!” Ông ấy bảo: “Anh dám nói với tôi thế à? Anh hãy chứng minh rằng con bé hư hỏng đi,

mồm thiên hạ thì bịt đi thế nào được. Thôi, anh cút đi cho khuất mắt tôi và đừng có lấy nó làm vợ nữa. Chỉ có điều những khoản tiền mà anh đã lấy thì anh phải trả lại tôi". Lúc bấy giờ tôi mới quyết định với thằng Filka: tôi bảo nó cùng với Mitri Bykov đến nói với ông ấy rằng tôi sẽ làm ô danh ông ấy khắp nơi, và, người anh em của tôi ơi, tôi cứ say túy lúy đến tận ngày cưới. Mãi đến giờ hôn lễ tôi mới bừng tỉnh. Khi người ta dẫn chúng tôi ra khỏi lễ cưới thì ông chú tôi Mitrofan Stepanych mới bảo: "Dù không thật đàng hoàng và chắc chắn, nhưng mọi việc đã hoàn tất rồi đấy". Còn ông già Ankudim thì cũng say khướt và khóc nấc lên, ông cứ ngồi thế, mặc cho nước mắt chảy tràn trên râu. Người anh em ơi, lúc ấy tôi làm một việc thế này: tôi đã thủ sẵn một ngọn roi từ trước lúc vào hôn lễ, tôi định bụng rằng tôi phải xử lý con bé Akulka cho đỡ ngứa tay vì cái tội nó đi lấy chồng bằng con đường lừa gạt bất chính, và cũng để cho mọi người biết rằng tôi không phải là thằng ngốc lấy vợ...

- Hóa ra là thế... Có nghĩa là trước đó cô ấy đã cảm thấy...

- Không đâu, ông anh ơi, mà ông anh đừng có nói gì nhé. Từ lễ cưới người ta đưa chúng tôi về ngay phòng ngủ. Tất cả bọn họ đều uống rượu. Họ bỏ mặc tôi với Akulka trong phòng. Cô ấy ngồi, mặt trắng bệch, không còn hột máu. Có nghĩa là cô ấy sợ quá. Tóc cô ấy cũng hoàn toàn trắng như những sợi lanh. Đôi mắt mở lớn. Cô ấy cứ ngồi thế, im thin thít, tựa như trong nhà có người câm. Thế nào, người anh em, anh có thể nghĩ thế này được không: tôi đã thủ sẵn cái roi, tôi đặt lên đầu giường, còn cô ấy, người anh em của tôi ơi, cô ấy bước lên đứng trước mặt tôi như một kẻ vô can.

- Thế thật sao!

- Như một kẻ vô can, như một cô gái nhà lành đến từ một nhà lành vậy. Vậy là vì sao, người anh em ơi, vì sao cô ấy lại phải gánh chịu nỗi đau đến như thế kia chứ? Vì sao cái thằng Filka Morozov lại đi nhục mạ cô ấy khắp cả bàn dân thiên hạ?

- Ừ nhỉ.

- Thế là từ trên giường tôi bước đến quỳ sụp dưới chân cô ấy, chắp tay vái: "Cô em vàng ngọc của tôi, em Akulina Kudimovna, em tha thứ cho cái thằng ngốc là tôi đi, hãy tha thứ vì tôi đã coi em không ra gì. Hãy tha cho tôi, tôi nói, hãy tha cho cái thằng mạt hạng này đi!" Cô ấy đã ngồi xuống giường ngay trước mặt tôi, đôi mắt nhìn tôi, hai tay đặt lên vai tôi, cô ấy cười mà nước mắt lã chã; cô ấy cứ vừa cười vừa khóc... Lúc đó tôi bước ra nói với mọi người: "Bây giờ tôi sẽ đi tìm thằng Filka Morozov - nó sẽ không còn đất sống trên thế gian này

nữa!” Hai ông bà già không còn biết cầu nguyện ai nữa. Bà mẹ suýt nữa thì quì sụp xuống dưới chân cô, miệng không ngừng kêu rên. Còn ông già bảo: “Giá bố mẹ biết thế này thì, hỡi con gái vô vàn yêu quí, bố mẹ không đời nào kiếm cho con thằng chồng như vậy”. Chủ nhật đầu tiên hai đứa chúng tôi đến nhà thờ thật là oách: tôi đội chiếc mũ da cừu non, mặc áo kaftan bằng vải mịn, quần ống rộng cạp xếp nếp; cô nàng mặc áo bông lông thỏ mới, cổ quàng khăn lụa nhỏ, - có nghĩa là cô nàng xứng đôi với tôi và tôi cũng xứng tầm với cô: chúng tôi sóng đôi với nhau như thế đấy! Mọi người trầm trồ nhìn ngắm chúng tôi. Tôi thì vẫn là tôi như mọi ngày, còn đối với Akulka thì trước mặt mọi người tôi không được phép tâng bốc, cũng không được phép chê bai, tóm lại là tôi không làm một điều gì đặc biệt cả...

- Thế là đúng rồi...

- Xin hãy nghe tiếp. Ngày hôm sau, sau đám cưới, mặc dù vẫn còn say, nhưng tôi vẫn trốn khách khứa mà đi. Tôi hộc tốc chạy. Tôi bảo: “Cái thằng vô công rồi nghề Filka Morozov, mày đến đây. Thằng khốn kiếp, mày đến đây!” Tôi kêu to khắp cả chợ. Lúc ấy tôi vẫn còn say, nên ba anh em nhà Vlasov tóm lấy tôi, đưa tôi về nhà. Chuyện ấy ầm cả thị trấn. Các chị em ngoài chợ kháo nhau: “Này, các bạn có biết chuyện gì không? Akulka là một cô gái còn trinh nguyên đấy”. Còn thằng Filka thì ít lâu sau giữa đám đông người lên tiếng: “Bảo nó bán vợ đi thôi - nó còn là say rượu. Cái thằng lính quèn Yashka ấy mà cũng đòi lấy vợ, nó có ngủ với vợ đâu, say khướt suốt ba năm rồi còn gì”. Tôi mới bảo nó: “Mày là thằng đểu!” Còn nó thì bảo: “Mày là thằng ngốc. Người ta làm lễ cưới cho mày lúc mày còn chưa tỉnh rượu. Sau đó thì mày còn ra quái gì nữa. Mày có thể nghĩ được gì đâu?” Tôi về nhà gầm lên: “Các người làm đám cưới cho tôi lúc tôi còn say chứ gì!” Mẹ tôi định túm chặt lấy tôi. Tôi bảo: “Mẹ ơi, tai mẹ đeo đầy vàng rồi. Mẹ đem Akulka ra đây!” Rồi tôi xáp vào đánh đập cô ấy. Người anh em ạ, tôi đánh cô ấy đến hai ba giờ đồng hồ liền, đến lúc chân tôi khuỵu xuống mới thôi. Còn cô ấy nằm liệt ba tuần không ngóc dậy được.

Cherevin thản nhiên nhận xét:

- Tất nhiên, bọn đàn bà mà không đánh thì họ... nhưng mà này, anh có bắt được quả tang cô ta với nhân tình không?

- Không, bắt thì không bắt được, - Shishkov trầm ngâm giây lát, rồi gắng nhận định. - Nhưng mà tôi bực mình quá. Thiên hạ thì kích động hết chỗ nói, mà chung qui là tội thằng Filka. Nó bảo thế này chứ: “Mày lấy vợ chỉ để làm người mẫu cho thiên hạ mãn nhãn mà thôi”. Rồi nó mời bọn tôi đến chơi. Nó mở đầu

câu chuyện thế này: “Phu nhân của anh này là một con người cao thượng, chí tôn, quảng hoạt, tốt đẹp mọi bề, anh ta thật là có phước! Nhưng mà này, anh bạn quên rằng chính anh đem hắc ín bôi vào cổng nhà cô ấy rồi à?” Lúc bấy giờ tôi đã say, thằng ấy nắm lấy tóc tôi, ấn đầu tôi xuống. Nó bảo: “Này, thằng chồng của nàng Akulka, mày nhảy đi, tao cứ nắm tóc mày thế này, mà mày phải nhảy cho tao vui mắt!” - “Mày là thằng khốn nạn!” - tôi kêu lên. Còn nó quát tôi: “Tao sẽ mang một bọn đến nhà mày và cho mày thấy nhỡn tiền, tao sẽ quất roi vào lưng con Akulka, vợ mày, quất bao nhiêu là tùy tao”. Thế đấy, bạn có tin hay không thì tùy, nhưng sau đó suốt cả tháng tôi sợ không dám ra khỏi nhà, tôi nghĩ thế nào nó cũng đến làm nhục tôi. Chính vì cái lẽ đó mà tôi lại đánh cô ấy...

- Làm sao mà lại đánh được? Người ta trói được tay, chứ làm sao trói được lưỡi. Đánh nhiều cũng không được đâu. Phải trừng phạt, phải răn dạy, nhưng phải biết âu yếm. Đối với vợ là phải như vậy.

Shishkov im lặng một lát, rồi lại tiếp tục:

- Tôi bực mình quá, thế là lại ngựa quen đường cũ. Có những ngày tôi đánh cô ấy từ sáng đến tối, đến nỗi cô ấy ngồi dậy không ổn, mà đi lại cực khó. Tôi không đánh thì lại thấy buồn. Cô ấy cứ ngồi như thế, nín lặng, mắt nhìn ra cửa sổ mà khóc... Lúc nào cô ấy cũng khóc, tôi lại thấy thương, nhưng rồi vẫn đánh. Mẹ tôi bênh cô ấy, bà chửi tôi: “Mày là đồ khốn kiếp, đồ chó má!” - Tôi gầm lên: “Tôi sẽ giết nó, bây giờ đừng có ai nói gì với tôi, vì mọi người đánh lừa cho tôi lấy vợ”. Đầu tiên là ông già Ankudim lên tiếng, ông đến và bảo: “Đến Chúa cũng chưa biết con là thành viên gì trong gia đình; rồi ta sẽ trừng trị con đấy!” Nói thế nhưng ông cũng rút lui. Còn bà Maria Stepanovna thì đấu dịu hết mức. Một bữa bà đến lạy van tôi, nước mắt long lanh: “Tôi cắn rơm cắn cỏ lạy anh, anh Ivan Semenych, lời nói thì nhỏ mà lời xin thì lớn. Xin anh làm ơn mở cho nó con đường sáng, - bà ấy dập đầu xuống, - xin anh bớt tay, tha tội cho nó. Con gái chúng tôi bị cái bọn độc ác vu oan giá họa: chính anh cũng biết, anh mang nó về nó vẫn còn trong trắng mà...” Bà ấy cúi mình dưới chân tôi mà khóc. Còn tôi thì lại hăng máu lên: “Bây giờ tôi không muốn nghe bà! Bây giờ tôi muốn gì đối với các người là tôi làm ngay, tôi không còn là chủ nhân bản thân mình nữa đâu, còn thằng Filka Morozov là bạn tôi, là thằng bạn số một...”

- Có nghĩa là các anh lại cùng rượu chè với nhau rồi ư?

- Đâu có! Mà có muốn đến chỗ nó cũng chẳng được. Nó say khướt ấy mà. Nó đã quyết định xong hết mọi việc, đã vào làm thuê cho một ông chủ, rồi đi lính thay thằng con lớn nhà ông ta. Mà theo như luật lệ ở đây, nếu đã đi làm thuê thì

tất cả mọi thứ đồ đạc của nó trong nhà phải được giữ nguyên cho đến tận ngày người ta trả nó về, còn nó vẫn là chủ mọi thứ đồ đạc một cách tuyệt đối. Về tiền thì khi lĩnh nó sẽ được lĩnh đủ, trước đó nó vẫn sống trong nhà chủ, bọn chúng sống ở đó nửa năm và chỉ có bọn chúng mới điều khiển được nhà chủ, vì vậy bọn chúng coi trời bằng vung! Nó bảo thế này: Tôi đi lính thế mạng cho con trai nhà ông, có nghĩa tôi là người gia ân, vì thế cả nhà ông phải có nghĩa vụ kính trọng tôi, nếu không là tôi bỏ liền.

Thằng Filka ở nhà chủ cứ thế tự tung tự tác, nó ngủ cả với đứa con gái nhà người ta, ngày nào cũng thế, cứ sau bữa ăn là nó túm râu ông già dắt đi, nó gây ra mọi chuyện để tự làm vui. Ngày nào nó cũng đi tắm hơi, nó bắt người ta cho xông hơi bằng rượu, bắt các bà phải khiêng nó vào nhà tắm. Nó đi chơi về cứ đứng ngoài đường mà kêu: “Tôi không vào lối cổng đâu, phá rào ra cho tôi đi!” Thế là người ta phải phá rào ở một chỗ khác gần cổng, bấy giờ nó mới chịu vào. Cuối cùng nó cũng hết việc, người ta đưa nó về trả, làm cho nó tỉnh rượu. Mọi người khắp phố lũ lượt kéo đến: Người ta đem thằng Filka Morozov về trả đây này! Lúc ấy Akulka ở trong vườn bước ra, vừa lúc thằng Filka nhìn thấy nàng ngay trước cổng nhà chúng tôi: “Đứng lại đi! - nó vừa gọi to, vừa nhảy từ trên xe ngựa xuống rồi cúi rạp mình chào nàng. Nó nói: “Linh hồn của anh ơi, anh đã yêu em suốt hai năm nay, người ta đem trống kèn rước anh vào lính, hỡi người con gái trung hậu của người cha trung hậu, em hãy tha thứ cho anh, bởi vì trước mặt em là một thằng đốn mạt, - anh thật có tội trăm bề với em!” Lần khác nó cũng cúi chào nàng sát đất. Akulka ngây người, đầu tiên nàng có vẻ sợ hãi, sau đó cũng cúi mình chào lại: “Anh cũng tha lỗi cho em, hỡi chàng trai tốt bụng, nhưng em không biết làm điều gì ác cho anh cả đâu”. Tôi đi theo cô ấy vào nhà: “Cô nói gì với cái thằng chó chết ấy vậy?” Anh có tin hay không thì tùy, nhưng cô ấy nhìn tôi mà rằng: “Bây giờ tôi yêu anh ấy hơn cả trên đời!”

- Khổ cho anh quá....

- Hôm ấy suốt ngày tôi không nói với cô ấy một câu nào. Mãi đến chiều tôi mới gọi: “Akulka! Bây giờ tao sẽ giết mày”. Đêm ấy tôi không ngủ được. Tôi ra nhà ngoài uống nước kvat, thì cũng vừa lúc hừng đông. Tôi vào nhà gọi: “Akulka, dậy đi làm thôi”. Thực ra tôi đã chuẩn bị từ trước. Mẹ tôi cũng biết là chúng tôi đi làm. Bà ấy bảo: “Công việc bây giờ đang lúc cực đấy, thợ chính cống đến ngày thứ ba cũng phải nằm thở”. Tôi thắng ngựa, lặng im. Chúng tôi ra khỏi thị trấn là đến khu rừng thông trải dài mười lăm véc-xta, sau rừng thông là đến mảnh ruộng khai khẩn của nhà chúng tôi. Đi trong rừng thông được ba véc-xta thì tôi

dừng ngựa rồi bảo: “Akulka, đứng lên đi, giờ tận số của mày đến rồi đấy”. Cô ấy nhìn tôi khiếp hãi, rồi đứng trước mặt tôi, im lặng. Tôi nói: “Tao chán mày rồi, mày cầu Trời đi!” Thế rồi tôi túm tóc cô ấy, hai cái đuôi sam thật dầy, thật dài, tôi cuộn chúng vào tay, từ hai phía đằng sau tôi dùng đầu gối kẹp cô ấy lại, rút dao ra, giật đầu cô ấy ra phía sau, cứa dao vào họng... Cô ấy kêu gào lên, máu phun ra, tôi vứt dao đi, dang hai tay ôm cô ấy từ phía trước, rồi tôi nằm xuống đất, lại ôm cô ấy, rồi tôi kêu lên, gầm gào lên; cả cô ấy cũng kêu, cả tôi cũng kêu, toàn thân cô ấy rung chuyển, cố thoát khỏi vòng tay tôi, còn máu cứ phun vào người tôi, máu của cô ấy, máu cứ phun vào mặt tôi, vào tay tôi xối xả. Tôi bỏ cô ấy ra, bây giờ thì nỗi sợ hãi xâm chiếm lấy tôi, tôi bỏ cả ngựa mà chạy, tôi cứ chạy mãi về nhà theo con đường cũ, rồi tôi vào nhà tắm hơi: nhà tắm hơi ở chỗ chúng tôi đã cũ lắm, chẳng có ai vào; tôi trốn vào góc hầm, ngồi yên đấy cho đến tận đêm.

- Còn Akulka thì sao?

- Cô ta ấy à? Sau khi tôi chạy thì cô ấy cũng đứng dậy và đi về nhà. Người ta tìm thấy cô ấy cách chỗ đứng dậy chừng một trăm bước.

- Có nghĩa là anh cắt chưa chết hẳn...

- Quả vậy... - Shishkov dừng lại một phút.

- Cái mạch máu là như thế đấy, - Cherevin nhận xét, - nếu ngay từ đầu mình không cắt đứt, thì con người còn vật vã, bao giờ máu hết thì người mới chết.

- Vâng, cô ấy chết rồi. Đến chiều có người thấy xác. Tin loan ra, người ta đổ đi tìm và tìm thấy tôi lúc đêm trong nhà tắm hơi... - anh ngừng một lát rồi nói, - thế đấy, anh tính xem, tôi ở đây đã đến năm thứ tư rồi.

- E hèm, ở đời này không đánh thì không ra cái thiện, - Cherevin rút ra cái ve sừng thuốc lá. Anh ta hít một hơi, nhận xét chậm rãi và ngắt đoạn một cách lạnh lùng và tỏ ra có phương pháp. - Mà này, anh bạn, - anh ta lại nói tiếp, - anh xử như thế là rất ngu dại. Tôi cũng đã một lần bắt gặp con vợ tôi với thằng nhân tình của nó. Tôi gọi cô ấy vào nhà kho, lấy cái dây cương ngựa gập đôi lại rồi bảo: “Mày thề thốt với ai? Mày thề thốt với ai?” Rồi tôi đánh cô ấy bằng cái dây cương, đánh mãi, đánh mãi đến một tiếng rưỡi đồng hồ, để rồi cô ấy lạy van tôi: “Em sẽ rửa chân cho anh và sẽ uống hết chỗ nước rửa chân ấy”. Tên cô ấy là Ovdotia.

V

MÙA HÈ

Bây giờ đã bắt đầu tháng Tư, đã sắp đến tuần thánh. Những công việc mùa hè cũng chớm đến. Mặt trời mỗi lúc một ấm áp hơn và rực rỡ hơn, không khí phả ra hơi thở mùa xuân và kích động toàn cơ thể. Những ngày tươi đẹp đang đến này khiến cả những con người bị gông xiềng cũng thấy xao động, làm nảy sinh trong lòng họ những ham muốn, những khao khát và cả nỗi thê thiết. Có thể là họ thấy buồn hơn khi nghĩ đến cuộc sống tự do dưới ánh mặt trời rực rỡ hơn là trong một ngày đông hoặc một ngày thu âm u, và điều ấy được thấy rõ ở tất cả các tù nhân. Họ dường như vừa vui mừng với những ngày rực sáng, nhưng đồng thời lại vừa thấy nôn nao, bồn chồn khó tả. Tôi đã nhận ra rằng, quả thật vào mùa xuân những cuộc cãi lộn trong trại cũng xảy ra thường xuyên hơn. Mọi người phải nghe nhiều hơn những chuyện ồn ào, những tiếng kêu la, phải thấy nhiều chuyện xảy ra, và đồng thời cũng đôi khi thấy ở đâu đó trong khi lao động có một ánh mắt trầm tư, lắng đọng hướng về nẻo xa nào xanh ngắt, hướng tới phía xa xăm nào bên kia bờ sông Irtysh, nơi bắt đầu thảm cỏ tự do của vùng Kirgizia bạt ngàn vô tận đến khoảng một ngàn năm trăm véc-xta; có thể bắt gặp đâu đó một tiếng thở dài sâu nén, trút hết lồng ngực, tựa hồ như nó lôi cuốn con người phải thở hít hết bầu không khí tự do xa xăm kia và làm nhẹ nhõm mảnh tâm hồn vốn bị ghì căng, thít chặt. “Chao ôi!” - cuối cùng một anh trại nhân thốt lên và bất chợt, tựa hồ tự mình rũ sạch những ước muốn và những suy tư, anh ta chậm chạp và ủ dột cầm lấy cái mai hoặc lôi chồng gạch mà anh phải kéo đi chỗ khác. Một phút sau anh lại quên đi cái cảm giác thoáng qua, lại bắt đầu cười đùa, cãi cọ, khi đánh giá nhau qua tính cách, nếu không thì bỗng nhiên, với một thứ nhiệt huyết bất thường vượt quá cả nhu cầu cần thiết, anh ta đứng ra làm mẫu một bài học lao động, nếu anh ta được giao làm nhiệm vụ ấy, và anh bắt đầu làm việc, làm việc hết sức mình, tựa như muốn dùng khối công việc nặng nề mà kìm nén trong lòng một cái gì đó đang ghì chặt và thít bóp trái tim. Tất cả họ là những con người mạnh mẽ, phần lớn là những người đang độ tuổi hoa niên và sung sức. Vào thời gian này xiềng xích cũng thấy thật là nặng nề! Lúc này đây tôi cũng không thi vị hóa điều gì, và tôi tin rằng những nhận xét của tôi là đúng.

Ngoài ra, trong không khí ấm áp, trong ánh trời rực rỡ, khi con người, bằng chính tâm hồn và ngũ giác mình, được nghe thấy và cảm thấy cả thiên nhiên xung quanh đang hồi sinh với một sức mạnh vô song, thì cái cảnh tù đày giam hãm, cảnh áp giải và trạng huống nô lệ phụ thuộc vào ý chí người khác lại trở nên nặng nề hơn. Ngoài ra, trong những ngày xuân này, ở khắp Sibir và khắp nước Nga cùng với những tiếng chim họa mi đầu tiên là bắt đầu cuộc sống giang hồ: những đứa con Trời ở khắp các trại thi nhau trốn đi để sống lẩn khuất trong rừng. Sau cái hố địa ngục ngột ngạt, sau những ngày xử án, xiềng xích và roi vọt, bây giờ họ đi lang thang tự do, muốn đi đâu thì đi, muốn ngó nghiêng, dừng bước ở đâu cũng được, kiếm được cái gì trời cho thì uống, thì ăn, đêm đêm ngủ khò yên tĩnh đâu đó trong rừng hoặc trên cánh đồng, chẳng phải lo nghĩ chi nhiều, chẳng chịu nỗi buồn đầy ải, họ giống những cánh chim đại ngàn khi tạm chia tay một đêm với sao trời để ngủ dưới đôi mắt Chúa. Ai mà chẳng nói thế! Đôi khi "phục vụ cho tướng Cu Cu" cũng thật là vừa vất vả, vừa đói khát lại vừa mệt mỏi. Đôi lần suốt nhiều ngày đêm không nhìn thấy một mẩu bánh mỳ, phải trốn lủi tất cả mọi người, phải tự vệ, rồi phải ăn cắp, ăn cướp, và có lúc phải cắt cổ người khác. Ở Sibir người ta nói về người nhập cư thế này "Người nhập cư là đứa trẻ thơ, nhìn cái gì cũng thấy vừa mắt". Cái câu ấy thật hết sức đúng, và thậm chí còn hơi thừa đúng để dùng cho kẻ lang thang. Kẻ giang hồ hiếm khi không là kẻ cướp và hầu như bao giờ cũng là kẻ cắp, hắn là kẻ cắp do nhu cầu nhiều hơn là do ý nguyện. Có những kẻ giang hồ thâm căn cố đế. Có những kẻ chạy trốn khỏi chỗ nhập cư, thậm chí ngay cả sau khi đã mãn hạn khổ sai. Có vẻ như người đó hài lòng ở nơi nhập cư và được no đủ. Nhưng không! Lúc nào anh ta cũng bị cuốn hút đi đâu đó, bị kêu gọi đi đâu đó. Cuộc sống nơi rừng rú tuy nghèo đói và kinh hoàng, nhưng lại tự do và đầy những cuộc phiêu lưu, có một cái gì đó hấp dẫn, có vẻ đẹp say mê huyền bí đối với tất cả những ai đã một lần nếm trải, và rồi bạn sẽ thấy rằng có người chạy trốn là con người thậm chí khiêm nhường, đúng mực, con người đã từng hứa hẹn là sẽ tự cải hóa mình thành kẻ định cư tốt tính, thành người chủ nhà chăm chỉ làm ăn. Có người còn lấy vợ, sinh con, năm năm liền sống yên một chỗ, thế mà bỗng nhiên, vào một buổi sáng đẹp trời nào đó, anh ta biến đi đâu mất, bỏ lại sau lưng người vợ hiền, đàn con ngơ ngác và cả cái thôn xã mà anh đã đăng ký được làm công dân. Trong trại tù có người đã chỉ cho tôi một trong những kẻ trốn lủi như thế. Anh này không gây ra bất kỳ một tội lỗi gì đặc biệt cả, ít ra thì cũng chưa ai nghe thấy nói gì về anh theo hướng đó, thế nhưng anh vẫn cứ chạy trốn, chạy trốn

suốt đời. Anh đã từng sống cả trên phần đất phía Nam nước Nga bên bờ sông Dunai, cả ở vùng thảo nguyên Kirgizia, cả ở Đông Sibir, cả ở Kavkaz, tóm lại là anh ở khắp nơi. Ai mà biết rằng, có thể, trong những hoàn cảnh khác anh trở thành một Robinson nào đó cũng nên, một chàng Robinson có niềm say mê xê dịch. Tuy nhiên, tất cả những chuyện ấy lại do những người khác nói lại với tôi, còn chính anh trong trại này lại kín miệng, chỉ khi cần thiết lắm mới thưa thốt đôi lời. Đó là con người nhỏ thó, tuổi đã năm mươi, sống rất nhu thuận với gương mặt hết sức điềm tĩnh, thậm chí là ngốc nghếch, điềm tĩnh đến mức ngây dại. Mùa hè anh thích ngồi sưởi nắng, và thế nào cũng lẩm nhẩm một bài hát gì đó, nhưng khẽ khàng lắm, đến nỗi đứng cách anh chỉ năm bước chân thôi là không nghe thấy gì cả. Nét mặt anh cứng đơ như thớ gỗ, anh ăn ít, phần lớn là ăn bánh mỳ, anh không bao giờ mua bánh ca-lát hoặc mua bia, và hình như cũng chẳng bao giờ có tiền trong túi, thậm chí hình như còn không biết đếm nữa là khác. Đối với mọi chuyện đều ứng xử hết sức bình tĩnh. Đôi khi anh tự tay mình cho chó ăn. Lũ chó trong trại chẳng bao giờ có ai cho ăn cả, mà nói chung thì người Nga không thích cho chó ăn. Người ta kể rằng anh đã có vợ, thậm chí là hai đời vợ, rằng anh cũng đã có con ở đâu đó... Vì sao anh phải vào trại thì tôi hoàn toàn không biết. Mọi người ở đây đều nhẩm đoán rằng anh sẽ trốn chúng tôi mà đi; nhưng, hoặc giả thời điểm ấy chưa đến, hoặc giả năm tháng đã qua nhiều, nhưng anh đã sống yên ổn và tỏ ra có ý thức thấu hiểu đối với toàn bộ môi trường kỳ cục xung quanh. Tuy nhiên, có thể cũng không tin được, vì sao anh ấy lại phải đào thoát, trốn chạy như thế anh được lợi gì? Thế nhưng, nhìn chung thì cuộc đời rừng rú, cuộc sống lang thang vẫn cứ là thiên đường so với đời trại. Điều này thật dễ hiểu, mà cũng chẳng thể có gì so sánh được. Dẫu là số phận gian lao, nhưng thế nào cũng vẫn là số phận của mình. Vậy nên ở nước Nga bất kỳ một tù nhân nào, dù ở trại nào đi nữa, thì cứ đến mùa xuân với những ánh mặt trời đầu tiên vẫy gọi, lại thấy trong dạ bồn chồn. Chẳng phải ai cũng có cái tâm trốn trại, nhưng có thể nói một cách khẳng định rằng cứ một trăm người thì chỉ có một người dám làm việc đó khi tính hết những khó khăn và trách nhiệm của mình, ngược lại, chín mươi chín người kia dù vẫn mơ ước là mình có thể chạy đi được và cũng biết phải chạy đi đâu, nhưng cũng chỉ giữ mình ở mức độ mơ ước, ở mức hình dung ra khả năng mà thôi. Cũng có người nhớ lại hồi trước đã có lần đào thoát. Đấy là tôi đang nói về những người đã thành án. Nhưng quyết ý trốn chạy, thông thường hơn và cũng có số lượng nhiều hơn, là những người chưa thành án. Những người thành án có thời hạn thì chỉ chạy vào thời kỳ đầu đi

tù. Khi đã sống qua hai ba năm khổ sai anh ta bắt đầu định giá những năm tháng đó và dần dần thuận lòng rằng tốt hơn hết là kết thúc một cách hợp pháp thời hạn khổ sai của mình và trở về làm dân nhập cư, còn hơn là lao vào rủi ro, và nếu thất bại thì tức là lao vào cõi chết. Mà thất bại là có thể lắm chứ. Trong mười người thì chỉ có một người là có thể *thay đổi được số phận của mình*. Liều mạng nhất trong những người thành án là những người bị xử với thời hạn tù quá lâu. Mười lăm, hai mươi năm có thể được coi là vô tận, và với thời hạn ấy tù nhân thường xuyên sẵn sàng mơ ước đến chuyện đổi đời, dù anh ta đã mất mười năm trong trại. Tất nhiên dấu ấn triện phần nào đó cũng ngăn cản thói liều trốn trại. *Đổi đời* là một thuật ngữ kỹ thuật. Trong các cuộc hỏi cung, nếu bị phát hiện là đào thoát, thì tù nhân trả lời rằng anh ta chỉ muốn đổi đời. Cái lối nói hơi có vẻ sách vở đó được áp dụng thật là chính xác trong việc làm này. Bất kỳ kẻ chạy trốn nào cũng hình dung được rằng anh ta không được hưởng tự do hoàn toàn, - anh biết rằng điều đó hầu như không thể có được, - nhưng hoặc là anh ta sẽ rơi vào một cơ sở khác, hoặc được làm dân nhập cư, hoặc lại bị xử án một lần nữa, lần này là do một tội mới mà anh mắc phải khi sống lang thang, tóm lại, anh đi đâu cũng được, miễn sao không trở về chốn cũ, không về trại xưa, nơi anh đã chán ngấy rồi. Tất cả những người chạy trốn ấy, nếu trong suốt mùa hè không tìm được cho mình một chỗ nào ngẫu nhiên, đặc biệt để có thể sống qua mùa đông, nếu như, chẳng hạn, không tìm được một người nào đó bao dung, che dấu cho những con người trốn lủi, để người ấy được một món lợi lộc gì đó, nếu như, cuối cùng, không kiếm được cho mình, đôi khi bằng cách giết người, một cái giấy thông hành để có thể sống được khắp nơi, - thì đến mùa thu tất cả bọn họ, nếu không bị bắt sớm, thì cũng tự mình họp nhau túm tụm thành một đám đông kéo về các thị trấn và các trại giam với tư cách là những kẻ giang hồ, chịu ngồi tù cho qua mùa đông, và tất nhiên, vẫn chưa hết lòng ham muốn lại chạy đi vào mùa hạ tới.

Mùa xuân có ảnh hưởng nhiều đến tôi lắm. Tôi vẫn nhớ rằng hồi ấy đôi khi tôi vẫn say sưa nhìn qua kẽ ngón tay và vẫn đứng hồi lâu, cúi đầu trên hàng rào trại, để đau đáu nhìn thảm cỏ ngày một xanh tươi trên dẻo đất quanh pháo đài và ngắm nghía bầu trời cao xa xôi kia cứ xanh rờn, xanh ngút. Lòng dạ tôi ngày một bồn chồn, vương vấn, và trại tù cũng ngày một đáng căm ghét hơn. Lòng căm ghét mà tôi, với tư cách là một nhà quý tộc, vẫn luôn luôn phải chịu đựng trong suốt những năm đầu tiên từ phía những trại nhân, đã trở nên không thể chịu được nữa, nó tàn phá cả cuộc đời tôi như một liều thuốc độc. Trong suốt

những năm đầu tiên ấy tôi thường vào nằm bệnh viện, dù chẳng có bệnh gì cả, chỉ duy nhất là cốt sao không có mặt trong trại, cốt sao thoát được cái lòng đại căm ghét cứ bám riết lấy tôi không có cách gì khuây giải được. “Các ông như những mũi sắt, kẹp chặt chúng tôi!” - anh em trại nhân bảo chúng tôi thế và tôi thường lấy làm ghen tị với những người bình dân đến trại! Những người ấy ngay lập tức làm bạn được với mọi người. Và chính vì thế mà mùa xuân, hình bóng của tự do, những cảnh tươi vui ngập tràn khắp nơi trong thiên nhiên cứ tác động đến tôi khiến tôi cứ thấy buồn buồn và xốn xang thế nào ấy. Vào cuối tuần chay, hình như là vào tuần thứ sáu, tôi có đi lễ. Ngay từ tuần đầu tên hạ sĩ trưởng đã chia chúng tôi ra làm năm ca để đi nhà thờ tính theo tuần ăn chay. Số người mỗi ca ước độ ba chục. Tôi rất thích tuần đi lễ này vì được nghỉ làm. Chúng tôi đến nhà thờ ở gần trại, mỗi ngày hai ba lần. Đã lâu lắm rồi tôi không đi nhà thờ. Những buổi lễ hoành tráng mà tôi đã được biết từ lúc còn thơ bé trong nhà bố mẹ, những lời cầu khấn trang trọng và những con người khấu đầu lạy Chúa - tất cả những cái đó làm chập chờn hiện lên trong tâm hồn tôi cái thời quá vãng xa xôi, xa lắm, khiến tôi nhớ lại ấn tượng của những năm tháng thơ ngây và tôi vẫn nhớ rằng hồi ấy tôi rất thích mỗi buổi sáng trên nền đất còn lạnh cóng qua đêm người ta dùng súng đã lên đạn để áp giải chúng tôi đến nhà thờ cầu nguyện. Tuy nhiên, lính áp giải không vào nhà thờ. Trong nhà thờ chúng tôi đứng túm tụm lại với nhau ở cạnh cửa ra vào, ở sát tận ngoài, cho nên chỉ nghe thấy được giọng cầu kinh đều đều của thầy trợ tế và thỉnh thoảng mới thấy từ trong đám đông bước ra một bóng áo tế màu đen và cái đầu hói của cha cố. Tôi vẫn hay nhắc lại rằng hồi nhỏ, khi đứng trong nhà thờ tôi nhìn đám người bình dân chen chúc nhau nơi cửa ra vào và lại khúm núm tản ra tránh lối cho một đôi vai đeo ngù, cho một nhà quý tộc to béo hay cho một bà quí tộc đỏm dáng, nhưng lại hết sức sùng đạo, những người này thế nào cũng phải len lỏi lên được những hàng ghế đầu tiên, và sẵn sàng bất kỳ phút nào cũng có thể cãi vã giành lấy chỗ ngồi số một. Ở chỗ lối vào lúc đó tôi có cảm giác là mọi người cầu nguyện không giống như ở chỗ chúng tôi, mọi người cầu nguyện một cách nhẫn nhịn, nhiệt thành, đầy chất trần thế và có phần nào đó ý thức được đầy đủ cái phận hèn kém của mình.

Bây giờ chính tôi lại phải đứng vào đúng những cái chỗ này, thậm chí còn không được là những chỗ này nữa; chúng tôi đã bị ép chặt và bị nhục mạ, chúng tôi ngày một bị xa lánh, thậm chí dường như người ta còn sợ chúng tôi, lần nào người ta cũng bố thí cho chúng tôi, và tôi vẫn nhớ rằng thậm chí đã có lần tôi

thấy vui sướng, có được cái cảm giác đặc biệt tế nhị thể hiện trong niềm thỏa mãn kỳ diệu đó. “Nếu được thế thì cũng là tốt đấy chứ!” - tôi nghĩ như vậy. Anh em trại nhân cầu nguyện thật sùng kính, cứ mỗi lần đến nhà thờ là mỗi anh em đều mang đến một đồng xu nhỏ nhoi làm tiền dầu đèn hoặc bỏ vào hòm công đức. Tù nhân, khi bỏ tiền vào nhà thờ, có thể suy nghĩ: “Tôi cũng là con người chứ sao. Trước Chúa mọi người đều được bình đẳng....” Chúng tôi thường đến đây sau buổi lễ sớm. Khi đức Cha cầm bình nước trên tay và bắt đầu đọc: “...Xin Người tiếp nhận, dù là một kẻ ăn cướp” - thì hầu hết tất cả mọi người phủ phục xuống đất, xiềng xích vang lên loảng xoảng, dường như chính họ cũng tiếp nhận những lời cầu ấy.

Nhưng bây giờ mới đến phần lễ trọng. Ngay từ đầu mỗi người chúng tôi được chia một quả trứng và một lát bánh mỳ đại mạch. Từ thị trấn lại đổ về cho trại tù bao nhiêu đồ từ thiện. Lại có cha cố cầm thánh giá đến thăm, lại có đoàn lãnh đạo trại đến thăm, lại có món súp củ cải đỏ béo ngậy, lại có bữa nhậu túy lúy và có dịp đi lại lang thang - tất cả giống hệt như tuần Giáng sinh, chỉ có một điều khác biệt là bây giờ được ngao du khắp sân và được sưởi ấm dưới ánh xuân dương. Trời đất dường như sáng hơn, rộng hơn hồi mùa đông, nhưng không hiểu thế nào đó mà lại sầu não hơn. Một ngày mùa hè dài đến vô tận có vẻ như không thể chịu nổi trong những ngày lễ hội. Vào ngày thường thì ít ra ngày cũng ngắn đi nhờ có việc làm.

Công việc mùa hè hóa ra lại nặng nề hơn công việc mùa đông. Nhiều nhất là việc xây dựng. Tù nhân phải xây nhà, đào đất, một số khác phải làm thợ nguội, thợ mộc, thợ hồ khi sửa chữa các ngôi nhà công sở. Một số khác nữa thì đến xưởng đóng gạch. Công việc này chúng tôi coi là nặng nhọc nhất. Nhà máy gạch cách chỗ chúng tôi ước độ ba bốn véc-sta. Suốt mùa đông, hàng ngày từ sáu giờ sáng đã có một đoàn tù nhân chừng năm mươi người ra đi đóng gạch. Bị chọn đi làm việc này là những anh em phu phen, tức là những người không có tay nghề gì và cũng không thuộc nhóm nghề nào. Họ phải mang theo bánh mỳ, vì chỗ làm ở xa, không tiện đường về nhà ăn trưa, vì như vậy lại phải đi thêm tám véc-sta vô ích, nên chỉ khi về trại họ mới ăn tối. Phần công việc này được giao làm suốt ngày và cả ngày lao động đó trại nhân phải vật lộn với nó. Thứ nhất, phải đào đất và mang đất về, phải tự mình đi xách nước, phải tự mình dùng chân nhào đất trong một cái hố, rồi sau dùng đất ấy đóng thành nhiều viên gạch, khoảng hai trăm viên, thậm chí gần đến hai trăm rưởi. Tôi chỉ có hai lần phải đi nhà máy này. Mãi chiều tối bọn làm nhà máy mới về, người mệt lử, rời rã chân tay và

thường xuyên, suốt cả mùa hè, đay nghiến những người khác vì phải làm công việc nặng nhọc nhất. Có lẽ đay nghiến là niềm an ủi của họ. Mặc dù có những người đến đó là vì có phần tự nguyện. Thứ nhất, đó là công việc làm ở ngoại ô, chỗ làm rộng mở, thoải mái bên bờ sông Irtysh. Dẫu sao thì cũng được nhìn ngắm xung quanh sướng con mắt hơn, chứ không phải là hỏa lò pháo đài! Nơi đây có thể hút thuốc tự do, thậm chí có thể nằm dài sướng khoái nửa tiếng đồng hồ. Tôi thì hoặc là đến xưởng cơ khí như trước, hoặc là đến lò thạch cao, hoặc là bị lôi đi làm thợ khuân gạch ở các công trường xây dựng. Một bận tôi phải kéo gạch từ bờ sông Irtysh đến một trại lính đang xây dở với khoảng cách bảy mươi *sazhen*, vượt qua một con đê quai, công việc kéo dài suốt hai tháng liền. Tôi thậm chí lại thấy thích công việc đó, mặc dầu cái dây thừng kéo gạch đã làm vai tôi thường xuyên bị trầy sát. Nhưng tôi thấy thích vì nó làm tôi khỏe ra. Đầu tiên tôi chỉ kéo được có tám hòn gạch, mỗi hòn nặng mười hai *funt*, nhưng sau tôi đạt đến mười hai rồi đến tận mười lăm hòn, điều ấy làm tôi rất vui. Trong nhà tù khổ sai sức mạnh thể chất cũng cần thiết không kém gì sức mạnh tinh thần để có thể chịu đựng được tất cả mọi thứ phiền toái vật chất của cuộc sống đáng nguyền rủa này.

Mà tôi thì tôi vẫn muốn sống thêm nữa sau khi ra khỏi nhà tù...

Tuy nhiên, tôi thích kéo gạch không phải chỉ là vì muốn làm cho cơ thể cường tráng, mà còn là vì công việc đó được bố trí bên dòng sông Irtysh. Tôi vẫn thường nhắc tới bờ sông này là bởi vì đây là nơi duy nhất có thể nhìn thấy thế gian của Chúa, nhìn thấy phương trời xa xăm quang đãng, sáng lạn, thấy cả thảo nguyên phóng khoáng không một bóng người, mà chất hoang mạc của nó gây cho tôi một ấn tượng lạ kỳ. Chỉ có trên bờ sông này ta mới có thể đứng quay lưng lại phía pháo đài và không nhìn đến nó nữa. Tất cả những nơi làm khác đều nằm trong pháo đài hoặc ngay cạnh đó. Ngay từ những buổi đầu tiên tôi đã căm thù cái pháo đài này và đặc biệt là căm ghét một số tòa nhà. Ngôi nhà tên thiếu tá là ngôi nhà có cái gì đó đáng nguyền rủa, đáng ghê tởm, và cứ mỗi lần đi ngang qua tôi lại nhìn một cách căm giận. Trên bờ sông này ta có thể lãng quên đi được, khi ta nhìn vào khoảng không gian hoang sơ hút mắt, tựa như tù nhân nhìn qua cửa sổ nhà tù dõi tới tự do. Ở đây tất cả mọi thứ đối với tôi đều đáng quý, đáng yêu: cả mặt trời chói chang rực rỡ trên bầu trời xanh không có đường viền, cả khúc ca của người dân kirgiz vọng tới đây từ bến bãi của dòng sông Kirgizia. Bạn hãy nhìn chăm chú thật lâu và cuối cùng bạn sẽ thấy được một túp nhà lều nghèo khó, ố vàng của một người dân *baigush* nào đó, sẽ nhìn thấy một

ngọn khói loang loang trên nóc nhà lều, nhìn thấy một cô nàng kirgiz đang nói gì đó với đôi cừu của cô. Tất cả đều là nghèo đói và hoang dã, nhưng là tự do. Bạn sẽ nhìn thấy một chú chim bay trong thinh không xanh rờn, trong vắt, bạn sẽ đứng hồi lâu ngắm cánh chim bay, kìa nó bay sà xuống nước, kìa nó biến mất giữa khoảng trời xanh, kìa nó lại xuất hiện như một chấm sáng thấp thoáng... Thậm chí có bông hoa quê nghèo úa héo mà tôi chợt thấy một sớm xuân kia náu nơi bờ đá cũng có cái gì đau đớn khiến tôi dừng mắt. Nỗi buồn nhớ suốt một năm đầu khổ sai thật không sao chịu nổi và cứ dằn vặt, kích động tôi hoài. Trong năm đầu ấy vì buồn quá mà tôi chẳng để ý gì đến xung quanh mình nữa. Tôi đã nhắm mắt vào, không thèm quan sát. Trong số những bạn tù khổ sai hung dữ và đáng căm giận tôi đã không nhận ra những con người tốt bụng, những con người có khả năng tư duy và cảm nhận, mặc dù họ có cái vỏ hình thức bên ngoài đáng phải ghê sợ. Giữa những lời nói độc mồm đôi khi tôi đã không nhận ra những câu lịch sự và âu yếm, những câu nói còn đáng quý hơn bởi lẽ chúng được nói ra không có gì là hình thức, mà nhiều khi thốt ra tự những tâm hồn có thể còn đau khổ hơn tôi và chịu đựng hơn tôi. Nhưng chúng ta nói hoài chuyện đó làm gì? Tôi thấy vô cùng vui sướng khi đã quá thấm mệt và được trở về nhà nằm lăn ra ngủ! Bởi lẽ ở chỗ chúng tôi nằm ngủ vào mùa hè là khổ lắm, còn tồi tệ hơn là ngủ mùa đông. Tất nhiên, cũng có những buổi chiều thật đẹp. Mặt trời suốt ngày không rời khỏi sân trại, nhưng cuối cùng cũng đi xuống núi. Trời bắt đầu mát, rồi sau đó là bắt đầu một đêm thảo nguyên khá lạnh (nói một cách tương đối). Anh em trại nhân chỉ chờ đến lúc khóa cổng là kéo nhau từng tốp đi lại khắp sân. Đám đông nhất thì túm tụm ở nơi nhà bếp. Tại đây bao giờ cũng nổi lên vấn đề nóng bỏng của toàn trại, họ bàn luận chuyện này, chuyện kia, đôi khi bình luận tin này, tin nọ, thường là những tin thất thiệt, nhưng lại được chú ý đặc biệt nơi những con người bị tách rời ra khỏi thế giới, chẳng hạn như có tin nói rằng tên thiếu tá của chúng tôi đã bị hạ bệ. Trại nhân thì nhẹ dạ như trẻ con. Bản thân họ cũng biết rằng tin đồn là huyễn hoặc do một tên khoác lác nổi tiếng “trời đánh không chết” tung ra, tên là Kvasov, mà từ lâu anh em đã bàn nhau không tin hắn nữa, vì hắn không nói được điều gì khác ngoài lời nói dối, thế nhưng mọi người vẫn bám vào tin đồn, rồi đem ra bàn luận, tự mình an ủi mình, kết cục lại là tự mình cáu bẳn với mình, tự mình thấy xấu hổ vì đã chót tin Kvasov.

- Nhưng ai mà đuổi hắn đi được! - một người nói to. - Chắc là cổ hắn to, nên vẫn trụ được.

Một anh chàng khác hăng hái và chẳng ngu đần tí nào, một người từng trải, nhưng hay cãi vã nhất trần đời, lên tiếng:

- Hắn có nhiều người bảo trợ đấy!

- Đã là quạ thì không bao giờ mổ mắt nhau cả đâu! - một người nữa tóc đã bạc gằn giọng nói, dường như nói thầm, ông này ngồi trong một góc một mình húp nốt đĩa súp.

Lại có một người thứ tư chen vào, tay gảy nhẹ trên cây đàn *balalaika*:

- Chẳng lẽ những người bảo trợ ấy lại đến hỏi anh xem có nên đuổi hắn đi hay không à?

- Tại sao lại không phải là tôi? - người thứ hai dữ dằn phản đối. - Có nghĩa là nếu được hỏi thì lúc ấy tất cả người nghèo đều yêu cầu, tất cả hãy tuyên bố. Nếu không thì ở đây chắc là chỉ kêu gào thôi, còn khi đến việc thì lại bàn lùi!

- Còn ông nghĩ thế nào? - anh chàng chơi đàn hỏi. - Làm như thế thì đi khổ sai.

Anh chàng hay cãi vã không chịu nghe ai, cứ hăng hái nói tiếp:

- Đau khổ thì vẫn còn đó. Người ta tịch thu hết tất cả các thứ chổi cùn rế rách, cũng là mồ hôi nước mắt cả đấy, rồi người ta đem bán. Không, tôi có biết chuyện này; một tên trong anh em ta hớt lẻo, thế là bọn chúng tịch thu hết; có nghĩa là đánh vào kinh tế. Không hiểu có đúng thế không?

- Nhưng mà anh muốn kêu với ai?

- Kêu với ai à? Kêu với quan thanh tra, ông ấy sắp đến.

- Thanh tra ấy là thanh tra nào?

- Đúng thế đấy, các anh em ạ, sắp có thanh tra đến thật, - người lên tiếng là một chàng trai trẻ hoạt bát, hay chữ, trước đã làm nghề thư lại và đã từng đọc “Nữ công tước Lavalie” hoặc một cuốn gì đó đại loại như vậy. Anh này lúc nào cũng vui vẻ, cười đùa, nhưng vẫn được mọi người kính nể vì có phần hiểu biết công việc và đã trải đời. Anh không để ý rằng mọi người đang tò mò phấn khích vì viên thanh tra sắp đến, mà đi thẳng vào chỗ nấu nướng, tức là đến chỗ anh đầu bếp và hỏi mua một đĩa gan chiên. Đầu bếp thường vẫn buôn bán kiểu đó. Chẳng hạn, họ bỏ tiền túi ra mua một tảng gan to, chiên lên rồi cắt bán từng phần cho trại nhân.

- Một đồng hay hai đồng? -anh đầu bếp hỏi.

- Cắt cho hai đồng: phải để mọi người rỏ rãi ra chứ, - anh chàng đáp. - Các anh em này, có một vị tướng từ Peterburg sắp đến đây, ông ta sẽ đi thăm toàn vùng Sibir. Chắc thế rồi. Ở chỗ thường trực người ta kháo vậy.

Tin đồn nói trên đang gây ra một cơn chấn động đặc biệt. Trong khoảng mười lăm phút mà có bao nhiêu câu hỏi dồn dập: ai đến đấy, tướng quân gì, đeo lon mấy sao, có phải là thượng cấp của các tướng ở đây không? Về các loại quân hàm quân hiệu, các thứ chỉ huy, ai cấp cao hơn ai, ai bắt ai cúi lưng, ai tự mình cúi đầu, những chuyện ấy cả đám trại nhân say mê trò chuyện, thậm chí còn cãi nhau, mắng nhau, suýt thì đánh nhau chỉ vì các tướng lĩnh, mà thực ra họ có được lợi gì đâu. Thế nhưng việc hiểu biết tường tận về các tướng lĩnh và nói chung về giới chỉ huy lại được coi là thước đo trình độ nhận thức, trình độ lịch lãm, là thước đo giá trị con người trong xã hội trước khi nhập trại. Nhìn chung câu chuyện về lãnh đạo cao cấp vẫn được coi là câu chuyện thời thượng nhất và quan trọng nhất trong trại.

- Các anh em này, đúng là người ta đến để thay ghế tên thiếu tá, - anh Kvasov nói. Anh này người nhỏ nhắn, da đỏ hồng, rất nóng vội, nhưng lại rất ngô nghê. Chính anh ta là người đầu tiên đưa tin về tên thiếu tá.

- Hắn sẽ đút lót! - trại nhân đầu bạc mặt mày ủ rũ đã húp xong đĩa súp, lên tiếng.

- Thế nào hắn cũng đút lót được, - một người khác nói. - Hắn cướp được ít tiền đấy à? Trước khi về đây hắn đã ở cấp tiểu đoàn rồi. Hắn còn định lấy con gái tướng Protopopov nữa kia mà.

- Nhưng hắn có lấy được cô ta đâu: hắn bị đuổi thẳng cổ ra khỏi cửa vì nghèo. Vị hôn phu gì cái mặt ấy! Hắn mà rời khỏi cái ghế là hết đời! Hắn đã nướng hết vào sòng bạc rồi còn đâu. Fedka nói thế.

- Đúng rồi, tiền không được tiêu mà tiền cứ hết.

- Ê! Người anh em ơi, tôi cũng đã có vợ rồi đấy. Người nghèo lấy vợ khổ lắm. Lấy được vợ mà đêm lại ngắn! - Skuratov đưa ra nhận xét khi bắt vào câu chuyện.

- Chứ còn gì nữa! Đúng là chuyện của anh đấy, - anh chàng thư lại lỗ mãng nói. - Còn anh, Kvasov, tôi nói cho anh biết, anh là một thằng đại ngốc. Chẳng lẽ anh lại nghĩ rằng viên tướng ấy mà tên thiếu tá cũng phải đút lót, rằng viên tướng ấy cố tình đi từ Peterburg đến đây để thanh tra tên thiếu tá. Anh ngốc thật đấy, tôi nói cho anh biết như vậy.

- Anh nói gì thế? Chẳng lẽ hắn là tướng mà không nhận tiền ấy à? - trong đám đông có người hoài nghi.

- Biết rồi, hắn không nhận đâu, nếu đã nhận thì phải nhận tiền lớn.

- Còn lạ gì, phải là tiền lớn; theo đúng phẩm trật.

- Tướng gì thì cũng nhận tuốt, - Kvasov khẳng định.

- Thế anh đã bao giờ đút lót ông ta chưa? - Baklushin bỗng bước vào cất giọng khinh khỉnh. - Mà đã chắc gì có lúc nào anh nhìn thấy tướng?

- Thế còn anh đã nhìn thấy chưa?

- Anh chỉ bốc phét.

- Thì anh bốc phét đi.

- Các bạn ơi, nếu anh ấy nhìn thấy thì cứ để anh ấy nói luôn bây giờ cho mọi người hay rằng anh ấy biết viên tướng nào? Thôi, anh nói đi, còn tôi thì tướng nào tôi cũng biết hết.

- Tôi đã nhìn thấy tướng Zibert, - Kvasov có vẻ ngập ngừng.

- Zibert? Không có tướng nào là Zibert cả. Anh biết không, ông ta đã nhìn thấy cái lưng của anh rồi. Có lẽ hồi ấy ông ta mới là thượng tá, còn anh quá sợ hãi nên tưởng là tướng.

- Không, các anh nghe tôi nói đây, - Skuratov kêu lên, - hồi ấy tôi đã có vợ rồi. Tướng này ở Moskva vẫn còn trong trắng mà. Đó là ông Zibert, người Nga nhưng lại gốc Đức. Năm nào ông ấy cũng xưng tội với đức cha người Nga về cụ kỵ nhà ông ấy, và, các anh em ạ, lúc nào ông ấy cũng uống nước, cứ như là con vịt vậy. Ngày nào ông ấy cũng uống bốn mươi cốc nước đầu nguồn sông Moskva. Có người bảo ông ấy uống thế để chữa bệnh, chính bạn ông ta nói với tôi thế.

Anh bạn chơi đàn balalaika nhận xét:

- Uống nước này vào nên trong bụng ông ta sinh ra một đàn cá giếc.

- Thôi, các bạn nói thế đủ rồi! Chúng ta đang nói dở công việc, còn họ thì… Các anh em vừa nói viên thanh tra nào nhỉ? - một trại nhân tỏ ra băn khoăn nhấp nhổm. Đó là ông già cựu quân nhân kỵ binh tên là Martynov.

- Người ta cứ đồn thổi ra thế thôi! - một người hoài nghi lên tiếng. - Không hiểu họ lấy đâu ra những chuyện ấy và kể ra làm gì chứ? Toàn là chuyện ba láp.

- Không, không phải ba láp đâu! - anh chàng Kulikov lên tiếng trịnh trọng. Từ nãy anh vẫn ngồi yên lặng đạo mạo. Đó là một anh chàng nặng cân, tuổi ngót năm mươi, có gương mặt thật hết sức phương phi với vẻ khinh đời quí phái. Anh ý thức được điều đó và cũng tự hào điều đó. Anh có một phần dòng máu zigan, làm nghề thú y và vẫn kiếm được tiền trong phố nhờ chữa bệnh cho ngựa, còn ở trong trại thì anh buôn rượu. Anh là người thông minh, từng trải. Anh là người nói câu nào đáng tiền câu nấy.

- Đúng là thế đấy, các anh em ạ, - anh lại bình tĩnh nói tiếp, - tuần vừa rồi tôi cũng có nghe rằng sẽ có một vị tướng đến đây, một vị rất trọng yếu, sẽ đi thanh sát toàn vùng Sibir. Việc ấy ai cũng biết, ông ta sẽ được đút lót, chỉ có điều con quỷ của trại chúng ta là không làm được thôi. Người này không thể nào tiếp cận được với vị tướng. Tướng cũng có năm bảy đường tướng, các bạn ạ. Chuyện đời thường có như vậy. Có điều tôi xin nói với các bạn, tên thiếu tá của chúng ta trong mọi trường hợp vẫn sẽ ung dung tại vị nơi đây. Điều ấy là chắc. Chúng ta là những người không được phép nói, còn trong giới quyền chức thì những người thuộc cánh ta sẽ không bao giờ ton hót về người của mình. Tướng thanh tra sẽ ngó nghiêng vào trại, rồi cứ thế ra đi, rồi báo cáo lên trên rằng ở đây mọi việc đều tốt...

- Đúng thế đấy, các anh em ạ, còn tên thiếu tá thì sợ run lên: hắn đã say rượu từ lúc sáng sớm.

- Thế mà đến chiều hắn lại làm một chầu nữa. Fedka bảo thế.

- Ngựa đen thì không tắm trắng ra được. Đây là lần đầu tiên hắn say phải không?

- Không, hắn vẫn thế, cho dù vị tướng không làm gì hết! Không, hắn bắt chước hết những thói tật của bọn chúng đấy! - anh em trại nhân lo lắng truyện trò với nhau.

Câu chuyện về quan thanh tra loáng cái đã truyền khắp cả trại. Mọi người đi lại trong sân sốt sắng truyền nhau tin mới. Một số người cố tình im lặng, giữ vẻ lạnh lùng và bằng cách đó họ làm cho mình có vẻ quan trọng hơn lên. Một số khác thì vẫn thờ ơ. Rải rác trên các bậc thềm lán trại là các trại nhân ôm đàn balalaika. Một số người tiếp tục tán gẫu. Một số khác nghêu ngao mấy bài hát, nhưng nhìn chung thì suốt buổi tối hôm ấy không khí thật là căng thẳng.

Đến khoảng mười giờ đêm chúng tôi được điểm danh. Tù nhân bị lùa về các lán trại và bị khóa nhốt. Những đêm ấy thật ngắn: năm giờ sáng chúng tôi đã bị đánh thức, mà lúc đi ngủ thì không trước mười một giờ. Trước giờ đó thì bao giờ cũng vậy, cũng vẫn là những bước chân ồn ào, những cuộc trò chuyện, đôi khi, kể cả mùa đông vẫn có bọn mai-đan hoạt động. Ban đêm là lúc nóng bức và ngột ngạt không thể chịu được. Mặc dù qua các cửa sổ hé mở cũng có một chút gió mát, nhưng tù nhân vẫn cứ trở mình suốt đêm, tựa như trong cơn mê sảng. Bọ rệp thì nhiều vô kể. Chúng có mặt khắp nơi cả vào mùa đông với số lượng rất lớn, và bắt đầu từ mùa xuân thì chúng sinh sôi nảy nở với mức độ kinh khủng, mà mặc dù trước đây tôi có nghe nói, nhưng vì hồi đó chưa được trải nghiệm nên

tôi chưa muốn tin. Càng sang hè chúng càng trở nên hung hãn. Dù đối với bọ rệp tôi vẫn có thể quen được, nhưng dẫu sao đó cũng là vướng mắc nặng nề. Anh em thấy thật đau khổ khi đã phải nằm trong cái nóng như thiêu như đốt, lại cảm thấy mình như không phải ngủ, mà chỉ là trong cơn mê sảng thôi. Đến rạng sáng, khi lũ bọ rệp đã uể oải, dường như đã yên nghỉ, rồi lại được hưởng chút gió mát ban mai, anh em mới được chợp mắt ngọt ngào, thì đúng lúc đó lại vang lên cái hồi trống tàn nhẫn cạnh cổng ra vào và buổi bình minh lại đến. Các anh em khoác vội cái áo bông cộc đã phải ghê sợ lắng nghe những âm thanh khúc chiết ầm ĩ, tựa hồ có thể đếm được từng từ, hơn thế nữa, lúc còn lơ mơ ngủ đầu óc đã căng lên với ý nghĩ rằng ngày mai, ngày kia và nhiều năm sau nữa, cho đến tận ngày được hưởng tự do thì cuộc sống vẫn thế này thôi. Rồi họ lại nghĩ, bao giờ mới có tự do, có ở đâu? Thế nhưng vẫn cứ phải thức dậy để rồi lại bắt đầu những bước đi, những câu chuyện hàng ngày... mọi người mặc quần áo, vội vã đi làm. Tất nhiên, vẫn còn có thể ngủ được khoảng một tiếng đồng hồ nữa vào lúc ban trưa.

Về việc quan thanh tra người ta đã nói đúng. Tin đồn ngày càng được xác thực, và cuối cùng hẳn là mọi người cũng nhận ra rằng sẽ có một vị tướng quân trọng yếu từ Peterburg đi thanh tra toàn vùng Sibir, rằng ông đã đến vùng này và hiện đang ở Tobolsk. Ngày nào cũng có những tin mới đổ vào trại. Có cả những tin từ thị trấn vào: nghe đồn rằng mọi người đều lo lắng, run sợ, đều muốn biết thực hư ra sao. Người ta kháo nhau rằng quan thượng cấp đã chuẩn bị tiệc tùng, vũ hội, lễ lạt. Tù nhân được phái đi từng đoàn lớn nhỏ làm công việc san đường đắp lối đi về pháo đài, phá bỏ các ụ đất, chắp vá lại các hàng rào và dựng lại các bia cột, sơn quét lại một số nơi - tóm lại, người ta muốn trong một tích tắc có thể chấn chỉnh lại mọi thứ cho đẹp cái mặt. Anh em chúng tôi hiểu rất rõ điều đó và lại càng bàn tán hăng hái hơn nữa, trí tưởng tượng của anh em đã lên đến mức kinh khủng. Thậm chí anh em đã chuẩn bị sẵn sàng đưa ra *kiến nghị*, một khi vị tướng hỏi anh em có hài lòng không. Trong khi đó thì anh em vẫn cãi nhau và chửi nhau thậm tệ. Viên thiếu tá lo lắm. Hắn lui tới trại nhiều lần hơn, kêu gào nhiều hơn, hung hăng nhiều hơn, lôi mọi người đến tập trung nhiều hơn để kiểm tra vệ sinh, ngăn nắp. Đúng vào lúc này thì lại có một câu chuyện nhỏ dường như cố ý xảy ra trong trại, tuy nhiên, câu chuyện này hoàn toàn không làm hắn buồn bực, trái lại, hắn còn thấy vui. Trong một cuộc đánh lộn một tù nhân đã dùng cái dùi đâm vào ngực một anh bạn gần đúng vào chỗ trái tim.

Anh tù nhân mắc tội ấy tên là Lomov. Anh bị thương được anh em gọi là Gavrilka. Anh này thuộc giới lang thang thâm căn cố đế. Tôi không biết anh ta có cái biệt danh nào nữa không, còn ở đây ai cũng gọi là Gavrilka.

Lomov vốn thuộc con nhà nông dân khá giả xã T., huyện K. Cả nhà Lomov sống quây quần một nơi: một ông bố, ba anh con trai và một ông chú. Tất cả đều giầu có. Khắp cả thị trấn người ta nói rằng vốn liếng nhà họ có tới ba trăm ngàn đồng. Họ biết làm ruộng, thuộc da, buôn bán, nhưng công việc nhiều hơn cả là cho vay nặng lãi, che dấu bọn người lang thang và những khoản tài sản trộm cắp và các trò kiếm ăn khác nữa. Phải đến nửa huyện ấy là con nợ của họ, là nô lệ của họ. Họ nổi tiếng là thông minh và khôn ngoan, nhưng cuối cùng thì họ sinh ra kiêu ngạo, đặc biệt là dịp có một nhân vật rất trọng yếu trong vùng có việc dừng lại ở thăm nhà họ, làm quen trực tiếp với ông già rồi yêu quí ông già vì ông có tài tháo vát và khéo xoay xở. Thế là đột nhiên họ nghĩ đại ra rằng họ chẳng còn cần cương tỏa gì cả, rồi họ bắt đầu phiêu lưu ngày càng kinh hoàng hơn trong rất nhiều các phi vụ ngoài vòng pháp luật. Tất cả mọi người đều ta thán về họ, đều mong sao cho họ gục ngã, nhưng họ thì lại ngày càng vênh vênh cái mặt. Các cảnh sát trưởng và các hội thẩm đoàn chẳng là cái gì với họ cả. Cuối cùng họ phát rồ lên mà chết, không phải chết vì một cái gì tồi tệ, cũng không phải vì những tội ác bí hiểm, mà chỉ vì một lời điêu trác. Ở cách làng khoảng mười vec-sta họ có một trang trại lớn, đó là đất khẩn hoang theo luật Sibir. Một bận, lúc sang thu, ở đó có sáu người *kirgiz* làm công cho họ từ lâu, gần như là nông nô rồi. Một đêm cả sáu người này đều bị chặt đầu. Vụ án bắt đầu và kéo dài mãi. Trong quá trình đó người ta phanh phui ra nhiều điều xấu xa khác nữa. Nhà Lomov bị buộc vào tội giết hại những người làm công. Chính họ đã kể như thế và cả trại cũng biết điều đó: họ bị nghi ngờ là nợ tiền những người làm công quá nhiều. Mặc dầu họ có nhiều tiền của, nhưng lại bần tiện và tham lam, vì vậy mà họ chặt đầu anh em *kirgiz* để khỏi trả nợ. Trong thời gian điều tra và thụ án họ đã tiêu hết sạch gia tài. Ông già lăn cổ ra chết, con cái được gửi đi mỗi đứa một phương. Một anh con trai và ông chú rơi vào vòng khổ sai ở chỗ chúng ta thời hạn mười hai năm. Thế là thế nào? Hai người này hoàn toàn vô tội trong cái chết của các anh em *kirgiz*. Sau này, ở trong trại, cái anh chàng nổi tiếng là ma lanh và lang thang, vui tính và năng nổ Gavrilka đã thú nhận rằng chính anh đã nhận hết phần tội lỗi về mình. Tuy nhiên, chính tôi thì tôi không được nghe anh tự thú chuyện này, nhưng cả trại thì hoàn toàn tin rằng anh em *kirgiz* không ai thoát nổi tay anh. Gavrilka và Lomov từ hồi lạc bước giang hồ đã có chuyện

rồi. Anh đã phải đi tù ngắn hạn vì là lính trốn trại và là lang thang phiêu bạt. Anh cùng với ba người lang thang khác nữa đã cắt cổ anh em *kirgiz*. Họ muốn kiếm chác nên đi ăn cướp trong vùng khẩn địa.

Gia đình Lomov chẳng được ai trong chúng tôi yêu mến. Tôi cũng không rõ vì sao. Nhà ấy có một thằng cháu rất thông minh và dễ gần gũi, nhưng ông chú anh ta là người đã dùng dùi đâm Gavrilka thì lại đầu độn và ba láp. Trước đó ông ta đã cãi lộn với nhiều người và đã bị người ta nện cho nhừ tử. Gavrilka thì được mọi người yêu mến vì tính tình vui vẻ và nghiêm túc. Mặc dù nhà Lomov biết rằng anh này là tội đồ, và họ vì anh ta mà phải đến đây, nhưng lại không hề cãi nhau với anh, tuy họ chẳng bao giờ gặp nhau, và anh ta cũng không quan tâm gì tới họ cả. Thế rồi tự nhiên nổ ra cuộc cãi vã giữa anh ta với ông chú nhà Lomov chỉ vì một cô bé chẳng ra làm sao. Gavrilka thì khoe với mọi người rằng cô ta có lòng khoan hậu, thế là ông chú kia nổi một cơn ghen và đến một buổi trưa ông đem dùi đâm anh một nhát.

Nhà Lomov dù đã khánh kiệt sau vụ hầu tòa, nhưng vào trại họ vẫn sống dư dả. Rõ ràng là họ còn tiền, họ có ấm *samovar*, họ được uống trà. Tên thiếu tá biết chuyện ấy và căm ghét cả hai người nhà Lomov đến tận xương tủy. Hắn luôn bẻ hành bẻ tỏi và thường xuyên gây chuyện với họ. Nhà Lomov giải thích rằng hắn muốn ăn tiền đút lót của họ, nhưng họ không cho.

Tất nhiên, nếu như Lomov nhấn sâu thêm mũi dùi chút nữa thì ông ta đã giết chết Gavrilka rồi. Nhưng câu chuyện ấy chỉ kết thúc bằng một vết xước. Có người báo cho tên thiếu tá. Tôi vẫn nhớ cái cách thức mà hắn hộc tốc phi đến, mặt mày hớn hở. Hắn xử sự với Gavrilka thật âu yếm đến mức kinh ngạc, hệt như cha đẻ đối với con ruột.

- Thế nào, anh bạn, anh có thể đi bộ đến bệnh viện được không? Không được à, thế thì thắng cho anh ấy con ngựa. Thắng ngựa mau lên! - hắn quát ngay viên hạ sĩ.

- Nhưng tôi, bẩm ngài, tôi không cảm thấy đau gì đâu ạ. Hắn ta chỉ đâm nhẹ thôi, thưa ngài.

- Anh không biết đâu, anh không biết đâu, anh bạn thân mến ơi; rồi anh sẽ thấy... Đấy là chỗ hiểm, tất cả đều do vị trí mà ra; chỗ ấy ngay ở dưới tim, cái quân kẻ cướp ấy! Còn mày, còn mày, - hắn quay về phía Lomov và gầm lên, - bây giờ tao sẽ hỏi tội mày!... Vào phòng lính gác!...

Và hắn xử tội thật. Lomov bị kết án. Mặc dù vết thương chỉ là vết đâm nhẹ nhàng nhất, nhưng lại có ý đồ rõ ràng. Tội nhân bị tăng thời hạn lao động và phải chịu một nghìn roi. Tên thiếu tá thật mãn nguyện...

Cuối cùng thì vị tướng thanh tra cũng đến. Ông ta đến thị trấn thì ngày hôm sau đến chỗ chúng tôi. Sự kiện ấy như một ngày hội. Trước đó mấy ngày mọi thứ đã được lau rửa, đánh bóng cẩn thận. Trại nhân ai cũng cạo râu cạo mặt nhẵn nhụi, áo quần trắng đẹp. Vào mùa hè, theo đúng qui định ai cũng phải mặc áo khoác, quần dài màu trắng bằng vải gai. Lưng áo mỗi người đều có thêu một vòng tròn màu đen, đường kính bằng hai miệng niêu. Trong suốt một giờ các trại viên được hướng dẫn cách thức trả lời, một khi nhân vật cao cấp kia có điều gì nghi vấn. Tất cả đều được tập duyệt. Viên thiếu tá chạy ngược chạy xuôi đầu tắt mặt tối. Một tiếng đồng hồ trước khi viên tướng xuất hiện tất cả mọi người đã đứng đúng vị trí tăm tắp như các ngẫu tượng, tay xếp nẹp quần. Cuối cùng, đúng một giờ trưa vị tướng xuất hiện. Đó là một vị tướng đường bệ, đường bệ đến mức dường như trái tim của tất cả mọi nhân vật hàng đầu trên khắp vùng Tây Sibir này đều rung lên cùng bước chân đến đây của vị tướng. Ông bước vào nghiêm khắc và trang trọng, theo sau là đoàn tháp tùng đông đảo gồm các quan chức địa phương cùng một số viên tướng và đại tá. Cùng đến còn có một vị khách dân sự người cao to đĩnh đạc mặc áo đuôi tôm, đi giày cứng, cũng từ Peterburg đến, nhưng có thái độ hết sức thoải mái và tự do. Điều này khiến các trại nhân quan tâm đặc biệt: vừa là khách dân sự, vừa được nể trọng lại vừa là đi cạnh một vị tướng như thế! Cuối cùng thì người ta cũng tìm ra được danh tính ông ta và biết được ông ta là ai, có điều là họ biết rất nhiều chuyện. Còn tên thiếu tá của chúng ta thì gồng người lên, mặc áo cổ màu da cam, hai mắt đầy những mạch máu, mặt đầy mụn trứng cá đỏ sậm, nhưng có lẽ không tạo ra được ấn tượng gì đặc biệt dễ chịu cho ngài tướng quân. Để tỏ ra có lòng kính trọng đặc biệt đối với vị tướng hắn đã bỏ không đeo kính nữa. Hắn đứng ở một quãng xa, chân tay thẳng băng, toàn thân như lên cơn sốt chờ đợi một giây phút nào đó cần thiết để bay ra thực hiện ý muốn của đấng kính tôn. Thế nhưng không có việc gì cần đến hắn cả. Ngài tướng quân lặng lẽ đi thăm các lán trại, ngó vào trong bếp, có vẻ như muốn dùng món canh cải. Có người chỉ cho ngài thấy tôi, rồi nói mấy câu gì đó, đại loại là tôi thuộc lớp quí tộc.

- A! - Vị tướng đáp lại. - Thế bây giờ ông ấy ra sao?

- Bẩm Ngài, ông ấy thấy hài lòng ạ. - Người ấy trả lời.

Vị tướng gật đầu, rồi độ hai phút sau bước ra khỏi trại. Tất nhiên, tất cả trại nhân đều hoa mắt, sững sờ, nhưng dẫu sao cũng còn đôi điều không thể hiểu được. Hiển nhiên là không ai nhắc gì đến yêu cầu đối với thiếu tá. Mà tên thiếu tá cũng thừa biết như thế từ trước.

VI

NHỮNG VẬT NUÔI TRONG TRẠI

Việc mua chú ngựa Gnetko ít lâu sau khi có trại đã làm cho anh em trại nhân quan tâm và vui sướng hơn rất nhiều so với việc đón tiếp các vị khách quý. Trại chúng tôi cần một con ngựa để chở nước vào trại và chở đi đủ các thứ rác rưởi linh tinh. Có một trại viên được chỉ định để chăm sóc ngựa. Anh này cũng được đi theo ngựa, tất nhiên là có người áp giải. Công việc dành cho chú ngựa thật là nhiều, cả sáng, cả chiều. Chú ngựa Gnedko phục vụ chúng tôi đã rất lâu. Chú hiền lành, nhưng phải làm việc quá tải. Một sớm mai kia, ngay trước ngày lễ thánh Piotr chú Gnedko chở về một két nước dùng cho buổi chiều, chú bỗng gục xuống và mấy phút sau thì trút hơi thở cuối cùng. Ai cũng thương chú, mọi người vây quanh bàn tán, tranh cãi. Những anh em cựu kỵ binh, những người zigan, những nhân viên thú y v.v... đều lên tiếng, thậm chí có những ý kiến đặc sắc về loài ngựa, thậm chí còn tranh cãi nhau nữa, nhưng còn Gnedko thì không ai làm sống lại được. Con vật nằm chết ở đấy, bụng to phình và ai cũng thấy mình phải có trách nhiệm sờ một ngón tay vào đấy; người ta báo cáo với tên thiếu tá về số phận trời định cho chú ngựa. Tên thiếu tá quyết định phải mua ngay một chú ngựa mới. Đúng ngày lễ Piotr, vào hồi sáng sớm, sau buổi cầu kinh, lúc mọi người đã tập trung đông đủ thì có người đem ngựa đến bán. Chắc chắn rằng việc mua ngựa đã được giao phó cho các trại nhân. Trong chúng tôi có những anh em rất sành sỏi, và việc qua mắt hai trăm năm mươi con người trước đây chuyên nghề xem ngựa là chuyện không hề dễ dàng. Tụ tập ở đây có những người *kirgiz*, những anh lái ngựa, những người zigan, những kẻ chợ búa. Tù nhân háo hức chờ từng con ngựa mới xuất hiện. Họ vui sướng như trẻ con. Điều họ thấy hân hoan nhất là được thấy mình giống hệt những con người tự do, hệt như chính mình được lấy tiền trong túi *của chính mình* để mua ngựa *cho chính mình* và mình có toàn quyền để mua ngựa. Đã có ba con ngựa được mang đến và được mang đi, khi mọi người cũng đã xem xong con thứ tư. Những lái ngựa có mặt thấy có phần ngỡ ngàng, tựa hồ như chần chừ nhìn quanh, thậm chí đôi lúc lại ngó nhìn mấy tên lính áp dẫn họ đến. Đội quân tù nhân hai trăm người, râu cạo nhẵn nhụi, mang số ấn triện, chân bị xiềng xích, đang ở trong nhà mình,

trong cái lồng sắt khổ sai, mà ngưỡng cửa của nó không ai bước qua được, đang khiến cho mọi người kính trọng. Anh em trại nhân đã đem hết mọi mánh khóe ra để thử tài mấy chú ngựa đến đây. Toàn bộ vốn liếng tài năng của trại phụ thuộc vào chỗ anh em xem xét gì ở con ngựa, cảm nhận được gì ở đó, và hơn thế nữa là cảm nhận với dáng vẻ của người thạo việc, nghiêm túc và năng nổ. Những người *trerkes* thậm chí nhảy lên mình ngựa mà phi, mắt họ rực sáng lên, mồm họ liến thoắng những câu gì bằng thổ ngữ không ai hiểu được, răng họ trắng sáng, những bộ mặt đầy đặn với những cái mũi khoằm khoằm của họ gật gật. Trong số dân Nga có người chăm chú lắng nghe cuộc tranh luận của họ, dường như muốn nhảy hẳn vào trong mắt họ. Thổ ngữ của họ thì không nghe được, nhưng qua những ánh mắt kia người đó muốn đoán xem quyết sách của họ thế nào: con ngựa này có đáng mua không? Thậm chí lại có một điều lạ nữa là lại có người nhòm ngó đến hoa mắt chóng mặt vào anh bạn trại nhân quan sát nói trên. Có lẽ cái anh chàng trại nhân này đang miệt mài theo dõi chuyện gì, và anh chàng vô danh ấy vẫn cứ lặng lẽ nín im sợ hãi không dám thốt lên lời nào! Dường như chính anh bỏ tiền mua ngựa cho mình, dường như thực sự là đối với anh ta thì mua con ngựa nào cũng là điều không thể thờ ơ được. Ngoài những người *trerkes* thì có một nhóm người nổi bật lên hơn cả là anh em zigan cũ và nhóm lái ngựa: họ được ưu tiên đứng hàng đầu và được nói trước. Lúc này thậm chí đã diễn ra một cuộc đấu tay đôi có vẻ như là cao thượng, đặc biệt là giữa hai người: Kulikov - vốn trước thuộc nhóm zigan, chuyên trộm ngựa và lái ngựa, - và anh chàng thú y tự học, một gã nông phu Sibir láu cá, mới nhập trại được ít hôm, nhưng đã kịp giành giật được của Kulikov gần như mọi việc làm ăn trong thị trấn của anh ta. Vấn đề là ở chỗ những thày thuốc thú ý tự học ở trong trại này không những được đám dân nghèo và dân buôn trong thị trấn đánh giá cao, mà ngay cả các quan chức cao cấp cũng tìm vào trại, khi có ngựa bị đau ốm, mặc dù trong thị trấn trước đây cũng đã có mấy vị bác sĩ thú y thực thụ. Trước khi anh chàng nông dân Sibir Elkin nhập trại thì Kulikov không có đối thủ. Anh này có thực tế nghề nghiệp vững chãi, và chắc chắn là đã được thưởng nhiều tiền. Anh ta luôn khoe tính cách zigan, hay lừa dối và hiểu biết ít hơn những điều nói ra. Xét về thu nhập thì trong anh em chúng tôi anh ta là nhà quí tộc. Xét về trải nghiệm, về trí lực, về lòng dũng cảm và quyết đoán thì từ lâu anh đã khiến các trại nhân buộc phải kính nể. Mọi người nghe lời anh và tuân ý anh. Nhưng anh là người kiệm lời, lời nói của anh đáng giá đồng tiền, và anh chỉ nói trong những trường hợp hết sức quan trọng. Anh là tay ăn diện hết cỡ, nhưng có nhiều nghị

lực thật sự và độc đáo. Tuổi anh đã xế, nhưng được cái vẫn rất điển trai và rất thông minh. Đối với chúng tôi, những người quý tộc, anh đối xử thật lịch sự, tinh tế, đồng thời cũng tỏ ra đứng mực khác thường. Tôi cứ nghĩ, giá cho anh ăn mặc lễ phục bá tước rồi mời vào một câu lạc bộ nào đó của thành phố, thì ở đó anh sẽ tìm được chính mình, sẽ thắng trong ván bài *whist*, sẽ nói mấy câu thật đĩnh đạc, và có thể suốt tối không ai phát hiện được rằng anh không phải là ông bá tước, mà chỉ là một thằng cha giang hồ. Tôi nói thế là nghiêm túc đấy: anh ta quả là thông minh, sáng dạ và nhanh trí. Ngoài ra anh có nhiều mẹo sống tuyệt vời, biết ăn mặc đỏm dáng. Rõ ràng anh là người từng trải. Tuy nhiên quá khứ của anh lại bị bao phủ trong vùng bóng tối mịt mù. Ở đây anh phải sống trong lán riêng. Nhưng từ khi có Elkin xuất hiện - dù chỉ là nông dân, nhưng là nông dân tinh khôn hết ý, tuổi mới năm mươi, là dân ly giáo, thì uy danh về nghề thú y của Kulikov đã bị che khuất. Chỉ trong vòng khoảng chừng hai tháng anh này đã giành được từ tay Kulikov gần như toàn bộ công việc làm ăn trong thị trấn. Anh đã chữa được, thậm chí là chữa một cách rất dễ dàng những con ngựa mà từ lâu trước đây Kulikov đã phải bó tay từ chối. Thậm chí anh còn chữa được cả những con ngựa mà các thày thú y trong phố không dám nhận chữa. Người nông dân này phải đến đây cùng những người khác vì tội làm bạc giả. Bước vào tuổi già anh bắt tay vào công việc đó chỉ với tư cách là kẻ đồng hành mà thôi. Chính anh ta vừa cười nhạo mình vừa kể cho chúng tôi nghe rằng cứ ba đồng tiền vàng thật thì chỉ có một đồng tiền giả. Kulikov có phần bị tổn thương danh dự vì những thành công yếu kém của mình trong nghề thú y, thậm chí niềm vinh quang của anh trong con mắt các trại nhân cũng bắt đầu mờ nhạt. Anh đã từng bao tiền cho một cô nhân tình ở vùng ngoại ô, cho cô mặc quần áo lót xếp nếp, đeo nhẫn bạc, vòng khuyên, thế mà giờ đây bỗng nhiên chỉ vì không có tiền mà phải hạ mình đi bán rượu, và vì thế mà mọi người chờ đợi rằng giờ đây khi mua con ngựa mới Gnedok hai kẻ địch thủ này sẽ choảng nhau một trận. Mọi người háo hức chờ đợi như thế. Hai địch thủ này anh nào cũng có một nhóm bạn. Những kẻ tiên phong trong hai nhóm bạn đã bắt đầu nhấp nhổm và đã xì xào qua lại những câu chửi thề. Bản thân Elkin cũng đã nhệch mép để tạo ra một nụ cười mỉa mai cay độc nhất. Nhưng hóa ra tình hình không phải như vậy: Kulikov không những không nghĩ đến chuyện chửi nhau, mà không cần chửi nhau anh cũng đã biết ứng xử khôn ngoan rồi. Anh bắt đầu từ việc nhượng bộ, thậm chí khi nghe những lời phê phán của đối thủ anh vẫn tỏ ra kính trọng, nhưng khi anh bắt được một lời sai thì anh lập tức khiêm nhường và kiên định vạch ra cho thấy

đối thủ đang mắc sai lầm, và trước khi Elkin kịp nhớ ra và sửa lại thì anh đã chứng minh rằng chính là đối thủ đang sai ở chỗ này chỗ nọ. Tóm lại Elkin đã bị hạ gục hết sức bất ngờ và ngọt ngào, và mặc dù anh đã ở thế thượng phong, nhưng nhóm bạn của Kulikov đã thấy hài lòng. Họ bảo:

- Không, các bạn ơi. Đánh bại anh ta không dễ dàng đâu, một tay cứng cựa đấy.

- Elkin hiểu biết nhiều hơn! -một số người nhận xét ra vẻ chấp nhận. Cả hai nhóm bạn đồng thanh lên tiếng với giọng hết sức nhường nhịn.

- Không những là có hiểu biết, anh ta còn mát tay nữa. Còn đối với ngựa thì cả Kulikov cũng không hề sợ sệt.

- Đúng là không hề sợ!

- Không hề sợ...

Cuối cùng mọi người cũng đã chọn mua con ngựa mới Gnedko, một con ngựa còn non tuổi, đẹp đẽ, chắc nịch, có mã ngoài hết sức duyên dáng, vui tươi. Xét đủ mọi tiêu chuẩn thì nó thật hoàn hảo. Bắt đầu mặc cả: chủ ngựa đòi ba mươi rúp, chúng tôi trả hai mươi lăm. Cuộc mặc cả kéo dài khá lâu, dần dà có xuống giá và nhân nhượng. Cuối cùng ai cũng phải buồn cười. Một số người bảo:

- Thế nào, có phải tiền túi của nhà anh đâu mà lo? Việc gì mà cứ mặc cả mãi thế?

- Anh xót tiền chùa đấy à? -một số người khác kêu to lên.

- Các anh em ơi, tất cả đều là tiền của anh em mình thôi.

- Đúng là của anh em! Ở đây không có ai ngốc đâu, không ai cho không, mà là chúng ta phải tự thân vận động... Tiền là của tập thể chúng ta! Các bạn ơi! Không phải là của những thằng ngốc mà cứ rắc ra bừa bãi, chính chúng ta cũng phải tự ra đời đấy chứ...

Cuối cùng hai bên thỏa thuận là hai mươi tám rúp. Mọi người báo cho tên thiếu tá và việc mua bán thế là xong. Ngay lập tức người ta mang đến bánh mỳ và muối rồi long trọng dẫn Gnedko[116] vào trại. Nhân dịp này có lẽ không một trại nhân nào lại không tranh thủ sờ cổ hoặc vuốt mõm chú ngựa. Cũng ngày hôm đó chú được thắng vào xe chở nước, mọi người chăm chú nhìn xem chú kéo thùng nước ra sao. Ông bạn chở nước tên là Roman nhìn chú ngựa mới với con mắt hài lòng đặc biệt. Đó là ông nông dân tuổi chừng năm mươi, thích trầm lặng và sống chắc chắn. Tất cả những người xà ích Nga đều sống chắc chắn và thậm chí là trầm lặng, dường như có một điều hiển nhiên là việc tiếp xúc thường

xuyên với ngựa khiến con người có tính chắc chắn đặc biệt, thậm chí là rất cẩn trọng nữa. Ông Roman cũng trầm tĩnh, dịu dàng với mọi người, không thích khoa trương, chuyên hít thuốc lá và không biết tự bao giờ ông sống quanh quẩn với những chú Gnedko của trại. Chú ngựa mới mua này là chú thứ ba. Ở đây mọi người đều tin rằng có một bờm ngựa màu tía về trại thì dường như là chúng tôi sắp được *về nhà*. Ông Roman cũng khẳng định như thế. Những thứ ngựa khác, chẳng hạn ngựa lang thì chúng tôi mua về làm gì. Cái công việc đi chở nước, theo một thứ luật lệ nào đó, bao giờ cũng được dành cho ông Roman, và ở đây chưa bao giờ có ai nghĩ đến việc tranh giành với ông cái lợi quyền ấy. Ngày con Gnedko trước bị gục ngã thì cũng không có ai, kể cả tên thiếu tá, nghĩ đến chuyện đổ tội cho ông Roman: đó là ý Chúa, chỉ có thế thôi, ông Roman vẫn là người xà ích hảo hạng. Chẳng bao lâu sau con Gnedko đã trở thành con thú cưng của toàn trại. Trại nhân, dẫu có là những người khô khan, vẫn cứ thường đến vuốt ve nó. Thường khi ông Roman đi ra sông về, có một tên hạ sĩ mở cổng cho ông, sau đó ông khóa cổng lại, còn Gnedko vào trại bao giờ cũng đứng bên thùng nước đưa mắt nhìn ông, chờ ông đóng cửa. Ông Roman nói to “Cứ vào trước đi!”, thế là con Gnedko lập tức một mình kéo xe nước vào tận bếp rồi dừng lại chờ mấy bác đầu bếp mang xô chậu chạy ra lấy nước. Mọi người bảo nó: “Thông minh quá, Gnedko! Một mình mà chở được nước về!... Ngoan thật là ngoan”.

- Hay thế đấy. Súc vật mà hiểu được như người!

- Tuyệt vời, Gnedko!

Gnedko lắc lắc cái đầu và thở ra phì phì, tựa hồ như nó hiểu thật sự và thấy hài lòng về những lời khen ngợi. Có một người nào đó ngay lúc ấy mang ra cho nó bánh mỳ và muối. Gnedko ăn ngay và gật gật đầu, tựa như muốn nói: “Cháu hiểu rồi đấy, bác ạ! Cháu là con ngựa đáng yêu, còn bác là một người tốt!”

Tôi cũng thích mang bánh mỳ cho Gnedko. Tôi lấy làm thích được nhìn vào cái mõm đỏ hồng của nó và cảm thấy trên lòng bàn tay mình đôi môi mềm mại ấm nóng của nó đang nhanh nhẹn đớp đớp mấy miếng thức ăn.

Nhìn chung, anh em trại nhân chúng tôi đều có thể yêu thích súc vật, và nếu như được phép thì họ sẵn sàng nuôi trong trại rất nhiều các loại gia súc gia cầm. Có lẽ để làm dịu đi thật nhiều, để làm cao thượng lên thật nhiều những tính cách khô khan và hoang dã của tù nhân thì làm sao lại không có những hình thức sinh hoạt đại loại như thế. Nhưng chuyện ấy người ta lại cấm. Nội quy và địa điểm không cho phép như vậy.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian tôi ở trong trại ngẫu nhiên tôi cũng có thấy một vài con vật. Ngoài Gnedko còn có mấy con chó, con ngỗng, một con dê tên là Vaska, một thời gian ngắn có cả một chú đại bàng.

Như ở trên tôi đã kể, trong trại này với tư cách là chó thường trực, có chú Sharik, một con chó thông minh, tốt bụng, và tôi đã có một tình bạn thường xuyên với nó. Nhưng bởi vì, nói chung, người dân thường vẫn coi chó là loài bẩn thỉu, không cần quan tâm đến chúng, cho nên đối với Sharik hầu như cũng chẳng có ai nhòm ngó gì đến. Con chó cứ sống, ngủ thì ngoài sân, ăn thì cơm thừa canh cặn và nó cũng chẳng quan tâm đặc biệt gì đến ai cả, thế nhưng nó lại biết hết mọi người trong trại và đều coi họ là chủ của mình. Khi tù nhân đi làm về, nó nghe thấy tiếng gọi từ ngoài cổng: “Tốt đen đâu!” - thế là nó chạy ra liền, hân hoan chào đón từng tốp anh em, ngoáy tít cái đuôi và hồ hởi nhìn vào mắt từng người, chờ đợi một cử chỉ gì âu yếm. Nhưng trong suốt nhiều năm qua nó chẳng nhận được bất kỳ một cử chỉ gì âu yếm của bất cứ ai, có lẽ ngoại trừ là của tôi. Vì thế mà nó yêu quí tôi hơn cả. Tôi không nhớ là làm sao mà có con chó khác lọt được vào trại, đó là con Belka. Rồi đến con thứ ba là con Kultyapka thì chính là con tôi nhặt được lúc nó còn bé tí ở chỗ tôi làm việc rồi mang về nuôi. Con Belka hết sức lạ lùng. Nó bị một chiếc xe ngựa cán phải và sống lưng của nó cong võng hẳn xuống, đến nỗi khi nó chạy đi trên đường thì nhìn từ xa người ta tưởng như có hai con vật màu trắng dính liền nhau đang chạy. Ngoài ra nó bị lở loét toàn thân, hai mắt rỉ ngoèn, cái đuôi trụi gần như hết lông, lúc nào cũng quặp chặt xuống. Vì chịu số phận tủi nhục nên rõ ràng là nó chấp nhận chịu đựng. Nó không bao giờ sủa lên cắn ai hoặc gầm gừ với ai, tựa hồ như nó không thể làm được những việc ấy. Phần lớn thời gian nó sống sau các trại lính nhờ xin được bánh mỳ. Nếu như nó nhìn thấy ai trong số anh em chúng tôi thì ngay lập tức để tỏ lòng thuận thảo nó nằm vật ngửa ra quay tròn mấy vòng: “Chú ơi, chú làm gì cháu cũng phải chịu, cháu không dám chống lại đâu”. Và bất kỳ tù nhân nào thấy nó lăn kềnh ra như thế thảy đều lấy mũi giày đá nó, coi việc đó như một nghĩa vụ tất nhiên vậy. “Thấy chưa, đồ khốn!” - người ta nói với nó. Nhưng con Belka thậm chí còn không biết rít lên, còn nếu như nó bị đau quá thì nó chỉ biết gằn giọng rên lên thê thảm. Ngay cả đối với con Sharik hoặc đối với bất kỳ con chó nào khác nó cũng nằm lăn ra như thế khi nó có việc gì đó phải chạy ra ngoài trại. Thường thì nó lăn đùng ra rồi nằm chết dí khi có con chó to tai cụp gầm lên lao đến. Nhưng loài chó lại yêu mến tính nhu thuận và tính chịu đựng. Con chó hung hăng kia ngay lập tức mềm lòng, nó suy nghĩ chút đỉnh rồi dừng

lại trước con chó đã chịu nằm yên chân chổng lên trời rồi chậm chạp, với tính tò mò cao độ, con chó lớn bắt đầu đưa mũi ngửi khắp người con bé. Con Belka run rẩy toàn thân kia đã nghĩ gì vào lúc ấy nhỉ? “Thằng giặc kia, mày có ăn thịt tao không đây?” - chắc hẳn là nó nghĩ như vậy. Nhưng ngửi một thôi một hồi, con lớn bỏ đi, vì thấy chẳng có gì đặc biệt cả. Belka lại nhảy lên, lại tập tễnh đi theo bầy chó dẫn đầu là con Zhuchka nào đó. Mặc dù nó biết rằng chẳng có bao giờ nó được làm quen với con Zhuchka, thế nhưng từ đằng xa nó vẫn tập tễnh đi theo - điều ấy đối với nó là niềm an ủi trong mọi đau khổ. Về danh dự thì rõ ràng là nó đã thôi không còn nghĩ đến nữa. Nó đã mất hết mọi đường sự nghiệp trong tương lai, giờ đây nó chỉ còn sống nhờ mẩu bánh mỳ và nó hoàn toàn nhận thức được điều đó. Tôi đã có lần thử âu yếm với nó; chuyện ấy với nó thật mới mẻ và thật bất ngờ, đến nỗi nó nằm bệt hẳn xuống đất, duỗi dài cả bốn chân, toàn thân run rẩy và bắt đầu rống rít lên tỏ ý yêu thương. Từ đấy tôi động lòng xót, nên vuốt ve nó nhiều hơn. Đối lại, hễ gặp tôi nó không thể không rống rít lên. Nhìn thấy tôi từ xa nó đã rống rít, rống rít với cả lòng thương cảm và chảy nước mắt. Thế nhưng kết cục là một hôm nó ra sau trại và bị một bọn chó cắn chết trên đê.

Còn con Kultyapka thì tính nết lại khác. Vì sao lúc bé nó còn chưa mở mắt mà tôi vẫn cứ đem nó từ xưởng cơ khí về trại để nuôi thì tôi cũng không biết nữa. Tôi thích được cho nó ăn và chăm nó lớn. Con Sharik ngay lập tức nhận trông nom con Kultyapka và đêm đêm ngủ liền với nó. Khi Kultyapka lớn lên, nó cho phép con bé gặm gặm tai nó, giật giật lông nó và chơi đùa với nó, như chó lớn vẫn thường chơi đùa với chó nhỏ vậy. Có điều lạ là con Kultyapka không lớn lên về chiều cao, mà chỉ lớn theo chiều dài, chiều rộng. Nó có bộ lông xù, màu lông chuột sáng, một tai cụp xuống, một tai lại vểnh lên. Tính nó hung hăng, nhiệt thành, giống như những con chó mừng vui khi nhìn thấy chủ là hay kêu rít lên, sủa ăng ẳng, nhảy lên liếm mặt và ngay trước mặt khách nó cũng không ngần ngại thể hiện tất cả những tình cảm khác nữa của mình “Nó chỉ cần biết hứng khởi, còn lịch sự là điều không có ý nghĩa gì cả!”. Thường là dù tôi ở đâu, nhưng hễ tôi gọi “Kultyapka!” là nó xuất hiện ngay từ bất kỳ xó xỉnh nào, có thể là từ dưới đất chui lên, và với tiếng rít sung sướng nó chạy bay đến rồi cuộn mình lăn ra như một quả bóng trên đường. Tôi yêu con thú cưng bé nhỏ này lắm. Có lẽ là số phận đã chuẩn bị sẵn cho nó toàn những niềm thoải mái, vui sướng. Nhưng rồi một ngày kia cái anh chàng trại nhân Neustroev chuyên nghề khâu dép đàn bà và đánh xi đồ da đã để ý đặc biệt đến nó. Có một điều gì đó bỗng khiến anh

ta ngạc nhiên. Anh ta gọi nó đến gần, vuốt lông nó rồi dịu dàng vật ngửa nó ra. Con Kultyapka không có điều gì nghi ngại, nó rít lên vui mừng. Nhưng đến sáng hôm sau nó biến đi mất. Tôi đi tìm nó hoài, nhưng vẫn biệt tăm, mãi hai tuần sau tôi mới vỡ lẽ: Neustroev quá thích bộ da của Kultyapka. Anh lấy bộ da lông nó đem thuộc để làm đôi giày mùa đông bọc nhung theo yêu cầu của một cô khách. Khi làm xong anh đem khoe tôi. Bộ lông đẹp đến kinh ngạc. Kultyapka đáng thương quá!

Trong trại này có nhiều người làm nghề thuộc da, họ mang về những chú chó có bộ lông đẹp và ngay lập tức chúng nó biến mất. Có những con thì họ ăn cắp, có những con thậm chí họ phải đi mua. Tôi nhớ có lần sau bếp tôi nhìn thấy hai anh trại nhân đang thì thào bàn tán với nhau. Một anh giữ dây buộc một con chó to tuyệt vời, rõ ràng thuộc loại nòi hiếm. Có một tên đầy tớ khốn kiếp nào đó đã dắt chó nhà chủ bán cho bọn làm giày ở đây lấy ba mươi cô-pếch bạc. Hai anh này đang chuẩn bị treo cổ nó. Cách làm này rất tiện lợi: họ chỉ lột da, còn cái xác thì vứt xuống đường hào nước thải sâu và rộng ngay ở góc phía sau trại mà cứ đến mùa hè, lúc trời nắng rát, là hào nước bốc mùi khắm thối nồng nặc. Hào nước này đôi khi cũng được nạo vét. Có vẻ như con chó đáng thương kia cũng đã nhận ra số phận sắp dành cho nó. Nó hối hả lần lượt nhìn ba người chúng tôi, thỉnh thoảng mới dám lúc lắc cái đuôi xù lông, chừng như muốn làm chúng tôi mủi lòng khi bày tỏ dấu hiệu tin cậy chúng tôi. Tôi đứng mấy phút rồi chuồn đi, còn bọn họ thì chắc chắn là kết thúc công việc một cách hoàn hảo.

Đàn ngỗng trong trại cũng được nuôi ngẫu nhiên. Ai nuôi chúng và chúng thuộc về ai tôi cũng không rõ, nhưng có một thời gian đàn ngỗng là nguồn vui của anh em và thậm chí trong thị trấn cũng biết như vậy. Chúng được nuôi trong trại và được ngủ trong bếp. Khi đàn ngỗng đã lớn, chúng được dẫn đi làm cùng với anh em trại nhân. Mỗi khi có tiếng trống nổi lên và đoàn tù khổ sai bắt đầu xuất quân thì đàn ngỗng cũng kêu quang quác chạy theo chúng tôi, hai cánh mở rộng, con nọ nối đuôi con kia nhảy qua bậc cửa cao đậu trên ngọn rào rồi lao mình sang bên cánh phải xếp hàng với nhau, chờ cho xong việc tách đội. Bao giờ chúng cũng nhập vào với đội đông nhất và khi mọi người làm việc thì chúng gặm cỏ ở gần đấy. Đội tù bắt đầu lao xao kéo nhau về trại thì chúng cũng lục tục về theo. Khắp cả khu pháo đài lan truyền câu chuyện về đàn ngỗng đi làm cùng với tù nhân. Mọi người gặp nhau là kháo: “Này, tù nhân đi làm cùng với ngỗng đấy. - Các anh huấn luyện ngỗng giỏi thật!” - “Các anh nhìn đàn ngỗng

đây này! - một người nói thêm và cho chúng ăn. Nhưng mặc dù đàn ngỗng rất trung thành, đến một ngày ăn kiêng nào đó người ta vẫn cắt tiết chúng.

Ngược lại, con dê Vaska của chúng tôi thì chẳng vì lý do gì mà người ta cắt cổ nó, nếu không xảy ra một tình huống thật đặc biệt. Tôi cũng không biết vì sao nó lại xuất hiện trong trại, và mang nó vào, chỉ biết rằng bỗng nhiên trong trại có một con dê con be bé màu trắng tuyệt xinh. Sau mấy hôm mọi người đều yêu mến nó, và nó đã trở thành niềm an ủi và thậm chí là niềm vui chung. Anh em đã tìm được lý do để nuôi dưỡng nó: trong trại cạnh chuồng ngựa cần có một con dê. Tuy nhiên, con dê không sống trong chuồng ngựa, đầu tiên nó ở trong bếp, sau đó nó ở khắp nơi trong trại. Đó là một sinh vật thật duyên dáng và thật đáng cưng. Hễ ai gọi là nó chạy đến, nhảy cả lên ghế, lên bàn, nó đá nhau với các tù nhân, lúc nào cũng vui vẻ và nghịch ngợm. Một lần người ta đã phải cưa đi cặp sừng dài của nó. Một buổi chiều anh chàng người *lezgin*[117] tên là Babai ngồi trên bậu cửa cùng với các anh em khác đã kiếm chuyện chơi đá nhau với nó. Hai bên đã từng nhiều lần chơi cộp trán với nhau - đó là trò chơi thú vị của anh em tù nhân với nó, thế nhưng bỗng nhiên con Vaska nhảy lên bực cửa cao nhất, Babai vừa quay người sang một bên, thì trong nháy mắt nó bật lên như cái lò xo, thu gọn hai chân trước lại rồi lấy đà phóng một cú đá vào gáy Babai, đến nỗi anh chàng lăn quay từ trên bực xuống trước sự thống khoái của mọi người có mặt và của cả Babai nữa. Tóm lại Vaska được anh em yêu chiều hết cỡ. Khi nó lớn lên, anh em tổ chức một cuộc họp toàn thể và nghiêm túc, sau đó tiến hành một cuộc phẫu thuật nổi tiếng, mà các nhà thú y của chúng tôi thực hiện rất thành công. “Nếu không thế thì nó sẽ có mùi hôi của dê”, - anh em trại nhân nói vậy. Sau ngày ấy Vaska cứ béo đẫy ra. Bây giờ người ta nuôi nó chỉ để chờ thịt. Cuối cùng nó đã thành một con dê lớn ngạo nghễ với cặp sừng thật dài và rất to béo. Nó đi lại núng na núng nính. Nó cũng được phép đi làm cùng với chúng tôi để làm vui cho anh em và cho những người qua lại. Ai cũng biết đến con dê Vaska của trại. Đôi khi, nếu anh em đi làm trên bờ sông thì anh em chặt những cành liễu mềm, kiếm thêm những bó lá các loại khác nhau, hái thêm nhiều hoa rồi đem trang điểm cho Vaska. Cặp sừng nó được quấn đầy cành cây hoa lá, toàn thân nó được đeo lủng lẳng các dây hoa. Lúc đi về trại bao giờ nó cũng đi đằng trước anh em, toàn thân xanh đỏ lộng lẫy, còn mọi người đi sau, rạng rỡ tự hào trước mắt những người qua lại. Mọi người say mê nhìn ngắm đến nỗi thậm chí có những người nảy ra ý nghĩ như trẻ con: “Nên chăng là dát vàng lên cặp sừng cho Vaska!” Nhưng là nói thế thôi, chứ không ai làm việc ấy cả. Tuy nhiên,

tôi vẫn còn nhớ rằng tôi đã hỏi ông Akim Akimych, ông thợ chế tác vàng giỏi nhất của chúng tôi sau Isai Fomich, rằng liệu có thể mạ vàng được cặp sừng ấy không? Đầu tiên ông chăm chú nhìn con dê, suy nghĩ lung lắm, rồi mới trả lời rằng có lẽ là được, "nhưng lớp vàng sẽ không được chắc và hơn nữa là hoàn toàn vô dụng". Câu chuyện kết thúc là như vậy. Con Vaska còn sống khá lâu trong trại, và lẽ ra nó đã chết vì ngạt thở, nhưng một hôm nó dẫn đầu đoàn tù nhân đi làm về với các đồ trang trí đầy người, nó gặp phải tên thiếu tá đi xe ngựa tới. Hắn quát lên: "Đứng lại! Con dê của ai thế này?" Anh em giải thích cho hắn. "Thế là thế nào? Không có phép của tôi làm sao nuôi dê trong trại! Hạ sĩ đâu!" Viên hạ sĩ xuất hiện, và ngay lập tức hắn được lệnh đem dê giết ngay. Bộ da dê được lột đem bán ngoài chợ, tiền bán được sung vào công quỹ, còn thịt thì cho anh em nấu súp. Trong trại anh em xì xào thương tiếc, nhưng không dám trái lệnh. Con Vaska được đem cắt tiết chỗ hào nước thải. Cả khối thịt nó được một anh em mua trọn và trả cho trại một rúp rưỡi. Số tiền ấy anh em dùng để mua bánh mỳ. Anh bạn mua con dê đem xẻ thịt ra bán lẻ cho anh em để nướng ăn chơi. Thịt nó quả là tuyệt trần.

Lại một thời gian trong trại chúng tôi có con đại bàng, thuộc dòng đại bàng thảo nguyên không lớn lắm. Có ai đó đã mang nó vào trại khi nó đang bị thương và ốm lả. Cả trại chăm sóc nó; nó không bay được: cánh bên phải xệ hẳn xuống đất, một chân sai khớp. Tôi còn nhớ rằng nó nhìn một cách giận dữ vào đám người xung quanh tò mò, rồi nó há thật to cái mỏ khoằm khoằm như chuẩn bị ra một đòn chí mạng rồi có chết thì chết. Khi mọi người nhìn đã chán mắt và tản đi khắp nơi, nó mới tập tễnh nhảy lò cò một chân, rồi vẫy lên chiếc cánh còn khỏe, lao mình đến góc trại xa nhất, ngã dúi dụi vào một xó, ngồi xép nép chỗ chân cọc rào. Đó là nơi nó sống ba tháng ròng rã và không có lúc nào đi ra ngoài cái khoanh đất ấy. Đầu tiên mọi người còn hay đến xem, còn xua cả chó đến nữa. Con Sharik hùng hổ lao vào, nhưng rõ là cu cậu cũng sợ đến gần, khiến đám tù nhân rất khoái trá. Mọi người bảo "Thú hoang mà! Không chơi được đâu!" Sau đó cả đến con Sharik cũng làm nó bực bội điên cuồng. Nỗi khiếp sợ đã qua đi, và khi bị xua vào, con Sharik đã khôn ngoan cắn vào bên cánh đau của nó. Con đại bàng dùng móng vuốt và mỏ nhọn chống trả quyết liệt một cách vừa tự hào vừa man dại, giống như một vị vua bị trúng thương phải ngồi một góc nhìn mọi người tò mò đến ngắm. Cuối cùng rồi mọi người cũng chán, cũng bỏ rơi nó và quên nó đi. Tuy vậy, ngày nào bên cạnh nó cũng có một miếng thịt tươi và một bát nước uống. Có một người nào đó vẫn quan tâm theo dõi nó. Đầu tiên nó không muốn

ăn, nó không ăn gì vài ba hôm, nhưng rồi nó cũng mổ mấy miếng, nhưng không bao giờ nó ăn trên tay ai hoặc trước mắt ai. Tôi cũng đã có dịp được mấy lần quan sát nó từ xa. Khi không nhìn thấy ai, nó ngỡ rằng chỉ có một mình, nó mới thỉnh thoảng bước ra ngoài mươi bước dọc theo hàng cọc rào, rồi lại trở lại, rồi lại bước ra, dường như đó là cách đi dạo lấy sức vậy. Chợt nhìn thấy tôi, nó thu hết sức, vừa đi lò dò vừa nhảy, trở về chỗ cũ, rồi nó ngoảnh đầu ra phía sau, há miệng thật to, xù lông ra và lập tức thủ thế chiến đấu. Tôi dùng mọi cách vỗ về mà không sao làm nó dịu lại được: nó cắn đớp và dãy dụa, tôi cho thịt nó không ăn, và cứ lúc nào tôi đứng cạnh nó là nó nhìn chằm chằm vào mắt tôi bằng cái nhìn dữ dằn, xuyên thấu của nó. Nó chờ đợi Thần Chết trong cảnh cô đơn và trong trạng thái hung dữ, không tin tưởng ai và không khoan nhượng với ai. Cuối cùng mọi người chợt nhớ đến nó. Mặc dù không ai quan tâm, suốt hai tháng không ai nhắc gì đến nó, nhưng đột nhiên một nỗi cảm thông bỗng day dứt mọi người. Người ta bảo rằng phải thả nó ra “Thôi, nó chết thì nó chết, nhưng không thể giam nó trong trại” - một số người nói thế. Một số khác đá theo:

- Các bạn biết đấy, nó là chim trời, sống đời gió bụi, ta không thể ép nó vào trại.

Có người nói thêm:

- Biết rồi, nó không như chúng ta.

- Chứ gì. Nó là chim, còn chúng ta là người.

- Anh em ạ, đại bàng là chúa sơn lâm... - Anh chàng Skuratov định nói, nhưng lần này không ai nghe anh. Một hôm, sau giờ ăn trưa, khi trống báo ca chiều nổi lên, người ta bắt con đại bàng, có người lấy tay khóa chặt mỏ nó, vì nó bắt đầu chiến đấu điên cuồng, rồi mang ra khỏi trại, đi đến chỗ bờ đê. Nhóm này có khoảng mười hai người. Họ tò mò muốn xem chú chim này bay đi đâu. Thật kỳ lạ: mọi người như có điều gì hài lòng lắm, dường như phần nào đó họ được tự do vậy.

- Chó má thật: mình làm cho nó bao nhiêu điều tốt mà nó vẫn cắn đuổi! - đó là tiếng nói của anh chàng lúc nãy giữ nó, giờ thì như đang tràn ngập tình yêu nhìn con thú hung bạo.

- Anh Mikitka, thả nó ra đi!

- Đừng bắt nó sống kiếp sống trong va ly. Hãy trả cho nó tự do, tự do hoàn toàn, mà nó có quyền được hưởng.

Từ mặt đê con chim đại bàng được tung vào thảo nguyên. Lúc ấy đang vào tiết trọng thu, một ngày lạnh giá, âm u. Gió rít lên từ ngoài thảo nguyên trơ trụi rồi kêu rào rào trên mặt cỏ vàng úa, xác xơ, khô héo. Con đại bàng bay thẳng đi, nó vẫy cả chiếc cánh đau, dường như vội vã trốn xa chúng tôi tới phương trời tít tắp. Anh em tù nhân đau đáu nhìn theo, khi bóng chim chỉ còn thấp thoáng giữa biển bờ cỏ dại. Một người nói:

- Thế là hết!

- Nó không thèm nhìn lại! - một người khác nói thêm. - Anh em ơi, không một lần ngoái cổ, nó biến thật rồi!

- Thế anh tưởng nó phải quay lại cám ơn à? - một người khác nhận xét.

- Biết rồi, tự do. Nó được nếm mùi tự do.

- Tự do là thế.

- Mà chúng ta thì chưa được, anh em à...

- Làm sao cứ đứng đực ra thế? Lên đường! - Bọn áp giải hô lên, và mọi người lặng lẽ lê bước đi làm.

VII

YÊU SÁCH

Khi bắt đầu chương này, người ấn hành tập bút ký của ông già quá cố Aleksandr Petrovich Goryanchikov cho rằng mình có nghĩa vụ phải thông báo đôi điều sau đây cho độc giả biết.

Chương đầu tập "Bút ký từ nhà chết" có nói chút ít về một người giết cha trong hàng ngũ quý tộc. Thế nhưng anh ta lại được coi là mẫu mực về vấn đề là đôi khi anh em tù nhân có thái độ thật là vô cảm khi nói đến những tội ác mà họ gây ra. Trong ấy cũng nói rằng đứng trước tòa án kẻ giết người không ý thức được tội lỗi của mình, nhưng cũng nói rằng khi nhìn nhận những câu chuyện của những người đã tỏ tường mọi chi tiết của câu chuyện, thì các sự kiện được thể hiện rõ ràng đến mức ta không thể không tin vào tội lỗi. Những con người ấy đã kể cho tác giả tập "Bút ký" rằng tội nhân là người có hành vi hết sức vô lối, sa vào nợ nần đến phải giết cha hòng chiếm đoạt tài sản sau khi ông chết. Tuy nhiên, cả cái thị trấn, nơi kẻ giết cha đã làm việc, đều kể câu chuyện y hệt như thế. Về sự kiện cuối cùng này người xuất bản tập "Bút ký" lại có những thông tin khá là chính xác. Cuối cùng, tập "Bút ký" nói rằng ở trong trại kẻ giết người vẫn có trạng thái tinh thần hết sức tuyệt vời, hết sức vui tươi, rằng đó là một con người ham bông đùa, sống lớt phớt, thiếu lý trí ở mức cao nhất, mặc dù anh ta hoàn toàn không phải ngu độn, và rằng tác giả của tập "Bút ký" đôi khi cũng không nhận ra rằng anh ta có thói bạo ngược kinh hồn. Và thế là có thêm mấy lời bổ sung "Hẳn là tôi cũng không tin vào tội lỗi ấy".

Mới đây người xuất bản tập "Bút ký từ nhà chết" đã nhận được thông báo từ Sibir rằng tội nhân đã hoàn toàn có lý và suốt mười năm phải chịu đựng đau thương trong cảnh lao động khổ sai là điều vô nghĩa, rằng sự vô tội của anh đã được phát hiện một cách chính thức theo tòa án, rằng những tội nhân thật sự đã rất nhanh trí và đã nhận tội, và rằng kẻ bất hạnh đã được tha ra khỏi trại. Người xuất bản sách không thể nào nghi ngờ tính chính xác của thông tin này...

Bây giờ tôi không còn gì để kể thêm nữa. Chẳng còn gì để nói và để đào sâu thêm tính bi kịch trong câu chuyện đó, mở rộng thêm cuộc đời bị gặm nhấm từ

lúc còn trẻ do lời buộc tội khủng khiếp như thế. Sự kiện ấy thật quá dễ hiểu, tự thân nó cũng thật quá kinh hoàng.

Chúng ta cũng nghĩ rằng, nếu sự kiện này là có thể có, thì chính cái khả năng có thể có ấy lại bổ sung thêm một nét mới mẻ và cực kỳ sáng tỏ cho việc đánh giá và hoàn chỉnh bức tranh Nhà Chết.

Bây giờ chúng ta lại tiếp tục.

Trên đây tôi đã nói rằng cuối cùng thì tôi cũng thích nghi được với tình cảnh của tôi trong trại. Nhưng cái gọi là "cuối cùng thì..." đã được hoàn tất một cách cực nhọc và cay đắng, một cách hết sức chậm chạp, từng chút một. Thực sự là tôi phải mất gần một năm trời cho việc thích nghi, và đó là một năm khó khăn nhất trong cuộc đời tôi. Có lẽ là tôi đã nhớ trình tự các sự việc từng ngày một của năm ròng ấy. Tôi cũng đã nói rằng những tù nhân khác không thể nào *làm quen được* với cuộc sống như vậy. Tôi còn nhớ trong năm đầu tiên này tôi thường suy ngẫm về mình: "Họ là thế nào? Chẳng lẽ họ cũng làm quen được sao? Chẳng lẽ họ bình thản thế ư?" Những câu hỏi ấy cứ day dứt tôi mãi. Tôi cũng đã nhắc lại một điều là anh em trại nhân sống ở đây dường như không phải ở nhà mình, mà là ở ngoài quán trọ, trong một đợt hành quân hay trong một chuyến áp giải nào đó. Những người bị đầy đi chung thân thì họ hoặc là lăng xăng hoặc là rầu rĩ và trong số họ ai cũng mơ tưởng một điều gì đó hầu như là không khả thi. Sự bất ổn thường xuyên ấy, hoặc là được nói ra miệng, hoặc là bị câm nín, nhưng ai cũng thấy được; tính hung hăng và nóng vội kỳ quặc của những niềm hy vọng bất chợt lộ ra ngoài miệng, thảy đều vô căn cứ đến độ chỉ là những lời thốt mộng mị, nhưng cái điều đáng kinh ngạc nhất, mà nhiều khi lại ăn sâu bắt rễ vào trong những bộ óc có vẻ như là thực tiễn nhất, lại khắc họa cái vẻ ngoài dị thường và cái tính cách dị thường của địa danh này, chúng dị thường đến mức có thể là chúng tạo ra cái bản sắc đặc biệt nhất của nó. Tôi có một cảm giác là lạ, dường như là ngay từ phút đến đây đầu tiên, là trại tù này không có cái bản sắc ấy. Nơi đây tất cả mọi người đều là những người mơ mộng, và điều ấy đập vào mắt tôi. Cảm giác ấy là cảm giác bệnh hoạn, chính là vì tính mơ mộng khiến đa số cư dân trại có dáng vẻ trầm uất và ủ dột, có vẻ yếu đuối thế nào ấy. Tuyệt đại đa số cư dân ở đây sống lặng lẽ và hay cáu bẳn đến độ hờn oán, họ không thích phô bày những niềm hy vọng của mình. Tính bình dị và bộc trực thì bị khinh ghét. Niềm hy vọng càng không khả thi bao nhiêu và kẻ mơ mộng càng cảm thấy tính không khả thi ấy là rõ ràng bao nhiêu, thì kẻ đó càng thiết tha ôm khư khư lấy nó trong tâm khảm mình bấy nhiêu, mà không sao có

thể từ bỏ nó cho đành. Ai mà biết được, cũng có thể có một người nào đó thầm tự cảm thấy xấu hổ vì nó. Trong tính cách của người Nga có biết bao nhiêu nét tích cực và tỉnh táo trong con mắt của mình, có biết bao nhiêu nụ cười diễu cợt ngay trong nội tâm đối với chính bản thân mình. Có thể sự bất bình bị dấu kín thường xuyên đối với bản thân đã làm nảy sinh tính bất kiên nhẫn nơi những con người đó trong các mối quan hệ thường nhật với nhau, nảy sinh thói bất cam chịu và những nụ cười tiếu ngạo đối với nhau. Và nếu như, chẳng hạn, trong số họ bỗng nhiên nảy sinh ra một người nào đó ngây thơ hơn và bất kiên nhẫn hơn, và có một lúc nào đó anh ta nói to lên cái điều mà mọi người vẫn giấu kín trong đầu, anh ta dấn mình vào những ước mơ, hy vọng, thì lập tức người ta thô bạo bắt anh câm miệng, người ta cắt ngang lời anh, cười diễu anh, nhưng tôi phải thú thật rằng trong số những kẻ truy kích ấy thì những kẻ hùng hổ nhất có thể lại chính là những người dấn thân nhiều hơn anh ta trong thế giới ước mơ và hy vọng của mình. Tôi cũng đã kể rằng ở đây, nói chung, người ta nhìn những kẻ ngây thơ và giản dị như những tên ngốc nghếch thô lỗ bậc nhất và luôn tỏ thái độ khinh bỉ đối với họ. Người nào cũng cau có và tự ái đến mức họ bắt đầu khinh bỉ cả người tốt bụng và không biết tự ái là gì. Ngoại trừ có những kẻ ngây thơ và giản dị nhưng lại khoác lác, những người còn lại, tức là những người sống thầm lặng, thì được chia hẳn ra thành những người tốt bụng và hung dữ và những kẻ trầm uất và trong sáng. Những người trầm uất và hung dữ thì có số lượng nhiều hơn rất nhiều; nếu như trong số này ta lại gặp những người có tố chất nói nhiều, thì tất cả bọn họ đều là những kẻ ngồi lê đôi mách không đâu nóng đít và những kẻ ganh tị ngồi đứng không yên. Họ thò mũi vào công việc của những người khác, mặc dù họ không bao giờ thổ lộ cho ai biết những điều tâm sự, những chuyện riêng tư thầm kín của mình. Thổ lộ như thế là không đúng mốt, là không chấp nhận được. Những người tốt bụng là một nhóm rất nhỏ. Họ trầm lặng, nín thinh, cất dấu trong lòng những hoài vọng, và có lẽ họ còn hướng tới hy vọng và niềm tin mạnh mẽ hơn cả những người trầm uất. Tuy nhiên, tôi phải thú nhận rằng trong trại còn có thêm một bộ phận gồm những người tuyệt vọng. Chẳng hạn như ông già ở Starodubski; trong mọi trường hợp thì số người này ít lắm. Nhìn bên ngoài ông già thật bình thản (trước đây tôi đã nói về ông rồi), nhưng theo một số dấu hiệu thì tôi cho rằng trạng thái tình cảm của ông thật là khủng khiếp. Tuy thế, ông có cách giải cứu riêng, có lối thoát riêng: đó là cầu kinh và suy ngẫm về khổ nạn. Một trại nhân phát điên, đã đọc quá nhiều Kinh thánh, người mà tôi đã nhắc đến, cái người đã cầm viên gạch lao vào tên thiếu tá, con

người này cũng thuộc hạng tuyệt vọng, thuộc loại người đã mất cả niềm hy vọng cuối cùng; thế nhưng sống mà lại hoàn toàn không có hy vọng thì không sống được, cho nên anh ta mới nghĩ ra một lối thoát: đó là cách chịu khổ nạn tự nguyện và gần như tự tạo. Anh giải thích rằng anh lao vào tên thiếu tá nhưng không có oán giận gì cả, mà chỉ vì lý do duy nhất là muốn chấp nhận khổ nạn. Ai biết được có quá trình tâm lý nào diễn ra trong lòng anh ta khi đó! Không có mục tiêu gì và không có hoài vọng đạt tới mục tiêu thì không một người nào có thể sống được. Khi đã mất mục tiêu và hy vọng, con người ta vì buồn chán thường lao vào những chuyện kinh hoàng... Mục đích của chúng tôi là tự do và thoát khỏi trại tù khổ sai.

Tuy nhiên, giờ đây tôi đang ráng sức phân loại cả trại thành các thứ hạng khác nhau, nhưng liệu có làm được không? Thực tiễn thì đa dạng đến vô cùng so với tất cả những kết luận cho dù là khôn ngoan nhất của tư duy trừu tượng và nó không thể chịu đựng được những sự phân định rạch ròi lớn lao. Thực tiễn chỉ hướng tới sự phân nhỏ. Cuộc sống tự thân nó là đặc biệt cũng đã có ở chỗ chúng tôi, dù nó là thế nào đi nữa, nhưng cũng đã có, đó không phải là một cuộc sống chính thống, mà là cuộc sống nội tâm, tự thân của mình.

Nhưng, như tôi đã nhắc đến một phần nào đó, thời gian đầu đến trại tôi không thể, thậm chí là không biết cách thẩm thấu vào phần sâu thẳm bên trong cuộc sống ấy, mà vì thế tất cả những biểu hiện bên ngoài của nó cứ hành hạ tôi với một nỗi buồn không diễn tả nổi. Đôi khi, thật đơn giản, tôi bắt đầu căm ghét những con người khổ đau như tôi. Thậm chí tôi còn ghen tị với họ và lên án số phận. Tôi ghen tị với họ ở chỗ họ vẫn còn được sống giữa những người anh em với nhau, trong tình bạn bè, hiểu được nhau, mặc dù thực ra là họ cũng như tôi, tất cả đều đã chán ngấy và ghê tởm cái tình bạn bè nảy sinh dưới roi vọt và gậy gộc, đó là một ổ dịch bạo lực, và ở đây ai cũng lẳng lặng nhìn sang một phía, tránh mắt mọi người. Tôi xin nhắc lại một lần nữa, cái thói ghen tị vẫn chế ngự tôi vào những phút giận dữ là có cơ sở pháp lý của nó. Quả thật là có những người rất vô lý khi họ nói rằng một nhà quý tộc có trình độ văn hóa mà đi tù khổ sai vào trại của chúng tôi thì cũng đau khổ hoàn toàn giống như bất kể một người nông phu nào khác. Tôi biết, thời gian gần đây tôi đã nghe nói về ước đoán đó, tôi cũng đã đọc được như vậy. Cơ sở của tư tưởng này là đúng và là nhân đạo. Tất cả chúng ta đều là con người. Nhưng tư tưởng thì lại vô cùng trừu tượng. Chúng ta đã bỏ qua rất nhiều những điều kiện thực tiễn mà ta có thể hiểu được không khác gì như chính trong thực tiễn. Tôi nói thế bởi vì rằng nhà quý tộc

và người có học vấn dường như cảm thấy một cách tinh tế hơn, đau đớn hơn rằng họ được phát triển nhiều hơn. Tâm hồn và sự phát triển tâm hồn thì khó có thể đưa vào một cấp độ cho sẵn nào đó. Thậm chí trong trường hợp này ngay cả học vấn cũng không phải là thước đo. Tôi là người đầu tiên sẵn sàng xác nhận rằng ngay trong lớp người thiếu học vấn nhất và bị đè nén nhiều nhất thì giữa những con người đau khổ ấy tôi vẫn bắt gặp những nét của sự phát triển tâm hồn tinh tế nhất. Trong trại đôi khi cũng có chuyện như là ta biết một người nào đó mấy năm liền và ta coi người đó như một dã thú, chứ đâu phải con người, rồi ta thấy khinh bỉ. Nhưng bỗng nhiên bất ngờ có một phút mà tâm hồn người đó sau một cơn xúc động tự nhiên lại tự bộc lộ ra ngoài và bạn nhìn thấy trong đó có cả một kho báu, một nguồn tình cảm, một trái tim, một cách thông cảm thoáng đạt đối với nỗi đau của chính mình và của người khác, đến nỗi như chính mắt bạn được mở rộng ra, và ngay phút đầu tiên thậm chí bạn không tin rằng chính bạn đã được nhìn thấy và được trông thấy. Lại cũng có trường hợp ngược lại: học vấn lại chung sống với thói dã man, đê tiện, đến nỗi bạn thấy tởm lợm và cho dù bạn có tốt bụng đến đâu và có định kiến tốt đến mấy đi nữa, thì trái tim bạn cũng thấy không thể tha thứ và nhận cảm được.

Tôi cũng đã không nói gì về việc thay đổi thói quen, lối sống, cách ăn v.v... những điều mà đối với một người thuộc lớp trên của xã hội tất nhiên là nặng nề hơn là đối với một người cày cuốc, con người mà lúc còn tự do thì đói bụng dài dài, còn khi vào tù thì ít nhất cũng được ăn no đủ. Tôi sẽ không tranh luận chuyện này. Ta cứ cho rằng con người dù phần nào có ý chí mạnh mẽ thì tất cả những cái đó cũng là chuyện tầm phào so với những điều thiếu thốn khác, mặc dù thực chất thì sự thay đổi thói quen hoàn toàn không phải là chuyện tầm phào và không phải là chuyện cuối cùng. Thế nhưng lại có những điều thiếu thốn đánh bạt tất cả những điều nói trên, đến mức bạn không để ý gì đến cả nơi tù đày bẩn thỉu, đến xiềng xích chân tay, đến bữa cơm đơn bạc, lúi xùi. Một người ăn trắng mặc trơn nhất, ẻo lả thướt tha nhất, làm việc một ngày là đã toát mồ hôi hột, mà lúc còn tự do chưa phải làm thế bao giờ, thì sẽ ăn được cả bánh mỳ đen và cả canh bắp cải có xác gián chết. Con người có thể quen được với cuộc sống đó, cũng giống như trong một bài hát hài hước của tù nhân về một kẻ quần là áo lượt trước đây, nay bị sa chân tù tội:

Cứ cho tôi bắp cải và ca nước lã
Tôi sẽ nhai ngấu nghiến cho xem.

Không, có một điều quan trọng hơn hết, đó là bất kỳ ai trong số những người mới vào trại chỉ sau hai tiếng đồng hồ là sẽ trở thành giống y như những người khác, sẽ sống *như tại nhà mình*, sẽ là một chủ nhà đầy đủ tư cách trong tập đoàn lao trại như bất kỳ ai. Mọi người hiểu anh ta và anh ta cũng hiểu mọi người. Mọi người biết anh và coi anh là *người mình*. Nhưng với một người *quân tử*, một nhà quý tộc thì không phải như vậy. Dù người đó có công bằng, tốt bụng, thông minh đến mấy, thì suốt nhiều năm ròng rã người đó vẫn bị mọi người, bị cả một khối người căm ghét và khinh bỉ. Không ai hiểu người đó, và điều chủ yếu là không tin người đó. Người đó không phải là bạn, là đồng chí, mặc dầu qua nhiều năm tháng, cuối cùng người đó cũng đạt được yêu cầu là người ta không xúc phạm đến, nhưng dẫu sao người đó cũng không phải là "người mình" và người đó sẽ suốt đời ý thức một cách đầy dằn vặt sự lạc loài và cô đơn của mình. Sự lạc loài này hiển hiện đôi khi hoàn toàn không phải vì có sự bực dọc từ phía anh em trại nhân, mà cứ là vô thức thế thôi. Không phải người mình, thế đấy. Không có gì khủng khiếp hơn là phải sống không cùng một giới. Một anh nông dân chuyển từ Taganrog đến cảng Petropavlovsk thì ngay lập tức tìm được ở đó một người nông dân như thế, hệt như nông dân Nga, ngay lập tức nói chuyện được với nhau, nhân nhượng nhau, và chỉ sau hai tiếng đồng hồ là họ đã có thể sống một cách yên lành nhất với nhau trong một ngôi nhà gỗ hoặc dưới cùng một mái lều. Đối với những người cao quý thì lại không thế. Giữa họ và những người bình dân là một hố sâu ngăn cách, và người ta chỉ *hoàn toàn* nhận ra điều đó, khi bản thân con người *cao quý* bỗng nhiên phải chịu một mãnh lực ngoại cảnh mà thực sự mất đi những quyền lợi trước đây của mình và phải biến thành thường dân. Nếu không thế thì dù suốt đời bạn gặp gỡ thường dân, dù bốn mươi năm liền ngày nào bạn cũng tiếp xúc với họ trong công việc, chẳng hạn, khi mọi người mặc đồng phục công sở, hoặc thậm chí là trong quan hệ thân thiện, dưới dạng một nhà cứu tế, và trong một ý nghĩa nào đó, là một đức cha, - thì bạn cũng không bao giờ nhận ra được bản chất vấn đề. Tất cả sẽ chỉ là sự lừa dối con mắt, không hơn không kém. Chính tôi biết rằng mọi người, chắc chắn là tất cả mọi người, khi đọc đến nhận định này của tôi, đều bảo rằng tôi đang thổi phồng sự việc. Nhưng tôi xin khẳng định rằng như thế là đúng. Tôi khẳng định không phải theo lối sách vở, theo dòng tư biện, mà là có thực tiễn, và tôi đã có khá nhiều thời gian để kiểm chứng những khẳng định đó. Có thể sau này mọi người sẽ biết rằng chúng chính xác đến là nhường nào...

Ngay từ bước đầu các sự kiện ấy như cố ý khẳng định cho những quan sát của tôi và đã tác động đến tôi một cách thật tiêu cực và thật căng thẳng. Mùa hè đầu tiên tôi lang thang khắp trại hầu như chỉ có một mình đơn độc. Tôi đã nói rằng lúc đó trạng thái tinh thần của tôi đã ở mức độ tôi không còn có thể đánh giá được và phân biệt được trong số anh em khổ sai thì ai là người có thể yêu mến tôi, những người về sau này vẫn yêu mến tôi, mặc dù họ chẳng bao giờ đi sánh bước cùng tôi. Trong số các nhà quý tộc cũng có người là đồng chí của tôi, nhưng cái tình đồng chí ấy lại chưa bao giờ làm tôi trút được gánh nặng tâm hồn. Tôi muốn không trông cậy vào đâu, nhưng cũng chẳng có chỗ nào mà chạy. Thế nhưng tôi cũng có được một trong những trường hợp, mà ngay từ đầu đã cho tôi hiểu được tình thế lạc loài của tôi và đặc điểm hoàn cảnh của tôi trong trại.

Một hôm, ấy là vào dịp hè, lúc đó đã sắp tháng Tám, vào một ngày thường rực rỡ và nóng nực, lúc một giờ trưa, lẽ ra theo thói quen thì mọi người đã nằm nghỉ trước khi vào công việc buổi chiều, thì bỗng nhiên có lệnh dựng toàn trại trở dậy ra sân xếp hàng. Trước phút giây đó tôi không hề biết có chuyện gì cả. Lúc ấy là lúc tôi đang chìm đắm trong những suy tư cá nhân, đến nỗi hầu như tôi chẳng để ý gì đến xung quanh. Thế mà đã ba hôm nay cả trại xôn xao nín thở. Sau này tôi mới suy nghĩ và mới ngộ ra đôi điều gì đó qua những câu chuyện của anh em trại nhân, qua thói gây gổ đột biến của anh em, qua vẻ trầm uất và đặc biệt là qua trạng thái cáu bẳn của họ vào những ngày cuối, thì có thể mọi người đã xôn xao từ trước đó nữa. Tôi cứ đổ riệt tình trạng này cho công việc nặng nhọc, cho những ngày hè đằng đẵng buồn chán, cho những ước mơ chợt đến về cuộc sống rừng xanh và về bầu trời tự do phóng khoáng, tôi còn đổ cho những đêm ngắn ngủi, ngủ không đã mắt. Có thể giờ đây tất cả những thứ đó hòa trộn với nhau thành một cao trào, nhưng cái nguyên cớ của nó lại là thức ăn. Mấy ngày gần đây mọi người bực tức, làm ầm lên trong các lán trại, và đặc biệt là khi vào bếp ăn trưa, ăn tối, họ bực bội về các món ăn, thậm chí còn đòi đổi món, nhưng rồi lập tức lại gạt món mới này để đòi lại món cũ. Tóm lại, mọi người đang trong một tâm trạng bất an thế nào đó.

- Công việc thì nặng nề, mà họ cho ăn *bryushina*[118]. - Có những người lầu bầu trong bếp.

- Nếu không thích thì gọi món *blamanzhe*[119] mà ăn. - Một người khác đế vào.

- Này các anh em, canh bắp cải mà có thêm *bryushina* là tôi thích lắm đấy. Ngon đáo để. - Người thứ ba tham gia.

- Lúc nào cũng ăn *bryushina* thì ông có chịu được không?

- Tất nhiên, bây giờ là mùa thịt, - người thứ tư nói, - suốt ngày quần quật ngoài xưởng, đói thấy mẹ, ăn *bryushina* là hay lắm rồi!

- Nếu không thích *bryushina* thì ăn *thịt bọ*[120].

- Có thêm thịt bọ nữa thì càng tốt. *Bryushina* và thịt bọ, người ta chỉ cho một thứ thôi. Ăn với chả uống! Có phải thật thế không nhỉ?

- Đúng thế, ăn uống tồi thật.

- Cái bụng như cái túi, nhét đầy là được.

- Có phải việc của anh đâu mà nghĩ.

- Thế thì việc của ai? Cái bụng là của tôi. Mọi người đều phải có yêu sách, phải có hành động.

- Yêu sách?

- Đúng rồi.

- Vì yêu sách anh bị đòn còn ít đấy. Thôi đi!

- Đúng rồi, - một người khác, từ nãy lặng thinh, làu bàu nói thêm vào. - Chẳng có gì phải bàn cãi cả. Nếu anh muốn nói về yêu sách, thì anh là người nói đầu tiên đấy nhé, anh có dám không?

- Tôi nói chứ sao. Nếu mọi người cùng đi, thì tôi sẽ cùng nói với mọi người. Có nghĩa là nghèo khổ ấy mà. Ở đây có người ăn thức ăn riêng của mình, lại có người phải ăn cơm chung.

- Chà, ghen tị quá đấy thôi. Thấy của người khác là sáng mắt.

- Thấy mẩu bánh của người ta thì đừng há cái miệng ra, phải chịu khó dậy sớm, việc mình mình làm.

- Việc mình mình làm!... Trong chuyện này tôi sẽ còn tranh luận với anh đến lúc đầu bạc. Có nghĩa, nếu anh thích khoanh tay ngồi chơi tức là anh là kẻ giầu có?

- Giàu thì phải là Eroshka, anh ta có cả chó cả mèo.

- Đúng rồi đấy, anh em ạ! Ngồi chơi thế nào được! Bắt chước những thói hư của người khác thế là đủ rồi. Người ta sẽ lột da mình ra. Liệu mình được cái gì?

- Được cái gì! Cứ ngồi đấy chờ người ta nhai sẵn rồi mớm vào mồm cho nhé; quen ăn sẵn rồi chứ gì. Thế nghĩa là đi tù khổ sai. Đấy, được cái gì đấy!

- Hóa ra là, lạy Chúa, phải làm sao để đục nước béo cò.

- Đúng thế, con bạch tuộc đã béo đẫy ra.

- Thế đấy, và lại không thích uống rượu.

- Mới đây có vụ đánh nhau với anh thú y vì chuyện cờ bạc.

- Bọn ấy đánh bài suốt đêm. Anh bạn chúng ta đánh nhau suốt hai tiếng đồng hồ. Fedka nói thế.

- Chính vì thế mới có canh *thịt bọ*.

- Chà! Các anh ngốc thật! Thế nhưng họ cũng không rời chỗ đâu.

- Thế mà mọi người phải ra. Để rồi xem, anh ấy thanh minh thế nào. Vẫn cái kiểu nói ấy thôi.

- Thanh minh! Anh ấy cũng cân sức với anh đấy, và tính cách cũng thế.

- Và lại còn sắp phải ra tòa nữa...

Tóm lại, mọi người đều đã nôn nóng. Đúng lúc đó thì chúng tôi lại có một bữa ăn tồi tệ. Thế là tất cả dồn vào một mối. Nhưng điều chủ yếu là ai cũng có tâm trạng buồn chán, có nỗi đau khổ tiềm ẩn bao ngày. Người tù khổ sai có tính gây gổ, có tính trầm ngâm là tùy theo bản tính của họ; nhưng họ cùng nhau đứng dậy như thế này hoặc họp nhau thành nhóm lớn là điều hiếm thấy lắm. Nguyên nhân bao giờ cũng là bất đồng chính kiến. Điều này bất kỳ ai trong số họ cũng cảm thấy. Chính vì thế ở đây người ta chửi bới nhau nhiều hơn làm việc. Tuy nhiên lần này cuộc chấn động không phải vô ích. Đầu tiên mọi người họp thành từng nhóm, bàn bạc nhau theo từng lán trại, cãi cọ nhau, cùng nhau nhắc lại một cách giận dữ toàn bộ cách quản lý điều hành của tên thiếu tá, kể ra mọi chuyện đầu cua tai nheo. Có mấy người đặc biệt nóng nảy. Trong mọi công chuyện như thế này bao giờ cũng có những người khởi xướng[121]. Những người khởi xướng trong trường hợp này, tức là trong trường hợp có yêu sách, là những người thật tuyệt vời, và không phải chỉ là trong một lán, mà là trong toàn trại, trong tất cả các đội... Đó là một típ người đặc biệt, ở đâu họ cũng giống nhau. Đó là những người sôi nổi, khát khao công lý, sống rất vô tư, ngay thẳng với niềm tin kiên định rằng công lý có khả năng được thực hiện chắc chắn, bất di bất dịch, và chủ yếu là ngay lập tức. Những người này không ngu dại hơn những người khác, thậm chí trong số họ có những người còn rất thông minh là khác, nhưng họ lại quá nóng vội, đến nỗi không còn khôn ngoan và tỉnh táo. Trong những trường hợp này nếu có những người biết khéo léo chèo lái đám đông và tranh thủ thời cơ, thì họ đã là một loại thủ lĩnh nhân dân khác, một loại tù trưởng thật sự, một loại người cực kỳ quý hiếm. Nhưng những người mà giờ đây tôi đang nói tới, là những người khởi xướng các yêu sách, những người hầu như bao

giờ cũng thua cuộc, để rồi sau đó lại cư ngụ trong các trại tù khổ sai. Sau những giờ phút nóng vội của mình họ đã thua cuộc, nhưng qua đó họ lại có ảnh hưởng đến đám đông kia. Tất nhiên, người ta sẵn lòng theo họ. Nhiệt huyết và cơn giận dữ chính đáng của họ tác động đến mọi người, và cuối cùng, cả những người chần chừ, do dự cũng đứng về phía họ. Lòng tin chiến thắng mù quáng của họ đã mê hoặc được thậm chí cả những kẻ hoài nghi thâm căn cố đế, mặc dầu đôi khi lòng tin tưởng ấy có những cơ sở lung lay và ấu trĩ, đến nỗi ta phải đứng ngoài mà ngạc nhiên, làm sao người ta lại đi theo họ cho được. Nhưng điều chủ yếu là họ cứ đi đầu, không hề sợ hãi gì cả. Họ giống như những con bò tót, cứ cúi đầu lao sừng vào địch, và thường là không hiểu biết tình thế, không thận trọng, không có cái khả năng tráo trở thực tiễn, mà nhiều khi ngay cả một tên khốn nạn và nhơ nhuốc, nếu biết dùng đến thì cũng thắng cuộc, vẫn đạt mục tiêu và vẫn thoát hiểm. Còn họ thì thế nào cũng bị gãy sừng. Trong cuộc sống hàng ngày đó là những người hay cáu bẳn, hay càu nhàu, hay nổi nóng và kém chịu đựng. Thường thường họ là những người thiển cận đến kinh khủng, nhưng cái đó phần nào cũng lại tạo ra sức mạnh của họ. Điều đáng tiếc nhất ở họ là thay vì cho mục đích trực tiếp họ lại thường lao sang phía bên, thay vì cho công việc chủ yếu họ lại sa vào chuyện vặt. Chính cái đó đã làm hại họ. Nhưng họ lại là dễ hiểu đối với đám đông, và đấy chính là sức mạnh của họ... Tuy nhiên, cũng phải nói thêm đôi câu rằng thế nào gọi là *yêu sách*? . . . .

Trong trại của chúng tôi có mấy người như thế, những người đến đây vì yêu sách. Họ là những người nôn nóng nhất. Đặc biệt một người tên là Martynov, trước đây thuộc lính kỵ binh, một người nóng nảy, bất ổn, đa nghi, thế nhưng lại nghiêm túc, thật thà. Một người nữa tên là Vasili Antonov, có vẻ hay nổi nóng lạnh lùng, có cái nhìn dữ tợn, có nụ cười diễu đùa, cao ngạo, có đầu óc rất phát triển, tuy nhiên lại là người rất trung thực và thật thà, những người như thế nhiều lắm, kể ra không hết. Petrov thường đi lại khắp nơi, nghe ngóng mọi nhóm người, ít nói, nhưng rõ ràng anh đang trong cơn xúc động và là người đầu tiên nhảy ra khỏi lán lúc bắt đầu xếp hàng.

Tên hạ sĩ quan của chúng tôi, người đang thực thi quyền hạn của thượng sĩ, cũng ngay lập tức hoảng sợ bước ra. Xếp hàng xong, mọi người lịch sự yêu cầu hắn nói với tên thiếu tá rằng toàn trại muốn nói chuyện với ông ta và có yêu cầu riêng với ông ta về một vài điểm. Tiếp theo sau tên hạ sĩ, tất cả thương bệnh binh cũng bước ra xếp hàng ở bên phía đối diện với cả trại. Nhiệm vụ mà anh em giao cho tên hạ sĩ là hết sức đặc biệt, khiến hắn hoảng sợ. Nhưng hắn cũng

không dám không báo cáo ngay với thiếu tá. Thứ nhất, nếu như toàn trại đã đứng dậy thì có thể xảy ra một chuyện gì đó tồi tệ hơn nữa. Tất cả bọn quản trại của chúng tôi có vẻ như là rất hèn nhát. Thứ hai, giả sử như cũng không có gì xảy ra, mọi người nghĩ lại và giải tán đi, thì như thế tên hạ sĩ cũng vẫn phải báo cáo ngay lập tức mọi chuyện xảy ra với cấp trên. Mặt tái mét và chân tay run rảy vì sợ, hắn lập cập đi gặp thiếu tá, thậm chí hắn còn không dám tự mình hỏi chuyện và nắm tình hình tù nhân nữa. Hắn đã thấy rằng bây giờ anh em tù nhân không thèm nói chuyện với hắn.

Tôi hoàn toàn không biết gì cả, nhưng cũng ra xếp hàng. Mọi chi tiết sau này tôi mới biết. Lúc bấy giờ tôi chỉ nghĩ rằng có chuyện gì cần phải kiểm tra, nhưng tôi lại không nhìn thấy bọn đi tuần, vốn là bọn hay kiểm tra, nên tôi ngạc nhiên và nhìn quanh. Mặt mọi người thật xúc động và căng thẳng. Một số người mặt còn tái đi. Nói chung là mọi người đang bị ức chế và đang nín lặng chờ đợi xem quân ta sẽ ăn nói thế nào trước tên thiếu tá. Tôi để ý thấy nhiều người nhìn tôi với vẻ hết sức kinh ngạc, nhưng rồi lại lặng lẽ quay mặt đi. Chắc họ lấy làm lạ rằng tôi cũng xếp hàng với họ. Rõ ràng là họ không tin rằng tôi cũng có yêu sách. Tuy nhiên, hầu như tất cả những người đứng ở xung quanh tôi đều đã quay trở lại với tôi. Mọi người nhìn tôi dò hỏi.

- Anh ra đây làm gì? - anh Vasili Antonov lớn tiếng hỏi tôi, giọng thô thiển. Anh đứng hơi xa chỗ tôi, từ trước tới giờ anh vẫn gọi tôi là *ông* và đối xử với tôi thật lễ độ.

Tôi tròn mắt nhìn anh ta, cố gắng hiểu câu nói kia có nghĩa gì, và tôi đã lờ mờ đoán ra rằng sắp có một chuyện gì đó đặc biệt.

- Ông đứng đây làm cái gì? Ông vào lán đi. - Một anh thanh niên lên tiếng. Anh này trước là lính, nói chung là tôi chưa quen, anh là người tốt tính và trầm lặng. - Đây không phải là chuyện của ông.

- Nhưng mọi người xếp hàng cả, - tôi đáp, - tôi nghĩ rằng có kiểm tra.

- Thế mà ông ấy cũng ra. - Một người nói to.

- Một mũi tên sắt, - một người khác nói.

- Bọn đập ruồi! - người thứ ba nói với giọng khinh bỉ không thể tả nổi. Cái hỗn danh mới này khiến mọi người ôm bụng cười.

- Tình thương là ở nơi bếp núc, - một người nữa nói thêm.

- Bọn chúng thì ở đâu cũng có thiên đàng. Đây là chốn khổ sai, mà chúng thì được ăn bánh mỳ và được mua thịt lợn con. Còn anh thì phải ăn những gì anh có; anh can thiệp vào đây làm gì.

- Đây không phải chỗ của anh. - Kulikov vừa nói vừa lảo đảo đi đến chỗ tôi, rồi nắm tay tôi lôi ra khỏi hàng.

Bản thân anh ta cũng mặt mày nhợt nhạt, đôi mắt màu đen quắc lên, môi dưới mím chặt. Anh không thể bình tĩnh chờ đợi tên thiếu tá. Tôi phải nói thêm rằng tôi cực kỳ thích được ngắm nhìn Kulikov trong tất cả những lúc như thế này, tức là những lúc đòi hỏi anh phải thể hiện được bản thân mình. Trông anh thật đáng sợ, nhưng anh đã làm đúng việc của mình. Tôi cảm thấy như anh sẵn sàng bước ra đoạn đầu đài với đôi chút kênh kiệu và đỏm dáng. Bây giờ, khi mọi người đã gọi tôi bằng *anh* và mắng mỏ tôi, thì rõ ràng anh lại cố tình nhân đôi mức lễ độ đối với tôi, đồng thời lời nói của anh cũng có vẻ kiên định đặc biệt, thậm chí còn là ngạo mạn, bất chấp mọi thái độ phản đối.

- Ở đây chúng tôi sẽ nói về chuyện chúng tôi, thưa ông Aleksandr Petrovich. Còn ông ở đây không có việc gì phải làm cả. Ông cứ đi đâu thì đi và cứ chờ đấy... Các bạn ông đã ở trong bếp rồi. Ông vào đấy đi.

- Ông hãy đến chỗ cây cột thứ chín, nơi có anh chàng Antipka - Một người nào đó chêm vào.

Quả nhiên qua ô cửa sổ kéo lên một nửa tôi nhìn thấy anh em Ba Lan, tuy nhiên tôi còn thấy nhiều người khác nữa. Lòng thấy nặng nề, tôi bước vào bếp. Những tiếng cười nói, mắng chửi và tắc lưỡi (tù khổ sai dùng thay cho huýt sáo) vang lên sau lưng tôi.

- Chúng tôi không hài lòng!... tắc-tắc-tắc! Bắt lấy nó!...

Cho đến bây giờ trong nhà tù khổ sai tôi chưa bao giờ bị lăng nhục, và lần này tôi thấy thật là nặng nề. Nhưng tôi đã rơi vào giờ phút như thế. Ở phòng ngoài nhà bếp tôi gặp ông T., một nhà quý tộc, một người còn trẻ, cứng rắn và độ lượng, học vấn không nhiều, nhưng rất yêu B. Anh em khổ sai xếp ông vào hạng riêng và có phần yêu mến ông. Ông là người can đảm, dũng cảm và mạnh mẽ, những tính cách đó được thể hiện trong từng động tác của ông.

- Chào ông, ông Goryanchikov, - ông ta gọi to, - ông lại đây với tôi!

- Này, đằng kia có gì thế nhỉ?

- Họ đưa ra yêu sách đấy, chẳng lẽ ông không biết sao? Chắc là họ không thành công: ai mà lại đi tin tù khổ sai? Chúng sẽ tìm được những người đầu trò,

và nếu như chúng ta có mặt ở đó, thì chắc chắn chúng ta sẽ là những người đầu tiên bị buộc vào tội nổi loạn. Ông có nhớ vì sao chúng ta phải vào đây không? Đơn giản là có người đụng đến chúng và chúng ta ra tòa. Tên thiếu tá thù ghét mọi người chúng ta và làm hại được chúng ta thì hắn rất khoái. Hắn sẽ lấy chúng ta ra làm vật thanh minh.

- Còn tù khổ sai thì lấy đầu đảm bảo tố giác chúng ta, - ông M. nói thêm, khi chúng tôi vào hẳn trong bếp.

- Không phải lo lắng gì cả, họ không thương xót gì đâu! - ông T. bổ sung.

Trong bếp, ngoài nhóm quý tộc, còn rất đông nữa, phải đến ba mươi người. Tất cả đều ở lại trong bếp, không muốn yêu sách. Một số người là vì nhút nhát, một số người quả quyết tin rằng yêu sách rồi cũng vô ích. Ở đây có cả ông Akim Akimych là kẻ thù số một, kẻ thù thâm căn cố đế của các loại yêu sách, vì chúng ngăn cản dòng chảy tự nhiên của công việc và đạo lý. Ông lặng lẽ và hết sức bình tĩnh chờ đợi kết thúc công chuyện, không hề lo lắng gì về kết cục của nó, ngược lại, ông hoàn toàn tin tưởng vào chiến thắng không gì ngăn cản được của trật tự và ý chí của thượng cấp. Ở đây có cả anh Isai Fomich. Anh đứng yên nghe ngóng hết sức ngơ ngác, say sưa và rụt rè theo dõi câu chuyện của chúng tôi. Anh tỏ vẻ lo âu nhiều. Ở đây có đủ mặt những người Ba Lan xuất thân bình dân, nhưng cũng gắn kết với các nhà quý tộc. Cũng có cả một số người Nga dè dặt, những người lúc nào cũng lặng lẽ và khiếp sợ. Đi với những người kia thì họ không dám, nên cứ buồn rầu chờ xem câu chuyện kết thúc ra sao. Cuối cùng, cũng có cả một số tù nhân cau có và nghiêm nghị, những người không phải là rụt rè. Họ ở lại đây vì một niềm xác tín bướng bỉnh và kinh tởm, cho rằng tất cả những cái đó là chuyện tầm phào, và ngoài cái kết quả tồi tệ ra thì nó chẳng được tích sự gì cả. Nhưng tôi có cảm giác rằng dù sao đi nữa thì bây giờ họ cũng cảm thấy mình có chút gì đó không được khéo léo, nhìn nhận sự việc không hoàn toàn tự tin. Mặc dù họ cũng đã hiểu rằng về việc yêu sách họ hoàn toàn đúng đắn, điều đó sau này đã được khẳng định, song họ cũng ý thức được rằng họ là những kẻ ly khai, bỏ rơi cộng đồng, giống hệt như việc bán rẻ đồng đội cho tên thiếu tá. Có mặt ở đây còn có Elkin, người nông dân Sibir khôn ngoan nhất, bị vào trại vì tội bạc giả và đã học được nghề thực hành thú y của Kulikov. Ông già người Starodub cũng ở đây. Tất cả những người nấu ăn cũng đều nhất loạt ở lại trong bếp, chắc chắn vì họ tin rằng họ là một bộ phận của cơ quan hành chính, suy ra, nếu họ chống lại chính cơ quan đó thì thật khiếm nhã.

Tôi thận trọng quay về phía ông M. và bắt đầu nói:

- Tuy nhiên, ngoại trừ những người này ra thì hầu hết những người khác đều đã ra sân.

- Vậy chúng ta thì sao? - anh B. ấp úng.

- Nếu chúng ta ra sân thì chúng ta phiêu lưu hơn họ đến một trăm lần. *Je haïs ces brigants*[122]. Và chẳng lẽ chỉ trong một phút các ông lại nghĩ rằng yêu sách của họ sẽ được chấp nhận hay sao? Sao các ông lại lao đầu vào cái chuyện vớ vẩn ấy nhỉ?

- Chẳng có kết quả gì đâu. - một ông già bướng bỉnh và nóng nảy Almazov, cũng có mặt ở đây, đế thêm vào để trả lời.

- Ngoài việc dăm chục người bị roi vọt thì chẳng được việc gì cả.

- Tên thiếu tá đến rồi kìa! - có người kêu lên, và mọi người hối hả lao ra chỗ các cửa sổ.

Tên thiếu tá sồng sộc đi vào vẻ dữ tợn, hăng máu, mặt đỏ gay, mắt đeo kính. Hắn lặng lẽ nhưng quyết liệt bước đến gần hàng người. Trong những trường hợp như thế này hắn quả là dũng cảm và không chịu để mất khí thế. Tuy nhiên, lúc nào hắn cũng gần như say xỉn nửa phần người. Thậm chí cái mũ cát-két bẩn thỉu có đường viền màu da cam và cặp ngù vai cáu ghét của hắn trong giờ phút này lại có vẻ gì đó dữ dội. Theo sau hắn là tên thư lại Dyatlov, một nhân vật cực kỳ quan trọng, điều hành mọi công việc trong trại, thậm chí có ảnh hưởng đến cả tên thiếu tá, là một con người rất khôn ngoan, rất bản lĩnh, nhưng cũng là con người không phải hư hỏng. Các trại nhân đều hài lòng với anh ta. Theo sau anh này là tên hạ sĩ, rõ ràng hắn đã bị một trận quát mắng lôi đình, và đang chờ đợi một hình phạt gấp mười lần hơn thế. Theo sau hắn ta là đoàn áp giải, có ba bốn người, không hơn. Anh em tù nhân đứng không đội mũ, hình như là từ lúc cử người đi gọi thiếu tá, bây giờ mọi người đứng thẳng, quần áo chỉnh tề, ai cũng đứng đổi chân, rồi sau đó đứng im tại chỗ, chờ đợi thượng cấp nói lời đầu tiên, hoặc nói đúng hơn, là tiếng quát đầu tiên.

Ngay sau khi nói được vài chữ, tên thiếu tá bắt đầu gào lên, thậm chí là rít lên: hắn đã điên cuồng lắm rồi. Qua các cửa sổ chúng tôi nhìn thấy rõ hắn chạy ngang trước mặt đoàn người, xáp vào người này người kia rồi hỏi vặn vẹo. Tuy nhiên, vì đứng ở xa nên chúng tôi không nghe thấy được các câu hỏi và các câu đáp. Chúng tôi chỉ nghe thấy hắn quát rít lên:

- Quân bạo loạn! Bọn chủ mưu, bước ra đây mau! Mày là chủ mưu! Mày là chủ mưu! - Hắn lao vào chỗ một người nào đó.

Không nghe thấy câu trả lời. Nhưng một phút sau chúng tôi nhìn thấy một trại nhân đứng tách ra rồi đi ra phòng bảo vệ. Một phút sau lại đến lượt một người khác, rồi một người nữa.

- Cho tất cả chúng mày ra tòa! Tao sẽ cho chúng mày ra tòa! Còn trong bếp là bọn nào kia? - Hắn gầm lên khi nhìn thấy chúng tôi qua các ô cửa sổ rộng mở. - Ra hết đây! Lùa hết chúng nó ra đây!

Tên Dyatlov tiến vào bếp. Trong bếp người ta bảo hắn rằng ở đây không có yêu sách. Hắn lập tức trở ra báo cáo với tên thiếu tá.

- Không yêu sách! - hắn trùng giọng xuống đến hai nốt nhạc, mừng vui ra mặt. - Dù sao cũng gọi ra đây!

Chúng tôi bước ra. Tôi cảm thấy hổ thẹn khi phải bước ra. Nhưng chúng tôi vẫn đi, đầu cúi hẳn xuống.

- A, ông Prokofiev! Cả ông Elkin, cả ông Almazov. Mời các ông dừng lại đây, đứng vào hàng đi! - tên thiếu tá nói với chúng tôi một cách gấp gáp, nhưng dịu dàng, mắt nhìn chúng tôi thân thiện. - Kìa ông M., ông cũng ở đây... thế này thì phải viết lại. Dyatlov! Bây giờ phải viết lại danh sách những người hài lòng thành một cột riêng, những người không hài lòng sang một cột riêng, không được để sót một ai, rồi nộp giấy cho tôi. Tất cả bọn này này... tao sẽ cho ra tòa! Tao sẽ cho ra tòa hết bọn lừa bịp!

Tờ giấy đã có tác dụng.

- Chúng tôi hài lòng! - trong đám những người không hài lòng có một người gằn giọng kêu lên, nhưng có vẻ không dứt khoát lắm.

- A, có người hài lòng! Ai hài lòng? Ai hài lòng bước ra đây.

- Chúng tôi hài lòng, chúng tôi hài lòng! - có thêm mấy tiếng nói nữa.

- Các người hài lòng, có nghĩa là các người bị lôi kéo? Nghĩa là có những kẻ chủ mưu, có bọn dấy loạn? Bọn này sẽ bị tội lớn!...

- Chúa ơi, thế này là thế nào? - Trong đám đông có tiếng nói.

- Ai, ai vừa nói thế nhỉ? - tên thiếu tá gầm lên và bước nhanh về phía có tiếng nói. - Mày đây rồi, Rastorguev. Mày vừa nói hả? Ra phòng bảo vệ!

Rastorguev là một thanh niên mặt đỏ mọng, người cao lớn bước lên và lặng lẽ đi ra phòng bảo vệ. Người kêu lên không phải là anh ta, nhưng có người chỉ vào anh, nhưng anh cũng không phản đối.

- Béo quá hóa rồ! - tên thiếu tá nói to về phía anh. - Trông cái mặt thịt kìa! Cứ cho ba ngày không được!... Tao sẽ tìm ra hết bọn mày cho mà xem! Những người hài lòng, xin bước ra!

- Thưa ngài, chúng tôi hài lòng! - có đến mấy chục giọng nói vang lên ảm đạm; những người khác vẫn lầm lì im lặng. Nhưng tên thiếu tá cũng chỉ cần có thế. Rõ ràng là hắn muốn mau mau kết thúc công việc và cố gắng kết thúc bằng cách đồng thuận.

- Thế nào, bây giờ *tất cả mọi người* đều hài lòng rồi đấy! - hắn vội vàng nói. - tôi đã nhìn thấy, tôi đã biết. Đây là những kẻ chủ mưu. Trong số họ hiển nhiên là có những kẻ chủ mưu. - Hắn tiếp tục nói, mặt quay về phía Dyatlov. - Cần phải tìm kiếm chi tiết hơn nữa. còn bây giờ... bây giờ đến giờ đi làm rồi. Nổi trống lên!

Đích thân hắn có mặt trong lúc chia đội. Anh em trại nhân lặng lẽ buồn rầu tỏa ra đi làm, ít ra họ cũng hài lòng ở chỗ được ra đi cho khuất mắt. Nhưng khi chia đội xong tên thiếu tá ngay lập tức ra phòng bảo vệ xử lý đám “chủ mưu”, tuy rằng xử lý không đến nỗi tàn bạo, thậm chí còn là vội vàng. Sau này có người kể lại rằng một trong số đó đã xin được tha tội và hắn đã tha. Quả là có phần nào đó tên thiếu tá đã không còn được tự nhiên, thậm chí có thể nói là đã khiếp sợ. Trong mọi trường hợp thì đơn yêu sách là chuyện nhạy cảm, và mặc dù lời phàn nàn của trại nhân thực chất không thể được gọi là yêu sách, bởi vì nó không được đệ trình lên đến thượng cấp, mà chỉ đến tay thiếu tá, nhưng như thế cũng đã là chuyện không đẹp, không tốt. Điều đáng cảm phiền đặc biệt ở đây là mọi người đồng loạt nổi dậy. Chuyện đó phải bằng mọi cách dập tắt. Chẳng mấy chốc “đám chủ mưu” được tha ra. Ngay ngày hôm sau thức ăn đã tốt hơn, mặc dù không kéo dài được lâu. Trong những ngày đầu tên thiếu tá thường đến thăm trại hơn và thường gặp cảnh lộn xộn. Tên hạ sĩ quan thì mặt mày đăm chiêu và đã thành ngơ ngác, vì dường như hắn bị ngạc nhiên quá đáng. Còn về phần tù nhân thì mãi về sau họ cũng không thể tĩnh tâm được, nhưng cũng không còn náo động như trước, họ chỉ âm thầm lo lắng và có vẻ trầm uất mà thôi. Có một số người tỏ ra ủ rũ. Một số người khác thì lầu bầu nói đến chuyện hôm ấy, dù cũng không còn nhiệt ngôn nữa. Có nhiều người tự diễu cợt mình một cách giận dữ và to tiếng, dường như muốn hành tội mình vì chuyện yêu sách.

- Này, người anh em, cầm lấy mà gặm đi! - có người nói.

- Anh cười cái gì thì anh hãy làm cái đó! - một người khác nói thêm.

- Đâu là con chuột dám đeo chuông vào cổ mèo? - người thứ ba nhận xét.

- Người anh em của chúng ta không ăn gậy là không ăn thua, ai chả biết thế. Còn một điều may là không phải tất cả mọi người đều bị roi vọt.

- Thôi đi anh, tốt nhất là anh nên biết nhiều, nói ít cho khỏe. - Có một người nào đó giận dữ.

- Sao, anh là thầy giáo hay sao mà đi dạy khôn?

- Tôi biết thì tôi dạy.

- Anh là ai mà hợm mình vậy?

- Tôi vẫn còn là người đấy, thế anh là ai?

- Anh là đồ thối thây.

- Anh thối thây thì có.

- Thôi đi, thôi đi các anh. Làm gì mà ồn lên thế! - mọi người xung quanh nói đám cãi vã.

Cũng chiều hôm ấy, tức là đúng vào cái chiều có yêu sách, khi đi làm về, tôi gặp anh Petrov ở sau trại. Anh đi tìm tôi. Lúc đến gần, anh nói nhỏ cái gì đó, đại loại là có đôi ba lời than thở không rõ ràng, nhưng một lát sau anh lại lơ đãng lặng im và đi bên cạnh tôi như một cái máy. Sự việc đó cứ nằm mãi như một vết đau trong trái tim tôi và tôi thấy rằng anh sẽ giải thích cho tôi rõ một điều gì đó. Tôi hỏi:

- Này anh Petrov, anh nói đi, bạn bè anh có cáu giận chúng tôi không?

- Ai cáu giận? - anh hỏi lại như thể bừng tỉnh.

- Anh em trong trại cáu giận chúng tôi... những người quý tộc.

- Vì sao lại cáu giận các ông?

- À, cáu giận vì chúng tôi không ra sân yêu sách.

- Nhưng vì sao các ông lại phải yêu sách? - anh hỏi, dường như cố gắng hiểu tôi, - vì các ông ăn đồ ăn riêng kia mà.

- Hóa ra là thế, lạy Chúa! Nhưng trong các anh cũng có những người ăn riêng, mà vẫn ra sân. Vậy lẽ ra chúng tôi cũng phải... vì tình đồng chí anh ạ.

- Đúng, đúng... nhưng tình đồng chí giữa chúng tôi và các ông là thế nào?

Tôi nhìn ngay sang anh ta: anh quyết ý không hiểu tôi, không hiểu là tôi muốn gì. Ngược lại, tôi hiểu được anh hoàn toàn trong phút giây này. Bây giờ lần đầu tiên có một ý nghĩ, thực ra nó đã mơ hồ cụng cựa trong tôi từ lâu và cứ bám hoài lấy tôi, bây giờ tôi mới được cảm thấu hoàn toàn, và bỗng chốc tôi hiểu ra cái điều mà cho đến nay tôi mới lơ mơ đoán biết. Tôi hiểu rằng tôi sẽ không bao giờ

được chấp nhận là đồng chí, cho dù tôi là tù nhân chính hiệu, cho dù là tù nhân chung thân vĩnh cửu, tù nhân biệt giam đi nữa. Nhưng cái điều được lưu giữ đặc biệt trong ký ức tôi chính là vẻ mặt của Petrov lúc này. Trong câu hỏi của anh ấy “nhưng tình đồng chí giữa chúng tôi và các ông là thế nào?” đã hiện lên thái độ vô tư chân chất, lộ ra cái ngơ ngác giản đơn thật sự. Tôi nghĩ: phải chăng trong những lời nói ấy có sự châm biếm, giận dữ và nực cười? Chẳng có gì cả: đơn giản - không phải là đồng chí, thế thôi. Anh đi đường anh, chúng tôi đi đường chúng tôi, anh có việc anh, chúng tôi có việc chúng tôi.

Quả thật có lúc tôi đã nghĩ sau đợt yêu sách này thế nào anh em cũng cấu xé chúng tôi và chúng tôi sẽ không thể được sống yên thân. Thế nhưng không hề có chuyện ấy: chúng tôi không hề nghe thấy một lời trách móc, một câu mỉa mai, không thấy có sự giận dữ nào đặc biệt. Họ chỉ nói ra nói vào đôi câu, cũng như trước đây họ nói chuyện này chuyện nọ, thế thôi, chẳng có gì hết. Hơn nữa, họ còn không hề giận dữ cả đối với những người không muốn lộ diện yêu sách, ở tịt trong bếp, cũng như đối với cả những người đầu tiên xướng lên rằng mọi người hài lòng. Thậm chí còn không ai nhắc lại chuyện ấy. Đặc biệt cái chi tiết sau cùng này tôi không thể nào hiểu được.

VIII

ĐỒNG CHÍ

Tất nhiên, tôi ngả nhiều hơn về phía chúng tôi, tức là về phía “quý tộc”, đặc biệt là trong thời gian đầu tiên. Nhưng trong số ba nhà quý tộc Nga có mặt trong trại (Akim Akimych, mật vụ A. và một người được gọi tên là kẻ giết cha) thì tôi chỉ quen biết và nói chuyện với ông Akim Akimych. Cũng phải thú nhận rằng tôi đến với Akim Akimych là vì chán nản, trong những giờ phút hết sức buồn phiền và khi trông đi trông lại ngoài ông ấy ra tôi chẳng còn biết đến với ai nữa. Ở chương sách bên trên tôi đã định thử phân loại mọi người, nhưng bây giờ, khi nhớ lại Akim Akimych, tôi nghĩ rằng có thể bổ sung một loại người nữa. Quả thật, chỉ riêng ông ta thôi đã đủ là một loại người rồi. Đó là loại tù nhân hoàn toàn thờ ơ. Những người hoàn toàn thờ ơ là những người bất cần đời, sống tự do cũng được, mà trong tù cũng xong, những người này chắc hẳn ở đây không có và không thể có, nhưng có lẽ Akim Akimych là loại đặc biệt. Trong nhà tù ông đã tự thu xếp như thể ông định sống ở đó suốt đời: xung quanh ông tất cả mọi thứ, từ tấm thảm dệt, mấy cái gối bông, từ đồ gia dụng đều được sắp xếp thật gọn ghẽ, chắc chắn và lâu bền. Không thể thấy có gì là tạm bợ, là nhất thời ở nơi ông cả. Thời gian ở trại của ông còn nhiều năm, nhưng chắc gì đã có lúc nào ông nghĩ đến ngày xuất trại. Nhưng nếu như ông có chấp nhận cảnh đời này thì có lẽ không phải xuất phát từ chỗ trái tim, mà có lẽ lại là cam chịu, thế nhưng đối với ông cả hai cái đó cũng chỉ là một. Ông là người tốt bụng và thậm chí ban đầu ông còn khuyên tôi nhiều điều và giúp tôi nhiều việc; nhưng tôi phải thú thật rằng đôi khi, đặc biệt vào những ngày đầu, ông cũng vô tình gây ra cho tôi một nỗi buồn vô hạn, khiến tâm trạng tôi đã ủ dột lại càng thê lương. Chính vì buồn chán mà tôi lại phải nói chuyện với ông. Ở đời ai chả khao khát một lời nói có sinh khí, dù là một lời cục cằn, khó nghe, dù là giận dữ đi nữa, tôi mong chúng tôi cùng nhau trút hết bực bội lên đầu số phận; còn ông thì cứ im lặng, ngồi dán mấy cái đèn con, hoặc chỉ nói về một cuộc duyệt binh năm nào, ai là sư đoàn trưởng, tên họ ông ấy là gì, có hài lòng về cuộc duyệt binh hay không và những tín hiệu cho lính phát hỏa bị thay đổi thế nào vân vân... Với chất giọng đều đều, trang trọng những chuyện ông kể cứ như nước chảy thánh thót từng giọt một.

Thậm chí ông gần như hoàn toàn không thấy hào hứng khi kể rằng nhờ tham gia vào một công vụ gì đó ở Kavkaz mà ông đã được nhận huân chương “thánh nữ Anna”. Chỉ có giọng nói của ông lúc ấy là có vẻ quan trọng và nghiêm nghị lạ thường; ông hơi hạ giọng, thậm chí hạ đến mức huyền bí khi phát âm mấy từ “thánh nữ Anna”, rồi sau đó chừng ba phút ông lại trở nên lặng lẽ và trang nghiêm đặc biệt. Trong năm đầu tiên ấy tôi có những giờ phút ngu ngốc, khi tôi (thường bao giờ cũng là bất ngờ) bắt đầu gần như ghét bỏ ông Akim Akimych, không biết vì sao, và âm thầm nguyền rủa số phận vì đã bố trí cho tôi và ông ta nằm cùng một lán, đầu sát bên đầu. Thường cứ sau một giờ như vậy tôi lại trách cứ bản thân. Nhưng đó chỉ là chuyện năm đầu tiên, sau này tâm hồn tôi đã chịu chung sống với ông và tôi thấy xấu hổ vì sự ngu ngốc trước đây của mình. Tuy thế, đối với bên ngoài, như tôi vẫn nhớ, thì tôi và ông chưa hề cãi nhau bao giờ.

Ngoài ba người Nga đó ra, trong thời tôi ở đấy còn có thêm tám người nữa. Đối với một số người trong số đó, tôi qua lại với họ cũng khá ngắn ngủi và thậm chí là thoải mái, nhưng không phải là với tất cả. Trong số đó thì những người tốt nhất lại có vẻ như bệnh hoạn, lạc lõng và khó chịu ghê gớm lắm. Có hai người sau này tôi hoàn toàn không thể nói chuyện được. Có học vấn cao trong đó là ba người: ông B., ông M. và ông Zh. Ông Zh. trước kia dạy toán ở đâu đó, - là một ông già hiền lành, tốt bụng, rất lập dị, và ngoài kiến thức ra thì ông là người hết sức hạn hẹp. Các ông M. và B. thì khác hẳn. Tôi đi lại gần gũi với ông M. ngay từ lần đầu gặp gỡ, không bao giờ to tiếng với ông, rất tôn trọng ông, nhưng không bao giờ có thể yêu mến ông, gắn bó với ông được. Đó là một con người rất không tin ai và cục cằn, nhưng biết giữ mình đến mức đáng phải kinh ngạc. Cái kỹ năng hết sức to lớn ấy ở nơi ông tôi lại không thích: hình như tôi cảm thấy rằng ông sẽ chẳng bao giờ để ngỏ tâm hồn với bất kỳ ai. Tuy nhiên, cũng có thể là tôi bị nhầm. Đó là một bản tính mạnh mẽ và hết sức cao thượng. Sự khôn khéo tột cùng, thậm chí có đôi phần quỷ quyệt và tính thận trọng của ông trong khi tiếp xúc với người đời đã nói lên thói hoài nghi sâu sắc và tiềm tàng của ông. Thế nhưng đó cũng là dạng tâm hồn đã chịu nhiều cay đắng bởi tính hai mặt: chủ nghĩa hoài nghi và niềm tin bất di bất dịch vào những niềm xác tín và những hy vọng của chính mình. Tuy nhiên, mặc dù có những thói khôn ngoan đời thường, ông vẫn là kẻ thù không đội trời chung với ông B. và bạn của ông ta là T. Ông B. là người ốm đau, có chiều hướng bị ho lao, hay bị kích động và yếu thần kinh, nhưng bản chất lại cực kỳ tốt tính, thậm chí còn là độ lượng. Khả năng bị kích động ở nơi ông đôi khi đạt đến mức không thể chịu đựng được và đến

mức thất thường. Tôi cũng không chịu đựng được tính nết đó và sau này đã phải chia tay với B., nhưng bù lại, tôi không bao giờ hết yêu ông ta. Còn với M. thì tôi không bao giờ cãi nhau, nhưng tôi lại chưa bao giờ yêu ông ta cả. Chia tay với B. thì lại xảy ra chuyện tôi phải chia tay với T., anh bạn trẻ tuổi nhất, mà tôi có nhắc đến ở chương trước, khi tôi kể chuyện yêu sách. Tôi lấy làm tiếc lắm. T. không phải là người có học vấn, nhưng tốt bụng, can đảm, hào phóng. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ anh ta yêu mến và kính trọng B. đến mức tung hô ông ấy trước mặt ông ấy, đến mức coi tất cả những người hơi hơi xa lánh ông đều gần như là kẻ thù. Anh đã đoạn tuyệt với M. có lẽ chỉ là vì ông B., mặc dù anh ta với ông M. gắn bó với nhau khá lâu. Tuy nhiên, tất cả bọn họ đều là những người bệnh hoạn về tinh thần, đều hay giận dỗi, cáu bẳn và nghi kỵ. Cũng dễ hiểu thôi: tâm trạng họ nặng nề, nặng nề hơn chúng tôi nhiều lắm. Họ phải sống xa quê hương. Một số người phải chịu tù dài hạn đến mươi mười hai năm, nhưng điều chủ yếu là họ mang những định kiến sâu sắc để nhìn xung quanh, họ thấy bọn tù khổ sai chỉ là ác thú và họ không thể, thậm chí là không muốn nhìn thấy trong đám tù khổ sai một nét nào là nhân hậu, là con người, và điều này cũng thật dễ hiểu: Họ rơi vào cách nhìn bất hạnh ấy là do hoàn cảnh, do số phận xui khiến. Một điều dễ thấy là chính nỗi buồn phiền đã bóp nghẹt họ trong trại tù này. Họ có dịu dàng, niềm nở với người trerkes, người tatar, với Isai Fomich, nhưng họ vẫn thấy ghê tởm và phải tránh xa những tù khổ sai khác. Chỉ duy có một tín đồ cựu giáo người gốc Starodub là được họ hoàn toàn kính trọng. Nhưng lại có một điều đáng nói là trong suốt cả thời kỳ tôi ở trại trong số anh em tù khổ sai không một người nào nói động đến nguồn gốc, tín ngưỡng và lối sống của họ, điều này được bộc lộ trong cách ứng xử của thường dân đối với người nước ngoài, đặc biệt là đối với người Đức, tuy rằng rất ít gặp. Tuy nhiên, đối với người Đức anh em cũng chỉ là cười nhạo thế thôi. Đối với dân thường Nga thì người Đức đáng nực cười lắm. Còn đối với dân quý tộc ở đây thì anh em tỏ thái độ thậm chí là kính trọng, kính trọng nhiều hơn đối với chúng tôi là những người Nga thường và không hề *đụng chạm gì* đến họ cả. Nhưng những người quý tộc thì có lẽ lại không hề muốn nhận ra điều đó và không muốn nghĩ đến. Tôi cũng đã nói về anh T. Khi người ta chuyển họ từ trại đày thứ nhất đến pháo đài chúng tôi thì chính anh T. là người vác ông B. gần như suốt cả chặng đường, vì ông này yếu dệt và đã bị mệt từ lúc trên đường. Trước đó họ bị đưa đến địa điểm U. Theo họ kể lại thì ở đó họ được sống tốt, tức là tốt hơn so với pháo đài chúng tôi. Nhưng ở đó họ lại bắt đầu một công việc chẳng có tội lỗi gì là trao đổi thư từ với các bạn tù khác ở các thị trấn khác,

và vì thế bọn quản lý thấy cần thiết phải chuyển ba người trong số họ về pháo đài chúng tôi để họ phải sống gần với con mắt quan sát của thượng cấp. Người bạn thứ ba của họ là ông Zh. Trước khi họ về đây, ở trong trại ông M. chỉ có một mình, vì thế ông ta rầu rĩ suốt năm đầu tù ngục.

Ông Zh. là cái ông suốt ngày đêm ngồi tụng niệm, mà trên kia tôi đã nói đến. Tất cả những tội đồ chính trị ở đây đều là những người trẻ tuổi, một số thậm chí còn rất trẻ, chỉ riêng ông Zh. đã ngoài năm mươi. Tất nhiên, ông là người chính trực, nhưng hơi lập dị. Các bạn B. và T. đều rất không yêu mến ông, thậm chí không nói chuyện với ông. Khi nhận xét về ông họ bảo ông hay ương ngạnh và hay gây gổ. Tôi không biết trong trường hợp này thì họ đúng được đến bao nhiêu phần trăm. Trong trại này, cũng như các nơi khác tương tự, người ta tụ tập thành nhóm không phải là do ý muốn, mà là do bị ép buộc, thì tôi có cảm giác rằng con người có thể dễ dàng cãi cọ với nhau, thù ghét nhau nhiều hơn ở ngoài. Có nhiều hoàn cảnh xô họ vào đó. Hơn nữa ông Zh. quả là người khá ngốc nghếch và có thể là không dễ mến. Tất cả bạn bè đều có trục trặc với ông. Tôi với ông dù chưa bao giờ cãi nhau, nhưng cũng không đi lại với nhau nhiều. Có lẽ là ông am hiểu môn toán học của ông. Tôi nhớ rằng ông đã ráng sức giải thích cho tôi bằng thứ tiếng Nga ú ở của ông một hệ thống thiên văn nào đó đặc biệt do chính ông nghĩ ra. Có người bảo tôi rằng hệ thống này ông đã cho in ra hồi nào đó, nhưng giới khoa học chỉ cười mũi. Tôi cho rằng lòng tự trọng của ông bị sứt mẻ vì cách nhận định đó. Suốt nhiều ngày liền ông quỳ gối cầu nguyện cho được cả trại kính yêu và được hưởng ân phước đó tới chết. Ông đã qua đời ngay trước mắt chúng tôi trong bệnh viện sau một trận ốm nặng. Thế nhưng lòng kính yêu thì ông đã được đón nhận trong toàn trại ngay từ lúc bước chân vào đây sau câu chuyện xảy ra với tên thiếu tá. Trên đường từ U. đến pháo đài này họ không được cạo râu, mặt mũi ai cũng xồm xoàm, thế nên khi được dẫn tới chỗ tên thiếu tá thì hắn phát điên lên vì bị cho là coi thường thượng cấp, mà họ hoàn toàn không có lỗi gì cả. Hắn gào lên:

- Mặt mũi làm sao thế này! Đây là bọn giang hồ, là bọn cướp đường!

Ông Zh. lúc đó còn chưa rành tiếng Nga, còn đang suy nghĩ câu hỏi: họ là ai? Dân giang hồ hay quân cướp đường? Ông bèn trả lời:

- Chúng tôi không phải giang hồ, mà là tù nhân chính trị.

- Sa-a-a-o-o! Mày chửi à? Mày văng bậy à? - hắn gào lên. - Đem thằng này sang phòng bảo vệ! Đánh trăm roi, đánh ngay bây giờ, ngay phút này!

Ông già bị đòn vọt. Ông nằm dưới lằn roi không nhúc nhích, môi bậm vào tay và chịu trận không một tiếng kêu rên, không hề cử động. Cũng đợt đó B. và T. vào trại, ông M. đã đón họ ở cổng, ôm chầm lấy họ, mặc dù trước đó họ chưa hề thấy nhau bao giờ. Bị chấn động vì cuộc gặp thiếu tá, họ kể cho ông M. nghe về ông G. Tôi còn nhớ ông M. kể lại cho tôi: “Tôi bị choáng. Tôi không hiểu người ta làm gì tôi. Tôi run lên như bị sốt rét. Tôi chờ ông Zh. ở cổng. Ông sẽ phải đi thẳng từ nhà bảo vệ, nơi bị hành hạ, vào đây. Cánh cổng bỗng mở. Ông Zh. không nhìn ai, mặt tái nhợt, môi run rẩy, đi vào sân giữa các tù nhân, những người vừa hay tin có nhà quý tộc bị trừng phạt, đi thẳng đến chỗ mình ở, rồi không nói một lời nào, quỳ sụp xuống và bắt đầu cầu Chúa”. Anh em khổ sai lấy làm kinh ngạc và thậm chí rất xúc động. Ông M. nói: “Khi tôi nhìn thấy ông già ấy, con người đầu bạc, đã bỏ lại vợ con ở chốn quê nhà, khi tôi thấy con người bị trừng phạt khốn khổ ấy quỳ xuống khấn vái, thì tôi lao mình đi khắp các lán trại suốt hai tiếng đồng hồ liền, như tên mất trí, tôi thật sự bị hoảng loạn...” Từ đấy anh em tù nhân rất kính trọng ông Zh. và lúc nào cũng giữ phép lễ độ với ông. Họ rất thích ông không hề kêu rên dưới làn roi vọt.

Tuy nhiên, cũng cần phải nói rõ sự thật: qua dẫn chứng trên đây ta cũng không thể nào đánh giá được cách ứng xử của bọn cầm quyền ở Sibir đối với những người quý tộc bị đi đày, dù họ là ai đi nữa, là người Nga hay người Ba Lan. Tấm gương trên chỉ cho ta thấy rằng ta có thể đụng đầu với một kẻ ngang tàng, ở đâu đó hắn ta có thể là một viên chỉ huy độc lập hoặc là chỉ huy cấp trên, thì số phận của tù nhân, một khi đã bị hắn trù ghét, sẽ là rất ít được đảm bảo. Nhưng cũng không thể không thừa nhận rằng cấp chỉ huy cao nhất ở Sibir, người quyết định mọi giọng nói và khí thế của tất cả mọi chỉ huy khác, đối với những kẻ lưu đày là quý tộc lại có thái độ rất rành mạch và thậm chí trong nhiều trường hợp lại cố gắng gia ân cho họ nhiều hơn là đối với các tù nhân khác dòng dõi thường dân. Nguyên nhân thì cũng đã rõ: Thứ nhất, những người chỉ huy cao nhất bản thân họ cũng là quý tộc. Thứ hai, trước đây cũng đã có những trường hợp một số người quý tộc chưa chịu đòn roi bao giờ và đã làm dữ với các nhà chức trách, vì thế mà xảy ra những chuyện hãi hùng. Thứ ba, và tôi cho rằng đây là điều chủ yếu, là từ lâu rồi, từ cách đây ba mươi lăm năm, bỗng dưng xuất hiện một nhóm đông các nhà quý tộc bị đi đày ở Sibir, và trong suốt ba mươi năm họ đã biết cách xếp đặt vị trí của mình và tự lăng-xê mình ở khắp vùng Sibir, đến nỗi các hàng quan chức chỉ huy đến bây giờ vẫn theo thói quen và truyền thống cũ mà nhìn các tù nhân quý tộc thuộc một loại tù nào đó bằng một con mắt

khác so với những kẻ lưu đày khác. Theo gót các bậc chỉ huy cao cấp, những tên chỉ huy cấp dưới cũng đã quen nhìn bằng những con mắt như thế, tức là họ đã vay mượn cái nhìn và giọng nói từ các cấp trên, tuân thủ và thần phục cấp trên. Tuy nhiên trong số các sĩ quan cấp thấp có nhiều người chỉ biết nhìn hẹp hòi, họ thầm phê phán mệnh lệnh cấp trên và họ rất vui mừng nếu như không ai cản trở họ được tự mình ra lệnh theo cách của riêng mình. Tôi có cơ sở chắc chắn để suy nghĩ như thế, và đó là vấn đề. Loại tù thứ hai, mà tôi được tồn tại trong đó, là loại tù trong pháo đài phải làm việc dưới quyền các chỉ huy quân sự, họ bị sống khổ sở hơn nhiều so với hai loại tù kia, tức là loại tù thứ ba (làm việc trong công xưởng) và loại tù thứ nhất (làm việc trong hầm lò). Loại tù này khổ cực không phải là đối với riêng các nhà quý tộc, mà là đối với tất cả các tù nhân, bởi vì bọn chỉ huy và cơ cấu tổ chức của loại tù này đều theo kiểu quân sự, rất giống với các trung đội tù nhân ở nước Nga. Bọn chỉ huy quân sự thì nghiêm khắc hơn, nội quy thì chặt chẽ hơn, tù nhân lúc nào cũng bị xiềng xích, bị áp giải, bị khóa cửa; điều này lại xảy ra không đến mức như thế đối với hai loại tù kia. Ít ra thì các bạn tù của tôi cũng nói lại như vậy, trong số họ cũng có những người am hiểu tình hình. Họ có thể vui mừng gia nhập vào loại tù thứ nhất, mà theo luật thì đó là loại tù nặng nhất, và thậm chí họ mơ ước được vậy. Về các đội tù ở nước Nga tất cả anh em tù chúng tôi, những người đã từng sống trong đó, đều nói với nỗi sợ hãi và đều đoan chắc rằng trên toàn nước Nga không đâu cực khổ hơn là các đội tù ở các pháo đài, và rằng ở Sibir thiên đường được so sánh với cuộc sống ở đó. Suy ra, nếu với nội dung nghiêm khắc như trong trại chúng tôi, với một bọn chỉ huy quân sự, ngay trước mắt viên tướng tỉnh trưởng, và tất nhiên, vì có những trường hợp (mà những trường hợp này đôi khi cũng đã xảy ra rồi) là có cả những người ngoài, nhưng là những nhân vật bán chính thức, vì giận dữ hoặc vì ghen tị với các nhà chức trách, mà sẵn sàng mật báo tới những nơi cần thiết, rằng có những tù nhân thuộc loại này nọ đã được hưởng ân huệ của những vị chỉ huy không chính trực, - tôi xin nói rằng nếu ở trong vị thế như vậy thì người ta sẽ nhìn vào các tù nhân quý tộc bằng con mắt có phần khác đi so với khi nhìn các tù khổ sai khác, và lại càng hơn như thế nữa khi người ta nhìn họ rộng lượng hơn nhiều so với tù nhân loại một và loại ba. Suy ra, căn cứ vào nơi tôi đã sống thì về mặt này có lẽ tôi có thể xét đoán được cả toàn vùng Sibir. Tất cả những tin đồn đoán và những câu chuyện lọt đến tai tôi từ những tù nhân loại một và loại ba về vấn đề này đã khẳng định cho kết luận của tôi. Thực ra, đối với tất cả anh em quý tộc chúng tôi trong trại bọn chỉ huy đều nhìn bằng con mắt ráo riết và thận

trọng. Đối với công việc chúng tôi chẳng được thụ hưởng một chút gì là ân huệ và bao dung cả đâu: cũng là công việc như các anh em khác, cũng xiềng gông, cầm cố - tóm lại, mọi thứ đều giống như các bạn tù cùng trại. Ngay cả việc giảm nhẹ công việc cũng không có. Tôi biết rằng trong thị trấn này, trong cái thời *ngày xưa gần nhất* có biết bao nhiêu là những kẻ ton hót, bao nhiêu mưu mô thủ đoạn, bao nhiêu hố bẫy bạn bè, đến nỗi chính bọn chỉ huy cũng phải kinh sợ những câu ton hót kia. Thời đó còn có gì kinh hãi hơn là lời mật báo nói rằng một bọn tội đồ nào đấy đang được hưởng ân huệ! Rõ ràng là ai cũng sợ, và chúng tôi vẫn sống ngang bằng với tất cả anh em khổ sai, tuy rằng những nhục hình thể xác thì hơi có phần ngoại lệ. Chúng tôi có thể bị đòn vọt rất dễ dàng, nếu như chúng tôi đáng phải chịu, tức là chúng tôi có mắc vào tội gì đó. Đứng trước nhục hình thể xác thì nghĩa vụ của quan chức và sự bình đẳng đòi hỏi phải thế. Tuy nhiên, dẫu sao thì người ta cũng không hành hạ chúng tôi một cách nhẹ dạ, còn đối với các tù nhân thường thì điều đó đã từng xảy ra, đặc biệt khi có mặt các quan chức tấp tểnh ngoi lên và những kẻ háo hức được ra lệnh và gây ấn tượng trong mọi trường hợp. Chúng tôi được biết rằng tên chỉ huy trưởng, khi biết chuyện đối xử với ông già G., đã nổi cơn tam bành với tên thiếu tá và đã buộc tên này trong thời gian tới phải giảm bớt các trò ấy. Chuyện này thì ai cũng kể với tôi cả. Ở đây người ta còn biết rằng bản thân ông tướng tỉnh trưởng, người đã tin cậy viên thiếu tá và phần nào đó đã yêu quí tên này như một thuộc hạ và coi là người có một số năng lực, thế mà khi biết chuyện này, cũng phải lên tiếng quở trách. Còn tên thiếu tá từ đó cũng phải dè chừng. Chẳng hạn, hắn ta đã muốn với tay đến ông M., người mà hắn rất căm ghét qua chuyện đổ oan của A., nhưng hắn không thể nào đánh đòn ông được, mặc dù đã tìm đủ mọi cớ, nên đành xua đuổi ông và để mắt đến ông. Về chuyện ông Zh. sau này cả thị trấn đều biết và dư luận chung là chống lại tên thiếu tá; nhiều người lên án hắn, những người khác tỏ ra khó chịu. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ đến cuộc gặp hắn lần đầu tiên. Hồi ấy chúng tôi, tức là tôi và một ông bạn quý tộc cùng bị đi tù khổ sai, khi còn ở Tobolsk đã bị hoảng hồn vì những câu chuyện về tính cách khó chịu của con người này. Những nhà quý tộc nằm tù hai mươi lăm năm đã có cảm tình sâu sắc khi gặp chúng tôi và thường xuyên có quan hệ với chúng tôi, đã cảnh báo khi chúng tôi ngồi ở sân trạm trung chuyển về tên chỉ huy tương lai của chúng tôi, và hứa sẽ làm tất cả những gì có thể làm được thông qua những người quen biết để tránh cho chúng tôi khỏi bị theo dõi. Thực sự là vào thời gian này có ba cô con gái của ông tướng tỉnh trưởng từ nước Nga tới đây thăm cha đã

nhận được của họ mấy lá thư và có lẽ đã nói tốt cho chúng tôi. Nhưng ông ta có thể làm gì được? Ông ta chỉ nói với tên thiếu tá là hắn phải minh bạch rõ ràng hơn chút nữa mà thôi. Đến ba giờ chiều chúng tôi, tức là tôi và ông bạn tôi, đến thị trấn và bọn áp giải đưa ngay đến gặp tên chỉ huy đó. Chúng tôi đứng ở phòng ngoài chờ đợi, trong lúc họ cử người đi tìm tên hạ sĩ quan. Khi tên này xuất hiện thì tên thiếu tá cũng bước ra. Bộ mặt ửng đỏ, đầy mụn trứng và dữ dằn của hắn gây cho chúng tôi một ấn tượng thật buồn chán: giống hệt như một con nhện hung ác chạy ra vồ con ruồi con khốn khổ sa vào mạng lưới.

- Tên mày là gì? - hắn hỏi ông bạn tôi. Hắn nói liến thoắng, gắt gỏng, giật cục, rõ ràng là muốn ra oai.

- Tên tôi là thế này.

- Còn tên thằng này là gì? - Hắn dí cặp kính trắng vào mặt tôi, hỏi.

- Tên tôi là thế này.

- Hạ sĩ! Đưa ngay chúng vào trại, vào phòng bảo vệ gọt đầu cẩn thận, ngay lập tức, nhớ gọt nửa đầu thôi. Ngay ngày mai đóng xiềng. Những áo khoác này là thế nào? Ở đâu ra đây - hắn đột nhiên hỏi, khi quan sát thấy những áo khoác màu xám có in những vòng vàng trên lưng, mà có người cho chúng tôi khi còn ở Tobolsk, và chúng tôi đang khoác trước cặp mắt rực sáng của hắn. - Đây là đồng phục mới đây! Đúng, đây là một loại đồng phục mới... Còn đang được thiết kế... mang từ Peterburg đến đây... - hắn nói, khi bắt chúng tôi lần lượt quay người. - Chúng có mang theo cái gì không? - hắn bất chợt hỏi tên cảnh sát áp giải chúng tôi.

- Bẩm ngài, chỉ có quần áo cá nhân thôi ạ, - tên cảnh sát trả lời, giọng cố tình kéo dài, thậm chí có đôi chút run sợ. Hắn là người ai cũng biết, ai cũng nghe đến và ai cũng phải sợ.

- Lấy hết đi, chỉ để lại cho chúng một bộ đồ lót, mà là bộ đồ trắng, nếu có những cái có màu thì lấy đi hết. Tất cả những cái khác ấy là để đem bán đấu giá. Tiền bán được sung vào quỹ thu. Tù nhân không được có sở hữu riêng, - hắn nói tiếp, mắt nghiêm khắc nhìn chúng tôi. - Chúng mày hãy coi chừng, giữ mình cẩn thận! Đừng để tao nghe thấy điều gì! Nếu không... tao quật mất xác! Sai phạm một chút là ăn đòn ng..a..a..y!

Buổi tối hôm ấy do mất thói quen nên tôi gần như phát ốm sau cuộc tiếp nhận. Thế nhưng, ấn tượng ấy còn được nhân lên nữa bởi những gì tôi được thấy trong trại. Nhưng chuyện vào trại thì tôi đã kể ở trên rồi. Bây giờ tôi xin nhắc lại

rằng người ta không hề tạo ra và cũng không dám tạo ra bất kỳ ân sủng nào cho chúng tôi, không hề nhẹ tay chút nào trong công việc trước những tù nhân khác. Tuy nhiên, có một lần người ta thử làm: tôi và ông B. suốt ba tháng liền đi làm văn thư ở xưởng cơ khí, nhưng cũng là làm dấu dấu giếm giếm, và là do ban quản đốc xưởng quyết định. Có lẽ một số người khác cũng biết, nhưng làm ra vẻ không biết. Chuyện xảy ra ngay trước mắt ông chỉ huy G-kov. Ông thượng tá G-kov này xuất hiện như tự trên trời rơi xuống, ở chỗ chúng tôi chỉ có ít tháng. Nếu tôi không nhầm thì chỉ có chưa đầy nửa năm, thậm chí còn ít hơn nữa, - rồi lại quay về Nga, để lại một ấn tượng lạ thường trong lòng tất cả trại nhân. Ông không những được anh em yêu mến, mà còn sùng kính nữa, nếu có thể dùng được chữ ấy. Ông ấy làm thế nào thì tôi không biết, nhưng đã chinh phục được họ ngay từ lần đầu. “Bố ơi, bố ơi! Bây giờ thì không cần có bố thật nữa rồi!” - các trại nhân thường nói câu ấy trong suốt thời gian ông quản lý bộ phận cơ khí. Về khoản rượu chè thì có lẽ ông thuộc hàng ghê gớm. Thế nhưng ông lại hiền dịu với anh em trại nhân, gần tới mức trìu mến, và quả thật là ông yêu mến họ như cha yêu con. Vì lẽ gì mà ông yêu tù nhân - điều ấy tôi không thể nói được, nhưng ông thì không thể gặp tù nhân mà lại không nói đôi lời dịu dàng, vui vẻ, mà lại không cười với họ, đùa với họ, và điều chủ yếu là ở nơi ông không thấy có vẻ gì quan cách, dù chỉ là một cử chỉ nào đó cho thấy sự trìu mến không bình đẳng hoặc thuần túy cấp trên. Ông đúng là một người đồng đội, một người trong nhà ở mức độ cao nhất. Nhưng dù cho ông có bản tính dân chủ như thế, thì anh em trại nhân cũng chưa bao giờ làm cái gì tỏ ra bất kính hoặc sỗ sàng với ông. Ngược lại là khác. Bao giờ mặt mũi tù nhân cũng rạng rỡ khi gặp người chỉ huy, và khi người chỉ huy đến gần thì anh ta ngả mũ, ngẩng mặt tươi cười. Còn nếu người chỉ huy nói một câu gì thì đó chính là bạc tiền trao tặng. Ở đời vẫn có những con người hòa đồng như vậy. Người chỉ huy trông thật phong độ, dáng đi thẳng thắn, đàng hoàng. Anh em trại nhân thường nói về ông “Đại bàng đấy!”. Tất nhiên, ông không thể nương tay với ai, ông chỉ quản lý công việc cơ khí thôi, thứ công việc mà nếu những người khác chỉ huy thì vẫn phải được tiến hành theo những qui định pháp lý thường nhật. Chỉ có điều, khi thấy công việc đã hết thì ông không giữ anh em những giờ phút còn lại, mà cho phép về trước khi có hồi trống báo. Anh em mến ông vì ông có lòng tin vào tù nhân, không có tính tủn mủn, cáu bẳn, hoàn toàn không có những hình thức nhục mạ anh em theo kiểu cấp trên. Tôi nghĩ rằng, giá như ông có đánh rơi đến một ngàn rúp thì ngay như anh chàng ăn cắp hàng đầu của chúng tôi nhặt được cũng đem về trả lại cho

ông. Đấy, tôi tin là như thế đấy. Với lòng cảm thông sâu sắc anh em trại nhân biết được rằng vị chỉ huy đại bàng của mình đã một lần cãi nhau chí chết với tên thiếu tá đáng căm ghét. Chuyện xảy ra vào tháng đầu tiên khi ông tới đây. Tên thiếu tá đã có một hồi là đồng sự của ông. Hai người gặp lại nhau như những người bạn sau một thời gian dài cách biệt và uống với nhau một trận túy lúy. Thế mà bỗng chốc họ chia tay nhau. Họ đã cãi nhau, và ông G-kov đã thành kẻ thù sống chết với hắn. Anh em còn nghe nói rằng lúc đó hai bên đánh nhau. Đối với tên thiếu tá chuyện ấy có thể xảy ra được lắm: hắn vẫn thường đánh nhau mà. Khi anh em nghe được chuyện đó, họ hể hả không sao nói hết. “Đáng đời con ác quỷ! Ông đại bàng của chúng ta...” Tiếp đó họ còn thêm những lời không tiện in ra thành sách. Họ rất háo hức muốn biết trong hai người ai nện được ai. Nếu như tin đồn về cuộc ẩu đả không phải là thật (chuyện đó cũng có thể xảy ra lắm chứ), thì có lẽ anh em tù nhân khổ sở lắm. Họ bảo “Không, chỉ huy của chúng ta phải thắng. Ông người nhỏ con, nhưng lại can trường, còn thằng kia chắc phải đo ván hộc máu”. Nhưng chẳng bao lâu sau ông ra đi, và anh em lại rơi vào sầu thảm. Những người phụ trách cơ khí đều tốt bụng cả: thời tôi ở đấy đã thay đổi đến ba ông hoặc bốn ông, thế nhưng vẫn không thể có một người như vậy, anh em tù nhân bảo rằng ông ấy là đại bàng, con đại bàng che chở. Đúng là ông G-kov yêu thương tất cả chúng tôi, những người quý tộc, và hồi cuối đã ra lệnh cho tôi và ông B. đôi khi được vào văn phòng. Sau khi ông đi, việc đó coi như nghiễm nhiên. Trong số kỹ sư có những người (đặc biệt một người) chúng tôi rất có cảm tình. Chúng tôi đến chép lại các giấy tờ, thậm chí chữ viết của chúng tôi cũng đẹp ra, thế mà bỗng nhiên thượng cấp ra lệnh cho chúng tôi trở lại ngay làm việc cũ: lại có kẻ nào ton hót đây! Tuy nhiên, thế cũng là tốt: hai anh em chúng tôi đã chán ngấy công việc văn phòng. Sau đó gần như suốt hai năm tôi và B. cùng đi làm một việc không hề rời nhau nửa bước, thường là đi vào xưởng thợ. Chúng tôi nói chuyện tào lao với nhau về những hy vọng, những niềm xác tín. Ông là con người tuyệt vời, nhưng những niềm tin của ông đôi khi lại rất kỳ lạ, rất độc đáo. Thường thì những người thuộc một loại nào đó rất thông minh đôi khi lại ôm những khái niệm hết sức kỳ quặc. Nhưng vì những khái niệm đó mà người ta phải chịu biết bao đau khổ trong cuộc đời, phải trả bằng cái giá hết sức đắt, mà rời bỏ chúng cũng cực kỳ đau đớn, hầu như không thể kham nổi. Ông B. rất đau lòng khi tôi phản đối ông và ông thường trả lời một cách chua chát. Tuy nhiên, nói chung thì có lẽ ông đúng hơn tôi, tôi cũng không

biết nữa; cuối cùng chúng tôi chia tay nhau, điều ấy dày vò tôi dữ dội: chúng tôi đã chia sẻ với nhau nhiều chuyện quá rồi.

Trong khi đó thì ông M. lại dần dần ngày thêm héo hon, ủ dột. Nỗi buồn xâm chiếm lòng ông. Trước kia, thời kỳ đầu tôi ở trại, ông còn quảng giao hơn, ông bộc lộ tâm hồn mình nhiều hơn và thường xuyên hơn. Lúc tôi nhập trại ông đã ở đây hơn hai năm rồi. Ban đầu ông quan tâm nhiều thứ trong số những chuyện xảy ra trong hai năm ấy mà ông ngồi trong trại không hề có khái niệm gì về chúng; ông hỏi tôi, lắng nghe và sinh lo lắng. Nhưng rồi, cùng với tháng năm tất cả dường như thu gọn vào trong tâm khảm. Than tàn, tro phủ. Những cơn giận dữ trong ông ngày một nhiều hơn. “Je haïs ces brigants” - ông thường nhắc lại với tôi khi căm giận nhìn những người tù khổ sai mà tôi đã quen nhiều hơn và những cách lý giải của tôi về họ chẳng có tác động gì đến ông cả. Ông không hiểu tôi nói gì, thế nhưng đôi khi ông lại lơ mơ đồng ý, nhưng đến mai ông lại nhắc lại “Je haïs ces brigants”. Xin nói thêm rằng tôi với ông thường nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp, vì thế tên cảnh sát theo dõi công việc tên là Dranishnikov, không biết nghĩ gì trong đầu mà gọi chúng tôi là bọn Tây học. Ông M. được đà, toàn đem chuyện mẹ ra kể. “Mẹ tôi đã già, lại ốm đau nữa, - ông bảo tôi, - bà ấy yêu tôi nhất ở trên đời, còn bây giờ tôi ở đây, không biết mẹ tôi sống chết ra sao. Chỉ cần bà ấy biết được rằng tôi bị đòn roi thì...” Ông M. không phải quý tộc và trước ngày đi đày đã bị nhục hình thân thể rồi. Nhớ lại chuyện ấy ông nghiến răng và cố nhìn đi chỗ khác. Thời gian cuối ông hay đi dạo một mình. Một lần vào khoảng mười hai giờ trưa ông bị gọi lên gặp chỉ huy. Tên chỉ huy cười vui đón ông:

- Chào ông M. đêm qua ông mơ thấy gì? - hắn hỏi.

Lúc ông M. quay trở về chỗ chúng tôi, ông kể: “Tôi run bắn lên. Tim như bị chọc thủng”.

- Tôi mơ thấy nhận được thư mẹ, - ông đáp.

- Còn hơn thế, còn hơn thế! -tên chỉ huy phản đối. - Ông được tự do! Mẹ ông đã khẩn cầu... và lời khẩn cầu ấy đã đi thấu. Đây là thư của bà ấy và đây là lệnh cho ông. Bây giờ ông được xuất trại.

Ông quay về chỗ chúng tôi, mặt mày nhợt nhạt, đầu óc vẫn chưa hồi lại sau thông báo đó. Chúng tôi chúc mừng ông. Ông nắm tay chúng tôi bằng đôi bàn tay run rẩy, lạnh cóng. Nhiều anh em đến chúc mừng ông và lấy làm vui sướng trước hạnh phúc đó.

Ông xuất trại theo chế độ định cư và ông đã ở lại thị trấn chúng tôi. Ít lâu sau ông được cung cấp chỗ ở. Ban đầu ông thường hay đến trại, và khi có thể được thì thông báo cho chúng tôi mọi thứ tin tức. Ông thường đặc biệt quan tâm đến những tin chính trị.

Trong số bốn người còn lại, tức là ngoài các ông M., T., B., và Zh., thì hai người hãy còn rất trẻ, bị đày ngắn hạn, học thức kém, nhưng lương thiện, giản dị và thẳng thắn. Người thứ ba là A., rất giản dị và chẳng có gì đặc biệt, nhưng người thứ tư là B., là người đã đứng tuổi và gây ra cho chúng tôi một ấn tượng cực kỳ ghê tởm. Tôi không biết bằng cách nào hắn ta lại rơi vào loại tội phạm như vậy, còn bản thân hắn ta thì phủ nhận điều đó. Đó là một tâm hồn thô lỗ, lắt léo, với những thói quen và nguyên tắc của kẻ chợ búa quen cóp nhặt từng đồng xu nhỏ làm giàu. Hắn chẳng được học hành gì cả và chẳng quan tâm gì cả ngoài công việc kiếm sống của mình. Hắn là thợ quét vôi, nhưng là thợ quét vôi ngoại hạng, tay nghề tuyệt vời. Ít lâu sau ban chỉ huy biết hắn tài nghệ, và thế là cả thị trấn đua nhau kiếm hắn về quét tường, quét trần. Trong suốt hai năm hắn tô vẽ được gần hết các căn hộ của nhà nước. Các chủ nhà trả tiền tùy ý và hắn sống được rủng rỉnh. Nhưng còn một điều tốt hơn là người ta phải cử cả những bạn hắn đi cùng. Trong số ba tên thường đi cùng với hắn thì có hai tên học nghề của hắn, còn tên thứ ba là T-zh thì quét vôi không kém gì hắn. Tên thiếu tá cũng đi thuê nhà nhà nước và cũng yêu cầu B. đến tô vẽ cả tường cả trần. B. rất cố gắng: đến nhà của tướng quân tỉnh trưởng cũng không được làm đẹp đến thế. Ngôi nhà một tầng bằng gỗ, khá là ọp ẹp, bề ngoài trông sần sùi: hắn vẽ bên trong như là cung điện và tên thiếu tá mừng lắm... Hắn xoa tay nói rằng bây giờ sẽ lấy vợ ngay. “Với căn hộ thế này thì không thể không lấy vợ được”, - hắn nói thêm rất nghiêm túc. Hắn ngày càng hài lòng về B. và từ đó hài lòng cả về những người cùng làm với B. Công việc kéo dài suốt tháng. Trong tháng đó tên thiếu tá đã thay đổi hẳn ý kiến của mình về anh em chúng tôi và bắt đầu che chở cho anh em. Rồi đến một hôm hắn bỗng nhiên yêu cầu ông Zh. từ trong trại đến nhà hắn.

- Chào ông - hắn nói. - Tôi đã đánh xúc phạm ông. Tôi đã từng ông vô lối. Tôi biết. Bây giờ tôi hối hận. Ông có hiểu không? Tôi, *tôi*, *tôi* - tôi hối hận.

Ông Zh. đáp rằng ông hiểu điều đó.

- Ông có hiểu rằng tôi, *tôi*, tôi là chỉ huy của ông, tôi mời ông đến đây để ông tha lỗi cho tôi! Ông có cảm thấy điều ấy không? *Ông* là ai trước mắt tôi? Là con sâu! còn bé hơn con sâu nữa kia: ông là thằng tù! Còn tôi ơn Chúa[123] được là thiếu tá. Thiếu tá! Ông có hiểu không?

Ông Zh. trả lời rằng điều đó ông cũng hiểu được.

- Thế nhé. Từ nay tôi sẽ dàn hòa với ông. Nhưng ông có cảm nhận được đầy đủ không, có thật hoàn toàn không? Ông có đủ khả năng để thấu hiểu và cảm nhận được không? Ông chỉ cần nghĩ thế này: tôi, tôi, thiếu tá...

Chính ông Zh. kể lại cho tôi toàn bộ màn kịch này. Quả thật là trong cái con người nát rượu, càn bậy và vô lối ấy vẫn có tình người. Chỉ cần nghĩ đến những khái niệm của hắn và cách phát triển khái niệm thì đã thấy cách ứng xử như vậy có thể coi gần như là độ lượng. Tuy nhiên, vẻ say sưa của hắn đã giúp nhiều cho cách ứng xử.

Giấc mơ của hắn không thực hiện được: hắn không lấy vợ, dù đã quyết tâm lắm, khi công việc tu bổ căn hộ kết thúc. Đáng lẽ lấy vợ thì hắn lại phải ra tòa và được lệnh phải nộp đơn từ chức. Tại đây mọi tội lỗi cũ của hắn được lôi ra. Trước đây, như chúng ta còn nhớ, hắn đã có thời là người đứng đầu thị trấn này... Cú đòn này giáng vào đầu hắn thật bất ngờ. Trong trại tin đó làm mọi người mừng vui khôn tả. Đó là một ngày hội, một ngày hội lớn! Người ta kháo rằng tên thiếu tá gào rống lên như một bà già, nước mắt đầm đìa. Nhưng biết làm thế nào được. Hắn phải nghỉ việc, phải bán đi hai con ngựa xám, sau đó bán cả điền trang rồi rơi vào cảnh túng quẫn. Sau này chúng tôi có gặp hắn mặc chiếc áo đuôi tôm sờn rách, đội mũ lưỡi trai có cả quân hiệu. Hắn nhìn anh em tù nhân vẻ bực dọc. Khi hắn bỏ bộ quân phục ra thì không còn vẻ gì là hấp dẫn nữa. Mặc quân phục vào thì hắn là cơn giông cơn bão, là thánh là thần. Còn mặc áo đuôi tôm thì hắn hoàn toàn là con số không và trông hao hao như tên đày tớ. Bộ quân phục nơi những con người ấy thật có ý nghĩa. Kỳ lạ thế đấy.

IX

ĐÀO THOÁT

Chẳng bao lâu sau cái vụ tên thiếu tá, trong trại chúng tôi đã diễn ra những thay đổi căn bản. Đơn vị khổ sai đã được hủy bỏ và thay vào đó là thành lập đại đội tù nhân thuộc bên quân đội trên cơ sở các đại đội tù nhân của toàn nước Nga. Điều đó có nghĩa là người ta không đưa về trại chúng tôi những tù nhân lưu đày loại hai nữa. Từ nay trại chúng tôi chỉ nhận những tù nhân quân đội, tức là những người chưa mất quyền sở hữu tài sản, tức là những người lính giống như những người lính khác, chỉ có điều là họ bị trừng phạt, phải đi tù ngắn hạn (tối đa là sáu năm), và sau khi xuất trại họ lại trở về tiểu đoàn cũ làm lính trơn như trước đây. Tuy nhiên, những người phải quay lại trại khi mắc tội lần thứ hai thì bị trừng phạt như ngày xưa, tức là thời hạn hai mươi năm. Trước khi có sự thay đổi này thì ở đây chúng tôi có một đơn vị tù binh loại quân nhân, họ sống với chúng tôi vì không có nơi nào khác. Bây giờ cả trại là loại người đó. Dĩ nhiên, những tù khổ sai cũ, những tù khổ sai dân sự hiện thời, những người đã mất mọi quyền hạn, bị đóng dấu và bị gọt nửa đầu thì vẫn ở lại trong trại cho đến mãn hạn. Tù mới không đến, tù cũ thì cứ dần dần hết hạn ra đi, cho nên chỉ trong mười năm trại chúng tôi không thể còn một tù nhân khổ sai nào nữa. Đơn vị đặc biệt thì vẫn còn trong trại, nhưng thỉnh thoảng mới có những tù nhân trọng án thuộc bên quân đội đưa đến trước khi ở Sibir mở ra những công trường khổ sai nặng nhọc nhất. Như vậy là về bản chất, đối với chúng tôi, cuộc sống vẫn kéo lê dài dài như trước: vẫn khoản tiền nuôi dưỡng ấy, vẫn công việc ấy và gần như vẫn là nội quy ấy, chỉ có điều ban chỉ huy đã thay đổi và phức tạp hơn. Đã điều về đây một sĩ quan hành dinh, một đại đội trưởng, và trên hết là bốn sĩ quan chỉ huy thay nhau trực trại. Nhóm thương bệnh binh cũng bị bãi bỏ, thay vào đó là nhóm mười hai hạ sĩ quan và một sĩ quan hậu cần. Bắt đầu có chế độ phân tổ mười người, có một ông cai được chọn trong số tù nhân. Ông Akim Akimych về danh nghĩa đã hiển nhiên được là ông cai. Toàn bộ cơ chế mới, toàn bộ trại tù với tất cả các cấp hàm và các trại nhân vẫn nằm trong tay một người chỉ huy cao nhất gọi là tổng quản. Đó là tất cả những gì xảy ra. Đầu tiên, trại nhân rất xôn xao, họ bàn tán, đồn đoán và dò xét các thủ lĩnh mới, nhưng sau thấy rằng thực chất

thì mọi việc lại vẫn như xưa, lúc đó họ yên tâm và cuộc sống lại dần trôi như cũ. Nhưng có điều chủ yếu là tất cả đã tách rời khỏi tên thiếu tá ngày xưa, mọi người như được thở phào và được tỉnh táo. Đã mất đi vẻ mặt hãi hùng, bây giờ mọi người biết rằng khi cần thiết người ta có thể giãi bầy với người chỉ huy rằng lẽ nào người vô tội lại bị hành xử như người có tội. Thậm chí bây giờ rượu cũng vẫn được bán theo những nguyên tắc trước đây, có điều người bán không còn là các thương bệnh binh, mà là các hạ sĩ. Các hạ sĩ quan này phần lớn là những người đứng đắn và có suy nghĩ, có hiểu biết vị thế của mình. Tuy nhiên, trong số họ ban đầu cũng có những người có ý đồ làm liều, và tất nhiên, cũng vì còn thiếu kinh nghiệm, nên họ nghĩ rằng có thể đối xử với tù nhân như đối với binh lính. Nhưng cuối cùng những người ấy cũng hiểu ra sự việc. Những người khác nữa rất chậm hiểu thì được chính các anh em trại nhân chứng minh cho biết thực chất vấn đề. Cũng đã xảy ra các cuộc xung đột khá quyết liệt, chẳng hạn như dụ dỗ hạ sĩ, chuốc rượu cho say, rồi sau đó báo lên theo cách nói của mình là anh ta uống rượu với họ, và như thế là... Câu chuyện kết thúc ở chỗ các hạ sĩ quan đã thờ ơ nhìn nhận, hoặc nói đúng hơn là cố gắng không nhìn nhận việc đưa rượu vào và bán rượu ra sao. Hơn thế nữa, cũng giống như các thương bệnh binh ngày trước, họ lại ra chợ mang về cho các trại nhân đủ các thứ bánh mỳ, thịt bò, v.v,... tức là tất cả những gì mà họ có thể làm được không cần có sự trông coi ngặt nghèo. Để làm được điều đó thì tất cả đã phải thay đổi, phải hình thành một đại đội tù nhân, điều này tôi không biết được. Điều này xảy ra vào những năm cuối cùng của thời tôi bị khổ sai. Vậy tôi còn hai năm nữa được sống trong trật tự mới...

Có nên ghi chép toàn bộ cuộc sống đó, toàn bộ những năm tháng của tôi trong trại khổ sai ra không? Tôi nghĩ là không. Nếu viết ra theo đúng trình tự những gì đã có thì hẳn phải viết đến số lượng chương hồi gấp hai lần, bốn lần hơn lên so với những gì tôi đã viết bấy nay. Nhưng cách mô tả như thế xét cho cùng hết sức đơn điệu. Mọi cuộc phiêu lưu đều xuất hiện với cùng một giọng nói, đặc biệt nếu như qua các chương sách tôi viết độc giả đã kịp hình thành cho mình một khái niệm khá chắc chắn về đời sống lao ngục khổ sai của loại tù hạng hai. Tôi chỉ muốn giới thiệu toàn bộ trại tù của chúng tôi và tất cả những gì tôi đã sống qua trong những năm đó trên một bức tranh trực quan rõ nét. Tôi không biết mình có đạt mục tiêu ấy không. Một phần cũng vì tôi không có quyền phán xét điều đó. Nhưng tôi tin chắc rằng đến đây tôi có thể kết thúc được. Hơn thế nữa đôi khi những hoài niệm kia lại mang nỗi buồn đến xâm chiếm trái tim tôi.

Mà chắc gì tôi đã nhớ được hết mọi chuyện. Những năm tháng về sau dường như đã bị xóa mờ trong ký ức tôi. Tôi tin thế vì có nhiều tình huống tôi đã quên hẳn. Chẳng hạn, tôi nhớ rằng những năm tháng đó thực sự là giống nhau lắm, cứ thế trôi đi nhàm chán, hiu quạnh. Tôi nhớ có những ngày dài lê thê đơn điệu tựa như sau cơn mưa nước giọt đều đều trên mái xuống. Tôi nhớ tôi chỉ có một niềm khao khát cháy bỏng là được phục sinh, được đổi mới, được có một cuộc sống khác, nó thôi thúc tôi phải chờ đợi, phải hy vọng. Và cuối cùng tôi đã đứng vững: tôi đã chờ đợi, đã ngồi đếm từng ngày, dù số ngày đó còn đến hàng ngàn, nhưng tôi vẫn say sưa tính đếm, vẫn tiễn đưa từng ngày, chôn cất từng ngày, rồi lại vui với một ngày sắp đến, vui vì số ngày không còn đến một ngàn nữa, mà chỉ còn chín trăm chín mươi chín thôi. Tôi nhớ rằng trong suốt thời gian đó, mặc dù có hàng trăm đồng đội, nhưng tôi vẫn thấy cô đơn kinh khủng, và cuối cùng tôi yêu cảnh cô đơn đó. Tôi cô đơn về tâm hồn. Tôi nhìn lại toàn bộ cuộc đời trước đây của tôi, kiểm lại mọi chi tiết từ đầu tới cuối, suy ngẫm về những gì đã qua, mình tôi ngồi phán xét tôi một cách không khoan nhượng, một cách nghiêm khắc và thậm chí đã có lúc tôi phải vinh danh số phận đã đem đến cho tôi cuộc sống cô đơn này, bởi không có nó thì tôi đã chẳng có cái tòa án xử hình chính tôi, không có những phút nhìn nhận trở lại những gì đã sống. Và còn biết bao hy vọng tràn ngập trong trái tim tôi! Tôi đã suy nghĩ, đã quyết định, đã thề với chính mình rằng trong cuộc đời mai hậu tôi sẽ không mắc vào những lầm lỗi, những sa ngã như ngày xưa nữa. Tôi đã vạch ra cho mình toàn bộ chương trình cuộc sống tương lai và hạ quyết tâm theo đuổi như thế đến cùng. Trong lòng tôi lại sống dậy một niềm tin chói lóa rằng tôi sẽ thực hiện chương trình đó và có đủ sức thực hiện. Tôi chờ đợi, tôi kêu gọi tự do đến đây mau mau. Tôi muốn thử thách mình một lần nữa trong cuộc chiến đấu mới. Đôi khi tôi bắt gặp mình nôn nóng hoảng hốt. Nhưng bây giờ tôi lại thấy đau đớn khi nhớ đến trạng thái tâm thần mình khi đó. Tất nhiên, chuyện đó chỉ liên quan đến một mình tôi... nhưng chính vì thế mà tôi đã ghi lại rằng có lẽ mọi người sẽ hiểu được, bởi lẽ nó phải xảy ra với bất kỳ ai, nếu như người đó phải ngồi tù giữa tuổi đời sung mãn và sức mạnh đang lên.

Nhưng thôi, nói ra chuyện ấy mà làm gì! Tốt hơn hết là tôi sẽ kể một chuyện gì đó để khỏi kết thúc một cách hụt hẫng.

Tôi nhớ rằng hình như đã có người hỏi: thế trong những năm tháng ấy không có ai chạy trốn và đào thoát được nhà tù hay sao? Tôi đã viết rằng một tù nhân sống hai ba năm trong trại bắt đầu đánh giá những năm tháng đó và bất chợt

tính rằng tốt nhất là sống yên thời gian còn lại không động cựa gì, không gây họa gì để cuối cùng được trở về đời thường hợp pháp. Nhưng cách tính toán ấy chỉ trú ngụ trong đầu những tù nhân ngắn hạn. Những tù dài hạn có thể sẵn sàng phiêu lưu... Nhưng ở chỗ tôi không hiểu sao chuyện ấy không có. Tôi không biết có phải họ rất nhút nhát, có phải vì đám quân nhân canh giữ quá chặt, có phải vì địa phương thị trấn này không tạo điều kiện thuận lợi (vùng đất thảo nguyên, rộng mở) - thật là khó nói. Tôi nghĩ tất cả những nguyên nhân đó đều có ảnh hưởng. Quả thật, trốn trại là việc khá khó. Thế nhưng thời tôi ở đấy cũng xảy ra một chuyện: có hai kẻ liều mạng, mà lại là tù nhân trọng án nhất...

Sau khi thay tên thiếu tá thì ông A. trở nên hoàn toàn đơn độc, không còn nơi nào bấu víu nữa. Ông hãy còn rất trẻ, nhưng tính cách đã dần dần rõ nét và ổn định cùng với tháng năm. Nhìn chung, đó là con người táo bạo, quyết đoán và rất chịu nghĩ. Lẽ ra ông vẫn có thể thăm dò và làm mọi việc chui lủi, nếu người ta cho ông được tự do, chứ không phải bây giờ chịu thất bại một cách ngu ngốc và ngớ ngẩn như trước đây, khi ông đã phải trả giá bằng lao tù khổ sai cho sự ngu ngốc đó. Trong trại này ông đã phần nào tập dượt cách làm giấy thông hành giả. Tuy nhiên, tôi không dám chắc như vậy. Tôi chỉ được nghe qua các bạn tù thôi. Họ nói rằng ông làm việc đại loại như vậy ngay từ khi ông hay đi cùng tên thiếu tá xuống bếp, và chắc hẳn ông cũng kiếm được một khoản thu nhập vừa sức. Tóm lại, ông cũng dám làm mọi chuyện để thay đổi số phận. Tôi cũng đã có dịp tìm hiểu phần nào tâm hồn ông: thói tráo trở của ông đã đạt tới mức trơ trẽn khó chịu, đạt tới nụ cười nhếch mép lạnh lùng bậc nhất và gây ra cho mọi người cảm giác không nhịn được buồn nôn. Tôi có cảm giác nếu như ông thèm một cốc rượu, mà cốc rượu ấy muốn kiếm được lại không có cách nào khác ngoài cách chặt cổ một người, thì ông cũng chặt cổ ngay người ta, nếu như việc đó có thể thực hiện được một cách thầm lặng, không ai biết được. Trong trại này ông học được cách tính toán. Chính vì lẽ đó mà anh chàng Kulikov thuộc khu biệt giam đã rất chú ý đến ông.

Về Kulikov tôi đã nói ở bên trên. Anh không còn trẻ nữa, nhưng biết sống say sưa, sôi nổi, hùng mạnh và có nhiều tài lẻ đặc sắc. Anh là người có sức mạnh và ham sống. Những người như anh thì đến già khọm rồi vẫn còn ham sống. Và nếu như tôi có ngạc nhiên, tại sao người ta lại không tính chuyện đào thoát, thì chắc hẳn người đầu tiên khiến tôi ngạc nhiên là Kulikov. Nhưng Kulikov dám trốn. Trong hai người thì ai có ảnh hưởng đến người kia to lớn hơn ai: A. đối với Kulikov hay là Kulikov đối với ông A.? Thú thật tôi cũng không biết. Nhưng cả hai

người đều có giá xứng đáng ngang nhau và đều phù hợp với việc trốn trại. Họ đã kết giao với nhau. Theo tôi, Kulikov tính toán rằng ông A. sẽ làm được giấy thông hành. Ông A. xuất thân quý tộc, có một cộng đồng tốt đẹp - điều này hứa hẹn có sự thay đổi đa dạng trong những cuộc phiêu lưu mai hậu, chỉ cần về lại được nước Nga mà thôi. Ai biết được họ thỏa thuận gì với nhau và có những hy vọng gì, nhưng chỉ biết chắc rằng những hy vọng của họ xuất phát từ thói thủ cựu thông thường của lối sống giang hồ Sibir. Kulikov có bản năng diễn viên, có thể sắm nhiều vai trong cuộc sống, có thể hy vọng nhiều điều, nhưng chí ít thì cũng là hy vọng có những thay đổi đa dạng. Những người như thế thì trại này buộc phải đè bẹp. Họ thỏa thuận với nhau là phải đào thoát.

Thế nhưng, không có người dẫn đường thì không chạy được. Không có dẫn đường thì phải mách bảo lẫn nhau. Trong pháo đài, ở một tiểu đoàn kia có một người Ba Lan đầy nghị lực, và có thể xứng đáng với vai trò ấy nhất, một người đứng tuổi, năng nổ và nghiêm túc. Từ hồi còn trẻ, khi mới về làm việc ở Sibir, anh ta đã bỏ trốn vì nhớ quê hương da diết quá. Anh ta bị bắt, bị trừng phạt và bị giữ lại đến ngót hai năm trong các đội tù. Khi được trở về làm lính, anh suy nghĩ lại và bắt đầu làm việc hết mình. Vì xuất sắc nên anh được phong lên chức cai. Anh là người tự trọng, tự tin và biết mình biết người. Anh biết nhìn nhận, biết nói năng vừa phải. Vào những năm tháng đó tôi đã có mấy lần được trò chuyện với anh trong số những lính áp giải. Anh em người Ba Lan cũng nói đôi điều với tôi về anh. Tôi nhận ra rằng nỗi buồn xưa kia trong anh nay đã biến thành nỗi hận thầm kín, khô khốc và dai dẳng. Con người này dám làm mọi chuyện, và Kulikov đã không nhầm khi chọn anh làm bạn. Họ của anh là Koller. Họ thỏa thuận với nhau và định ngày. Dạo ấy là tháng Sáu, những ngày nóng nực. Trong thị trấn này khí hậu khá là ổn định, mùa hè thời tiết không đổi, lúc nào cũng ấm nóng: điều ấy tiếp tay cho kẻ giang hồ. Có lẽ họ không thể xuất phát trực tiếp từ pháo đài này được: cả thị trấn đứng chơ vơ, khoáng đạt về mọi hướng. Xung quanh, trên mọi nẻo đường dài đều không có rừng. Họ cần cải trang, mặc quần áo dân thường. Muốn thế, đầu tiên họ phải ra được ngoại ô, nơi từ lâu Kulikov đã có một chốn dung thân. Tôi không biết các bạn bè ngoại ô của anh có hoàn toàn bí mật hay không. Cứ cho rằng là có những người như thế, mặc dù về sau, khi vào việc, điều ấy không hoàn toàn được minh chứng. Năm ấy ở một góc ngoại ô có một cô gái trẻ bắt đầu làm công việc này. Đó là một cô có biệt danh Vanka-Tanka, người đã gieo mầm hy vọng lớn lao và sau này cũng thực hiện được phần nào. Người ta cũng biết rằng cô là ngọn lửa. Có lẽ cô cũng tham gia một phần

trong vụ này. Kulikov đã to tiếng với cô suốt cả một năm. Mấy anh nhà ta xuất hành vào buổi sáng đi điểm danh chia tổ, rồi khéo léo để được đi cùng với anh tù nhân Shilkin, một anh thợ lò và thợ quét vôi, để đi quét vôi dãy nhà trống của tiểu đoàn, nơi các binh sĩ đã rời bỏ để đi trại từ lâu. Ông A. và Kulikov đi cùng anh ta để làm chân khuân vác. Koller được giao việc áp giải, nhưng bởi lẽ áp giải hai người phải cần ba lính, nên Koller vừa là lớn tuổi lại vừa là cai nên được giao thêm nhiệm vụ huấn luyện một anh lính mới đi cùng. Chắc chắn là nhóm đào tẩu có ảnh hưởng cực lớn đến Koller và anh này cũng tin tưởng họ, cho nên sau nhiều năm phục vụ và thành đạt trong những năm gần đây, hơn nữa anh lại là người thông minh, chắc chắn và biết tính toán, nên anh mới dám đi theo với họ.

Họ đã đến dãy nhà lính. Lúc ấy là sáu giờ sáng. Ngoài họ ra không còn ai cả. Làm việc được độ một tiếng thì Kulikov và A. bảo Shilkin rằng họ phải về xưởng để gặp một người nào đó và để lấy thêm một dụng cụ. Nói với Shilkin thì phải rất khéo, tức là càng tự nhiên càng hay. Anh này người Moskva, có nghề thợ lò, thuộc tầng lớp tiểu thị dân, là người lanh lợi, khôn ngoan, ít nói. Bề ngoài trông anh ta gày gò, hốc hác. Lẽ ra anh ta phải là người suốt đời mặc áo gi-lê và áo khoác theo kiểu Moskva, nhưng số phận lại trớ trêu, và sau bao năm lang thang đây đó anh ta lại ngồi bẹp dí ở đây trong biệt khu này, tức là được xếp vào hạng tù quân sự khủng khiếp nhất. Cơn cớ gì mà anh phải gánh chịu cái nghiệp chướng ấy, tôi cũng không rõ, nhưng anh không hề tỏ ra có sự bất bình đặc biệt; lúc nào anh cư xử cũng ôn hòa, bình thản, đôi lúc cũng quá chén như một bác thợ giày, nhưng cả những lúc đó anh cũng vẫn giữ mình nghiêm chỉnh. Lúc ấy anh không nói ra, nhưng đôi mắt anh sáng lên. Rõ ràng là Kulikov đã nháy mắt với anh rằng họ đi uống rượu. Chai rượu đã được dấu trong xưởng từ hôm qua. Shilkin rất cảm thông, anh chia tay họ mà không mảy may nghi kỵ và ở lại đó với một mình anh lính mới, còn Kulikov, ông A. và Koller thì lên đường đi ra ngoại ô.

Nửa tiếng trôi qua; nhóm vắng mặt không thấy quay về, và bỗng nhiên Shilkin thấy giật mình, bắt đầu ngẫm nghĩ. Anh chàng vốn đã nếm trải mùi đời, nên chợt nhớ lại: Kulikov có vẻ gì xúc động đặc biệt, ông A. thì có hai lần như muốn nói thầm với anh, Kulikov đã hai lần nháy mắt với anh, anh đã thấy thế, nhưng bây giờ mới nhớ lại hết. Anh cũng thấy Koller có điều gì đó đáng chú ý; ít ra thì khi đi cùng với họ, anh ta lại đọc những lời hướng dẫn cho lớp lính mới rằng phải xử trí như thế nào khi anh vắng mặt, điều này có vẻ gì không hoàn toàn tự nhiên, ít ra thì cũng là từ phía Koller. Tóm lại, Shilkin càng nhớ ra nhiều bao

nhiêu, anh càng thấy nỗi ngờ vực tăng lên bấy nhiêu. Trong khi đó thời gian cứ trôi, họ vẫn không về, và anh thấy bất ổn đến cùng cực. Anh hiểu rất rõ rằng trong chuyện này anh đã liều mạng đến là nhường nào và các cấp chỉ huy có thể nghi cho anh. Họ có thể nghĩ rằng chính anh đã biết trước, nhưng đã thỏa thuận có đi có lại mà thả họ ra, nhưng nếu như anh chậm trễ công bố về việc Kulikov và A. mất tích thì mọi sự nghi kỵ sẽ càng chắc hơn. Chẳng còn gì để mất thời gian hơn nữa. Bây giờ anh đã nhớ ra rằng gần đây Kulikov và A. quấn quít đặc biệt với nhau, thường hay xì xầm các chuyện, thường rủ nhau ra đằng sau trại, tránh xa con mắt mọi người. Anh cũng nhớ rằng những lúc đó anh đã bắt đầu nghĩ gì đó về họ... Anh nhìn chú lính áp giải một cách dò xét: anh chàng ngồi ôm súng ngáp dài, lấy ngón tay lau mũi hết sức vô tư, cho nên Shilkin thấy không cần thiết phải thông báo cho anh ta những ý nghĩ của mình, mà chỉ nói một cách thật đơn giản bảo anh ta theo mình về xưởng. Đến xưởng thì hỏi xem hai người kia có về đây không. Hóa ra ở đó không ai nhìn thấy họ cả. Mọi nghi ngờ của Shilkin đã tan biến. “Nếu họ chỉ đơn thuần là đi uống rượu và ra ngoại ô dạo chơi một chút, như Kulikov đòi khi vẫn làm thế, - Shilkin nghĩ, - thì ngay điều đó cũng không thể thế được. Lẽ ra họ phải nói thật với anh, bởi vì chuyện đó không đáng phải dấu”. Shilkin bỏ dở công việc, không rẽ về lán mình mà đi thẳng vào trại.

Lúc ấy đã gần chín giờ, anh đến chỗ viên tổng quản để báo cáo mọi việc. Tên này khiếp sợ quá, thậm chí ban đầu không muốn tin là thật. Hắn cho rằng Shilkin thông báo chuyện đó chỉ mới là dự đoán, là nghi ngờ thôi. Ngay lập tức hắn chạy đến chỗ thiếu tá. Thiếu tá lập tức chạy đến chỉ huy. Mười lăm phút sau mọi biện pháp cần thiết đã được tung ra. Báo cáo đã được gửi ngay cho tướng quân tỉnh trưởng. Bọn tội nhân này thuộc loại quan trọng, và vì thế mà bọn quan quản này sẽ bị Peterburg quở mắng thậm tệ. Chả biết có đúng không mà ông A. bị kết vào nhóm tội nhân chính trị, Kulikov thuộc nhóm biệt khu, tức là siêu tội phạm, hơn nữa, còn là siêu tội phạm quân sự. Từ trước đến nay chưa hề có tiền lệ là tội nhân biệt khu bỏ trốn. Nhân đây xin nhớ lại rằng theo qui định thì cứ mỗi trại nhân biệt khu phải có hai lính áp giải dẫn đi làm, chí ít cũng phải có một. Qui định này đã không được thực thi. Rõ ràng đây là việc chẳng hay ho gì. Người ta gửi thông báo đi khắp các thôn xã, khắp các vùng ngoại ô về những kẻ đào tẩu kèm với các dấu tích về họ. Người ta cử đi một nhóm người kazak để đuổi theo và bắt lại, người ta gửi cả công văn đến các tỉnh huyện lân cận. Tóm lại, mọi người đều thấy khiếp sợ.

Trong khi đó thì ở trại lại dấy lên làn sóng xôn xao kiểu khác. Anh em trại nhân đi làm về gần đến trại thì hay tin đào thoát. Tin đó bay khắp mọi người. Mọi người tiếp nhận thông tin với một niềm vui thầm lặng đặc biệt. Dường như trái tim ai cũng đập rộn. Ngoài việc là trường hợp này phá vỡ cuộc sống đơn điệu trong trại và đã chọc vào ổ kiến lửa, thì đó không phải là chuyện đào thoát thường, mà là vụ đào thoát tạo ra hồi âm tha thiết trong mọi tâm hồn và làm rung động những dây đàn từ lâu đã bị lãng quên. Một cái gì đó tựa như những hy vọng, những khả năng thay đổi số phận bắt đầu cựa quậy trong mọi trái tim. "Đã có người chạy trốn, vì sao nhỉ?" Với ý nghĩ đó mỗi người đều thấy tỉnh ra và nhìn những người khác với vẻ thách đố. Ít ra thì mọi người ai cũng thấy tự hào và bắt đầu nhìn bọn hạ sĩ bằng nửa con mắt. Tất nhiên là bọn chỉ huy kéo nhau ầm ầm đến trại, kể cả chỉ huy trưởng. Anh em chúng tôi sướng lắm, mạnh dạn đứng xem, thậm chí còn tỏ ra có đôi chút khinh bỉ, có thái độ đàng hoàng, lặng lẽ mà nghiêm khắc. "Chúng tôi, ý họ nói, cũng biết làm công việc của mình đấy chứ". Tất nhiên, chúng tôi cũng đã dự đoán được rằng bọn chỉ huy phải đến. Anh em cũng dự đoán rằng ngay lập tức sẽ có lục soát, nên anh em đã dấu đi mọi thứ. Ai cũng biết rằng trong những trường hợp thế này bọn chỉ huy sẽ nghĩ ra mọi chuyện. Chuyện xảy ra đúng như thế: chúng lục tung khắp nơi, đào bới mọi chỗ, tìm kiếm đủ thứ, nhưng rồi không thấy gì cả. Buổi chiều anh em đi làm chúng tăng cường áp giải. Chiều tối tuần tra đi từng phút một, điểm danh nhiều hơn hàng ngày. Cả trại vì thế lại náo động: mọi người bị dồn ra sân, bị đếm lại. Rồi sau lại bị đếm nữa theo từng lán... Tóm lại là có nhiều điều lủng củng.

Nhưng được cái anh em bình chân như vại, hết sức thản nhiên theo dõi mọi điều, và vẫn như mọi khi trong những trường hợp thế này, anh em ứng xử vô cùng đĩnh đạc trong cả buổi tối: "Bọn chúng không thể bẻ hành bẻ tỏi gì được". Còn bọn chỉ huy thì nghĩ: "Liệu trong trại còn đứa nào muốn chạy nữa không?", rồi chúng lệnh cho tay chân phải dò xét, nghe ngóng tù nhân thật kỹ. Nhưng anh em chỉ cười khẩy "Đâu phải chỉ có vụ này mới làm nảy sinh trong trại những người muốn trốn!" "Người ta phải nhón gót mà đi chứ lại, làm sao khác được". "Chẳng lẽ những người như Kulikov, như ông A. lại hành xử dại dột để về sau anh em mất đường trở gót hay sao? Họ thực hiện công việc thật tài nghệ, thật kín kẽ. Đúng là những người từng trải, cửa khóa kín mà vẫn chui lọt!" Tóm lại Kulikov và ông A. đang nổi lên như cồn, ai cũng tự hào về họ. Mọi người cảm thấy rằng chiến công của họ sẽ còn vang dội đến tận các đời con cháu khổ sai mãi mãi về sau, toàn trại sẽ còn rung cảm. Họ nói:

- Những con người ấy thật là tài nghệ!

- Chúng nó cứ nghĩ rằng ở đây không ai dám chạy. Thế mà họ chạy đấy!... - những người khác đế thêm.

- Chạy thật rồi! - người thứ ba xuất hiện và đưa mắt nhìn quanh có vẻ oai vệ. - Mà những người chạy là thế nào? Bây giờ đến lượt anh rồi đấy, phải không?

Vào lúc khác trại nhân nào bị nghe câu ấy tất sẽ đáp trả ngay lời thách thức và bảo vệ ngay danh dự của mình, nhưng bây giờ người đó chỉ khiêm nhường im lặng. “Thực ra là không ai được như Kulikov và ông A.; việc đầu tiên là phải cho thấy mình là ai đã chứ...”

- Này các anh em, chúng ta cứ phải sống ở đây là thế nào nhỉ? - người thứ tư phá vỡ bầu không khí yên lặng, anh ta ngồi lọt thỏm trong góc cửa sổ nhà bếp, nói giọng kéo dài như hát với cảm xúc thư thái, nhưng ngầm tự thỏa mãn và đưa bàn tay lên xoa má. - Sao chúng ta lại phải ở đây? Sống cũng không ra sống, mà chết cũng chẳng ra chết. Chà chà!

- Đời không buồn thế đâu. Không ai quật ngã được chúng ta đâu. Vì sao lại chà chà nhỉ?

- Thế nhưng mà Kulikov... - có một người nào đó trong số những người sôi nổi lên tiếng, đó là một anh chàng trẻ lắm, mặt búng ra sữa.

- Đấy là Kulikov! - lại có một người nữa đưa mắt khinh bỉ nhìn anh chàng mọng sữa. - Kulikov!...

Nói thế có nghĩa là: liệu có được mấy người như Kulikov?

- Lại còn ông A. nữa chứ, các anh em ạ, một con người đầy kinh nghiệm, đầy bản lĩnh!

- Còn phải nói! Ông ấy thì Kulikov còn phải xách dép. Cứ là chạy theo như đèn cù, không biết đường nào mà lần!

- Giá mà mình biết được bây giờ hai người đi đến đâu rồi thì hay quá nhỉ...

Thế là câu chuyện lại quay sang chủ đề: Họ đi xa chưa? Đi hướng nào? Đi đâu thì tốt hơn? Đã gần đến vùng đất nào rồi?

Có những người thuộc hết các vùng lân cận. Mọi người há hốc mồm nghe họ nói chuyện. Họ nói về dân cư các làng xung quanh và khẳng định rằng đó là những người không thể tin được. Họ ở gần thị trấn, bị chà xát ghê gớm, nên họ sẽ không cho tù nhân dung thân, sẽ bắt giữ và sẽ đem nộp.

- Anh em ạ, họ là nông dân ấy mà, họ sống bạt mạng...

- Nông dân là không có chắc chắn đâu!

- Dân Sibir này đa nghi lắm. Đừng có đến đó, họ giết đấy.

- Tôi nghĩ thế này, các anh em ạ, - Skuratov chen vào, - tôi mà đi lang thang thì họ không thể nào bắt được tôi, nếu tôi còn sống!

- Anh ấy à?

Mọi người cười ầm. Có những người làm ra vẻ như không muốn nghe. Nhưng Skuratov không tán thành.

- Họ không thể nào bắt được tôi chừng nào tôi còn sống. - Anh ta lại sôi nổi lên tiếng. - Các anh em ạ, tôi vẫn thường nghĩ về mình như thế, và chính mình cũng thấy ngạc nhiên. Cho tôi cái lỗ kim tôi cũng chui qua, đố mà bắt được.

- Nhưng rồi anh đói, anh phải vào nhà nông dân xin ăn.

Mọi người cười phá lên.

- Xin ăn ấy à? Nói bậy!

- Anh định đánh võ mồm đấy à? Anh cùng với ông cậu Vasia đã giết chết một người hại bò[124], vì thế mà phải vào đây.

Tiếng cười lại vang lên lớn hơn. Những người nghiêm túc lại bực mình hơn.

- Nói bậy! - Skuratov kêu lên, - đó là Mikitka đồn thổi về tôi, mà cũng không phải về tôi, mà là về Vaska, nhân tiện ghép tôi vào đó. Tôi là dân Moskva, từ bé đã quen lang thang rồi. Tôi đã học một thày là ông từ trông nom nhà thờ, ông ấy hay beo tai và nhắc đi nhắc lại “Lạy Chúa tha tội cho con, xin Chúa đại xá cho con, rồi con...”. Tôi cũng phải nhắc lại theo ông ấy “Lạy Chúa cho con vào đồn cảnh sát, đại xá cho con, rồi con...”. Ngay từ nhỏ tôi đã biết lẻo khẩu như vậy.

Mọi người lại cười rộ lên. Nhưng Skuratov là phải đúng thế. Anh ta không thể không ngốc nghếch được. Lát sau mọi người bỏ rơi anh ta và bắt đầu nói chuyện nghiêm túc. Những người già cả và từng trải thì nhận xét nhiều hơn. Những người trẻ hơn và hiền hòa hơn thì chỉ cần ngẩng đầu nghe và nhìn các bậc bề trên là đã thấy vui rồi; đám người tập trung trong bếp bây giờ đã đông; chắc hẳn vì không có bóng dáng bọn hạ sĩ quan. Khi có chúng thì không thể nói gì được. Trong số những người đặc biệt vui sướng tôi nhận ra có một người tatar tên là Mametka, một người tầm thước, rắn rỏi, có gương mặt hết sức hài hước. Người này hầu như không nói gì bằng tiếng Nga và hầu như chẳng hiểu người khác nói gì, nhưng cũng ló đầu ra khỏi đám đông mà nghe, say sưa mà nghe.

- Thế nào? Mametka? Vui không? - anh chàng Skuratov bị mọi người bỏ rơi, quay sang phía đó.

- Vui! Vui! - Mametka lắp bắp, mặt tươi rói, gật gật đầu một cách ngộ nghĩnh với Skuratov.

- Họ sẽ không bị bắt chứ? Không à?

- Không, không! - và Mametka lại lắp bắp, lần này còn vung tay lên.

- Có nghĩa là người của các anh sẽ khai dối, sẽ không tố giác người của chúng tôi, có phải thế không?

- Phải, phải, vui! - Mametka gật đầu hưởng ứng.

- Thế là vui!

Rồi Skuratov đột nhiên búng một cái vào mũ Mametka, kéo sụp mũ xuống mắt anh ta, bước ra khỏi nhà ăn, tinh thần cực kỳ vui sướng, bỏ lại Mametka trong trạng thái có phần ngỡ ngàng.

Suốt tuần đó bọn chỉ huy tiếp tục gây căng thẳng khắp trại, tăng cường truy lùng khắp các vùng phụ cận. Tôi không biết bằng cách nào mà anh em tù nhân vẫn nhận được kịp thời và chính xác mọi thông tin về các thủ đoạn của bọn chỉ huy ở bên ngoài trại. Trong những ngày đầu mọi thông tin đều nghiêng về phía có lợi cho những người đào thoát: họ vẫn biệt tăm, biệt tích. Anh em chúng tôi toàn cười khẩy. Mọi lo toan về số phận của họ đã tan biến. “Bọn chúng không tìm thấy gì, không bắt được ai!” - trong trại người ta hài lòng nói vậy.

- Tuyệt nhiên không thấy gì cả!

- Xin chào, đừng làm kinh động, lát nữa tôi quay lại!

Chúng tôi được biết rằng tất cả nông dân ngoại ô đã được đánh động, bọn chúng canh gác tất cả những chỗ đáng nghi, tất cả mọi cửa rừng, mọi bến vực.

- Vớ vẩn! - anh em tôi cười nhạo. - Thế nào cũng phải có người cho anh em đào thoát nương náu.

- Hiển nhiên là phải có chứ! -một số người nói, - họ không phải thường đâu. Mọi việc đã tính trước hết rồi.

Anh em còn phán đoán xa hơn nữa: những người đào thoát cho đến nay vẫn còn ở vùng ngoại ô, sống đâu đó trong một nhà kho chờ thời. Họ ở đấy nửa năm, một năm rồi ra đi...

Nói tóm lại, mọi người sống trong một trạng thái tinh thần thật lãng mạn. Bỗng nhiên, tám ngày sau cuộc trốn trại, có tin đồn rằng bọn chúng đã dò được dấu vết. Tất nhiên, tin đồn thất thiệt ấy ngay lập tức bị bác bỏ với sự khinh bỉ. Nhưng ngay tối đó tin ấy lại được khẳng định. Trại nhân bắt đầu lo âu. Sáng hôm sau khắp thị trấn nói rằng họ đã bị tóm và đang được giải về. Ăn trưa xong mọi

người biết thêm nhiều chi tiết: họ bị bắt cách trại bảy mươi vec-sta, trong một ngôi làng. Cuối cùng thì có tin chính xác. Viên quản tù ở chỗ thiếu tá về tuyên bố đanh thép rằng đến chiều thì bọn họ sẽ bị giải về phòng cảnh vệ của trại. Chẳng còn gì phải nghi ngờ nữa. Thật khó diễn tả nổi cái ấn tượng mà thông tin này gây ra cho anh em tù nhân. Đầu tiên mọi người nổi giận thật sự, sau đó thì họ than vãn, rồi sau đó chuyển dần sang cười cợt. Họ bắt đầu cười không phải diễu cợt những người đi bắt, mà là chế nhạo những người bị bắt. Số người cười đầu tiên thì ít, càng về sau gần như tất cả, ngoại trừ những người nghiêm túc, cứng cỏi, có suy nghĩ độc lập và không bị những nụ cười kia làm cho lạc hướng. Họ khinh thường nhìn đám quần chúng nhẹ dạ và chỉ im lặng.

Tóm lại, trước đây người ta tung hô Kulikov và ông A. bao nhiêu, thì giờ đây họ hạ nhục hai người ấy bấy nhiêu, thậm chí còn hạ nhục với thái độ hả hê, tựa như hai người kia làm tổn thương tất cả mọi người. Họ kể lại một cách khinh bỉ rằng hai người ấy đói khát quá, không chịu đựng nổi, nên phải vào làng tìm bà con xin ăn. Đó là mức độ tủi nhục cuối cùng của khách giang hồ. Tuy nhiên, những câu chuyện ấy là không đúng. Những kẻ đào thoát bị theo dõi; họ lẩn trốn trong rừng, nhưng bọn chúng đã dùng lực lượng nhân dân để bao vây cả khu rừng đó. Kẻ nào tự thấy không còn khả năng thoát thân thì ra đầu thú. Không còn cách nào khác.

Chiều tối, quả thật, họ bị dẫn về, chân tay bị trói, có cảnh binh áp giải, cả trại đổ ra chỗ hàng cọc xem họ bị làm gì. Hẳn là họ không nhìn thấy được gì, trừ chiếc xe ngựa chở tên thiếu tá và đám chỉ huy đỗ cạnh nhà cảnh vệ. Hai người kia bị còng giam vào phòng kín, chờ đến mai ra tòa. Nhưng những nụ cười và những lời khinh bỉ của các trại nhân chẳng bao lâu sau cũng tự trầm lắng. Mọi người biết nhiều chi tiết hơn, biết rằng chẳng còn cách nào hơn là phải đầu hàng, và họ lại bắt đầu chăm chú theo dõi phiên tòa.

- Một ngàn roi. - Một số nói.

- Một ngàn thấm vào đâu! -một số khác nói, - chỉ là khúc dạo đầu thôi. Ông A. bị một ngàn roi, còn anh kia, người anh em ơi, chỉ mới là khởi đầu vì thuộc về đơn vị đặc biệt.

Tuy nhiên, mọi người đã nhầm. Ông A. chỉ bị có năm trăm, vì tòa chú ý đến tư cách trước đây của ông được các quan trên hài lòng và đây cũng là sai phạm đầu tiên. Kulikov lại bị một ngàn rưởi. Hình phạt như thế là khá nhẹ tay. Hai kẻ đào thoát là những người biết điều. Trước tòa họ không lừa dối ai, họ nói rõ ràng, chính xác rằng họ từ pháo đài chạy thẳng đi, chứ không rẽ ngang rẽ tắt. Tôi thấy

đáng thương nhất là Koller: anh ta đã mất hết, mất hết cả những hy vọng cuối cùng, anh phải chịu đòn nhiều nhất, hình như đến hai ngàn roi và bị đày đi đâu đó làm tù nhân, chứ không vào trại chúng tôi. Ông A. bị nhẹ nhất vì được thương hại, vì được các thày thuốc giúp đỡ. Nhưng trong bệnh viện ông đã bạo gan nói lớn rằng ông đã nhận đủ đòn roi rồi, đã sẵn sàng chấp nhận mọi việc và sẽ không làm như trước nữa. Kulikov thì vẫn thế, tức là đứng đắn, nghiêm chỉnh, và sau khi lãnh đủ anh bước vào trại cứ như là anh chưa rời trại bao giờ. Thế nhưng anh em tù nhân không nhìn anh như vậy: mặc dù Kulikov ở mọi lúc, mọi nơi đều biết giữ mình, nhưng anh em trại nhân thì trong thâm tâm đã không còn kính trọng anh nữa, chỉ coi anh có phần đồng trang đồng lứa hơn xưa mà thôi. Tóm lại, sau cuộc đào thoát danh tiếng của Kulikov đã mòn đi rõ rệt. Thành công chỉ có nhiều ý nghĩa ở giữa con người với nhau mà thôi...



THOÁT TÙ KHỔ SAI

Tất cả những chuyện ấy xảy ra vào năm cuối đời khổ sai của tôi. Năm cuối cùng ấy tôi vẫn ghi nhớ gần như năm đầu tiên, đặc biệt là những ngày tháng cuối trong trại. Nhưng về các chi tiết thì tôi phải nói thế này. Tôi chỉ nhớ rằng vào năm đó, mặc dù tôi rất sốt ruột mong ngày mong đêm được hết hạn tù, nhưng tôi lại được sống thanh thản hơn so với những ngày cầm cố trước đó. Thứ hai là trong số anh em trại nhân tôi có nhiều bạn bè và người quen thuộc, họ quả quyết công nhận rằng tôi là người tốt. Trong số ấy lại có nhiều người trung thành với tôi và thực bụng yêu mến tôi. Người bạn số một của tôi đã suýt khóc òa lên khi tiễn tôi và một người nữa ra khỏi trại. Sau khi ra trại chúng tôi còn lưu lại thị trấn này đến cả một tháng trong ngôi nhà của nhà nước, mà anh ta hàng ngày vẫn qua chỗ chúng tôi, cốt chỉ để nhìn chúng tôi mà thôi. Tuy thế, cũng vẫn có những con người khô khan và bất nhã đến cùng cực, những người nói với tôi một lời cũng thấy nặng nề - đến Chúa cũng không biết tại sao nữa. Chắc là giữa chúng tôi có một rào chắn nào đó.

Nhìn chung, thời gian cuối ấy tôi được hưởng nhiều khoản ưu đãi so với toàn bộ thời gian khổ sai. Ở thị trấn, trong số các nhân viên quân đội tôi cũng có những người quen, thậm chí có những người hồi xưa đã cùng học phổ thông với tôi. Tôi đã khôi phục được mối giao tình cũ với họ. Nhờ họ tôi có nhiều tiền hơn, có thể viết thư về nhà, và thậm chí có cả sách đọc. Đã mấy năm nay tôi không đọc một cuốn sách nào, cho nên thật khó nói rõ được cái ấn tượng lạ lùng và đồng thời cũng rất cảm động dội lên trong lòng tôi do cuốn sách đầu tiên tôi được đọc trong tù gây ra. Tôi nhớ rằng tôi bắt đầu đọc vào lúc chiều tối, khi cổng trại đã đóng, và đọc suốt đêm đến tận sáng sớm. Đó chỉ là một số tạp chí. Giống như những thông tin từ thế giới bên kia bay đến với tôi; cả cuộc sống trước đây của tôi hiện lên sáng rõ và rực rỡ trước mắt, và qua những trang giấy ấy tôi cố làm sao nhận ra được rằng mình đã tụt hậu bao nhiêu so với cuộc sống hiện nay? Mọi người đã trải qua bao điều ngoài ấy mà không có tôi, bây giờ họ đang lo toan điều chi, đang bận vướng những vấn đề gì? Tôi gặm nhấm từng chữ một, tôi đọc giữa các hàng chữ, cố công tìm kiếm những ý nghĩa huyền bí, những chỉ

dụ về thời xa xưa, tôi đi tìm dấu vết những gì mà trước đây, thời tôi còn ở ngoài đó, đã khiến mọi người bận tâm, và rồi tôi thấy thật là buồn khi giờ đây tôi thực sự ý thức được rằng tôi quả là xa lạ với cuộc đời mới, quả là đã trở thành lát bánh bị cắt rời ra. Bây giờ tôi phải làm quen với cái mới, quen với một thế hệ mới. Tôi đã ngấu nghiến đọc bài báo, mà bên dưới có để tên một người quen thân với tôi ngày xưa... Nhưng rồi còn nhiều tên tuổi khác nữa: đã xuất hiện nhiều nhà hoạt động mới, và tôi đã háo hức làm quen với họ, rồi lại thấy buồn cho mình vì có ít sách quá và khó tìm hiểu họ quá. Trước kia, khi còn tên thiếu tá, việc mang sách vào trại thật là nguy hiểm. Nếu sách bị tìm thấy thì thế nào cũng bị hỏi cung: “Sách này lấy ở đâu? mượn của ai? quan hệ gì?...” Làm sao tôi có thể trả lời được những câu hỏi ấy chứ? Nhưng cũng vì không có sách mà tôi bắt buộc phải đào bới vào chính bản thân mình, phải đặt cho mình câu hỏi rồi cố tự trả lời, đôi khi cứ bị dằn vặt mãi... Những chuyện ấy nói ra không bao giờ hết!...

Tôi nhập trại vào mùa đông, cho nên tôi cũng phải ra trại vào mùa đông, đúng ngày nhập trại. Tôi bồn chồn chờ đợi mùa đông, và đến cuối mùa hè tôi thấy thật sung sướng khi nhìn thấy lá cây úa héo và cỏ dại khô cằn. Rồi mùa hè trôi qua, gió thu rền rĩ, và rồi những bông tuyết đầu tiên bay xuống... Và bây giờ mùa đông mà tôi trông ngóng bấy lâu đã đến thật rồi! Trái tim tôi bắt đầu cục cựa khô khốc và thậm thịch vì dự cảm vĩ đại sắp có tự do. Nhưng lạ lùng thay: thời gian càng trôi đi, ngày hẹn càng sắp đến, tôi lại thấy mình càng tĩnh tâm hơn. Gần đến sát nút những ngày cuối tôi thậm chí còn thấy ngạc nhiên và tự bảo mình: rõ ràng là tôi đã hoàn toàn lãnh cảm và thờ ơ. Nhiều anh em trại nhân gặp tôi ngoài sân những giờ vui nghỉ đã cùng trò truyện và chúc mừng tôi:

- Ông Aleksandr Petrovich, ông sắp được tự do rồi đấy. Ông lại sắp bỏ chúng tôi đơn độc trong này.

- Thế sao, anh Martynov, anh đã sắp chưa? - tôi đáp.

- Tôi ấy à? Biết nói thế nào? Tôi còn những bảy năm nữa...

Rồi anh ta thở dài, dừng bước, mắt mông lung, tựa như nhìn vào tương lai... Đúng, có nhiều người chân thành và hồ hởi chúc mừng tôi. Tôi thấy mọi người có vẻ xã giao với tôi hơn. Dường như tôi không còn là người nhà với họ và họ đang từ biệt tôi. Anh K., nhà quý tộc Ba Lan, một người trẻ tuổi dịu dàng và nhu mì cũng thích đi dạo chơi ngoài sân vào giờ vui nghỉ như tôi, anh nghĩ cách dùng không khí trong sạch và sự vận động để giữ sức khỏe và bù đắp cho những thiệt hại do những đêm dài ngột ngạt trong trại gây ra. Một lần gặp tôi trong khi dạo

chơi anh mỉm cười bảo: “Tôi rất nóng lòng chờ đợi ngày ông được ra, bao giờ ông ra thì *khi đó tôi sẽ biết được* rằng tôi còn đúng một năm nữa”.

Tôi thoáng có một nhận xét rằng do mơ ước nhiều và do từ lâu đã mất thói quen tự do, cho nên ở trong trại tự do lại được hình dung là có vẻ tự do nhiều hơn cả tự do thật sự, tức là thứ tự do có thật, có trong hiện thực. Các tù nhân đã cường điệu khái niệm về tự do thật sự, và đó cũng là lẽ tự nhiên, là thuộc tính của bất kể trại nhân nào. Một tên lính hầu của sĩ quan dù đã thôi việc cũng được coi gần như là hoàng đế, gần như là lý tưởng của kẻ tự do so với con người tù tội, bởi vì anh ta được đi lại không phải cạo đầu, không có xiềng xích và không có áp giải.

Hôm trước của ngày cuối, vào lúc chiều muộn, tôi đi dạo một vòng, *lần cuối cùng*, khắp khu lán trại dọc hàng rào gỗ. Trong những năm qua tôi đã đi hàng ngàn lần dọc dãy cột rào này! Nơi đây, phía sau lán trại, vào năm lưu đày đầu tiên, tôi đã lang thang một mình, cảm rõ nỗi cô đơn và tuyệt vọng. Tôi vẫn nhớ rằng hồi đó tôi cứ ngồi đếm xem tôi còn bao nhiêu ngàn ngày nữa. Lạy Chúa, bây giờ thấy sao mà xa xôi đến thế! Chính nơi đây, trong cái góc này, con chim đại bàng của chúng tôi đã bị cầm tù, chính nơi đây anh Petrov vẫn thường gặp tôi, cho đến bây giờ anh vẫn không rời tôi nửa bước. Anh thường chạy đến bên tôi, dường như đoán được mọi ý tôi nghĩ, nên cứ lẳng lặng sóng bước đi bên như thể tự thấy ngạc nhiên điều gì. Tôi thầm nói lời chia tay với những khu nhà gỗ xám xịt của các lán trại. *Hồi ấy*, vào thời gian đầu, những dãy nhà này làm tôi ngạc nhiên vì chúng lạnh lùng quá. Hiển nhiên là bây giờ chúng cũng già cỗi đi nhiều so với ngày xưa, nhưng tôi không hề nhận thấy. Trong những bức tường này đã chôn vùi uổng phí biết bao nhiêu tuổi thanh xuân, đã tiêu tan vô ích biết bao nhiêu sức lực vĩ đại! Tôi thấy cần phải nói cho hết: đám người ở đây là một đám người đặc biệt. Có thể đó là một đám người tài năng bậc nhất, hùng mạnh bậc nhất trong cả dân tộc chúng ta. Nhưng những hùng khí ấy đã chết uổng, đã chết không bình thường, chết ngoài pháp luật, chết mất tiêu mất tích. Nhưng lỗi đó thuộc về ai?

Quả vậy, lỗi thuộc về ai?

Sáng sớm hôm sau, trước lúc đi làm, khi trời mới rạng, tôi lại đi một vòng quanh các lán trại để chia tay với anh em trại nhân. Biết bao nhiêu những bàn tay chai sạn, gân guốc niềm nở chìa ra với tôi. Có những người xiết chặt tay đúng là trên tình đồng chí, nhưng những người ấy không nhiều. Những người khác thấu hiểu rằng giờ đây tôi sắp trở thành một con người khác họ. Họ biết

rằng trong thị trấn tôi có những mối giao hảo, biết rằng lát nữa tôi sẽ rời nơi này để tìm đến *các ông quí phái* và tôi sẽ ngồi cạnh các ông ấy bằng vai bằng vế. Họ hiểu điều đó và chia tay với tôi dù là ân cần, dù là dịu ngọt, nhưng không phải là chia tay với một người đồng chí, mà chỉ là với một nhà quí tộc mà thôi. Có những người còn tránh mặt tôi và thản nhiên không đáp ứng câu chào tiễn biệt. Một hồi trống vang lên, mọi người đổ đi làm, còn tôi ở nhà. Buổi sáng hôm ấy anh Sushilov dậy sớm hơn mọi người một chút và rất tất bật để kịp pha trà cho tôi. Khổ thân anh Sushilov! Anh ấy bật khóc khi tôi tặng anh ấy các thứ quần áo giày dép đang dùng, cả bộ lót xiềng xích và một ít tiền. “Tôi không nhận đâu, tôi không cần đâu! - anh ấy nói thế và gắng sức cắn lại đôi môi rung động, - bây giờ tôi mất ông rồi phải không, ông Aleksandr Petrovich? Không còn ông, tôi sẽ ở lại đây với ai nữa!” Lần cuối cùng tôi cũng chia tay với ông Akim Akimych.

- Cũng sắp đến lượt ông rồi! - tôi nói.

- Tôi còn lâu, tôi còn phải ở đây rất lâu, - ông nói lập bập, tay xiết tay tôi. Tôi ôm lấy ông và chúng tôi hôn nhau.

Anh em tù nhân đi làm được mười phút thì chúng tôi - tôi và ông bạn cùng nhập trại với tôi - cũng ra khỏi trại để không bao giờ quay lại nữa. Chúng tôi cùng đến chỗ lò rèn để tháo xiềng. Chỉ có điều lần này không có lính áp giải bồng súng đi theo, mà chúng tôi đi cùng với viên hạ sĩ. Những người tháo xiềng cho chúng tôi cũng là anh em trại nhân của xưởng cơ khí. Tôi chờ ông bạn tôi được tháo xong tôi mới bước đến chỗ cái đe thép. Anh em thợ rèn quay lưng tôi về phía họ rồi từ phía sau nâng chân tôi đặt lên cái đe... Họ xoay đi xoay lại cốt làm sao thật nhẹ nhàng, khéo léo.

- Quay chốt, quay cái chốt cái đã! - Anh thợ cả ra lệnh, - ghìm chặt lại, thế, thế! Nào, đập đi!

Dây xiềng tụt xuống đất. Tôi nhặt lên. Tôi muốn giữ nó trong tay để được ngắm nhìn lần cuối. Bây giờ tôi thật sự kinh ngạc rằng vừa lúc nãy nó còn ở trên chân tôi.

- Thôi, Ơn Chúa! Ơn Chúa! -anh em trại nhân thốt lên, giọng dập gẫy, thô nháp, nhưng dường như hài lòng điều gì.

Đúng thế. Đội ơn Chúa! Tự do. Cuộc sống mới, cuộc hồi sinh từ cõi chết... phút huy hoàng bắt đầu!

Достоевский Фёдор Михайлович

Собрание сочинений в 10 томах

Том пятый

СЕЛО СТЕПАНЧИКОВО И ЕГО ОБИТАТЕЛИ

Из записок неизвестного Переводчик во Минь Фу

ЗАПИСКИ ИЗ МЁРТВОГО ДОМА

Переводчик Ле Дык Ман

Редактор Куанг Минь Корректор То Там

Художник Анбрей Никулин Вёрстка Ольга Гребенюк

Dostoievski Fiodor Mikhailovich

Toàn tập gồm mười tập

Tập năm

LÀNG STEPANTSIKOVO VÀ CƯ DÂN

Theo những ghi chép chưa rõ xuất xứ

Võ Minh Phú *dịch*

BÚT KÝ TỪ NHÀ CHẾT

Lê Đức Mẫn *dịch*

Người biên tập *Quang Minh*

Sửa bản in *Tố Tâm*

Họa sĩ Andrei Nikulin

Trình bày Olga Grebenyuk

Nhà xuất bản Thế Giới

46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam

www.thegioipublishers.com.vn

thegioi@hn.vnn.vn

Lokid Premium Ltd

17-2 Perevedenovskiy per., Moscow, Russia, 105082

www.lokid.ru

lokidpremium@mail.ru

[1] *versta* (đơn vị đo chiều dài cũ ở Nga) = 1,06 km (Tất cả các chú thích trong bản dịch này đều của người dịch).

[2] Theo Kinh thánh, đây là con tàu đã cứu sống Noe cùng cả gia đình và đàn gia súc trong trận Đại hồng thủy dìm cả thế gian trong biển nước.

[3] Những người đàn ông hoặc đàn bà, có thể là con nhà gia thế nhưng đã phá sản hoặc trí thức, thương gia đang cơn nguy biến được nhà giàu cưu mang bao bọc, cho ở hẳn trong nhà, hòa nhập với gia đình, thường không có chức năng cụ thể, chủ yếu để "cho vui".

[4] Tên những quân bài.

[5] Loại gia nhân nhà quyền quý chuyên diễn trò hề để mua vui cho gia chủ cùng khách khứa của họ.

[6] Ivan Iakovlevits Koreisa (1780–1861) - một nhà tu khổ hạnh Moskva bị tẩu hỏa nhập ma nhưng rất nổi tiếng trong giáo hội về tài tiên tri.

[7] Lễ cầu kinh chính của đạo chính thống, tiến hành trước bữa ăn trưa.

[8] Một nghi lễ đạo Chính thống dùng dầu ô-liu xoa khắp cơ thể người ốm nặng hoặc đang hấp hối để giải tội.

[9] Ruột gan ta, nỗi lòng ta (*tiếng Pháp*).

[10] Bà lớn (tiếng Pháp).

[11] Nam tước Brambeus - bút danh của Osip Ivanovits Senkovski (1800–1858) nhà văn, nhà báo Nga, chủ bút tạp chí "Thư viện cầm tay". Đoạn văn này thể hiện quan điểm của tác giả đối với một số tiểu thuyết ngụy lịch sử xuất hiện khoảng 1835–1840 ở Nga.

[12] Nguyên văn: Cứ mời cái ngữ ấy ngồi vào bàn xem, hắn sẽ gác chân lên bàn ngay tức khắc - tục ngữ Nga.

[13] Ý nói về lệnh cấm để râu đối với công chức ngạch dân sự có hiệu lực từ 02-4-1837 của Nga hoàng Nikolai I.

[14] Trả lời đi chứ! (*tiếng Pháp*)

[15] Kìa con! (*tiếng Pháp*)

[16] Nguyên văn: tiền chỉ là những cánh chim câu.

[17] Khai trừ ra khỏi tôn giáo - hình thức trừng phạt nặng nhất đối với tín đồ đạo Thiên chúa.

[18] Món bánh nướng bằng bột ngũ cốc, phô-mai tươi và trái cây.

[19] James Cook (1728–1779) - nhà hàng hải, nhà thám hiểm trứ danh người Anh từng phát hiện ra nhiều vùng đất mới trong Thái Bình Dương và Nam Đại Tây Dương - trên 20 địa điểm (đảo, quần đảo, vịnh biển, núi) đã được mang tên ông. Ông chết trong cuộc đụng độ với thổ dân quần đảo Hawaii.

[20] Tiếng Đức: morgen früh - chào (sáng sớm).

[21] Nguyên văn: cứ như cả tâm hồn hắn đang sôi sùng sục.

[22] Cochon: đồ con lợn (*tiếng Pháp*).

[23] Nguyên văn: Sạch cũng không làm người chết sống lại được, bẩn cũng không làm người sống bục xương ra được.

[24] Có những trường hợp nhân vật dùng chữ sai, phát âm sai theo chủ ý của tác giả.

[25] Nhân vật trong tiểu thuyết ngắn "Frol Silin, con người tốt bụng" của N.M. Karamzin xuất bản 1791.

[26] Talleyrand-Périgord (1754–1838): chính khách Pháp hoạt động cuối thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 19, được coi là hình mẫu của hạng người quỷ quyệt, gian ngoan, tráo trở.

[27] Màu tím than.

[28] "Ngố rừng" - tiểu thuyết ngắn của A.F. Pisemski nói về một chàng trai có học nhưng không hiểu biết gì về cuộc sống thực tế, khờ khạo ngô nghê đủ kiểu.

[29] Cậu Serjei (*tiếng Pháp*).

[30] Giới thượng lưu (*tiếng Pháp*).

[31] Ý nói đến gia đình Holmski, một gia đình quý tộc độc đáo được mô tả trong tiểu thuyết "Gia đình Holmski..." (1832) của D.N. Begitsev.

[32] Một dòng giáo sĩ công giáo nổi tiếng vì những thủ đoạn vô liêm sỉ che giấu dưới những lối biện luận xảo trá.

[33] Donnez moi mon mouchoir - Đưa cho ta cái khăn tay của ta nào! (*tiếng Pháp*)

[34] Một kiểu đàn gảy, nhạc cụ dân gian Nga, có ba dây đàn, hộp đàn hình tam giác.

[35] Kiểu dành riêng cho trẻ con (*tiếng Pháp*).

[36] Các loại nông dân có ở Nga cho đến năm 1861.

[37] Ý nói đến tập thơ xuất bản năm 1852 ở Peterburg "Những đóa lưu li. Hình ảnh những bóng hồng qua những vần thơ Nga huyện diệu" trong đó bên cạnh

thơ của Jukovski, Pushkin, Lermontov còn có tác phẩm của các nhà thơ loại 2 như I. P. Borzdny (1803-1858).

[38] Alexandra Macedon: một trong những vị vua triều đại Byzantine (Hy Lạp) (867-1056).

[39] Trích lời nói đầu của tiểu thuyết “Lời thề trước mộ” (1832) của N.A. Polevoi.

[40] Nikolai Mihailovits Karamzin (1766-1826) - nhà văn, nhà viết sử Nga, tác giả bộ “Sử ký” 12 quyển.

[41] Một tiểu thuyết không công bố tên tác giả, xuất bản năm 1847 ở Peterburg, một trong những xuất bản phẩm bắt chước quyển “Những bí mật thành Paris” của E. Su (1804-1857) nhưng dở hơn nhiều.

[42] Ý muốn nói đến “Những bức thư của một bạn đọc ở xa gửi tòa soạn” Người đương thời “về báo chí Nga” của A.B. Druyirin in trong tạp chí này vào hai năm 1849-1850.

[43] Nhân vật huyền thoại gắn liền với trận Đại hồng thủy trong Kinh thánh.

[44] Monsieur chômeur - Ngài thất nghiệp (*tiếng Pháp*).

[45] Parlez vous Français? - Bạn có nói tiếng Pháp không? (*tiếng Pháp*)

[46] Oui, monsieur, je le parle un peu - Vâng, thưa ông, tôi nói được vài câu (*tiếng Pháp*).

[47] Emeliian Ivanovits Pugatsiov (1742-1775), đầu lĩnh cuộc khởi nghĩa nông dân 1773-1775 ở Nga, lừng danh về lòng quả cảm và tài cầm quân, bị mưu phản nên đã bị Sa hoàng xử tử cùng bốn chiến hữu của mình, hai vợ và ba con bị lưu đày chung thân. Mục tiêu của Pugatsiov có phần ngây thơ: xây dựng một vương quốc của nông dân Kazan với người đứng đầu là một “đấng minh quân-mugic”.

[48] Tự do, bình đẳng, bác ái (*tiếng Pháp*: liberté, égalité, fraternité).

[49] *Journal des Débats* - Báo Tranh luận (1814-1884) một tờ báo chính trị xuất hiện sau Cách mạng tư sản Pháp (1789-1794).

[50] Gọi kèm phụ danh với tên riêng là cách gọi tôn kính.

[51] Nikolo Makiavelli (1469-1527) - nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động chính trị Italia, người cho rằng có thể sử dụng mọi phương tiện cho mục tiêu chính trị (xuất xứ của thuật ngữ “chủ nghĩa Makiavelli”); Saverio Mercadante (1797-1870) - nhà soạn nhạc Italia. Việc nhân vật “uyên bác” nêu tên hai vị này ra ở đây là rất không đúng chỗ.

[52] Một câu của Thánh Paul nói với con chiên (Phúc âm, chương 4, tr. 26)

[53] Nguyên văn “Tiếng gào thét Vidopliasov” - bút danh của Vidopliasov.

[54] Một ngôi làng trên biên giới Anh-Scotland, nơi nam nữ có thể lấy nhau tùy thích, không phải theo phép tắc nhà thờ và quy định của pháp luật.

[55] A.P. Bursov - một sĩ quan khinh kỵ nổi tiếng hồi đầu thế kỷ 19 về đủ chuyện ăn chơi, gây gổ, đấu súng.

[56] Tiếng Nga là assignasiia: một loại tiền giấy ở Nga lưu hành từ năm 1769 đến năm 1848. (Assignation trong tiếng Pháp là lệnh chi).

[57] Tuần trai Đức Mẹ những 15 ngày: từ mồng 1 đến 15 tháng tám, không những phải ăn khem mà còn không được tổ chức hội hè đình đám...

[58] Nguyên văn: ...để hoàn thành cái công tích ấy!

[59] Đêm không ngủ thường đem lại lời khuyên bổ ích (đầu óc sẽ sáng suốt hơn sau một đêm mất ngủ) (*tiếng Pháp*).

[60] Dưới chế độ chiếm hữu nô lệ thì chủ nô có quyền ra tòa làm giấy phóng thích cho nô lệ thành người tự do, trả lại các quyền sống thông thường.

[61] Cao sang (*tiếng Pháp*).

[62] Hai chữ lần lượt có nghĩa là “tin tưởng”, “tồi tệ”.

[63] “Đụn ra” (kẻ ngây ngô khờ khạo).

[64] Anh chàng nhảy múa.

[65] Anh chàng khiêu vũ.

[66] Vũ điệu dân gian Scotland, vào thế kỷ 18 là một điệu nhảy vũ hội rất phổ biến.

[67] Buldog: một giống chó to có đầu to, cổ ngắn, chân ngắn, thường rất hung hăng.

[68] Comment vous portez-vous? - Cô có khỏe không? (*tiếng Pháp*)

[69] Paul de Kock (1793-1871) - nhà tiểu thuyết Pháp viết nhiều về đời sống của tầng lớp thị dân nghèo khổ ở Paris, được ưa chuộng ở Nga vào thế kỷ 19.

[70] Một bài thơ của A.K. Tolstoi ra mắt trong phụ trương “Tổng hợp văn” của tạp chí “Người đương thời” dưới bút danh Kozma Prutkov.

[71] Một chức danh trong quân đội Sa hoàng, thuở trước đặc trách “phần hồn” ở các đơn vị.

[72] Anna Radklif (1764-1823) - nữ văn sĩ người Anh, tác giả của những tiểu thuyết được gọi là tiểu thuyết gotic (tiếng Ý: Gotico - đại ý là khắc họa công phu) chuyên đi sâu vào “những nỗi niềm thầm kín và đáng sợ” được dịch và xuất bản ở Nga vào đầu thế kỷ 19.

[73] Một dòng công giáo do Benedikt Nursisk sáng lập vào khoảng năm 530 ở Italia, có ảnh hưởng đặc biệt vào khoảng thế kỷ 10 - thế kỷ 11.

[74] Tiếng Nga là Volteriansi nhằm chỉ những “phần tử” có tư tưởng chống đối triều đình, bài xích giáo hội - trên quan điểm Chính thống giáo Nga thời trước.

[75] Loại xe nhiều ngựa kéo, nhiều chỗ ngồi, thường xuyên chở khách và đưa thư - phương tiện vận tải phổ biến ở châu Âu trước khi có ô tô, tàu hỏa.

[76] Loại cây giải độc thuộc họ cây kim ngân, thân cuốn, mọc hoang ở vùng núi hoặc trồng làm cảnh làm thuốc.

[77] Một loại vang nho tráng miệng.

[78] Một câu trong tập “Thơ trữ tình” của Frantsesko Petrark (1304-1374).

[79] Cùng với “Hamlet”, “Vua Lia” (King Lear), vở bi kịch “Othello” (tên một dũng tướng da đen) của nhà soạn kịch Anh Willam Shakespeare (1564-1616) được coi là một trong ba đỉnh cao về bi kịch trong lịch sử văn học nhân loại.

[80] Câu văn này của nhà văn Pháp François-René de Chateaubriand (1768-1848) trong tiểu thuyết “Atala” bị Foma gán bừa cho Shakespeare.

[81] Nắm đấm đặc biệt với ngón cái kẹp giữa ngón trỏ và ngón giữa biểu thị sự khinh miệt với đối tượng thù địch.

[82] Vì muốn biểu thị thái độ khinh miệt đối với xã hội xung quanh, *nhà hiền triết kynic* cổ Hy Lạp là Diogen Sinoski (khoảng 403-323 trước Công nguyên) có lần đã thắp một chiếc đèn lồng xách ra đường, bảo là đi tìm kiếm con người. Một lần khác, khi nghe ông hét: “Hỡi những con người, mau đến với ta!” thì có rất nhiều người đâm bổ đến và liền bị ông vung gậy lên mà quát: “Ta gọi những con người chứ có phải gọi lũ khốn nạn đâu cơ chứ!”

[83] *Triết gia kynic* là những triết gia đi theo trường phái triết học do Antisfen, môn đệ của Socrat sáng lập vào thế kỷ 4 trước Công nguyên, tên trường phái (Kynic) được lấy theo tên địa điểm phát sinh (Kynosarge - Hy Lạp). Đây là trường phái bác bỏ những chuẩn mực đạo đức thiết lập trên cơ sở những định chế xã hội, kêu gọi hướng tới cách hành xử “tự nhiên” theo lứa tuổi. Chủ trương này phản ánh tư tưởng của những lớp người cùng khổ trong xã hội chiếm hữu nô lệ vào giai đoạn khủng hoảng sau cả một thời kỳ chiến tranh khốc liệt.

[84] Một con quỷ được nói đến trong Kinh thánh.

[85] Quần lá tọa, như cách nói dân gian về quần mặc lôi thôi xộc xệch (*tiếng Pháp*).

[86] Attendez! - Gượm hẵng! (*tiếng Pháp*)

[87] Một điệu nhảy nhanh.

[88] Xin tạm biệt các bà các cô! (*tiếng Pháp*)

[89] “Tạp chí tranh luận” (*tiếng Pháp*).

[90] Gaius Julius Ceasar (102 hay 100-44 trước Công nguyên) một chính khách, một vị tướng, một nhà nghệ thuật quân sự đồng thời là một đại văn hào của La Mã cổ đại.

[91] Klit là em của Lanisa - vú nuôi của vua Aleksandra - người đã hai lần cứu vua thoát chết nhưng đã bị vua nổi nóng giết chết ngay bên bàn tiệc.

[92] Thơ của N.A. Nekrasov (1821-1878), nhà thơ, nhà báo, nhà phê bình xuất sắc của phong trào dân chủ cách mạng Nga thế kỷ 19.

[93] Phỏng dịch.

[94] Khoảng nửa cân. Mỗi *funt* là 409,5 gr. (*N.D.*).

[95] Từ chữ *parasha* nghĩa là *thùng xí* (*N.D.*).

[96] *Nevalid* - nói lóng từ *invalid* (người dị tật, tàn phế) (*N.D.*).

[97] Nước uống làm từ lúa mạch (*N.D.*).

[98] Cách gọi tên suồng sã. Nếu thân mật gọi là “Mitka, Mitya”, nếu trân trọng thì là “Dmitri” (*N.D.*).

[99] Ý nói bụng rỗng, chỉ có hơi thôi (*N.D.*).

[100] Chơi chữ: tên anh là *Sirotkin*, còn kẻ mồ côi là *sirota* (*N.D.*).

[101] Mỗi *árshin* bằng 71,12 cm (*N.D.*).

[102] Mỗi *sazhen* bằng 2,134 m (*N.D.*).

[103] Mỗi *vérsta* bằng 1,0668 km (*N.D.*).

[104] Hai người nói mấy câu bằng tiếng Do Thái. Không dịch được (*N.D.*).

[105] Mỗi *vershok* bằng 4,45 cm (*N.D.*).

[106] Sốt viêm niêm mạc (*Latinh*).

[107] Đã khỏe (*Latinh*).

[108] Tất cả những điều tôi viết ở đây về các vụ trừng phạt và hành quyết đều xảy ra trong thời của tôi. Bây giờ tôi nghe nói mọi thứ đã và đang thay đổi rồi.

[109] Hầu tước Donatien Alphonse François de Sade (1740–1814), người tuyên truyền cho lối sống hoàn toàn tự do. Về mặt tình dục ông cổ súy cho thói bạo dâm. Thuật ngữ *bạo dâm* (*sadisme*) bắt nguồn từ tên ông (*N.D.*).

[110] Nữ hầu tước de Brinvilliers (1630–1676). Tên thật là Marie Madeleine Dreux d’Aubray. Bà nổi tiếng vì đã đầu độc cha mình, con mình, các anh chị em mình

nhờ sự trợ giúp của người tình là một nhà giả kim thuật. Sau đó bà trốn sang Anh và nhiều nước khác, nhưng bị phát hiện, bị đưa về nước và bị xử tội chết bằng cách uống thuốc độc (*N.D.*).

[111] Bánh ngon làm bằng bột mỳ (*N.D.*).

[112] Lấy gốc từ chữ *sanatorium* là nhà nghỉ dưỡng (*N.D.*).

[113] Tức giấy thông hành.

[114] Tức là ở trong rừng, nơi có chim cu. Anh ta muốn nói rằng họ đều là dân lang thang cả.

[115] Theo động từ *makhat'* (khoát tay) và danh từ *dralo* (sự bỏ trốn). Có thể dịch là *Khoát tay - bỏ trốn* (*N.D.*).

[116] Tên ngựa Gnedko bắt nguồn từ tính từ "gnedoy" nghĩa là "màu tía" (*N.D.*).

[117] Dân tộc sống ở vùng Dagestan và Azerbaidzhan (*N.D.*).

[118] Roulate thịt lợn với mận phúc mạc (*N.D.*).

[119] Món tráng miệng có váng sữa (*N.D.*).

[120] Trong nguyên bản chơi chữ *userdie* và *oserdie*. Chúng tôi chuyển thành *thịt bọ* và *thịt bò* (*N.D.*).

[121] Tác giả dùng từ *konovod*. Trong tiếng Nga có 2 từ này: một là người khởi xướng, hai là người chăn ngựa. Chúng tôi chỉ chọn một nghĩa (*N.D.*).

[122] Tôi căm thù bọn đầu trộm đuôi cướp này (t. Pháp, chú thích của tác giả).

[123] Đây là một lối nói mà trong thời của tôi không phải chỉ mình tên thiếu tá này sử dụng, mà là lối nói của nhiều tên chỉ huy cấp thấp, chủ yếu là những tên mang quân hàm nhỏ. (Chú thích của tác giả.)

[124] Tức là giết một người nào đó vì nghi người này thả mồi độc giết súc vật. Ở đây cũng đã có một người bị giết như vậy (*Chú thích của tác giả*).